LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 171

LƯỢC LUẬN AN LẠC TỊNH ĐỘ NGHĨA

SỐ 1957

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1957

LƯỢC LUẬN AN LẠC TỊNH ĐỘ NGHĨA

Thích Đàm Loan soạn

Hỏi: Cõi Tịnh độ an lạc được nhiếp vào cõi nào ở trong ba cõi?

Đáp: Như Thích Luận nói: Như cõi Tịnh độ này, chẳng phải nhiếp thuộc trong ba cõi. Vì sao? Vì Tịnh độ vô dục, nên chẳng phải Dục giới, vì có địa cư nên chẳng phải Sắc giới; và vì quả có hình sắc cho nên chẳng phải Vô sắc giới. Kinh dạy rằng: Khi xưa Đức Phật A-di-đà tu hành Bồ-tát đạo, làm Tỳ-kheo tên Pháp Tạng ở đời Đức Phật Tự Tại Vương thỉnh hỏi bản hạnh của chư Phật ở cõi Tịnh độ. Lúc đó, đức Tự Tại Vương vì Bồ-tát mà nói về bản hạnh của hai trăm mười ức cõi nước của chư Phật, hàng thiên nhân thiện ác, cõi nước đẹp, xấu thảy đều hiện ra. Lúc bấy giờ Pháp Tạng Bồ-tát liền ở trước Đức Phật, phát nguyện rộng lớn chọn lấy cõi nước của chư Phật. Ở vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, như lời phát nguyện hành Ba-la-mật. Vạn điều lành đều được viên mãn, thành Vô thượng đạo. Do biệt nghiệp mà chứng đắc chứ chẳng phải thuộc ba cõi vậy.

Hỏi: Cõi nước An lạc có bao nhiêu thứ trang nghiêm mà gọi là Tịnh độ?

Đáp: Nếu nương vào kinh, căn cứ vào nghĩa, thì bốn mươi tám lời nguyện của Bồ-tát Pháp Tạng, tức là những việc kia tìm đọc có thể biết được, không cần chép lại. Nếu nương vào luận Vô Lượng Thọ, thì dùng hai thứ thanh tịnh thâu nhiếp hai mươi chín thứ trang nghiêm thành tựu. Hai thứ thanh tịnh ấy là Khí thế gian thanh tịnh và Chúng sinh thế gian thanh tịnh.

- Khí thế gian thanh tịnh gồm có mười bảy thứ trang nghiêm thành tựu:

1) Tướng quốc độ, thù thắng hơn ba cõi.

2) Quốc độ kia rộng lớn, lượng như hư không, không có bờ bến.

3) Chánh đạo đại Từ bi của Bồ-tát sinh khởi thiện căn xuất thế gian.

4) Hào quang thanh tịnh viên mãn trang nghiêm.

5) Đầy đủ tánh trân bảo đệ nhất, vượt hẳn các vật báu kỳ diệu.

6) Thanh tịnh sáng suốt thường chiếu khắp thế gian.

7) Các vật báu ở quốc độ kia mềm mại, chạm vào sinh tâm ưa thích, phát sinh sự an lạc thù thắng.

8) Ngàn vạn loại hoa quý trang nghiêm ao hồ, các thứ cung điện lầu gác, hàng cây bằng báu, ánh sáng màu sắc xen lẫn, chiếu sáng khắp thế giới. Vô lượng lưới báu giăng đầy hư không, bốn phía treo linh thường rung tiếng pháp âm.

9) Ở trong hư không, tự nhiên thường có mùi thơm của mưa trời, hoa trời và nhạc trời, trang nghiêm xông khắp mọi nơi.

10) Hào quang trí tuệ của Đức Phật, chiếu cùng khắp trừ hết những tối tăm.

11) Tiếng Phạm âm khai ngộ vang khắp mười phương.

12) Đức Phật A-di-đà là đấng Pháp vương vô thượng dùng thiện lực giữ gìn.

13) Từ hoa Như Lai thanh tịnh hóa sinh.

14) Ưa thích vị Phật pháp, lấy thiền định làm thức ăn.

15) Vĩnh viễn xa lìa các khổ của thân tâm, thọ vui không gián đoạn.

16) Cho đến không nghe cả tên hàng Nhị thừa, người nữ và người thiếu căn.

17) Chúng sinh có sở thích an lạc thì tùy tâm xứng ý đều được đầy đủ. Như vậy mười bảy thứ ấy được gọi là khí thế gian thanh tịnh.

- Chúng sinh thế gian thanh tịnh có mười hai thứ trang nghiêm thành tựu:

1) Một là, vô lượng đại trân bảo vương vi diệu, đài hoa dùng làm tòa Phật.

2) Vô lượng tướng hảo, vô lượng hào quang trang nghiêm thân Phật.

3) Đức Phật vô lượng biện tài ứng cơ thuyết pháp, đầy đủ thanh tịnh, khiến người ưa nghe, người nghe ắt hiểu ngộ, lời nói không hư

dối.

4) Chân như trí tuệ của Đức Phật như hư không, chiếu rõ tổng tướng và biệt tướng của các pháp, tâm không phân biệt.

5) Chúng nhân thiên bất động, rộng lớn trang nghiêm, ví như núi Tu-di chiếu khắp bốn biển lớn, đầy đủ tướng pháp vương.

6) Thành tựu vô thượng không còn ai sánh kịp, huống chi là hơn.

7) Làm bậc Điều ngự, thầy, bậc Trượng phu trong chúng trời người, đại chúng cung kính vây quanh, như loài sư tử vây quanh sư tử chúa vậy.

8) Bản nguyện lực của Đức Phật trang nghiêm giữ gìn các công đức, người gặp đều được lợi ích, mau chóng được đầy đủ mọi công đức như biển. Những Bồ tát chưa chứng được tâm thanh tịnh cùng với các Bồ tát tâm đã thanh tịnh Bồ tát đã đăng ngôi Địa thì cuối cùng đều được chứng pháp thân bình đẳng tịch diệt bình đẳng.

9) Các chúng Bồ-tát ở cõi nước An lạc thân không lay động mà biến đến mười phương ứng hóa đủ loại, như thật tu hành, thường làm Phật sự.

10) Bồ-tát ứng hóa thân như vậy, tất cả thời không trước không sau, nhất tâm nhất niệm phóng hào quang lớn thảy đều biến đến mười phương thế giới, giáo hóa chúng sinh, tạo các phương tiện tu hành, diệt trừ khổ não cho tất cả chúng sinh.

11) Bồ-tát bình đẳng ở trong tất cả thế giới, chiếu khắp các đại hội của chư Phật rộng lớn vô biên, không có chỗ nào thiếu sót, cúng dường cung kính tán thán công đức của Đức Phật rộng lớn vô biên không có chỗ nào thiếu sót.

12) Bồ-tát trong mười phương tất cả thế giới, chỗ nào không có Tam bảo thì giữ gìn trang nghiêm Phật Pháp và Tăng bảo, công đức lớn như biển, biến hiện khắp khiến chúng sinh hiểu ngộ như thật tu hành. Đấng pháp vương như vậy là đã thành tựu tám thứ công đức trang nghiêm. Còn Bồ-tát như vậy là đã thành tựu bốn thứ công đức trang nghiêm, cho nên gọi là chúng sinh thế gian thanh tịnh. Cõi nước An lạc đã thành tựu đầy đủ hai mươi chín thứ công đức trang nghiêm như vậy, cho nên gọi là Tịnh độ.

Hỏi: Cõi nước An lạc có bao nhiêu phẩm bậc? Có bao nhiêu nhân duyên?

Đáp: Trong kinh Vô Lượng Thọ dạy, chỉ có ba phẩm Thượng, Trung, Hạ. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ dạy, một phẩm phân làm Thượng, Trung, Hạ, ba lần ba là chín, hợp làm chín phẩm. Nay nương vào

sự tán thán kinh Vô Lượng Thọ, căn cứ vào đó để luận về ba phẩm:

Thượng phẩm sinh có năm nhân duyên:

1) Bỏ nhà lìa dục mà làm Sa-môn.

2) Phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

3) Nhất hướng chuyên niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ.

4) Tu các công đức.

5) Nguyện sinh an lạc.

Nếu đầy đủ năm nhân duyên này, thì khi sắp lâm chung Đức Phật Vô Lượng Thọ cùng các đại chúng hiện ở trước mặt, người đó liền theo Đức Phật vãng sinh về cõi An lạc, ở trong hoa sen bảy báu tự nhiên hóa sinh trú bất thoái chuyển, trí tuệ dũng mãnh, thần thông tự tại.

Trung phẩm sinh thì có bảy nhân duyên:

1) Phát tâm vô thượng Bồ-đề.

2) Nhất hướng chuyên niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ.

3) Tu thiện nhiều ít, phụng trì trai giới.

4) Tạo lập tháp tượng.

5) Cúng dường Sa-môn.

6) Treo cờ thắp đèn, rải hoa, đốt hương.

7) Đem công đức này hồi hướng nguyện sinh cõi An lạc.

Khi sắp lâm chung, Đức Phật Vô Lượng Thọ sẽ hóa hiện, hào quang tướng hảo đầy đủ như thân Phật, cùng các đại chúng hiện trước mặt người kia, liền tùy hóa Phật vãng sinh cõi An lạc, trú vị bất thoái chuyển. Công đức trí tuệ cũng được như bậc thượng phẩm.

- Hạ phẩm sinh có ba nhân duyên:

1) Giả sử không thể tạo tác các công đức thì phải phát tâm vô thượng Bồ-đề.

2) Nhất hướng chuyên nhớ đến Phật, cho đến niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ mười niệm.

3) Tâm chí thành nguyện sinh cõi nước An lạc.

Khi lâm chung, mộng thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ, thì cũng được vãng sinh. Công đức trí tuệ của phẩm này cũng đồng với Trung phẩm.

Lại có một hạng vãng sinh cõi An lạc mà không được kể vào trong ba phẩm này. Nghĩa là, đem tâm nghi ngờ tu các công đức nguyện sinh cõi An lạc. Hạng này không hiểu biết Phật trí, bất tư nghì trí, trí Đại thừa rộng lớn, trí tối thắng tối thượng không có gì sánh bằng. Đối với các trí này, họ nghi hoặc không tin, nhưng tin có tội phước, nên đã tu tập thiện căn, ắt sinh nước An lạc, có cung điện bảy báu rộng từ một trăm đến năm trăm do-tuần. Mỗi mỗi ở trong đó đều được hưởng các khoái

lạc như cõi trời Đao lợi. Trong năm trăm năm, thường không thấy Phật, thường không nghe kinh pháp, không thấy Bồ-tát, Thanh văn và Thánh chúng. Cõi nước An lạc đó gọi là biên địa, cũng gọi là thai sinh. “Biên địa” tức là chốn biên địa ấy trong năm trăm năm không thấy nghe Tam bảo, nghĩa đồng với nạn biên địa, hoặc cũng gọi là biên địa của cõi nước An lạc. “Thai sinh” là thí như thai người sinh, khi mới sinh, nhân pháp chưa thành, gọi là “biên” tức chỗ bị nạn, gọi là thai tức là chỗ tối tăm. Hai chữ này là mượn để so sánh thôi. Chẳng phải là biên địa trong tám nạn, chẳng phải bào thai trong thai sinh. Vì sao? Vì cõi An lạc hóa sinh, chẳng phải thật có thai sinh. Vì sau năm trăm năm lại được thấy nghe Tam bảo, cho nên biết chẳng phải là biên địa trong tám nạn.

Hỏi: Loài thai sinh kia ở trong cung điện bảy báu có được thọ hưởng vui sướng không? Nhớ nghĩ về điều gì?

Đáp: Kinh thí Dụ rằng: “Ví như con của Chuyển Luân vương đắc tội với vua cha, bị giam lỏng trong hậu cung, vàng bạc ngọc ngà cung cấp đầy đủ, tất cả không thiếu thứ gì cũng như vua. Vương tử tuy có đầy đủ những thứ tốt đẹp quý báu để hưởng lạc, nhưng tâm không thọ lạc, chỉ nghĩ ra các phương cách mong cầu thoát khỏi.” Loài thai sinh kia cũng lại như vậy, tuy ở trong cung điện bảy báu, có đầy đủ sắc, hương, vị, xúc tốt đẹp, nhưng không cho đó là vui. Vì không thấy Tam bảo, không được cúng dường, tu các thiện căn, nên cho đó là khổ. Hiểu được nguyên nhân của tội kia, họ rất hối hận, tự trách mình và mong cầu xa lìa chỗ kia thì được như ý, trở lại đồng với ba phẩm vãng sinh. Như vậy là phải đến hết năm trăm năm, họ mới biết tội mà sám hối.

Hỏi: Tâm nghi ngờ mà cũng vãng sinh cõi An lạc và được gọi là thai sinh. Tại sao lại khởi nghi?

Đáp: Trong kinh chỉ nói nghi hoặc không tin, chứ không nêu lên ý tại sao nghi. Năm câu không hiểu là chỉ dùng để đối trị câu; không hiểu Phật trí, là không tin hiểu Nhất-thiết-chủng-trí của Đức Phật. Vì không hiểu nên sinh nghi. Một câu này là tổng quát sự nghi ngờ, còn bốn câu dưới mỗi mỗi đều để đối trị chỗ nghi. Nghi có bốn thứ:

1) Hoài nghi rằng, nếu chỉ nghĩ nhớ đến Phật A-di-đà thì không chắc được vãng sinh cõi An lạc. Vì sao vậy? Kinh dạy: “Nghiệp đạo như bàn cân, bên nào nặng thì lôi kéo trước.” Vì sao một đời hoặc một trăm năm, hoặc mười năm hoặc một tháng, thì không việc ác gì mà không tạo, thế mà chỉ niệm mười niệm liên tục, thì liền được vãng sinh, liền nhập chánh định rốt ráo, được địa vị bất thoái, cùng các khổ trong đường vĩnh viễn chấm dứt ư? Nếu vậy thì nghĩa lôi kéo trước làm sao tin

được? Lại nữa, trải qua nhiều kiếp đến nay, tạo đủ các hành pháp hữu lậu, trói buộc trong ba cõi, tại sao không đoạn kiết hoặc trong ba cõi, mà lại nói dùng ít thời gian niệm Phật A-di-đà thì liền ra khỏi ba cõi? Nghĩa trói buộc của nghiệp lại muốn như thế nào? Muốn đối trị điều nghi này, cho nên nói chẳng nghĩ bàn. Trí bất tư nghì tức là trí lực của Đức Phật, có khả năng lấy ít làm nhiều, lấy nhiều làm ít, lấy gần làm xa, lấy xa làm gần, lấy khinh làm trọng, lấy trọng làm khinh, lấy dài làm ngắn, lấy ngắn làm dài. Trí của Đức Phật vô lượng vô biên như vậy nên không thể nghĩ bàn. Thí như một trăm người tiều phu dồn chứa cỏ suốt một trăm năm chất cao đến một ngàn nhận (khoảng tám ngàn thước), dùng lửa đốt nửa ngày liền cháy hết. Đâu có thể nói cỏ chứa một trăm năm thì lửa đốt nửa ngày không hết? Lại như người bị què hai chân, nhờ thuyền người khác chở, nhân có gió thổi mạnh chỉ một ngày thuyền đi đến ngàn dặm. Đâu có thể nói người què vì sao một ngày đi đến ngàn dặm? Lại như người hạ tiện nghèo khổ, được vật bằng ngọc quý, đem dâng cho chủ, người chủ vui mừng được ngọc liền trọng thưởng cho người kia. Người này chỉ trong chốc lát giàu có đầy tràn. Đâu có thể nói có người học trò trải qua mười năm học, chịu đủ mọi cực khổ cay đắng mà cuối cùng không đạt được gì? Nói sự giàu có kia không được như vậy ư? Lại như kẻ yếu sức, dùng hết sức mình leo chồm lên con lừa mà không lên nổi và nếu nương theo vua Chuyển luân đi, cỡi lên hư không bay nhảy tự nhiên, vậy có thể đem người đàn ông sức yếu đặt lên lưng lừa mà quyết nói không thể nương hư không ư? Lại như có sợi dây dài mười thước, một ngàn người đàn ông không thể cắt được, mà đứa trẻ con vung kiếm trong nháy mắt lại làm đứt hai. Đâu có thể nói sức của đứa trẻ không thể cắt đứt dây ư? Lại như con chim chạm vào trong nước, thì loài trai đều chết tiêu hết. Con tê giác chạm vào đất bùn thì người chết đều đứng dậy. Đâu có thể nói sinh mạng một khi đã chết rồi thì không thể sống lại được? Lại như con ngỗng vàng gọi Tử An. Tử An sống trở lại, vậy đâu có thể được nói thây chết dưới phần mộ ngàn năm quyết không thể sống lại được? Tất cả vạn pháp đều có sức mình sức người, nhiếp mình nhiếp người, ngàn mở vạn đóng, vô lượng vô biên, đâu có thể lấy sự hiểu có ngăn ngại mà nghi pháp kia không ngăn ngại được? Vả lại nếu cho rằng, việc ác trong một trăm năm là trọng, còn nghi niệm Phật mười niệm là khinh, nên không được vãng sinh cõi An lạc, không được nhập vào chánh định, thì việc đó không phải như vậy.

2) Hoài nghi về trí Phật đối với người vốn không cách nhau. Vì sao vậy? Luận nói rằng, tất cả danh tự cũng từ tướng đối đãi mà sinh. Trí

giác là từ bất giác mà sinh, như người mù mờ phương hướng, do nhớ lại mới sinh. Giả sử người mê muội mà không biết mê, ắt cuối cùng cũng không hiểu. Nếu có thể hiểu thì chắc hẳn hết mê, cũng có thể nói là người hiểu mê. Mê hiểu và hiểu mê cũng như bàn tay tráo trở mà thôi. Nếu cho rằng sáng tối là sai khác nhau, thì đâu còn siêu việt? Do khởi nghi này, nên đối với trí tuệ của Đức Phật mà họ sinh nghi không tin. Để đối trị cho nên nói trí Phật là không thể xưng. Trí không thể xưng tức nói trí của Đức Phật bặt dứt danh xưng tên gọi, chẳng phải hình tướng đối đãi. Vì sao? Vì pháp nếu là có thì chắc hẳn có trí hiểu biết có, pháp nếu là không lẽ ra cũng có trí hiểu biết không. Các pháp vốn lìa có và không, Đức Phật hiểu sâu xa các pháp, nên trí Phật cũng bặt dứt tướng đối đãi. Ông dẫn dụ ngộ và mê làm thí dụ thì cũng như là một thứ mê thôi, chứ không thành mê ngộ. Cũng như trong mộng mà giải mộng cho người khác. Tuy nói giải mộng mà chẳng phải là không mộng. Dùng tri kiến để hiểu Phật, thì không thể gọi là biết Phật. Vì không biết cách hiểu Phật, nên chẳng phải biết Phật. Dùng cái chẳng phải biết, chẳng phải không biết Phật, cũng chẳng phải biết Phật. Vì cái chẳng phải chẳng biết, chẳng phải chẳng không biết Phật để mà biết Phật thỉ cũng chẳng phải biết Phật. Phật trí vốn lìa bốn câu này, như nói: "Tâm hành xứ diệt, ngôn ngữ đạo đoạn." Do vì nghĩa này nên Thích luận nói rằng: "Nếu người nào thấy Bát-nhã, thời là bị trói buộc; nếu không thấy Bát-nhã thì cũng là bị trói buộc. Nếu người nào thấy Bát-nhã thời là giải thoát, nếu không thấy Bát-nhã thì cũng là giải thoát." Trong kệ này nói, không lìa bốn câu ấy là trói buộc, lìa bốn câu ấy là giải thoát. Ông nghi trí Phật cùng với người không khác nhau, việc đó không như vậy.

3) Hoài nghi Đức Phật không thể độ tất cả chúng sinh. Vì sao vậy? Vì đời quá khứ, có vô lượng A-tăng-kỳ hằng sa chư Phật. Hiện tại ở mười phương thế giới cũng có vô lượng vô biên A-tăng-kỳ hằng sa chư Phật. Giả sử, Đức Phật có thể độ tất cả chúng sinh, thì lẽ ra từ lâu đã không có ba cõi. Đức Phật thứ hai lẽ ra không còn vì chúng sinh mà phát tâm Bồ-đề, tu tập công đức Tịnh độ, nhiếp thọ chúng sinh. Vả lại, có Đức Phật thứ hai nhiếp thọ chúng sinh, cho đến có ba đời mười phương vô lượng chư Phật nhiếp thọ chúng sinh, thì biết rằng Đức Phật không thể độ tất cả chúng sinh. Vì người ấy khởi sự hoài nghi này, nên đối với Phật A-di-đà liền sinh ra hữu lượng tưởng. Và để đối trị nghi này, nên nói trí Đại thừa rộng lớn. Trí Đại thừa rộng lớn: Nghĩa là nói không pháp nào mà không biết, không phiền não nào mà không đoạn, không việc thiện nào mà không đầy đủ, không có chúng sinh nào mà

không độ. Sở dĩ có ba đời mười phương là có năm nghĩa:

a) Giả sử không có Đức Phật thứ hai, cho đến không có A-tăng-kỳ hằng sa chư Phật, thì Đức Phật không thể độ tất cả chúng sinh. Vì có khả năng độ tất cả chúng sinh, mới có mười phương vô lượng chư Phật. Vô lượng chư Phật tức là Đức Phật quá khứ độ chúng sinh.

b) Nếu một Đức Phật độ hết tất cả chúng sinh, thì sau không lẽ lại có Đức Phật? Vì sao vậy? Nếu không có nghĩa giác tha, thì nương vào nghĩa nào mà nói có ba đời chư Phật? Do nương nghĩa giác tha nên nói mỗi Đức Phật đều độ tất cả chúng sinh.

c) Đức Phật sau năng độ, cũng như Đức Phật trước năng độ. Vì sao vậy? Do vì có Đức Phật trước nên có Đức Phật sau. Thí như Đế vương có tướng nối dõi, vua sau có khả năng nối dõi vua trước.

d) Phật tuy có khả năng độ tất cả chúng sinh, nhưng cốt yếu cần phải có nhân duyên. Nếu chúng sinh cùng với Đức Phật trước không có nhân duyên, thì phải đợi Đức Phật sau. Chúng sinh vô duyên như vậy cần phải trải qua trăm ngàn vạn Đức Phật mà còn không nghe không thấy, đó chẳng phải vì Phật lực yếu kém. Ví như ánh sáng của mặt trăng và mặt trời chiếu khắp bốn châu thiên hạ, phá tan mọi tối tăm, nhưng vì người mù không thấy chứ không phải mặt trời không sáng. Như sấm chớp làm động đất, mà do người điếc không nghe, chứ chẳng phải âm thanh không lớn. Nếu hiểu rõ được lý của các duyên thì gọi là Phật hoặc chí nguyện mạnh mà lý trái với các duyên thì chẳng phải là chánh giác. Vì vậy, cho nên chúng sinh có vô lượng, thì Đức Phật cũng vô lượng. Dẫn chứng Đức Phật tuyệt nhiên không có duyên hay vô duyên, vì sao không độ hết tất cả chúng sinh, thì đó chẳng phải là theo lý mà nói.

e) Chúng sinh nếu hết ở thế gian thì liền đọa vào “Hữu biên”. Do nghĩa này tức là có vô lượng chư Phật độ tất cả chúng sinh.

Hỏi: Nếu chúng sinh không thể cùng tận, thì thế gian phải rơi vào “Vô biên”. Vì rơi vào vô biên nên Phật không thể thật độ tất cả chúng sinh?

Đáp: Thế gian chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên, ở đây cũng bặt dứt bốn câu. Đức Phật khiến chúng sinh lìa bốn câu này, nên gọi là độ chúng sinh, mà thật sự chẳng phải độ, chẳng phải không độ, chẳng phải hết, chẳng phải không hết. Thí như người nằm mộng thấy mình qua sông lớn gặp nạn sóng dữ, người kia sợ hãi kêu vang thấu bên ngoài, người bên ngoài gọi thức dậy vẫn thản nhiên không lo buồn, tức đó chỉ vì mộng qua sông chứ không phải qua sông thật.

Hỏi: Nói độ cùng với không độ đều rơi vào biên kiến, vậy vì sao

chỉ nói độ tất cả chúng sinh là trí rộng lớn của Đại thừa, mà không nói không độ chúng sinh là trí rộng lớn của Đại thừa?

Đáp: Chúng sinh đều nhàm chán khổ mà cầu an lạc, sợ trói buộc mà cầu giải thoát. Nghe độ thì đều quy hướng, nghe không độ thì không biết do đâu mà không độ, bèn nói rằng Phật không có lòng Từ bi lớn nên không quy hướng, vì không quy hướng nên họ cứ mộng mị lâu dài không thể dừng nghỉ. Vì những người này nên phần nhiều Phật nói độ mà không nói là không độ. Lại nữa, trong kinh Vô Hành nói, Đức Phật vốn không đắc Phật đạo, cũng không độ chúng sinh. Vì phàm phu nên gượng ép phân biệt nói Phật độ chúng sinh. Nói độ chúng sinh là nghĩa của đối trị tất đàn, nói không độ chúng sinh là đệ nhất nghĩa tất đàn. Hai câu nói này mỗi mỗi đều có nguyên nhân, không chống trái lẫn nhau.

Hỏi: Như người mộng dứt há không phải là độ ư? Nếu tất cả chúng sinh đều hết mộng, thì thế gian lại không hết sao?

Đáp: Nói thế gian là mộng, nếu mộng hết thì không còn người nằm mộng. Nếu không có người nằm mộng thì cũng không nói người được độ. Như vậy phải biết, thế gian tức là xuất thế gian, và dù có độ vô lượng chúng sinh nhưng không rơi vào điên đảo.

4) Hoài nghi Đức Phật không chứng đắc Nhất-thiết-chủng-trí. Vì sao vậy? Vì nếu có thể biết tất cả các pháp thì các pháp rơi vào hữu biên. Nếu không biết thì chẳng phải Nhất-thiết-chủng-trí. Để đối trị sự nghi này, cho nên nói trí thù thắng tối thượng, tức là trí của phàm phu thì hư vọng, trí của Đức Phật thì như thật, hư và thật khác nhau xa lý không bình đẳng, cho nên nói là vô đẳng. Hàng Thanh văn và Bích-chi-Phật muốn có sở tri nhập định mới biết xuất định không biết. Lại nữa, khi biết cũng có hạn lượng. Đức Phật chứng đắc Tam-muội như thật, thường ở trong thiền định biết khắp, chiếu soi vạn pháp nhị cùng bất nhị, hiểu sâu các pháp chẳng có gì so sánh được, cho nên nói là vô luân. Bồ-tát từ Bát địa trở lên, tuy được báo sinh Tam-muội, công dụng không có xuất nhập, nhưng còn tập khí vi tế huân tập. Tam-muội chưa sáng suốt thanh tịnh trọn vẹn và so với Phật trí vẫn còn thấp hơn. Phật trí xét đoán đầy đủ, như pháp chiếu soi; vì pháp vô lượng nên pháp chiếu soi cũng vô lượng. Ví như cái hộp lớn nên nắp cũng lớn, do đó nói là tối thượng. Ba câu này cũng có thể xoay chuyển nương nhau mà thành. Do vì Phật trí không ai sánh bằng nên nói là vô luân. Vì vô luân nên nói là tối thắng tối thượng; vì nói là tối thượng tối thắng cho nên gọi là vô đẳng, vì vô đẳng cho nên nói là vô luân, vậy chỉ nói vô đẳng là đầy đủ, tại vì sao lại cần dùng hai câu dưới? Vì như trí của bậc Tu-đà-hoàn thì không thể

sánh với A-la-hán được, chính là loại này. Từ sơ địa cho đến Thập địa này cũng như vậy. Trí tuy không bình đẳng, nhưng không có gì là không bình đẳng, vì chẳng phải tối thượng. Ông cần phải biết hữu biên là nạn, nghi Đức Phật chẳng có nhất thiết trí, việc này không thể nói như vậy được.

Hỏi: Trong hạng Hạ phẩm sinh, nói rằng chỉ cần xưng mười niệm liên tục thì được vãng sinh. Thế nào gọi là mười niệm liên tục?

Đáp: Ví như có người đi trên đường, đến chỗ trống vắng thì gặp oán tặc rút dao chặn lại muốn giết. Người kia sợ bị giết nên bỏ chạy, thấy một con sông muốn vượt qua. Nếu qua sông được thì người được an toàn. Lúc đó người ấy chỉ nghĩ đến phương tiện qua sông. Ta đến bờ sông nên mặc áo hay cởi áo mà qua? Nếu mặc áo mà qua thì sợ không qua được; còn nếu cỡi áo thì sợ không kịp. Người ấy chỉ nghĩ về điều này mà không nghĩ gì khác, tức chỉ nghĩ làm thế nào để được qua sông. Tâm chuyên một niệm, không xen lộn các niệm khác, thì gọi đó là mười niệm liên tục. Hành giả cũng như vậy, niệm Đức Phật A-di-đà cũng phải như nghĩ đến việc qua sông kia, trải qua mười niệm như thế, hoặc là niệm danh tự của Đức Phật, hoặc niệm tướng hảo của Phật, hoặc niệm hào quang của Phật, hoặc niệm thần lực của Phật, hoặc niệm công đức của Phật, hoặc niệm trí tuệ của Phật hoặc niệm bổn nguyện của Phật, đều không được xen lẫn niệm khác, tâm tâm tiếp nối nhau cho đến mười niệm, thì gọi là thập niệm tương tục. Nói tổng quát mười niệm tương tục về trước, tợ như không khó, nhưng phàm phu chúng sinh tâm như con ngựa hoang, ý thức dữ dội như vượn khỉ, bôn ba rong ruổi trong sáu trần, không tạm dừng nghỉ. Phải chí tâm tín niệm luôn luôn niệm trước, khiến tích chứa thành tánh thiện căn kiên cố. Như Đức Phật bảo vua Tần-bà-sa-la, con người tích chứa việc lành, khi chết không có ác niệm, như cây bị nghiêng về phía Tây, thì chắc phải ngã phía tây. Ngọn gió đao một phen đến, thì trăm thứ khổ dồn hết vào thân. Nếu tập khí trước không chứa trong lòng, thì niệm nào có thể đủ. Lại nên cùng với năm, ba người đồng tâm đồng chí kết lời giao ước, nếu có người sắp lâm chung đều cùng nhau đến hộ niệm, xưng danh hiệu của Đức Phật A-di-đà, nguyện sinh cõi An lạc. Mỗi âm thanh phải nối tiếp nhau thành mười niệm. Thí như khuôn dấu sáp ong in xuống đất bùn, dấu vết tuy bị hoại nhưng văn thì đã thành. Khi mạng này đoạn, tức thời sinh về An lạc, một phen nhập Chánh Định Tụ, đâu còn gì lo lắng?

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 171

AN LẠC TẬP

SỐ 1958
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1958

AN LẠC TẬP

Thích Đạo Xước biên soạn.

QUYỂN THƯỢNG

Trong “Tập An Lạc” này, tổng cộng có mười hai phần lớn, tất cả đều dẫn kinh luận để chứng minh, nhằm khuyên mọi người phát tín tâm cầu sinh Tịnh độ.

PHẦN I

Trước hết là nói rõ về phần lớn thứ nhất. Văn nghĩa phần này tuy nhiều, nhưng đại thể có chín nội dung. Sau khi phân mục rồi sẽ trình bày rõ:

I. Nói rõ nguyên do hưng khởi giáo nghĩa, xét theo căn cơ và thời điểm thích hợp để khuyên người cầu về Tịnh độ.

II. Căn cứ vào các bộ kinh Đại thừa để nói rõ phương pháp và quy tắc xưa người nói và chúng nghe.

III. Căn cứ vào các bộ Đại thừa Thánh giáo để nói rõ chúng sinh phát tâm đã lâu hay mới, cúng dường nhiều hay ít, nhằm khiến thính chúng ở trong hội nổ lực phát tâm.

IV. Luận về tôn chỉ khác nhau trong các bộ kinh.

V. Nói rõ về cách đặt tên gọi khác nhau của các kinh, như kinh Niết-bàn, kinh Bát-nhã v.v... căn cứ theo Pháp mà lập danh. Có kinh theo Dụ mà lập danh, có kinh theo sự mà lập danh, cũng có kinh theo Thời và Xứ mà lập danh. Ở đây không chỉ nêu ra một loại. Nay kinh Quán này là dựa theo Nhân và Pháp mà lập danh, trong đó, “Phật” là Nhân danh, còn “Thuyết quán vô lượng thọ” là Pháp danh vậy.

VI. Phân biệt về người nói: Các kinh khởi sự nói không ngoài năm loại:

1) Phật tự nói.

2) Thánh đệ tử nói.

3) Chư thiên nói.

4) Thần tiên nói.

5) Biến hóa nói.

Trong kinh Quán này, chính do Đức Thế Tôn tự nói.

VII. Nói rõ về chân, ứng nhị thân, và biện giải về chân, ứng nhị độ.

VIII. Nói rõ cõi Tịnh độ của Phật A-di-đà có các phẩm bậc trên dưới, Phàm Thánh cùng ở.

IX. Nói rõ cõi Tịnh độ của Phật A-di-đà có thuộc về ba cõi hay không.

I. Nội Dung Thứ Nhất:

Ở trong nội dung thứ nhất, nói về lý do hưng khởi giáo pháp, xét theo căn cơ đương thời, khuyên người quy hướng về Tịnh độ.

Nếu giáo hợp thời cơ thì dễ tu dễ ngộ. Nếu giáo và thời cơ trái nhau, thì khó tu khó nhập. Thế nên, ở trong kinh Chánh Pháp Niệm có nói: "Hành giả một khi nhất tâm cầu đạo, thường phải quán sát về phương tiện và thời cơ." Nếu không đắc thời, không phương tiện, thì gọi là mất, không gọi là lợi. Vì sao? Như dùi củi ướt để lấy lửa, lửa không thể có; đó là chẳng phải thời. Chặt củi khô để tìm nước thì nước cũng không thể có; đó là vô trí.

Thế nên, trong kinh Đại Tập Nguyệt Tạng có nói: "Sau khi Phật diệt độ, năm trăm năm đầu, hàng đệ tử của ta học Tuệ được kiên cố; năm trăm năm thứ hai sau thì học Định kiên cố; năm trăm năm thứ ba, học đa văn đọc tụng kiên cố; năm trăm năm thứ tư thì tạo lập tháp chùa, tu phước sám hối kiên cố; năm trăm năm thứ năm thì bạch pháp ẩn tích ngưng trệ, nhiều tranh cãi, ít có thiện pháp kiên cố."

Và cũng trong kinh ấy nói: "Chư Phật xuất thế, có bốn cách độ chúng sinh." Đó là bốn cách gì?

1) Miệng thuyết mười hai bộ loại trong kinh, tức là pháp thí độ chúng sinh.

2) Chư Phật Như Lai có vô lượng tướng tốt quang minh. Tất cả chúng sinh có thể để tâm quán sát mà đạt được lợi ích. Đây tức là thân nghiệp độ chúng sinh.

3) Có vô lượng đức dụng, đạo lực thần thông, các loại biến hóa. Đó tức là thần thông lực độ chúng sinh.

4) Chư Phật có vô lượng danh hiệu có tổng có biệt, tùy theo tâm niệm chúng sinh xưng niệm, thì hết thảy đều trừ nạn chướng gặp nhiều lợi ích, đều sinh ra đời có Phật. Đó gọi là danh hiệu độ chúng sinh.

Tính theo thời gian bây giờ thì chúng ta cách Phật đã bước qua giai đoạn năm trăm năm thứ tư, chính là thời kỳ sám hối tu phước, là thời nên xưng danh hiệu của Phật. Nếu một niệm xưng danh hiệu "A-di-đà Phật", tức tiêu trừ hết tội lỗi trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Một niệm còn như vậy, huống chi là thường tu thường niệm, tức là người thường sám hối vậy. Lại như cách đời Thánh đức chưa bao xa, tức là người trước lấy việc tu định tuệ làm chánh học, còn người sau thì kiêm cả. Nếu cách Phật đã xa, thì người sau lấy việc xưng danh là chánh, người trước thì kiêm cả.

Ý này là thế nào? Chính là do chúng sinh cách Phật lâu xa đó thôi, nên căn cơ phần nhiều đã ám độn. Cho nên Vi-đề phu nhân từ đó mà đem lòng thương xót chúng sinh trong thời mạt thế ngũ trược, luân hồi trong nhiều kiếp, phải chịu nhiều nỗi thống khổ, cho nên Ngài gặp cảnh khổ duyên thì liền khai mở. Bậc đại Thánh gia từ khuyến hóa để người quy về Cực lạc. Nếu như muốn tiến thú ở đây, thì bậc Thánh, quả khó mà đạt được. Duy chỉ có cõi Tịnh độ là nơi dễ tu tập quy hướng. Nếu như truy tìm ở trong các kinh điển, thì nên đem tập chân ngôn trợ tu để được thêm ích lợi.

Vì sao? Vì muốn đem lời người trước dẫn dắt cho người sau. Người sau noi theo người trước liên tục không ngừng, nguyện không gián đoạn, cho đến khi dứt tận hết nghiệp sinh tử khổ hải.

II. Nội Dung Thứ Hai:

Căn cứ trong các bộ Đại thừa, nói rõ quy tắc về người nói, người nghe. Gồm có sáu quy tắc.

1) Kinh Đại Tập nói: "Đối với người thuyết pháp, nghĩ tưởng là vị y vương (thầy thuốc) cứu hết bệnh khổ chúng sinh. Nghĩ tưởng nói ra các pháp cam lồ, là pháp đề hồ. Người nghe thì nghĩ tưởng tăng trưởng thắng giải, nghĩ tưởng tiêu trừ bệnh khổ. Nếu được như thế thì người nói người nghe đều có thể kham lãnh thiệu long Thánh chủng, xiển dương chánh giáo, thường sinh ra đời có Phật."

2) Trong Đại Trí Độ luận nói: "Người nghe nhìn thẳng Pháp sư như người khát muốn uống nước, nhất tâm thu nhận nghĩa ngữ và, nghe

pháp xong tâm vui mừng hoan hỷ. Đối với người như thế thì nên nói pháp.”

3) Trong luận Trí Độ lại nói: “Có hai loại người đạt được phước vô lượng vô biên: Thứ nhất là người thích nghe pháp; thứ hai là người thích nói pháp.” Cho nên, Tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

- Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, vì sao lại được trí tuệ và thần thông đệ nhất? Ở trong các vị Thánh đệ tử lại là người thù thắng hơn cả?

Phật bảo A-nan:

- Hai người này, ở trong thời gian tu nhân, vì nhân duyên nói pháp mà ngàn dặm chẳng ngại khó, cho nên nay là bậc Thánh thù thắng đệ nhất trong chúng.

4) Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Nếu người không có căn bản thiện, thì không nghe được kinh này. Người thanh tịnh giữ giới, mới được nghe chánh pháp.”

5) Nếu từng thấy Đức Thế Tôn, thì có thể tin được việc này. Phụng sự Đức Như Lai, thích nghe thuyết giáo pháp.

6) Kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Giác có nói: “Thiện nam, thiện nữ nghe thuyết pháp môn Tịnh độ, tâm sinh vui mừng bi thiết, thì lông trên người thẳng đứng như nhổ lên vậy. Nên biết, người này, trong thời quá khứ, bổn mạng đã từng tu Phật đạo. Nếu lại có người nghe khai pháp môn Tịnh độ không sinh lòng tin, nên biết người này đời trước từ tam ác đạo đến, ương nghiệp đã lâu chưa dứt, cho nên không tin hướng theo vậy, ta nói hạng người này chưa thể được giải thoát.”

Thế nên, trong kinh Vô Lượng Thọ có nói: “Người kiêu mạn, giải đãi khó mà tin được pháp này.”

III. Nội Dung Thứ Ba:

Căn cứ vào Đại thừa Thánh giáo, nói rõ chúng sinh phát tâm đã lâu, hay gần đây, học Phật nhiều hay ít.

Như kinh Niết-bàn nói:

Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp :

- Nếu có chúng sinh đã từng phát tâm Bồ-đề ở trong hằng hà sa kiếp, thì sau sinh vào đời ác thế nghe kinh Đại thừa, không sinh hủy báng. Nếu ở trong hằng hà sa chư Phật phát tâm Bồ-đề, thì sau ở trong đời ác nghe kinh Đại thừa sẽ không khởi lên tâm niệm hủy báng pháp này, mà lại sinh lòng yêu thích. Nếu ở trong hằng hà sa chư Phật phát tâm Bồ-đề, thì sau ở trong thời ác thế không sinh tâm hủy báng, mà lại

tín lạc chánh giải, thọ trì đọc tụng. Nếu ở trong hằng hà sa chư Phật phát tâm Bồ-đề, thì sau ở trong đời ác sẽ không sinh phỉ báng chánh pháp, mà lại biên chép kinh quyển. Tuy vì người nói, mà thâm nghĩa chưa thể hiểu rõ nghĩa sâu xa.

Vì sao cần phải như lời kinh đây mà so lường? Vì làm rõ ngày nay người biết nghe kinh này là, từng đã phát tâm cúng dường hằng hà sa chư Phật, lại hiển bày uy lực kinh điển Đại thừa bất khả tư nghì. Cho nên trong kinh nói: "Nếu có chúng sinh nghe kinh điển này, trải qua trăm ngàn kiếp không đọa vào địa ngục ác đạo." Vì sao? Vì kinh điển vi diệu được lưu truyền nơi đó, thì biết đất đó là Kim cang, người sống ở trong đó cũng như Kim cang. Vậy người nghe kinh sinh lòng tin đó, đều đạt được lợi ích bất khả tư nghì vậy.

IV. Nội Dung Thứ Tư:

Kế đến là luận về tông chỉ bất đồng của các bộ kinh.

Nếu căn cứ kinh Niết-bàn thì lấy Phật tánh làm Tông; Kinh Duy-ma thì lấy Bất khả tư nghì giải thoát làm Tông. Nếu y vào kinh Bát-nhã thì lấy "Không tuệ" làm Tông; Kinh Đại Tập, thì lấy Đà-la-ni làm Tông. Nay trong Kinh quán này thì lấy quán Phật Tam-muội làm Tông. Nếu luận về sở quán, chẳng qua là căn cứ vào y báo và chánh báo, như trong Kinh quán phần dưới có nói rõ. Nếu y vào kinh Quán Phật Tam-muội thì nói:

Phật nói với phụ vương:

Chư Phật ra đời có ba điều lợi ích:

1) Miệng nói mười hai bộ loại trong kinh, ban pháp thí làm lợi ích chúng sinh, trừ hết mọi vô minh ám chướng, mở ra con mắt trí tuệ, khiến chúng sanh ra đời đều có chư Phật, sớm đắc quả Vô thượng Bồ-đề.

2) Chư Phật Như Lai có thân tướng quang minh, vô lượng diệu hảo. Nếu có chúng sinh quan sát xưng niệm, nếu là tổng tướng biệt tướng, không hỏi Phật thân trong hiện tại, quá khứ, đều có thể trừ diệt tứ trọng ngũ nghịch của chúng sinh, vĩnh viễn xa lìa tam đồ ác đạo, tùy niệm mà được thọ vui, thường sinh Tịnh độ, tu hành cho đến thành Phật đạo.

3) Phật khuyên Phụ vương hành trì pháp niệm Phật Tam-muội.

Phụ vương bạch với Phật:

- Nếu quả đức của Phật địa là thật tướng chân như Đệ nhất nghĩa Không, sao lại không bảo đệ tử hành trì theo?

Phật bảo phụ vương:

- Quả đức của Phật có vô lượng cảnh giới thâm diệu, có thần thông giải thoát, chẳng phải là cảnh giới hành trì của phàm phu, cho nên chỉ khuyên phụ vương niệm Phật Tam-muội.

Phụ vương bạch Phật: Công đức niệm Phật, hình trạng như thế nào?

Phật bảo: Như rừng Y lan, vuông vức bốn mươi do-tuần, có một cây Khoa-ngưu-đầu chiên-đàn, tuy là có rễ mầm, mà vẫn chưa ra khỏi mặt đất. Trong rừng Y lan duy chỉ có mùi hôi mà không có hương thơm. Nếu ai ăn phải hoa quả ở đó thì phát cuồng lên mà chết. Sau đó cây chiên đàn mầm rễ lần lần phát triển, gần như thành cây, khí hương tỏa đầy, có thể làm cải biến hết, cả rừng cây này tỏa ra mùi hương thơm ngát. Chúng sinh trông thấy, đều sinh lòng tâm tưởng là việc hy hữu.

Phật bảo Phụ vương:

- Tất cả chúng sinh, tâm nghĩ đến Phật của họ ở trong sinh tử cũng như thế, hễ buộc niệm không ngừng, nhất định sẽ sinh ra đời có Phật. Một khi được vãng sinh, liền thay đổi hết ác nghiệp, thành tựu tâm đại bi, như cây tỏa hương làm thay đổi cả rừng Y lan vậy.

Nói rừng Y lan đó là dụ cho tam độc, tam chướng, vô biên trọng tội ở trong thân chúng sinh. Nói chiên-đàn là dụ cho tâm niệm Phật của chúng sinh. Vừa muốn thành cây đó nghĩa là tất cả chúng sinh hễ niệm Phật không dứt đoạn, thì nghiệp đạo ắt sẽ thành tựu.

Hỏi: Công đức niệm Phật của chúng sinh bao nhiêu cũng có thể tính biết, vì sao chỉ do một niệm mà có thể đoạn trừ ác nghiệp? Như một loài cây tỏa hương có thể làm thay đổi cả rừng cây bốn mươi do-tuần, làm cho cả khu rừng đều tỏa hương thơm ngát?

Đáp: Đó là căn cứ vào các bộ kinh Đại thừa mà hiển bày ra công năng niệm Phật Tam-muội là bất khả tư nghì. Vì sao? Như kinh Hoa Nghiêm nói: "Ví như có người dùng gân sư tử để tạo ra đàn huyền, âm thanh một khi tấu lên, thì các âm thanh khác đều bị tan biến mất hết. Nếu người phát tâm Bồ-đề, thực hành niệm Phật Tam-muội, thì tất cả phiền não, tất cả hoặc chướng thảy đều đoạn diệt. Cũng như có người vắt hết sữa trâu dê, lừa ngựa cho vào trong cái chậu. Nếu lại vắt sữa sư tử đổ vào, thì các loại sữa kia đều biến thành nước lã. Nếu người ở trong tâm Bồ-đề mà hành trì niệm Phật Tam-muội thì tất cả ác thú đều trở thành vô hại."

Và cũng trong kinh ấy nói: "Thí như có người, trong thân họ tẩm thuốc tàng hình, nếu có đi du hành qua lại các nơi, thì tất cả mọi người đều không ai nhìn thấy họ. Nếu người ở trong tâm Bồ-đề hành niệm

Phật Tam-muội, thì tất cả ác thần, các thứ chướng ngại đều không nhìn thấy họ. Tùy theo chỗ đến, đều không làm chướng ngại.”

Vì sao lại có thể được như thế? Vì niệm Phật Tam-muội là vua trong tất cả các pháp Tam-muội.

V. Nội Dung Thứ Năm: Như trên đã nói, kinh quán vô lượng thọ Phật được đặt tên theo người và Pháp. Người là Phật. Pháp là pháp.?

VI. Nội Dung Thứ Sáu: Phân biệt người nói tức Phật tự nói.

VII. Nội Dung Thứ Bảy:

Lược nói rõ về nghĩa ba thân, ba độ (cõi).

Hỏi: Hiện nay thân của Phật A-di-đà là thân gì? Nước Cực lạc là cõi nào?

Đáp: Thân Phật A-di-đà hiện nay là Báo thân. Nước Cực lạc trang nghiêm là Báo độ. Nhưng xưa nay tương truyền đều cho Phật A-di-đà là Hóa thân, cõi nước cũng là Hóa độ. Đây là sự sai lầm lớn. Nếu như vậy thì cõi Uế độ này cũng là nơi cư trú của Hóa thân, cõi Tịnh độ cũng là Hóa thân ở. Vậy thì Báo thân của Như Lai ở trong cõi nước nào? Nay y vào kinh Đại thừa Đồng Tánh mà biện luận về Báo, Hóa, Tịnh và uế độ.

Kinh nói: “Người trong cõi Tịnh độ thành Phật, chính là Báo thân. Trong cõi uế độ thành Phật thì là Hóa thân.”

Kinh kia lại nói: “A-di-đà Như Lai, Liên Hoa khai phu Tinh Vương Như Lai, Long Chủ Vương Như Lai, Bảo Đức Như Lai v.v... ở nơi cõi Phật thanh tịnh niên đắc đạo quả đạo quả, tất cả các đức Như lai như thế là Báo thân của Phật cả. Thế nào là Hóa thân Như Lai . Như ngày nay có các Đức Như Lai: Dõng Giới Thuộc Như Lai, Ma Khủng Bố Như Lai. Các Đức Như Lai này ở trong đời uế trược hiện thành Phật, sẽ thành Phật, từ cung trời Đâu-suất giáng sinh xuống, cho đến trụ trì tất cả thời chánh pháp, tượng pháp, mạt pháp, tạo các sự nghiệp giáo hóa thế đều là Hóa thân Phật.

Thế nào là Pháp thân Như Lai? Đó là chân thân của Như Lai, là vô sắc, vô hình, vô hiện, vô trước, không thể nhìn thấy được, không nói năng, không trụ xứ, không sinh không diệt, đó là nghĩa chân Pháp thân.

Hỏi: Báo thân của Như Lai là thường trụ. Vì sao trong kinh Quán Âm Thọ Ký lại nói: “Phật A-di-đà sau khi nhập Niết-bàn thì Quán Âm

Bồ-tát là vị Bổ xứ thành Phật tiếp sau?"

Đáp: Báo thân này, thị hiện tướng ẩn giấu, không phải là diệt độ vậy.

Kinh nói: "Phật A-di-đà sau khi nhập Niết-bàn, lại có chúng sinh có thiện căn sâu dày, thấy Phật như cũ không khác." Tức là tu chứng.

Lại trong luận Bảo Tánh nói: "Báo thân có năm loại tướng thuyết pháp và có thể nhìn thấy, các nghiệp không ngưng nghĩ, và ngưng nghĩ ẩn giấu, và thị hiện không phải là thực thể." Tức là chứng vậy.

Hỏi: Báo thân và Báo độ của đức Thích-ca Như lai thì ở tại phương nào?

Đáp: Kinh Niết-bàn nói: "Cõi Tây phương cách đây bốn mươi hai hằng hà sa quốc độ, có thế giới tên là Vô thắng. Cõi này cũng thật trang nghiêm như nước Cực lạc Tây phương vậy. Ta hiện thân ra ở cõi Ta-bà để giáo hóa chúng sinh, nhưng chẳng phải hiện thân ở cõi này. Tất cả các Đức Như Lai cũng đều như thế." Đây là chứng vậy.

Hỏi: Trong kinh Cổ Âm nói: "Phật A-di-đà có cha mẹ." Vậy đủ biết là chẳng phải Báo thân, Báo độ vậy.

Đáp: Ông chỉ nghe nói mà không nghiên cứu kỹ trong kinh. Sự nghi lầm này có thể gọi là "Sai một ly đi ngàn dặm". Nhưng Phật A-di-đà cũng có đầy đủ ba thân. Thân hiện ở cõi Cực lạc chính là Báo thân. Nay nói Phật có cha mẹ đó, là ở trong cõi uế độ thị hiện Hóa thân ra có cha mẹ vậy. Cũng như Phật Thích-ca, ở trong cõi Tịnh độ thành tựu được Báo thân, ứng hiện ra cõi này có cha mẹ, đó là Hóa thân. Phật A Di-đà cũng vậy.

Lại như trong kinh Cổ Âm có nói: "Bấy giờ Phật A-di-đà cùng đầy đủ chúng Thanh văn, trong cõi nước có tên là Thanh thái, là nơi ở của bậc Thánh vương. Kinh thành này rộng dài đến mười ngàn do-tuần, cha của Phật làm Chuyển luân Thánh vương, tên là Nguyệt Thượng, mẹ tên là Thù Thắng Diệu Nhan, ma vương tên là Vô Thắng, con Phật tên là Nguyệt Minh, Đề-bà-đạt-đa tên là Tịch Ý, đệ tử thị giả tên là Vô-cấu-xưng."

Các việc nói ở trên đều là hiện tướng Hóa thân. Nếu là Tịnh độ, há lại có Luân vương thành trì và người nữ sao? Văn nghĩa này rất rõ ràng, đâu cần phải phân biệt? Do không khéo tìm tòi nghiên cứu, từ đó mê muội chấp lầm theo danh tự.

Hỏi: Nếu Báo thân có tướng ẩn mất ngưng nghỉ thì cõi Tịnh độ có việc thành hoại sao?

Đáp: Câu hỏi này, từ trước đến nay, nghĩa vẫn khó thông. Tuy

nhiên, nay dẫn trong kinh ra để làm chứng, nghĩa cũng có thể biết. Ví như thân Phật thường trụ, chúng sinh thấy có Niết-bàn. Tịnh độ cũng thế, thể chẳng có thành hoại, tùy theo chỗ thấy của chúng sinh mà có thành hoại. Như trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Như thấy bậc Đạo sư có vô lượng thân sắc, tùy theo tâm hành của chúng sinh, nên thấy cõi Phật cũng vậy." Cho nên trong Tịnh độ luận nói: "Một chất không thành, nên Tịnh và uế có thiếu có đủ. Khác chất không thành nên tìm nguồn thì hợp với một." Vậy căn cứ vào pháp tánh Tịnh độ, thì không luận là thanh hay trọc; mà căn cứ vào lòng đại Bi báo, hóa, thì không phải không có tịnh hay uế.

Lại nói rộng về Phật độ đối với cơ cảm bất đồng, thì có ba loại sai biệt là:

1) Theo Chân đưa đến Báo, nên gọi là Báo độ. Như ánh sáng mặt trời chiếu khắp nơi, Pháp thân như mặt trời, Báo thân, Hóa thân như ánh sáng.

2) Không mà chợt có gọi đó là Hóa. Như trong Tứ Phần luật có nói: "Định Quang Như Lai hóa ra thành Đề-bà cùng thành Bạt-đề. Hai thành này ở gần nhau chung sống hòa thuận qua lại. Về sau đột nhiên hóa thành lửa thiêu đốt, là muốn cho chúng sinh thấy được sự vô thường, sinh tâm nhàm chán, quy hướng về đạo."

Vì vậy kinh nói: "Hoặc hiện ra kiếp lửa, trời đất đều rõ ràng, để cho chúng sinh thấy biết sự thể là vô thường. Bồ-tát vì cứu kẻ nghèo khéo hiện, lập ra kho tàng, tùy duyên chỉ dẫn rộng bày, khiến chúng sinh phát tâm Bồ-đề."

3) Ẩn uế hiển tịnh. Như trong kinh Duy-ma nói: "Phật dùng ngón chân ấn xuống đất, làm cho ba ngàn quốc độ đều được nghiêm tịnh. Nay cõi nước Vô lượng thọ này thật là quốc độ theo Chân hiện báo mà thôi."

Làm sao biết? Dựa vào kinh Quán Âm Thọ Ký nói: "Đời vị lai Đức Quán Thế Âm thành Phật, thay vào chỗ Đức Di-đà." Cho nên biết đó là Báo thân vậy.

VIII. Nội Dung Thứ Tám:

Thứ tám là nói rõ về cõi Tịnh độ của Phật A-di-đà; quả vị bao quát cả thượng hạ, phàm Thánh cùng ở chung. Nay đây ở cõi nước Vô lượng thọ là báo Tịnh độ. Do nguyện lực của Phật mà bao quát cả trên dưới, để cho chúng sinh tu thiện pháp cầu vãng sinh về. Do bao hàm các bậc thiện căn mà ngài Thiên Thân, Long Thọ cùng các bậc Thượng địa

Bồ-tát cùng cầu sinh về. Cho nên, trong Đại kinh nói rằng:

Bồ-tát Di-lặc hỏi Phật:

- Không biết ở cõi Cực lạc có bao nhiêu Bồ-tát bất thoái được sinh về đó?

Đức Thế Tôn bảo:

- Ở thế giới Ta-bà này có sáu mươi bảy ức Bồ-tát đều được vãng sinh về.

Hỏi: Tịnh độ của Phật A-di-đà đã gọi là bao quát cả thượng căn hạ căn, thì Phàm Thánh đều chung ở. Không chỉ những vị tu vô tướng được vãng sinh, mà hạng phàm phu hữu tướng cũng được sinh về sao?

Đáp: Phàm phu trí cạn, dựa nhiều vào tướng mà cầu, quyết được vãng sinh, nhưng do lực thiện còn yếu nên chỗ sinh ra, duy chỉ thấy Báo thân và Hóa Phật. Cho nên, phẩm Bồ-tát Bản Hạnh của kinh Quán Phật Tam-muội nói: "Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: Trong vô lượng kiếp quá khứ, khi con còn là phàm phu, ở trong đời đó có Đức Phật tên là Bảo Uy Đức Thượng Vương Như Lai, khi Phật xuất thế cũng như ngày nay vậy. Đức Phật đó thân cao sáu trượng, tỏa sắc vàng tía, thuyết pháp Tam-thừa như Đức Thích-ca vậy."

Bấy giờ ở cõi nước kia có vị đại trưởng giả, tên là Nhất Thiết Thí. Vị trưởng giả có một người con, tên là Giới Hộ. Khi mẹ mang thai, lòng bà rất kính tin, dự định sẽ cho con thọ Tam quy y. Khi con sinh ra, vừa lên tám tuổi, cha mẹ thỉnh Phật về nhà cúng dường, người con thấy Phật liền làm lễ, tâm cung kính Phật thật sâu xa, mắt chiêm ngưỡng không rời. Một khi đã nhìn thấy Phật, liền tiêu trừ hết tội trong vô lượng na-do-tha kiếp sinh tử. Từ đó về sau, thường sinh về cõi Tịnh độ. Tức liền gặp được hằng hà sa số chư Phật, đều là những bậc Thế Tôn có đầy đủ tướng hảo độ thoát vô số chúng sinh. Bấy giờ, Đồng tử mỗi mỗi đều theo hầu Phật, lễ bái cúng dường, chấp tay quán Phật. Vì nhân duyên đó, nên được gặp trăm vạn A-tăng-kỳ Phật. Chư Phật kia cũng có sắc thân tướng hảo hóa độ chúng sinh. Từ đó về sau, thường đắc trăm vạn ức niệm Phật Tam-muội, lại có được A-tăng-kỳ pháp môn Đà-la-ni.

Khi đã đắc ngộ, thường ở trước chư Phật, được thuyết pháp vô tướng. Chỉ trong khoảnh khắc đắc được Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội. Bấy giờ, Đồng tử chỉ thọ tam quy, vừa lễ Phật rồi, được quán tưởng thân Phật, tâm không nhàm chán. Do nhân duyên này, mà được gặp vô số Phật. Huống gì luôn buộc niệm tư duy đầy đủ, quán sắc thân Phật. Bấy giờ Đồng tử lúc ấy, đâu là người khác, mà chính là thân con . Bấy giờ, Đức Thế Tôn tán thán ngài Văn-thù rằng:

- Thiện tai! Thiện tai! Ông chỉ lễ Phật một lần mà được gặp vô số chư Phật, huống gì chúng sinh ở đời vị lai, hàng đệ tử của ta, nếu siêng năng quán Phật, niệm Phật!

Phật lại bảo A-nan:

- Ông đem lời của Văn-thù nói lại cho mọi người biết trong hiện tại này và đời vị lai sau, nếu người nào có thể lễ Phật, có thể niệm Phật, quán tưởng Phật, nên biết người này cùng Văn-thù-sư-lợi không khác. Xả thân ở đời này, sẽ cùng trụ xứ với Văn-thù.

Do văn này làm chứng, nên biết cõi Tịnh độ đó bao quát hết các quốc độ và sự vãng sinh là không sai . Nếu biết lấy vô tướng lìa niệm làm thể, mà duyên vào đó cầu sinh thì phần nhiều là hạng thượng phẩm vãng sinh.

Cho nên, Bồ-tát Thiên Thân mới luận rằng: "Nếu có thể quán hai mươi chín loại trang nghiêm thanh tịnh, tức tóm lược đi vào một câu pháp. Một câu pháp đó có nghĩa là câu thanh tịnh. Câu Thanh tịnh, tức lấy trí tuệ vô vi Pháp thân. Vì sao cần phải rộng lược hòa nhập vào nhau? Vì chư Phật Bồ-tát có hai loại Pháp thân: Một là pháp thân pháp tánh; hai là pháp thân phương tiện.

Do Pháp tánh Pháp thân mà sinh ra phương tiện Pháp thân. Do Phương tiện Pháp thân, mà hiển xuất ra Pháp tánh Pháp thân. Hai loại Pháp thân này, khác mà lại khó phân biệt ra, một mà không thể đồng. Đó chính là rộng lược hòa nhập vào nhau. Bồ-tát nếu không biết rộng lược tương hòa, thì không thể tự lợi lợi tha. Pháp thân vô vi đó tức là Pháp tánh thân. Vì Pháp tánh tịch diệt nên tức là vô tướng Pháp thân và Pháp thân vô tướng nên không có gì không là tướng. Cho nên tướng hảo trang nghiêm tức là Pháp thân. Pháp thân vô tri, mà không gì không biết. Vậy nên, tất cả chủng trí chính là chân thật trí tuệ vậy. Tuy biết do duyên quán hai câu tổng, biệt, nhưng chẳng gì không phải là thật tướng. Vì biết thật tướng, tức là biết tướng hư vọng của chúng sanh trong ba cõi mà khởi lên chân thật tánh từ bi. Vì chân thật từ bi đó, tức là khởi ra chân thật quy y vậy."

Nay hành giả, bất kể tăng tục, nếu có thể biết sinh vô sinh không trái với nhị đế, thì phần nhiều sẽ được vào hạng thượng phẩm vãng sinh.

IX. Nội Dung Thứ Chín:

Nói rõ về cõi Tịnh độ của Phật A-di-đà có thuộc ở trong ba cõi hay không.

Hỏi: Cõi nước An lạc thuộc cõi nào trong ba cõi?

Đáp: Cõi Tịnh độ rất thắng diệu, thể của nó vượt ra ngoài thế gian. Ba cõi này là nơi nhà tối của phàm phu sinh tử. Tuy có khổ vui ít khác dài ngắn có khác, nhưng nhìn chung đều là bến hữu lậu lâu dài xoay chuyển tuần hoàn không bờ mé, lẫn lộn các loài sinh ra, tiếp xúc thọ nhận bốn thứ, nơi tứ điên đảo cấu uế; lâu ngày nào là nhân, nào là quả, hư ngụy tập tành thói quen, thật là đáng chán. Cho nên cõi Tịnh độ không thuộc trong ba cõi.

Lại nữa, theo Trí Độ luận nói: "Quả báo của cõi Tịnh độ là vô dục, nên không phải Dục giới. Vì cõi Địa cư nên không phải Sắc giới; có hình sắc, nên không phải Vô sắc giới. Tuy nói là Địa cư, nhưng cõi này tinh thắng diệu tuyệt."

Thế nên, trong Thiên Thân luận có nói: "Xét thấy tướng thế giới kia, vượt xa ba cõi, cứu cánh như hư không, rộng lớn không biên hạn."

Thế nên, Địa kinh có lời tán thán rằng:

Tịnh độ rộng lớn siêu số hạn
Tự nhiên bảy báu cùng hợp thành
Do nguyện lực của Phật mà trang nghiêm
Kính lễ bậc thanh tịnh đại nhiếp thọ.
Thế giới quang huy diệu thắng tuyệt,
Cùng vui an lạc không bốn thời,
Tự lợi lợi tha lực viên mãn,
Kính lễ phương tiện xảo trang nghiêm.

PHẦN II

Trong phần thứ hai này được chia làm ba nội dung:

I. Nói rõ về phát Bồ-đề tâm.

II. Phá dị kiến tà chấp.

III. Rộng nếu vấn đáp để giải thích và trừ bỏ nghi tình.

I. Phát Bồ-Đề Tâm:

Phát Bồ-đề tâm gồm có bốn ý:

- Nêu công dụng của tâm Bồ-đề.
- Nêu danh thể của tâm Bồ-đề.
- Nói rõ phát tâm có khác biệt.
- Vấn đáp giải thích.

1) Công dụng của tâm Bồ-đề.

Trong Đại kinh nói: “Phàm muốn vãng sinh về cõi Tịnh độ, cần phát tâm Bồ-đề làm căn bản.” Thế nào là Bồ-đề? Đó là tên gọi của Vô thượng Phật đạo. Nếu muốn phát tâm làm Phật, thì tâm này phải rất rộng lớn, biến cùng khắp pháp giới; tâm ấy phải rốt ráo bình đẳng như hư không; tâm này phải sâu xa rộng lớn cho đến tận vị lai; tâm này phổ biến lìa hết chướng Nhị thừa. Nếu một khi phát tâm này, thì liền tiêu trừ mọi sự sinh tử khổ hải từ vô thỉ, mọi đủ công đức, đều hồi hướng Bồ-đề, về lâu có thể thành tựu Phật quả, không sợ thoái chuyển. Ví như loài hoa đẹp có năm đặc tính thanh tịnh, gió thổi, nắng soi cũng không rơi rụng, như nước sông thuỷ vân không bao giờ cạn.

2) Danh thể của Bồ-đề.

Bồ-đề có ba loại:

a) Pháp thân Bồ-đề.

b) Báo thân Bồ-đề.

c) Hoá thân Bồ-đề.

- Nói Pháp thân Bồ-đề là nói chân như, thật tướng, đệ nhất nghĩa Không, tự tánh thanh tịnh; thể của nó không có uế nhiễm, lý vượt ra ngoài thiên chân, không mượn thân đó để thành tựu sự tu hành, nên gọi là Pháp thân; vì nó là bản thể của Phật đạo nên gọi là Bồ-đề.
- Nói Báo thân Bồ-đề đó, tu đầy đủ vạn hạnh, có thể cảm quả báo Phật, lấy quả để đáp nhân nên gọi là Báo thân; vì nó viên thông vô ngại nên gọi là Bồ-đề.
- Nói Hóa thân Bồ-đề đó, nghĩa là từ báo khởi dụng, có thể hướng đến vạn cơ, nên gọi là Hóa thân; vì nó viên thông đầy đủ, nên gọi là Bồ-đề.

3) Nói rõ sự phát tâm có khác biệt.

Nay nói, hành giả muốn phát tâm tu nhân thì cần phải hiểu đầy đủ ba thứ:

- Cần thông suốt Có-Không từ xưa đến nay tự tánh đều thanh tịnh.
- Duyên tu vạn hạnh tám vạn bốn ngàn các pháp môn Ba-la-mật.
- Phải lấy đại Từ bi làm căn bản, thường nghĩ đến việc cứu độ chúng sinh làm bổn hoài.

Ba nhân này có thể cùng tương ưng với đại Bồ-đề, cho nên gọi là phát tâm Bồ-đề.

Lại căn cứ vào Tịnh độ luận có nói: “Nay nói phát tâm Bồ-đề đó, tức là nguyện thành Phật tâm. Nguyện thành Phật tâm đó tức là tâm

nguyện độ chúng sinh. Tâm độ chúng sinh đó tức là nhiếp giữ chúng sinh, có tâm Phật quốc độ. Nay đã nguyện sinh Tịnh độ, cho nên trước tiên cần phải phát tâm Bồ-đề."

4) Vấn đáp giải thích.

Hỏi: Như tu vạn hạnh đầy đủ, có thể cảm quả Bồ-đề, thành tựu Phật đạo. Vì sao trong kinh Chư Pháp Vô Hành nói: "Nếu người cầu Bồ-đề, tức không có Bồ-đề, là xa rời Bồ-đề, cũng như trời với đất vậy sao?"

Đáp: Chánh thể của Bồ-đề, tức cầu vô tướng. Nay tạo tướng cầu, không phù hợp với lý thật, cho nên gọi là người xa rời Bồ-đề. Vì vậy trong kinh nói: "Bồ-đề đó, không thể dùng tâm mà đạt được, cũng không thể dùng thân mà đạt được."

Nay cho rằng, hành giả tuy biết tu hành tướng để cầu, biết rõ ràng lý thể là không có thể cầu nhưng vẫn không hoại giả danh, cho nên tu hành đầy đủ cả vạn hạnh, chắc chắn có cảm ứng. Do đó, trong Đại Trí Độ luận nói: "Nếu người thấy Bát-nhã, liền bị buộc ràng, nếu không thấy Bát-nhã thì cũng bị ràng buộc. Nếu người thấy Bát-nhã thì được giải thoát; nếu không thấy Bát-nhã thì cũng được giải thoát."

Ngài Long Thọ Bồ-tát nói: "Nếu không lìa bốn câu này là bị triền phược. Nếu lìa bốn câu này thì được giải thoát."

Nay cầu Bồ-đề, thì cần phải tu như đây, tức là không hành mà hành. Không hành mà hành đó là không trái với đại đạo lý của Nhị đế vậy.

Lại y vào Tịnh độ luận của ngài Thiên Thân nói "Phàm muốn phát tâm hội nhập quả Bồ-đề Vô thượng thì có hai nghĩa: Một là phải xa lìa ba thứ trái với đạo Bồ-đề; hai là phải hiểu rõ hai pháp thuận với đạo Bồ-đề."

Ba thứ trái với đạo Bồ-đề gồm những gì?

1) Nương trí tuệ môn, không cầu tự lạc, xa lìa ngã tâm và sự tham trước của tự thân.

2) Nương vào từ bi môn, bạt trừ hết khổ não của chúng sinh, xa lìa tâm bất an phiền hoặc.

3) Nương vào phương tiện môn, tâm gần gũi thương tất cả tâm chúng sinh, tâm xa lìa cung kính cung dưỡng của tự thân.

Đó gọi là xa lìa ba pháp trái Bồ-đề.

Thuận Bồ-đề môn đó, tức là khi Bồ-tát xa lìa ba pháp trái Bồ-đề thì sẽ đạt được ba pháp thuận Bồ-đề môn. Đó là ba pháp gì?

1) Được tâm thanh tịnh vô nhiễm, không vì tự thân cầu các sự

khoái lạc. Bồ-đề là chỗ thanh tịnh vô nhiễm; nếu vì tự thân cầu lạc, tức là trái với Bồ-đề môn. Cho nên tâm thanh tịnh vô nhiễm là thuận Bồ-đề môn.

2) Được tâm thanh tịnh an ổn, vì muốn bạt trừ khổ não của chúng sinh. Tâm Bồ-đề an ổn tất cả chỗ thanh tịnh của chúng sinh. Nếu không đem tâm khiến cho chúng sinh xa lìa khổ não của chúng sinh, thì trái với Bồ-đề. Như vậy thì bạt tất cả khổ não sinh tử của chúng sinh là thuận với Bồ-đề môn.

3) Được tâm thanh tịnh an lạc, khiến cho tất cả chúng sinh được thường lạc cứu cánh, đắc đại Bồ-đề, nhiếp thủ họ sinh về nước kia. Vì Bồ-đề là cứu cánh lạc xứ, nếu không làm cho chúng sinh đắc quả thường lạc cứu cánh là trái với đạo Bồ-đề. Như vậy thì quả thường lạc cuối cùng do đâu mà đạt được. Đại nghĩa môn là cõi Cực lạc Phật quốc vậy. Vậy chúng ta cần phải phát tâm nguyện sinh về nước kia để sớm được hội nhập quả Vô thượng Bồ-đề.

II. Phá Dị Kiến Tà Chấp:

Trong nội dung này có chín ý:

- Phá vọng kiến cho Đại thừa là vô tướng và các dị kiến cố chấp khác.
- Nói rõ tâm đại bi ái kiến của Bồ-tát.
- Phá những thắc mắc cho rằng ngoài tâm không có pháp.
- Phá bỏ tâm nguyện sinh uế độ mà không nguyện sinh Tịnh độ.
- Phá tâm cho rằng nếu sinh về Tịnh độ chỉ đắm trước hỷ lạc.
- Phá tâm cho rằng, cầu sinh Tịnh độ không phải là pháp của Tiểu thừa.
- Phá tâm chỉ cầu sinh Đâu-suất chứ không cầu sinh Tịnh độ.
- Nói rõ nếu cầu Tịnh độ mười phương thì không bằng cầu về Tây phương.
- Lược nói về các ý riêng biệt.

1) Phá vọng chấp cho Đại thừa là vô tướng. Trong đây lại có hai ý nhỏ:

a) Thứ nhất là nói tổng quát về sinh khởi, nhằm giúp kẻ hậu học hiểu rõ phải trái để bỏ tà quy chánh.

b) Thứ hai là rộng nói về sự ràng buộc, hiển bày chánh để phá trừ nghi hoặc.

Nói tổng quát về sinh khởi, thì trong thâm tạng Đại thừa, danh nghĩa nhiều vô số. Vì vậy trong kinh Niết-bàn có nói: “Một tên có vô

lượng nghĩa; một nghĩa có vô lượng tên.”

Nên cần xem nhiều kinh điển, mới hiểu tôn chỉ. Chẳng phải như các sách thế tục Tiểu thừa, xét theo văn mà đầy đủ nghĩa. Ý này là như thế nào? Là chỉ cho cõi Tịnh độ sâu xa rộng lớn, kinh luận ẩn hiện, khiến cho các loại phàm tình đều được cứu độ; chỉ sợ rằng nghe theo những lời đàm tiếu, gây nên bao sự mê mờ lầm chấp tạp loạn vô tri, làm phương ngại sự vãng sinh. Nay nêu ra một vài điều để từ từ phá chấp.

Hỏi: Hoặc có người nói rằng: “Đại thừa là vô tướng, chớ niệm kia đây.” Nếu nguyện sinh Tịnh độ, đó là chấp tướng, làm tăng thêm lậu hoặc, thì cần gì phải để cầu?

Đáp: Nếu kể như vậy thì thật không phải. Vì sao? Chư Phật thuyết pháp cần đầy đủ hai duyên: Một là nương vào thật lý của pháp tánh; Hai là cần thuận theo Nhị đế. Kia chấp Đại thừa vô niệm là chỉ nương vào pháp tánh, nhưng hủy báng không có duyên cầu, tức là không thuận với Nhị đế. Như chỗ kiến giải này, là đọa vào chỗ diệt không. Cho nên trong kinh Vô Thượng Y có nói: “Phật bảo A-nan: Tất cả chúng sinh nếu khởi ra ngã kiến như núi Tu-di, thì ta vốn không sợ. Vì sao? Người này chưa được xa lìa ngay nên không hoại nhân quả, không bị mất quả báo. Nếu khởi lên Không kiến như hạt cải, thì sự chấp ngã Không ấy là không nên. Vì sao? Vì kiến chấp này phá tán hết nhân quả, phần nhiều đọa vào ác đạo, nên chỗ sinh ra trong đời vị lai, ắt trái với sự giáo hóa của ta.”

Nay xin khuyên chư hành giả, lý tuy là vô sinh, nhưng đạo lý của Nhị đế không phải vô duyên cầu mà tất cả được vãng sinh.

Thế nên trong kinh Duy-ma nói: “Tuy quán tưởng quốc độ của chư Phật và chúng sinh đều không, nhưng vẫn thường tu Tịnh độ, giáo hóa mọi chúng sinh.”

Lại nữa, kinh đó cũng nói: “Tuy làm mà không làm, và hiện ra thọ thân, là hạnh Bồ-tát. Tuy hành mà không khởi, và khởi ra tất cả thiện hạnh, đó là Bồ-tát hạnh.” Đó thật là tu chứng chân chánh.

Hỏi: Nay thế gian có người hành Đại thừa vô tướng, cũng không giữ tướng nào, tại ở kia đây, hoàn toàn không hộ trì giới tướng, việc này là như thế nào?

Đáp: Tính theo đây, thì điều tệ hại càng nhiều. Vì sao? Trong kinh Đại Phương Đẳng nói: “Phật vì hàng Ưu-bà-tắc mà chế giới là không được lui tới nhà các quả phụ, nhà của xử nữ, tửu quán, nhà ép dầu, thuộc da v.v...

A-nan bạch Phật:

- Bạch Đức Thế Tôn! Vì những người nào mà Phật chế ra những giới này?

Phật bảo A-nan:

- Vì hai loại người: Một là, người hành động ở thế gian. Hai là người hành động xuất thế gian. Với người xuất thế thì ta không chế ra giới trên. Với người tại gia nên ta mới chế ra giới này. Vì sao? Tất cả chúng sinh đều là con ta. Phật là cha mẹ của tất cả chúng sinh, nên phải dùng giới luật khuôn phép để khuyến hóa, để cho các con mau sớm ra khỏi thế gian, đắc quả Niết-bàn."

2) Nói rõ tâm đại bi ái kiến của Bồ-tát.

Hỏi: Theo Đại thừa Thánh giáo, Bồ-tát đối với chúng sinh, nếu khởi lòng đại bi ái kiến, tức phải nên lìa bỏ. Nay khuyên chúng sinh cùng sinh về Tịnh độ, há chẳng phải là ái kiến chấp tướng sao? Nếu thế tránh sao khỏi bị trần lụy?

Đáp: Bồ tát hành pháp có hai công dụng: Một là chứng không tuệ Bát-nhã. Hai là đầy đủ lòng Từ bi.

Nhờ lực tu Bát-nhã tu Không tuệ, nên dù ra vào trong sáu đường sinh tử mà không bị trần nhiễm ràng buộc .

Vì đem lòng đại bi nghĩ tưởng đến chúng sinh, nên không trụ ở Niết-bàn. Bồ-tát tuy ở nơi Nhị đế, mà thường khéo xả ở Có-Không. Thủ xả đắc trong đạo mà không trái với đạo lý Đại thừa.

Cho nên trong kinh Duy-ma-cật nói: "Như có người ở nơi đất trống, tạo lập ra cung điện nhà ở, đều được tùy ý vô ngại. Nếu ở nơi hư không, thì không thể làm được. Bồ-tát cũng như thế, vì muốn thành tựu cho chúng sinh, nguyện giữ lấy Phật quốc, chẳng phải nơi hư không vậy."

3) Phá vọng chấp ngoài tâm không có pháp.

Trong đây gồm có hai ý: Một là Phá chấp tình. Hai là giải thích các câu hỏi đáp.

Hỏi: Phá chấp Hoặc có người nói: "Tịnh cảnh, sở quán là căn cứ ở nội tâm, cõi Tịnh dung thông chính la tâm tịnh ; Ngoài tâm không có pháp nào cả, sao lại cầu về Tây phương?

Đáp: Chỉ có pháp tánh Tịnh độ, về lý thì hư dung, thể không có biến đổi. Đây là sinh của vô sinh, là chỗ thâm nhập của bậc Thượng sĩ.

Cho nên, Kinh Vô Tự Bảo Khiếp nói: Mà "Thiện nam tử! Lại có một pháp, Phật đã giác ngộ ra. Đó là các pháp bất khứ bất lai-vô nhân vô duyên-vô sinh vô diệt-vô tư vô bất tư-vô tăng vô giảm."

Phật bảo La-hầu-la:

- Ông nay thọ trì giới của ta, có nghĩa chánh pháp không?

Bấy giờ, mười phương thế giới gồm có chín ức Bồ-tát liền bạch Phật rằng:

- Chúng ta đều phải gìn giữ pháp môn này, nên vì chúng sinh lưu truyền ra đừng để cho dứt.

Thế Tôn đáp:

- Này thiện nam! Hai vai gánh vác đạo Bồ-đề, thì ắt không đoạn trừ biện tài, được thể nhập thế giới thanh tịnh của chư Phật. Khi mạng chung, liền thấy Đức Phật A-di-đà cùng chư Thánh chúng ở trước mặt, liền được vãng sinh.

Như những người, căn cơ trung hạ chưa thể phá tướng, cần nương vào nhân duyên tin Phật, cầu sinh về Tịnh độ. Tuy có sinh về nước kia, nhưng vẫn đi lại nơi cõi này.

Lại nói: "Nếu nhiếp duyên từ gốc, tức là ngoài tâm không có pháp. Nếu phân rõ nghĩa Nhị đế, thì cõi Tịnh độ không ngại là pháp ở ngoài tâm vậy."

Giải thích vấn đáp:

Hỏi: Trước nói sinh vô sinh là chỉ bậc Thượng sĩ mới có thể nhập, bực trung hạ không thể vào được, ấy là căn cứ nơi người, hoặc pháp mà phán định như thế, hay là có Thánh giáo làm chứng?

Đáp: Theo Trí Độ luận có nói: "Hàng Bồ-tát mới phát tâm, căn cơ lý giải còn yếu, tuy nói là phát tâm, phần nhiều đều nguyện sinh về Tịnh độ." Đây là ý gì? Ví như đứa trẻ, nếu không gần cha mẹ để được dạy dỗ khuyên răn, thì hoặc là rơi hầm lọt giếng, gặp nạn lửa thù, hoặc thiếu sữa rồi chết, nên cần có cha mẹ tắm rửa dạy bảo mới có thể lớn khôn, thừa tiếp gia nghiệp.

Bồ-tát cũng như thế, nếu có thể phát tâm Bồ-đề, nguyện sinh về cõi Tịnh độ, gần gũi chư Phật, tăng trưởng Pháp thân, thì mới nối tiếp gia nghiệp của Bồ-tát, mười phương đều được lợi ích cứu độ, cho nên phần nhiều nguyện sinh về Tịnh độ.

Lại nữa, trong luận ấy cũng nói rằng: "Ví như chim quạ con lông cánh chưa đủ, không thể vỗ cánh bay cao. Trước tiên cần chuyền từng cành cây tập bay. Khi lông cánh đã đủ đầy, thì mới có thể rời rừng bay lên không trung. Các vị tân học Bồ-tát cũng như thế, trước cần nương nguyện cầu sinh về Phật quốc, Pháp thân dần trưởng thành, tùy cảm mà tu tiến đắc ngộ."

A-nan lại bạch Phật:

- Pháp môn vô tướng Ba-la-mật này Phật nói ở đâu?

Phật bảo:

- Pháp môn này, ta nói ở trong A-tỳ-bạt-trí địa. Vì sao? Vì có các hàng tân phát tâm Bồ-tát nghe pháp môn Ba-la-mật vô tướng này, nếu có thiện căn thanh tịnh, thảy đều diệt hết. Lại khi nào đến cõi kia, thì tất cả các sự việc đều xong, đâu cần tranh luận nghĩa lý sâu cạn.

4) Phá tâm chấp nguyện sinh uế độ, không nguyện sinh Tịnh độ.

Hỏi: Hoặc có người nói: "Nguyện sinh vào cõi uế trược để giáo hóa chúng sinh, không nguyện sinh về Tịnh độ." Ý này là như thế nào?

Đáp: Người này ý cũng chỉ có một. Vì sao? Như thân đã trụ nơi bất thoái rồi, vì để hóa độ chúng sinh ở nơi tạp ác, nên có thể nơi chỗ nhiễm mà không nhiễm, gặp điều ác cũng không biến đổi. Như loài ngỗng vịt bơi trong nước, mà không bị ướt. Những người này, có thể vào cõi uế trược để cứu khổ. Nếu còn là hàng phàm phu, chỉ sợ hạnh của bản thân chưa đứng vững, gặp khổ thì biến tâm, muốn cứu giúp người khác, e rằng cùng họ sa vào nẻo ác. Cũng như bắt gà cho vào nước, lẽ nào không bị ướt sao?

Cho nên trong Trí Độ Luận nói: "Nếu là hàng phàm phu phát tâm, nguyện ở cõi uế trược cứu giúp chúng sinh, thì không phù hợp với Thánh ý." Ý này là như thế nào? Bồ-tát Long Thọ giải thích: "Ví như một tảng băng dài bốn mươi dặm, như có một người lấy một thăng nước sôi đổ vào, lúc ấy dường như băng giảm lạnh đi; nếu trải qua đêm cho đến sáng, thì khí lạnh càng cao hơn trước. Hàng phàm phu giữ lấy phát tâm cứu khổ này cũng lại như thế. Vì các cảnh tham sân trái thuận nhiều, nên trái lại tự mình khởi tâm phiền não, mà phải đọa vào ác đạo."

5) Phá vọng chấp cho rằng, sinh vào Tịnh độ là đắm trước lạc cảnh.

Hỏi: Hoặc có người nói: "Trong cảnh Tịnh độ chỉ có việc vui, nhiều đắm trước vào lạc cảnh, sẽ ảnh hưởng trở ngại sự tu đạo. Như vậy tại sao lại cầu vãng sinh?"

Đáp: Đã gọi là Tịnh độ, thì không còn uế trược. Nếu nói đam trước sự vui, thì chính là tham ái phiền não, đâu gọi là tịnh? Cho nên trong Đại kinh nói: "Chúng trời người ở cõi kia tiến lui qua lại, đều không buộc tình đắm trước."

Lại trong nguyện thứ bốn mươi tám có nói: "Mười phương hàng trời người cầu sinh về nước ta, nếu tâm khởi niệm tham chấp nơi thân, thì ta thề không giữ Chánh giác."

Đại Kinh lại nói: "Người và trời ở cõi kia vốn chẳng có chỗ nào

mà không thích hợp, làm gì có lý đắm trước?"

6) Phá vọng chấp cho rằng, cầu sinh Tịnh độ là pháp Tiểu thừa.

Hỏi: Hoặc có người nói: "Cầu sinh Tịnh độ chính là tu theo Tiểu thừa." Vậy sao lại tu theo đó?

Đáp: Lý này cũng không phải vậy. Vì sao? Chỉ có giáo pháp Tiểu thừa hoàn toàn không nói về Tịnh độ.

7) Nói rõ nguyện sinh Đâu-suất và khuyên cầu sinh Tịnh độ.

Hỏi: Hoặc có người nói: "Nguyện sinh Đâu-suất, không nguyện sinh về Tây phương." Việc này là như thế nào?

Đáp: Nghĩa này không đồng, chỉ có ít phần tương tợ. Căn cứ vào thể đại khái có khác bốn loại:

1) Đức Di-lặc vì Thiên chúng mà chuyển pháp luân bất thoái, người nghe pháp sinh lòng tin mà được lợi ích, gọi là tương tự giống với vãng sinh cực lạc. Nhưng người đắm trước lạc cảnh mà không tin số chẳng phải ít. Lại nữa, dù sinh vào cung trời Đâu-suất, nhưng ngôi vị vẫn còn thoái chuyển, cho nên trong kinh nói: "Ba cõi không an, dụ như nhà lửa."

2) Vãng sinh về Đâu-suất, thọ mạng bốn ngàn tuổi. Sau khi mạng chung, thì vẫn không tránh khỏi bị thoái đọa.

3) Cõi trời Đâu-suất tuy cũng có nước, chim, cây rừng hòa tiếng kêu hòa nhã. Nhưng cùng với chư Thiên lấy sự vui chơi làm chính thuận theo ngũ dục, không mong cầu Thánh đạo. Nếu hướng về cõi Di-đà Tịnh quốc, một khi được vãng sinh về, nhất định sẽ đạt đến A-tỳ-bạt-trí, không còn thoái chuyển và không có tạp cư. Ngôi vị lại ở nơi vô lậu, vượt qua ba cõi, vĩnh viễn không còn luân hồi.

Luận về thọ mạng, thì cũng đồng với Phật, chẳng thể dùng toán số mà tính biết được. Trong đây có chim, nước, rừng cây v.v... đều có thể thuyết pháp, khiến cho người ngộ giải, chứng vào hội Vô sinh.

4) Căn cứ vào "Đại kinh", tạm dùng một loại âm nhạc để so sánh. Trong kinh tán thán rằng:

Từ vua cõi thế đến Lục Thiên
Âm nhạc hòa reo đến tám trùng
Thánh thót giao hoà tăng vạn bực
Nhạc hoà cây báu cũng vang đưa
Lại có nhạc trời hoà trong gió
Pháp âm trong lành vui tâm thần
Ánh sáng uyển chuyển chiếu mười phương
Vì vậy kính lễ cõi thanh tịnh.

8) Nguyện sinh về mười phương Tịnh độ không bằng quy hướng Tây phương.

Hỏi: Hoặc có người nói: "Nguyện sinh về mười phương Tịnh quốc, không nguyện quy về Tây phương." Điều đó là nghĩa gì?

Đáp: Có ba nghĩa không đồng:

1) Mười phương Phật quốc tuy chẳng phải là nơi bất tịnh, nhưng cảnh rộng thì tâm mê muội; cảnh hẹp thì ý mới chuyên. Vậy nên trong Thập phương tùy nguyện vãng sinh có nói: "Bồ-tát Phổ Quảng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Mười phương Phật độ đều là nghiêm tịnh, tại sao trong các kinh chỉ riêng tán thán cõi Tây phương Cực lạc của Phật A-di-đà, khuyên cầu vãng sinh?

Phật bảo Bồ-tát Phổ Quảng:

- Tất cả chúng sinh, phần nhiều đều bị não loạn phiền trược, chánh niệm thì ít. Muốn khiến cho chúng sinh chuyên tâm vào đó, cho nên mới tán thán cõi này một cách đặc biệt vậy. Nếu có thể y vào nguyện mà tu hành, thì lợi ích thật vô cùng.

2) Mười phương Tịnh độ tuy đều là nghiêm tịnh, mà sâu cạn khó biết. Tịnh quốc của Phật A-di-đà là cửa ngõ của cõi Tịnh độ. Sao biết được điều này?

Trong kinh Hoa Nghiêm có nói: "Một kiếp ở thế giới Ta-bà, bằng một ngày một đêm ở thế giới Cực lạc. Thế giới Cực lạc một kiếp, bằng thế giới Ca-sa-tràng một ngày một đêm." Như thế, so sánh hơn kém, mới có mười A-tăng-kỳ. Vậy nên biết vì là sơ môn của cõi Tịnh độ mà chư Phật cùng khuyên cầu sinh về đó. Các cõi Phật khác đều không bằng, cho nên người tin ngưỡng, phần nhiều đều nguyện sinh về.

3) Tịnh độ của Phật A-di-đà đã là sơ môn của Tịnh độ, thế giới Ta-bà tức là cõi uế độ. Vì sao lại biết như thế? Như trong kinh Chánh pháp niệm có nói: "Từ đây đi về phía Đông bắc, có một thế giới tên là Tư-ha. Đất đai chỉ có cát đá ba góc ; mỗi năm mưa ba lần; mỗi lần mưa ướt thấm không quá năm tấc đất. Dân chúng ở đó duy chỉ ăn cây trái, vỏ cây làm y phục, cầu sống không được, cầu chết cũng không xong. Lại có một thế giới, tất cả các loài hổ báo cầm thú, cho đến loài rắn, bò cạp, thảy đều có cánh bay, hễ gặp nhau là ăn thịt, không phân thiện ác. Đây há chẳng gọi là uế độ đầu tiên sao?"

Tuy vậy, xét về y báo thì cõi Ta-bà này vốn cùng hàng với Hiền Thánh. Mặc dù là uế độ, nhưng đây là cõi uế độ cuối cùng. Thế giới An Lạc đã là Tịnh độ sơ môn, tức là cảnh giới nối tiếp với phương này, cầu

vãng sinh qua đó rất tiện lợi, vì sao lại không đi?

9) So sánh sự khác nhau giữa Nhiếp luận và kinh này.

Căn cứ vào Nhiếp luận thì nói là "Biệt thời ý ngữ". Trong Kinh quán, Phật nói hạng Hạ phẩm sinh tạo ra nghiệp trọng, khi lâm chung gặp Thiện tri thức chỉ bảo niệm mười niệm thành tựu mà được vãng sinh. Còn theo Nhiếp luận nói: Đây là biệt thời ý ngữ của Phật (Phật nói ý trong thời gian đặc biệt mà thôi). Xưa nay, các Luận gia, phần nhiều đều phán định bài văn này: "Khi lâm chung chỉ có mười niệm, chưa chắc là được vãng sinh. Như lấy một đồng tiền vàng mà đổi được ngàn đồng tiền vàng, chẳng phải một ngày mà có được." Cho nên mười niệm thành tựu đó, chỉ là tác nhân, chưa được vãng sinh, cho nên gọi là "Biệt thời ý ngữ".

Nếu giải thích như thế thì cũng chưa thật đúng. Vì sao? Phàm Bồ-tát, làm luận giải thích kinh, đều muốn xa thì phò trợ ý Phật, khế hợp với Thánh tình. Nếu luận văn trái với kinh, thì không có điều ấy. Nay giải thích "Biệt thời ý ngữ" đó, nghĩa là Phật thường thuyết pháp đều nói rõ về nhân trước quả sau, lý số đều rõ ràng. Nay trong kinh này chỉ nói một đời tạo tội, khi lâm chung một niệm thành tựu mà được vãng sinh. Bất luận người ấy trong quá khứ có nhân hay không có nhân cầu vãng sinh. Đây chỉ là đức Thế Tôn muốn tiếp dẫn chúng sanh tạo nghiệp ác ở đương lai, khiến cho khi đến ngày lâm chung, bỏ ác quy thiện, nương niệm đó mà được vãng sinh. Đó chính là do ẩn nhân đời trước. Đức Thế Tôn ẩn thỉ hiển chung, ẩn nhân nói quả, gọi là "Biệt thời ý ngữ".

Vì sao biết chỉ khiến cho mười niệm thành tựu là đều có nhân trong thời quá khứ? Như kinh Niết-bàn có nói: "Nếu người ở trong thời quá khứ đã từng cúng dường chỉ nửa hằng hà sa chư Phật. Lại từng phát tâm, mà lại có thể trong đời ác trược nghe thuyết Đại thừa kinh giáo, chỉ là không hủy báng chứ không có công đức gì khác. Nếu từng cúng dường một hằng hà sa chư Phật và từng phát tâm, về sau nghe Đại thừa kinh giáo, đã không hủy báng, lại thêm yêu thích."

Dẫn chứng qua các bộ kinh này, đủ biết là trong mười niệm thành tựu, đều thật là nhân trong quá khứ. Nếu không có nhân trong quá khứ, thì không thể gặp được Thiện tri thức, huống gì mười niệm lại thành tựu được sao?

Luận nói: "Lấy một đồng tiền vàng mà đổi được ngàn tiền vàng, chẳng phải một ngày mà được." Nếu căn cứ vào ý Phật, muốn khiến cho chúng sinh tích tụ nhiều nhân thiện, rồi nương theo niệm mà được vãng sinh. Như theo cách giải luận chủ, nương hết vào nhân quá khứ,

lý cũng không trái. Nếu giải theo đây, thì trên thuận với kinh Phật, dưới hợp với ý luận, tức là phù hợp với kinh luận, thì sự vãng sinh sẽ thông suốt, không còn nghi hoặc.

III. Rộng Nêu Vấn Đáp Để Trừ Bỏ Nghi Tình:

Từ đây về sau chính là rộng bày nghĩa vấn đáp ở trong Trí Độ luận.

Hỏi: Tất cả chúng sinh từ vô lượng kiếp đến nay, tạo ra đủ các nghiệp hữu lậu, hệ thuộc trong ba cõi. Vì sao lại không đoạn trừ hết các nghiệp ràng buộc này mà chỉ một ít thời gian niệm Phật A-di-đà, liền được vãng sinh ra khỏi ba cõi? Vậy nghĩa nghiệp ràng buộc muốn nói là gì?

Đáp: Có hai cách giải thích:

- Y theo pháp để đả phá.
- Dùng thí dụ để làm rõ.

Nói y theo pháp để đả phá tức là chư Phật có bất khả tư nghì trí, Đại thừa quảng trí, Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Bất tư nghì trí lực đó là lấy ít làm nhiều, lấy nhiều làm ít; lấy gần làm xa, lấy xa làm gần; lấy khinh làm trọng, lấy trọng làm khinh. Có các loại trí như thế, vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn.

Cách thứ hai sau đây; đều mượn bảy thí dụ để làm rõ.

1) Ví như có trăm kẻ tiều phu tích chứa củi cả trăm năm cao cả ngàn thước, rồi cho một mồi lửa vào, chỉ trong nửa ngày là đốt sạch. Lẽ nào không được nói chứa củi trăm năm chỉ đốt trong một ngày mà hết?

2) Thí như người bị què, đi trên thuyền của người, nhờ gió to thổi, trong một ngày đi được cả ngàn dặm. Há không thể nói một ngày người què đi cả ngàn dặm?

3) Cũng như người nghèo có được báo vật đem dâng cho vua, vua rất vui liền trọng thưởng cho. Trong khoảnh khắc người này bỗng trở nên giàu có. Lẽ nào không được nói cực khổ bao nhiêu năm, liền đạt được như vậy. Nói sự phú quý đó, là việc chẳng có.

4) Cũng như kẻ hèn yếu dùng hết sức mình cưỡi lừa bay lên mà không được. Nếu nương theo Luân vương mà đi thì liền bay lên hư không, qua lại tự tại. Há không được nói là sức kẻ hèn yếu có thể bay vào hư không?

5) Lại như bị dây quấn cả mười vòng, cả ngàn người không kiềm chế được, nhưng đứa bé vung kiếm ra liền đứt làm đôi. Lẽ nào không

được nói lực của đứa trẻ có thể cắt đứt được sao?

6) Lại như loài chim chạm vào nước, thì các loài trai đều chết. Tê giác chạm bùn, người chết liền sống lại. Há không được nói tánh mạng một khi dứt đi là có thể sống lại?

7) Ví như hạc vàng kêu Tử An, Tử An liền sống lại. Há không được nói người chết là thiên thu, mà có thể sống lại? Tất cả vạn pháp đều có tự lực và tha lực, tự nhiếp và tha nhiếp, có thiên khai vạn bế, vô lượng vô biên, ông há lại dùng thức hữu ngại, nghi pháp vô ngại kia sao?

Lại nữa, trong năm thứ bất tư nghì, thì Phật pháp là nghĩa tối bất tư nghì hơn hết. Ông lấy nghiệp ràng buộc ba cõi làm trọng, nghi việc niệm Phật chút ít thời gian là khinh. Người đã nhập vào Chánh định tụ, không được vãng sinh Cực lạc, thì sự việc ấy không thể có.

Hỏi: Trong kinh Đại thừa nói: "Nghiệp đạo như cái cân, bên nặng thì kéo trước." Tại sao chúng sinh từ một thân hình ấy, hoặc trăm năm, hoặc mười năm, cho đến ngày nay không lúc nào là không tạo việc ác. Tại sao khi lâm chung gặp được Thiện tri thức, niệm liên tục mười niệm, thì được vãng sinh? Nếu như thế thì đối với nghĩa nêu ra trước, lấy gì để làm tin?

Đáp: Ông cho một đời ác nghiệp là trọng. Người Hạ phẩm vãng sinh chỉ có mười niệm thiện cho là nhẹ. Nay đem nghĩa khinh trọng để so sánh, chính rõ ở tại tâm, tại duyên, tại nơi sự quyết định, mà không dựa vào thời tiết ít nhiều lâu, mau.

Tại sao nói là tại tâm? Nghĩa là người kia lúc tạo nghiệp, là đã y chỉ vào chỗ hư vọng điên đảo do tâm sinh ra. Mười niệm này, là nhờ sự khuyến tấn an ủi của Thiện tri thức, nghe được thật tướng pháp tánh. Một thật một hư, lẽ nào lại đem so sánh được. Vì sao? Ví như ngàn năm ở trong nhà tối, nếu như có chút ánh sáng thì liền tỏ rõ ngay, đâu có thể nói người ở trong nhà tối mãi không ra? Thế nên trong kinh Di Nhật Ma Ni Bảo có nói: "Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp: Chúng sinh tuy muôn lượng kiếp trôi lăn trong ái dục, do tội chướng che lấp. Nếu nghe được kinh Phật trở lại niệm thiện, thì tội liền tiêu diệt vậy." Đây là chính do tại tâm.

Vì sao nói là tại duyên? Nghĩa là, người kia tạo tội là do vọng tưởng khởi lên, vì phiền não quả báo mà thành chúng sinh. Nay mười niệm này là y vào Vô thượng tín tâm; nương vào danh hiệu công đức vô lượng, thanh tịnh chân thật của Phật A-di-đà. Ví như có người bị tên độc thấm vào gân cốt, nếu nghe được tiếng trống nhạc diệt trừ, thì tên độc

liền được rút ra. Như vậy đâu có thể nói là bị tên độc đã thấm sâu, nghe được âm thanh cũng không thể nhổ ra được? Đây gọi là tại duyên.

Tại sao nói là do quyết định? Vì lúc người kia tạo tội, tự y chỉ vào có hậu tâm có gián tâm. Nay trong mười niệm này, là do vô hậu tâm, vô gián tâm khởi lên, đó là quyết định.

Lại như trong Trí Độ luận có nói: “Tất cả chúng sinh khi lâm chung, gió đao vây bủa lấy mình, ma tử khổ lại đến bức bách, sinh tâm rất lo sợ. Nếu như gặp được Thiện tri thức, phát tâm dõng mãnh, tâm tâm tương tục trong mười niệm, tức là tăng thượng thiện căn, liền được vãng sinh.”

Ví như có người ra trận đối đầu phá quân địch, đem hết sức mình ra chiến đấu; mười niệm thiện cũng như thế. Còn như người khi lâm chung khởi sinh một niệm tà kiến, tăng trưởng ác tâm, thì làm tiêu hết phước trong ba đời, liền rơi vào ác đạo.

Hỏi: Đã gọi là niệm mười điều lành trước lúc lâm chung, làm tiêu hết mọi chướng nghiệp, được sinh Tịnh độ, vậy biết lúc nào là mười niệm?

Đáp: Như trong kinh nói: “Trăm lần sinh diệt thành một sát-na; cứ sáu mươi sát-na là một niệm.” Nay y vào kinh luận mà giải về niệm này vậy.

Giải về niệm này là không chỉ về thời tiết, mà chỉ nhớ niệm A-di-đà. Như đối với tổng tướng và biệt tướng, tùy theo sở duyên mà quán, trải qua mười niệm, không có niệm khác xen tạp vào, ấy mới gọi là mười niệm. Lại nói mười niệm tương tục đó là bậc Thánh trong các bậc Thánh, chỉ do nơi tích niệm, ngưng hết mọi suy tư, không duyên vào việc khác, thì khiến cho nghiệp đạo thành tựu.

Lại nói nếu hành niệm lâu ngày, phần nhiều y vào đây. Nếu người mới hành niệm, nhớ số cũng tốt. Ở đây cũng y vào Thánh giáo mà nói.

Lại hỏi: Nay muốn nương vào đó để khuyên người hành trì niệm Phật Tam-muội, chưa biết niệm đó tướng trạng như thế nào?

Đáp: Ví như có người đi giữa đồng trống trở về, bỗng gặp bọn cướp, đang hùng hổ cầm dao muốn giết. Người này băng qua đường tất bỏ chạy, nhìn thấy một dòng sông. Chạy chưa tới người ấy đã vội nghĩ rằng: “Ta mau chạy tới bờ sông này, vậy cởi áo lội qua sông hay mặc áo để lội? Nếu cởi áo e rằng sẽ không kịp. Nếu không cởi y phục thì e rằng khó bảo toàn.” Bây giờ chỉ có nhất tâm tìm phương tiện để vượt qua sông, không có tâm tưởng nào xen tạp. Hành giả tu tập cũng như thế. Khi niệm: “A-di-đà Phật”, cũng như người nghĩ sẽ lội qua sông,

niệm niệm tương tục, không có tâm nào xen vào. Hoặc niệm Pháp thân Phật; hoặc niệm thần lực Phật; hoặc niệm trí tuệ Phật; hoặc niệm tướng bạch hào của Phật; hoặc niệm bổn nguyện của Phật. Xưng danh cũng như thế, chỉ có thể chuyên một niệm không dứt, thì nhứt định sẽ được vãng sinh.

Nay khuyên người học về sau, muốn hội nhập vào Nhị đế, chỉ biết niệm niệm là bất khả đắc, đó chính là cửa trí tuệ. Nếu có thể buộc niệm liên tục không đứt đoạn tức là cửa công đức. Cho nên trong kinh nói: "Đại Bồ-tát hằng đem công đức trí tuệ để tu dưỡng tâm." Nếu người mới học, chưa thể phá tướng, chỉ có thể y tướng mà chuyên tu thì chắc chắn được vãng sinh không còn nghi ngờ gì nữa.

Lại hỏi: Trong Đại kinh Vô Lượng Thọ có nói: "Mười phương chúng sinh đều nhất tâm tin ưa, muốn sinh về nước ta, nhẫn đến mười niệm, nếu không vãng sinh về Tịnh quốc, thì ta không thành Chánh giác."

Nay có người nghe được lời Thánh giáo, hiện đời không có một tâm niệm nào, đến khi gần lâm chung mới tu niệm, đó là việc gì?

Đáp: Việc này là không đúng. Vì sao? Kinh nói: "Mười niệm tương tục tưởng như không khó. Nhưng chúng sinh phàm phu, tâm như ngựa hoang, thức như loài khỉ, níu kéo theo lục trần, biết bao giờ mới dừng nghĩ." Vậy cần phát tín tâm, để khắc niệm, khiến cho tích tập lâu ngày thành tánh, từ đó mà thiện căn thêm kiên cố. Như Phật bảo với Đại vương: "Người tích tụ hạnh thiện, khi chết không khởi lên ác niệm. Như cây trước khi nghiêng, tất phải tùy theo hướng cây cong mà ngã. Như gió đao một khi thổi đến, thì trăm sự khổ sẽ theo bức bách thân." Nếu không tích tập tu thì hoài niệm lấy gì để biện luận? Vậy khuyên các vị đồng tu, nên dự kết lấy lời ngôn yếu này, lúc lâm chung cần nhất tâm xưng niệm A-di-đà Phật, nguyện sinh về nước An lạc. Mỗi mỗi nối tiếp tức sẽ thành mười niệm, như vậy cho đến khi dứt hơi thở, liền được vãng sinh về Tịnh quốc. Một khi đã nhập vào chánh định tụ, thì còn lo âu gì nữa. Các vị nên so sánh các điều lợi lớn, tại sao lại không dự bị khắc niệm!

Lại hỏi: Trong tất cả các kinh luận Đại thừa đều nói, tất cả chúng sinh, cuối cùng là vô sinh, dụ như hư không. Vậy sao nói các vị Long Thọ, Thiên Thân lại nguyện vãng sinh?

Đáp: Nói chúng sinh cuối cùng cũng trở thành vô sinh như hư không là có hai nghĩa:

1) Như sở kiến của người phàm phu, thì thật là chúng sinh, thật

là sinh tử vậy. Nếu căn cứ vào sự vãng sinh của Bồ-tát mà nói, thì cứu cánh như hư không, như sừng thỏ.

2) Nay nói sinh đó là do nhân duyên sinh. Nhân duyên sinh chính là do giả danh mà sinh ra. Giả danh sinh tức là vô sinh, tức không trái với lý đại đạo. Chẳng phải như phàm phu, nghĩa thật là chúng sinh, thật là sinh tử.

Lại hỏi rằng: Phàm sinh ra phải có căn nguyên, đó là căn nguyên của khổ lụy. Nếu biết lỗi này, thì bỏ sinh mà cầu vô sinh, tất sẽ được giải thoát. Nay đã khuyên sinh về Tịnh độ, tất là bỏ sinh để cầu sinh, thì sinh nào có thể dứt tận?

Đáp: Nhưng cõi Tịnh độ là nơi vãng sinh vô sinh của Phật A-di-đà thanh tịnh bản nguyện, chẳng phải như chúng sinh trong ba cõi chấp trước trong chỗ sinh hư vọng ái nhiễm. Vì sao? Phàm pháp tánh thanh tịnh cứu cánh ấy là vô sinh, mà nói sinh đó chính là do phàm tình sinh ra.

Lại hỏi: Như trên nói thì biết sinh vốn là Vô sinh, đó là những bậc sinh trong hàng Thượng phẩm. Như vậy, người sinh trong Hạ phẩm nương vào mười niệm mà được vãng sinh, há chẳng phải là chấp chỗ thật sinh sao? Nếu thật sinh đó tức là rơi vào hai lưới nghi: Một là sợ không được vãng sinh; Hai là tướng thiện này không thể làm nhân cho vô sinh vậy.

Đáp: Để giải thích điều này, gồm có hai ý:

1) Ví như đem hạt ma-ni châu tịnh khiết đặt dưới nước bùn nhơ. Nhờ uy lực của hạt châu liền làm cho nước lắng trong ngay. Như vậy, dù người bị tội nghiệp sinh tử vô lượng, nếu nghe danh hiệu Phật A-di-đà chí cực thanh tịnh vô sinh như bảo châu, đem ném vào tâm ô trược, thì trong mỗi niệm tội diệt, tâm liền thanh tịnh, liền được vãng sinh.

2) Như ngọc ma-ni trong suốt, gói vào trong vải màu vàng huyền ném xuống nước, nước liền trở thành màu vàng đen, màu sắc như vật vậy. Cõi Phật thanh tịnh có danh hiệu A-di-đà Như Lai Bảo Châu Vô Thượng, được vô lượng công đức bao bọc thành tựu, nếu ném tâm vào trong cõi vãng sinh, há không thể chuyển từ sinh thành Vô sinh sao? Cũng như băng ở trên lửa, lửa lớn thì băng tan, băng tan thì lửa tắt. Nếu vãng sinh trong cõi Hạ phẩm, tuy không biết pháp tánh Vô sinh, nhưng do xưng danh hiệu Phật, tác ý vãng sinh, nguyện sinh về cõi kia, đã đến thời Vô sinh giới, thì thấy lửa sinh tự nhiên diệt.

Lại hỏi rằng: Nương vào thân nào để nói vãng sinh?

Đáp: Ở đây nói người giả danh tu các hạnh môn, niệm trước cùng

niệm sau làm nhân. Người giả danh ở uế độ thì Tịnh độ cũng giả danh, không nhất định là một, không nhất định khác. Tâm trước tâm sau cũng như thế. Vì sao? Nếu quyết định là một, thì không có nhân quả; nếu quyết định là khác, thì chẳng phải tương tục. Vì nghĩa đó, mà ngang dọc tuy có khác, trước sau cũng chỉ một người hành trì.

Hỏi: Nếu người chỉ có thể xưng danh hiệu Phật, thì hoặc chướng sẽ tiêu trừ hết. Cũng vậy, ví như người lấy tay chỉ mặt trăng, thì ngón tay này nên có thể phá trừ hết tăm tối vậy?

Đáp: Vạn pháp đều sai biệt, không thể một lần mà khái quát cả. Vì sao? Từ có danh mà có pháp, tự nơi có danh mà khác pháp. Có danh tức là pháp đó. Cũng như danh hiệu của chư Phật và Bồ-tát là do phiên âm từ tiếng Phạm mà ra; chương cú Tu-đa-la cũng vậy. Như từ ngữ Phạm chú nói: "Mặt trời xuất hiện ở phương Đông, khi đỏ khi vàng, giờ Dậu giờ hợi thì lại lặn", người gặp hoạn nạn cũng qua khỏi. Như có người bị chó cắn, nấu cao hổ cốt thoa vào thì hoạn đó liền giảm. Hoặc không có xương cốt, gặp lúc nguy hiểm, tay nắm lại miệng nói hổ đến hổ đến, thì bệnh cũng dứt. Hoặc có bị đau từ chân chuyển vào gân, thì nấu cây Mộc qua xức vào, hoạn kia liền hết. Nếu không có Mộc qua, thì lấy tay chà lên đó miệng gọi "Mộc qua, Mộc qua" thì bệnh cũng hết. Thân ta đạt được công hiệu như vậy là vì sao? Vì danh tức là pháp vậy. Có danh mà khác pháp đó, như lấy tay chỉ vào mặt trăng vậy.

Lại hỏi rằng: Nếu người chỉ xưng niệm danh hiệu Di-đà, có thể làm tiêu trừ vô minh hắc ám của chúng sinh thì được sinh qua đó. Nhưng có chúng sinh xưng danh nhớ niệm, mà vô minh vẫn còn, không đủ như sở nguyện, là ý thế nào?

Đáp: Do tu hành không như thật, cùng danh nghĩa không có tương ưng. Vì sao? Là do không biết thân của Như Lai là thật tướng.

Lại có ba loại bất tương ưng:

1) Tín tâm không dừng, như còn như mất.

2) Tín tâm bất nhất, nghĩa là không quyết định.

3) Tín tâm không tương tục, vì xen tạp các niệm khác, mất đi tướng thâu nhiếp. Nếu có thể tương tục thì là nhất tâm. Chỉ khi nhất tâm mới có thể dừng tâm. Ba tâm này một khi đã có đủ, nếu không vãng sinh là không có vậy.

PHẦN 3

Trong phần thứ ba này được chia làm bốn nội dung:

- Nói về việc nan hành đạo, dị hành đạo.
- Nói về kiếp lớn nhỏ không đồng.
- Nói về vô thỉ kiếp đến nay, ở trong ba cõi năm đường, nương theo hai nghiệp thiện ác, thọ hai báo khổ vui , luân hồi đến vô tận, thọ sinh tử vô số.
- Đem Thánh giáo chứng thành, khuyên chúng sinh đời sau gắng siêng tin tưởng cầu vãng sinh.

I. Nói Về Nan Hành Đạo Và Dị Hành Đạo:

Trong nội dung này gồm có hai ý:

1. Nêu ra hai thứ đạo nan và dị.
2. Phần vấn đáp giải thích.

Ta đang ở trong nhà lửa, nghĩ thật đáng sợ. Ngưỡng mong ba xe của Đại Thánh chiêu cảm an ủi. Vả lại, các loại xe nai, xe dê rằng khó đạt được đến đích. Phật quở trách tà chấp, làm chướng ngại cầu quả Bồ-đề, về sau có hồi hướng cũng là quanh co. Như đi đường tắt bằng xe lớn cũng chỉ một đường, chỉ sợ là ở nơi hiện cư thối vị, đường hiểm lâu xa, đức quả chưa lập, khó mà tiến tới được. Cho nên, Bồ-tát Long Thọ nói: “Cầu quả A-bệ-bạt trí có hai thứ: Một là Nan hành đạo; Hai là Dị hành đạo.”

Nói Nan hành đạo đó, nghĩa là ở trong đời ngũ trược, vào thời không có Phật, cầu quả A-bệ-bạt trí thật là khó. Khó này là do có nhiều đường, lược thuật lại thì có năm thứ:

1) Làm thiện như ngoại đạo, làm não loạn đạo Bồ-đề.

2) Chúng Thanh văn tự lợi, làm chướng tâm đại Bi.

3) Bị ác nhân phá hết thắng đức.

4) Hàng nhân Thiên thiện quả điên đảo, làm hoại phạm hạnh của người.

5) Chỉ có tự lợi, không trì tha lực. Như các việc này, chạm mắt đều thấy rõ.

Ví như trên đất bằng, đi bộ thì khổ, cho nên nói là Nan hành đạo. còn gọi là Dị hành đạo tức là lấy nhân duyên tin Phật, nguyện sinh về Tịnh độ, khởi tâm lập đức, tu các hạnh nghiệp, nhờ nguyện lực của Phật, liền được vãng sinh. Vì Phật lực trụ trì, liền nhập vào Đại thừa Chánh định tụ. Chánh định tụ đó tức là A-tỳ-bạt-trí bất thoái vị. Ví như đường thủy, đi thuyền thì vui, cho nên nói là Dị hành đạo.

Hỏi: Bồ-đề là một, tu nhân chẳng phải là hai. Tại sao ở đây nói

tu nhân hướng Phật quả thì tên gọi là Nan hành còn vãng sinh Tịnh độ, đắc đại Bồ-đề thì gọi là Dị hành đạo?

Đáp: Các kinh Đại thừa đều nói, tất cả hành pháp, đều có tự lực tha lực, tự nhiếp, tha nhiếp.

Sao gọi là tự lực? Ví như có người sợ việc sinh tử, phát tâm xuất gia, tu định phát thông tuệ, du hành khắp bốn phương, đó gọi là tự lực.

Sao gọi là tha lực? Như có hạng phàm phu, tự thân mình không thể vươn lên. Nếu nương theo bánh xe của Luân Vương thì có thể bay lên hư không, du hành khắp thiên hạ. Đây là nhờ vào uy lực của Luân Vương, cho nên gọi là tha lực.

Chúng sinh cũng như vậy, ở đây khởi tâm lập hạnh, nguyện sinh về Tịnh độ, đây là do tự lực. Khi sắp lâm chung, Phật A-di-đà phóng quang tiếp dẫn, liền được vãng sinh đó tức là tha lực. Cho nên trong Đại kinh nói: "Trời người trong mười phương muốn cầu sinh về nước ta, đều nhờ nguyện lực của Phật A-di-đà làm tăng thượng duyên." Nếu không như thế, thì bốn mươi tám nguyện làm sao có thể lập được? Người học Phật nhờ có tha lực để nương nhờ, không còn tự hạn chế nơi mình ở trong nhà lửa.

II. Nói Về Đại Kiếp Và Tiểu Kiếp:

Như trong Trí Độ luận nói: "Kiếp có ba loại: Một là tiểu kiếp; hai là trung kiếp; ba là đại kiếp."

Ví như một kinh thành, vuông vức rộng bốn mươi dặm, cao, rộng cũng vậy. Trong thành đó chứa đầy hạt cải, có chư Thiên trường thọ, cứ ba năm thì gieo một hạt cải, cho đến khi nào hết số hạt cải ấy thì đó là một tiểu kiếp.

Hoặc thành vuông tám mươi dặm, cao rộng đều như thế, có đầy hạt cải ở trong, rải cho hết như ở trên, đó là một trung kiếp.

Hoặc có thành cao rộng đều một trăm hai mươi dặm, chứa đầy hạt cải trong đó, và cũng đem rải hết như đã nói ở trước, đó gọi là một đại kiếp.

III. Nói Về Vô Thỉ Kiếp Đến Nay:

Chúng sinh từ vô thỉ đến nay, luân hồi sinh tử không dứt, thọ thân vô số. Như trong Trí Độ luận nói: "Loài người ở trong đó, hoặc từ nhà họ Trương chết đi rồi sinh vào nhà họ Vương; hoặc từ nhà họ Vương chết đi rồi sinh vào nhà họ Lý. Cứ như thế sinh cùng trong pháp giới. Hoặc sinh vào trùng nhà, hoặc sinh vào khác nhà, hoặc chết ở cõi Diêm-phù-đề rồi sinh vào cõi Tây Câu-da-ni. Các cõi khác cũng như

thế. Hoặc như người trong bốn châu thiên hạ chết đi, sinh lên cõi trời Tứ Thiên vương như thế. Hoặc người ở Tứ Thiên vương chết, sinh vào Đao lợi thiên. Người ở Đao lợi thiên chết lại sinh vào cõi Tứ Thiên cũng đều thế cả. Sắc giới có mười tám cõi trời; Vô sắc giới có bốn tầng trời. Ở đây chết thì sinh vào nơi kia, mỗi mỗi đều biến cũng thế. Hoặc trong cõi Sắc giới chết lại sinh vào trong A-tỳ địa ngục. Trong A-tỳ địa ngục chết lại sinh vào các địa ngục nhẹ hơn. Trong các địa ngục nhẹ hơn khi chết lại sinh vào loài súc sinh. Trong loài súc sinh chết lại sinh vào ngạ quỷ. Ngạ quỷ chết hoặc lại sinh vào trời người. Như thế, chúng sinh luân hồi trong lục đạo, thọ hai quả báo khổ vui, sinh tử vô cùng. Trong loài thai sinh đã như thế, ba loài khác cũng thế. Cho nên trong kinh Chánh Pháp Niệm có nói: "Bồ-tát hóa sinh bảo chư Thiên chúng: Phàm phu trải qua trăm ngàn lần sinh, đắm trước phóng dật trong lạc thú không lo tu đạo; không biết là khi phước hết, sẽ trở lại đọa trong tam đồ khổ não." Cho nên, trong kinh Niết-bàn nói: "Thân này là tích tập các điều khổ, tất cả đều là bất tịnh, triền phược, cho đến thân của hàng chư Thiên ở trên cũng lại như thế."

Vì vậy kinh ấy cũng khuyên tu bất phóng dật. Vì sao? Vì phóng dật là căn bản của tội ác. Không phóng dật là cội nguồn của điều thiện.

Như ánh nhật nguyệt là tối thượng trong các thứ ánh sáng, pháp bất phóng dật cũng như thế, ở trong các pháp thiện nó là tối thượng. Cũng như Tu-di là vua trong các núi, pháp bất phóng dật cũng như thế, là tối thiện trong các pháp thiện. Vì sao? Vì tất cả pháp ác đều do phóng dật sinh ra; tất cả pháp thiện đều lấy bất phóng dật làm căn bản.

Hỏi: Tuy nói là từ vô thỉ kiếp đến nay chúng sinh luân hồi vô tận, mà chưa biết ở trong một kiếp thọ biết bao nhiêu là thân chúng sinh?

Đáp: Như kinh Niết-bàn nói: "Đem cây cỏ trong ba ngàn đại thiên thế giới, cắt ra thành bốn tấc, để đếm số thân cha mẹ đã làm ở trong một kiếp cũng không thể hết." Hoặc nói: "Một kiếp uống sữa mẹ nhiều hơn bốn biển lớn." Hoặc nói: "Trong một kiếp tích thân cốt như núi Tỳ-phú-la." Như thế, từ kiếp lâu xa đến nay, chúng sinh luân hồi sinh tử cho đến nay không thể tính hết. Thật là thương xót!

Lại hỏi: Đã nói là từ vô thỉ kiếp đến nay, chúng sinh thọ thân vô số ấy là nói tổng quát, làm cho người nghe nhàm chán, hay là cũng có kinh luận làm chứng?

Đáp: Đây đều là Thánh giáo văn tữ rõ ràng. Vì sao? Như kinh Pháp Hoa có nói: "Trong kiếp quá khứ lâu xa không thể nói, có Đức Phật ra đời hiệu là Đại Thông Trí Thắng Như Lai. Bấy giờ có mười

sáu vị vương tử, cùng thăng toà thuyết pháp, giáo hóa chúng sinh. Mỗi vị vương tử đều giáo hóa sáu trăm vạn ức na-do-tha hằng hà sa chúng sinh. Từ khi Đức Phật diệt độ đến nay, thật là lâu xa, vẫn không thể tính biết." Vì sao? Kinh nói: "Thâu lấy tất cả đại địa trong tam thiên thế giới mài làm mực." Phật nói: "Có người đi qua một ngàn nước lấy mực chấm một điểm. Trải qua như thế cho khắp hết các đại địa." Phật bảo: "Người đó đi qua các quốc độ, nếu có chấm hay không chấm, cho đến hết các vi trần, mỗi trần là một kiếp. Từ khi Đức Phật ấy diệt độ đến nay, trải qua các số vi trần hơn thế. Chúng sinh ngày nay chính đã từng thọ giáo pháp của mười sáu vị vương tử kia." Cho nên trong kinh nói: "Vì bản nhân duyên như thế, nên Phật thuyết kinh Pháp Hoa."

Kinh Niết-bàn lại nói: "Dù là vương tử, là người nghèo, hai người như thế cùng qua lại." Nói vương tử đó chính là Đức Thích-ca bây giờ, là vị vương tử thứ mười sáu vậy. Nói người nghèo đó, là chúng sinh vậy.

Hỏi: Ở đây nói chúng sinh luân hồi trong nhiều kiếp. Nhưng ở trong ba cõi, vào nẻo (thú) nào nhiều?

Đáp: Tuy nói là lưu chuyển, nhưng thọ nhận trong ba nẻo ác là nhiều. Như kinh nói: "Ở trong hư không lấy vuông vức tám khuỷu tay. Từ đất cho đến trời Sắc cứu cánh, ở đây có thể nhìn thấy chúng sinh rất nhiều trong tam thiên đại thiên thế giới." Như vậy đủ biết thân chúng sinh ở trong ba nẻo ác rất nhiều. Vì sao? Vì ác pháp dễ khởi, thiện tâm khó sinh. Nay chỉ xem những chúng sinh trong hiện tại, nếu được phú quý thì duy chỉ phóng dật phá giới mà thôi. Trong cõi trời lại đắm trước vào lạc cảnh. Cho nên trong kinh nói: "Chúng sinh lưu chuyển, thường lấy ba nẻo ác làm nhà. Cõi trời người chỉ tạm đến rồi đi, nên gọi đó là khách xá vậy."

Nay dựa vào Đại Trang Nghiêm luận, khuyên tất cả chúng sinh cần nên buộc niệm hiện tiền. Kệ nói:

Khi đương thời chẳng lo
Giải đãi không tinh tấn
Tham làm việc mưu sinh
Không tu thí giới thiền
Đến khi sinh tử đến
Mới hối cầu tu thiện.
Người trí nên quán xét
Trừ đoạn năm dục tưởng.
Tinh cần tu tập tâm

Trọn đời không hối hận
Tâm ý đã chuyên chú
Không một niệm thác loạn
Người trí cần chuyên tâm
Lâm chung ý không tán.
Không tập tâm chuyên chú
Lâm chung ắt tán loạn
Nếu lúc tâm tán loạn
Như điều ngựa, dùng cương
Như lúc đang chiến đấu
Xoay chuyển không đi thẳng.

Hỏi: Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh. Vậy thì muôn số kiếp đến nay, đáng lý phải gặp nhiều Đức Phật ra đời, cớ sao cứ mãi luân hồi trong sinh tử, chưa ra khỏi nhà lửa?

Đáp: Xét theo Đại thừa Thánh giáo, bởi chúng sinh không đạt được hai loại thắng pháp để thoát ly sinh tử, cho nên không thể ra khỏi nhà lửa. Hai thắng pháp đó là gì? Một là Thánh đạo; hai là vãng sinh Tịnh độ. Nói Thánh đạo đó thì đời nay rất khó chứng. Bởi thứ nhất là do cách bậc Thánh đã lâu; thứ hai là do lý sâu mà hiểu cạn. Cho nên trong kinh Đại Tập Nguyệt Tạng nói: “Trong đời mạt pháp, tuy có ức ức chúng sinh tu đạo khởi hạnh, nhưng chưa có người nào đắc đạo”. Nay đời mạt pháp ngũ trược ác thế, chỉ có nhị môn Tịnh độ là có một thể thông nhập cho tất cả chúng sinh. Cho nên trong Đại kinh nói: “Như có chúng sinh, một đời tạo nghiệp ác, khi sắp lâm chung, niệm liên tục mười niệm, xưng danh hiệu của ta, nếu không vãng sinh về Cực lạc thì ta không thành Chánh giác.”

Lại có chúng sinh không thể tự lượng. Nếu căn cứ vào các pháp, Chân như, Thật tướng, Đại thừa Đệ nhất nghĩa không thì họ chưa từng dựa vào tâm. Nếu luận theo Tiểu thừa, tu nhập vào kiến đế tu đạo, thì từ Tu-đà-hoàn cho đến A-na-hàm, A-la-hán, từ đoạn năm phần hạ kiết sử, đến trừ năm phần thượng kiết sử, không kể đạo tục, chưa có thể phân định. Giả như có quả báo của hàng nhân Thiên, đều là do tu năm giới, mười thiện mà chiêu lấy báo này, nhưng người đạt được rất ít. Nếu luận về khởi ác tạo nghiệp, thì chẳng khác gì mưa to gió lớn! Vì lòng Từ bi mà chư Phật khuyên tu Tịnh độ. Giả như một đời tạo nghiệp, chỉ có thể buộc niệm chuyên tinh, thường có thể niệm Phật, thì tất cả chướng ngại tự nhiên cũng được tiêu trừ, nhất định sẽ được vãng sinh. Vì sao chúng ta không tư duy suy lượng, mà tất cả lại không dụng tâm vậy?

IV. Dẫn Kinh Llàm Chứng, Khuyến Tín Vãng Sinh:

Nội dung thứ tư từ đây trở đi. Đều dẫn kinh luận làm chứng, khuyên chúng sinh phát tín tâm cầu vãng sinh.

Theo kinh Quán Phật Tam-muội nói : "Bấy giờ, trong hội có Bồ-tát Tài Thủ bạch Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Con nhớ trong quá khứ vô lượng kiếp, có Phật ra đời, cũng danh hiệu là Thích-ca Mâu Ni. Sau khi Đức Phật ấy diệt độ, có một vị vương tử tên là Kim Tràng, kiêu mạn tà kiến, không tin chánh pháp.

Có Tỳ-kheo tri thức tên là Định Tự Tại, bảo Vương tử rằng:

- Đời có tượng Phật, rất là đẹp, có thể tạm vào trong tháp, quán hình tượng Phật."

Bấy giờ vương tử theo lời thiện hữu, vào tháp quán tượng, thấy tướng hảo của tượng, bèn nói rằng:

- Thưa Tỳ-kheo, tượng Phật đoan nghiêm, còn đẹp như thế , huống là thân Phật thật.

Tỳ-kheo bảo:

- Vương tử nay thấy tượng Phật đó, nếu không đảnh lễ thì nên xưng Nam-mô Phật. Vương tử trở về cung suy nghĩ, nghĩ tượng ở trong tháp, tức thì sau đêm đó Vương tử mộng thấy tượng Phật, tâm rất hoan hỷ, xa lìa tà kiến, quy y Tam bảo. Nhờ đó, sau khi mạng chung, do công đức lúc trước vào tháp xưng danh hiệu Phật, liền gặp được chín trăm ức na-do-tha Phật. Đối với chư Phật thì chuyên cần tinh tấn, thường đắc niệm Phật Tam-muội, được lực niệm Phật Tam-muội, chư Phật hiện tiền đều cùng thọ ký. Từ đó đến nay, trăm vạn A-tăng-kỳ kiếp, vương tử ấy không đọa ác đạo, nhẫn đến hôm nay đắc được Thủ-lăng-nghiêm Tam-muội. Vương tử đó nay chính là Tài Thủ con vậy.

Bấy giờ, trong hội liền có chư Đại Bồ-tát mười phương, số nhiều vô lượng, mỗi vị đều nói về bổn duyên, đều do niệm Phật mà được. Phật bảo A-nan:

- Quán niệm Phật Tam-muội, là vị thuốc trị cho tất cả chúng sinh phạm tội , bảo hộ người phá giới, hướng đạo người lạc đường, mắt cho người bị mù lòa, là trí tuệ cho kẻ ngu si ám độn, là ngọn đèn nơi tăm tối, là vị tướng đại dũng mãnh đối với giặc phiền não. Nơi chư Phật thường qua lại là Thủ-lăng-nghiêm, các đại Tam-muội thường xuất ra ở đây.

Phật lại bảo A-nan:

- Ông nên khéo thọ trì, chớ để quên mất. Ba đời chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai đều thuyết giảng về Tam-muội này như vậy.

Ta cùng với mười phương chư Phật và một ngàn vị Phật trong đời Hiền kiếp, từ sơ phát tâm, đều nhân có lực niệm Phật Tam-muội mà được Nhất-thiết-chủng-trí.

Lại như trong kinh Mục-liên Sở Vấn, Phật bảo Mục-liên:

- Ví như vạn dòng sông chảy dài, có bọng cây nổi lên, trước không nhìn sau, sau không nhìn trước, cùng tuôn vào biển lớn. Thế gian cũng như vậy, tuy là có người hào quý, giàu có sung sướng tự tại, thảy không tránh khỏi sinh, lão, bệnh, tử. Chỉ do không tin vào kinh Phật, đời sau làm người, lại càng khốn khổ hơn, không thể được sinh vào ngàn Phật quốc. Cho nên ta nói nước Vô lượng thọ là nơi dễ đến dễ giữ. Mà nếu người không tu niệm cầu vãng sinh, lại tin theo ngoại đạo, ta cho đó là người vô trí không có mắt, không có tai.

Kinh giáo đã nói như vậy, tại sao chúng ta lại không bỏ việc khó, y vào sự dễ để hành đạo?

■

AN LẠC TẬP

Thích Đạo Xước biên soạn.

QUYỂN HẠ

PHẦN 4

Trong phần thứ tư này gồm có ba nội dung chính:

- Dựa vào Tam tạng Pháp sư ở Trung Quốc, cùng các vị Đại đức ở đây, đều xét kỹ ở trong Thánh giáo, tán thán quy hướng về Tịnh độ. Nay lấy đó để khuyến tấn quy hướng theo.
- Căn cứ vào các kinh thuộc Tịnh độ và các bộ kinh Đại thừa, thì sự tu nhập của phàm Thánh, phần nhiều lấy niệm Phật Tam-muội làm môn trọng yếu.
- Vấn đáp giải thích: Nói người niệm Phật được nhiều công đức lợi ích, không thể nghĩ bàn.

I. Nội Dung Thứ Nhất:

Y vào chỗ sở hành quả chư vị đại đức ở đây và Trung Quốc, tôi chỉ biết đưa quạt che mặt vào tường, há lại dám tự thị. Chỉ vì lúc đi tham học, tôi được thừa giáo của chư sư. Đó là ai? Là Tam Tạng Lưu Chi, là một vị Pháp sư Đại thừa của Trung Quốc. Kế đến thì có Đại đức xa tránh các điều danh lợi là Tuệ Sủng Pháp sư. Kế đến là các vị Đại đức thường diễn pháp, mỗi lần đều cảm được Thánh tăng đến nghe, thì có Pháp sư Đạo Tràng, tiếp theo thì có Đại đức Hòa Quang Cô Đậu. Cả hai nước đều ngưỡng mộ thì có Pháp sư Đàm Loan. Lại có vị Đại đức thiền quán đều nổi bật là Đại Hải Thiền sư. Kế đến thì có Đại đức thông tuệ giữ giới, thì có Tề Triều Thượng Thống. Nhưng sáu vị Đại đức trước đều là những bậc Thần cảnh nhị đế, chính là giềng mối của Đạo pháp, chí hạnh đều thù thắng, xưa nay thật ít có. Chư vị đều thông suốt Đại thừa, cùng tán thán việc quy hướng Tịnh độ, đó là Vô thượng yếu môn.

Hỏi: Đã nói các Đại đức đó tán thán việc quy hướng Tịnh độ là yếu môn, vậy chẳng biết lúc lâm chung, các vị Đại đức đó có chứng

nghiệm được không?

Đáp: Tất cả đều có, không hề hư dối. Như Pháp sư Đàm Loan, bình thường đều chuyên tu Tịnh độ. Mỗi khi có người quở trách Pháp sư rằng: “Mười phương chư Phật đều là cõi Phật thanh tịnh, Pháp sư sao chỉ cầu về Tây phương, há chẳng phải là thiên kiến sao?”

Pháp sư đáp:

- Ta đã là phàm phu, trí tuệ cạn cợt, chưa đắc quả vị, cho nên cần niệm Phật cho đều. Cũng như đàn trâu ăn cỏ đều buộc tâm vào trong máng cỏ, lẽ nào buông lung thì làm sao có chỗ quy về.

Tuy là có sự phân vân khó giải, nhưng Pháp sư vẫn quyết định tu niệm cầu sinh. Bất kể là tăng hay tục, mỗi khi gặp Pháp sư đều được Ngài khuyến hóa. Nếu người chưa sinh chánh tín, khuyến cho họ được phát sinh. Nếu đã sinh chánh tín rồi, đều khuyên quy về Tịnh quốc. Cho nên, Pháp sư khi lâm chung, hai bên chùa, hàng đạo tục đều thấy phướng hoa ánh sáng chiếu tỏ khắp tự viện. Lại nghe mùi hương lạ, cùng âm nhạc đến nghênh tiếp, ngài liền được vãng sinh. Các vị Đại đức khác, khi lâm chung đều có ứng hiện điềm lành. Nếu muốn nói rõ hết các tướng vãng sinh này thì đều chẳng thể nghĩ bàn.

II. Nội Dung Thứ Hai:

Các kinh điển phần nhiều đều lấy niệm Phật Tam-muội làm tông. Trong đây có tám ý. Hai ý đầu nói về tướng Tam-muội; sáu ý sau chính là duyên y vào tướng mà rõ niệm Phật Tam-muội.

1) Căn cứ vào kinh Hoa Thủ.

Phật bảo Bồ-tát Kiên Ý: Tam-muội có hai loại:

- Nhất tướng Tam-muội.
- Chúng tướng Tam-muội.

Nhất tướng Tam-muội là có Bồ-tát nghe ở thế gian đó, có Đức Phật hiện nay đang thuyết pháp. Bồ-tát giữ lấy Phật tướng, ở trước mặt Phật, hoặc ngồi nơi đạo tràng, hoặc chuyển pháp luân, đại chúng cùng vây quanh. Giữ tướng như thế, thì thâu nhiếp hết các căn, tâm không tán loạn, chuyên niệm một vị Phật, không xả bỏ duyên. Bồ-tát như thế, đối với tướng Như Lai và tướng thế giới là hiểu, là không có tướng. Thường quán như thế, hành như thế không lìa, đó là duyên. Khi đó, Phật tượng đang hiện tiền ở trước mặt, liền vì đại chúng thuyết pháp.

Bồ-tát lúc này rất sinh lòng kính mộ, nghe giáo pháp đó, hoặc sâu hoặc cạn, càng thêm sự thâm trọng. Bồ-tát trụ vào Tam-muội, nghe thuyết các pháp đều là tướng hoại, nghe rồi liền thọ trì, từ Tam-muội

khởi dậy, vì đại chúng mà diễn thuyết pháp đó.

Phật bảo Kiên Ý: Đó là Bồ-tát nhập vào Nhất tướng Tam-muội môn.

2) Căn cứ kinh văn-thù Bát-nhã để nói rõ Nhất hạnh Tam-muội.

Bấy giờ Văn-Thù-sư-lợi bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! vì sao gọi là Nhất hạnh Tam-muội?

Phật bảo: Nhất hạnh Tam-muội là nếu có thiện nam, thiện nữ ở nơi trống trải, xả hết loạn tưởng, tùy theo hướng của Phật, đoan thân chánh niệm, không giữ tướng mạo, chuyên tâm nhất niệm danh hiệu Phật không dừng nghĩ, thì trong niệm đó có thể thấy cả ba đời chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai. Vì sao? Vì công đức niệm một vị Phật là vô lượng vô biên, không khác với công đức niệm vô lượng chư Phật. Đó gọi là Bồ tát hành trì Nhất hạnh Tam muội.

3) Căn cứ vào kinh Niết-bàn.

Phật bảo: Nếu người thường luôn tu niệm Phật Tam-muội, thì chư Phật mười phương luôn luôn hiện ra trước mặt

Vì vậy, trong kinh Niết-bàn nói, Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp: "Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, thường chí tâm chuyên niệm Phật, dù ở trong núi rừng hay trong thôn xóm; dù là ngày hay đêm, lúc ngồi hay nằm, chư Phật thường hiện ra trước mặt người này, hằng thọ thí của vị này."

4) Căn cứ kinh quán và các kinh khác.

Y vào Kinh quán Vô lượng Thọ Phật và các bộ khác thì nói, muôn hạnh đã tu ấy, hễ luôn hồi hướng phát nguyện, thì không ai là không vãng sinh. Nhưng một hạnh niệm Phật mới là con đường chín yếu. Vì sao? Vì xét lường trong Thánh giáo thì nó có lợi ích cả trước và sau. Nếu muốn sinh thiện khởi hạnh, thì phải tu hết các độ. Như muốn diệt ác tiêu tai, thì tổng trị hết các chướng. Cho nên trong kinh nói, chúng sinh niệm Phật thì nhiếp tâm không buông xả, khi lâm chung ắt được vãng sinh. Đây chỉ mới là lợi ích ban đầu. Căn cứ y vào kinh Quán Âm Thọ Ký nói: "Phật A-di-đà trụ thế rất lâu, đến muôn kiếp, rồi cũng diệt độ. Khi Phật nhập Niết-bàn, duy chỉ có Quán Âm, Thế Chí trụ trì cõi An lạc để tiếp dẫn chúng sinh mười phương. Thời gian Phật đó khi diệt độ, cũng đồng như trụ thế. Tất cả chúng sinh ở trước Phật kia đều không nhìn thấy Phật; chỉ có ai một lòng chuyên niệm A-di-đà Phật, cầu vãng sinh thì mới thường thấy Phật A-di-đà hiện tiền, không hề diệt độ." Đây chính là lợi ích chung cuộc vậy. Nếu tu các hạnh môn khác, hồi hướng thì cũng được vãng sinh, nhưng khi Phật diệt độ sẽ có được gặp hay

không gặp. Còn tu môn niệm Phật thì luôn luôn gặp Phật, cho dù đức Phật diệt độ. Cho nên khuyên người đời sau cân nhắc mà tu khiến cho được lợi ích lâu dài.

5) Căn cứ vào kinh Bạn Chu.

Bấy giờ có Bồ-tát Bạt-đà-hòa, nghe ở cõi nước này có Phật A-di-đà, nên thường nghĩ niệm đến Phật. Do sự niệm này nên thấy Phật A-di-đà hiện ra trước mắt, Bồ-tát nhìn thấy Phật liền hỏi:

- Nên hành pháp gì để được sinh về Cực lạc?

Bấy giờ Phật A-di-đà nói với Bồ-tát:

- Muốn sinh về cõi nước ta, thì nên niệm danh hiệu ta chớ cho dứt đoạn, nên niệm thân Phật có ba mươi hai tướng hảo, đầy đủ đức tướng, ánh sáng tỏa chiếu rực rỡ, đoan chánh không gì bằng.

6) Dựa vào Đại Trí độ luận có ba cách giải thích:

a) Phật là Đấng Pháp Vương Vô Thượng, còn Bồ-tát là Pháp thần. Sự tôn trọng hơn hết, duy chỉ có Đức Phật, cho nên thường phải niệm Phật vậy.

b) Có các Bồ-tát tự nói lên rằng:

- Con từ vô thỉ kiếp đến nay, được nhờ Phật trưởng dưỡng nên có Pháp thân này, cùng với trí thân, đại Từ bi thân, mọi thiền định, trí tuệ, vô lượng hạnh nguyện, cũng đều do Phật mà được thành tựu . để báo ân đó, nên chúng ta luôn nguyện được gần Phật. Cũng như chư đại thần được nhờ ân sủng của vua, thường nghĩ về chủ nhân của mình vậy.

c) Có các Bồ-tát lại nói thế này:

- Chúng ta trong nhân địa tu hành gặp phải ác tri thức, nên đã phỉ báng Bát-nhã, đọa vào ác đạo. Trải qua vô lượng kiếp, tuy tu các hạnh khác, mà vẫn chưa ra được. Cuối cùng, được gặp với Thiện tri thức, còn được dạy cho hành trì niệm Phật Tam-muội, tức liền lúc ấy có thể tiêu trừ các hoặc chướng, được giác ngộ giải thoát. Có được sự lợi ích này, cho nên con nguyện không rời xa Phật.

7) Căn cứ vào kinh Hoa Nghiêm.

Dựa theo kinh Hoa Nghiêm nói: "Thà ở trong vô lượng kiếp, chịu đủ mọi điều thống khổ, ta quyết trọn không xa rời Đức Thế Tôn, không thấy được lực tự tại."

Lại nói: "Niệm Phật Tam-muội nhất định thấy Phật. Sau khi mạng chung được sinh về cõi Phật. Cho nên, thấy người lâm chung, phải khuyên họ niệm Phật chỉ cho họ tôn tượng Phật để cung kính chiêm ngưỡng.

Lại Đồng tử Thiện Tài đi các phương cầu Thiện tri thức. Ngài đi

đến chỗ Tỳ-kheo Công Đức Vân, mà thưa rằng:

- Bạch Đại sư! Thế nào là tu Bồ-tát đạo, rồi quy về hạnh nguyện Phổ Hiền?

Tỳ-kheo công đức vân bảo Thiện Tài rằng:

- Tôi ở trong biển trí tuệ của Đức Như Lai, duy chỉ biết có một pháp, đó là niệm Phật Tam-muội môn. Vì sao? Ở trong Tam-muội môn này thấy đều có thể quán thấy tất cả chư Phật và quyến thuộc, cõi Phật nghiêm tịnh, có thể khiến cho chúng sinh xa lìa hết điên đảo. Pháp môn niệm Phật Tam-muội đó, ở trong cảnh giới vi tế thấy tất cả cảnh giới tự tại của chư Phật, muôn kiếp không bị điên đảo. Niệm Phật Tam-muội môn đó, có thể khởi lên tất cả Quốc độ của Phật không hề bị hoại diệt. Thấy được tất cả chư Phật, được ba đời không điên đảo.

Lại nói: Phật pháp sâu xa, rộng lớn vô biên, chỗ tôi biết đó, chỉ có một môn niệm Phật Tam-muội; còn vượt qua hết mọi cảnh giới vi diệu khác, thì ta chưa thể biết vậy.

8) Căn cứ vào kinh Hải Long Vương.

Bấy giờ Hải Long vương bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử cầu sinh về cõi Tịnh độ của Phật A-di-đà, cần nên tu hạnh gì?

Phật bảo Long vương:

- Nếu muốn sinh về nước Cực Lạc kia, nên hành trì tám pháp. Đó là:

1) Thường niệm chư Phật.

2) Cúng dường Như Lai.

3) Tán thán Thế Tôn.

4) Tôn tạo hình tượng Phật, tu các công đức.

5) Hồi hướng nguyện vãng sinh.

6) Tâm không khiếp nhược.

7) Nhất tâm tinh tấn.

8) Cầu đạt được trí tuệ chân chánh của Phật.

Phật bảo Long Vương:

- Nếu tất cả chúng sinh có đầy đủ tám pháp này thì thường không xa rời Phật.

Hỏi: Nếu không đủ tám pháp, có được sinh về cõi Phật không?

Đáp: Nhất định được sinh, không nghi ngờ. Vì sao lại biết? Như khi Phật nói kinh Bảo Vân, "Cũng có nói mười hạnh đầy đủ thì được sinh về Tịnh độ, thường không lìa Phật."

Bấy giờ có Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

- Không tu đủ mười hạnh, thì được vãng sinh không?

Phật bảo: Được vãng sinh. Chỉ cần ở trong mười hạnh ấy, hành trì không gián đoạn một hạnh, thì chín hạnh khác cũng được thanh tịnh, chớ có nghi ngờ!

Lại như trong kinh Đại Thọ Khẩn-na-la Vương có nói:

- Bồ-tát thực hành bốn loại pháp thì thường không lìa Phật. Bốn pháp đó là gì? Đó là:

1) Tự tu pháp thiện, cùng khuyến hóa chúng sinh đều muốn vãng sinh thấy Phật.

2) Tự khuyên và khuyên mọi người cùng vui thích nghe chánh pháp.

3) Tự khuyên và khuyên người phát tâm Bồ-đề.

4) Nhất tâm chuyên chí niệm Phật Tam-muội. Có đầy đủ bốn hạnh này, thì tất cả những nơi sinh ra đều gặp Phật hiện tiền.

Lại trong kinh nói: “Phật nói hành pháp của Bồ-tát có ba mươi hai loại khí: Bố thí là đại phú khí; Nhẫn nhục là đoan chánh khí, Trì giới là Thánh thân khí; ngũ nghịch bất hiếu là núi đao cây kiếm dầu sôi khí; phát tâm Bồ-đề là thành Phật khí; thường niệm Phật vãng sinh Tịnh độ là kiến Phật khí.”

Lược nêu ra sáu thứ, còn các thứ khác không cần thuật ra. Thánh giáo đã chỉ như thế, hành giả nguyện sinh về, tại sao không thường niệm Phật?

Lại y theo kinh Nguyệt Đăng Tam-muội nói: “Niệm tướng hảo và đức hạnh của Phật, có thể khiến cho các căn bất loạn, tâm phù hợp với pháp không bị mê hoặc, được đa văn trí tuệ như biển. Trí trụ ở trong Tam-muội, nhiếp niệm hành trì, ở chỗ kinh hành, có thể thấy được ngàn ức Đức Như Lai, cũng gặp được vô lượng hằng sa Phật.”

III. Nội Dung Thứ Ba:

Vấn đáp giải thích: Nói rõ về pháp niệm Phật Tam-muội có những thứ lợi ích. Nội dung này có năm nghi vấn cần làm rõ.

Hỏi: Nay nói thường tu niệm Phật Tam-muội, là không hành trì các Tam muội khác?

Đáp: Nay nói thường niệm, cũng không phải là không hành các Tam-muội khác, mà chỉ phần nhiều hành niệm Phật Tam-muội. Cho nên nói, thường niệm chẳng phải là hoàn toàn không hành các Tam-muội khác.

Hỏi: Như khuyên thường niệm Phật Tam-muội, so với các Tam-

muội khác có hơn kém chẳng?

Đáp: Niệm Phật Tam-muội thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao lại biết? Như trong Ma-ha-diễn nói: “Các Tam-muội khác chẳng phải là Tam-muội. Vì sao? Hoặc có Tam-muội chỉ có thể trừ tham không thể trừ sân và si. Hoặc có Tam-muội chỉ trừ sân mà không trừ tham và si. Hoặc có Tam-muội chỉ trừ si không thể trừ tham và sân. Hoặc có Tam-muội chỉ trừ chướng hiện tại mà không thể trừ chướng quá khứ, vị lai. Nếu thường tu niệm Phật Tam-muội, thì bất kể là quá khứ, hiện tại, vị lai, tất cả chướng ngại, thảy đều tiêu trừ.”

Hỏi: Người niệm Phật Tam-muội đã có thể tiêu trừ nghiệp chướng, thì được phước, công đức, lợi ích lớn, nhưng không biết có giúp ích gì cho người hành trì được kéo dài tuổi thọ, sống lâu không?

Đáp: Tất nhiên là được. Vì sao? Như trong kinh Duy Vô Tam-muội nói: “Có hai anh em, người anh tin nhân quả, người em không có tín tâm, mà hay khéo biết tướng pháp. Nhân soi vào gương, người em thấy mặt mình hiện tướng sắp chết, không quá bảy ngày nữa. Lúc ấy có một người trí dạy đến hỏi Phật.

Phật bảo: Bảy ngày quả là không sai. Nếu nhất tâm niệm Phật tu giới, thì có thể vượt qua.

Người ấy liền y theo lời dạy của Phật mà nhất tâm buộc niệm. Đến ngày thứ sáu, liền có hai con quỷ đến, chúng nghe có tiếng niệm Phật, nên không tiến vào bắt được, trở về báo với Diêm-la vương.

Diêm vương xem lại sổ bộ rồi bảo:

- Người này do công đức niệm Phật trì giới nên sinh về cõi trời thứ ba (Viêm thiên).”

Lại trong kinh Thí Dụ nói: “Có một trưởng giả nọ không tin tội phước, tuổi đã năm mươi. Bỗng một đêm nằm mộng ông thấy quỷ La-sát cầm thẻ phù đến muốn bắt đi, sự chết chẳng qua là mười ngày nữa. Người ấy thức giấc, rất là lo sợ. Đến sáng tìm đến nhà thầy Tướng coi mộng. Thầy tướng số bói quẻ rồi nói:

- Quỷ La-sát sẽ bắt đi trong vòng mười ngày nữa.

Người ấy càng sợ hãi hơn nữa, mới tìm đến cầu thỉnh Phật.

Phật bảo: Muốn thoát nạn này, từ nay về sau, chuyên tâm niệm Phật, đốt hương trì giới, đốt đèn treo phướng, tin hướng Tam bảo, thì có thể tránh được.

Người ấy y theo lời Phật dạy, nhất tâm tin hướng. Quỷ La-sát đi đến cửa, thấy công đức tu như vậy, không thể bắt đi được, liền trở về. Người kia nhờ nhân duyên công đức này thọ đến trăm tuổi, khi chết

được sinh lên trời. Lại có một vị trưởng giả, tên là Chấp Trì, hoàn trả giới lại cho Phật, hiện đã bị ác quỷ đánh chết."

Hỏi: Niệm Phật Tam-muội chỉ có thể đối trị các điều ác, chỉ nhận quả báo thế gian còn đối với quả báo xuất thế vô thượng Bồ-đề có chiêu cảm được không?

Đáp: Được. Vì sao? Như trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Địa nói: "Bắt đầu từ Sơ địa cho đến Thập địa, ở trong mỗi địa đều nói nhập địa gia hạnh đạo địa đầy đủ công đức lợi mình, không trụ vào đạo, rồi kết luận rằng: Chư Bồ-tát tuy tu hành khác, nhưng đều không lìa pháp niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, cúng dường Tam bảo, đầy đủ các thứ phương tiện diệu lạc." Văn này, chứng tỏ các Bồ-tát, cho đến thượng địa, vẫn thường học niệm Phật, niệm pháp, niệm Tăng, mới có thể thành tựu Vô lượng hạnh nguyện, đầy đủ biển công đức . Huống gì là Nhị thừa, phàm phu cầu sinh Tịnh độ, mà không học niệm Phật! Vì sao? Vì niệm Phật Tam-muội này tức đầy đủ Tứ Nhiếp, Lục Độ, làm bạn đồng hành.

Hỏi: Bồ-tát từ Sơ địa trở lên, cùng chứng lý Chân như đồng như Phật, gọi là sinh tại Phật gia. Tự có thể làm Phật, cứu độ chúng sinh, đâu cần niệm Phật Tam-muội, phát nguyện thấy Phật?

Đáp: Luận về Chân như, thì rộng lớn vô cùng, bằng như hư không, lượng chúng khó tính biết được. Thí như một ngôi nhà lớn tối tăm, nếu chỉ đốt một hai ngọn đèn, thì ánh sáng tuy tỏ chiếu mà không thể sáng hết được. Nếu để nhiều đèn, tuy gọi là đại minh (tỏ sáng) mà sao bằng với ánh sáng mặt trời? Chứng trí của Bồ-tát, đã chứng đắc, tuy so sánh trong từng Địa đều có thứ hạng đáng kể nhưng đâu có thể bằng Phật, như ánh sáng mặt trời.

PHẦN 5

Trong phần thứ năm này có bốn nội dung chính sau:

- Lược nói về sự cần kíp tu đạo để khiến mau chứng quả Bất thoái.
- So sánh giữa Thiền và Tịnh, khuyến khích tin tưởng vãng sinh.
- Nói về hai cảnh Tịnh-uế, cũng gọi là hữu lậu và vô lậu.
- Dẫn kinh giáo chứng minh, khuyến hậu thế tin nguyện vãng sinh.

I. Lược Nói Về Cần Kíp Tu Đạo:

Trong nội dung này gồm có hai ý:

1) Nói rõ sự cần kíp phải tu đạo.

2) Nếu vấn đáp để giải thích.

Nói đến phải tu đạo cần kíp, tức là tất cả chúng sinh không ai mà không chán khổ cầu vui, sợ ràng buộc cầu giải thoát, đều muốn sớm chứng quả Vô thượng Bồ-đề. Muốn vậy thì trước phải phát tâm Bồ-đề, tâm này khó biết khó khởi. Nếu như đã phát tâm, tùy y theo kinh tu tập mười chủng hạnh, bao gồm: Tín, tấn, niệm, giới, định, tuệ, xả, hộ pháp, phát nguyện, và hồi hướng tiến đến Bồ-đề. Nhưng thân tu đạo, liên tục không ngừng, trải qua một vạn kiếp, mới chứng quả vị Bất thoái. Hàng phàm phu ngày nay, niềm tin nhẹ tợ lông, đó là giả danh, cũng gọi là Bất định tụ, là ngoại phàm phu, chưa ra khỏi nhà lửa.

Làm sao biết được như vậy? Theo kinh Bồ-tát Anh Lạc thì cần phải đầy đủ hạnh vị pháp vị mới nhập đạo, cho nên gọi là nan hành đạo. Lại chỉ lấy trong một kiếp, thọ thân sinh tử còn không thể biết hết, huống chi trong muôn kiếp chịu biết bao khổ hoạn? Nếu tin Phật kinh, nguyện sinh về Tịnh độ, tùy thọ mạng dài ngắn, một đời liền đến ngôi vị Bất thoái, bằng công đức tu cả vạn kiếp. Chư Phật tử vì sao không suy lường, không bỏ khó mà cầu dễ?

Như trong Câu-xá luận cũng nói rõ hai loại: nan hành, dị hành. Nan hành tức như trong luận nói: "Ở trong ba A-tăng-kỳ kiếp, trong mỗi mỗi kiếp đều có đủ phước trí tư lương, tất cả chư hành, sáu Ba-la-mật. Mỗi hạnh nghiệp đều có trăm vạn đạo nan hành, mới đầy đủ một vị, đó là nan hành đạo vậy." Dị hành đạo đó, tức trong luận nói: "Như riêng có phương tiện, có giải thoát, gọi là dị hành đạo."

Nay đã khuyên quy về Cực lạc, tất cả hạnh nghiệp đều quy hướng về kia. Nếu chuyên tâm nhất chí, thọ mạng tận nhất định sẽ được vãng sinh. Được sinh về Cực lạc rồi, tức là nơi cứu cánh thanh lương, há không phải là dị hành đạo sao? Cần hiểu rõ ý này .

Hỏi: Như nói nguyện sinh về Tịnh độ, phát nguyện rồi thì khi lâm chung sẽ được vãng sinh. Điều đó có Thánh giáo chứng minh không?

Đáp: Để trả lời câu hỏi này thì có bảy chứng cứ được rút ra từ kinh luận:

1) Như trong Đại kinh nói: "Phật bảo A-nan: Nếu có chúng sinh, muốn trong đời này thấy Phật Vô Lượng Thọ, nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tu hành công đức, nguyện sinh về nước kia, tức sẽ được vãng sinh." Cho nên trong Đại kinh có bài tán thán rằng:

Như nghe Đức hiệu Phật A-di-đà,
Hoan hỷ tán ngưỡng tâm quy y,
Do nhất niệm được lợi ích lớn,
Thế là đầy đủ công đức bảo.
Giả như lửa tràn khắp đại thiên,
Cũng nên vượt qua nghe Phật danh,
Nghe Phật A-di-đà không thoái chuyển,
Thế nên chí tâm cúi đầu lễ.

2) Dựa vào Kinh quán, ở trong chín phẩm đều nói, khi qua đời mà chánh niệm thì liền được vãng sinh.

3) Như trong Khởi Tín luận nói: "Dạy chúng sinh quán Chân như bình đẳng nhất thật. Cũng có Bồ-tát mới phát tâm Bồ-đề còn yếu đuối, tự cho là không thể gặp được Phật, thân cận cúng dường, ý muốn thoái chuyển. Nên biết, Như Lai có phương tiện thù thắng, nhiếp hộ người có tín tâm. Nghĩa là lấy nhân duyên chuyên ý niệm Phật, thuận theo nguyện mà được vãng sinh. Vì thường thấy Phật, nên vĩnh viễn xa lìa ác đạo."

4) Trong kinh Cổ Âm Đà-la-ni nói: "Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta nay vì các ông mà diễn nói về thế giới Tây phương an lạc. Hiện nay có Phật hiệu là A-di-đà. Nếu có bốn chúng có thể chánh thọ trì danh hiệu Phật, giữ tâm kiên cố, ghi nhớ không quên, sau mười ngày đêm, trừ bỏ hết sự tán loạn, tinh cần tu tập niệm Phật Tam-muội, nếu có thể niệm niệm không dứt, trong mười ngày liền được vãng sinh, tận mắt thấy Phật A-di-đà."

5) Theo kinh Pháp Cổ lại nói: "Nếu người khi lâm chung mà không thể tác niệm, chỉ cần biết bên cõi Tây phương có Phật, liền có ý cầu vãng sinh, liền được vãng sinh."

6) Như trong kinh Thập Phương Tùy Nguyện Vãng Sinh có nói: "Nếu có người khi lâm chung, hoặc sau khi chết bị đọa vào địa ngục, hàng quyến thuộc vì người mất mà niệm Phật, chuyên tụng trai phước, thì người mất đó liền thoát khỏi địa ngục, vãng sinh về Tịnh quốc."

Huống chi bây giờ mọi người tự mình tu niệm, sao lại không được vãng sinh? Cho nên trong kinh nói rằng: "Hiện tại quyến thuộc vì người mất mà cầu phước, như cúng cho người, ắt sẽ được ăn."

7) Rộng dẫn chứng từ các kinh như trong kinh Đại Pháp Cổ nói: "Như có thiện nam, thiện nữ nào có thể chuyên tâm xưng danh hiệu chư Phật, thì mười phương chư Phật, tất cả các bậc Thánh hiền thường thấy người này, như hiện ra trước mặt. Vì thế mà kinh này được gọi là "Đại

Pháp Cổ". Nên biết, người này ở trong mười phương Tịnh độ đều tùy nguyện vãng sinh."

Lại nữa, trong kinh Đại Bi có nói: "Sao gọi là Đại Bi? Nếu như người chuyên niệm Phật liên tục không gián đoạn, thì khi qua đời, nhất định sẽ được vãng sinh. Nếu cùng khuyên người hành trì niệm Phật, nên biết những người này được gọi là người hành Đại bi vậy." Cho nên trong kinh Niết-bàn nói: "Phật bảo Đại vương: Nếu như mở kho tàng lớn, bố thí cho tất cả chúng sinh trong một tháng, thì công đức đó không bằng người xưng niệm danh hiệu Phật một câu; công đức ấy rất lớn, không thể suy lường."

Lại như trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói:

Phật bảo A-nan:

- Có chúng sinh nào cúng dường cho hết thảy mọi người trong cõi Diêm-phù-đề này các thứ y phục, thức ăn, ngoạ cụ, thuốc thang... thì bì, mọi công đức ấy có nhiều không?

A-nan thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Rất nhiều! Không thể đo lường hết được.

Phật bảo A-nan:

- Nếu có chúng sinh thiện tâm liên tục, xưng danh hiệu Phật, thì trong khoảng thời gian vắt một đấu sửa công đức có được còn nhiều gấp bội, không thể đo lường hết được.

Trong Đại Phẩm kinh nói: "Nếu người tán tâm niệm Phật, cho đến khổ hết mà phước cũng không tận. Nếu người rải hoa niệm Phật, nhẫn đến hết khổ, mà phước cũng không tận." Cho nên biết, niệm Phật được công đức lợi lớn không thể nghĩ bàn. Trong kinh Thập Vãng Sinh và các kinh Đại thừa, đều có văn chứng, không thể dẫn chứng đầy đủ.

II. So Sánh Thiền Và Tịnh Để Khuyến Tín Vãng Sinh:

Thứ đến so sánh với Thiền quán, khuyên người cầu vãng sinh. Chỉ có người ở cõi uế độ này cảnh loạn tâm tưởng nên khó nhập định cho dù tu đắc cũng chỉ đạt được sự định, phần nhiều thích đắm vị thiền. Lại chỉ có thể hàng phục nghiệp báo, sinh về thượng giới, mạng hết phần nhiều bị thoái chuyển. Cho nên trong Trí Độ luận nói:

Đa văn trì giới thiền
Chưa đắc pháp vô lậu
Tuy có công đức này
Mà việc chưa thể tin.

Nếu muốn hướng về Tây phương tu tập, về cảnh sự thì thanh tịnh sáng suốt, định quán dễ thành, trừ tội nghiệp nhiều kiếp, vĩnh viễn tinh tiến, cứu cánh thanh lương thì, như trong Đại kinh đã nói rõ.

Hỏi: Nếu cảnh giới Tây phương thù thắng, có thể được thiền định chiêu cảm, thì sắc giới thiên này kém, không nên do thiền định chiêu cảm?

Đáp: Nếu luận về nhân tu định, thì thông suốt cả hai. Muốn đạt quả vị Bất thoái chuyển ở cảnh giới kia, thì phải nhờ tha lực hộ trì. Cho nên nói là thù thắng. Cõi này tuy cũng tu định, nhưng chỉ có nhân tự phần, không có tha lực nhiếp hộ, nghiệp hết thì khó tránh bị thoái đọa. Do đó mà nói là không bằng.

III. Nói Về Hai Cõi Tịnh Và Uế, Hữu Lậu Và Vô Lậu:

Nếu luận về cảnh giới ở xứ này, chỉ có ba đường khổ hãi, đất thì đầy núi hang sông rạch, cát đá, cây cỏ gai góc, gió to mưa lớn, sấm chớp dậy trời, độc xà thú dữ, tà đạo ác tặc, hỗn loạn phá tán, tam tai làm cho bại hoại. Nói về chánh báo thì có tam độc bát đảo, ưu bi tật đố, đa bệnh đoản mệnh, đói khát nóng lạnh, đầy cả sự ác xấu thật không thể nói hết được. Cho nên gọi là Hữu lậu, thật đáng nhàm chán vậy.

Vãng sinh về cõi Tịnh độ thật là thù thắng. Căn cứ vào Đại kinh nói: "Mười phương chúng trời người chỉ cầu xin về nước kia, đâu đâu cũng đạt được lợi ích an lạc. Vì sao? Vì khi sinh về nước kia, bước đi thì có sen vàng đỡ chân, ngồi thì có bảo tòa. Mỗi khi xuất hiện thì có Đế Thích trước mắt, người thì có Phạm vương theo sau. Tất cả Thánh chúng đều là bạn hữu với ta, Phật A-di-đà là Đại sư của ta; có thể qua lại du hành dưới các hàng cây báu rừng báu. Trong ao tám công đức ta đến rửa chân, thân thì sắc vàng, thọ mạng bằng với Phật, học thì các pháp môn đều tiến, dừng nghỉ thì có Nhị đế hư dung. Mười phương qua lại đều vận đại thần thông, an nghỉ tạm thời thì ngồi trên tam không môn; du hành thì nhập vào con đường tám Chánh đạo; đến thì đến bờ đại Niết-bàn." Tất cả chúng sinh khi sinh về nước kia, đều chứng được lợi ích này, vì sao ta lại không tư lương, không mau cầu sinh về đây?

IV. Dẫn Kinh Giáo Chứng Thành, Khuyên Hậu Thế Cầu Vãng Sinh:

Căn cứ vào kinh Quán Phật Tam-muội có nói: "Bấy giờ, trong hội có mười phương chư Phật, mỗi vị Phật ngồi trên đài hoa sen, kiết già phu tọa ở trên không trung hiện ra. Đức Như Lai ở phương Đông hiệu là

Thiện Đức dẫn đầu, bảo với đại chúng:

- Các ông nên biết, ta nhớ từ trong quá khứ vô lượng kiếp, có Phật ra đời tên là Bảo Uy Đức Thượng Vương. Phật khi ra đời cũng như bây giờ, nói pháp Tam thừa. Sau khi Phật diệt độ, trong đời mạt pháp có một vị Tỳ-kheo đem chín người đệ tử, đi đến tháp Phật, lễ bái Phật tượng, thấy có một bảo tượng, trang nghiêm rực rỡ. Chư vị quán rồi thì kính lễ, mắt chiêm ngưỡng không rời, mỗi vị nói một bài kệ để khen ngợi Phật, rồi tùy thuận tu tập. Sau đó, mỗi vị khi mạng chung, liền sinh ra trước Phật. Từ đó đến nay, các vị ấy thường được gặp vô lượng chư Phật; ở trong cõi Phật rộng tu phạm hạnh, đều đắc niệm Phật Tam-muội. Khi đã đắc ngộ thì thường thấy chư Phật hiện tiền, và được thọ ký, thành bậc Chánh giác ở trong mười phương quốc độ. Phật Thiện Đức ở phương Đông đó, chính là ta đây. Còn chư Phật ở chín phương khác, chính là chín người đệ tử trước đó. Do lễ tháp, nói kệ tán thán mười phương chư Phật mà thành tựu đạo quả khắp trong mười phương quốc độ."

Khi ấy, mười phương chư Phật từ trên không trung phóng ra ngàn tia sáng chiếu soi rực rỡ, lại hiện ra sắc thân tướng tốt bạch hào. Mỗi vị đều ngồi tòa của Phật Thích-ca, và bảo với A-nan rằng:

- Ông nên biết, Phật Thích-ca Văn từng tu tinh tấn vô lượng, chịu trăm ngàn khổ hạnh, cầu trí tuệ Phật, được quả báo ở thân này. Nay vì ông mà diễn thuyết, ông nên vâng giữ lời Phật nói. Trong đời vị lai, hàng Thiên long, bốn chúng đệ tử đều nên quán tướng hảo của Phật và niệm Phật Tam-muội.

Chư Phật nói lời ấy rồi, đều đến chào hỏi Phật Thích-ca, xong rồi thì mỗi vị đều trở về bản quốc.

PHẦN 6

Trong phần thứ sáu này gồm có ba nội dung chính:

- So sánh mười phương Tịnh độ với cõi Cực lạc.
- Suy rõ nghĩa lý.
- Nói về sự trụ diệt của kinh điển.

I. So Sánh Mười Phương Tịnh Độ Với Tây Phương:

Có ba ý:

1) Theo kinh Tùy Nguyện Vãng Sinh nói: "Mười phương Phật quốc đều rất nghiêm tịnh, tùy nguyện lực của chúng sinh mà được vãng

sinh về đó. Tuy nhiên, tất cả cõi đó đều không bằng với nước Vô Lượng Thọ ở Tây phương.” Ý này là gì? Khi Đức A-di-đà cùng Quán Âm, Thế Chí phát tâm trước tiên, từ cõi này đi đến thế giới kia, đối với chúng sinh ở đây, Phật riêng có duyên, cho nên Đức Thích-Ca tán thán khuyên cầu sinh về đó.

2) Căn cứ vào Đại kinh có nói: “Pháp Tạng Bồ-tát, nơi Phật Thế Nhiêu Vương, phát nguyện đầy đủ, xin giữ cõi Tịnh độ. Bấy giờ Phật nhân đó mà thuyết giảng về hai trăm mười ức cõi Phật, cùng nói rõ các cõi tịnh uế, thiện ác của hàng Thiên nhân. Khi ấy Bồ-tát Pháp Tạng, phát nguyện thành Phật ở cõi Tây phương, hiện là nước Cực lạc.”

3) Như trong Kinh quán có nói: “Phu nhân Vi-đề-hy lại cầu thỉnh sinh Tịnh độ. Như Lai phóng hào quang hiện ra mười phương Tịnh quốc.” Vi-đề phu nhân bạch Phật:

- Chư Phật Quốc độ tuy đều thanh tịnh trang nghiêm, đều có ánh sáng tỏ chiếu rực rỡ. Con nay chỉ thỉnh cầu sinh về thế giới Cực lạc của Phật A-di-đà.

Như vậy đủ biết, trong mười phương Quốc độ, thì thế giới An lạc là thù thắng hơn cả.

II. Suy Biện Nghĩa Lý:

Hỏi: Vì sao lại cần phải ngồi xoay mặt về hướng Tây, lễ niệm quán Phật?

Đáp: Vì cõi Diêm-phù-đề được gọi là nơi mặt trời mọc, là sự sống. Mặt trời lặn là tử, mượn đó để gọi đất chết, thần minh thù nhập, cùng tương trợ nhau. Cho nên Bồ-tát Pháp Tạng nguyện thành Phật ở phương Tây, vì lòng Từ bi muốn tiếp độ chúng sinh. Do đó mà ngồi quán lễ niệm hướng về cõi Phật, đó là tùy theo lễ nghi ở đời. Nếu là Thánh nhân được phi báo tự tại, thì không luận phương sở. Nhưng hạng phàm phu, thân tâm cũng tùy theo đó. Nếu hướng các phương khác mà cầu vãng sinh về Tây phương thì khó. Cho nên trong luận Trí Độ nói: “Có một vị Tỳ-kheo, hằng ngày thường tụng kinh A-di-đà và niệm Bát-nhã ba-la-mật. Khi qua đời, Tỳ-kheo bảo với đệ tử: Phật A-di-đà cùng chư Thánh chúng đang ở trước mắt ta. Nói rồi, chấp tay quy y, trong khoảnh khắc liền mạng chung. Chúng đệ tử y pháp làm lễ táng thầy dùng lửa hỏa táng, mọi thứ cháy hết nhưng cái lưỡi vẫn còn nguyên, chúng đệ tử thu về xây tháp cúng dường.”

Bồ-tát Long Thọ giải thích: “Người tụng kinh A-di-đà, khi sắp mạng chung, Phật sẽ đến nghênh tiếp. Vì niệm Bát-nhã ba-la-mật, cho

nên thiệt căn không cháy." Lời văn chứng cớ này, đủ biết là tất cả hạnh nghiệp chỉ có thể hồi hướng, không nơi nào mà không vãng sinh. Cho nên, trong kinh Tu-di Tứ Vực có nói: "Trời đất lúc sơ khai, chưa có mặt trời mặt trăng và các vì sao tinh tú. Nếu như có người cõi trời qua lại thì chỉ có thể dùng ánh sáng nơi cổ chiếu ra. Bấy giờ nhân dân phần nhiều sinh khổ não. Lúc ấy, Phật A-di-đà sai hai vị Bồ-tát, một vị tên là Bảo Ứng Thinh, một vị tên là Bảo Kiết Tường, tức là Phục Hy và Nữ Oa. Hai vị Bồ-tát này cùng thương nghị, hướng về Phạm thiên thứ bảy, lấy ra bảy báu đem đến cõi này, tạo ra vầng nhật nguyệt và hai mươi tám vì sao chiếu sáng khắp thiên hạ; định ra bốn thời Xuân Hạ Thu Đông. Lúc này, hai vị Bồ-tát cùng nói: "Sở dĩ mặt trời mặt, trăng và tinh tú đều nằm hướng Tây là vì tất cả chúng trời người đều cung kính lễ Phật A-di-đà, cho nên nhật nguyệt tinh tú đều xoay về hướng Tây."

III. Nói Về Sự Trụ Diệt Của Kinh Điển:

Biện kinh trụ diệt: Nghĩa là Đức Thích-ca Như Lai, suốt một đời thuyết pháp, để cho Chánh pháp trụ thế năm trăm năm, Tượng pháp một ngàn năm, Mạt pháp một vạn năm. Khi chúng sinh diệt tận, kinh điển cũng diệt. Như Lai vì thương xót ai mẫn chúng sinh, cho nên lưu lại kinh này, để nó được trụ thêm một trăm năm nữa. Lời văn chứng này, đủ biết cõi nước kia tuy là Tịnh độ, nhưng thể thông trên dưới, biết tướng vô tướng, thường sinh vào quả vị trên. Hàng phàm phu ở trong nhà lửa thảy đều quy hướng về đây để phát nguyện cầu vãng sinh.

PHẦN 7

Trong phần thứ bảy này gồm có hai nội dung chính:

- Biện giải về chấp tướng hai cõi, cởi bỏ ràng buộc.
- Nói về dụng công tu đạo khinh trọng mà được quả báo chân hay nguỵ, do đó khuyến tín cầu sinh Tây phương.

I. Nói Về Sự Chấp Tướng Hai Cõi:

Nếu chấp Tây phương tịnh tướng, mau được giải thoát, đốn thọ Cực lạc, trí nhãn khai sáng. Nếu chấp lấy uế tướng ở phương này, thì duy chỉ có vọng lạc, si ám buộc ràng ưu não.

Hỏi: Y vào các bộ kinh Đại thừa, đều nói vô tướng là con đường chính yếu xuất ly. Chấp tướng sẽ làm chướng ngại, không khỏi bị ràng

buộc. Nay khuyên chúng sinh xả bỏ cõi uế độ này mà vui thích cầu sinh Tịnh độ, đó nghĩa là gì?

Đáp: Nghĩa này không nhất định. Vì sao? Phàm tướng có hai loại:

1) Ở trong năm trần dục cảnh vọng ái tham nhiễm, tùy cảnh chấp trước, đây đều là tướng, đều là sự buộc ràng.

2) Vì ưa thích Phật công đức mà nguyện sinh Tịnh độ. Tuy nói là tướng mà tên là giải thoát. Tại sao? Như trong kinh Thập Địa nói. "Bậc sơ địa Bồ-tát còn tự mình quán về Nhị đế; mọi chuyển tâm tác niệm, trước đều y vào tướng mà cầu, cuối cùng thành ra vô tướng. Dần dần tăng tiến lên thể đại Bồ-đề, cho đến địa thứ bảy thì tướng tâm mới bắt đầu dứt, nhập vào Bát địa, tuyệt ở nơi tướng cầu, đó mới gọi là vô công dụng vậy." Cho nên trong luận nói: "Từ Thất địa trở xuống thì lấy ác tham làm chướng, thiện tham để trị. Từ Bát địa trở lên, thì thiện tham là chướng, vô tham là trị." Huống gì nay nguyện sinh về Tịnh độ, hiện là ngoại phàm, sở tu thiện căn đều do ưa thích công đức Phật mà sinh ra, há lại cho là phược sao?

Trong kinh Niết-bàn nói: "Chúng sinh có hai loại ái: Một là thiện ái; hai là bất thiện ái. Ái bất thiện đó, chỉ hạng ngu si mới cầu. Ái thiện pháp thì chư Bồ-tát đều cầu."

Cho nên trong Tịnh độ luận nói: "Quán quốc độ Phật là Thanh tịnh vị; nhiếp thọ chúng sinh là Đại thừa vị, khởi hạnh nguyện là giữ Phật độ vị; trụ trì cứu cánh bất hư là Tác vị. Có vô lượng Phật đạo vị như thế."

Cho nên, tuy nói là thủ tướng, mà chẳng phải chấp phược. Lại nói, tướng trong cõi Quốc độ đó chính là tướng vô lậu, là tướng thật tướng vậy.

II. Nói Về Từ Sự Dụng Công Khinh Hay Trọng Mà Cảm Quả Báo Chân Hay Ngụy:

Trong nội dung thứ hai này nói về công dụng tu đạo khinh trọng của kia đây mà đạt được quả báo chân ngụy. Nếu muốn phát tâm quy hướng về Tây phương, nếu chỉ có một ít thời lễ quán niệm Phật, tùy thọ mạng dài ngắn, rồi khi lâm chung, Phật phóng quang tiếp dẫn, mau đến cõi kia, chứng vào ngôi vị Bất thoái.

Cho nên trong Đại kinh nói: "Mười phương trời người cầu sinh về nước ta, nếu cứu cánh không đến chỗ diệt độ và có thoái chuyển thì ta không thành Chánh giác."

Phương này phần nhiều mọi người tu các pháp Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ còn chưa rốt ráo. Từ cả vạn kiếp đến nay, họ chưa bao giờ tránh khỏi bị rơi vào trong nhà lửa điên đảo. Cho nên, gọi đó là sự dụng công mà gặp quả báo ngụy tà.

Trong Đại kinh lại nói: "Sinh về nước ta, đó là con đường tất vượt qua năm ác thú." Nay ước theo đây để đối lại với Tịnh quốc Di-đà.

Năm đạo ở cõi Ta-bà, đều gọi chung là ác thú như địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh... cõi trời, người ở Ta-bà, do hướng theo tạp nghiệp, nên cũng gọi là ác thú.

Nếu y vào phương này tu niệm đoạn trừ, trước tiên cần phải đoạn kiến hoặc, lìa hết nhân trong Tam đồ, diệt quả Tam ác đạo. Sau đó đoạn trừ tu hoặc, lìa hết người trong cõi trời người, tuyệt cả quả trời người. Đây chỉ tạm đoạn trừ dần dần, cho nên không thể gọi là đoạn trừ nhanh chóng được. Nếu khi chúng ta được vãng sinh về Tịnh quốc, thì năm đạo trong Ta-bà này sẽ nhất thời dứt bỏ, cho nên gọi là đốn siêu, như vậy năm ác thú đó là dứt hết quả. Ác thú tự nhiên dứt thì nhân cũng dứt. Ý này nói rõ về xa lìa.

Thắng đạo vô cùng cực đó, là nêu bày chỗ sở đắc. Nếu phát nguyện hồi hướng về Tây phương, trên tận hết một đời, dưới cho đến mười niệm, đều được vãng sinh cả. Một khi đến cõi Cực lạc, liền nhập vào chánh định tụ, công đức đồng với một vạn kiếp tu đạo ở đây.

PHẦN 8

Trong phần thứ tám này gồm có ba nội dung chính:

- Nêu kinh dẫn chứng, khuyên bỏ Ta-bà, cầu sinh Tịnh độ.
- So sánh Đức Phật A-di-đà với Phật Thích-ca.
- Giải thích ý nghĩa của vãng sinh.

I. Nêu Kinh Dẫn Chứng, Khuyên Bỏ Ta-Bà, Cầu Sinh Tịnh Độ:

Lược nêu các kinh điển Đại thừa do Phật thuyết để dẫn chứng, nhằm khuyên bỏ đây để cầu sinh kia.

- Trong núi Kỳ-xà-quật, Phật thuyết Đại kinh, gồm hai quyển.
- Ở trong Vương cung Kỳ-xà, Phật hai lần thuyết giảng trọn bộ Quán Vô Lượng Thọ kinh.
- Ở tại thành Xá-vệ, Phật thuyết giảng Tiểu Quyển Vô Lượng

Thọ kinh, và Thập Phương Tùy Nguyện Vãng Sinh kinh.

- Lại có kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Giác, hai quyển, do Phật thuyết.

- Lại có Thập Vãng Sinh kinh, một quyển, do Phật thuyết.

Còn các bộ kinh Đại thừa khác, phần nhiều là tán thán cõi Tịnh độ như "Thỉnh Quán Âm Đại Phẩm kinh" v.v...

Lại có các bộ luận của Bồ-tát Long Thọ, Thiên Thân, tán thán khuyên vãng sinh không phải một; và đều nói mười phương cõi Tịnh độ khác không bằng phương này.

II. So Sánh Đức Phật Thích-Ca Với Đức Phật A-Di-Đà:

Nghĩa là, Phật Thích-ca trụ thế tám mươi năm ở cõi này, tạm đến rồi đi, đi mà không trở lại. Ở đây so với trời Đao lợi thì không bằng một ngày.

Lại nữa, Phật Thích-ca lúc tại thế, việc cầu duyên cũng kém, như đến nước Tỳ-xá-ly cứu người mắc nạn v.v...

Vì sao? Lúc ấy ở nước Tỳ-xá-ly, nhân dân bị năm loại bệnh hiểm nghèo:

1) Mắt đỏ như máu.

2) Hai tai chảy mũ.

3) Mũi ra máu.

4) Lưỡi không phát ra tiếng.

5) Thức ăn đều bị hóa thành vật thô lậu.

Sáu thức bế tắc, chẳng khác gì kẻ say. Bấy giờ có năm con quỷ Dạ-xoa, hay còn gọi là Hất-nộ-ca-la, mặt đen như mực, có năm mắt, răng nanh lòi ra ngoài, hút tinh khí của người. Dù lương y tài giỏi dùng đủ đạo thuật mà vẫn không thể cứu được.

Khi ấy có vị trưởng giả tên là Nguyệt Cái làm thủ bộ lãnh của bệnh nhân, đều quy về Phật, khấu đầu cầu thỉnh. Bấy giờ Đức Thế Tôn khởi lòng từ bi vô lượng, bảo với người bệnh: "Ở phương Tây có Phật A-di-đà, cùng Quán Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ-tát... ông nên chánh tâm hiệp chưởng cầu thỉnh." Thế là mọi người đều quy hướng về Phật, chấp tay cầu thỉnh.

Bấy giờ, Phật A-di-đà phóng hào quang chiếu sáng, có Quán Âm, và Thế Chí Bồ-tát ở hai bên, nói Đại thần chú, khiến cho tất cả bệnh khổ đều tiêu tan, dân chúng được bình phục trở lại.

Mặc dù thần lực của hai vị Phật đều như nhau, nhưng Thích-ca Như Lai không thể tự mình khuyến tấn, mà muốn tất cả chúng sinh quy

hướng về Cực lạc. Cho nên, Pháp sư Đàm Loan chánh ý cũng quy về Tây phương, nên có làm bài tán trong Đại kinh rằng:

An lạc Thanh văn, Bồ-tát chúng
Trí tuệ trời người đều thông suốt
Thân tướng trang nghiêm không khác biệt
Chỉ thuận phương khác nên liệt danh
Dung nhan đoan chánh không gì bằng
Tinh vi thân diệu phi trời người
Thân hư vô không có cực thể
Cho nên đảnh lễ lực bình đẳng.

III. Giải Thích Ý Nghĩa Vãng Ssinh:

Trong nội dung này gồm có hai ý:

1) Giải thích ý nghĩa vãng sinh.

2) Nêu vấn đáp để làm rõ.

Hỏi: Nay nguyện sinh Tịnh độ, chưa biết ý này thế nào?

Đáp: Chỉ muốn bệnh mau thành, tự lợi lợi tha, lợi vật đều sâu rộng. Hàng Thập tín, Tam hiền đều nhiếp thọ chánh pháp, khế hội bất nhị, kiến chứng Phật tánh, hiểu rõ được thật tướng, quán chiếu tự tâm, hữu vô Nhị đế, nhân quả trước sau, sự ưu liệt trong hàng Thập địa, Tam nhẫn, Tam đạo, Kim cang vô ngại, chứng đại Niết-bàn, Đại thừa soi sáng rộng lớn, nhưng đều muốn trụ thế lâu dài, để độ tận vô biên sinh tử cho chúng sinh.

Hỏi: Nguyện sinh Tịnh độ, vì muốn lợi lạc chúng hữu tình. Như thế, vì muốn cứu độ chúng sinh trong hiện nay cho nên phát tâm nguyện này. Vậy tại sao đã đắc được tâm này, trước phải nguyện sinh Tịnh độ, gần như là bỏ chúng sinh, tự cầu Bồ-đề An lạc cho riêng mình?

Đáp: Nghĩa này không đồng. Vì sao? Như Trí Độ luận nói: "Như có hai người, đều thấy cha mẹ quyến thuộc của mình rơi vào vực sâu. Một người nhảy xuống hết sức cứu giúp, không đủ sức nên cùng chìm. Một người chạy ra xa, kiếm một chiếc thuyền, bơi vào cứu hộ, nên đều được thoát nạn."

Bồ-tát cũng như thế, khi chưa phát tâm thì cũng chịu sinh tử lưu chuyển như chúng sinh. Nhưng khi đã phát tâm Bồ-đề, thì trước phải nguyện sinh về Tịnh độ, đem thuyền đại bi, nương pháp biện tài vô ngại, nhập vào biển sinh tử, để cứu độ chúng sinh".

Đại Trí Độ luận lại nói: "Bồ-tát sinh về Tịnh độ, đầy đủ đại thần thông, biện tài vô ngại, khi giáo hóa chúng sinh, còn không thể khiến

cho họ phát tâm sinh thiện diệt ác, tăng tiến đạo vị, xứng với ý của Bồ-tát. Nếu ở trong cõi uế trược này muốn cứu bạt chúng hữu tình mà không đạt được những điều lợi ích này, thì cũng như bắt gà cho vào nước, lý nào lại không bị ướt?”

Trong Đại kinh tán thán rằng:
Chư Bồ-tát ở nước An lạc
Có thể tuyên nói tùy trí tuệ
Ở trong vạn vật buông ngã sở
Tịnh như liên hoa không dính trần.
Qua lại dừng tiến nhờ thuyền từ
Lấy việc lợi an cầu lạc đạo,
Kia vẫn còn không đoạn nhị tưởng
Nhưng trí tuệ chiếu sáng đêm dài
Tam minh Lục thông đều đầy đủ.
Bồ-tát tâm nhãn quán vạn hạnh
Như thế công đức vô biên lượng
Cho nên chí tâm nguyện sinh về.

PHẦN 9

Trong phần thứ chín này có hai nội dung chính:
- Nói về sự đối đải giữa thiện ác và khổ lạc.
- So sánh làm rõ thọ mạng dài ngắn ở hai cõi.

I. So Sánh Sự Khổ Lạc Và Thiện Ác Ở Hai Cõi:

Trong nội dung này gồm có hai ý:

1) So sánh sự khổ lạc, thiện ác.
2) Dẫn Đại thừa kinh để chứng minh.

Nói khổ vui thiện ác tương đối đó, tức là ở cõi Ta-bà này tuy là có quả báo khổ vui, nhưng thường vui ít khổ nhiều. Nặng thì ba đường thống khổ, nhẹ thì ở cõi trời người chịu cảnh binh đao, bệnh tật không ngừng xảy ra. Từ vô lượng kiếp đến nay, không có lúc nào đoạn dứt. Giả như ở cõi trời người có chút điều vui, thì cũng là chút ánh điện quang bèo bọt, mau khởi thì mau diệt, cho nên gọi là duy khổ duy ác. Cõi Tịnh quốc của Phật A-di-đà, các loại chim, nước, cây, rừng thường diễn ra pháp âm, minh tuyên đạo giáo, có đầy đủ sự trong sạch, có thể khiến cho người ngộ nhập.

Dẫn Thánh giáo ra để làm chứng.

Trong Tịnh độ luận nói: "Nếu người trời trong mười phương quốc độ được sinh về nước kia, tất sẽ cùng tịnh tâm như Bồ-tát không hai. Tịnh tâm Bồ-tát tất sẽ cùng Thượng địa Bồ-tát cuối cùng đạt được tịch diệt nhẫn, không còn thoái chuyển."

Lại dẫn chứng bốn mươi tám lời nguyện trong Đại kinh, thì có năm điều lợi ích là:

Trong Đại kinh nói: "Nếu có chúng sinh trong mười phương sinh về nước ta, nếu không được thân chân kim sắc, thì ta không thành Chánh giác."

Lại nói: "Mười phương trời người sinh về nước ta, nếu hình sắc không đồng, có sự tốt xấu, thì ta không thành Chánh giác."

Hoặc nói: "Mười phương chúng sinh sinh về nước ta, nếu không đắc được Túc mạng trí, cho đến không biết việc trong trăm ngàn ức na-do-tha kiếp thì ta không thành Chánh giác."

Lại nói: Mười phương trời người sinh về nước ta, nếu không đắc được Thiên nhĩ thông, cho đến không nghe trăm ngàn vạn ức na-do-tha pháp chư Phật thuyết, không được thọ trì, thì ta không thành Chánh giác."

Lại nói: "Mười phương chúng sinh sinh về nước ta, nếu không đắc được Tha tâm trí, không biết tâm niệm chúng sinh trong trăm ngàn ức na-do-tha chư Phật thì ta không thành Chánh giác."

Như vậy, muốn luận về sự lợi ích ở nước kia, thì khó mà nêu hết, chỉ nguyện sinh về cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Cho nên, cõi Tịnh độ kia duy chỉ có việc thiện việc vui, không có sự khổ, sự ác xấu vậy.

II. Nói Về Thọ Mạng Dài Ngắn:

Phương này thọ mạng cao nhất cũng không quá trăm năm. Trong trăm năm đó, ít tăng mà phần nhiều lại giảm. Nhẫn đến tuổi nhỏ cũng bị mất thân, hoặc hư thai, đọa thai. Ý này là thế nào? Bởi do nhân chúng sinh tạo là nhân tạp, nên sự thọ báo cũng không đồng đều. Trong kinh Niết-bàn có nói: "Tạo nghiệp đen thì quả báo cũng đen, tạo nghiệp trắng thì quả báo sẽ trắng. Sự thanh tịnh và tạp loạn cũng như thế."

Lại căn cứ vào kinh Tịnh độ Bồ-tát nói: "Người thọ trăm tuổi, thì hết một nửa là ban đêm, tức là giảm năm mươi năm. Trong năm mươi năm đó, mười lăm năm về trước chưa biết các điều thiện ác. Từ tám đến mười năm về sau thì hôn tưởng ám độn. Cho nên thọ lão là khổ. Ngoài số năm này ra thì chỉ có mười lăm năm là có sự hiểu biết; ở trong, ngoài

thì vua quan bức bách, trường chinh phòng ngự xa xôi, hoặc bị ràng buộc trong chốn lao ngục. Trong thì nhà cửa kiết hung, các điều phiền hoặc buộc ràng, mong cầu không đủ.”

Qua đây có thể thấy được mấy lúc để tu đạo nghiệp chăng? Tư duy như vậy, há không thương cảm ư? Vì sao không nhàm chán?

Lại kinh kia có nói: “Người sinh ở thế gian, trải qua một ngày một đêm, có tám ức bốn ngàn vạn niệm. Nếu một niệm khởi ác thì thọ thân ác; mười niệm khởi ác thì mười lần sinh ra ác thân; trăm niệm khởi ác thì thọ trăm lần ác thân. Tính ra thì một đời chúng sinh, trong trăm năm nghĩ ác, ác đó đầy khắp trong ba ngàn quốc độ, thọ muôn ác thân. Ác pháp đã vậy thì thiện pháp cũng vậy. Thọ một thân thiện do khởi lên một niệm thiện; thọ trăm thân thiện là do khởi lên một trăm niệm thiện. Tính ra, trong một đời chúng sinh, trong trăm năm niệm thiện, thọ ba ngàn quốc độ thân thiện cũng thế. Nếu có được mười năm, năm năm niệm danh hiệu Phật A-di-đà, hoặc nhiều năm hơn nữa, thì đời sau sẽ sinh về nước Vô lượng thọ, tức sẽ thọ được Pháp thân Tịnh độ, hằng hà sa vô tận không thể nghĩ bàn vậy.

Nay trong cõi uế trược ngắn ngủi này, mạng báo không lâu xa, nếu sinh về tịnh quốc A-di-đà, thọ mạng dài lâu không thể tính biết. Cho nên trong kinh Vô Lượng Thọ có nói:

Phật bảo Xá-lợi-phất:

- Phật kia vì sao lại gọi là A-di-đà? Xá-lợi-phất, mười phương chúng sinh vãng sinh về nước kia, thọ mạng thật là dài lâu đến trăm ngàn kiếp, bằng với Phật đó, cho nên hiệu là A-di-đà.

Do đây, nên biết sự lợi ích rất lớn, đều nên nguyện vãng sinh về vậy.

Lại trong Thiện Vương Hoàng Đế Tôn kinh nói: “Có người học đạo muốn cầu vãng sinh về nước Cực lạc của Phật A-di-đà, nhớ nghĩ cả ngày đêm, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày cho đến sáu ngày, bảy ngày. Nếu trong thời gian đó có ý hối hận, chỉ cần nghe ta nói về công đức Thiện Vương, khi mạng gần dứt, có tám vị Bồ-tát đều đến tiếp rước, dẫn người này về cõi Tây phương của Phật A-di-đà, trọn không thể dừng.”

Từ đây trở xuống, lại dẫn lời kệ trong Đại kinh ra để làm chứng.

Lời tán thán rằng:

Nếu chúng sinh cầu sinh An lạc
Tất đầy đủ ba mươi hai tướng
Trí tuệ viên mãn pháp sâu xa,

Tuyên xướng yếu đạo không chướng ngại.
Tùy căn lợi độn thành tựu nhẫn
Tam nhẫn cho đến bất khả thuyết
Túc mạng Ngũ thông thường tự tại
Đến thành Phật không còn sinh ác thú
Trừ hết các cõi trược ác thế,
Thị hiện đồng như Đại Mâu Ni
Sinh nước An lạc thành lợi lớn
Cho nên chí tâm nguyện sinh về.

PHẦN 10

Trong phần thứ mười này gồm có hai nội dung chính:
- Dẫn Đại kinh để chứng minh.
- Giải thích ý nghĩa hồi hướng.

I. Dẫn Đại Kinh Để Chứng Minh:

Mười phương chư Phật đều khuyên chúng sinh cầu sinh về Tây phương; mười phương Bồ-tát đều cầu sinh về; hàng trời người mười phương đều có ý quy hướng về. Cho nên biết, đó là việc chẳng thể nghĩ bàn vậy. Trong Đại kinh lại có lời tán thán rằng:

Thần lực vô cực A-di-đà
Chư Phật mười phương đều khen ngợi
Hằng sa cõi Phật ở phương Đông.
Vô số Bồ-tát cùng đến đây.
Cúng dường công đức nước An lạc
Chư Đại chúng Bồ-tát, Thanh văn
Nghe thọ kinh pháp cùng tuyên hóa
Nơi chín cõi khác cũng như thế.

II. Giải Thích Nghĩa Hồi Hướng:

Vì tất cả chúng sinh vốn đã có Phật tánh, người người đều nguyện thành Phật tâm. Nhưng y vào hạnh nghiệp sở tu, chưa đủ một vạn kiếp trở lại đây, vẫn còn chưa ra khỏi nhà lửa, chưa tránh khỏi luân hồi. Cho nên, bậc Thánh giả thương chúng sinh khổ mãi trong sinh tử, nên khuyên phát tâm hồi hướng về Tây phương để thành tựu lợi ích lớn. Nhưng công đức hồi hướng không vượt qua được sáu điều. Sáu điều hồi

hướng ấy gồm những gì?

1) Đem công đức hạnh tu hồi hướng về cõi Phật A-di-đà. Một khi đã đến nước kia, đắc được Lục thông thì trở lại cứu độ chúng sinh. Đây tức là bất trụ đạo.

2) Hồi nhân hướng quả.

3) Hồi hạ hướng thượng.

4) Hồi chậm hướng mau, tức là không trụ thế gian.

5) Hồi thí bi nguyện hướng về chúng sinh tu thiện.

6) Hồi nhập tâm không phân biệt.

Công lực hồi hướng chỉ thành tựu sáu pháp này. Cho nên, trong Đại kinh nói: “Nếu có chúng sinh, sinh về nước ta, tự nhiên sẽ được thắng tiến siêu xuất mọi hạnh nghiệp tầm thường trong các cõi thế gian. Cho đến khi thành tựu Phật đạo cũng không mắc nạn hồi phục thoái chuyển.”

Trong Đại kinh có bài tán thán rằng:

Chúng Thanh văn, Bồ-tát cõi An lạc,
Ở thế giới này không sánh kịp,
Biện tài vô ngại Đức Thích-ca,
Ở đây khai thị chỉ ít phần.
Như kẻ nghèo hèn so Đế vương,
Đế Vương sánh với Kim Luân vương,
Như thế lần hồi đến lục Thiên,
Thứ bực các loại đều như thế.
Lấy trời sắc giới dụ cho kia,
Muôn vạn ức lần chẳng thể bì,
Đều do nguyện lực của Pháp Tạng,
Cúi đầu đảnh lễ đức đại tâm.

PHẦN 11

Có hai nội dung:

- Khuyên tất cả chúng sinh, nương vào Thiện tri thức khởi tâm hướng về Tây phương.
- Sau khi chết, nói về thắng, liệt của sinh duyên.

I. Khuyên Nương Vào Thiện Tri Thức:

Khuyên nương vào Thiện tri thức là y vào kinh Pháp Cú nói: “Làm

Thiện tri thức của chúng sinh. Có Bồ-tát Bảo Minh bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao gọi là Thiện tri thức?

Phật bảo: Thiện tri thức là người có thể nói được thâm pháp là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Các pháp đều bình đẳng, không nghiệp thì không báo, không nhân thì không quả, cứu cánh như như, trụ ở nơi thật tế. Nhưng ở trong chỗ cứu cánh Không, kiến lập rõ ràng tất cả pháp, đó là Thiện tri thức. Thiện tri thức là cha mẹ của ông, nuôi dưỡng thân Bồ-đề cho ông. Thiện tri thức là con mắt của ông, có thể giúp ông thấy được tất cả con đường thiện ác. Thiện tri thức là chiếc thuyền lớn của ông, đưa ông vượt qua biển khổ sinh tử. Thiện tri thức là sợi dây thắng có thể kéo ông ra khỏi sinh tử ác đạo."

Lại khuyên: Tuy vì chúng sinh làm bậc Thiện tri thức, tất cũng cầu quy về Tây phương. Vì sao? Do ở trong nhà lửa, cảnh trái thuận rất nhiều, lại có nhiều sự thối đọa, khó mà ra khỏi được. Cho nên ngài Xá-lợi-phất ở đây phát tâm tu Bồ-tát hạnh, đã trải qua sáu mươi kiếp, nhưng có lần gặp ác tri thức xin mắt, do đó mà tâm ngài thoái chuyển. Cho nên biết là ở trong nhà lửa sự tu đạo rất khó. Vậy khuyên mọi người cùng quay về Tây phương. Một khi được vãng sinh, thì Tam học tự nhiên thắng tiến, vạn hạnh đều phổ bị. Cho nên trong Đại kinh nói: "Nơi cõi Di-đà tịnh quốc không tạo ác nghiệp, dù bằng cọng lông tóc."

II. Nói Về Chúng Sinh Sau Khi Chết Sinh Cõi Thắng Liệt:

Chúng sinh ở đây khi thọ mạng dứt, đều nương theo hai nghiệp thiện ác, hằng vì sinh mạng mà trôi lăn trong ngục phiền não vọng tưởng. Việc thọ sinh qua lại trong Lục đạo từ vô lượng kiếp đến nay chưa từng tránh khỏi. Nếu có thể sinh tín quy hướng Tịnh độ, sách tấn chuyên tu, thì khi lâm chung, Phật A-di-đà cùng Quán Âm, Thánh chúng, phóng hào quang đến tiếp dẫn. Hành giả rất hoan hỷ, nương theo ánh sáng chấp tay bước lên đài, trong khoảnh khắc liền vãng sinh về cõi An lạc, tu hành cho đến thành bậc Chánh giác.

Lại vì tất cả chúng sinh tạo nghiệp không đồng. Nghiệp có ba loại là Thượng, Trung, Hạ. Tất cả đều do Diêm-la phán quyết. Nếu người có nhân duyên tin Phật, thì nên nguyện sinh về Tịnh độ, đem tất cả hạnh nghiệp tu tập để hồi hướng cầu vãng sinh; đến khi lâm chung Phật sẽ nghênh đón về Tây, không còn ở trong sinh tử.

PHẦN 12

Trong phần thứ mười hai này chỉ có một nội dung, tức lấy kinh Thập Vãng Sinh làm chứng để khuyên cầu vãng sinh. Như Phật nói, sinh về nước Tịnh độ của Phật A-di-đà, và vì đại chúng thuyết quán thân chánh niệm giải thoát.

Trong Thập Vãng Sinh kinh có nói:

A-nan bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Pháp quán thân của tất cả chúng sinh là thế nào? Nguyện xin Đức Thế Tôn nói rõ?

Phật bảo: Pháp quán thân, là không quán Đông tây, không quán Nam bắc, không quán bốn phương trên dưới, không quán hư không, không quán ngoại duyên, không quán nội duyên, không quán thân sắc, không quán sắc thinh, không quán sắc tượng, duy chỉ quán vô duyên, đó mới là pháp quán thân chân chánh vậy. Pháp quán thân này mười phương đều mong cầu, nơi nơi chỗ chỗ đều không phân biệt pháp mà được giải thoát.

Phật lại bảo A-nan:

- Chỉ tự quán thân, thì thiện lực sẽ tự nhiên, chánh niệm tự nhiên, giải thoát tự nhiên. Vì sao? Ví như có người tinh tấn trực tâm mà được chánh giải thoát, kẻ đó không cần giải thoát thì giải thoát cũng tự đến.

A-nan lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chúng sinh ở thế gian, nếu có chánh niệm giải thoát như thế, thì không còn rơi vào ba đường ác.

Phật bảo A-nan:

- Chúng sinh ở thế gian không được giải thoát. Vì sao? Vì do đa hư mà ít thật, không có chánh niệm, do đó mà sa vào địa ngục thì nhiều mà sự giải thoát thì ít. Ví như có người đối với cha mẹ và sư tăng, bên ngoài thì tỏ ra hiếu thuận mà bên trong thì bất kính. Ngoài thì ra vẻ tinh thuần, trong thì không thật. Người này quả báo chưa đến, nhưng con đường tam ác nào có cách xa. Không có chánh niệm thì không được giải thoát.

A-nan lại bạch Phật:

- Như vậy thì cần tu thiện căn nào để được giải thoát?

Phật bảo A-nan:

- Ông nên lắng nghe, ta nay vì ông mà diễn nói về mười pháp vãng sinh có thể đạt được sự giải thoát. Những gì là mười pháp?

1) Quán thân chánh niệm, thường ôm lòng hoan hỷ. Đem thức ăn, y phục cúng dường Phật và chư Tăng, phát nguyện vãng sinh về nước An lạc.

2) Chánh niệm đem các loại thuốc men lương dược cúng thí cho Tỳ-kheo và người bệnh, cầu vãng sinh về Tịnh quốc.

3) Chánh niệm bất hoại sinh mạng, đem lòng Từ bi ban trải tất cả, cầu sinh về nước An lạc.

4) Chánh niệm lãnh thọ giới pháp với thầy, pháp tuệ tịnh tu phạm hạnh, tâm thường ôm lòng hoan hỷ, cầu vãng sinh về nước An lạc.

5) Chánh niệm hiếu thuận đối với cha mẹ, kính phụng Sư trưởng, không khởi tâm kiêu mạn, cầu vãng sinh An lạc quốc.

6) Chánh niệm qua lại Tăng phòng, cung kính đối với tháp tự, nghe pháp hiểu nghĩa, cầu vãng sinh nước An lạc.

7) Chánh niệm trong một ngày một đêm, thọ trì tám trai giới, không phá một giới nào, cầu vãng sinh nước An lạc.

8) Chánh niệm giữ trai giới một tháng, một ngày, xa rời phòng xá, thường nghe pháp ở bậc thiện sư, cầu vãng sinh nước An lạc.

9) Chánh niệm thường trì tịnh giới, khuyến tu thiền định, hộ pháp không hề có ác khẩu. Nếu hành trì như thế, tất được vãng sinh về nước An lạc.

10) Chánh niệm ở trong đạo Vô thượng, không khởi tâm phỉ báng, tinh tấn trì tịnh giới, lại đem kinh pháp lưu hành, khuyến hóa người vô trí, giáo hóa vô lượng chúng sinh, người như thế tất cả được vãng sinh.

Bấy giờ, trong tăng có một vị Bồ-tát tên là Sơn Hải Huệ, bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nước Cực lạc kia vì sao lại có các việc diệu lạc thù thắng, và tất cả chúng sinh đều nguyện sinh về?

Khi ấy, Phật bảo Bồ-tát Sơn Hải Huệ rằng:

- Ông nên chánh thân chấp tay niệm Phật hướng về Tây phương, chánh niệm quán nước Cực lạc của Phật A-di-đà, nguyện trông thấy Phật.

Bấy giờ, tất cả đại chúng cũng chấp tay khởi niệm quán Phật A-di-đà. Thế là Phật A-di-đà hiện ra Đại thần thông, phóng ánh quang minh, chiếu sáng khắp thân của Bồ-tát Sơn Hải Huệ. Bồ-tát cùng chư Đại chúng cũng nhìn thấy cõi nước Cực lạc và Phật, cùng các việc trang nghiêm diệu hảo. Khắp cõi Cực lạc đều là bảy báu, núi bảy báu, Quốc độ bảy báu, nước chim cây rừng thường diễn nói pháp âm. Cõi nước kia hằng ngày thường chuyển pháp luân, nhân dân không học theo ngoại sự, chánh tu nội điển. Miệng nói pháp Phương đẳng, tai nghe tiếng Phương đẳng, tâm giải nghĩa Phương đẳng.

Bấy giờ, Bồ-tát Sơn Hải Huệ bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con nay được trông thấy cõi nước kia thật là thắng diệu, lợi ích không thể nghĩ bàn. Con nay nguyện cho tất cả chúng sinh đều được vãng sinh, sau đó con cũng phát nguyện sinh về đó.

Phật thọ ký và nói:

- Chánh quán, chánh niệm thì được chánh giải thoát, tất cả đều được vãng sinh. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, đem sự chánh tín ái lạc kinh này khuyến hóa chúng sinh, thì người nói người nghe đều được vãng sinh. Nếu có những người như thế, ta sẽ khiến cho hai mươi lăm vị Bồ-tát theo hộ trì, làm cho người đó không còn bệnh não. Nếu người hay loài phi nhân không làm hại được, hành trụ tọa ngọa, bất kể ngày đêm, đều được an ổn.

Bồ-tát Sơn Hải Huệ bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con nay lãnh thọ lời của Thế Tôn, không dám có lòng nghi. Nhưng nếu có chúng sinh nào, phần lớn ưa tranh chấp phỉ báng, không tin kinh pháp, thì về sau như thế nào?

Phật bảo: Về sau, ở trong cõi Diêm-phù-đề này, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni thấy người đọc tụng kinh điển, hoặc có tướng sân giận, ôm lòng hủy báng, do sự hủy báng chánh pháp này thì người đó hiện ra thân tướng trọng bệnh xấu xa, thân căn không đầy đủ, câm ngọng đui điếc, gặp các loài quỷ mị, ngồi đứng không an, cầu sống không được, cầu chết không xong. Hoặc có chết liền đọa vào địa ngục, ở trong tám vạn kiếp chịu đại khổ não, trăm ngàn vạn đời chưa từng nghe tiếng ăn uống. Sau khi ra khỏi địa ngục, đọa vào trong các loài trâu ngựa heo dê, bị người giết hại, chịu thống khổ vô cùng. Sau đó được làm người, thường sinh vào chốn hạ tiện, trăm ngàn muôn kiếp không được tự tại, vĩnh viễn không nghe được Tam bảo. Cho nên, với người vô trí vô tín không nên nói kinh này.

Soạn tập lưu thông đức
Phổ thí khắp tất cả
Trước phát tâm Bồ-đề
Đồng quy hướng Tịnh quốc
Đều cùng thành Phật đạo.

Tập này có cả kim lẫn cổ, bản cổ thời có nhiều chỗ sai lầm mà đang hiện hành ở đời. Bao gồm sáu quyển:

- Khoan Nguyên (Vãng Thành in).
- Hoằng An (Ngộ A in lại, nay gọi là cổ bản).
- Chánh Bảo, Minh Lịch, Khoan Văn (Ba bản này đều lấy cổ bản làm chuẩn).

Nguyên Lộc (do ngài Nghĩa Sơn khắc gọi là các bản hiệu, tầm hoằng... sữa chữa lại văn tự nay gọi là Sơn bổn). Lại chỉ có Kỳ Dương đã in một bổn (nay gọi là Kỳ Dương bổn, chẳng phân biệt theo điều đã ghi chép). Những quyển khác thì phần âm nghĩa của Huệ Lâm trở về sau các nhà chú giải cũng không làm rõ ràng, thường thường thì mỗi nhà biện biệt về Ngư Lỗ ắt có đôi chỗ thiếu sót. Chỉ đến khi lão sư Bổn Lập nối nhau qua đời thì học thuyết của hai vị giảng chủ được diễn rộng rãi, bèn đính chính lại bản sai lầm để làm căn cứ mà phân biệt rõ, hai bậc kỳ lão đồng thất đó là Phương Sơn và Tăng Phát, mỗi vị bổ vào chỗ sai sót của mình. Ngõ hầu gặp được cội nguồn của Song Hà và đã từng nói với lão sư bổn lập rằng: in ấn tỉ mĩ tập này để nối thạnh ý sư. Việc làm ấy mong một ngày nào đó được hoàn mãn tốt đẹp mà Tịch Lão sư tôi là tiên sư của nghĩa huynh tiên sư, cũng có chí hiệu đính và khắc in. Song ngài đã về già, mong ngài chấp nhận. Bởi khi thân này, đã trở thành tuổi già xế bóng thì hẳng phải nương nhờ quyến thuộc của mình. Đối với kẻ bất tiếu này vẫn nhớ việc ấy. Than ôi! Phác tôi là kẻ vô danh tiểu tốt nên không dám đương việc này, nhưng vì hoài bão của người quá cố nên không nỡ chối từ. Miễn cưỡng chấp nhận, bởi huyễn duyên xưa nay làm lao nhọc thân thể mà cũng hay bệnh hoạn, ốm yếu, thấm thoát đã ba canh và tang chế đã xong, bất giác mũi lòng tham rằng: Hai bị lão sư đã quy tịch mà một quyển cũng chưa khắc vào gỗ. Than ôi! Trong chuyện ấy có liên quan gì đến chuyện này, mà hoài bảo của người mất không phải như vậy. Tuy Phác tôi là kẻ bất tiếu, đâu đủ can đảm phế bỏ. Thế thì đối với bản thân sao không tự đắn đo để gắng gỏi làm việc, lại dựa cả vào bản hiệu đính lại của Diễn Từ Viện.

Phán Thích và hiệu đính rõ lại những bản dị đồng, đồng thời sữa đổi cho văn nghĩa ăn khớp, thì tôi đâu dám. Còn trích những điểm thiết yếu đã sữa chữa thì tôi tự xét mình chưa được hoàn hảo như hai sư kia. Phác tôi đã phụ lòng ân sư vì đã không bằng quý ngài, mong rằng những người cùng chí hướng trong thiên hạ duyệt lại (gọt bớt hoặc thêm vào).

Khoan Chánh, Long tập thứ bảy, mùa thu năm Kỷ Mão.

Nam Hồ, Song Vinh huyễn trụ Thích Long Khê Phác Tố Khâm

Thức.

Hai quyển Khoan Nguyên trong một tập An lạc trở về sau in ấn trang nhã để lưu hành ở đời, song văn nghĩa trong đó có sai lầm, nay ngần ấy bổn, tụ hội trong Hoành Xuyên quán như Tam Tỉnh Tôn Hoằng. Mỗ Vỹ Minh Huệ, Căn Lai Thâm Uyên, Mặc Cốc Huệ Trấn... chợt gặp để cùng đối chiếu với bổn kia. Song lúc đó không biện biệt mà chỉ phán bỏ cả phần kia nay để làm một bổn. Thế mà vẫn còn do dự chưa dám quyết trạch, vậy thì để mặc cho người học đời sau vậy. Còn ngắt câu (phẩy) mà kèm tứ thanh để khiến cho người đọc được dễ dàng.

Ngày 25 tháng giêng năm Bính Dần thứ 11 Nguyên Lộc.

Thích Nghĩa Sơn ở Thiền Liên xã tập hợp để in ấn.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 171

QUÁN NIỆM A DI ĐÀ PHẬT TƯỚNG HẢI TAM MUỘI CÔNG ĐỨC PHÁP MÔN

SỐ 1959

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC

LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1959

QUÁN NIỆM A-DI-ĐÀ PHẬT TƯỚNG HẢI TAM-MUỘI CÔNG ĐỨC PHÁP MÔN

Tỳ-kheo Thiện Đạo tập ghi.

- Y theo Kinh Quán nói pháp Quán Phật Tam-muội.
- Y theo Kinh Ban-chu nói pháp Niệm Phật Tam-muội.
- Y theo Kinh nói pháp Nhập Đạo Tràng Niệm Phật Tam-muội.
- Y theo Kinh nói phát Đạo Tràng Sám Hối Phát Nguyện.

1) Theo Kinh Quán nói Pháp Quán Phật Tam-muội. (Trích trong Kinh Quán, Quán Phật Tam-muội Hải Kinh).

Quán Phật A-di-đà sắc thân vàng ròng ánh sáng suốt chiếu đoan chánh đẹp đẽ không gì sánh. Hành giả mọi lúc mọi nơi ngày đêm thường khởi tưởng này, đi đứng ngồi nằm cũng khởi tưởng này. Thường chú ý hướng về phương Tây và các Thánh chúng, tất cả các báu vật và tướng trang nghiêm như hiện trước mắt, nên biết.

Hành giả khi muốn ngồi trước phải ngồi kiết già, chân trái đặt trên vế phải, chân phải đặt trên vế trái, tay phải đặt trong lòng bàn tay trái, hai đầu ngón tay cái giao nhau. Thân mình thẳng mà ngồi, mắt nửa khép nửa mở. Dùng tâm nhãn nhìn lên đảnh Phật quán loa kế (búi thịt) da đầu màu vàng ròng, tóc màu xanh biếc, mỗi sợi tóc xoắn lại thành trôn ốc xương sọ màu trắng tuyết trong ngoài trong suốt, não như pha lê. Kế tưởng não có mười bốn mạch, mỗi mỗi mạch có mười bốn luồng sáng. Từ chân tóc phát ra có bảy vòng xoắn ốc lại từ đầu lông mà vào. Kế tưởng ánh sáng trước từ hai lông mày phát ra. Lại tưởng trán bằng phẳng rộng ngay. Kế tưởng mày cao mà dài như vành trăng khuyết. Kế

tưởng giữa chặn mày có tướng lông trắng cuộn lại. Lông mày ở trong rỗng ruột phóng ra ánh sáng sắc vàng ròng từ đầu lông chiếu thẳng vào mình Như Lai, như kinh Quán Phật Tam-muội nói: Như có người quán tưởng bạch hào (lông trắng) trong chốc lát hoặc thấy hoặc không thấy liền trừ hết chín mươi sáu ức na-do-tha hằng hà sa vi trần số kiếp sinh tử trọng tội. Nếu thường khởi quán tưởng này thì rất hay từ chướng diệt tội. Lại được vô lượng công đức, chư Phật hoan hỷ. Sau đó tưởng hai mắt Phật rộng dài trắng đen rõ ràng sáng rỡ trong suốt. Kế tưởng mũi cao thẳng như lưỡi mát đúc. Lại tưởng mặt đầy đặn không hóp, rồi tưởng tai dài dái tai lớn, lỗ có bảy sợi lông, ánh sáng từ lông phóng ra chiếu sáng thân Phật. Tưởng môi sắc đỏ sáng tươi thắm. Kế tưởng răng trắng đều khít như ngọc kha nguyệt trong ngoài trong suốt. Sau tưởng lưỡi dày rộng dài mềm mại. Cuốn lưỡi có hai đường tiết tân dịch đổ vào yết hầu vào thẳng tim chúa. Tim Phật như hoa sen hồng nửa nở nửa khép. Có tám vạn bốn ngàn lá, lá lá xếp lớp, mỗi lá có tám vạn bốn ngàn mạch, mỗi mạch có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, mỗi ánh sáng có trăm sen báu, trên mỗi hoa có Thập Địa Bồ-tát thân vàng ròng tay cầm hương hoa cúng dường Tim chúa... Hành giả khi khởi tưởng này thì diệt trừ tội chướng, được vô lượng công đức, chư Phật Bồ-tát hoan hỷ, thiên thần quỷ thần vui mừng lại kéo tâm hướng lên trên. Kế tưởng có cổ tròn, hai vai tròn trịa. Lại tưởng hai cánh tay tròn dài. Kế tưởng hai bàn tay đầy đặn có ngàn xoắn ốc mười ngón nhọn dài, lóng tay dài, móng màu hồng sáng lại kéo tâm hướng lên. Kế tưởng ngực Phật tròn đầy, chữ Vạn Đức sáng tỏ. Lại tưởng bụng bằng không hiện. Sau tưởng rốn tròn sâu thường có ánh sáng phóng ra. Kế tưởng tướng âm tàng bằng đầy như đêm trăng rằm, phía lưng cũng bằng phẳng không khác. Phật nói nếu có thiện nam tử thiện nữ nhân nào tham nhiều sắc dục nên tưởng tướng âm tàng của Như Lai thì dục tâm liền ngưng, tội chướng trừ hết được vô lượng công đức, chư Phật hoan hỷ, Thiên thần quỷ thần hảo tâm ủng hộ, sống lâu an lạc vĩnh viễn không tật bệnh. Kế tưởng hai đùi vế đầu gối tròn trịa. Tiếp tưởng hai bắp chân như chân nai. Lại tưởng hai gót chân như mũi (vòi) voi. Lại tưởng hai mu bàn chân cao như lưng rùa. Rồi tưởng mười ngón chân dài có móng màu đồng đỏ tươi. Kế tưởng Phật ngồi kiết già chân trái đặt trên đùi phải, chân phải đặt trên đùi trái. Kế tưởng hai bàn chân bằng phẳng có ngàn xoắn ốc bánh xe đầy đủ có ánh sáng chiếu khắp mười phương cõi. Từ đảnh xuống chân đến ngàn xoáy ốc thì gọi là quán sắc thân Phật đầy đủ trang nghiêm công đức, gọi là quán thuận. Kế lại tưởng hoa tòa rồi tưởng đài hoa. Kế tưởng cánh hoa, cánh xen

lớp nhau, tám vạn bốn ngàn lớp. Trên mỗi mỗi cánh tưởng có trăm ức Bảo Vương trang nghiêm. Trên mỗi bảo có tám vạn bốn ngàn ánh sáng chiếu trên thân Phật. Kế tưởng cành hoa báu có tám mặt, mỗi mỗi mặt có trăm ngàn các báu trang nghiêm phóng ánh sáng lớn trên dưới đều chiếu. Kế tưởng dưới cành hoa nương vào đất báu. Trên đất các báu đều phóng tám vạn bốn ngàn ánh sáng. Mỗi mỗi ánh sáng chiếu thân Phật và chiếu cả mười phương sáu đạo. Cũng tưởng tất cả ánh sáng chiếu chạm tự thân hành giả. Khi làm tưởng này thì tội chướng diệt trừ được vô lượng công đức, chư Phật Bồ-tát hoan hỷ các thiên thần quỷ thần cũng vui mừng, ngày đêm theo bảo hộ hành giả, đi đứng ngồi nằm thường được an ổn, sống lâu giàu vui dứt hẳn bệnh tật. Theo lời dạy của Phật được thấy việc Tịnh độ. Nếu thấy chỉ tự biết không được nói với người khác thì có tội lớn, sẽ phải chiêu cảm lấy báo ác bệnh chết non. Nếu thuận theo giáo môn thì khi lâm chung sẽ được vãng sinh nước Phật A-di-đà. Như thế trên dưới đều y theo mười sáu quán trước. Sau mới trụ tâm vào bạch hào giữa chặn mày. Rất cần phải khiến tâm chánh niệm không được tán loạn, tức mất định tâm, Tam-muội khó thành nên biết. Đó gọi là Quán Phật Tam-muội Quán Pháp. Trong mọi lúc thường hồi hướng sinh Tịnh độ. Nhưng chỉ y theo Kinh Quán mười ba quán thì an tâm ắt được không nghi ngờ. Lại xin thưa cùng các hành giả, muốn sinh Tịnh độ chỉ cần trì giới niệm Phật, tụng kinh Di-đà mỗi ngày mười lăm biến, hai năm được một vạn ngày riêng ba mươi biến một năm một vạn ngày riêng niệm một vạn biến Phật. Cũng cần theo thời mà lễ tán. Việc Tịnh độ trang nghiêm phải nên rất tinh tấn. Nếu có người được ba vạn, sáu vạn, mười vạn thì đều là người thượng phẩm thượng sinh. Còn các công đức khác thì đều hồi hướng vãng sinh. Từ trước là nói pháp Quán Phật Tam-muội.

Kinh Ban-chu Tam-muội: Xin hỏi phẩm nói bảy ngày bảy đêm pháp vào đạo tràng niệm Phật Tam-muội (trích Kinh Ban-chu Tam-muội).

Phật dạy Bạt-đà-hòa rằng có Tam-muội gọi là mười phương chư Phật đều ở trước. Nếu ngươi làm pháp đó thì mọi hỏi han đều có thể được. Bạt-đà-hòa bạch Phật xin vì nói cho nghe. Nhiều khi qua mười phương được an ổn, vì chúng sinh mà hiện tướng sáng lớn. Phật bảo Bạt-đà-hòa có Tam-muội tên là Định Ý. Người học phải thường giữ gìn tu trì, không được làm các pháp khác. Là hạnh bậc nhất trong các công đức. Phẩm hạnh thứ hai nói: Phật bảo Bồ-tát Bạt-đà-hòa, nếu muốn nhanh chóng được Định ấy, thường lập Đại Tín, đúng pháp mà làm thì

có thể được, chớ có nghi ngại dù nhỏ như sợi tóc. Pháp Định Ý ấy gọi là Bồ-tát Siêu Chúng Hạnh.

Lập một niệm
Tín là Pháp
Tùy chỗ nghe
Nghĩ phương ấy
Phải một niệm
Dứt các tưởng
Lập định tín
Chớ hồ nghi
Siêng năng làm
Chớ lười biếng
Chớ khởi tưởng
Có và không
Chớ nghĩ tới
Chớ nghĩ lui
Chớ nghĩ trước
Chớ nghĩ sau
Chớ nghĩ trái
Chớ nghĩ phải
Chớ nghĩ không
Chớ nghĩ có
Chớ nghĩ xa
Chớ nghĩ gần
Chớ nghĩ đau
Chớ nghĩ ngứa
Chớ nghĩ đói
Chớ nghĩ khát
Chớ nghĩ lạnh
Chớ nghĩ nóng
Chớ nghĩ khổ
Chớ nghĩ vui
Chớ nghĩ sinh
Chớ nghĩ già
Chớ nghĩ bệnh
Chớ nghĩ chết
Chớ nghĩ mạng
Chớ nghĩ tuổi thọ

Chớ nghĩ nghèo
Chớ nghĩ giàu
Chớ nghĩ sang
Chớ nghĩ hèn
Chớ nghĩ sắc
Chớ nghĩ dục
Chớ nghĩ nhỏ
Chớ nghĩ lớn
Chớ nghĩ dài
Chớ nghĩ ngắn
Chớ nghĩ tốt
Chớ nghĩ xấu
Chớ nghĩ ác
Chớ nghĩ thiện
Chớ nghĩ giận
Chớ nghĩ mừng
Chớ nghĩ ngồi
Chớ nghĩ dậy
Chớ nghĩ đi
Chớ nghĩ dừng
Chớ nghĩ kinh
Chớ nghĩ pháp
Chớ nghĩ phải
Chớ nghĩ quấy
Chớ nghĩ bỏ
Chớ nghĩ lấy
Chớ nghĩ tưởng
Chớ nghĩ thức
Chớ nghĩ đoạn
Chớ nghĩ trước
Chớ nghĩ không
Chớ nghĩ thật
Chớ nghĩ nhẹ
Chớ nghĩ nặng
Chớ nghĩ khó
Chớ nghĩ dễ
Chớ nghĩ sâu
Chớ nghĩ cạn

Chớ nghĩ rộng
Chớ nghĩ hẹp
Chớ nghĩ cha
Chớ nghĩ mẹ
Chớ nghĩ vợ
Chớ nghĩ con
Chớ nghĩ thân
Chớ nghĩ sơ
Chớ nghĩ ghét
Chớ nghĩ yêu
Chớ nghĩ được
Chớ nghĩ mất
Chớ nghĩ thành
Chớ nghĩ bại
Chớ nghĩ trong
Chớ nghĩ đục
Đoạn các niệm
Niệm nhất thời
Ý không loạn
Luôn tinh tấn
Chớ lo năm
Chớ lo ngày
Lập một niệm
Chớ nửa chừng
Trừ ngủ nghỉ
Luôn tinh ý
Thường riêng ngồi
Chớ tụ hội
Lánh kẻ ác
Gần bạn lành
Gần minh sư
Như thấy Phật
Giữ chí mình
Luôn yếu mềm
Quán bình đẳng
Đối tất cả
Ẩn quê nhà
Xa thân tộc

Bỏ ái dục
Tu thanh tịnh
Làm vô vi
Đoạn các dục
Bỏ loạn ý
Rèn định hạnh
Học văn tuệ
Tất như thiền
Trừ ba uế
Bỏ sáu nhập
Dứt dâm sắc
Lìa các ái
Chớ ham tiền
Nhiều chứa nhóm
Nghĩ tri túc
Chớ ham vị
Các sinh mạng
Chớ giết ăn
Mặc đúng pháp
Chớ lòe loẹt
Chớ chọc phá
Chớ kiêu mạn
Chớ tự đại
Chớ cống cao
Nếu nói kinh
Phải đúng pháp
Hiểu gốc thân
Do như huyễn
Chớ chịu ấm
Chớ vào giới
Ấm như giặc
Thứ như rắn
Là vô thường
Là chịu đựng
Luôn vô chủ
Hiểu vốn không
Nhân duyên hội
Nhân duyên tan

Đều là thế
Biết vốn không
Thêm Từ bi
Đối tất cả
Thí bần cùng
Cứu chẳng nhận đền trả
Đó là định
Hạnh Bồ-tát
Tuệ cốt yếu
Vượt các hạnh.

Đức Phật bảo Bạt-đà-hòa rằng trì hạnh pháp ấy liền được Tam-muội, hiện tại chư Phật đều ở trước mắt. Có các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đúng pháp tu hành, trì giới đầy đủ riêng ở một chỗ chỉ niệm Tây phương Phật A-di-đà hiện đang ở nước ấy tùy chỗ nghe mà nghĩ rằng cách đây mười vạn ức Phật độ, nước ấy tên là Tu-ma-đề một lòng nghĩ nhớ, một ngày một đêm hoặc bảy ngày bảy đêm, sau bảy ngày bảy đêm trông thấy như thấy trong mộng, không biết đêm ngày cũng chẳng biết trong ngoài chẳng do ngầm bên trong có ngăn ngại cho nên không thấy. Bạt-đà-hòa và bốn chúng thường khởi niệm ấy, trong cảnh giới chư Phật, thì trong các núi lớn hoặc núi Tu-di có chỗ kín đáo đều được mở ra không còn chướng ngại nữa. Bốn chúng ấy không cần thiên nhãn mà thấy suốt, không cần thiên nhĩ mà nghe khắp, không cần thần túc mà đến khắp các Phật sát. Không ở cõi này chết rồi sinh nơi khác, liền ngồi đây mà thấy cả. Phật nói bốn chúng ở cõi này niệm Phật A-di-đà, vì chuyên niệm nên được thấy. Liền hỏi trì pháp nào mà được sinh cõi nước ấy, Phật A-di-đà đáp: Người muốn sinh phải niệm danh hiệu ta không ngừng nghỉ thì liền được vãng sinh. Phật bảo vì chuyên niệm nên được vãng sinh. Tưởng niệm thân Phật ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp sáng rỡ đoan chánh không ai sánh bằng. Ở giữa tăng Bồ-tát nói pháp không lui hoại. Vì sao là sắc không hoại, do niệm sắc thân Phật nên được Tam-muội. Từ trước là nói về pháp niệm Phật Tam-muội.

Khi muốn vào Tam-muội Đạo tràng, y theo phương pháp Phật dạy trước cần phải sửa soạn đạo tràng, bài trí tôn tượng hương nước quét tướt. Nếu không có Phật đường thì phòng sạch cũng được. Quét tướt đúng pháp đặt một tượng Phật vào vách phía Tây. Hành giả trong tháng từ mồng 1 đến mồng 8, hoặc từ ngày mồng 8 đến rằm, hoặc từ rằm đến 23, hoặc từ 23 đến 30. Mỗi tháng bốn lúc tốt nhất. Hành giả tự

lượng việc nhà nặng nhẹ mà vào hành đạo Tịnh độ. Hoặc một ngày đến bảy ngày phải luôn ăn mặc sạch sẽ, hài cỏ cũng mới sạch. Trong suốt bảy ngày phải ăn một bữa, trường trai, cơm cháo rau cải sạch nhẹ dễ tiêu và có tiết độ. Ở trong đạo tràng ngày đêm cột tâm, liên tục chuyên tâm niệm Phật A-di-đà. Tâm và tiếng liên tục, chỉ ngồi hoặc đứng trong bảy ngày không được ngủ nghỉ. Cũng chẳng cần đúng lúc lễ Phật tụng kinh lần chuỗi, cũng chẳng cần chỉ biết chấp tay niệm Phật. Niệm niệm phải quán tưởng thấy Phật. Phật nói: Tưởng niệm Phật A-di-đà sắc thân vàng ròng sáng rỡ chiếu khắp, đoan chánh không gì sánh được ở trước tâm nhãn. Ngay khi niệm Phật nếu đứng thì đứng niệm một, hai vạn tiếng, nếu ngồi thì ngồi niệm một, hai vạn tiếng. Trong Đạo Tràng không nên dụm đầu nói lén. Ngày đêm ba hoặc sáu thời. Trình bạch cùng chư Phật tất cả Hiền Thánh, thiên Tào Địa Phủ tất cả nghiệp đạo, phát lồ sám hối. Một đời đến nay thân khẩu ý nghiệp đã tạo ra các tội. Việc phải y thật mà sám hối xong rồi y theo pháp mà niệm Phật. Cảnh giới thấy được không nên vội nói ra. Điều lành thì tự biết, ác thì phải sám hối. Các thứ rượu thịt ngũ tân (hành tỏi...) phát thệ tay không chạm đến, miệng không ăn nuốt. Nếu trái điều này thì nguyện thân miệng sẽ bị ghẻ độc. Hoặc nguyện tụng kinh A-di-đà đủ mười vạn biến. Miệng riêng niệm Phật một vạn biến. Ngày riêng tụng kinh mười lăm biến, hoặc tụng hai mươi biến, ba mươi biến, tùy sức nhiều ít, thề sinh Tịnh độ, nguyện Phật nhiếp thọ. Lại hành giả bệnh hoặc không bệnh khi sắp lâm chung thì cứ y theo pháp niệm Phật Tam-muội thân tâm ngay thẳng xây mặt về hướng Tây. Tâm cũng chuyên chú quán tưởng Phật A-di-đà, tâm miệng tương ưng tiếng tiếng chẳng dứt, quyết định làm tưởng vãng sinh, tưởng hoa đài Thánh chúng đến đón tiếp. Người bệnh nếu thấy cảnh trước liền nói cho người khán bệnh biết.

Đã nghe thấy rồi liền theo lời nói mà ghi chép, nếu người bệnh không nói được thì người khán bệnh luôn luôn hỏi han người bệnh thấy cảnh giới nào. Nếu nói toàn các tướng tội ác thì mọi người phải niệm Phật đồng giúp sám hối, tất cả khiến tội diệt. Nếu tội diệt hoa đài Thánh chúng theo niệm hiện ra thì theo trước mà ghi chép. Lại hành giả có quyến thuộc sáu thân đến thăm bệnh chớ nên ăn uống năm tân rượu thịt, nếu có thì chớ ở gần bệnh nhân sẽ khiến mất chánh niệm, quỷ thần giao loạn, bệnh nhân điên cuồng mà chết phải đọa ba đường ác. Xin các hành giả nên rất cẩn thận tuân giữ lời Phật dạy, cùng làm nhân duyên thấy Phật và người thăm bệnh phải đúng pháp rồi mới vào đạo tràng.

Y kinh nói về năm thứ Tăng Thượng Duyên - 19 quyển

1) Y Kinh Vô Lượng Thọ.
2) Y Kinh Thập Lục Quán.
3) Y Kinh Tứ chỉ A-di-đà.
4) Y Kinh Ban-chu Tam-muội
5) Y Kinh Thập Vãng Sinh.
6) Y kinh Tịnh độ Tam-muội.

Trân trọng theo lời dạy của Phật Thích-ca trong sáu bộ kinh Vãng Sinh nói rõ việc xưng niệm Phật A-di-đà để nguyện sinh Tịnh độ, thì hiện đời được sống lâu không bị chín thứ hoạnh nạn, mỗi mỗi đều đầy đủ như nghĩa năm duyên sau có nói.

Hỏi: Phật khuyên tất cả chúng sinh phát tâm Bồ-đề nguyện sinh nước Phật A-di-đà ở Tây phương, lại khuyên tạo tượng Phật A-di-đà, xưng dương lễ bái, hương hoa cúng dường, ngày đêm quán tưởng chẳng dứt. Lại khuyên chuyên niệm danh Phật A-di-đà một vạn, hai vạn, ba vạn, năm vạn cho đến mười vạn tiếng. Hoặc khuyên tụng kinh Di-đà mười lăm, hai mươi, ba mươi, năm mươi đến một trăm hoặc mười vạn biến thì hiện đời được công đức gì, một trăm tuổi bỏ báo thân này rồi thì có lợi ích gì mà được sinh Tịnh độ.

Đáp: Hiện đời và khi bỏ báo thân quyết định có công đức lợi ích lớn theo lời Phật dạy nói rõ năm thứ nhân duyên tăng thượng lợi ích:

- Tăng thượng duyên diệt tội.
- Tăng thượng duyên hộ niệm được sống lâu.
- Tăng thượng duyên thấy Phật.
- Tăng thượng duyên nhiếp sinh.
- Tăng thượng duyên chứng sinh.

1) Tăng thượng duyên diệt tội : Tức như trong Kinh Quán người hạ phẩm thượng sinh một đời tạo đủ mười ác trọng tội, người ấy khi bị bệnh sắp chết gặp Thiện tri thức dạy xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà một tiếng thì diệt trừ được năm mươi ức kiếp sinh tử trọng tội, tức đó là tăng thượng duyên hiện đời diệt tội .

Lại như người hạ phẩm trung sinh một đời đối với Phật pháp tạo đủ các tội phá giới, phá trai, ăn dùng các vật của Phật, Pháp, Tăng không biết xấu hổ sám hối. Người này khi bệnh sắp chết, lửa địa ngục một lúc hiện ra. Nhưng gặp Thiện tri thức vì nói Phật A-di-đà có thân tướng công đức, cõi nước trang nghiêm. Người tội nghe xong liền trừ được tám mươi ức kiếp sinh tử trọng tội, địa ngục liền mất. Đây cũng là hiện đời diệt tội tăng thượng duyên.

Lại như người hạ phẩm hạ sinh một đời tạo đủ tội ngũ nghịch cực

nặng phải trải qua các địa ngục chịu khổ vô cùng. Tội nhân bị bệnh sắp chết gặp Thiện tri thức dạy xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà mười tiếng, trong các tiếng trừ diệt được tám mươi ức kiếp sinh tử trọng tội. Đây cũng là tăng thượng duyên hiện đời diệt tội.

Lại như có người y theo Kinh Quán, vẽ tạo cảnh Tịnh độ trang nghiêm ngày đêm quán tưởng bảo địa, thì hiện đời niệm niệm trừ diệt tám mươi ức kiếp tội sinh tử.

Lại y theo kinh mà vẽ tạo quán tưởng cây báu, ao báu, lầu báu trang nghiêm thì hiện đời diệt trừ được vô lượng ức tăng kỳ kiếp sinh tử tội.

Lại y theo Hoa Tọa Trang Nghiêm Quán ngày đêm quán tưởng thì hiện đời niệm niệm trừ diệt được năm mươi ức kiếp tội sinh tử.

Lại y theo kinh quán tưởng tượng mà quán tưởng chân thân, quán quán Âm Thế Chí v.v... thì hiện đời trong niệm niệm diệt trừ được vô lượng ức kiếp sinh tử tội.

Như trên đã dẫn đều là tăng thượng duyên hiện đời diệt tội .

2) Lại nói tăng thượng duyên hộ niệm , tức như trong quán thứ mười hai nói rằng: Nếu có người trong mọi lúc mọi nơi ngày đêm chí tâm quán tưởng Di-đà Tịnh độ hai báo trang nghiêm, hoặc thấy hoặc không thấy Phật Vô Lượng Thọ hóa làm vô số hóa Phật Quán Âm Thế Chí cũng có vô số hóa thân thường đến chỗ người này. Cũng là hiện tại hộ niệm tăng thượng duyên.

Lại như Kinh Quán văn sau nói: Nếu có người chí tâm luôn niệm A-di-đà Phật và hai vị Bồ-tát Quán Âm Thế Chí thường cùng hành giả kết bạn tốt Thiện tri thức thì thường theo ủng hộ. Đây cũng là tăng thượng duyên hiện đời hộ niệm.

Lại như Quán chân thân thứ chín có nói: Kim sắc thân Phật A-di-đà có hào tướng (lông trắng) sáng suốt khắp chiếu thân chúng sinh ở mười phương, ánh sáng chân lông cũng khắp chiếu chúng sinh, viên quang cũng khắp chiếu chúng sinh, ánh sáng tám vạn bốn ngàn tướng đẹp cũng khắp chiếu chúng sinh. Lại như trước các ánh sáng của thân tướng mỗi mỗi đều khắp mười phương thế giới, chỉ có chúng sinh chuyên niệm Phật A-di-đà thì ánh sáng tâm Phật ấy thường chiếu người ấy mà nhiếp hộ không bỏ. Nói chung bất luận chiếu nhiếp các hạnh nghiệp tạp khác. Đây cũng là tăng thượng duyên hiện đời hộ niệm.

Lại như kinh Thập Vãng Sinh nói: Phật bảo Bồ-tát Sơn Hải Huệ và A-nan rằng: Nếu có người chuyên niệm Tây phương A-di-đà Phật nguyện vãng sinh, ta từ nay trở đi sẽ khiến hai mươi lăm Bồ-tát luôn

ủng hộ hành giả, chẳng khiến ác quỷ ác thần não loạn hành giả, ngày đêm thường ủng hộ an ổn. Đây cũng là tăng thượng duyên hiện đời hộ niệm.

Lại như kinh Di-đà nói: Nếu có thiện nam, thiện nữ nào bảy ngày bảy đêm và hết cả một đời nhất tâm chuyên niệm Phật A-di-đà nguyện vãng sinh, thì người này thường được sáu phương hằng hà sa chư Phật cùng đến hộ niệm nên gọi là kinh Hộ niệm. Ý kinh Hộ niệm cũng không khiến các ác quỷ thần được tùy tiện cũng không bị bệnh ngang chết ngang. Nếu có các ách nạn thì tất cả tai chướng đều tự nhiên tiêu tan, trừ những người không chí tâm. Đây cũng là tăng thượng duyên hiện đời hộ niệm.

Lại như kinh Ban-chu Tam-muội, phẩm Hạnh có nói: Phật bảo Bạt-đà-hòa rằng nếu có người bảy ngày bảy đêm ở trong đạo tràng bỏ hết duyên sự dẹp các ngủ nghỉ nhất tâm chuyên niệm sắc thân chân kim của Phật A-di-đà hoặc một ngày ba ngày bảy ngày hoặc mười bốn ngày, ba mươi ngày, bốn mươi chín ngày hoặc đến trăm ngày hoặc hết cả một đời chí tâm quán Phật và niệm xưng tâm niệm thì Phật liền nhiếp thọ. Đã được nhiếp thọ thì nhất định biết tội diệt được sinh Tịnh độ. Phật nói nếu có người chuyên hành niệm Di-đà Phật Tam-muội này thì thường được tất cả các trời và Tứ Đại Thiên Vương Long Thần Bát Bộ theo ủng hộ yêu thích thấy nhau, không bị các ác quỷ thần tai chướng ách nạn gây thêm não loạn đủ như trong phẩm hộ trì có nói. Đây cũng gọi là tăng thượng duyên hiện đời hộ niệm.

Lại y theo kinh Quán Đảnh quyển ba có nói: Nếu người thọ trì Tam quy ngũ giới thì Phật ra lệnh cho Thiên đế ngươi sai thiên thần sáu mươi mốt người ngày, đêm, tháng, năm theo ủng hộ người thọ giới, khiến các ác quỷ thần hoạnh tướng không não hại. Đây cũng gọi là tăng thượng duyên hiện đời hộ niệm.

Lại như kinh Tịnh độ Tam-muội nói Phật bảo vua Bình Sa rằng nếu có thiện nam, thiện nữ nào tháng tháng giữ ngày lục trai và ngày Bát vương hướng về Thiên tào Địa phủ tất cả nghiệp đạo luôn luôn lấy người đứng đầu thọ trì trai giới. Phật ra lệnh cho sáu vua trời cõi Dục đều sai hai mươi lăm thiện thần thường đến ủng hộ người trì giới khiến các ác quỷ thần không đến não hại, cũng không có bệnh chết ngang, các tai chướng luôn được an ổn. Đây cũng gọi là tăng thượng duyên hiện đời hộ niệm.

Lại xin thưa các hành giả chỉ muốn đời này ngày đêm liên tục chuyên niệm Di-đà, chuyên tụng kinh Di-đà, xưng dương lễ tán Tịnh độ

Thánh chúng trang nghiêm mà nguyện sinh. Ngày riêng tụng kinh mười lăm, hai mươi, ba mươi biến trở lên hoặc tụng bốn mươi, năm mươi, một trăm biến trở lên. Nguyện đủ mười vạn biến. Lại xưng dương lễ tán Di-đà Tịnh độ, Y, Chánh hai báo trang nghiêm. Lại trừ khi vào Tam-muội Đạo Tràng, ngày riêng niệm A-di-đà Phật một vạn tiếng nối tiếp mãi cho đến chết, liền được Di-đà gia niệm, được trừ tội chướng, lại được Phật cùng các Thánh chúng thường đến hộ niệm. Đã được hộ niệm thì tuổi đời sẽ được sống lâu, nhân duyên an lạc mỗi mỗi đều đầy đủ như kinh Thí Dụ. Chỉ không có kinh Tam-muội.

Kinh Tịnh độ Tam-muội nói đến. Đây cũng là tăng thượng duyên hiện đời hộ niệm.

3) Lại nói tăng thượng duyên của Tam-muội Thấy Phật, tức như Kinh Quán nói phu nhân vua nước Ma-kiệt-đề là Vi-đề-hy mỗi khi ở trong cung nguyện thường thấy Phật, xa hướng về núi Kỳ-xà-quật khóc lóc kính lễ. Phật xa biết ý niệm ấy liền ở núi Kỳ xà quật biến mất mà xuất hiện tại vương cung. Phu nhân ngước đầu liền thấy Thế Tôn thân sắc vàng tía ngồi hoa sen báu, Mục-liên, A-nan đứng hầu hai bên, Thích, Phạm trên không tung hoa cúng dường. Phu nhân thấy Phật liền gieo mình xuống đất gào khóc hướng về Phật ai cầu sám hối cúi mong Như Lai dạy con quán luôn ở nghiệp thanh tịnh. Lại như kinh này chứng tỏ rằng không phải chỉ ngay tâm phu nhân thấy Phật mà còn dạy cho hàng phàm phu ở vị lai nếu có tâm nguyện muốn thấy thì phải y theo phu nhân chí tâm nhớ Phật nhất định được thấy vô ngại. Đây tức là ba niệm nguyện lực của Phật A-di-đà gia bị thêm bên ngoài mà được thấy Phật. Nói ba lực, tức như kinh Ban-chu Tam-muội nói:

1) Do sức thệ nguyện lớn gia niệm nên được thấy.

2) Do định lực Tam-muội gia niệm nên được thấy Phật.

3) Do bản công đức lực gia niệm nên được thấy Phật.

Trở đi trong duyên thấy Phật đều nên đồng với nghĩa này, nên gọi là tăng thượng duyên của Tam-muội thấy Phật.

Hỏi: Phu nhân phước lực mạnh mẽ cao quý được Phật gia niệm nên thấy Phật, còn các chúng sinh đời mạt pháp tội lỗi sâu nặng do đâu mà được cùng phu nhân đồng nêu. Lại nghĩa này rất sâu xa rộng lớn, mỗi mỗi đều dẫn đủ kinh Phật để chứng minh?

Đáp: Phật là bậc Thánh nhân đạt ba pháp, sáu thần không chướng, quán cơ bị giáo không chọn cạn sâu chỉ khiến quy thành thì còn nghi ngờ chẳng thấy.

Tức như kinh Quán nói: Phật khen Vi-đề-hy sớm hỏi việc này, A-

nan hãy nhớ lấy rộng vì nhiều người má nói lại.

Phật bảo: Nay Như Lai dạy Vi-đề-hy và tất cả chúng sinh đời vị lai quán tưởng Tây phương Cực lạc thế giới do nguyện lực của Phật thấy cõi nước ấy như cầm gương sáng tự soi mặt mình. Lại kinh này làm chứng cũng là do Phật A-di-đà ba lực ngoại gia, mà được thấy Phật nên gọi là tăng thượng duyên Tam-muội thấy Phật Tịnh độ.

Lại như kinh sau có nói: Phật bảo Vi-đề-hy ngươi là kẻ phàm phu, tâm tưởng lại yếu kém chẳng thể thấy xa, nên khiến chư Phật Như Lai có phương tiện lạ để khiến các ngươi được thấy. Phu nhân bạch Phật rằng con nay nhờ sức Phật nên thấy được cõi nước ấy, nếu Phật diệt độ rồi, chúng sinh ác trược bất thiện, năm khổ bức hiếp thì làm sao thấy được thế giới Cực lạc.

Phật bảo Vi-đề-hy rằng:

- Ngươi và chúng sinh hãy chuyên tâm mẫn niệm, tưởng ở Tây phương dưới có đất báu lưu ly, trên có tràng phang báu trong lầu các báu có các báu trang nghiêm mà chuyên tâm chú ý thì cũng đồng với phu nhân trên mà được thấy. Lại nói mỗi mỗi quán thấy rất rõ ràng, nhắm mắt mở mắt đều thấy rõ. Người tưởng như thế gọi là Thô Kiến. Đây gọi là trong giác tưởng mà thấy, nên nói là Thô Kiến. Nếu được định tâm Tam-muội và khẩu xưng Tam-muội thì tâm nhãn mở ra là thấy cõi Tịnh độ ấy tất cả trang nghiêm nói ra vô cùng tận. Lại do kinh này làm chứng rằng tất cả phàm phu chỉ cốt chú tâm là nhất định thấy. Nghĩa nên biết nếu có người thấy nghe không nên sợ hãi, lạ lùng là vì sao, là do Di-đà Tam-muội lực ngoại gia mà được thấy. Nên gọi là tăng thượng duyên Tam-muội thấy Phật Tịnh độ.

Lại như trong Hoa Tòa Quán nói: Phật bảo A-nan, Vi-đề-hy, Phật sẽ vì ngươi nói pháp trừ khổ não, ngươi phải vì đại chúng phân biệt giải noia. Khi nói lời này, Phật Vô Lượng Thọ và Quán Âm, Thế Chí ứng tiếng hiện ra đứng giữa không trung. Vi-đề-hy thấy Phật liền kính lạy. Lạy xong bạch Phật Thích-ca rằng:

- Nay nhân sức Phật nên được thấy Phật Vô Lượng Thọ và hai vị Bồ-tát. Khi Phật diệt độ rồi thì các chúng sinh làm sao quán được Phật A-di-đà và hai vị Bồ-tát?

Phật bảo: Ngươi và chúng sinh muốn thấy Phật ấy, phải khởi tưởng niệm trên đất bảy báu mà tưởng hoa sen. Tưởng hoa thành rồi kế mới tưởng Phật. Khi tưởng Phật thì tâm liền tưởng ba mươi hai tướng tốt, từ trên đảnh xuống đến ngồi kiết già xong, mỗi mỗi phần của thân cũng đều tưởng tùy tâm tưởng đủ. Khi đó thân Phật liền hiện. Đây là do Di-

đà Phật ba lực ngoại gia liền được thấy Phật. Cũng gọi là tăng thượng duyên Tam-muội thấy Phật Tịnh độ .

Lại như kinh sau nói: Người tưởng Phật ấy trước phải tưởng tượng. Thấy một tượng vàng ngồi trên hoa. Tưởng thấy rồi thì tâm nhãn liền mở sáng suốt rõ ràng và thấy tất cả nước ấy trang nghiêm. Đây cũng là Di-đà Phật ba lực ngoại gia mà thấy Phật. Nên gọi là tăng thượng duyên Tam muội thấy Phật.

Lại như kinh sau nói: Kế tưởng hai vị Bồ-tát và các ánh sáng đều thấy rõ ràng. Khi thấy việc này hành giả ở trong Định Tam-muội sẽ nghe tiếng chảy, ánh sáng trang nghiêm v.v... các tiếng nói pháp. Xuất Định nhập Định hành giả thường nghe Diệu Pháp. Đây cũng là Phật A-di-đà ba lực ngoại gia mà thấy Phật. Nên gọi là tăng thượng duyên Tam-muội thấy Phật .

Lại như trong Quán Chân Thân nói: Phật bảo A-nan khi quán tượng thành rồi, kế lại quán Phật Vô Lượng Thọ thân sắc vàng ròng, giữa mày có tướng bạch hào viên quang hóa Phật và các tướng đẹp đẽ sáng suốt, chỉ phải nhớ tưởng khiến tâm nhãn thấy rõ. Thấy rồi liền thấy mười phương tất cả chư Phật, nên gọi là niệm Phật Tam-muội. Lấy văn này làm chứng cũng là Phật A-di-đà ba lực ngoại gia mà thấy Phật. Nên gọi là tăng thượng duyên Tam-muội thấy Phật.

Lại như kinh sau nói:

Phật bảo: Thế nên người trí nhất tâm quán kỹ Phật Vô Lượng Thọ từ một tướng đẹp mà vào. Chỉ quán giữa chặn mày tướng bạch hào phải thật rõ ràng thì tám vạn bốn ngàn tướng đẹp tự nhiên thấy rõ. Thấy rồi thì liền thấy mười phương tất cả chư Phật. Ở trước Phật thứ lớp thọ ký. Lại lấy kinh này làm chứng thì cũng là Phật A-di-đà ba lực ngoại gia mà thấy Phật, khiến kẻ phàm phu chuyên tâm tưởng thì nhất định được thấy Phật. Nên gọi là tăng thượng duyên Tam-muội thấy Phật .

Lại như Quán Âm, Thế Chí... quán khắp và người chín phẩm dưới một đời khởi làm cho đến bảy ngày, một ngày, mười tiếng, một tiếng khi lâm chung nguyện thấy Phật. Nếu hiện đời gặp được Thiện tri thức, hành giả tự hay tâm miệng xưng niệm Phật A-di-đà, thì Phật liền cùng Thánh chúng hoa đài đến hiện. Hành giả thấy Phật cũng thấy cả Thánh chúng hoa đài v.v... Lại lấy kinh này làm chứng thì cũng là Phật A-di-đà ba lực ngoại gia mà thấy Phật. Nên gọi là tăng thượng duyên Tam-muội thấy Phật.

Lại như kinh sau nói: Phật bảo A-nan, kinh này gọi là kinh quán Cực lạc Quốc Độ Vô Lượng Thọ Phật và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí

Bồ-tát. Ông nên thọ trì khiến không quên mất. Người hành Tam-muội này hiện đời được thấy Phật Vô Lượng Thọ và hai vị Bồ-tát. Lại lấy kinh này làm chứng thì cũng là Phật A-di-đà ba lực ngoại gia, đến nổi khiến phàm phu niệm đến thì nhân ba lực tâm mình mà được thấy Phật. Do tâm chí thành, tâm tin, tâm nguyện làm nội nhân, lại nhờ ba nguyện lực của Di-đà làm ngoại duyên, nhân duyên trong ngoài hòa hợp mà liền được thấy Phật, nên gọi là tăng thượng duyên Tam muội thấy Phật.

Lại như kinh Ban-chu Tam-muội nói: Phật bảo Bạt-đà-hòa Bồ-tát rằng: Có Tam-muội gọi là mười phương chư Phật đều đứng trước. Nếu người muốn chóng được Tam-muội này thì thường phải giữ tập thọ trì không chút nghi ngờ như lông tốc. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di muốn học hạnh Tam-muội ấy, thì bảy ngày bảy đêm trừ khi ngủ nghỉ, bỏ các loạn tưởng, ở riêng một mình mà quán tưởng Tây phương Phật A-di-đà thân sắc vàng ròng ba mươi hai tướng ánh sáng chiếu suốt đoan chánh không gì sánh một lòng quán tưởng, tâm nghĩ miệng đọc niệm niệm không dứt Phật nói sau bảy ngày thì thấy. Ví như có người đêm nhìn sao trời, một sao tức là một Phật. Nếu có bốn chúng làm quán tưởng, thấy tất cả sao tức thấy tất cả Phật. Lại lấy kinh này làm chứng thì cũng là Phật A-di-đà ba lực ngoại gia nên thấy Phật. Nói Tam-muội tức là người niệm Phật tâm miệng xưng niệm không có tạp tưởng, niệm niệm trụ tâm, tiếng tiếng liên tục, tâm nhãn liền khai được thấy Phật ấy rõ ràng hiện ra. Nên gọi là định, cũng gọi là Tam-muội. Chính lúc thấy Phật cũng thấy Thánh chúng và các trang nghiêm. Nên gọi là tăng thượng duyên Tam muội thấy Phật Tịnh-độ.

Lại như kinh Nguyệt Đăng Tam-muội nói: Nghĩ tướng tướng đẹp và đức hạnh của Phật thì hay khiến các căn không loạn động, tâm không mê hoặc cùng pháp họp nhau, được nghe được trí như biển lớn. Người trí ở trong Tam-muội đó mà nhiếp niệm đi kinh hành thì có thể thấy được ngàn ức các Như Lai, cũng gặp vô lượng hằng sa Phật. Lại lấy kinh này làm chứng cũng gọi là tăng thượng duyên Tam muội thấy Phật.

Lại như kinh Văn-thù Bát-nhã nói: Văn-thù bạch Phật rằng: Thế nào gọi là Nhất hạnh Tam-muội? Phật bảo nam tử nữ nhân nào ở chỗ vắng vẻ bỏ hết các loạn ý, tùy chỗ Phật thẳng mình ngồi ngay không tưởng hình tướng chỉ chuyên xưng niệm danh hiệu Phật không ngừng nghỉ thì liền ở trong niệm hay thấy ba đời chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai. Lại lấy kinh này làm chứng, tức là chư Phật đồng thể đại bi niệm lực gia bị mà khiến thấy. Đây cũng là phàm phu được tăng thượng duyên Tam muội thấy Phật.

4) Lại nói tăng thượng duyên nhiếp sinh nhiếp sinh tức như kinh Vô Lượng Thọ trong bốn mươi tám nguyện nói: Phật bảo nếu khi ta thành Phật, mười phương chúng sinh nguyện sinh nước ta, xưng niệm danh tự ta ít nhất mười tiếng nhờ nguyện lực ta nếu không sinh thì ta không thành Chánh giác. Đây tức là người nguyện vãng sinh khi lâm chung nhờ nguyện lực nhiếp mà được vãng sinh, nên gọi là tăng thượng duyên nhiếp sinh.

Lại kinh này quyển thượng nói: Nếu có chúng sinh được sinh nước Phật Vô Lượng Thọ ở Tây phương đều nhờ các nghiệp lực của Đại Nguyện Phật A-di-đà làm tăng thượng duyên tức làm chứng cũng là tăng thượng duyên nhiếp sinh.

Lại kinh sau quyển đầu nói: Phật bảo tất cả chúng sinh căn tánh không đồng có thượng trung hạ, tùy theo căn tánh họ, Phật đều khuyên chuyên niệm danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ. Người ấy khi sắp lâm chung, Phật cùng Thánh chúng sẽ đến đón tiếp đều được vãng sinh. Đây cũng là tăng thượng duyên nhiếp sinh.

Lại như Kinh Quán, Pháp quán thứ 11 và chín phẩm dưới đều là Phật tự nói tu định tán. Hành giả khi sắp chết thì mỗi mỗi đều là Phật Thế Tôn cùng Thánh chúng đài hoa trao tay đón tiếp vãng sinh. Đây cũng là tăng thượng duyên nhiếp sinh.

Lại như trong kinh Tứ Chỉ Di-đà nói: Phật nói có nam tử nữ nhân nào hoặc một ngày, bảy ngày nhất tâm chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà, người này khi mạng chung Phật A-di-đà và các Thánh chúng sẽ đến đón tiếp liền được vãng sinh Cực lạc thế giới ở Tây phương. Phật Thích-ca nói ta thấy lợi ấy nên nói lời này, tức làm chứng cũng là tăng thượng duyên nhiếp sinh.

Lại như trong bốn mươi tám nguyện nói: Nếu tôi được thành Phật, chúng sinh mười phương phát tâm Bồ-đề, tu các công đức, chí tâm phát nguyện muốn sinh nước ta. Khi lâm chung tôi không cùng đại chúng hiện ra trước người ấy, thì tôi không thành Chánh giác. Đây cũng là tăng thượng duyên nhiếp sinh.

Lại như nguyện sau nói: Nếu tôi thành Phật, chúng sinh mười phương nghe danh hiệu tôi mà nghĩ đến nước tôi, chí tâm hồi hướng nguyện sinh nước tôi nếu không toại nguyện thì tôi không thành Chánh giác. Đây cũng là tăng thượng duyên nhiếp sinh.

Lại như nguyện sau nói: Nếu tôi thành Phật, mười phương thế giới có người nữ nào nghe danh hiệu tôi vui mừng tin ưa, phát tâm Bồ-đề, chán ghét thân nữ, sau khi chết lại làm thân nữ thì tôi không

thành Chánh giác. Nghĩa là chính do bổn nguyện lực Di-đà, nên người nữ xưng niệm danh hiệu Phật, ngay khi mạng chung liền chuyển thân nữ thành thân nam. Phật A-di-đà dắt tay Bồ-tát đỡ thân, ngồi trên hoa báu theo Phật vãng sinh vào Đại hội Phật chứng ngộ vô sinh. Lại tất cả người nữ không do nguyện lực danh hiệu Di-đà thì ngàn kiếp muôn kiếp và hằng hà sa kiếp trọn không thể chuyển được thân nữ, nên biết thế. Nay hoặc có đạo tục bảo rằng người nữ không được sinh Tịnh độ, đây là nói dối không nên tin. Lại lấy kinh này làm chứng cũng là tăng thượng duyên nhiếp sinh.

5) Lại nói tăng thượng duyên chứng sinh.

Hỏi: Nay đã thấy bốn mươi tám nguyện Di-đà đã nhiếp tất cả chúng sinh được sinh Tịnh độ, chưa biết nhiếp những chúng sinh nào được sinh lại là người nào bảo chứng được sinh?

Đáp: Tức như Kinh Quán nói, Phật bảo Vi-đề-hy ngươi nay có biết Di-đà cách đây không xa, ngươi phải kế niệm quán kỹ nước ấy, tịnh nghiệp đã thành thì cũng khiến tất cả phàm phu ở đời vị lai được sinh Tây phương Cực lạc quốc độ. Nay lấy kinh này làm chứng, chỉ là sau khi Phật diệt độ, phàm phu nhờ nguyện lực Phật thì nhất định được vãng sinh, tức là tăng thượng duyên chứng sinh.

Lại hỏi rằng đức Thích-ca nói giáo chỉ bày chúng sinh vì sao cùng một thứ Phật pháp mà có người tin và không tin chê trách nhau là do nguyên nhân gì?

Đáp: Phàm phu cơ tánh có hai thứ: Một là tánh thiện; hai là tánh ác.

Người tánh thiện:

1) Khi nghe liền bỏ ác làm thiện, là người thiện.

2) Bỏ tà làm chánh là người thiện.

3) Bỏ dối làm thật là người thiện.

4) Bỏ quấy làm phải là người thiện.

5) Bỏ ngụy làm chân là người thiện.

Năm thứ người này hay về với Phật, tức hay tự lợi, lợi tha, tại nhà thì hiếu để, ở ngoài cũng lợi tha. Người ở chỗ mong mỏi thì có uy tín, ở triều gọi là quân tử, thờ vua tận trung nên gọi là người tự tánh thiện.

Người tánh ác:

1) Chê chân làm ngụy là người ác.

2) Chê chánh làm tà là người ác.

3) Chê phải làm quấy là người ác.

4) Chê thật làm dối là người ác.

5) Chê thiện làm ác là người ác.

Lại năm thứ người ác này nếu muốn nguyện về với Phật thì không thể tự lợi cũng chẳng lợi tha. Lại ở nhà chẳng hiếu để ở chỗ trông mong thì không có uy tín, ở triều gọi là tiểu nhi thờ vua thì thường ôm lòng gian nịnh gọi là bất trung. Lại các người này chỉ hay phá hại các người hiền đức lấy quấy làm phải, chỉ thấy ác đó nên gọi là người tự tánh ác. Lại trên từ chư Phật Hiền Thánh, trời người sáu đạo lương thiện thì người ác này khinh ghét làm nhục. Người trí nên biết. Như nay mỗi mỗi đều dẫn đủ người thiện ác hai tánh, đạo lý rõ ràng lời đáp đã xong.

Lại kinh sau nói: Phật bảo Vi-đề-hy người và chúng sinh chuyên tâm xưng niệm tưởng một chỗ ở đất Tây phương dưới có tràng phang vàng trên có các báu trang nghiêm. Dưới đến mười ba Quán đã đáp chung hai lời thỉnh của Vi-đề để làm minh chứng là muốn khiến các phàm phu thiện ác đều hồi tâm khởi làm cùng được vãng sinh. Đây cũng là tăng thượng duyên chứng sinh.

Lại như kinh sau nói: Các cõi nước báu có năm trăm ức lầu báu. Trong các lầu báu có vô lượng trời người tấu trỗi các thứ âm nhạc đều nói niệm Phật Pháp Tăng. Tưởng này thành rồi thì khi mạng chung nhất định sinh vào nước ấy. Lại kinh này làm chứng cũng là tăng thượng duyên chứng sinh.

Lại như kinh sau nói Phật bảo A-nan: Như Diệu Hoa này vốn là nguyện lực của Pháp Tạng Tỳ-kheo mà thành. Nếu muốn niệm Phật ấy thì trước phải quán tưởng hoa tòa này, mỗi mỗi đều quán rõ ràng. Khi tưởng này thành rồi nhất định vãng sinh thế giới Cực lạc. Lấy kinh này làm chứng cũng là tăng thượng duyên chứng sinh.

Lại như kinh Vô Lượng Thọ nói: Phật bảo A-nan: Nếu có chúng sinh sinh vào nước ấy thì đều trụ ở Chánh Định. Mười phương chư Phật đều cùng khen ngợi Phật ấy. Nếu có chúng sinh nghe danh hiệu Phật ấy mà tin tưởng vui mừng cho đến một niệm nguyện sinh nước ấy thì liền được vãng sinh trụ bất thoái chuyển. Lại lấy kinh này làm chứng cũng là tăng thượng duyên chứng sinh.

Lại như Kinh Quán phẩm chín nói: trong mỗi phẩm đều dạy chúng sinh rằng nếu Phật đang ở đời hoặc đã diệt độ rồi thì phàm phu ngũ trược gặp được Thiện tri thức khuyên khiến tin tưởng trì giới niệm Phật tụng kinh lễ tán thì quyết định đều vãng sinh, toàn nhờ nguyện lực của Phật mà được vãng sinh. Đây cũng là tăng thượng duyên chứng sinh.

Lại như kinh Di-đà nói: Sáu phương đều có hằng hà sa chư Phật

đều duỗi lưỡi che khắp tam thiên thế giới nói lời thành thật nếu Phật ở đời hoặc Phật đã diệt độ tất cả phàm phu tạo tội chỉ hồi tâm niệm A-di-đà Phật nguyện sinh Tịnh độ thì trên từ trăm năm cho đến bảy ngày, một ngày, mười tiếng, ba tiếng, một tiếng thì khi mạng chung Phật cùng Thánh chúng tự đến đón tiếp liền được vãng sinh. Như trên sáu phương chư Phật đều nói vì phàm phu làm chứng, tội diệt được sinh. Nếu không đúng theo chứng này được sinh, thì sáu phương chư Phật một lần duỗi lưỡi nói ra tất trọn không trở vào mà lại bị hư nát. Đây cũng là tăng thượng duyên chứng sinh.

Lại xin kính thưa tất cả người vãng sinh nếu nghe lời này liền ứng tiếng buồn thương khóc lóc dù nhiều kiếp phải tan xương nát thịt để báo đáp ân đức Phật mới xứng được bổn tâm há dám có tâm tóc tơ chán nản. Lại xin thưa cùng các hành giả tất cả phàm phu tội ác còn được hết tội mà chứng nhiếp được sinh. Huống là Thánh nhân nguyện sinh mà chẳng được ư? Trên là đáp chung lời hỏi những chúng sinh nào được sinh Tịnh độ.

Năm nghĩa tăng thượng duyên đã xong.

Hỏi: Đức Thích-ca ra đời vì độ phàm phu năm trược tức dùng Từ bi khai thị nhân mười ác thì bị báo quả khổ Tam đồ. Lại dùng bình đẳng trí tuệ mà ngộ nhập nhân thiên hồi sinh về nước Phật A-di-đà. Các kinh Đốn giáo văn nghĩa rõ ràng. Nay lại có người công nhiên chẳng tin cùng nhau hủy báng. Chưa biết người này hiện đời và sau khi chết thì bị tội báo gì xin dẫn đủ kinh Phật để làm chứng khiến chúng sinh cải hối tin Phật Đại thừa hồi nguyện sinh Tịnh độ tức làm lợi ích.

Đáp: Y theo kinh Phật mà đáp. Lại người ác này thuộc năm phần tánh ác trên đã nói xong. Nay dẫn thẳng kinh Phật để minh chứng. Tức như kinh Thập Vãng Sinh nói:

Phật bảo Bồ-tát Sơn Hải Tuệ:

- Ông nay vì độ tất cả chúng sinh phải nên thọ trì kinh ấy. Phật lại bảo Sơn Hải Tuệ kinh ấy gọi là kinh Quán A-di-đà Phật sắc thân chánh niệm giải thoát Tam-muội, cũng gọi là kinh Độ Chư Hữu Lưu Sinh Tử Bát Nạn Hữu Duyên Chúng Sinh. Như thế chúng sinh thọ trì chưa có duyên niệm Phật Tam-muội. Kinh ấy hay mở lớn môn Tam-muội, kinh ấy hay vì chúng sinh đóng kín cửa địa ngục, kinh ấy hay vì chúng sinh trừ ác quỷ hại người hướng đều an ổn. Phật bảo Sơn Hải Tuệ rằng như ta đã nói nghĩa đó như thế.

Sơn Hải Tuệ bạch Phật:

- Chúng sinh đời vị lai nhiều người hay hủy báng, người như thế

sau này thế nào?

Phật bảo sau này ở Diêm-phù-đề hoặc có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni hoặc nam hay nữ thấy có người đọc tụng khen ngợi kinh ấy mà sân giận chê bai tức là chê bai chánh pháp, nên người ấy hiện đời bị các ác bệnh, thân căn không đầy đủ hoặc bị điếc, mù, thất âm, quỷ mị điên cuồng phong tà lạnh nóng, thủy thủng, thất tâm... như thế các ác bệnh đời đời đeo theo luôn chịu khổ, nằm ngồi không an đại tiểu tiện không thông muốn sống muốn chết cũng chẳng được. Vì chê bai kinh ấy nên phải chịu khổ như thế. Hoặc chết rồi phải đọa vào địa ngục trong tám vạn kiếp chịu khổ não lớn trăm ngàn vạn đời chưa từng nghe tiếng cơm nước, vì chê bai kinh ấy nên bị tội như thế. Hoặc lúc được ra khi sinh trong loài người thì phải làm trâu ngựa heo dê bị người giết hại chịu khỗ não lớn. Vì chê bai kinh ấy, nên sau được thân người thì thường sinh vào hàng hạ tiện trăm ngàn vạn đời không được tự tại, trăm ngàn vạn đời không thấy tên Tam bảo, vì chê bai kinh ấy nên chịu khổ như thế. Thế nên trong người không trí chớ nói kinh ấy. Người chánh quán, chánh niệm, sau đó mới nói. Người không kính kinh ấy thì đọa địa ngục, nếu người ấy kính trọng thì được chánh giải thoát, vãng sinh nước Phật A-di-đà. Nay lại lấy kinh này làm chứng cho nên biết người chê và kính, Phật ghi tổn và ích không dối. Nên biết đáp đủ lời hỏi trước đã xong.

Hỏi: Sau khi Phật diệt độ tất cả phàm phu thiện ác đều phát tâm Bồ-đề nguyện sinh nước Phật A-di-đà ngày đêm chú tâm lấy một đời này xưng quán lễ tán hương hoa cúng dường Phật A-di-đà và Quán Âm Thánh chúng Tịnh độ trang nghiêm, niệm niệm quán tưởng Tam-muội hoặc thành chưa thành thì hiện đời được công đức gì, xin dẫn đủ kinh Phật để minh chứng, vì muốn kẻ tu học hoan hỷ ham thích tin nhận vâng làm?

Đáp: Quyết hỏi nghĩa này là đóng dứt nhân hạnh sinh tử sáu đạo, mở hẳn yếu môn Thường lạc Tịnh độ, chẳng phải chỉ đúng nguyện Di-đà mà chính chư Phật đều khắp mừng. Nay y kinh đáp đủ. Tức như kinh Ban-chu Tam-muội nói.

Phật bảo Bồ-tát Bạt-đà-hòa rằng:

- Đối trong niệm Phật Tam-muội có bốn việc cúng dường là ăn uống, y phục ngọa cụ, thuốc men giúp chư Phật quá khứ hoan hỷ trì niệm A-di-đà Phật Tam-muội, bốn việc giúp hoan hỷ đều được thành Phật. mười phương chư Phật hiện tại cũng trì niệm Phật Tam-muội bốn việc giúp hoan hỷ đều được làm Phật. Chư Phật vị lai cũng trì niệm Phật Tam-muội bốn việc gúp hoan hỷ đều được làm Phật. Phật bảo Bạt-đà-

hòa rằng niệm A-di-đà Phật Tam-muội bốn việc giúp hoan hỷ, ta đối Tam-muội ấy mà nói ít dụ để so sánh công đức niệm Phật. Thí như người sống trăm tuổi suốt đời đi chạy nhanh hơn gió cho đến già chết, có người nào tính được khoảng đường đi của người ấy chăng?

Bạt-đà-hòa thưa:

- Không tính được.

Phật nói: Nên ta bảo ông và các Bồ-tát nếu có người nam người nữ nào lấy số trân bảo bằng khoảng đường đi lại của người ấy mà bố thí được bao nhiêu công đức thì không bằng có người nghe qua niệm A-di-đà Phật Tam-muội bốn việc cúng dường giúp hoan hỷ, công đức còn hơn bố thí trên gấp ngàn vạn ức lần cũng không thể so sánh được. Phật bảo từ thuở lâu xa không thể kể tính số A-tăng-kỳ kiếp có Phật hiệu là Tư-ha-đề ở nước Bạt-đà-hòa, có vua Chuyển luân tên là Tư Kim đến Phật. Phật biết ý vua liền vì nói niệm Phật Tam-muội bốn việc giúp hoan hỷ. Vua nghe xong rất vui mừng đem tất ca trân bảo rải cúng lên Phật. Vua tự nguyện rằng đem công đức ấy khiến mười phương trời người đều được an ổn. Phật nói vua chết rồi sẽ lại sinh nhà ấy làm thái tử tên là Phạm-ma-đạt. Lúc ấy có Tỳ-kheo tên là Trân Bảo thường vì bốn bộ đệ tử nói Niệm Phật Tam-muội ấy. Lúc ấy vua nghe bốn việc giúp hoan hỷ liền đem bảo vật rải cúng Tỳ-kheo, lại đem y phục cúng dường. Vua cùng ngàn người đến chỗ Tỳ-kheo mà xuất gia cầu học Niệm Phật Tam-muội ấy. Lại thường cùng ngàn người hầu hạ thầy trải qua tám ngàn năm ngày đêm không hề lười nhác. Chỉ được một lần nghe qua niệm Phật Tam-muội ấy liền vào trí cao minh, sau đó thấy được sáu vạn tám ngàn chư Phật. Ở mỗi mỗi chỗ Phật đều nghe Niệm Phật Tam-muội ấy mà được thành quả Phật. Phật nói như người ở cách trăm dặm, ngàn dặm, bốn ngàn dặm muốn nghe Niệm Phật Tam-muội ấy còn ắt đến huống là gần mà chẳng cầu học ư? Lại kính thưa các người vãng sinh. Từ trước đã dẫn lời Phật dạy để chứng minh. Mỗi mỗi đều đầy đủ như trong phẩm tứ sự cúng dường công đức nói.

Hỏi: Theo lời Phật dạy tinh cần khổ hạnh ngày đêm sáu thời lễ niệm hành đạo quán tưởng chuyển tụng trai giới, một lòng nhàm chán hoạn nạn sinh tử, sợ khổ tam đồ, trọn đời này nguyện sinh Tịnh độ nước Phật A-di-đà. Lại sợ tai ương bất ngờ hiện ra cùng với tướng mười ác. Nên biết người có chướng này làm sao trừ diệt được. Xin dẫn đủ kinh Phật chỉ rõ phương pháp.

Đáp: Y theo kinh Phật mà đáp, tức như kinh Quán Phật Tam-muội hải nói: Phật vì phụ vương và các đại chúng nói ở quá khứ có Phật tên

Không Vương Tượng Pháp Trụ Thế. Lúc đó có bốn Tỳ-kheo phá giới phạm trọng tội. Khi ấy Phật Không Vương đêm ở trên không trung lên tiếng bảo bốn Tỳ-kheo rằng:

- Các ông đã phạm điều không thể cứu. Nếu muốn diệt hết tội phải vào trong tháp ta mà quán hình tượng ta chí tâm sám hối thì mới hết tội này.

Khi ấy bốn Tỳ-kheo muôn sự đều bỏ, một lòng tuân lời dạy vào tháp đối trước tượng Phật phát lồ sám hối, như núi lỡ lăn lộn khóc lóc, hướng về Phật ngày đêm tiếp nối nhau đến suốt đời. Sau khi mạng chung được sinh về nước Phật Không Vương. Nay dùng kinh này làm chứng. Các hành giả khi muốn sám hối cũng y theo giáo pháp môn này. Phật nói nếu khi ta diệt độ rồi, các đệ tử Phật lìa bỏ các ác, ưa thích pháp ít nói, ngày đêm sáu thời. Hay ở một thời mà phân làm các thời nhỏ, trong phần nhỏ này trong phút chốc quán tưởng bạch hào của Phật thấy hoặc không thấy thì những người này trừ được tội chín mươi sáu ức na-do-tha hằng hà sa vi trần kiếp sinh tử. Nếu sau có người nghe tiếng Bạch hào mà không kinh sợ nghi ngờ, vui mừng tin nhận thì người này cũng trừ được tội tám mươi ức kiếp sinh tử. Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, hoặc nam hoặc nữ phạm bốn tội căn bản mười ác, tội ngũ nghịch và chê bai Đại thừa v.v... Như thế các người này nếu hay sám hối ngày đêm sáu thời thân tâm không ngưng nghỉ, năm thể sát đất như núi lỡ, gào khóc như mưa chấp tay hướng về Phật quán tưởng tướng sáng bạch hào một ngày đến bảy ngày thì bốn tội trước mới có thể giảm nhẹ. Người quán tưởng bạch hào tối không thấy, phải vào tháp quán tướng bạch hào một ngày đến ba ngày chấp tay khóc lóc lại tạm nghe thì cũng trừ được ba kiếp tội. Phật bảo Phụ Vương và ra lệnh cho A-nan: Ta nay vì mọi người hiện thân tướng sáng suốt. Nếu có kẻ tâm bất thiện hoặc kẻ hủy cấm giới Phật thấy Phật đều không đồng. Lúc đó năm trăm Thích Tử thấy thân tướng Phật cũng như người tro, Tỳ-kheo ngàn người thấy Phật như đất đỏ, mười sáu cư sĩ hai mươi bốn người nữ thấy Phật toàn màu đen. Các Tỳ-kheo-ni thấy Phật như sắc bạc. Lúc đó tứ chúng bạch Phật rằng chúng con nay không thấy được tướng đẹp của Phật, tự bứt tóc nhào lăn xuống đất khóc như mưa tự đày đọa mình. Phật bảo này thiện nam tử, Như Lai xuất hiện chính vì trừ diệt hết tội cho các ông. Các ông nay hãy xưng niệm đảnh lễ bảy Phật quá khứ Phật nói các ông đời trước vì tội tà kiến, nay các ông hãy hướng trước các Đại đức Tăng chúng phát lồ sám hối, theo lời Phật dạy đối trước Phật pháp chúng mà năm thể sát đất như núi lớn lỡ sụp hướng về Phật sám hối. Sám hối xong thì tâm nhãn khai

mở thấy sắc thân Phật, tâm rất vui mừng. Phật bảo Tỳ-kheo các ông đời trước vô lượng kiếp đã tà kiến nghi sư không giữ giới luống thọ của tín thí. Vì nhân duyên đó nên đọa vào ngạ quỷ địa ngục tám vạn năm chịu khổ. Nay tuy được ra nhưng ở vô lượng đời không thấy được chư Phật, chỉ nghe tên Phật. Nay thấy sắc thân Như Lai như đất đỏ, dài thẳng năm thước. Phật nói xong thì ngàn Tỳ-kheo hướng về Phật sám hối năm thể sát đất như núi lớn lỡ sụp gào khóc như mưa. Cũng như gió thổi mây đen bay tứ tán hiện dung mạo vàng. Đã thấy Phật rồi các Tỳ-kheo vui mừng phát tâm Bồ-đề.

Phật bảo phụ vương:

- Ngàn Tỳ-kheo này ân cần cầu pháp, tâm không lười biếng, ngưng nghỉ. Phật thọ ký cho đồng hiệu là Nam-mô Quang Chiếu Như Lai. Từ trước là pháp Sám hối xuất hiện Quán Phật Tam-muội Hải kinh quyển hai và ba. Phật nói kinh Quán Phật Tam-muội Hải, phẩm Mật Hạnh thứ mười hai quyển mười.

Phật bảo A-nan:

- Chúng sinh vị lai nếu có người được niệm Phật Tam-muội ấy, quán các tướng hảo Phật, được chư Phật hiện tiền Tam-muội thì phải dạy người ấy giữ kín thân, khẩu, ý chớ khởi tà mạng, chớ sinh cống cao. Nếu khởi pháp tà mạng và cống cao, phải biết người này là tăng thượng mạn, phá diệt Phật pháp, phần nhiều khiến chúng sinh khởi tâm bất thiện, làm loạn hòa hợp tăng, bày điều lạ mê hoặc chúng, là bạn của ác ma. Như thế người ác này dầu niệm Phật nhưng mất vị cam lộ. Vì người này sinh chỗ cống cao nên thân luôn bé nhỏ, sinh nhà hạ tiện, bần cùng, thường lấy vô lượng ác nghiệp để trang sức. Chúng sinh phải tự giữ gìn khiến vĩnh viễn không sinh các việc ác này. Nếu người khởi nghiệp tà mạng như thế thì nghiệp tà mạng này cũng như voi điên phá hoại ao hoa sen. Nghiệp tà mang này cũng như thế, phá hoại các thiện căn.

Phật bảo A-nan:

- Có người niệm Phật phải tự giữ gìn chớ nên buông lung. Người niệm Phật Tam-muội nếu không phòng hộ giữ gìn mà sinh cống cao thì gió độc tà mạng sẽ thổi lửa kiêu mạn đốt cháy pháp lành.

Pháp lành là tất cả vô lượng Thiền định, các pháp niệm Phật từ tâm tưởng sinh ra, đó gọi là công đức tạng.

Phật bảo A-nan:

- Kinh này tên là "Hệ tưởng bất động" như thế mà thọ trì; cũng gọi là "Quán Phật bạch hào tướng" như thế mà thọ trì; cũng gọi là "Nghịch thuận quán Như Lai"; cũng gọi là "Nhất nhất mao khổng

phân biệt Như Lai thân phần"; cũng gọi là "Quán Tam thập nhị tướng bát thập tùy hình hảo chư trí tuệ quang minh"; cũng gọi là "Quán Phật Tam-muội hải"; cũng gọi là "Niệm Phật Tam-muội môn"; cũng gọi là "Chư Phật Diệu Hoa Trang Nghiêm sắc thân kinh". Các ông khéo thọ trì cẩn thận chớ quên. Lại như kinh Đại Tập, phẩm Tế Long nói: "Khi đó Bà-già-la Long vương thỉnh Phật vào cung, thiết lễ cúng Phật. Phật nhận lời Long vương cùng Thánh chúng ăn xong. Khi đó Đại Long vương lại thỉnh Phật nói pháp. Bấy giờ Long vương thái tử tên là Hoa Diện đứng trước Phật cúi đầu sát đất khóc than sám hối ở quá khứ đã tạo tội nghiệp gì phải làm thân rồng này. Lại lấy kinh này làm chứng thì cũng là phương pháp chí thành sám hối, nên biết.

Tất cả trong kinh đều có văn này, không thể rộng chép, nay chỉ lược sao ba bộ kinh để chỉ cho người học sau. Trừ người làm không chí tâm. Đều biết Phật không nói dối. Như Mộc Hoàn kinh nói: Khi đó có vua nước Nan Đà tên là Ba Lưu Ly sai sứ đến chỗ Phật đảnh lễ Phật rồi bạch Phật rằng: "Thưa Thế Tôn, nước tôi đã nhỏ lại ở biên địa, nhiều năm bị giặt cướp, ngũ cốc đất đỏ, tật bệnh lan tràn... nhân dân khốn khổ tôi luôn đâu được nằm yên, Như Lai pháp tạng đa phần sâu rộng nhưng tôi có việc lo buồn chẳng được tu hành. Cúi mong Thế Tôn vô cùng từ mẫn ban cho tôi pháp yếu để tôi đêm ngày dễ tu hành, đời sau lìa các khổ. Phật bảo sứ giả: "Nói với đại vương của ngươi, đại vương nếu muốn diệt hết phiền não chướng, báo chướng thì phải xỏ một trăm lẻ tám hạt gỗ thường mang theo người, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, luôn phải chí tâm, ý không phân tán, miện niệm tên Phật-đà, Đạt-ma, Tăng-già, mới qua một hạt, như thế hoặc mười, hoặc hai mươi hoặc trăm hoặc ngàn cho đến trăm ngàn vạn, nếu có thể đủ hai mươi vạn biến, thân tâm không loạn, không có các siểm khúc. Khi chết rồi thì được sinh trời Viêm Ma thứ ba, y thực tự nhiên thường được an lạc, được trừ hết một trăm lẻ tám kết nghiệp, ngược dòng sinh tử, được đạo Niết-bàn chứng quả Vô thượng." Sứ trở về tâu vua, vua rất hoan hỷ cung kính lễ Phật, ở xa bạch Thế Tôn: "Con xin đầu đội nhận lời dạy của Thế Tôn, con nguyện tuân lời Phật dạy", rồi ra lệnh cho quan dân làm đủ ngàn mộc hoàn, dù hoàng thân quốc thích đều cho một cái. Vua luôn tụng niệm. Dù làm việc quân hay đi xa cũng không phế bỏ. Lại nghĩ Thế Tôn Đại từ khắp ứng tất cả, nếu ta đây khéo được ra khỏi chìm đắm mãi trong biển khổ thì Như Lai sẽ hiện ra vì ta nói pháp. Vua do nguyện mà tâm vui ba ngày không ăn. Phật liền hiện thân cùng Thánh chúng vào cung vì vua nói pháp. Lại lấy đây làm chứng là lòng vua

chân thật, niệm niệm chướng hết. Phật biết tội đã hết liền ứng niệm mà hiện. Nên biết.

Quán Niệm A-di-đà Phật Tướng Hải Tam-muội Công Đức Pháp Môn Kinh.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 171

THÍCH TỊNH ĐỘ QUẦN NGHI LUẬN

SỐ 1960
(QUYỂN 1 → 7)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1960

THÍCH TỊNH ĐỘ QUẦN NGHI LUẬN

Đồn Điền Viên Ngoại Lang

Bình Xương Mạnh Tiễn Soạn.

LỜI TỰA

Hư không chẳng có bờ mé, trời đất sinh, vũ trụ hình thành, phẩm loại phồn vinh. Nơi đó chúng sinh đua nhau sinh trưởng, các loài tình thức bôn ba, nổi chìm trong sông ái dục, đuổi nhau theo dấu chân sinh tử, nhân quả báo ứng chằng chịt, không thể phân biệt được, duyên theo tuần hoàn, chồng chất như bụi trần, đâu tính đếm được? Báo thân, Hóa thân của chư Phật trước sau, đều lại theo mê, mà chúng sinh lại buông tay chìm đắm mất. Đức Phật mở rộng ba minh, để cứu vớt thế tục, vào tám khổ để ban bố từ bi. Vĩ đại thay! Đức Phật Di-đà! Ngài lập cõi nước thanh tịnh, phát thệ nguyện rộng lớn, hiển bày ánh sáng rực rỡ, chỉ bày pháp môn phương tiện và mở ra con đường cảm thông. Nếu chúng sinh nào thành tựu mười niệm, thì trong một sát-na sẽ được dẫn đến đất vàng, chín bậc vãng sinh, liền được dạo chơi trong nước bạc, lý nổi trôi từ kiếp xa, còn sự thì hiệu nghiệm vô cùng. Chỗ cao sâu này được ngài Đạo An cổ xúy từ đời Trần, ngài Tuệ Viễn bắt đầu lưu thông vào cuối đời Tấn. Từ đó trở đi đều khen ngợi người trước. Trong đó có phân nhiệm nối tiếp làm hưng thạnh, nhận lấy phó chúc từ xa, nghĩ đến việc thành tựu vãng sinh, kéo dài cho đến nay, áo chỉ của sớ giải như xâu hoa, nhẹ nhàng khen ngợi kinh điển. Người duy nhất làm được việc đó là Pháp sư Hoài Cảm, Pháp sư liễu ngộ pháp xưa không mà ngày nay

có, đã có sinh thì phải có tử. Pháp sư có sức tin chân chánh, giới phẩm nghiêm sạch, con đường văn chương, đã mở mang mà còn khen ngợi, nức tiếng về trình bày tôn chỉ Tỳ-ni. Tuy có nói nhưng không cùng, lại e sẽ lụy cho lời nói. Sư tư duy luyện thần để ngăn dứt bờ mé, nương vào định lâu ngày nên phát tuệ sáng, bỏ nghĩa học và di tích, thành thật tìm cầu và chọn lấy chứng đắc. Sương đông lại phát ra, băng mỏng cô khởi. Công do lý mà hài hòa, cơ hiệp với thần, thu thần đến chỗ vắng lặng, gần với miền An dưỡng. Pháp sư là bậc khuôn mẫu quy chân, tức là bạn của bậc Thánh A-bệ-bạt trí, tuy niệm còn có tướng, nhưng thể của tình thức thì không dính mắc, cho nên ai cũng biết tiếng của Pháp sư, thế tục đều kính mến quy y sư. Bức trướng đẹp tuy được dựng lên, nhưng thành lũy của ma lại cao hơn, tức lúc còn sống giảng nói thường lý, cho năm chúng nghe. Tín là con đường nhàn rỗi của vãng sinh, là quán trọ của cõi Tịnh. Soạn thứ lớp cho người chưa tu, thành một môn giáo hóa, góp nhặt biên chép thêm rất nhiều. Việc làm này có Pháp sư Hoài Uẩn.

Hoài Uẩn và Pháp sư Hoài Cảm đều là đệ tử tài giỏi của ngài Thiện Đạo, tứ thiền đều vắng lặng, mười thắng đều cao, chỗ khế ngộ rất sâu. Há chỉ cùng dạo chơi trong bảy tịnh? Duyên nhiều lớp học tập, đâu chẳng cùng đi đến cõi Nhất thừa? Năm tháng trôi qua, Pháp sư Hoài Cảm tuổi cao thị tịch trước, từ đấy cửa thiền vắng bóng sư, bảy chúng đều buồn.

Pháp sư Hoài Uẩn đem bản thảo chưa xong của người bạn đồng môn, hoàn thành bộ "Luận Thích Tịnh độ Quần Nghi", Hoài Uẩn vì người xưa mà mạnh dạn làm việc này. Bình Xương Mạnh Tiễn là người sớm tu Tịnh nghiệp viết lời tựa, giúp truyền bá, trong thời khóa tạp nhạp, sư phất ngọn cờ tinh, gom lời quý báu thành một bộ bảy quyển.

SỐ 1960

THÍCH TỊNH ĐỘ QUẦN NGHI LUẬN

Chùa Thiên phúc, Tây đô, Đại đức Hoài Cảm soạn

QUYỂN 1

Hỏi: Phật có mấy thân? Tịnh độ có mấy loại?

Đáp: Phật có ba thân:

1. Thân Pháp tánh.
2. Thân Thọ dụng.
3. Thân Biến hóa.

- Tịnh độ có ba cõi:

1. Cõi Pháp tánh.
2. Cõi Thọ dụng.
3. Cõi Biến hóa.

- Thân Pháp tánh ở cõi Pháp tánh; thân Thọ dụng ở cõi Thọ dụng; thân Biến hóa ở cõi Biến hóa.

Thân Pháp tánh nói trên đều lấy chân như thanh tịnh pháp giới làm thể tánh. Như kinh Bát-nhã nói: "Diệu thể của Đức Như Lai tức là pháp thân, pháp thể chư Phật không thể thấy", như kinh Pháp Giới Thể Tánh nói: "Văn-thù-sư-lợi lễ và nói: Không sắc không hình tướng, không căn, không trụ xứ, không sinh không diệt, kính lễ bậc vô sở quán." Kinh Duy-ma-cật nói: "Nếu tự quán thật tướng của thân như thế nào thì quán Phật cũng giống như vậy."

Cõi Pháp Tánh như kinh Bát-nhã nói: "Trang nghiêm cõi Phật, tức chẳng phải trang nghiêm." Còn kinh Duy-ma-cật cho rằng: "Các cõi Phật và chúng sinh đều không." Lại nói: "Các cõi nước của chư Phật cũng đều không", Còn tiếp: "Mười phương cõi Phật đều như hư không." Tuy biết thân cõi hoàn toàn là chân như (Như là không hai không khác). Nhưng nói thân Pháp tánh ở cõi Pháp tánh là nói theo nghĩa tánh giác chiếu gọi là thân, thể chân lý của pháp gọi là cõi. Ở đây là thiết lập Đế môn.

- Thân Thọ dụng có hai: Thân độ Tự thọ dụng và Thân độ Tha thọ dụng.

a) Tự thọ dụng thân độ: Dùng hạnh Bồ-tát để thực hành tám vạn bốn ngàn Ba-la-mật, tụ tập viên mãn hằng sa quả đức, tự lợi, lợi tha, bốn trí tròn đủ, năm uẩn thanh tịnh, là thể của thân tự thọ dụng, tức dùng bốn trần thanh tịnh, vi tế, rộng lớn trùm khắp hiện ra trong bốn trí. Việc này chỉ có Phật và Phật mới có thể thấy biết được. Nơi thân Tự thọ dụng nương tựa là thể của cõi Thọ dụng.

b) Thân độ Tha thọ dụng: Các Bồ-tát từ Sơ địa trở lên, dùng Bình đẳng tánh trí kích động công đức lợi tha của cảnh trí, theo đó mà ứng hiện một phần tướng tế, là thể tánh của thân độ Tha thọ dụng.

- Thân độ Biến hóa: Bồ-tát chưa vào Thập địa, Nhị thừa và phàm phu dùng Thành sở tác trí kích động công đức lợi tha của Cảnh trí (Đại viên cảnh trí), theo đó mà ứng hiện một phần tướng thô, là thể tánh của thân độ Biến hóa.

Thể tánh của Thọ dụng và Biến hóa này có ba:

1. Thể nhiếp sự quy chân.
2. Thể nhiếp tướng quy tâm.
3. Thể bản mạt biệt minh.

- Thể Nhiếp sự quy chân: Tất cả các pháp đều lấy chân như làm thể. Do đó Báo độ và Hóa độ cũng lấy chân như làm thể.

- Thể Nhiếp tướng quy tâm: Báo thân và hóa thân đều do tâm thanh tịnh của Như Lai... hiện ra, nên kinh Duy-ma-cật nói rằng: "Tùy theo tâm mình tịnh, mà cõi Phật tịnh."

Luận Duy Thức và luận Nhiếp Đại thừa ghi: "Tất cả muôn pháp đều không rời tâm mình."

Thể Bản mạt biệt minh: Hai Tịnh độ này đều lấy các thứ báu trang nghiêm làm thể.

Hỏi: Trong ba cõi, thế giới Cực lạc ở Tây phương xếp vào cõi nào?

Đáp: Ở đây có ba cách giải thích:

1. Cõi Tha thọ dụng: Vì cõi này thân Phật cao sáu mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần, trong đó phần nhiều là bậc Nhất sinh bổ xứ, không có các thứ khổ, chỉ hưởng các điều vui. Do đó những điều kiện này chỉ có ở cõi Tha thọ dụng.

2. Cõi Biến hóa: Thánh giáo nào nói: Phật cao sáu mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần tức chúng ở cõi Tha thọ dụng nào ngại thân Tịnh độ biến hóa cao sáu mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa do-

tuần. Kinh Quán nói: "Chúng sinh phàm phu vãng sinh Tịnh độ" cho nên biết đó là cõi Biến hóa.

3. Cõi Tha thọ dụng và cõi Biến hóa (chung cả hai): Địa tiền thấy cõi Biến hóa; Địa thượng thấy cõi Tha thọ dụng, cùng một lúc, mỗi cõi tùy theo tâm người thấy mà khác nhau, nên nói chung hai cõi. Do đó mà kinh nói: Phật A-di-đà chẳng phải là cảnh của phàm phu, nên phải quán thân Phật cao một trượng sáu.

Hỏi: Câu giải thích thứ nhất: là cõi Tha thọ dụng, vì sao phàm phu ở Địa tiền sinh? Còn nếu là cõi Biến hóa thì tại sao bậc Thánh địa thượng sinh?

Đáp: Tính ra thì Bồ-tát, Thanh văn, phàm phu ở Địa tiền chưa hoàn toàn chứng chân như, chưa dứt được chấp người và chấp pháp . Thức tâm còn kém yếu, nên biến Tịnh độ không thể đồng với trí tâm sâu kín của các Bồ-tát Địa thượng, biến ra Thọ dụng Tịnh độ vi diệu. Nhưng chờ bản nguyện thù thắng của Đức Phật A-di-đà làm năng lực tăng thượng duyên, giúp cho các Bồ-tát tiểu hạnh ở Địa tiền dù thức tâm còn yếu kém, nhưng nhờ nương gá sức bản nguyện của Như Lai mà vẫn có thể thấy đồng với Bồ-tát Địa thượng biến ra Tịnh độ nhiệm mầu rộng lớn, thanh tịnh trang nghiêm, nên gọi là vãng sinh cõi Tha thọ dụng. Luận Phật Địa nói: "Từ Sơ địa trở lên được vãng sinh cõi Tha thọ dụng, Bồ-tát Địa tiền vãng sinh cõi Biến hóa. Đây là căn cứ theo tự lực để phân chia Địa tiền, Địa thượng ở hai cõi khác nhau, chứ không căn cứ vào thắng duyên tha lực của nguyện khác."

Về nhục nhãn, luận rằng: "Chỉ thấy chướng nội sắc, chỉ thấy cõi Dục, không thấy cõi Sắc, chỉ là trong lìa mới thấy không phải trong sự hòa hợp mà thấy. Nhưng kinh Pháp Hoa nói: "Cha mẹ sinh nhục nhãn thanh tịnh, thấy trong ngoài núi Di-lâu, cho đến tầng trời A-ca-ni-tra thuộc cõi Sắc", há chẳng phải nhục nhãn có thể thấy các sắc bên ngoài ngăn che và thấy sắc của chư thiên cõi sắc ư? Còn kinh Giải Thâm Mật và luận Nhiếp Đại thừa nói: "Như người soi gương thấy mặt mình, vì trong gương không có hình tượng này, nên chỉ thấy mặt mình đen trắng." Phù trần căn cùng nhãn căn hợp lại mà thấy sắc trần phù căn kia, đây không phải trong hòa hợp mà thấy sao? Nếu nói thấy cõi sắc bên ngoài sự ngăn che và tự phù căn sắc trần, thì trái với văn luận; nếu không thấy, thì trái với với văn kinh. Nên biết Luận sư Luận Phật Địa căn cứ phần lớn là nói theo nhân, không nói theo sức duyên thù thắng, định tự tại sinh sắc, chẳng phải sắc trần, không phải là cái mắt thấy. Nếu được định Đại oai đức, chỗ biến định tự tại sinh sắc, có thể khiến

cho mắt của phàm phu thấy. Nay đây cũng vậy, vì năng lực bản nguyện khiến Bồ-tát Địa tiền sinh cõi Thọ dụng, không thể một bề phán cho là bất sinh.

Lại như pháp quán thứ mười lăm của kinh Quán nói rằng: "Phật A-di-đà thân màu vàng ròng, cao sáu mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần, tám vạn bốn ngàn tướng tốt" chỉ là thân Phật tha Thọ dụng, Bồ-tát Địa tiền chẳng thể quán thấy. Văn dưới nói: "Nhưng nguyện lực nhiều đời của Như Lai có sự tưởng tượng mới được thành tựu." Nên biết nương vào năng lực túc nguyện quán thấy Thân thọ dụng, cũng nương vào năng lực túc nguyện mà vãng sinh cõi Thọ dụng. Trong luận Phật Địa cũng có hỏi câu này.

Ở trước nói Tịnh độ rất tự tại, tịnh thức là tướng, vì sao trong hội có Thanh văn... mà không trái nhau? Có gì trái nhau? Các Thanh văn đồng thấy như Bồ-tát, vì đồng thấy như Bồ-tát, nên nghe được pháp mầu. Một luận sư nói: Hoặc được thần lực của Như Lai che chở, khiến tạm được nghe, thấy nói pháp mầu, đây là năng lực của Như Lai không thể suy nghĩ, bàn luận, không thể cho rằng khó có thể căn địa độ. Ý của vị này rõ ràng, khi nói kinh Phật Địa, tại cõi Tha thọ dụng, các Thanh văn thấy Tịnh độ kia, nghe "Kinh Phật Địa", đây là do thần lực không thể suy nghĩ bàn luận của Như Lai, đó là nhất thời hóa duyên, khiến cho tạm được thấy. Nay đây là năng lực bản nguyện không thể suy nghĩ bàn luận, khiến cũng được vãng sinh, điều này có lỗi gì?

Hỏi: Nếu như thế thì ở đây cũng có lỗi, Địa tiền không được vãng sinh cõi Tha thọ dụng, phải nương bản nguyện mới được sinh Địa thượng không được sinh cõi Tự thọ dụng, phải nương bản nguyện mới được sinh?

Đáp: Cõi Tự thọ dụng gọi là tự, không thể nương nguyện khiến tha dụng. Cõi Tha thọ dụng đã là tha, nương thắng duyên kia cũng được vãng sinh. Còn cõi Tự thọ dụng rất nhiệm mầu, không thể nương nguyện mà được sinh; cõi Tha thọ dụng, vì tha hiện từ hữu vi diệu khiến thấy cõi dưới. Lại cõi Tha thọ dụng có bản nguyện, nương bản nguyện này, phàm phu được vãng sinh; Cõi Tự thọ dụng không có bản nguyện, vì thế không cho Bồ-tát thấy.

Hỏi: Nếu cõi Tự thọ dụng gọi là Tự, thì Tha cũng như được sinh, Tự nghĩa là không thành. Cõi Tự thọ dụng Phật đồng thấy, Phật khác cũng không thấy, không có tự nghĩa.

Đáp: Phật là thân rốt ráo giải thoát, viên chứng nhất như ứng vớiTha, Tự, Bồ-tát hoặc chướng chưa dứt hết, không thể vãng sinh trong

Tự độ của Phật. Nhiều câu hỏi đáp như thế, không thể nhất nhất đều nói đủ. Các bậc cao trí theo nghĩa nên suy nghĩ. Còn dẫu cho Bồ-tát Địa tiền tự biết tướng phần, thấy thô tướng Tịnh độ, không thấy được cõi nước vi diệu thanh tịnh, đồng với cái thấy vi diệu thanh tịnh bảo độ của Bồ-tát, nhưng vì các Bồ-tát thọ dụng pháp lạc, không có những buồn khổ của thân tâm, chỉ có vô lượng thanh tịnh hỷ lạc, không có khủng bố, hoặc hỉ lạc, hoặc sinh nhàm chán xa lìa, hoặc dứt nghi, nên cũng được gọi là sinh cõi Tha thọ dụng.

Còn luận Khởi Tín nói rằng: "Từ sơ phát ý đến Bồ-tát Cứu cánh địa, tâm được thấy là Báo thân." Luận này, đã thông với Địa tiền, được thấy thân Tha thọ dụng. Nếu được thấy thân Tha thọ dụng, thì có trở ngại gì với việc sinh cõi Tha thọ dụng không? Đây là lấy một nghĩa chung, một vị luận sư luận Phật Địa đã giải, hoặc văn của luận Đại thừa Khởi Tín.

Căn cứ vào Sơ địa trở lên, chứng phát tâm, nói thấy Phật, nói Bồ-tát Địa thượng vãng sinh Biến hóa độ, ở đây có hiện một thân, lý chung cho cả Báo thân, Hóa thân. Tùy nghi thấy, phàm Thánh đều có trở ngại nàokhác? Dưới không được vãng sinh về cõi Thọ dụng, trở xuống không thể thấy được độ thắng diệu. Còn nghiệp kém yếu không được vãng sinh, trên có thể thấy dưới là muốn tiếp dẫn phàm phu, Địa tiền, sinh cõi Biến hóa có gì trở ngại không? Bồ-tát địa thượng sinh cõi Biến hóa, đều là hóa thân, cũng không có lỗi.

Hỏi: Thế giới Cực lạc đã cho phàm phu được sinh, chẳng biết là cõi hữu lậu hay cõi vô lậu?

Thích: Cõi do Như Lai biến ra, cõi vô lậu của tâm Phật, vẫn là vô lậu, tâm của phàm phu chưa được vô lậu, nương vào cõi vô lậu của Như Lai kia, tự tâm biến hiện thành cõi hữu lậu mà sinh trong đó. Nếu nói theo bổn độ của Như Lai, thì cũng được gọi là sinh cõi vô lậu; nếu đứng về tự tâm của độ được biến ra mà thọ dụng, thì cũng được nói sinh cõi hữu lậu. Tuy hữu lậu nhưng gá vào cõi vô lậu của Như Lai mà biến hiện, rất giống vô lậu của Phật, cũng không có quá hoạn xấu ác.

Hỏi: Nếu là cõi hữu lậu, thì trong ba cõi thuộc về cõi nào?

Thích: Câu hỏi này có hai cách giải thích:

1. Tịnh độ hữu lậu là thuộc về cõi Dục, cõi Sắc. Vì tâm hữu lậu không lìa ba cõi, ba cõi tức hữu lậu, hữu lậu tức ba cõi, đã nói hữu lậu, tức là thuộc về ba cõi. Nếu chưa lìa cõi Dục, thì lấy cõi Dục sinh thiện hoặc phương tiện thiện, đọc tụng kinh điển Đại thừa Phương đẳng, tu ba thứ phước hạnh. Còn mười sáu pháp quán, dùng gốc lành này sinh về

Tịnh độ, do tâm này biến ra tức thuộc về cõi Dục. Nếu đã là dục, được tâm cõi sắc, tu mười sáu pháp quán, sinh về Tịnh độ, tức thuộc về cõi sắc, nên Tịnh độ đó chung cho cả cõi Dục và cõi sắc. Chúng sinh cõi vô sắc không có sắc thân thật để sinh Tịnh độ, vì Tịnh độ bằng các thứ báu trang nghiêm, thật chẳng thuộc về cõi Vô sắc, thị hiện định tâm, lý của nó có thể đúng.

Trên đất báu của Tịnh độ kia, là ở cõi Dục; trong hư không là trời cõi Dục, cõi Sắc, nên kinh Vô Lượng Thọ chép:

A-nan bạch Phật: Cõi nước Phật nếu không có núi Tu-di, thì Tứ Thiên vương và trời Đao lợi trụ ở đâu?

Phật bảo A-nan: Tầng thứ ba của cõi này từ trời Diệm-ma đến trời sắc Cứu cánh nương nơi đâu mà trụ?

A-nan bạch Phật: Hành ngiệp quả báo không thể suy nghĩ bàn luận.

Phật bảo A-nan: Hành nghiệp quả báo không thể suy nghĩ bàn luận, thế giới chư Phật cũng không thể suy nghĩ bàn luận, sức lành công đức của chúng sinh trụ ở nơi hành nghiệp, nên có thể như vậy thôi.

Quyển hạ nói: "Bấy giờ, Phật bảo A-nan! Ông thấy cõi nước Phật kia từ đất trở lên đến trời Tịnh cư, trong đó có nhiều thứ rất xinh đẹp, trang nghiêm, thanh tịnh tự nhiên, ông có thấy hết không?" Y cứ theo đây thì biết Tịnh độ hữu lậu kia do tâm biến, tức thuộc về cõi Dục và cõi Sắc.

2. Tuy là Tịnh độ do hữu lậu biến ra nhưng không được gọi là thuộc về ba cõi.

Hỏi: Đã là cái do thức tâm hữu lậu biến ra, tâm hữu lậu tức thuộc về ba cõi, không có tâm hữu lậu thì không thuộc về ba cõi, tâm đã thuộc ba cõi, thì hiện Tịnh độ đâu chẳng thuộc ba cõi ư?

Đáp: Tuy biết thể tánh hữu lậu không ngoài ba cõi, nhưng vì nghĩa riêng, nên chỉ được gọi hữu lậu, không được gọi là ba cõi. Cho nên ba cõi là tên hạn cục, hữu lậu là tên rộng rãi. Cũng như phàm phu được sinh Tây phương, chẳng phải thuộc về năm đường, nên kinh Vô Lượng Thọ nói: "Cắt đứt năm đường, cửa đường ác tự nhiên đóng." Còn kinh A-di-đà nói: "Cõi nước của Đức Phật kia không có ba đường ác." Kinh Vô Lượng Thọ nói: "Cõi nước kia chẳng phải người, chẳng phải trời, vì thuận theo các phương, nên có hiệu là trời, người." Nên biết cõi kia không có năm đường, đã cho chúng sinh là phàm phu, mà chẳng phải thuộc về năm đường, vì sao cõi không cho gọi là hữu lậu mà chẳng phải thuộc về ba cõi?

Hỏi: Phàm phu ở cõi đó là người, là trời, nghĩa ấy sao lại bỏ? Văn kinh chỉ nói không có ba đường ác, vì sao lại không có đường trời, người. Mà kinh nói chẳng phải trời, chẳng phải người. Đây là nói Đại Bồ-tát chẳng phải người trời, thuận theo phương khác, nên có tên trời người. Chẳng phải căn cứ phàm phu được vãng sinh, phàm phu sinh về kia hoặc là đường người, hoặc là đường trời, đối với lý không trở ngại.

Đáp: Nếu là phàm phu được vãng sinh Tịnh độ, là đường trời, hoặc là đường người. Đường người có bốn: Người Nam Diêm-phù-đề, Đông châu, Tây châu và Bắc Uất-đơn-việt ư? Nếu đường trời là trời Tứ Thiên vương cho đến trời A-ca-Ni-tra thuộc cõi Sắc ư? Nếu là đường người tứ thiên hạ, Bắc Uất-đơn-việt phải là một trong tám nạn, nạn Uất-đơn-việt. Nếu là cõi Sắc thì phải là nạn trời Trường thọ. Đây là nạn xứ, vì sao gọi là Tịnh độ, và khuyên chúng sinh vãng sinh ư?

Nếu là đường người, mà không được gọi là người Tứ thiên hạ, cũng được gọi là đường trời, mà chẳng phải là trời Tứ Thiên vương. Nếu đúng thế thì ngoài Tứ thiên hạ ra, có riêng đường người ư? Ngoài cõi trời Tứ Thiên vương lại riêng có đường trời ư? Nếu nói có, vì sao ngay chúng sinh là trời người Tịnh độ, chẳng phải trời người của Tứ thiên hạ ư? Cũng có Tịnh độ hữu lậu, chẳng phải ba cõi hữu lậu, chẳng phải ba cõi hữu lậu, nghĩa đó có gì trở ngại? Nếu nói ngoài đường người của Tứ thiên hạ, không có đường người khác, ngoài Tứ Thiên vương, không có đường trời khác, phàm phu ở Tịnh độ cũng được gọi là phàm phu, không được gọi là đường người, đường trời, làm sao không cho Tịnh độ cũng được gọi là hữu lậu, không được gọi là ba cõi? Vì năm đường kia mà nêu ra ba cõi này, nghĩa của nó hiển nhiên, không thể mê chấp.

Hơn nữa trong các pháp tướng, có rộng có hẹp, chỉ như thế gian gọi là rộng, hữu lậu gọi là hẹp, hữu lậu gọi là rộng, ba cõi gọi là hẹp. Ba cõi gọi là rộng, bốn sinh gọi là hẹp, bốn sinh gọi là rộng, năm đường gọi là hẹp. Vì sao? Chỉ như cõi nước dơ bẩn do Như Lai biến ra tuy dường như ba cõi, nhưng chẳng phải ba cõi, tuy là vô lậu mà gọi là thế gian, thế thì thế gian gọi là rộng, hữu lậu gọi là hẹp, hữu lậu gọi là rộng, ba cõi gọi là hẹp, tức là phàm phu hữu lậu thức tâm hiện Tịnh độ, cũng được gọi là hữu lậu, không được gọi ba cõi. Nên luận Đại Trí Độ nói: "Tịnh độ chẳng phải ba cõi: Vì không có dục, nên chẳng phải cõi Dục, vì địa cư, nên chẳng phải cõi Sắc; vì hữu hình, nên chẳng phải cõi Vô sắc." Ý nghĩa của luận này, chẳng phải là Tịnh độ do thức tâm vô lậu hiện ra, gọi là ra khỏi ba cõi, nhưng thức tâm hữu lậu biến ra tướng Tịnh độ khí thế gian, bố trí pháp dụng, an lập hữu tình, lợi lạc... không đồng

với tướng của ba cõi này, gọi là chẳng phải ba cõi. Ba cõi gọi là rộng, bốn sinh gọi là hẹp, bốn sinh chỉ chọn lấy năm uẩn dị thục hữu tình thế gian, ba cõi có cả ba tánh và khí thế gian, nên ba cõi gọi là rộng, bốn sinh gọi là hẹp. Bốn sinh gọi là rộng, năm đường gọi là hạn cuộc, trong có hóa sinh này mà chẳng phải là năm đường, các chúng sinh Tịnh độ là hóa sinh chẳng phải đường. Như vậy các danh từ rộng hẹp, thể tánh khác nhau, các kinh luận khác nhau chỗ này, không thể nói Tịnh độ do thức tâm hữu lậu biến ra, thì đâu cho xếp vào ba cõi này?

Còn thức thứ tám có ba tên: A-lại-da, A-đà-na và Dị thục.

Nếu đắc quả A-la-hán, quả Bích-chi-Phật và các Bồ-tát vào Bát địa, tất cả thức thứ tám chỉ gọi A-đà-na và dị thục, không được gọi là A-lại-da. Đâu được không có tên A-lại-da, liền nói A-la-hán không có thức thứ tám giữ gìn hạt giống các pháp, vì không có tên ba cõi, mà dạy chúng sinh phàm phu vãng sinh ở Tịnh độ, thức tâm hữu lậu không biến hóa cõi nước thanh tịnh Phật, thọ dụng các thứ pháp lạc Đại thừa?

Còn gá vào Tịnh độ vô lậu của Như Lai, tuy dùng tâm hữu lậu hiện Tịnh độ của mình, mà Tịnh độ này từ bản tánh tướng độ, độ cũng chẳng phải duyên ràng buộc, tương ứng với các sự ràng buộc, không thêm phiền não, như tâm hữu lậu duyên với diệt đạo đế, phiền não không thêm, giống như nhìn mặt trời, làm tổn giảm con mắt. Nên chẳng phải ba cõi, chẳng phải tam giới hệ, phiền não tăng.

Hỏi: Nếu không cho thuộc về cõi Dục, cõi Sắc thì nguyên nhân nào mà kinh Vô Lượng thọ nói: "Cho đến các tầng trời Tịnh cư"?

Đáp: Đây là thi thiết làm cõi trời, chứ không thật là trời có chia thành cõi Dục, cõi Sắc. Nếu thật là trời do tịnh tâm của Như Lai biến ra, đâu phải thuộc về cõi Dục, cõi Sắc? Còn nói như là cõi Sắc thì, trở xuống các tầng trời cõi Dục là hơn hay kém? Nếu kém, thì như thế nào là cõi Sắc lại kém hơn cõi Dục? Nếu hơn, thì cõi Dục và Sắc ở Ta-bà hơn kém khác nhau, hữu tình cõi Dục, cõi Sắc hơn kém khác nhau, Tịnh độ kia cũng vậy.

Sinh về cõi Sắc, hơn sinh về cõi Dục, nguyên nhân nào mà bốn mươi tám thệ nguyện rộng lớn nói trời, người trong nước hình sắc khác nhau, có xấu tốt, thì không thành Chánh giác? Thân hình ở cõi Sắc hơn thân hình ở cõi Dục, vì sao nói đồng nhau? Nên biết, giả đặt ra là các tầng trời Tịnh cư, chẳng phải thật tức là cõi Dục, cõi Sắc.

Hai cách giải thích trước, thì câu giải thích ban đầu là đúng, thể của thức Dị thục là thật hữu tình, sinh vào chúng sinh kia, các Bồ-tát chưa diệt dị thục, sao được nói đó chẳng phải thật trời người?

Hỏi: Nếu Tịnh độ do phàm phu biến ra là hữu lậu, chẳng phải do hoặc của ba cõi chiêu cảm sinh về đó, khác với trời, người tạo ác chịu quả khổ, mà nói chẳng phải trời người, như kinh Thắng Man nói Biến dịch sinh tử chẳng thuộc về ba cõi, chẳng phải thật báo sinh tử của họ, mà là hóa sinh, chẳng phải đường trời, người, chẳng biết phàm phu hóa sinh Tịnh độ không phải là ba cõi, kinh Anh Lạc nói ngoài ba cõi có chúng sinh, đó là nghĩa bài kệ An đa của vua Bình Sa vương chẳng phải Phật nói, thân ba cõi này há chẳng phải là thân ba cõi sao? đâu được nương vào lý này mà nói sinh Tịnh độ chẳng phải thân ba cõi. Y theo lời giải thích ở sau mà có câu hỏi này.

Đáp: Đây không hiểu ở chỗ nào mà hỏi câu này? Tịnh độ khí thế gian tuy do thức tâm hữu lậu biến ra, nhưng không được gọi là ba cõi, tức hữu lậu nghĩa rộng, ba cõi nghĩa hẹp. Phàm phu ở Tịnh độ chỉ gọi là hữu tình hóa sinh, không được nói là đường trời người, đây tức là bốn sinh theo nghĩa rộng, năm đường theo nghĩa hẹp. Nay ở đây cũng giống như vậy, tuy là thân hữu lậu phàm phu, nhưng không được gọi là thân ba cõi.

Hỏi: Nghĩa này càng khó, nếu như vậy thì, Ứng thân chẳng phải là thân ba cõi, nghiệp chẳng phải nghiệp ba cõi. nếu nghiệp chẳng phải là nghiệp ba cõi thì phải ở Ta-bà hiếu dưỡng cha mẹ, thực hành ba thứ phước, tu mười sáu pháp quán niệm Phật... các nghiệp này khi đương khởi, chưa được tâm cõi Sắc, tức là sinh cõi Dục được tâm văn tuệ, tư tuệ khéo léo. Nếu được định cõi Sắc, tức là tâm tu tuệ của cõi Sắc. Sinh vào cõi Sắc rồi, nguyện sinh Tây phương, tức là sinh cõi Sắc được tâm văn tuệ, tu tuệ khéo léo. Tâm vô lậu không chiêu cảm quả báo, nghiệp đã thuộc về ba cõi thì nghiệp chiêu cảm quả báo, vẫn phải chịu Nhân quả ba cõi, đâu được trái với lý này mà nói sinh Tịnh độ chẳng phải là thân của ba cõi.

Đáp: Câu hỏi trước là hữu lậu, chẳng phải là ba cõi, đã rộng thành lập, ở đây chỉ mất tên, mà không mất thể, như thế đâu có lỗi gì mà phải lập lại? Dù biết khi tạo nghiệp, nghiệp này ở cõi Dục và cõi Sắc, thiện tâm hữu lậu chiêu cảm quả báo, tức là thân hình của Tịnh độ, không gọi là nghiệp cõi Dục, cõi Sắc. Mà nghiệp báo này lấy quả nhiếp nhân, không được gọi là thuộc về cõi Dục, cõi Sắc, nhưng được gọi là nghiệp Tịnh độ.

Nếu nói là thân cõi Dục, cõi Sắc, khởi tâm cõi Dục, cõi Sắc mà tạo nghiệp, thì đâu cho là không phải nghiệp của cõi Dục, cõi Sắc sao? Nghiệp của cõi Dục chiêu cảm sự thọ báo của trời, người, rất dài chẳng

hơn một vạn sáu ngàn tuổi; nếu cảm Tịnh độ, liền được thọ mạng vô lượng vô biên A-tăng-kỳ-kiếp. Há nghiệp cõi Dục có thể cảm được mạng dài vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp ư? Đây cũng nương theo nguyện lực hoằng thệ không thể suy nghĩ bàn luận của Đức Phật A-di-đà, khiến cho nghiệp lực của họ chiêu cảm quả báo rất lâu dài, chẳng phải là điều mà phàm phu suy lường được. Văn kinh rõ ràng, không thể không tin. Đạo lý của Đại thừa, ý thú khó hiểu, cảnh giới chư Phật, chẳng phải phàm phu có thể suy lường được, nhưng chỉ biết tín ngưỡng, chuyên thành tu học, không thể nhất nhất y theo các pháp tướng mà quyết định đúng sai, luận là ba cõi, chẳng phải ba cõi.

Hỏi: Chúng sinh phàm phu sinh Tịnh độ, phàm phu chưa được tâm vô lậu thanh tịnh, tùy tâm biến, ra cõi vẫn hữu lậu, cõi của hữu lậu gọi là cõi uế, vì sao cũng nói là sinh Tịnh độ?

Đáp: Tịnh có nhiều loại: Có chân thật tịnh, có tương tự tịnh, có rốt ráo tịnh, có không rốt ráo tịnh. Chân thật tịnh, nghĩa là thiện tâm vô lậu; tương tự tịnh nghĩa là thiện tâm hữu lậu, rốt ráo tịnh là chư Phật, Thế Tôn; không rốt ráo tịnh là từ Thập địa trở xuống cho đến phàm phu. Có thể tịnh, tướng uế; có thể uế, tướng tịnh; có thể, tướng câu tịnh; có thể, tướng câu uế.

- Thể tịnh, tướng uế: Nghĩa là tâm Phật vô lậu thanh tịnh, nên cõi hóa hiện cũng thanh tịnh, nhưng cõi hiện ở tướng dơ bẩn gọi là Thể tịnh tướng uế, nên kinh Duy-ma nói: vì muốn độ những người thấp kém này cho nên thị hiện cõi bất tịnh dơ bẩn.

- Thể uế, tướng tịnh: như Thập địa trở xuống bản thức và thức thứ sáu, thứ bảy hữu lậu thì Tịnh độ do tất cả tâm hữu lậu của phàm phu và Địa tiền hiện ra đều là hữu lậu, cho nên gọi là thể uế, vì y theo cõi Phật thanh tịnh của Như Lai từ thức biết biến ra tợ Tịnh độ tướng hiện, nên gọi là tướng tịnh.

- Thể tướng đều tịnh: Như Phật và Thập địa trở lên trong tâm vô lậu hiện Tịnh độ, gọi là thể tướng đều tịnh.

- Thể tướng đều dơ bẩn: như tâm hữu lậu hiện các cõi dơ bẩn. Nay đây được sinh Tây phương tuy là phàm phu, nhưng hai câu trước thể uế tướng tịnh.

Hỏi: Như kinh Duy-ma nói: “Nếu Bồ-tát muốn được sinh Tịnh độ, phải thanh tịnh tâm mình, tùy tâm mình tịnh, thì cõi Phật tịnh.” Văn kinh tâm tịnh này, là người đứng về Bồ-tát Thập địa, mới gọi là tâm tịnh, như thế nào gọi là phàm phu muốn sinh Tịnh độ? Nếu nói được sinh Tịnh độ, nên nói đã tịnh tâm mình, vả lại phàm phu còn bị trói buộc, các hoặc

kiến tư phiền phức đua nhau khởi, không một chút nào tạm dừng, nay đã không thanh tịnh tâm mình thì làm sao được sinh Tịnh độ?

Đáp: Tịnh độ có nhiều loại, chẳng phải một đường, có rốt ráo tịnh tâm, có chưa rốt ráo tịnh tâm; có hữu lậu tịnh tâm, có vô lậu tịnh tâm, có hữu tướng tịnh tâm, vô tướng tịnh tâm; có phục hiện hành tịnh tâm, có đoạn chủng tử tịnh tâm; có tự lực tịnh tâm, có tha lực tịnh tâm. Nghĩa của nó chẳng phải một, không thể làm khó chư Phật Như Lai tùy cơ nói pháp, hoặc y cứ vào rốt ráo tác ngữ, hoặc y cứ vào chưa cứu cánh mà nói, các thuyết như thế nghĩa của nó bất định, không thể chỉ y theo kinh Duy-ma nói cứu cánh tâm thanh tịnh. Giai vị Thập địa, văn nói tâm Tịnh thì cõi Tịnh, không tin kinh Quán hàng phục hiện hành, nương nhờ tha lực được sinh Tây phương, nói tâm không thanh tịnh không sinh Tịnh độ, thí như người được thần thông mới có thể bay lên hư không đâu có ngại gì, còn người chưa được thần thông thi nương người đã có thần thông cũng có thể bay lên hư không. Còn kia nói Tịnh, nghĩa là tâm rốt ráo thanh tịnh, có khả năng vì hữu tình khác hiện Tịnh độ vô lậu. Nay vãng sinh Tịnh độ, nghĩa là y theo tướng Phật thanh tịnh mà hiện Tịnh độ của mình, gốc kia, ngọn đây, y tha, tha y, thầy trò khác đường, liền thành hơn kém. Kia căn cứ vào thuyết hơn, ở đây là y cứ theo ở dưới mà luận, không trở ngại nhau.

Hỏi: Chỗ Tịnh độ Tây phương kia, có cõi uế hay không? Nếu có, thì sao gọi là Tịnh độ? Nếu không thì cũng như ngàn cánh hoa sen của Phật Lô-xá-na, trên mỗi cánh có trăm ức cõi nước, mỗi cõi nước đều là cõi uế, làm sao Phật Lô-xá-na ở thế giới Liên Hoa tạng ngồi trên toà hoa vương, trên lá thanh tịnh mà có cõi uế? Còn Thân tử thấy uế, Phạm vương thấy tịnh, đây luôn cả Tịnh độ và uế độ đồng một chỗ mà hiện, vì sao Cực lạc chỉ có Tịnh độ mà không có uế độ ư?

Đáp: Câu hỏi này có hai cách giải thích:

1. Thế giới Cực lạc chỉ có Tịnh độ, ở nơi đó không có tướng uế độ, vì Tịnh độ này rất thanh tịnh nhiệm mầu. Nếu có thì sẽ có lỗi vừa có tịnh vừa có uế. Lại sắc pháp chất ngại, hông thể đồng một chỗ mà hai tướng uế tịnh đều hiện hành cùng một lúc, không tương dung, vì có lỗi tạp loạn, văn của kinh Quán... không có nói, bốn mươi tám nguyện không có nguyện này, nếu có thì chúng sinh vãng sinh nên cũng vãng sinh, cũng nên được thấy, vì không sinh không thấy, nên biết là không.

Có thuyết cũng nói uế độ đồng chỗ đồng thời, không chướng ngại nhau, nói hai sắc pháp không dung thọ nhau, đây là giáo lý bất liễu nghĩa của Tiểu thừa. Tịnh độ và uế độ đều trùm khắp mười phương

không có giới hạn, có uế độ như thế thì có Tịnh độ, có toà hoa vương thanh tịnh của Lô-xá-na thì có tướng của ngàn trăm ức uế độ, thảy đều là chỗ thanh tịnh có uế, chỗ uế có thanh tịnh, không xen tạp lẫn nhau, không chướng ngại nhau, mỗi người tùy cái thấy của mình mà có tịnh uế khác nhau, mỗi người đều tùy theo chỗ sinh về Tịnh độ uế độ. Cái khó như trước, đều là Tiểu thừa, chẳng phải Đại thừa nói như thế. Rộng như: Luận Nhiếp Đại thừa, các kinh Đại thừa đã nói, không phiền trình bày rộng. Tuy biết đồng một chỗ tịnh uế có thể thành, nhưng Tây phương kia chỉ có tịnh chẳng có uế, tâm chúng sinh uế không sinh về đó, kinh chỉ nói tướng tịnh không nói tướng uế, khiến cho chúng sinh ở các phương muốn sinh về đó.

Hỏi: Như luận Tịnh độ của An Pháp sư nói: "Tịnh độ và uế độ là một chất mà dị kiến, là dị chất mà dị kiến, là vô chất mà kiến." Câu đó được giải thích rằng: "Một chất không thành, nên tịnh uế vơi đầy; dị chất không thành, nên tìm tòi lẽ huyền tức tối tăm; vô chất không thành, nên duyên khởi muôn hình." Tuy có lời giải thích này, nhưng văn nghĩa sâu kín, xin khai thị, bày rộng huyền chỉ cho.

Đáp: An Pháp sư trí tuệ tỏ ngộ khai minh, tinh thần sáng suốt, soạn ra luận này, tông chỉ nhiệm mầu vô cùng, thời đó văn nghĩa kinh luận Đại thừa chưa đủ khắp, nên có thể làm việc suy tầm này, thật là ấn thủ Bồ-tát, có thể nói là đục thủng con đường hoang sơ để khai thông, nêu huyền chỉ ở tánh không. Nhưng văn nghĩa sâu xa, độc giả ít biết chỉ thú của nó, nay phải nói rộng nghĩa đó cho ông nghe.

Tịnh độ và uế độ do nghiệp tịnh và uế, khiến từ tâm biến hiện thành tướng uế và tịnh, tướng tịnh uế này là do tâm tịnh uế hiện, tâm tịnh thì cõi tịnh, tâm uế thì cõi uế, đều do tự tâm. Tâm đã có khác, thì cõi đâu gọi là một? Nên nói "một chất không thành" nên tịnh uế vơi đầy: Phật chưa dùng ngón chân ấn xuống đất, thì uế đầy mà tịnh vơi; Phật đã dùng ngón chân tiếp xúc đất, thì Tịnh đầy mà uế vơi, như kinh Duy-ma-cật nói: Nên biết hai tâm của Thân tử, Phạm vương, đều khác nhau nên cõi tịnh uế hiện ra có khác nhau, không được nói là một. Cho nên nói: Một chất không thành, vì thế Tịnh uế vơi đầy.

Tuy hai tâm tịnh và uế hiện hai cõi Tịnh và uế, tâm có hai thể, cõi thành hai tướng, nhưng đồng chỗ đồng thời không chướng ngại nhau, không thể nói có chỗ tịnh mà không có chỗ uế, có chỗ uế mà không có tịnh, chỗ khác hiện mà có chướng ngại, vì đồng chỗ đồng thời mà hiện tịnh uế, nên nói "Dị chất không thành, vì thế sưu huyền tức minh. Sưu là sưu cầu. Huyền là u huyền. Nghĩa là tìm tòi chỉ thú u huyền của nó,

hai tướng Tịnh và uế tối tăm đồng ở một chỗ, không được chia thành hai nơi. Rõ điều này nên nói Dị chất tuy thành, sưu huyền tức minh. Pháp sư này hoàn toàn chưa hiểu nghĩa Duy thức, nên lấy đồng một chỗ nói Dị chất bất thành. Cũng có thể nói Tịnh uế khác nhau, thể của nó không hai, tìm tòi thật thể của mình, chỉ là nhất như, nên nói sưu huyền tức minh.

Vô chất bất thành, nên duyên khởi muôn hình: Cõi Tịnh, uế này tuy đồng chỗ hiện, mà cả hai khác nhau, đều do hai nghiệp uế và tịnh nhân duyên khác nhau biến hiện ra các thứ: rừng gai, cây quỳnh, đá vụn, ngọc châu, từ duyên mà sinh ra tính y tha khởi, mới thành tướng cõi, khác với hoa đốm trong hư không, lông rùa, sừng thỏ, tính biến kế sở chấp, tình có mà thể không, không có thể hình chất, nên nói không chất không thành, vì vậy duyên "Khởi muôn hình".

Hỏi: Nếu Tịnh độ và uế độ đồng một chỗ, thì hai cõi này tuy châu ngọc, gạch ngói, tịnh uế có khác, nhưng đều là bốn trần (sắc, hương, vị, xúc) bốn đại (đất, nước, lửa, gió), tám vi hợp thành, chất ngại làm tánh, làm sao đồng chỗ đồng thời mà các vi không chướng ngại nhau, sắc tánh, không chất ngại kia? Đã là pháp trái nhau, nghĩa khó giải thích chung, xin dứt trừ những ngăn trệ này, để hiển bày vi ngôn.

Đáp: Chỉ chấp cực vi có tánh chất ngại, đây là chấp dị kế của Tát-bà-đa tông bộ, há là diệu chỉ tướng chung của Đại thừa? Chỉ như Đại thừa thời tiết dài ngắn, thế giới lớn nhỏ, thảy đều bất định, khi đó kéo dài bảy ngày thành một kiếp, rút ngắn ngàn năm thành một giây lát; lượng thì nhét núi Tu-di vào trong một hạt cải, biển lớn vào một lỗ chân lông. Há giới hạn dài ngắn, lớn nhỏ đó sao? Chất ngại cũng giống như thế, ngại không nhất định ngại, ngại đó tức gỗ ngại gỗ, đá ngại đá. Không ngại là người gặp nước, quỷ gặp lửa, trời gặp châu, cá gặp nhà, vốn đồng một chỗ, làm sao có khác phương? Nhân đây mà so sánh kia, nghĩa có thể biết. Nên Thân tử thấy có gò hầm, vốn không chỗ khác; Phạm vương thấy cõi tịnh, đâu chỉ có phương khác? Bởi do muôn cảnh muôn tâm, tùy theo tâm tịnh uế, diệu chỉ của duy thức, há hạn cuộc ở chất ngại đó sao?

Hỏi: Tâm hữu lậu, thể đã là uế, tâm uế đã hiện các khí thế gian, chỉ có thể hiện tướng uế độ, làm sao có thể hiện tướng Tịnh độ? Nếu tâm thanh tịnh hiện vô lậu kia, vượt ra khỏi tướng Tịnh độ của ba cõi ư? Nếu tâm uế kia có thể hiện tướng tịnh thì vì sao Duy-ma-cật nói: "Vì tội của chúng sinh, không thấy cõi Phật Như Lai trang nghiêm thanh tịnh?"

Đáp: Thể đã là tịnh, được hiện tướng uế, đâu ngại gì thể là uế của nó, mà được hiện tướng tịnh của nó? Nên về nhất tâm có các tướng tịnh uế. Tâm có nhiều công năng, có thể hiện nhiều tướng. Lại do bản nguyện với chúng sinh, nên khiến hiện Tịnh độ. Chúng sinh đối với Phật có sinh đại nguyện, rất nhàm chán tâm uế, tu hạnh thanh tịnh, gá vào tướng Tịnh độ của Như Lai kia tuy là hữu lậu, mà có thể hiện cõi Phật thanh tịnh, vẫn như Thế Tôn hiện cõi Phật vô lậu thanh tịnh. Đây là do tha lực làm duyên tăng thượng khiến tâm hữu lậu này hiện tướng Tịnh độ đó.

Hơn nữa Phật có thần lực rộng lớn, có thể khiến cho người thấy uế không thấy tịnh, như chín trăm muôn Bồ-tát ở thế giới Chúng Hướng đến cõi Ta-bà này, chỉ thấy cõi uế, khônh thấy Tịnh độ; hoặc có thể khiến người dưới thấy tịnh không thấy uế, như ấn ngón chân xuống đất, khiến cho Xá-lợi-phất thấy tam thiên thế giới toàn là châu báu trang nghiêm; hoặc khiến đều thấy cả Tịnh uế. Như trong lọng báu, hiện Tịnh độ trong mười phương và cõi uế này. Nay đây được sinh Tịnh độ, là nhờ năng lực của chư Phật, không thể dùng trí phàm để so lường được Đại Thánh, sự nghi nan này, chỉ phải y theo giáo mà tu hành.

Hỏi: Như kinh Đại Phẩm v.v... nói: “Nội không, ngoại không, nội ngoại không, nay Tịnh độ tức ngoại không, chúng sinh tức là nội không. Đã như vậy thì có chúng sinh nào năng sinh? Có Tịnh độ nào là sở sinh? Còn kinh Duy-ma nói: “Cõi nước chư Phật đều là không.”

Lại hỏi: Vì sao là không?

Đáp: “Vì không không”. Lại nói: “Bồ-tát vì sao lại quán chúng sinh?”. Duy-ma-cật nói: “Các pháp như đại thứ năm, ấm thứ sáu, tình thứ bảy, nhập thứ mười ba, giới thứ mười chín.” Kinh Pháp Hoa nói: “Các pháp từ xưa nay, tướng thường tự vắng lặng.” Kinh Bát-nhã nói: “Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật, tức chẳng phải trang nghiêm.” Lại nói: “Thật không có chúng sinh được diệt độ.” Như thế là giáo của các kinh Đại thừa rốt ráo, đều nói các pháp vắng lặng, nhân duyên nào ngày nay nói có Tịnh độ Tây phương là cõi sở sinh? Chúng sinh là người năng sinh? Khuyên người chấp tướng khởi hạnh, y theo kinh bất liễu nghĩa, đây là không được nghĩa sâu của chư Phật, chấp chặt có tướng, không gọi là tập học pháp Đại thừa.

Đáp: Như vừa rồi nói giáo rốt ráo nghĩa không của Đại thừa, rất sinh lòng kính tin, không dám phỉ báng, rốt ráo xa lìa hai thứ sinh tử, dứt chấp người pháp, chứng đại Niết-bàn chỉ có một pháp môn này, lại không có hai đường. Bồ-tát tiểu hạnh, nhị thừa phàm phu tu hạnh Bồ-

tát, muốn cầu quả Phật, chưa chứng Vô sinh pháp nhẫn, không tránh khỏi lui sụt luân hồi, chẳng phải không có các pháp môn cú nghĩa, y theo đó tu học, thú cầu xuất thế, làm thế nào dẫn các kinh Đại thừa nói rốt ráo không, phá tướng nhân pháp? Chỉ có các giáo pháp này là thật sự do Phật nói. Nay kinh Quán nói cõi Phật thanh tịnh ở phương Tây, khuyên các chúng sinh vãng sinh về cõi nước đó, đây cũng là ngôn giáo thật do Phật nói. Đã đều là do Phật nói, đều là thật ngữ, vì sao lại đem lý không của kinh để vấn nạn giáo lý Tịnh độ này? Tin chỗ kia, chê chỗ này, đâu có lý ấy?

Nhưng Phật nói pháp không lìa hai đế: Tục đế và Đệ nhất nghĩa đế. Tục đế là pháp do nhân duyên sinh, tánh y tha khởi, chẳng phải có mà dường như có; Đệ nhất nghĩa đế là chân pháp vô tướng, tánh viên thành thật, các Thánh nội chứng, diệu hữu chân hữu. Nhưng cái nhị đế đó phi nhất phi dị, dùng chân để thống nhất tục, không tục thì không chân, tức tất cả các pháp đều trở về vắng lặng, nếu không dùng chân nhiếp tục, tức tất cả pháp duyên hội hợp thì có, duyên ly tán thì không, muôn pháp rõ ràng không thể nói là không.

Phật hoặc phá tướng chúng sinh, khiến trở về vô tướng, muốn trừ chấp người, chấp pháp , kiến hoặc, tu hoặc. Nghiêng rõ về Đệ nhất nghĩa đế, nói tất cả đều không; muốn giúp cho chúng sinh bỏ phàm thành Thánh, dứt ác tu thiện, muốn cầu Tịnh độ, nhàm chán xa lìa cõi uế, nói đầy đủ các pháp giới nhân quả khác nhau, hai địa vị phàm và Thánh, Tịnh độ và Uế độ. Nay khiến cho bỏ uế về tịnh, đổi phàm thành Thánh, tức ở trong môn này nói các thứ pháp, đều là thành tựu Phật pháp, lợi ích chúng sinh, giáo hóa giảng nói phương tiện, khéo léo hợp cơ, lý giảng nói như thế, nên giáo có hai môn. Không thể đọc kinh Đệ nhất nghĩa đế, lý rốt ráo vô tướng, tức nói các giáo pháp nhân quả Tịnh độ, chẳng phải chân ngôn của Phật, chẳng phải thuyết cứu cánh nên bài báng không tin. Không đọc các ngôn giáo nói nhân quả đủ loại sai biệt, không tin thuyết tất cả không tịch, huyền tông vô tướng vắng lặng sâu xa của Bát-nhã ba-la-mật-đa nên huỷ bỏ mà không hành trì.

Đây chính là Thánh giáo ba tạng kinh Đại thừa có khen, có chê vừa nghi vừa tín, cũng tu pháp lành, cũng gây các tội nặng, tin không đầy đủ, gọi là Nhất Xiển-đề, như kinh Thập Luận, nói đầy đủ về tội lỗi, nên đều phải sinh kính tin, khéo hội chỉ thú hai tông. Nên kinh Duy-ma-cật nói: “Có thể khéo phân biệt các pháp tướng, đối với Đệ nhất nghĩa bất động.” Có thể khéo phân biệt các pháp tướng, đây là nói theo môn thế đế; đối với Đệ nhất nghĩa mà bất động, đây là nói theo môn đệ Nhất

nghĩa đế. Còn nói: “Các pháp không phải có, cũng không phải không, do nhân duyên nên các pháp sinh.” Không phải có, không phải không là Đệ nhất nghĩa đế, lìa bốn câu: là lìa có lìa không. Các pháp sinh là thế đế, từ nhân duyên... các thứ pháp thế gian, xuất thế gian sinh ra.

Còn nói: “Tuy quán các cõi Phật hoàn toàn vắng lặng đều không, mà rốt ráo Không rơi vào vắng lặng, là hạnh Bồ-tát. Tuy thành tựu tất cả pháp, nhưng lìa tướng các pháp.” Thành tựu tất cả các pháp, là thế đế pháp. Nhưng lìa tướng tất cả pháp là Đệ nhất nghĩa đế vô tướng. Còn nói: “Tuy biết các cõi Phật và chúng sinh đều không, mà thường tu Tịnh độ, giáo hóa chúng sinh.” Hai câu trên là Đệ nhất nghĩa đế, hai câu dưới là Thế đế. Kinh Đại Phẩm v.v... nói: Trong ngoài không... là Đệ nhất nghĩa đế; nhưng nói thanh tịnh cõi nước Phật, giáo hóa chúng sinh là thế đế.

Nhiều thứ ngôn giáo Đại thừa như thế đều nói pháp môn rốt ráo vắng lặng, tức nói thanh tịnh cõi Phật, giáo hóa chúng sinh. Ông phải đọc hết văn kinh, trên dưới lẫn lộn, tự tướng hòa hợp, dứt trừ tâm kính tin hay huỷ báng, giảng nói cho người nghe, đừng có lời khen chê, đây tức là tự lợi tự tha, đều được lìa khổ giải thoát, mở tìm Thánh giáo, văn nghĩa khác nhau, tự tin không đủ, chê bai vùi lấp thân mình, khiến bọn khác nghe thành nghiệp Xiển-đề, tự tổn tổn tha.

Kinh Giải thâm mật, kinh Lăng-già, luận Du-già, luận Nhiếp Đại thừa, luận Duy Thức v.v... nói nghĩa ba tánh tam vô tánh:

1. Tánh Viên thành thật.
2. Tánh Y tha khởi.
3. Tánh Biến kế sở chấp.

- Tánh Viên thành thật, lìa tướng chân thật; tánh Y tha khởi chẳng phải có mà dường như có.

- Tánh Biến kế sở chấp, tình có lý không, các vật giống như lông rùa, sừng thỏ. Mà ông đã dẫn kinh Đại Phẩm v.v... đều đứng về tánh Viên thành thật, lý rốt ráo không, Phật nói là không, nhưng thật chẳng phải không; hoặc đứng về Biến kế sở chấp, giống như hoa đốm trong hư không, Phật nói vô pháp. Nay nói Tịnh độ... là giáo dựa vào tánh Y tha khởi, từ nhân duyên sinh pháp, chẳng có mà dường như có, nghĩa nhân quả rõ ràng nơi muôn pháp mà ông chỉ thấy nói giáo vô tướng tánh viên thành thật, văn phá biến kế sở chấp rốt ráo không. Không có liền không tin nói tánh y tha khởi là giáo pháp nhân duyên, tức là người không tin nhân quả, nói tướng các pháp đoạn diệt. Cho nên văn kinh nói: “Thà khởi ngã kiến như núi Tu-di, chứ không khởi không kiến như hạt cải,

câu nói này thật đáng răn dè. Còn nói Không và Có là đều theo căn cơ thế tục, Đệ nhất nghĩa đế chẳng phải không chẳng phải có, nên nói cõi Phật Tịnh độ không, đều tùy theo căn cơ thế tục, khiến họ vào pháp, sao là đúng, sao là sai?"

Hỏi: Cõi nước Phật Thanh Tịnh , lìa các uế ác, một khi được vãng sinh, thì siêu vượt sinh tử, lìa hẳn ba đường ác, không còn bị năm thứ khổ thiêu đốt, đều là chánh định tụ, tất cả đều là A-Bệ-bạt trí. Kinh Vô Lượng Thọ nói: "Kế đạo Nê-hoàn, nếu như vậy, không thể chấp tướng, phàm phu đủ các thứ tội nghiệp, tâm có sở đắc mà được vãng sinh, nên phải nương theo văn kinh của Đại thừa và Trung luận, Bách luận v.v... học rộng không chỗ đắc pháp, mới có thể vãng sinh Tịnh độ. Nay mới khuyên người y theo kinh Quán, thực hành làm mười sáu pháp quán: Cây báu, ao báu, và sắc thân tướng tốt của chư Phật, Bồ-tát, hoặc xưng danh hiệu, tồn tâm trụ tướng, há chẳng phải là có tâm sở đắc trụ trước các tướng, thành bệnh hay sao? Đã là có bệnh, thì không tránh khỏi luân hồi, làm sao được sinh về Tịnh độ Tây phương của Phật?

Đáp: Nếu có thể quán tất cả pháp rốt ráo vắng lặng, không năng quán sở quán, lìa các phân biệt và không phân biệt, thực hành quán sát này, được sinh Tây phương, đều là thượng bối vãng sinh. Như trong kinh Quán nói: Thượng phẩm sinh, là đối với Đệ nhất nghĩa, tâm không kinh động, người này khi qua đời, Phật A-di-đà cùng các Thánh chung đến đón rước người tu hành, khen rằng: "Này Pháp tử! Do ông hiểu Đệ nhất nghĩa đế, ta đến đón ông", liền vãng sinh về cõi vô lượng thọ ở Tây phương. Nhưng người phàm ngu, ở thế tục nhiều âu lo, không thể học rộng các kinh Đại thừa, quán Đệ nhất nghĩa đế, thực hành pháp quán vô sở đắc, hoặc thanh tịnh trì giới cấm, hiếu thảo dưỡng nuôi cha mẹ, hoặc tu hành mười điều lành, chuyên xưng niệm Phật, tuy có sở đắc, đều là công đức thù thắng không thể suy nghĩ bàn luận, đều được vãng sinh Tịnh độ Tây phương, như kinh có nói.

Nhưng hành môn vãng sinh Tịnh độ chẳng phải một, người vãng sinh chín phẩm sai biệt, há chỉ nói pháp không sở đắc mà được vãng sinh, trong khi không tin ba thứ phước, mười sáu pháp quán vãng sinh Tịnh độ? Lại có tâm sở đắc thông cả ba tánh, nghiệp thiện và bất thiện đều có thể chiêu cảm quả báo, nay ba phước tất cả đều là thiện nghiệp, kinh nói là "nghiệp lành chánh nhân của chư Phật ba đời". Đã là nghiệp lành đâu không chiêu cảm quả báo Tịnh độ? Nay ông nói rằng vì sao chỉ nhờ vô sở đắc mà được vãng sinh? Có tâm sở đắc không được vãng sinh, xuất xứ ở kinh giáo nào? Đã không có Thánh

điển, làm sao là bằng cứ sở y? Nay kinh Quán nói đủ ba phước, mười sáu pháp quán, thực hành các nghiệp tướng này, mới được vãng sinh, văn nghĩa hiển nhiên, không thể phỉ báng, nếu không y theo Thánh giáo thì tự mình ra khỏi phàm tình?

Nếu có tâm sở đắc không được sinh Tịnh độ, vì có tâm sở đắc là thiện tánh, có phước thù thắng, có thể diệt tội nặng ở Ta-bà, được sinh Tịnh độ Tây phương, như pháp quán đất... nói: "Thực hành pháp quán này, trừ tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, xả thân đời khác, chắc chắn sinh về Tịnh độ, tâm được vô ngại." Đây há chẳng phải thực hành hữu tướng quán... được sinh Tây phương? Nếu không tin những ngôn giáo như thế, thì là không tin nhận ngữ luân của Phật, thành tựu mười ác luân tội.

Còn nói: "Xưng danh hiệu Phật, trong mỗi niệm diệt được tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử, được sinh về thế giới Cực lạc Tây phương." Như các văn kinh này, thật chứng rất nhiều, không được phế bỏ. Có nhiều Thánh giáo nói không được vãng sinh, chỉ nói học không sở đắc mà được vãng sinh. Do chúng sinh vãng sinh có phàm, Thánh, thông cả Đại, Tiểu thừa, có tướng, vô tướng, định tâm hay tán loạn, căn lợi độn, thời gian dài ngắn, tu tập ít, nhiều, đều được vãng sinh, nhưng có ba hạng chín phẩm khác nhau, hoa nở sớm muộn có khác, ngộ đạo nhanh chậm không đồng, nên biết sự vãng sinh đã có phẩm loại khác nhau, tu nhân cũng có cạn, sâu khác biệt. Không thể chỉ nói, chỉ tu không có sở đắc mà được vãng sinh, có tâm sở đắc không được vãng sinh. Do người vãng sinh chẳng phải chỉ có bậc Thánh, phàm phu cũng được vãng sinh.

Tịnh độ Phật có lý có sự, có báo có hóa, nên tu nhân ấy có nhiều thứ khác nhau: Sinh lý Tịnh độ, tu nhân vô tướng; sinh sự Tịnh độ, tu nhân hữu tướng.

Sinh báo Tịnh độ, tu nhân vô lậu; vãng sinh hóa Tịnh độ, tu nhân hữu lậu. Độ đã có gốc ngọn, nhân cũng có hơn kém, nên chẳng phải một nhân vô tướng mà được sinh tất cả Tịnh độ.

■

THÍCH TỊNH ĐỘ QUẦN NGHI LUẬN

QUYỂN 2

Hỏi: Vãng sinh Tây phương là do tâm quá khứ sinh, tâm hiện tại sinh hay tâm vị lai sinh?

Nếu nói tâm quá khứ sinh thì tâm quá khứ đã mất không thể nói là sinh? Nếu nói tâm vị lai sinh thì tâm vị lai chưa đến, làm sao nói là sinh? Nếu tâm hiện tại sinh thì tâm hiện tại không trụ, làm sao nói là sinh? Dùng ba đời này để cầu sinh đều không được, vì sao nay lại khuyên sinh Tây phương?

Thích: Đem ba đời để suy, quá khứ đã diệt, tương lai chưa đến, và hiện tại không trụ, không có cái sinh nào đúng lý, giống như bấc đèn, chẳng phải bấc đã cháy trong quá khứ, vì đã tắt; chẳng phải bấc cháy ở vị lai, vì nó chưa sinh; chẳng phải bấc cháy trong hiện tại vì nó không trụ. Chẳng phải không đốt bấc đèn, xóa bóng tối, phát ánh sáng. Niệm niệm tiếp nối nhau, cái cũ này diệt cái mới khác sinh, nối tiếp nhau như dòng nước chảy, trong một thời có bốn công dụng. Xóa bóng tối phát ánh sáng dụng cụ nóng đốt bấc cháy lên, ở đây cũng như vậy.

Do nghiệp cảm Tịnh độ sinh khi thuần thục, Thánh chúng đến đón rước về Tịnh độ, xả bỏ chất dơ bẩn Ta-bà, thành thân thanh tịnh ở Cực lạc, duyên sinh ba đời, không thường, không đoạn, tuy trở về các pháp vắng lặng, nhưng nghiệp báo y nhiên, các pháp vô sinh, sinh tử nối nhau, không bị hư hoại, thế đế, kiến lập Đệ nhất nghĩa đế, tức là nghĩa ấy. Nên kinh Duy-ma nói: “Đại sĩ Tịnh Danh gạn hỏi ngài Thân Tử rằng:

- Pháp mà Ngài đã được có tướng mất sinh không?

Xá-lợi-phất đáp: Không có mất sinh.

Duy-ma-cật hỏi: Nếu các pháp không có tướng mất sinh, thì tại sao hỏi: “Ông từ chỗ nào sinh đến đây?” Đây là nói rõ về Đệ nhất nghĩa đế, các pháp vắng lặng, không đi, không đến, nên nói là không có mất sinh.

Kinh nói: “Có thế giới tên là Diệu Hỷ, Phật hiệu Vô Động, Duy-

ma-cật ở nước Diệu Hỷ mất đi mà sinh đến đây.” Duy-ma-cật nói: “Không” là tướng bại hoại pháp, luống dối, “sinh” là tướng nối nhau của pháp luống dối. Đây là nói Thế đế giả danh, chẳng phải tướng sinh diệt thật. Nay khuyên xả bỏ cõi dơ bẩn này, sinh về Tịnh độ kia, nhưng trong Đệ nhất nghĩa đế, ba đời suy ra điều đó, hoàn toàn không có nghĩa vãng sinh. Thế đế là nhân duyên, sinh diệt là giả danh, hoàn toàn không xả bỏ Ta-bà này để vãng sinh cõi Phật. Thân tử đâu được biện luận lý Đệ nhất nghĩa đế để phá hỏng tác dụng của các thứ nhân quả thế đế? Chỗ này cũng có nói trong môn Nhân quả thế đế, khuyên vãng sinh Tịnh độ.

Hỏi: Kinh Kim cang Bát-nhã có câu kệ:

Nếu dùng sắc thấy ta
Dùng âm thanh tìm ta
Người này hành tà đạo
Không thể thấy Như Lai.

Lại nói: “Lìa tất cả tướng, tức gọi chư Phật.” Vậy tại sao nay lại quán Phật hữu tướng, hành tà đạo, mà nguyện cầu vãng sinh? Đây thật là khó hiểu!

Đáp: Bát-nhã, kinh Quán đều là Thánh giáo, quán tướng, vô tướng, đều là lời phi phàm, nói xen lẫn là tà, rất có chỉ thú, không thể dựa theo Bát-nhã mà chê bai kinh Quán, vì sao chỉ mang ý niệm tin hay chê lẫn nhau, tự thành tội nặng, cũng chính là đối với Thánh giáo của Phật chưa hiểu dung thông. Vì sao? Hai bộ kinh này, từ con người, việc học, cho đến chỗ hiểu đều khác nhau, thành ra thuyết này.

Do người: Người có căn cơ cạn cợt, chưa thể quán lý, thì dạy họ quán sắc, quán báo thân, hóa thân; Người có căn cơ sâu, có thể quán được thật tướng, thì dạy họ quán vô tướng, quán pháp thân. Người cạn học sâu thì pháp sâu chẳng phải là thuốc, cam lộ yểu mạng, kinh có nói thật; người căn sâu học cạn, thì không tiến đạo được, gọi là thoái nghiệp, làm sao có thể tiến tu? Nên Phật đối với hai căn cơ đó mà nói hai giáo này.

Do học: Người mới học, bắt đầu vào đạo, quán hạnh vẫn chưa hiểu, chưa thể học sâu nên không thể dạy cho họ quán Thật tướng, phải dạy họ quán sắc, điều luyện tâm của họ, sau đó học mới thành, tiến lên tu vô tướng. Ví như xuống biển, từ cạn xuống sâu, người học lâu, mới có thể học tiến lên được. Quán vô tướng kia là ngăn chận sắc tướng của người mới học kia, được bước lên hạnh đó, chê cái trước là tà, chẳng phải nói đây thuộc về tà kiến. Như người bỏn sẻn học bố thí, cái chương

bỏn sẻn đã tiêu trừ, trệ vào việc tu lần đầu, Phật muốn khuyên họ tiến lên học giới, nếu không dẹp cái trước thì do đâu mà học tập cái sau, nên chê bố thí, khen ngợi hạnh trì giới. Đây là Đại Thánh khéo thích hợp vật cơ, người ngu không biết, chấp văn mê nghĩa. Nay nói tà đạo, lý cũng giống như ở đây.

Do hiểu: Như biết sắc tức không, thì quán sắc chẳng phải tà; nếu mê sắc bất không thì quán sắc là tà; nếu biết không tức sắc, thì quán không chẳng phải tà; nếu biết không khác sắc, thì quán không là tà. Đây là hiểu lầm đường khác, tự chia ra xấu đẹp, quan hệ thế nào từ hai cảnh sắc không để phân biệt tà chánh? Nếu ông hiểu được tông đồ này, thì thường quán sắc mà luôn chánh, nếu mê chỉ thú này, thì dù quán không, vẫn là tà. Là nh thay diệu chỉ, xin hiểu rõ tận cùng của nó.

Hỏi: Kinh Kim cang Bát-nhã nói: “Như Lai không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, nên gọi là Như Lai.”

Kinh Duy-ma nói: “Ta quán Như Lai, mé trước không đến, mé sau không đi, nay là không trụ.” Văn-thù-sư-lợi nói: “Không trụ cũng không đi, không lấy cũng không bỏ, xa lìa sáu nhập, kính lễ vô sở quán.” Y cứ theo đây, các bậc Thánh Đại thừa dạy: “Phật vốn không đến cũng không đi”, vì sao kinh Quán nói: “Có Hóa Phật đến đón, theo hóa Phật mà vãng sinh?” Có đến có đi là trái với kinh rồi?

Thích: Thật tướng sâu xa, diệu lý bình đẳng; pháp thân Như Lai, vốn không sinh diệt. Vì bản nguyện Phật, vô hạn đại bi, tiếp dẫn chúng sinh, từ chân thật khởi ra biến hóa. Như Lai trong các thế giới ở mười phương tiếp dẫn, ba bậc chín phẩm, vì biến hóa tức là chân thật, không đến, không đi, nhưng tùy cơ ứng vật, nên có đi có đến. Trước kinh căn cứ hóa thân có Thật, nên nói không đến, không đi. Kinh Quán căn cứ từ thật trở về hóa, nên hiện ra có đi có đến.

Hơn nữa, Tây phương có giải thích rằng: “Sự thật không có Phật từ Tây phương đến đây, đưa tay đón rước, cũng không có Phật dẫn chúng sinh kia vãng sinh Tịnh độ, nhưng do công đức bản nguyện từ bi của Như Lai làm năng lực tăng thượng duyên, nên khiến chúng sinh có duyên với Phật, niệm Phật, tu ba thứ phước, mười sáu pháp quán, các công đức... làm nhân duyên, từ trong tâm hiện ra Đức Phật A-di-đà đến đón rước, hành giả theo Phật vãng sinh. Nói Đức Phật kia, đến, nhưng không phải thật đến, mà là hạt giống công đức cùng với chỗ hóa sinh hợp đúng thời cơ, khiến thấy có Hóa Phật đến đón, nên nói đến, chứ thật sự không có đến. Công đức và bi nguyện của Đức Phật A-di-đà vắng lặng thường tịch, không đi không đến, thức tâm của chúng sinh gá

vào thắng lực công đức bản nguyện của Phật, từ trong tâm biến hiện có đi có đến, đón rước hành giả, thấy có qua lại, là tướng phần của tự tâm, chẳng có liên quan gì đến Phật cả. Nên trên đây kinh nói không đến không đi, là nói theo công đức của Phật, còn kinh Quán nói có đến có đi là nói theo tâm tướng chúng sinh.

Lại còn giải thích rằng: Như Lai ứng cơ, cũng hiện các hóa thân trong mười phương đến đón rước chúng sinh vãng sinh, chư Hóa Phật kia từ kính trí đại Bi của Phật hóa hiện ra nên nói các Đức Phật kia sai hóa Phật đến đón. Nhưng sai hóa Phật đến đón như trống trời Ma-ni, không nghĩ mà thành việc. Nhưng thân hóa hiện có đi có đến, mà nói không đi, không đến, có lẽ là nói theo thật, ở trước đã giải thích rồi.

Hoặc đứng về mặt sinh diệt, niệm niệm không dừng, sinh rồi liền diệt, không thể di động, ngay nơi đó sinh, ngay nơi đó diệt, chỗ khác sinh, chỗ khác diệt, dường như nối tiếp nhau, giả nói đến, đi, như cái vòng lửa, chẳng phải tướng vòng tròn, giả nói có đến, đi. Thật ra thì không có đến đi. Nên trong luận Vật Bất Thiên, Triệu Pháp sư nói:

Gió bay núi tuyết mà thường tĩnh,
Nước sông đổ gấp mà chẳng trôi,
Bụi trời lăng xăng mà chẳng động
Trăng qua bầu trời mà chẳng đi.

Vì sự sinh diệt này mau chóng, nên không thể dời động được.

Hỏi: Kinh Niết-bàn nói: "Bỏ sắc vô thường, giữ lấy sắc thường. Thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy."

Lại nói: "Chư Phật là thầy nói pháp. Vì pháp thường, nên chư Phật cũng thường." Đây tức là ba thân bất động không dời đổi, nay mới nói sinh diệt không dừng, nghĩa này thế nào?

Thích: Sự tranh luận này không phải mới có hôm nay. Một số Đại đức, học giả Niết-bàn nói: "Ba thân ngang nhau, thường bất sinh bất diệt, dẫn rộng các kinh Niết-bàn và kinh Bồ-tát Bổn Nghiệp Anh Lạc chứng ba thân đều thường, chỗ này phần nhiều là y theo giáo. Cũng có một số Đại đức y theo luận Nhiếp Đại thừa giải thích Phật có ba thân, thường có ba thứ:

- Ngưng nhiên thường là Pháp thân của Phật.
- Bất đoạn thường là thân Thọ dụng của Phật.
- Tương tục thường là Biến hóa thân của Phật

Tuy gọi là thường nhưng nghĩa khác nhau, hai thân sau (thân Thọ dụng và thân Biến hóa) từ sinh nhân sinh ra. Luận Bát-nhã nói: Báo thân, Hóa thân, từ sinh nhân sinh ra, các tạo tác đều vô thường. Nếu

là bất động thì phải đồng pháp thân, chứng liễu nhân thì phải phi ấm, cũng không có duyên lự, ngôn thuyết, động tác, dùng các nghĩa lý này để suy thì chẳng phải bất động thường. Như luận Duy Thức rộng thành lập. Còn đứng về “Biến Kế Sở Chấp” thì chúng sinh vọng chấp Phật có đến, đi. Vì phá vọng chấp ngoài tâm có Phật, có qua có lại, để phá vọng tình, nên kinh nói: “Không đến, không đi”. Kinh Duy-ma-cật nói: “Lành thay! Văn-thù-sư-lợi, không hề đến mà đến, không hề thấy mà thấy.”

Nay kinh Quán nói: “Có qua lại, không trái với các kinh Đại thừa.” Mỗi kinh căn cứ một nghĩa, đều là khéo nói.

Hỏi: Kinh Pháp Cú nói: “Phật dạy Bồ-tát Bảo Minh rằng: “Này thiện nam! Ông hãy quán danh tự chư Phật này, là có hay không? Là thật hay không? Này thiện nam! Nếu danh tự là có, thì nói cho người ăn phải được no đủ. Nếu ăn no đủ rồi thì tất cả sự ăn uống không còn tác dụng. Vì sao? Vì khi ăn no rồi thì không cần ăn nữa.”

Xét nghĩa kinh này, muốn nói danh tự tánh không, thì không thể giải thích các pháp. Nay đã dạy người chuyên xưng danh hiệu Phật, tiêu trừ trọng chướng, vãng sinh Tây phương, vì sao có thuyết khác nói ăn mà bụng no, nói uống mà hết khát?

Thích: Theo các kinh điển nhiệm mầu của Đại thừa, đều nói danh từ là hư giả, không có thật. Nên kinh nói: “Tính của văn tự là xa lìa, không có văn tự”. Lại nói danh nghĩa làm khách lẫn nhau, Bồ-tát nên tầm tứ. Nhưng im lặng không nói, lặng lẽ ngồi yên, nếu muốn nắm bắt bên cạnh thì không đắc đạo, ngài Tu-bạt-ma chứng quả, tuy có thể nói khác, nhưng không thể nói ăn mà được no. Tên chung có giải thích rõ ràng và nhờ lời nói mà hiểu được lý. Nhờ lời nói mà hiểu lý, dụ như dùng ngón tay chỉ mặt trăng, danh tự tánh không, nên phải bỏ thuyền.

Phật vì người ngu chấp trước, duyên theo danh mà sinh mê hoặc, hoặc thương, hoặc giận, tạo đủ tội lỗi, mắng ta, khen ta, khởi sinh, khởi sát, tạo đủ mọi nghiệp ác, điên đảo rơi vào ba đường, nên vì phá hoặc tình kia mà nói văn tự hư giả. Dù có khen chê, đâu có vinh nhục gì cho thân ông? Nếu nói nhờ khen ngợi mà thân ông được vinh hoa, vì chê bai mà hình chất của ông bị tổn hại thì cũng phải nói ăn được no, nói lửa đốt thân, dù suốt ngày miệng nói mùi vị thơm ngon, nhưng không tránh khỏi khốn khổ đói khát; cả đêm nói đốt lửa lớn, không thấy cái hoạ của đốt thân. Nên biết rằng thể của danh tự trống rỗng, vốn không chân thật, phàm phu không hiểu, luống khởi ghét thương, tranh danh đoạt lợi, đắm chìm đường ác.

Nếu nói danh từ vô dụng thì không thể giải thích thể của các pháp, cũng nên gọi nước lửa đến, sai nam nữ đến. Họ nhất nhất mời gọi, không có sai lệch. Nên biết nơm chẳng phải không, cá thỏ đều ở đây mà được. Nên khiến Phạm vương khải thỉnh xoay bánh xe chánh pháp, Đại Thánh ứng cơ, nói rộng diệu chỉ. Áo chỉ của ba tạng xán lạn ở Long cung, mười hai bộ kinh rực rỡ ở Linh Thứu, trời người Phàm Thánh đều lãnh thọ, năm đường, bốn sinh đều vâng lời di huấn, nghe đọc tụng, lợi ích sâu rộng, xưng niệm danh Phật, vãng sinh Tịnh độ, cũng không được chỉ nói danh tự là hư giả, không có giải thích.

Hỏi: Luận Du-già sư địa nói: "Bồ-tát Tam địa mới sinh Tịnh độ" Nay khuyên phàm phu, Thanh văn Địa tiền vãng sinh là có ý gì?

Thích: Các văn kinh luận nói vãng sinh Tịnh độ, mỗi chỗ đều căn cứ một nghĩa, lấy bỏ khác nhau, hoặc trên hoặc dưới, người luận khác nhau. Tịnh độ có thô diệu, hơn kém, các thứ thù dị khác nhau, được vãng sinh cũng có các thứ bậc thượng hạ, cũng như kinh Nhân Vương nói: Duy một mình Phật ở Tịnh độ, Tam hiền Thập Thánh ở quả báo độ, đây tức nói từ Thập địa trở xuống không được sinh Tịnh độ, do Tịnh độ hiện ra trong Đại viên kính trí của Phật là vô lậu nên gọi là tịnh. Các Tịnh độ vi diệu do bản thức của từ Thập địa trở xuống biến ra là hữu lậu nên không gọi là tịnh. Do thức thứ tám là thức quả báo nên cõi biến ra gọi là quả báo độ. Nếu dựa theo việc tu hành thí, giới, xa lìa định chướng vô lậu, hay lấy định lực mà thọ sinh tự tại nơi mọi Tịnh độ, tức là Bồ-tát tam địa được định tự tại. Cho nên luận Du-già nói: Bồ-tát tam địa mới sinh Tịnh độ. Nếu dùng trí vô phân biệt đã chứng đắc mà đoạn trừ hai chấp nhân, pháp và phiền não kiến đạo, chứng đắc biến mãn pháp giới, ngộ được bách pháp minh môn, được sinh Tịnh độ Phật, thì từ Sơ địa trở lên được sinh Tịnh độ. Nếu dùng bản nguyện đại Bi dẫn dắt tất cả chúng sinh phàm phu ngu muội cho đến hạng ngũ nghịch thập ác hạ phẩm hạ sinh phát tâm Bồ-đề thì tất sẽ được vãng sinh như trong kinh đã nói. Không thể chỉ dựa vào luận Du-già nói Tam địa được sinh, tức nói Sơ địa và Nhị địa Bồ-tát không được sinh Tịnh độ. Đức Phật thọ ký Bồ-tát Long Thọ đăng sơ địa được sinh thế giới Cực lạc Tây phương, há lại nói chưa đến Tam địa không được sinh Tịnh độ thì trái với kinh này. Lại nữa, Bồ-tát sơ địa, theo kinh Nhân vương nói được bách pháp minh môn, thấy trăm Tịnh độ Phật vì sao nói không được sinh Tịnh độ? Kinh Hoa Nghiêm nói: "Phàm phu sơ phát tâm, Bồ-tát nguyện sinh Tịnh độ, liền được vãng sinh." Nên biết luận Du-già văn riêng y cứ nhất tướng, được định tự tại, lìa tướng mà nói.

Hỏi: Luận Nhiếp Đại thừa, luận Đối pháp, các đại luận sư như Vô Trước, Thiên Thân giải thích các kinh luận, các thứ văn nghĩa có bốn ý thú, bốn bí mật, nói chỉ do phát nguyện mà được vãng sinh Tây phương, đây là biệt thời ý, nay khuyên người tu nghiệp Tây phương liền được vãng sinh, đâu có lẽ đó? Từ Nhiếp luận đến nay, có hơn một trăm năm, các Đại đức đều thấy luận văn này, không tu Tây phương Tịnh nghiệp, nay nói được vãng sinh, há chẳng phải trái với kinh này sao?

Thích: Nhiếp luận nói: “Chỉ do phát nguyện mà được vãng sinh, đây là biệt thời ý.” Nhưng xưa nay các Đại đức đều dùng văn này để chứng minh đây là ý của biệt thời này nói chưa được sinh ngay. Nay xét văn này, chứng tức được vãng sinh, hiển rõ ý của luận chủ. Vì sao? Vì luận nói: Chỉ do phát nguyện, là nghĩa chọn lựa hành trì, chọn hạnh niệm Phật, giữ lấy chỉ phát nguyện rỗng không lại không hành trì, ít có nguyện này. Cho nên nói “chỉ do phát nguyện”. Nếu chỉ phát nguyện mà được vãng sinh, đây tức là biệt thời ý. Chẳng phải khi phát nguyện, cuối cùng liền được sinh Tịnh độ. Cho nên nói là biệt thời.

Thời nay, người chí tâm niệm Phật, tức là hạnh ý nghiệp thiện; xưng danh hiệu Phật, tức hạnh ngữ nghiệp thiện; chấp tay lễ bái, tức hạnh thân nghiệp thiện . Do hạnh ba nghiệp thiện này, có công năng diệt tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, hạnh và nguyện giúp nhau, liền được vãng sinh, đây há chỉ là nguyện sao? Thuyết này của luận chủ, nói chỉ do phát nguyện, ý hiển lộ gồm cả hạnh, chẳng phải ý của biệt thời, hoặc không tìm kỹ văn nghĩa, mơ hồ nói chung là biệt thời. Nếu dùng tâm niệm Phật thì hạnh cũng là biệt thời, văn luận nguyên nhân nào không nói niệm A-di-đà Phật được sinh Tây phương, đây là biệt thời ư? Đã không nói lấy niệm Phật, tu mười sáu pháp quán hành, ba thứ phước thiện làm giáo của biệt thời, nên biết niệm Phật vãng sinh Tây phương, chẳng phải là biệt thời ý.

Có người giải thích rằng: Niệm Phật, tu mười sáu phép quán, tức là phát nguyện? Lại có người khác giải thích: Luận sư tuy nêu nguyện rằng: Ý vừa giữ lấy niệm Phật, vừa là biệt thời ý. Nay có một giải thích nữa rằng: Hiển rõ lợi ích? Là giải rõ nghĩa? Nếu làm rõ lợi ích, mà giải thích văn này, càng làm cho vô lượng chúng sinh trôi lăn trong cõi uế, trôi lăn trong ba đường, không được vãng sinh Tịnh độ, ra khỏi sinh tử. Nếu người giải nghĩa, xem kỹ câu văn chọn nghĩa, còn e không hợp với tông đồ, giải thích văn luận một cách mơ hồ, trái lại đem đến sự sai lầm đối với chỉ thú? Như luận Câu-xá nói: Các bộ đua nhau giải nghĩa, dẫn Thánh giáo Phật, đặt ra chỉ quy, lấy bỏ một chữ, hai chữ, để thành

các bộ được mất, huống chi các giáo như kinh Quán... trình bày đầy đủ các hạnh môn, hoặc nói về ba thứ phước tán thiện là chánh nhân của Tịnh độ, hoặc nói mười sáu diệu quán là chánh nghiệp của Tịnh độ Tây phương, vì sao lại đem góp chung làm văn phát nguyện?

Còn sở dĩ được biết các Luận sư không cho niệm Phật là biệt thời ý, chỗ này có tám nghĩa:

Luận sư giải thích kinh, vốn cho rằng kinh khó hiểu là giáo lý rất sâu xa, phàm phu đọc không thể hiểu nổi, nên mới soạn luận để giải thích lời Phật dạy, để giúp cho kẻ trí, người ngu đều biết, như kinh Quán, kinh Vô Lượng Thọ và kinh A-di-đà đã nói, niệm Phật A-di-đà được sinh Tây phương, văn nghĩa rõ ràng, trí ngu đều hiểu, đâu cần dụng chỗ không rõ phải luận thích ư?

Tỳ-kheo Pháp Tạng phát bốn mươi tám lời thệ nguyện tiếp dẫn chúng sinh, muốn cho họ sinh về Tịnh độ của Phật, đâu có đem biệt thời ý mà phát nguyện rộng lớn tiếp dẫn chúng sinh? Trong nguyện đó nói: "Nếu người niệm Phật không được vãng sinh, thì ta không thành Chánh giác, không nói chỉ có người phát nguyện không được vãng sinh, không thành Chánh giác. Nên biết hạnh niệm Phật... chắc chắn được vãng sinh, nhập vào bốn mươi tám nguyện, chẳng phải biệt thời. Chỉ do phát nguyện, không vãng sinh, không ở trong bốn mươi tám nguyện, nên là biệt thời ý.

Kinh xưng tán Tịnh độ, hằng sa chư Phật mười phương biểu lộ tướng lưỡi rộng dài, chứng đắc vãng sinh, đâu có chứng biệt thời ý. Chư Phật duỗi lưỡi vốn vì những chúng sinh khó tin, nghi ngờ công đức niệm Phật ít, khi qua đời liền được vãng sinh Tịnh độ sinh nghi báng, nên chư Phật hiện tướng lưỡi không luống dối, phát ra lời nói thành thật, khiến chúng sinh đều thấy tướng nghe nói, bỏ được nghi mà sinh lòng tin. Mới nói giáo biệt thời, chưa được sinh Tây phương này, sau khi đến Sơ địa mới được sinh, chúng sinh có nghi ngờ, cần phải có tướng lưỡi của Phật dài ra, để chứng minh vãng sinh Tây phương ư?

Kinh A-di-đà trước khuyên chúng sinh phải nên phát nguyện sinh về nước kia, sau dạy xưng niệm danh hiệu Phật một ngày cho đến bảy ngày, tức nói Thánh chúng đến đón rước người qua đời, hành giả được sinh. Nếu nói niệm Phật tức là nguyện, ý nói trước đã khuyên khiến người đó phát nguyện, sau làm sao phải lạy khiến họ niệm Phật? Nên biết văn trước là nguyện, văn sau là hạnh, hạnh nguyện giúp nhau, được sinh Tịnh độ, đâu cho niệm Phật mà là nguyện ư?

Luận Tịnh độ và Nhiếp luận đều do Bồ-tát Thế Thân soạn, nhưng

cho Thế Thân soạn luận Tịnh độ tức nói niệm Phật được sinh Tây phương, chẳng phải biệt thời ý, Nhiếp luận mới nói niệm Phật bằng với biệt thời ý này, chẳng phải liền được vãng sinh ư? Hai vị soạn luận như thế, cho phép hai sư ý biệt, cần gì Nhiếp luận được chỉ thú kinh, luận Tịnh độ mê Thánh ngôn đó? Huống chi hai bộ luận đều doThế Thân soạn, cho nên văn nghĩa chẳng mâu thuẫn, vì luận cầu ở ý người, nên biết nguyện là biệt thời.

Luận Tịnh độ nói có năm môn:

1. Môn thân nghiệp lễ bái.
2. Môn khẩu nghiệp niệm Phật.
3. Môn ý nghiệp quán sát.
4. Môn phát nguyện.
5. Môn hồi hướng.

Nếu tu hành tức là phát nguyện, ba nghiệp hành trước và môn phát nguyện thứ tư, có gì khác nhau? Nếu là một thì phải không có năm môn; nếu là khác thì nên biết trước là hành môn.

Luận Khởi Tín do Mã Minh soạn, nói người niệm Phật được sinh Tây phương, chính là hành môn, chẳng phải biệt thời ý. Nên biết ý của luận do Thiên Thân soạn cũng giống, nhưng không lấy các môn như niệm Phật... làm biệt thời ý. Như Bồ-tát Mã Minh soạn luận Khởi Tín, dạy Bồ-tát Sơ Học rằng: “Có tám nhân duyên mà soạn luận này, đến duyên thứ bảy, là chỉ dạy phương tiện chuyên niệm, sinh ở trước Phật, chắc chắn không lui sụt tín tâm. Lại nữa, chúng sinh mới học pháp này, muốn cầu chánh tín, tâm họ yếu hèn thấp kém, vì trụ ở thế giới Ta-bà này, sợ không thể thường gặp chư Phật, đích thân thờ phụng cúng dường, lo sợ nghĩa tín tâm khó thể thành tựu, ý muốn lui sụt. Nên biết Như Lai có phương tiện thù thắng, nhiếp hộ tín tâm, nghĩa là dùng nhân duyên chuyên niệm Phật, tùy nguyện được sinh, cõi Phật ở phương khác, thường được thấy Phật, xa lìa hẳn đường ác. Như Tu-đa-la nói, nếu người chuyên niệm Phật A-di-đà ở thế giới Cực lạc Tây phương, tu các gốc lành, hồi hướng nguyện cầu sinh về thế giới kia, liền được vãng sinh, thường thấy Phật, không bao giờ lui sụt. Nếu quán thấy pháp thân chân như của Đức Phật kia, thường khuyên tu tập, cuối cùng được vãng sinh, trụ trong chánh định.”

Nếu cho niệm Phật chẳng phải là hạnh, thì ba phước, mười sáu pháp quán, là hạnh hay chẳng phải hạnh? Nếu là hạnh thì như trong pháp quán đất nói thực hành quán này, trừ tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử, xả thân vào đời khác, được sinh về nước Phật thanh tịnh, tâm

không nghi ngờ. Niệm Phật A-di-đà cũng ở trong mỗi niệm diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, được sinh Tây phương. Vì sao diệt tội thì đồng, mà hạnh kia thì đúng còn hạnh này thì sai? Kia được sinh, đây không được sinh ư?

Nếu đều là phi hạnh thì phu nhân Vi-đề-hy và năm trăm thị nữ, được Phật thọ ký vãng sinh là nhờ tu các pháp quán này mà được vãng sinh. Nếu do các pháp quán này được vãng sinh, ở đây đã không hành, thì làm sao được sinh? Nếu khởi quán được sinh, thì vì sao phu nhân phải thỉnh nói pháp bất sinh, Như Lai nói pháp bất sinh ư? Còn nếu đều là nguyện môn, thì lẽ ra đời chỉ là một trong số đó, đâu cần phân biệt thành mười sáu pháp quán ư? Lại vì hiểu như thế, chẳng phải hiểu văn kinh, cũng là phá hủy chánh kiến, tự làm tổn hại mình mà còn làm tổn hại người khác, đối với người, đối với pháp, hoàn toàn vô ích.

Hỏi: Nếu chỉ phát nguyện là biệt thời ý. Thì như thế nào là biệt thời ý?

Đáp: Phật vì chúng sinh phiền não lẫy lừng, trôi lăn sinh tử, đắm chìm trong biển khổ, không hẹn ngày ra khỏi, thế nên xưng tán thế giới Cực lạc Tây phương, y báo chánh báo, bốn thứ trang nghiêm, khuyên các chúng sinh, sinh về Tịnh độ. Các loài chúng sinh tuy nghe Phật pháp nhưng chướng có nặng nhẹ, ngộ có cạn sâu, nên khiến cho y theo giáo pháp có hơn kém sai biệt. Có một loại chúng sinh, tuy nghe Tịnh giáo, nhưng hủy báng chê bai, chẳng những không sinh Tây phương mà còn bị đắm chìm trong đường ác, đây cùng với Tây phương hoàn toàn xa cách. Có một loại chúng sinh, tuy nghe Tịnh giáo, tin sâu không hủy báng, năm dục ràng buộc tâm, vui sống với cõi uế, vừa không phát nguyện, lại chẳng tu hành, người này tu thiện, hoặc sinh trời người, hoặc trở lại tạo ác, chìm đắm trong đường ác, người này vọng sinh Tây phương cũng là xa vời. Vì hoàn toàn không có tâm cầu đến, hoặc còn phỉ báng chê bai. Kinh Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác nói: "Nếu có chúng sinh nghe nói giáo pháp Tịnh độ, nghe như không nghe, trở lại sinh phỉ báng, ta nói người này chưa được giải thoát, mới từ trong đường ác đến, không có tín hướng, cũng hoàn toàn không có hạnh nguyện, nên không được giải thoát." Có một loại chúng sinh, có túc duyên thuần thục với Phật Di-đà, nghe nói giáo môn Tịnh độ, tâm thanh tịnh kính tin, phát thệ nguyện rộng lớn, nguyện vãng sinh Tịnh độ Tây phương, càng không mong cầu quả báo trời, người. Dù có nguyện này, nhưng người này hoặc vì nhân duyên phiền não, đắm nhiễm năm dục, hoặc lại biếng nhác buông lung, không thể tu đạo, vì gặp ác tri thức, gây ra mười nghiệp

ác, hoặc khi sắp qua đời không gặp Thiện tri thức, hoặc vì thân bị bệnh nặng, cuồng loạn mất tâm, hoặc bị thất ý lâu ngày, không hiểu lời nói của người, nên không phát nguyện, chưa từng tu tịnh hạnh, tuy không vãng sinh Tịnh độ, nhưng nguyện này là sinh nhân xa, hoặc do thắng lực phát nguyện, về sau chắc chắn có thể tu hành, hoặc người khởi hạnh, chắc chắn có ý tu hành, người đó tuy chưa thể khởi hạnh, nhưng sẽ có công phu khởi hạnh.

Hai hạng người trước tức có nghĩa vãng sinh xa, nên kinh khen ngợi người này được vãng sinh Tây phương. Người ngu sẽ cho rằng liền được, không nhờ riêng tu tịnh nhân. Luận sư giải thích văn kinh này, đây là biệt thời ý, chẳng những chỉ do phát nguyện liền được vãng sinh Tây phương, mà người sau đọc luận không hiểu liền nói thực hành không được vãng sinh, đây rất là sai lầm.

Còn có một loại chúng sinh, gốc lành rất sâu dày, phiền não mỏng nhẹ, gặp được thắng duyên, nghe được Tịnh giáo, sinh lòng tin thanh tịnh, phát nguyện tu hành, khi qua đời được vãng sinh, đầy đủ như kinh nói. Đây là hành nguyện đầy đủ, liền được vãng sinh, khác với nguyện rổng không (suông) của người kia, nên chẳng phải giáo lý biệt thời.

Phật đối với hai hạng người chưa được vãng sinh ở trước, thọ ký cho người phát nguyện thì được vãng sinh; Luận sư sợ người đồng hạnh nguyện đầy đủ liền được vãng sinh, cho nên chia riêng người chỉ có nguyện là biệt thời ý. Nên nguyện dụ ban đầu là một đồng tiền vàng, niệm Phật tu hành là chín trăm chín mươi tám đồng tiền vàng, khoảng giữa của vãng sinh Tịnh độ là một ngàn đồng tiền vàng. Nên Nhiếp luận nói: "Như dùng một đồng tiền vàng để đổi, được một ngàn đồng tiền vàng."

Còn như niệm Phật Đa Bảo, chưa hẳn đến địa vị Bất thoái. Vị Bất thoái ở thập trụ sơ tâm, khi người này đang niệm Phật Đa Bảo, hoặc là tâm trước thập tín, hoặc là sơ tâm thập tín... chưa thể niệm Phật Đa Bảo liền vượt qua thập tín mười ngàn kiếp, tức đến sơ tâm thập trụ, vì khoảng giữa cần phải tu tám vạn bốn ngàn hạnh Ba-la-mật mới đến sơ tâm. Mà niệm Phật Đa Bảo cùng với hạnh bất thoái là duyên xa, nên gọi là biệt thời ý.

Trên đây đã dùng nhiều nghĩa để hiển rõ biệt thời ý, từ cửa ải phát nguyện, chẳng phải là người khởi hành, đó là Luận sư Nhiếp luận nói về ý biệt thời.

Còn văn biệt thời ý của Nhiếp luận là báo Tịnh độ chỉ nguyện niệm Phật, lý chưa sinh ngay, nếu hóa Tịnh độ chỉ nguyện niệm Phật,

thì chắc chắn được sinh ngay, như kinh Hoa Nghiêm, nói không nên nghi ngờ.

Hỏi: Chúng sinh vãng sinh Tịnh độ, chỉ có cõi người này mới được tu tịnh nghiệp, và được vãng sinh, có chung cho các đường khác, cũng được vãng sinh, và cuối cùng là ở trong đường u minh cũng được vãng sinh hay không?

Đáp: Trong năm đường tất cả đều có thể tu Tịnh nghiệp Tây phương, được sinh Cực lạc, xét các vị trời đã có thể đến nghe kinh Quán. văn sau kinh Quán có nói: “Vô lượng các vị trời, rồng, Dạ-xoa nghe Phật nói đều rất vui mừng.” Kinh Xưng Tán Tịnh Độ ví dụ trong chúng nói: “Vô lượng các vị trời v.v... vì nghe pháp, nên đều đến nghe pháp.” Nên biết tất cả muốn nguyện sinh Tịnh độ, đều có thể tu tập tịnh nghiệp, được sinh Tây phương.

Lại xét: Kinh Bồ-tát Xử Thai quyển bốn nói: “Rồng hóa sinh trì giới Bát quan trai, chim cánh vàng muốn ăn không được, bèn hỏi về pháp tu đó, rồng nói pháp Bát quan trai cho chim. Chim cánh vàng theo rồng xuống cung Hải long vương, bấy giờ rồng con lại nói bài kệ cho chim cánh vàng. Bầy giờ long tử, long nữ tâm ý khai mở, sau khi chết đều được vãng sinh về cõi nước của Phật A-di-đà.”

Lại xét: Kinh Tùy Nguyện Vãng Sinh nói: “Nếu vì người mất, mà đem những vật trang nghiêm thân, nhà cửa vườn rừng, ao tắm để cúng thí Tam bảo, thì phước này rất nhiều, năng lực công đức rất mạnh, có thể bứng được cái tai họa của địa ngục kia. Do nhân này liền hết buồn khổ, được giải thoát lâu dài, vãng sinh về các cõi Phật ở mười phương.” Lấy đây làm chuẩn để biết, chúng sinh trong năm đường đều được vãng sinh về cõi Cực lạc.

Hỏi: Thọ sinh cõi uế trong ba cõi, chỉ có hình sắc, đều thọ thân trung ấm, chết chỗ này, sinh chỗ kia, qua lại truyền thức, có bốn hữu: Trung hữu, sinh hữu, bản hữu, và tử hữu, chẳng biết từ đây sinh Tịnh độ, có trung hữu không?

Đáp: Ở đây có hai cách giải thích:

Nói không có trung hữu, vì những người này qua đời liền ngồi trong hoa sen, nên biết là thuộc về sinh ấm, vì vào trong hoa sen, giống như bào thai. Nay giải thích nghĩa này, chưa hẳn là như thế, vả lại như pháp thọ sinh của cõi uế, phải đến chỗ sinh kia mới thọ sinh ấm, như chết ở cõi Dục sinh ở cõi Sắc, phải từ cõi Dục chết rồi thọ thân trung hữu trong cõi Sắc, đến cõi Sắc kia mới thọ sinh ấm, không có ở cõi dục thọ thân sinh hữu ở cõi Sắc. Nay sinh ở Tịnh độ ý nghĩa cũng như thế,

không thể chết ở cõi uế, từ ở cõi uế thọ thân sinh hữu ở Tịnh độ, phải đến trong ao báu ở Tịnh độ kia, mới thành sinh hữu thân. Lại cõi vô sắc, vô sắc có thể không có trung ấm truyền thức thọ sinh, Tịnh độ hữu sắc, xứ sở đã khác, làm sao không có ở trung ấm truyền thức, đến chỗ kia thọ sinh ấm?

Hỏi: Nếu có trung ấm, thì phải sinh chỗ kia đến trong ao báu, mới vào trong hoa ngồi, sau đó hoa mới nở, làm sao bấy giờ vào trong hoa, cũng có khác gì với sinh ấm kia đâu?

Đáp: Chẳng lẽ cho trung ấm vào trong hoa kia, là khiến thuộc về sinh ấm kia? Sinh về Tịnh độ kia, năng lực phước đức thù thắng, tuy là trung ấm, nhưng nương hoa vãng sinh, khác với cõi uế trung ấm không có hoa. Tuy trung ấm, sinh ấm đồng ở trong hoa, nhưng hơn kém khác nhau, minh hối có khác, nên chia ra trung ấm, và sinh ấm khác nhau, cũng vì cõi đến sinh nghĩa khác nhau, nên chia trung ấm, sinh ấm khác nhau. Bất kể có hoa hay không hoa, đều chia ra trung ấm, và sinh ấm riêng biệt. Nếu nói đồng ở trong hoa khó có thể khác nhau, tức khiến không có trung ấm đó cũng được. Trong cõi uế, trung ấm, sinh ấm đều không có hoa, phải nói trung ấm, và sinh ấm không khác nhau.

Nếu nói trung ấm, và sinh ấm tuy đều không hoa tức có thọ thai khác nhau là noãn sinh, thai sinh, thấp sinh. Hóa sinh và sinh ấm làm sao khác được? Vì thế mà biết có trung ấm. Còn như trung ấm ở địa ngục đã bị lửa thiêu, há không khác với sinh ấm? Ngược lại thiện nghiệp Tịnh độ giống nhau, trung sinh tương tự. Nhưng ở đây đã nói trung ấm, nhưng chưa thấy kinh luận nói Tịnh độ bỏ thân trung ấm này, chẳng phải là trung ấm, văn không thể quyết phán có hay không. Tuy không có văn kinh nhưng chọn nghĩa có là hơn, không như vậy thì bỏ thân nói là gì?

Hỏi: Nếu có trung ấm, thì không biết trung ấm ở Tịnh độ này có mặc y phục hay không?

Đáp: Không có văn kinh luận, nhưng chuẩn định, thì phải mặc y phục, vì luận Câu-xá nói: "Trung ấm trong cõi Dục, trừ Tỳ-kheo-ni Tiên Bạch ra, tất cả trung ấm đều không có y phục, vì trong cõi Dục có hổ thẹn hay không?" Bao nhiêu trung ấm trong tất cả cõi Sắc đều có y phục, vì có hổ thẹn; y cứ theo đây mà biết, Tịnh độ đẹp hơn cõi Sắc, nhưng thân trung ấm Tịnh độ có mặc y phục, còn trung ấm cõi Sắc vì sao không có y phục?

Hỏi: Trung ấm ở Tịnh độ có hành tướng như thế nào?

Đáp: Cũng y cứ theo nghĩa mà biết, thân trung ấm ở cõi uế sinh

về cõi trời, thì chân hướng xuống dưới, đầu hướng lên trên, trung ấm địa ngục, thì đầu hướng xuống dưới, chân ngược lên trên, người quỷ bàng sinh giống như chim bay, thân bay ngang. Nay sinh về Tịnh độ, chân hướng xuống dưới, đầu ngẩng lên trên, tức là kinh văn nói ngồi trong hoa sen, là giống nhau ở chỗ đó.

Còn giải thích khác thì nói trung ấm sinh thiên, chân hướng xuống dưới, đầu ngẩng lên trên, đứng thẳng mà thọ sinh trong các đường, trung ấm Tịnh độ thì ngồi mà thọ sinh vào các đường.

Hỏi: Trung ấm Tịnh độ chưa đến thế giới Cực lạc, ở khoảng giữa cách mười muôn ức cõi Phật, ăn thức ăn gì?

Thích: Trung ấm cõi Dục, duyên sinh chưa hiệp, trong thời gian dài thọ thân trung ấm kia, nên cần phải ăn mùi hương, vì sinh ở cõi hữu. Trung ấm ở Tịnh độ, trong khoảng thời gian búng ngón tay, liền được vãng sinh. Thời gian không lâu, không cần nhọc công ăn uống. Lại phải trải qua khoảng cách mười muôn ức cõi Phật, liền ở trong hư không ăn mùi cơm thơm của các cõi Phật, để giúp ấm thân đi đến chỗ thọ sinh, trong đó vô lượng nghĩa, không thể nói hết.

Hỏi: Như Lai nói kinh đều là thích hợp căn cơ hóa vật, đều vì người tín hướng mà nói, không vì kẻ nghi ngờ mà nói, nên kinh Dược Sư nói: "Phật vì người tin mà thí, không vì người nghi mà nói." Vì sao trong kinh nói có tướng lưỡi thè ra, khuyến chúng sinh tin, có khi không thè lưỡi, nhưng nói lý mầu? Lại nói pháp sâu xa, phàm phu khó hiểu, hoài nghi sinh chê bai, như nói kinh Pháp Hoa, hội hai quy một, hàng Nhị thừa không sinh tín tâm, nên Đức Phật Đa Bảo có tháp báu để chứng thật, Phật thè lưỡi, biểu hiện sự không dối gạt, tức lời nói chân thật. Ba lần Phật trình bày cho chúng sinh tin, rồi mới nói sự thật chắc chắn. Nay kinh A-di-đà chỉ nói sự trang nghiêm của Tịnh độ, y báo và chánh báo của Tây phương, khuyên chúng sinh vãng sinh, dễ sinh chánh tín, đâu cần chư Phật trong sáu phương hay mười phương đồng thè tướng lưỡi, khuyên chúng sinh sinh tin ư?

Thích: Xét kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật tự nói hằng sa chư Phật trong mười phương thấy Phật Thích-ca Mâu-ni nói kinh Xưng Tán Tịnh Độ xong, đều ở cõi nước mình, khác miệng đồng lời cùng lúc khen ngợi rằng: "Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có khả năng ở thế giới Ta-bà là cõi đời có năm thứ trược ác mà chứng được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nói ra pháp mà tất cả thế gian rất khó tin này cho các chúng sinh nghe." Phật Thích-ca Mâu-ni đã được chư Phật đồng thanh khen ngợi, Ngài bảo Xá-lợi-phất: "Ta ở trong cõi đời có năm thứ trược ác mà

chứng được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nói ra pháp mà tất cả thế gian rất khó tin này cho chúng sinh nghe, đó là việc rất khó."

Như Lai tuy nói trăm ngàn bộ kinh, nhưng không nói "Khó nói", chỉ có kinh Xưng Tán Tịnh Độ gồm chín trang giấy, hằng sa chư Phật và Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni, đều nói kinh này là khó tin, khó nói. Bởi vì Phật nói mười hai bộ kinh, tất cả ngoại đạo đều sinh tâm phỉ báng, còn đệ tử Phật, đều phát tín tâm. Nay nói: Kinh A-di-đà, ý nói chúng sinh có gốc tội năm nghịch, mười ác, chỉ cần niệm Phật, cũng sinh về Tịnh độ. Tuy đệ tử Phật tín hướng điều đó, cũng sinh nghi ngờ, không tin lời này. Hiện thấy thời nay bốn bộ chúng đều có chánh tín, còn nghi niệm Phật không được vãng sinh, nên biết kinh này, rất khó sinh tín, bậc Nhất-thiết-chủng-trí biết trước, vị lai có chúng sinh này, sinh nhiều hoài nghi, nên đồng thè tướng lưỡi, tiêu biểu pháp rất thật, khuyên nên tu học.

Lại vãng sinh Tịnh độ, bậc Bồ-tát Tam hiền giải hạnh trở lên, hoặc Long Thọ... được sinh Tây phương, phàm phu cực ác cũng sinh chánh tín, thấy người phước nhiều tội ít, được sinh Tịnh độ, có gì đáng làm lạ? Phàm phu năm nghịch mười ác, từ một niệm đến mười niệm chí thành triệt để, nhờ bản nguyện của Phật, cũng được sinh Tây phương, hàng Bồ-tát Tam hiền Thập địa cũng tin việc này, không khởi tâm nghi, chỉ nói hạ phẩm hạ sinh, năm nghịch mười ác, như người ngu này, không điều ác nào không làm, gặp Thiện tri thức, dạy xưng danh hiệu Phật, đủ mười niệm, liền sinh Tịnh độ.

Chúng sinh mười ác này, không tin niệm Phật được sinh Tịnh vực, chúng ta đã là phàm phu tội ác, từ vô thỉ đến nay lỗi này đều phạm, niệm Phật mười niệm có công đức gì, mà khiến tội nặng chúng ta được trừ diệt, vãng sinh thế giới Cực lạc Tây phương? Đây chỉ là lời Phật tiếp dẫn, hoặc là nói xa thành nói gần, hoặc là pháp ở giai đoạn thứ hai, hoặc nói biệt thời ý, nhiều cách hiểu khác nhau không tin vãng sinh ngay, lừa dối huỷ báng rất nhiều, tin thuận rất ít, cho nên lời dạy này người tin rất ít, chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài che khắp cõi Tam thiên để chứng minh pháp không sai lầm, chắc chắn được sinh, hộ niệm người tu hành, được sinh Tịnh độ

Hỏi: Như kinh Hoa Nghiêm nói: "Chư Phật bình đẳng, đều đầy đủ tất cả hạnh, tất cả nguyện, mới thành Chánh giác, hiệu là Lưỡng Túc Tôn." Nay kinh Dược Sư chỉ nói Phật Dược Sư Lưu Ly Quang khi còn hành đạo Bồ-tát, phát mười hai đại nguyện, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Bi Hoa nói Phật A-di-đà khi phát tâm Bồ-đề và hành hạnh Bồ-tát phát bốn mươi tám thệ nguyện rộng lớn, khác với văn kinh Hoa Nghiêm là

có ý gì?

Đáp: Ý của hai kinh này, đều căn cứ một nghĩa, cũng không trái nhau. Căn cứ thật mà luận, thì tất cả chư Phật đều có đủ tất cả diệu nguyện thù thắng, không có thêm bớt, nếu có một nguyện không tròn, một hạnh không đủ, thì không đắc đạo, và thành Chánh giác, gọi là bậc Nhất thiết trí. Công đức chư Phật có lỗi không bình đẳng, kinh Duy-ma nói: "Chư Phật Như Lai công đức thảy đều bình đẳng." Nhưng kinh Dược Sư nói mười hai nguyện, kinh Vô Lượng Thọ nói bốn mươi tám nguyện, đây là nói theo căn cơ giáo hóa. Chư Phật giáo hóa chúng sinh đều y cứ vào chúng sinh có duyên tiếp dẫn, có duyên với Phật, phải y theo bổn nguyện của Như Lai, Như Lai giáo hóa dắt dẫn các phẩm đều mang theo nguyện vọng lớn là giáo hóa chúng sinh, chư Phật vốn phát tâm Bồ-đề, tức trụ ở tâm rộng lớn, có bao nhiêu cõi chúng sinh, ta đều giúp họ diệt độ bằng cách nhập vào Niết-bàn vô dư nhưng thế giới chúng sinh có vô biên vô số, Bồ-tát mới phát tâm, cuối cùng thành Phật, A-tăng-kỳ kiếp có sơ có mạt, ở trong hành hạnh Bồ-tát, thành Đẳng Chánh giác, không thể trùm khắp tất cả, chúng sinh đều thấy Bồ-tát tu hành cúng dường, Bồ-tát không thể giáo hóa làm lợi ích khắp thế giới chúng sinh, thế giới chúng sinh chưa cùng tận, Bồ-tát đã thành Phật, tâm tuy rộng lớn nhưng sự tức khó chu toàn.

Nhưng ở nhân địa chúng sinh đối với mười hai nguyện mà Phật Dược Sư Lưu Ly Quang đã phát, chí thành ân trọng, nguyện đó nay đã thuần thục; Phật A-di-đà vốn phát bốn mươi tám thệ nguyện rộng lớn, chí thành ân trọng, nguyện đó cũng thuần thục. Tuy hai Phật kia và đây đều có trần sa các nguyện, nhưng đối với căn cơ giáo hóa, thì nghiêng về biệt nguyện, chúng sinh đối với mười hai đại nguyện của Dược Sư Phật vốn đã thuần thục, Phật Dược Sư tuy có bốn mươi tám thệ nguyện rộng lớn, nhưng căn cơ chúng sinh chưa thuần thục, nên Phật nêu riêng mười hai nguyện. Bốn mươi tám nguyện của Phật A-di-đà, ngài nghiêng về căn cơ thuần thục, tuy có mười hai nguyện, Phật cũng không nói. Thí như thuốc trong kho của y vương, tuy đủ loại cỏ thuốc, nhưng đối với người bệnh nóng, lạnh, thổ tả, khác nhau, thì cho toa cũng khác nhau.

Trong tủ thuốc thầy thuốc chỉ chọn ngay gốc bệnh, lấy năm ba vị xây nát trộn lại, hoặc tán, hoặc viên, cho người bệnh uống, không được dùng thiếu số thuốc, không theo lời thầy thuốc, dù thuốc trong kho đủ loại nhưng không thể đem hết cho một bệnh, huống chi hòa hợp các thuốc thang, dùng đủ tất cả các thứ thuốc lạnh, nóng. Phật cũng giống như thế, như kinh Hoa Nghiêm thật có đủ các nguyện, tất cả đều bình

đẳng, giống như thuốc trong kho của thầy thuốc, hoặc nói mười hai nguyện của Đức Phật kia, hoặc nói bốn mươi tám nguyện của Đức Phật này, như đối với người bệnh cho toa thuốc, cho nên hai kinh này không trái nhau.

Hỏi: Chúng sinh vãng sinh tu tịnh nghiệp, có tướng mạo biết mình được vãng sinh Tây phương, có Thánh giáo nào chứng biết tướng này không?

Thích: Có ba Thánh giáo, chứng minh được sinh, dùng giáo để xét nghiệm người, tức là chứng.

Như kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói rằng: "Đối với thế giới tạp nhiễm kham nhẫn có năm thứ trược ác này, nếu có người nam, người nữ có lòng tin thanh tịnh, nghe nói pháp tất cả thế gian khó tin như thế, mà tin hiểu, thọ trì, giảng nói, đúng như lời dạy tu hành, thì phải biết người này làm được việc ít có, đã từng gieo trồng gốc lành với vô lượng Đức Phật, khi qua đời chắc chắn họ sẽ vãng sinh về thế giới Cực lạc."

Như kinh Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác nói: "Nếu người nghe nói giáo môn Tịnh độ, khắp mình nổi ốc, ta nói người này chắc chắn sẽ được giải thoát."

Như kinh Hiền Hộ quyển một nói: Chúng sinh học được Tam-muội của chư Phật hiện tiền, nghe lời dạy của A-di-đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác mà buộc tâm, tư duy nối nhau, thứ lớp không rối loạn, nhìn kỹ Đức Phật A-di-đà kia, Bồ-tát này tư duy, thành tựu đầy đủ Tam-muội hiện tiền của chư Phật, nhờ Tam-muội này mà được thấy Phật, liền bạch hỏi Phật A-di-đà rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Các Bồ-tát thành tựu pháp nào, mà được sinh về cõi Phật này?

Bấy giờ, Đức Phật nói rằng:

- Nếu người phát tâm sâu xa sẽ sinh về cõi này, thường phải buộc tâm, chánh niệm nối nhau, liền được vãng sinh về cõi Phật A-di-đà.

Hành giả tự xem ba bộ kinh này, hễ có bất cứ kinh nào tương ưng với mình, thì biết được sinh Tịnh độ.

Hỏi: Như các vị trời cõi Sắc ở cõi uế này không có buồn khổ, chỉ có an vui, vậy có hơn kém thế nào với cõi Tịnh độ kia, mà nguyện sinh Tịnh độ, không thích sinh các tầng trời cõi Sắc?

Đáp: Các tầng trời cõi Sắc tuy không có buồn khổ, chỉ có an vui, nhưng chẳng phải Cực lạc, cuối cùng cũng có thọ khổ, nên người tu hành không muốn sinh về, tóm lại, dùng tám nghĩa để hiểu rõ chẳng phải Cực lạc:

1. Trên không có vui vắng lặng.
2. Dưới rơi vào vòng khổ.
3. Không có bậc Thánh để quy y.
4. Không nghe chánh pháp.
5. Có các vị định.
6. Hoặc tà kiến tăng thêm.
7. Ba tai phá hoại.
8. Tám nạn thành thân.

- Trên không có vui vắng lặng: Cái vui vắng lặng của đại Niết-bàn, chúng sinh phàm phu kia không thể khắc chứng.

- Dưới rơi vào vòng khổ: Sinh cõi Sắc, Vô sắc, thọ báo hết rồi, nghiệp cõi dục đã thuần thục, trở lại sinh xuống phương dưới.

- Không có bậc Thánh để quy y: Cõi Sắc tuy có năm tầng trời Tịnh cư nhưng đâu thể so với Tây phương, có nhiều bậc Bổ xứ?!

- Không nghe chánh pháp: Các tầng trời cõi Sắc kia đâu có chư Phật, Bồ-tát, nước, chim, cây, rừng, ngày đêm sáu thời thường nói pháp mầu.

- Có các vị định: Trong chúng sắc kia tuy có tịnh định, nhưng phần nhiều các là các vị định, vì nó xen tạp, tăng thêm phiền não, Tịnh độ thì không như thế.

- Hoặc tà kiến tăng thêm: Sinh cõi sắc, thông với các ngoại đạo, có sinh tà kiến, lại thọ vô tưởng báo, sẽ sinh tận tâm, sinh phỉ báng Niết-bàn, rơi vào địa ngục.

- Cảnh ba tai phá hoại: Tam thiền trở xuống, thì Sơ thiền lần lượt bị một là nước, hai là lửa, ba là gió làm hư hoại, Tịnh độ thì không có.

Tám nạn thành thân:

Cõi Sắc, Vô sắc, tuy không có buồn khổ, nhưng trong tám nạn, thuộc về nạn trời Trường thọ.

Đủ tám nghĩa này, tuy có an vui, nhưng cuối cùng vẫn chìm trong biển khổ, nên vui chẳng phải là Cực lạc, cùng với Tịnh độ kia hơn kém khác nhau, nên người vãng sinh không nguyện sinh về cõi sắc. Một khi đã sinh về Tịnh độ thì cuối cùng không lui sụt.

Hỏi: Nguyện sinh Tịnh độ, các người tu hành, hoặc trì trai giới một ngày một đêm, hoặc lại hiếu dưỡng cha mẹ, nếu không dùng nghiệp này nguyện vãng sinh thì sẽ chiêu cảm quả báo trời, người. Tuổi thọ ở cõi Diêm-phù không quá trăm năm, cõi trời tức trời lục dục, tuổi thọ cao nhất là một vạn sáu ngàn tuổi. Nếu nay hồi hướng giới hạnh này nguyện sinh Tịnh độ, do thiện nhân này có thọ mạng là vô lượng vô

biên A-tăng-kỳ kiếp. Nhân giới không khác nhau, hơn kém không khác nhau, thọ báo vì sao dài ngắn khác biệt?

Đáp: Nghĩa này rất sâu khó thể giải thích. Kinh nói nghiệp lực không thể nghĩ bàn, chỉ biết tín ngưỡng thì khó thể được độ. Nay đáp thẳng rằng: Tuy vẫn một ngày một đêm trai giới, không có khác nhau, nhưng do tâm thọ giới có chỗ hơn kém, do tâm có trên dưới, nên giới thành ra sai biệt.

Nếu dùng tâm nguyện cầu sinh Tịnh độ, tâm cầu thắng quả, thì giới thành diệu nhân, cảm được tuổi thọ lâu dài của Tây phương kia; nếu nguyện sinh trời, người thì tâm chẳng phải thù thắng, thuận dòng sinh tử, thêm lớn nghiệp hữu lậu, nên chiêu cảm quả báo mạng sống không dài lâu. Nên giới tuy đồng, nhưng do duyên phát giới khác nhau nên thành nghiệp cảm có hơn kém, cảm thọ quả báo có dài ngắn khác nhau. Lại giới nhân tuy bình đẳng, nhưng niệm nguyện có khác, duyên thắng trợ giúp nhân bèn sinh Tịnh độ. Và như phần đoạn, báo nghiệp biến dịch tuy đồng, nhưng ái nguyện thấm nhuần khác nhau, nên quả thành hơn kém. Ở đây cũng giống như thế, sao lại lao nhọc mà sinh ra hoặc?

Hỏi: Nếu mong tâm nguyện sinh Tịnh độ, thì tâm thành thượng phẩm, giới thành thắng nhân, có thể chiêu cảm tuổi thọ lâu dài. Nếu tâm mong cầu sinh lên cõi trời mà thọ giới, cho đến suốt ngày, nguyện sinh Tây phương, thì công đức thọ giới vô tác trước kia chiêu cảm quả báo Tịnh độ, làm sao có thể chiêu cảm mạng căn trong A-tăng-kỳ được?

Đáp: Các nghiệp bất định, hoặc chuyển nặng thành nhẹ, hoặc dài thâu thành ngắn, đủ như kinh nói, không thể nói đủ. Hành giả tuy thọ giới vốn nguyện sinh lên cõi trời, sau gặp thắng duyên, quay về cầu sinh Tịnh độ, hành tuy yếu kém, về sau nguyện mạnh, giúp cho giới phẩm trước chuyển tăng thêm thù thắng, hợp với nguyện Phật, thọ mạng lâu dài A-tăng-kỳ kiếp. Nếu xả phước hạnh, thực hành mạng hạnh, dù có tiền của dồi dào nhưng nhiều bệnh mạng ngắn, xả vật nhập định, bỏ nghiệp y bát, kéo mạng căn kia tăng thêm lâu dài. Phật lực, pháp lực, nguyện lực, nghiệp lực, không thể suy nghĩ bàn luận, phàm phu chẳng thể đo lường được.

Hỏi: Niệm Phật A-di-đà sinh về cõi nước Phật A-di-đà, đang tương ưng với nguyện Phật, vãng sinh có thể được, vì sao nhờ nghe danh hiệu Phật Dược Sư mới sinh Tây phương?

Đáp: Theo kinh Dược Sư nói: “Nếu hàng bốn chúng đệ tử thường tu lục trai, hoặc ngày đêm tinh cần, nhất tâm khổ hạnh, nguyện sinh về

cõi nước Phật A-di-đà ở Tây phương, nhớ nghĩ ngày đêm từ một ngày đến bảy ngày, hoặc lại hối hận trung gian, nghe ta nói công đức bản nguyện của Phật Dược Sư Lưu Ly Quang, hết đời mình, muốn ngày qua đời, có tám vị Bồ-tát đón rước tinh thần người đó được sinh Tịnh độ." Vì người này ban đầu nguyện sinh về Tây phương, sau hối hận tu hạnh trước, vì có cái chướng hối hận, nên không được vãng sinh, nghe danh hiệu Phật Dược Sư chướng ngại do hối hận tiêu diệt, sai tám bị Bồ-tát đến đón người đó sinh về thế giới Cực lạc. Điều này nêu rõ Phật Lưu Ly Quang đã giúp diệt các chướng thành tựu Tây nghiệp, thương xót chúng sinh mà khiến cho được sinh và cũng do lực công đức có được do trước đây trì giới tinh cần, tu nghiệp Tây phương, không trái với nghĩa sinh về Tây phương. Nếu không được nghe danh hiệu Phật Dược Sư, có tâm hối hận thì không vãng sinh Tịnh độ. Nếu không hối hận thì người đó suốt ngày tự phải niệm danh hiệu Phật Di-đà, đâu cần bỏ hiệu Phật Tây phương mà không xưng danh, mượn danh hiệu Phật Đông phương cầu sinh An dưỡng?

Hỏi: Theo kinh Pháp Hoa, kinh Duy-ma-cật, thì phương này đã có Tịnh độ, sao phải cầu Tây phương xa xôi làm gì?

Thích: Tuy có Thánh giáo nói ở cõi này đã có Tịnh độ, đồng xứ đồng thời không chướng ngại nhau, nhưng Duy-ma chân ấn xuống đất, tuy hiện Tịnh độ, trong kinh Pháp Hoa tuy nói thường ở núi Linh thứu và các trụ xứ khác, mà hai kinh này đến phẩm cuối cùng hoàn toàn không thấy chỗ nào khuyên vãng sinh về cõi nước đó, đâu được cho rằng có lời nói về cõi Tịnh, liền nói rằng tôi sinh về nước đó ư? Xét kỹ nghĩa đó, e lý không đúng.

Hỏi: Tịnh độ sở hiện là khuyên vãng sinh; không khuyên sinh, thì đâu cần phải hiện?

Đáp: Ở đây hiện Tịnh độ, tự vì lợi ích riêng, lợi ích riêng là gì? Như Tịnh độ mà Duy-ma-cật đã hiện, là trừ nghi cho Xá-lợi-phất "Tâm tịnh tức cõi Phật tịnh", khiến người đó thấy cõi Tịnh làm sáng tỏ Thánh giáo. Lại vì Bảo Tích... nhân thấy Tịnh độ, được Vô sinh nhẫn; còn kinh Pháp Hoa hiển nhất thừa là diệu, Nhị thừa là Thô. Trước uế sau tịnh, tự vì thị hiện sự lợi ích này, chẳng quan hệ đến khuyên chúng sinh vãng sinh, hiện ở Tịnh độ. Do công đức trong ngoài của Tịnh độ Cực lạc thù thắng hơn các phương khác, nên chúng sinh sinh về hạ phẩm cũng không lui sụt, huống gì các phẩm thù thắng khác. Chư Phật Tịnh độ khác không nói việc này, nên khuyên vãng sinh, không phải nói phương này hoàn toàn không có Tịnh độ.

THÍCH TỊNH ĐỘ QUẦN NGHI LUẬN

QUYỂN 3

Hỏi: Nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện của kinh Vô Lượng Thọ ghi: "Nếu khi tôi thành Phật, chúng sinh ở mười phương dốc lòng vui mừng tin sâu, muốn sinh về cõi nước tôi, niệm danh hiệu tôi dù chỉ mười niệm, nếu không được sinh thì tôi chẳng thành Chánh Giác, chỉ trừ những kẻ gây ra năm tội nghịch, phỉ báng chánh pháp." Kinh Quán nói: "Hạ phẩm hạ sinh hoặc có chúng sinh, gây ra năm tội nghịch, mười điều ác, không điều ác nào không làm, trải qua địa ngục, chịu khổ vô cùng. Khi sắp qua đời gặp Thiện tri thức, dạy xưng danh hiệu Phật, như thế dốc lòng niệm không dứt, đủ mười niệm, được sinh Tây phương." Vì sao ý của hai kinh đều nói người gây ra năm tội nghịch và có mười niệm, được sinh Tịnh độ, nhưng hai văn lại có lấy, có bỏ khác nhau, có ý nghĩa gì?

Thích: Từ trước đến nay đã có mười lăm nhà giải thích hai bộ kinh này, như sau:

1. Kinh Quán: Lấy: người sám hối.

- Kinh Vô Lượng Thọ: Bỏ: người không sám hối.

2. Kinh Quán: Lấy: người tâm xem nhẹ nhàng ra năm tội nghịch.

- Kinh Vô Lượng Thọ: Bỏ: người tâm nặng nề gây ra năm tội nghịch.

3. Kinh Quán: Lấy: người gây ra năm tội nghịch.

- Kinh Vô Lượng Thọ: Bỏ: người gây ra năm tội nghịch và chê bai giáo pháp.

4. Kinh Quán: Lấy: loại gây ra năm tội nghịch.

- Kinh Vô Lượng Thọ: Bỏ: người gây ra năm tội nghịch.

5. Kinh Quán: Lấy: người phát tâm Bồ-đề.

- Kinh Vô Lượng Thọ: Bỏ: người không phát tâm Bồ-đề.

6. Kinh Quán: Lấy: người chí thành niệm Phật A-di-đà.

- Kinh Vô Lượng Thọ: Bỏ: người không chí thành niệm Phật.

7. Kinh Quán: Lấy: Bồ-tát Thập tín.

- Kinh Vô Lượng Thọ: Bỏ: không phải Bồ-tát Thập tín.

8. Kinh Quán: Lấy: chẳng phải người Xiển-đề

- Kinh Vô Lượng Thọ: Bỏ: người Xiển-đề.

9. Kinh Quán: Lấy: đối với người đã gây ra năm tội nghịch.

- Kinh Vô Lượng Thọ: Bỏ: đối với người chưa gây ra năm tội nghịch.

10. Kinh Quán: Lấy: môn khai.

- Kinh Vô Lượng Thọ: Bỏ: Môn giá.

11. Kinh Quán: Lấy: nói nghiệp ngũ nghịch là nghiệp định không thể chuyển đổi.

- Kinh Vô Lượng Thọ: Bỏ: nói nghiệp ngũ nghịch là nghiệp bất định, có thể chuyển đổi.

12. Kinh Quán: Lấy: người ở giai vị Noãn, Đảnh.

- Kinh Vô Lượng Thọ: Bỏ: người không ở giai vị Noản, Đảnh.

13. Kinh Quán: Lấy: người có hạt giống giải thoát phần thiện căn.

- Kinh Vô Lượng Thọ: Bỏ: người không có hạt giống giải thoát phần thiện căn.

14. Kinh Quán: Lấy: người ở giai đoạn hai.

- Kinh Vô Lượng Thọ: Bỏ: người ở giai đoạn ba.

15. Kinh Quán: Thủ chỉ là người đầy đủ mười niệm.

- Kinh Vô Lượng Thọ: Bỏ: chung cho người đủ mười niệm và người không đủ mười niệm.

Hỏi: Từ xưa đến nay các Đại đức đã giải thích mười lăm cách nói trên, là đúng hết hay cũng có sai?

Thích: Mỗi nhà giải thích một cách, khó phân được hơn kém.

Cách giải thích thứ nhất:

Lấy: người sám; bỏ: người chẳng sám.

Nêu ra để giải thích, không biết niệm Phật có diệt được tội không? Nếu không diệt được tội thì vì sao kinh nói: "Trong mỗi niệm diệt được tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử?" Nếu niệm Phật diệt tội, thì tại sao người không sám hối thì bị trừ bỏ? (loại trừ)

Lại kinh Quán, chọn lấy người phạm năm tội nghịch, chỗ nào nói có sám hối? Từ đây trở xuống các thuyết mỗi thuyết đều đưa ra cật vấn (hỏi vặn). Nhưng không hoàn toàn hiểu được ý kinh. Ý kinh là sao? kinh Quán nói "chọn lấy người tội" nghịch, kinh nói "Đầy đủ mười niệm", vì đủ mười niệm thì được vãng sinh.

Kinh Vô Lượng Thọ nói loại trừ người tội nghịch. Kinh nói: "Dù

chỉ mười niệm” cho đến mười niệm không được vãng sinh. Kinh đã có nói: “Cho đến đầy đủ mười niệm” cho đến đủ mười niệm, đâu được do các nghĩa. Hơn nữa, cũng như Hạ phẩm Thượng sinh, Hạ phẩm Trung sinh, xưng Phật niệm Phật, không nói đầy đủ mười niệm, một niệm trở lên, tất cả đều được vãng sinh, vì tội ít, không cần đủ mười niệm. Hạ phẩm Hạ sinh vì có tội nghịch, kinh liền nói: “Đầy đủ mười niệm, được sinh Tịnh độ.” Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Tổng hợp ba phẩm này để nói “Dù chỉ mười niệm, được sinh Tịnh độ”. Ý kinh nói rằng: “Nếu người không gây tội nghịch, bất luận niệm nhiều hay ít, một niệm, mười niệm đều sinh Tịnh độ, nếu người đó gây tội nghịch, thì phải đủ mười, thiếu một cũng không được vãng sinh, nên nói là “loại trừ”. Đây là người không gây ra tội nghịch, không giới hạn mười niệm, hoặc ít hoặc nhiều, đều vãng sinh Tịnh độ, còn những người gây tội nghịch, thì không được như vậy, niệm đủ mười niệm thì được vãng sinh, thiếu thì không được vãng sinh, như vậy nên do đây mà nói loại trừ, không liên quan các nghĩa. Xưa các Đại đức tuy đã giải thích, nay cũng lấy chỗ này nhưng nói khác đi.

Hỏi: Các Đại đức khác thì có thể nói các vị ấy hiểu lầm văn kinh, nhưng Thiền sư Tín Hạnh nói thì đó là y của Bồ-tát tứ ý, đâu thể cũng hiểu lầm Thánh giáo?

Thích: Thiền sư Tín Hạnh giải thích việc loại trừ, chọn lấy của hai kinh này, do hai, ba cấp độ khác nhau để chọn lấy, nên làm mất đi tôn chỉ của kinh. Nếu theo giải thích này có hai lỗi: lấy thái quá, bỏ thấy quá.

Lỗi lấy thái quá: Người ở giai đoạn hai cũng gây ra năm tội nghịch, tên gọi là đồng chọn lấy, nhưng lẽ ra là đồng loại trừ.

Lỗi bỏ thái quá: Người ở giai đoạn ba không gây ra năm tội nghịch, không có văn nói loại trừ, lẽ ra đều chọn lấy. Kinh nói: “Chỉ trừ năm tội nghịch, phỉ báng chánh pháp” đây bèn loại trừ người mà có hai lỗi lấy, bỏ thái quá. Đáng lẽ kinh đó phải nói: “Chỉ trừ hạng chúng sinh ở giai đoạn ba”, thì lìa hai lỗi. Đây là hoằng nguyện của Tỳ-kheo Pháp Tạng. Trừ người có lỗi “Quá, giảm”, vì Thánh trí không đủ mà nói không chu tất ư? Như Pháp Tạng nói không có lỗi thì Thiền sư có lỗi hiểu lầm, tiên thoái hai đường. Đâu tránh khỏi chê trách? Vì vậy phải là lỗi của phàm phu, chẳng phải sai lầm của bậc Thánh.

Đối với người ở giai đoạn ba, có sư đã chống chế rằng: Chỉ trừ năm tội nghịch... tức là trừ tất cả người ở giai đoạn ba. Vì người ở giai đoạn ba hoàn toàn tà không chánh, hoàn toàn ác không thiện, từ vô thỉ

đến nay có phạm tội lỗi, đều không được sự cứu độ của tất cả chư Phật mười phương Tịnh độ đều buông bỏ, nên ngài Pháp Tạng nói trừ năm tội nghịch tức là trừ chung hết tất cả chúng sinh ở giai đoạn ba.

Hỏi: Chỗ này dường như giải thích lỗi bỏ thái quá mà hoàn toàn chưa giải thích nạn thái quá. Nếu cho rằng kinh Quán nói người Hạ phẩm Hạ sinh tức là giải thích câu hỏi lấy thái quá, thì chống chế này không đúng. Vì sao? Vì Phật A-di-đà đã trình bày lời thệ nguyện rộng lớn trước khi phát tâm sơ trụ, còn Phật Thích-ca nói Kinh Thập lục quán sau khi thành đạo Diệu Giác, khoảng giữa thời gian đó cách nhau vô lượng A-tăng-kỳ, làm sao chiêu cảm nạn trong trong số kiếp không thể tính đếm được, mà bị uổng qua ở ngày Hạ phẩm Hạ sinh. Như nước xa không cứu được lửa gần? Tức là trước khi Vi-đề-hy chưa thỉnh, kinh Quán chưa trình bày, trong nguyện nếu gặp nạn này thì Bồ-tát lấy gì để phân giải? Chống chế này chẳng phải là lỗi trừ thái quá.

Còn tất cả người ở giai đoạn ba đều gọi là người gây ra tội nghịch, nếu quá khứ thân đã chịu khổ nê-lê, nghiệp cho quả đã hết, thì chẳng phải là người gây ra tội nghịch. Nếu đến đời nay chưa tỉnh ngộ, vẫn tạo tội vô gián, thì đâu thể chấp nhận người ở giai đoạn ba, có người gây năm tội nghịch này? Nếu nói đều là người gây ra năm tội nghịch, thì tức đều là tà định tụ, đều nghiệp của sinh báo, cuối cùng chắc chắn sẽ rơi vào địa ngục A-tỳ, cũng không sinh vào đường ác khác, không được vào Phật pháp xuất gia, vì luật nghi đầy đủ, không có người bất định tụ và có nghiệp bất định, tức là kinh Niết-bàn nói: Tất cả chúng sinh bất định nghiệp thì nhiều, quyết định nghiệp thì ít, lời này là sai. Chống chế này cũng chưa thành lỗi trừ bỏ thái quá.

Thiền sư chống chế rằng: Nay nói tất cả là người gây ra tội nghịch, chưa hẳn hiện làm hại cha mẹ, làm thân Phật chảy ra máu, giết A-la-hán, phá hòa hợp Tăng, hiện gây các tội nghịch, mới gọi là nghịch. Nhưng người này căn cơ cực ác, tà chánh đều tà, thiện ác đều ác, bảy ghét, bảy thương, chưa lìa sáu tình năm thứ vui thì đâu bỏ ba nghiệp? Đã đủ mười hai thứ điên đảo, năm thứ không cứu thì tuy chẳng phải gây tạo tội nghịch, nhưng căn cơ tội nghịch như thế, là vì dùng tên tội nghịch kia, đều trừ chung những người ở giai đoạn ba.

Bắt bẻ rằng: Ở đây tuy dường như chống chế cho lỗi trừ bỏ thái quá, cũng hoàn toàn không chống chế lỗi lấy thái quá, nhưng câu giải thích này lại vời lấy bảy nạn.

Vì có khả năng gây ra tội nghịch, nên gọi là căn cơ tạo nghịch, tức là người ở giai đoạn hai cũng có thể gây ra tội nghịch, đã gây ra tội

nghịch thì đồng nhau, do đó hai giai đoạn này đâu có khác nhau? Đây là bắt bẻ thứ nhất.

Lại Thiền sư đã gọi người ở giai đoạn ba tức là người gây năm tội nghịch, có mười ba giá nạn, làm sao thành Đại Tỳ-kheo? Chỉ là người vô giới, không được nói là người phá giới. Nếu nói có căn cơ mà hiện chưa gây tội nghịch, thì được thành người thọ giới cụ túc, người đó chỉ trừ năm tội nghịch, cũng là người chưa gây ra năm tội nghịch, như vậy tại sao nói trừ người ở giai đoạn ba, tức là người gây ra năm tội nghịch? Đây là bắt bẻ thứ hai.

Còn người ở giai đoạn ba chưa gây ra năm tội nghịch, thì gọi là người gây năm tội nghịch, như vậy là tà định tụ hay bất định tụ? Nếu là tà định tụ thì người chưa gây tội nghịch, làm sao là tà định tụ? Nếu là bất định tụ, thì vì sao nói trừ năm tội nghịch, tức là tất cả chúng sinh ở giai đoạn ba? Đây là bắt bẻ thứ ba.

Còn người chưa gây tội nghịch là căn cơ tạo nghịch, thì gọi là người ngũ nghịch, cũng được làm người đủ tịnh giới, có thể đắc quả Thánh, tuy chưa chứng đạo, nhưng cũng được gọi là bậc Thánh. Nếu nói ta là bậc Thánh, liền thành chánh định tụ, phải xả tánh dị sinh, còn người phạm tội Ba-la-di, vì sao gọi là người trì giới? Đây là bắt bẻ thứ tư.

Còn kinh Quán nói: Chọn lấy ngũ nghịch, tức là người đã gây năm tội nghịch, trong lời nguyện trừ người gây năm tội nghịch, đâu có nói theo căn cơ? So hai kinh này với nhau, thì lẽ ra chẳng phải căn cơ kia. Đây là bắt bẻ thứ năm.

Còn người ở giai đoạn ba tuy chưa gây ra năm tội nghịch, vì là căn cơ, nên gọi là người ngũ nghịch cũng được. Người ở giai đoạn hai dù cho gây năm tội nghịch, vì chẳng phải căn cơ ngũ nghịch, nên chẳng phải là người gây năm tội nghịch sao? Đây là bắt bẻ thứ sáu.

Nếu nói người ở giai đoạn hai, cũng đứng về căn cơ là người gây ra tội nghịch, thì phải là ba người ở , hạ phẩm đồng thành lỗi nhất phẩm, vì đều không tạo tội, đều là căn cơ ngũ nghịch. Còn phải khác nhau về hoa nở không sớm muộn. Diệt tội có khác nhau nhiều ít, đây là bắt bẻ thứ bảy.

Lại có giải thích trừ năm tội nghịch kia, kinh nói: "Người ở giai đoạn ba không gây năm tội nghịch, chẳng phải không được vãng sinh Tịnh độ thì phải tu đủ hết các pháp, chắc chắn được vãng sinh. Nếu tạo ngũ nghịch dù hành khắp các pháp mà không trụ, nên pháp tạng hoằng nguyện, chỉ trừ người tạo ngũ nghịch ở giai đoạn ba. Nếu chúng

sinh tạo ngũ nghịch ở giai đoạn ba đó dù tu hành khắp các pháp cũng không được sinh Tịnh độ. Nếu không tạo ngũ nghịch, tu hành khắp các pháp thì nhất định được vãng sinh. Thế nên Thiền sư trí tuệ rộng lớn, từ bi sâu dày, vì người ở giai đoạn ba thọ sinh cõi uế đắm chìm, nên khai mở pháp môn chân chánh thông dụng, tiếp dẫn hạng hoàn toàn tà ác, giúp đương căn học Phật pháp, đều được sinh Tây phương. Đây chính là chỗ không thể luận bàn của Pháp Tạng, là điều không thể nói của Đức Thích-ca. Thiền sư chỉ khai giáo này, cứu độ người ở giai đoạn ba, nên nói kinh chư Phật không nói, độ người chư Phật không độ, chúng tôi thích nghe nên tập hợp ghi chép lại, để trên đảnh thọ trì, lại không đọc tụng các kinh, đem tìm sửa qua ngày tháng.

Thương thay! Các ông cố chấp cái sai ở trước, trở lại đọc tụng các kinh, tạo tội địa ngục, nên biết Thiện Tinh thọ trì pháp tạng nhiều kiếp đắm chìm, không khinh chỉ tu hành pháp thông thường, thanh thoát bước lên bờ kia. Đây là do học không học, đương căn Phật pháp, tổn hại, lợi ích lơ lững này, ông không thể soi xét đây là đúng hay sai, chỉ biết chuyên thực hành pháp khác, đi từ lầm này đến lầm khác, vãng sinh thì không do đâu mà sinh. Nay làm lời giải thích này, có thể sẽ dứt được cái mê hoặc kia.

Trách rằng: "Tuy đó chỉ là trình bày lại lời giải thích này, nhưng có mối nghi sâu, lại đưa thêm những lời bắt bẻ, mong bậc cao minh phê phán."

Bắt bẻ rằng: Ở đây tuy giải thích tương tự lỗi bỏ thái quá, cũng hoàn toàn chưa giải được nạn lấy thái quá, chưa biết câu: "Dù chỉ mười niệm, đó là pháp phổ thông hay pháp đặc biệt? Nếu là pháp phổ thông thì mười niệm này chỉ là mười niệm Phật A-di-đà, đây là niệm Đức Phật khác, thì phổ đó là sao?" (Bắt bẻ 1)

Còn nếu phổ là pháp của giai đoạn ba, thì sao lại xếp kinh này vào giáo của người ở giai đoạn hai. (Bắt bẻ 2).

Còn nếu phổ và kinh Quán nói Hạ phẩm Hạ sinh đầy đủ mười niệm xưng Phật A-di-đà có gì khác nhau? Nhưng kinh Quán nói mười niệm là biệt pháp, còn trong nguyện mười niệm là pháp phổ thông, cùng là một lời, nhưng nghĩa khác nhau (bắt bẻ 3).

Còn pháp phổ thông có thể cứu người ở giai đoạn ba, là chỉ cho cứu người không gây ra năm tội nghịch, vì sao biệt pháp có thể cứu người ở giai đoạn hai, cũng cứu được người gây ra năm tội nghịch ư?

Vì người ở giai đoạn ba gây ra năm tội nghịch thì hoàn toàn không tiêu diệt, mà cũng không được vãng sinh? Hay là tội của người này cũng

được diệt trừ, chỉ biết người gây tội nghịch đó không được sinh về Tịnh độ? Xin mở bày cho. (Bắt bẻ 4).

Nếu mười niệm này là biệt pháp, người ở giai đoạn ba phạm năm thứ tội nghịch và người không phạm năm tội nghịch, tu hành biệt pháp, tất cả không được vãng sinh, ở đây dùng biệt pháp trừ người, trừ người vẫn vời lấy lỗi thái giảm. Vì sao trừ người có lỗi thái giảm, cũng chẳng thủ người có lỗi đến bao nhiêu, tiến lùi hai đường, khó tránh khỏi lời trách nặng nề này. (Bắt bẻ 1)

Nguyện: "Nếu khi tôi thành Phật, chúng sinh trong mười phương dốc lòng tin ưa, muốn sinh về cõi nước tôi, tu hành pháp phổ thông, nếu không sinh, thì tôi nguyện không thành Chánh giác. Chỉ trừ người ở giai đoạn ba gây năm tội nghịch và hủy báng chánh pháp." Đây tức là trình bày phổ giáo, văn nghĩa rõ ràng, tức hai thứ trừ và thủ, người ở giai đoạn ba và chọn người ở giai đoạn hai gây ra năm tội nghịch, rõ ràng không có mê hoặc, nhưng Bồ-tát trình bày môn nguyện này là chìa khóa rất sâu xa của thủ xả, muốn dạy cho người học ở đời vị lai, đối với định này bỏ và lưu. Như cũng môn này nói phổ pháp, thì nghĩa thủ xã liền đầy đủ. Như cũng ở trong môn này nói biệt pháp, tức là người đã bỏ và lưu bất tận. Nếu ở hai cửa tiến lùi này, không thấy trình bày ở pháp phổ thông thì dẫu cho chỗ khác có nói, cũng làm sao cứu được lỗi của văn này. Nếu nói có ý thú khác thì ở đây không được nói phổ, xin trình bày diệu thuật, vì muốn hiểu rõ chỗ quan trọng của đạo. (Bắt bẻ 2).

Còn Tỳ-kheo Pháp Tạng như kinh đã khen ngợi là bậc Thánh Đại Bồ-tát Thập địa, chẳng phải là đại sĩ Tam hiền Địa tiền, vị Bồ-tát này bi trí đầy đủ, rộng nhiếp chúng sinh, vì sao phát đại nguyện tiếp dẫn chúng sinh có duyên cực ác, giúp họ sinh Tịnh độ, mới chỉ dùng biệt pháp phát nguyện cứu độ người ở giai đoạn hai này, không lập thệ phổ pháp, liền trừ người ở giai đoạn ba? (Bắt bẻ 3).

Vì người ở giai đoạn ba hoàn toàn không có phần vãng sinh, Pháp Tạng vì đồng với bại chủng mà nguyện không nhiếp họ ư? (Bắt bẻ 4).

Đó là cũng là việc khó được vãng sinh, mà Pháp Tạng không thể mở ra phổ giáo, để cứu người ở giai đoạn ba, nên trừ mà không thủ họ sao? (Bắt bẻ 5).

Lại vì hiểu mà không nói, tiếc pháp không dạy chúng sinh, lòng từ bi không đến với người này, không nhiếp họ sinh Tịnh độ? (Bắt bẻ 6).

Tuy có Từ bi và trí tuệ, nhưng vì gặp hạng khó giáo hóa này, nay ta không thể độ họ, mới giao cho thiền sư Tín hạnh? (Bắt bẻ 7).

Vì người ở giai đoạn ba này, không có duyên với Bồ-tát, chỉ có

duyên với Thiền sư Hoằng Hối, có khả năng cứu độ cùng khắp, vả lại giáo của Thiền sư Nội Phùng đời Đường, có thể được sinh Tây phương, Đông Thắng, Thần Châu và Tây Ngưu Hóa Châu, các nước ở năm xứ Thiên trúc, cõi nước tam thiên, trăm ức bốn thiên hạ, chúng sinh ở giai đoạn ba, không có giáo của Thiền sư Vô Phùng, lấy gì để sinh Tịnh độ? (Bắt bẻ 8).

Thế thì chỗ hiểu và chỗ thực hành của Pháp Tạng chưa đầy đủ, cho phép nhiếp sinh bất tận, Đức Thích-ca đã thành Chánh giác, vì sao không độ người này? Bốn thệ nguyện rộng không đủ, nghĩa bốn ân không tận, bỏ lại người con bệnh nặng, sao gọi là thương xót hết được ư? Không nói người đáng độ đều độ xong, người chưa độ đều cũng đã tạo nhân duyên được độ, lời nói này đã thuật sai, mà ông chỉ muốn khen ngợi Thiền sư ở trên bậc Thượng Thánh và Thế Tôn ở dưới hạ phàm, không biết rằng nói như thế rất là tội lỗi.

Đức Phật nói các giáo pháp trong kinh Quán cho những chúng sinh ở giai đoạn hai, những người này trong tam thiên thế giới y theo các môn giáo này mà tu hành, thì cả đều được sinh Tịnh độ, Phật không nói một quyển Phổ kinh nào riêng cho chúng sinh ở giai đoạn hai cả, chư Phật đồng duỗi lưỡi chứng minh cho Đại sĩ Pháp Tạng, lại không phát phổ nguyện nào khác, vì người ở giai đoạn ba này, trong trăm ức tứ thiên hạ đã có mặt họ, không gặp “Tam Giai Tập Lục” đều không được sinh Tịnh độ, dù đọc tụng các kinh, không phải Bồ-tát Tứ Y thì khó hiểu, nhặt nhạnh khắp các giáo, đều lang thang khắp Ta-bà. Nên biết Phật có thể vì chúng sinh ở giai đoạn ba mà nói riêng một quyển phổ kinh, khiến cho các chúng sinh của Thiền sư Tín Hạnh không có chỗ sinh về Tây phương, Đức Thế Tôn không nói kinh này, rất là lỗi lớn. Còn kinh Vô Lượng Thọ là đối với Biệt giáo, Phật vì lòng Từ bi, thương kinh đạo diệt hết, nên đặc biệt lưu lại ở đời một trăm năm, vì sao phổ giáo sẽ mạt vận, không lưu phổ pháp để giáo hóa chúng sinh, biệt giáo dạy chẳng phải thời ác, lưu biệt kinh tổn hại chúng sinh. Đấng Giáo Chủ Đại Bi cứu khổ, há nên hợp cơ như thế sao? (Bắt bẻ 9.)

Vì sao Đức Thích-ca Như Lai không giải cứu người ở giai đoạn ba, cũng là hằng sa chư Phật mười phương thè lưỡi, chứng biệt pháp đó, chỉ cứu người ở giai đoạn hai, không thè lưỡi để chứng phổ pháp cứu vớt người ở giai đoạn ba? Đâu cho Đại Thánh Thế Tôn mười phương chủng giác, đủ Nhất-thiết-trí, Nhất-thiết-chủng-trí, ban ân bình đẳng, thương xót chúng sinh đồng như con, đều cùng giấu phổ pháp này, không cứu người đó sao? Huống chi dạy tìm khắp Tam thiên giáo hóa trăm ức

dòng, bốn mươi tám nguyện khắp mười phương, bắt đầu ở Luân vương phát tâm, trước đây hằng sa A-tăng-kỳ kiếp, cuối cùng ở Quán Âm Bổ xứ, là hằng hà sa A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, phát hoằng thệ đại nguyện này, chư Phật mười phương đã chứng, đọc khắp ba cõi, ngang cả bốn sinh, mà không bằng chúng sinh ở giai đoạn ba, liền trừ mà không thủ.

Chư Phật, Bồ-tát dùng Thánh trí quán sát, biết họ không được vãng sinh, không có pháp để tế độ, nên bỏ chánh pháp, dạy dùng tay kéo họ ra khỏi bùn nhơ, nhưng Thiền sư Tín Hạnh lại có thể buông phương tiện khéo léo, trình bày phổ chân Phật pháp, cứu được người ở giai đoạn ba, tức từ bi hơn Đức Thích-ca, trí tuệ hơn Vô Lượng Thọ, tức ở Vô Thượng Điều Ngự đổi thành Hữu Thượng Thế Tôn, Vô Đẳng Đẳng liền thành Quá Đẳng Chánh Giác, tức Thiền sư Tín Hạnh chính là Ứng Thắng Phật.

Lại bắt bẻ rằng: Nếu nói do tội nghịch có hai, ba giai đoạn khác nhau, đã chia ra bỏ và lấy chẳng do niệm có ít nhiều để làm sáng tỏ bỏ, lấy. Vì sao từ chỗ trừ năm tội nghịch lại nói: "Dù chỉ mười niệm", lấy chỗ năm tội nghịch lại nói: "Đầy đủ mười niệm". Vì sao không ở chỗ bỏ năm tội nghịch mà gọi là "Người ở giai đoạn ba". Vì sao ở chỗ lấy năm tội nghịch mà nói là ở giai đoạn hai? Đại sư vì sao không cần từ ngữ, gượng đặt "Dù chỉ mười niệm", phải nói câu "Hoàn toàn không có chữ giai đoạn hai, ba."

Thiền sư chống chế rằng chín phẩm của kinh Quán biệt thuyết rất rộng, nghĩa là biệt thuyết thiện ác của người sinh về chín phẩm, nên đối với người ác bậc thấp nhất không nói pháp một niệm, biệt thuyết pháp cho người ác vãng sinh nên đặc biệt nói đầy đủ mười niệm.

Hai đoạn trong kinh Vô Lượng Thọ, nói chung rất sơ lược, nghĩa là người sinh hai phẩm Hạ, thiện ác nói chung, bao gồm pháp nhiều ít, và người thiện ác. Cho nên trong và ở trước có pháp một niệm cho người thiện ở trong và ở sau, cũng có pháp mười niệm cho người ác.

Thiện ác, nhiều ít, đều nêu chung, nên nói là chung. Nêu lời cho đến không nêu từ ngữ đầu, nên nói là rất lược. Tức câu dù chỉ mười niệm ở trước là từ ngữ từ một đến mười. Từ chung nói mười, tức là bắt đầu từ một, bỏ qua chín niệm, nên trong văn này phải nói đủ "Pháp một niệm của người thiện". Câu dù chỉ một niệm ở sau là từ ngữ: "Từ mười đến một." Từ cuối cùng nói một tức là bắt đầu từ mười, bỏ qua chín niệm, nên trong văn này phải đủ "Pháp mười niệm của người ác". Nên kẻ hèn này cho là trong "Dù chỉ" ở trong phải có mười niệm, pháp mười niệm nêu ra cho người ác, trong vị trí người ác thì tà chánh lẫn lộn. Thế

nên lược nói "Trừ nghịch báng", đâu có liên quan đến một niệm ít, trừ nghịch báng?

Bắt bẻ rằng: Lại có người phạm năm tội nghịch hay không phạm năm tội nghịch là hai hạng người thiện và ác, người ở giai đoạn hai, giai đoạn ba thì chia ra hai phẩm tà và chánh, không phải trong hai phẩm tà và chánh đều có hai hạng người thiện và ác sao? Trong vị của người ác thì tà chánh lẫn lộn. Sao không nói "Trừ người chẳng phải nghịch báng" thì mới cho hạng người không tà ác đồng với người tà ác, bằng với mười niệm bậc hạ, đều nói là trừ bỏ.

Lại nói một niệm và mười niệm rất sơ lược, trong pháp người thiện thủ người chánh thiện, không trừ người tà thiện, nguyên do nào trong pháp người ác lại chọn lấy người chánh ác mà trừ bỏ người tà ác? Lại trong pháp người ác chọn lấy chánh ác, trừ tà ác và tà thiện kia, cũng có thể trong pháp người thiện chọn lấy chánh thiện, trừ tà thiện và tà ác kia. Còn trong pháp người thiện chỉ nói về lấy hợp với trừ, tà thiện không nói trừ, vì sao trong pháp người ác cũng nói lấy thì trừ, tà ác tức nói lấy hợp với trừ, tà ác thì nói trừ? Còn tà ác phải ở chỗ ác trừ, kinh thì không ở chỗ thiện trừ, tà thiện phải ở chỗ thiện trừ, vì sao lại ở chỗ ác trừ? Còn ở trong pháp thiện, người tà thiện mới được gọi là loại tà ác, vì sao trong pháp người không ác, loại tà ác cũng gọi là người tà thiện? Còn trong pháp của người ác lại có tà chánh, kinh thủ chánh, trừ người tà, sao không cho trong pháp người chánh có thiện ác, kinh chọn lấy người thiện trừ người ác?

Còn mười niệm của kinh Vô Lượng Thọ chọn lấy chánh ác, là nói trừ người tà ác, vì sao mười niệm của kinh Quán chọn lấy chánh ác, không nói trừ?

Tà ác là gì? Hai kinh đều nói mười niệm, kinh Quán Vô Lượng Thọ nói lấy cũng nói trừ, tại sao hai kinh đều không trình bày chẳng phải mười niệm? Kinh Vô Lượng Thọ nói lấy cũng nói trừ, các Thiền sư muốn gượng chống chế, thiền sư Tín Hạnh giải thích hai kinh này là giải thích hay, đã ngăn ngừa nạn rối rắm, các điều nghi đua nhau nêu lên, đây chẳng phải là giải thích hay, xin học giả biết điều đó.

Thiền sư lại bắt bẻ rằng:

- Nếu một niệm pháp ít, nói là trừ nghịch, đã có pháp mười niệm nhiều, vì sao nói trừ?

Đáp: Đây chẳng phải khó. Ý Phật muốn nói người khi qua đời nếu xưng một câu Phật, hai câu cho đến có thể niệm chín câu, mười câu, tất cả đều được vãng sinh về thế giới Cực lạc, chỉ trừ người phạm năm tội

nghịch, hủy báng chánh pháp. Ý của kinh này muốn hiển rõ người qua đời, nếu có thể niệm một câu Phật, mạng người đó đã hết, hoặc niệm đến mười, mạng người đó đã chấm dứt, đều có thể được sinh Tịnh độ. Vì ý Phật muốn nói người không phạm năm tội nghịch, thì niệm nhiều ít đều được sinh; còn người phạm năm tội nghịch, ít thì không được vãng sinh, phải đủ mười niệm mới được vãng sinh. Chọn người không phạm năm tội nghịch kia, có thể niệm nhiều ít đều được vãng sinh, nên nói "Trừ năm tội nghịch và hủy báng chánh pháp". Có quan hệ gì với tà nghịch? Nếu tất cả chúng sinh đến ngày qua đời mới gặp thiện hữu, dạy bảo niệm Phật, đủ mười câu, có thể trách người kia, cho phép không đủ mười niệm, mạng người đó đã hết, đâu khiến người phạm tội nghịch mà không nói trừ?

Hỏi: Kinh Đại Tập Nguyệt Tạng có nói: Sau khi Phật diệt độ năm trăm năm thứ nhất, các đệ tử của ta học Tuệ được vững chắc, năm trăm năm thứ hai, học Định được vững chắc, năm trăm năm thứ ba, các đệ tử ta học Tuệ đa văn được vững chắc, năm trăm năm thứ tư, xây dựng chùa tháp được vững chắc năm trăm năm thứ năm, bạch pháp ẩn mất, nhiều tranh luận, ít có thiện pháp được vững chắc. Nay khuyên tu mười sáu pháp quán và niệm Phật Tam-muội, đó đều là pháp định tuệ, chỉ nên trong một ngàn năm đầu tu học pháp này, vì sao hôm nay khuyên tu học ư? Nay người học ở giai đoạn ba phần nhiều dẫn các văn kinh này chứng minh vì sao một ngàn năm trăm năm sau không cho học định, lại khuyên người đời nay học tu mười sáu pháp quán và niệm Phật Tam-muội?

Đáp: Mười sáu pháp quán và niệm Phật Tam-muội có cạn có sâu, sâu tức ở bốn tĩnh lự, vị chí trung gian thiền, đối với Tu tuệ thực hành mười sáu pháp quán và niệm Phật Tam-muội. Cạn thì nương Văn, Tư tuệ của cõi Dục, tâm nhiếp niệm tác ý cũng được tu mười sáu pháp diệu quán, niệm Phật Tam-muội. Cho nên kinh Quán nói: "Tưởng như thế, gọi là thấy cõi nước Cực lạc về phần thô, nếu được Tam-muội thì thấy được cõi nước kia rõ ràng, không thể nói hết." Nên biết tưởng thành thấy thô, là tâm Văn Tư của cõi Dục, được Tam-muội thấy là tâm Tu tuệ của cõi Sắc.

Một ngàn năm đầu, là giải thoát thiền định kiên cố, đây là căn cứ tâm tu định tuệ cõi Sắc. Nếu tâm tưởng văn tư tưởng thành thì chung cả năm trăm năm thứ hai và năm trăm năm thứ ba. Không vậy thì nguyên nhân gì kinh Hiền Hộ quyển ba, nói: "Hiền Hộ! Sau khi ta diệt độ, kinh Tam-muội này ở Diêm-phù-đề bốn mươi năm lưu hành rộng rãi nhưng

một trăm năm của năm trăm năm cuối, khi chánh pháp diệt, khi trì giới tổn giảm, phá giới mạnh mẽ, khi các nước chinh phạt nhau, các thời như thế, các kinh điển Tam-muội này sẽ truyền bá ở Diêm-phù-đề, chính nhờ cái gọi là oai thần Phật, khiến họ sau khi ta diệt độ, nghe kinh này rồi, vui mừng biên chép, đọc tụng, thọ trì, suy nghĩ nghĩa kinh, rồi giải thích cho người khác, đúng như lời dạy mà tu hành."

Còn kinh Hiền Hộ quyển hai nói: "Này Hiền Hộ! Các người thiện nam, thiện nữ này, ngày xưa đã ở trước các Như Lai nghe Tam-muội này, đọc tụng thọ trì, do nghĩa này, sau khi Như Lai diệt độ, khi pháp sắp hoại, vẫn nghe Tam-muội như thế. Nghe liền sinh tín, không hề sinh nghi, không lui sụt, được thông suốt, sinh tâm rất vui mừng, đầy khắp thân tâm, đọc tụng thọ trì, tư duy nghĩa kinh, giảng nói cho người khác nghe, dù chỉ một ngày một đêm, thực hành Tam-muội này. Nên biết ở đây nói sau cùng tức là năm trăm năm thứ, thực hành Tam-muội này. Vì sao nói sau năm trăm năm thứ hai, chẳng phải là lúc học Tam-muội này? Nhưng Thiền sư Tín Hạnh trong "Tam Giai Tập Lục" phí công trình bày sự hưng phế, nói ngàn năm về sau chỉ thích hợp thực hành phổ, không thích hợp thực hành biệt, liền cho Tam-muội, là không đương căn cơ Phật pháp, nghĩa sẽ phế giáo, chẳng phải là lúc học, điều đó chẳng sai lầm sao?

Hỏi: Đại Tập Nguyệt Tạng Phần quyển mười nói: "Chắc chắn ở thế giới Ta-bà phỉ báng chánh pháp, chê bai Hiền Thánh, tất cả cõi Phật thanh tịnh ở mười phương đều đuổi họ đi hết."

Nên biết kinh này đã đuổi chúng sinh, tức là người ở giai đoạn ba, không được sinh Tịnh độ. Vì sao ngày nay lại khiến người ác ở giai đoạn ba kia đồng với người ở giai đoạn hai, đều được sinh Tịnh độ?

Thích: Nếu người ở giai đoạn ba, Thiền sư bắt bẻ như thế thì chưa biết người ở giai đoạn hai của thế giới Ta-bà cho phỉ báng chánh pháp, chê bai Hiền Thánh không? Nếu có thì có bị đuổi đi không? Nếu bị đuổi thì có được sinh Tịnh độ không? Nếu không thì sao Thiền sư đem văn kinh này riêng chứng minh cho người ở giai đoạn ba là không được vãng sinh? Nếu được vãng sinh thì người này đã phỉ báng chánh pháp, chê bai Thánh hiền, tức sẽ bị đuổi đi, tại sao lại được sinh Tịnh độ.

Nếu nói người ở giai đoạn hai không hủy báng chánh pháp, chê bai Hiền Thánh, thì không bị đuổi đi, nên được vãng sinh. Vì sao được gây tội xiển-đề mà không được phỉ báng chánh pháp? Nếu nói được hủy báng chánh pháp, chê bai Hiền Thánh mà Tịnh độ không đuổi đi nên được vãng sinh, thì xin chỉ cho thấy đoạn văn trong Thánh giáo đã

nói? Nếu nói tuy hủy báng chánh pháp, chê bai Hiền Thánh, bị Tịnh độ đuổi đi. Nhưng căn có lỗi nhẹ nên được vãng sinh, tại sao kinh kia nói đuổi, kinh này nói thủ? Còn tất cả người giai đoạn ba ở thế giới Ta-bà, đều hủy báng, thì những đứa bé trong thai mới sinh ra, đâu thể hủy báng chánh pháp, chê bai Hiền Thánh?

Nếu cho cũng có người ở giai đoạn ba không chê bai hủy báng chánh pháp, Hiền Thánh, đây là không nằm trong giới hạn bị đuổi đi, vì sao cũng nói không sinh Tịnh độ, mà dẫn kinh này chứng minh cho điều đó? Nếu nói đời nay tuy chưa hủy báng, nhưng quá khứ đã từng hủy báng, thì làm sao biết người ở giai đoạn hai không hề hủy báng? Nếu nói ý kinh này muốn nói lên người ở giai đoạn ba hoàn toàn là tà không chánh, chê bai và không chê bai đều đuổi, không được vãng sinh, người ở giai đoạn hai vừa tà vừa chánh, hủy báng hay không hủy báng đều được vãng sinh Tịnh độ, thì Thánh giáo này trở lại có hai lỗi là lấy hta1i quá và bỏ thái quá. Lỗi lấy thái quá lãng phí duổi người hủy báng ở giai đoạn hai; lỗi bỏ thái quá là sai lầm không đuổi người ở giai đoạn ba không báng. Tông đồ của Thiền sư, dẫn văn giải nghĩa hoàn toàn trái với Thánh giáo, hạ ngu không dám thấy chỗ ấy.

Hỏi: Theo kinh Phật Tạng và các luật... nói: Tỳ-kheo phá giới, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni dùng tay ngăn lại. Ông chẳng phải đệ tử ta, ta chẳng phải là thầy ông, ông không được phép đặt chân lên đất già lam, như cây Đa-la đã bị chặt không thể sống lại, lại như phiến đá đã bị vỡ không thể liền lại được. Biển cả Phật pháp không nhận thây chết phá giới, ở tất cả pháp sự, hoàn toàn không được xếp vào cho đủ tăng số, nơi thanh tịnh của Bồ-tát không được dự, thức ăn của mười phương tăng, Phật không cho ăn dùng vật tín thí. Tất cả đều thành tội nặng, nước trong đất nước của quốc vương cho đến một giọt Phật cũng không cho người đó uống. Ở đây trong chúng xuất gia, trong Tăng già lam, Phật còn không cho dung thân, gọi là giặc đi giặc đứng, huống chi các Tịnh độ Phật thuần là bậc Thánh, người ác này cùng với bậc Nhất sinh bổ xứ đều tụ hội một chỗ, lo sợ nghĩa này, chắc chắn không được vãng sinh.

Thích: Theo các kinh luật, đều có hai môn khai, giá, đại giáo và tiểu giáo, thuyết trước thuyết sau, cho và đoạt khác nhau, không thể tin ngay, môn quở trách trước hết dạy ngăn, không tin kinh Quán Đại thừa diệt tội, các kinh luật trước, là giá môn, hoặc là Tiểu thừa kinh, hoặc là lời quở trách, hoặc đối với người chưa sinh tâm hổ thẹn sám hối tội lỗi, hoặc là chưa phát tâm Bồ-đề, ưa cầu sinh tử năm dục, hoặc là thích ở

cõi dơ bẩn nhiều ô nhiễm, trôi lăn trong ba cõi thọ thân, hoặc Như Lai nếu trước không nói tội môn, chúng sinh không có tâm sợ tội, thường gây ra các việc ác, nên trước hết phải nói tội nặng, khuyên không tạo tội phá giới, hoặc y cứ tội đã diệt cũng có thể tránh khỏi đọa địa ngục.

Giới căn đã hoại, không thể ăn dùng vật của chúng tăng, nay giáo pháp Tịnh độ là phát tâm Bồ-đề, sinh tâm hổ thẹn, sám hối tội quá khứ, sửa đổi thành thiện, thích lìa ba cõi, vui sinh Tịnh độ, nương bản nguyện Phật, tội diệt phước sinh, rất kinh sợ khổ báo đường ác ở tương lai, tùy thuận Phật giáo, dứt ác tu thiện, ở trong Phật pháp là người có sức mạnh thứ hai, làm rồi biết sám hối, được chư Phật khen ngợi. Tuy ở trong biển trì giới thanh tịnh của Phật Thích-ca Mâu-ni mà thành tử thi phá giới, nhưng ở Tịnh độ Phật Di-đà được sinh vào hạ phẩm, thành A-bệ-bạt trí. Nên Đức Phật này quở trách người phá giới, Đức Phật kia khen ngợi tội diệt, Đức Phật này không nhiếp thọ, Đức Phật kia liền đến đón, giống như cha mẹ dạy bảo con cái, một là quở trách lỗi lầm, hoặc hiện sân đánh, hai là nói lời nhỏ nhẹ, khiến người đó sửa đổi. Chư Phật cũng giống như vậy, hoặc bỏ, hoặc lấy, tất cả đều muốn thành tựu lợi ích chúng sinh, nên mới nói lời thô và lời nhu, đều quy về một nghĩa. Cũng như Tỳ-kheo phạm tội nặng, trong luật quở trách đuổi đi, kinh Đà-la-ni thì nói tụng thần chú, tội diệt giới sinh, khuyên tụng chú, khai giá bất đồng, quở trách khen ngợi có khác, kinh Niết-bàn nói: Chưa vào trong pháp ta, gọi là quyết định nghiệp, đã vào pháp ta gọi là bất định nghiệp. Ở đây cũng giống như thế, nên nương vào lấy bỏ.

Hỏi: Kinh Vô Lượng Thọ nói: Vào đời mạt pháp, kinh đạo diệt hết, ta vì từ bi thương xót đặc biệt lưu lại giáo pháp này trong một trăm năm, chẳng hay lúc nào là thời kỳ kinh đạo diệt hết?

Đáp: Như Thiền sư Tam Giai... đều lấy Thiền sư Tín Hạnh làm Bồ-tát tứ y, trong các kinh điển Đại thừa soạn "Tam Giai Tập Lục" nói: Nay một ngàn năm sau, chúng sinh ở giai đoạn ba này chỉ cho tu hành phổ pháp chân chánh, được sinh về các cõi Phật ở mười phương, nếu tu hành biệt pháp chân chánh và đọc tụng kinh điển Đại thừa, tức là pháp không hợp cơ, sẽ đọa vào địa ngục mười phương. Nay "Kinh Vô Lượng Thọ" tức là biệt chân biệt, chính là giai đoạn Phật pháp thư hai, một ngàn năm về trước thích hợp tu hành pháp này, ngàn năm về sau không còn căn cơ này, giáo này liền phế, dù khiến cho trụ thế một trăm năm, chỉ thích hợp một ngàn một trăm năm, nên giải thích là kinh đạo diệt hết, đặc biệt lưu lại kinh này chỉ trụ một trăm năm, là chánh pháp sau một trăm năm của (ngàn năm). Vì sao biết được điều đó? Như

Bồ-tát Thường Bất Khinh ra đời trong bốn chúng Tăng thượng mạn ở thời tượng pháp, không chuyên đọc tụng kinh điển, chỉ thực hành lễ bái, nên biết sau khi chánh pháp diệt thì tăng thượng mạn thịnh hành, không được đọc riêng, tụng riêng, chỉ riêng được học phổ, chính là văn này. Vì học phổ nên được sáu căn thanh tịnh, còn tăng thêm tuổi thọ, đây là học lợi ích đương căn phổ pháp.

Thiện Tinh là người ở giai đoạn ba, vì đọc tụng mười hai bộ kinh, đọa vào địa ngục, đây là tổn hại lớn, có hành giả ở giai đoạn ba, đều vì giải thích điều này, mà tìm kỹ nghĩa đó, lý nhất định không đúng. Vì sao? Vì nếu vì ngàn năm về sau người chân chánh diệt hết, chỉ còn người tà ác giai đoạn ba, chỉ hợp hành phổ chân, phổ chánh Phật pháp, không hợp hành biệt chân biệt chánh Phật pháp, và đọc tụng kinh Đại thừa, nếu họ thực hành đọc tụng, thì rơi vào địa ngục A-tỳ ở mười phương, đây tức là Như Lai ác tâm, ganh ghét người giai đoạn ba, lưu lại biệt chân biệt chánh Phật pháp của họ, khiến học đọc lầm, khiến rơi vào địa ngục A-tỳ, làm sao liên quan đến từ bi thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này trụ thế một trăm năm?

Nếu cho rằng phổ pháp chân chánh là đương cơ, sau Phật nói phổ pháp vì sao không nói từ bi thương xót đặc biệt lưu lại ở thế gian một trăm năm ư? Nếu nói phổ pháp chẳng phải do Phật nói, cho nên Thiền sư nói kinh mà chư Phật không nói, độ những chúng sinh mà chư Phật không độ, Thiền sư chẳng phải Phật, làm sao có thể nói kinh ư? Lại vì sao nói y theo các kinh Đại thừa mà soạn ra "Tam Giai Tập Lục"? nếu các kinh Đại thừa có phổ giáo, biệt giáo, phổ giáo không nói đặc biệt lưu lại, chính là Phật pháp ngày nay, biệt giáo kinh nói chỉ trụ, nhưng học không hợp cơ, trái với lòng Từ bi của Phật, trái với sự dẫn dắt của Như Lai.

Đã không có Thánh giáo, ai sẽ phân biệt chánh tà, nếu dẫn Thường Bất Khinh không đọc tụng kinh, tức chứng minh tăng thượng mạn trong đời tượng pháp, người không được đọc tụng kinh điển, sao Bồ-tát Thường Bất Khinh khi qua đời, trước hết nghe Phật Oai Âm Vương nói kinh Pháp Hoa, hai mươi ngàn muôn ức bài kệ tụng đều có thể thọ trì, được sáu căn thanh tịnh, lại tăng thêm tuổi thọ hai trăm muôn ức na-do-tha tuổi, nói rộng kinh Pháp Hoa cho người nghe. Nếu người ở giai đoạn ba không được nghe kinh Đại thừa, vì sao Tỳ-kheo Bất Khinh nói kinh Pháp Hoa cho người tăng thượng mạn nghe, khiến họ nghe nhận gây nhân đọa ngục A-tỳ trong mười phương?

Lại Bồ-tát Dược Vương nguyện sau khi Phật diệt độ, phải phụng

trì đọc tụng nói kinh điển này, chúng sinh đời ác sau này gốc lành ít, tăng thượng mạn nhiều, tham lợi cúng dường, tăng trưởng gốc bất thiện, xa lìa giải thoát, tuy khó hóa giải, nhưng chúng ta phải hết sức nhẫn nại, đọc tụng kinh này, thọ trì giảng nói, biên chép v.v... vì sao Bồ-tát Dược Vương thường nói kinh Pháp Hoa cho người tăng thượng mạn nghe?

Lại, năm trăm năm sau kinh Bát-nhã có thể trì, lại nói: "Thời mạt pháp về sau người thọ trì kinh này được công đức."

Còn kinh Hiền Hộ nói năm trăm năm cuối cùng đọc tụng kinh này, đâu cho sau một ngàn năm biệt pháp phế bỏ, không cho đọc tụng kinh điển Đại thừa? Khuyên các người học xét kỹ Thánh chỉ, chớ tự mình sai lầm, lại làm người khác sai lầm, khiến các kinh điển Đại thừa nhiệm mầu, dứt sự lưu hành ở đời, sẽ là thuốc độc, là nhân địa ngục, diệt mất chánh pháp, sự điên đảo đó rất đáng thương.

Đáp: Kinh đạo diệt hết, theo kinh Đại Bi, Chánh pháp một ngàn năm, Tượng pháp một ngàn năm, Mạt pháp một vạn năm, kinh đạo diệt hết, đặc biệt còn lại kinh giáo này, lại trụ một trăm năm. Khi kiếp đao binh, con người phần nhiều tạo ác, tay cầm ngọn cỏ cũng thành đao kiếm, sát hại lẫn nhau, sân độc mạnh mẽ, con người chỉ còn mười tuổi, thân cao hai khuỷu tay, vào thời này lại càng không thể tu giới định tuệ, học sâu xa, chỉ có thể niệm Phật, nhàm chán cõi Ta-bà này nơi có ba tai, năm trược vô cùng khổ não, nguyện sinh thế giới an lạc Tây phương, Phật biết chúng sinh thời này khổ nặng, có thể sinh chán lìa, nên dùng lòng từ bi, đặc biệt lưu lại kinh này sau các kinh, chỉ trụ một trăm năm, ở kiếp binh đao, làm lợi ích hữu tình.

Còn có người giải thích rằng: "Như Tôn giả Khánh Hữu nói: Theo phápTrụ Ký, Phật pháp sau kiếp binh đao này, lòng người nhàm chán làm ác, nên khởi Từ tâm, không giết hại nhau, yêu thương lẫn nhau như cha như con, tuổi thọ tạm tăng thêm kéo dài đến một trăm năm, mười sáu vị Đại A-la-hán, ba minh, sáu thông, đủ tám giải thoát, thông thạo mười hai bộ kinh, thọ trì, phó chúc, trụ trì chánh pháp, lợi ích chúng sinh, không nhập Niết-bàn, đồng thời cả quyến thuộc Đại La-hán, hơn muôn đồ chúng vẫn lưu hành Ba tạng giáo pháp Như Lai ở đời, dẫn dắt chúng sinh, xây chùa độ tăng, tu giới định tuệ, Phật pháp hưng thịnh. Đến khi tuổi thọ con người tăng lên sáu vạn tuổi cuối, bảy vạn tuổi đầu, các A-la-hán thu nhặt tất cả xá-lợi Phật, cùng xây tháp báu, mười sáu vị la-hán cùng các quyến thuộc nhiễu tháp cúng dường, rải các hoa thơm, lễ bái chiêm ngưỡng rồi đều bay lên hư không, nói như thế này:

- Kính lễ Thế Tôn Thích-ca Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, con

vâng theo giáo sắc, thọ trì chánh pháp và cùng trời, người làm các việc lợi ích, pháp tạng đã mất, hữu duyên đã xong, nay từ giã diệt độ. Nói lời này rồi, cùng lúc nhập vào Niết-bàn Vô dư, xá lợi các Ngài đều rớt xuống đất, đến mé kim luân mới dừng lại.

Ba tạng giáo đã diệt mất trước xá-lợi, trong suốt một trăm năm, chỉ có tịnh pháp này cùng tháp xá-lợi và các vị La-hán cùng lúc diệt mất.

Bây giờ, chánh pháp vô thượng của Đức Thế Tôn Thích-ca Mâu-ni ở Tam Thiên đại thiên thế giới diệt mất không xuất hiện nữa. Từ đó không gián đoạn, trong Tịnh độ Phật này, có bảy vạn câu-chi Độc giác đồng thời xuất hiện. Cho đến khị con người tăng lên tám muôn tuổi thọ, Thánh chúng Độc giác đều diệt độ. Sau đó Di-lặc xuất hiện thế gian, vẫn vì chúng sinh nói giáo pháp Tịnh độ, khiến vô lượng chúng sinh được sinh Tịnh độ. Như thế lần lượt, một ngàn vị Phật ở kiếp Hiền và chư Phật sau đó ra đời hưng thịnh ở thế gian đều nói tịnh pháp, khuyên sinh Tây phương, cho đến mười phương cũng lại như thế, Đức Phật A-di-đà thọ mạng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp chưa diệt độ thì chư Phật ở các thế giới trong mười phương xuất hiện, đều nói tịnh pháp cho các chúng sinh có duyên đối với Phật A-di-đà kia nghe, khuyên sinh Tịnh độ, nên kinh đạo này diệt hết, đặc biệt lưu lại kinh này một trăm năm, chính là lúc ấy.

Hỏi: Kinh Vô Lượng Thọ nói: "Vào đời vị lai, kinh đạo diệt hết, ta vì lòng từ bi thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này, chỉ trụ một trăm năm. Nhưng tất cả kinh giáo đều giáo hóa muôn vật, lợi ích chúng sinh, đọc tụng thọ trì, giảm đi tội nặng, nhờ nghe chánh pháp, đều được lìa khổ, vì sao kinh Đại thừa khác thảy đều ẩn mất, chỉ lưu lại kinh này trụ một trăm năm?

Thích: Đức Đại Thánh Thế Tôn xuất hiện hưng thịnh ở đời, một âm nói pháp, các loài đều hiểu, nghe pháp ngộ đạo, nhiều như trần sa, hoặc được bốn đạo quả, hoặc được Vô sinh pháp nhẫn, hoặc lìa ba đường ác, hoặc sinh Tịnh độ trời người, hoặc lợi ích nhất thời, hoặc thấm nhuần trong thời đại lâu xa, chúng sinh quá khứ có gốc lành nghe pháp, gặp chân giáo của Phật, thọ trì đọc tụng, đều được lợi ích, chúng sinh phước mỏng, duyên cảm hóa đã hết, các Thánh giáo đều ẩn dưới Long cung, tất cả pháp y không nhuộm hoại sắc, các pháp Bố-tát, Yết-ma thuyết giới, thọ giới đều bất thành. Đại thừa sâu xa, chân như thật tướng, bình đẳng diệu lý, chẳng phải họ đều biết, nên đã ẩn mất trước, không lưu hành trên thế gian, chỉ có niệm Phật, dễ tu, dễ học phàm phu

hiểu biết cạn cợt, cũng có thể tu tập cứu vớt khổ nạn, lợi ích sâu rộng, còn có cơ này, có khả năng thực hành pháp này, Đức đại Thánh thương xót đặc biệt lưu lại một trăm năm. Theo văn kinh biết được, Phật pháp tạm diệt, chúng sinh phước mỏng, chỉ có tịnh giáo này, đặc biệt lợi ích vào thời này, cho nên dùng pháp thí nghiệm, thật là Phật pháp đương cơ. Nên kinh Quán có nhiều chỗ đều nói: Vì tất cả chúng sinh vị lai nói giáo pháp này. Xin các đạo tục tìm Thánh giáo này, chiêm nghiệm đương cơ của họ, không được tin lời người, mà không y theo lời Phật.

Hỏi: Kinh Thập luân nói: "Tạo tội mười ác luân, tất cả chư Phật đều không cứu được." Đã nói không cứu, vì sao niệm Phật cũng diệt tội, được sinh Tây phương? Nếu được sinh thì tức là cứu, vì sao nói tất cả chư Phật không cứu?

Đáp: Ở đây không cứu, ý nói làm kinh sợ những người tạo tội, mật ý Như Lai, muốn khiến cho người sợ tội, không dám làm quấy, vì tạo lỗi này sẽ mãi mãi chìm trong biển khổ. Phật đã không cứu, thì không làm quấy, nên nói không cứu? Đối với người tạo những tội nặng này, tạo rồi không hổ thẹn sám hối, Phật muốn dạy họ sám hối. Nói không cứu, vì thật không sám hối thì tội không diệt, nếu tạo lỗi này, chư Phật không cứu. Còn nếu chưa biết tội này, thì người ở giai đoạn hai cũng được tạo mười ác luân tội chăng? Nếu nói không được thì vì sao người ở giai đoạn hai có thể tạo ngũ nghịch mà không thể tạo mười ác luân tội. Nếu tạo mà không cứu, thì ở đây nêu rõ người ở giai đoạn hai cũng không được sinh Tịnh độ. Do nhân gì chỉ riêng dùng điều này để chứng minh người ở giai đoạn ba không được sinh Tịnh độ? Nếu tạo tội mà cũng cứu, văn kinh chỉ nói "Người tạo tội này, chư Phật không cứu" đâu được người ở giai đoạn hai tạo các tội luân mà mong Phật cứu ư? Thiền sư lấy lý gì để nói mười ác luân tội, giai đoạn hai cứu, giai đoạn ba không cứu, giai đoạn hai được vãng sinh, giai đoạn ba không được vãng sinh? Văn kinh không lựa chọn, đã cho phép thì giai đoạn nào cũng đều được, cớ sao lại nói chỉ cứu người ở giai đoạn hai?

Đây chính là người hiểu lời Phật nói, chẳng phải Đại Thánh giáo, thêm ý giải thích kinh, không đúng Thánh chỉ. Nhất tâm niệm Phật, tội nặng đều trừ, năm tội nghịch mười luân, thảy đều tiêu diệt, ngũ nghịch theo kinh nói là định nghiệp, đây là định tội đã diệt trừ, thập luân nói Phật không cứu, sao bỏ Đức Di-đà đón rước? Nếu Thiền sư chấp văn mà nghĩa, lý chưa thông, xin tìm tông chỉ, để loại bỏ nghi ngờ.

Hỏi: Như kinh Phật Tạng quyển ba nói rằng: "Có Phật hiệu Đại Trang Nghiêm, sau khi diệt độ trong một trăm năm các đệ tử chia làm

năm bộ.”

1. Phổ sự.
2. Khổ ngạn.
3. Tát-hòa-đa.
4. Tương khứ.
5. Bạt-nan-đà.

Là năm vị Tỳ-kheo làm thầy đại chúng. Phổ sự là người biết pháp Phật đã nói nghĩa chân không vô sở đắc, bốn vị Tỳ-kheo còn lại đều rơi vào tà đạo, thường nói có người, Tỳ-kheo Phổ Sự nói pháp không, có sáu mươi tám ức na-do-tha vị đã vào Niết-bàn. Bốn người ác này phần nhiều khiến cho người tại gia, xuất gia trụ ở tà kinh, xả bỏ Đệ nhất nghĩa vô sở hữu rốt ráo pháp không, tham ưa luận của ngoại đạo Ni-kiền-tử. Là bốn người ác có đệ tử thường đi theo, cho đến pháp mất hết. Lúc bấy giờ đệ tử tại gia, xuất gia phần nhiều rơi vào đường ác, không đến con đường thiện, làm diệt mất chánh pháp Phật.

Lại, người ác sau khi qua đời, đọa vào địa ngục A-tỳ, nằm ngửa, nằm úp, nằm bên hông trái, nằm bên hông phải, mỗi người chín trăm muôn ức năm ở trên sắt nóng, thiêu đốt nấu rang, chết rồi sinh vào địa ngục tro, địa ngục tro lớn... địa ngục Hoạt, vẫn thường chịu khổ trong số năm như trên, địa ngục Hắc thằng, sinh lại trong đại địa ngục A-tỳ. “Nếu tại gia, xuất gia gần gũi những người này và các đàn việt, gồm có sáu trăm bốn muôn ức người, cùng sống cùng chết với bốn thầy, ở các đại địa ngục chịu các thiêu nấu, bốn người ác này và sáu trăm bốn muôn ức người từ địa ngục A-tỳ chuyển sinh đến phương khác, ở đại địa ngục vô số trăm ngàn ức na-do-tha năm, chịu khổ não dữ dội, khi thế giới sinh trở lại, thì lại đọa vào đại địa ngục này rất lâu, tuy thoát khỏi khổ não địa ngục, được sinh lên làm người, trong năm trăm đời, khi sinh ra đã bị mù. Sau được gặp Phật Nhất Thiết Minh, người này xuất gia trong pháp Phật Nhất Thiết Minh, mười muôn ức năm siêng năng tu hành, như lửa đốt đầu, còn chưa được Thuận nhẫn, huống chi được đạo quả. Sau khi qua đời, sinh trở lại đại địa ngục A-tỳ, trước đã khởi duyên nghiệp bất thiện, về sau được gặp chín mươi ức Phật, ở trong pháp chư Phật không được Thuận nhẫn. Vì sao? Vì Phật nói kinh sâu xa, người này không tin, phá hoại trái nghịch, hủy báng Hiền Thánh, Tỳ-kheo trì giới, nói ra lỗi ác của họ, khởi nghiệp nhân duyên phá pháp, pháp phải đáng như thế.” Kinh kia đã nói bất tịnh nói pháp, mười muôn ức năm tinh tấn, như lửa cháy đầu, không được tội diệt, sau khi qua đời, sinh trở lại trong đại địa ngục A-tỳ, làm thế nào niệm Phật công đức một câu,

mười câu liền được tội diệt, vãng sinh Tây phương?

Đáp: Nhờ năm thắng, tuy tạm thời niệm danh hiệu Phật, diệt tội sinh tử, qua mười muôn ức năm, như cứu lửa cháy đầu, tu đạo diệt tội.

Năm thắng là:

- Phát tâm thắng.
- Cầu sinh thắng.
- Bản nguyện thắng.
- Công đức thắng.
- Oai lực thắng.

1. Phát tâm thắng: Đây là người hạ phẩm, là người có căn tánh Đại thừa, phát tâm Đại thừa, kia là người Tiểu thừa. Nay vì phát tâm Đại thừa, một niệm vượt qua tâm Nhị thừa vô lượng trăm ngàn ức kiếp, nên diệt tội nặng nhanh chóng.

2. Cầu sinh thắng: Nay người này nhất niệm niệm Phật, nguyện sinh Tịnh độ, người kia tuy tu đạo như cứu lửa cháy đầu, đó là tâm Tiểu thừa, không tin có Tịnh độ chư Phật trong mười phương, vì không cầu thắng sinh, nên tội không diệt, đây là cầu thắng sinh, nên tội diệt nhanh chóng.

3. Bản nguyện thắng: Vì Đức Phật A-di-đà vốn phát đại nguyện cao quý, dẫn tất cả chúng sinh tội nặng niệm danh hiệu Ngài, tội đều tiêu diệt.

Chúng sinh ngày nay tuy gây ra tội nặng, cùng với quá khứ lâu xa từ vô lượng kiếp đến nay đã phát nguyện nương theo bản nguyện của Đức Phật A-di-đà, quá khứ lâu xa do gốc lành thuần thục, nên có thể một niệm liền được tội diệt.

4. Công đức thắng: Hạnh Tiểu thừa trước chỉ quán bốn niệm xứ, không thể diệt vô lượng tội, nay nương một câu niệm Phật có công năng trừ được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, công đức vô lượng, như kinh có nói. Nên công đức một câu niệm Phật hơn người kia trong mười muôn ức năm như cứu lửa cháy đầu, tu năm pháp Quán đình tâm, bốn pháp quán Niệm xứ.

5. Oai lực thắng: Kinh Đồng Tánh nói: “Phật có mười địa, A-di-đà Phật là Phật sơ địa, công đức oai lực hơi khác bình thường, nên oai lực gia trì người niệm Phật tu hành, chắc chắn được vãng sinh, không giống loài khác”.

■

LUẬN THÍCH TỊNH ĐỘ QUẦN NGHI

QUYỂN 4

Hỏi: Kinh Pháp Hoa nói: "Người chê bai kinh này, thường sinh vào chỗ nạn, không bao giờ thấy Phật, là bậc Tôn quý trong các Thánh." Vì sao người chê bai pháp này, được sinh về Tây phương, thấy Phật nghe pháp, xa rời hẳn các thứ khổ? Như vậy sao thường sinh chỗ nạn?

Thích: Kinh Quán nói: "Như người ngu này, không việc ác nào họ chẳng làm, trải qua các địa ngục, chịu khổ vô cùng." Phần sau nói: "Niệm Phật mười tiếng, được sinh Tịnh độ." Nếu nói thường sinh chỗ nạn, chịu khổ vô cùng, thì đâu được vãng sinh Cực lạc? Nên biết khổ báo vô cùng, nhưng tội diệt thì khổ báo dứt ngay; thường sinh chỗ nạn, tội ác đã hết thì đâu trở ngại thấy Phật?

Còn Thiền sư dẫn ý của kinh giáo là muốn chứng minh người ở giai đoạn ba có tội không thể diệt trừ, không tội lỗi không sinh Tịnh độ. Dẫn rộng rất nhiều Thánh giáo, muốn chứng minh người tà không vãng sinh, chẳng biết người ở giai đoạn hai có chê bai kinh Pháp Hoa không, chê bai có thường sinh chỗ nạn không, niệm Phật có được sinh Tịnh độ không, nếu cho rằng được vãng sinh, thì không thể dẫn kinh ở trước làm chứng; nếu không được vãng sinh, thì đó là chúng sinh báng pháp ở giai đoạn hai, người đó cũng không được vãng sinh Tịnh độ, vì sao chỉ chứng minh người ở giai đoạn ba không đự ợc vãng sinh?

Hỏi: Kinh Duy-ma nói: "Bồ-tát thành tựu tám pháp, đối với thế giới này thực hành không làm ung nhọt, thì sinh Tịnh độ." Thiền sư Tín Hạnh nói: "Tám pháp này là pháp vãng sinh của chúng sinh ở giai đoạn ba, kinh Quán cho là pháp vãng sinh của người ở giai đoạn hai. Nay phần nhiều là chúng sinh ở giai đoạn ba, vì sao người học ở giai đoạn hai lại cầu sinh Tịnh độ?

Thích: Xét ý nghĩa lập giáo của Thiền sư, lấy Phật pháp đương cơ làm tông, muốn được chỉ quy của Thánh giáo, mà hạ thấp người học xưa nay, nhưng Thiền sư lấy ba nghĩa: Y thời, ước xứ, và chuẩn nhân xuất xứ từ trong kinh giáo mà biết đó là đương cơ pháp môn. Thiền sư

Tường lập ba môn này rồi tìm ý nghĩa trong các kinh giáo, có thể nói hay thì thật là hay, tài năng thì thật tài năng, nhưng xưa nay, bậc thạnh đức đã dò xét lẽ u vi, tông môn học nội và ngoại điển, nghĩa gồm bán tự và mãn tự, tận cùng sào huyệt của pháp môn, nghiên cứu bí tạng của chân thừa, chưa thấy có ai như Thiền sư làm việc này để phán tông chỉ. Nhưng Thiền sư tự lập nghĩa trái với tông chỉ của kinh. Vì sao? Vì kinh Quán nói: "Nay Như Lai nói nghiệp thanh tịnh cho Vi-đề-hy và tất cả phàm phu đời vị lai, bị giặc phiền não làm hại nghe." Luôn cả đời vị lai, là đời ác trược; người bị giặc phiền não làm hại là người ác; pháp này để giáo hóa cõi uế, chỗ xấu ác. Nhưng kinh này có đủ ba nghĩa này, được xem là đương Phật cơ pháp, Thiền sư Tín Hành nói không đương cơ, ý đó thế nào? Kinh Duy-ma nói tám pháp không gọi là đời vị lai, chẳng phải thời ác; Bồ-tát thành tựu tám pháp, chẳng phải người ác, mà chỉ nói giáo hóa cõi nhơ bẩn này là cõi ác thôi, kinh chỉ có một nghĩa này nhưng thiếu hai môn kia, mà nói đương cơ, là nghĩa gì?

Hỏi: Kinh Bồ-tát Xử Thai quyển ba nói: "Tây phương cách cõi Diêm-phù-đề này mười hai ức na-do-tha, có nước Giải mạn, nước này vui sướng, ca nhạc hát xướng, áo mền phục sức đều kết hoa thơm, cửa giường nằm giăng bảy báu, ngước mắt nhìn về phương Đông, giường báu chuyển theo, nhìn phương Bắc, phương Tây, phương Nam thì nó cũng chuyển theo như vậy. Trước sau, chúng sinh phát tâm muốn sinh về cõi nước Phật A-di-đà, nhưng họ say đắm cõi nước Giải mạn, nên không thể tiến lên được, do đó mà người sinh về cõi nước Phật A-di-đà, trong ức ngàn muôn người, chỉ có một người mà thôi." Lấy kinh này làm chuẩn, thì thấy khó có thể được sinh, vì sao ở đây lại khuyên sinh về cõi Phật kia?

Thích: Chỉ có kinh Bồ-tát Xử Thai mới có lời dạy như thế, nên Thiền sư Thiện Đạo mới khuyên bốn chúng chuyên tu nghiệp Tịnh độ Tây phương, bốn cách tu không rơi đọa, ba nghiệp không xen tạp, buông bỏ tất cả hạnh nguyện khác, chỉ nguyện tu một hạnh Tây phương. Người tu nhiều môn thì muôn người tu không có một người vãng sinh, người chuyên tu thì ngàn người tu ngàn người vãng sinh không sót một, kinh nói tiếp: Vì sao? Vì đều do biếng nhác, kiêu mạn, giữ tâm không vững chắc. Do đó mà biết người tu nhiều môn là người giữ tâm không vững chắc, nên sinh vào nước Giải mạn, là tương đương với kinh Xử Thai. Nếu không tạp tu, chỉ chuyên tu nghiệp này, tức giữ tâm vững chắc, nhất định vãng sinh về nước Cực lạc. Điều này rất phù hợp với tôn chỉ của kinh Tùy Nguyện Vãng Sinh. Kinh nói: "Người ở thế giới Ta-bà tham

lam thì nhiều, chánh tín thì ít, quen theo thói tà, không tin chánh pháp không thể chuyên nhất, tâm loạn không có chí hướng, thật ra Tịnh độ trong mười phương không khác nhau, vì muốn cho chúng sinh chuyên tâm một chỗ, nên khen ngợi cõi nước Phật A-di-đà. Những người vãng sinh đều tùy theo nguyện mà được quả." Nên biết nếu tu xen tạp nhiều hạnh thì sẽ rơi vào nước Giải mạn, chuyên tu một hạnh thì sinh về cõi nước An lạc. Chỗ này mới hiển rõ pháp môn Tịnh độ chuyên thực hành mà được vãng sinh, há chẳng phải nước Cực lạc khó đến mà không cố gắng sao? Người học không thể không chuyên tu. Còn người sinh báo Tịnh độ thì rất ít, mà sinh hóa Tịnh độ cũng không nhiều, nên kinh nói riêng, thật ra không có gì trái nhau.

Hỏi: Như kinh Quán Phật Tam-muội Hải nói: "Năm trăm Thích tử đời quá khứ là anh em, học tập ngoại điển, không tin Phật pháp, người cha sinh lòng thương xót, nói cho họ nghe mười hai nhân duyên Phật pháp sâu xa, nhưng họ hủy báng, chê bai. Khi qua đời, họ chịu các thứ khổ, người cha thương xót sợ họ đọa địa ngục A-tỳ, nên dạy họ niệm Phật. Khi sắp chết, đứa con mới khởi lòng kính cha, nghe lời cha dạy, niệm Nam-mô Phật-đà, người cha lại dạy niệm Nam-mô Đạt-ma, Nam-mô Tăng-già, đứa con qua đời, nhờ phước niệm Phật, được sinh lên cõi trời, hưởng thú vui ở đó. Khi quả báo cõi trời đã hết, thì tội cũ hủy báng pháp vẫn còn, nên người con lại bị đọa vào địa ngục A-tỳ, chịu khổ dữ dội. Nếu y theo kinh này, thì người sắp qua đời niệm Phật tuy đươc sinh lên cõi trời, nhưng tội không mất vẫn rơi vào địa ngục, vì sao chúng sinh bậc hạ chỉ niệm một câu Phật liền diệt hết các tội, được sinh Tây phương, dứt hết đắm chìm, không đọa đường ác, thường hưởng an vui, cho đến Bồ-đề, Vì sao cùng niệm danh hiệu Phật, mà có lên xuống khác nhau như thế?

Thích: Tuy người đó niệm Phật được sinh lên cõi trời, nhưng hưởng thú vui cõi trời, đam mê năm dục, lại không tu thiện. Khi phước niệm Phật hết, vẫn rơi vào ba đường. Như mũi tên bắn lên hư không, sức hết liền rớt xuống. Cũng thế, nếu không nương bản nguyện, cũng rơi vào đường ác. Nay vãng sinh Cực lạc, hoa sen nở ra thấy Phật nghe pháp, dần dần tiến tu các pháp đạo phẩm, sáu pháp Ba-la-mật, niệm niệm luôn hành trì, tội lỗi từ vô thỉ đều tiêu diệt, hạnh nguyện cao quý, niệm niệm tăng trưởng, trăm ngàn Tam-muội đều hiện tiền. Quán nhân không và pháp không, cho đến vô sở đắc. Đâu thể sánh nam nữ ở cõi trời ham vui năm dục, buông lung sáu tình, tạo mười tội ác với hữu tình vãng sinh Tịnh độ ư?

Còn người niệm Phật không phát tâm Vô thượng Bồ-đề cầu sinh Tịnh độ, ân cần hổ thẹn. Lại Bản nguyện nói rằng: Còn trải qua ba đường ác, con nguyện không thành Chánh giác. Lại không dốc lòng, chỉ nghe cha dạy, nên tội không diệt, tạm được sinh lên cõi trời, nhưng tội còn nặng hủy báng chánh pháp, theo kinh Quán bậc hạ phẩm hạ sinh phải đủ mười niệm tội mới diệt trừ. Nếu không chí tâm, lại chỉ một niệm nên tội không diệt, sinh thiên hết phước lại đọa xuống, ví như mang nợ bị kẻ mạnh lôi kéo trước. Phước niệm Phật mạnh nên tạm sinh cõi trời, tội báng pháp nặng nên vẫn phải rơi vào đường ác. Hai kinh nói trên khác nhau là ở chỗ này.

Hỏi: Kinh nói: "Trong có ba độc tà, ngoài chiêu cảm thần quỷ ma." Nay nói: "Niệm Phật Tam-muội được thấy Phật A-di-đà, và khi qua đời, Phật và Thánh chúng mang hoa đến đón rước." Đã là phàm phu, có ba độc tà, như thế chẳng phải là thần quỷ ma sao?

Thích: Vì có ba độc tà, y kinh tu hành Tam-muội, được thấy Phật A-di-đà, và khi qua đời, Thánh chúng đến đón rước, tất cả là thần quỷ ma, nên tất cả phàm phu đều có ba độc tà, dù không đạt được niệm Phật Tam-muội và tu nghiệp Tây phương, cũng nên bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu thường thấy Phật, thì khi qua đời sẽ thấy Phật A-di-đà mang hoa đến đón rước, nếu nói không thấy Phật đón rước, là người không có ba độc tà, còn dốc lòng xưng niệm Phật A-di-đà, tu Tịnh nghiệp Tây phương, giữ gìn trai giới, có phải nhân của ba độc tà hay không? Nếu do niệm Phật tu thiện mà khởi ba độc tà thì lẽ ra Đức Thế Tôn không khuyên chúng sinh niệm Phật... còn tu thiện niệm Phật là vời lấy thần quỷ và ma, phạm trai phá giới, là không có các tướng ma quỷ... Nếu chẳng phải là nhân của ba độc tà, thì đây là pháp có thể diệt ba độc tà, chúng ta tu pháp có thể diệt, dừng cái thấy của thần ma quỷ, ông vốn không tu nhân diệt, thì làm sao thấy Phật? Nếu dùng văn này để chứng minh, phán định là ma thì phải là người không có ba độc tà, không bị các ma làm nhiễu hại. Nếu đúng thì tại sao tâm A-nan sinh mê hoặc, không thỉnh Như Lai trụ thế; Ưu-ba-cúc-đa đang ở trong định bị ma đội tràng hoa lên đầu? Nên biết rằng chưa hẳn tất cả ba độc tà đều chiêu cảm thần ma quỷ, tất cả những người không mê hoặc đều không bị ma quấy nhiễu, há lúc qua đời thấy Phật đều là thần ma quỷ sao? Nếu có ba độc tà cảm thần ma quỷ, thì cần gì phải biến thân Phật, mới chiêu cảm tướng ma. Kinh Niết-bàn nói: "Trong đời vị lai, ma biến ra thân Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và thân Phật để mê hoặc người tu hành. Phật dạy đệ tử Ngài phân biệt được điều đó là Phật nói

hay ma nói, nên họ biết được. Chúng sinh rơi vào cảnh giới ma, bị nhiều duyên ngôn giáo mê hoặc, đâu phải chỉ có hình tướng lầm loạn? Nên kinh Quán nói: "Tu mười sáu pháp quán, được thấy cảnh thanh tịnh, không phân biệt tà chánh, nếu đang trong cảnh quán mà nghe nói pháp mầu thì Phật khiến cho xuất định nhớ mãi không quên, giúp cho hành giả khế hợp với Tu-đa-la, để phân biệt tà chánh."

Nếu ông đã hiểu, thì bốn chúng mà ông thấy đều phải là ma vì thân ông có tà độc. Lại thấy thân Phật dù là ma, nhưng do ngã pháp chân chánh, có thể ra khỏi cảnh ma, hiện thân Phật đến làm hoặc loạn ư? Là do ngã pháp chẳng phải chân Phật pháp, thêm lớn pháp tà độc, cảm ma hiện đến ư? Nếu do pháp chân chánh, có thể ra khỏi cảnh ma, ma hiện thân đến, cho dù là ma, tâm ông càng phải siêng niệm Phật hơn, vì đó là pháp chân chánh ra khỏi cảnh ma.

Nếu pháp không chân chánh, có thể thêm lớn ba độc, chiêu cảm ma đến hiện hình Phật, người hàng thịt, chiên-đà-la, đều thêm lớn ba độc, nên nói khi qua đời thường thấy chư Phật trong mười phương, thân tâm an vui, thấy chư Phật mang hoa đến đón rước. Nếu như vậy thì như kinh Quán đã nói: "Chín phẩm vãng sinh, Thánh chúng đến rước." Đây là ba độc tà, các Thánh chúng này đều là ma, thì kinh này không phải kinh Phật, pháp này là pháp ma.

Lại có ba độc tà có thể chiêu cảm ma quỷ, thì cần gì phải thấy Phật mới là ma đến, nguyện sinh Tây phương mới chiêu cảm quỷ thần? Chỉ có bốn mươi tám nguyện của Đức Phật Di-đà mới tiếp dẫn chúng sinh tội ác vãng sinh. Thánh giáo đã nói rõ. Từ xưa đến nay có các Truyện Ký, đều nói về những đều tốt lành, âm nhạc thanh thoát, mùi thơm kỳ diệu, những tướng lành trong sáng đó, đâu phải là chuyện hư cấu ư?

Ông nghe pháp mầu này, thấy các tướng thiện, lẽ ra phải phát tâm Bồ-đề, chuyên tâm tu học, mà lại không tìm Thánh giáo, không tin kinh Phật, thấy người tu hành, thì lại sinh tâm phỉ báng. Đây là ba độc tà của ông chiêu cảm thần ma quỷ, khiến cho tâm ông rối loạn điên đảo, hủy báng giáo pháp chư Phật, làm mất đi chánh tín của mình, phá hoại thâm tâm người khác. Phải biết đó là việc ma, chánh tín niệm Phật Tam-muội, đó là ma đến mê hoặc, phá hại tâm lành của ông. Đâu cần gì phải hiện ra hình tướng chư Phật, mới gọi là thần quỷ mê do ba độc chiêu cảm? Lúc Phật sắp nhập Niết-bàn có bảo A-nan rằng: "Ta tu bốn thần túc, có khả năng trụ thế một kiếp." A-nan im lặng, không thỉnh Phật trụ thế. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, Ca-diếp kết tập, dùng sáu lỗi

Đột-cát-la quở trách A-nan: "Nguyên nhân nào ông không thỉnh Phật trụ lâu ở đời?" A-nan thưa: "Vì bị ma mê hoặc nên tôi quên thỉnh Phật trụ thế. Sau khi Phật diệt độ, ác ma rời tâm, tôi mới phát hiện, xin hổ thẹn hối lỗi." Nên biết ma đến mê hoặc, không hẳn nó hiện hình, chỉ cần tâm ông tà vạy, là bị ma lợi dụng.

Ma hiện hình đến mê hoặc, dễ biết dễ trừ, còn loại ma tiềm ẩn mê hoặc, khó biết khó trừ. Như A-nan ở cách Ta-la song thọ mười hai do-tuần, bị sáu vạn ma mê hoặc mà không biết, Phật sai Văn-thù-sư-lợi đem thần chú đến cứu. Cho đến khi Phật sắp diệt độ, ma che lấp tâm ông, đến khi Phật diệt độ rồi, ông mới sinh hối hận. Đây chẳng phải ma hiện dễ biết, ma ẩn khó biết ư? Ông chỉ hủy báng người niệm Phật, nói thấy Phật đều là ma quỷ, ông đâu biết rằng người không tin Thánh giáo là đã bị ma mê hoặc ư? Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đến học Bát-nhã ba-la-mật với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, thích ứng với kiến giải "Không", Bồ-tát liền đem thân ra chợ bán. Ác ma biết tâm Bồ-tát sinh tâm quyết định không thể mê hoặc được, liền bịt tai mọi người không cho nghe tiếng Bồ-tát bán thân. Có cô con gái của trưởng giả, đứng trên lầu cao, đời trước có nhân lành, ma không thể che được, liền nghe tiếng Bồ-tát rao bán như vậy v.v... kinh nói đầy đủ nên y theo đó để biết, người không nghe tiếng, là bị ma che nhĩ căn; còn người nghe tiếng là ma không thể che ngăn được.

Ta cũng như thế, nghe nói giáo pháp Tịnh độ Tây phương, bốn mươi tám nguyện của Đức Phật A-di-đà, tiếp dẫn chúng sinh Ta-bà, hằng sa chư Phật trong mười phương xuất ra tướng lưỡi rộng dài, chứng minh và khuyên họ vãng sinh, người tin hướng về chuyên tu tịnh nghiệp, nguyện sinh Tịnh độ, đây là đã ra khỏi cảnh giới ma, ma cũng không thể nào mê hoặc. Như cô gái con ông Trương giả ở trên lầu cao, có nhân thắng thiện, nên ma không thể che được, được nghe tiếng của Bồ-tát rao bán thân.

Ta cũng như thế, nên kinh Xưng Tán Tịnh độ nói: "Ở đây là thế giới Ta-bà tạp nhiễm, đầy năm thứ ô trược, nếu các người thiện nam, thiện nữ, được nghe danh hiệu Đức Phật Di-đà, công đức không thể suy nghĩ bàn luận, thế giới Cực lạc thanh tịnh trang nghiêm, nghe rồi sinh tin. Nên biết người này đã từng gieo trồng vô số gốc lành với vô lượng Phật, đúng như lời dạy mà tu hành, thì người này chắc chắn sẽ sinh về cõi nước Vô Lượng Thọ." Nên biết tu nghiệp Tây phương là người đã từng trồng vô số gốc lành ở vô lượng Phật, ác ma không thể che tâm người đó được, nên họ có khả năng tin hiểu sâu xa. Ông thấy được

Thánh ngôn mà không có tâm tín hướng thì tâm của ông đã bị ma che, trở lại sinh phỉ báng, đâu biết rằng mình đãbị ma mê hoặc, lại cười ta bị ma mê hoặc, xin các ông suy nghĩ thật kỹ, sớm phát hiện, không nên chính mình sai lầm, mà còn làm cho người khác sai lầm.

Lại theo văn kinh, tinh tấn trì giới, tu ba thứ phước, thực hành mười pháp quán, là đúng hay sai, chánh hay tà, là pháp ma hay pháp Phật. Nếu là pháp Phật, là chân chánh, thì thấy Phật hay ma, pháp này vẫn chánh, Dù cho thấy ma, cho ma là Phật, chỉ khiến y theo giáo tu hành, đây có gì là khổ? Nếu pháp này là pháp ma, không chân chánh, thì dù cho thấy Phật thật, cho Phật là ma, rồi thực hành phi pháp Phật, tu như thế có ích lợi gì? Như ngoại đạo, khi Phật còn tại thế họ cũng thấy Phật nay nói ba phước, mười pháp quán trong kinh Quán là chánh hay tà? Nếu ông cho là chánh, thì y theo đó tu hành, chắc chắn sẽ thấy Phật không sai, sao ông hủy báng? Nếu ông cho là tà thì ông là Xiển-đề, vì hủy báng chánh pháp, nên bị ma chinh phục, thật đáng thương xót.

Còn ***kinh Duy-ma nói:*** Thiên ma Ba-tuần dẫn theo một muôn hai ngàn thiên nữ, giống như Đế Thích mê hoặc Bồ-tát Trì Thế, Đại sĩ Duy-ma theo ma đòi các thiên nữ, dạy họ phát tâm. Ma theo ngài Tịnh Danh đòi các thiên nữ, Duy-ma trả lại, các Thiên nữ liền bạch rằng: "Vì sao chúng tôi ở trong cung ma?" Duy-ma-cật nói: "Có pháp môn gọi là Vô tận đăng, các ngươi nên học." Các ma nữ được pháp, theo ma trở về cung, đến cung trời kia, giáo hóa bọn ma đều bỏ hết nghiệp ma, phát tâm Bồ-đề. Nên biết được chánh pháp chân thật, dù ở trong cung ma, biết ma là ma, thì pháp cũng thường chân chánh. Nghĩa này cũng giống như vậy, chỉ dạy niệm Phật Tam-muội là pháp chân chánh, dù cho ma biến thành Phật đến, tưởng lầm là thật, nên tâm quy hướng, thì nghĩa của Bồ-đề cũng không thay đổi, như vậy đâu có gì đáng sợ? Ưu-ba-cúc-đa bảo ma biến thành Phật, rất giống như thật, ngài tưởng lầm là Phật nên sụp lạy, đây há là lầm giả khiến cho đồng với tà giải của các ông, chỗ thấy đều là ma, cho ma là Phật, là tổn chánh kiến ư?

Kinh Duy-ma nói: "Làm ma vương trong các thế giới ở mười phương, đều trụ trong giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận, Bồ-tát dùng năng lực phương tiện để giáo hóa chúng sinh, nên hiện làm ma vương." Dù làm ma vẫn là Bồ-tát, có gì đáng sợ? Mà gượng phỉ báng ư? Chỉ như Thiền sư Tín Hạnh, khởi sinh manh quán, không phân biệt được cảnh trước mắt là Thánh hay phàm, chính là Thánh giải, cần phải hết sức cung kính, dù ông không phân biệt được là Phật hay ma, cũng cần phải cung kính hết, và tưởng đó là Phật thật.

Còn ma làm nghiệp, chẳng phải ma; chẳng phải ma làm nghiệp ma, ma làm nghiệp ma, chẳng phải ma làm nghiệp chẳng phải ma.

- Ma làm nghiệp chẳng phải ma: Như khi Di-lặc hạ sinh, vào nửa đêm ma đánh thức chúng sinh, khiến họ bỏ ngủ nghỉ, siêng tu đạo xuất thế.

- Chẳng phải ma làm nghiệp ma: Như chúng sinh ngày nay, tuy chẳng phải là ma, xúi giục người làm ác, tức là nghiệp ma.

- Ma làm nghiệp ma: Như có loài ma thường mê hoặc người tu hành, khiến họ lui sụt tâm Bồ-đề, ham mê năm dục.

- Chẳng phải ma làm nghiệp chẳng phải ma: Như chư Phật, Bồ-tát và các Thiện tri thức, khuyên người phát tâm Bồ-đề, tu các phẩm thiện.

Cần gì ông nói không nên chẳng phải ma làm nghiệp ma, ma làm nghiệp ma ư? Kinh nói: "Như người biết giặc, giặc không thể làm hại được."

Còn như Bồ-tát Tát-đà-ba-luân, tinh thành mạnh mẽ, tâm siêng hành đạo, chỉ nhớ lúc Bồ-tát Đàm-vô-kiệt xuất định, nói Bát-nhã ba-la-mật cho nghe. Lúc đó ác ma mưa đất cát, gạch ngói, xương khô, cành cây làm mê hoặc Bồ-tát.

Lúc đó, Bồ-tát càng thêm mạnh mẽ, chích máu rưới xuống đất, trang nghiêm đạo tràng. Dù ma não loạn, tâm Bồ-tát vẫn tinh tấn thêm. Nay chúng ta niệm Phật, được thấy Phật, dù là ma ta vẫn tưởng là Phật, càng mạnh mẽ thêm, có gì đáng sợ?

Trên đây trích dẫn rộng các Thánh giáo để khai ngộ tâm ông, chớ sinh phỉ báng.

Như vậy kinh giáođược dẫn, phải làm sao hội thông?

Đáp: Có ba độc tà không thể phát hiện được, gây ra các nghiệp thô ác về thân miệng ý, hủy hoại chánh kiến, thờ ma thờ thần, đây gọi là bên trong có ba độc tà, ngoài chiêu cảm quỷ thần ma. Tuy có ba độc tà, vẫn có thể gần gũi Thiện tri thức, y theo các kinh giáo liễu nghĩa trong Ba tạng Thánh giáo, phát tâm Bồ-đề, tu các phẩm thiện, chánh tín chánh kiến, thì không có thần quỷ ma. Dù cho có ma, cũng không bị nó lợi dụng. Chư Phật hộ niệm nhiều thắng duyên hơn cho người đó, tự tâm họ là chánh nhân, thì làm sao ma đến mê hoặc được?

Hỏi: Tịnh độ Tây phương so với cung trời Đâu-suất có gì hơn kém?

Thích: Chỗ hơn kém này rất rõ, người có hiểu biết đều rõ, đâu cần gì hỏi? Nhưng bậc tiên đức đã nói về Tịnh độ đã bàn đầy đủ về sự hơn

kém, nên không cần giải thích ở đây. Nhưng trong đó còn thiếu thí dụ. Nay phân biệt sơ lược để rõ thêm chỗ hơn kém, bằng mười hai nghĩa như sau:

1. Chủ.
2. Xứ.
3. Quyến thuộc.
4. Thọ mạng.
5. Nội ngoại.
6. Sắc thân.
7. Tướng tốt.
8. Năm thông.
9. Bất thiện.
10. Diệt tội.
11. Thọ lạc.
12. Thọ sinh.

- *Chủ:* Thiên chủ Đâu-suất tích hiện phàm phu, tuy gọi là Bổ xứ, nhưng chưa thành Diệu giác, dù đang thành đạo, chỉ hiện hóa thân. Phật A-di-đà đã thành Chánh giác, ở nơi Tịnh độ, thường hiện thân thọ dụng, nói theo sự thật thì không có hơn kém, giáng tích hóa vật, thầy trò khác đường, sẽ thành hay đang thành, hóa Phật hay báo Phật, giác đủ hay chưa đủ, hiện thô hay hiện diệu, hơn kém khác nhau. Đây là nghĩa thứ nhất.

- *Xứ*: Đâu-suất là cõi uế của Ta-bà, cõi trời thấp nhất của cõi Dục. Cực lạc là thắng phương của Tịnh độ, vượt hơn các cõi đẹp. Nói chỗ hơn kém của nó không có cách nào so sánh, đẹp xấu rõ ràng. Đây là nghĩa thứ hai.

- *Quyến thuộc*: Cung trời Đâu-suất có nhiều nam nữ, cõi tịnh Cực lạc thì hoàn toàn không có người nữ. Lấy hình tướng này tự chia ra tốt xấu, hơn thua khác biệt. Đây là nghĩa thứ ba.

- *Thọ mạng:* Tuổi thọ của người ở cõi trời Đâu-suất, lấy bốn trăm năm ở nhân gian làm một ngày đêm của cõi này, tức ba mươi ngày đêm là một tháng, mười tháng là một năm, thọ mạng bốn ngàn tuổi, nhưng có chết non khoảng giữa, không sống hết tuổi thọ của trời, làm sao so được với thọ mạng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp của người ở Tây phương? Vì tướng nghiệp không sánh bằng tướng thọ, dài ngắn khác nhau. Đây là nghĩa thứ tư.

- *Nội ngoại:* Cung trời Đâu-suất có nội viện, ngoại viện. Nội viện tức gần với Bổ xứ, không bao giờ lui sụt. Ngoại viện tức đam mê năm

dục, không tránh khỏi luân hồi. Giác sư tử đạo gần với ngài Thế Thân, còn sinh ở ngoại viện, Bà-tẩu-bàn-đậu đức gần với Vô Trước mới sinh trong nội viện. Nên biết nội viện khó sinh, phần nhiều sinh ở ngoại viện, vẫn gây ra mười tội ác, lui sụt chìm đắm trong ba đường, không bằng sinh Tây phương, dù chỉ hạ phẩm, hoa sen nở, được gặp Quán Âm, nghe nói thật tướng các pháp sâu xa, trừ diệt các tội, thoát khỏi hẳn tuần hoàn, lấy hình tướng có thể so sánh được sao? Đây là nghĩa thứ năm.

- *Sắc thân:* Thân sắc của người ở cõi trời Đâu-suất là thân các vị trời, thanh tịnh nhiệm mầu, thật là đặc biệt, nhưng khi chung cục thì năm tướng suy hiện, hoặc hai nách ra mồ hôi, hoặc ánh sáng mất, làm sao sánh bằng Tây phương toàn sắc vàng, ánh sáng chiếu rực rỡ trăm ngàn do-tuần? Nên kinh Vô Lượng Thọ so sánh các vua Túc Tán với người ăn xin nghèo nàn cho đến các vị trời ở sáu tầng trời cõi Dục mới vãng sinh ở Tịnh độ thì dung nhan, tướng mạo, uy quang tự tại, giống như đống mực, huống chi núi vàng, xấu đẹp khác nhau. Đây là nghĩa thứ sáu.

- *Tướng tốt*: Các vị trời thân tướng dù có xinh đẹp, nhưng đâu có bốn mươi tám dáng dấp thù thắng khác, không có xấu đẹp. Tịnh độ Tây phương, nương bản nguyện của Phật, tất cả đều có ba mươi hai tướng trượng phu, không có xấu đẹp, hơn kém như ở cõi này. Đây là nghĩa thứ bảy.

- *Năm thông*: Như bốn mươi tám thệ nguyện rộng lớn: "Nếu như tôi thành Phật, chúng sinh trong nước chứng được năm thần thông, hoặc thấy hoặc nghe, dưới đến trăm ngàn muôn ức cõi nước chư Phật." Các vị trời ở Đâu-suất dù có thần thông bay lên cao, qua lại, cũng đâu thể vượt ra ba cõi? Dù sinh trong nội viện, cũng chưa chứng quả Thánh, không có kinh nào nói người đó trải qua mười phương, lấy đó mà so lường. Đây là nghĩa thứ tám.

- *Bất thiện:* Những người vãng sinh về cung trời Di-lặc đã là phàm phu, sinh ở cõi Dục, dù gặp Bổ xứ, đích thân nghe Đại thừa, phàm phu còn các hoặc, càng không có nguyện để nhiếp giữ, vẫn khởi các hoặc của tâm bất thiện, chúng sinh ở Tịnh độ không có cảnh ác này, cho nên nương vào các nguyện, mà bất thiện hoàn toàn mất. Đây là nghĩa thứ chín.

- *Diệt tội:* Kinh Di-lặc Thượng Sinh nói: Nếu trong một khoảng một niệm xưng danh hiệu Di-lặc, người này tiêu trừ tội trong một ngàn hai trăm kiếp sinh tử, chỉ nghe danh hiệu Di-lặc mà hợp chưởng cung kính thì người này trừ được tội trong năm mươi kiếp sinh tử. Nếu kính

lễ Di-lặc thì trừ được tội trong trăm kiếp sinh tử, đâu sánh bằng một câu xưng niệm danh hiệu Phật Di-đà liền diệt được tội trọng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, được sinh về Tây phương? Đây là nghĩa thứ mười.

- *Thọ lạc*: Là một trong năm thọ của Đâu-suất, sinh Cực lạc không có buồn khổ. Đây là nghĩa thứ mười một.

- *Thọ sinh:* Thọ sinh ở Đâu-suất, hoặc sinh trên đầu gối của nam nữ, thọ sinh Tịnh độ thì chỉ có ở trong hoa hoặc trong điện báu. Đây là nghĩa thứ mười hai. Đây là lược lấy mười hai nghĩa để hiển rõ sự hơn kém giữa hai nơi, còn rộng thì vô biên không thể nào nói hết được. Tuy có hai chỗ hơn kém, ý nghĩa như thế, nhưng vãng sinh hai chỗ này đều được kinh Phật khuyến khích và khen ngợi. Tùy theo sở nguyện của người, y theo giáo tu hành, đều được vãng sinh, đều được lợi ích. Người chí nguyện cầu sinh Đâu-suất đừng chê hủy người tu hành Tây phương, người nguyện sinh Tây phương, đừng chê bai nghiệp Đâu-suất. Mỗi người tùy theo tánh ưa thích của mình, mặc tình tu học, chớ thị phi nhau, tức là Phật pháp, bài bác lẫn nhau, thì đó là nghiệp ma, chẳng những không sinh về chỗ tốt đẹp mà còn luân hồi trong ba đường, người tu học phải suy nghĩ và cố gắng.

Hỏi: Những người hữu học đều biết Tây phương hơn cung trời Đâu-suất gấp trăm ngàn vạn lần, nhưng sợ rằng Tịnh độ là cõi đặc biệt, những người nguyện sinh sợ khó dược vãng sinh, thế nên xưa nay các bậc thạnh đức, thạc học cao tăng, đều cho rằng khó sinh mà tu nghiệp Đâu-suất. Nay khuyên tu hạnh Tịnh độ, nghĩa như thế nào? Chỗ nghi này rất sâu, xin hãy dứt trừ mê hoặc đó.

Thích: Đây là điều nghi thật sâu! Xưa nay các bậc thạnh đức, thông suốt huyền chỉ tham cứu nội ngoại điển, tinh chuyên đại, tiểu, đối với nghĩa này còn do dự, huống chi kẻ hạ ngu hèn kém, không phân biệt phải trái, đâu thể giải thích chỗ u trệ, phân biệt khó dễ này. Nhưng tìm trong các Thánh điển, thì có thể nói được chỉ thú của nó, vả lại như kinh Di-lặc thượng sinh, nói hạnh sinh Đâu-suất, so với kinh Quán, Vô Lượng Thọ kinh, xưng tán Tịnh độ kinh... nói rõ nghiệp tu Tây phương hiển bày chỗ đồng dị của nó nghĩa đó có thể biết.

Nhưng hạnh tu Đâu-suất và Tây phương, có mười lăm thứ đồng, tám thứ khác nhau.

Mười lăm thứ đồng nhau:

1. Quán hạnh.
2. Trì giới.
3. Thập thiện.

4. Sám hối.
5. Tạo lập hình tượng công đức hữu vi.
6. Các Thánh đón rước.
7. Xưng niệm.
8. Lễ bái.
9. Hồi hướng phát nguyện.
10. Đọc tụng kinh điển.
11. Vãng sinh.
12. Thấy Thánh.
13. Quy kính.
14. Nghe pháp.
l5. Không lui sụt.

- Tám thứ khác nhau:

1. Bản nguyện.
2. Ánh sáng.
3. Che chở.
4. Xuất ra tướng lưỡi.
5. Các Thánh.
6. Diệt tội.
7. Trọng ác.
8. Giáo thuyết.

1. ***Quán hạnh đồng:*** Người nguyện sinh về Đâu-suất, kinh Di-lặc Thượng Sinh nói: "Mỗi mỗi suy nghĩ trên cung trời Đâu-suất-đà rất vui." Người tu pháp quán đó gọi là chánh quán, nếu quán khác thì gọi là tà quán. Người nguyện sinh Tây phương, kinh Quán nói: "Đất báu, cây báu, ao báu, chư Phật và Bồ-tát các pháp, mỗi mỗi đều quán sát, cũng nói: Tu pháp quán này, gọi là chánh quán, nếu quán pháp khác, gọi là tà quán." Tức là tùy theo sở nguyện, quán nơi sinh ở cung trời, hay quán y báo, chánh báo trang nghiêm ở Tịnh độ. Chỗ này là giống nhau.

2. ***Trì giới đồng:*** Kinh Thượng sinh nói: "Phải trì giới cấm của Phật." kinh Quán nói: "Thọ trì tam quy, giới cụ túc, không phạm oai nghi." Chỗ này là giống nhau.

3. ***Thập thiện đồng***: Kinh Thượng Sinh nói: "Tư duy thập thiện, hành thập thiện đạo", kinh Quán nói: "Tâm từ bất sát, tu hành thập thiện". Chỗ này là giống nhau.

4. ***Sám hối đồng***: Kinh Thượng Sinh nói: "Nghe tên Bồ-tát đại bi này, năm vóc sát đất, thành tâm sám hối thì các nghiệp ác nhanh chóng thanh tịnh," kinh Cổ Âm Thanh Vương nói: "Sáu thời chuyên niệm,

năm vóc sát đất. Chỗ này là giống nhau.

5. ***Tạo lập hình tượng hữu vi công đức đồng***: Kinh Thượng Sinh nói: “Tạo lập hình tượng, hương hoa, lọng báu, cờ phan, y phục.” Kinh Vô Lượng Thọ nói: “Thường tu thiện, phụng trì trai giới, xây dựng tháp tượng, cúng dường Sa-môn, treo lụa đốt đèn, rải hoa đốt hương.” Chỗ này là giống nhau.

6. ***Thánh nghênh đồng:*** Kinh Thượng Sinh nói: “Bồ-tát Di-Lặc phát ra ánh sáng từ sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày, cùng các thiên tử rải hoa mạn-đà-la như mưa, đến rước người này.” Kinh Quán nói: “Phật A-di-đà phát ra ánh sáng rực rỡ, chiếu vào thân hành giả, cùng các Bồ-tát đưa tay đón rước.” Chỗ này là giống nhau.

7. ***Xưng niệm đồng:*** Kinh Thượng Sinh nói: “Nếu trong một niệm xưng danh hiệu Di-lặc.” kinh Quán nói: “Nếu trong khoảng một niệm xưng danh hiệu Di-đà, chắp tay niệm Nam-mô A-di-đà Phật.” Chỗ này là giống nhau.

8. ***Lễ bái đồng:*** Kinh Thượng Sinh nói: “Lễ bái là niệm.” Luận Tịnh độ nói: “Thân nghiệp cung kính môn, lễ bái Phật Di-đà.” Chỗ này là giống nhau.

9. ***Hồi hướng nguyện sinh đồng:*** Kinh Thượng Sinh nói: “Hồi hướng công đức này nguyện sinh trước Di-lặc.” kinh Quán nói: “Hồi hướng công đức này nguyện cầu sinh về cõi nước Cực lạc.” Chỗ này là giống nhau.

10. ***Đọc tụng kinh điển đồng:*** Kinh Thượng Sinh nói: “Đọc tụng kinh điển.” kinh Quán nói: “Đọc tụng kinh điển Đại thừa phương đẳng.” Chỗ này là giống nhau.

11. ***Vãng sinh đồng:*** Kinh Thượng Sinh nói: “Nhanh như thời gian người tráng sĩ duỗi cánh tay, liền được vãng sinh về cõi trời Đâu-suất.” kinh Quán nói: “Như búng ngón tay” hoặc nói “Như khoảng một niệm” hay là “Thí như người tráng sĩ duỗi cánh tay, liền sinh về thế giới Cực lạc ở phương Tây”. Chỗ này là giống nhau.

12. ***Kiến Thánh đồng:*** Kinh Thượng Sinh nói: “Gặp ngay Di-lặc”, Kinh Quán nói: “Thấy sắc thân Phật, các tướng đầy đủ”. Chỗ này là giống nhau.

13. ***Quy kính đồng:*** Kinh Thượng Sinh nói: “Đầu mặt làm lễ”. Kinh Quán nói: “Ngay dưới đài vàng, chắp tay lễ Phật”. Chỗ này là giống nhau.

14. ***Nghe pháp đồng:*** Kinh Thượng Sinh nói: “Chưa kịp ngẩng đầu lên, đã được nghe pháp.” Kinh Quán nói: “Ánh sáng, rừng báu giảng

nói đạo pháp". Chỗ này là giống nhau.

15. ***Bất thoái đồng:*** Kinh Thượng Sinh nói: "Đối với Vô thượng đạo được không lui sụt." Kinh A-di-đà nói: "Chúng sinh vãng sinh về đó, đều là bậc A-bệ-bạt trí", chỗ này là giống nhau.

- Nói tám thứ khác nhau là:

1. Bản nguyện: Về vãng sinh Đâu-suất thì Di-lặc vốn không có bản nguyện. Về vãng sinh Tây phương, thì Tỳ-kheo Pháp Tạng có bốn mươi tám nguyện, không nguyện như tự mình lội qua sông, có nguyện như ngồi trên thuyền dạo chơi. Đây là chỗ khác nhau thứ nhất.

2. Ánh sáng: Tu nghiệp Đâu-suất, thần quang của Từ Thị không đến nhiếp thọ. Tu nghiệp Tây phương thì sợi lông trắng, lỗ chân lông, áng sáng, tướng tốt rực rỡ, tất cả các thần quang của Đức Phật A-di-đà, đều soi chiếu các chúng sinh niệm Phật, nhiếp giữ không rời. Ánh sáng chiếu như đi vào ban ngày, không ánh sáng giống như qua lại trong bóng tối. Đây là chỗ khác nhau thứ hai.

3. Thủ hộ: Tu nghiệp Đâu-suất, Bồ-tát Từ Thị không đến che chở. Tu nghiệp Tây phương, kinh Quán nói: "Phật Vô lượng thọ, hóa thân vô số, cùng với Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, thường đến chỗ người tu hành này." Kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: "Được chư Phật Thế Tôn trụ trong mười Căng-già sa ở mười phương nhiếp thọ." Kinh Thập Vãng Sinh chép: "Phật sai hai mươi lăm vị Bồ-tát thường che chở người tu hành." Có sự che chở như nhiều người cùng dạo chơi, không sợ giặc cướp áp bức; không được che chở như kẻ đi một mình qua đường hiểm, thì sẽ bị kẻ hung bạo xâm phạm. Đây là chỗ khác nhau thứ ba.

4. Thư thiệt: Sinh lên Đâu-suất, không có chư Phật trong mười phương thè lưỡi chứng minh. Khuyên sinh Cực lạc Tây phương có chư Phật thè lưỡi chứng thành. Như Đâu-suất dễ đến, Tịnh độ khó sinh, chư Phật trong mười phương cần gì phải chứng khuyên? Đây là chỗ khác nhau thứ tư.

5. Chúng Thánh: Nghiệp Đâu-suất không có các Thánh che chở, phát nguyện nguyện sinh Tây phương thì có Bồ-tát Hoa Tụ, Bồ-tát Sơn Hải Tuệ, phát thệ nguyện rộng lớn: "Nếu còn chúng sinh nào, chưa vãng sinh Tây phương mà tôi đi trước, thì tôi nguyện không thành Chánh giác." Đây là chỗ khác nhau thứ năm.

6. Diệt tội: Kinh Thượng Sinh nói: "Xưng niệm Di-lặc chỉ trừ tội trong một ngàn hai trăm kiếp." kinh Quán nói "Xưng niệm Phật A-di-đà, trong mỗi niệm, trừ diệt tội sinh tử trong tám mươi ức kiếp." Đây là chỗ khác nhau thứ sáu.

7. Trọng ác: Kinh Thượng Sinh nói: “Nếu thiện nam, tín nữ nào phạm giới cấm, gây ra các nghiệp ác.” kinh Quán nói: “Hoặc có chúng sinh, gây ra nghiệp bất thiện, năm tội nghịch, mười điều ác, đủ các thứ bất thiện.” Đây tức là gây ra năm tội nghịch, không sinh cung trời Đâu-suất, nhưng được vãng sinh Tịnh độ Tây phương. Đây là chỗ khác nhau thứ bảy.

8. Giáo thuyết: Nói Đâu-suất dễ sinh, Tây phương khó đến, đây là hàng phàm phu suy tính kinh Phật. Xét cùng các kinh điển, hoàn toàn không có chỗ nào nói. Dù cho chứng bốn đạo quả, thức ăn ngon, áo ngọc; giai vị Thập địa, còn hoặc vô minh. Huống chi phàm phu học lữ, tập khí chưa mất, kiến hoặc, tu hoặc có lúc nào tạm rời? Dù có tìm Thánh giáo, giống các người mù rờ voi, há được y theo thứ bậc nhất định làm lời chỉ nam ư? Nhưng kinh Vô Lượng Thọ có lời dạy thành thật rằng: “Cắt ngang năm đường ác đường ác tự nhiên đóng, bước lên con đường cùng cực, dễ đến nhưng không có người.” Đó là chỗ rõ ràng của Phật giáo. Đây là chỗ khác nhau thứ tám.

Trên đây văn đồng có mười lăm chỗ, còn không thể nói khó sinh, huống chi có tám môn khác, mà nói khó đến? Xin người học tìm cả lý lẫn giáo, xét hai môn dễ và khó của nó, có thể dứt hẳn cái hoặc của nó. Lý cùng Thánh giáo, đối với một pháp môn hoặc khen hoặc chê, đều là phương tiện khuyên nhập đạo, xả bỏ ngu hoặc của kiến chấp. Nay vì ý này, xin xét rõ điều đó.

Hỏi: Theo luận Đối pháp, chín thứ mạng chung thọ sinh là chết ở cõi Dục, sinh ở cõi Dục, chết ở cõi Dục sinh ở cõi Sắc, chết ở cõi Dục sinh ở cõi Vô sắc, cứ như thế đến tử vị, muốn thọ sinh ở cõi kia, liền khởi phiền não nhuận sinh cõi kia. Nay sinh Tây phương, khởi phiền não gì để nhuận sinh?

Đáp: Ở đây có hai cách giải thích: Nếu người chưa rời cõi Dục mà muốn sinh Tây phương, khởi ái của cõi Dục, nhuận Tịnh độ sinh. Nếu đã rời cõi Dục muốn được định cõi Sắc, khởi ái của cõi Sắc, nhuận sinh Tịnh độ. Nếu đã lìa cõi Sắc, muốn được định cõi Vô sắc thì thối tánh đó, thối khởi phiền não cõi Dục, cõi Sắc, sinh về Tây phương. Nếu không thối, thì sẽ không sinh Tịnh độ. Người kia nói Tịnh độ thuộc về cõi Dục cõi Sắc, có thuyết nói tuy chẳng thuộc hai cõi Dục và Sắc, nhưng là cõi Sắc tướng cho nên không thể lìa phiền não cõi Sắc để được định cõi Vô sắc, mà sinh sắc tướng Tịnh độ.

Có lời giải thích rằng: Sinh về Tịnh độ, khi qua đời, Phật đến đón rước, từ bi thêm phước lành, khiến tâm không điên đảo, liền qua đời.

Nếu khởi phiền não, thì gọi là điên đảo. Nhưng pháp thọ sinh ắt phải phiền não, đây là dùng hạt giống phiền não để nhuận chi hữu, khiến cho nó sinh nối nhau, cũng không có lỗi.

Hỏi: Bậc Thánh hữu học có thể dùng hạt giống nhuận sinh, đã là phàm phu, chỉ dùng phiền não hiện hành, đâu được nói hạt giống nhuận sinh?

Đáp: Luận ý cứ vào cõi uế thọ sinh, phàm phu chỉ dùng phiền não hiện hành, vì phàm phu phiền não mạnh mẽ, khi qua đời tất cả đều điên đảo. Vãng sinh Tịnh độ, nhờ Phật che chở, tâm không điên đảo, phiền não không khởi, không thể xếp đồng với pháp sinh cõi uế. Tuy không Thánh giáo, nhưng nghĩa y cứ theo đây có thể biết, nếu không có tử tâm, thì lẽ nhất định là như thế, hoặc khởi hiện hành, nghĩa cũng không lỗi.

Hỏi: Người sinh Tịnh độ có mười hai chi hữu, thuộc về ba cõi, chẳng biết Tịnh độ phần vị duyên sinh, thuộc về chỗ nào?

Thích: Ở đây có hai cách giải thích:

1. Giải thích Tịnh độ là thuộc về ba cõi, chưa lìa được hoặc cõi Dục, vãng sinh Tịnh độ, chi vô minh, chi hành, tức là cõi Dục, sáu xứ thức, danh sắc, năm quả xúc, thọ, hạt giống vẫn là cõi Dục, chi ái, thủ, hữu đã là cõi Dục, quả sinh, già, chết đâu chẳng phải cõi Dục? Nếu đã lìa cõi Dục, muốn được tâm cõi Sắc, mười hai chi hữu là thuộc cõi Sắc, pháp tướng đạo lý, nghĩa của nó phải như vậy.

2. Có thuyết cho Tịnh độ chẳng thuộc về ba cõi, trước đã rộng thành lập, mười hai chi hữu này là nói theo ba cõi, nên trong Tịnh độ không phân biệt. Còn mười hai chi hữu này từ trong cõi uế cũng thuộc về pháp bất tận, như chỉ thọ định nghiệp riêng, được quả báo riêng, đâu được nói thuộc về mười hai chi, cho nên biết rằng phần vị duyên sinh, thuộc về pháp bất tận.

Hỏi: Nếu sinh về Tịnh độ không khởi các việc ác, là cũng không khởi các phiền não ư? Vả lại như Bồ-tát Sơ địa còn có cấu phá giới sâu kín, Bồ-tát Tam địa còn khởi ngã chấp, Thất địa trở xuống còn có chướng ái Phật, ái Bồ-đề, vì sao cũng sinh về cõi kia, hiện là phàm phu tức không khởi các ác phiền não?

Thích: Sinh vào phàm phu kia tuy có phiền não, do liên quan đến cảnh ác, không khởi trở ngại nào. Như chúng sinh địa ngục, trong mười nghiệp đạo bất thiện chỉ khởi năm nghiệp đạo: Tham, sân, tà kiến, ác khẩu và ỷ ngữ. Địa ngục tuy là đường ác, nhưng còn thiếu năm nghiệp ác, huống chi ở Tịnh độ không thiếu ác không vãng sinh sao?

Hỏi: Chẳng lẽ Tịnh độ kia nhanh không khởi tất cả phiền não khác, là cũng được khởi các phiền não hữu phú vô ký sao?

Thích: Mê lý phiền não câu sinh khởi, kia cũng được khởi, vì phàm phu này chưa tỏ ngộ sâu xa chân như thật tướng, không ngại được khởi. Về phân biệt khởi, kia không khởi hiện hành. Luận nói phân biệt ngã kiến, là duyên tà giáo mà khởi, nhưng ở đó không tà giáo, nên không hiện hành. Ngã kiến là gốc của các hoặc, gốc đã không khởi thì ngọn hoặc không sinh, phiền não nhậm vận không duyên giáo mà sinh, đã là phàm phu, khởi cũng không phế, nhưng phiền não này, theo luận Đối pháp, nếu nhậm vận khởi, có thể phát ra ác hạnh, cũng là bất thiện, ở kia đã khởi hoặc không khởi ác hạnh, nên chỉ thuộc về tánh hữu phú vô ký. Kinh ngăn bất thiện, không nói hữu phú, chỉ gọi tên là thiện, không ngại khởi phiền não. Ái Phật, ái Bồ-đề là pháp chấp phiền não.

Hỏi: Kinh nói: “Sinh Tây phương kia đều là bậc A-bệ-bạt trí.” Hoặc nói: “Chỉ có chánh định tụ, không có tà định và bất định tụ.” Nhưng địa vị của A-bệ-bạt trí không phải tụ chánh định của hạ phàm, đạo chứng quả Thánh, nay đã là phàm phu vãng sinh Tịnh độ, họ là bậc Thánh sao? Đâu được vượt qua nhanh A-tăng-kỳ để thành Hoan hỷ địa? Nhưng phàm phu lui sụt sinh Tịnh độ, không thể đến ngay địa vị A-bệ-bạt trí. tà định, Bất định tụ liền lên Chánh định tụ. Không được, là trái với văn của kinh Quán, nếu được thì trái với nghĩa của các kinh luận. Hai văn mâu thuẫn, xin giải thích cho.

Thích: Văn hai kinh này thật trái nhau, nhưng Tịnh độ, uế độ hai khu vực khác nhau, sinh cõi này cõi kia căn cơ cũng khác, nên phán Chánh định tụ cao thấp khác nhau. A-bệ-bạt trí cạn sâu cũng khác. Nhưng Ta-bà là cõi nhơ bẩn, Thánh ít phàm nhiều, tin thì ít chê bai lại nhiều, người căn hạnh cạn, thấp thì thường gặp duyên lui sụt, ngọn gió tà thổi lên, thảy đều lui sụt. Theo các kinh luận, nói có bốn cách thoái:

1. Tín thoái.
2. Vị thoái.
3. Chứng thoái.
4. Hành thoái.

Tín thoái: Trong địa vị Thập tín, năm tâm vị đầu còn có thoái sinh tà kiến, dứt thiện căn, năm vị sau không như vậy.

Vị thoái: Trong địa vị Thập trụ, sáu tâm vị trước, còn thoái bại thành Nhị thừa, bốn vị sau không như vậy.

Chứng thoái: Từ Thập địa trở xuống, các phàm phu vị, đối với sở chứng ở trước còn có lui sụt, Thập địa thì không như vậy.

Hành thoái: Thất địa trở xuống, đối với chỗ nghe, hành còn yếu kém, không thể tu học, không thể trong từng niệm thường tu thắng hạnh, khoảng giữa nghe khởi các phiền não hữu lậu, các tâm nhân chấp, pháp chấp, gọi là niệm thoái.

Bồ-tát Bát địa vào A-tăng-kỳ thứ ba, không có bốn loại thoái. Trong các hạnh tu đầy đủ các hạnh, trong tất cả thời niệm niệm nối nhau, thường khởi vô lậu nhân pháp không quán, không có một niệm khởi tâm hữu lậu, thiện ác vô ký, Bồ-tát Bát địa có đủ bốn bất thoái, nên gọi là Bồ-tát A-bệ-bạt trí. Bảy địa dưới, không có bốn bất thoái nên hoàn toàn không được gọi là A-bệ-bạt trí.

Nếu theo một nghĩa, Bồ-tát Sơ địa vào A-tăng-kỳ thứ hai, để dự vào dòng Thánh, đoạn kiến đạo, phân biệt hai chướng, chứng lậu mãn chân như, được Bách pháp minh môn, trụ vào Hoan hỷ địa, ở đây đã đầy đủ chứng bất thoái và hạnh bất thoái, cũng được gọi là A-bệ-Bạt-trí. Cho đến Thất địa trở xuống, còn có chướng ái Phật, ái Bồ-tát hiện hành, trung gian khởi các tâm hữu lậu, chưa được hạnh bất thoái, cũng gọi là phi A-bệ-bạt trí. Nhưng tùy theo phần ít, cũng gọi là Bồ-tát A-bệ-bạt trí.

Theo các kinh như Bồ-tát Bổn Nghiệp Anh Lạc... nói Đệ lục trụ gọi là Chánh tâm trụ, đây là giai vị Bồ-tát còn có lui sụt tâm Bồ-đề, làm Nhị thừa, như Xá-lợi-phất... Thất trụ trở lên không có thối này, nên trong bốn Bất thoái, chỉ có ba thoái: Vị, chứng và hạnh, không có bất thoái ban đầu, tùy phần cũng gọi là A-bệ-bạt trí. Nếu theo luận Khởi Tín thì từ sơ phát tâm trụ, gọi chung là nhập vị Bất thoái. Thập trụ trở xuống gọi là ngoại phàm, cũng gọi là khinh mao phàm phu, thí như sợi lông nhẹ, theo gió thổi đông tây, nên còn lui sụt. Bồ-tát thập trụ chẳng phải khinh mao, vì gốc lành vững chắc, không bị gió tà lay động, vào trong phàm vị, không có thối vị, gọi là Bồ-tát A-bệ-bạt trí.

Dựa theo cõi uế này, Bồ-tát Thập Tín bị gió tà làm lay động, thối tâm Bồ-đề, thối hạnh Bồ-tát, trôi lăn trong ba đường ác, chẳng phải A-bệ-bạt trí. Thanh tịnh cõi nước Phật, nếu vào năm tâm đầu của Thập Tín và tất cả chúng sinh chưa vào Thập Tín, mà nói về tín vị của họ, thì tuy chưa vững chắc, vẫn như khinh mao, nhưng không bị gió tà lay động, khiến họ lui sụt tâm Bồ-đề, gây ra các tội nặng, luân hồi đường ác, vì thiếu thối duyên, không có các thối cụ, chỉ có duyên tấn đạo cao quý, tuy chưa vào địa vị A-bệ-bạt trí, nhưng cũng được gọi là A-bệ-bạt trí. Nhưng thối pháp, tư pháp, hộ pháp, trụ pháp, kham đạt pháp học và vô học của bậc Thánh tuy là độn căn, nhưng đều gọi chung là thoái

chuyển. Nếu trong đời người, gặp năm thoái cụ, đó là trường bệnh, viễn hành, hòa tránh, tăng sự và tập tụng, tuy được đạo Thánh, dứt trừ phiền não, nhưng gặp thối duyên này, lại bị lui sụt, khởi các phiền não. Nếu sinh lên cõi trời, không có năm duyên thoái, tuy chưa luyện căn đến tánh bất động, nhưng vì thiếu thối duyên, nên bất thoái khởi hoặc, vọng tánh tuy khác với bất động tánh nhưng bất thoái tư hoặc và chủng tánh Bất động thứ sáu kia không khác nhau, kia cũng như vậy, vì sinh Tịnh độ, không có các duyên thối, tuy là Thập tín, Bồ-tát giả danh, nhưng đều được gọi là A-bệ-bạt trí.

Nếu trong cõi uế, Noãn, Đãnh của Tiểu thừa, Thập tín của Đại thừa, dùng căn Bất định, hoặc gặp duyên ác, lui sụt gây ra năm tội nghịch, nhập vào tà định tụ. Tà là quả của ba đường ác, định là nhân của năm nghịch nghiệp.

Nếu người gây nhân năm tội nghịch, thì nhất định Vô gián, đọa vào ba đường ác, gọi là Tà định tụ. Nếu gặp thắng duyên tu đạo, được vào Bất thoái chuyển vị, gọi là Chánh định tụ. Chánh là Niết-bàn ly hệ, quả trạch diệt. Định là nhân không, pháp không, Thánh quả vô lậu. Tu được Thánh đạo, quyết định sẽ chứng được chánh quả Niết-bàn, ly hệ trạch diệt, gọi là Chánh định tụ, ngòai ra gọi là Bất định tụ, vì hoặc có thể tạo Tà định tụ, hoặc có thể tu chánh định tụ, ở hai bất định đó gọi là Bất định tụ. Ba loại này, chúng sinh số không phải một, nên gọi là Tụ.

Nay sinh ở Tây phương, không có duyên ác, hoặc gây ra tội Vô gián, vào tà định tụ, vị hạnh tuy cạn, nhưng gặp duyên tốt thì từng niệm tiến tu Thánh giáo Đại thừa, quyết định không lui sụt, nên được gọi là chánh định tụ. Nhất nhất không được đồng với Ta-bà lui sụt, xếp A-bệ-bạt trí và Chánh định tụ vào địa vị cao thấp, tức khiến Tịnh độ không lui sụt đồng với cõi này, vì Tịnh độ và uế độ thoái hay không thoái, duyên có không khác nhau. Ở đây vị nó chẳng phải là A-bệ-bạt trí, chẳng phải vị chánh định tụ, sinh ở Tây phương kia, tất cả được gọi là A-bệ-bạt trí và chánh định tụ, vì sinh ở cõi kia không có duyên thối, và quyết định không tạo Tà định tụ.

Hỏi: Như kinh Pháp Hoa nói: “Bị mê đắm vui si làm mù”, lại nói “Đam mê thú vui thế gian, không có trí tuệ”. Còn Thánh giáo nói: “Nếu không chán khổ, thì không lấy gì ưa cầu Niết-bàn, nếu không ưa cầu Niết-bàn, thì mê đắm sinh tử.” Nếu đúng như vậy thì sinh ở Tịnh độ kia trái với nghĩa trên, liền thành tai họa chướng đạo:

1. Đắm trước cái vui thế gian, không có tâm xuất thế.

2. Không nhàm chán khổ, hoàn toàn không cầu quả vắng lặng,

đây rất tổn hại, đâu có nguyện sinh.

Đáp: Nghĩa này là khác. Lời bắt bẻ này không đúng, năm dục cõi uế, làm tăng trưởng tâm tham, gây ra mười nghiệp ác, luân hồi đường ác, nên kinh nói: "Bị mê đắm vui si làm mù." Thanh tịnh cõi nước Phật tuy có các thứ vui, thuận với tâm xuất thế vô lậu, pháp lạc Đại thừa, định lạc Tam-muội, chẳng phải là cái vui đắm nhiễm. Cho nên, có thể dẫn dắt được phàm tình, khiến tăng thêm Thánh đạo, nên kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: "Trong cõi Phật thanh tịnh ở thế giới Cực lạc, ngày đêm sáu thời thường rải các hoa trời như mưa rất đẹp, ánh sáng đượm mùi hương thanh khiết, mềm mại nhiều mầu, tuy nhìn thấy thân tâm ưa thích, nhưng không tham đắm, thêm lớn công đức không thể suy nghĩ bàn luận của vô lượng vô số hữu tình." Lại nói: "Pháp lạc Đại thừa thường không lui sụt, vô lượng hạnh nguyện niệm niệm tăng lên, mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề."

Hơn nữa, người nguyện vãng sinh về đó đều nhàm chán cõi uế này, ưa thích cầu Niết-bàn, mới thích đến Tây phương. Thực hành hạnh Bồ-tát, đây đã có ý ưa thích và nhàm chán, càng sinh phương vô thoái, đâu phải có cái khổ trói buộc thân, mới sinh cái suy nghĩ vắng lặng đâu? Lại ưa cầu Niết-bàn, chẳng phải chỉ chán khổ, hoặc nghe công đức chư Phật không thể suy nghĩ bàn luận, hoặc nghe sáu pháp Ba-la-mật, các pháp đạo phẩm, hoặc thấy các Đại Bồ-tát du hí thần thông, hoặc ngửi thấy mùi hương thơm, hoặc nếm thức ăn ngon, đều có thể tấn đạo, thú hướng Niết-bàn, nên quay lưng với sinh tử mà hướng về vắng lặng, chẳng phải chỉ có một con đường, chẳng thể chỉ nói không có khổ để nhàm chán, bèn không chấp nhận ưa thích cầu Niết-bàn.

Hỏi: Như trong luận nói ở đời quá khứ đã gây ra tội nặng, dù tu thắng thiện, cho đến được quả Thánh, còn phải chịu nghiệp định báo ở quá khứ, như lìa vượt A-la-hán... Nay đã tạo đủ tội nặng, vãng sinh Tây phương, tuy sinh Tịnh độ, đã không có Thánh đạo, sinh ở nước kia rồi, có chịu khổ hay không? Nếu chịu khổ thì không nên nói "Không có các khổ, chỉ hưởng các điều vui" nếu không chịu khổ thì phàm phu sinh kia, chưa khởi một niệm vô lậu Thánh đạo, làm sao tạo các tội nặng kia, mà không bao giờ chịu khổ ư?

Thích: Nghĩa này bất định, không thể có tiêu chuẩn nhất định. Chịu các thứ khổ là sinh vào cõi uế, dù khiến cho được thân Thánh là thân khổ, nương thân khổ này, chịu quả khổ này; sinh ở Tịnh độ kia có cái hoặc của phàm phu, tuy không có Thánh đạo, không bằng bậc Thánh, nhưng là thân thanh tịnh cao quý của thế giới Cực lạc, thấy Phật

nghe pháp, tu hạnh Đại thừa, vì bản nguyện của Phật, có thể vượt qua bậc Thánh này, không chịu khổ báo. Nhưng Thoái pháp chủng tánh không bằng Tư pháp chủng tánh, nhưng Tư pháp thắng chủng tánh sinh trong loài người, có năm duyên thoái, tuy thắng mà thoái; thoái pháp chủng tánh sinh trong cõi trời, thiếu năm duyên thoái, dù bất thoái yếu hơn. Không vì tánh yếu ở trên mà thoái, không vì tánh thắng ở dưới mà không thoái. Ở đây cũng giống như thế, tuy được Thánh đạo, nhưng vì sinh ở cõi uế, chịu quả báo khổ, vì sinh Tịnh độ, tuy là phàm phu mà không có ác báo, năng lực của thiện duyên tăng thêm, sẽ không có khổ báo, như vua A-xà-thế chắc chắn không chịu khổ.

■

THÍCH TỊNH ĐỘ QUẦN NGHI LUẬN

QUYỂN 5

Hỏi: Kinh Phật Tạng nói: “Thế nào là ác tri thức? Thế nào là Thiện tri thức?” Phật bảo Xá-lợi-phất rằng: “Nếu có Tỳ-kheo dạy Tỳ-kheo khác rằng: Ông phải niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm thiên, như thế chỉ quán Niết-bàn an ổn vắng lặng, chỉ có ái rốt ráo thanh tịnh, người dạy như thế là tà giáo, là ác tri thức, người này gọi là phỉ báng ta, tiếp tay cho ngoại đạo. Người ác như thế, ta không cho nhận một bát nước để tự cúng dường, là tu hành theo ma giáo.” Lại nói: “Thà phạm năm tội nghịch, chứ không thành tựu ngã kiến, chúng sinh kiến, thọ kiến, mạng kiến, ấm nhập giới kiến.” Đây đều là có tâm sở đắc để niệm Phật. Đức Thế Tôn dùng nhiều lời quở trách. Văn kinh này lại nói: “Nghe pháp không vô sở đắc, thì tự mình tỉnh giác, các pháp trước kia ta thọ đều là tà kiến, đối với pháp không vô sở đắc này không nghi ngờ không hối hận, thâm nhập thông đạt, không y theo tất cả ngã kiến, nhân kiến, ta gọi người này là thanh tịnh phạm hạnh.” Nay đã khuyên người dùng tâm có sở đắc tu hữu tướng niệm Phật, như thế há không bị chư Phật quở trách sao?

Thích: Chư Phật nói pháp đều thích hợp căn cơ, cơ thì có sâu cạn, đại tiểu khác nhau, hoặc thì có nhân pháp, kiến tu khác nhau, nên trình bày pháp yếu, giáo hóa vật cơ kia, hoặc quở Có, khen Không, hoặc chê Không khen Có, hoặc dạy bỏ Tiểu thừa học Đại thừa, hoặc dạy học Tiểu thừa trước, sau học Đại thừa. Nên cơ có muôn đường, pháp thành tám vạn, tùy duyên giáo hóa chúng sinh, khó thể suy nghĩ bàn luận, nhưng như kinh này đã nói, quở trách người có tâm sở đắc, thì thà gây ra năm tội nghịch còn hơn.

Ngoài ra Thánh giáo còn nói: “Thà khởi ngã kiến như núi Tu-di, chứ chớ khởi Không kiến như hạt cải.” Còn kinh Pháp Hoa nói: “Không được gần gũi người học ba tạng Tiểu thừa.” Kinh Thập Luân nói: Không có sức uống nước sông, ao, làm sao nuốt được biển cả? Không học tập pháp Tiểu thừa, thì đâu thể học Đại thừa? Các kinh Đại thừa như thế

quở Có trách Không. Khen Đại tán Tiểu, không có thuyết nhất định, đều là hợp cơ khác nhau. Ngay nơi Phật có chân thân, ứng thân, người học có thứ lớp trước sau khác nhau, nhưng pháp thân sâu mầu, lìa hữu vô, bốn câu, trăm phi đều tan mất, chỗ này người học sâu đối với Đệ nhất nghĩa đế không kinh động, nhưng còn trụ ở các tướng, chưa quên tâm phân biệt.

Kinh này quở trách có tâm sở đắc, khiến dứt bỏ được chấp nhân và pháp chấp, dạy quán pháp vô sở đắc, tu niệm Phật pháp thân, nên văn kinh này nói: Thấy vô sở hữu, gọi là niệm Phật. Nếu người mới học bỏ tà về chánh, phát tâm Bồ-đề, nguyện sinh Tịnh độ, đối với vô sở đắc chưa hiểu an tâm, hoặc lại quán không, nói nhân quả vắng lặng, tức không có tâm sợ tội, lại khởi triền cái, nếu không nói rộng nhân quả thiện ác, tịnh uế khác nhau, thân tướng chư Phật không thể suy nghĩ bàn luận, thì làm sao có thể phát tâm lành cho người đó, kinh sợ tội chướng này, nhàm chán cõi uế này, ưa thích cõi thanh tịnh kia, chăm chú quán tưởng sợi lông trắng, quán kỹ các tướng, diệt trừ tội lụy, thành cái nhân thù thắng kia được? Cho nên khuyên quán sắc thân, dạy người học cạn này.

Nên kinh Hiền Hộ quyển một nói: "Này Hiền Hộ! Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni thanh tịnh trì giới, giữ đủ các hạnh, tư duy như thế thì bất cứ ở chỗ nào, đều là Tây phương của Phật Di-đà? Tưởng niệm như thế, Phật chánh giác kia, hiện nay ở Tây phương, hệ niệm tư duy, quán sát không thôi, cho thật rõ ràng, cuối cùng được thấy Đức Phật A-di-đà." Quán sắc thân như thế. Về sau lại có kinh nói: "Hiện tại, A-di-đà Như Lai, Ứng Chánh Đẳng Giác, đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, sắc thân sáng như đống vàng ròng như thế, cho đến không niệm Đức Như Lai kia, cũng không được sắc thân Đức Như Lai kia, thứ lớp như thế được Không Tam-muội. Này thiện nam! Đó là Tam-muội hiện tiền của chư Phật.

Còn kinh Quán Phật Tam-muội Hải nói rằng: "Như Lai cũng có Pháp thân, mười Lực, bốn Vô úy, ba Giải thoát, các thần thông, những điều nhiệm mầu như thế, chẳng phải là cảnh giới sở học của ông, chỉ nên thâm tâm khởi tưởng tùy hỷ, khởi tưởng này rồi, lại buộc niệm, niệm công đức của Phật." Cho nên biết rằng hàng Sơ học quán sắc thân Phật, lớp hậu học niệm Pháp thân, nên nói thứ lớp như thế, được không Tam-muội. Còn thích quán lý Phật thì chỉ bày dùng thân vô tướng, cầu niệm sự thân, nói lấy cái thể của tướng tốt, nên phải khéo hiểu ý kinh, đừng sinh tâm chê khen, cái hay của bậc Đại Thánh chính là khéo hợp

căn cơ.

Hỏi: Tịnh độ trong mười phương nhiều vô lượng vô biên, cũng khuyên tu vãng sinh về cõi nước chư Phật, vì sao ở đây chỉ khuyên vãng sinh về thế giới Cực lạc?

Thích: Ở đây có ba cách giải thích:

1. Có nói mà không khuyên.

2. Có khuyên mà cơ thiếu.

3. Văn khuyên không đủ.

- Có nói mà không khuyên: Như kinh Niết-bàn nói: "Ở ngoài cõi Tây phương này qua bốn mươi hai hằng hà sa thế giới, có Tịnh độ tên Vô Thắng, giống như thế giới Cực lạc ở Tây phương không khác, Như Lai bỏ cõi Tịnh độ kia mà sinh đến cõi Ta-bà này, giáo hóa chúng sinh." Nếu là Tịnh độ thì có thể nguyện sinh, vì sao Đức Thích-ca Như Lai không khuyên sinh về Tịnh độ mình, mà chỉ khuyên vãng sinh thế giới Cực lạc cho đến các kinh Đại thừa tuy nói Tịnh độ mà không có văn khuyên sinh.

- Có khuyên mà cơ thiểu: Như Duy-ma-cật tiếp lấy thế giới Diệu Hỷ ở xa, đặt vào cõi này, chỉ cho đại chúng thấy, Phật khuyên đại chúng sinh về cõi đó, có mười bốn na-do-tha người phát tâm Bồ-đề, nguyện sinh về cõi nước đó, Phật thọ ký sẽ vãng sinh như sau: "Thế giới Diệu Hỷ ở cõi nước này đã đáp ứng lợi ích khắp nơi xong rồi, trở về chỗ cũ." Nếu Tịnh độ này hợp với tất cả chúng sinh đều được vãng sinh, thì cớ gì Phật trừ người ở cách mười bốn na-do-tha? Như Lai không khuyên khắp chúng sinh xưa nay, sinh về nước Diệu Hỷ, mà nói lợi ích Diệu Hỷ xong rồi, nên biết không có cơ duyên cho nên không khuyên.

- Văn khuyên không đủ: Kinh Tùy Nguyện Vãng Sinh và kinh Dược Sư tuy nêu các Tịnh độ phương khác, nhưng văn kinh này không chu tất. Thế nào là chu tất? Chỉ như trong kinh Quán... khuyên vãng sinh Tây phương:

1. Nói về phàm phu.

2. Nói vị lai.

3. Nói rõ gây nghiệp.

4. Có chư Phật mười phương xuất tướng lưỡi chứng thành.

5. Có nhiều bản kinh văn đồng chứng, y theo đó tu học, không có nghi trệ, nên nghiệp Tịnh độ Tây phương dễ thực hành theo. Các kinh không có văn kiện trước, chỉ có chỗ một câu, hai câu khuyên vãng sinh, khó thể y cứ, vì sao bỏ câu văn rộng nhiều để chọn câu văn kinh nhỏ, ít?

Còn văn kinh khuyên y theo kinh liễu nghĩa, không y theo kinh bất liễu nghĩa. Thì Tam tạng pháp sư giải thích kinh liễu hay bất liễu có bốn loại, trong kinh Quán có trình bày đủ nghĩa đó. Nay giáo của Tịnh độ này có bốn nghĩa, nên có thể y theo đó để tu tịnh hạnh; văn nghĩa của các kinh khác tuy nói bốn nghĩa Tịnh độ, không đủ là Bất liễu nghĩa, nhưng có thể y theo đó để tu Tịnh nghiệp.

Hỏi: Trong các luận nói mạng chung thọ sinh, chỉ trụ trong xả thọ. Vì sao kinh Quán nói: "Vui mừng hớn hở, tự thấy thân của mình ngồi trên đài kim cương?" Vui mừng đã mạnh, vì sao lại xả mạng?

Đáp: Có một vị sư giải thích rằng:

Thọ sinh cõi uế, không có Thánh đón rước, chỉ trụ trong tâm xả thọ mà qua đời. Thọ sinh Tịnh độ, có Thánh chúng đón rước, hành giả khi qua đời, nhờ Từ bi của Phật che chở, nên ở vị hỷ thọ cũng được qua đời. Các luận phần nhiều căn cứ thọ sinh cõi uế, nên nói thế, không nên lấy đó làm ví dụ.

Có thuyết cho vãng sinh Tịnh độ cũng trụ trong tâm xả thọ mà qua đời, vì tánh của tâm xả thọ yếu kém, thuận theo đó qua đời. Tâm hỷ thọ mạnh, không thể xả mạng. Kinh nói: "Vui mừng hớn hở" đây là tâm sắp qua đời, chẳng phải là tâm đang qua đời. Kinh và luận mỗi thứ căn cứ một nghĩa, không trở ngại nhau.

Hỏi: Kinh Quán nói: "Khi qua đời một niệm, mười niệm cũng được vãng sinh." Kinh A-di-đà nói: "Một ngày đến bảy ngày nhất tâm bất loạn, mới vãng sinh Tịnh độ." Kinh Vô Lượng Thọ nói: "Trọn đời một bề chuyên niệm Phật, mới được vãng sinh thế giới Cực lạc. Nếu trọn đời niệm Phật mới được vãng sinh tức là một ngày, bảy ngày, một niệm, mười niệm là nói suông; nếu một niệm, mười niệm cũng được vãng sinh, cần gì lại dạy bảy ngày trọn đời chuyên hành niệm Phật?"

Đáp: Từ một niệm đến mười niệm, từ một ngày cho đến bảy ngày và cho đến trọn đời, đều được vãng sinh thế giới Cực lạc, đều chẳng phải nói suông, tất cả đều nói thật. Đức Đại Thánh Thế Tôn nói lời đúng sự thật, đâu có giả dối mà nói sai ư? Nhưng chúng sinh niệm Phật nghe Tịnh độ dạy có sớm có muộn, khi phát tâm có chậm có nhanh, hoặc mạng có dài ngắn, cho nên kinh nói khác nhau.

Nếu ngày qua đời mới gặp Thiện tri thức dạy phát tâm niệm Phật, cũng được vãng sinh, dù có tiến lên, cũng chỉ có bậc hạ. Có người mạng chưa hết, qua một ngày mới mất, hoặc một ngày, hai ngày cho đến nhiều ngày, có thể niệm danh hiệu Phật, tất cả bất loạn, thì tùy theo mạng của người đó, dạy khiến một ngày xưng niệm danh hiệu

Phật. Nếu tuổi thọ của người đó lâu dài, nhiều ngày không chết, lại dạy trọn đời, khiến họ niệm danh hiệu Phật, không thể rút ngắn mạng tại đây, dạy họ niệm Phật lâu dài; không thể sống đến trăm tuổi, chỉ dạy một ngày xưng danh. Nên kinh văn ba bản đều khuyên niệm Phật, đều tùy một nghĩa, dạy niệm Phật có khác nhau, nhưng kinh này và kinh kia không trở ngại nhau, nghĩa không trái nhau.

Nên kinh Quán đối với người qua đời, ít nhất một niệm, cho đến mười niệm cũng được vãng sinh; kinh A-di-đà đối với người chết đã trãi qua một ngày mà có thể niệm Phật cũng được vãng sinh Tịnh độ; kinh Vô Lượng Thọ đối với người sống lâu không chết, tu nhiều công đức nhiều nhất hoặc là nhiều giờ nhiều ngày tu niệm. Lại ba biệt này tức ba phẩm tu, phẩm thượng nói trọn đời, phẩm trung nói ngày, phẩm hạ nói giờ. Trong chín phẩm mỗi phẩm đều có nhiều thứ. Tuy đều vãng sinh, đều không khổ não. Nhưng hoa nở ngộ đạo, sớm chiều khác nhau, kinh nói có khác, là do ý này.

Hỏi: Thế giới Ta-bà này có mười việc cao quý, ở các Tịnh độ khác không có, còn ở cõi này tu đạo một ngày một đêm hơn một trăm năm ở thế giới Cực lạc. Y cứ theo văn kinh này, ở cõi uế tu đạo hơn ở cõi Tịnh, vì sao lại khuyên vãng sinh Tây phương?

Thích: Nếu như điều ông hỏi thì tất cả giáo môn Tịnh độ đều không nói được, như lợi ích mà các kinh dẫn trên đã nói thì Tịnh độ không có, các giáo Tịnh độ lại ân cần khuyên nguyện vãng sinh, là có ý gì? Nay hai kinh này đối cơ khuyên khen khác nhau, khen ngợi trụ ở đây, khiến cho các Bồ-tát tuy ở cõi uế, vẫn không mất hạnh của mình, có thể làm lợi ích cho chúng sinh khổ não, thực hành đại bi nhiều hơn, nên khen ngợi ở cõi uế. Từ trong cõi uế đó có Bồ-tát cư ngụ, gặp duyên ác, gây ra nhiều tội lỗi, thế nên Như Lai khuyên chúng sinh kia vãng sinh Tịnh độ, dứt hẳn duyên ác, thoát khỏi trôi lăn, Phật khuyên Bồ-tát nên vãng sinh Tịnh độ.

Ý của hai bộ kinh này, căn tánh Bồ-tát, có hai thứ khác nhau, làm sao mới dẫn Duy-ma đã khen ngợi các Bồ-tát cư ngụ ở cõi uế, các văn nói làm lợi ích chúng sinh, là nói ta chỉ ở cõi uế này tu đạo, đâu cần phải sinh ở Tịnh độ kia? Tuy biết một ngày tu đạo ở đây bằng một trăm năm ở cõi đó, nhưng vì ít thấy Phật, gặp ác tri thức, nhiều duyên lui sụt, nên khuyên vãng sinh Tịnh độ.

Như kinh Đại Tập quyển 28, phần Nhật mật nói: “Này thiện nam! Tất cả chúng sinh ở thế giới của Đức Phật kia, phiền não bền chặt, ràng buộc sâu dày, thân hình xấu xí, khởi nhiều kiêu mạn, ác khẩu, hai lưỡi,

xa lìa lời nói thật, thật ra ngu si, mà hiện tướng trí tuệ, thường khởi san tham mà hiện tướng xả thí; nhiều khúc mắc mà hiện tướng ngay thẳng; tâm nhiều trược loạn mà hiện tướng thanh tịnh, thường ganh ghét mà hiện tướng mềm mỏng, thích chia rẽ người mà hiện tướng hòa hợp, khởi nhiều tà kiến mà hiện tướng chánh kiến, dứt mất gốc lành tăng thêm ba đường ác. Này thiện nam! Nay ông có thể vì ta mà làm sứ giả đến nước kia không?" Cho đến: Bấy giờ, Bồ-tát Nhật Mật bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Con có thể đến nơi đó để giảng nói chú này, nhưng khi con nghĩ đến cõi đó mà sinh kinh sợ. Vì sao? Vì lúc đó Như Lai bảo con giảng nói cho các chúng sinh ở cõi nước có nhiều tệ ác kia, giống như điếc, mù, câm, theo ý người nữ. Bạch Thế Tôn! Nếu thuận theo ý người nữ, nên bết người này sẽ mãi mãi dứt mất gốc lành." Phật nói: "Này thiện nam! Nay ông không vì lợi ích hiện tại, lợi ích về sau, thì nên làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, hãy đến giảng nói, đừng sinh nghi ngờ. Này thiện nam! Ông chẳng phải là Duy-ma-cật của cõi kia sao? Vì sao mà sinh sợ sệt? Lại có vô lượng vô số Bồ-tát, tâm họ dao động, dốc lòng hệ niệm, muốn được gần gũi lễ bái Thích-ca Như Lai và đại chúng, luôn cả muốn nghe nhận kinh điển nhiệm mầu, như thế đại chúng đều đồng tâm muốn đến cõi kia, ta vì họ mà nói việc lớn. Vì sao? Vì đại chúng này, tâm họ chưa định, nếu đến cõi kia, có lẽ sẽ sinh điên đảo, gần ác tri thức. Đức Phật kia bảo rằng: Này thiện nam! Nay Ông không nên sinh tâm sợ sệt."

Bồ-tát Bất định tức là sơ vị thối hạnh Bồ-tát, gọi là Bất định. Vì bất định nên sợ đến cõi này gặp duyên ác, lui sụt sẽ làm ác, Bồ-tát ở cõi Tịnh độ kia tạm đến thế giới Ta-bà bà này, còn sinh sợ sệt, không dám đến. Người tu hành ngày nay, chưa phải là Bồ-tát Bất thoái, mà liền muốn đến thế giới Ta-bà tu đạo, không muốn đến thế giới Tây phương, thật là có lỗi.

Luận Du-già dẫn kinh Thâm Mật: Văn-thù-sư-lợi thưa hỏi Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Trong các cõi uế, việc gì dễ được? Việc gì khó được?

Phật bảo:

- Này thiện nam! Trong các cõi uế có tám việc dễ được, hai việc khó được.

Tám việc dễ được gồm:

1. Ngoại đạo.

2. Chúng sinh có khổ.

3. Chủng tánh gia thế, hưng suy khác nhau.
4. Làm các việc ác.
5. Hủy phạm Thi-la.
6. Đường ác.
7. Hạ thừa.
8. Bồ-tát gia hạnh ý lạc thấp kém.

- Hai việc khó được là:

1. Tăng thượng ý lạc gia hạnh Bồ-tát được du tập.
2. Như Lai xuất hiện ở đời.

Này thiện nam! Ở các Tịnh độ trái với những điều nói trên, nên biết tám việc rất khó được, hai việc dễ được. Cho nên phần nhiều khuyên chúng sinh vãng sinh Tịnh độ.

Hỏi: Ở Tịnh độ không có ba đường ác, mà có chim hóa nói pháp, Tịnh độ không có người nữ thật, nhưng có nữ hóa nói pháp phải không?

Thích: Có hai cách giải thích:

1. Có chim hóa mà không có nữ hóa, vì sao? Vì kinh chỉ có chim hóa mà không nói có nữ hóa. Nếu có thì văn kinh cũng phải nói. Còn luận Tịnh độ nói: "Người nữ và người thiếu căn, hạt giống Nhị thừa không sinh. Bắt bẻ rằng: "Kinh nói Tịnh độ biến hóa trang nghiêm, đâu thể hết được?" Kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: "Dù cho Đức Thế Tôn có trụ thế trăm ngàn kiếp, hóa vô số khổ, nói tướng trang nghiêm của Tịnh độ kia, cũng không thể hết được. Chẳng lẽ vì không nói mà không có sao?

2. Cõi kia có nữ hóa, như kinh Quán Âm Thọ Ký nói: "Bồ-tát Quán Thế Âm hóa ra vô lượng người nữ, đây không phải là nữ hóa đó sao?" Kinh Cổ Âm Thinh Vương nói: "Phật A-di-đà có cha có mẹ" là hóa hạ vị để hiện thị có người nữ; hóa thượng vị, là nói không có người nữ, cũng không trái nhau.

Hỏi: Kinh Di-lặc Phát Vấn nói: "Mười niệm không phải phàm ngu niệm, không xen niệm kết sử. Vì sao chúng sinh phàm ngu đầy đủ phiền não mà có thể làm được việc đó ư?"

Đáp: Chẳng phải phàm ngu niệm, chẳng lẽ bậc Thánh nhân niệm ư? Không xen tạp kết sử niệm, chẳng lẽ là người đã dứt hết phiền não niệm ư? Đây là ý kinh. Nói chẳng phài phàm ngu niệm, không phải muốn nói bậc Thánh niệm. Không xen lẫn kết sử niệm, không phải là muốn nói người dứt hoặc mà niệm, chỉ muốn nói mười câu niệm Phật rằng có thể bỏ được nơi trôi lăn của cõi Ta-bà, thuận sinh về cõi nước

xuất thế giải thoát.

Chúng sinh phàm ngu phần nhiều thích sinh ở cõi uế của ba cõi, thọ sinh và thuận dòng sinh tử làm tăng trưởng các nghiệp kết sử phiền não, nay tu mười niệm, nguyện sinh Tịnh độ, quay lưng lại dòng sinh tử, bước lên đường Niết-bàn, hướng về pháp Hiền Thánh, thuận theo môn dứt hoặc, nên nói chẳng phải phàm ngu niệm, không xen lẫn kết sử niệm. Như giới của Đại Tỳ-kheo... gọi là giới mà bậc Thánh thọ, đâu phải phàm phu không được thọ ư? Ở đây cũng như thế, loại theo có thể biết.

Hỏi: Nếu niệm Phật A-di-đà được sinh Tây phương, phải nhờ nhiều ngày nhiều năm sinh Tịnh độ, cũng phải siêng năng thành khẩn gắng sức, nhiều thời gian xưng niệm danh hiệu Phật, nếu người đó sắp chết mà chí thành niệm Phật cũng được vãng sinh Tịnh độ và người sống một trăm tuổi, vui ít buồn nhiều, biệt ly dễ, hội họp khó, giờ vui vẻ ngắn ngủi, chỉ biết dọc ngang năm dục, buông lung sáu tình, cầm đuốc đi chơi đêm, cả đêm tụ tập vui chơi, ngày qua đời niệm một câu Phật, liền được vãng sinh, thoát hẳn các thứ khổ, đâu cần phải khổ hạnh trong thời gian dài, siêng năng bốn tu không mỏi mệt, ba nghiệp đều không, đều được vượt khỏi Ta-bà, đâu nhọc gì phải khổ hạnh trong thời gian dài?

Đáp: Câu hỏi này có nhiều ý, không thể dự nghe Tịnh giáo, bỏ mà không tu trì, đợi đến lúc qua đời, mới niệm Phật. Một là ông muốn nguyện vãng sinh Tịnh độ Tây phương suy ra là muốn tránh khổ não ở đây, mà sinh về Tây phương kia, không cầu Vô thượng Bồ-đề, không tu hạnh Bồ-tát, chỉ muốn mặc tình cây báu, mặc ý trân đài, không nguyện sớm ngộ vô sinh, đến lúc qua đời chỉ một niệm. Nếu vì chí hướng Phật quả, chứng Tam-bồ-đề, khẩn thỉnh hữu tình, mau thành Chánh giác, ở cõi uế này e sẽ thối Bồ-đề, đến cõi Tịnh độ kia mới tăng tu diệu hạnh, chứng vị Bất thoái, cứu chúng sinh khổ, mới muốn nhiều thời gian không gián đoạn tu đủ muôn hạnh, vì sao nay nghe pháp tịnh, không chịu tu hành, càng thờ ơ kiêu xa, làm nhiều việc buông lung, ngày qua đời mới, niệm Phật vãng ư?

Nếu muốn chí cầu đại quả Vô thượng, phát tâm Bồ-đề, nguyện sinh Tịnh độ, hận mình lang thang trong sinh tử, vô thỉ đắm chìm, nghe nói giáo pháp Tịnh độ Tây phương, thì khắp mình đều nổi óc, buồn khóc nước mắt như mưa, tiếc rằng nghe được pháp này quá trễ, đời này ngày đêm phải siêng năng, đâu được nghe giáo pháp thanh tịnh của Phật, càng buông lung sáu căn, hệ lụy cả ngày đêm, gây ra mười tội ác, ngày

qua đời mới niệm danh hiệu Phật, nói lời không hổ thẹn, đâu có thành đạo lý gì? Còn nếu khi qua đời niệm Phật, nhiều giờ xưng danh, công hạnh không sai, ngộ đạo không khác, có thể phải nhận lời ông suy đến ở sau. Nếu niệm ấy thêm nhiều, niệm niệm tăng đạo, công phu không luống uổng, tội nghiệp chuyển thành nhẹ, phước đức dần nhiều, thành bậc thượng của mình, chóng ngộ Vô sinh, lợi ích khác nhau, đâu được chỉ tu một niệm?

Vả lại, áo thô áo đẹp, thức ăn uống ngon, một thứ che thân và trừ đói khát, bây giờ bỏ y phục xấu này, mặc áo lụa nõn nà, không ăn những thức ăn dở, muốn tìm những thức ăn ngon. Huống chi niệm Phật nhiều ít, công hạnh khác nhau, liền bỏ đi lối tu dài, chọn cách tu ngắn này, ưa thích cơm ngon áo đẹp, sẽ không nói lời này, nghe tu tịnh hạnh, bỏ dài chọn ngắn, đây là phiền não của ông, không nói lời hổ thẹn, lời ma tiếng quỷ làm hoại loạn Phật pháp, thật không có một niệm tâm nguyện sinh, thấy người khác trong thời gian dài chuyên thành khổ hạnh nên nói lời này phá hoại ý tịnh của người, tổn mình hại người, rất nên cảnh giác.

Còn ông bây giờ nghe nói Tịnh pháp, trong không khổ não, ngoài đủ duyên lành, không chịu tu hành, đợi sắp chết mới niệm Phật. Khi sắp chết mới niệm Phật cũng được vãng sinh, nhưng hạng người này trong một vạn người không có được một người vãng sinh, hoặc bạn lành gặp gỡ, chưa hẳn đã gặp nhau; hoặc nhiều thứ khổ trói buộc thân, không kịp niệm Phật, hoặc trúng gió không nói được, không niệm được danh hiệu Phật, hoặc cuồng loạn thất tâm, đâu thể chú tưởng? Hoặc bỗng bị nước trôi lửa cháy, không rảnh chí thành; hoặc gặp cọp sói, do đó mà bị chết yểu; hoặc gặp bạn ác, phá hoại tín tâm của ông, hoặc uống rượu quá say, ngủ vùi cho đến chết; hoặc quân trận đánh nhau, trúng nhằm làm ông bị chết, hoặc rớt xuống núi cao, khó tu chánh hạnh, nhiều thứ chướng nạn, không thể kể ra hết, không thể một bề không tu, tham đắm năm dục này, chỉ nói ngày qua đời một niệm liền vãng sinh. Nên phải phát tâm tinh tấn, trừ ý nghĩ biếng nhác, cố gắng ba nghiệp này trong sáu thời kia, ngày đêm siêng năng, tu cạnh tranh với thời gian, một khi sinh về Tịnh độ, thì xa lìa hẳn triền cái, cho đến Bồ-đề thường không lui sụt, lợi ích rộng lớn, nên phải dụng tâm.

Hỏi: Kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: "Sinh về nơi đó mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề." Đã nói ở cõi đó tu đạo một trăm năm bằng ở cói này tu một ngày, vì sao lại mau chứng Bồ-đề?

Thích: Việc tu đạo một ngày trong cõi khổ này hơn ở cõi kia một

trăm năm, nhưng gặp duyên ác, nhiều kiếp lui sụt, vẫn bị kéo lại. Ở cõi kia một trăm năm, bằng một ngày ở cõi này, chỉ tiến mà không có lùi, được gọi là mau chứng Vô thượng Bồ-đề. Như người đi mau, nhiều giờ dừng lại, đến trước nhưng bị chậm lại, ở cõi này tu đạo một ngày hơn ở cõi kia tu một trăm năm, Phật không nói ở cõi này mau chứng Bồ-đề. Như người đi chậm, khoảng giữa không dừng nghỉ, mau đạt được chỗ trước, nên gọi là mau chứng Bồ-đề.

Hỏi: Niệm Phật nói ít, học tập không khó, khi người sắp qua đời, thời gian rất nhanh chóng, lại thêm khổ não, không thể thường tu giới, định, tuệ, Phật pháp sâu xa, khi người chưa qua đời, trong thời gian dài không còn khổ vì bị tinh thần bức bách lo nghĩ, tại sao không quán Không, Vô tướng, vô nguyện, tu các đạo phẩm, học rộng tất cả các pháp môn sâu xa, mà thường chỉ khuyên chúng sinh niệm Phật, có ý nghĩa gì ư?

Thích: Hành giả một đời tu nghiệp Tịnh độ, chẳng phải chỉ nghiêng nặng về khuyên niệm Phật, nhưng người tu hành, căn cơ có lợi độn, học thì có cạn sâu, nên kinh mới chia hai môn định và tán, người thì chia thành chín phẩm khác nhau. Người lợi căn tâm thanh tịnh, dạy tu quán hữu tướng, vô tướng, pháp môn bình đẳng sâu xa, nếu hạng độn căn tán loạn, chỉ thực hành nghiệp ba phước ba bậc. Chẳng phải chỉ nghiêng nặng về khuyên niệm Phật, mà còn tu các thứ pháp môn, nếu người đó không thể thực hành rộng được, thì chuyên niệm Phật cũng được vãng sinh Tịnh độ.

Còn pháp môn niệm Phật hoặc sâu hoặc cạn, thông định, thông tán, căn lớn hạnh nhỏ, đều được tu hành, định là bắt đầu ở phàm phu, cuối cùng ở Thập địa, thực hành niệm Phật Tam-muội, rất sâu xa nhiệm mầu, Hoa Nghiêm, Niết-bàn, Văn-thù, Bát-nhã, Đại Tập Hiền Hộ, Quán Phật Tam-muội đều khen ngợi không thể suy nghĩ bàn luận. Như đồng tử Thiện Tài thưa hỏi cách tu hạnh Bồ-tát với Tỳ-kheo Công Đức Vân, Tỳ-kheo Công Đức Vân chỉ dạy pháp niệm Phật Tam-muội, là pháp rất sâu xa.

Tán là tất cả chúng sinh hoặc đi hoặc ngồi, bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu đều được niệm Phật, không trở ngại các việc, cho đến lúc qua đời, cũng thành hạnh đó. Còn tu các hạnh vãng sinhTây phương, tuy có Thánh ngôn, nhưng văn kinh nói ít, niệm Phật được vãng sinh, thì giáo đó rất nhiều, lược trình bày năm ba phần để người mê hiểu rõ.

Như kinh A-di-đà chỉ nói niệm Phật A-di-đà được sinh Tây phương, hằng sa chư Phật sáu phương thè lưỡi đồng làm chứng cho hành giả

niệm Phật đều được vãng sinh. Kinh Quán nói Hạ phẩm thượng sinh, Hạ phẩm trung sinh, và Hạ phẩm hạ sinh, ba phẩm này văn kinh đều nói chỉ niệm Phật A-di-đà vãng sinh Tịnh độ, lại nói nhiếp thủ các chúng sinh niệm Phật không rời. Kinh Vô Lượng Thọ còn nói hàng thượng, trung, hạ tu hành có cạn sâu, đều chỉ một bề chuyên niệm Phật A-di-đà, được sinh Cực lạc. Còn trong bốn mươi tám hoằng thệ nguyện, thì pháp môn niệm Phật riêng phát một nguyện rằng: "Dù chỉ mười niệm, nếu không được sinh, thì không thành Chánh giác."

Còn các kinh Ban Chu Tam-muội, Đại Tập, Hiền Hộ... dạy chúng sinh bảy ngày, bảy đêm nhất tâm chuyên niệm Phật A-di-đà, được thấy Phật rồi thưa hỏi Phật rằng: "Chúng sinh thực hành pháp nào được vãng sinh Tịnh độ?" Phật A-di-đà dạy rằng: "Muốn sinh về cõi nước ta, phải niệm danh hiệu ta, không dừng nghỉ, liền sinh về cõi nước ta." Còn Kinh Cổ Âm Thanh Đà-la-ni cũng dạy chúng sinh trong mười ngày, mười đêm niệm Phật A-di-đà, được sinh về cõi nước Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Niệm Phật Tam-muội được thấy Phật, sau khi qua đời được sinh ở đời có Phật, thấy người ấy sắp qua đời khuyên niệm Phật, còn bày tôn tượng để cho người ấy cung kính chiêm ngưỡng." Kinh Chiêm Sát nói: "Nếu muốn vãng sinh về cõi nước Phật trong mười phương, phải niệm danh hiệu Phật ở cõi nước đó, liền được vãng sinh."

Như thế, rất nhiều kinh văn Đại thừa phần nhiều nói niệm Phật được sinh Tịnh độ, nay khuyên niệm Phật, chẳng phải là ngăn tu các diệu hạnh khác, chỉ là người niệm Phật đó được nhiều kinh khuyên khen, hoặc đi, hoặc ngồi cho đến khi qua đời đều được thực hành niệm Phật này, có lẽ là phương tiện an ổn nhất cho nên khuyên thực hành.

Hỏi: Sinh về Tịnh độ kia, chưa vào dòng Thánh, tức là phàm phu, đủ các phiền não, làm sao không khởi các nghiệp bất thiện? Nếu khởi thì trái với bản nguyện, nói: "Chúng sinh trong cõi nước ta không nghe danh từ bất thiện, được giải thích như thế nào?"

Thích: Chúng sinh phàm phu kia, dù chưa được quả Thánh, nhưng tất cả bất thiện đều không hiện hành. Nhưng bất thiện không hiện hành là có nhiều ý, hoặc duyên Thánh đạođã khởi, dứt tùy miên kia, hoặc tu Thánh đạo phương tiện hàng phục hiện hành, hoặc duyên thiếu cảnh ác này, nên nó không sinh được, hoặc vì thường gặp duyên lành, thì không do đâu tạo tội; hoặc duyên các thắng tư, khiến cho lỗi không sinh, hoặc duyên vào bản nguyện của Phật, nên điều ác không khởi được. Dù có hạt giống của hoặc nhưng không hiện hành, nên kinh Xưng Tán Tịnh độ nói: "Các loại hoa thơm đẹp dù có thấy thân tâm ưa thích, mà không

tăng trưởng tâm tham đắm." Lại nói: "Nước tám công đức có công năng khiến cho người uống tăng thêm các gốc lành thù thắng." Như cơm ở cõi Phật Hương Tích dùng làm Phật sự... vì các duyên này mà các điều ác không khởi.

Hỏi: Kinh nói: Có bốn thứ nghiệp:

1. Hiện báo nghiệp.
2. Sinh báo nghiệp.
3. Hậu báo nghiệp.
4. Bất định nghiệp.

Ba nghiệp trước là định nghiệp, vì nhất định chiêu cảm quả báo. Một nghiệp sau là nghiệp bất định, có khi chiêu cảm, không chiêu cảm quả báo. Lại có tám thứ nghiệp:

1. Báo định, thời bất định.
2. Thời định, báo bất định.
3. Thời báo câu định.
4. Thời báo câu bất định.

1 và 3 là định nghiệp.

2 và 4 là bất định nghiệp.

Kinh nói năm tội nghịch là Sinh báo nghiệp, tức là thời định báo cũng định. Vì sao kinh Quán nói năm tội nghịch diệt, được vãng sinh Tây phương ư?

Thích: Bốn thứ nghiệp và tám thứ nghiệp này, trong chín bộ giáo Bất liễu nghĩa, vì các phàm phu không tin nghiệp quả mà Phật mật ý nói có quả báo nhất định, đối với các giáo liễu nghĩa Đại thừa nói tất cả nghiệp đều là bất định, như kinh Niết-bàn quyển 19 nói: "Kỳ-bà vì A-xà-thế nói pháp sám hối, tội được diệt, lại thần nghe Phật nói tu một thiện tâm có thể phá trăm thứ ác, như chút ít thuốc độc có thể hại chúng sinh, chút ít điều lành cũng vậy, có thể phá đại ác. Lại ở phần 31 nói: Này thiện nam! Có các chúng sinh tâm xem thường không tin nghiệp duyên, để độ họ nên nói như vậy: Thiện nam tử, tất cả nghiệp tạo ra có khinh, có trọng, hai nghiệp này mỗi nghiệp lại có hai thứ là quyết định và không quyết định. Lại nói: Hoặc có nghiệp nặng có thể làm thành nhẹ, hoặc có nghiệp nhẹ có thể làm thành nặng. Kẻ có trí nhờ sức trí tuệ có thể chịu đựng nhẹ nhàng nghiệp cực trọng của địa ngục hợp ở đời này. Kẻ ngu si hiện đời lại chịu đựng nặng nề nghiệp nhẹ của địa ngục. Vua A-xà-thế sám hối tội xong không còn vào địa ngục, không đọa vào địa ngục, Ương-quật-đa-la được quả A-la-hán." Luận Du-già nói: "Chưa được giải thoát, gọi là quyết định nghiệp; đã được giải thoát, gọi là bất

định nghiệp." Các kinh luận Đại thừa như thế nói năm tội nghịch đều là Bất định nghiệp, đều được tiêu diệt. Nay kinh Quán đã là kinh điển Đại thừa, nói niệm Phật A-di-đà, năm tội nghịch tiêu diệt, thì có gì nghi?

Hỏi: Như trong các kinh luận đều dẫn khế kinh, nói có hắc hắc nghiệp, bạch bạch nghiệp, tạp nghiệp, phi hắc bạch vô dị thục nghiệp. Hắc hắc nghiệp: là nghiệp bất thiện của cõi Dục, Bạch bạch nghiệp là nghiệp thiện của cõi Sắc và cõi Vô sắc; Tạp nghiệp là nghiệp thiện của cõi Dục; Phi hắc bạch vô dị thục nghiệp là nghiệp vô lậu. Không biết ngày nay tạo nghiệp Tây phương, thì thuộc về nghiệp nào trong bốn nghiệp đó.

Thích: Có thuyết nói là thuộc Bạch bạch nghiệp và Tạp nghiệp trong bốn nghiệp, vì Hắc hắc nghiệp là bất thiện, chiêu cảm ba đường, đâu thể vời được quả báo Tịnh độ? Nghiệp Vô lậu không thể cảm, báo thể dù có thanh tịnh, nhưng chẳng phải nhân Dị thục, chỉ trừ hai nghiệp chiêu cảm được quả báo Tịnh độ. Nếu chưa được định của cõi trên, dùng tâm cõi Dục tu nghiệp Tây phương, ở đây dùng Tạp nghiệp vãng sinh Tây phương; nếu đã hàng phục được hoặc của cõi Dục được tâm tịnh của cõi trên sinh Tây phương, đây là dùng bạch bạch nghiệp sinh Tịnh độ. Có thuyết cho rằng không phải như thế, ba nghiệp này đều đứng về cõi Dục và cõi Sắc của cõi uế, hai đường thiện và ác để phân chia nghiệp đó, chẳng phải đứng về Tây phương để nói về cái thiện của bạch bạch nghiệp. Vả lại, Tạp nghiệp là nghiệp trời, người của cõi Dục, có thể vời lấy tạp báo, dù có thọ quả vui cũng vời quả khổ, nên ở trong cõi Dục thọ quả khổ vui. Vãng sinh Tịnh độ không có các khổ, chỉ một bề an vui, đâu chấp nhận tạp nghiệp làm nhân Tịnh độ? Nếu chỉ có bạch bạch nghiệp là nhân Tịnh độ, nếu chưa sinh, mà được bốn định làm nhân thì nghiệp nào sinh về Tây phương? Nên biết rằng chánh nhân Tịnh độ chẳng phải thuộc về nghiệp trước, bốn nghiệp trước thuộc về pháp bất tận, đối với lý đâu có chướng ngại gì? Còn nghiệp của cõi Vô sắc có văn, nói chẳng thuộc về nghiệp thứ tư, y cứ theo đây thì biết, nghiệp thứ tư thuộc về nghiệp bất tận.

Hỏi: Luận Đại thừa, Tiểu thừa dẫn khế kinh, nói có ba thứ nghiệp: Tội, phước và bất động nghiệp, chẳng biết trong ba nghiệp, dùng nghiệp nào để được vãng sinh cõi Cực lạc?

Thích: Có thuyết nói trong ba nghiệp, dùng phước nghiệp và bất động nghiệp để vãng sinh Tây phương. Ba phước tức là phước nghiệp, mười sáu pháp quán nếu được tâm định ở cõi trên tức là Bất động nghiệp. Có thuyết nói chẳng thuộc về ba nghiệp, vì ba nghiệp đều

nói theo nghiệp cõi uế, không nói theo Tịnh độ, nên nghiệp Tịnh độ chẳng phải ba nghiệp.

Hỏi: Không biết được sinh Tây phương có mấy loại lợi ích cao quý để, khuyên các chúng sinh vãng sinh?

Thích: Theo kinh Xưng Tán Tịnh Độ, kinh Quán và kinh Vô Lượng Thọ thì trong bốn mươi tám hoằng thệ nguyện có lược nêu ba mươi thứ lợi ích. Ba mươi thứ lợi ích ấy là:

1. Thọ dụng chủng chủng công đức trang nghiêm thanh tịnh Phật độ ích.
2. Đại thừa pháp lạc ích.
3. Thân cận cúng dường Vô Lượng Thọ Phật ích.
4. Du lịch Thập phương cúng dường chư Phật ích.
5. Ư chư Phật sở văn pháp thọ ký ích.
6. Phước tuệ tư lương tật viên mãn ích.
7. Tốc chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề ích.
8. Chư Đại sĩ đẳng đồng nhất tập hội ích.
9. Thường vô thoái chuyển ích.
10. Vô lượng hạnh nguyện niệm niệm tăng tiến ích.
11. Anh võ Xá-lợi tuyên dương pháp âm ích.
12. Thanh phong động thọ như thiên chúng nhạc ích.
13. Ma-ni thủy lưu tuyên thuyết khổ không ích.
14. Chư nhạc âm thinh tấu chư pháp âm ích.
15. Trong bốn mươi tám hoằng thệ nguyện dứt bặt tam đồ ích.
16. Chân kim sắc thân ích.
17. Hình vô mỹ xú ích.
18. Cụ túc ngũ thông ích.
19. Trụ chánh định tụ ích.
20. Vô chư bất thiện ích.
21. Thọ mạng trường viễn ích.
22. Y thực tự nhiên ích.
23. Duy thọ chúng lạc ích.
24. Tam thập nhị tướng ích.
25. Vô hữu thật nữ nhân ích.
26. Vô hữu Tiểu thừa ích.
27. Ly chư bát nạn ích.
28. Đắc tam pháp Nhẫn ích.
29. Thân hữu quang minh trú dạ thường quang ích.
30. Đắc Na-la-diên lực ích.

Lược nêu ba mươi thứ lợi ích, rộng thì vô lượng vô biên, thế nên khuyên sinh Tây phương. Nếu ở Ta-bà, trôi mãi trong dòng sinh tử chỉ có ba mươi thứ tổn hại, đâu có được các lợi ích kia?

Hỏi: Kinh Di-lặc Sở Vấn nói tu mười niệm mới được vãng sinh:

1. Đối với tất cả chúng sinh thường khởi lòng từ.

2. Đối với tát cả chúng sinh không hủy một hạnh nào, nếu có hủy thì qua đời không được vãng sinh.

3. Đối với tất cả chúng sinh rất khởi bi tâm, không có tâm tàn hại.

4. Phát tâm hộ pháp, không tiếc thân mạng.

5. Đối với tất cả pháp không sinh phỉ báng.

6. Đối với nhẫn nhục sinh tâm quyết định, thâm tâm, thanh tịnh không tham lợi dưỡng.

7. Phát tâm Nhất-thiết-chủng-trí, ngày ngày thường niệm, không có dừng bỏ.

8. Đối với tất cả chúng sinh khởi tâm tôn trọng, trừ tâm kiêu mạn, khiêm hạ lời nói.

9. Đối với lời nói thế gian không sinh tâm tham đắm lời hay, gần với ý giác đạo, khởi sâu các thứ nhân duyên thiện căn.

10. Không sinh tâm ồn ào náo loạn, chánh niệm quán Phật, trừ bỏ các tưởng.

Y cứ theo văn kinh này, mười niệm tự nó khác biệt, làm sao xưng niệm mười câu A-di-đà Phật mà được vãng sinh, há không lầm sao?

Thích: Pháp môn tu hành vãng sinh Tây phương, chẳng phải một, hoặc có ba thứ phước, hoặc có mười sáu pháp quán, hoặc chín phẩm vãng sinh, mỗi nghiệp khác nhau, đều được vãng sinh Tịnh độ thọ sinh. Kinh Di-lặc Sở Vấn tự trình bày mười pháp vãng sinh, mà cũng được sinh. Kinh Quán tự nói Hạ phẩm hạ sinh, khi qua đời, xưng mười câu niệm Phật mà được vãng sinh, đều là Thánh giáo nói về pháp môn vãng sinh Tịnh độ, đều thành Tịnh nghiệp, vì sao cho đó là phải, chê lời này là quấy? Chỉ tự mình không hiểu được ý kinh, cũng là mê hoặc người học, như vào dòng chín phẩm, ông quan nhỏ ở huyện úy, hoặc có thể thuộc lòng một bộ kinh, hoặc là học Tiến sĩ, hoặc là lưu ngoại huân phẩm, hoặc là bảy sắc xuất thân, hoặc làm mười năm phẩm tử, đều được vào dòng, hết thảy là thừa úy, đâu có giới hạn ở một nghiệp làm văn lâm lang nghiệp? Vãng sinh cũng giống như thế, chẳng phải chỉ một hạnh sinh Tây phương kia, cho nên hai môn Định, Tán, có nói trong kinh Quán, ba lớp tu phước xuất xứ từ kinh Vô Lượng Thọ, chỉ

niệm danh hiệu Phật, bởi vì kinh A-di-đà dạy, hoặc là trì kinh điển Đại thừa, hoặc lại hiếu thảo dưỡng nuôi cha mẹ, gốc lành thế gian và xuất thế gian, định nghiệp, bất định nghiệp, chỉ trì và tác trì, thân thiện khẩu thiện, đều sinh Tịnh độ, đâu có hạn cuộc ở một môn?

Ông phải đọc nhiều kinh, khai sinh chánh tín, đâu được chỉ xem có một bộ kinh, liền làm luận chỉ nam, đem Thánh giáo khác hoàn toàn chẳng phải nhân vãng sinh, sao mê hoặc điều đó. Còn tu nhân thì có muôn lớp, đắc quả có nhiều bậc, không thể giới hạn bằng một nhân một quả.

Hỏi: Bồ-tát tu hành lấy lợi vật làm bản hoài, đại từ bi niệm niệm thường khởi, lẽ ra phải đi trong đường ác, trải qua ba đường, thương xót kẻ đắm chìm kia, đều khiến cho họ hết khổ, nay xả bỏ cõi uế này, nguyện sinh Tịnh độ, tự tìm cái vui cho mình, không muốn làm lợi ích cho người, từ vô thỉ, cha mẹ, anh em, sáu thân quyến thuộc, bạn bè tới lui, đều bị giam cầm trong lao ngục ba cõi, bỏ mà không cứu, hoàn toàn không có lòng thương xót, đâu thành tâm của Đại sĩ, mới là hạnh Bồ-tát. Nay nguyện sinh Tịnh độ, chẳng vì thiện tâm, không hiểu nguyên do, xin trình bày tôn chỉ này.

Thích: Phát tâm Bồ-đề, tu hạnh Bồ-tát, cần phải phát đại Từ bi, thương xót hàm thức, mở rộng cứu vớt, nhổ gốc khổ đau, ban bố an vui. Nhưng thực hành có cạn sâu. Căn cơ có cao thấp, nếu Bồ-tát học sâu, đại Bi tăng thượng, đã được bất thoái, không sợ mình tổn hại, chỉ muốn lợi ích cho người, phần lớn đều ở cõi uế, thực hành lợi vật rộng khắp, ít sinh Tịnh độ, gần gũi Thánh tôn, hoặc Bồ-tát hạnh cạn, đại trí tăng thượng, còn có lui sụt, tuy có lòng thương xót chúng sinh khổ não, nhưng hễ gặp duyên ngu ác, thì lui sụt hạnh Bồ-đề, tạo các nghiệp ác, mất tâm Bồ-đề, như kinh Bồ-tát Bổn Nghiệp Anh Lạc nói vương tử Pháp tài... Đây tức là hai lợi đều mất, mình và người đều tổn, dùng nguyện sinh Tịnh độ này, lìa duyên ác kia, gần gũi Thánh tôn, thường nghe chánh pháp, cùng các Bồ-tát hội họp một chỗ, đi qua phương khác, rải hoa cúng dường, lại nghe pháp mầu chân tịnh Đại thừa, niệm niệm tăng thêm không có lui sụt, càng không có Nhị thừa, Xiển-đề, ngoại đạo làm hư hoại tâm người mới học đạo Vô thượng.

Tuy có tâm cứu khổ niệm niệm không bỏ, hạnh tự lợi là gốc của hạnh lợi tha, gốc nếu không chắc, ngọn cũng không bền, thế nên trước phải nguyện sinh Tịnh độ, nuôi lớn mầm gốc của Bồ-đề, khiến cho nó bền chắc, dù gặp duyên ác, cũng không lui sụt, mới có thể lìa được Tịnh độ này, sinh trở lại Ta-bà, cứu độ cha mẹ có duyên đắm chìm từ vô thỉ,

sáu thân quyến thuộc, bạn bè tri thức, hàm linh trong pháp giới. Nghĩa này trong An Lạc Tập, của Thiền sư Đạo Xước đã dẫn rộng. Cha mẹ bị chìm, sắp trôi theo dòng nước, một đứa con theo sau, nhảy xuống sông cứu, cứu không được, lại bị chìm chết, một người con khác trở về nhà, sắm đủ ghe thuyền, đi thẳng xuống dòng sâu, cứu người thân nguy khốn. Nghĩa này cũng giống như vậy, các bậc trí, y theo dụ này mà hiểu.

Hỏi: Luận Tịnh độ có bài kệ: "Giới gốc lành Đại thừa, hoàn toàn không có từ ngữ ganh ghét, người nữ và kẻ thiếu căn, Nhị thừa không được sinh." Cõi đó đâu có Thanh văn, mà trong kinh nói có vô lượng vô biên đệ tử Thanh văn dều là bậc A-la-hán?

Thích: Ở đây có bốn cách giải thích:

1. Về Nhị thừa không sinh, theo luận Du-già Sư Địa nói: "Có chúng sinh năm thừa, từ vô thỉ đến nay, pháp như thị đã thành tựu tánh năm thừa riêng biệt:

1. Bồ-tát thừa.
2. Duyên giác thừa.
3. Thanh văn thừa.
4. Nhân thiên thừa.
5. Bất định thừa.

Nói Nhị thừa không sinh là Duyên giác thừa và Nhân thiên thừa, vì Duyên giác thừa, chắc chắn thọ quả Duyên giác, thường sinh về thế giới không có Phật, không thể sinh ở Tịnh độ, vì Tịnh độ có Phật, lại không tin có Tịnh độ ở mười phương; Nhân thiên thừa chỉ là phàm phu trôi lăn trong sinh tử, không thể sinh Tịnh dộ, vì chúng sinh ở Tịnh độ đều phải được Vô thượng Bồ-đề.

2. Nghĩa trước không đúng, vì nếu Nhị thừa không sinh mà chọn lấy Duyên giác thừa, Nhân thiên thừa, thì tức Thanh văn thừa được sinh, vì sao nói "Giới gốc lành Đại thừa?" Lại nói chẳng những không có ba thứ thể mà cũng không có ba thứ tên; nay hạt giống Nhị thừa không sinh, bất luận Nhân thiên thừa, chỉ đối với ba thừa trừ Thanh văn thừa và Duyên giác thừa, gọi là Nhị thừa bất sinh.

Hỏi: Nếu Thanh văn, Duyên giác thừa bất sinh, thì tại sao cõi nước kia có Thanh văn?

Đáp: Nói không có Nhị thừa là không có Nhị thừa định tánh, Nhị thừa ở cõi đó đều là Thanh văn Bất định tánh, đều có thể hồi tâm về Đại thừa.

Bồ-tát Thiên Thân y theo luận Du-già Sư Địa, mà soạn luận, nên Nhiếp luận nói rằng: "Mở xem quyết định tạng, để giải thích nhiếp Đại

thừa.” Quyết định tạng tức là phần Quyết trạch trong Du-già Sư Địa. Nay soạn luận Tịnh độ vẫn y theo tông của bộ luận đó, có nghĩa của năm thừa tánh, nên nói hạt giống Nhị thừa bất sinh.

3. Các Đại đức giải thích văn này nói: Thanh văn có hai loại:

a. Ngu pháp Thanh văn, đời này chưa thể hồi tiểu hướng đại.

b. Bất ngu pháp, nghĩa là Thanh văn đã có thể hồi tiểu hướng đại.

Trước gọi là Nhị thừa chủng, vì không hồi tâm hướng đại, không tin có Tịnh độ, không nguyện vãng sinh, sau gọi là phi Nhị thừa chủng, tuy tu tiểu hạnh, nhưng vì tin Đại thừa nên nguyện sinh Tịnh độ.

4. Giải thích rằng: Họ vì hồi tâm hướng đại đã tu Thánh đạo dứt hoặc, đều là thú hướng Vô thượng Bồ-đề nên không gọi là Nhị thừa. Vì thành quả Phật nhất định phải dứt nhân chấp và pháp chấp, cả hai tập khí đó đều mất hết, chứng nhân không và pháp không, cuối cùng đầy đủ, mới được gọi là Phật. Vì trước họ là Tiểu thừa, nhàm chán nhân chấp phiền não nên dứt chấp này trước, chọn tứ quả kia, nên gọi là A-la-hán, cũng gọi là Thanh văn, nhưng chẳng phải Tiểu thừa.

Tên A-la-hán chẳng phải chỉ là tiểu quả, vì Phật cũng được gọi là A-la-hán, như luật Tứ Phần nói: “Phật độ A-nhã Kiều-trần-như rồi, ý nói tam thiên đại thiên thế giới có hai A-la-hán là Phật và A-nhã Kiều-trần-như.” Nên danh từ A-la-hán chẳng phải gọi Tiểu quả, tên Thanh văn cũng chung với Đại thừa, nên kinh Pháp Hoa nói: “Chúng ta ngày nay thật là Thanh văn, dùng âm thanh của Phật đạo khiến cho tất cả được nghe.” Đây là Bồ-tát Thanh văn.

“Chúng ta hôm nay, thật là A-la-hán, đối với các thế gian, trời, người, ma phạm, khắp trong đó, nên nhận cúng dường.” Đây là Bồ-tát Đại thừa. Tên tuy đồng với Tiểu quả, nhưng nghĩa có khác. Nay Thanh văn A-la-hán Tịnh độ, ở đều là người thú hướng cầu Vô thượng Bồ-đề, nên chẳng phải hạt giống Nhị thừa, cũng chẳng phải Nhị thừa danh, vì đã phát tâm Đại thừa, tuy gọi Thanh văn, nhưng chẳng phải tên Tiểu thừa. Như kinh Pháp Hoa nói: “A-la-hán kia đã hồi tâm hướng đại, Phật thọ ký cho hiệu là Sơn Hải Tuệ Tự Tại Thông Vương Như Lai, đến khi kết tập, lấy tên A-la-hán, đâu phải là thối tâm Đại thừa, thú cầu Tiểu quả?”

Lại kinh Duy-ma-cật nói rằng: “Ca-diếp nói: Ta từ đây về sau, không còn khuyên người tu hành Thanh văn, Bích-chi-Phật.” Vì sao ngày kết tập, lại khuyên A-la-hán giữ lấy quả A-la-hán? Nên biết rằng A-la-hán chẳng phải là quả Tiểu thừa. Hạnh sở hành của A-nan sau khi

Phật thọ ký, đều thú hướng Phật, nên biết tức là hạnh Bồ-tát Đại thừa.

Nhưng người đến thẳng Tây phương trước phải dứt pháp chấp phiền não, tu đạo nhân chấp phiền não đến tâm Kim cương mới đốn trừ, liền được thành Phật. Từ xưa đến nay, Bồ-tát trực vãng trước tác ý muốn dứt trừ pháp chấp, nên lưu hoặc cho đến khi hoặc hết, có trí Nhất thiết của Phật, vì phiền não pháp chấp sâu kín khó trừ, chướng ngại đại quả Tam-bồ-đề, đối với Thanh văn là Bạch tịnh vô ký, đối với Bồ-tát là Hữu phú vô ký, Bồ-tát thiên về nhàm chán, nên Nhiếp luận nói: "Trí ngăn che cùng cực mờ tối, nghĩa là chân tục riêng chấp." Đó là thiên về trước đoạn.

Phiền não nhân chấp làm chướng ngại Niết-bàn. Hàng Thanh văn rất nhàm chán sinh tử, chỉ cầu tự lợi, không thể tu học Nhất thiết trí của Phật, nên họ không có tâm dứt phiền não pháp chấp. Phiền não pháp chấp không chướng ngại Bát-niết-bàn, nên Thanh văn dứt hết nhân chấp, được Niết-bàn. Nay Thanh văn này đối với bảy phương tiện, hoặc là hàng tam phẩm ở giai vị trước bảy phương tiện, trước vì cầu Thanh văn, rất nhàm chán phiền não nhân chấp, nên tác ý dứt trừ hoặc này. Nay sinh Tây phương, tuy hồi tâm thú hướng cầu quả Phật, nhưng trước vì nhàm chán phiền não nhân chấp, nên vẫn y theo tập khí cũ, nói cho họ nghe pháp Tứ đế, giúp họ dứt hết phiền nhân chấp não kia, kiến hoặc, và tu hoặc, khi dứt hai hoặc này, tất nhiên phải thấy lý bốn Chân đế, dùng Thánh đạo vô lậu dứt phiền não này.

Dứt kiến hoặc gọi là Dự lưu, chẳng phải trụ ở đạo đó mà gọi là Dự lưu. Dứt tu hoặc rồi, gọi là A-la-hán, như A-la-hán không có các hoặc, tuy có tên này, nhưng chỉ là hạnh Bồ-tát. Hai hạng tiệm và đốn đều thực hành hạnh Bồ-tát, đều thú hướng cầu quả Phật, tuy đều được gọi là Bồ-tát, nhưng người quanh co cũng được gọi là Thanh văn, vì nhờ âm thanh mà ngộ đạo, lại vốn là tiểu cơ, cũng được gọi là Bồ-tát, vì họ thú hướng cầu Đại Bồ-đề. Cho nên hàng Bồ-tát, vì muốn đến thẳng, nên chỉ gọi là Bồ-tát, không gọi là Thanh văn, vì vốn không phải nhờ âm thanh mà ngộ đạo, nên Phật dùng hai tên để chọn ra hai chúng đệ tử Tiệm, Đốn nên nói Vô lượng vô biên đệ tử Thanh văn, đều là A-la-hán, chẳng phải là con số đã được biết, các Bồ-tát cũng giống như thế.

Hỏi: Thế giới Chúng hương và thế giới Cực lạc đều là cõi Phật thanh tịnh của Đại thừa, vì sao thế giới Chúng Hương không có danh từ Thanh văn, Bích-chi-Phật, chỉ có chúng Đại Bồ-tát thanh tịnh, trong khi thế giới Cực lạc mới có vô lượng vô biên đệ tử Thanh văn, chúng Thanh văn này đâu phải là Tiểu thừa?

Thích: Hai Tịnh độ này tuy đều là cõi Phật của Đại thừa, nhưng Thánh chúng ở đó có thông, có hạn cục, thế giới Chúng Hương là chỉ là người thú hướng Đại thừa, đối với tám pháp tu hành của thế giới Ta-bà này không có tì vết, sinh về cõi Tịnh độ kia, chỉ nghe Đại thừa đốn giáo, nên kinh nói ở đó chỉ có Đại Bồ-tát thanh tịnh, không có danh từ Nhị thừa. Thế giới Cực lạc có cả các vị đại Thanh văn hồi tiểu hướng đại sinh Tịnh độ kia, nghe chung hai thứ đốn tiệm Đại thừa, gom cả hai giáo về một, phát thú Đại tâm, hành hạnh Bồ-tát, dùng tập khí đời trước dứt hoặc nhân chấp, tuy hành đạo Bồ-tát, nhưng trước đã dứt phiền não chướng rồi, nên được gọi là Thanh văn A-la-hán. Tuy nói Thanh văn, nhưng dùng âm thanh Phật đạo khiến cho tất cả được nghe; tuy gọi là A-la-hán nhưng xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của các thế gian, nên đều là cõi Đại thừa, hai chúng đến thẳng và đi vòng khác nhau.

Hỏi: Như trong thiện căn của phần tứ Quyết trạch trong Tiểu thừa thì noãn không thọ tà giáo, đảnh không dứt thiện căn, nhẫn không sinh đường ác, thế đệ nhất pháp chắc chắn vào Thánh đạo, đây tức là đến hạ phẩm nhẫn vị, mới được ác thú phi trạch diệt. Bồ-tát vì lợi sinh không bị biến dịch sinh tử, vẫn tự chưa được ba ác thú, phi trạch diệt, làm sao phàm phu cực ác một khi sinh Tịnh độ, một câu, mười câu xưng niệm danh hiệu Phật, liền được dứt hẳn ba đường ác mà không sinh trở lại?

Thích: Người ở vị thiện căn Quyết trạch phần của Tiểu thừa, ở cõi uế lui sụt, hai thiện căn noãn và đảnh còn bị thối vị, nên đến nhẫn thiện căn mới được ác thú phi trạch diệt. Nhưng tông Tát-bà-đa cũng chấp nhận nghĩa khác, trước nhẫn vị được ác thú, phi trạch diệt, nhưng không quyết định. Nay sinh Tây phương, vẫn ở chỗ thù thắng, thường thấy Thánh chúng, thường nghe pháp mầu, hạnh nguyện cao quý, niệm niệm tăng tiến, các nghiệp ác từ trước dần dần tiêu diệt, các thiện phẩm về sau, từng niệm tu thêm, thiếu duyên ác kia, nên được phi trạch diệt, được không lui sụt, nhờ nguyện lực nên đến các đường ác, cứu vớt chúng sinh đắm chìm, nguyện lực thọ sinh, không từ nghiệp mà đến, không rơi vào đường ác, nghĩa nó không trở ngại.

■

LUẬN THÍCH TỊNH ĐỘ QUẦN NGHI

QUYỂN 6

Hỏi: Tất cả các chúng sinh cầu sinh Tịnh độ, đều được vãng sinh hay cũng có người không được vãng sinh? Nếu đều được vãng sinh hết thì thế giới chúng sinh vô cùng do đâu, cõi nước Cực lạc có ngày chung tận, Phật A-di-đà có ngày Niết-bàn. Còn Bồ-tát Hoa Tụ và Bồ-tát Sơn Hải Tuệ không nên phát nguyện: "Nếu có chúng sinh nào chưa sinh hết về cõi nước của Phật A-di-đà, nếu tôi sinh trước, thì tôi sẽ không bao giờ thành Chánh giác." Cũng không được nói: "Chúng sinh sinh hết, tôi sinh sau cùng." Nếu có người không sinh, vì sao phạm các tội nặng như năm tội nghịch, mười điều ác, phỉ báng chánh pháp, mà được vãng sinh? Sao có người phạm tội còn hơn đây, lại không được sinh? Kinh nói: "Cũng khiến cho tất cả chúng sinh được sinh Tịnh độ. Người không được sinh, lẽ ra chẳng phải chúng sinh. Còn Đại Bi Thế Tôn, lòng Từ trùm khắp, vì sao chỉ cách một số mà không cho họ sinh? Đại bi vô hạn có lỗi không bình đẳng.

Thích: Ở đây có hai giải thích:

1. Tất cả chúng sinh đều được vãng sinh, vì Phật đại Bi, tâm không hạn lượng, khởi lòng Từ bình đẳng, đều cho lợi ích, thệ nguyện rộng lớn, không phân biệt oán thân, nên tất cả hữu tình đều được vãng sinh.

Như vậy trước lập vấn nạn, lại vì sao đáp chung.

Tuy đều khiến được sinh, nhưng chí nguyện của chúng sinh có nhiều thứ khác nhau, nên không tin chánh pháp, ưa thích Tiểu thừa, hoặc là ưa thích ở cõi uế, hoặc là lòng đại Bi cứu khổ, trụ ở cõi uế này, để cứu vớt chúng sinh, hoặc là thích vãng sinh về cõi nước Phật khác, tu hạnh cúng dường. Các tâm hạnh khác nhau như thế, không thể sinh Cực lạc. Tuy đều được sinh, nhưng không thể sinh hết, thí như tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, dù sẽ thành Phật, nhưng cũng chưa hẳn thành hết, nếu thành hết, thì thế giới chúng sinh cũng hết, ở đây cũng giống như thế, nghĩa trước không trở ngại, vả lại quán một loại cơ duyên chúng sinh thích sinh Tây phương sơ lược đã hết, Bồ-tát phát nguyện,

Như Lai diệt độ.

2. Cũng có người không được vãng sinh Tây phương, như kinh nói: “Người phải độ đã độ xong.” Còn nói: “Hóa duyên đã hết, thu thần Niết-bàn.” Y theo đây mà biết, đứng về có duyên mà nói, không căn cứ vào tất cả chúng sinh mà nói chung. Tuy tâm Phật rộng lớn khắp các thế giới chúng sinh, nhưng Ngài chỉ độ những người có duyên, nên căn cơ vãng sinh có chung tận. Như Lai có ngày diệt độ, Bồ-tát đến cuối cùng, Quán Âm thành vị Bổ xứ, nên người vãng sinh chẳng phải là khắp tất cả.

Hỏi: Đã nói Tịnh độ không có người nữ, vì sao kinh Cổ Âm Thanh Vương Đà-la-ni nói: “Phật A-di-đà, cõi nước của ngài tên là Thanh Thái, tòa thành an trụ của bậc Thánh vương, rộng mỗi bề mười ngàn do-tuần, trong đó đầy khắp những vị giòng Sát-lợi, tên cha là Nguyệt Thượng Chuyển luân Thánh vương, mẹ tên là Thù Thắng Diệu Nhan, con tên là Nguyệt Minh, người đệ tử thị giả tên là Vô Cấu Xưng, đệ tử trí tuệ tên là Lãm Quang, đệ tử thần túc tinh cần tên là Đại Hóa, Ma vương tên là Vô Thắng, Đề-bà-đạt-đa tên là Tịch Ý.” Nếu không có người nữ, vì sao có mẹ ư?

Thích: Ở đây có ba giải thích:

1. Phật có thân Thọ dụng, thân Biến hóa. Kinh Quán nói là thân Thọ dụng, còn kinh Cổ Âm Thanh Vương nói là thân Biến hóa. Lại trong thân Thọ dụng thì hóa ra các Bồ-tát phần đoạn sinh tử, hiện thân thai sinh, có cha mẹ... biến hóa ra dị vị, hiện thân hóa sinh, thì không có cha mẹ.

Cha mẹ, thành ấp này, đều là pháp công đức, như kinh Duy-ma-cật nói: “Bồ-tát trí độ làm mẹ, phương tiện làm cha.” Cũng lấy các công đức làm tên của nhiều người, nói các thứ pháp, như Văn-thù-sư-lợi ở phía Đông Giác thành gặp đồng tử Thiện Tài, phía Đông Giác thành vẫn là tên Công đức. Ở đây cũng giống như thế, lấy các công đức đó làm tên cha mẹ.

Nói cõi nước Thanh Thái, đây là hiển bày pháp giới thanh tịnh của Như Lai, tánh tịnh gọi là Thanh, thể rộng gọi là Thái, muôn đức y chỉ, nên nói là quốc. Thành đó rộng mỗi bề mười ngàn do-tuần, ở đây là hiển bày trí đại viên cảnh của Như Lai. Trí này bao gồm mười trí, có mười lực, do mười độ mà thành, nên gọi là mười ngàn do-tuần, trong đó đầy khắp những vị dòng họ Sát-lợi, dòng họ Sát-lợi là dòng họ vua. Trong cảnh trí ở Pháp vương có hằng sa công đức hạt giống các pháp, nên nói là đầy khắp các vị dòng họ Sát-lợi.

Cha tên Nguyệt Thượng, đây là Kim cang Tam-muội. Mặt trăng phá bóng tối là năng, Tam-muội trừ hoặc là dụng. Chuyển luân Thánh vương: Kim Luân Vương, các vị Túc Tán, Kim cang dụ định, hơn các Tam-muội khác. Sắc đẹp thù thắng, xét trong thân, gương mặt là nhất, trong sáu độ, Bát-nhã là tôn quý, Bát-nhã thù thắng, là mẹ của Đại sư. Tên con là Nhật Minh, Phật dụ như mặt trời, ánh sáng bậc nhất, công đức Bồ-tát, được gọi là con, kế đó gọi là Nguyệt Minh. Đệ tử thị giả tên là Vô Cấu Xưng, đây là hiển rõ tánh trí bình đẳng của Như Lai. Thường quán cảnh trí gọi là phụng sự. Không đi chung với hoặc, hiệu là Vô Cấu Xưng. Đệ tử trí tuệ tên Lãm Quang, Đây là hiển rõ trí Diệu Quan Sát của Như Lai. Tất cả các pháp đều rõ ràng, nên tên là Lãm Quang. Đệ tử Thần túc tên Đại Hóa, đây là hiển rõ trí thành sở tác của Như Lai. Khởi các thứ biến hiện trên thân, ngữ, ý, nên tên là Thần Túc. Đây là trí thứ ba. Tên người em ở sau cảnh trí, từ cảnh trí mà sinh gọi là con. Ma vương tên Vô Thắng, đây là hiển rõ công đức đại Bi của Như Lai. Phật dùng đại Bi thương xót hàm thức, thường ở trong sinh tử, cứu khổ hữu tình, ma ưa thích sinh tử nên gọi là Ma vương. Đại bi này vượt hơn bi của Nhị thừa, nên gọi là Vô Thắng. Đề-bà-đạt-đa tên là Tịch Ý, phiền não xao động, não loạn người tu hành. Dụ như Điều-đạt. Như Lai quán các phiền não là Niết-bàn, nên Đề-bà-đạt-đa tên là Tịch. Đây là đứng về các công đức để gọi tên cha mẹ, chẳng phải trong Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà có thai sinh cha mẹ.

Như kinh Bi Hoa nói: "Chư Phật thành đạo ở cõi tịnh và uế, chỗ hiện thành đạo có nhiều thứ khác nhau, hoặc có Bồ-tát sinh ở cõi kia, tu hạnh Bồ-tát, tức ở trong cõi nước đó thành Đẳng chánh giác, thế giới không thay đổi, danh hiệu và kiếp cũng không khác, hoặc có Bồ-tát sinh ở cõi nước kia, tức thành Đẳng chánh giác ở nước đó, danh hiệu và kiếp có tên gọi khác. Hoặc có Bồ-tát sinh ở cõi kia, tu hạnh Bồ-tát, thành Đẳng chánh giác ở nước đó, trong khi thành Phật, thế giới liền thay đổi, tốt đẹp hơn thế giới trước, danh hiệu và kiếp đều đổi khác." Như trong kinh Quán Âm Thọ Ký có nói đầy đủ. Hoặc có Bồ-tát đã sinh trong thế giới này, đi qua thế giới khác thành Đẳng chánh giác, đầy đủ như trong kinh Bi Hoa Trong nhân của Bồ-tát này phát nguyện khác nhau nên có sự khác nhau như thế.

Còn trong các kinh, hoặc có Bồ-tát đồng tử xuất gia, thành Đẳng chánh giác. Hoặc có Bồ-tát lấy vợ sinh con, xả bỏ năm dục, thành Đẳng chánh giác, hoặc có chúng sinh ở thế giới này thành đạo ở thế giới khác. Như kinh Pháp Hoa nói, như Long nữ sinh ở đường súc sinh của thế giới

Ta-bà này, về sau trụ ở phương Nam của thế giới Vô cấu, bỏ thân người nữ kia, liền thành người nam, thành Đẳng chánh giác.

Còn Hoa Quang Như Lai là ở trong thai sinh, ở trong Tịnh độ thành Đẳng chánh giác. Nên kinh nói: Khi Phật là vương tử, xả bỏ đất nước và vinh hoa ở đời, nơi thân sau cùng xuất gia thành Phật đạo. Từ đó mà biết Phật Hoa Quang thọ thai sinh ở thế giới khác, nơi Tịnh độ thành Đẳng chánh giác. Nếu chẳng phải thai sinh, thì đâu làm vương tử, bỏ nước bỏ đời vinh hoa ? Nay Phật A-di-đà cũng giống như vậy, ở trong cõi nước Thanh Thái thọ thai sinh, ở cõi nước Cực lạc thành Đẳng chánh giác.

Hỏi: Như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên... được năm thần thông, không vượt ra khỏi tam thiên đại thiên thế giới, tại sao sinh ở phàm phu kia mà có khả năng dưới đến thấy nghe thần thông, vượt qua trăm ngàn muôn ức thế giới chư Phật? Y cứ theo đây mà biết vãng sinh Tịnh độ, đều là những bậc Bồ-tát đại căn đại hạnh, phàm phu chẳng thể vãng sinh được.

Thích: Không thể cho cõi uế của bậc Thánh đã được năm thần thông hơn Tịnh độ của phàm phu, chỉ như định báo ngàn năm của Bắc Uất-đơn-việt, không trở ngại gì cho tuổi thọ tám muôn kiếp của cõi trời Phi tưởng phi phi tưởng, có người chết yểu ở khoảng giữa, đâu vì nghiệp báo của các vị trời lâu dài, không chấp nhận tuổi thọ có chết yểu giữa chừng. Tịnh độ cũng giống như vậy, tuy là phàm phu, vì nghiệp thọ sinh mạnh hơn, hoặc báo của Tịnh độ mạnh hơn, nương bản nguyện của Phật, hoặc nương oai linh của bậc Thánh, hoặc nhờ sinh duyên tốt, hoặc được diệu định Đại thừa, duyên đây được thần thông, bậc Thánh ở cõi này đâu có gì lạ? Còn trung ấm của năm đường sắp cầu thọ sinh, được nghiệp thần thông, siêu Nhị thừa tu được thần thông, đâu trở ngại gì việc chúng sinh Tịnh độ được thần thông hơn bậc Thánh ở cõi này? Nên kinh nói rằng: “Gốc lành vô lậu của Thanh văn, Độc giác, không bằng gốc lành hữu lậu của Bồ-tát sơ tâm mới học.”

Hỏi: Chẳng hay chúng sinh vãng sinh Tây phương là Phần đoạn sinh tử hay Biến dịch sinh tử?

Đáp: Bồ-tát ở cõi đó từ Bát địa trở lên, một bề là Biến dịch sinh tử; Thất địa trở xuống, Sơ quả trở lên, hoặc là Phần đoạn, hoặc là Biến dịch, đi thẳng lên Tam hiền và Thập tín, đều chỉ có Phần đoạn, nhưng tuổi thọ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, ba mươi hai tướng, thân màu vàng ròng, thân hư vô, thể vô cực, năm thần thông tự tại, vi diệu khó suy nghĩ bàn luận.

Hỏi: Ở Tịnh độ, nói không có khổ, chẳng hay trong ba khổ, tám khổ không có khổ nào?

Thích: Nếu theo Tiểu thừa nói Ta-bà kia, thân Phật còn có đủ ba thứ khổ, trong tám khổ, còn có năm khổ, đó là khổ sinh, khổ già, khổ bệnh, khổ chết, khổ năm thủ uẩn, chỉ không có ba thứ khổ là khổ ái biệt ly, khổ oán tắng hội, khổ cầu bất đắc, vì thân Như Lai mười lăm giới là hữu lậu, nghĩa là năm căn, năm trần và năm thức, ba cõi có cả hữu lậu và vô lậu, nghĩa là ý giới, pháp giới, ý thức giới, vì là thân hữu lậu, có năm thứ khổ như sinh... nhưng dứt các kết sử phiền não, như tham, sân, si... không có ba thứ khổ. Vì khổ ái biệt ly là ái kết, khổ oán tắng hội là sân kết, khổ cầu bất đắc là tham kết. Phật tuy thương xót các Thích tử bị vua Lưu Ly tru diệt, nhưng không có khổ ái biệt ly; Điều-đạt làm ra máu, Chiến-già độn bụng, hầm lửa cơm độc, các thứ khổ nhóm họp đến, chẳng có khổ oán tắng hội, vào xóm khất thực, bát không trở về, gặp đời đói khát, cầu xin không được, tuy thuộc việc này, nhưng chẳng có khổ cầu bất đắc. Trong Đại thừa, thì năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới của Phật Thế Tôn, đều là vô lậu.

Kinh Niết-bàn có câu: “Điều chư Phật dạy gọi là Pháp, vì pháp thường nên chư Phật cũng thường.” Kinh lại chép: “Xả sắc vô thường được sắc thường; thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy.” Duy-ma-cật nói: “Thân Phật vô lậu, các lậu đã dứt.” Như thế các kinh Đại thừa đều nói thân Phật chỉ là vô lậu, ba khổ, tám khổ chỉ là hữu lậu, nên thân chư Phật không có các khổ. Từ Thập địa trở xuống, phàm phu trở lên, có hai giải thích:

1. Trong ba khổ có hành khổ và hoại khổ, trong tám khổ có một khổ, là khổ năm thủ uẩn, vì từ Thập địa trở xuống, do thọ các báo thân hữu lậu là Biến dịch, và phần đoạn, còn ở hành khổ thì có hữu lậu đổi dời, đó là hành khổ những niềm vui hữu lậu là những niềm vui khi sống, khi trụ thì lạc, khi hoại thì khổ, nên có hoại khổ. Điều đó không bức bách thân tâm buồn khổ, chỉ không có khổ khổ. Ban đầu thọ thân, tuy gọi là sinh, chẳng phải là chỗ nương của các khổ, lại không có thai tạng ép ngặt, nên không có khổ sinh. Mạng rất lâu dài, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, dù khiến cho phàm phu, còn vào trong Biến dịch sinh tử, nhưng cuối cùng thành Phật, không có khổ chết. Xả mạng kia, nguyện sinh cõi uế, để cứu độ chúng sinh khổ, tuy chết cũng không khổ, vì tâm vui vẻ, nguyện xả báo tu Từ bi. Đây là báo năm uẩn, từ hoặc sinh ra, thể là hữu lậu, tức là năm thủ uẩn. Cõi nước thanh tịnh của Phật, bốn đại an ổn, nên không có khổ bệnh, thân không suy tổn, nên không có khổ; già,

bạn tốt thường nhóm hợp, nên không có khổ ái biệt ly, người ác không sinh, nên không có khổ oán tắng hội; duyên giúp đỡ không thiếu, nên không có khổ cầu bất đắc.

2. Thế giới Cực lạc tám khổ đồng như trước, trong ba khổ chỉ có hành khổ, do chịu phần đoạn, biến dịch, tuy có lạc thọ, nhưng chỉ có thanh tịnh, thường hằng nối nhau, không có đứt quãng, cuối cùng mãi chứng được cái vui tịch diệt, dù có một chút ngừng nghỉ, mà không có khổ sinh, chẳng có khổ hoại, nên Tịnh độ kia nói không có khổ là khổ khổ và hoại khổ.

Hỏi: Tịnh độ kia tuy không có khổ khổ, mà còn có hành khổ, như thế làm sao được gọi là Cực lạc?

Thích: Trong ba khổ chỉ có một khổ, trong tám khổ đó cũng chỉ có một khổ. Trong ba không có hai, trong tám thiếu bảy, tuy có một thứ nhưng không gọi là có khổ, như kinh Niết-bàn nói: "Như sông ít nước cũng gọi là vô thủy; như thức ăn ít muối, cũng gọi là vô diêm." Lại như Tỳ-đàm nói rằng: "Biển cả một giọt nước, Tu-di một hạt bụi, không thể nói có núi biển." Ở đây cũng giống như vậy, dù có một ít khổ, cũng không trở ngại gọi là Cực lạc. Còn ép ngặt không an, ở thân ở tâm thì gọi là lo khổ; cõi đó đều không, gọi là Cực lạc.

Hỏi: Kinh Quán nói: "Phân thân hóa Phật A-di-đà, hóa Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, tụ hội ở thế giới Cực lạc, độ chúng sinh khổ", cõi đó đã gọi là Cực lạc, thì lẽ ra không có chúng sinh khổ, vì sao nói nhóm họp ở cõi nước Cực lạc độ chúng sinh khổ? Lại, ở đây nói độ chúng sinh khổ là độ chúng sinh khổ của tự độ hay độ chúng sinh khổ của tha độ?

Thích: Độ cả chúng sinh khổ của tự độ và tha độ.

Hỏi: Tự độ đã không có chúng sinh khổ, vì sao lại độ những chúng sinh khổ của tự độ? Tha độ tuy có chúng sinh khổ, lẽ ra phải đến họ độ khổ, vì sao phải nhóm họp ở Cực lạc, xa độ khổ ở phương khác?

Đáp: Chúng sinh tự quốc tuy không khổ, nhưng có hai thứ sinh tử: Phần đoạn và Biến dịch, khổ hành khổ của hữu lậu hữu vi, Như Lai đồng nhóm họp nói pháp mầu cho nghe, khiến nhanh chóng xa lìa hai thứ khổ sinh tử, thành tựu pháp thân, nên gọi là độ khổ.

Chúng sinh nước khác hoặc phải đích thân tự cứu khổ, nên phân thân Phật trùm khắp mười phương. Như chúng sinh cõi này Tịnh nghiệp đã thành, khi qua đời hóa Phật đến rước, hoặc phải trở về, xa làm lợi ích, nên phải nhóm họp nơi bản quốc, từ xa cứu vớt đắm chìm. Hoặc nói độ chúng sinh khổ, Hóa Phật nhóm họp trong tự độ, giáo hóa các Bồ-tát, giáo hóa các Bồ-tát, giúp họ khởi tâm đại bi, bỏ cõi an vui của mình,

được sinh về phương khác, thực hành hạnh đại Bi, giáo hóa chúng sinh có duyên trong mười phương, nên nói nhóm họp các chúng sinh khổ ở cõi nước Cực lạc.

Như kinh luận nói: Bồ-tát Bát địa vì phần nhiều tịch chứng lý chân như, không chịu xuất định giáo hóa chúng sinh, chư Phật xoa đảnh khuyên họ xuất định giáo hóa chúng sinh, chính là nghĩa đó. Nên kinh Duy-ma nói: "Bồ-tát ở cõi này có tâm đại Bi vững chắc đối với chúng sinh." Lại nói: "Người này mới có thể bỏ cõi Tịnh độ thanh tịnh mà thích đến chỗ nhiều oán hại."

Hỏi: Kinh A-di-đà nói: "Chúng sinh ở nước kia không có các thứ khổ, chỉ hưởng những điều vui." Không biết trong tám thức có mấy thức tương ưng với lạc thọ?

Thích: Trong tám thức, thức thứ bảy và thức thứ tám một bề nối nhau, cảnh duyên sâu kín, khó có thể hiểu biết. Dù ở trong chỗ rất đau khổ của địa ngục A-tỳ, dù sinh trong chỗ Cực lạc Tam thiền, nhưng hai thức này chỉ tương ưng với xả thọ, cho đến trí Đại viên Cảnh, trí Bình đẳng tánh của quả Phật tương ưng với tịnh thức, cũng chỉ thường tương ưng với xả thọ. Lấy đây làm chuẩn mà biết, thức thứ bảy, thứ tám ở thế giới Cực lạc thường tương ưng với xả thọ, ngoài ra sáu chuyển thức tương ưng với ba thọ, đó là hỷ, lạc, xả. Tại ý thì tương ưng với hỷ, lạc, thọ, tại năm thức thì tương ưng với lạc thọ, xả thọ thì tương ưng chung với tất cả. Vì kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: "Không có tất cả thân tâm buồn khổ, chỉ có vô lượng thanh tịnh hỷ lạc, thế nên gọi là thế giới Cực lạc." Lấy đây làm chuẩn mà biết, trong sáu thức ở Tịnh độ, chỉ không có ưu khổ, không trở ngại có xả, vì sau các tâm hỷ lạc, cho đến giai vị tiết giảm, phần nhiều tương ưng với xả thọ kia. Lại xả thọ kia, thể của nó không ép ngặt, do thiện nghiệp chiêu cảm, nên được tương ưng với xả thọ.

Còn chúng sinh kia khởi Vị chí định và Đệ tứ thiền tĩnh lự các định trở lên ở khoảng giữa, vì sao không cho tương ưng với xả thọ? Lấy đây làm chuẩn mà biết, tuy gọi là Cực lạc, nhưng cũng được tương ưng với xả thọ. Nếu nói không đúng, thì kia cũng không được tương ưng với hỷ, vì cõi kia tên là thế giới Cực lạc. Tuy cõi tên Cực lạc, nhưng được tương ưng với hỷ, đâu ngại gì tên Cực lạc thế giới cũng tương ưng với xả thọ?

Hỏi: Về phần đoạn sinh tử, văn luận Đại Trí Độ... cũng nói thọ trùng thân, nhục thân. Kinh Đại Phẩm nói: "Trong thân của Bồ-tát A-bệ-bạt trí không có tám muôn hộ trùng." Họ đã có phần đoạn sinh tử,

thì phải có trùng trong thân. Nếu có, kinh A-di-đà nói: "Cõi nước Phật kia, không có ba đường ác." Vì sao kia nói có tám muôn hộ trùng, tiến thoái trái nhau, giải thích như thế nào?

Thích: Chúng sinh ở Tịnh độ tuy chịu phần đoạn, mà không có tám muôn hộ trùng, luận Đại Trí Độ và kinh Đại Phẩm nói thân trùng là nói theo cõi uế. Vả lại cõi uế, các vị trời cõi sắc tuy là phàm phu, trong thân còn không có tám muôn hộ trùng, và ba tai khởi, vào cuối kiếp hoại, trước hết hoại ba đường ác, bấy giờ sở thọ trong thân người vẫn tự không có tám muôn hộ trùng, vì ba đường ác trước đã hoại hết, huống chi sắc thân Tịnh độ thanh tịnh, tuy là phần đoạn, mà không có các thân trùng này.

Hỏi: Vì sao kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: "Tây phương cách thế giới này trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa cõi Phật", đây thật là xứ xa trong bốn chỗ xa. Kinh Quán nói: "Phật A-di-đà cách đây không xa." Hai văn trái nhau, xin giải thích ý nghĩa.

Thích: Xét cõi Cực lạc cách thế giới này trăm ngàn câu-chi na-dữu-đa cõi Phật, thật là chỗ xa, ở đây nói không xa, tự có nghĩa khác tạm đưa ra mười giải thích để hiểu văn này:

- Phật lực không xa.
- Phương tiện không xa.
- Ứng hiện không xa.
- Tự tâm không xa.
- Thủ hộ không xa.
- Hữu duyên không xa.
- Bản nguyện không xa.
- Lai nghênh không xa.
- Vãng sinh không xa.
- Không buông lung không xa.

1. Phật lực, kinh nói: "Nhờ Phật lực, nên được thấy Tây phương kia."

2. Phương tiện, kinh nói: "Có phương tiện lạ, giúp ông được thấy."

3. Ứng hiện, kinh nói: "Phật A-di-đà đứng trong hư không."

4. Tự tâm, kinh nói: "Tâm này làm Phật, tâm này là Phật."

5. Thủ hộ, kinh nói: "Thường đến chỗ người tu hành."

6. Hữu duyên, kinh nói: "Chúng sinh nào có duyên đều được thấy."

7. Bản nguyện, kinh nói: "Vì nguyện lực đời trước, nên có nhớ

tưởng ắt được thành tựu.”

8. Lai nghênh, kinh nói: “Cùng các hóa Phật đến đón rước người tu hành.”

9. Vãng sinh, kinh nói: “Như khoảng thời gian búng ngón tay, liền sinh về nước kia.”

10. Không buông lung, như kinh Niết-bàn, quyển 30 nói: “Người buông lung, tuy được gần Phật và đệ tử Phật, vẫn gọi là xa.”

Nay chỉ nên chuyên tâm, không nên buông lung, thì gọi là gần Phật, không gọi là xa. Vì đủ mười nghĩa này, nên gọi là không xa.

Hỏi: kinh Quán nói: “Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, biển Chánh biến tri của chư Phật từ tâm tưởng sinh.” Vì sao tâm này có thể làm Phật?

Thích: Xét theo lý Duy thức, ngoài tâm ra không có pháp nào khác, muôn pháp, muôn tướng đều là tự tâm, nên luận Khởi Tín nói: “Tâm sinh các pháp sinh, tâm diệt các pháp diệt.” Kinh Duy-ma nói: “Hễ tâm người thanh tịnh, thì cõi Phật thanh tịnh.” Kinh nói tiếp: “Vì tâm uế nên chúng sinh uế, tâm thanh tịnh nên chúng sinh thanh tịnh.” Nên biết muôn pháp đều do tâm biến hiện. Trong lúc dùng tâm này quán Tịnh độ của Đức Phật kia, Phật A-di-đà là tướng của bản tánh, chúng sinh quán tâm duyên với Như Lai kia, không thể ngoài tâm thấy tướng thật của Phật, phải quán tâm biến thành tướng ảnh tượng, tướng của ảnh tượng này gọi là tướng phần, tâm năng quán là Kiến phần, kiến phần và tướng phần đều không rời tự chứng phần, năng lực của kiến phần có thể hiện tướng phần, nên gọi là tâm làm Phật, tướng phần này gọi là tâm tự chứng phần, không có tự thể khác, nên gọi tâm này là Phật.

Muốn quán tất cả công đức của Như Lai, đều dùng tự tâm để biến ra ảnh tượng, nên nói biển Chánh biến tri của chư Phật từ tâm tưởng sinh ra, hoặc do tâm tưởng tu các hạnh, là nhân muôn đức gọi là biển Chánh biến tri từ tâm tưởng sinh ra nên kinh Hiền Hộ quyển hai nói: “Bồ-tát cũng giống như thế, nhất tâm khéo suy nghĩ thấy các Như Lai, thấy rồi liền trụ, trụ rồi hỏi nghĩa, giải thích vui mừng, liền có thể tư duy: Nay Đức Phật này từ nơi nào đến? Còn thân này của ta từ đâu ra? Quán Đức Như Lai kia, hoàn toàn không có chỗ đến, cho đến chỗ đi. Thân ta cũng giống như vậy, vốn không có chỗ ra, há có chỗ chuyển hoàn?Họ lại phải suy nghĩ như thế. Nay ba cõi duy tâm này, tâm này có Phật. Vì sao? Vì tùy theo tâm niệm của người mà, trở lại tự thấy tâm mình. Nay ta từ tâm thấy Phật, tâm ta làm Phật, tâm ta thấy Phật. Tâm

ta là Như Lai, tâm ta là thân ta, tâm ta thấy Phật, tâm không biết Phật, tâm không thấy tâm.”

Kinh Hoa Nghiêm cũng nói:

Tâm như người họa sĩ
Họa các thứ năm ấm
Trong tất cả thế gian
Không pháp nào chẳng tạo
Như tâm, Phật cũng thế,
Phật cũng như chúng sinh
Tâm, Phật và chúng sinh
Ba thứ không khác nhau.

Địa vị tâm có cấu, gọi là chúng sinh; khi tâm hoàn toàn thanh tịnh, gọi là làm Phật, chính là nghĩa đó.

Hỏi: Kinh Quán nói: “Nếu thấy sợi lông trắng giữa hai đầu chân mày, thì tám muôn bốn ngàn tướng tự nhiên thấy” làm sao thấy được tướng vô kiến đảnh?

Thích: Có chỗ giải thích rằng: “Tướng vô kiến đảnh này, đã gọi là vô kiến đảnh, thì thật không thể thấy, nhưng nói thấy tám muôn bốn ngàn tướng, sự thật chỗ này đã trừ vô kiến đảnh tướng, chỉ thấy khoảng tám muôn ba ngàn chín trăm chín mươi chín tướng, lấy ít theo nhiều, gọi chung là thấy, thật ra không thấy tướng này. Nếu không như vậy thì danh nghĩa sẽ trái nhau, như núi Tu-di bị thiêu, chỉ còn lại một hạt bụi, biển cả sắp cạn, chỉ còn lại một giọt, không thể nói còn lại núi biển, ở đây cũng giống như thế, quán chung các tướng, thảy đều trùm khắp, chỉ có một tướng này không thể quán thấy, không thể nói không quán các tướng.

Có chỗ giải thích rằng: Tướng này tuy không đồng với các tướng, nhưng phần nhiều không thấy, gọi là tướng vô kiến đảnh. Uy thần lực của Phật che chở chúng sinh, trong quán hạnh lại được thấy. Nhưng thân Tha thọ dụng, thân Biến hóa, từ đầu đến chân, đều là vật hiện, khiến được chiêm ngưỡng, lợi ích hữu tình. Cái không được thấy, thì không lợi ích, sao được gọi là thân Tha thọ dụng? Tức một tướng này chẳng phải tha thọ dụng, vì đã hiển tướng này cao quý bậc nhất, khiến cho vật tôn trọng phần nhiều không được thấy, nên gọi là tướng Vô kiến đảnh. Lại vì chúng sinh hiện các tướng này, khiến cho Tha thọ dụng tôn trọng tu, đâu ngại được thấy? Như Phật Thích-ca vì cạo tóc thấy đảnh, Đức Phật kia cũng như vậy, không thể chấp văn để chọn lấy nghĩa, tức là khiến cho tất cả chúng sinh đều nhìn thấy tướng này.

Hỏi: Như trong pháp quán thứ chín của kinh Quán, nói vốn muốn quán thân tưởng ánh sáng của Phật A-di-đà thì chỉ được quán thấy Phật A-di-đà, vì sao thấy Phật A-di-đà, mới được thấy chư Phật mười phương?

Thích: Ở đây có ba nghĩa được thấy chư Phật mười phương:

l. Do công đức chư Phật thảyđều đồng đẳng, đều có tự lợi lợi tha, hóa ích bình đẳng, cho nên quán một Đức Phật thì thấy chư Phật mười phương, nên Văn-thù Bát-nhã nói Nhất hạnh Tam-muội: "Hay đối với một Đức Phật niệm niệm nối nhau, tức là trong một niệm có thể thấy chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì sao? Vì niệm một Đức Phật có công đức vô lượng vô biên, cũng bằng với vô lượng công đức chư Phật, không thể suy nghĩ bàn luận, Phật pháp bình đẳng không khác nhau, đều nương vào nhất như, thành Tối Chánh Giác, tất cả đều có công đức biện tài vô lượng."

2. Vì thấy một Đức Phật được niệm Phật Tam-muội, trừ chướng diệt tội, cho nên có thể thấy chung chư Phật mười phương.

3. Phật A-di-đà ánh sáng chiếu khắp các thế giới ở mười phương, nhờ ánh sáng mà thấy chư Phật mười phương. Kinh Bát-Chu Tam-muội nói: Bồ-tát Bạt-đà-hòa thưa hỏi Phật Thích-ca Mâu-ni rằng: "Chúng sinh đời vị lai làm sao thấy được chư Phật mười phương?" Phật dạy niệm Phật A-di-đà, liền thấy tất cả chư Phật mười phương, vì Đức Phật này đặc biệt có duyên với chúng sinh cõi Ta-bà, trước hết đối Đức Phật này chuyên tâm xưng niệm, Tam-muội dễ thành, trừ chướng diệt tội, ánh sáng chiếu khắp, thấy chư Phật mười phương.

Hỏi: Kinh Quán nói: "Thực hành quán này, sinh trước chư Phật." Vì sao quán Phật A-di-đà nguyện sinh Tây phương? Chỉ nên nói sinh trước Phật A-di-đà, là nói sinh trước chư Phật?

Thích: Ở đây có bốn giải thích:

Khi quán chân thân thứ chín này, chẳng phải gặp ngay Đức Phật A-di-đà, cũng thấy tất cả chư Phật mười phương, thế nên chẳng sinh ngay về cõi nước Cực lạc, mà cũng được tùy nguyện sinh về cõi nước của chư Phật, nên nói là sinh trước chư Phật.

Tuy thấy chư Phật mười phương, nhưng tu pháp quán này, vốn mô phỏng theo vãng sinh Tây phương, vì sao sinh về cả các cõi nước của chư Phật? Nhưng nói trước chư Phật, là vì pháp quán này là thắng hạnh, khi hành giả được sinh Tây phương, chẳng phải gặp ngay Đức Phật A-di-đà, liền thấy tất cả chư Phật mười phương, nên nói sinh trước chư Phật.

Đức Phật A-di-đà này tuy là một thân, nhưng trong nước hóa số Phật, nhiều vô lượng. Khi hành giả mới sinh, hóa Phật nhóm họp, đều đến xoa đảnh, nói pháp cho nghe, vì hóa Phật chẳng phải một, nên nói sinh trước chư Phật.

Phật A-di-đà tuy hiện một thân, mà thân này nhiều Phật đồng biến, tướng tuy là một nhưng thể của nó thật nhiều, vì phần nhiều chư Phật đối với chúng sinh đều có duyên, đều cùng biến, Phật A-di-đà đồng ở một chỗ, giống như nhiều ngọn đèn, ánh sáng đều riêng, nhưng không chướng ngại nhau, dường như đồng một ánh sáng. Thân Phật cũng giống như vậy, mỗi Đức Phật đều biến một thân, tuy dường như một thân, mà thật ra nhiều thân, tuy sinh trước một Đức Phật, cũng gọi là sinh trước chư Phật.

Hỏi: Kinh Pháp Hoa nói: "Dù cho đầy khắp trong thế gian, đều như Xá-lợi-phất, cùng nhau chung suy lường, cũng không thể lường được trí Phật. Đây tức là phàm phu, Nhị thừa không thể so được với trí Phật. Còn văn luận nói: Các tha tâm trí như địa độ, nhân độ, căn độ không được duyên với nhau, vì sao kinh Quán nói: "Nếu thấy thân Phật, tức thấy tâm Phật, tâm Phật là tâm từ Bi?" Có kinh nói: "Di hầu hiến mật, cũng biết tâm Phật." Lại có kinh nói: "Đại Mục-kiền-liên dùng tha tâm trí quán tâm niệm của Phật, A-nan là thị giả, giống như mặt trời xuất hiện ở phương Đông, chiếu ở vách Tây", ở trước kinh nói không thể lường được trí Phật, ở sau kinh lại nói có thể quán tâm Phật, hai kinh đã khác nhau, làm sao giải thích chung?

Thích: Tát-bà-đa bộ giải thích nghĩa này. Phật có hai thứ tâm: Từng được tâm và chưa từng được tâm. Nếu Phật chưa từng khởi được tâm thì Xá-lợi-phất... đều suy nghĩ đo lường không thể biết được; nếu khởi từng được tâm, cho đến Di hầu, cũng biết tâm Phật. Kinh Giải Thâm Mật Phật tự giải thích rằng: "Tâm kiến phần của Phật, Bồ-tát Thập địa không thể biết được, khởi tâm tướng phần, tất cả phàm phu thảy đều biết." Nay nói cũng thấy tâm Phật, là thấy tâm của Kiến Tướng phần.

Kinh nói: "Tâm Phật là đại Từ bi." Nhưng Phật có duyên lý nội chứng trí tâm, có duyên sự ngoại quán chúng sinh tâm. Như duyên lý nội chứng trí tâm, là tâm tự chứng phần, Phật Phật mới biết nhau, Thập địa không thể suy lường; còn duyên sự ngoại quán chúng sinh tâm, là tâm kiến phần, cũng Phật Phật mới biết nhau, Thập địa không thể suy lường; Duyên lý và sự ngoại quán chúng sinh tâm tướng phần, được Như Lai che chở, cho đến Di hầu cũng biết tâm Phật.

Hỏi: Người sinh chín phẩm y theo địa vị nào để chia ra chín

phẩm?

Thích: Thô chia ra chín phẩm là có ở hai nhà; tế chia ra chín phẩm thì có nhiều thuyết nói hai nhà:

1. Chín phẩm này đều là Bồ-tát Thập tín, y cứ theo trụ, y cứ theo thối, mà tạo thiện, tạo ác, lên xuống khác nhau, chia thành chín phẩm: Người ở ba phẩm đầu là người Thập tín bất thoái trụ bản vị, thực hành có sâu cạn, thành ba phẩm trên, người ở ba phẩm trung thối tâm Đại thừa, phát ý Tiểu thừa, thoái hạnh Đại thừa, tu hạnh nghiệp Tiểu thừa, hạn có sâu cạn thành ba phẩm trung. Ba phẩm dưới, ngươi thoái tâm Đại thừa, khởi tâm sinh tử, thoái hạnh Đại thừa tạo tạo tội sinh tử, tạo tội có nặng nhẹ, thành ba phẩm dưới.

2. Phát tâm Đại Bồ-đề, tu hành hạnh Bồ-tát, hạnh có cạn sâu thành ba phẩm trên. Phát tâm tiểu Bồ-đề, tu hành hạnh Thanh văn, hạnh có cạn sâu thành ra ba phẩm trung. Không phát tâm Nhị thừa Đại, Tiểu, không tu hạnh Đại và Tiểu thừa, chỉ khởi tâm sinh diệt, chỉ tạo tội sinh tử, tạo tội có nặng nhẹ thành ra ba phẩm dưới. Đây tức là thô phần chín phẩm.

Tế phần chín phẩm: Ba hạng người ở ba phẩm trên, các sư đều chọn hay bỏ, có nhiều thứ đồng, dị.

Sư nói: Thượng phẩm thượng sinh là Tứ, Ngũ, Lục địa Bồ-tát. Thượng phẩm trung sinh là Nhất, Nhị, Tam địa Bồ-tát; Thượng phẩm hạ sinh là ba mươi tâm địa tiền.

Sư nói: Thượng phẩm thượng sinh, là Thập Hồi Hướng; Thượng phẩm trung sinh, là Thập hạnh; Thượng phẩm hạ sinh, là Thập trụ.

Sư nói: Thượng phẩm thượng sinh, là ba mươi tâm Địa tiền; Thượng phẩm trung sinh, là Thập tín mạt tâm; Thượng phẩm hạ sinh, là Thập tín Sơ tâm.

Sư nói: Thượng phẩm thượng sinh, là Thập hạnh, Thập hồi hướng; Thượng phẩm trung sinh, là Thập trụ; Thượng phẩm hạ sinh, là Thập tín.

Sư nói: Thượng phẩm thượng sinh là Thập trụ sơ tâm; Thượng phẩm trung sinh, là Thập tín hậu vị; Thượng phẩm hạ sinh, là Thập tín sơ vị.

Sư nói: Thượng phẩm thượng sinh, lấy Thập tín và trước Thập tín có thể phát ba tâm, có thể tu ba hạnh, đều gọi là Thượng phẩm thượng sinh, Thượng phẩm trung sinh, Thượng phẩm hạ sinh, chỉ chọn Thập tín trở xuống phát tâm Bồ-đề, phàm phu tu thiện, khởi hạnh cạn sâu, chia làm hai phẩm. Cho nên các sư đều phán ba phẩm này cao thấp khác

nhau, vì Vô sinh pháp nhẫn, kinh luận phán lập hoặc hạ hoặc thượng. kinh Nhân Vương Bát-nhã nói: “Vô sinh pháp nhẫn ở địa thứ bảy, tám, chín.” Trong các luận nói Vô sinh pháp nhẫn ở Sơ địa, hoặc ở Nhẫn vị; kinh Bồ-tát Anh Lạc nói Vô sinh pháp nhẫn ở Thập trụ vị, kinh Hoa Nghiêm nói Vô sinh pháp nhẫn ở Thập tín vị. Kinh Chiêm Sát nói Vô sinh pháp nhẫn ở phàm phu vị trước Thập tín. Nên các sư mỗi vị đều căn cứ vào một vị được Vô sinh pháp nhẫn, mà chia làm ba phẩm thượng, cao thấp khác nhau.

Trong ba phẩm Trung, một sư nói: Trung phẩm thượng sinh, là người trong ba quả, Trung phẩm trung sinh là người ở Thất phương tiện, trung phẩm hạ sinh là người giải thoát phần thiện căn.

Một sư nói: Trung phẩm thượng sinh, là người ở Nhẫn vị, Trung phẩm trung sinh, là người Đảnh vị, Trung phẩm hạ sinh, là người Noãn vị.

Một sư nói: Trung phẩm thượng sinh, là người Noãn, Đảnh, Nhẫn vị, Trung phẩm trung sinh, là người tiền Tam giải thoát phần thiện căn; Trung phẩm hạ sinh là người từng gieo trồng giải thoát phần thiện căn.

Một sư nói: Người ở ba phẩm trung đều là người giải thoát phần thiện căn, chỉ y cứ giữ giới có sâu cạn, và người không trì giới, chỉ làm việc lành ở đời, mà chia làm ba phẩm, không đứng về vị thượng hạ để chia thành ba phẩm. Người ở ba phẩm hạ, chỉ y cứ vào gặp duyên tạo tội nhiều ít, nặng nhẹ khác nhau mà chia thành ba phẩm hạ, không có địa vị riêng.

Vô sinh pháp nhẫn có sáu vị:

1. Văn Tuệ trước Thập tín.
2. Sinh giải thoát sau Thập tín.
3. Tư Tuệ sau Thập trụ.
4. Tu Tuệ sau Noãn.
5. Chứng đắc ở Sơ địa.
6. Tương tục ở Bát địa.

Trong nhân này quả Phật viên mãn.

Hỏi: Không biết vãng sinh đều được Bất thoái hay sao mà Thượng phẩm trung sinh nói: “Trải qua bảy ngày, ứng thời liền không còn lui sụt đối với A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?”

Thích: Người ở Thượng phẩm trung sinh này, người ở năm tâm của Thập tín trở xuống, tâm Thập tín thứ sáu gọi là Bất thoái tâm, sinh trải qua bảy ngày, được tâm Bất thoái thứ sáu kia, nên gọi là Bồ-đề được không lui sụt. Khi mới vãng sinh liền gọi là Bất thoái, đây nói theo chỗ

Bất thoái. Hai văn kinh này đều căn cứ một nghĩa, không trái nhau.

Hỏi: Vì sao chín phẩm vãng sinh đều được Đức Phật A-di-đà nương bản nguyện đến đón rước người tu hành, vãng sinh cõi nước Phật, chỉ có Trung phẩm hạ sinh, không nói Thánh chúng đến đón rước là có ý gì?

Thích: Theo bốn mươi tám đại thệ nguyện, nếu không đến đón rước thì không thành Chánh giác. Lại sinh ở ba phẩm hạ, vẫn được Thánh đến rước, chuẩn trên chuẩn dưới, lẽ ra nên có Thánh đón rước. Nhưng không trình bày, có lẽ do người phiên dịch sơ sót, hoặc lược mà không nói. Có giải thích ba người ở phẩm trung, Phật dùng đại Từ đại Bi, khi người qua đời đến đón rước, chẳng phải là bản nguyện. Trung phẩm hạ sinh, Phật không đến rước, chẳng phải là văn kinh sơ sót, vì trong bốn mươi tám hoằng thệ nguyện nói: "Nếu ta được thành Phật, chúng sinh trong mười phương phát tâm Bồ-đề, tu các công đức, chí tâm phát nguyện, muốn sinh nước ta, khi mạng chung mà ta không cùng đại chúng hiện ở trước người đó, thì ta không thành Chánh giác." Trong nguyện này đã nói: Phát tâm Bồ-đề, tu các công đức, không cùng đại chúng hiện trước mặt người đó thì không thành Chánh giác. Phát tâm Bồ-đề này, là phát tâm Vô thượng Đại Bồ-đề, người trong ba phẩm trung vẫn chưa phát tâm Vô thượng Bồ-đề, chỉ tu các công đức, nguyện muốn vãng sinh, tuy được vãng sinh, nhưng Phật không đến rước, không trái bản nguyện. Vì không phát tâm Bồ-đề, là không đúng với đại thệ nguyện.

Trong kinh Dược Sư nói tám vị Bồ-tát thị hiện ra con đường, khiến sinh Tây phương, đây tức là Phật không đến rước, nếu Phật đến rước thì Phật tự dẫn đi, được đi Tây phương, cần gì Phật Dược Sư Lưu Ly Quang sai tám vị Bồ-tát thị hiện ra con đường đó? Nên biết không có Phật, cho nên Phật không đến rước, cũng không trái với bản nguyện, vì người đó trước có tu đạo, vì chẳng phải chuyên tâm quyết định, không phải dốc lòng phát nguyện, muốn sinh về cõi nước kia. Trong kinh Dược Sư nói mà chưa định, nếu là dốc lòng phát nguyện, tức chẳng phải là người bất định. Còn hạnh của kinh kia đã nói, là người ở ba phẩm trung, chẳng phải bản nguyện. Còn kinh Bồ-tát Xử Thai nói, chúng sinh tu nghiệp Tây phương, phần nhiều không được sinh Tây phương, mà sinh ở nước Giải mạn, đây chẳng phải chuyên tu nghiệp Tây phương, người dốc lòng phát nguyện, vì hạnh nghiệp không chuyên, phát nguyện không đến, không đúng bản nguyện, nên không đến rước. Nếu Phật đến rước thì thành nghiệp Tịnh độ Tây phương, đâu Phật rước mà sinh nước Giải mạn? Kinh Vô Lượng Thọ nói người ở ba bậc đều phát tâm Vô thượng

Bồ-đề, đều được Phật rước, dù cho không thấy, vẫn ở trong mộng thấy mà được vãng sinh.

Hỏi: Vì sao kinh Quán nói Hạ phẩm thượng sinh, dốc lòng xưng Phật, diệt tội nặng trong năm mươi ức kiếp sinh tử, Hạ phẩm trung sinh nghe công Đức Phật, Hạ phẩm hạ sinh xưng danh Đức Phật kia, đều diệt tội nặng tám mươi ức kiếp sinh tử? Vì sao đồng niệm một Đức Phật, công đức giống nhau, nhưng diệt tội lỗi kia thì công đức nhiều ít có khác?

Đáp: Ở đây có hai ý:

1. Niệm Phật công đức, đúng theo lý, lẽ ra diệt tội không khác nhau, nhưng vì người tội trong ba phẩm nghiệp ác có nhiều ít: Hạ phẩm thượng sinh tội ít, chỉ có tội trong năm mươi ức kiếp, chướng sinh Tây phương, người ở hai phẩm dưới tội dần dần nhiều, nên có tội trong tám mươi ức kiếp. Vì tội kia có tăng giảm, nên nói diệt nhiều ít khác nhau, chẳng phải niệm công đức khác, khiến cho diệt tội của họ cũng khác. Ví như tráng sĩ có sức mạnh, có thể vác tám đấu gạo, có người chỉ vác có năm đấu, bỏ sự hành trì của tráng sĩ kia, chẳng phải tráng sĩ không thể giở lên nhiều, mà gạo chỉ vốn có năm đấu. Nghĩa này cũng vậy. Hạ phẩm thượng sinh chỉ có tội trong năm mươi ức kiếp, Phật tùy tội của họ nhiều ít, nói diệt năm mươi ức kiếp; Hạ phẩm trung sinh tội nặng hơn phẩm trước, ba mươi ức kiếp tùy tội chướng của họ, mà nói diệt tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Nên tội của hạng Hạ phẩm hạ sinh là nặng nhất, nên nếu đầy đủ mười niệm xưng A-di-đà Phật, trong mỗi niệm diệt tội trong tám mươi ức kiếp ba phẩm này nói diệt tội khác nhau, chẳng phải là niệm Phật công đức khác nhau.

2. Niệm danh hiệu Phật công đức tuy không khác, nhưng do tâm niệm Phật có chí thành khác nhau nên khiến diệt tội nhiều ít khác nhau. Hạ phẩm thượng sinh, tội nghiệp nhẹ mỏng, chết không có tướng ác, tâm sợ sệt không cùng cực, dù chí thành niệm Phật, chỉ có thể diệt tội trong năm mươi ức kiếp sinh tử; Hạ phẩm trung sinh, lửa mạnh của địa ngục cùng lúc đều đến, người tội quên sợ, chí thành niệm Phật, do tâm triệt để, nên diệt trừ tội nặng trong tám mươi ức kiếp.

Hỏi: Nếu thế thì, Hạ phẩm hạ sinh quên sợ rất nặng, lẽ ra nói niệm Phật càng diệt nhiều ức hơn, vì sao đồng với tám mươi ức kiếp ở trước?

Thích: Khi hành giả qua đời, khí lực của người đó hư kém, hết sức chí thành, nhưng chỉ đến đây, sức chỉ có giới hạn, đâu thể nhiều được? Vì tội đã nhiều thì chướng ngại sinh Tịnh độ, khiến đủ mười niệm, diệt

tội mới đồng, mới được vãng sinh cõi Phật thanh tịnh. Ví như kiếm thần có thể chém được cây lớn, nếu người đó dùng nhiều sức, thì vào cây sâu; nếu không dùng nhiều sức thì chém cây cạn hơn. Chẳng phải kiếm có bén hay lụt, bởi sự mạnh yếu của sức người khác nhau. Ở đây cũng giống như thế, công đức của Phật tuy không khác nhau, nhưng lòng chí thành của người niệm khác nhau, khiến cho tội diệt nhiều ít khác nhau.

Hỏi: Vì sao nghe tựa đề mười hai bộ kinh, chỉ diệt tội nặng trong một ngàn kiếp, niệm Phật một câu thì diệt tội nặng trong năm mươi ức kiếp? Kinh Bát-nhã nói: "Nghe kinh không trái nghịch, còn hơn cúng dường tám trăm bốn ngàn muôn ức na-do-tha các Đức Phật."

Thích: Kinh kia cúng dường Phật là tốt, nhưng cúng dường Phật là có tướng tâm nên công đức cúng dường ít, trì kinh là đời ác, khởi tâm vô tướng, nên công đức trì kinh nhiều. Nay đây nghe kinh, niệm Phật đều là đời ác, đều chỉ có tướng, nhưng cùng với Phật Di-đà có duyên cũ đã thuần thục, đời ác niệm Phật, sinh tin rất khó, Phật có thể hoằng kinh, thế nên niệm Phật diệt tội nhiều hơn người nghe kinh.

Hỏi: Người Hạ phẩm hạ sinh tội tuy nhiều hơn người Hạ phẩm trung sinh, là năm tội nghịch, báng pháp, vì sao Hạ phẩm trung sinh chỉ nghe công đức Phật liền được vãng sinh, còn Hạ phẩm hạ sinh thì phải đủ mười niệm xưng Phật A-di-đà, mới được vãng sinh Tịnh độ?

Thích: Có hai giải thích:

1. Tính các tội như năm tội nghịch... chỉ hợp với sáu kiếp thọ tội, nhưng có trường hợp tội trong tám mươi hoặc chín mươi ức kiếp, vì người này tạo tội nặng này, nuôi lớn các nghiệp khác trong quá khứ, đều khiến cho có công năng chiêu cảm quả báo sinh tử trong chín mươi, tám mươi ức kiếp. Nếu một niệm sân tâm hiện tiền, có thể thiêu đốt tất cả pháp lành, có thể ngăn che trăm ngàn pháp môn. Ở đây cũng như thế, tạo tội nặng này, có thể tăng thêm nghiệp ác quá khứ, đều có thế lực có thể chiêu cảm ác báo chướng ngăn việc vãng sinh Tịnh độ.

2. Năm tội nghịch này, chỉ chiêu cảm năm kiếp chịu khổ, nhưng tội hủy báng chánh pháp, kinh nói chịu khổ trong kiếp số lâu dài, như kinh Đại Phẩm và kinh Phật Tạng nói người báng pháp đọa vào địa ngục A-tỳ này, khi kiếp hoại lại sinh vào địa ngục ở phương khác, như thế lần lượt trải qua vô số kiếp, nên phải niệm Phật mười câu, diệt tội nặng trong tám mươi ức kiếp, được sinh Tịnh độ.

Hỏi: Vì sao pháp môn vãng sinh chẳng phải chỉ có một pháp, ngày sắp qua đời chỉ dạy niệm Phật, không dạy việc lành khác, có nghĩa gì?

Thích: Người qua đời, chỉ dạy niệm Phật, dùng bảy nghĩa này là hơn cả, không dạy pháp khác. Bảy nghĩa đó là: Thắng, thiểu, dị, diệt, duyên, nghênh, sinh.

1. Thắng: Tất cả Phàm Thánh, hoặc người, hoặc pháp, không hơn Phật, tối tôn, tối thắng, hai chướng đã dứt trừ, muôn đức châu viên. Tự giác, giác tha, giác hạnh đầy đủ, thương xót chúng sinh hơn con đẻ, là chỗ quy y lớn cho hữu tình, là châu, là bãi, là cứu, là quy, nên phải chí thành niệm Phật.

2. Thiểu: Trong các pháp tu thiện, chỉ có pháp niệm Phật này là ngôn từ ít nhất, các pháp môn khác đều nhiều. Ngày qua đời, dạy niệm chỗ này, đâu thể lại tu nhiều pháp khác?

3. Dị: Trong các pháp môn tu hành, chỉ có pháp niệm Phật này rất dễ tu tập. Sắp qua đời, trăm ngàn điều khổ ràng buộc thân, khí lực suy kém, muôn việc đều bỏ, khuyên niệm Phật còn e không thành, lại nói pháp môn khác, thì thật khó học tập, chọn lựa pháp dễ này để dạy họ tu.

4. Diệt: Ở đây chuyên niệm Phật, ngôn ước dễ tu, một niệm chí thành, liền có thể diệt tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, dứt hẳn khổ báo ba đường của Ta-bà.

5. Duyên: Phật A-di-đà nhiều kiếp lâu xa đến nay, kết duyên rất sâu nặng với chúng sinh, có cúng dường, thấy nghe tùy hỷ, các duyên đồng hành, nương túc nhân này, nhất tâm xưng niệm, nghe tiếng thì cứu, dứt hẳn năm thiêu.

6. Nghênh: Vì niệm Phật, tội cấu diệt trừ, Phật A-di-đà, nương bổn thệ nguyện, cùng các Thánh chúng đích thân đến rước, pháp khác không được như vậy, nên phải niệm Phật.

7. Sinh: Như nguyện ấy nói: “Dù chỉ mười niệm, nếu không sinh, không thành chánh giác.”

Vì bảy nghĩa này hơn hẳn các pháp môn, nên khuyên chúng sinh, khi qua đời niệm Phật.

Hỏi: Một niệm, mười niệm Phật A-di-đà được sinh Tây phương, là chỉ pháp niệm Phật này mà được vãng sinh, nhờ pháp môn khác có được sinh không? Nếu chỉ giữ niệm này mà chưa hiểu niệm này, kinh tuy nói là đầy đủ công đức vô thượng, một niệm như thế nào mới thành công đức vô thượng?

Thích: Công đức vô lượng, đâu cần phải tu nhiều trong thời gian dài, mới thành vô lượng, vì có khi tu nhiều trong thời gian dài mà có ít phước, có khi tu ít trong thời gian ngắn mà có nhiều phước. Nghĩa này

thế nào? Như kinh Kim cang Bát-nhã nói: Đầu ngày, giữa ngày, cuối ngày dùng thân mạng nhiều như số cát sông Hằng, bố thí thân trong vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp như thế, nếu có người nghe kinh điển này tín tâm không nghịch thì phước người đó hơn kia vì thời gian vô lượng trăm ngàn muôn ức dài xa, tu pháp thí xả thân nhiều như cát sông Hằng, mỗi mỗi đều hại nên nhiều mạng khổ. Tuy lại có ba nhiều, nhưng phước ít. Như lại có người, thân ít; nghe kinh điển này trong thời gian ngắn, tín tâm không nghịch, thực hành ít; nhưng được công đức nhiều hơn phước ở trước. Đây là bậc Thượng Thánh so lường, chẳng phải kẻ hạ phàm đo được, há không tin sao? Nay một niệm niệm Phật này, tức là đầy đủ công đức Vô thượng, cũng là lời nói thẳng của Đại sư, đâu được hoài nghi?

Lại còn một niệm niệm Phật, tức hơn trăm ngàn muôn ức kiếp tu đạo, nên thành nhiều công đức. Như kinh Pháp Hoa nói: "Nếu lại có người thọ trì danh hiệu sáu mươi hai ức hằng sa Bồ-tát, lại trọn đời cúng dường thức ăn uống, y phục, đồ nằm, thuốc men, ý ông nghĩ sao? Công đức của người thiện nam, thiện nữ này có nhiều không?" Vô Tận Ý thưa rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Rất nhiều!" Phật nói: "Nếu có người thọ trì danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, dù cho chỉ lễ bái cúng dường, trong thời gian ngắn thì phước của hai người này, cũng bằng nhau không khác." Nếu thọ trì danh hiệu của sáu mươi hai ức hằng sa Bồ-tát, lại tứ sự cúng dường, tính theo thời tiết, thì đã trải qua trăm ngàn muôn ức kiếp mới tạm thời xưng danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, cúng dường một thứ, công đức trong nhiều thời gian này đồng với phước trong một ít thời gian.

Kinh Thập Luân nói: "Nếu người trong trăm đại kiếp dốc lòng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, không bằng niệm Bồ-tát Địa Tạng trong khoảng bữa ăn." Nếu trăm đại kiếp niệm Bồ-tát Quán Thế Âm, huống gì ở trước đã so lường, tức phải hơn trăm ngàn muôn ức không thể nói hằng hà sa danh hiệu Bồ-tát. Nếu trong nhiều kiếp niệm Bồ-tát Địa Tạng, không bằng một câu dốc lòng niệm Phật A-di-đà, công đức vô lượng vô biên. Như thế đem Phật so với Bồ-tát Địa Tạng, đem Bồ-tát Địa Tạng so với Bồ-tát Quán Thế Âm, đem Bồ-tát Quán Thế Âm so với sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ-tát, tức ngay nơi một câu niệm Phật công đức, hơn tứ sự cúng dường hằng hà sa số danh hiệu Bồ-tát trong Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp. Đây là một niệm niệm Phật tức hơn niệm các vị Bồ-tát, một A-tăng-kỳ, hai A-tăng-kỳ kiếp tu đạo, vì sao niệm Phật công đức ít? Nên phải dùng sự so lường này, để biết công đức là

nhiều.

Hỏi: Nếu lấy đây so lường, thật thành vô lượng công đức, rất hợp với kính tin, vui mừng xưng niệm, chắc chắn được vãng sinh, mà kinh Pháp Hoa nói: "Nếu người tâm tán loạn, đi vào trong tháp miếu, một xưng Nam-mô Phật, đều đã thành Phật đạo." Nếu một câu niệm Phật liền vãng sinh Tây phương, cũng một câu niệm Phật, liền được thành Phật đạo. Nếu được thành, thì lẽ ra các thế giới trong mười phương không còn một phàm phu, tất cả có thể niệm Phật đều thành Phật. Nếu một câu chưa được thành Phật, thì chỉ là nhân xa thành Phật, càng phải dần dần dồn chứa công đức, đầy đủ tâm đại Bi, muôn hạnh châu viên, mãn ba A-tăng-kỳ kiếp, mới thành quả Phật, khi qua đời một niệm, mười niệm đâu hẳnn được vãng sinh ngay, cũng phải dần dần huân tu, đầy đủ các Ba-la-mật, mới được vãng sinh Tịnh độ.

Đáp: Điều này không thành lệ, Phật không có chín phẩm khác nhau, đều phải có muôn đức đầy đủ, phải nhờ nhiều kiếp lâu xa, mới thành đạo chánh giác. Kinh Pháp Hoa là đối với hàng Thanh văn mà nói như thế, nhưng có thể phát tâm Bồ-đề Vô Thượng, cho đến tán loạn niệm Phật, cuối cùng là nhân của quả Phật, sau đó mới có thể rộng tu các độ, tức là được thành Đẳng chánh giác. Thanh văn dù phần nhiều tu đạo, nhưng không đi đến Vô thượng Bồ-đề, vì ở đây không thể thành quả Vô thượng.

Kinh đó là đối Thanh văn hội hai quy về một, nên nói như thế, không nêu các nghĩa vãng sinh của kinh Quán, công đức một câu, mười câu niệm Phật, tuy được vãng sinh Tịnh độ, vẫn là phàm phu. Chúng sinh vãng sinh, chín phẩm khác nhau, cho phép thực hành có nhiều ít, vẫn thuộc về phàm phu, đâu ngại gì một niệm liền sinh cõi Phật? Nếu không có chín phẩm khác nhau làm nhân, đều phải một thứ, ắt phải tu đủ muôn hạnh, mới thành thế hùng của mười phương, nên không thể làm ví dụ.

■

LUẬN THÍCH TỊNH ĐỘ QUẦN NGHI

QUYỂN 7

Hỏi: Niệm Phật A-di-đà được công đức vô lượng vô biên, trên đây đã dẫn đầy đủ văn kinh và so sánh để hiển rõ hơn, đều theo như lời giải thích, tin nhận vâng làm. Nhưng không biết niệm danh hiệu Phật khác có được vô lượng công đức không?

Thích: Ở đây có hai nghĩa:

Niệm tất cả Phật đều được công đức vô lượng, không có sai khác nhau, vì các Như Lai đều có vô biên công đức, đều dứt hết các chướng nhân pháp, công đức viên mãn, vì ở đây không có niệm hơn kém, công đức khác nhau. Như vậy vì sao trong các kinh Như Lai chỉ khen ngợi niệm Phật A-di-đà công đức vô lượng?

Đáp: Thật ra công đức thảy đều một thứ, nhưng vì phàm phu thức cạn không thể niệm hết, thế nên Như Lai chỉ khen ngợi công đức của một vị Phật, dạy họ dốc lòng nhiếp niệm, sự dốc lòng của họ, công đức là nhiều, đây là phương tiện mật ý của Như Lai. Giống như thọ đại giới, ở trong tăng chúng đều thanh tịnh, xứng đáng làm giới sư, không có hơn kém, tùy theo tâm người thọ, hòa hợp với tâm của một vị sư truyền giới thì phát duyên giới, tức là hơn người khác. Ở đây cũng giống như thế, chuyên tâm vào một Đức Phật công đức nhiều, do tâm chuyên chí.

Lại có giải thích rằng: Chư Phật Như Lai công đức tuy đều bình đẳng, không có hơn kém, nhưng vì chúng sinh đối với Đức Phật đó từ lâu xa đến nay đã kết duyên khác nhau, như Nhiếp luận, Duy Thức, đều nói chúng sinh do năng lực của pháp mà thuộc về Phật khác nhau, hoặc nhiều thuộc một, hoặc một thuộc nhiều. Nếu thuộc về Đức Phật này, thì Đức Phật này mới có thể độ, không thuộc Đức Phật khác thì Đức Phật khác không thể độ, thuộc Đức Phật này thì dốc lòng xưng niệm, công đức nhiều, liền đến cứu độ, không thuộc Đức Phật đó, công đức niệm không nhiều, không đến cứu.

Hỏi: Như kinh Vô Lượng Thọ nói: "Bồ-tát Tiểu hạnh và người tu tập ít phước đức, đều sẽ được sinh về thế giới Cực lạc." Còn kinh A-di-

đà nói không thể dùng chút ít nhân duyên phước đức gốc lành mà được sinh về nước kia, hai kinh trái nhau, làm sao hội thích?

Thích: Mỗi kinh có một ý, chỗ căn cứ khác nhau, nhưng không trái nhau. Kinh Vô Lượng Thọ nói thiểu là nói số ít; kinh A-di-đà nói đa là dùng nhiều. Người kia chỉ niệm Phật A-di-đà, lại không tu sáu Ba-la-mật và các pháp đạo phẩm khác, nhiều thời nhiều kiếp khó hành khổ hạnh, chỉ có công đức niệm Phật, không có các phước tu đạo khác, nên gọi là thiểu. Đây là niệm một câu A-di-đà Phật trở lên, tức là vô lượng vô biên công đức thù thắng, nên gọi là đa. Nên kinh Vô Lượng Thọ quyển hạ nói: "Hằng sa chư Phật Như Lai trong mười phương đều khen ngợi oai thần công đức của Phật Vô Lượng Thọ không thể suy nghĩ bàn luận. Chúng sinh hữu tình nghe danh hiệu Ngài, tín tâm vui mừng, dù chỉ một niệm, liền được vãng sinh, trụ Bất thoái chuyển." Lại nói: "Họ có nghe được danh hiệu Đức Phật kia, vui mừng hớn hở, dù chỉ một niệm, phải biết người này được lợi ích lớn, tức là đầy đủ công đức vô thượng." Kinh Xưng Tán Tịnh Độ nói: "Được nghe Phật Vô Lượng Thọ như thế, danh hiệu vô lượng vô biên công đức không thể suy nghĩ bàn luận." Dùng văn kinh này để chứng biết, tức là nhiều công đức. Nên đứng về số về dụng thì gọi là thiểu, là đa, nhưng không trái nhau. Như một viên ngọc Ma-ni, cũng gọi là thiểu, cũng gọi là đa. Nói thiểu, ngọc này chỉ có một, lượng của nó không nhiều, người ngu không phân biệt, cho là ít, khinh thường không chọn. Cũng gọi là đại, vì viên ngọc báu này giá của nó hơn Tam thiên đại thiên thế giới, người biết thì cho là trọng, nên gọi là nhiều. Niệm Phật cũng giống như thế, nói nhiều nói ít đều y cứ theo nghĩa khác nhau.

Hỏi: Như trên đã giải thích, niệm Phật A-di-đà, lấy các nghĩa để so lường, hiển bày công đức thù thắng rất nhiều, sinh lòng kính tin sâu xa, không dám phỉ báng, nhưng công đức đã được rất nhiều, là do không có tâm sở đắc mà được thực hành vô tướng, niệm pháp thân chân thật của Phật A-di-đà, công đức có nhiều không? Là chỉ dùng tâm có sở đắc làm hữu tướng, niệm Báo thân và Hóa thân, công đức cũng nhiều ư?

Thích: Tất cả đều nhiều. Pháp thân lìa tướng, muôn đức chân thể, có thể dùng tâm vô sở đắc, để thể nhận lý chân niệm Phật, nhưng công đức không thể suy nghĩ bàn luận. Như người học cạn, chưa thể thực hành niệm vô tướng kia, chỉ vì có tâm sở đắc, quán tướng tốt thù thắng của sắc thân thanh tịnh của Như Lai, hằng sa muôn đức, chí thành xưng niệm cũng được vô biên công đức cao quý. Như ba người bậc hạ, sống gây ra việc ác, lúc qua đời xưng niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà kia,

đâu thể thực hành niệm vô tướng kia? Tin biết tâm niệm hữu tướng, cũng được vô biên thắng phước. Lại muốn dứt hai chướng, phải tu niệm vô tướng. Nay gieo trồng nhân kia, cũng tu niệm Phật hữu tướng, còn chân Phật quyền Phật lý sự khác nhau, vô tướng hữu tướng tu nhân cũng khác, lý không trái nhau.

Hỏi: Nếu thực hành quán tướng các pháp, có thể diệt được tội chướng nhỏ nhiệm, hơn người niệm Phật diệt thô nghiệp, khi người qua đời, sao không dạy quán thật tướng mà lại khyên niệm danh hiệu Phật?

Thích: Đúng như đã trách, nhưng vì có bốn nghĩa, nên không thể dạy người đó quán thật tướng:

1. Người ác.
2. Pháp sâu xa.
3. Bị khổ bức ngặt.
4. Thời gian quá ngắn.

Người ác: Người này sinh ra không hề tu thiện, chỉ dạy niệm Phật còn sợ chưa xong, huống gì có thể hiểu được thật tướng các pháp.

Pháp sâu xa: Hai không chân như, pháp tánh bình đẳng, lý trí sâu xa, rốt cuộc khó thành, nên không thể dạy.

Bị khổ ép ngặt: Bình sinh người học thường tu pháp quán này, bị khổ não ép ngặt, còn làm không thành, huống chi người này sinh ra không hề tu tập, các khổ vây quanh, mới dạy họ tu, thật là vô lý.

Thời gian quá ngắn: Lúc còn sống, vì người đó mà nói nhiều về các pháp thật tướng, nhiều năm tầm tứ, còn không thể hiểu, huống chi chỉ ít lời, mới bắt đầu tu tập thì nhất định không thành, luống uổng chỉ dạy.

Khéo biết thời gian, sự việc, gọi là Đại pháp sư. Đại Thánh biết họ học không được, nên không dạy họ quán thật tướng, hiển sâu Phật trí, khéo hợp vật cơ. Do bốn duyên này, nên không dạy thật tướng.

Hỏi: Nếu người trong một đời tu hành ba thứ phước và mười sáu pháp quán, khi qua đời gặp Thiện tri thức, dạy niệm danh hiệu Phật từ một câu cho đến mười câu, tội căn tiêu diệt, được vãng sinh, người này khi còn sống, phải qua nhiều ngày mới chết được, thì càng phải niệm Phật, mới sinh Tịnh độ? Hay không niệm Phật cũng vãng sinh?

Thích: Được vãng sinh. Chỉ vì người đó hạnh nghiệp đã thành, tội cấu tiêu diệt, dù kéo dài nhiều ngày, cũng được vãng sinh. Nhưng có hai thứ:

1. Sau khi tu phước, nhiều ngày chưa chết, người đó không gây tội

nặng, khi khởi các tâm vô ký, tâm này không thể vời lấy quả báo thiện ác, nên nương vào niệm Phật trước liền được vãng sinh.

2. Người đó sau khi nệm Phật, hoặc nhiều giờ không chết, càng khởi niệm ác, khởi nghiệp bất thiện, người này phần nhiều e không sinh Tịnh độ. Kinh nói: "Một niệm tâm sân, chướng ngại trăm ngàn pháp môn." Lại nói: "Hại của giận dữ, phá các pháp lành, giặc cướp các công đức, không gì hơn giận dữ." Người đó tuy có tu các pháp: quán hạnh, niệm Phật trước kia, nhưng đều bị sân hận làm tổn hại, không được vãng sinh. Huống chi các tội nghiệp khác, làm chướng các hạnh lành. Như kinh nói rằng: "Tạo nghiệp lúc cuối cùng, thì thọ báo trước nhất. Khi chết tâm nào nặng thọ trước, nặng nhẹ nếu bằng nhau, trước thì thọ trước, người này sau có tội nhiều, e không được vãng sinh."

Hỏi: Như kinh Quán Phật Tam-muội Hải nói: "Phật bảo A-nan: Nếu có chúng sinh nào giết cha hại mẹ, mạ nhục sáu thân, làm tội như thế, khi qua đời, chó đồng há miệng, hóa thành mười tám xe, giống như xe vàng, trên có lọng báu, những ngọn lửa lớn hóa thành ngọc nữ, người tội từ xa nhìn thấy, sinh tâm vui mừng, nghĩ rằng ta muốn đến trong đó, khi gió lạnh như dao cắt, lạnh quá nên mất tiếng, thọ được lửa bèn ngồi trên xe, nghĩ rằng đốt lửa tự hơ." Nghĩ như thế rồi liền qua đời, trong lúc hốt hỏang, đã ngồi lên xe vàng, quay lại nhìn bị ngọc nữ cầm búa sắt, chém đứt thân.

Lại nói: Lại có những chúng sinh phạm bốn giới trọng, luống ăn của tín thí, phỉ báng tà kiến, không biết nhân quả, bỏ học Bát-nhã, hủy báng mười phương Phật, trộm vật của tăng-kỳ, dâm vật vô đạo, xâm phạm Tỳ-kheo-ni tịnh giới, chị em, thân thích, không biết hổ thẹn, hủy nhục người thân, gây ra các việc ác. Tội báo của người này, khi qua đời, gió lạnh như dao cắt thân, ngồi nằm không yên, như bị roi quất, tâm người đó hoảng loạn, phát tưởng cuồng si, thấy nam nữ lớn nhỏ trong nhà mình, tất cả đều là vật bất tịnh, phẩn sôi hôi thối chảy tràn ra ngòai. Bấy giờ, người tội liền nói thế này: "Vì sao nơi đây không có thành quách đẹp, núi rừng đẹp để cho ta dạo chơi, mà ở nơi bất tịnh như thế này?" Nghĩ đoạn, thì có ngục tốt la-sát dùng xoa sắt lớn nâng địa ngục A-tỳ và các rừng dao, hóa thành cây báu và ao nước trong mát, ngọn lửa lớn biến thành hoa sen cánh vàng, các loài trùng mỏ sắt hóa thành chim le, nhạn, tiếng kêu gào ở địa ngục như âm thanh ca vịnh, người tội nghe rồi nghĩ rằng như chỗ tốt đẹp này, ta phải dạo chơi trong đó nghĩ rồi tìm chỗ ngồi trên hoa sen lửa. Đâu biết rằng hôm nay hoa sen đến rước chẳng phải là hoa lửa này?

Thích: Vì có bốn nghĩa nên, biết chẳng phải xe lửa:

1. Dĩ hành.
2. Dĩ tướng.
3. Dĩ ngữ.
4. Dĩ Phật.

- Bốn nghĩa này khác với hoa lửa.

1. Dĩ hành: Kinh Quán Phật Tam-muội nói: "Người tội gây ra tội, phạm bốn giới trọng, cho đến hủy nhục người thân, không sinh hối hận, không gặp bạn lành dạy niệm Phật, nên hoa đã thấy là tướng địa ngục. Nay đây người ở ba phẩm hạ, dù lúc sống tạo tội, nhưng cuối cùng gặp Thiện tri thức, dốc lòng niệm Phật, nhờ niệm Phật mà diệt được tội nhiều kiếp, thành công đức cao quý, cảm được trong ao báu có hoa đến rước, đâu đồng với hoa trước?

2. Tướng: Kinh đó nói: "Gió dao cắt thân, nằm ngồi không yên, như bị roi đánh, tâm người đó hoảng loạn, phát tưởng cuồng si, thấynam nữ lớn nhỏ trong nhà, tất cả đều là vật bất tịnh, phẩn sôi hôi thối chảy tràn ra ngòai." Nay niệm Phật này thân tâm an ổn, ác tưởng đều diệt, chỉ thấy Thánh chúng, nghe có mùi thơm lạ, nên không giống với hoa lửa đã nói trên.

3. Ngữ: Trong kinh kia nói: "Tiếng kêu la đau đớn nơi địa ngục như tiếng ca ngâm. Tội nhân nghe rồi nghĩ rằng như chỗ tốt đẹp này ta phải dạo chơi trong đó." Bài tán trong kinh Quán nói: "Này thiện nam! Ông nhờ niệm danh hiệu Phật, nên các tội đều tiêu diệt, ta đến rước ông." Đó là âm thanh ca vịnh, ở đây trình bày tiếng diệt tội, hai âm khác nhau, cho nên bất đồng.

4. Phật: Kinh kia nói: "Tất cả lửa dữ hóa thành ngọc nữ, người tội từ xa nhìn thấy, tâm sinh vui mừng "Ta muốn đến đó", ngồi trên xe vàng rồi, quay nhìn thấy ngọc nữ đều cầm búa sắt, chém đứt thân người đó." kinh Quán khen ngợi rằng: "Bấy giờ Đức Phật kia liền sai hóa Phật, hóa Quán Thế Âm, hóa Đại Thế Chí, đến trước hành giả."

Vì bốn nghĩa này nên biết, hoa sen đến rước, khác với kinh Quán Phật Tam-muội Hải nói.

Hỏi: Người vãng sinh chín phẩm, thực hành có hơn kém, các bậc Thánh đón rước có nhiều ít, hoa nở sớm muộn, đài vàng hoa báu, đều có khác nhau, vì sao Thượng phẩm hạ sinh cùng Hạ phẩm hạ sinh, một loại hoa vàng, không có hơn kém sao?

- Thích: Ở đây có ba nghĩa:

1. Đây chẳng phải là hoa của người vãng sinh, có lẽ là hoa mà

Phật đến rước đã ngồi. Người đó chướng nặng không cảm thấy Phật, chỉ thấy tòa Phật còn không rõ ràng, giống như mặt trời sáng chói dường như là thấy.

2. Người này chướng nặng, không cảm được Phật rước, chỉ được sen vàng dẫn dắt sinh về Tịnh độ, nên kinh Quán nói: đứng trước người đó, nếu là tòa hoa, sao kinh không nói ngồi hoa báu?

3. Đây là tòa hoa, tuy đồng là hoa vàng, nhưng có lớn nhỏ, hơn kém, trang nghiêm, thô diệu, tự chia làm hai phẩm, sen khác đâu trở ngại cũng có khác nhau?

Hỏi: Hạ phẩm trung sinh, sáu kiếp hoa nở, Hạ phẩm hạ sinh, mười hai kiếp hoa nở. Là lấy số năm tháng ngày của cõi này tính thành kiếp hay là lấy số năm tháng ngày giờ của Tịnh độ để tính thành kiếp?

Thích: Các sư Tịnh độ cũng có giải thích rằng: Lấy năm tháng ngày của cõi này để tính thành kiếp. Làm sao biết được? Vì Đức Thích-ca Như Lai ở cõi này thành đạo nói kinh, vì hữu tình cõi Ta-bà này mà chỉ cho khi hoa kia nở, khiến chúng sinh này được hiểu, cho nên biết chỉ dùng kiếp này, để nói hoa kia nở. Nay giải thích không đúng, dùng năm tháng ngày giờ ở cõi này để tính thành kiếp, để nói lên thời tiết giới hạn khi hoa kia nở. Làm sao biết được? Đây do có ba nghĩa: Lệ, giáo, lý, mà biết được.

1. Lệ: Như tuổi thọ dài ngắn của các tầng trời Tứ Thiên vương và sáu tầng trời cõi Dục, đều nói theo tháng ngày của cõi trời. Như trời Tứ Thiên vương tuổi thọ năm trăm năm, ngày đêm của cõi trời kia cứ năm mươi năm ở cõi người này làm một ngày một đêm của cõi trời Tứ Thiên vương, cứ như thế ba mươi ngày ngày đêm làm một tháng, mười hai tháng làm một năm. Như thế tuổi thọ năm trăm năm ở cõi trời kia, nếu tính theo ngày tháng của cõi Diêm-phù-đề thì phải một vạn tám ngàn năm là một tháng, hai ức một vạn sáu ngàn năm là một năm. Như thế tuổi thọ năm trăm ở cõi trời kia, tính năm của cõi Diêm-phù-đề, số ấy rất nhiều.

Tuổi thọ của năm tầng trời trên dần dần tăng, ngày dần dần dài, số năm đều hơn các tầng trời dưới gấp bội, nên biết tầng trời kia lấy niên mạng, vẫn dùng ngày đêm của tầng trời kia, lấy ngày tính tháng, lấy tháng tính năm, lấy năm tính mạng. Nên biết Tịnh độ lấy ngày tính tháng, lấy tháng tính năm, lấy năm tính kiếp, không dùng ngày tháng kiếp của cõi này.

2. Giáo: Như thượng phẩm trung sinh: ý nói đài vàng tím, này như hoa báu lớn, qua một đêm hoa liền nở. Nên biết qua một đêm hoa nở,

là dùng ngày đêm ở cõi này, hoa này ban đêm khép lại, ban ngày nở ra. Đây là nửa kiếp làm một ngày, là khi hoa nở, nửa kiếp làm một đêm, là khi hoa khép, hiển rõ thời phần hoa nở của người Thượng phẩm trung sinh, giữ lấy khi trải qua đêm hoa báu lớn nở ra.

Thượng phẩm trung sinh, một đêm hoa báu lớn đã nở, Thượng phẩm hạ sinh, một ngày một đêm hoa sen mới nở, nên biết vẫn dùng ngày đêm của cõi kia. Nếu không như thế thì đâu thể hoa sen báu lớn ở Tịnh độ nở, lấy ngày đêm ở cõi này mà hoa nở? Nếu hoa sen báu lớn kia nở, tự lấy chọn lấy ngày đêm ở cõi kia. Thượng phẩm trung sinh hoa nở, đồng thời tiết kia, thượng phẩm hạ sinh, một ngày một đêm hoa nở, ngược lại mới đồng với tháng ngày ở cõi này. Thượng phẩm trung sinh hoa nở, muộn hơn Thượng phẩm hạ sinh, phần hoa nở mau hay chậm, nghĩa mới trái nhau, lẽ tất nhiên không đúng, nên biết lấy tháng ngày ở cõi kia. Tháng ngày đã vậy, kiếp cũng nên biết giống như vậy.

3. Lý: Nếu ngày tháng hoa nở dùng ngày tháng của cõi kia, nếu trải qua một kiếp hoa nở mới dùng kiếp số của cõi này, tức Trung phẩm trung sinh, bảy ngày hoa nở, nếu y theo cõi này, thì phải tính bảy kiếp. Hạ phẩm trung sinh, sáu kiếp mới nở, nếu y cứ vào cõi kia, thì phải tính sáu ngày, đâu thể ngày hoa nở của Trung phẩm chậm hơn hạ phẩm sáu kiếp hoa nở ư? Còn Hạ phẩm thượng sinh trải qua bốn mươi chín ngày hoa mới nở, cũng chậm hơn Hạ phẩm trung sinh sáu kiếp bốn mươi ba kiếp. Vì lý này tiến thối, suy vi, nên biết kiếp kia không dùng kiếp cõi này.

Hỏi: Cõi kia trải qua kiếp hoa sen mới nở, do có tội chướng nên hoa nở chậm, hay do công đứ c nhiều hơn, nên nhiều kiếp ở trong hoa?

Thích: Theo Hạ phẩm hạ sinh thì phải qua mười hai đại kiếp hoa sen mới nở, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng âm thanh Từ bi nói rộng các pháp thật tướng, trừ diệt tội lỗi, lấy đây y cứ mà biết, họ cũng có tội chướng, do tội chướng này, nên trải qua một kiếp hoa mới nở là không đúng, vì sao hạnh nghiệp chín phẩm khác nhau, hoa nở sớm muộn đều có khác nhau.

Hỏi: Nếu họ có tội chướng, hoa nở mau chậm, vì sao do nghiệp chướng này không chiêu cảm khổ báo?

Thích: Tuy có tội chướng, nhưng vì đời trước của họ có phát tâm Bồ-đề, dốc lòng xưng niệm Phật A-di-đà, các tội tiêu diệt, dù có nghiệp nặng nhỏ nhiệm, cũng không thể bị nhân Dị thục lôi kéo sinh quả khổ, chỉ vì giống nghiệp rất yếu kém., nên biết công đức niệm Phật làm tổn thế dụng của mình. Lại do năng lực của công đức niệm Phật cảm được

thân Tịnh độ tốt đẹp, trên thân kia quả khổ không do đâu hiện khởi được. Lại vì năng lực bản nguyện của Phật, nên không được hiện hành, chỉ có chướng khác, làm chướng hoa sen không được nở nhanh. Nên kinh Vô Lượng Thọ nói: "Vì nghi trí không thể suy nghĩ bàn luận của Đức Phật kia nên sinh vào thai cung kia, không có các khổ, chỉ ở trong thai cung bị che lấp suốt năm trăm năm." Ở đây cũng giống như thế, làm chướng hoa nở. Tuy làm chướng hoa nở, nhưng ở trong hoa không khổ. Tội trọng này chỉ có sức làm chướng hoa nở, không có năng lực chiêu vời khổ báo, giống như nghiệp sát sinh. Trong quả Đẳng lưu có thể làm chướng quả báo sống lâu của trời, người.

Hỏi: Kinh Quán nói: "Hạ phẩm hạ sinh, mười câu niệm Phật, trong mỗi niệm, diệt tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử." Tội đã diệt trừ, vì sao khi hoa nở về sau, được Bồ-tát Quán Thế Âm nói cho nghe thật tướng, trừ diệt tội pháp? Nếu có tội để trừ, vì sao không làm chướng sinh Tịnh độ, mà được vãng sinh ư?

Thích: Vì đây có chướng sâu kín chưa dứt, nên kinh nói trừ. Nhưng tội chướng kém yếu, niệm Phật thiện mạnh, nương oai thần Phật, không trở ngại vãng sinh Tịnh độ. Vì người tội kia đã gây ra các tội nặng, thế lực của tội nghiệp kia có thể chiêu cảm đường ác, chịu khổ vô cùng, nhưng do gốc lành công đức niệm Phật, tiêu được tai ương nặng nề kia, thế lực cảm quả, không thể lôi kéo thọ sinh vào đường ác. Nhưng hạnh niệm Phật, chướng nhỏ nhiệm và thô vẫn còn, nên sau khi hoa nở, gặp hai vị Bồ-tát đó nói cho nghe pháp thật tướng sâu xa, người đó mới có thể quán pháp thân Phật, cảnh trí vi tế mới có thể trừ bỏ công năng tội nặng của nghiệp chướng nhỏ nhiệm nên nói Phật tướng các pháp trừ diệt tội lỗi.

Hỏi: Vì sao kinh Vô Lượng Thọ quyển thượng có bốn mươi tám hoằng thệ nguyện: "Dù chỉ mười niệm, đều được vãng sinh, chỉ trừ năm tội nghịch." Kinh Vô Lượng Thọ quyển hạ nói: "Dù chỉ một niệm đều được vãng sinh." Vì sao đồng một kinh giáo mà văn trước nói một, văn sau nói mười, khác nhau như thế?

Thích: Ở đây không có khác nhau. Văn tuy có khác, mà nghĩa giống nhau. Trong nguyện cho đến mười niệm, đều lấy từ ít đến nhiều, dưới nói cho đến một niệm, đây là lấy từ nhiều đến ít, nêu so le lẫn nhau, vốn không có trở ngại. Tỳ-kheo Pháp Tạng lấy ít đến nhiều, mà phát nguyện rằng người qua đời được gặp thắng duyên, bèn khuyên niệm Phật, vãng sinh Tịnh độ, hoặc niệm Phật một câu, đã theo đời sau, hoặc niệm Phật được hai câu, liền qua đời, hoặc niệm được ba, bốn,

năm, sáu cho đến bảy, tám và chín, mười tùy theo ít nhiều, đều sinh Tịnh độ. Nhưng người này sinh ra không gây năm tội nghịch, phỉ báng chánh pháp, tùy niệm nhiều ít, đều được vãng sinh, nếu gây năm tội nghịch, phỉ báng chánh pháp, bỗng gặp duyên tốt, dạy niệm Phật, phải niệm đủ mười câu, mới được vãng sinh, một câu, chín câu thì không vãng sinh, nên nói cho đến mười niệm. Trừ người nghịch báng, đây là đứng về con số mà nói trừ, chẳng phải là rốt ráo trừ. Đọc học lâu rồi, thì hiểu được lời của nguyện này, người mới học, không hiểu tông chỉ, không hiểu Tông đồ này, nên mới làm thêm giải thích khác. Đức Đại Thánh Thích-ca biết trước đời sau không hiểu Thánh điển này phải lãng phí kiếm tìm, nên nói dù chỉ một niệm mà hiểu được giáo này, nếu niệm được nhiều, có tội nặng cũng đều vãng sinh, dù chỉ một niệm cũng sinh, liền trừ được nghịch báng, trên dưới đắp đổi lẫn nhau, hiển giáo rõ ràng, muốn giúp cho đời vị lai đối với giáo này được khai ngộ.

Hỏi: Không biết niệm Phật diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp, được sinh Tây phương, là diệt hạt giống hay diệt trong tâm? Nếu diệt hạt giống, hạt giống diệt trừ, thì phải thấy Thánh đạo nhân pháp không, mới diệt được hạt giống. Công đức niệm Phật tuy vô biên, nhưng đây là các thiện tâm văn, tư, làm sao đồng với Thánh đạo có thể diệt được hạt giống tội nghiệp? Hoặc là diệt trong tâm, hai nghiệp tội phước không được đồng khởi, khi khởi tội nghiệp không được niệm Phật, khi chánh niệm không được gây ra tội, thiện ác không cùng lúc có hai trong tâm, làm sao niệm Phật có thể diệt được tội trong tâm?

Đáp: Chẳng diệt hạt giống, chẳng diệt trong tâm, tội trong tâm trong sát-na tự diệt, không cần niệm Phật mới diệt trừ. Lại thiện ác không đồng lượt, khi niệm Phật tội đã diệt trước, hoặc khi chưa khởi, ngay khi đang tạo tội niệm Phật đã diệt hoặc chưa, niệm Phật không thể diệt tội trong tâm đó.

Chỉ diệt hạt giống niệm niệm nối nhau, có thể cảm được công năng ác báo ba đường. Nếu không niệm Phật, hạt giống tội này có thế lực của nó, có thể cảm quả báo đến ngay trong đường ác. Nhờ năng lực niệm Phật, khiến cho công năng thế lực cảm quả của hạt giống bị suy kém, không thể vời lấy quả báo, nên gọi là diệt tội. Tuy có hạt giống ở trong bản thức nối nhau sinh khởi nhưng không chiêu cảm thế lực quả báo, giống như người bệnh gầy ốm, tuy thân ở trên giường, nhưng không cử động được. Tội cũng giống như thế, không có thế lực để chiêu cảm quả báo đường ác ở đương lai, nên gọi là diệt. Đây là diệt thế lực của hạt giống, chẳng phải là diệt cái thể của hạt giống, nên trong sáu

thứ chuyển y, gọi là tổn lực càng có thể chuyển.

Hỏi: Năng lực niệm Phật này có thể diệt trừ công năng cảm quả của hạt giống, chưa biết năng lực của hạt giống này có thể đã diệt, sau gặp duyên ác có thể khiến cho hạt giống này có thế lực mạnh hơn, có thể chiêu cảm quả báo đường ác hay không?

Thích: Có cũng không bỏ. Như các Bồ-tát tu các pháp lành đè nén, đối trị hạt giống phiền não, thế lực suy kém, không thể hiện khởi, sau vẫn có năng lực sinh khởi hiện hành. Năng lực huân tập phiền não hiện hành, khiến cho hạt giống phiền não càng có thế lực, cũng như hai vô tâm định đè nén sáu thức, khiến không hiện hành, xuất định đó rồi, tâm vẫn có thể khởi. Nghiệp ác cũng giống như vậy, do năng lực niệm Phật, không cảm được công năng của hạt giống quả báo, sau thối không tu thiện, càng gây ra nghiệp ác, khiến cho nghiệp cũ càng sinh ra công năng cảm quả nối nhau. Nếu lại từ đây tăng trưởng gặp thắng duyên, pháp ác nhỏ dần, pháp lành dần thịnh, có thể nhập vào Thánh đạo, thể liền diệt mất.

Hỏi: Hạt giống nghiệp ác đã do niệm Phật mà diệt trừ, hạt giống chiêu cảm công năng đường ác, khiến không thể vời lấy quả ba đường ác, không biết các điều lành như niệm Phật... có công năng chiêu cảm Tịnh độ cõi thiện, do gây ra tội nặng, cũng khiến cho hạt giống của nghiệp lành niệm Phật chiêu cảm quả Tịnh độ, công năng đó có diệt không?

Thích: Lấy thiện đổi ác, nghĩa lẽ ra cũng phải có. Như một niệm tâm sân, có thể chướng ngại trăm ngàn pháp môn. Như kinh Di Giáo nói: “Cái hại của tức giận, liền phá các pháp lành.” Còn nói: “Giặc cướp công đức không gì hơn tức giận.” Nên biết ác cũng có thể diệt thiện. Chẳng phải diệt hạt giống thiện, chỉ diệt công năng cảm quả của hạt giống thiện. Nên biết thiện ác trái nhau, lại diệt lẫn nhau, như cả đời tu thiện, có thể cảm được cõi lành, thừa lúc qua đời thất niệm, khởi các nghiệp ác, liền diệt tất cả thiện phẩm đời sau, nương cái ác sau này, liền rơi vào ba đường, nếu có các bất thiện đời sau như năm tội nghịch, mười điều ác, không tội nào không gây tạo, khi qua đời niệm Phật đủ mười câu, diệt các tội nặng, được sinh Tịnh độ, y cứ theo đây mà biết, quán các hạnh, đến ngày qua đời, cần phải dụng tâm, đừng khởi niệm ác, tan biến các thiện phẩm, chuyên tâm niệm Phật, vãng sinh Tịnh độ, kinh có thật giáo, có thể không tin sao?

Hỏi: Nay người tu nghiệp Tịnh độ, đã tu niệm Phật Tam-muội, chưa biết pháp này quyết định có giáo nào? Nay đạo tục các nơi phần

nhiều sinh nghi ngờ, đem vô Thánh giáo, ngụy hành Phật pháp, dụ dỗ phàm ngu, tăng thêm phỉ báng. Xin Đại sư trình bày giáo để xé lưới nghi.

Thích: Các kinh Đại thừa nói Tam-muội này, văn ấy rất nhiều, như kinh Hoa Nghiêm. Nhiều chỗ đều nói niệm Phật Tam-muội, văn ấy rất rộng, kinh Niết-bàn, Quán Phật Tam-muội Hải, Hiền Hộ, Ban-chu Tam-muội, kinh Quán, Cổ Âm Thanh Vương, Đại Tập, Nguyệt Tạng Phần, kinh Địa Tạng Thập Luân, kinh Chiêm Sát, Văn-thù Bát-nhã, kinh Hoa Thủ, Đại Trí độ luận... nói, như kinh Hoa Thủ gọi là Nhất tướng Tam-muội, Văn-thù Bát-nhã gọi là Nhất hạnh Tam-muội, kinh Quán Phật Tam-muội Hải, gọi là Quán Phật Tam-muội, kinh Hiền Hộ gọi là Tư duy chư Phật hiện tiền Tam-muội.

Kinh Hoa Thủ nói: "Bồ-tát ấy đối với tướng của Như Lai và tướng Pháp giới thường quán như thế, hành như thế, không rời khỏi duyên này, lúc đó tượng Phật liền hiện ở trước mà nói pháp." Kinh Văn-thù Bát-nhã nói: "Hễ Phật ngự nơi nào thì ngay thân hướng về phía đó, không chấp tướng mạo, buộc tâm vào một Đức Phật, chuyên xưng danh tự, niệm niệm không ngừng, tức là trong niệm có thể thấy chư Phật ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai. Vì sao? Vì niệm một Đức Phật, công đức vô lượng vô biên, tức không hai với công đức của vô lượng chư Phật, đó gọi là Nhất hạnh Tam-muội. "

Kinh Niết-bàn nói: "Nếu người dốc lòng thường tu niệm Phật Tam-muội, thì chư Phật mười phương luôn thấy người này như hiện trước mắt." Kinh Quán Phật Tam-muội Hải và kinh Hiền Hộ nói rất rộng, về niệm Phật Tam-muội này, không thể nói hết, khuyên các hành giả tìm kiếm Thánh giáo tự sẽ được biết.

Hỏi: Người tu học niệm Phật Tam-muội, là đối với hạnh Bồ-tát tu hành thứ lớp hay không thứ lớp?

Thích: Đây chính là Bồ-tát tu hành thứ lớp. Làm sao mà biết như thế? Như kinh Hoa Nghiêm quyển 45 nói: "Bấy giờ, Văn-thù-sư-lợi như voi đầu đàn, quay lại nhìn đồng tử Thiện Tài, nói như thế này: Lành thay! Lành thay! Này thiện nam! Ông hãy phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cầu Thiện tri thức." Các thứ khen ngợi như thế, nói pháp vắn tắt, rồi dạy Thiện Tài đến tìm Tỳ-kheo Công Đức Vân, xin học hạnh Bồ-tát, Tỳ-kheo Công Đức Vân liền dạy cho đồng tử Thiện Tài niệm Phật Tam-muội. Nên biết người Thiện tri thức thứ nhất là Văn-thù-sư-lợi, quán phát tâm Bồ-đề; người Thiện tri thức thứ hai là Tỳ-kheo Công Đức Vân, tức dạy niệm Phật Tam-muội. Như thế lần lượt

trải qua một trăm mười ngôi thành cầu Thiện tri thức, mỗi vị Thiện tri thức đều dạy một pháp môn, nhờ một pháp môn đó, sau lại được một pháp môn, đều là thứ lớp tu học của Bồ-tát. Nên biết rằng phát tâm Bồ-đề đứng đầu muôn hạnh, học niệm Phật Tam-muội là thứ lớp của muôn hạnh. Lấy đây làm y cứ để biết, niệm Phật Tam-muội chính là thứ lớp tu học của Bồ-tát sơ phát tâm.

Hỏi: Niệm Phật Tam-muội này, không biết phàm Thánh, trì giớiphá giới... là người nào được?

Thích: Tam-muội này, chung cho cả Thánh, phàm, trì giới, phá giới đều được tu. Như kinh Hoa Nghiêm nói Tỳ-kheo Công Đức Vân, đây là Đại Bồ-tát bậc Thánh niệm Phật được Tam-muội. Kinh Hiền Hộ nói: "Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di thanh tịnh trì giới, đầy đủ các hạnh." Lấy đây y cứ mà biết, người trì giới chính là hợp với pháp tu niệm Phật Tam-muội, đây tức là giới căn thanh tịnh Tam-muội hiện tại.

Người phá giới khó thành Tam-muội, theo kinh Quán Phật Tam-muội Hải nói: "Quán Phật Tam-muội này là thuốc của tất cả chúng sinh phạm tội, bảo hộ người phá giới." Nếu người phá giới không được Tam-muội này, làm sao gọi là hộ? Lại kinh quyển hạ nói: "Nay Như Lai nói pháp trừ tội cho chúng sinh năm khổ ở đời vị lai, Tỳ-kheo phạm giới, bất thiện, người ác, năm nghịch, phỉ báng. A-nan bạch Phật rằng: Sau khi Phật diệt độ, những người ngu này, không có chỗ nương, không có chỗ quy y. Phật bảo A-nan: Sau khi Phật diệt độ, chúng sinh trong đời ác trược, muốn trừ tội lỗi thì phải siêng năng tu tập Quán Phật Tam-muội." Cho nên biết những người ác như phá giới, phạm năm tội nghịch đều được học tập Tam-muội này.

Hỏi: Trong ba thân Phật mà Niệm Phật Tam-muội được thấy là thấy thân nào?

Thích: Nói chung về niệm Phật, ba thân đều niệm, thì được vô tướng niệm Phật Tam-muội, niệm pháp thân Phật được hữu tướng niệm Phật Tam-muội, niệm báo thân, hóa thân Phật, Nhưng theo kinh Hoa Nghiêm, Hiền Hộ, Bát-nhã, Quán Phật Tam-muội Hải, kinh Quán, Cổ Âm Thinh Vương, Văn-thù Bát-nhã, phần nhiều nói quán sắc thân Phật, gọi là niệm Phật Tam-muội. Còn theo kinh Hiền Hộ quyển một: "Niệm Phật A-di-đà, đã được thấy rồi, Phật A-di-đà là nói rộng thật tướng các pháp, nghĩa là tất cả pháp xưa nay không hoại, cũng không hoại, vì không hoại sắc, cho đến không hoại thức... như thế cho đến không niệm Đức Như Lai kia, cũng không được Đức Như Lai kia. Người đó nghĩ

rằng Như Lai đã như thế, thứ lớp được Không Tam-muội. Này thiện nam! Đây là gọi chánh niệm chư Phật hiện tiền Tam-muội."

Lấy đây y cứ mà biết, trước thấy sắc thân Phật A-di-đà, tức là quán Báo, Hóa sắc thân niệm Phật Tam-muội; sau được Không Tam-muội, tức là quán Pháp thân niệm Phật Tam-muội. Còn tức dùng nghĩa này, những người tu quán, từ thô đến tế, trước tu sắc thân quán, sau tu pháp thân quán, tu học theo thứ lớp.

Hỏi: Nhân nào được niệm Phật Tam-muội, cảnh giới đã được mỗi mỗi khác nhau, hoặc thấy Tịnh độ, không được thấy Phật, hoặc được thấy Phật mà không được thấy Tịnh độ, hoặc vừa thấy Tịnh độ vừa được thấy Phật, hoặc thấy Phật và độ, đồng thời thấy các thứ tướng nghiệp của chúng sinh, thiện ác đã gây một đời đến nay, ở trong niệm Phật Tam-muội, thảy đều được thấy, tướng được thấy này là chân hay ngụy? Lại thấy như thế nào? Xin trình bày giáo đó.

Thích: Tất cả người hành đạo, không phân biệt đạo hay tục, đã tu hạnh nghiệp nếu không y theo Thánh giáo mà tu học, đều chẳng phải đệ tử Phật., là quyến thuộc của ma, vì sao chỉ lừa dối trăm họ, cũng là người tội của pháp vua. Trong đời hiện tại tức là cầu danh lợi, dối hành Phật pháp, dụ dỗ người ngu, sinh vào đời sau sẽ đọa vào địa ngục vô gián trong mười phương, tự tổn tổn tha, hủy diệt Phật pháp. Nếu có Thánh giáo, y theo đó tu học, đây tức là lợi mình lợi người, công đức cao quý, sinh nơi đây sinh nơi khác, mãi mãi được giải thoát.

Theo kinh Hoa Nghiêm quyển 60, hoặc quyển 45, đồng tử Thiện Tài ở chỗ Văn-thù-sư-lợi được phát tâm Bồ-đề, Văn-thù-sư-lợi bảo Thiện Tài rằng: "Này thiện nam! Ở phương Nam này có một cõi nước tên là Khả Lạc, nước đó có ngọn núi tên là Hòa Hợp, ở trong núi đó có một Tỳ-kheo, hiệu là Công Đức Vân, ông hãy đến đó hỏi thế nào là hạnh Bồ-tát". Đồng tử Thiện Tài đến nước Khả Lạc, lên núi Hòa Hợp, gặp Tỳ-kheo Công Đức Vân, hỏi về hạnh Bồ-tát, Tỳ-kheo Công Đức Vân nói pháp môn Niệm Phật Tam-muội, trình bày sơ lược hai mươi mốt thứ, nói được Tịnh tâm niệm Phật Tam-muội, tự tâm thấy rõ ràng tất cả Phật, được nghiêm tịnh cõi Phật, niệm Phật Tam-muội môn, khởi tất cả cõi Phật không hư hoại; được tịnh nghiệp niệm Phật Tam-muội môn, thấy tất cả các nghiệp, như hình ảnh trong gương; được viên mãn chiếu khắp niệm Phật Tam-muội môn, đều nhìn thấy tất cả chư Phật và quyến thuộc của các ngài nghiêm tịnh cõi Phật.

Chúng sinh ngày nay tuy nói niệm Phật được Tam-muội, mà vì căn hạnh cạn chưa thể đầy đủ tất cả niệm Phật Tam-muội, có được một,

có được hai, ba nên chỗ thấy cảnh giới rộng hẹp khác nhau. Có thấy các thứ nghiệp tướng, đây tức là niệm Phật Tam-muội. Đã có Thánh giáo tức hạnh không luống dối, nếu có chê bai, chính là người báng pháp, Xin tìm Thánh giáo để dứt trừ nghi ngờ.

Hỏi: Cảnh giới mà Niệm Phật Tam-muội chứng được, hoặc thấy chư Phật Bồ-tát, vô biên Thánh chúng, hoặc thấy các thứ trang nghiêm của Tịnh độ chư Phật, đã có Thánh giáo rõ ràng, không còn dám sinh nghi hoặc. Nhưng thời nay đạo tục, hoặc nam hoặc nữ, từ khi sinh ra đến nay chưa từng nghe học, đối với các Thánh giáo, một câu cũng không biết; lại chưa học Phật pháp lâu dài, hoặc đồng nam, hoặc đồng nữ, trăm việc không biết, tạm vào đạo tràng, dốc lòng niệm Phật, liền nói được thấy Thánh giáo của chư Phật. Việc giống như vở kịch, Phật pháp không phải như thế, đâu cho niệm Phật Tam-muội, cao tăng thạc học, tinh cần tu tập, còn e không thành, lớp đồng ấu, kẻ tục không trí, đều có thể chứng được Tam-muội định ư? E rằng pháp này là luống dối.

Thích: Ngày nay đạo tục đều sinh ra mối nghi này, nếu y theo giáo mà suy nghiệm thì có gì lạ? Vả lại, Thế Tôn còn tại thế, và sau khi Ngài diệt độ, Ưu-ba-cúc-đa độ đệ tử, đều được đạo quả vô lượng ức ngàn, hoặc ngồi nghe một bộ kinh, được pháp nhãn thanh tịnh; hoặc nhờ cạo tóc, Thánh đạo hiện tiền, hoặc được quét quên chổi, chứng quả A-la-hán; hoặc Sa-di bảy tuổi, là câu giải thoát; hoặc dùng quả cầu đánh lên đầu, chứng được quả Tứ hướng, hoặc là tránh đi khiến nghe, được quả Tu-Đà-hoàn. Việc giống như vở kịch, đã vượt ba cõi, dứt kiến hoặc, tư hoặc khó dứt kia, chứng được bốn quả sa-môn khó chứng kia, đâu thể không tin giáo pháp này? đều do hạt giống giải thoát phần thiện đời trước, quá khứ đã từng tu tập đạo này, đời này tạm nghe pháp tư duy, hễ gặp chút duyên, nào thì có thể đắc đạo. Theo đây, kinh Hiền Hộ nói: “Trong một trăm năm đầu ở năm trăm sau, Tam-muội này, do thần lực Phật, được truyền bá rộng, đều dạy đọc tụng, đúng như lời dạy mà tu hành.” Tu hành tức là được Vương Tam-muội.

Vả lại vào Phật pháp, các thứ căn cơ, như tư duy giáo nghĩa, nhờ việc hỏi đáp hiểu được huyền tông của tiệm đốn, diễn chân giáo bán mãn tức phải thông minh trí tuệ, từ biện ngang dọc, chẳng phải thượng nhân này thì khó hoằng diệu chỉ. Nếu cũng nhất tâm bất loạn, trực tâm trực hạnh, không nhiều tư lự, nhất tâm niệm Phật liền thấy Thế Tôn, không tiếc thân mạng, thiếu nữ hoặc trẻ con thế tục, nghe Thiện tri thức dạy niệm Phật, liền tin nhận, đúng như lời dạy chuyên niệm, không tư duy nhiều, tâm dễ được định; nếu lo nghĩ nhiều, Tam-muội khó thành.

Nên vào đạo tràng danh tăng Đại đức, rộng xem kinh luận, Tam-muội không thành; ít hiểu văn kinh, chóng được định này. Từ xưa đến nay, các Đại đức tu thiền, muốn tu định này, đều bảo chớ nghe, vì bởi luống suy nghĩ nghĩa, tâm thường tán loạn. Điều này đâu có lạ gì, đâu có mê hoặc gì, nhưng kiến thức của họ có chân có ngụy, phải khéo tư duy mới phù hợp Phật giáo.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm nói: "Tịnh nghiệp niệm Phật Tam-muội môn, thấy nghiệp của tất cả chúng sinh, như hình ảnh trong gương." Không biết nghiệp tướng đã thấy, hoặc người đó chết lâu, thọ sinh trong các đường, trong gương Tam-muội vẫn hiện tướng này, là thật hay là giả, việc thật khó hiểu, vì bản chất này đến hiện trong gương, là tự tâm mình giả biến hiện ư? Nghiệp là tư duy, làm sao được thấy? Nghĩa nó sâu kín, xin trình bày tôn chỉ!

Thích: Tướng của cảnh Tam-muội, thật khó hiểu được, chẳng phải chỉ có nghĩa này, các pháp cũng như vậy, vả lại cảnh đời trước tùy theo niệm, duyên chung cả quá khứ, như năm uẩn ngay trong tâm hiện tiền, tướng như thế là tướng gì? Nên biết năm uẩn quá khứ là tướng bản tánh, theo niệm thông lực, duyên quá khứ kia tự hai tâm biến hiện tướng phần, năm uẩn chợt dường như tướng kia hiện ra ở trước, gọi là sở duyên duyên. Pháp này cũng vậy, hoặc là chết sinh thông lực, duyên cảnh vị lai, chết nơi này sinh chỗ kia, các tướng năm uẩn kia tướng phần của tự tâm, mượn chúng sinh kia mà tạo nghiệp khởi báo, nối nhau thứ tự hiện ra trước mặt, hoàn toàn không có sai lầm. Các chúng sinh này đã gây ra các nghiệp, là tướng của bảntánh kia hay tăng thượng duyên, sở duyên duyên, khiến chết sinh trí thấy chung tướng như thế.

Ở đây cũng như vậy, tùy theo tư nghiệp của mình và người sẽ phát ra thân ngữ, nghiệp thiện ác đã gây quán tập công năng, trong Tam-muội hiện các ảnh tượng, mượn hạt giống nghiệp kia mà hiện ra tướng tội phước, hoặc là năng lực đại bi của Như Lai, trong Tam-muội hiện ra tướng này, dạy cho người đó tu đoạn, rất phải kính tin, không được nghi ngờ. Cảnh giới Tam-muội, cảnh giới chư Phật, cảnh giới nghiệp lực, đều không thể suy nghĩ bàn luận, phàm phu chẳng thể suy lường được.

Hỏi: Có được niệm Phật Tam-muội, thấy được tướng cao quý của Tịnh độ Tây phương kia, tuy thân chưa chết, nhưng đã thấy thân mình ở Tịnh độ, hoặc thấy vãng sinh, tướng hoa sen đón rước, chẳng hay cảnh này là thật hay giả?

Thích: Đây chẳng phải giả dối như trong pháp quán, chung thứ mười hai phải khởi tâm mình sinh về Tây phương, ngồi kiết già trong

hoa sen, khởi tưởng hoa sen khép lại, mở ra, như thế đâu có sai lầm ư? Trong Tam-muội này thấy vãng sinh cũng giống như thế.

Còn trưởng giả Tu-đạt, trải vàng ròng, mua vườn Kỳ-đà, cúng dâng Như Lai lập tinh xá, cùng với Xá-lợi-phất giữ đầu mối sắp đặt già-lam, xây dựng đường vũ, sáu tầng trời cõi Dục trong hư không đồng thời hiện tướng. Khi Xá-lợi-phất chỉ thị Tu-đạt, Tu-đạt không hiểu hỏi Xá-lợi-phất, Thánh giả đáp: "Đây là công đức cúng dường của trưởng giả đã cảm được cung trời, nên sinh chỗ đó, trước hiện tướng, khiến cho trưởng giả biết."

Tu-đạt bạch rằng: "Ta chỉ có một thân, chết thọ một báo, sáu trời đều đến, ta biết sinh chỗ nào?" Xá-lợi-phất nói: "Trong ba cõi trời dưới, phước đức yếu kém, hai cõi trời trên vô cùng buông lung, chỉ có cõi trời Đâu-suất, tuy vui nhiều hơn, nhưng tâm sinh biết đủ, sinh trong Bổ xứ, Trưởng giả nên nguyện sinh tầng trời kia. "Lúc đó Tu-đạt liền y theo nguyện của mình, tướng của năm cung trời đồng thời biến mất, chỉ có cung trời Đâu-suất còn hiện rõ ràng. Nên tùy theo chỗ tạo nghiệp duyên thiện ác, phải sinh thuần thục trước, khi qua đời, nhiều tướng này hiện. Tin biết thực hành nhân chắc chắn có quả, tướng quả hiện tiền, đài hoa Tịnh độ tùy theo phẩm trước hiện. Loại này chắc chắn như thế, đâu có chỗ nào nghi? Nhân quả phù hợp nhau, phải tin tưởng điều đó.

Hỏi: Người được pháp niệm Phật Tam-muội này, lấy gì để biết được pháp Tam-muội này, có Thánh giáo nào để chứng biết không?

Thích: Kinh Quán có văn. Kinh nói: "Cần phải nhớ tưởng, khiến tâm mắt được thấy. Thấy được việc này, thì thấy tất cả chư Phật trong mười phương, vì thấy chư Phật nên gọi là niệm Phật Tam-muội." Đây là chứng. Hành giả lúc bình thường, tuy tu đạo nhiều cách, mà nay vào đạo tràng học Tam-muội này, liền thấy được Phật. Nếu không được Tam-muội, thì đâu được thấy ư? Nay đã được thấy, thì biết Tam-muội này. Cho nên, kinh nói: "Vì thấy Phật nên gọi là Niệm Phật Tam-muội."

Như người bị đau mắt, không thấy các màu sắc, thầy thuốc giỏi có thể chữa lành mắt, bèn dùng nạo vàng móc bỏ màng mắt người đó, đưa tay cho xem, người đó nói không thấy, nên biết mắt đã lành, cái lòa chưa hết. Sau lại ấn nữa, lại chỉ cho người đó, người đó nói ngón tay châm, liền biết mắt người đó đã lành. Nếu không có mắt thì làm sao thấy ngón tay, vì ở đây thấy ngón tay nên nghiệm biết người đó đã chữa được bệnh đau mắt, nhãn căn thanh tịnh. Đây cũng như thế, nếu không được niệm Phật Tam-muội, thì làm sao thấy được Tịnh độ của chư Phật và các tướng sắc thân thanh tịnh của Phật?

Y cứ theo đây mà biết là được niệm Phật Tam-muội. Người đó thường tu hạnh này, Tam-muội không mất, thường thấy chư Phật và Thánh chúng. Nếu lâu không tập, chạy tán theo năm trần, mất Tam-muội này thì không thấy chư Phật, Bồ-tát và Thánh chúng. Y cứ vào đây mà biết trước đã thấy đó là Tam-muội, phần nhiều là nghe nghĩ tương ưng với tên Tam-muội, chẳng phải tu tuệ.

Hỏi: Tu niệm Phật Tam-muội có lợi ích gì? Được quả thù thắng quả gì? Xuất xứ từ Thánh giáo nào để khuyên nhủ người học, nêu ra lợi ích khuyên tu, khiến thành nghiệp thù thắng.

Thích: Lợi ích này vô lượng vô biên, có nói trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Hiền Hộ... trình bày rộng lợi ích của nó, há đây có thể thuật. Nhưng lược nêu năm, ba điều để chỉ bày cho nhau:

1. Thấy Thánh chúng.
2. Nghe chánh pháp.
3. Diệt tội nặng.
4. Sinh Tịnh độ.
5. Các định căn bản.
6. Sẽ thành Phật.

- Thấy Thánh chúng: Như kinh Hiền Hộ quyển một nói: "Người thiện nam, thiện nữ, ngồi ngay thẳng buộc niệm, chuyên tâm tưởng Đức Phật A-di-đà kia, tướng tốt như thế, oai nghi như thế, đại chúng như thế, nói pháp như thế, nếu nghe buộc niệm, mà nhất tâm nối nhau, thứ lớp không loạn, hoặc là trải qua một ngày, một đêm như thế, hoặc cho đến bảy ngày bảy đêm, phải nhìn thấy Như Lai A-di-đà, nếu ban ngày không thấy, thì hoặc trong giấc mộng nên thấy."

- Nghe chánh pháp: Vì thấy Đức Phật A-di-đà Thế Tôn nói pháp mầu sâu xa, nghĩa là tất cả pháp xưa nay không hư hoại, cũng không có người hư hoại, như không hoại sắc cho đến không hoại các ấm của thức... nghe các ngôn giáo Đại thừa như thế.

- Diệt tội nặng: Kinh Quán Phật Tam-muội Hải nói: "Tam-muội này là thuốc của tất cả chúng sinh phạm giới, hộ người phá giới, dẫn dắt người lạc đường, là cặp mắt của người mù, trí tuệ của người ngu, ngọn đèn nơi bóng tối, là vị tướng dũng mãnh trong kẻ giặc phiền não. Lại kinh nói: "Như Lai ngày nay đã vì các chúng sinh có năm thứ khổ trong đời vị lai, Tỳ-kheo phạm giới, kẻ ác bất thiện, ngũ nghịch, hủy báng, kẻ phạm mười sáu thứ ác luật nghi... mà nói pháp trừ tội.

- Sinh Tịnh độ: Kinh Hoa Nghiêm nói: "Niệm Phật Tam-muội tất sẽ thấy Phật, sau khi mạng chung sinh ra trước Phật, thấy người đó lâm

chung mà khuyên niệm Phật, lại cho xem tôn tượng để chiêm ngưỡng kính tin." Lại kinh Quán nói: "Người tu Tam-muội này, thân đời này được thấy Phật Vô Lượng Thọ và hai Đại sĩ Quán Âm và Thế Chí là bạn tốt đang ngồi đạo tràng, sinh trong nhà chư Phật."

- Các định căn bản: Chỗ các Tam-muội lớn này bắt đầu sinh ra.

- Sẽ thành Phật: Kinh Hiền Hộ nói: "Người kia ở đời vị lai chắc chắn sẽ thành Phật, hiệu là Thiện Giác Như Lai." Còn Bồ-tát Hiền Hộ dùng một trăm hai mươi câu hỏi, thưa hỏi Đức Thế Tôn: Bồ-tát thành tựu đầy đủ Tam-muội nào mà được nhóm công đức lớn kia?... Cho đến hỏi thế nào là hành trong trời gian một sát-na, tức có thể khắp đến trước tất cả chư Phật? Tức lại nói thế nào mới được trụ trong cõi Phật, thấy khắp tất cả chư Phật trong mười phương, nghe chánh pháp, cúng dường chúng Tăng, không chỉ chưa được sáu thông xuất thế, mà thật chưa được năm thông thế gian, cũng chưa xả được thân của thế giới này, cũng không sinh vào cõi nước chư Phật kia, chỉ trụ ở cõi này, thấy chư Phật, Thế Tôn ở thế giới khác, tất cả đều được nghe chư Phật giảng nói chánh pháp, tất cả nghe nhận, đúng như lời dạy tu hành? Thí như thời nay Thánh giả A-nan, ở trước Đức Thích Tôn đích thân nghe pháp rồi, thảy đều thọ trì. Phật bảo Hiền Hộ: "Có Tam-muội tên là Tư duy chư Phật hiện tiền Tam-muội, nếu có Bồ-tát nào tu tập đầy đủ Tam-muội như thế sẽ được thành tựu các công đức như câu hỏi ở trên. Hiền Hộ nên biết! Lại có vô lượng vô biên công đức cao quý, nói không thể hết." Nên biết Tam-muội này đã được thắng lợi, khó trình bày cho hết.

Hỏi: Nếu nói như thế, được Tam-muội này thì được lợi ích vô cùng. Người học thời nay được Tam-muội, có được những công đức như trước không?

Thích: Tam-muội tuy đồng, nhưng sâu cạn là khác nhau ở chỗ này. Sâu thì được lợi ích Thánh quả cao nhất. Như kinh Hiền Hộ có một trăm hai mươi câu hỏi, đều được thắng lợi này, nên kinh nói: "Bồ-tát tu tập Tam-muội như thế, phải được thành tựu như nay đã hỏi: Nay các người học tu tập chưa được đầy đủ các Tam-muội như thế, cũng tùy phần được các đức tốt. Ví như loài rồng có thể nổi mây mưa, rồng lớn giáng mưa xuống, thấm ướt khắp đại thiên, rồng nhỏ thì nổi mây, không giáp vài dặm, đều tưới nhuận cây cỏ, đều thấm nhuần gốc rễ, rộng hẹp khác nhau, đều gọi là giáng trạch. Tam-muội cũng giống như vậy, hơn kém khác nhau, đều có thể thấy Phật, đều sinh trong nhà Phật."

Hỏi: Pháp niệm Phật Tam-muội này, tuy chưa thể tu tập, nhưng thấy người khác tu mà sinh tin tưởng tùy hỷ, thì được công đức gì?

Không tin sinh hủy báng thì sẽ mắc tội báo gì? Xin trình bày tổn hại và lợi ích, để hiểu được những điều chưa nghe.

Thích: Nay sẽ vì ông mà dẫn rộng Thánh giáo, trình bày đầy đủ kính tin và huỷ báng được tổn hại và lợi ích gì. Như kinh Hiền Hộ quyển năm phẩm Tùy Hỷ Công Đức nói: "Người tùy hỷ Tam-muội, thí như có người, chắc chắn thọ một trăm tuổi, thân nhẹ khí mạnh, đi nhanh như gió, người này mới sinh ra có thể đi khắp một thế giới, giáp vòng mười phương, cùng cực mé đất. Cho đến đầy năm, thường đi không ngừng. Nếu có người thiện nam, người thiện nữ khởi lòng kính tin, theo người trẻ tuổi ấy đi khắp thế giới, đựng đầy châu báu, đem cúng dường chư Phật trong mười phương, người đó được phước, tuy nói rất nhiều, nhưng không bằng tu một chút công đức Tam-muội này, vì sao? Này Hiền Hộ! Vì Bồ-tát ma-ha-tát kia đã tu Tam-muội này, đầy đủ bốn đại tùy hỷ như trên, hồi hướng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, vì cầu đa văn thành Chánh giác. Hiền Hộ! Do nhân duyên đó, so sánh phước bố thí này với công đức tùy hỷ ở trước, trăm phần không bằng một, ngàn phần không bằng một, trăm ngàn muôn phần không bằng một, cho đến tính số thí dụ cũng không thể hết." Người đó sinh kính tin tùy hỷ, phước đức vô biên, không tin sinh phỉ báng, tội cũng vô lượng. Như kinh Đại Phẩm, kinh Pháp Hoa và kinh Phật Tạng đã nói rộng tội báng pháp.

Hỏi: Chẳng hay người tu Tam-muội này, đều phải trang nghiêm đạo tràng, an trí tôn tượng, tắm gội thanh tịnh, đắp y mới giặt, ngày ăn một bữa, không màng đến thân mạng, chuyên tâm niệm Phật, nghĩa này có thể đúng, vì sao ở trong chỗ tối, bít các khe sáng, khuyên lớn tiếng niệm, đây là dạy điều gì? So với kiến giải, mọi người đều sinh nghi lạ, xin trình bày việc này, có giáo nào không?

Thích: Nghiên cứu các Thánh điển cũng không có giáo đó, nhưng người tu hành ở trong thất tối này, dứt các thấy nghe, tâm buông hết muôn duyên, cầu nguyện của người mới học, chú ý về tưởng này, dễ thành Tam-muội, nếu không như thế thì khó thành. Hễ muốn suy nghĩ việc khó của thế gian chưa được hiểu rõ, loạn tưởng khó thành, hoặc ở một mình trong am thất, hoặc nhắm mắt không nhìn thấy, nhân sự điềm nhiên này, suy nghĩ việc được thành. Ở đây cũng giống như thế, loạn tâm khó trụ, thì niệm Phật Tam-muội không do đâu hiện tiền, nên ở trong thất tối, thực hành Tam-muội này, bọn người không học, đối với việc này sinh nghi, người từng tu học, rất cho là cần thiết. Nếu ở trong nhà, khi đang niệm Phật, có một chút ánh sáng chiếu vào khe ở trong nhà tối này, tâm liền duyên theo đây, sinh khởi suy nghĩ cùng khắp, nếu

dứt hết cái sáng này, nhất tâm bất loạn. Đây chính là điều người học đã biết, chẳng nên lãng phí thực hành pháp này.

Như pháp điều phục chim ưng, may mắt lại cho ăn giạ, khiến nó không nhìn thấy gì, tổn hại sức khỏe, mới dứt bay nhảy, qua lại, khi điều phục, đem đi săn, mặc tình tùy người. Tam-muội cũng vậy, người mới học, tâm chạy theo năm dục, chuyền níu sáu trần, nếu không ở trong nhà tối, thì không do đâu thành Tam-muội, về sau học thành tựu, du hành ở chỗ nào cũng được, bất luận sáng tối, thường được thấy Phật, đâu nhọc nhằn thực hành niệm Phật trong thất tối? Nên kinh Quán nói: "Người này bị khổ bức bách, không rảnh niệm Phật, thiện hữu dạy nên niệm Phật A-di-đà, dốc lòng như thế khiến tiếng niệm không dứt. Đâu chẳng bị khổ não ép ngặt, niệm tưởng khó thành, khiến cho tiếng niệm không dứt, dốc lòng liền được."

Nay định lực do niệm Phật phát ra tiếng này chắc chắn cũng giống như thế, khiến cho tiếng niệm không dứt, liền được Tam-muội, thấy Phật và Thánh chúng rõ ràng thường ở trước mắt. Kinh Đại Tập Nhật Tạng Phần nói: "Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ."

Niệm lớn là lớn tiếng niệm Phật, niệm nhỏ là nhỏ tiếng niệm Phật, đây là Thánh giáo, có gì mê hoặc đâu?

Hiện nay thấy các người tu học ngày nay, chỉ cần cố gắng lớn tiếng niệm Phật, Tam-muội dễ thành, nhỏ tiếng niệm Phật, liền bị nhiều phân tán, điều này người học đã biết, người ngòai chẳng hiểu được. Con nếu không tin, xin thử học làm, không thể không tu, chỉ sinh nghi ngờ.

Hỏi: Kinh nói năm vóc sát đất, ai cầu sám hối, không biết những người sám hối đó, hoặc thường đánh tự, chẳng biết có Thánh giáo nào? Nếu gieo năm vóc sát đất tức là tự đánh, e sự giải thích này, lý nó không được đúng. Ở đây nói năm thể, đâu trở ngại chỉ là năm luân gieo sát đất, đầu mặt lễ Phật.

Thích: Như kinh Quán Phật Tam-muội Hải quyển 3 nói: "Phật từ chỗ ngồi đứng dậy, khiến bốn chúng quán sắc thân Phật, trong chúng Thích tử, có năm trăm Thích tử thấy thân Phật như người tro; trong chúng Tỳ-kheo, có một ngàn vị, thấy sắc thân Phật như người bằng đất đỏ, trong chúng Ưu-bà-tắc, có mười sáu vị thấy sắc thân Phật như chân voi đen, trong chúng Ưu-bà-di, có hai mươi bốn Ưu-bà-di thấy sắc thân Phật như mực, trong chúng Tỳ-kheo-ni có một vị Tỳ-kheo-ni thấy sắc thân Phật như mầu bạc trắng. Bốn chúng như thế, quán sắc thân Phật, chỗ thấy khác nhau, không được thấy thân sắc vàng thật của Phật, phát lộ sám hối, sám hối các tội, như núi lớn sụp đổ, tự nắm đầu tóc, giở thân

lên ném xuống đất, cong người tự đánh, trong mũi ra máu, sám tội tiêu diệt, tâm mắt được mở, thấy sắc thân Phật, trang nghiêm nhiệm mầu, như núi Tu-di, ánh sáng lộ rõ như biển cả." Đây chẳng phải là pháp kinh văn sám hối tự đánh sao? Không dạy mà làm, thật như đã trách, kinh nói làm đúng, đâu có gì lạ?

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 171

TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN

SỐ 1961

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1961

LỜI TỰA

TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN

Đời Tống, Dương Kiệt hiệu Vô Vi Tử kính soạn.

Từng nghe: Ái tâm chẳng nhiễm nặng chẳng sinh Ta-bà, niệm Phật chẳng chuyên nhất chẳng về Tịnh độ. Ta-bà là chốn uế độ, Cực lạc là miền Tịnh độ. Thọ mạng của cõi Ta-bà có hạn lượng, thọ mạng ở cõi Cực lạc thì vô cùng. Cõi Ta-bà đủ các khổ não, miền Cực lạc tìm cái khổ chẳng có. Ta-bà tùy nghiệp mà luân chuyển tam đồ, cõi Cực lạc một khi được sinh thì vĩnh viễn chứng Vô sinh pháp nhẫn. Nếu muốn hóa độ chúng sinh, thì tùy ý tự tại, hoàn toàn không bị nghiệp hoặc buộc ràng. Xét sơ qua hai cõi, các sự sinh tử, phiền não an vui; tinh uế, thọ lượng mãi vốn sai khác. Như thế mà chúng sinh lại mê mờ không hiểu, thật đáng thương thay!

Đức Phật A-di-đà là Bậc Giáo Chủ tiếp dẫn chúng sinh ở cõi Tịnh độ. Đức Thích-ca là bậc đạo sư chỉ đạo Tịnh độ ở thế giới Ta-bà. Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí là hai bậc phụ trợ Phật tuyên dương hóa độ. Do đó, trong các kinh điển một đời thuyết pháp của Đức Thích-ca, phần nhiều đều ân cần khuyến khích chúng sinh phát nguyện vãng sinh Cực lạc. Đức A-di-đà và hai vị Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí cùng chèo thuyền đại nguyện, vào biển sinh tử, chẳng trụ bờ bên này, chẳng trụ bờ bên kia, chẳng trụ ở giữa dòng, duy chỉ lấy việc tế độ chúng sinh, lấy đó làm Phật sự.

Trong kinh A-di-đà nói: “Nếu có kẻ thiện nam, người thiện nữ, nghe nói danh hiệu Phật A-di-đà, chấp trì danh hiệu, hoặc một ngày cho

đến bảy ngày, một lòng không loạn, thời khi lâm chung, Phật A-di-đà cùng với Thánh chúng, hiện thân ra trước mặt, người đó lúc bấy giờ tâm không điên đảo, liền được vãng sinh về thế giới Cực lạc." Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: "Chúng sinh mười phương nghe danh hiệu ta, nghĩ tưởng quốc độ ta, rồi gieo trồng các cội đức, hết lòng hồi hướng nguyện sinh về nước ta. Nếu chẳng được vãng sinh, ta nguyện không thành chánh giác." Vì thế, ở viện Vô Thường tại tịnh xá Kỳ-hoàn, Đức Phật dạy người bệnh day mặt về hướng Tây, khởi lòng mong cầu vãng sinh Cực lạc. Do vì ánh sáng của Đức Phật A-di-đà rọi chiếu khắp pháp giới, nhiếp lấy mọi chúng sinh niệm Phật không bỏ. Bởi vì Thánh phàm đều đồng một thể, cơ cảm có sự tương ưng. Chúng sinh trong tâm chư Phật, nơi nơi đều là Cực lạc. Tịnh độ cũng trong tâm chúng sinh, niệm niệm đều là Di-đà.

Lấy lý này để quan sát: Thời người có trí tuệ dễ vãng sinh, bởi tâm không còn nghi hoặc. Người thiền định dễ vãng sinh, bởi tâm không còn tán loạn. Người trì giới dễ vãng sinh, bởi tâm lìa các ô nhiễm. Người bố thí dễ vãng sinh, bởi tâm không còn ngã chấp. Người nhẫn nhục dễ vãng sinh, bởi tâm không còn sân nhuế. Người tinh tấn dễ vãng sinh, bởi tâm không còn thoái chuyển. Người không làm thiện, không làm ác dễ vãng sinh, bởi tâm dễ chuyên nhất. Người tạo các nghiệp ác khi nghiệp báo đã phát hiện dễ vãng sinh vì sinh tâm hổ thẹn, khiếp sợ. Trong đây chỉ có hạng người không có tâm chí thành, tâm tin tưởng, không có tâm hồi hướng phát nguyện; hạng người này thì không thể liệt vào hàng Thượng phẩm thượng sinh.

Ôi danh hiệu Phật A-di-đà rất dễ niệm, cảnh Tịnh độ rất dễ sinh. Chúng sinh không chịu niệm Phật, không muốn cầu sinh, dẫu Phật có xót thương cũng đành cam chịu. Xét người tạo các nghiệp ác, đọa vào đường dữ, phát tâm niệm Phật Di-đà, thời quyết được vãng sinh. Hai điều này đều do Phật nói. Người thế gian sợ đọa địa ngục mà nghi ngờ vãng sinh, há chẳng mê lầm ư?

Kể từ đời Tấn, pháp sư Huệ Viễn cùng với các vị cao sĩ đương thời như Lưu Di Dân kết Bạch Liên xã ở Lô sơn, hết lòng tinh tấn tu pháp môn này. Từ đó đến khoảng bảy trăm năm về sau, kẻ tăng người tục tu theo pháp môn niệm Phật, thâu hoạch được sự lợi ích, không sao kể xiết. Những sự cảm ứng đó, đã được ghi lại một cách đầy đủ trong các bộ truyện ký của Tịnh độ, há đây là luống dối ư?

Nhưng xưa nay, trong các sách tán thán, luận giải về giáo nghĩa Tịnh độ, chất cao như núi, thì có bộ Thập Nghi Luận của Thiên Thai

Trí Giả Đại sư là rốt ráo hơn hết. Đại sư đã dẫn các lời Thánh, để dẹp tan các mối nghi lầm. Ví như nhà tối vạn năm, một khi mặt trời mọc thì bóng tối tự mất. Ví như biển rộng muôn trùng, nhưng trong tay có thuyền rồi thì ngại gì không đến bến. Đại sư nếu không phải là thân sau của Di-đà, thì làm sao có thể soạn được như thế. Kiệt tôi xem qua các bộ, may mắn gặp được bộ này. Đọc đến chỗ nào không thể không sinh tin tưởng. bản thân đang gặp hoạn nạn, mà cảm ngộ sự ích lợi vô cùng, muốn đem sự lợi ích này truyền rộng nhân gian, do đó bèn viết lời tựa.

SỐ 1961

TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN

Đời Tùy, đại sư Trí Giả ở núi Thiên Thai soạn.

NGHI VẤN THỨ NHẤT

Hỏi: Chư Phật, Bồ-tát đều lấy tâm từ bi làm sự nghiệp. Vậy chúng ta muốn phát tâm cứu độ chúng sinh, thì nên nguyện sinh vào cõi ngũ trược ác thế trong tam giới để cứu khổ chúng sinh. Tại sao người tu hành lại cầu sinh Tịnh độ cầu an tự thân mà bỏ chúng sinh. Người tu như thế có phải là không có tâm đại Bi, chỉ cầu sự an ổn tự thân, chướng ngại con đường Bồ-đề chăng?

Đáp: Bồ-tát có hai hạng. Thứ nhất là người tu Bồ-tát đạo đã lâu, tự thân đã chứng đắc Vô sinh pháp nhẫn, với những vị Bồ-tát như thế, chúng ta đem lời đó quở trách là đúng. Nhưng còn hạng thứ hai là những vị Bồ-tát chưa chứng Vô sinh pháp nhẫn và các chúng sinh phàm phu mới phát tâm; với các vị này, cần nên không xa lìa Phật, cho đến khi thành tựu Vô sinh pháp nhẫn mới kham nổi việc vào trong tam giới, ở trong ác thế cứu khổ chúng sinh. Vì thế, trong luận Đại Trí Độ nói: "Hàng phàm phu cụ phược, cho dù có tâm đại Bi, mà muốn sinh vào cõi ác thế, để cứu khổ chúng sinh, không bao giờ làm được. Tại sao? Vì ở thế giới ác, phiền não rất lẫy lừng, khi bản thân mình chưa đủ sức kham nhẫn, thì sẽ bị cảnh chuyển, rồi bị thanh sắc ràng buộc. Bản thân đã đọa vào tam đồ, thử hỏi làm sao có thể cứu khổ chúng sinh. Giả sử có được sinh vào loài người, thì Thánh đạo khó chứng. Hoặc nhân có bố thí, trì giới, tu phước, hiện đời được làm quốc vương, đại thần giàu sang. Do phước nghiệp này, dù có gặp được Thiện tri thức khuyên bảo, cũng khó chịu tin theo, rồi tham mê phóng túng, tạo vô số tội ác. Vì nghiệp ác này, đến khi chết đọa vào Tam đồ, trải qua vô lượng kiếp, khi ra khỏi địa ngục, lại phải thọ thân bần tiện, nếu không gặp được bậc Thiện tri thức khuyên bảo, thời đọa lại vào địa ngục. Đa phần chúng sinh từ trước đến nay luân hồi đều ở trong tình trạng này. Đây gọi là

nan hành đạo.”

Vì vậy, ***kinh Duy-ma nói:*** “Bệnh mình không thể cứu, làm sao có thể cứu bệnh người khác.” Luận Đại Trí Độ nói: Ví như có hai người, bản thân đều có người thân đang chìm dưới nước. Một người tính nóng nảy, vội nhảy xuống nước để cứu, vì không có phương tiện cho nên cả hai đều bị cuốn chìm. Người kia có phương tiện, dùng thuyền bơi ra cứu, cho nên cả hai được sống sót. Bồ-tát mới phát tâm, do chưa có sức kham nhẫn, nên không thể cứu độ chúng sinh. Vì thế, các vị đó phải thường thân cận chư Phật, đến khi chứng được Vô sinh pháp nhẫn rồi, mới có thể cứu khổ chúng sinh. Cũng như người sau trong tay đã có thuyền mới có thể cứu được người thân đang bị nước cuốn. Lại trong luận Đại Trí Độ nói: “Ví như trẻ thơ, không thể xa rời mẹ. Nếu xa rời mẹ ắt rơi xuống hầm, giếng, khát sữa mà chết. Lai như chim non, khi chưa đủ lông cánh, chỉ nên nương cây chuyền cành, không thể bay xa. Một mai lông cánh đã đầy đủ, mới có thể tự tại bay giữa hư không, không có chướng ngại. Hạng phàm phu khi chưa thành tựu sức kham nhẫn, chỉ nên chuyên trì niệm danh hiệu Phật A-di-đà, đến khi chứng đắc Tam-muội, thành tựu tịnh nghiệp, thời lâm chung chánh niệm vãng sinh, không có gì phải nghi ngờ. Lúc thấy được Phật A-di-đà, chứng được Vô sinh pháp nhẫn rồi, bèn trở lại Tam giới, cưỡi thuyền vô sinh nhẫn, cứu khổ chúng sinh, rộng làm vô biên Phật sự, mặc sức tự tại.”

Nên luận nói: Vì thế, hành giả muốn giáo hóa chúng sinh trong địa ngục, thì phải nguyện sinh về cõi Cực lạc. Hành giả sau khi vãng sinh về Cực lạc, chứng Vô sinh pháp nhẫn rồi, bèn trở lại trong sinh tử, giáo hóa các chúng sinh đang thọ khổ trong địa ngục. Bởi nhân duyên hóa độ như thế mà hành giả cần chú ý cầu sinh Tịnh độ. Điều này trong Luận Tỳ-bà-sa gọi là dị hành đạo.

NGHI VẤN THỨ HAI

Hỏi: Thể của các pháp là không, xưa nay vốn vô sinh, bình đẳng tịch diệt. Nay lại bỏ Ta-bà mà cầu sinh Tây phương Tịnh độ, há không trái với bình đẳng ư? Lại trong kinh Duy-ma nói: “Muốn cầu về Tịnh độ, trước phải tịnh tâm. Khi tâm đã tịnh rồi, thì cõi Phật thanh tịnh.” Người cầu sinh Tịnh độ, đối với lý này làm sao thông?

Đáp: Trả lời câu hỏi trên, thời có hai cách, là tổng đáp và biệt đáp.

Tổng đáp là, nếu ông cho rằng, người cầu sinh Tây phương Tịnh độ là bỏ đây cầu kia, không hợp với lý bình đẳng, thời ông chấp vào Ta-bà mà không cầu sinh Tây phương, cũng là bỏ kia cầu đây. Việc này

cũng là bệnh, là hoàn toàn không hợp với lý bình đẳng? Lại nếu ông nói: "Tôi không cầu sinh Cực lạc, cũng không cầu sinh Ta-bà." Nói như thế ắt rơi vào lỗi đoạn diệt. Do đó, kinh Kim cang Bát-nhã nói: "Này Tu-bồ-đề, nếu ông nghĩ rằng phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề là đoạn diệt tướng các pháp, chớ nên nghĩ như thế. Vì cớ sao? Vì phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, đối với các pháp không nói tướng đoạn diệt."

Biệt đáp là, xét lý bất sinh bất diệt. Bất sinh là ở trong duyên sinh, các pháp hòa hợp cho nên không có pháp tự tánh. Tìm nơi thể sinh thì không thể được. Vì thể sinh và thời gian sinh vốn không thật có, cho nên gọi là bất sinh. Bất diệt là khi các pháp hoại diệt, cũng không có tự tánh cho rằng mình hoại diệt. Thể diệt và thời gian diệt cũng không có chỗ nương về, cho nên gọi là bất diệt. Đừng cho rằng ngoài nhân duyên sinh lại còn có bất sinh bất diệt. Vì thế chẳng phải không cầu sinh Tịnh độ mà nói vô sinh.

Do đó trong luận Trung Quán nói: "Nhân duyên sinh các pháp, ta nói tức là không, cũng gọi là giả danh, cũng gọi là trung đạo." Lại luận còn nói: "Các pháp vốn không phải tự sinh, cũng không phải tha sinh, cũng không phải cộng sinh, cũng không phải vô nhân sinh, cho nên gọi là vô sinh." Trong kinh Duy-ma nói: "Tuy biết các cõi Phật, cùng chúng sinh vốn không, mà thường tu Tịnh độ, để giáo hóa chúng sinh." Lại kinh còn nói: "Thí như người tạo lập cung điện, nếu xây cất ở chỗ đất trống, thời mặc sức không chướng ngại. Còn bằng xây cất giữa hư không, rốt cùng không thể tạo thành. Chư Phật trong khi thuyết pháp cũng thế, thường nương nhị đế, không hoại giả danh mà thuyết thật tướng các pháp." Kẻ trí sớm biết cầu sinh về Tịnh độ, mà thấu rõ thể vốn không thật có, đó mới thật là chân vô sinh và cũng nghĩa là tâm tịnh tức cõi Phật tịnh.

Trái lại, kẻ ngu bị cái sinh ràng buộc, nghe nói sinh thì cho là có sinh, nghe nói vô sinh thời cho là không có sinh, mà không biết rằng sinh tức là vô sinh, vô sinh cũng tức là sinh. Vì không thấu triệt được lý này, mà kẻ ngu thường khởi tướng thị phi, tranh chấp với người cầu sinh Tịnh độ, đây quả là sai lầm! Đó chính là hạng tội nhân phỉ báng chánh pháp, là hạng tà kiến ngoại đạo.

NGHI VẤN THỨ BA

Hỏi: Tất cả cõi Tịnh độ của chư Phật mười phương, pháp tánh vốn bình đẳng, công đức cũng như thế. Người tu cần nhớ tưởng khắp mọi công đức, cầu sinh tất cả cõi Tịnh độ. Nay lại chỉ riêng cầu cõi Tịnh độ

của Đức Phật A-di-đà, như thế với lý tánh bình đẳng cầu sinh có trái nhau không?

Đáp: Tất cả cõi Tịnh độ của chư Phật trong mười phương, thật ra đều bình đẳng. Nhưng vì căn tánh chúng sinh phần nhiều ám độn, trược loạn, nếu chúng sinh không buộc tâm riêng vào một cảnh, thì Tam-muội khó thành. Chúng sinh chuyên trì danh hiệu Đức Phật A-di-đà, đó là tu Nhất tướng Tam-muội. Vì tâm chuyên nhất, cho nên được vãng sinh về cõi Tịnh độ. Điều này trong kinh Tùy Nguyện Vãng Sinh có nói: "Bấy giờ Bồ-tát Phổ Quảng hỏi Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Mười phương thế giới đều có Tịnh độ, tại sao Ngài chỉ tán thán cõi Tịnh độ ở phương Tây và khuyên chúng sinh chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà để được sinh về nước đó?

Phật bảo Bồ-tát Phổ Quảng: Do chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề, phần nhiều tâm tánh trược loạn, vì thế mà Ta chỉ riêng tán thán một cõi Tịnh độ ở phương Tây, khiến chúng sinh chuyên tâm vào một cảnh, ắt dễ vãng sinh. Nếu niệm chung tất cả chư Phật, cảnh niệm Phật rộng thì tâm tản mạn, Tam-muội khó thành. Lại cầu công đức một vị Phật cùng cầu công đức tất cả chư Phật đều không sai khác, bởi vì tất cả chư Phật đồng một pháp tánh. Cho nên người nào niệm Di-đà là niệm tất cả chư Phật, sinh một cõi Tịnh độ là sinh tất cả Tịnh độ. Vì thế, kinh Hoa Nghiêm nói: "Thân tất cả chư Phật tức là thân một Đức Phật, lực nhất tâm và tri tuệ, vô úy cũng vậy. Lại ví như trăng tròn sáng, in bóng khắp sông hồ, ánh trăng tuy vô cùng, mặt trăng chưa từng hai. Như đấng Vô Ngại Trí, thành bậc đẳng chánh giác, ứng hiện khắp tất cả, thân Phật không có hai."

Kẻ trí có thể nương nơi ví dụ này mà thấu hiểu tất cả ánh trăng chỉ là một ánh trăng. Một ánh trăng tức là tất cả ánh trăng. Một vị Phật là tất cả vị Phật, tất cả vị Phật tức là một vị Phật. Khi hiểu được lý này thì niệm một vị Phật, tức niệm tất cả các vị Phật.

NGHI VẤN THỨ TƯ

Hỏi: Nếu như nhớ nghĩ cầu sinh về Tịnh độ một Đức Phật, sao không trong các cõi Tịnh độ của chư Phật mười phương, tùy ý niệm Tịnh độ của một Đức Phật nào thì nguyện vãng sinh, cớ sao lại chỉ niệm riêng một Đức Phật A-di-đà?

Đáp: Chúng ta là kẻ phàm phu vô trí, không thể tự tiện mà phải vâng theo lời Phật dạy, vì thế nên riêng niệm Đức Phật A-di-đà. Thế nào là vâng theo lời Phật dạy?

Một đời thuyết pháp của Đức Phật Thích-ca, xem khắp tất cả

Thánh giáo, chỉ khuyên chuyên tâm niệm Đức Phật A-di-đà, cầu sinh về thế giới Tây phương Cực lạc, như trong các kinh Vô Lương Thọ, Quán Vô Lương Thọ, luận Vãng Sinh... có hơn mấy mươi bộ kinh luận, đều ân cần khuyên chúng sinh phát nguyện cầu sinh về Tây phương.

Lại riêng dức Phật A-di-đà có bốn mươi tám điều nguyện lực đại bi để tiếp dẫn chúng sinh. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: "Đức Phật A-di-đà có tám vạn bốn ngàn tướng hảo, mỗi tướng hảo có tám vạn bốn ngàn tùy hình, mỗi tùy hình có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, chiếu khắp pháp giới, nhiếp lấy chúng sinh niệm Phật không rời bỏ. Nếu chúng sinh nào phát tâm niệm Phật, thì cơ cảm tương ưng, quyết định sẽ được vãng sinh về Tịnh độ." Lại trong các kinh như kinh A-di-đà, kinh Đại Vô Lượng Thọ, kinh Cổ Âm Vương Đà-la-ni... đều nói: "Khi Đức Phật Thích-ca thuyết kinh này rồi, có hằng sa chư Phật ở mười phương, hiện tướng lưỡi rộng dài, trải khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, để chứng lời thành thật rằng: Nếu có chúng sinh nào trì niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà, nương vào nguyện lực đại bi của Phật, quyết định sẽ được vãng sinh về thế giới Cực lạc."

Nên biết, Đức A-di-đà với thế giới Ta-bà này vốn có nhân duyên với nhau. Làm sao có thể biết được điều này? Kinh Vô Lương Thọ nói: "Trong thời mạt pháp, khi các kinh pháp diệt hết, ta dùng nguyện lực, đặc biệt lưu trụ kinh này một trăm năm ở đời để tiếp độ chúng sinh, vãng sinh về thế giới Cực lạc." Đây là điểm có thể chứng minh, Đức Phật A-di-đà với chúng sinh ở thế giới Ta-bà có nhân duyên với nhau. Ngoài ra, chư Phật ở các cõi Tịnh độ khác, mặc dù cũng có một vài bộ kinh lược khuyên chúng sinh cầu sinh, nhưng không bằng Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà. Cảnh Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà, đã có rất nhiều bộ kinh luận ân cần, dặn dò, khuyến khích chúng sinh phát nguyện vãng sinh.

NGHI VẤN THỨ NĂM

Hỏi: Hàng phàm phu cụ phược, vốn ác nghiệp sâu dày, đầy đủ tất cả phiền não, một chút phiền não cũng chưa đoạn trừ; còn thế giới Tây phương trang nghiêm thanh tịnh, vượt qua tam giới. Như thế làm sao hàng phàm phu cụ phược có thể vãng sinh?

Đáp: Có hai duyên, là tự lực và tha lực. Tự lực là hàng phàm phu cụ phược ở thế giới này tu hành, thật ra chưa có thể vãng sinh về Tịnh độ. Kinh Anh Lạc nói: "Từ địa vị phàm phu cụ phược chưa biết Tam bảo và nhân quả thiện ác, trước nên phát tâm Bồ-đề, phải lấy tín làm gốc, đến khi vào nhà Phật lại lấy giới luật làm đầu. Hàng phàm phu cụ

phược này thọ giới Bồ-tát trải qua đời đời kiếp kiếp giữ giới tương tục không gián đoạn, không vi phạm, như thế một đời, hai đời, ba đời mới đến địa vị Sơ phát tâm trụ. Lại tiếp tục tu thập tín, thập Ba-la-mật... cùng vô lượng hạnh nguyện, tương tục không có gián đoạn, mãn một vạn kiếp mới đến được địa vị đệ lục Chánh tâm trụ. Nếu hành giả lại cứ tăng tiến tu hành, thời chứng lên đệ thất Bất thoái trụ, tức đã nhập vào chủng tánh vị. Nhưng ở địa vị này vẫn chưa được vãng sinh về Tịnh độ. Trên đây là xét theo tự lực."

Về tha lực, nếu hàng phàm phu cụ phược tin tưởng vào nguyện lực đại bi nhiếp thọ chúng sinh của Đức Phật A-di-đà, rồi phát tâm Bồ-đề, thực hành pháp Niệm Phật Tam-muội, sinh tâm chán lìa thân hữu lậu trong tam giới, mà thực hiện các hạnh bố thí, trì giới, tu phước nghiệp. Ở trong mỗi công đức như thế, đều hồi hướng cầu nguyện khi lâm chung được sinh về thế giới Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà, nương vào nguyện lực của Phật, cơ cảm tương ưng, quyết định lâm chung sẽ được vãng sinh Cực lạc.

Do đó, trong luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa nói: Ở thế giới Ta-bà này, tu hành có hai lối, nan hành đạo và dị hành đạo. Nan hành đạo là chúng sinh ở trong cõi ngũ trược ác thế, trải qua vô lượng chư Phật tu hành để cầu ngôi A-bệ-bạt trí, quả thật là khó được. Chướng ngại cho sự tu hành ở cõi này là nhiều như cát bụi nói không thể nào hết. Nay chỉ lược kể ra năm điều:

1. Ngoại đạo đầy dẫy, làm loạn pháp Bồ-tát.

2. Bị kẻ ác nhân vô lại phá hoại công đức tu hành của mình.

3. Bị phước báo làm điên đảo, có thể làm tan nát phạm hạnh.

4. Bị pháp tự lợi của Thanh văn chi phối, làm chướng ngại lòng đại từ.

5. Chỉ có tự lực tu hành, không có tha lực hộ trì, ví như người què chân đi bộ, một ngày nhọc nhằn nhưng chẳng qua được vài dặm. Trên đây là nói về tự lực hành đạo.

Dị hành đạo là hàng phàm phu cụ phược tin tưởng vào lời Phật dạy, tu pháp Niệm Phật Tam-muội, phát nguyện cầu sinh về thế giới Cực lạc, nương vào nguyện lực đại bi của Đức Phật A-di-đà, quyết định khi lâm chung sẽ được vãng sinh, không còn nghi ngờ. Ví như có người nương theo sức thuyền xuôi dòng nước, trong chốc lát có thể đi xa ngàn dặm, đây là tha lực. Ví như người bình thường nương vào luân bảo của Chuyển luân vương, một ngày một đêm có thể đi khắp bốn thiên hạ, đây chẳng phải do sức mình, mà nhờ vào sức của Chuyển Luân Vương.

Cũng có kẻ suy theo lý này mà cho rằng: kẻ phàm phu hữu lậu không thể vãng sinh về Tịnh độ và cũng không thể thấy Phật. Nhưng niệm Phật Tam-muội thuộc về vô lậu thiện căn, kẻ phàm phu hữu lậu tùy vào công đức tu hành của mình, sẽ thấy được thân thô tướng của Phật. Còn bậc Bồ-tát cố nhiên là thấy được thân vi diệu của Phật. Cảnh giới Cực lạc cũng thế, tuy là chỗ khởi của vô lậu thiện căn, nhưng kẻ phàm phu hữu lậu phát tâm Vô thượng Bồ-đề, cầu nguyện vãng sinh Tịnh độ. Do vì thường tinh tấn niệm Phật, nên chế phục được phiền não, quyết định sẽ được vãng sinh Tịnh độ, tùy phần thấy được thân thô tướng của Phật. Còn Bồ-tát thấy được thân vi tế của Phật. Chỗ này không nên sinh tâm nghi ngờ. Cho nên, trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Tất cả các cõi Phật đều bình đẳng nghiêm tịnh. Chúng sinh hành nghiệp khác nhau, chỗ thấy chẳng đồng nhau." Câu kinh này là chỉ cho ý nghĩa trên vậy.

NGHI VẤN THỨ SÁU

Hỏi: Giả sử hàng phàm phu cụ phược được sinh về cõi Cực lạc, nhưng tà kiến tam độc... thường khởi làm sao được gọi là "Chứng ngôi bất thoái, vượt lên ba cõi được?

Đáp: Chúng sinh mỗi khi được sinh về thế giới Cực lạc, thì có được năm nhân duyên làm bất thoái. Thế nào là năm nhân duyên bất thoái?

1. Do nguyện lực đại bi của Phật A-di-đà nhiếp trì nên được bất thoái.

2. Ánh sáng của Phật thường chiếu cho nên tâm Bồ-đề thường tăng tiến bất thoái.

3. Chim, nước, rừng cây, gió, âm nhạc... thường phát ra tiếng khổ, không, vô thường, vô ngã, hành giả nghe được bèn sinh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, cho nên bất thoái.

4. Cõi Cực lạc thuần là các vị Bồ-tát làm bạn lữ, không có các cảnh ác, duyên ác, ngoài không có tà ma quỷ thần, trong không có tam độc, phiền não cho nên bất thoái.

5. Mỗi khi được sinh cõi Cực lạc rồi, thời được mạng sống dài lâu, tuổi thọ của chúng sinh bằng với tuổi thọ của chư Phật, Bồ-tát, cho nên được bất thoái.

Ở cõi Ta-bà này, ngày đêm rất ngắn, phiền não đầy dẫy, còn ở Cực lạc, trải qua A-tăng-kỳ kiếp, lại không bao giờ nổi phiền não, an nhiên tu tập, như thế làm sao lại không chứng được Vô sinh pháp nhẫn. Lý này đã hiển nhiên, chúng ta không nên sinh tâm hoài nghi.

NGHI VẤN THỨ BẢY

Hỏi: Bồ-tát Di-lặc là vị Bồ-tát nhất sinh bổ xứ, sắp được thành Phật. Chúng sinh nào tu thượng phẩm thập thiện, sẽ được vãng sinh về cõi Tịnh độ của Ngài. Khi vãng sinh rồi, nương theo ngài hạ sinh nhân gian, trong tam hội quyết chứng được Thánh quả. Như vậy chúng ta cần gì phải phát nguyện cầu sinh về Tây phương Tịnh độ?

Đáp: Cầu sinh Đâu-suất cũng có thể thấy Phật nghe pháp gần giống như cầu sinh về thế giới Tây phương. Nhưng nếu so sánh một cách cặn kẽ, thì có sự hơn kém với nhau rất nhiều. Ở đây xin nêu hai việc để luận bàn.

Giả sử chúng ta có tu thượng phẩm thập thiện, sợ e rằng cũng không thể được vãng sinh. Vì sao biết được như thế. Kinh Di-lặc Thượng Sinh nói: "Hành giả phải tu các môn Tam-muội, chứng sâu vào chánh định mới có thể được vãng sinh." Lại Bồ-tát Di-lặc không có sức phương tiện tiếp dẫn chúng sinh, không bằng sức bản nguyện và sức quang minh của Phật A-di-đà, nhiếp thủ chúng sinh, niệm Phật không bỏ. Lại khi Đức Thích-ca thuyết về cửu phẩm giáo môn, phương tiện tiếp dẫn, ngài đã nhiều lần ân cần phó chúc, khuyên chúng sinh cầu sinh về thế giới Cực lạc. Chỉ cần chúng sinh phát tâm niệm danh hiệu Phật A-di-đà, thời cơ cảm tương ưng, quyết định sẽ được vãng sinh về cõi Cực lạc, như thế giới này chiêu mộ người, mỗi khi cơ hội hợp nhau, liền thành sự việc.

Đâu-suất thiên cung vốn là cảnh trời dục giới, người thối thất rất nhiều. Ở đó, không có cảnh chim, nước, rừng, cây, gió, âm nhạc thường phát ra tiếng khổ, không, vô thường, vô ngã để chúng sinh nghe rồi, đoạn diệt phiền não. Lại có người nữ, gây tăng trưởng tâm ái nhiễm dục lạc của chư Thiên rất nhiều, mà thiên nữ lại sắc đẹp vi diệu, làm chư thiên phần nhiều say đắm, khó có thể tránh khỏi. Cảnh Đâu-suất không bằng cảnh giới Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà. Chim, nước, rừng, cây, gió, âm nhạc... đều phát ra tiếng pháp, khiến chúng sinh nghe rồi, phát tâm Bồ-đề, sinh lòng nhớ nghĩ Tam bảo, đoạn diệt phiền não. Lại không có cảnh người nữ, kẻ phát tâm nhị thừa, mà thuần nhất là bạn lữ Đại thừa thanh tịnh. Do đó, chúng sinh ở cõi Cực lạc, phiền não ác nghiệp thảy đều không khởi, mau chứng được quả vị vô sinh. So sánh sơ qua như thế, sự hơn thua giữa hai cõi đã quá rõ ràng, thế thì còn gì phải nghi ngờ nữa?

Như khi Đức Phật Thích-ca còn tại thế, có rất nhiều chúng sinh được thấy Phật, số nhiều như hằng sa mà vẫn không chứng đắc được Thánh quả. Đức Di-lặc xuất thế cũng vậy, có rất nhiều chúng sinh được

thấy ngài, nhưng vẫn không chứng đắc được Thánh quả. Không bằng như cõi Cực lạc của Đức Phật A-di-đà,chỉ cần chúng sinh mỗi khi đã được vãng sinh về cõi đó, thảy đều chứng được Vô sinh pháp nhẫn, chưa có một người nào trở lại đọa lạc tam giới, bị nghiệp sinh tử trói buộc.

Lại nghe truyện Tây quốc nói: Có ba vị Bồ-tát là Vô Trước, Thế Thân và Sư Tử Giác. Ba vị này đồng quyết chí nguyện sinh Đâu-suất, mong thấy được đức Di-lặc. Hẹn với nhau rằng, nếu ai viên tịch trước, nếu thấy đức Di-lặc, thì phải trở lại báo tin. Sư Tử Giác viên tịch trước, đã vài năm rồi mà không thấy trở về báo tin. Sau đó, Thế Thân viên tịch, khi sắp lâm chung, Vô Trước dặn dò: “Em sau khi thấy được đức Di-lặc rồi, liền trở xuống báo tin cho anh ngay.” Thế Thân viên tịch ba năm sau mới trở lại báo tin. Vô Trước bèn hỏi: “Vì sao đã hứa rồi mà ba năm sau mới báo tin.” Thế Thân đáp: “Vừa mới đến thiên cung Đâu-suất, nghe đức Di-lặc thuyết pháp xong, em đi nhiễu quanh Ngài ba vòng và trở lại báo tin liền. Do vì ở cõi Đâu-suất thời gian một ngày rất dài, cho nên ở cõi này đã trải qua ba năm.”

Vô Trước lại hỏi: “Sư Tử Giác hiện đang ở đâu?” Thế Thân đáp: “Sư Tử Giác hiện bị lạc vào Đâu-suất ngoại viện, đang say đắm ngũ dục lạc, từ đó đến nay chưa được thấy đức Di-lặc.” Qua đó cho chúng ta thấy, chư tiểu Bồ-tát sinh về cõi Đâu-suất, còn bị say đắm ngũ dục, huống gì là hạng phàm phu. Do vậy mà người tu nên phát nguyện cầu sinh về thế giới Tây phương, quyết định chứng được bất thoái, không nên cầu sinh về cõi Đâu-suất.

NGHI VẤN THỨ TÁM

Hỏi: Chúng sinh từ vô thỉ cho đến ngày nay, đã tạo vô lượng ác nghiệp; đời nay từ trẻ tới già, nếu không gặp được Thiện tri thức khuyên bảo, lại còn tạo tất cả mọi tội nghiệp, không có nghiệp ác nào là không tạo, làm sao có thể khi lâm chung có thể thành tựu mười niệm, liền được vãng sinh. Vượt qua ba cõi như thế, làm sao giải thích cho thông?

Đáp: Chúng sinh từ vô thỉ cho đến ngày nay, các nghiệp chủng thiện ác đã tạo, hoặc ít hoặc nhiều, hoặc yếu hoặc mạnh, thảy đều không biết. Nhưng nếu khi lâm chung, gặp được bậc Thiện tri thức khuyên bảo niệm Phật, mà thành tựu mười niệm, đây là do nghiệp lành từ đời quá khứ quá mạnh, mới gặp được Thiện tri thức, thành tựu mười niệm. Nếu người nào ác nghiệp sâu dày, thì làm sao có thể gặp được Thiện tri thức khuyên niệm Phật, huống gì thành tựu mười niệm. Lại ông cho rằng ác nghiệp từ vô thỉ đến nay là nặng, còn mười niệm khi lâm chung là nhẹ, nay tôi xin đem ba đạo lý sau, để giải thích cho ông biết rằng, sự vãng

sinh không thuộc về trường hợp khinh trọng, không phải tại thời gian lâu hay mau, không phải tại công hạnh nhiều hay ít. Ba đạo lý đó là do bởi tại tâm, bởi duyên và quyết định.

Do bởi tại tâm, là lúc chúng sinh tạo nghiệp đều nương nơi hư vọng điên đảo mà tạo, còn lúc lâm chung niệm Phật, là do nương nơi lời dạy của Thiện tri thức, do nghe công đức danh hiệu chân thật của Phật A-di-đà mà niệm, một bên là hư, một bên là thật, đâu có thể sánh nhau. Thí như có ngôi nhà tối đã vạn năm, nếu mỗi khi được ánh sáng mặt trời rọi chiếu vào, thời bóng tối liền diệt trừ, đâu chẳng phải là do tối tăm lâu năm mà bóng tối lại không diệt ư?

Do bởi duyên, là khi chúng sinh tạo nghiệp, do nương nơi tâm si ám điên đảo, duyên với cảnh giới hư vọng mà tạo; còn tâm niệm Phật, là do nghe công đức danh hiệu chân thật thanh tịnh của Phật, duyên với tâm vô thượng Bồ-đề mà niệm, một bên chân, một bên ngụy, đâu có thể so sánh. Ví như người bị trúng độc, tên ghim sâu, sức độc mạnh, xương thịt nhiễm trọng thương, một khi nghe được tiếng trống thần dược, tên độc tự bắn ra, sức độc liền tiêu diệt, đâu chẳng phải vì tên độc sâu nặng mà chẳng chịu bắn ra ư?

Do bởi quyết định, là chúng sinh khi tạo nghiệp đều do nơi gián tâm hoặc hậu tâm, còn lúc lâm chung niệm Phật lại không có gián đoạn tâm hay hậu tâm, ngay khi xả mạng thời thiện tâm rất sắc bén, do đó liền được vãng sinh. Ví như có sợi dây cực to, ngàn người dùng sức bứt không đứt, nếu đứa trẻ cầm gươm chém, tức khắc dây liền dứt đoạn. Lại như đống củi tích chứa ngàn năm, chỉ cần một đốm lửa nhỏ đốt, tức thời đống củi sẽ tiêu rụi. Lại như có người trọn đời tu mười nghiệp lành,đáng được sinh thiên, nhưng khi lâm chung do khởi tà kiến điên đảo, tức thời phải bị đọa vào địa ngục A-tỳ. Nghiệp ác tuy chỉ hư vọng, nhưng bởi tâm niệm mãnh lợi, còn lấn lướt nghiệp lành một đời, khiến bị đọa lạc, huống gì lúc lâm chung tâm niệm Phật mãnh liệt, lại không thể lấn lướt được nghiệp ác từ vô thỉ ư? Cho nên người nào tạo nhiều ác nghiệp, lâm chung thành tựu mười niệm, mà không được vãng sinh,là hoàn toàn không có điều đó.

Kinh nói: "Chí tâm niệm một câu hiệu Phật, thời có thể diệt trừ tám mươi ức kiếp tội nặng trong sinh tử." Do vì hành giả khi niệm Phật, tâm vô cùng mãnh liệt, tâm này sẽ đoạn diệt nghiệp ác, quyết định được vãng sinh, không nên sinh tâm nghi ngờ.

Xưa nay tương truyền, phán định mười nghiệp khi lâm chung thành tựu là hoàn toàn thuộc về biệt thời ý (túc nhân). Điều này hoàn

toàn không chính xác. Vì sao biết được như thế? Nhiếp luận nói: "Chỉ do phát nguyện, hoàn toàn không có hành." Luận Tạp Tập nói: "Nếu ai muốn sinh về cõi nước Cực lạc, thời quyết định được vãng sinh; nếu nghe được danh hiệu Phật Vô Cấu, liền được chứng A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đó mới là nhân biệt thời, hoàn toàn không có hạnh." Nếu ai khi lâm chung, mười niệm không gián đoạn, nghiệp lành vô cùng mãnh lợi, đó mới là biệt thời ý, mong chớ nhận lầm. Cúi xin các hành giả suy xét thật kỹ càng, tự kiên cố tâm mình chớ tin theo những tà kiến sai lạc, mà tự đọa vào lối mê.

NGHI VẤN THỨ CHÍN

Hỏi: Từ cõi Ta-bà này đến cõi Cực lạc, xa mười muôn ức cõi Phật, hạng phàm phu sức lực yếu kém, làm sao có thể đi đến được. Lại như luận Vãng Sinh nói: "Người nữ, kẻ thiếu căn , chủng tánh nhị thừa không được vãng sinh." Luận đã nói như thế, thì biết người nữ và kẻ căn thiếu, hạng chủng tánh nhị thừa không được vãng sinh?

Đáp: Đối với tâm lượng và mắt thịt của hạng phàm phu nhọc nhằn trong nẻo sinh tử mà nói vậy thôi. Cảnh giới Cực lạc tuy xa cách đây đến mười vạn cõi Phật, nhưng thật ra nghiệp Tịnh độ của chúng sinh mỗi khi đã thành, khi lâm chung tâm chánh định niệm Phật tức là tâm thọ sinh về Tịnh độ. Vì thế, trong kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: "Cảnh giới Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà cách đây không xa." Lại nghiệp lực của chúng sinh không thể nghĩ bàn, một niệm tương ứng quyết định được vãng sinh Cực lạc, chớ lo đường xá xa xôi. Ví như người nằm mộng, thân tuy tại giường nhưng tâm thức rong ruổi đến nơi khác khắp mọi thế giới, như lúc đang còn thức không khác. Vãng sinh về cảnh giới Tịnh độ cũng thế, chúng sinh vừa mới động niệm liền đã vãng sinh, điều này không thể nghi ngờ.

Còn bảo: "Người nữ và kẻ căn thiếu cùng hàng nhị thừa không sinh." Ý là nói chúng sinh mỗi khi đã được sinh về cõi Cực lạc, thời không còn thọ thân nữ và đui, điếc, câm, ngọng nữa, chứ không phải người nữ và kẻ thiếu căn ở thế giới Ta-bà này không được vãng sinh về cõi Cực lạc. Nếu ai hiểu như thế, tức là kẻ ngu si vô trí, nhận lầm ý kinh. Rõ ràng như hoàng hậu Vi-đề-hy cùng năm trăm thị nữ, ưa muốn sinh về cõi Cực lạc, Phật đều thọ ký cho họ được vãng sinh. Ý Luận là chỉ người nữ và kẻ đui, điếc, câm, ngọng ở cõi này một khi đã được vãng sinh về thế giới Cực lạc rồi liền không thọ thân nữ và thân đui, điếc, câm, ngọng. Hàng nhị thừa chỉ cần hồi tâm cầu nguyện vãng sinh, được sinh về cõi Tịnh độ, liền không có tâm nhị thừa. Cho nên luận Vãng

Sinh nói: "Người nữ và kẻ căn thiếu, hàng chủng tánh nhị thừa không sinh" thì chẳng phải là người nữ và kẻ thiếu căn ở cõi Ta-bà nàykhông được vãng sinh về Tịnh độ. Vì thế, trong bốn mươi tám đại nguyện của Đức Phật A-di-đà, kinh Vô Lượng Thọ nói: "Như tôi đắc quả Phật, tất cả người nữ ở thế giới mười phương, xưng danh hiệu tôi, chán ghét thân nữ, nếu sau khi mạng chung, lại còn thọ thân nữ, thời tôi nguyện không thành chánh giác." Xưng danh hiệu còn không thọ thân nữ, huống gì là người nữ, kẻ thiếu căn sau khi đã được vãng sinh, lại còn thọ thân nữ và thiếu căn nữa ư?

NGHI VẤN THỨ MƯỜI

Hỏi: Nay tôi phát nguyện cầu sinh cõi Cực lạc, nhưng không biết hiện tại phải tu nghiệp gì, gieo trồng chủng tử nào, để được vãng sinh? Lại kẻ phàm tu tục tử vốn có vợ con, chưa đoạn hẳn được dâm dục, thì có được vãng sinh về cõi Cực lạc hay không?

Đáp: Người nào muốn được vãng sinh về cõi Cực lạc, thì phải đủ hai hạnh, chắc chắn được vãng sinh về nước đó. Hai hạnh là yểm ly và Hân nguyện.

1. Nếu nói yểm ly, là kẻ phàm phu từ vô thỉ cho đến ngày hôm nay, thường bị ngũ dục lôi cuốn, khiến phải luân hồi trong lục đạo, phải chịu vô vàn sự thống khổ. Nếu không khởi tâm chán lìa ngũ dục, thì không có lúc nào mới mong ra khỏi. Do vậy, phải thường quán sát thân này chỉ là một khối xương, thịt, máu mủ, là nơi chứa đựng các thứ bất tịnh, nhơ uế. Vì thế, kinh Niết-bàn nói: "Thân này chỉ có loài ngu si La-sát mới ở trong đó. Ai là người có trí mà lại yêu thích thân này." Lại trong kinh cũng nói: "Thân này là nơi tập hợp của các khổ, hết thảy đều là bất tịnh, là một khối ung nhọt... Xét cho cùng, nó không có ích lợi gì. Thậm chí cho đến thân của chư Thiên, nó cũng đều là như vậy cả." Vì vậy, người tu hành lúc đi, đứng, nằm, ngồi đều quan sát thân này như vậy cả, chỉ có khổ, hoàn toàn không vui, mà sinh niệm chán lìa cùng tột, dù việc dâm dục chưa thể dứt ngay, dần dần sinh niệm xa lìa.

Lại người tu thường nên quan sát bảy pháp bất tịnh. Bảy pháp đó là:

Quán thân dâm dục này, vốn do từ phiền não tham ái mà sinh, đây là chủng tử bất tịnh.

Khi cha mẹ giao hợp, tinh cha huyết mẹ cùng hòa hợp, đây là chỗ thọ sinh bất tịnh.

Khi ở trong thai mẹ, thai nhi nằm dưới ruột non trên ruột già, đây tức là trụ xứ bất tịnh.

Khi ở trong thai mẹ, chỉ ăn toàn máu huyết của mẹ, tức là thực đạm bất tịnh.

Khi đủ ngày tháng, đầu hướng về nơi sản môn của mẹ, ra khỏi bụng mẹ thì máu mủ cùng ra, hôi nhơ đầy rẫy, đây chính là sơ sinh bất tịnh.

Trong lớp da mỏng bao bọc, nhục thân máu mủ bao khắp, đây tức là toàn cơ thể bất tịnh.

Sau khi chết rồi, xương thịt sình thối, làm thức ăn cho quạ diều, đây tức là cứu cánh bất tịnh.

Thân mình đã như thế, thân người khác cũng như vậy. Đối với chỗ đắm trước vào cảnh giới, thân nam nữ... sinh tâm chán lìa vô cùng, thường quán bất tịnh. Nếu ai thường quán thân bất tịnh như thế, thì dâm dục phiền não sẽ dần dần hoại diệt. Lại nên quán mười tưởng, rộng như kinh đã nói. Lại nên phát nguyện: nguyện ta vĩnh viễn xa lìa thân nam nữ mê nhiễm ngũ dục, thân tạp thực máu mủ nhơ uế bất tịnh của ba cõi, nguyện ta mau được pháp tánh sinh thân của cõi Tịnh độ. Trên đây là hạnh yểm ly.

Hân nguyện, đại khái có hai điều, là phải nhận rõ mục đích cầu sinh và quán sát, y chánh trang nghiêm của thế giới Cực lạc, để sinh tâm ưa thích vãng sinh.

Phải nhận rõ mục đích cầu sinh Tịnh độ. Sở dĩ chúng ta cầu sinh về cõi Tịnh độ, là vì muốn cứu bạt tất cả mọi khổ não của chúng sinh. Tự suy nghĩ rằng: Ta nay hiện không đủ sức để cứu bạt. Nếu ở tại thế giới Ta-bà này, cảnh phiền não lẫy lừng, bản thân lại bị nghiệp hoặc ràng buộc, khiến trôi lăn trong tam đồ, trải qua vô số kiếp. Sự luân hồi như thế, từ vô thỉ cho đến ngày nay chưa có lúc nào tạm dừng. Như thế thì khi nào mới có thể cứu bạt tội khổ chúng sinh. Do vậy, nay ta cầu về cõi Tịnh độ, để được thân cận với Phật, sau khi chứng Vô sinh pháp nhẫn rồi, mới có thể ở trong ác thế cứu khổ chúng sinh. Vì vậy, trong luận Vãng Sinh nói: "Nói việc phát tâm Bồ-đề chính là phát tâm cầu thành Phật, phát tâm cầu thành Phật chính là phát tâm độ chúng sinh, phát tâm độ chúng sinh chính là phát tâm nhiếp chúng sinh về cõi Phật."

Lại muốn vãng sinh về Tịnh độ, cần phải có đủ hai hạnh. Đó là cần nên lìa ba pháp chướng Bồ-đề và nên chứng ba pháp thuận Bồ-đề.

Thế nào là ba pháp chướng Bồ-đề?

1. Nương theo trí tuệ mà không tìm cầu sự an lạc cho chính bản thân, xa lìa thân chấp ngã và đắm trước tự thân.

2. Nương vào tâm từ bi, phát tâm cứu độ hết thảy mọi khổ não của chúng sinh nên xa lìa hẳn tâm không tạo an lạc cho chúng sinh.

3. Nương vào phương tiện mà sinh tâm thương xót tất cả chúng sinh, muốn cho chúng sinh niềm an lạc, nên xả ly tâm mong cầu cung kính cúng dường bản thân. Nếu ai có thể xa lìa ba pháp chướng Bồ-đề, thì sẽ chứng đắc được ba pháp thuận Bồ-đề.

Thế nào là ba pháp thuận Bồ-đề?

1. Sinh tâm thanh tịnh vô nhiễm, không vì tự thân mà tìm cầu các sự an lạc. Bởi Bồ-đề là sự thanh tịnh vô nhiễm. Nếu vì tự thân mà tìm cầu sự an lạc tức là tâm ô nhiễm, chướng ngại Bồ-đề. Đây là tâm thanh tịnh vô nhiễm, là pháp thuận Bồ-đề.

2. Tâm thanh tịnh an ổn, vì cứu vớt tất cả khổ nạn cho chúng sinh. Tâm Bồ-đề chính là chỗ làm thanh tịnh an ổn cho tất cả chúng sinh, nếu không phát tâm cứu bạt tất cả mọi khổ não sinh tử cho chúng sinh, tức là trái ngược với Bồ-đề. Đây tức là tâm thanh tịnh an ổn, là pháp thuận với Bồ-đề.

3. Tâm thanh tịnh an lạc, vì muốn làm cho tất cả chúng sinh chứng đắc đại Bồ-đề Niết-bàn. Bởi đại Bồ-đề Niết-bàn là chỗ cứu cánh an lạc, nếu không phát tâm làm cho tất cả chúng sinh đạt đến sự an lạc cứu cánh, tức là đóng ngăn cửa Bồ-đề.

Làm thế nào để thành tựu nhân Bồ-đề này? Là cần gây nhân cầu sinh Tịnh độ, thường không xa rời Phật, sau khi đã chứng được Vô sinh pháp nhẫn rồi, bèn trở lại trong sinh tử, cứu độ chúng sinh, vận dụng bi trí tự tại vô ngại. Đó chính là tâm Bồ-đề. Tất cả mấy điểm trên đây là nói về cầu sinh Tây phương.

2. Nói về tâm Hân nguyện: Hân nguyện là tâm ưa muốn cầu vãng sinh Tịnh độ. Hành giả nên khởi lòng quan sát hoặc pháp thân, hoặc Báo thân của đác Phật A-di-đà. Thân Ngài có ánh sáng sắc vàng, có tám vạn bốn ngàn tướng hảo. Trong mỗi tướng hảo có tám vạn bốn ngàn tùy hình. Trong mỗi tùy hình phát ra tám vạn bốn ngàn tia sáng, thường chiếu khắp pháp giới, nhiếp lấy chúng sinh niệm Phật không bỏ. Lại nên quán tưởng bảy báu trang nghiệm rực rỡ của thế giới Cực lạc, đầy đủ như trong các kinh Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng thọ,... đã trình bày. Lại thường thực hành pháp Niệm Phật Tam-muội, cùng bố thí, trì giới, tu tạo tất cả mọi công đức lành. Hết thảy đều đem hồi hướng cho khắp tất cả pháp giới chúng sinh đồng sinh Tây phương, thì quyết định người ấy sẽ được sinh. Mấy điểm trên đây là giải thích về tâm Hân nguyện.

LUẬN BÀN VỀ TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN

LỜI BẠT

Đời Tống Tuyên nghĩa lang Trần Quán soạn.

Tâm con người vốn vô thường, nên pháp cũng bất định. Tâm và pháp tuy sai biệt nhưng đồng nhất lý tánh. Tin lý tánh này là chánh tín, cho nên kinh Hoa Nghiêm nói Thập tín. Nghi lý tánh này là mê tín, vì vậy, Trí Giả nói Thập nghi. Ra khỏi nghi vào tín, một lần vào là vĩnh viễn không lìa lý tánh mà chứng đạt chỗ cứu cánh.

Cảnh giới Tịnh độ chính là chỗ cứu cánh. Ở cõi này có vị giáo chủ tên là Vô Lượng Thọ. Ngài thường thuyết pháp không lúc nào gián đoạn. Nghi làm chướng ngại tai mình, nên điếc mà không nghe. Nghi làm chướng ngại tâm mình, nên mờ mịt không hiểu.

Kẻ đã không nghe không hiểu, thì thường an trú trong tập quán ác. Kẻ đó khen ngợi sự biếng nhác, tùy hỷ với tâm phiền não. Điên đảo chỉ thai sen là hư dối, không thật, rốt cục không rõ được thân phần đoạn này do đâu mà có, từ đâu mà đến.

Ngục tù uế độ, an trụ vĩnh viễn, tin vào nghiệp thức, tự xa lìa chân lý, ở trong cảnh huyễn mê chấp kia, đời đời bản tánh không linh hiển, muôn kiếp đường Thánh tuyệt lộ. Do bởi như thế, Đức Thích-ca Như Lai khởi tâm đại bi thương xót, thị hiện vào cõi uế độ, phát âm thanh pháp to lớn, tán thán mọi sự trang nghiêm vi diệu của cõi Cực lạc.

Ở trong biển sinh tử, làm vị đại thuyền trưởng, chở đầy thuyền pháp để vớt chúng sinh đưa vào bờ Tịnh độ, ngày đêm miệt mài độ sinh, không có lúc nào gián đoạn.

Nhưng Tịnh độ của Di-đà vốn không có bờ này, bờ kia. Thuyền của Đức Thích-ca thật sự chẳng qua, chẳng lại. Ví như ánh sáng ngọn đèn, phóng ra xung quanh tám tấm gương, mặt gương tuy có Đông, Tây nhưng ánh sáng chỉ là một. Đức Di-đà thuyết pháp biến khắp trong ánh sáng, nhưng Đức Thích-ca dùng phương tiện chỉ bày duy nhất tấm gương phía Tây. Cho nên chúng sinh một khi qua bờ giác rồi, thời có thể quên bỉ thử. Nhưng khi chưa nhập pháp giới, tất nên định hướng Đông, Tây. Ở trong pháp tu hành, nếu chưa đạt đến cứu cánh, thì đừng chấp bỉ thử, chớ phân rộng hẹp, chỉ cần chánh niệm tỉnh giác, một lòng tin tưởng mà thôi. Ý của hai vị Thánh đây, kẻ trí giả cần phải thực hiện.

Tín là mẹ của vạn điều thiện, nghi là cội gốc của muôn điều ác. Nếu ai phát triển công đức lành, tất có thể diệt trừ các tội ác, Chúng

sinh nếu đầy chướng duyên, y theo pháp niệm Phật tu hành, thì điếc có thể nghe, mê có thể hiểu, chưa ra khỏi sinh tử mà đã xuất ly, chưa sinh về Tịnh độ mà đã có mặt ở Liên Trì, để rồi vâng theo lời dạy của Đức Thích-ca, đến ra mắt Đức Di-đà, trở lại Ta-bà trợ giúp Đức Thích-ca, ở cõi Tịnh độ mà phân thân khắp mười phương, tức là ngọn đèn ở phương Tây mà chiếu rọi các kính. Pháp môn này kể từ khi hai vị Thánh kiến lập đến nay, số người chứng đắc như thế nhiều như số cát sông Hằng, làm sao lại không tin, làm sao lại nghi ngờ. Mỗi khi đã có tín tâm rồi, lại dùng sức phương tiện, hóa độ chúng sinh, làm cho người chưa tín tâm không thể không tín tâm. Đây là chỗ nên làm của kẻ đại trí. Bài văn Tịnh độ Thập Nghi của đại sư Trí Giả soạn, kẻ trí học đạo, không thuận theo văn Ngài mà thuận theo tâm đại bi của Ngài. Vì vậy lại ấn tống bản luận văn này, trước đã có Thứ công đề tựa, tôi lại hết sức mình, để trợ giúp cho việc truyền bá bản văn Tịnh độ Thập nghi này.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 171

NGŨ PHƯƠNG TIỆN NIỆM PHẬT MÔN

SỐ 1962

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1962

NGŨ PHƯƠNG TIỆN NIỆM Phật MÔN

Đại Sư Trí Giả ở núi Thiên thai soạn.

Ngưng tâm Thiền
Chế tâm Thiền
Thể chân Thiền
Phương tiện tùy duyên Thiền
Dứt nhị biên phân biệt Thiền.

Phàm trụ tâm vào một cảnh thì gọi là Ngưng tâm. Mặt khác, như lúc hành giả niệm Phật, quán tưởng kim tướng bạch hào của Đức Như Lai đều lắng đọng rõ ràng tịch tịnh, đó gọi là Ngưng tâm thiền. Kế đến, trước tuy đã Ngưng tâm, mà chỗ tập quán còn phân tán, cần phải kiềm chế, khiến cho trở lại duyên chặt vào kim tướng, đó gọi là Chế tâm thiền. Lại nữa, trước tuy đã Chế tâm, trú vào cảnh định , đã chẳng phải là lý quán, đều thuộc sự tu, tức là Thể nó vốn không, vậy còn ai để mà chế? Không có Phật, không có người niệm danh hiệu Phật, ấy là Thể chân thiền.

Lại nữa, trước tuy đã Thể chân, mà vẫn còn vướng động nơi không tịch, vô lượng danh tướng còn mê muội chưa rõ ràng. Nay đem vô sở đắc để làm phương tiện, từ không nhập vào giả, vạn tướng đều thông suốt rõ ràng, không bị cảnh trần không mê hoặc, nhiễu loạn, ấy gọi là Phương tiện thiền.

Lại nữa, Thể chân thiền và Phương thiện thiền đều căn cứ vào Không và Hữu, không lìa nhị biên, khiến cho khi quán tưởng thì dù là tịnh hay loạn cũng đều không có tướng mạo, bặt hết danh xưng, dứt mọi

tư tưởng, ấy gọi là Dứt nhị biên thiền.

Phải thấy rõ ngọn nguồn từ cạn đến sâu như thế mới gọi là quán tưởng rốt ráo; tuy không sâu mà cạn vẫn rõ ràng. Từ đó mới lần lượt nói rõ về năm pháp môn niệm Phật.

Thứ nhất là pháp môn xưng danh vãng sinh niệm Phật Tam-muội. Thứ hai là pháp môn quán tưởng diệt tội niệm Phật Tam-muội. Thứ ba là pháp môn chư cảnh duy tâm niệm Phật Tam-muội. Thứ tư là pháp môn Tâm cảnh câu ly niệm Phật Tam-muội. Và thứ năm là pháp môn Tánh khởi viên thông niệm Phật Tam-muội.

Chư Phật vì tâm đại từ đại bi, nên mỗi khi thuyết pháp, Ngài thường khuyên các vị Bồ-tát và các đệ tử nên khéo dùng các pháp phương tiện để cho chúng sinh dễ hiểu. Tự thân Ngài lại dùng vô lượng phương tiện để khai thị Bát-nhã ba-la-mật. Vậy, Đức Phật giảng thuyết Bát-nhã ba-la-mật nhằm mục đích gì? Phật dạy: Vì muốn khiến chư vị Bồ-tát tăng trưởng niệm Phật Tam-muội.

Vì nhân duyên gì lại khiến niệm chư Phật? Phật bảo: Người niệm Phật đó, nên biết là không khác với Văn-thù-sư-lợi và chư Bồ-tát. Vì sao? Vì Tam-muội này là chỗ du hí của chư Phật Thế Tôn, là chỗ xuất phát ban đầu của các Đại Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm...

Nên biết, cửa vào biển Phật pháp có rất nhiều phương tiện. Nếu dùng một lời mà có đầy đủ các pháp môn thì không gì bằng niệm Phật. Vì tất cả chư Hiền Thánh đều từ niệm Phật mà sinh ra; tất cả trí tuệ đều từ niệm Phật mà có. Dù là hàng Thập-tín Bồ-tát và bậc Tam hiền Bồ-tát cũng đều không lìa niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng, nhẫn đến không lìa niệm Nhất-thiết-chủng-trí. Từ hàng Sơ địa Bồ-tát cho đến Bát địa, Cửu địa, Thập địa cũng đều không lìa niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng; cho đến cũng không lìa. Niệm Nhất-thiết-chủng-trí.

Chỉ vì pháp môn niệm Phật có nhiều mức hiểu khác nhau, tùy theo ý nghĩa đó mà tên gọi có sự sai khác. Chúng sinh vì chấp danh mới có sự giải thích khác nhau, thế là rơi vào ma giới, xem nhẹ trì niệm danh hiệu Phật, và cho mình là đã chọn được lối tu tối thắng hơn. Vì thương xót hạng người này, nên nay tôi lược nói qua.

Như luận về người tu nhân, thì không lìa Tam-hiền Thập-Thánh; nếu luận về sự chứng quả, thì chính là chư Phật Như Lai. Người tu nhân, nên buộc tâm thường niệm mười phương chư Phật. Người chứng quả, lại đặc khải thêm cho pháp này là vi diệu thanh tịnh đệ nhất thiền. Nên biết, pháp môn dễ nhập mà chứng sâu, đều không gì bằng niệm Phật.

Than ôi! Người học đạo trong thời mạt pháp này, xem nhẹ việc dễ

nhập mà làm mất đi sự chứng sâu. Vì thấy chỗ ràng buộc đó nên thật đáng thương xót.!

Lại nữa, chư Phật vì thấy chúng sinh thích xưng danh hiệu chư Phật, để cầu sinh về nước kia, nên chỉ bày pháp môn xưng danh vãng sinh niệm Phật. Vì chúng sinh ưa thích thấy được thân Phật, mà lo sợ chướng ngại không thấy, nên Ngài chỉ bày pháp môn Quán tướng diệt tội. Chúng sinh có mê tâm chấp cảnh, nên Ngài chỉ bày pháp môn Chư cảnh duy tâm. Chúng sinh vì chấp thật hữu, nên Ngài chỉ bày pháp môn Tâm cảnh đều lìa. Chúng sinh ưa định thâm tịch, hướng về vô sinh diệt, nên Phật chỉ bày pháp môn Tánh khởi viên thông.

Cao cả thay! Đức Thế Tôn khéo cứu nạn chúng sinh, khai thị ra một con đường thẳng đến quả Bồ-đề. Pháp môn thậm thâm đó chính là niệm Phật. Chỉ mong bậc Đại trí lường xét bậc sanh đắc biết được người thâm tu định tuệ, khéo giải kinh luận, xin xét lại pháp môn này cùng các kinh liễu nghĩa Đại thừa, có thâu hết nghĩa lý không cùng tận, xin hãy nói ra. Nên biết, xưng một danh hiệu Phật, trí sâu thì sâu, một lời mà đầy đủ hết các pháp môn, tin thì có chứng nghiệm vậy.

Trên đây tôi đã trình bày xong ý nghĩa của năm pháp môn niệm Phật. Bây giờ lần lượt về phương tiện thể nhập.

Nếu như hành giả niệm xưng A-di-đà-Phật, tâm tâm nguyện sinh về nước Cực lạc, đó chính là Xưng danh vãng sinh môn. Hành giả tưởng tượng ra Phật thân, chuyên chú không thôi, liền được thấy Phật, quang minh rực rỡ, chiếu đến người hành trì, lúc này bao nhiêu tội nghiệp đều tiêu trừ, đó chính là Quán tướng diệt tội môn. Lại quán thân Phật này do tâm khởi ra, không tách biệt cảnh giới, đây là Chư cảnh duy tâm môn.

Lại quán tâm này cũng không có tự tướng có thể đắc, tức là Tâm cảnh câu ly môn. Hành giả lúc này hướng tâm vào định tịch tịnh thâm sâu, buông bỏ hết tất cả tâm ý và ý thức, thâm nhập Niết-bàn, được mười phương chư Phật gia bị hộ niệm, hưng khởi Bát-nhã môn. Bấy giờ, hành giả chỉ trong một niệm liền làm thanh tịnh cõi Phật và thành tựu ý nguyện cứu độ chúng sinh.

Như vậy thì công đức sở hửu của bốn môn trước, trăm ngàn vạn phần cũng không bằng một. Vì sao? Vì vô công dụng vị. Có thể lấy một thân làm vô lượng thân, xoay vần tụ tập, Phật quán niệm hộ trì. Pháp môn của chư Phật cùng tận vô biên, nguyên nhân của Phổ-hiền thảy đều viên mãn. Do bổn nguyện lực đó và pháp như thế, tức là Tánh khởi viên thông môn.

Hỏi: Vì sao gọi là Nhất hành Tam-muội?

Đáp: Trong kinh Đại Bảo Tích, phẩm 116 có nói: "Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng: Bạch Thế Tôn, phải tu tập thế nào để mau chứng đắc quả Vô thượng Bồ-đề?" Phật đáp: "Đối với Nhất hành Tam-muội, nếu kẻ thiện nam, người thiện nữ nào tu tập hạnh ấy thì sẽ mau chứng quả Vô thượng Bồ-đề."

Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: "Tại sao lại gọi là Nhất hành Tam-muội?"

Phật dạy: "Một tướng pháp giới, buộc duyên pháp giới, đó gọi là Nhất hành Tam-muội. Như thiện nam, thiện nữ nào muốn thể nhập vào Nhất hành Tam-muội, thì trước nên nghe Bát-nhã ba-la-mật, như thuyết mà hành trì, rồi sau mới có thể nhập vào Nhất hành Tam-muội. Như pháp giới duyên thì bất thoái chuyển, bất hoại diệt, bất tư nghì, vô ngại vô tướng. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào muốn nhập vào Nhất hành Tam-muội thì nên ở chỗ vắng vẻ thanh nhàn, xả hết loạn ý, không giữ tướng mạo, nhất tâm niệm Phật, chuyên xưng danh hiệu, tùy theo phương của chư Phật, đoan thân chánh hướng, niệm niệm tương tục danh hiệu Phật, thì ở trong một niệm đó sẽ thấy cả tam thế chư Phật.

Vì sao? Vì niệm một vị Phật công đức vô lượng vô biên; công đức ấy cùng với vô lượng chư Phật không khác. Như thế, khi nhập vào Nhất hành Tam-muội, thì biết hết tướng của hằng hà sa chư Phật trong pháp giới không sai biệt. Lời văn này có thể minh chứng.

Hỏi: Người phần nhiều vẽ tượng Phật rồi lấy đó để quán tưởng lễ bái. Điều đó có Thánh nhân nào dạy chăng?

Đáp: Kinh Đại Bảo Tích quyển 89 có nói: Bấy giờ Đại Tinh Tấn Bồ-tát họa ra hình tượng Phật, rồi đem vào trong chốn núi sâu yên tĩnh không có bóng người cầm thú qua lại, Ngài mở bức tượng họa ra lấy cỏ làm tòa, đặt tượng hoa lên đó rồi ngồi kiết già, chánh thân chánh niệm, quán Đức Như Lai không rời và tư duy rằng: " Đức Như Lai thật hi hữu vi diệu." Đối với tượng họa mà Ngài còn ngồi ngay ngắn và tán thán vi diệu như vậy, huống nữa đối với thân Như Lai Chánh Biến Tri!

Bồ-tát lại nghĩ rằng: "Ta phải quán Phật thế nào đây?" Bấy giờ, có vị thần trong rừng biết được tâm niệm của Bồ-tát liền bạch rằng: "Thiện nam tử, ông đang nghĩ là phải quán tưởng Phật thế nào phải không?" Thần lại đáp: "Nếu muốn quán Phật, nên quán họa tượng. Quán họa tượng này không khác Đức Như Lai, đó gọi là quán Phật. Quán Phật như thế mới gọi là thiện quán.

Lúc ấy, Tinh Tấn Bồ-tát lại nghĩ: "Ta nay làm thế nào để quán

tưởng bức họa tượng này và quán tưởng chư Như Lai đây?"

Rồi lại suy nghĩ: "Bức họa tượng này là phi giác, phi tri; tất cả các pháp cũng đều như thế, chỉ có danh tự. Danh tự như thế, tự tánh là không tịch, vốn không có sở hữu; thân của Như Lai, tướng cũng như thế. Tượng họa là phi chứng phi quả. Phi chứng là không đạt được, là không trụ, không đến, không đi, không sinh, không diệt, không tịnh, không sắc, không tham sân si. Hoạ tượng là phi ấm giới nhập, phi sơ, trung, hậu; tất cả các pháp cũng đều như thế; thân tướng của Như Lai cũng như thế. Họa tượng như thế là phi giác, phi tri, phi tác; tất cả chư Phật cũng lại như thế; cho đến lục căn cũng như thế."

Bồ-tát quán thân Như Lai như thế rồi, ngồi kiết già trong suốt hai mươi mốt ngày thì thành tựu được Ngũ thông, cúng dường chư Phật. Chư Thiên đem hoa đến rải xuống cúng dường vì Phật đã giảng pháp này. Ở trong hội đó có hai vạn người chứng đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; có vô lượng A-tăng-kỳ người trụ vào công đức Nhị thừa. Bồ-tát Đại Tinh Tấn đó tức là Phật Thích-ca Mâu-ni. Văn này có thể minh chứng.

Xét theo tứ giáo mà nói, vì tâm không tự sinh ra mà phải nhờ duyên khởi. Hành giả lúc niệm Phật, lấy ý tưởng làm nhân, còn hào quang của Như Lai chính là duyên, cũng gọi là pháp trần, vì nó đối lại với ý căn. Khi ta khởi niệm tức là sinh khởi quán tưởng. Xét ba tướng của căn trần, năng sở này thảy đều động, luôn luôn sinh diệt, một niệm chẳng dừng, biến khắp hư không, vô Phật vô niệm, ấy là Tạng giáo của Tiểu thừa.

Tức quán niệm Phật tâm, khởi ra năng sinh sở sinh, không có chỗ nào không phải là Không. Vọng nói là tâm khởi, tâm thật ra không có khởi.

Khởi vốn không có tự tánh, thể của nó là không. Chỗ quán Phật tướng như ảnh tượng trong gương, là hoa trên hư không, vô Phật vô niệm, đây là Thông giáo của Đại thừa. Tức quán niệm tâm Phật, khởi tức là pháp giả danh thấu suốt cạnh, sâu vô lượng danh tướng, như nhìn thấy rõ lòng bàn tay, biết rõ tâm này thì có Như Lai tạng, đoạn hoặc nhiều kiếp nói chúng chân thường, lìa một bên, hiển bày trung đạo, không Phật, không niệm, là Đại thừa biệt giáo. Tức quán niệm tâm Phật, khởi tức không, giả tức trung, căn hay trần đều từ pháp giới khởi ra. Khởi một niệm cũng vậy, khắp cõi chư Phật một niệm đều chiếu soi; Lục đạo chúng sinh trong mỗi sát-na đều phổ ứng, đầu tiên tức là sau cùng, nay mới được giác tri. Như người đại phú chấp đá là báo vật, tức

không xã niệm mà lại cầu ly niệm, tức một bên mà ở giữa, vô Phật vô niệm. Đây là Viên giáo của Đại thừa.

Trong kinh Anh Lạc nói rõ sự đốn ngộ của Như Lai, chính là nghĩa này vậy.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH

TẬP 171

TỊNH ĐỘ LUẬN

SỐ 1963

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1963

TỊNH ĐỘ LUẬN

Ngài Ca Tài soạn sớ thích này tại chùa Hoằng Pháp ở Đế đô.

BÀI TỰA

Phàm đối với pháp môn Tịnh độ nhiệm mầu, cả mười phương thế giới đều tán thán; cõi nước thật báu của Đức Phật Di-đà, Phàm Thánh cùng ưa thích. Nhưng mười sáu phép quán thì thịnh hành ở Tây thổ, còn ở Đông hạ giáo lý chín phẩm vãng sinh lại suy đồi. Tôi mỗi khi xem xét tường tận lời Phật dạy trong các kinh, thiết nghĩ một tông này chính là con đường thiết yếu . Vì thế bậc thông đạt chọn lấy mà kính lạy, người chưa ngộ xem vào vẫn còn do dự. Nếu không nương tựa pháp này để định tâm thì e rằng cuối cùng mãi trầm luân trong đêm dài sinh tử. Nay tôi xem xét hết các kinh và các luận khác, rút ra những điều cốt yếu, soạn thành một bộ gọi là Tịnh độ luận.

Nhưng các bậc minh triết tiền bối thời thượng cổ như pháp sư Tuệ Viễn và Ông Tạ Linh Vận... tuy đều kỳ hẹn nơi cõi Tây phương, nhưng rốt cuộc chỉ là riêng lợi bản thân, người học về sau không có chỗ noi theo tu tập. Thời cận đại có thiền sư Đạo Xước soạn An Lạc tập một quyển, tuy rộng dẫn các kinh, lược bày đạo lý, nhưng văn nghĩa xen tạp, chương phẩm lẫn lộn, người hậu học khi đọc đến tập ấy cũng do dự không thể quyết đoán. Vì vậy, nay tôi bèn tìm xét các kinh, trích dẫn đầy đủ đạo lý, khắc làm chín chương, phân chia văn nghĩa phẩm mục thứ lớp, ngõ hầu người xem được rõ ràng như thấy vật trong lòng bàn tay vậy. Nguyện cầu giáo lý ba phước lan rộng dài lâu, bốn hoằng thệ nguyện mãi làm phép tắc, mười sáu phép quán lan rộng khắp nơi, chín phẩm vãng sinh mọi người cùng quay về. Khiến cho sáu đường chúng

sinh chỉ lo sao vĩnh viễn thoát khỏi cõi nhơ, bốn loài hàm linh được ở đài sen mãi mãi, những ai chưa thành tựu cũng đều về Tịnh độ.

Kính lạy cõi Cực lạc phương Tây
Đức Phật A-di-đà, Thế Tôn
Khéo lập thệ rộng cứu chúng sinh
Con đầu mặt lạy nguyện vãng sinh
Ngồi tòa đài sen báu đoan nghiêm
Thân phóng quang minh mầu tám phương
Ngũ nhãn khắp soi vô biên cõi
Con đầu mặt lạy nguyện vãng sinh
Năm phần tròn sáng tánh thường trụ
Đại bi tiếp dẫn sống vô cùng
Dùng vô duyên từ độ chúng sinh
Con đầu mặt lạy nguyện vãng sinh
Cõi Thật trang nghiêm muôn màu sắc
Đều từ châu ngọc như ý sinh
Năm trần thanh tịnh tiêu muôn tội
Con đầu mặt lạy nguyện vãng sinh
Nước chim rừng sáo ca thanh nhã
Âm thanh diễn nói pháp sâu mầu
Chúng sinh nghe rồi được bất thoái
Con đầu mặt lạy nguyện vãng sinh
Bồ-tát Quán Âm đại từ bi
Nhìn khắp chúng sinh đồng là con
Tay vàng tiếp dẫn như mẹ hiền
Con đầu mặt lạy nguyện vãng sinh
Bồ-tát Thế chí đại tự tại
Đứng ngồi khuynh động cõi đại thiên
Hóa Phật Bồ-tát đều vân tập
Con đầu mặt lạy nguyện vãng sinh
Chúng đệ tử họp đông như biển
Như những vì sao quanh Bắc đẩu
Quán khắp ba cõi cứu khổ đau
Con đầu mặt lạy nguyện vãng sinh
Con nay xem xét đại tạng Phật
Chung chia câu nghĩa làm chín chương
Người đọc đều phát tâm Bồ-đề
Nguyện khắp vãng sinh nước An Lạc.

SỐ 1963

TỊNH ĐỘ LUẬN

Ngài Ca Tài soạn giải thích tại chùa Hoằng Pháp ở Đế đô.

QUYỂN THƯỢNG

Có một công tử Tục gia tâm nhiều vướng mắc đến hỏi vị Tiên sinh Tịnh độ rằng:

- Tôi từng nghe Phật giáo rỗng không, đường ngôn ngữ dứt bặt, pháp môn u huyền chỗ tâm hành mất. Còn quyển luận này là những lời phát xuất từ vọng tình tâm hạnh, không lời nào chẳng là ý tưởng đảo điên. Nay ngài muốn gửi thân về cõi Tây phương, chuyên tán thán Đức Phật Di-đà thì lời “đường ngôn ngữ dứt” chứa đựng sai lầm, “chỗ tâm hành mất” ít phải. Chỉ vì tôi tình thức còn thiển cận ngưng trệ chưa thông phương lớn, xin gõ cửa mầu mong Ngài mở bày chỗ kín. Nhưng trong cõi nước chẳng có uế, tịnh. Nếu tâm mình chuyên chú tưởng niệm Tây phương, hiểu cho được chỗ chưa hiểu, thì mười phương thế giới đều thanh tịnh, tại sao phải quy về Tây phương? Tôi mang tâm trạng thắc mắc như thế, mong ngài khai mở giúp.

Tiên sinh đáp: Hay thay lời ông hỏi! Chẳng phải hàng triết sĩ tinh tường thì ai có thể chỉ bày được. Pháp môn u huyền thật là ý chỉ của Như Lai, hết lòng hổ thẹn vì không đủ sáng suốt để thử luận việc này. Phàm bậc đạt ngộ có cái nhìn thông suốt thì thấy cái gì cũng đều phải, còn phàm phu trí cạn thì gặp việc liền sinh ngưng trệ. Nhưng Thánh giáo phạm vi rộng rãi, giai vị gồm có tám vạn, song luận một cách tóm tắt thì không ngoài lý và sự. Hai môn này giống như xe có hai bánh, chim có hai cánh, thiếu một thì không thể đi xa được. Như Khởi Tín Luận có hai môn chỉ quán, Chỉ là duyên lý, Quán là duyên sự, nếu chưa thông đạt

hai môn này thì mù mờ sinh trệ. “Đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành mất” là lý, niệm Phật kỳ hẹn vãng sinh Tây phương là sự. Ba cõi đều do tâm tạo, cõi chẳng có nhơ, nếu chưa đến bậc Thập địa thì hãy nương nơi cảnh để tịnh tâm mình, tuy mười phương đều thanh tịnh nhưng đó là chỉ chung cho các cảnh giới. Còn ở đây chỉ muốn chuyên tưởng vãng sinh, vì thế chỉ về Tây phương vậy.

CHƯƠNG I:

Định thể tánh Cõi Tịnh độ: Có hai phần:

- Nói rõ thể tánh.
- Nói rõ thuộc về hoặc không thuộc về ba cõi.

Hỏi: Cửa Tịnh độ Phàm Thánh cũng muốn vào, cõi nước báu của Đức Phật Di-đà mười niệm có thể lên. Đã cho người tu Đại thừa, Tiểu thừa đều về, muôn loài đều được vãng sinh, chưa biết thể tánh, tướng trạng cõi đó như thế nào?

Đáp: Phàm sắc đẹp thì hoa mắt, lời khéo thì lý mờ, nay muốn cho người trí, kẻ ngu cùng rõ, vì thế hãy bỏ lời hảo, chỉ nói vào điểm cốt yếu vậy.

Nói rõ Thể tánh có ba môn:

- Pháp thân Tịnh độ.
- Báo thân Tịnh độ.
- Hóa thân Tịnh độ.

1. Pháp Thân Tịnh độ có hai nghĩa:

a. Nêu ra thể của người An Lạc (năng trụ).

Thể của người an trụ:

Theo Khởi Tín luận giải thích thể Như Lai tạng gồm đủ ba nghĩa đại:

Thể đại: Tất cả pháp đều chân như bình đẳng, vì không tăng, không giảm, đây tức là Nhất vị chân như. Thể này không những bao hàm các pháp trong ngoài mà còn quán thông cả Phàm Thánh.

Tướng đại: Như Lai tạng đầy đủ công đức vô lậu, đây tức là nghĩa hằng sa muôn đức sai khác. Nơi hữu tình thì có Phật tánh, nơi vô tình thì không, nên kinh Niết-bàn nói: Các vật vô tình như tường, vách, ngói, đá, chẳng có Phật tánh.

Dụng đại: Có thể sinh nhân quả thiện thế gian, xuất thế gian, đây tức là dụng của tướng.

Nay đã lấy hai nghĩa tướng đại và dụng đại làm của người năng trụ ân, nếu luận về sự sai biệt thì tất cả pháp đều nương vào Nhất vị

chân như mà được thành lập.

b. Nêu ra thể của cõi đã an trụ vào:

Tức lấy nghĩa thể đại của Nhất vị chân như làm thể của cõi đã trụ, nghĩa là làm chỗ nương cho hằng sa muôn đức, ở đây nhân (người) và độ (cõi nước) cùng thể mà nghĩa thì có hai.

2. Báo Thân Tịnh độ có hai loại:

a. Thật báo độ.

b. Sự dụng độ.

- Thật báo độ: Người và cõi cùng thể, nghĩa là lúc mới sinh khởi muôn đức làm thể của cõi. Như trong mười tám pháp viên tịnh của Nhiếp Đại thừa luận nói: Đại không, vô tướng... là cửa, ba tuệ là đường, và trong kinh Duy-ma nói tổng trì như vườn tược các pháp vô lậu như rừng cây...

Luận về người năng trụ , nếu muôn đức đầy đủ thì thành Phật. Đối với người và cõi này, tất cả Bồ-tát địa vị dưới cho đến Bồ-tát Kim cang tâm cũng không thấy được, chỉ có Phật thấy Phật mà thôi.

- Sự dụng độ.

Ở đây người và cõi khác thể, nghĩa là lấy thế giới Lưu ly kha Liên hoa tạng... làm thể của cõi đã trụ, nên Nhiếp Đại thừa luận nói: Cõi Tịnh độ lấy hoa sen vương làm chỗ nương, lấy đại định, đại bi, sắc mầu, tướng tốt... làm thể của người năng trụ , Nhiếp Đại thừa luận nói: Ứng thân lấy đại định, đại bi làm thể.

Đối với người và cõi này Bồ-tát từ Sơ địa trở lên thấy tùy phần cho đến Bồ-tát Thập địa đều thấy được nhưng không đồng; Vì địa vị có trên và dưới, nên sự thấy cũng có thô diệu khác nhau. Nhiếp luận nói: Nếu lìa Ứng thân, thì tư lương Bồ-đề của Bồ-tát Sơ địa trở lên không đầy đủ. Thân này hoặc gọi là Báo thân, Thọ dụng thân hay Ứng thân. Đáp trả gọi là Báo, đáp lý gọi là Ứng. Đem pháp thân nội chứng truyền dạy cho thập địa Bồ-tát gọi là Thọ dụng thân, hoặc thực thân. Thực thân và Thọ dụng thân nghĩa như nhau.

3. Hóa Thân Tịnh độ có hai loại:

a. Thường tùy Hóa thân.

Đem cái thân làm lợi ích cho chúng sinh trãi qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp thường hành rộng lớn gọi là Thường tùy hóa thân. Thân này có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, bao lần tái sinh, bao thuở Niết-bàn, hoặc một trăm năm, hoặc một kiếp, thường hiện không dứt tại cõi này hay cõi khác.

b. Vô nhi hốt hữu Hóa thân (thân vốn không mà chợt có).

Nghĩa là nương Thường tùy hóa thân liền hiện nhiều hóa thân khác. Như Đức Thích Ca Như Lai là Thường tùy hóa thân liền khởi phân thân gọi là Vô nhi hốt hữu hóa thân, vì có lúc hiện khỉ, vượn, hươu, ngựa, các thứ thân hình chứ không phải chỉ có hiện thân Phật. Thân đã có hai, cõi cũng như thế. Như các hoa sen báu mầu, trong thế giới Diệu Hỷ, là Thường tùy hóa Tịnh độ, trong kinh Duy-ma, mỗi khi Đức Như Lai ấn ngón chân xuống đất, ba ngàn thế giới đều thanh tịnh đó là Vô nhi hốt hữu hóa Tịnh độ. Hai thân và hai Tịnh độ này Bồ-tát trước thập địa, hàng Nhị thừa, phàm phu đều thấy được, nên Nhiếp Đại thừa luận nói: Nếu lìa Hóa thân, thì hàng Thanh văn còn thô thiển và chúng sinh mới phát tâm tu hành cầu giải thoát đều không thành tựu. Huệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn trong ngũ nhãn thấy được pháp thân, pháp thân Tịnh độ; nhục nhãn, Thiên nhãn thấy được Báo thân, Báo thân Tịnh độ và Hóa thân, Hóa thân Tịnh độ.

Hỏi: Cõi đã có ba, chưa biết Tây phương là cõi nào?

Đáp: Tây phương cũng có đủ ba loại: Như cõi mà Bồ-tát nhập Sơ địa trở lên Bồ-tát Chánh thể trí thấy là Pháp thân Tịnh độ; (ở địa vị hồi hướng thứ mười) sau khi gia hạnh được trí thấy là Báo thân Tịnh độ; Bồ-tát trước thập địa, hàng Nhị thừa, phàm phu thấy là Hóa thân Tịnh độ. Như Bồ-tát Long Thọ... vãng sinh thấy đủ ba loại là pháp thân Tịnh độ, Báo thân Tịnh độ, và Hóa thân Tịnh độ. Vì lẽ cõi trên thấy được cõi dưới nên trong các kinh luận hoặc bảo là Báo thân Tịnh độ, hoặc bảo là Hóa thân Tịnh độ, đều không sai tôn chỉ.

Hỏi: Đã biết Tây phương có đủ ba cõi, chưa biết nay phàm phu niệm Phật cầu vãng sinh, được về cõi nào?

Đáp: Theo Nhiếp luận thì chỉ những ai sinh về Hóa độ thì không thấy Pháp độ và Báo độ.

Trong Hóa độ có hai loại:

- Thai sinh độ.
- Hóa sinh độ.

1. Thai sinh độ có hai:

a. Người còn nghi ngờ sinh vào cung điện bằng bảy báu trong thành ở ngoài biên cõi Cực lạc, năm trăm năm không thấy Phật nên gọi là thai. (Đây là kinh Vô Lượng Thọ nói).

b. Thật có cha mẹ gọi là thai. Như kinh Cổ Âm Thinh Vương Đà-la-ni nói: Đức Phật A-di-đà cũng có cha mẹ... và thành tên Thanh thái rộng mười ngàn do-tuần, trong thành đầy chủng tộc Sát-lợi. Cha tên Nguyệt Thượng Chuyển luân Thánh vương, mẹ tên Thù Thắng Diệu

Nhan; con tên Nguyệt Minh, đệ tử phụng sự tên Vô Cấu Xưng, đệ tử trí tuệ tên Lãm Quang, đệ tử thần túc tên Chủ Hóa, ma tên Vô Thắng; Đề-bà-đạt-đa (khi ấy) tên là Tịch.

(Cõi này là do Đức Phật Di-đà tự biến hóa ra, tất cả chúng sinh chẳng phải nay niệm Phật được vãng sinh về đó. Cõi này tuy là một, nhưng thấy thì có khác).

2. Hóa sinh độ.

- Theo kinh luận, Hóa sinh độ có đủ ba loại:

a. Cõi thuần Đại thừa: Chúng sinh tu học thuần theo Đại thừa được sinh về cõi này, tức những người thuộc ba phẩm bậc thượng trong chín phẩm vãng sinh, nên Vãng sinh luận nói: Các cõi thiện căn Đại thừa không khinh chê người nữ và hàng Nhị thừa căn khuyết, vì cho rằng mọi người đều có thể vãng sinh.

b. Cõi thuần Tiểu thừa: Chúng sinh tu học thuần theo Tiểu thừa sinh về cõi này, tức những người thuộc hai phẩm đầu của bậc trung trong chín phẩm vãng sinh, nên trong Trí độ luận nói: Có Tịnh độ vi diệu ra ngoài ba cõi, các vị A-la-hán sẽ sinh về đó.

c. Cõi chung cho Đại thừa, Tiểu thừa: Chúng sinh nào tu học Đại thừa lẫn Tiểu thừa sinh về cõi này, tức những người thuộc phẩm cuối bậc trung và ba phẩm bậc hạ trong chín phẩm vãng sinh. Như kinh Trung Phẩm hạ sinh nói: Đó là những người hiếu dưỡng cha mẹ, ở đời làm việc nhân từ, gặp được thiện tri thức dạy cho bốn mươi tám đại nguyện của Đức Phật Di-đà... Người đó nghe bốn mươi tám đại nguyện với tâm chưa nhất định hướng theo Đại thừa hay Tiểu thừa, sinh về cõi này rồi, tuy chứng quả A-la-hán, nhưng về sau mới hồi tâm hướng về Đại thừa. Những người sinh vào ba phẩm bậc hạ cũng được nghe bốn mươi tám đại nguyện, mười hai bộ kinh hoặc niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà, sinh về cõi này rồi, mọi người đều phát tâm Bồ-đề.

Luận chung, Tịnh độ có ba cõi. Nếu phân chia một cách chi li thì do tâm hạnh chúng sinh đã có muôn ngàn sai khác, Tịnh độ vãng sinh cũng có muôn ngàn sai khác. Để giải thích rõ ràng, trong các kinh luận gọi là Báo độ hoặc Hóa độ đều không trở ngại; nên biết rằng chư Phật tu hành viên mãn, cảm đủ Báo độ và Hóa độ. Theo Nhiếp luận, Gia hạnh vị cảm Hóa độ, Chánh thể trí cảm Hóa độ, các cõi như Báo độ hoặc Hóa độ cũng đều muốn thành tựu đạo nghiệp cho chúng sinh mà thôi. Thế thì Tịnh độ được lập bày chẳng dối gạt, hạnh nguyện tu hành ở cõi này chẳng trống không, tin lời Phật dạy, y kinh chuyên niệm danh hiệu Đức Phật Di-đà liền được vãng sinh, cũng chẳng phải lo tính sinh

về Báo độ hay Hóa độ.

Hỏi: Pháp thân Tịnh độ lý rộng khắp còn có thể biết, còn Báo độ, Hóa độ phải có bờ cõi. Nếu nói Tây phương đã có đủ Báo độ, Hóa độ, căn cứ vào văn kinh nào làm chứng?

Đáp: Báo độ, Hóa độ hoặc có bờ cõi, hoặc không.

1. Báo độ:

- Như Thật báo độ trong Báo độ không có bờ cõi, nghĩa là Đức Như Lai đầy đủ tám muôn hạnh nguyện, trải qua ba thời A-tăng-kỳ nói đủ hai giáo, năm phần pháp thân sáng tỏ, đức tướng cùng khắp núi sông, tam minh tỏ rõ, hai trí cùng soi. Giống như rồng ngậm thì mây hiện, hổ gầm thì gió theo, đâu được lấy của báu thù diệu trang sức, không thể lấy giới hạn đối chứng. Cõi này chỉ có Phật tự tuyên dương sự tráng lệ, các bậc Bồ-tát (từ Sơ địa trở lên đến Bồ-tát kim cang tâm) cũng không thể biết được.

- Sự Báo độ: Nghĩa là dưới được nâng bằng trụ kim cang, trên có đất lưu ly lấp lánh, bên ngoài có lan can bảy báo vây quanh, bên trong có ao trong mát đầy nước tám công đức, chiếc bè kết bằng châu ngọc ở rừng xanh, những mành lưới báu quấn quanh cung điện đã được như vậy, thân cũng đầy đủ muôn đức hoa lệ như quốc độ thì có bờ cõi.

2. Hóa độ.

Nếu căn cứ vào đại bi nguyện lực của chư Phật thì tất cả cõi chúng sinh không đâu không cùng khắp thì không thể đối chứng. Còn căn cứ vào thân giáo hóa chúng sinh, lúc thị hiện, lúc Niết-bàn, thì có bờ cõi.

Nhưng nói Tây phương là Báo độ thì dựa vào kinh Đại thừa Đồng Tánh nói: Ngài Bồ-tát Trí Thông hỏi Đức Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Những gì là Báo thân của Như Lai?"

Đức Phật đáp: "Như nay ông hiện thấy ta thì là Báo thân của Như Lai. Lại trong cõi thanh tịnh có Bồ-tát đã thành Chánh giác và sẽ thành Chánh giác thì tất cả thân đó đều là Báo thân."

Giải: Trong cõi Tịnh độ, người đã thành Phật được xem là Báo thân, đồng thời cũng được xem là Thọ dụng thân, nhưng chẳng phải là Thật báo thân. Còn phần Hóa thân, tức là vi tế Hóa thân vậy.

Kinh nói: "Ông nay hiện thấy ta thì thân này là Báo thân của Như Lai." Nghĩa là trong cõi uế cũng thấy được Báo thân vậy. Kinh này lại nói: "Trong đời ngũ trược thành Phật, giáo pháp trải qua ba thời: Chánh pháp, tượng pháp và mạt pháp, thì thân Phật là Ứng hóa thân." Như thế kinh phán trong cõi uế thành Phật đều là Hóa thân mà cũng tức là Báo thân. Trong cõi uế đã thấy được Báo thân, thế thì trong cõi tịnh lẽ nào

không thấy được Hóa thân? Cho nên biết rằng trong hai cõi tịnh, uế đều có đủ hai thân vậy.

Còn nói rằng quốc độ đó được hóa hiện là dựa vào kinh Quán Thế Âm thọ ký. Kinh này nói: Này Thiện nam tử, Đức Phật A-di-đà thọ mạng vô lượng trăm ngàn ức kiếp, nhưng sẽ có ngày nhập Niết-bàn. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, chánh pháp trụ ở đời ngang bằng với thọ mạng của Phật. Thiện nam tử, sau khi chánh pháp của Đức Phật A-di-đà diệt, qua nửa đêm khi tướng sáng xuất hiện, Bồ-tát Quán thế Âm ngồi dưới cây Bồ-đề thành Đẳng Chánh Giác, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai. Cõi nước ấy không nghe có tên Thanh văn, Duyên giác, và có tên là Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm. Đức Phổ quang Công đức Như Lai nhập Niết-bàn, sau khi chánh pháp diệt, Bồ-tát Đại Thế Chí ở trong nước thành Phật hiệu là Thiện Trụ Bảo Vương Như Lai; cõi nước sáng suốt, thọ mạng của Phật cũng bằng với cõi nước Chúng Bảo Phổ Tập trang nghiêm không khác. Lại dựa vào kinh Cổ âm Thinh vương Đà-la-ni thì Đức Phật A-di-đà có cha mẹ, con và các đệ tử như ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên và Đề-bà đạt-đa...

Nói rõ thuộc về hoặc không thuộc về ba cõi

Hỏi: Báo độ thuần thanh tịnh vi diệu dứt hẳn ba cõi, chúng sinh được giáo hóa đã vượt khỏi phần đoạn sinh tử. Cõi này ra ngoài ba cõi, lý ấy cũng dễ tin, còn Hóa độ tuy tịnh nhưng sự thanh tịnh chưa được diệu dụng, chúng sinh được giáo hóa lại ở trước thập địa, thế thì cõi này có thuộc về hay không thuộc về ba cõi?

Đáp: Nếu đứng về Phật mà luận thì cõi này dứt hẳn tam giới, còn từ chúng sinh mà nhìn thì có đủ hai nghĩa: Hoặc thuộc về hay không thuộc về .

a. Nói rõ nghĩa nhiếp.

Nếu căn cứ vào phàm phu và những bậc hữu học Thanh văn vãng sinh thì Tịnh độ thuộc về tam giới, vì những chúng sinh này chưa ra khỏi tam giới.

Hỏi: Nghĩa này có thể hiểu như thế nào?

Đáp: Như kinh Vô Lượng Thọ nói: Ngài A-nan thưa Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Cõi kia đã không có núi Tu-di... thì các cõi trời như Tứ Thiên vương, Đao lợi nương vào đâu mà trụ?”

Đức Phật đáp: “Nương nghiệp lực mà trụ. Đã có người, lại có các cõi trời như Tứ Thiên vương v.v..., nên biết tức có Dục giới.”

Kinh này lại nói: “Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc rằng: Như Ông thấy từ đại địa trở lên cho đến cõi trời Tịnh Cư, những nơi đó có các việc

trang nghiêm chăng?"

Bồ-tát Di-lặc thưa: "Bạch Đức Thế Tôn! Con đã thấy". Vì thế nên biết có hai cõi là Dục giới và Sắc giới, nhưng không bàn đến Vô sắc giới.

Hỏi: Vì sao không luận về Vô sắc giới?

Đáp: Ý muốn tán thán Tịnh độ mầu nhiệm trang nghiêm, là cõi tiếp dẫn muôn loài vãng sinh, vì thế không luận về Vô sắc giới, nhưng thể của nó vẫn có vậy.

Hỏi: Thân và Tịnh độ này đều là Dục giới, vì sao Phật dạy mọi người vãng sinh?

Đáp: Tịnh độ tên tuy đồng là Dục giới nhưng nghĩa thì có khác. Ở đây Dục giới có đủ hai nghĩa: Một là thượng tâm dục, hai là chủng tử dục. Do đủ hai nghĩa này nên có nam, nữ tạp nhiễm, ham muốn đuổi theo sắc đẹp, tiếng hay, ưa thích ở trong nhà lửa tam giới. Tây phương Dục giới chỉ có chủng tử dục, không có thượng tâm dục. Vì không có thượng tâm dục nên không có các lỗi vừa kể ở trên, cũng không có tâm ác và tâm vô ký, chỉ có tâm thiện. Cho nên, đoạn nói về mười tám món viên tịnh của Báo thân Phật trong Nhiếp luận nói: Cõi Tịnh độ chỉ có lạc thọ, không có khổ thọ và xả thọ. Như kinh Đại Pháp Cổ nói: Khổ thọ là bất thiện, lạc thọ là thiện, xả thọ là vô ký. Vì chỉ có tâm thiện nên không còn khởi tâm ác nữa, nên kinh Vô Lượng Thọ nói: Trong cõi nước của Đức Phật Di-đà không cho tạo ác dầu bằng một mảy lông. Vì vậy, tuy nói Tây phương là Dục giới, há có thể giống nhau ư? Như Dục giới, Sắc giới cũng nên hiểu như thế.

Hỏi: Cõi Tịnh độ thù thắng vi diệu, muôn loài đều ưa thích, kính ngưỡng, Đức Phật đã muốn khuyên mọi người vãng sinh về đó, vì sao lại nói là thuộc về tam giới?

Đáp: Đây là kinh nói, chẳng quan hệ gì với người. Lại nữa, nếu Tịnh độ thuộc về tam giới thì chúng sinh chưa đoạn hết lậu hoặc tam giới cũng được vãng sinh. Còn nếu ra ngoài tam giới thì phàm phu và những bậc hữu học Thanh văn đều mất phần, vì không thể đem chúng sinh còn đầy dẫy phiền não trong tam giới khiến sinh trong Báo độ ngoài tam giới được. Do Tịnh độ ở trong tam giới cho nên vãng sinh thì dễ, lại không có thượng tâm dục nên rốt ráo không thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Bồ-đề.

Hỏi: Tịnh độ đã thuộc về Tam giới thì chúng sinh trong đó phải thoái chuyển, vì sao gọi là không thoái chuyển?

Đáp: Tam giới tên tuy chung với Tịnh độ, nhưng hai cõi không

phải chỉ một loại. Như thế giới Diệu Hỷ ở phương Đông có cõi Diêm-phù-đề, cõi trời Đao lợi, có nam lẫn nữ nhưng vẫn gọi là Tịnh độ, há ra ngoài tam giới, đã tại tam giới có người nữ nên cũng là cõi dục, có thể đồng với Dục giới cõi Sa-bà sao? Nhưng Thế giới Diệu Hỷ là cõi tịnh, còn Dục giới là cõi uế vậy. Nay phán định, vì Hóa Tịnh độ chỉ giáo hóa chúng sinh trong cõi giới nên đều ở trong tam giới, còn như Báo Tịnh độ giáo hóa chúng sinh ngoài cõi giới nên ra ngoài tam giới. Vì Tịnh độ có ba phẩm hơn kém nên có các cõi khác nhau. Như thế giới Diệu Hỷ ở phương Đông là Tịnh độ phẩm hạ, vì có nam lẫn nữ. Thế giới Cực lạc ở phương Tây là Tịnh độ phẩm trung, vì gồm cả Nhị thừa. Thế giới Chúng hương ở phương trên là Tịnh độ phẩm thượng, vì không có Nhị thừa. Ba phẩm Tịnh độ này đều ở trong Dục giới, vì đó là những cõi riêng cho loài người và trời vãng sinh. Thế giới Diệu Hỷ có người, trời, như kinh Duy-ma nói: Từ cõi Diêm-phù-đề đến cõi trời Đao lợi. Thế giới Cực lạc có người, trời như kinh Vô Lượng Thọ nói: Đức Phật bảo Bồ-tát Di-lặc rằng: Như Ông thấy từ đại địa trở lên cho đến trời Ngũ Tịnh Cư, những nơi đó có các việc trang nghiêm chăng? Thế giới Chúng Hương có người, trời, như kinh Duy-ma nói: Khiến các loài người và trời được vào luật hạnh. Các Tịnh độ này đã là cõi riêng cho người, trời vãng sinh, nên biết các cõi đó đều ở trong Dục giới. Còn như ở Sắc giới tuy có trời mà không có người, vì Sắc giới ở trên, loài người không thể lên được. Nếu Tịnh độ ra ngoài tam giới thì không có cõi riêng cho loài người và trời vãng sinh vậy. Như Tịnh độ Dục giới có ba phẩm, uế độ cũng có ba phẩm.

Như kinh nói: Từ đây về phương Đông có một thế giới tên là Tư-ha, ruộng ba phần chỉ toàn cát đá, một năm mưa có hai lần, đất thấm ướt không quá năm tấc. Chúng sinh ở cõi này chỉ ăn mầm cỏ, lấy vỏ cây làm áo, cầu sống không được, muốn chết cũng không xong. Cõi này là uế độ phẩm trung. Lại có một thế giới đầy rẫy loài thú độc như cọp, sói cho đến rắn rít, bò cạp, thảy đều có thể bay, đi qua lại, gặp nhau liền bắt ăn thịt, không phân biệt điều thiện ác. Cõi này là uế độ phẩm hạ. Còn thế giới Sa-bà thường có chư Phật ra đời, có chúng sinh phát tâm Bồ-đề, từ đất sinh ra lúa gạo, thức ăn, con người biết lễ nghĩa. Cõi này là uế độ phẩm thượng vậy. Tịnh độ tuy có ba phẩm nhưng khi sinh về đó thì đều được bất thoái, còn uế độ cũng có ba phẩm nhưng khi sinh về đó thảy đều thoái chuyển. Vả lại Tây phương Tịnh độ có bốn nhân duyên chỉ có tiến đạo, không có sự thoái chuyển:

1. Vì thọ mạng dài lâu nên không thoái chuyển. Như kinh nói: Thọ

mạng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, trải qua ba đại A-tăng-kỳ tinh tiến tu đạo thì được thành Phật, huống nữa là vô lượng A-tăng-kỳ. Còn uế độ vì thọ mạng ngắn ngủi nên thoái chuyển.

2. Có chư Phật, Bồ-tát làm thiện tri thức nên không thoái chuyển. Như kinh nói: Được câu hội một chỗ với các bậc thượng thiện như thế. Uế độ có nhiều ác tri thức nên thoái chuyển.

3. Không có người nữ, sáu căn sáu trần đều là duyên tiến đạo nên không thoái chuyển. Như kinh Vô Lượng Thọ nói: Mắt nhìn thấy sắc liền phát tâm Bồ-đề, cho đến ý căn duyên pháp trần cũng phát tâm Bồ-đề. Uế độ vì có người nữ, sáu căn sáu trần đều là duyên thối đạo nên thoái chuyển.

4. Chỉ có tâm thiện nên không thoái chuyển. Như kinh nói: Không hề tạo ác dầu bằng mảy lông. Uế độ vì có tâm ác, tâm vô ký nên thoái chuyển.

b. Nói rõ nghĩa không thuộc về ba cõi:

Nếu là Tịnh độ mà các bậc Bồ-tát từ Sơ địa trở lên và các bậc vô học như La-hán, Bích-chi vãng sinh thì không thuộc ba cõi, vì các vị đó đã trừ hết chánh sử, ra ngoài ba cõi. Như Đại Trí Độ luận nói: Có Tịnh độ vi diệu ra ngoài ba cõi, các vị A-la-hán sẽ sinh về đó. Trong luận chỉ nói đến A-la-hán mà không nói bậc hữu học, cho nên biết Tịnh độ các bậc hữu học vãng sinh đều ở trong ba cõi vậy.

CHƯƠNG II

Định người vãng sinh

(Người bậc nào được vãng sinh)

Hỏi: Đã biết thể tánh cõi Tịnh độ thông với Báo độ và Hóa độ, chưa biết người bậc nào được vãng sinh?

Đáp: Nay dựa vào kinh luận, nương theo ý Phật, thì người nào dựa vào kinh luận tu hành, không luận phàm hay Thánh, nam hay nữ cho đến người tạo tội thập ác, ngũ nghịch, người đó khi thọ mạng sắp hết, nếu hiện tiền chánh niệm, tâm không loạn động thì đều được vãng sinh, chỉ trừ người phỉ báng Đại thừa thì không được vãng sinh, đó là theo kinh Quán. Nếu nói theo kinh Vô Lượng Thọ thì trừ người tạo tội ngũ nghịch ra.

Hỏi: Hai kinh này đều chỉ do mỗi Đức Phật Thích-ca thuyết, vì sao kinh Vô Lượng Thọ thì trừ hai hạng, còn kinh Quán chỉ trừ có một?

Đáp: Trước chế sau khai là pháp thường của chư Phật. Kinh Vô Lượng Thọ Đức Phật thuyết trước để nói rộng nhân duyên của Ngài

Tỳ-kheo Pháp Tạng và nói rõ việc vãng sinh. Còn kinh Quán Đức Phật thuyết sau vì chỉ luận việc vãng sinh thôi.

Hỏi: Như kinh Vô Lượng Thọ nói: Chúng sinh sinh về cõi đó thảy đều trụ nơi chánh định. Còn kinh A-di-đà nói: Này Xá-lợi-phất! Đối với cõi nước Cực lạc, nếu có chúng sinh sinh về đó rồi thì đều là bậc A-bệ-bạt trí. Căn cứ hai kinh này, các bậc Bồ-tát từ Thập giải (mười trụ) trở lên mới được vãng sinh, vì sao lại nói cho đến người tạo tội thập ác, ngũ nghịch cũng đều được vãng sinh?

Đáp: Chánh định hay A-bệ-bạt trí đều gọi là bất thoái, nghĩa bất thoái là thông, chẳng phải chỉ hạn cuộc từ Thập giải. Nay dựa vào sự giải thích của kinh luận thì bất thoái có bốn loại.

1. Niệm bất thoái: Nghĩa là các bậc Bồ-tát từ Bát địa trở lên.
2. Hạnh bất thoái: Nghĩa là các bậc Bồ-tát từ Sơ địa trở lên.
3. Vị bất thoái: Nghĩa là các bậc Bồ-tát từ thập giải trở lên.
4. Xứ bất thoái: Nghĩa là cõi Tịnh độ phương Tây.

Cho nên kinh Vô Lượng Thọ nói: Cõi kia không có tên tà định và bất định. Lại trong bốn mươi tám đại nguyện của Đức Phật Di-đà nói: Nếu như sau khi ta thành Phật, các hàng trời, người trong cõi nước của ta không trụ chánh định cho đến ngày diệt độ thì ta nguyện không thành chánh giác. Đã nói bất thoái thì địa vị bao gồm bốn loại, há có thể chỉ nêu ra một loại bất thoái để quyết định mà bỏ ba loại kia ư?

Hỏi: Phàm luận về bất thoái thì phải căn cứ vào hạnh vị, vì sao nói nương vào xứ mà được bất thoái?

Đáp: Hạnh vị bất thoái là vì trong tâm không còn phiền não, còn xứ sở bất thoái là vì bên ngoài không có cảnh duyên phiền não, mỗi loại đều căn cứ một nghĩa, há lạ lắm ư?

Hỏi: Ba bất thoái trên kinh luận đã minh chứng rõ, điều này có thể tin được. Còn xứ sở bất thoái thì không có văn kinh chứng minh, thế thì biết lấy gì làm tin?

Đáp: Nay dẫn Tỳ-bà-sa luận làm chứng. Như trong luận này nêu ra sáu loại chủng tánh:

1. Thối chủng tánh.
2. Tư chủng tánh.
3. Hộ chủng tánh.
4. Vị chủng tánh.
5. Thăng tiến chủng tánh.
6. Bất động chủng tánh.

Như hạng người chủng tánh lui sụt, giả sử đắc quả La-hán nhưng

cũng có khi trở lại khởi thoái tâm, cho đến khởi phiền não tu đạo trong tam giới, vì căn tánh của họ yếu mềm. Người này tuy thể tánh là thoái căn nếu người này là loài người trong Dục giới, khi gặp ngũ thoái cụ, tâm liền thoái chuyển. Còn như sinh vào cõi trời Lục dục, Sắc giới hay Vô sắc giới, tuy căn tánh là lui sụt nhưng nếu không có thoái cụ vẫn không thoái chuyển, vì xứ sở không có nhân duyên khiến tâm thoái chuyển nên được bất thoái. Ngũ thoái cụ là:

1. Bệnh tật lâu dài.
2. Đi xa.
3. Tụng kinh.
4. Lo công việc làm ăn.
5. Giảng hòa việc tranh cãi.

Năm loại này chỉ có trong loài người, còn các cõi trời thì không. Ba điều tụng kinh, tri sự, giảng hòa sự tranh cãi tuy là việc thiện nhưng phế bỏ việc nhập quán nên tâm vẫn thoái chuyển. Qua những việc trên, khi so sánh ý nghĩa bất thoái mà luận này và các kinh luận khác nói đến cũng có thể giống nhau. Như tất cả phàm phu chưa đến địa vị Thập giải, tuy niệm Phật nhưng vì còn ở ngoại phàm nên chủng tánh vẫn là hàng thoái chuyển. Người này như ở trong uế độ Sa-bà, vì gặp năm thoái duyên nên liền thoái chuyển, còn nếu sinh về Tây phương, không có năm thối duyên nên được bất thoái. Năm thoái duyên là:

1. Thọ mạng ngắn ngủi lại nhiều bệnh tật.
2. Có người nữ và sinh tâm đắm nhiễm sáu trần.
3. Người hay làm ác, nghĩa là ác tri thức.
4. Tâm bất thiện và tâm vô ký.
5. Thường không được gặp Phật.

Vì trong cõi Tịnh độ không có năm thoái duyên này nên chúng sinh rốt ráo không còn thoái chuyển. Đây là dẫn Thánh giáo để chứng minh cho xứ sở bất thoái được rõ ràng vậy. Lại căn cứ kinh Quán và kinh Vô Lượng Thọ, hai kinh đều nói nếu người nào vãng sinh thì được bất thoái mà không nói bậc bất thoái mới được vãng sinh. Cho nên kinh Vô Lượng Thọ nói rằng: Nếu có chúng sinh nào sinh về cõi kia thì thảy đều trụ nơi chánh định. Vì sao vậy? Vì cõi kia không có tên Tà định và Bất định. Kinh A-di-đà cũng nói: Chúng sinh sinh về cõi đó rồi đều là bậc A-bệ-bạt trí mà không nói bậc A-bệ-bạt trí mới được vãng sinh. Cũng như cõi Sa-bà này loài người thọ đủ ba thọ, nhưng nếu được sinh về cõi kia rồi thì không có khổ thọ và xả thọ, chỉ có lạc thọ thôi, vì cõi kia không có khổ thọ và xả thọ vậy.

Hỏi: Như kinh Quán nói: Người sinh vào thượng phẩm thượng sinh, khi sinh về cõi kia liền ngộ Vô sinh pháp nhẫn, đây chính là Bồ-tát Bát địa. Nên biết những bậc sinh vào bậc hạ là các Bồ-tát từ Thập giải trở lên. Như thế, nếu là các vị trước Thập giải được vô sinh pháp nhẫn, chẳng những đã trái Thánh giáo mà địa vị còn khác nhau xa lắm.

Đáp: Không phải như vậy. Vô sinh pháp nhẫn cũng có bốn loại:

Nương vào giáo pháp mà được Vô sinh pháp nhẫn, nghĩa là tất cả phàm phu và các bậc Bồ-tát thập tín đọc kinh luận Đại thừa sinh khởi vô sinh giải. Đây tức là Văn Tuệ.

Nương vào quán tưởng được vô sinh pháp nhẫn, nghĩa là các bậc Bồ-tát từ thập giải trở lên cho đến thập Hồi hướng, quán về ba vô tánh, không mà rõ được vạn pháp vô sinh. Đây tức là Tư Tuệ.

Chứng lý được vô sinh pháp nhẫn, nghĩa là các bậc Bồ-tát từ Sơ địa trở lên, vì chứng được nhị không chân như cùng khắp pháp giới. Đây tức là Tu Tuệ.

Ước theo địa vị được Vô sinh pháp nhẫn, nghĩa là các bậc Bồ-tát từ Bát địa trở lên, vì chứng được chân tục song hành mà đạt được trí vô công dụng. Đây tức là Tu Tuệ vậy.

Vô sinh pháp nhẫn đã thông bốn loại này, há có thể cho một loại nào là cao quý mà loại trừ các loại khác sao?

Như ngài Tuệ Viễn pháp sư phán định: Bậc thượng phẩm thượng sinh là các Bồ-tát từ Tứ địa đến Bát địa. Còn Nhiếp Đại thừa luận nói: Nhân duyên sinh tử trong biến dịch sinh tử của Bồ-tát Tứ địa thì cõi Tây phương là phần đoạn sinh tử. Thế nào là Bồ-tát thọ biến dịch sinh tử còn phải chịu phần đoạn sinh tử?

Kinh Quán Thế Âm thọ ký nói: Đức Phật A-di-đà thọ mạng vô lượng mà cũng phải nhập Niết-bàn, nên biết chúng sinh thọ mạng tuy vô lượng nhưng tất có ngày chết, vì kinh A-di-đà cũng nói: Chúng sinh cũng gọi là A-di-đà. Nay dựa vào kinh Quán để phán xét những vị được sinh vào chín phẩm như sau:

Các bậc Đại đức từ xưa đến nay như ngài Tuệ Viễn pháp sư... xét quả mà những vị đó đạt được và phán xét địa vị thì rất cao, nhưng nay căn cứ trên nhân tu để đạt quả vị đó lại hơi thấp.

Như vị ở thượng phẩm thượng sinh chỉ phát ba loại tâm liền được vãng sinh. Ba loại tâm đó là:

1. Chí thành tâm.
2. Thâm tâm.
3. Hồi hướng phát nguyện tâm.

Theo Khởi Tín luận, ba tâm này được phán xét là tâm đầu của Thập giải. Như Khởi Tín luận nói: Tin thành tựu mà phát tâm, đây là tâm cuối của thập Tín. Phát ba loại tâm mới được vào địa vị Thập giải, đó là:

1. Trực tâm: Nghĩa là chánh niệm pháp chân như, tâm này tức tâm chí thành trong kinh Quán. Tâm chí thành và Trực tâm nghĩa thì giống nhau nhưng tên lại khác. Như kinh Duy-ma nói rõ: Hạnh đầu trong hai hạnh của Tịnh độ đạo tràng đều có ba tâm, giống như kinh Quán. Khi xét các kinh luận thấy nói rõ hạnh đầu của tất cả hạnh thảy đều phát ba tâm này, vì thế nên biết ba tâm này là hạnh đầu trong muôn hạnh, cho nên hễ được sinh về cõi kia liền ngộ vô sinh đến ngay Bát địa.

2. Thâm tâm: kinh Quán cũng gọi là thâm tâm.

3. Đại bi tâm: kinh Quán gọi là Hồi hướng phát nguyện tâm. Nếu không có tâm đại bi thì không thể phát nguyện hồi hướng. Đại bi tâm và Hồi hướng phát nguyện tâm nghĩa cũng giống nhau nhưng tên lại khác.

Ba tâm mà Khởi Tín luận nói đến đã được Bồ-tát ở địa vị cuối thập Tín phát, thế thì nên biết thượng phẩm thượng sinh trong kinh Quán rõ là tâm đầu trong Thập giải vậy. Nói sinh đến cõi kia được vô sinh pháp nhẫn, tức là nhờ quán mà được vô sinh pháp nhẫn vậy. Nếu như ngài Tuệ Viễn Pháp sư phán xét Bồ-tát Tứ địa là bậc thuộc thượng phẩm thượng sinh thì nguyện được sinh về cõi kia không phải trải qua thời tiết liền ngộ vô sinh pháp nhẫn. Bồ-tát từ Tứ địa tu đến Bát địa phải trải qua nửa A-tăng-kỳ kiếp vậy.

Thượng phẩm trung sinh là Bồ-tát ở vào tâm ban đầu trong thập Tín. Kinh nói: Tin sâu nhân quả, không phỉ báng Đại thừa. Cho nên nếu chưa đến thập Tín, ở trong tà định thì không tin nhân quả, phỉ báng Đại thừa. Lại nữa, địa vị tín có mười tâm, trước hết là tín tâm. Nói sinh đến cõi kia trải qua một tiểu kiếp được vô sinh pháp nhẫn, đây là nương vào lý được vô sinh pháp nhẫn vậy. Vì ngày tháng ở cõi Cực lạc rất dài nên kinh nói: Một ngày một đêm ở thế giới Cực-lạc bằng một kiếp ở thế giới Sa-bà. Nếu ngài Tuệ Viễn pháp sư khẳng định rằng Bồ-tát Sơ địa như thế, thì vì sao nói chỉ trải qua một tiểu kiếp liền đến được Bát địa? Nên biết nếu số kiếp tính theo thế giới Sa-bà, Bồ-tát từ Sơ địa muốn tu đến Bát địa phải trải qua một đại A-tăng-kỳ kiếp.

Người sinh vào thượng phẩm hạ sinh bao gồm hết thảy phàm phu hướng thiện trước thập Tín, chỉ quy y Tam-bảo, thọ Bồ-tát giới trở lên đều được vãng sinh. Kinh nói: Những vị đó cũng tin nhân quả, nhưng

không phỉ báng Đại thừa, chỉ phát tâm đạo vô thượng. Nghĩa là ở tâm đầu bậc thập Tín phát tâm Bồ-đề được vào bất định vị, vị đó khi sinh về thế giới Cực lạc, trải qua ba tiểu kiếp đến được Sơ địa, số kiếp ở đây được tính theo cõi Cực lạc mà không theo cõi Sa-bà. Một kiếp ở thế giới Sa-bà bằng một ngày một đêm ở cõi An Lạc. Đã trải qua ba tiểu kiếp, lý là bậc Bồ-tát Sơ địa. Nếu ngài Tuệ Viễn pháp sư phán xét Bồ-tát Thập giải như thế, thì thế nào trải qua ba tiểu kiếp đến được Sơ địa? Bởi vì, Bồ-tát từ Thập giải muốn tu đến bậc Sơ địa phải trải qua A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất. Ba phẩm bậc thượng đều là người tu theo Đại thừa, ba phẩm bậc trung phần nhiều là người tu theo Tiểu thừa.

Người sinh vào phẩm thượng bậc trung là bốn phương tiện sau trong bảy phương tiện của Tiểu thừa, tức địa vị Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất pháp. Kinh nói: Người nào thọ trì năm giới cho đến không tạo các tội lỗi ác nghiệp, do vì đạt được bốn phương tiện này và nhờ sức thiền định sẽ hàng phục Lậu hoặc Dục giới nên không khởi phiền não phá giới và ác nghiệp, vì phiền não phá giới và ác nghiệp ở trong Dục giới. Người này nếu sinh về Tịnh độ liền đắc quả A-la-hán, chỉ một đời đạt được quả Sa-môn thứ tư, tức là bậc đã chứng Niết-bàn ngay trong hiện tại. Như đối với ba quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, bậc hữu học Tiểu thừa chứng đắc tuy không định lúc nào nhưng vẫn được ngài Tuệ Viễn pháp sư phán xét rất cao.

Sinh vào Trung phẩm trung sinh là ba phương tiện trước từ Ngũ đình tâm quán trở đi. Kinh nói: Người nào một ngày, một đêm giữ giới Bát quan trai, cho đến một ngày, một đêm giữ giới cụ túc và oai nghi đầy đủ không cho thiếu sót, vì địa vị này tâm còn tán loạn chưa được định nên đối với phiền não phá giới không có pháp đối trị, không thể giữ giới và oai nghi lâu dài mà không thiếu sót được, thì ít nhất phải giữ gìn giới luật và oai nghi trải qua một ngày, một đêm thanh tịnh, sau đó dầu có phạm giới nhỏ cũng được vãng sinh. Vị này sinh về Tịnh độ, trải qua nửa kiếp đắc quả A-la-hán. Đây cũng là bậc chứng đắc Niết-bàn trong hiện tại, và thọ mạng ở cõi Tịnh độ rất lâu dài vậy. Như ngài Tuệ Viễn pháp sư giải thích là có thể nhờ sức thiền định của bốn địa vị Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất sẽ hàng phục lậu hoặc Dục giới. Vì sao vậy? Vì trì giới được một ngày một đêm không phạm, như thế cũng được quả vị rất cao .

Sinh vào trung phẩm hạ sinh là tất cả phàm phu hướng thiện đã thọ ngũ giới trở đi chưa đến địa vị Ngũ đình tâm quán của Tiểu thừa. Kinh nói: Người hiếu dưỡng cha mẹ, ở đời làm việc nhân từ, tuy chưa

có thể nhập đạo quán hạnh nhưng có thể ở đời làm việc nhân từ. Ngoài ra bậc này cũng được phán xét như hai phẩm trước, như ngài Tuệ Viễn pháp sư phán xét là từ địa vị Ngũ đình tâm quán đến Tổng tướng niệm xứ, ba địa vị này hoặc được Văn tuệ, Tư tuệ hay Tu tuệ. Ở đời chỉ làm việc nhân từ, hiếu dưỡng cha mẹ mà cũng được vãng sinh thì thật là địa vị rất cao vậy. Nếu luận ba phẩm bực hạ thì bao gồm tất cả phàm phu khởi ác tâm, chỉ tạo tội thập ác, ngũ nghịch hoặc dùng vật của thường trụ tăng, không biết hổ thẹn, giá như có bắt chước người khác mà thọ giới thì thọ rồi liền phá. Những người này khi lâm chung nếu gặp Thiện tri thức, dũng mãnh phát tâm Bồ-đề, chánh niệm nối nhau thì ngay lúc ấy liền được vãng sinh. Nếu không gặp thiện tri thức thì không thể dũng mãnh phát tâm Bồ-đề, nhất định đọa địa ngục. Nên kinh Quán nói: Người này phải đọa địa ngục, trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng. Nhưng chúng sinh đến lúc thọ mạng sắp hết, ác nghiệp oan gia, các khổ tranh nhau sinh khởi, niệm mười câu Phật hiệu cũng rất khó thành tựu, nếu được thành tựu người này nhất định vãng sinh Tịnh độ. Vả lại, hai đường thiện ác thay đổi mau chóng như trở bàn tay; ngửa tức được vãng sinh, úp tức đọa địa ngục, trong lúc này cần phải nhờ sức hộ niệm của Thiện tri thức. Nếu người phá giới tâm sinh hổ thẹn, nương kinh Đại thừa sám hối tội lỗi tướng tội tiêu diệt, chuyên tâm niệm Phật và khởi quán hạnh thì đều được sinh vào hai bực trên, không vào bực dưới. Như ngài Tuệ Viễn pháp sư phán xét, đó là hàng phàm phu bình thường còn vướng thế tục.

Hỏi: Cửa Tịnh độ Phàm Thánh đều được vãng sinh, nay tôi muốn biết tông ý vãng sinh chính là hạng người nào?

Đáp: Xem xét việc bà Vi-đề-hy thưa thỉnh và ý nghĩa câu trả lời của Đức Như Lai, duy chỉ nói rằng Đức Như Lai vì tất cả phàm phu trong đời vị lai bị giặc phiền não làm hại mà thuyết giảng cõi nghiệp thanh tịnh, dạy mọi người vãng sinh, không nhất thiết phải là Bồ-tát. Nếu luận về các vị Bồ-tát thì các ngài phát tâm nguyện sinh vào ác đạo mà không nguyện sinh về Tịnh độ. Như các vị Bồ-tát từ Thập giải trở lên còn tự lưu hoặc thọ sinh, nhưng chỉ nguyện sinh vào ác đạo cứu chúng sinh khổ, mà không nguyện sinh về Tịnh độ. Văn nói về các vị Bồ-tát lưu hoặc thọ sinh, như kinh Duy-ma nói: Có vị Bồ-tát tâm không còn dính mắc vào các cảm thọ nhưng thị hiện bệnh tật và thọ nhận các cảm thọ, chưa đủ Phật pháp, cũng không diệt hết cảm thọ mà chứng đắc. Đây là văn kinh nói về Bồ-tát lưu hoặc thọ sinh. Lại Địa trì luận, Nhiếp Đại thừa luận đều có văn nói về các vị Bồ-tát lưu hoặc thọ sinh.

Nêu một cách tóm tắt, các bậc Thánh nhân và địa vị bảy phương tiện trong Tam thừa cho đến các vị đạo tiền phương tiện, hoặc nam hoặc nữ, không căn, hai căn cho đến các loài như rồng, quỷ và bát bộ, miễn là phát tâm Bồ-đề, chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà, nhàm chán cõi uế, ưa thích cõi tịnh, khi thọ mạng sắp hết, nếu chánh niệm hiện tiền thì đều được vãng sinh. Nếu vị nào dũng mãnh tinh tấn, quán hạnh phân minh, tâm tối hậu lúc lâm chung bất loạn thì đều được sinh vào bậc thượng, cho đến tâm tối hậu khi lâm chung, niệm được mười câu Phật hiệu nối nhau rõ ràng đều sinh vào hạ phẩm bậc hạ. Trong đây, Bồ-tát vãng sinh có chín phẩm ba bậc, Nhị thừa vãng sinh có ba bậc thượng, trung, hạ, phàm phu vãng sinh cũng có ba bậc thượng trung hạ, mỗi mỗi đều có chín phẩm. Trong kinh không thể phân chia một cách chi li mà hiệp cả Đại thừa, Tiểu thừa và phàm phu để luận chung, nhưng chín phẩm vãng sinh thì thật có vô lượng sai biệt. Muốn biết rõ hãy xem bốn mươi tám đại nguyện của Đức Phật Di-đà và kinh Quán. Nếu luận về tông chỉ rộng lớn thì việc vãng sinh lấy phàm phu làm chính, còn Thánh nhân là thứ yếu, vì phàm phu nếu đọa vào ác đạo ở trong cõi uế thì không thể tu đạo phát tâm. Chỉ có kẻ phàm phu nào phỉ báng Đại thừa thì không được vãng sinh, vì đoạn mất thiện căn. Những hạng hữu học ngu pháp trong hàng Nhị thừa cũng không được vãng sinh, vì không tin có mười phương Tịnh độ. Những vị Bồ-tát không phát nguyện cầu sinh thì không được vãng sinh vì không có tâm ưa thích. Nếu là hàng Nhị thừa vô học thì không luận ngu pháp hay không ngu pháp, cầu sinh hay không cầu sinh đều được vãng sinh, vì không thể thọ sinh trong uế độ của Tam giới. Trí độ luận nói: Có Tịnh độ vi diệu ở ngoài ba cõi, các vị A-la-hán sẽ sinh về đó. Ở đây không luận các bậc hữu học.

CHƯƠNG III

Định Nhân Vãng Sinh.

(Tu hạnh nghiệp gì được vãng sinh tịnh độ).

Hỏi: Đã biết Phàm Thánh đều được vãng sinh, nhưng tôi chưa biết những vị này tu hạnh nghiệp gì mà được vãng sinh?

Đáp: Nay tôi dựa vào kinh luận nói ra hai loại nhân:

- Trước dẫn kinh luận rộng nói nhân này.
- Bỏ sự phiền toái mà ước lược nói rõ nhân này.

1. Trước trích dẫn kinh luận.

Như kinh Vô Lượng Thọ nói: Sinh về cõi kia gồm có ba bậc:

a. Sinh vào bậc thượng phải tu ba nhân:

- Phải phát tâm Bồ-đề.

- Phải xuất gia.

- Phải chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà và gồm tu các điều phước thiện, hồi hướng phát nguyện thì được vãng sinh.

Xét về tông ý kinh này thì những vị sinh vào ba phẩm bậc thượng đều là người xuất gia.

b. Người sinh vào bậc trung cũng tu ba nhân:

- Phải phát tâm Bồ-đề.

- Phải chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà.

- Phải thọ trì trai giới, xây tháp tạo tượng, lo các thức ăn uống cho chúng tăng, đốt hương rải hoa, đèn nhang cúng dường. Ngoài ra hành giả còn phải tu tập các hạnh nguyện khác như đã nói ở trước.

Những vị này đều là người thế tục. Kinh nói: Vì không thể từ bỏ thế tục làm vị Sa-môn.

c. Người sinh vào bậc hạ cũng tu ba nhân:

- Phải phát tâm Bồ-đề.

- Phải chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà, cho đến mười niệm.

- Phải nghe nghĩa sâu mầu, tin ưa không có nghi ngờ. (Bậc này thông cả người đạo kẻ tục, đây là ý chỉ kinh Vô Lượng Thọ).

Lại như kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác nói: Muốn sinh vào bảo quốc Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng, gồm có ba bậc:

Bậc thứ nhất: Những ai muốn sinh vào nước này phải từ bỏ vợ con, cắt đứt ái dục làm vị Sa-môn, không được giao phối với người nữ, thực hành sáu pháp Ba-la-mật, trai giới thanh tịnh, luôn giữ tâm chí thành, nếu trong lúc chiêm bao thấy Phật thì được vãng sinh.

Bậc thứ hai: Những vị sinh vào bậc này phải trì kinh, thọ giới, bố thí, lo các thức ăn uống cho các vị Sa-môn, tâm từ bi không sân hận, dùng hương hoa cúng dường, giữ tâm như thế nếu một ngày một đêm không dứt thì được sinh về cõi này.

Bậc thức ba: Những vị sinh vào nước này phải đoạn ái dục, tâm từ bi không sân hận, giữ trai giới thanh tịnh, nếu nhất tâm niệm Phật mười ngày mười đêm không dứt liền được vãng sinh.

(Đây là điểm giống nhau chủ yếu giữa kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác và kinh Vô Lượng Thọ).

Lại như kinh A-di-đà Cổ Âm Thanh Vương nói: Như có người thọ trì danh hiệu Đức Phật A-di-đà, luôn giữ cho tâm mình kiên cố, nhớ niệm không quên, sao cho mười ngày mười đêm, trừ bỏ tán loạn, tinh

cầu tu tập niệm Phật Tam-muội, biết Đức Phật A-di-đà thường ở thế giới An Lạc mà nhớ niệm nối nhau liên tục, chớ để dứt mất; Ngoài ra những vị này còn phải thọ trì đọc tụng kinh Cổ Âm Thanh Vương này mười ngày mười đêm, sáu thời chuyên tụng niệm, kính lễ Đức Phật năm vóc sát đất, niệm niệm nối nhau không dứt thì trong khoảng mười ngày ắt được thấy Phật, ngoại trừ những kẻ bị nghiệp chướng trầm trọng. (Đây là kinh Cổ Âm Thanh Vương, kinh này nói rõ hiện tại khi chưa chết được thấy Phật).

Lại như kinh Quán nói: Một là phải giữ ba nghiệp thanh tịnh, hai là phải thực hành mười sáu phép quán. Hai nhân này vì giảng bày rộng rãi không thể trích dẫn đầy đủ nên chỉ nêu ra một cách tổng quát thôi.

Lại như tiểu kinh A-di-đà nói: Như có thiện nam, thiện nữ nào nghe nói về Đức Phật A-di-đà rồi chấp trì danh hiệu của Ngài hoặc một ngày cho đến bảy ngày, niệm danh hiệu A-di-đà Phật cho được nhất tâm bất loạn, người này khi sắp mạng chung được Đức Phật A-di-đà và Thánh chúng hiện ra trước mặt, nếu khi đó người này tâm không điên đảo thì được vãng sinh. (Đây là kinh A-di-đà nói: Nếu người nào trong bảy ngày niệm Phật nhất tâm bất loạn thì được vãng sinh).

Lại như kinh Đại Tập nói: Đức Phật hỏi Bồ-tát Hiền Hộ rằng: Sao gọi là Tam-muội hiện tiền? Nếu có vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào trì giới thanh tịnh, ở một mình nơi thanh vắng, dầu ở nơi đâu vị đó nếu nghe nói về Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương, nghe rồi liền nghĩ như vầy: “Như mình được nghe về Đức Phật A-di-đà, hiện nay Ngài đang ở cõi Tây phương thuyết pháp cho các vị Bồ-tát.” Người đó nương vào những điều mình nghe rồi nhớ nghĩ tư duy quán sát không thôi một cách rõ ràng, cuối cùng cũng được thấy Đức Phật A-di-đà. Ví như có người nam, người nữ đang nằm chiêm bao thấy đủ các thứ, như vàng, bạc, trân bảo, những điều người đó thấy hoặc trái hoặc thuận, hoặc buồn hoặc vui. Lúc thức dậy đem kể hết cho người khác, rồi theo các việc nghĩ nhớ trong chiêm bao mà sinh vui buồn. Cũng giống như thế, này Hiền Hộ, thiện nam, thiện nữ kia tưởng niệm Đức Phật A-di-đà có tướng tốt, oai nghi như thế, đại chúng và sự thuyết pháp của Ngài như thế, rồi buộc niệm tư duy hoặc một ngày, hoặc một đêm, nhờ niệm tưởng đầy đủ nên chắc chắn thấy Đức Phật A-di-đà. Nếu như ban ngày không thể thấy được thì khi ngủ, Đức Phật A-di-đà ắt sẽ hiện ra trong mộng. (Đây là kinh Đại Tập Hiền Hộ Bồ-tát. Trong kinh này Phật dạy mọi người tưởng Phật ắt được thấy Phật).

Lại như Vãng sinh luận nói: Nếu vị nào tu pháp môn năm niệm thì

được vãng sinh. Những gì là năm niệm?

1. Lễ bái.

2. Tán thán.

3. Phát nguyện.

4. Quán sát.

5. Hồi hướng.

(Vãng sinh luận dạy mọi người tu hành Năm niệm thì được vãng sinh, luận này do Bồ-tát Thiên Thân tạo).

Lại như Đại thừa Khởi Tín luận nói: Lại nữa, chúng sinh vì mới học pháp này nên trong tâm sinh ra khiếp nhược lo sợ, tín tâm khó có thể thành tựu, ý muốn thối lui. Vì vậy Đức Như Lai lập ra phương tiện thù thắng để nhiếp hộ tín tâm, nghĩa là lấy nhân duyên chuyên tâm niệp Phật, rồi tùy theo bổn nguyện mà được sinh về cõi Phật ở phương khác. Như kinh nói: Nếu có người nào chuyên tưởng niệm Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương, tất cả việc lành mình tạo ra đều đem hồi hướng, nguyện cầu sinh về thế giới Tịnh độ thì người đó sẽ được vãng sinh. (Đây là bộ Khởi Tín luận do Bồ-tát Mã Minh tạo, luận này dạy mọi người niệm Phật phát nguyện hồi hướng thì được vãng sinh).

Lại như trong Đại thừa Thập Trụ Tỳ-bà-sa luận, Bồ-tát Long Thọ dạy mọi người lễ bái, tán thán Đức Phật A-di-đà thì được vãng sinh. (Văn lễ tán này được trình bày đầy đủ ở trong chương Dẫn Thánh giáo môn thứ năm. Ở đây chỉ trích dẫn sơ lược ý của chương ba, chương năm và chương đầu).

2. Bỏ chỗ phiền toái, ước lược nói rõ nhân này.

Hỏi: Như trên ngài đã trích dẫn kinh luận để nói rõ nhân duyên vãng sinh, nhưng văn nghĩa lại quá rộng tôi khó có thể cứu xét. Nay mong Ngài rút ra những điều cốt yếu, lược nói nhân này khiến các hành giả dễ tu, dễ học.

Đáp: Đúng vậy. Như trên tôi đã trích dẫn kinh luận nhưng vì đối cơ lập giáo nên ông khó có thể cứu xét. Nay hãy bỏ chỗ rộng nhiều mà ước lược nói ra nhân này. Nhân này có hai loại: Đó là Thông nhân và Biệt nhân.

a. Thông nhân: Như trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói, những vị sinh vào ba bậc đều phải phát tâm Bồ-đề, và trong kinh Quán nói mọi người đều phải tu đủ cả tam phước tịnh nghiệp mới được vãng sinh. Những nhân này đều là thông nhân. Thông nhân có hai:

1. Thấu rõ mười phương Tịnh độ.

2. Thấu suốt Tịnh độ ba đời.

Cho nên kinh Quán nói: Như các nghiệp quá khứ, vị lai, hiện tại, ba loại nghiệp này là chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật ba đời.

b. Biệt nhân: Nhân này có vô lượng, nhưng cốt yếu chỉ có hai. Đó là sở cầu và năng cầu.

1. Sở cầu có hai loại:

Phải nêu riêng một phương để tâm chúng sinh có nơi quy hướng. Như nêu riêng thế giới Cực lạc ở phương Tây và cầu vãng sinh về đó. Đây tức là khí thế gian tịnh.

Riêng niệm mỗi một Đức Phật và tôn Đức Phật đó làm bậc sư phạm, còn mình nguyện làm đệ tử để được thân cận cúng dường. Đây tức là chúng sinh thế gian tịnh.

2. Năng cầu: Trong các nhân vừa được nêu ra thì nhân này là chính. Nhân này được phân làm sáu:

1. Chỉ niệm mỗi một danh hiệu Đức Phật A-di-đà.

2. Phải lễ bái.

3. Phải tán thán.

4. Phải phát nguyện.

5. Phải quán sát.

6. Phải hồi hướng.

- Đối với việc niệm Phật, lại có hai phương pháp: Đó là tâm niệm và khẩu niệm:

1. Tâm niệm: có hai.

- Niệm sắc thân Phật: Nghĩa là thân Đức Phật A-di-đà có tám vạn bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám vạn bốn ngàn đức tốt, mỗi đức tốt có tám vạn bốn ngàn quang minh...

- Niệm trí thân Phật: Nghĩa là Đức Phật A-di-đà có năm phần pháp thân, đại Từ đại bi, đầy đủ sức vô úy...

2. Khẩu niệm: Nếu tâm không có khả năng niệm tưởng thì phải nhờ khẩu niệm giúp sức, nhờ khẩu niệm để dẫn tâm, khiến tâm không tán loạn. Như kinh nói: Nếu có người niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà được trăm vạn biến trở lên thì người đó quyết định sẽ sinh về thế giới Cực lạc. Thiền sư Đạo Xước kiểm xét và thấy đúng như kinh đã nói. Nếu người nào trong bảy ngày có thể chuyên tâm niệm Phật thì sẽ được trăm vạn biến. Do nghĩa này mà trong kinh phần nhiều nói "Thất nhật niệm Phật" vậy.

- Phải lễ bái: Mặt phải hướng về Tây phương tưởng niệm Đức Phật A-di-đà như đang đối trước tôn nhan của Ngài, tay dâng hoa hương một cách trang nghiêm, miệng xưng danh hiệu Phật, đảnh lễ ba lạy,

năm vóc sát đất, nguyện sinh về Tây phương, đồng thời nên tán thán và đảnh lễ Bồ-tát Long Thọ mười hai lạy. Nghĩa là kính lạy Đức Phật A-di-đà, đấng Lưỡng túc tôn, được trời, người cung kính, là giáo chủ cõi nước An Lạc vi diệu có vô lượng chúng đệ tử nhiễu quanh... (Phần này do ngài Thiền-na Tam tạng riêng dịch ra).

- Phải tán thán: Phải riêng tán thán Đức Phật A-di-đà, hoặc sắc thân, trí thân hay chánh báo, y báo của Ngài. Khi đứng, ngồi đều hướng thẳng phương Tây như đối trước tôn nhan, nhất tâm tán thán nguyện sinh Tịnh độ. Có thể tụng đọc văn tán thán này trong vãng sinh luận và kệ tụng của Bồ-tát Long Thọ trong Đại thừa Thập trụ Tỳ-bà-sa luận.

- Phải phát nguyện: Chỉ phát nguyện cầu sinh Cực lạc, hoặc nguyện mình vãng sinh, chúng sinh vãng sinh, hoặc nguyện khi lâm chung Đức Phật Thích-ca đưa tiễn, Đức Phật Di-đà đến rước, hoặc nguyện thường dạo chơi Tịnh độ, hoặc nguyện mãi mãi lìa bỏ thai hình, hoặc nguyện khi lâm chung thân tâm an ổn, hoặc nguyện chánh niệm hiện tiền. Đó là tùy tâm mà phát mỗi mỗi sở nguyện như thế. Như bài kệ trong Bảo Tánh luận phát nguyện rằng:

Nhờ các công đức này.
Nguyện vào lúc mạng chung.
Được thấy Phật Di-đà.
Thân vô biên công đức.
Con cùng các tín giả.
Đã thấy Đức Phật rồi.
Nguyện được mắt trong sáng.
Chứng vô thượng Bồ-đề.

- Phải quán sát: Phải riêng nêu y báo, chánh báo cõi Tây phương, mỗi mỗi đều quán sát. Như mười sáu pháp quán trong kinh Quán, bảy pháp trước là y báo, chín pháp sau là chánh báo. Lại như trong Vãng sinh luận, về y báo có mười bảy việc trang nghiêm, còn đối với chánh báo thì Phật có tám việc trang nghiêm, các vị Bồ-tát chỉ có bốn. Trong các việc trang nghiêm của y báo, chánh báo của Phật mỗi mỗi quán sát, nếu quán một pháp được thành tựu thế nhất định vãng sinh.

- Phải hồi hướng: Trong pháp này có hai:

1. Đem công đức của mình hồi hướng cho chúng sinh cùng sinh Tịnh độ.

2. Đem công đức mà mình tạo ra từ trước đến nay và công đức đời này, hoặc nhiều hay ít, hoặc phước hay trí đều nguyện hồi hướng cầu sinh về cõi Cực lạc.

Hỏi: Như trên ngài đã nói rõ Thông nhân và Biệt nhân, nhưng tu cả hai nhân này là điều rất khó. Vì phàm phu trí cạn sức yếu, e họ nghĩ rằng mình sẽ mất phần. Vì thế nay mong Ngài rút ra những điều cốt yếu và nói một cách sơ lược .

Đáp: Trên nói rõ Thông nhân và Biệt nhân là đã đầy đủ cho bậc thượng căn, còn như đối với hàng trung căn, hạ căn thì tóm yếu chỉ có năm pháp:

a. Trước phải sám hối tất cả ác nghiệp chướng đạo từ vô thỉ đến nay, vì sợ rằng những ác nghiệp này sẽ ngăn trở việc vãng sinh Tịnh độ. Đây là những điều mà kinh Phương Đẳng, kinh Phật Danh đã nói.

b. Phải phát tâm Bồ-đề: Nếu không phát tâm Bồ-đề thì hành giả sẽ tránh khổ chạy theo thú vui, e rằng không được vãng sinh. Tâm Bồ-đề lược có ba:

- Tâm đoạn tất cả điều ác.
- Tâm tu tất cả điều thiện.
- Tâm hóa độ tất cả chúng sinh.

(Đây là dựa vào kinh Vô Lượng Thọ. Như vãng sinh và ba bậc, bậc nào cũng đều nói đến việc phát tâm Bồ-đề).

c. Phải chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà, trang nghiêm riêng một đạo tràng, đốt hương rải hoa, đèn nhan đầy đủ, thỉnh một tôn tượng Đức Phật A-di-đà an vị trong đó. Mặt tôn tượng hướng về phía Đông, hành giả hướng về phía Tây, hoặc trong bảy ngày (kinh A-di-đà nói bảy ngày), hoặc mười ngày (kinh Cổ Âm Thinh Vương, kinh Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác nói mười ngày), giảm bớt ngủ nghỉ, trừ bỏ tán loạn. Chỉ trừ khi đại tiện, tiểu tiện và ăn cơm. Phải nhất tâm chuyên niệm, lúc phiền muộn liền khởi niệm, không phải lễ bái, đi nhiễu. Chỉ niệm Phật trong bảy ngày đầy đủ kỳ hạn, sau khi rời đạo tràng, dù có đi đứng ngồi nằm, hoặc lúc nhàn hạ cũng phải luôn luôn niệm Phật, thường niệm danh hiệu Phật có ba lợi ích:

- Do thường niệm nên các giác quán ác rốt ráo không sinh, cũng được tiêu trừ chướng nghiệp.
- Do thường niệm nên thiện căn tăng trưởng, cũng là gieo trồng nhân duyên thấy Phật.
- Do thường niệm nên sự huân tập được sâu dày sắc bén, đến khi mạng chung chánh niệm hiện tiền.

d. Phải quán sát tổng tướng thế giới Cực lạc, nghĩa là quán sát đất ao, lầu gác, vườn rừng như thế, Đức Phật A-di-đà như thế, tòa sen, tướng hảo như thế, đồ chúng và sự thuyết pháp của Ngài như thế (đây

là cách giáo hóa chúng sinh trong kinh Đại tập Hiền Hộ). Người nào quán sát tổng tướng như thế thì nhất định được vãng sinh, vì tam giới do tâm tạo vậy.

e. Đem các công đức mình tạo ra hoặc ở quá khứ hoặc trong đời này đều hồi hướng nguyện sinh về cõi nước An Lạc.

Nếu hành giả có thể tu hành đầy đủ năm pháp trên đây thì ắt được vãng sinh, xin chớ nghi ngờ. Như kinh Pháp Hoa nói: "Ta nay vì ông mà bảo đảm việc này, nhất định không hư dối." Tôi cũng như thế, xin bảo đảm việc này, nhất định không dối gạt các ông vậy.

■

TỊNH ĐỘ LUẬN

QUYỂN TRUNG

CHƯƠNG IV

Nêu đạo lý: Gồm hai phần:

- Nương đạo lý gì được vãng sinh Tịnh độ.
- Hỏi đáp phân biệt để giải thích những điều vấn nạn.

Nương đạo lý gì được vãng sinh Tịnh độ.

Hỏi: Phàm vì hạnh nghiệp có nhiều phức tạp nên phàm phu chẳng biết mối manh. Khổ vui hai đường sai khác, hàng Nhị thừa chưa đạt được cội nguồn. Còn luân hồi thì quanh quẩn sáu đường, được xuất thế thì tam thừa riêng lối. Nếu căn cứ nơi lý thì vạn pháp đều bình đẳng nhất như, còn đứng về giáo thì có liễu nghĩa và bất liễu nghĩa. Nay cõi Tây phương Tịnh độ chính là do thệ nguyện rộng lớn của ngài Pháp Tạng tạo thành, đấng Pháp vương siêu việt các Thánh. Thế giới Cực lạc lấp lánh ngàn trân bảo, đấng Thánh chúa muôn đức tướng rõ ràng. Đối với nhân và độ này, các bậc Bồ-tát dưới thập địa đều chẳng thể thấy biết đặt chân, tuy kinh luận có nói tất cả chúng sinh đều được vãng sinh, nhưng e rằng đó là lời bịp thời ý. Nay nương đạo lý gì phán định tất cả chúng sinh đều được vãng sinh? Điều này khiến người đạo, kẻ tục đều nghi, mong được nghe Ngài khai mở ý chỉ.

Đáp: Chỉ vì Thánh giáo phạm vi rộng rãi nên thật khó cứu xét, hạnh nghiệp buộc chặt ai có thể nghiên tầm? Nay tôi lại kiểm xem Thánh giáo, cứu xét đạo lý khiến con đường vãng sinh được rõ ràng như thấy vật trong lòng bàn tay. Như Nhiếp Đại thừa luận nói: Phàm muốn chứng minh ắt phải nhờ đến hai giáo môn kinh và luận. A-tỳ-đạt-ma lấy lý làm thù thắng, còn Tu-đa-la thì lấy giáo làm chính. Trong giáo ắt có lý, lý ắt thuận giáo. Nay hãy xét lý, sau mới dẫn giáo. Đối với việc xét lý thì khi xem kinh tạng thấy trong đó có ẩn, hiển hai thuyết, nghĩa là kinh liễu nghĩa và kinh bất liễu nghĩa. Kinh liễu nghĩa thì rốt ráo không phá, còn đối với kinh bất liễu nghĩa, trải qua các thời Đức Phật thuyết pháp cho đến trên hội Niết-bàn, các kinh này đều được dẫn ra

nhưng chưa quyết định phá. Duy một giáo môn Tịnh độ là không bị liệt vào những quan điểm bị phá, nên biết kinh này là kinh liễu nghĩa vậy. Lại các vị Bồ-tát tạo luận là để giải thích kinh Phật, đối với kinh bất liễu nghĩa thì phá, còn kinh liễu nghĩa thì các ngài tán thán. Một giáo môn Tịnh độ này ở trong các bộ luận, các vị Bồ-tát đều tán thán mà không phá điểm nào, thế thì nên biết kinh này là kinh liễu nghĩa vậy.

Hỏi: Như Nhiếp Đại thừa luận giải thích là biệt thời ý, há chẳng phải là phá ư?

Đáp: Những điều mà luận kia nói rõ là có biệt thời và có chẳng biệt thời. Như chỉ có phát nguyện thôi tức là biệt thời, còn hạnh nguyện đều tu thì chẳng phải là biệt thời. Nếu Bồ-tát Thiên Thân phán là biệt thời ý, thì vì sao đoạn văn phần sau trong Nhiếp luận nói về việc đem công đức tạo luận hồi hướng cho chúng sinh, nguyện vãng sinh Tịnh độ? Vì sao ngài trước tác vãng sinh luận khuyên người ta vãng sinh? Lại nữa, như kinh Quán dạy phải khởi ý nguyện cầu vãng sinh, là do chuyện bà Vi-đề-hy sinh A-xà-thế, người con tạo tội ngũ nghịch, nhân đó nhàm chán thế gian đầy ngũ trược mà nguyện sinh về Cực-lạc, Đức Phật vì nhân duyên đó bèn nói ba phước tịnh nghiệp và mười sáu pháp quán khuyên chúng sinh cầu vãng sinh. Cho đến kẻ tạo tội thập ác, ngũ nghịch, hết thảy đều khuyên vãng sinh, đó là ý nguyện của giáo chủ cõi Tịnh độ. Thế nên thân ở thế gian ngũ trược, lại sinh con ngỗ nghịch, mà Phật cũng bảo là đều được vãng sinh, vậy nên biết rằng phàm phu hiện ở trong thế gian ngũ trược, cũng đều được vãng sinh. Lý này đã rõ ràng vậy.

Hỏi: Bà Vi-đề-hy là đại Bồ-tát, vì muốn hóa độ chúng sinh mà thị hiện thọ nữ thân, sinh nghịch tử, há thật là phàm phu ư?

Đáp: Dầu bà thật là Bồ-tát thị hiện thọ thân nữ hóa độ chúng sinh, thì ắt phải ẩn thật đức của mình, thị hiện giống như phàm phu để nhiếp hóa đồng loại, như năm trăm thị nữ của bà cũng được Phật huyền ký là được vãng sinh, và vị lai, tất cả nữ nhân, nam tử dù là hạn phàm phu cũng vãng sinh. Như các vị Bồ-tát, hoặc hiện thân địa ngục để dẫn dắt chúng sinh trong địa ngục, như trong kinh Phương Đẳng có Bà Tẩu tiên nhân... Hoặc hiện thân súc sinh để dẫn dắt chúng sinh trong đường súc sinh, như các con ong chúa, ngỗng chúa, kiến chúa trong kinh Niết-bàn. Hoặc hiện thân làm người tạo tội ngũ nghịch để dẫn dắt chúng sinh ngũ nghịch như vua A-xà-thế, Đề-bà đạt-đa... Những vị này đều thuộc Bồ-tát năng hóa là giả hiện còn chúng sinh sở hóa là thật. Như bà Vi-đề-hy thị hiện làm thân phàm phu trong hiện tại ở thế gian ngũ trược, phải

biết như thế là để dẫn dắt phàm phu trong thế gian ngũ trược được vãng sinh Cực lạc. Nên kinh Quán nói: Đức Phật bảo bà Vi-đề-hy rằng: Bà là phàm phu chưa được thiên nhãn không thể thấy xa, nhưng Như Lai có phương tiện thù thắng khiến bà được thấy. Lại nữa, nguyện đầu trong bốn mươi tám đại nguyện của Tỳ-kheo Pháp Tạng, thì nguyện đầu tiên đều là vì tất cả phàm phu, sau kế mới vì các bậc Thánh tam thừa; cho nên phải biết tông ý của pháp môn Tịnh độ vốn là vì phàm phu, sau mới vì các Thánh nhân vậy. Lại nữa, như các vị Bồ-tát từ Thập giải trở lên lưu hoặc thọ sinh chốn ác đạo, nguyện cứu khổ chúng sinh mà không nguyện sinh về Tịnh độ, vì tùy ý vận dụng nghiệp lực của mình nên không bị đọa vào ác đạo. Cho nên phải biết rằng hàng phàm phu do chưa khỏi ác đạo nên phải nguyện sinh về Tịnh độ còn các vị Bồ-tát từ Thập giải trở lên không sợ sinh vào ác đạo nên các ngài không nguyện sinh về Tịnh độ. Vì vậy nên biết ý nguyện thiết lập Tịnh độ là vì phàm phu, chẳng phải vì Bồ-tát vậy.

Lại một môn Tịnh độ này trong các kinh, các luận đã nói rõ, nếu là lời bất liễu nghĩa thì vì sao chư Phật và các vị Bồ-tát khuyên dạy chúng sinh một cách ân cần như thế? Thậm chí mười phương chư Phật, nơi đâu các Ngài cũng đều xuất tướng lưỡi rộng dài để chứng minh những lời Đức Phật Thích-ca nói và khuyên dạy chúng sinh. Thế thì đây há là lời bất liễu nghĩa ư? Lại nữa, từ thời thượng cổ trở lại, các bậc đại đức danh tăng và các vị nho sĩ sáng suốt trong đời đều tu hạnh Tịnh độ, như pháp sư Tuệ Viễn ở Lô sơn, pháp sư Tăng Duệ, các ông Lưu Di Dân, Tạ Linh Vận, cho đến thời cận đại có thiền sư Đạo Xước, những vị này khi lâm chung đều cảm được đài sen rực rỡ, nhiều tướng lạ và Thánh chúng đến tiếp rước. Những việc này được chép ra từ những truyện riêng của các ngài. Các bậc Đại đức, trí nhân này đã ưa thích cõi Tịnh độ như thế, người tu đời sau chỉ cần noi theo các bậc minh triết tiền bối, chẳng nên nghi ngờ.

Lại trước có hỏi: Cõi Tịnh độ lấp lánh ngàn trân bảo, Đức Phật Di-đà muôn đức tướng rỡ ràng, đối với nhân và độ này các bậc Bồ-tát dưới thập địa đều chẳng thể thấy biết đặt chân?

Đáp: Theo nghĩa này, nếu luận về Thật báo nhân độ thì đúng như điều ông đã hỏi, nhưng nếu là sự Tịnh độ và hóa Tịnh độ thì, lý không phải như thế. Như sự độ báo thân thì đó là cõi mà các vị Bồ-tát từ thập địa trở lên thấy được, còn Tích thân hóa độ thì đó là cõi mà các vị Bồ-tát trước thập địa thấy biết đặt chân. Nếu cả hai chẳng phải là cảnh giới của các vị Bồ-tát dưới thập địa thì Thánh nhân không thể hóa độ chúng

sinh, còn chúng sinh sẽ mất phần chứng Thánh. Nếu đầy đủ hai nghĩa sau thì được vãng sinh:

1. Tất cả chúng sinh lấy việc tu hành làm nhân duyên.

2. Lấy bổn nguyện của Đức Phật Di-đà làm tăng thượng duyên.

Hai nghĩa này nếu đầy đủ thì được vãng sinh.

Cho nên Khởi Tín luận nói: Các pháp Phật có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ mới được thành tựu. Đã có các đạo lý như thế nên chúng sinh tu hành đều được vãng sinh vậy.

b. Hỏi, đáp phân biệt để giải thích những điều vấn nạn.

Hỏi: Chư Phật thuyết pháp tùy theo căn cơ chúng sinh, ý thú khó hiểu, nếu chẳng luận bàn giải thích thì ý chỉ u huyền khó thông. Như Thành Thật luận nói: Vì luận về kinh nên nghĩa kinh hiểu được dễ dàng. Cho nên, Bồ-tát Vô Trước âm thầm thấu triệt tâm Phật, tỏ rõ yếu chỉ các kinh, trình bày sơ lược nghĩa bốn ý, bốn ý, như đối với một pháp môn Tịnh độ, Ngài nêu ra biệt thời ý. Nay lại nói nếu chúng sinh niệm Phật tu hành thì được vãng sinh là nghĩa thế nào?

Đáp: Như luận kinh nói là biệt thời, còn các kinh khác nói chẳng phải biệt thời, há có thể đem nghĩa biệt thời vấn nạn nghĩa chẳng biệt thời ư?

Hỏi: Vì sao luận thì nói là biệt thời, còn các kinh khác lại nói chẳng phải là biệt thời?

Đáp: Vì luận kia chỉ căn cứ vào việc phát nguyện suông mà không bàn về việc tu hành, còn các kinh khác bàn cả việc tu hành nữa. Như trong kinh Phật nói nếu chúng sinh nào phát nguyện thì được vãng sinh, đó đều là lời biệt thời ý chứ không phải sinh ngay lập tức. Như tiểu kinh A-di-đà nói: "Nếu có người đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện sinh về cõi nước kia, thì người đó hoặc đã vãng sinh, hoặc nay vãng sinh, hoặc sẽ vãng sinh." Các kinh nói như nguyện đều là lời biệt thời ý chứ không phải sinh ngay lập tức. Còn như các kinh Tịnh độ hoặc nói rõ ba phước tịnh nghiệp, mười sáu phép quán, hoặc dạy chúng sinh phát tâm Bồ-đề, bảy ngày niệm Phật, hoặc dạy phát nguyện hồi hướng, mười niệm vãng sinh, nếu tu hành theo lời dạy của các kinh này thì tất cả chúng sinh đều được vãng sinh, tức chẳng phải biệt thời. Cho nên luận kia nói: Vì chỉ phát nguyện nên đó là biệt thời ý. Đã phát nguyện suông, lý là biệt thời vậy.

Hỏi: Như Vãng Sinh luận nói: Người nữ, người thiếu căn và hàng Nhị thừa không được vãng sinh, vì sao ở đây nói người nữ... ba hạng người này cũng được vãng sinh?

Đáp: Đúng vậy. Ba loại nghiệp chủng này theo lý thì không được vãng sinh. Nếu chúng sinh không thuộc ba loại nghiệp này thì nhất định vãng sinh. Ba loại nghiệp chủng là gì?

1. Người nữ: Trong cõi Sa-bà có nam lẫn nữ, vì gieo trồng nhân nữ nên quyết định chiệu cảm quả nữ tướng, người này dầu có tu hạnh Tịnh độ cũng không được vãng sinh, vì trong cõi Tịnh độ không có người nữ. Nghiệp này là tịnh nghiệp không thể cải đổi, đây tức là nghiệp chướng.

2. Người thiếu căn: Nếu trong cõi này con người gieo trồng các nhân như đui điếc, câm, ngọng cũng không được vãng sinh, vì trong cõi Tịnh độ mọi người đều đủ ba mươi hai tướng đại trượng phu. Đây cũng là nghiệp chướng.

3. Nhị thừa: Nếu là bậc hữu học Nhị thừa và bậc trong Nhị thừa phương tiện đạo, vì những vị này gieo trồng định nhân Nhị thừa, không tin có Đại thừa và mười phương Tịnh độ, cũng không được vãng sinh. Vì những vị này là hàng ngu pháp Nhị thừa không tin có mười phương chư Phật và mười phương Tịnh độ nên không chịu phát nguyện hồi hướng vậy. Đây tức là hạng người quyết định Tiểu thừa, chướng ngại Đại thừa.

Nghiệp chủng mà luận kia nói là định nghiệp chủng, những vị nào không thuộc ba loại định nghiệp này thì đều được vãng sinh vậy.

Hỏi: Nếu ba loại định nghiệp kể trên của cõi này không được vãng sinh, thì vì sao trong kinh Quán lại nói: Người nào thọ trì năm giới... thì được vãng sinh, sinh về cõi kia nghe Đức Phật nói lý Tứ đế ngộ được quả A-la-hán... những vị này há chẳng phải là định chủng Tiểu thừa?

Đáp: Đây là hạng người chẳng ngu pháp tin có mười phương chư Phật, và vì cầu vãng sinh Tịnh độ mà phát nguyện hồi hướng mới được vãng sinh. Những vị này sau khi được chứng quả rồi, Đức Phật sẽ thuyết kinh Pháp Hoa cho họ nghe, để họ hồi tâm hướng về Đại thừa. Đây là văn của Luận Trí Độ. Còn như luận về bậc Vô học Nhị thừa thì bất luận là hàng ngu pháp hay không ngu pháp, tất cả đều được sinh về cõi Tịnh độ, vì những vị này chỉ thọ biến dịch sinh tử, không còn thọ sinh vào cõi nào trong tam giới nữa.

Hỏi: Ác nghiệp của chúng sinh tích chứa nhiều như núi, các ác nghiệp này chướng ngăn việc vãng sinh Tịnh độ, vì vậy không thể dùng chút ít thiện căn để tiêu trừ ác nghiệp, thế thì vì sao kinh Quán nói rằng khi thọ mạng sắp hết chỉ cần niệm mười danh hiệu Phật thì được vãng sinh?

Đáp: Tâm là chủ của nghiệp, là gốc của việc dẫn sinh. Tâm lúc lâm chung cũng như con mắt, nó có thể dẫn tất cả các nghiệp. Nếu tâm lúc lâm chung là ác, thì nó có thể dẫn tất cả ác nghiệp sinh vào ác đạo, còn nếu tâm lúc lâm chung là thiện thì nó có thể dẫn tất cả thiện nghiệp sinh vào thiện đạo. Thí như rồng bay thì mây theo, tâm hướng về Tây phương Tịnh độ thì nghiệp cũng đi cùng. Đây là văn của các kinh luận.

Hỏi: Như mười niệm mà kinh Di-lặc sở vấn nói: Chẳng phải là niệm của phàm phu mà là niệm đã gạn lọc kiết sử. Nay chúng sinh cõi này thể là phàm phu, kiết sử chưa đoạn thì làm sao niệm Phật mà được vãng sinh?

Đáp: Nếu như kinh kia nói không còn kiết sử mới được vãng sinh thì chỉ có Phật mới vãng sinh mà thôi, ngoài ra tất cả đều không thể, vì các bậc Bồ-tát sau thập địa cũng còn hai loại vô minh. Cho nên nay giải thích kinh kia rằng:

Niệm của phàm phu: nếu không phát tâm Bồ-đề mà cầu ra khỏi tam giới làm Phật, chỉ lo niệm Phật cầu sinh Tây phương, làm lợi cho riêng mình, tránh khổ tìm vui thì đây là phàm phu niệm, cũng không được vãng sinh. Thế nên ba hạng người vãng sinh mà kinh Vô Lượng Thọ nói đều phải phát tâm Bồ-đề.

Niệm không còn kiết sử xen tạp: Duy phải nhất tâm nối nhau quán tưởng tướng tốt của Phật. Nếu miệng niệm Phật mà tâm lại chạy theo ngũ dục thì đó là niệm còn kiết sử xen tạp. Niệm Phật tâm phải thuần tịnh, tâm này trái với tâm kiết sử, nếu được như thế thì việc niệm Phật đúng như kinh kia đã nói.

CHƯƠNG V

Dẫn Thánh Giáo Làm Chứng.

(Dẫn hai Giáo Kinh Luận)

Kinh, dẫn mười hai bộ:

1. Kinh Vô Lượng Thọ.
2. kinh Quán.
3. Kinh Tiểu Di-đà.
4. Kinh Cổ Âm Thanh Vương.
5. Kinh Xưng Dương Chư Phật Công Đức.
6. Kinh Phát Giác Tịnh Tâm.
7. Kinh Đại Tập.
8. Kinh Thập Phương Vãng Sinh.
9. Kinh Dược Sư.

10. Kinh Ban Châu.
11. Kinh Đại A-di-đà.
12. Kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Giác.

- Luận, dẫn bảy bộ:

1. Vãng Sinh luận.
2. Khởi Tín luận.
3. Thập trụ Tỳ-bà-sa luận.
4. Nhất thiết kinh trung Di-đà kệ.
5. Bảo Tánh luận.
6. Long Thọ Thập nhị lễ.
7. Nhiếp Đại thừa luận.

Hỏi: Như trên ngài đã nêu ra đạo lý, tôi đã biết được nguyện và hạnh giúp nhau mới được vãng sinh Tịnh độ, điều này chẳng phải là biệt thời ý, nhưng chưa biết có Thánh giáo nào để làm chứng chăng?

Đáp: Nay tôi sẽ dẫn hai giáo kinh luận làm chứng.

A. Dẫn kinh.

1. Kinh Vô Lượng Thọ.

Như kinh Vô Lượng Thọ quyển 1 nói về các lời nguyện của Đức Phật A-di-đà:

Sau khi tôi thành Phật, nếu trong cõi nước tôi có ba đường ác: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, nếu các hàng trời người trong cõi nước tôi còn nghe đến tên bất thiện thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, các hàng trời người trong cõi nước tôi nếu sau khi mạng chung lại đọa vào ba đường ác thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, các hàng trời người trong cõi nước tôi nếu không trụ chánh định cho đến ngày diệt độ thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, các hàng trời người trong cõi nước tôi thọ mạng không thể hạn lượng, trừ bổn nguyện của những vị đó muốn kéo dài hay thâu ngắn một cách tự tại, nếu không như thế thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, chúng sinh trong mười phương chí tâm tin ưa muốn sinh về nước tôi, niệm danh hiệu Phật đến mười lần, nếu chúng sinh đó không được vãng sinh thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi chánh giác, chỉ trừ những người tạo tội ngũ nghịch cùng phỉ báng Chánh pháp.

Sau khi tôi thành Phật, có chúng sinh nào trong mười phương phát tâm Bồ-đề tu các công đức, chí tâm phát nguyện muốn sinh về nước tôi, khi sắp mạng chung, nếu tôi không cùng đại chúng hiện thân nhiễu quanh trước người đó thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, có chúng sinh nào trong mười phương nghe danh hiệu tôi, luôn nhớ nghĩ đến nước tôi mà gieo trồng các công đức, chí tâm hồi hướng muốn vãng sinh, nếu chúng sinh đó không được toại nguyện thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, vô lượng chúng sinh trong các thế giới của chư Phật mười phương nếu nghe đến danh hiệu tôi mà không được vô sinh pháp nhẫn, các pháp Tổng trì sâu xa thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, nếu có người nữ nào trong vô lượng thế giới của chư Phật mười phương không thể nghĩ bàn nghe danh hiệu tôi, hoan hỷ tín mộ phát tâm Bồ-đề, nhàm chán thân nữ mà sau khi mạng chung còn sinh lại làm thân nữ nữa thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Sau khi tôi thành Phật, những tịnh lạc mà các hàng trời người trong cõi nước tôi hưởng thụ nếu không như các vị Tỳ-kheo đã được lậu tận thì tôi nguyện sẽ không ở ngôi Chánh giác.

Giải thích: Theo văn bốn mươi tám đại nguyện này thì trong hầu hết các nguyện đều nói đến các hàng trời người, cho đến người nữ ở mười phương, mà không kể là các vị Bồ-tát bất thoái trở lên, còn những nguyện khác là vì các vị Bồ-tát; như thế đủ biết những nguyện trước là chính yếu, những nguyện sau là thứ yếu vậy.

Lại như kinh Vô Lượng Thọ quyển hai nói: Đức Phật bảo ngài A-nan rằng: Nếu chúng sinh nào được sinh về nước kia thì hết thảy đều trụ chánh định. Vì sao?

Vì trong cõi nước của Đức Phật A-di-đà không có tên tà định và bất định. Hằng sa chư Phật, Như Lai trong mười phương đều cùng tán thán công đức oai thần không thể nghĩ bàn của Đức Phật Vô Lượng Thọ. Có chúng sinh nào nghe đến danh hiệu của Ngài, tín tâm hoan hỷ nhẫn đến một niệm chí thành hồi hướng nguyện sinh về nước kia liền được vãng sinh, đến địa vị bất thoái chuyển, chỉ trừ người tạo tội ngũ nghịch và phỉ báng chánh pháp.

Đức Phật bảo Ngài A-nan rằng: Các hàng trời, người v.v... trong mười phương thế giới những ai chí tâm nguyện sinh về nước kia thường có ba bậc: Sinh vào bậc thượng là những ai từ bỏ gia đình và thú vui

ngũ dục, làm bậc Sa-môn phát tâm Bồ-đề, một lòng chuyên niệm danh hiệu Đức Phật Vô Lượng Thọ, tu các công đức nguyện sinh về nước kia. Những vị này lúc lâm chung, Đức Phật Vô Lượng Thọ cùng đại chúng hiện ra trước mặt, liền theo Phật sinh về nước của Ngài, tự nhiên hóa sinh trong hoa thất bảo, trụ bất thoái chuyển, phước tuệ dõng mãnh thần thông tự tại. Thế nên, này A-nan! Nếu chúng sinh nào muốn thấy Đức Phật Vô Lượng Thọ ngay trong đời này thì nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tu các công đức nguyện sinh về nước ấy.

Đức Phật bảo ngài A-nan rằng: Sinh vào bậc trung là dân chúng trời, người trong mười phương thế giới chí tâm nguyện sinh về nước kia, tuy không thể xuất gia làm bậc Sa-môn tu các công đức lớn, nhưng phải phát tâm vô thượng Bồ-đề, một lòng chuyên niệm danh hiệu Đức Phật Vô lượng Thọ, bao nhiêu công đức tu thiện như vâng giữ trai giới, xây tháp tạo tượng, cúng dường các thức ăn uống cho các vị Sa-môn, giăng lụa thắp đèn, rải hoa đốt hương đều đem hồi hướng nguyện sinh về nước ấy. Khi lâm chung, Đức Phật Vô lượng Thọ sẽ hóa thân có đầy đủ tướng tốt, quang minh rực rỡ như chân thân Phật cùng các đại chúng hiện ra trước mặt, vị đó liền theo Phật sinh về nước của Ngài, trụ bất thoái chuyển. Nhờ thắng duyên tu hành ở đây nên công đức trí tuệ mỗi ngày thêm lớn, về sau vị này sẽ được sinh vào bậc Thượng vậy.

Đức Phật bảo ngài A-nan rằng: Sinh vào bậc hạ là dân chúng trời, người trong mười phương thế giới chí tâm muốn sinh về nước kia, giả sử không thể tạo các công đức cũng phải phát tâm vô thượng Bồ-đề, một lòng chuyên niệm nhẫn đến niệm mười niệm Đức Phật Vô Lượng Thọ để nguyện sinh về nước Ngài. Nếu khi nghe diệu pháp hoan hỷ tin ưa không sinh tâm nghi hoặc, nhẫn đến niệm danh hiệu Đức Phật kia một niệm thành tâm nguyện sinh về nước kia, người này khi lâm chung trong mộng thấy Phật, cũng được vãng sinh. Về sau, công đức trí tuệ của vị này cũng được như người sinh vào bậc trung vậy.

2. Kinh Quán.

Như trong kinh Quán có đoạn nói: Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Thái hậu Vi-đề-hy rằng: Bà nay có biết chăng? Cõi nước của Đức Phật A-di-đà cách đây không xa, bà nên để tâm xét kỹ tịnh nghiệp mà nước kia thành tựu. Ta nay sẽ nói rộng các thí dụ cho bà nghe, cũng khiến cho tất cả phàm phu đời vị lai, muốn tu tịnh nghiệp được sinh về cõi nước Cực lạc ở phương Tây. Những ai muốn sinh về nước kia phải tu ba loại phước nghiệp:

1. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, tâm Từ bi không sát

hại, tu mười nghiệp lành.

2. Thọ trì tam quy, giữ gìn giới luật đầy đủ, không sai phạm oai nghi.

3. Phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tụng kinh điển Đại thừa, khuyên bảo người tu hành tinh tấn.

Ba việc như thế gọi là tịnh nghiệp.

Đức Phật bảo Thái hậu Vi-đề-hy rằng: Bà nay có biết chăng? Ba loại nghiệp này là chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật quá khứ, vị lai và hiện tại.

Đức Phật bảo ngài A-nan và Thái hậu Vi-đề-hy rằng: Hạ phẩm hạ sinh là các chúng sinh tạo nghiệp bất thiện như năm tội nghịch, mười điều ác, đủ các điều bất thiện; người ngu như thế vì tạo nghiệp ác nên phải đọa ác đạo, trải qua nhiều kiếp thọ khổ vô cùng. Người đó khi sắp mạng chung, gặp thiện tri thức an ủi đủ điều, thuyết diệu pháp cho nghe và dạy niệm Phật. Lúc ấy, bị khổ đau bức bách không kịp niệm Phật, được thiện hữu bảo rằng: "Ông nếu không thể niệm Phật thì phải xưng danh hiệu Đức Phật Vô Lượng Thọ". Nếu chí tâm niệm đủ mười lần câu "Nam-mô Phật" không gián đoạn, thì trong mỗi niệm trừ được các tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Sau khi mạng chung thấy hoa sen vàng rực rỡ như vầng thái dương ở trước mặt, trong khoảng một niệm liền được sinh về thế giới Cực lạc. Ở trong hoa sen, đủ mười hai đại kiếp hoa sen mới nở, lúc đó Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí dùng âm thanh đại bi nói rộng thật tướng các pháp cho nghe để diệt trừ các tội. Nghe rồi hoan hỷ liền phát tâm Bồ-đề, như thế người đó được hạ phẩm hạ sinh. Đây là tướng vãng sinh của hạng người bậc hạ, cũng gọi là phép quán tưởng thứ mười sáu.

Giải thích: Căn cứ việc vãng sinh vào chín phẩm thì đều chia ba phẩm phán tịnh nghiệp đầu ra làm nhân chín phẩm, nhưng một người cũng chẳng phải tu đủ ba phẩm phước tịnh nghiệp mới được vãng sinh.

3. Kinh Tiểu Di-đà.

Kinh Tiểu Di-đà nói rằng: Này Xá-lợi-phất! Chúng sinh nghe rồi nên phát nguyện sinh về nước kia. Vì sao? Vì được cùng tụ hội với các bậc thượng thiện như thế đồng một chỗ.

Này Xá-lợi-phất! Không thể lấy chút ít thiện căn phước đức làm nhân duyên sinh về nước kia. Xá-lợi-phất! Nếu có người thiện nam, người thiện nào nghe nói về Đức Phật A-di-đà rồi chấp trì danh hiệu Ngài hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày nhất tâm bất loạn thì người đó

khi sắp mạng chung, Đức Phật A-di-đà cùng Thánh chúng hiện ra trước mặt, người đó khi mạng chung tâm không điên đảo liền được sinh về cõi nước Cực lạc của Đức Phật A-di-đà. Này Xá-lợi-phất! Ta thấy lợi ích như thế nên nói những lời này, nếu có chúng sinh nghe rồi nên phát nguyện sinh về cõi kia.

Giải thích: Theo kinh này, chút ít thiện căn là chỉ phát nguyện suông, còn thiện căn rộng lớn là bảy ngày niệm Phật. Nếu có thể trong bảy ngày niệm Phật đủ trăm vạn biến thì được vãng sinh vậy.

4. Kinh Cổ Âm Thanh Vương.

Kinh Cổ Âm Thanh Vương nói: Tôi nghe như vầy: Một thuở nọ Đức Phật cùng tụ hội với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người tại ao Già Linh trong đại thành Chiêm-ba. Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các vị Tỳ-kheo rằng: “Nay ta sẽ nói rộng về thế giới An Lạc ở phương Tây cho các ông nghe, cõi đó hiện có Đức Phật hiệu là A-di-đà. Nếu tứ chúng có thể thọ trì danh hiệu Đức Phật ấy thuần tịnh thì nhờ công đức này, lúc sắp mạng chung Đức Phật A-di-đà cùng đại chúng đến trước người đó để cho người đó thấy, khi thấy Phật rồi liền sinh tâm vui mừng, tăng trưởng công đức. Nhờ nhân duyên này, khi sinh ra nơi nào, người đó cũng vĩnh viễn lìa khỏi bào thai với hình hài ô uế chứa nhiều ham muốn, thuần tự hóa sinh trong hoa sen báu tịnh diệu, đủ đại thần thông quang minh rực rỡ.” Bấy giờ hằng sa chư Phật trong mười phương đều tán thán thế giới An Lạc, nơi mà Phật pháp không thể nghĩ bàn, thần thông hóa hiện đủ các phương tiện không thể nghĩ bàn. Nếu người nào có thể tin những việc như thế, phải biết người đó không thể nghĩ bàn, quả báu mà họ đạt được cũng không thể nghĩ bàn.

Đức Phật A-di-đà Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri cùng tụ hỏi cùng với các vị Thanh văn . Cõi nước đó hiệu là Thanh thái, thành của Thánh vương ở dài rộng mười ngàn do-tuần, bên trong đông đủ các hàng người thuộc dòng Sát-đế-lợi. Đức Phật A-di-đà Như Lai Ứng cúng Chánh Biến tri có cha tên Nguyệt Thượng. Chuyển luân Thánh vương, mẹ tên Thù Thắng Diệu Nhan, con tên là Nguyệt Minh, các đệ tử phụng sự tên là Vô Cấu Xứng, đệ tử trí tuệ đệ nhất tên là Lãm Quang đệ tử thần thông đệ nhất tên là Đại Hóa. Bấy giờ Ma vương tên là Vô Thắng, còn Đề-bà-đạt-đa tên là Tịch Tịnh. Khi ấy, Phật A-di-đà câu hội với chúng đại Tỳ-kheo hai vạn người. Như có người thọ trì danh hiệu Đức Phật kia một cách kiên cố, nhớ niệm không quên thì trong mười ngày mười đêm sẽ trừ bỏ tán loạn. Tinh cần tu tập niệm Phật Tam-muội, biết Đức Như Lai kia thường ở thế giới An Lạc mà nhớ niệm tương tục, đừng

để đứt đoạn, đồng thời thọ trì đọc tụng kinh Cổ Âm Thanh Vương đại Đà-la-ni này mười ngày mười đêm, sáu thời chuyên tụng niệm, năm vóc sát đất kính lễ Đức Phật, giữ chánh niệm kiên cố thì tất cả tán loạn đều được tiêu trừ. Nếu có thể khiến tâm mỗi niệm mỗi niệm không dứt thì trong khoảng mười ngày ắt được thấy Đức Phật A-di-đà, thấy các Đức Như Lai trong mười phương thế giới và cõi nước của các Ngài, chỉ trừ người độn căn chướng nặng thì trong khoảnh khắc hiện tại không thể thấy được. Nếu ai đem tất cả các việc thiện hồi hướng nguyện sinh về thế giới An Lạc thì lúc lâm chung Đức Phật A-di-đà cùng đại chúng hiện ra trước mặt an ủi khen ngợi người đó liền được vãng sinh.

Giải thích: Theo kinh này thì niệm Phật trong khoảng mười ngày sẽ thấy Đức Phật A-di-đà, không kể là lúc mạng chung.

5. Kinh Xưng Dương Chư Phật Công Đức.

Kinh Xưng Dương chư Phật công đức nói: Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Từ đây về phương tây cách mười muôn ức cõi Phật có thế giới tên là An Lạc, trong cõi đó có Đức Phật hiệu A-di-đà Như Lai, Chí chân, Đẳng chánh giác, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự, Thiên nhân sư, Thế Tôn cứu độ vô lượng chúng sinh. Nếu có người nghe được danh hiệu Đức Như Lai Vô Lượng Thọ thì phải một lòng tín mộ thọ trì, phúng niệm, khởi tâm hoan hỷ vô lượng, an lập ý mình, hết lòng chân thành tin tưởng triệt để niệm Đức Như Lai với mười muôn ức tín tâm. Người đó sẽ được vô lượng phước báo, mãi mãi xa lìa khổ ách tam đồ, sau khi mạng chung sẽ được sinh về cõi nước của Ngài. Lúc thọ mạng sắp hết mà một lòng tín mộ, luôn nhớ niệm không quên, thì Đức Phật A-di-đà sẽ cùng các vị Tỳ-kheo đến trước người đó, vì thế các loài ma quỷ trọn không thể phá hoại tâm Đẳng chánh giác này được. Vì sao vậy? Bởi vì Đức Phật kia đã phát khởi tâm đại bi thệ độ tất cả vô lượng chúng sinh đồng thời cũng hộ trì tất cả chúng sinh trong mười phương thế giới. Nếu người nào sinh về thế giới An Lạc thì người đó sẽ được đầy đủ trí tuệ chánh giác của Như Lai.

Này Xá-lợi-phất! Do sức thệ nguyện của Đức Phật Thế Tôn kia, nếu có người cầu thừa thứ hai thì khi sinh về thế giới của Ngài người đó sẽ đầy đủ các pháp của chư Phật Như Lai, đủ chánh giác phần, còn cầu Thanh văn thừa thì sẽ đắc quả A-la-hán ở cõi Phật đó. Nếu có người sinh về cõi Phật kia, theo sở nguyện của mình cầu Đại thừa hay Tiểu thừa thì hết thảy được đầy đủ. Nếu có người tâm tối hậu lúc lâm chung nghe được danh hiệu đức A-di-đà Như Lai và những lời tán thán, một lòng kính tin không có nghi ngờ, chí tâm nhớ nghĩ về Ngài như con thơ

nhớ cha mẹ, khởi ý như thế thì khi ở cõi Phật kia các nguyện vọng thảy đều đầy đủ. Còn những ai không tin công đức tán thán xưng dương danh hiệu Đức Phật A-di-đà lại hủy báng thì người đó trong năm kiếp phải đọa địa ngục, thọ đủ các khổ.

Giải thích: Theo kinh này, niệm Phật như con thơ nhớ cha mẹ mới được vãng sinh.

6. Kinh Phát Giác Tịnh Tâm.

Kinh Phát Giác Tịnh Tâm nói: Lúc bấy giờ Bồ-tát Di-lặc bạch Đức Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn! Như Lai tán thán Đức Di-đà Như Lai và mười thứ phát tâm, trong đó tùy theo tâm phát nguyện, nếu muốn sinh về thế giới kia thì sẽ được vãng sinh. Mười phát tâm nguyện sinh về cõi kia là những gì?

Đức Phật bảo ngài Di-lặc rằng: Mười phát tâm này chẳng phải là điều của hàng tiểu trí, đó là đại sự vậy. Mười phát tâm nguyện sinh về cõi của Đức Phật A-di-đà Như Lai là:

1. Vì tất cả chúng sinh mà phát tâm từ, không sinh sân hận. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi Phật A-di-đà Như Lai.

2. Vì tất cả chúng sinh mà phát tâm bi. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia.

3. Lìa tâm sát sinh, thọ trì chánh pháp. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia.

4. Thà bỏ thân mạng quyết không nhiễm trước tất cả các pháp. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia.

5. Phát tâm nhẫn nhục sâu xa, tu hành với lòng tin thanh tịnh. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia.

6. Không nhiễm danh thơm lợi dưỡng, tất cả tiền của vật báu. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia.

7. Vì tất cả chúng sinh mà sinh tâm quý kính, không có khinh chê. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia.

8. Không kinh hãi, không lo sợ, không nghe những lời lẽ phàm tình. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia.

9. Nhập Bồ-đề phần, đủ các thiện căn. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia.

10. Không rời niệm Phật. Do phát tâm này nên sẽ sinh về cõi kia, xa lìa các tướng.

Này Di-lặc! Đối với mười tâm này, nếu các vị Bồ-tát đều phát tất cả mà giữ được một nguyện đầy đủ thì sẽ được sinh về cõi Phật A-di-đà; nếu như chẳng vãng sinh thì không có lễ đó.

Giải thích: Mười tâm này chẳng phải là mười niệm trong kinh Quán. Mười tâm thì được phát lúc hiện tiền, còn mười niệm trong kinh Quán nói được phát nguyện lúc sắp mạng chung vậy.

7. Kinh Đại Tập.

Như kinh Đại Tập nói: Đức Phật bảo Bồ-tát Hiền Hộ rằng: "Trong đó, những pháp Tam-muội gì hay sinh các công đức như thế? Đó là, tư duy các pháp Tam-muội hiện tiền của chư Phật hay sinh các công đức như thế. Lại nữa, này Hiền Hộ, Bồ-tát tư duy các pháp Tam-muội hiện tiền của chư Phật như thế nào? Này Hiền Hộ, như có vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nào trì giới thanh tịnh, các hạnh đầy đủ, ở một mình nơi thanh vắng, tư duy như sau: Đối với mọi nơi, tùy ở nơi nào, như nghe nói Đức Phật A-di-đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng chánh giác đang ở cõi Tây phương, bấy giờ liền phải khởi tưởng niệm như sau.

Như ta nghe, từ đây về phương Tây cách hơn trăm nghìn ức các cõi Phật có một thế giới tên là An Lạc, hiện Đức A-di-đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác đang thuyết pháp giáo hóa đại chúng ở đó, được các vị Bồ-tát vây quanh. Thế rồi người này theo những điều được nghe, buộc niệm tư duy, quán sát rõ ràng không thôi cuối cùng cũng được thấy Đức Di-đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác.

Lại nữa, này Hiền Hộ, ví như thế gian, có người nam, người nữ nào khi ngủ, chiêm bao thấy đủ các thứ như vàng, bạc châu báu, tiền của đầy kho; hoặc thấy bạn bè các bậc tri thức; hoặc có những điều khiến tâm không vui; tiếp xúc các cảnh hoặc trái hoặc thuận; hoặc vui hoặc buồn; có lúc nói năng hoan hỷ vui mừng, có lúc xúc cảm bi ai thống thiết. Người đó thức dậy tư duy nhớ nghĩ những gì đã thấy trong mộng rồi đem kể hết cho người khác nghe, đoạn theo đó lại sinh tâm nghĩ tưởng vui, buồn.

Cũng như thế, này Hiền Hộ, thiện nam tử, thiện nữ nhân kia liền ngồi ngay ngắn để tâm chuyên niệm, quán tưởng Đức A-di-đà Như Lai, Ứng cúng, Chánh đẳng giác có tướng tốt như thế, oai nghi như thế, đại chúng như thế và sự thuyết pháp của Ngài như thế. Buộc niệm, nhất tâm tương tục, trước sau không loạn động, hoặc được một ngày, một đêm như thế, nhẫn đến bảy ngày bảy đêm, niệm tưởng đầy đủ, như ta đã nghe, thì người ấy ắt thấy Đức A-di-đà Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác. Nếu ban ngày không thể thấy được thì về đêm, hoặc trong chiêm bao, Đức Phật A-di-đà ắt sẽ hiện ra cho thấy.

Giải thích: Theo kinh này, chỉ cần quán tưởng, niệm Phật suốt bảy ngày thì sẽ thấy Phật ngay trong hiện tại, chứ chẳng cần đợi đến

lúc mạng chung.

8. Kinh Vãng Sinh.

Như kinh Vãng Sinh nói: Đại Bồ-tát Phổ Quảng lại bạch Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Các quốc độ tịnh diệu của chư Phật trong mười phương có khác gì nhau không?”

Đức Phật bảo: “Này Phổ Quảng! Các cõi đó không có sai khác.”

Bồ-tát Phổ Quảng lại thưa: “Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao trong kinh tán thán cõi nước của Đức Phật A-di-đà, trong cõi đó các hàng cây, cung điện, lầu gác đều được làm bằng bảy báu trang nghiêm nên chúng sinh nguyện sinh về đó, hết thảy tùy theo sở nguyện đều được vãng sinh?”

Đức Phật bảo Phổ Quảng đại Bồ-tát rằng: “Ông chưa rõ ý ta. Thế giới Sa-bà con người phần nhiều tham luyến, người có lòng tin, có chí nguyện thì ít, còn người học tập theo tà kiến thì nhiều, họ không tin chánh pháp, không thể chuyên tâm, hoạt động không có chí hướng. Các thế giới như Phật trong mười phương thật không có gì sai khác, vì muốn cho chúng sinh chuyên tâm một chỗ, nên tán thán cõi nước kia vậy. Những người cầu vãng sinh hết thảy đều tùy theo sở nguyện của mình, không ai không được kết quả.”

Giải thích: Theo kinh này, nếu người nào nhất tâm chuyên tưởng cảnh giới Tây phương thì được vãng sinh.

9. Kinh Dược Sư.

Như kinh Dược Sư nói: Đức Phật bảo rằng: “Như bốn hàng đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, thiện tín nam, thiện tín nữ thường tu ăn chay một tháng sáu ngày, một năm ba tháng trường trai, hoặc ngày đêm tinh cần nhất tâm khổ hạnh cầu nguyện vãng sinh cõi Tây phương của Đức Phật A-di-đà, nhớ niệm ngày đêm, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày hoặc bảy ngày, nếu trong những ngày đó lại sám hối, nghe ta giảng kinh Lưu ly Quang Phật bổn nguyện công đức này, thì đến khi thọ mạng hết, lúc lâm chung có tám vị Bồ-tát là Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Quán Thế Âm Bồ-tát, Đại Thế Chí Bồ-tát, Bảo Đàn Hoa Bồ-tát, Vô Tận Ý Bồ-tát, Dược Vương Bồ-tát, Dược Thượng Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát đều sẽ thân hành đến tiếp rước, tinh thần không bị rơi vào tám nạn, được sinh trong hoa sen, hưởng niềm vui thú với các loại âm nhạc tự nhiên.

Giải thích: Theo kinh này, bảy ngày niệm Phật lại thêm sám hối, đồng thời nghe danh hiệu Phật Dược Sư thì chóng được vãng sinh hơn.

10. Kinh Ban Châu.

Kinh Ban Châu nói: Đức Phật bảo Bồ-tát Bạt-đà-hòa rằng:

"Chúng sinh trong cõi này phải luôn luôn tưởng niệm Đức Phật A-di-đà, vì tưởng niệm như thế nên được thấy Phật."

Sau khi được thấy Phật rồi, Bồ-tát Bạt-đà-hòa bèn đến thưa Đức Thế Tôn rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Chúng sinh phải hành trì những pháp gì để được sinh về nước của Đức Phật A-di-đà?"

Bấy giờ Đức Phật A-di-đà bảo Bồ-tát rằng: "Chúng sinh nào muốn sinh về nước ta thì phải luôn luôn trì niệm danh hiệu Ta, thường phải chuyên niệm danh hiệu Phật. Công đức đạt được so với các hạnh khác thì thù thắng hơn ."

Giải thích: Theo kinh này, chỉ một pháp niệm Phật cũng được vãng sinh.

11. Kinh Đại A-di-đà.

Kinh Đại A-di-đà nói: Phải giữ gìn trai giới một lòng thanh tịnh, đêm ngày thường tưởng niệm nguyện sinh về cõi Phật A-di-đà, trì niệm như thế mười ngày, mười đêm không dứt, Ta đều thương xót khiến cho tất cả sinh về cõi Phật A-di-đà. Hoặc giả người đó chưa có thể vãng sinh, bấy giờ nên tự nghĩ suy cho kỹ, lo tính muốn độ thoát thân mình thì không thể dừng tưởng niệm. Phải từ bỏ ái dục, chớ nghĩ nhớ đến việc gia đình, không được chung giường với phụ nữ. Thân ngồi ngay thẳng, tâm đoạn ái dục, một lòng giữ trai giới thanh tịnh, chí tâm nguyện sinh về cõi Phật A-di-đà. Nếu một ngày đêm người đó trì niệm không dứt thì lúc mạng chung sẽ được sinh về nước kia, được hóa sinh trong hoa sen ở ao thất bảo.

Giải thích: Theo kinh này, người nào có thể niệm Phật trì giới, không nằm chung giường với người nữ dù chỉ một ngày một đêm cũng được vãng sinh.

12. Kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Giác.

Kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Giác nói: Như có thiện nam, thiện nữ nào nghe ta nói về pháp môn Tịnh độ mà tâm sinh bi cảm vui mừng, tóc lông dựng đứng thì phải biết người này thân mạng nhiều kiếp trong quá khứ đã hành Phật đạo. Như có người khi nghe trình bày pháp môn Tịnh độ mà không phát khởi tín tâm thì phải biết người đó mới được tái sinh từ ba ác đạo, tội lỗi chưa hết, nên đối với pháp môn này không có tin theo; ta nói người này chưa có thể giải thoát được.

Giải thích: Theo kinh này, người nào nghe nói về pháp môn Tịnh độ liền sinh tâm tín mộ thì trong quá khứ, người này đều đã từng cúng dường chư Phật, nhờ nhân duyên kiếp trước mà trong đời hiện tại, người này chỉ niệm Phật mười niệm cũng được vãng sinh.

B. Dẫn Luận, có bảy bộ:

1. Vãng Sinh Luận.

Như Vãng Sinh Luận nói: Như có thiện nam, thiện nữ nào tu hành pháp môn năm niệm thành tựu thì rốt cục cuối cùng được sinh về cõi nước An Lạc, được diện kiến Đức Phật A-di-đà. Năm niệm là những gì?

1. Lễ bái.
2. Tán thán.
3. Phát nguyện.
4. Quán sát.
5. Hồi hướng.

(Giải: Đây là Nhân môn).

Nên biết lại có năm loại môn thứ lớp dần dần thành tựu năm loại công đức.

- Năm môn là gì?

1. Cận môn.
2. Đại hội chúng môn.
3. Trạch môn.
4. Ốc môn.
5. Viên lâm du hý trì môn.

Trong năm loại môn, bốn loại môn đầu nói về việc thành tựu nhập công đức (tu tạo công đức), môn thứ năm nói về việc thành tựu xuất công đức (đem công đức tu tạo hồi hướng chúng sinh).

Môn thứ nhất lấy lễ bái Đức Phật A-di-đà làm nhân duyên vãng sinh nên được sinh về thế giới An Lạc, đó gọi là nhập Đệ nhất môn.

Môn thứ hai lấy việc tán thán Đức Phật A-di-đà, tùy thuận danh nghĩa mà xưng danh hiệu Như Lai, y theo đức tướng, trí tuệ quang minh của Như Lai mà tu hành nên được vào trong số lượng của hội chúng lớn; đó gọi là nhập Đệ nhị môn.

Môn thứ ba lấy nhất tâm chuyên niệm phát nguyện sinh về cõi kia, tu Xa ma tha, thực hành Tam-muội tịch tĩnh nên được nhập thế giới Liên hoa tạng, đó gọi là nhập Đệ tam môn.

Môn thứ tư lấy việc chuyên niệm quán sát sự vi diệu trang nghiêm của cõi kia, tu Tỳ-bà-xá-na nên được sinh về cõi kia, thọ dụng đủ các pháp lạc, đó gọi là nhật Đệ tứ môn.

Môn xuất thứ năm là dùng tâm đại từ bi quán sát tất cả khổ não của chúng sinh mà thị hiện ứng hóa thân, vào rừng phiền não, vườn sinh tử, dùng Du hý thần thông đến nơi giáo hóa đem sức bổn nguyện hồi

hướng cho chúng sinh, đó gọi là môn xuất thứ năm.

Như thế, Bồ-tát tu bốn loại môn đầu thì hạnh tự lợi được thành tựu, hành môn thứ năm thì lợi ích cho chúng sinh, thành tựu hạnh nguyện hồi hướng. Nên biết Bồ-tát tu hạnh năm môn tự lợi, lợi tha như thế thì mau thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. (Giải thích: Đây là quả môn).

2. Khởi Tín luận.

Như Khởi Tín luận nói: Lại nữa, chúng sinh mới học pháp này muốn cầu chánh tín nhưng trong lòng khiếp nhược, vì còn ở thế giới Sa-bà nên tự lo không thể thường gặp chư Phật, được đích thân vâng mệnh cúng dường; e sợ rằng tín tâm khó có thể thành tựu, ý muốn thoái lui. Nên biết Đức Như Lai có phương tiện thù thắng để nhiếp hộ tín tâm, nghĩa là lấy nhân duyên chuyên tâm niệm Phật, tùy theo sở nguyện được sinh về cõi Phật phương khác, thường thấy chư Phật, vĩnh viễn xa lìa ác đạo.

Như Tu-đa-la nói: Như có người chuyên niệm Đức Phật A-di-đà ở thế giới Cực lạc phương Tây thì sẽ được vãng sinh, vì thường thấy Phật nên cuối cùng không có thoái lui. Nếu biết quán sát pháp thân chân như của Đức Phật kia, thường siêng tu tập thì cuối cùng sẽ được vãng sinh, trụ nơi Chánh định.

Giải thích: Theo luận này nếu người nào ở đây (Sa-bà) tu hành mà lòng tin không vững chãi thì dạy họ nương về Tây phương tu tập. Như vậy người đó đâu phải là Bồ-tát từ Thập giải trở lên?

3. Thập trụ Tỳ-bà-sa luận.

Như trong Thập trụ Tỳ-bà-sa luận Bồ-tát Long Thọ nói: Đối với Đức Di-đà Thế Tôn, hành giả phải tôn kính và tán thán Ngài bằng bài kệ này:

Đức Phật A-di-đà có bổn nguyện như vầy: Nếu người nào nhớ tưởng ta, xưng niệm danh hiệu ta và nguyện trở về nương tựa ta thì người đó sẽ được nhập định, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Vì thế chúng sinh thường phải nhớ niệm và xưng dương tán thán Ngài bằng bài kệ:

Tuệ chói sáng Vô lượng
Thân như quả núi vàng
Con đem thân khẩu ý
Chắp tay con kính lạy
Sắc vàng chói sáng rực
Khắp các cõi chan hòa

Muôn vật thêm tươi tốt
Thế nên cuối đầu lạy
Nếu người lúc lâm chung
Được sinh về cõi kia
Liền đủ vô lượng đức
Thế nên con kính lạy
Người nào thường niệm Ngài
Được công đức vô lượng
Tức thời nhập bất thoái
Thế nên con thường niệm
Người cõi ấy mạng chung
Giá như phải chịu khổ
Vẫn không đọa địa ngục
Nên con kính lạy
Ai sinh về cõi ấy
Quyết không đọa ác thú
Và loài A-tu-la
Con nay cung kính lạy
Người, trời thân như nhau
Tựa như đỉnh núi vàng
Nơi trở về thù thắng
Vì thế con đảnh lễ
Người sinh về cõi đó
Đủ thiên nhãn nhĩ thông
Mười phương đều vô ngại
Kính lạy đấng Thánh vương
Các chúng sinh cõi đó
Thần biến thân tự tại
Đều đủ túc mạng trí
Thế nên quy mạng lễ
Người sinh về cõi ấy
Không ngã và ngã sở
Không còn tâm phân biệt
Thế nên cúi đầu lạy
Vượt khỏi ngục tam giới
Mình như lá hoa sen
Chúng Thanh văn vô lượng
Thế nên cúi đầu lạy

Các chúng sinh cõi kia
Bổn tánh đều nhu hòa
Tự nhiên hành thập thiện
Kính lạy các Thánh vương
Từ thiện sinh trong sáng
Trong các cõi vô biên
Đấng phước trí bậc nhất
Thế nên con quy mạng
Nếu ai mong làm Phật
Lòng tưởng niệm Di-đà
Tức thì Ngài hiện thân
Thế nên con quy mạng
Bản nguyện lực của Phật
Chư Bồ-tát mười phương
Đến cúng dường Thánh pháp
Thế nên con kính lạy
Đại Bồ-tát cõi kia
Đầy đủ các tướng tốt
Đều tự trang nghiêm thân
Con nay quy mạng lễ
Đại Bồ-tát cõi kia
Mỗi ngày trong ba thời
Cúng dường mười phương Phật
Thế nên cúi đầu lạy
Nếu người trồng thiện căn
Còn nghi hoa không nở
Lòng tín thành thanh tịnh
Hoa nở thấy Phật liền
Phật hiện tại mười phương
Dùng đủ các nhân duyên
Tán thán công đức Ngài
Con nay quy mạng lễ
Cõi kia thật trang nghiêm
Hơn cả các cung trời
Công đức rất sâu dày
Thế nên lạy chân Phật
Chân Phật nghìn bức luân
Sắc hoa sen dịu dàng

Người thấy đều hoan hỷ
Cúi đầu lạy chân Phật
Hào quang trắng giữa mày
Tựa như ánh trăng thanh
Rạng ngời trên sắc diện
Đầu mặt lạy chân Phật
Khi xưa cầu Phật đạo
Hành các hạnh diệu kỳ
Như các kinh đã nói
Cúi đầu kính lạy Ngài
Pháp mà Phật đã giảng
Phá trừ các tội căn
Tốt đẹp nhiều lợi ích
Con nay cúi đầu lạy
Nhờ chánh giáo nhiệm mầu
Cứu các bệnh ái nhiễm
Đã độ nay còn độ
Thế nên cúi đầu lạy
Quý nhất trong trời người
Chư thiên đầu mặt lạy
Ma-ni hơn các báu
Thế nên con quy mạng
Tất cả chúng Hiền Thánh
Và các chúng nhân thiên
Con xin cùng quy mạng
Thế nên con kính lạy
Thường cỡi thuyền Bát chánh
Vượt qua biển não phiền
Độ mình và độ người
Con lễ Đấng Tự Tại
Chư Phật vô lượng kiếp
Tán dương không cùng tận
Công đức, cõi nước Ngài
Quy mạng Đấng Thanh Tịnh
Con nay cũng như thế
Xưng tán đức vô lượng
Nhờ phước nhân duyên này
Mong Phật thường đoái tưởng

Nguyện đem mọi phước đức
Ít nhiều trong quá khứ
Xin nguyện ở bên Phật
Tâm thường được thanh tịnh
Nhờ phước nhân duyên này
Đạt được đức thượng diệu
Nguyện muôn loài chúng sinh
Đều sẽ được như thế.

Kệ tán thán hai vị Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí:

Quán Âm, Thế Chí đại danh xưng
Công đức trí tuệ đều vô lượng
Đầy đủ từ bi cứu Thế gian
Dạo khắp tất cả biển chúng sinh
Bậc Thánh như thế rất khó gặp
Nhất tâm cung kính cúi đầu lạy
Chúng sinh ngủ mãi trong tăm tối
Nhờ đức Đại bi đánh thức họ
Tùy duyên hiển hiện tướng sắc thân
Cũng như cha lành thương con một
Xin nguyện từ bi cứu độ con
Nhất tâm cung kính bậc soi đường
Nam-mô Quán Âm, Đại Thế Chí
Thường vào thế gian không ngừng nghỉ
Nguyện vào lục đạo cứu quần sinh
Sắc thân tuyệt diệu như vàng tía
Oai nghi đĩnh đạc chẳng ai bằng
Bình báu, hóa Phật, trong thiên quan
Nhất tâm cung kính bậc phương tiện
Chấn động vô lượng cõi tam thiên
Đứng đi thường có hoa nâng gót
Thường đưa tay báu rước chúng sinh
Nhất tâm cung kính Thí Vô Úy
Vô lượng vô biên vô số kiếp
Rộng tu nguyện lực giúp Di-đà
Thường tuyên giáo pháp giữa đại chúng
Chúng sinh nghe rồi liền sáng mắt
Xin nguyện đời đời thường thân cận
Nên con nhất tâm đầu mặt lạy

Thần thông biến khắp mười phương cõi
Hiện thân ở trước mọi chúng sinh
Chúng sinh nếu thường chí tâm niệm
Thảy đều được dẫn về An Lạc
Thương con! Đấng Từ phụ thế gian
Xin nguyện nhất tâm cúi đầu lạy
An tọa trên tòa sen siêu việt
Như núi Tu-di soi biển cả
Điều phục chúng sinh được vô úy
Nhất tâm cung kính Nhân sư tử
Con đã tùy thuận Tu-đa-la
Tán thán Quán Âm công đức báu
Công đức như thế không cùng tận
Tựa như biển cả chứa trăm sông
Giả sử chư Phật khắp mười phương
Tán thán cùng kiếp cũng không hết
Như thế vô biên vô tận tạng
Nên con nhất tâm cúi đầu lạy
Tán thán Quán Âm, Đại Thế Chí
Là khen Bồ-tát khắp mười phương
Nguyện trải công đức khắp thế gian
Con cùng chúng sinh về An Lạc.

Giải thích: Theo luận này, chỉ tán thán lễ bái Đức Phật A-di-đà cũng được vãng sinh.

4. Nhất thiết kinh trung Di-đà Phật kệ.

Như Nhất thiết kinh trong Di-đà Phật kệ nói:

Niệm Tỳ-kheo Pháp Tạng
Là theo Thế nhiêu vương
Phát nguyện như chư Phật
Thệ hai mươi bốn điều
Đời đời thấy chư Phật
Vô số không thể lường
Không chướng hạnh đời trước
Công đức được thành tựu
Cõi nước hiệu Thanh tịnh
Thành Phật hiệu Vô lượng.

Và kệ:

Thế giới thật bằng phẳng

An Lạc nhiều thượng nhân
Cây báu vô số loại
Chen chút nhau la liệt
Gốc thân cành hoa lá
Hương tỏa diệu khác nhau
Gió mát ngày ba lần
Thoang thoảng đưa hương bay
Mặt đất như rải lông
Trên mặt trong bằng phẳng
Hoàn toàn không các núi
Không biển cả suối nguồn
Chỉ có dòng sông trôi
Âm thanh như thuyết pháp
Trời người vui trong nước
Theo ý mình mong muốn
Khiến nước chỉ ngang mày
Tùy tâm, nguyện thành tựu
Phật thọ mạng vô lượng
Quang minh chiếu vô biên
Bồ-tát và đệ tử
Không thể nào tính hết
Như muốn thấy Đức Phật
Chớ nghi cũng chớ mong
Còn nghi, ở trong thai
Trải qua năm trăm năm
Không nghi sinh dưới tòa
Chấp tay đứng trước Phật
Nếu muốn đến mười phương
Giây lát liền trở về
Duy niệm Bồ-tát kia
Nhiều kiếp tạo công đức
Do bản hạnh mà được
Danh hiệu Phật Thế Tôn
Phật ra đời khó gặp
Dù gặp không dễ nghe
Cõi giảng nói khó gặp
Thân đủ căn khó được
Đời mạt pháp sau này

Lúc pháp sắp suy vi
Phải cùng nhau ủng hộ
Thực hành pháp vô dục
Phật hay nói pháp này
Thường suy nghĩ hành trì
Thọ Pháp bảo vô lượng
Đời đời kính tuân thủ
Nên biết tất cả kinh
Đều có văn kính lễ

5. Bảo Tánh luận.

Như Bảo Tánh luận nói:

Nhờ các công đức này
Nguyện vào lúc mạng chung
Được thấy Phật Di-đà
Thân vô biên công đức
Con và các tín giả
Đã thấy Đức Phật rồi
Nguyện lìa mắt cấu uế
Chứng vô thượng Bồ-đề.

6. Long Thọ thập nhị lễ.

Như ngài Tam tạng Thiền-na-quật-đa dịch văn tán thán Đức Phật A-di-đà của Bồ-tát Long Thọ, trong đó có mười hai bài tụng nói về việc lễ bái: chí tâm quy mạng lễ Đức Phật A-di-đà ở cõi Tây phương.

Kính lạy đấng trời người cung kính
Phật A-di-đà lưỡng Túc tôn
Giáo chủ cõi An Lạc vi diệu
Chúng đệ tử vô lượng vây quanh
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh cõi An Lạc
Thân kim sắc đẹp như núi chúa
Hành chánh định như voi bước đi
Hai mắt đẹp như hoa sen xanh
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh cõi An Lạc
Mặt hiền đầy đặn như vầng trăng
Oai quang sáng tợ nghìn nhật nguyệt
Tiếng như trống trời Câu-sí-la

Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh cõi An Lạc
Trong mũ Quán Âm đội trên đảnh
Đủ các tướng vi diệu trang nghiêm
Hàng phục ngoại đạo, ma kiêu mạn
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh cõi An Lạc
Vô cấu thanh tịnh không đâu bằng
Đức tướng trong sáng như hư không
Làm việc lợi ích rất tự tại
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh cõi An Lạc
Bồ-tát danh tiếng khắp mười phương
Vô lượng quỷ chúng thường tán thán
Vì các chúng sinh phát thệ nguyện
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh cõi An Lạc
Trong ao bảy báu hoa thường sinh
Thành tựu tòa cao nhờ thiện căn
Ngồi trên tòa sen như núi chúa
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh cõi An Lạc
Biết bao Phật tử khắp mười phương
Hiển hiện thần thông đến An Lạc
Chiêm ngưỡng tôn nhan thường cung kính
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh cõi An Lạc
Các pháp vô thường và vô ngã
Như trăng đáy nước, chớp, bóng, sương
Vì chúng thuyết pháp không danh tự
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Nguyện cùng các chúng sinh

Vãng sinh cõi An Lạc
Nước Ngài vô lượng cảnh trí đẹp
Không có ác đạo, ác tri thức
Vãng sinh bất thoái đến Bồ-đề
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh cõi An Lạc
Cõi Phật không có danh từ ác
Cũng không người nữ và ác đạo
Mọi người chí tâm kính Thế Tôn
Nên con đảnh lễ Phật Di-đà
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh cõi An Lạc
Con nay tán thán công Đức Phật
Việc thiện vô biên như nước biển
Căn lành thanh tịnh con có được
Cúng dường chúng sinh sinh nước Phật
Nguyện cùng các chúng sinh
Vãng sinh cõi An Lạc.

7. Nhiếp Đại thừa luận.

Như Nhiếp Đại thừa luận nói:

Cõi Phật trang nghiêm rất nhiệm mầu
Câu nghĩa con nói khiến sinh thiện
Nương nhờ nguyện này thấy Di-đà
Do được tịnh nhãn thành Chánh giác.

■

TỊNH ĐỘ LUẬN

QUYỂN HẠ

CHƯƠNG VI

Dẫn chứng tung tích những người hiện được vãng sinh

(Gồm người đạo, kẻ tục được vãng sinh để bảo cho người tu học biết).

Đời, đạo, đều được vãng sinh Tịnh độ lược có hai mươi người. Tỳ-kheo tăng sáu người, Tỳ-kheo-ni bốn người, Ưu-bà-tắc năm người, Ưu-bà-di năm người.

Hỏi: Trên ngài đã dẫn hai giáo kinh luận để chứng minh cho việc vãng sinh, đây thật là kết quả tốt lành. Nhưng vì chúng sinh trí còn cạn cợt chẳng rõ được Thánh chỉ, chi bằng ngài hãy dẫn tung tích những người hiện được vãng sinh để khuyên mọi người ngay ngày hôm nay một lòng tin theo, ưa nghe lời dạy của ngài mà tinh tấn tu hành.

Đáp: Theo kinh luận, những người được vãng sinh đều cảm được đài sen rực rỡ và nhiều tướng lạ, số này thật là vô lượng. Nay tôi lược dẫn hai mươi người để bảo cho người tu học biết mà một lòng tin theo.

I. Tỳ-Kheo Tăng Được Vãng Sinh, có sáu người:

1. Pháp sư Phương Khải: Người Hoa âm. Năm Trinh Quán thứ chín, ngài cùng Pháp sư Huyền Quả ở chùa Ngộ chân, huyện Lam điền, suốt một mùa hạ niệm Phật A-di-đà. Ngài bèn lấy một nhành dương tươi đem để trong tay Bồ-tát Quán Thế Âm thệ rằng: “Như tôi nay niệm Phật được vãng sinh thì nguyện nhành dương này trong bảy ngày không héo.”

Đúng như thệ nguyện của ngài, trong bảy ngày nhành dương không héo. Ngài lại vì tất cả chúng sinh mà cầu xin: “Như trong Nhiếp luận phán định là “Biệt thời ý”, còn kinh Quán nói là “Lập tức vãng sinh”, vậy mong trong mộng được thấy Đức Phật Di-đà để tỏ rõ điều nghi này.”

Ngay đêm hôm đó, chỉ ở một nơi mà Ngài ba lần chiêm bao.

Lần đầu thấy tại một ao lớn, phía Tây nam có một cái lầu cao cửa mở về phía Đông, ngài từ trên lầu bước xuống đi đến bờ Đông bắc ao, liền thấy một bảo trướng cao hơn hai trượng. Bỗng ngài bay vào trong trướng, nửa thân vào rồi lại ra. Ngài đi vào phía Tây, nơi đây có một ngôi điện lớn, bên trong thấy một Đại đức, bảo rằng: “Những người chỉ tu hạnh Tịnh độ đều sinh trong trướng này”, Đại đức tăng nói xong, Ngài liền tỉnh giấc rồi thiếp ngủ.

Lần thứ hai ngài thấy ở bờ ao phía Bắc, Bồ-tát Quán Thế Âm ngồi kiết già mặt hướng về phương Bắc, Ngài bèn lấy tay đỡ chân Bồ-tát đội trên đầu, thấy dưới chân có tướng thiên bức luân, thân Bồ-tát bằng sắc vàng Diêm-phù-đàn, bỗng nhiên ngài thức dậy.

Lần thứ ba, ngài mộng thấy mình đang đứng phía Nam của ao, mặt hướng về Tây, từ ao trở về phía Tây toàn là mặt nước mênh mông đầy hoa sen trong đó. Bỗng thấy Đức Phật A-di-đà từ hướng Tây đi đến trước ngài, ngài liền đầu mặt bái lạy sát đất, bái lạy xong, quỳ xuống trước Phật chắp tay bạch rằng: “Chúng sinh thế giới Sa-bà nếu y kinh tu hành có được sinh về cõi nước của Đức Thế Tôn chăng?”

Đức Phật đáp: “Này Thiện nam tử! Tất cả chúng sinh chỉ cần tu hạnh Tịnh độ đều sinh về nước Ta, chớ có nghi ngờ.”

Lại trong một đêm khác, ngài mộng thấy thân mình ở thế giới Sa-bà vọng hướng về Tây, thấy cõi nước Đức Phật Di-đà bằng phẳng như mặt gương, rồi nhìn lại thế giới Sa-bà chỉ toàn là sông núi; Đông, Tây khác biệt. Trông về hướng Nam, thấy đất sông bằng phẳng, trong sông có mười lăm cái bảo trướng đều hướng mặt về phương Tây. Ngoài ra, những trướng khác đều được làm bằng bảy báu, duy một cái ở chính giữa là Bạch ngân trướng, dưới trướng đều có âm nhạc ca vịnh tán thán.

Ngài hỏi:

- Đây là trướng gì?

Người ở dưới trướng đáp:

- Nơi đây đều là người được vãng sinh.

Ngài hoan hỷ phóng mình lên không bay về hướng Tây, trong giây lát liền trở về ở trong đó.

Lại vào một đêm khác Ngài mộng thấy mình đang ở trong một Phật đường, đứng ngay trước Phật, bỗng có một vị Tăng tên là Pháp Tạng, ngự trên một chiếc xe lớn đi vào Phật đường, đón Ngài lên xe rồi chở thẳng về phương Tây. Ngài Pháp Tạng tức là Đức Phật A-di-đà, xe là bốn mươi tám đại nguyện.

Lại vào một đêm, ngài mộng thấy thân mình ngồi trên tòa Liên hoa vương trăm báu, mặt hướng về Nam, ngồi thống chân thành Chánh giác.

Lại vào một đêm, ngài mộng thấy Đức Thích Ca Như Lai cùng Đức Văn-thù-sư-lợi ở trước ngài tán thán kinh Pháp Hoa.

Lại vào một đêm khác ngài mộng thấy có ba con đường lớn hướng ngay phương Tây, trên con đường thứ nhất chỉ có các vị Tăng và Ni, trên con đường thứ hai đều là người tục, cả nam lẫn nữ, trên con đường thứ ba chỉ có một vị Tăng. Những vị này đều đi về phương Tây, tức là những người được vãng sinh vậy. Ngài hiện nay vẫn chưa viên tịch.

2. Sa-môn Đàm Loan Pháp Sư: Người làng Vấn Thủy, huyện Tinh Châu, vào cuối đời Ngụy đầu năm Cao Tề ngài vẫn còn tại thế. Ngài là vị thần trí cao siêu, nhiều nước biết danh, là bậc thông hiểu các kinh, có trí tuệ hơn người nên vua nước Lương là Tiêu vương thường hướng về phương Bắc lễ lạy ngài.

Bồ-tát Đàm Loan có chú giải Vãng Sinh luận của Bồ-tát Thiên Thân, phân làm hai quyển. Pháp sư còn soạn tập kinh Vô Lượng Thọ, làm kệ tán gồm một trăm chín mươi lăm câu, mỗi câu bảy chữ và Vấn đáp một quyển, nay vẫn còn lưu hành ở đời để khuyên dạy người đạo kẻ tục quyết định vãng sinh, được thấy chư Phật. Ngài thường thưa thỉnh Bồ-tát Long Thọ mong lúc lâm chung được Bồ-tát khai ngộ y như những gì ngài cầu nguyện. Khi báo thân đã mãn, trong hư không bỗng hiện hình một Thánh tăng đi vào thất.

Vị tăng đó nói: “Tôi là Long Thọ đây.”

Bồ-tát bèn nói với ngài rằng: “Lá đã rơi không thể gắn lại cành, lúa chưa bó không thể tìm trong bồ, bạch câu chạy ngang qua khe hở không thể lưu lại dầu trong giây lát, quá khứ đã qua không thể trở lại, vị lai chưa đến không thể truy tìm, hiện tại là thời khắc nào? Thời gian không bao giờ trở lại.”

Pháp sư liễu đạt ý chỉ thâm diệu này, biết là mình sắp mạng chung. Nửa đêm hôm đó, ngài sai các sứ giả bảo đệ tử xuất gia và đệ tử bạch y khắp nơi trong các thôn làng khoảng hơn ba trăm người, nhất loạt tụ họp về chùa. Pháp sư tắm gội, đắp y mới, tay bưng lư hương, ngồi hướng mặt về phương Tây, dạy bảo môn đồ nên cầu tịnh nghiệp Tây phương. Lúc mặt trời vừa mọc, đại chúng đồng thanh niệm Phật Di-đà, khi đó ngài liền mạng chung.

Về phía Tây chùa ngoài năm dặm có một ngôi chùa Tỳ-kheo-ni cũng đều là môn đồ của ngài, sau khi minh tướng xuất hiện, chúng cùng

vào Trai đường ăn cháo, bỗng mọi người cùng nghe trên hư không có âm nhạc vi diệu từ Tây đi về hướng Đông, trong đại chúng có một trí giả bảo chúng rằng: “Pháp sư Hòa thượng cả một đời dạy người tu hạnh Tịnh độ, nay những âm thanh này đi về hướng Đông ắt có điều cảm ứng hiện ra đón rước ngài.” Đại chúng ăn xong bảo nhau đến hầu lúc ngài ra đi, rồi cùng đợi phía trước nhưng chưa ra khỏi sân chùa thì nghe âm nhạc từ xa trên hư không đi về hướng Tây. Ni chúng đến chùa thì thấy ngài đã vãng sinh rồi. Y theo kinh luận thì điều này quyết định ngài đã được vãng sinh về Tây phương vậy.

3. Đăng Pháp Sư: Người đời Tùy ở chùa Hưng quốc huyện Tịnh châu. Ngài xuất gia từ thuở nhỏ, tinh tấn tu hành, đạo tâm rất kiên cố, giảng kinh Niết-bàn, đạo tục người lớn kẻ nhỏ đều đến nghe, hễ từ Sa-di trở lên ngài không cho đứng mà bảo phải ngồi để nghe thuyết diệu pháp, ngài truyền trao đại chúng danh hiệu Phật A-di-đà, khuyên dạy mọi người cùng vãng sinh Tây phương Tịnh độ. Lại một đời tu hành, đốt hương thanh tịnh tụng niệm tu tạo phước nhiều, Từ bi vô lượng, các loài chim như tu hú, bồ câu thường đậu trong lòng bàn tay ngài mà ăn. Vào khoảng năm Khai Hoàng thứ 12 đời Tùy, ngài mạng chung ở Bổn tự, lúc đó đại chúng đều nghe có mùi hương lạ. Ngài lên đường có mây thơm ở phương Tây đến rước. Mọi người trong làng cũng như trong thành, hễ ai nghe tin thì bất kể già hay trẻ, nam hay nữ đều đến tiễn ngài vào rừng. Đã có tướng này ắt được vãng sinh Tịnh độ vậy.

4. Hồng Pháp Sư: Người Tinh Châu, đời Tùy là chủ nội đạo tràng Hán vương vào khoảng năm Nhân Thọ thứ tư ngài xuất gia, lúc còn nhỏ tuổi, một đời tinh tấn, tay không cầm tiền bạc, cúng dường Tam bảo, nhiếp hóa người có duyên, thường chuyên tâm tu tịnh nghiệp kỳ hẹn được thấy Phật Di-đà. Lúc lâm chung, tâm nhân sáng suốt thanh tịnh, Ngài được thấy thiện nam, thiện nữ trên cõi trời Đâu-suất xuống đón rước, họ đến bên Pháp sư, tay bưng cà sa, thỉnh ngài mau về trời. Pháp sư quở rằng: “Tôi không hẹn cõi này”, rồi không chịu đi. Trong khi đó, đồ chúng ở một bên niệm Phật Di-đà, bỗng thấy Hóa Phật Bồ-tát cõi Tây phương Tịnh độ đến rước, Ngài liền bảo đại chúng: “Bồ-tát trong cõi Tịnh độ mà tôi kỳ hẹn nay đã đến rước.” Lúc đó ngài liền mạng chung.

5. Pháp Sư Tăng Diễn: Người làng Vấn Thủy huyện Tinh Châu, ngài xuất gia từ thuở nhỏ, chuyên tâm tu học, giảng bốn bộ kinh luận Niết-bàn, Nhiếp luận, Thập Địa và Địa Trì thảy đều tinh tường thuần thục. Ngài viên tịch năm 96 tuổi, nhằm năm Trinh Quán thứ 16. Khoảng

năm, sáu năm ngài chuyên niệm Phật A-di-đà, sau khi quay về với pháp môn Tịnh độ, trong một ngày đêm Ngài lạy Phật A-di-đà kỳ hạn năm trăm lạy, về sau dần dần tăng thêm. Vào những ngày biết mình sắp mất, trong một ngày đêm ngài lạy một ngàn lạy, niệm danh hiệu Phật A-di-đà được bảy, tám vạn biến, chưa từng giải đãi. Ngày lâm chung, ngài bảo đệ tử rằng: "Đức Phật A-di-đà đến trao y thơm cho tôi, Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí v.v... cùng Thánh chúng đầy khắp hư không, từ đây về phương Tây thuần là Tịnh độ." Nói xong ngài viên tịch. Trước đó, pháp sư hoàn toàn chưa có chí nguyện cầu vãng sinh nhưng đến khi được chín mươi tuổi trở đi, ngài gặp Pháp sư Đạo Xước giảng kinh Vô Lượng Thọ và kinh Quán mới bắt đầu hồi tâm, khoảng bốn, năm năm. Cảnh tượng xảy ra khi lâm chung như nói ở trên.

6. Sa-Môn Đạo Xước Pháp Sư: Cũng là người Tấn Dương huyện Tinh Châu, ngài chính là đệ tử huyền tôn dưới ba đời của Pháp sư Đàm Loan, một bậc cao đức đã nói ở trên. Mỗi khi giảng bộ kinh Niết-bàn, ngài thường tán thán Pháp sư Đàm Loan là bậc trí đức cao siêu và tự than rằng: "Ngài cách ta ngàn dặm cao vời, thế mà còn bỏ giảng thuyết, tu hạnh Tịnh độ, đã được vãng sinh. Huống chi ta đối với Ngài chỉ là đứa trẻ, những điều hiểu biết có là bao?" Noi theo đức của Pháp sư mà tu theo đại nghiệp, khoảng năm năm trở lại ngài bèn bỏ giảng thuyết tu hạnh Tịnh độ, một lòng chuyên niệm Phật A-di-đà, lễ bái cúng dường tương tục không gián đoạn. Từ năm Trinh Quán trở đi, vì khai ngộ cho kẻ hữu duyên nên ngài luôn luôn diễn nói kinh Vô Lượng Thọ và một quyển kinh Quán để chỉ bày và khuyên dạy mọi người ở khắp nơi, người đạo kẻ tục từ bảy tuổi trở lên trong ba huyện Tấn dương, Thái nguyên, Vấn thủy đều biết niệm Phật Di-đà. Dùng hạt đậu nhỏ để tính số, người tinh tấn bậc thượng niệm Phật A-di-đà được tám mươi thạch hoặc chín mươi thạch; người tinh tấn bậc trung niệm được năm mươi thạch, còn người tinh tấn bậc hạ niệm được hai mươi thạch. Ngài thường dạy những kẻ hữu duyên không được hướng về phương Tây khạc nhổ và đại tiểu tiện, mỗi khi ngồi hay nằm cũng không được quay lưng về phương Tây. Ngài soạn An Lạc tập hai quyển còn lưu hành ở đời. Khoảng năm Trinh Quán thứ mười chín nhằm ngày 24 tháng 4 năm Ất Tỵ, hết thảy người đạo kẻ tục nếu tính riêng môn đồ trong ba huyện đến tiễn biệt thì người trước kẻ sau nối nhau không dứt, khó có thể tính kể. Đến ngày 27 thì Ngài thọ chung ở chùa Huyền Trung. Lúc đó có đám mây trắng từ phương Tây bay đến biến làm ba đường bạch quang từ trong phòng Ngài chiếu suốt ra bên ngoài, đến khi nhập liệm mới hết. Về sau lúc

thiêu nhục thân để nhập lăng mộ, lại có ba đường hào quang ngũ sắc chói sáng hiện ở trong hư không nhiễu quanh vầng mặt trời, nhiễu xong mới dừng. Lại có đám mây sắc tía hiện ba lần ở trên lăng mộ, chúng đệ tử dự đám tang đều thấy điềm lành này. Nếu y theo kinh mà suy thì đều là do căn lực từ thiện của chư Phật khiến chúng sinh thấy những việc như thế. Lại theo bài kệ trong kinh Hoa Nghiêm nói rằng:

Thấy ánh quang minh là thấy Phật
Quang minh giác ngộ người mạng chung
Niệm Phật Tam-muội ắt thấy Phật
Sau khi mạng chung sinh Phật liền.

II. Tỳ-Kheo-Ni Được Vãng Sinh, có bốn người.

1. Ni sư Pháp Thạnh: Họ Nhiếp người Thanh Hà. Vào năm Nguyên Gia 10, Ni sư xuất gia ở chùa Kiến Phước, đạo đức cao dày, thường nguyện sinh về nước An Dưỡng. Ni sư nói với pháp hữu là Đàm Kính, Đàm Ái rằng: "Tôi lập thân hành đạo, chí nguyện chỉ cầu sinh về Tây phương mà thôi." Năm Nguyên Gia thứ 16, ngày 27 tháng 9, trong khi lễ Phật dưới tháp thì nhuốm bệnh, lúc đầu nhẹ nhưng lại kéo dài và ngày càng nặng thêm. Vào một đêm cuối tháng, đầu đêm Ni tỉnh thức thấy Đức Như Lai cùng hai vị đại sĩ từ trên không xuống, rồi cùng đại chúng cỡi hoa sen thơm hoan hỷ đến thăm bệnh của Ni, hào quang sáng ngời. Cả chùa đều thấy việc như thế đến hỏi Ni rằng: "Đó là hào quang gì thế?" Pháp Thạnh bèn nói rõ cho đại chúng biết điềm lành vừa hiện ra, nói xong rồi mệnh chung, năm đó Ni sư đã được bảy mươi hai tuổi. Các ông như Dự Chương Thái Thú, Ngô Quận, Trương Biện hết lòng tôn kính bèn đem việc này truyền thuật với mọi người.

2. Truyện ni Pháp Thắng: Ở Nam Tự, Ngô Quận chép rằng: "Ni Pháp Thắng xuất gia sau khi trụ ở chùa, bèn đến kinh sư tiến tu thiền luật, gồm thông định tuệ, tham cứu chỗ sâu nhiệm một cách rõ ràng, dạy dỗ những người bà con, không cần nhắc nhở mà họ vẫn thành tựu." Đối với các pháp thiền tịnh thì lấy pháp niệm Phật cầu sinh Tây phương làm hạnh nghiệp. Lúc lâm chung, ni sư được Đức Phật Di-đà phóng hào quang soi chiếu rồi viên tịch.

3. Truyện ni Quang Tĩnh: Ở Trung Tự, Quảng Lăng chép: Ni sư Quang Tĩnh họ Hồ người Ngô Hưng. Ni sư xuất gia từ thuở nhỏ, lúc thiếu thời đã có đức hạnh cao vời, thường tu tập thiền định trí tuệ, không ăn món béo ngọt, thiền giả theo tu học có hơn một trăm người. Ni sư thường lấy pháp niệm Phật thanh tịnh làm hạnh nghiệp, lúc lâm chung được

hương thơm và nhiều tướng lạ đầy khắp hư không đến đón rước mà tịch.

***4. Ni sư Đại Minh Nguyệt*:** Là người Bình Diêu Giới Châu, thuở nhỏ xuất gia trụ ở chùa Độ Thoát. Khoảng năm đầu niên hiệu Trinh Quán lúc ni sư gần sáu mươi tuổi, gặp pháp sư Đạo Xước ở chùa Huyền Trung giảng kinh Vô Lượng Thọ và dạy pháp niệm Phật. Ni sư hễ mỗi khi niệm Phật thì trước đắp y sạch, miệng ngậm trầm thủy hương, đốt hương thơm khắp tịnh thất rồi tụng niệm, liên tục như vậy ba, bốn năm liền không dứt. Lúc sắp lâm chung, niệm Phật cũng không giảm, đại chúng đều thấy quang minh, trong quang minh nghe có mùi hương trầm thủy đến tiếp rước, lúc đó ni sư liền mạng chung. Pháp đệ là Thiếu Minh Nguyệt bấy giờ cũng như ni sư, lấy pháp niệm Phật làm hạnh nghiệp. Lúc vô thường đến cũng cảm được các tướng tốt lành... khó mà kể hết. Người đạo kẻ tục nghe việc này đều cùng niệm Phật.

III. Ưu-bà-tắc được vãng sinh, có năm người:

1. A Đàm Viễn: Người Lô giang. Ông vâng theo lời Phật dạy một cách tinh tấn, thọ trì giới Bồ-tát. Năm ông mười tám, mười chín tuổi, khoảng niên hiệu Nguyên Gia đời Tống bèn quay về tu theo pháp môn Tịnh độ, để mong được cảm ứng. Ông thỉnh mấy vị tăng, trong đó sư chủ là Tăng Hàm, Viễn thường thưa hỏi ngài về việc sám hối, vì sợ có tội lỗi nhưng rốt cuộc cũng không thấu đáo. Tăng Hàm thường khích lệ, khuyên ông chớ có giải đãi. Đến năm Nguyên Gia thứ 10, ngày 16 tháng 2, ban đêm khi tụng kinh xong, lúc chúng Tăng đã ngủ, vào canh tư ông tự xướng rằng: "Ca tụng! Ca tụng!" Tăng Hàm ngạc nhiên hỏi ông.

Ông đáp: "Tôi thấy thân Phật màu vàng ròng, thân hình lớn, nhỏ như pho tượng, kim quang khắp thân, phun hoa buông rải đầy cả hư không, Ngài từ phương Tây đến bảo tôi hãy đi mau."

Đàm Viễn thường bị bệnh khổ, hơi thở gấp gáp có khi muốn dứt, nhưng đêm hôm đó lại khỏe mạnh, điệu bộ vui vẻ liền đứng dậy thỉnh chúng Tăng. Tăng Hàm thoa hương thơm vào tay, lấy hoa từ xa rải cúng Phật.

Người mẹ bảo Đàm Viễn: "Như nay con đi, chẳng thương nhớ mẹ sao?"

Đàm Viễn không nói lời nào, chợt ông nằm xuống. Gia đình ông vốn đủ đức tin, khi nghe điềm lạ linh ứng này thảy đều vui mừng cung kính, không ai buồn sợ. Đến canh năm bỗng nhiên ông mạng chung, trong nhà có mùi hương thơm lừng mấy ngày mới hết.

2. Ngụy Thế Tử: Là người Lương Quận. Bộ Tuyên tường ký ghi chép việc ông và hai con, ba người được vãng sinh Tịnh độ. Ông hành theo Phật pháp một cách tinh tấn, các con noi theo tu hành, duy vợ còn mê muội lo buồn, không tin Phật pháp. Vào năm đầu Nguyên Gia đời Tống, cô con gái mười bốn tuổi mang bệnh mà mất, được bảy ngày thì sống lại, bảo ông hãy thiết lập một tòa cao và kinh Vô Lượng Thọ, Thế Tử liền vì con bày kinh tòa đầy đủ. Cô con gái trước đây tuy có giữ trai giới và lễ Phật nhưng chưa từng xem kinh liền lên tòa ngồi, tụng đọc chương cú rõ ràng và trôi chảy. Tụng xong cô bước xuống thưa cha rằng: "Trước đây con mất được sinh về cõi Vô lượng thọ, thấy cha, anh và con ba người sau này sẽ hóa sinh vào hoa phù dung lớn đã có trong ao, còn riêng mẹ thì không, vì thương mẹ quá nên con quay về thưa rõ." Nói xong cô lại mất. Mẹ cô nghe nói như vậy mới kính tin Phật pháp.

3. Trương Nguyên Tường: Là người huyện Vạn Niên Ung châu. Ông bẩm tánh thuần hậu ngay thẳng, giữ giới, thường tụng kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán và lấy pháp niệm Phật Di-đà làm hạnh nghiệp. Khoảng tháng 5, năm khai Hoàng 20, đời Tùy, ông ngã bệnh, đến ngày mồng 3 tháng 6, vào giờ thìn bỗng nhiên ông đòi ăn: "Thức ăn chay của tôi đâu mang đến gấp đây cho tôi." Ăn xong, ông đốt hương thơm niệm Phật, ngay lúc đó mạng chung. Sau khi ông mất, thi thể ông được giữ lại hơn hai hôm mới đưa vào rừng, mà sắc diện không khác gì lúc còn sống, mọi người không ai không khen đó là điềm lành, chắc nhờ sức thiện căn mà khiến được như thế.

4. Lại Có Một Lão**:** Ông người huyện Phần dương Tinh châu, người truyền thuật không rõ họ tên ông. Khoảng năm Trinh Quán thứ năm, khi nghe nói về công đức vãng sinh Tịnh độ ông liền đem lương thực nương chùa Pháp nhẫn trên núi, theo chúng Tăng xin ở một căn phòng, ngày đêm chuyên niệm Phật A-di-đà chẳng màng ngủ nghỉ. Khoảng mười lăm năm tu pháp niệm Phật, lúc sắp mạng chung đồ chúng sai sứ giả gọi cô con gái đến để chăm sóc ông.

Ông nói với chúng rằng: "Những ngày gần đây ở cõi Tây phương có vô lượng sư tăng đều từ phương tây theo hướng đông đi đến, giống như chúng Tăng đi phó trai vậy."

Lại bảo cô con gái rằng: "Ngày mai có ánh sáng soi chiếu thân ta, con chớ cho là điều kỳ lạ."

Hôm sau quả như lời ông nói, có ánh sáng chiếu đến khắp cả căn phòng, lão ông hướng về Tây như muốn leo lên vật gì. Ngay lúc đó ông liền mạng chung.

5. Nghe Nói Có Một Người Không Rõ Họ Tên: Tánh tình hiểm ác, lại không tin nhân quả, thường làm nghề săn bắn, giết hại. Ông mang bệnh, lúc lâm chung thấy các địa ngục đủ thứ khổ đau và những chúng sinh bị giết hại đều đến đòi mạng.

Ông ăn năn nói rằng:

- Tôi bình sinh không tin lời sư Tăng dạy, những gì tôi thấy hôm nay đúng như Kinh đã nói.

Bèn bảo người nhà:

- Các ngươi cứu ta.

Vợ và các con nói:

- Làm sao cứu được?

Người đó bảo rằng:

- Các người nếu như không thể cứu ta được thì hãy mau sai một người đến chùa thỉnh một thầy đến cứu ta vậy.

Người nhà liền y theo lời thỉnh được một thầy. Người đó thấy vị thầy đến lòng bi ai khóc lóc nói:

- Xin thầy từ bi cứu con.

Thầy bảo rằng:

Đàn-việt bình sinh không tin Tam bảo, hôm nay sắp mất mới cứu khó có thể cứu được.

Người đó nói:

- Đúng vậy! Thầy đọc kinh Phật, như con là người có tội, lúc sắp mất có pháp gì cứu được chăng?

Thầy đáp rằng:

- Kinh Quán có văn nói về pháp cứu tội.

Người đó bỗng nhiên hớn hở vui mừng nói:

- Đức Phật dạy có địa ngục, y như lời Ngài tức có địa ngục; Đức Phật dạy được vãng sinh, con nhất định được vãng sinh vậy.

Rồi bảo người nhà:

- Hãy đem hương và lửa đến đây.

Người nhà đốt lửa và đem lò hương trao cho, người đó nói rằng:

- Ta nay trong chốc lát nữa phải đọa vào địa ngục, ở trong vạc sôi lò lửa, sao lại dùng lò hương, hãy đem lửa đến để trong tay ta.

Bên tay trái đốt lửa, tay phải cầm hương, mặt hướng về phương Tây chí tâm niệm Phật, chưa đầy mười niệm liền bảo mọi người rằng: "Đức Phật từ phương tây đến, đại chúng rất đông đều phóng quang minh, Ngài trao cho ta tòa sen." Nói xong liền mất. (Đây là mười niệm được vãng sinh).

IV. Ưu-bà-di được vãng sinh, có năm người:

1. Vợ của Tĩnh Văn: Huyện Úy Ôn không rõ họ gì, là người Tấn, Dương Tinh châu, sớm mang bệnh bán thân bất toại, thường nằm trên giường.

Chồng bảo vợ rằng:

- Suốt ngày nằm đất, sau không niệm Phật?

Vợ hỏi chồng:

- Niệm Đức Phật nào?

Chồng đáp:

- Niệm Phật Di-đà.

Trong vòng hai năm miệng thường niệm Phật, bỗng nhiên tội chướng tiêu trừ, hiện tiền được thấy cõi nước Đức Phật Di-đà, bà vui mừng tạ ân chồng rằng: "Lúc bệnh hoạn dài lâu tôi làm khổ ông quá nhiều, nay may thay được Ông dạy cho pháp niệm Phật A-di-đà!"

Hôm sau liền đi mời cha mẹ anh em thiết riêng một bữa chay để từ biệt họ.

Chồng nghi ngờ hỏi:

- Lẽ nào có việc phàm phu mà được thấy cõi Phật, chẳng phải là cái thấy của kẻ phong tà điên loạn sao?

Vợ đáp:

- Quả nhiên chẳng phải là bị bệnh phong cuồng.

Bà bèn thưa với cha mẹ và những người thân quyến rằng lúc bà thiết trai thì đến. Bà sai người trải năm tấm thảm ở phía trước phàm tăng, nghĩ định Thánh chúng sẽ ngồi. Đến thời bà xa thấy Thánh chúng ở trên hư không nhưng không xuống, liền thầm nghĩ rằng vì e Tăng còn tạp uế Thánh chúng không chịu ngồi chung nên bèn sai người đem thảm để trên bình đầu nhà để Thánh chúng ngồi rồi đem thức ăn dâng cúng. Lúc chúng Tăng ăn xong bà thúc giục cả nhà tập họp lại, rồi nói pháp chỉ dạy: "Tôi nay gấp theo Thánh chúng vãng sinh Tây phương, mong rằng cha mẹ bà con thảy đều niệm Phật, ngày sau sẽ vãng sinh Tây phương Tịnh độ không thể nghĩ bàn." Bà nói xong mặt hướng ngay phương Tây, cùng chúng niệm Phật, ngay đó liền mạng chung. Hạng người như thế thật không thể kể hết.

2. Lại trong khoảng năm Đại Nghiệp đời Tùy, ở Cú sơn huyện Vấn thủy Tinh châu có một làng, trong đó có lão ông và lão bà hai người không con cái. Trong nhà có mười lăm miệng ăn, lương thực đủ tự nuôi sống quanh năm. Hai vị đều hiểu rõ cuộc đời là khổ đau, không thật nên vào ngày 29 mỗi tháng thường thỉnh hai vị sơn tăng tụng kinh

niệm Phật suốt đêm, sáu mươi gia đình trong làng đều đến tùy hỷ nghe pháp và thọ giới. Thường thường vào ngày cuối tháng đều thiết trai như thế. Hễ vào lúc thiết trai lão mẫu giữ gìn thanh tịnh, tự tay mình làm thức ăn.

Lão phụ bảo lão mẫu rằng? “Thân thể bà đã suy yếu, chỉ nên dạy bảo gia nhân, sao phải tự tay làm cho mệt nhọc?”

Lão mẫu nói lão phụ rằng: “Tôi sợ không biết nhắm mắt lúc nào nên không thể nhờ người khác, như dạy bảo gia nhân thì đó chỉ là phước thiện của họ mà thôi.”

Vì thế hễ mỗi lúc thiết trai bà đều tự tay làm lấy. trong vòng hai, ba năm tương tục không dứt, công đức tu tạo, hạnh nghiệp tụng kinh niệm Phật, bà đều hồi hướng Tịnh độ. Ngày lâm chung người trong thôn đều đông đủ, đầu đêm bỗng có hào quang chiếu vào phòng khiến đèn nến mờ nhạt, ánh sáng giống như ban ngày, đâu đây đều vang tiếng niệm Phật, một lát sau thì thấy rất đông Bồ-tát cầm bảo cái trang nghiêm vi diệu đầy khắp trong sân, lúc đó lão bà liền mạng chung có tướng thắng diệu như thế.

3. Lại niên hiệu Trinh Quán đời Đại Đường: Trở lại, không rõ tháng năm nào, về phía Đông huyện Vĩnh An, châu Lạc tám dặm có một làng tên là Bàn Long, trong đó có một bà lão mù lòa, họ Lương. Nhân có thầy dạy bà niệm Phật A-di-đà, cũng nhờ đời trước có gieo trồng căn lành nên qua một lần chỉ dạy, từ đó về sau bà niệm Phật tương tục. Sau ba năm, hai mắt sáng trở lại, mắt đã sáng rồi bà càng thêm tụng niệm. Lại tròn bốn năm khi nghiệp báo cõi diêm phù đã hết, lúc sắp mạng chung, mọi người trong làng đều thấy chư Phật, Bồ-tát cầm tràng phan, bảo cái xuống nghênh rước, lúc đó bà liền mạng chung. Cả làng đều kính ngưỡng cho bà là bậc phi phàm nên không cho chôn cất mà cùng nhau xây tháp thờ bà ở phía Tây làng. Tháp nay hiện vẫn còn ở bên đường, những người trong thôn qua lại trước tháp không ai không hết lòng kính ngưỡng, người lớn kẻ nhỏ trong làng đều xưng tán Phật.

4. Lão Bà họ Bùi: Là người Tấn Dương Tinh Châu. khoảng niên hiệu Trinh Quán trở lại, gặp thầy dạy dùng hạt đậu nhỏ đếm khi niệm Phật, bà niệm Phật A-di-đà được mười ba thạch. khi báo thân đã hết bà tự biết cõi mình được sinh về, bèn từ biệt người đạo kẻ tục khắp nơi, nói sẽ ra đi vĩnh viễn. Hôm sau vào lúc thiết trai, bà bảo người trong nhà rằng: “Hãy lấy lửa đốt hương, Đức Phật A-di-đà đem đến hai đài liên hoa và trao cho tôi một cái”. nói xong bà liền mạng chung.

5. Diêu Bà: (lão bà họ Diêu) đã có chồng, là người huyện Lễ

Tuyền Ung châu. Bà được thầy dạy lấy việc niệm Phật A-di-đà làm hạnh nghiệp, khoảng năm Trinh quán thứ hai mươi hai, ngày hai mươi tháng bảy, lúc bà mất, Đức Phật A-di-đà và Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí cùng vô lượng Bồ-tát đều đến nghênh rước. Vì chưa từ biệt Phạm bà (lão bà họ Phạm), vị Thiện tri thức của mình, bà thỉnh Phật cho đợi thêm giây lát, Đức Phật liền hứa khả, lát sau Phạm bà đến, bà ngoảnh về Phạm bà, nói xong từ biệt mà đi.

CHƯƠNG VII

So sánh sự hơn kém giữa cõi tây phương và đâu-suất.

Hỏi: Cõi Đâu-suất Thiên cung và Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà, hai cõi này đều là cõi mà kinh Phật tán thán, nhưng tôi chưa biết cõi nào hơn, cõi nào kém?

Đáp: Hai cõi này đều có ba nghĩa, chưa biết ông hỏi về nghĩa nào. Ba nghĩa đó là:

Hóa chủ: Là Phật.

Xứ sở: Là thế giới.

Chúng sinh được hóa độ: Là người vãng sinh.

Nếu nói về nghĩa Hóa chủ thì hai Phật như nhau, đồng là đấng Pháp vương, đều được tôn xưng là Đấng Thiện Thệ, thân tướng đầy đủ muôn đức, cõi nước vạn điều tốt đẹp cũng đều để hóa độ chúng sinh. Nếu như ở cõi uế thì gò nổng đầy khắp mọi nơi, còn ở cõi Tịnh thì các vật báu lạ khắp chốn. Nhưng nếu muốn so sánh về công đức thì hai Phật không có hơn kém, còn luận về cõi nước thì có sự hơn, kém. Vả lại Thiên cung cõi Đâu-suất thì được thành lập trên không, còn thế giới Cực lạc thì được an lập trên đất. Thế thì chỗ ở hư không (Đâu-suất) và thật (Tịnh độ) khác nhau, nẻo người, trời sai biệt. Nếu căn cứ cõi này (Sa-bà) để luận về việc thác sinh, thì cõi trời là ưu việt, cõi người là hạ liệt. Còn luận về sự tịnh, uế thì Đâu-suất tuy là thiên cung nhưng vì có người nữ nên gọi là uế, cõi Cực lạc tuy là địa giới nhưng vì không có nữ nhân nên gọi là tịnh. Tịnh và uế này có mười loại khác nhau:

1) Có người nữ và không có người nữ khác nhau: Cõi Đâu-suất nam và nữ ở lẫn lộn, còn cõi Cực lạc chỉ có nam không có nữ.

2) Có dục và không dục khác nhau: Đâu-suất có thượng tâm dục, nhiễm trước cảnh, còn cõi Cực lạc không có thượng tâm dục nên thường phát tâm Bồ-đề.

3) Thối, bất thoái khác nhau: Cõi Đâu-suất có thoái chuyển, còn cõi Cực lạc thì không thoái chuyển.

4) Thọ mạng khác nhau: Cõi Đâu-suất thọ mạng bốn nghìn năm nhưng vẫn có thể chết yểu giữa chừng, còn cõi Cực lạc thọ mạng vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, không có người chết nửa chừng.

5) Tâm có ba tánh khác nhau: Cõi Đâu-suất thì tâm có ba tánh xen khởi nên ác tâm khiến đọa địa ngục, còn cõi Cực lạc chỉ có người thiện tâm sinh về đó nên vĩnh lìa ác đạo.

6) Ba thọ tâm khác nhau: Cõi Đâu-suất ba thọ xen khởi, còn cõi Cực lạc chỉ có lạc thọ.

7) Sáu trần cảnh khác nhau: Sáu trần cõi Đâu-suất khiến người phóng dật, còn sáu trần cõi Cực lạc khiến người phát tâm Bồ-đề.

8) Thọ sinh khác nhau: Đối với cõi Đâu-suất thì nam sinh trên đầu gối cha, nữ trên đầu gối mẹ, còn cõi Cực lạc thì thọ sinh trên hoa sen trong ao bảy báu.

9) Thuyết pháp khác nhau: ở cõi Đâu-suất chỉ có Phật và Bồ-tát thuyết pháp, còn ở cõi Cực lạc nước, chim, rừng, cây đều có thể thuyết pháp.

10) Chứng quả khác nhau: Người sinh về Đâu-suất hoặc chứng Thánh hoặc không, còn người sinh về Cực lạc nhất định chứng vô thượng Bồ-đề.

Nếu đứng về nghĩa này mà so sánh thì cõi Tây phương rất ưu việt, cõi Đâu-suất rất kém cỏi vậy. Còn như luận về người vãng sinh thì vãng sinh về Tây phương dễ, sinh lên Đâu-suất khó. Sự khó và dễ này cũng có bảy loại khác nhau:

Xứ khác nhau: Cực lạc là cõi người, Đâu-suất là cõi trời. Thế thì sinh lên cõi trời (Đâu-suất) khó, sinh về cõi người (Cực lạc) dễ.

Nhân khác nhau: Đối với cõi Cực lạc người chỉ giữ năm giới cũng được vãng sinh, còn cõi Đâu-suất phải tu đủ mười nghiệp thiện mới được sinh lên.

Hạnh khác nhau: Đối với cõi Cực lạc người niệm Phật nhẫn đến mười niệm thành tựu liền được vãng sinh (rút trong kinh Quán), còn đối với cõi Đâu-suất phải đủ ba pháp Bố thí, trì giới, tu nhân mới được sinh lên (trong kinh Di-lặc).

Tự lực, tha lực khác nhau: Đối với cõi Cực lạc hành giả nương tha lực bốn mươi tám đại nguyện của Đức Phật A-di-đà để vãng sinh, còn sinh về cõi Đâu-suất không có nguyện để nương, chỉ sinh lên nhờ tự lực.

Có thiện tri thức, không thiện tri thức khác nhau: Cõi Cực lạc có hai vị đại Bồ-tát là Quán Thế Âm và Đại Thế Chí thường đến Sa-bà

khuyến tấn vãng sinh, lúc lâm chung tay bưng đài Kim cang đến đón rước hành giả, hết lòng tán thán khuyến tấn tâm mình, liền được vãng sinh. Còn cõi Đâu-suất không có hai vị Bồ-tát này, chỉ do sự nỗ lực để được sinh lên.

Kinh luận khuyên vãng sinh nhiều ít khác nhau: Đối với cõi Cực lạc trong các kinh đều tán thán, trong các luận đều khuyên vãng sinh, còn đối với cõi Đâu-suất không những trong kinh ít tán thán mà trong luận cũng ít khuyên sinh lên.

Xét các Đại đức xưa nay, hướng về nhiều ít khác nhau: Đối với cõi Cực lạc các bậc đại trí, danh tăng từ thời thượng cổ đến nay hướng về đó rất nhiều, cón đối với cõi Đâu-suất, các bậc đại đức từ thời thượng cổ đến nay nguyện sinh lên thì ít.

Do nghĩa này nên vãng sinh Tây phương thì dễ, còn sinh lên Đâu-suất thì hơi khó vậy.

CHƯƠNG VIII

Nói rõ về thời điểm giáo thuyết hưng khởi chính là lúc sám hối niệm Phật.

Hỏi: Phật đạo rỗng không cần phải từ tuệ mà thành; Niết-bàn áo nghĩa sâu kín ắt cần nhờ định mà sinh. Thế thì định, tuệ là nền tảng của muôn hạnh, muôn hạnh là gốc của đại đạo. Nay bèn chuyên chú tôn sùng niệm Phật, quán tưởng cảnh giới Tây phương, như thế tôi vẫn còn do dự, mong ngài giải thích cho.

Đáp: Phật giáo vô lượng pháp môn, mối manh chẳng phải một; chúng sinh không đồng, căn tánh muôn ngàn sai khác. Không những pháp được phân biệt theo người nên giáo có cạn, sâu không đồng mà người cũng được phân biệt theo thời nên căn tánh có lợi, độn sai khác. Vì thế đối với giáo thì mở thành tám vạn bốn nghìn pháp môn, thời thì phân làm năm loại sai biệt. Do vậy mà bảo rằng hành giả tu đạo cần phải quán thời, nếu thời và giáo khế hợp thì Phật đạo dễ chứng, thời và giáo trái nhau thì Bồ-tát không thể chứng đắc. Cho nên kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Lúc hành giả nhất tâm cầu đạo thường phải quán sát thời và phương tiện. Nếu không hợp thời và không có phương tiện thì gọi đó là trái, chẳng gọi là lợi."

Như kinh Đại tập, phần nguyệt tạng, thời ra làm năm trường hợp:

1. Sau khi Phật diệt độ, năm trăm năm thứ nhất các đệ tử của Ta Tu Tuệ được kiên cố, gồm tu các hạnh.

2. Năm trăm năm thứ hai tu định được kiên cố, gồm tu các hạnh.

3. Năm trăm năm thứ ba nghe nhiều, đọc tụng được kiên cố, gồm tu các hạnh.

4. Năm trăm năm thứ tư, tạo lập chùa tháp, tu phước sám hối được kiên cố, gồm tu các hạnh.

5. Năm trăm năm thứ năm thiện pháp bị ẩn tàng, ngưng trệ, phần nhiều có sự tranh cãi, ít có hiện pháp được kiên cố.

Nếu căn cứ kinh này thì nay là hơn năm trăm năm thứ tư, đã không có phần định, tuệ mà chỉ có tu phước sám hối, tu phước sám hối là điều hết sức thiết yếu. Khi xét các kinh, luận thì thấy rằng lễ Phật, niệm Phật, quán sát tướng hảo của Phật là pháp rất thù thắng vậy. Cho nên kinh Quán nói rằng: "Nếu hay chí tâm niệm Phật A-di-đà thì trong mỗi niệm diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử". Nay đã ước định thời và căn tánh, nếu hành giả không có phần định, tuệ thì phải chuyên niệm Phật A-di-đà cầu sinh Tịnh độ, đây là con đường cốt yếu vậy. Nếu tự biết mình có phần định, tuệ thì ở cõi này (Sa-bà) tu đạo cầu vô thượng Bồ-đề, còn tự biết mình không có phần định, tuệ thì phải tu hạnh Tịnh độ, đồng thời trong khi tu Tịnh độ lại cầu vô thượng Bồ-đề. Nên luận Trí độ nói: "Hành giả cầu A-bệ-bạt trí có hai con đường: Một là con đường khó đi, hai là con đường dễ đi, như đường thủy và đường bộ. Ở cõi này (Sa-bà) tu đạo thì khó cũng như đi đường bộ, sinh về Tịnh độ tu đạo thì dễ cũng như đi đường thủy vậy." Lại Đức Phật hóa độ chúng sinh tự có bốn pháp, như kinh Chánh Pháp Niệm nói: "Một là dùng thuyết pháp hóa độ chúng sinh, hai là dùng quang minh tướng hảo hóa độ chúng sinh, ba là dùng thần thông đạo lực hóa độ chúng sinh, bốn là dùng danh hiệu hóa độ chúng sinh." Trong bốn pháp, đối với tướng hảo và danh hiệu Phật thì chính lúc này phải quán sát tướng hảo Phật A-di-đà và xưng niệm danh hiệu Phật vậy. Như kinh Vô Lượng Thọ nói: "Vì chúng sinh đời vị lai nhận chịu năm thứ khổ, năm thứ đau đớn, năm thứ thiêu đốt nên muốn khiến chúng sinh tu hạnh Tịnh độ." Lại như kinh Quán nói: "Ta vì tất cả phàm phu đời vị lai bị giặc phiền não hại mà nói hạnh Tịnh độ." Như kinh Di-đà nói: "Vì chúng sinh đời ngũ trược mà thuyết hạnh Tịnh độ." Các kinh như Thanh Tịnh Giác, Cổ Âm Thanh Vương, Đại Tập đều thuyết như thế. Căn cứ các kinh này thì thấy rằng các kinh đều vì chúng sinh đời vị lai, cho nên biết rằng lúc này chính là lúc niệm Phật tu hạnh Tịnh độ vậy. Nếu sinh về Tịnh độ thì không những vĩnh viễn lìa xa ác đạo mà còn chóng được vô thượng Bồ-đề (Đây là đại ý các kinh luận).

CHƯƠNG IX

Dạy người pháp ưa, chán; khuyên tinh tấn thân tâm (khiến chán cõi uế, ưa cõi tịnh).

Hỏi: Nay đã là năm trăm năm thứ tư, chúng sinh không có phần định, tuệ mà chỉ sám hối niệm Phật kiên cố, vì sao ngài dạy người những pháp ưa thích và nhàm chán, khuyên tinh tấn thân tâm khiến tất cả chúng sinh đều chán cõi Sa-bà xấu ác cầu được vãng sinh Tịnh độ?

Đáp: Nay tôi dẫn kinh luận và đạo lý để dạy người về các pháp ưa thích và nhàm chán.

Nếu chúng sinh thọ nhận lời Phật dạy thì đối với thế giới Sa-bà sẽ rất nhàm chán, còn đối với thế giới Cực lạc lại sinh lòng ưa thích. Bởi vì nếu hay phát tâm Bồ-đề, chuyên niệm Phật A-di-đà, tất cả đều được vãng sinh Tịnh độ. Nếu chúng sinh đối với pháp môn này không sinh lòng tin ưa, khó dạy khó ngộ, khó vớt khó thoát thì người này không thể cứu được. Nên kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Giác nói: "Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe nói về pháp môn Tịnh độ, tâm sinh tha thiết vui mừng, tóc lông dựng đứng như sắp bứt ra, phải biết thân mạng người này nhiều kiếp trong quá khứ đã hành Phật đạo. Nếu lại có người khi nghe triển khai pháp môn Tịnh độ mà không sinh tâm tin ưa, phải biết người này mới từ ba ác đạo thác sinh, đến nay, tội lỗi chưa hết, Ta bảo người này chưa có thể giải thoát." Nay y theo các kinh Niết-bàn... để khuyến tấn kẻ hậu học có trí trong lúc đêm khuya thanh vắng nên ngồi kiết già tự tư duy: "Thân này của ta mong manh như bọt nước, niệm niệm không dừng, nhà lửa là nơi không an ổn, lẽ nào lại an nhiên không tự quán sát, không chút lo sợ?" Lại tự suy nghĩ: "Ta nay đang ở nơi đâu? Nghiệp thân khẩu ý thường khởi việc gì? Nếu vô thường chợt đến phải thọ sinh vào chốn nào? Những ác nghiệp từ vô thỉ, nghiệp nào mạnh sẽ dẫn dắt ta đọa lạc về đó, khoảng từ sớm đến chiều đã là người trong địa ngục, ta còn được an ổn ngủ nghỉ trên giường này được bao lâu nữa? Vô lượng vô biên chư Phật và chư Bồ-tát trong quá khứ đã thị hiện ở đời để độ thoát chúng sinh, còn ta trôi dạt nơi nào không cầu mong Phật giáo hóa? Cũng đều vì từ vô thỉ đến nay ta bất kính Tam bảo, không gần gũi thiện nhân, không vâng lời Thiện tri thức dạy, thường ở trong ba đường ác luôn không được gặp chư Phật. Đối với mười phương Tịnh độ không khổ không não ta vì sao không được vãng sinh mà thường rơi vào cõi uế này lắm điều đau khổ? Nay thân này khó được lại dễ mất, như kinh Niết-bàn nói: "Thân người khó được như đất dính trên đầu móng tay, còn thân đọa lạc trong ba ác đạo thì nhiều như đất đại địa." Ta thọ thân

từ vô thỉ kiếp đến nay kiếp số không thể tính kể, ở trong mỗi kiếp thọ thân không thể tính kể, ở trong mỗi thân tạo nghiệp nhiều như vi trần không thể tính kể, quả báo mà mỗi mỗi ác nghiệp chiêu cảm không thể tính kể, trong mỗi quả báo thọ muôn vàn khổ não không thể tính hết. Thọ nhận các khổ như thế cũng đều do ta si mê không biết vâng lời Thiện tri thức, thường phải đọa trong địa ngục. Quá khứ đã thọ, hiện nay đang thọ, vị lai sẽ thọ chưa có khi nào ngừng nghỉ. Lại nay thân này từ khi thọ sinh đến giờ vì cầu cơm áo, hoặc là người tục phải nuôi sống vợ con, hoặc là xuất gia mà cầu danh tìm lợi, thường tạo đủ các ác nghiệp. Đối với các ác nghiệp như thế, nếu là nghiệp nhẹ cũng phải chịu quả báo trong năm trăm đời, còn như nghiệp nặng thì trải hàng mấy kiếp. Nếu không phát tâm Bồ-đề hổ thẹn sám hối, một khi đọa vào ác đạo sẽ không có ngày ra, khoảng từ sớm đến chiều liền đọa vào lò lửa vạc dầu, núi dao rừng kiếm, trăm kiếp ngàn đời thọ nhận tất cả các khổ sâu nặng dài lâu. Quá khứ thân tâm đã thọ các khổ, các khổ đời vị lai cũng không bờ mé, khó bỏ khó lìa mà không hiểu biết, phàm phu như thế thật là đáng thương. Người trí tư duy như thế phải giữ tâm ý cẩn thận, há có thể an nhiên mà buông lung thân tâm không tự suy xét? Lại suy nghĩ rằng: "Thân ta phước mỏng trí chậm, sinh sau thời Phật Thích-ca, trước Đức Di-lặc, há chẳng phải trong quá khứ vì ta kiêu mạn giải đãi, bất kính Tam bảo, khinh mạn thiện nhân, không vâng lời Thiện tri thức, thường ở trong ba ác tám nạn sinh ngu si vô trí? Lại nơi thân này khinh chê tam bảo, khi miệt thiện nhân, không vâng lời Thiện tri thức. Thế thì ở đời vị lai làm sao được gặp Tam bảo, được sinh vào cõi thiện? Lại nữa, thân này dầu muốn tu đạo cũng không được an ổn, vì ở thế giới Sa-bà này, con người thọ mạng ngắn ngủi, nhiều ác tri thức, luôn làm việc ác. Hoặc áo cơm không đủ, hoặc bị vua quan bức bách, người khác khinh chê, phỉ báng, thường bị não loạn không được an ổn, vừa khởi thiện tâm liền thối thất. Lại nữa, thân này chỉ là do ba mươi sáu thứ bất tịnh tạo thành, thường chảy nơi cửu khiếu, cũng như đồ phân tiểu không nên yêu thích. Còn có sinh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ ấm thạnh khổ theo đuổi luôn luôn. Người trí nên phải quán sát thân này xem như vật oan gia, như đống phân; đối với nhà cửa đồ nằm xem như gò mả, như da người; đối với đồ ăn thức uống xem như giòi bọ, như nước bẩn; đối với vợ con quyến thuộc xem như quỷ la-sát, như ác quỷ. Nếu tâm thường quán sát tư duy như thế thì đối với thân này hết sức nhàm chán, nguyện đời đời kiếp kiếp mãi mãi không thọ thân này, cũng không ưa thích cùng sống

chung với thân này. Vì thân này là oan gia của ta, thường dẫn ta vào ba đường ác, có người trí nào đắm trước thân này? Như kinh Di Giáo nói: "Đây là vật tội lỗi nên bỏ, giả hợp gọi đó là thân, bị chìm đắm trong biển lớn sinh, lão, bệnh, tử, có người trí nào khi diệt trừ được nó mà không vui mừng?"

(Hết phần nhàm chán)

Bây giờ nói rõ phần ưa thích. Người trí lại khởi niệm rằng: Thân ta nay sinh vào năm trăm năm thứ tư, thời mà tất cả Thánh nhân đều ẩn hình không hiện, tuy muốn tu đạo nhưng không có phần định, tuệ nên đây chính là lúc sám hối niệm Phật. Như trong kinh nói: "Đức Phật A-di-đà chèo mái từ bi, cỡi thuyền đại nguyện hóa độ tất cả chúng sinh khổ não. Nếu có người chí tâm niệm Đức Phật A-di-đà thì mỗi niệm mỗi niệm diệt được tội lỗi trong tám mươi ức kiếp sinh tử, lúc mạng chung người đó nhất định được sinh về Tịnh độ, thọ hưởng an vui, đạt được ngũ thông, bước lên địa vị bất thoái. Cõi báu rừng hoa tùy ý ngao du, viên âm thật tướng mặc tình nghe nhận; trong đài Liên hoa Đức Phật thân sắc vàng chói sáng, trên tòa Kim cang ba mươi hai tướng đại trượng phu rạng rỡ; bên thềm thất bảo quỳ hỏi lời bất nhị, trong ao bát đức rửa sạch cấu nhiễm vô minh. Mặc áo nhung lụa vừa vặn thân thể, ăn cơm trăm vị đầy ắp chén bát, đi thì có hoa sen đỡ chân, ngồi thì hoa báu nâng mình, nơi chòm cây lá lưu ly lay động, ở trong rừng hoa mã não rung cành, hương thơm ngào ngạt khắp nơi, trái ngọt đung đưa óng ánh. Lan can được chạm bằng tứ bảo, mặt đất lấp lánh thất trân, sáo phát ngàn thanh, lầu tỏa muôn sắc. Các loài chim như Bạch hạc, khổng tước thường diễn pháp Ngũ căn; Anh võ, Xá-lợi thường tuyên Bát chánh đạo, Đức Phật Di-đà sắc tướng rõ ràng, Bồ-tát Quán Âm tướng tốt đầy đủ. Các việc như thế không thể nghĩ bàn, có người nào khi nghe những lời này mà không vui mừng? (Hết phần ưa thích).

Hỏi: Trên ngài đã dạy về pháp ưa thích và chán, đối với người trí thì đã ngộ, còn kẻ độn căn vẫn chấp mê chưa tỉnh, nếu nay dạy họ phát tâm tinh tấn thì có thể khiến họ vãng sinh Tịnh độ được không?

Đáp: Như phần cuối tiểu kinh A-di-đà nói: "Mười phương chư Phật đều đưa ra tướng lưỡi rộng dài trùm khắp ba ngàn đại thiên thế giới" đều khuyên dạy tất cả chúng sinh vãng sinh Tịnh độ. Nhưng có chúng sinh không thọ nhận lời Phật dạy khó dạy khó ngộ, khó cứu vớt, khó giải thoát, thì biết làm sao đây? Những chúng sinh này nếu dựa theo kinh Vô lượng thanh tịnh giác nói thì họ mới từ địa ngục sinh lên

đậy, tội lỗi chưa hết. Cho nên kinh này nói: "Như có thiện nam, thiện nữ nào khi nghe nói về pháp môn Tịnh độ mà tâm sinh tha thiết vui mừng, tóc lông dựng đứng, phải biết những người này trong quá khứ đã hành Phật đạo. Nếu lại có người khi nghe nói pháp môn Tịnh độ mà không sinh lòng tin ưa, phải biết những người này mới từ ba ác đạo sinh đến đây, tội lỗi chưa hết, vì thế mà không có lòng tin và chí nguyện, Ta bảo những người này chưa có thể giải thoát được." Cho nên kinh Vô Lượng Thọ nói rằng: "Kiêu mạn, hại, giải đãi, không thể tin pháp này."

Lại kinh Vô Lượng Tịnh Giác và kinh Vô Lượng Thọ, mỗi kinh đều nói: "Đường thắng diệu vô cùng, dễ mà không ai đi."

Cõi Tây phương là con đường thắng diệu vô cùng. Như có người trong bảy ngày thường chuyên tâm niệm Phật, tất cả thiện căn tu tập thảy đều hồi hướng, thì người đó liền được vãng sinh, mãi mãi lìa xa ba đường ác, nhập địa vị bất thoái, đây gọi là dễ đi. Nhưng có chúng sinh không chịu tin thọ, đam mê ngũ dục, muốn vào ác đạo như trùng trong nhà xí, đây gọi là không có người chịu đi vậy. Lại Đức Phật A-di-đà cùng Bồ-tát Quán thế Âm, Đại thế Chí cỡi thuyền đại nguyện xuôi dòng sinh tử đến thế giới Sa-bà giáo hóa chúng sinh, khiến tất cả đều bước lên thuyền đại nguyện đưa về Tây phương. Nếu có chúng sinh nào bước lên thuyền đại nguyện thì tất cả đều được đưa về, đây gọi là dễ đi. Đấng Thích-ca Như Lai và mười phương chư Phật, chư vị Bồ-tát như các ngài Phổ Hiền, Văn-thù, Thiên Thân, Long Thọ hoặc đưa ra tướng lưỡi rộng dài, hoặc phóng bạch hào quang, hoặc nói năm niệm huyền môn, hoặc dạy thập nhị tán lễ ân cần khuyến tấn khiến chúng sinh được sinh về Tịnh độ. Nhưng chúng sinh không sinh lòng tin ưa, không chịu về, đây gọi là không người vậy. Lại chúng sinh từ vô thỉ đến nay tạo các ác nghiệp còn hơn số cát sông hằng, mỗi mỗi ác nghiệp chiêu cảm quả khổ cũng hơn số cát sông hằng. Nếu có người trong bảy ngày hoặc trong mười ngày thường chuyên tâm niệm Phật thì trong mỗi niệm diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử, dứt hết khổ đau thẳng sinh Tịnh độ. Đây là dễ đi. Nhưng chúng sinh chạy theo tài sắc đẹp, tham đắm lợi danh không sớm phát tâm, khi vô thường chợt đến phải đọa tam đồ, trăm ngàn vạn kiếp không có ngày ra, đây gọi là không người vậy. Lại có chúng sinh tin lời chư Phật, Bồ-tát và các Thiện tri thức, không làm theo ác tri thức, nhẫn đến tin rằng những chúng sinh tạo tội thập ác ngũ nghịch, lúc lâm chung nếu mười niệm được thành tựu thì liền vãng sinh, đây gọi là dễ đi. Nếu có chúng sinh không tin lời Phật, Bồ-tát và Thiện tri thức, nương theo những vị Tăng không có học vấn và người

thế tục vô trí, trích dẫn kinh luận, giải thích Đại thừa một cách sai lầm để dối gạt người khác, khiến Phật pháp rối loạn, mê hoặc chúng sinh phế bỏ việc niệm Phật, thối thất thiện căn phải đọa lạc Tam đồ không được vãng sinh, đây gọi là không người vậy. Nếu có người nghe nói ai chuyên niệm Đức Phật A-di-đà thì được sinh về Tịnh độ, liền sám hối ác nghiệp, tu tập thiện căn, giữ giới thanh tịnh, chuyên niệm danh hiệu Phật được nhất tâm bất loạn đến trăm vạn biến, lúc lâm chung chánh niệm hiện tiền, Phật liền đến rước, đây là dễ đi. Nếu có chúng sinh dầu nghe nói về Đức Phật A-di-đà mà vẫn cố tạo tội, tuy có niệm danh hiệu Phật, nhưng tâm còn duyên năm dục, đây là người tạp niệm bị kiết sử trói buộc, lúc lâm chung tâm bị điên đảo, Phật không đến rước, đây gọi là không người vậy.

Hỏi: Kinh tuy nói niệm Phật bảy ngày tức được vãng sinh, chưa biết phải niệm bao nhiêu danh hiệu Phật mới được vãng sinh?

Đáp: Như Thiền sư Đạo Xước khi xem xét văn kinh thấy rằng chỉ có thể niệm Phật nhất tâm bất loạn, được trăm vạn biến trở lên thì nhất định được vãng sinh. Lại Ngài y theo pháp bảy ngày niệm Phật trong kinh A-di-đà nói mà thực hành, trong lúc niệm Phật đếm được trăm vạn biến. Thế nên các kinh như kinh Đại tập, kinh Dược sư, kinh A-di-đà đều dạy mọi người bảy ngày niệm Phật. Ý này đã rõ ràng vậy.

Hỏi: Tội lỗi cũa chúng sinh tích chứa lâu đời sâu nặng như núi, vì sao chỉ có mười niệm mà có thể diệt được bao nhiêu ác nghiệp như thế? Dầu niệm đến trăm vạn biến đi nữa cũng là rất ít; ác nghiệp nếu không diệt hết thì vì sao lại được vãng sinh Tịnh độ?

Đáp: Đây có ba nghĩa:

1. Không cần diệt hết các ác nghiệp như thế, chỉ cần lúc lâm chung được vãng sinh Tịnh độ. Nếu lúc lâm chung chánh niệm hiện tiền thì tâm này có thể dẫn dắt các thiện nghiệp mà mình tạo tác từ vô thỉ đến nay, các thiện nghiệp này cùng trợ giúp lẫn nhau khiến liền được vãng sinh vậy.

2. Danh hiệu chư Phật thành tựu muôn đức, nên chỉ cần nhất tâm niệm Phật thì trong mỗi niệm gồm thâu muôn đức. Cho nên kinh Duy-ma nói: “Đối với nghĩa ba câu này chúng sinh trong ba nghìn thế giới đều như ngài A-nan, bậc đa văn đệ nhất, dầu trải qua kiếp số dài lâu cũng không thể thọ nhận hết.

Ác nghiệp vô thỉ từ vọng tâm sinh, công đức niệm Phật từ chân tâm hiện. Chân tâm sáng rỡ như mặt trời, vọng tâm u ám như đêm tối, chân tâm một khi vừa khởi thì vọng tâm liền diệt, cũng như mặt trời mới

mọc, tất cả tối tăm đều được tiêu trừ.

Do ba nghĩa này cho nên lúc lâm chung mười niệm thành tựu thì nhất định được vãng sinh.

Hỏi: Tịnh độ thù thắng vi diệu là cõi đấng Pháp vương trụ; đài tạng Liên hoa chẳng phải là nơi phàm phu ở. Theo lẽ, hễ phàm phu thì sinh nơi cõi phàm, còn Thánh nhân thì ngao du cõi Thánh, chứ đâu có thể phàm phu thấp kém mà sinh vào cõi diệu?

Đáp: Căn cứ bốn mươi tám đại nguyện thì cõi Tịnh độ tuy vi diệu nhưng vốn để phàm phu thành tựu đạo nghiệp còn đài tạng Liên hoa nguyên là chỗ để thác sinh. Nếu là phàm phu thì không thể ngao du Tịnh độ. Còn đã là đấng Pháp vương thì sao phải dấn thân vào ngũ trược? Tuy nhiên, dù là đấng Pháp vương mà vì giáo hóa chúng sinh nên thị hiện nơi đời ngũ trược; cũng vậy, tuy là phàm phu nhưng vì cúng dường chư Phật nên sinh về Tịnh độ. Lý này đã rõ vậy. Lại Tịnh độ là cõi do chư Phật từ bi phương tiện lập riêng ở một phương để trừ bỏ nữ nhân và cảnh giới ngũ dục, khiến chúng sinh ở trong đó tu đạo, đây là cõi hóa sinh trong tứ sinh nên chẳng phải cực diệu. Cũng như trong thành ấp riêng dùng một nơi để xây dựng Già lam, trừ bỏ việc thế tục để chúng tăng tu đạo, chỉ có những chúng sinh vào Già lam mới dễ phát thiện tâm. Tịnh độ cũng như thế. Đến được cõi này cũng như sinh vào cung điện Lục dục thiên, ngôi nhà vi diệu tứ thiền, về y báo, tâm là trân báu lạ kỳ, còn chánh báo thì thân tướng quang minh thù diệu, y phục nhiệm mầu, thức ăn trăm vị, ngồi nằm trong cung điện hoa lệ, ngao du đó đây thỏa thích. Cõi như thế há chỉ là nơi của đấng Pháp vương cư trú, mà đều là do nhân lành của phàm phu chiêu cảm nên có các thứ kỳ diệu này hiển hiện vậy.

Hỏi: Như các kinh luận Đại thừa đều nói vô tướng vô sinh, vì sao kinh này khuyên dạy chúng sinh quán nơi tướng cầu sinh Tịnh độ?

Đáp: Nghi vấn như thế đều không thuận lý, lẽ ra nên bỏ qua, còn nếu muốn trả lời nên hỏi vặn rằng: "Chư Phật có tám vạn bốn ngàn pháp môn, ông hỏi pháp môn nào? Tây phương Tịnh độ thâu về pháp gì, vô tướng vô sinh nhiếp về môn nào?" Người kia nếu trả lời rằng hai pháp này chỉ là một môn thì tức là người ngu si, không thể bàn luận với họ. Còn như đáp rằng vô tướng vô sinh là lý, hữu tướng hữu sinh là sự thì nên đáp rằng: Như thế là ông đã rõ rồi, cần gì phải hỏi tôi nữa. Còn nếu muốn tôi trả lời, thì xin đáp rằng: Chư Phật có tám vạn bốn nghìn pháp môn, mỗi mỗi sai biệt không tạp loạn nhau. Nếu nhiếp chung lại thì tức là hai đế: chân đế và tục đế. Hai đế này, có Phật, không Phật,

tánh tướng thường trụ, chẳng phải do người tạo tác. Nên Trung luận nói rằng: Chư Phật thuyết pháp thường y hai đế. Lại nói:

Như người không thể biết
Phân biệt làm hai đế
Tức nơi Phật pháp mầu
Không tỏ nghĩa chân thật.

Nay Tây phương Tịnh độ thông thường có ba loại:

1. Pháp thân Tịnh độ: đây tức vô tướng vô sinh.

2. Báo thân Tịnh độ: Y cứ nơi thật lý cũng vô tướng vô sinh, nhưng về sự thì hữu tướng hữu sinh.

3. Hóa thân Tịnh độ: Cũng là hữu tướng hữu sinh.

Nên Nhiếp luận nói: "Đối với Hóa thân chư Phật, lúc thì thị hiện lúc nhập Niết-bàn", nghĩa là sinh vào vương cung, tịch nơi song thọ. Nay khuyên dạy chúng sinh vãng sinh, nghĩa là sinh vào Hóa thân độ, như chúng sinh muốn vãng sinh thì chỉ quán nơi tướng. Trong pháp quán này có giả quán. Trước phải khởi giả tưởng quán khiến mỗi mỗi phân minh, rồi sau mới có thể khởi thật quán. Như hai pháp Nhật tưởng quán và Thủy tưởng quán trong mười sáu pháp quán là giả tưởng quán. Còn từ địa quán trở đi nương Tam-muội mà thành gọi là thật quán, thứ lớp phải như vậy.

Đây là cõi chúng sinh thọ sinh, tức là sự tướng, là tục đế, là pháp phải hành, là cõi thọ sinh, là thân phần đoạn, chết cõi này sinh về cõi khác, là pháp hữu lậu, hữu vi, nhiếp vào tam giới, có sống chết qua lại, trong tứ sinh nhiếp vào cõi hóa sinh, còn nếu khởi vô tướng vô sinh quán thì không có vãng sinh, vì theo lý thì pháp thân vô sinh vậy. Nếu muốn chỉ dạy cho người thì cũng có thể nói hữu sinh, cũng có thể nói vô sinh. Nếu lý và sự gồm tu thì được thượng phẩm thượng sinh vậy.

Hỏi: Như kinh Kim cang Bát-nhã nói:

Nếu thấy ta qua sắc
Tìm ta qua âm thanh
Người đó hành đạo tà
Không thể thấy Như Lai.

Lại kinh Phật Tạng nói rằng: "Người thấy Phật là đại tà kiến." Nay vì sao dạy người quán tám vạn bốn ngàn đức tướng của Đức Phật A-di-đà?

Đáp: Việc này trước đã trả lời rồi. Các kinh này đều đứng về lý pháp thân mà nói, nên trong kinh Kim Cang Bát-nhã có kệ.

Diệu thể Đức Như Lai

Tức pháp thân chư Phật
Pháp thể không thể thấy
Thức tánh không thể biết.

Nay quán tám vạn bốn nghìn tướng hảo của Đức Phật là quán sắc thân ứng hóa. Nếu khởi quán này thì phải tướng tướng phân minh, vẻ vẻ khác biệt, không được lẫn lộn làm một. Nếu có người nói, vạn pháp đều không thì còn lý, sự gì? Đây là người đại tà kiến, là người ngu si, là người không có học, là người dối gạt và mê hoặc thế gian, không nên bàn luận với họ. Vì thế, Trung luận nói:

Nếu thấy có Như Lai
Là người tà kiến nhẹ
Còn nói không Như Lai
Là người tà kiến nặng.

Đây có hai lỗi:

1. Phá sự an vui của thế gian.
2. Phá đạo Niết-bàn.

Luận này đều đứng về lý mà nói. Nếu đứng về sự thì thấy có Như Lai tức là chánh kiến, nhất định được vãng sinh. Lại luận Địa trì nói: "Thà khởi cái thấy "Có" lớn như núi Tu-di, chớ không khởi cái thấy "Không" dầu nhỏ như hạt cải."

Hỏi: Trước nói niệm Phật cắt đứt giòng thác khổ đau, được sinh Tịnh độ, ý này được rút từ văn kinh nào?

Đáp: Ý này được rút từ kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ nói:

Cắt đứt năm đường ác
Đường ác tự nhiên đóng
Tiến đạo không cùng cực
Dễ đi mà không người.

Hỏi: Trước nói niệm Phật không đọa vào ba ác đạo, ý này được rút từ văn kinh nào?

Đáp: Như kinh Độ Chư Phật cảnh giới nói: "Nếu các chúng sinh duyên tưởng Đức Như Lai, phát sinh các hạnh thì đoạn được vô số kiếp đọa trong địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Nếu có chúng sinh một niệm khởi ý duyên tưởng Như Lai thì công đức đạt được không thể đo lường, dầu có trăm nghìn vạn ức na-do-tha chư đại Bồ-tát cũng không thể tính đếm được bờ mé của nó".

Hỏi: Trước nói niệm Phật diệt tội lỗi, ý này được rút từ văn kinh nào?

Đáp: Như kinh Quán Phật Tam-muội nói: "Nếu đệ tử ta rời bỏ cảnh ồn náo, ngày đêm sáu thời, mỗi thời chia làm phần nhỏ, trong phần nhỏ khoảng tu du luôn quán niệm tướng bạch hào của Phật, khiến tâm rõ ràng, không có loạn tướng, mê lầm, chánh niệm chú ý, hoặc thấy tướng hảo, hoặc không thể thấy, người này trừ bỏ tội lỗi trong chín mươi sáu ức na-do-tha hằng hà sa vi trần số kiếp sinh tử.

Lại như kinh Đại bi, Đức Phật nói: "Này A-nan! Như trong tam thiên đại thiên thế giới đầy ắp các Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, như có thiện nam, thiện nữ nào hoặc một kiếp, hoặc ít hơn một kiếp lấy tất cả đồ dùng ưa thích vừa ý, cung kính tôn trọng khiêm hạ cúng dường, ý ông thế nào? Thiện nam, thiện nữ đó được phước nhiều không?

A-nan đáp:

- Rất nhiều, bạch Đức Thế Tôn!

Đức Phật bảo A-nan: Nếu lại có người ở chỗ chư Phật chỉ một lần chấp tay, một lần xưng danh, phước đức như thế so với phước đức trên thì phước đức trên trăm phần không bằng một phần, ngàn phần không bằng một phần, trăm nghìn ức phần không bằng một phần, ca-la phần không bằng một phần. Vì sao ? Phước điền của Như Lai là vô thượng."

Lại như kinh Địa tạng Bồ-tát nói: Như có người muốn sinh về Tịnh độ hiện tại ở phương khác thì nên theo danh hiệu Phật trong thế giới ấy chuyên ý tụng niệm nhất tâm không loạn thì quyết định được sinh về Tịnh độ của Đức Phật kia, thiện căn tăng trưởng, chóng thành tựu địa vị bất thoái.

Tịnh độ chính là đường về cốt yếu mà ngài Pháp Tạng khéo dẫn dụ chúng sinh, là phương tiện nhiệm mầu Đức Thích-ca ôm ấp; sáu đường nương tựa tiêu dao, bốn loài ký thác an thần. Ở cõi Tịnh mãi mãi an vui, nhìn Sa-bà mãi mãi bỏ lìa. Đâu chỉ tu ba phước được lên thượng phẩm, mà phát mười niệm cũng được hạ sinh, thế thì muôn loài đều về không sót một người vậy. Nay luận giả giác ngộ mình bằng phương tiện nhiệm mầu, cứu mình bằng đuốc sáng, từ nay về sau vâng theo đó tu hành. Làm bài tụng tán thán rằng:

Ba cõi mênh mông
Bao la bốn loài
Đều là nhà lửa
Cùng gọi bọn mù
Đêm dài mê muội
Ngủ mãi không sợ

Nay trao đuốc này
Sáng cõi u minh
Đại nguyện Pháp Tạng
Chí còn dẫn dụ
Riêng bày Tịnh độ
Hiệu Vô Lượng Thọ
Mười sáu pháp quán
Sinh về chín phẩm
Lan rộng khắp nơi
Nghìn năm bất hủ.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 171

TÂY PHƯƠNG YẾU QUYẾT THÍCH NGHI THÔNG QUỸ

SỐ 1964

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1964

TÂY PHƯƠNG YẾU QUYẾT THÍCH NGHI THÔNG QUỸ

Chùa Đại Từ ân, Sa-môn Khuy Cơ biên soạn

Ngửa trông: Đức Thích ca mở vận, lợi ích rộng cho kẻ có duyên giáo pháp xiển dương mà tùy theo phương sở, đều khắp thấm nhuần mưa pháp, người có duyên gần thì được gặp Thánh hóa độ, tỏ ngộ đạo Tam thừa; kẻ phước mỏng, nhân xa thì khuyên trở về Tịnh độ. Những ai tu nghiệp Tịnh này, thì chuyên niệm Đức Phật A-di-đà, tất cả căn lành, hồi hướng để cầu sinh về cõi nước ấy. Bản nguyện của Đức Phật A-di-đà là thề độ cõi Sa-bà, trên khắp hết một đời hiện tại, dưới tận đến mười niệm khi lâm chung, đều có thể quyết định, đều có thể vãng sinh.

Những học giả ngày nay đặc biệt hoài nghi suy nghĩ, vì các kinh luận có chỗ trái nhau. Nếu không thông suốt thì mối nghi ngờ chẳng dứt. Vì thế, trình bày giản lược giải thích mười bốn điều quyết định thông suốt như dòng nước chảy xiết để người có tài năng biết rộng may tìm lấy sự tỏ ngộ vậy.

1. Kinh Kim Cương Bát-nhã nói: Nếu dùng sắc để tìm thấy ta, dùng âm thanh để cầu ta, thì người ấy tu hành tà đạo, không thể thấy Đức Như Lai.

Nghi ấy: Kinh Bát-nhã nói: Dùng sắc và âm thanh để cầu Phật thì phân biệt là tà đạo. Kinh A-di-đà v.v... dạy quán thân tướng của Phật, lại niệm danh hiệu của Phật. Đã cầu Phật, không lìa khỏi sắc và âm thanh, thì làm sao mà không lạc vào tà đạo? Nếu trở về con đường chính thì Tịnh độ nơi có thể dựa vào theo kinh Bát nhã pháp định lại là tà. Giả

như có đi vào e trở về cảnh ma. Hai đường chẳng thể quyết định, xin phân biệt trắng đen!

Giải thích: Bậc Đại sư nói giáo, nghĩa có nhiều môn, đều xứng hợp thời cơ mà không sai khác. Kinh Bát nhã nói chính là Nhất môn. Kinh A di đà nói lại là Nhất lý. Vì sao? Vì tất cả các Đức Phật đều có ba thân, nhưng pháp Phật không hình thể, chẳng phải là sắc và âm thanh. Nếu chấp lấy sắc tướng và âm thanh, tức là tà. Bởi vì hạng Nhị thừa và tiểu Bồ-tát nghe nói ba thân không khác nhau, nên liền nói cùng có sắc và âm thanh. Chỉ thấy sắc tướng của hóa thân nên liền chấp pháp thân cũng vậy. Thế là dùng tướng hóa thân để cầu pháp thân, nhưng diệu lý tinh vi cùng âm thanh mãi mãi cách tuyệt không thông. Đã dùng sắc và âm thanh để cầu thấy, vì thế nói là tà.

Kinh A-di-đà v.v... khuyên niệm danh hiệu Phật, quán tướng để cầu sinh về Tịnh độ ấy chỉ vì hạng phàm phu chướng nặng. Pháp thân sâu xa mầu nhiệm, pháp thể khó duyên theo, nên lại dạy niệm Phật, quán hình thể, lễ bái, khen ngợi để chướng đoạn phước sinh, nguyện và hạnh giúp nhau để cầu sinh về Tịnh độ, muốn gặp hóa Phật để làm duyên bất thoái. Vì vậy mà những người thông hiểu trước đây đều y theo giáo này quán hình niệm hiệu, cầu thấy hóa thân, muốn khi mạng chung được đức hóa chủ A-di-đà, đích thân tiếp dẫn, quả báo hết rồi ngồi trong hoa sen, liền sinh nơi cõi nước kia. Trước là tâm, sau là cảnh khế lý chẳng trái nghịch. Quán hình niệm hiệu, đều chẳng phải là tà đạo, thì sao được chỉ ôm lòng chấp một không tỏ ngộ Thánh tâm hoặc nói khác xôn xao, khiến cho mọi người mê hoặc?

Tìm chỗ thiết yếu quyết định ấy, thì trắng đen đủ để phân biệt. Không còn do dự, tâm hướng về diệu nghiệp, chớ sinh loạn tưởng. Trái lại đọa và ba đường, các khổ bức bách làm tổn thương, hối hận sao kịp?

2. Kinh Phật Tạng nói: Nếu có Tỳ-kheo thấy có Phật, Pháp, Tăng, Giới, mà chấp lấy, thì đó là quyến thuộc của ma, chẳng phải là đệ tử của ta; ta chẳng phải là thầy của vị Tỳ-kheo kia, chẳng phải là chỗ nhiếp thọ của ta.

Nghi rằng: Kinh Phật Tạng nói, ấy là ngoài tâm thấy Phật đều là ma. Đức Phật chẳng phải là thầy của người kia; người kia chẳng phải là đệ tử của Phật. Nhưng như giáo pháp Tịnh độ chuyên khiến niệm danh hiệu Phật, quán tướng hảo Phật để cầu sinh về cõi Phật, tức chẳng phải là đệ tử của Phật, Phật chẳng phải là thầy của người kia, thì làm thế nào được Phật hộ niệm sinh về Tịnh độ? Kính ngưỡng hai giáo, đều là lời

Phật nói. Hai thuyết đã khác nhau, vì sao chấp lấy để phân biệt?

Giải thích: Dấu tích của giáo pháp có muôn chỗ sai khác nhưng cùng trở về nhất thật. Tùy theo căn cơ sai biệt thiết lập mà tuyên bày nghĩa có khác nhau. Xét kỹ hai kinh thì văn trái nhau mà lý cùng một. Vì sao?

Phật, Pháp, Tăng, Giới có ba thứ bất đồng: Một là Chân đế; hai là biệt tướng; ba là trụ trì.

Thể chân thanh tịnh, hai chướng vĩnh viễn mất. Bản giác viên minh, tức là chân Phật. Giữ tính không đổi phép tắc của thắng trí thành tựu cùng nhân duyên của Đại sĩ, muôn hạnh thì rõ rệt. Tức là Chân Pháp vậy. Hiểu rõ lý, dứt hết ngôn ngữ kiện cãi trái ngược. Đó là Chân Tăng vậy. Tính trong sạch trang nghiêm; thể thanh tịnh vô cấu. Tức là Chân Giới vậy. Căn cứ theo thắng nghĩa như thế nói là Chân đế.

Kinh Niết-bàn nói: nếu có thể quán Tam bảo thường trụ đồng với Chân đế, đó tức là thề nguyện tối thượng của các Đức Phật. Tức là nghĩa Chân đế vậy.

Nói biệt tướng ấy là Phật có ba thân: Tức là pháp thân, Báo thân và hoá thân vậy. Pháp có bốn thứ: Tức là lý, giáo, hạnh và quả vậy. Tăng có hai hạng tức là hữu vi và vô vi vậy. Giới tức là tại gia và xuất gia chỉ trì, tác trì tất cả giới phẩm của người tu hành.

Mong tu biệt tướng để chứng Chân đế. Những người bắt đầu tu hành chỉ biết biệt tướng liền cho là cứu cánh không hiểu rõ nguồn gốc sự thật học giới đều là trợ đạo. Danh tướng của Phật là ứng hiện chẳng phải là thật, dùng để tiếp dẫn ít hạng phàm phu, quyền phương tiện làm căn nhà nghỉ ngơi mà thôi. Những người hạ căn ngu tối không hiểu liền chấp họ là Chân thật. Vì vậy Đức Phật quở trách, gọi đó là quyến thuộc của ma.

Là đệ tử Chân thật của Phật cần phải thông suốt nhị Không, hợp tiến xa đến hợp như như, mới kỳ hẹ nơibản nguyện bạn đầu trụ ở danh tướng. Nếu không ngộ được Chân không, lùi vào làng ma, xa Phật trái pháp.

Ấm ma sắp vượt qua, ắt phải nhờ vào pháp thân thường trụ phiền não chướng, muốn trừ cần nhờ vào các định hư không. Muốn ra khỏi cảnh giới thiên ma thì trở lại nhờ đẳng trì Từ lực muốn dứt hết tử ma thì công phải nương cậy vaò định thần tức. Ngửa xem bốn phương chẳng phải là bậc Đại Thánh thì chẳng có ai có khả năng khuất phục, giác sát tường tận bốn ma này. Há kẻ hạ lưu có hiệu dụng ấy?

Nếu không nương tinh thần chí đạo thì không thể nào cắt đứt lưới

ái, buộc tưởng để trở về chân, xa lìa những phép tắc rối loạn của chúng sanh. Vì vậy mà Đức Phật dạy hạng phàm phu, hãy tạm học những pháp môn chắc chắn. Như tưởng thế giới Tây phương, lạc cầu bất thoái, được sinh hoá độ, thấy Phật hoá thân, đức hoá chủ dìu dắt, được Vô sinh nhẫn, pháp giới bình đẳng, liểu đạt phân minh. Nhờ tinh thần công phu ấy mà phá hoại được các lưới ma; gần thì vượt qua ba cõi, xa thì chứng Bồ-đề.

Nếu không như thế thì trở lại chìm đắm trong nảo ác, thời gian dài chịu khổ, chưa mong giải thoát.

Rõ ràng hai nhân ấy thì sự khuyên bảosai khác không trái nhau. Chớ theo một chỗ hiểu biết mà vọng chấp sinh ra nghi ngờ.

Thuận theo yếu môn ấy mới là tưởng nghĩ cõi nước, vẫn mong ở đây (cõi này) thì luân hồi bền vững khó dứt. Nghiệm đây, theo đó mà hành trì nhân quán sâu hay cạn, lợi ích tự nhiên phân thành khác biệt. Xét rõ nhân, nghĩ đến lý rồi, thì khế hợp bản đầu có sai khác?!

3. Kinh Vô Lượng Thọ nói: Tu đạo một ngày một đêm của cõi này hơn hẳn một trăm năm của các cõi Phật khác. Kinh Duy-ma-cật nói: cõi nước Sa-bà có mười việc thiện pháp, mà các cõi Phật khác vốn không có. Đó là dùng pháp bố thí để thu nhiếp bần cùng v.v...

Nghi: Theo Kinh ấy nói: Tu đạo của cõi Sa-bà là hơn các phương khác, thì mệt nhọc gì chuyên niệm Đức Phật A-di-đà để nguyện sinh về thế giới Cực lạc? Bỏ hơn lấy kém, nghiệp tu hành khó thành?

Hai con đường lấy và bỏ, mong giải thích rõ ràng những chỗ khúc mắc này.

Giải thích: Đức Thiện thệ mở rộng môn quy (giáo pháp) đều mang đến lợi ích cho các nẻo. Tuy thuận theo một nẻo (cõi) nào đó, mà không hề trái lý. Vì sao? Vì căn tu hành gồm có hai địa vị. Chưa lên địa vị bất thoái thì khó ở cõi uế, tự mình tu hành có nhiều duyên thoái chuyển. Tiếp xúc tình cảm trái hoặc thuận, liền sinh sự buồn vui, yêu ghét cạnh tranh phát sinh, nghiệp ác lại dấy lên, không có phương pháp tự bình an, trở lại chìm đắm vào nẻo ác. Nếu vậy tu nhân vạn kiếp, pháp nhẫn đã thành, thì cõi uế có thể chịu đựng ở được, mới có thể lợi ích cho người khác. Tự mình tu hành đã thành, đã thoát khỏi luân hồi. Mười việc lợi tha, các phương chẳng bằng, là các cõi Phật khác. Y báo tinh hoa vật dụng chẳng thiếu, tùy ý cần có. Đã không có ai thiếu thốn, thì đây mong muốn bố thí ? Chín việc còn lại theo đây mà suy luận. Vì vậy, tự biết. Lên được địa vị bất thoái, thì trụ ở Sa bà không trở ngại gì rộng làm lợi ích mọi người hơn các nước Phật.

Những học giả ngày nay cách Thánh thời gian xa, ba độc đốt cháy mạnh, chưa thể tự tại. Nếu sinh về Tịnh độ, nhờ vào những nhân duyên thù thắng kia, nhờ Phật gia bị mới được địa vị bất thoái. Thế cho nên cần phải sinh vào cõi nước kia để thành tựu nhân tự lợi.

Căn cứ theo đây để nói thì tuy giáo của hai kinh khác nhau, mà không trái nghịch.

4. Kinh Di-lạc Vấn nói: Người niệm Phật chẳng phải là hạng phàm phu ngu si, không có các kết sử tạp, thì mới thành tựu tịnh nghiệp.

Nghi: Nay hành giả tu hành, Thánh chưa lên địa vị, các thứ kiết sử không trừ, thì như thế nào để được vãng sinh?

Nay ngươi niệm Phật, công phu không uổng phí đặt ra, nhưng lưới nghi ngờ rộng lớn, xin rủ lòng phân tích nói rõ.

Giải thích: Giáo mở tùy theo căn cơ, nhưng ý chỉ bí mật khó tỏ ngộ. Như sợi tơ màu đẹp, người mắt tỏ thấy ngay. Cho nên nếu lấy, bỏ không rõ ràng, thì càng sinh chấp trước nghi ngờ. Vì sao? Vì Đức Phật dạy Tịnh nghiệp đều là vì hạng phàm phu. Nếu tin sâu lý nhân quả, thì đâu thể là ngu si?

Nay giải thích hạng phàm phu ngu si nên phân thành bốn loại:

a. Phàm phu nhưng không phải ngu si. Gọi là từ cõi thú thiệncho đến tâm cuối cùng của địa vị Thập Tín. Vì không đắc trí duy thức tương tự, nên gọi là phàm phu. Nhưng đối với đế đạo và duyên sinh mang lòng tin ngưỡng mộ sâu xa, vận dụng tâm thủ xả thêm bớt có thể biết. Đây tức là phàm mà không ngu.

b. Ngu nhưng không phải phàm phu: là Bồ-tát từ địa vị Thập Giải (Trụ) trở lên đối với cảnh chân như chưa thể chứng thấy, vì thế nói là ngu . Đắc trí vô lậu tương tự, đều so sánh biết hai thứ vô ngã, không theo sinh tử của hạng phàm phu, nên cũng được nghĩa nói chẳng phải là hạng phàm phu .

Lại có giải thích, Bồ-tát từ Sơ địa trở lên đối với phần thắng tấn, vì vô minh chướng nên theo đó gọi là ngu si. Và vì do đắc Thánh pháp, nên chẳng phải phàm phu.

c. Cũng là phàm phu cũng là ngu: là từ cõi Thiện trở về trước, tất cả chúng sinh chưa thuận theo Thánh lý, gọi đó là phàm phu. Và vì không hiểu rõ lý nhân quả, nên lại nói là ngu .

d. Chẳng phải phàm phu chẳng phải ngu si. Đó gọi là đầy đủ Thánh trí của đức Như Lai, hai chướng đều hết. Vì thế chẳng phải phàm phu ngu .

Chỗ nói phàm phu ấy là chung vậy. Chuẩn đức làm người, tổn hại,

ích lợi chẳng phân biệt, trôi nổi thọ sinh, đều cùng như một loại phàm phu. Thiện ác xưa nay nặng nhẹ chẳng biết. Đó là ngu si vậy.

Nay muốn sinh về Tịnh độ, người tác nghiệp, biết cõi Sa-bà này, khổ não tràn đầy, chỉ sinh sự chán bỏ, không thể ở lâu. Nghe nói thế giới Tây phương là cõi nước an vui vô tận, nên chuyên chú thành thực tưởng nhớ, thề nguyện vãng sinh không còn nghi ngờ. Đã có thể trừ diệt mãi mãi dòng khổ, từ chối lâu dài cõi nhiễm, tức chẳng phải nông cạn để tùy sinh trôi nổi như vậy.

Chỉ có thể niệm Phật để cầu sinh về phương kia, ngộ đạo Vô sinh, đời sau làm Phật, ý chuyên rộng độ chúng sinh trong pháp giới. Có thể vận dụng tâm ấy thì nhất định sinh về cõi màu nhiệm. Có chỗ hiểu biết thù thắng ấy, vì thế chẳng phải là ngu si vậy.

Nói không các tạp kết sử ấy là: Sử tức là mười sử. Kết là chín kết.

Tâm niệm Phật tức là thức thứ sáu. Khi tâm vương đang khởi lên muốn làm việc ác, thì các thứ phiền não kết sử dễ có thể được sinh ra. Nhưng khi đang niệm Phật thì cùng với năm thứ biến hành tâm sở và mười một thứ thiện tâm sở không động, các thứ kết sử, vì do không có nhân khởi lên, cho nên tâm duyên theo cảnh khác và các thứ kết sử sinh ra chỗ nào? Và khi chuyên chú tưởng Phật thì các thứ kết sử chìm lắng nên nói niệm không xen tạp các kết sử.

Người nguyện cầu sinh về Tịnh độ, tức không nên nói xen lẫn khởi lên. Đó là vì do chưa đoạn trừ, cho nên bấy giờ mới có xen tạp sinh ra. Nếu đã diệt trừ, thì không thể xen tạp khởi lên, do vì chưa đoạn trừ nên bấy giờ mới có hiện hành. Tịnh tâm niệm Phật, tính trái với các thứ kết sử. Khi tâm đang niệm Phật thì các thứ kết sử không hiện hành nhưng khi có sự gián đoạn, không đề phòng thì liền khởi lên, chẳng phải nói là diệt hết mà nói là không xen lẫn vậy.

Thánh nhân các hoặc đều hết nên cõi này đủ sự bình an, chẳng mệt nhọc niệm Phật để cầu sinh về cõi nước kia.

5. Kinh Tối Thắng Diệu Định nói: có người tạo vô số các loại chuà tháp, nhưng chẳng bằng ở trong thời gian chốc lát đoan tâm chính ý để yên tĩnh suy nghĩ.

Lại như trong các bộ kinh Đại thừa nói lý vô sinh, khiến người tu đạo và học tuệ.

Nghi: Y theo giáo này thì Đức Phật khen ngợi vô sinh, trong nghiệp tu hành thì nó đặc biệt là tôn thắng. Còn Kinh A-di-đà v.v... thì khuyên rằng sinh Tây phương, yếm hoạn cõi Sa-bà, nguyện sinh về

Tịnh độ.

Sinh là chủ của tai hoạn, sinh hết thì tai hoạn trừ. Bỏ sinh để cầu sinh, nhân của tai hoạn dần dần rộng, thì sao không làm hạnh vô sinh để tỏ ngộ pháp thân, niệm sắc hình của Phật? Nhân của sinh không hiểu rõ, thì giả sử sinh về cõi nước kia cùng với ở cõi này có khác gì? Phương quán vô sinh thì cách Phật không xa. Tâm tức là Phật, thì cần gì phải cầu riêng?

Nghiệp này đã chuyên, mong chỉ bày nghĩa sâu xa ấy.

Giải thích: Nhân duyên tu hành và lý do thành lập giáo pháp đều vì sự lợi ích cho chúng sinh. Giáo pháp bất đồng bởi do căn khí khác nhau

Vì sao? Bàn luận chung về căn khí giản lược có hai ý: Một là nghiệp sâu; hai là hành cạn. Kẻ nghiệp sâu thì có thể học vô sinh; hạng hành cạn thì cần phải sinh về Tịnh độ.

Luận về tác nghiệp gồm có hai điều: Một là đảo hoàn; hai là xuất ly.

Nói đảo hoàn ấy là tuy học Phật pháp nhưng chỉ vì danh dự, không sợ sinh tử nguy hiểm trong đời sau, tham cầu hiểu rộng chuyển thành chấp ngã nhân, tự cho mình đứng người khác, thì sai, không thọ ba nghiệp, miệng tuyên vô tướng, đắm trước tướng, như lửa cháy. Giả sử học lý vô sinh thì xem như kỹ nghệ. Thấy người khác niệm Phật liền giận dữ hiềm nghi ngang ngược. Khiến cho người tu hành, lòng dạ thối mất. Miệng nói ra diệu dược, nhưng sợ không thể uống. Trái lại, uống các thứ độc dược gây bệnh khác. Tâm ấy là nghiệp tâm mới ngao du. Tâm đã không xét kỹ, chưa thể xem giữ. Tự nói mình hiểu, nhưng hoàn toàn không kiểm xét, bất giác mạng sống cắt đứt, liền chìm đắm vào trong sinh tử, đắp đổi chịu khổ, chưa mong giải thoát. Đó là đảo hoàn .

Nói xuất ly là có hai môn: Một là vô sinh; hai là hữu tướng.

Nói vô sinh ấy là nói giữ coi sự điềm tĩnh phân biệt rõ các ngoại duyên, hai tướng Có và Không khéo biết để thủ xả, chế tâm tùy ý, không trụ hai bên, miệng nói tâm hành, tùy theo việc để kiểm xét. Hoặc trái hoặc thuận, tâm được quân bình. Lại như ăn nuốt lửa than, miệng ăn nuốt vui thích không có than thở, ăn lửả ăn than không khác thức ngon. Các cảnh trái thuận đều được như thế, thì có thể chịu được cõi Sa-bà, ở lâu địa vị bất thoái, trở về cõi uế này, trở ngược thành Tịnh độ. Công lực đã như vậy, tức là trở thành xuất ly.

Nói hữu tướng ấy là nhân duyên cấu uế chương nặng thì vô tướng khó thành. Hoặc ở phương này các khổ càng tích lại, thì sự yên tĩnh

trong tâm bị những cảnh tán loạn bên ngoài dẫn dắt. Tâm đuổi theo cảnh dời đổi nên vô sinh không thể tỏ ngộ. Tâm duyên theo một Đức Phật để tưởng niệm Đức Phật A-di-đà, nghiệp ác không làm để cầu sinh về Tịnh độ. Thấy biệt nghiệp của người khác thì khen ngợi để biểu dương. Nghe nói lỗi của người khác thì không sinh sự khinh thị phỉ báng. Buộc tâm ở một chỗ để tưởng xa thế giới Tây phương. Ba nghiệp giúp nhau thì nhất định sinh về cõi nước kia và cũng trở thành xuất ly vậy.

Mong mọi người đều dùng căn cơ để nghiệm xem giáo pháp. Người khế hợp thì nên tu hành. Tự mình tích tụ nghiệp sâu, địa vị ở bất thoái, không mệt gì chấp lấy các tướng. Nguyện sinh về thế giới Tây phương, người hành cạn thì không tránh khỏi sự lãng phí. Vô sinh cần phải chứng mới được ra khỏi sự ràng buộc. Miệng tụng vô sinh người làm chẳng phải một; nhưng căn cứ theo người chứng ngộ ấy thì trăm người không có một. Muốn được vô sinh thì cần phải do thắng cảnh. Vì vậy mà cầu vô sinh để thấy Phật. Dùng các nhân duyên để tu chứng, ở lâu Diêm-phù-đề, thường gặp thiện hữu. Tuy nghe theo chính pháp, người nói là phàm phu, ngày đêm thường nghe mà chưa chứng lý.

Kinh Duy-ma-cật nói: Cả ngày nói pháp nhưng không thể khiến cho người khác tu đạo chứng vị tịch diệt, tức là hý luận, chẳng phải cầu pháp vậy. Giả sử đời sau gặp Thiện hữu, phát khởi nhân này, vẫn lại là hý luận. Chẳng bằng cầu sinh về Tịnh độ, lại dứt hết luân hồi, bước vào rừng báu, một khi nghe chính ngữ, trần diệu pháp nhẫn, thì nên nghĩ nhớ Viên minh. Rõ ràng hai duyên ấy thì chẳng nhọc do dự vậy.

6. Kinh Niết-bàn nói: Ngài A-nan gặp khốn ách ma, ngài Văn-thù đi cứu giúp. Kinh Đại Phẩm nói: Ma vương biến làm Phật v.v... nhưng mọi người không thể biết. Kinh Ưu-ba-cúc-đa nói: Ma biên làm Phật, Tôn giả đảnh lễ.

Nghi : Ngài A-nan quả chứng Dự Lưu mà còn bị ma quấy nhiễu. Đức Phật khiến Ngài Văn-thù đi cứu giúp và hốt nhiên được bản tâm? Lại nữa, ma có thể biến hoá thành thân Phật, làm người nói pháp, các Bồ-tát tu hành cạn đều không biết được? Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa là bậc chứng đạo, vô học, thấy ma biến làm Phật cũng không thể tránh khỏi việc quy y. Nay muốn tưởng Đức Phật A-di-đà, khi lâm chung thấy Phật. Đó đều là cảnh ma, thì sao lại có thể nương tựa vào? Chỗ thấy nếu thật thì đặc biệt là yếu dược; còn nếu gặp hình tượng ma thì quyết định tà ma hư vọng.

Nghi tình chưa trừ thì nhất định hiếm có thể nói.

Giải thích: Đấng Đại Giác quyền hình, thần tượng siêu xuất. Ma

tuy giả dạng náo loạn, nhưng hình tượng ấy khác nhau cách xa. Nhiều kiếp siêng năng tu hành, thắng nhân đầy đủ được, quả thành vạn đức, tướng hảo siêu việt kỳ lạ, thì sao lại có ma gian dối, liền có thể sánh nổi? Vì sao? Vì thân thể của Đức Như Lai sắc vàng tử ma, các tướng đầy đủ rõ ràng vậy, sáng suả như minh châu, ánh sáng vượt qua vạn mặt trời. Ma vương giả sử biến hóa thì các tướng cũng không thành. Các việc đều kém vậy, so với vị chúa tể quý trọng.

Ngài A-nan quyền ở địa vị tiểu Thánh, hiện tướng ở quả Dự lưu. Căn cứ theo sự thực hành ấy thì Ngài đã lên Sơ địa từ lâu. Nhưng lo nghĩ sau khi Đức Phật nhập diệt, những người tu hành bị ma phá hoại tịnh tâm, không có phương pháp để chế phục. Vì vậy mà ngài thị hiện bị bắt vào lưới ma, thỉnh Phật gia bị và đã được nói ra thần chú. Đó là sự khởi lên giáo pháp, rộng lưu truyền đến những đời xa. Những học giả cần phá tan các ma chẳng phải là nói Thánh nhân, mà những hạng phàm phu gặp khốn ách lưới ma vậy.

Kinh Đại Phẩm nói: Ma biến hoá làm Phật để mê hoặc hạng phàm phu hạ căn.

Bồ-tát tu hành cạn, không thể hiểu rõ nên nói Kinh Đại phẩm. Chưa phân biệt quyền khởi, trong hội Niết-bàn, nhân thỉnh pháp mà Phật nói. Ngài Ca-diếp thỉnh rằng: Đức Phật nói và ma Ba-tuần nói: làm thế nào phân biệt biết? Đức Phật bảo ngài Ca-diếp: Ví như con chó ăn trộm, ban đêm vào nhà của người khác, mà kẻ nô tỳ sai khiến của nhà ấy nếu đã biết được rồi, thì lập tức liền lui đi. Hành giả cũng vậy, đã vào nhà của Phật để bảo vệ bữa cơm ngon thì không để cho ma lẫn lộn. Hình dáng linh hiển của Phật đoan nghiêm khác lạ. Nếu ma lạm dụng làm chính thì nên khéo phân biệt: Tướng lông trắng giữa hai chặn mày xoay lượn quanh về bên phải, bên ngoài đặc bên trong rỗng, phóng ra luồng ánh sáng trắng. Ánh sáng ấy sạch bóng, sạch như ngọc lưu ly. Diện mạo tròn sánh giống như mặt trời tu hợp, đảnh có nhục kế cao và rõ, tóc màu xanh sẫm ánh đỏ. Một sợi tóc là một hình võ sò, uyển chuyển xoay về bên phải. Thấy những tướng thù thắng ấy thì đều là chân hình của Phật. Còn nếu khác với môn này thì đều là ma vậy.

Nói Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa không biết đó là ma, Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa sinh ở sau Đức Phật. Theo thứ tự truyền pháp là vị sư thứ năm. Nói pháp độ người, số ấy rất đông.

Ma vương xấu bẩn, Pháp hội mưa hoa, quấy nhiễu làm động tâm của mọi người, không thể lĩnh ngộ. Lại làm thêm sự mê hoặc, dùng mũ báu để bố thí. Thánh giả rủ lòng thương xót nhìn, nhân nói với ma rằng:

Ta vâng theo lời Phật dạy nên biết nghĩa, ân. Thánh giả nói: Ngươi đã bố thí mũ báu thì ta cũng có chuỗi anh lạc báu dùng để tạ ân nhau. Thánh giả mới dùng ba thứ xác chết của người, rắn và chó, biến hóa làm thành chuỗi anh lạc, rồi buộc vào dưới cổ của ma. Ma Ba Tuần vui mừng nói: Thánh giả Cúc-đa, thần lực khó gọi, hoá đạo quần cơ, quả tập Thánh lữ. Ma chúng của tôi trăn trở để mong cầu sự can gián. Nay đã chịu nhận mũ báu của tôi, lại dùng chuỗi anh lạc để đáp trả lại tôi thì Thánh giả Cúc-đa đã rơi vào lưới ma, cõi ác chuyển biến tăng lên, quân chúng của tôi lại không giảm bớt, thân tâm mừng vui, rồi liền lập tức trở về cung. Khi đến cõi trời Tứ Thiên vương, Thánh giả Cúc-đa liền thu nhiếp thần lực, nên chuỗi ngọc châu anh lạc báu trở lại làm xác chết thối nát, mủ máu cũng thay nhau rơi xuống. Ma Ba-tuần buồn bực, chỗ nào cũng keó đi khắp cõi trời để muốn xin trừ bỏ. Các cõi trời đều trả lời rằng: Chẳng phải khả năng của tôi. Đó là Thánh giả Ưu-ba-cúc-đa, đệ tử của đức Như Lai Thích-ca. Vì ngươi không biết, quấy nhiễu hỗn, loạn nên tạm thời dùng việc ấy để bẻ gãy thân tâm của ngươi, phải nhanh chóng quy y mới tránh được khốn ách ấy. Ma Ba-tuần trở xuống, đến trước Thánh giả, năm vóc thành kính, buồn thương sám hối tạ lỗi. Tôn giả Cúc-đa thương xót mà trừ bỏ cho, lại nói với ma kia rằng: Ta sinh ở sau Đức Phật, nên không thấy được Đức Như Lai. Ngươi có thể vì ta biến hóa làm hình Phật để xem tướng mạo. Ma vào thôn lâm biến hóa thân giống như Phật. Thánh giả Cúc-đa thấy rồi, trải tòa để đảnh lễ. Ma kinh sợ, nên hướng về Thánh giả Cúc-đa nói: Đệ tử phàm phu ngu si, không trái với lệnh dạy của Tôn giả. Tuy biến hóa làm Phật nhưng vẫn ở hạng tầm thường. Thánh giả hòa nam thì diệt hết vô lượng phước. Tôn giả trả lời: ta gần thì đảnh lễ hình tượng Phật, xa thì cung kính bậc Đại sư. Ngươi là ma xấu, chẳng phải là chỗ cung kính của ta. Nay ngươi chớ sợ hãi, dối sợ phước mất. Thế là Ma vương vui mừng sâu xa, bỏ các tạp hạnh, trở về với Phật, Pháp, Tăng, đảnh lễ dưới chân Thánh giả Cúc-đa, rồi trở về cung không hiện ra nữa.

Sao lại được phép nghi ngờ nói là không biết ma vậy?

Lại như rất nhiều vị chúa tể cao quý dùng sức để giúp đỡ kẻ trượng phu thì người hung ác chẳng thể lấn chiếm quấy nhiễu. Người tu nghiệp cũng lại như thế. Việc tu niệm chí thành thì quyết định sinh về cõi nước kia. Các Đức Phật trong mười phương oai linh đều giúp đỡ. Trong thời kỳ quả báo tận, ma không thể phá hoại. Đức Phật A-di-đà và hoá chúng đều mở ánh sáng từ bi, tiếp dẫn hồn tình, khiến lên thế giới Cực lạc. Vì thế chớ sợ ma quấy nhiễu, mà không tu tập nhân lành.

7. So sánh sự hơn, kém giữa Tịnh độ Tây phương và thiên cung của Bồ-tát Di-lặc.

Nghi rằng: Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà cách xa ở đây; còn thiên cung của đức Di-lặc Bồ-tát hiện tại ở cõi dục, thì sao không nguyện sinh lên thiên cung Đâu-suất, mà bèn hướng tới thế giới Tây phương, bỏ dễ cầu khó, sao chẳng phải là bị ngắn trệ ư?

Giải thích: So sánh hai nhân duyên thì gồm có nhiều thứ nhưng chỉ trình bày sơ lược mười thứ khác nhau để cùng giải thích các nghi ngờ:

1. Mạng có dài ngắn:

Tuổi thọ của Thiên cung Đâu-suất chỉ có bốn ngàn năm. Còn tuổi thọ của thế giới Tây phương là một trăm nghìn vạn ức na-do-tha A-tăng-kỳ kiếp.

2. Chỗ ở trong ngoài ấy là: Thiên cung Đâu-suất, tuệ nghiệp nếu nhiều tức là sinh ở nội xứ, đích thân hầu hạ Bồ-tát Di-lặc . Tuệ nghiệp nếu ít, phước nhiều tức là sinh ở ngoại xứ, không thấy được Đức Từ Tôn. Còn trong Tịnh độ thì không có tí gì là trong và ngoài. Quả báo tuy là hơn kém nhưng đều là những bậc Thánh hiền.

3. Cảnh phân tịnh uế: Nếu sinh lên ở nội viện của thiên cung Đâu-suất thì thấy được cảnh Thánh hội của Bồ-tát Di-lặc và có thể phát huy những tịnh duyên. Sinh ở ngoại viện thì các thứ hương, hoa, lầu, đài, âm nhạc đều sinh tưởng nhiễm trước. Còn sinh về thế giới Tây phương thì các thứ cây, chim, nước, lưới, âm nhạc tiếp xúc đối với sáu căn chỉ là để tăng trưởng đạo.

4. Thân báo khác nhau: Chính báo trong cõi trời là hai hạng nam và nữ khác nhau, lại đắm nhiễm nhau chướng ngại nghiệp đạo. Còn những người sinh về thế giới Tây phương đều là những kẻ trượng phu. Đối với thân của tự mình và kẻ khác đều thanh khiết không đắm nhiễm nhau.

5. Chủng tử hiện hành phân khác: Nếu sinh lên trên cõi trời thì các hoặc chủng tử hiện hành đều hiện hành. Nhưng sinh về thế giới Tây phương thì chỉ có chủng tử, mà mãi mãi không có hiện hành các hoặc.

6. Tiến, thoái tu khác nhau: Nếu sinh lên trên trời thì có nhiều nam nữ, sức trí tuệ yếu ớt. Phần nhiều không tránh khỏi sự thối lui. Còn sinh về thế giới Cực lạc thì sức trí tuệ tăng thêm mạnh, đã dứt hết các hành dục , chỉ có sự tiến tu.

7. Giới phi giới khác biệt: Lên sinh ở Thiên cung Đâu-suất là chưa lìa khỏi cỏi dục. Khi các hỏa tai nếu nổi lên thì không tránh khỏi

sự thiêu đốt, còn nếu sinh về thế giới Tây phương thì mãi mãi từ biệt ba cõi. Thủy, hỏa, phong v.v... đều không có thể làm hại. Vì trong cõi nước kia có hình chất, nên chẳng là cõi Vô sắc. Vì y theo nơi ở, không phải cảnh nhiễm sắc, nên chẳng phải là cõi Sắc. Vì không có dâm dục, và đoàn thực, nên chẳng phải là cõi Dục.

8. Đẹp xấu hình khác: Sinh ở trong cõi trời thì nam nữ bất đồng, xấu tốt khác nhau. Còn sinh về Tịnh độ thì thân sắc vàng tử ma, một loại sáng loáng oai nghiêm và có đủ các tướng trượng phu.

9. Xả sinh bất đồng: Khi xả mạng sống để sinh lên cõi trời thì không có người khác tiếp dẫn. Còn nếu sinh về Tịnh độ thì Thánh chúng đến nghênh tiếp.

10. Kinh khuyên nhiều-ít: Khuyên sinh lên thiên cung Đâu-suất thì chỉ có văn kinh Di-lặc Thượng Sinh. Nhưng không đến nỗi ân cần, mà chỉ khuyên tác nghiệp. Còn khuyên sinh về Tịnh độ thì các kinh luận rất nhiều. Các bậc Đại Thánh ân cần chuyên thành khiến vãng sinh.

Lại hỏi: Tịnh độ Tây phương, thắng xứ thời an. Tất cả những hạng hạ lưu như thế nào mà đều được vãng sinh?

Đáp: Phương kia tinh vi, muốn vãng sinh thì thật là khó. Nhưng do nhờ sức Phật gia trì nên đi đến rất dễ.

8. Kinh Vô Lượng Thọ nói: Những người sinh về cõi nước kia, đều an trụ ở Chính định tụ. Kinh A-di-đà nói: Những chúng sinh về cõi nước Cực lạc, đều là những bậc A-bệ-bạt trí.

Nghi: Bàn luận chung về địa vị bất thoái thì cần phải nói sự tu hành công đức trong muôn kiếp. Nhưng như thế nào niệm Phật trong một đời, xuống đến mười niệm khi lâm chung, đều được Đức Phật A-di-đà tiếp dẫn, sinh về cõi nước kia được địa vị bất thoái?

Bàn luận về công phu tu hành thì có chỗ khác biệt, nếu là phù khế hợp.

Giải thích: Bất thoái và chính định là hai tên gọi khác nhau nhưng nghĩa thì giống nhau. Và người tu hành thì gồm có hai hạng:

a. Ở uế độ.

b. Ở Tịnh độ.

Ở uế độ tu nhân thì cần nhờ vào trong muôn kiếp. Còn ở Tịnh độ khởi sự tu hành thì tự có nhiều đường

Nay nói rõ bất thoái có bốn hạng:

Luận Thập trụ Tỳ-bà-sa nói:

a. Vị bất thoái. Tức là tu nhân trong vạn kiếp. Ý nói là quán duy thức thành tựu. Lại không thối đoạ vaò ác luật nghi hạnh để lưu chuyển

trong sinh tử.

b. Hạnh bất thoái. Đã được sơ địa thì chân thật quán duy thức. Xả tâm nhị thừa, đối với hạnh lợi tha để được bất thoái vậy.

c. Niệm bất thoái. Đã được vào Bát địa trở đi thì chân thật được trí tuệ tự tại "Vô công dụng" ở trong định tâm và tán tâm. Và vị được tự tại, cho nên không có niệm thoái chuyển vậy.

d. Xứ bất thoái. Tuy không có văn làm chứng nhưng theo lý để thành tựu. Vì sao? Như luận Bà-sa nói: Hạng căn cơ A-la-hán thoái chuyển ở trong loài người của cõi dục mà đắc quả, có đủ năm nhân duyên thoái chuyển. Và vì sợ mất Thánh quả nên phát khởi tu đạo hoặc gọi là đi xa, nhiều bệnh, yêu thích đọc kinh điển, yêu thích tranh tụng và yêu thích làm Tăng sự. Nhưng nếu ở trong cõi Tây phương đắc quả thì không gặp những nhân duyên thoái chuyển, liền được bất thoái, vào Bát vô dư Niết-bàn. Hành giả cũng vậy. Ba hạng bất thoái trước chưa được vào, thì ở cõi Sa-bà lang bạt trong sinh tử, đó là việc thường. Do ở cõi nhiễm này gặp năm nhân duyên thoái chuyển:

a. Mạng sống ngắn và nhiều bệnh.

b. Nhân duyên ác lớn làm bạn, phá hoại tịnh tâm.

c. Ngoại đạo xen lẫn thiện, phá hoại sự tu hành chân chính.

d. Cảnh giới sáu trần làm náo động tịnh tâm.

e. Không thường thấy Phật, không gặp Thánh giáo hóa.

Nếu thường ở cõi này thì gặp năm nhân duyên thoái chuyển. Nhưng nếu sinh về Tịnh độ thì gặp năm việc thù thắng:

a. Mạng sống dài và không có bệnh.

b. Thắng lữ dìu dắt.

c. Thuần chính không có tà.

d. Chỉ có tịnh không có nhiễm.

e. Thường thờ Thánh Tôn.

Vì do năm nhân duyên này nên được bất thoái.

Căn cứ theo những địa vị tu hành ấy thì chưa thể liền ngang nhau. Những địa vị thù thắng và nhân duyên mạnh lại không có những nhân duyên thoái chuyển vậy. Ví như người ác làm những điều bất thiện, gặp được thắng hữu thương xót dìu dắt và khen thưởng, cắt đứt việc giao tiếp với bạn ác, thường theo bạn lành đến ở một đời không có phát khởi những nhân duyên lỗi lầm vậy.

9. Kinh A-di-đà nói: Không thể dùng ít nhân duyên thiện căn phước đức để được sinh về cõi nước kia.

Nghi: Vãng sinh Tịnh độ cần phải có thiện căn lớn, tu hành đầy đủ

các nghiệp mới có thể vãng sinh. Nhưng chỉ niệm Phật rỗng không thì như thế nào để được sinh về cõi nước kia?

Giải thích: Luận về thiện căn nhiều ít chỉ căn cứ ở niệm Phật là để nói rõ trong quá khứ không có duyên thiện đã gây ra từ trước, đời này không nghe danh hiệu Phật. Tuy nhiên được nghe Tịnh độ, Chuyên tâm niệm Phật, tức là nhân thiện trong quá khứ, tưởng niệm thế giới Tây phương mới có thể quyết định. Đó là thiện căn lớn vậy. Tuy nghe Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà phát ý để nguyện sinh, nhưng tiến thối chưa thường, tâm không quyết định tức là có ít thiện căn, không sinh về Tịnh độ .

Lại nghi: Căn cứ theo niệm Phật, chỉ niệm danh hiệu Phật. Giả sử tâm chuyên chú mà chưa thành thiện căn lớn, thì dù xưng danh hiệu Phật sao được vãng sinh?

Đáp: Nay nói rõ niệm Phật, đó là phân biệt về chỗ tu hành chung. bởi vì chúng sinh nhận sự lợi ích không đồng nhau, nên hạnh nguyện của các Đức Phật thành tựu tên quả ấy. Và chỉ có thể niệm danh hiệu là bao hàm đầy đủ các đức. Vì thế thành tựu thiện căn lớn và không bỏ việc vãng sinh.

Vì thế, kinh Duy-ma-cật nói: Ba danh hiệu trước của Phật. Nếu Phật nói rộng ra thì ngài A-nan trải qua thời gian kiếp số mà không thể lĩnh ngộ. Luận Thành Thật giải thích danh hiệu Phật thì chín danh hiệu trước đều theo nghĩa riêng. Còn chung thì nghĩa công đức của chín danh hiệu trước là Phật Thế Tôn. Nói ba danh hiệu trước trải qua thời gian kiếp số khó khăn. Đó là sự lĩnh ngộ của ngài A-nan chẳng thể biết hết đầy đủ, nên lại thêm sáu danh hiệu để làm danh hiệu Phật. Và công đức thù thắng đã đầy đủ thì niệm danh hiệu ấy là thiện căn lớn vậy.

10. Kinh A-di-đà lại nói: Này thiện nam, thiện nữ! Niệm Phật sinh về cõi nước kia, số lượng chúng Thanh văn vô lượng vô biên. Luận Tịnh độ nói: Cõi thiện căn Đại thừa đều không có tên gọi cơ hiềm, nữ nhân và căn khuyết, hạng nhị thừa bất sinh.

Nghi: Như luận Tịnh độ nói không có hạng nữ nhân và căn khuyết, hạng tiểu Thánh bất sinh. Còn kinh A-di-đà đều nói sinh về cõi nước kia, cả hai đều là Thánh giáo vì sao đều khác nhau?

Giải thích: Xét tìm các kinh luận, đều thuận theo một nhân duyên. Xét kỹ cho rõ ràng thì đều không sai khác.

Nói nữ nhân vãng sinh ấy là chí hướng, tính khéo quyết định, hết sức chán ghét thân nữ, chuyên niệm danh hiệu Phật để cầu sinh về Tịnh độ. Vì thế khi quả báo của cõi Sa-bà hết, chuyên làm kẻ trượng phu ở

trong đài hoa mầu nhiệm, liền sinh về Tịnh độ vậy.

Nói căn khuyết ấy là có năm hạng:

a. Sinh.

b. Kiền.

c. Bán nguyệt.

d. Đố.

e. Hai hình.

Những hạng căn khuyết như thế, thì chí hướng, tính tình không thường. Nhưng có thể phát tâm, quyết ý dũng mãnh, xả căn cơ tàn tật không toàn vẹn để cảm được căn thân đầy đủ, thì liền sinh về cõi nước kia vậy.

Nhị thừa có hai loại:

a) Gọi là hạng ngu pháp. Chứng lý nhân (người) không, được Tiểu quả, nhưng không hiểu rõ pháp không, vì thế nói là ngu pháp. Chỉ cấu tự ích, không thể lợi tha, nên không thể sinh về Tịnh độ.

b) Gọi là hạng không ngu pháp.

Tuy chứng A-la-hán nhưng không an trụ ở Tiểu quả. Theo các vị Bồ-tát, phát khởi tâm Đại thừa, nguyện sinh ra gặp Phật, phát hạnh lợi tha. Vì thế sinh về cõi nước kia vậy.

Lại nữa, ***kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật*** nói: Người trung sinh khi đến cõi nước kia mới chứng Tiểu quả.

Nghi: Luận Tịnh độ nói: Hạng nhị thừa bất sinh, vì sao sinh về cõi nước kia và sau đó chứng Tiểu quả?

Đáp: Hạng người này trước có chủng tử Tiểu thừa nhưng gặp được Thiện tri thức, nên phát tâm Đại thừa. Tức là vì sự tu tập Tiểu thừa trước, tỏ ngộ bốn phi thường và phát khởi nhân đã gây ra từ trước, nên liền chứng Tiểu quả. Bậc Thiện hữu Đại thừa vừa sức để dìu dắt và khen thưởng, hưng khởi lại niệm Đại thừa. Vì thế chẳng phải là Tiểu thừa vậy.

Căn tuy là nữ nhưng có thể cầu Bồ-đề. Tin sâu Phật tính của tự mình và kẻ khác đều bình đẳng, liền mở rộng đại nguyện, thề sẽ thành Phật, độ rộng chúng sinh, nghĩ nhớ xả thân nữ, liền sinh về Tịnh độ. Đến khi quả báo hết, các hoá Phật đến nghênh tiếp, thành bậc Đại trượng phu, vào tòa hoa sen, liền sinh về cõi nước kia, và Đức Phật khiến cho tinh thần được bình an. Kinh thì theo môn này, vì thế nói đều vãng sinh. Còn luận thì căn cứ theo không thể như thế, vì thế nói không vãng sinh .

Hạng người Tiểu thừa muốn sinh chí hướng Đại thừa, lấy đó làm

nghiệp mà liền được vãng sinh. Và theo tên gọi cũ kia, nên tên hiệu là Thanh văn vậy.

Nghi rằng: Tiểu thừa vốn cơ hiềm, vì sao phương kia gọi tên gọi ấy?

Đáp rằng: Hạng Thanh văn ngu pháp, lỗi tự lợi sâu không thể lợi ích cho người khác, gọi là cơ hiềm vậy.

Tuy còn tên gọi cũ, tức là đại Thanh văn, nhưng sự lợi ích đối với người khác đã mở rộng, thì đó là tên gọi tốt.

Vì thế nên kinh Pháp Hoa nói: Nay chúng tôi thật là hạng Thanh văn, dùng âm thanh Phật đạo, khiến tất cả đều nghe.

Thế giới Tây phương cũng vậy. Tuy có Tiểu thừa nhưng đều là những hạng chân Thanh văn. Vì thế không có lỗi cơ hiềm v.v... vậy.

11. Giải thích ba giai đoạn đối với hành giả và năm thứ nghi ngờ nhỏ.

a. Nghi ngờ : Chúng sinh lang bạt, những việc khổ đều trải qua. Suy cứu nguyên nhân ấy là đều do khởi ba thứ độc tà. Nay chuyên tâm niệm Phật để nguyện vãng sinh Tây phương, thì những thứ tà độc chuyển tăng lên há không vọng kiến điên đảo hay sao? Vì sao? Vì cõi Sa-bà uế trược đáng lý nên thường ở, mà chỉ sinh sự chán bỏ, tức là tà sân vậy. Tịnh độ Tây phương, Thánh giả có thể dạo chơi, không phải sự đo lường đối với hạng phàm phu ở dưới, mà phát nguyện sinh về cõi nước kia, tức là tà tham. Sở dĩ như thế ấy là đều vì vô minh, tức là tà si chướng .

Ba thứ độc ấy tích lại trong ruộng tâm. Giả sử niệm Phật cảm được thần, quỷ, ma thì làm sao được vãng sinh Tịnh độ để thọ sinh?

Giải thích: Giáo chỉ rất thường, đều muốn lợi ích cho người khác. Khéo biết lấy, bỏ, đều tùy theo cơ duyên. Vì sao? Vì nếu cũng chẳng ngộ đạo vô sinh thì lý có thể ở lâu cõi Sa-bà. Nhưng chưa lên địa vị bất thoái thì cõi uế khó ở. Nếu khế hợp vô sinh thì Cực lạc cùng với Sa-bà không hai, chưa cần nhàm chán cõi tạp này, mà đã riêng kính ngưỡng Tịnh phương, địa vị ở luân hồi, cần phải sinh về cõi nước kia. Chỗ ở của Đại sĩ trong cõi uế, theo lý mà hiểu là thường dạo chơi chẳng ngăn cách. Hạng phàm phu hạ căn chưa thành tựu phép quán thù thắng, thì tạm thời dừng lại trở ở trở lại dòng khổ lâu dài

Vì vậy bỏ cõi nhiễm mà không tăng thêm tà sân-yêu thích Tây phương. Mà tà tham không khởi; đồng thời phân biệt mà tương ưng trí tuệ. Bên trong tích lại ba thiện căn, bên ngoài vời lấy sự giúp đỡ của các Thánh và hậu báo của phương này mất thì tịnh hoa của cõi mầu

nghênh tiếp.

Chớ sợ thần, quỷ, ma, mà không siêng năng tu hành chính nghiệp.

b. Nghi ngờ: Nghiệp đạo như cái cân, thiện ác ắt báo trả, chiêu cảm từ cha sinh mẹ đẻ tới nay, sự tạo ác chẳng phải một, thì như thế nào không chịu nhận lấy mà trực tiếp vãng sinh Tây phương? Giả sử muốn vãng sinh há không phải là chướng ngại hay sao?

Giải thích: Người tạo nghiệp thì quả báo khổ vui nhất định sinh ra. Đã cùng hạng phàm phu ngu si lâu ngày tích chứa nhân tội lỗi, thì chẳng sai lầm nào mà không theo. Chiêu cảm quả báo nghiệp ác của người đời nay được đoạn trừ hay không? Nếu nói đã đoạn trừ thì nay tức là không có ác để có thể đoạn trừ. Còn nếu quả báo nghiệp ác của những người ấy chưa diệt thì nhân thọ sinh nhân đâu không có chướng ngại ba hạng hành giả? Bởi xót thương như vậy mà nói: Khi thọ sinh trong cõi này, các ác chưa đoạn trừ là do nghiệp của người trội hơn. Ác không thể ngăn chận thì quả báo thiện đã hết và quả khổ phải chịu vậy.

Lại nên chỉ bày rằng: Ác tuy chưa đoạn trừ nhưng nghiệp của người trội hơn, cho nên không bỏ đi sự chiêu sinh, tịnh nghiệp chuyển mạnh, thì sao có thể dấy khởi chướng ngại?

Vì sao? Vì tam quy và ngũ giới, là nhân thiện hữu lậu, nhưng bị tưởng điên đảo lôi dắt vào trong thai tạng mẹ. Tuy tu hành kém ấy mà ác không thể ngăn cản có được thân người, tội lỗi đã không có sức, từ vô thỉ tu hành chính đáng, đến nay phát tâm, thề hết gốc khổ, tương lai làm Phật, tinh cần khắc niệm, nguyện sinh Tây phương. Thời kỳ quả báo hết, thiện hữu từ bi thương xót hộ niệm, khiến tâm an trụ . Thánh chúng hiện tiền, riêng sinh lòng khát ngưỡng. Nương vào những thù thắng ấy vãng sinh về cõi nước kia sao lại khó? Chớ hoài nghi mà không tu hành tịnh nghiệp

c. Nghi ngờ: Theo chỗ tu hành này thì tu học rộng khắp làm tông. Còn niệm riêng Đức Phật A-di-đà thì trở thành hiểu biết khúc mắc trái lại còn chướng ngại đạo, không thoát khỏi luân hồi, vậy sao không bỏ chỗ tu hành riêng để theo chỗ tu hành rộng khắp?

Giải thích: Ngưỡng mộ để tìm chỗ tu hành rộng khắp là lợi ích rất lớn. Trí tuệ lớn thông tới các bậc hiền mới có thể lưu ý, còn sức nhỏ trí kém thì khó tu hành. Bậc đại Thánh tùy theo căn cơ, khiến tu biệt hạnh vì xứng với căn tính, cho nên đối với lý không tổn thương và mượn biệt làm nhân để tu thành phổ nghiệp.

d. Nghi ngờ: Muốn tu đạo thì trước tiên phải biết nguyên nhân của khổ? Nguồn gốc khổ đều do nghiệp ác mới khởi cảnh ác. Nhưng ở cõi

Sa-bà này không gặp lý tánh tướng của chư Thánh nên tạo các nghiệp ác số lượng vô biên.

Tất cả các chúng sinh gồm có hai loại: Một là thật báo; hai là ứng hình.

Nói thật báo ấy là thể chỉ Phật tính, tướng tức thân gồm rộng khắp. Nhưng vì do mê ở thể cho nên hư vọng sinh ra tham sân trên Như Lai tạng ngang ngược khởi tâm ngu si. Theo tướng tuy khác nhưng thị hiện thân gần rộng khắp thì không khác. Cách sinh chẳng biết nên hư vọng khởi sự tham ái, thường đối với Phật tính và cha mẹ duyên theo để làm những việc giết hại, trộm cắp, dâm dục v.v...

Thánh chúng của tam thừa xót thương nghĩ nhớ đến chúng sinh nên thể cùng như phàm phu vậy. Nhưng sinh ra làm mù quáng chẳng biết nên liền ôm lòng khinh thị ức chế, tăng trưởng duyên ác.

Do ngày xưa không biết mới sinh tưởng điên đảo. Ngày nay được khải ngộ, đối cảnh mà suy xét tội lỗi. Trừ bỏ việc ác đã làm, sẽ không khởi lên những lỗi lầm. Tuy nhiên chỉ ở phương này sám hối tạ tội thì tội có thể trừ bỏ hết, nhàm chán cõi này để vui mừng thế giới Tây phương, thì sao có thể mất sự oán kết?

Giải thích: Sắp tìm đến đạo cần dứt hết gốc khổ chấm dứt nguyên nhân của khổ thì không ngoài đoạn ác. Cảnh tội ác. Thật ở cõi Sa-bà chứa góp những oán hiềm ấy đã trở thành ái kết. Ngày nay xem xét kỹ là chỗ ràng rịt của những đảo tưởng. Nếu muốn hiểu rõ đầy đủ thể của chúng sinh là Phật tính, tướng tức là thân gần rộng khắp, chư Phật đại bi quyền xảo ứng hiện tùy theo hình tướng trong lục đạo, tích thị hiện cũng như phàm phu. Dùng tâm để hiểu như thế thì mọi người đều cùng theo. Như chỗ bàn luận để khởi sự tu hành, thực nghiệm hoàn toàn không có, biết điều đó chẳng phải là khó mà thực hành là khó vậy. Chỉ có thể tưởng pháp này, tín ngưỡng ngợi khen điều đó là không dối gạt. Sinh tâm hối hận vô cùng vì những nghiệp ác đã tạo, thề không tái phạm, chuyên niệm danh hiệu Phật và tu các hạnh, hồi hướng sinh Tịnh độ như cứu lửa đốt đầu. Than ôi lạc đường phải trầm luân cõi này. Nay đặt hết tinh thần vào Cực lạc, chứng quả Vô sinh. Tự tu hành đã xong, lại quay về chốn năm trược, khởi tâm đại bi giáo hóa chúng sinh, cứu tế mọi căn cơ.

Chớ dừng lại ở một con đường mà không tiến lên ở những con đường thẳng khác. Nhưng cần phải vận động tâm niệm là trước tiên vì báo trả oán hiềm.

Nguyện bỏ nhân khổ để cùng sinh về thế giới Cực lạc. Cõi nước

kia đều lãnh thọ, liền bỏ sự oán hiềm, không thể duyên cõi này mà ôm lòng hoài nghi.

e. Nghi ngờ: Đời đang bây giờ cách Thánh thời gian xa. Hạng phàm phu ngu si của hạ phẩm phù hợp chính đáng là lễ bái và sám hối đức Địa Tạng Bồ-tát. Ngày nay có duyên đáng lý nên chuyên tâm xưng danh hiệu cùng nghĩ nhớ Tam bảo.

Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà là chỗ tu hành của người thượng hạnh. Và căn cơ của giai đoạn thứ hai mới có thể được sinh niệm. Nay đã là thời gian đang khi trược ác, tính tham muốn thấp kém, thì sao có thể liền tu hành pháp của bậc thượng nhân? Bậc trên học pháp bậc dưới thì gặp ngăn trở. Bậc dưới phát khởi tu hành của bậc trên là chướng ngại đạo chịu khổ. Pháp và căn cơ không phù hợp thì sao được thành công?

Giải thích: Lời Nhân giả nói chẳng phải không có giáo chỉ. Nhưng sự tụ tập mà chưa lâu thì mới phát ra chỗ nghi ngờ ấy. Dừng vọng tưởng là thông suốt và nhất định bắt đầu chỗ tu gần. Đó là gì?

- Một là dẫn chứng Thánh giáo, hai là phân biệt nghĩa môn.

Nói Thánh giáo thì các bộ loại đã nhiều, lại sao chép đủ nên khó nghiên cứu. Vì thế trình bày sơ lược năm chỗ thiết yếu để khai sáng người nghe.

1. Một là kinh Đại Tập Hiền Hộ nói: Đức Phật bảo Bồ-tát Hiền Hộ: Sau khi ta nhập Niết-bàn, các đệ tử truyền pháp Tam-muội này, các Tỳ-kheo ác không thể tin nhận, mà phỉ báng nói là ma nói. Lại bảo Bồ-tát Hiền Hộ: Khi các Tỳ-kheo làm ác, khi các nước đánh nhau, khi lại huỷ báng nhau, khi chúng sinh trược ác, thì có bốn chúng đệ tử, có thể truyền pháp này để lợi ích chúng sinh.

2. Kinh Dược Sư nói: Bồ-tát Văn-thù vì những chúng sinh trong đời tượng pháp mà thỉnh giáo rằng: Bốn chúng đệ tử cầu vãng sinh Tây phương không nhất định thì niệm danh hiệu của đức Dược Sư, liền đoạn trừ được lưới nghi ngờ. Khi lâm chung, tám vị Đại Bồ-tát chỉ đường vãng sinh

3. Kinh A-di-đà nói: Các Đức Phật trong các phương khác cùng khen ngợi Đức Thích-ca, có thể ở trong đời ác đủ năm thứ trược để nói pháp khó tin. Các Đức Phật trong sáu phương đều hiện làm tướng lưỡi rộng dài để chứng minh chỗ nói là xác thật không sai lầm.

4. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói: Phu nhân Vi-đề-hy vì những chúng sinh trong đời ác đủ năm thứ trược bất thiện, bị năm thứ khổ bức bách, mà xin về Tịnh độ. Lại nữa, ba phẩm của bậc hạ tạo đủ nghiệp ác, đều được vãng sinh vậy.

5. Kinh Vô Lượng Thọ nói: Đức Thích-ca Như Lai vì những chúng sinh ở trong đời ác đủ năm thứ trược để nói pháp, khiến lìa khỏi năm thứ ác, trừ năm thứ thống khổ, diệt năm sự thiêu đốt. Lại nữa, trong đời vị lai, kinh đạo diệt tận, ta vì lòng Từ bi xót thương mà đặc biệt lưu lại kinh này chỉ ở trong một trăm năm. Những chúng sinh bấy giờ, khởi một niệm tin tưởng, liền sinh về cõi nước kia.

Nghi: Các Kinh giáo đã dẫn chứng trên đều là lời đức Phật nói chẳng sai dối, nhưng chưa biết đây là nói môn phương tiện hay là nói hết lý?

Giải thích: Chỗ nói của đấng Đại nhân thì nhất định phù hợp với nghĩa thật xưa nay vin vào các kinh giáo đều là môn cứu cánh. Vì vậy mà biết người ấy không hiểu rõ giáo. Hội Niết-bàn giải thích thông suốt, thì một môn Tịnh độ và Song lâm là quyết định không còn nghi ngờ. Các Đức Phật trong mười phương duỗi lưỡi để chứng minh thành tựu. Và căn cứ theo hai nghĩa ấy, biết chẳng phải là phương tiện vậy.

Phần đã nói ở trên là dẫn chứng sơ lược về Thánh giáo để chỉ bày nguyên nhân nói pháp; từ đây xuống dưới là giải thích thô thiển về nghĩa môn. Đình chỉ vọng tâm xoá bỏ sự ngờ vực, thì một âm thanh diễn xướng đều hiểu rõ, vạn văn cơ khác nhau không ai là không khế hợp. Thệ nguyện rộng lớn của đức Địa Tạng Bồ-tát cứu độ những chúng sinh trong nẻo ác ; lòng đại Bi của Đức Phật A-di-đà cứu giúp những người khác trong mười niệm. Vì thế không cầu Tịnh độ vì sợ đọa lạc vào trong ba đường; niệm danh hiệu của đức Địa Tạng Bồ-tát mong sự cứu giúp trong mỗi cảnh khổ.

Nay chuyên tâm niệm Phật, thề nguyện vãng sinh thế giới Tây phương, thì khi đại mạng sắp hết, các Đức Phật ứng hiện đến, đã sinh về Tịnh độ, vĩnh viễn cắt đứt ba đường, những việc khổ không trải qua, không mệt nhọc cầu xin giúp.

Tông chỉ chủ yếu của giai đoạn là theo thời gian và căn cơ để nói, sau một nghìn năm trăm năm không tu tịnh nghiệp. Nhưng giả sử có người tu các hạnh thành tựu đầy đủ, tức là căn cơ của giai đoạn thứ hai mà chẳng phải là nghiệp của hạng phàm phu hạ trí. Nay xem ý này là nói thượng hạnh, chỉ nói rõ người sinh về thượng phẩm và trung phẩm trong ba bực.

Pháp môn Tịnh độ, định và tán đều thông suốt. Nghiệp tạo tác sâu hoặc cạn, đều đồng sinh về thế giới Cực lạc.

Chúng xuất gia thanh tịnh, về thế tục tôn trọng là những người có tài năng đức hạnh hơn người. Ở ẩn để trừ đi sự lo nghĩ, điềm tĩnh tinh

thần để ngừng tâm tán loạn, và có thể tu hành nghiệp quán, gọi là định thiện vãng sinh.

Chí hướng dứt hết sự vinh hoa. Ngoài những việc công và tư, không tham những việc của thế tục. Hỏi đạo và siêng năng tu tập để có thể có đủ nhân tán thiện của ba thứ phước, thì nhất định sinh về cõi nước kia. Cuả cải trong nhà thiếu thốn, những công việc trói buộc. Nhưng có thể tùy theo một hạnh thì cũng sinh về cõi báu.

Đời này tạo tội, cho đến nhất xiển đề, thì khi đại mạng sắp hết, các thứ khổ đến bức bách. Đột nhiên gặp được thiện hữu, dạy niệm danh hiệu Phật, các tướng ác đã trừ, liền sinh về diệu sát.

Hạng thiện căn Đại thừa, dưới đến từ những chúng sinh không có lỗi lầm, trên đến tâm cuối cùng của địa vị hồi hướng, theo nghiệp tạo tác sâu hoặc cạn để chia làm ba phẩm của bậc thượng. Hạng căn cơ Tiểu Thừa, trước từ địa vị cõi trời, trên đến địa vị Thế đệ nhất pháp để chia làm ba hạng chúng sinh của trung bối. Hạng căn cơ Đại thừa và Tiểu thừa, theo lỗi nặng hoặc nhẹ để chia làm ba địa vị ở dưới.

Đó tức là chỗ hành đạo sâu hoặc cạn, sự tạo ác nặng hoặc nhẹ, đều phát tâm Bồ-đề, nguyện sinh về Tịnh độ. Và tùy theo nghiệp nhiều hoặc ít, đều được vãng sinh.

Không thể thiên chấp theo một góc để phỉ báng và nghi ngờ Tịnh nghiệp.

Lại nói thời nay trược ác, không phù hợp với người niệm Phật để nguyện sinh về thế giới Tây phương. Đó chẳng phải là chỗ hiểu biết rộng.

Kinh Đại Vô Lượng Thọ nói: Trong đời vị lai, kinh đạo diệt tận, Đức Phật vì lòng từ bi xót thương mà đặc biệt lưu lại kinh này ở chỉ trong một trăm năm. Những chúng sinh bấy giờ nghe tên gọi, sinh lòng tin tưởng, đều sinh về cõi nước kia.

Nghĩa là nói: Đức Như Lai nói giáo, thấm nhuần lợi ích có thời gian. Một vạn năm mạt pháp, các kinh khác đều tuyệt diệt. Đặc biệt chỉ riêng giáo môn của Đức Phật A-di-đà tăng trưởng lợi ích cho người, nên đức Đại Thánh đặc biệt lưu lại trong một trăm năm.

Bấy giờ trải qua thời kỳ mạt pháp đủ một vạn năm, thì tất cả các kinh đều theo đó mà diệt hết, và Đức Thích-ca ân trọng lưu lại giáo pháp trong một trăm năm. Khi ấy những người tu nhân, sinh lên Tịnh độ thì sao còn do dự phán đoán, mà không khiến nguyện sinh?

Rõ ràng Kinh này đủ để trừ bỏ những lo lắng và hối hận. Chớ mang ý kiến nông cạn hẹp hòi, mà không thông đạt nghĩa kinh.

12. Y theo luận Nhiếp Đại thừa, giải thích thông suốt nghĩa biệt thời ấy là luận nói: Chỉ do phát nguyện, liền vãng sinh cõi nước An lạc ấy là biệt thời ý.

Nghi: Nhất định y theo luận Nhiếp Đại thừa, phân biệt dùng biệt thời. Và nay dạy niệm Phật, thì như thế nào liền được vãng sinh?

Giải thích: Nay y theo luận Nhiếp Đại thừa để phân biệt và giải thích biệt thời, thì cùng với môn Tịnh độ không có tý gì sai khác. Vì sao?

Do chỉ phát nguyện thì chưa thể liền sinh. Nhưng y theo nguyện niệm Phật thì mới thành tựu Tịnh nghiệp. Trước sau nguyện và hạnh, vì thế nói là biệt thời, mà chẳng phải là nói niệm Phật không liền vãng sinh vậy.

1*3. Giải thích kinh Pháp Hoa:* Nếu người tâm tán loạn vào ở trong tháp miếu, một khi xưng Nam-mô Phật, đều đã thành Phật đạo.

Nghi: Tâm tán loạn một khi xưng hiệu Phật, thì quả Phật chưa liền thành; một đời niệm danh hiệu Phật thì sao sinh về Tịnh độ?

Giải thích: Tâm tán loạn một khi xưng danh hiệu Phật, đều đã thành Phật đạo. Vì đạo là nhân không hư hão, thì niệm Phật sinh về Tịnh độ khi quả báo hết được vãng sinh chẳng phải là sai lầm.

14. Sơ lược nói rõ những phương pháp và phép tắc của tác nghiệp.

Nghi: Tông nói rõ niệm Phật là dùng nhân vãng sinh. Nhưng chưa biết tâm lo nghĩ, thì dùng loại gì để hiểu? Phương pháp và phép tắc niệm Phật, hình trạng của nó thế nào?

Giải thích: Nhiều kiếp vô cùng, trở đi trở lại, giả sử tu nhân thì cũng nhiều hư vọng và ít chân thật. Chỉ cầu danh lợi, vọng chấp ngã và nhân. Rộng làm duyên thiện thì không vì chính lý, trầm luân nẻo ác, chịu khổ vô cùng.

Đức Thánh chủ A-di-đà lưu truyền danh hiệu để nhiếp hóa, quả thành là Phật đã trải qua trong mười kiếp. Chúng ta ngu si, chỉ tham tạo ác. Tuy học Phật pháp nhưng để cầu danh trong hiện đời. Tự mình thị phi với người khác, thường sinh ngạo mạn, truy cầu y thực. Ngày đêm siêng năng mệt nhọc, dù có cũng dư công, dụng tâm theo ác đảng.

Nếu cũng không gặp thiện hữu thì Tịnh độ sao nghe? Một mai vô thường, nhanh chóng trở về ác đạo. Nay gặp bậc Thiện tri thức lớn cùng ta có duyên. Dạy ta tư duy, bỏ các ác hạnh, được nghe bản nguyện và lòng từ bi của Đức Phật A-di-đà.

Từ mười kiếp tới nay, thường lưu truyền chính pháp. Ta vì do chướng ngại cho nên ngày nay mới nghe; thương xót trong đời ngũ

trược, chỉ sinh lòng hổ thẹn và oán giận, cho nên sân nổi lên, tham lam và si sinh ra.

Chỉ tu bốn pháp, dùng làm chính nghiệp.

1. Trường thời tu: Trước tiên là khi sơ phát tâm, cho đến khi đoạn tuyệt phiền não của thế gian để thành tựu trí tuệ Niết-bàn, thường tu ba thứ nhân thanh tịnh của thân và tâm, cuối cùng không thoái chuyển.

2. Nhược cung kính tu: Ở đây lại có năm:

a. Cung kính với Thánh nhân có duyên.

Gọi là hành, trụ, tọa, ngọa, không quay lưng về phương tây; khạc nhổ, nước mũi, tiện lợi, không hướng về phương tây vậy.

b. Cung kính với tượng giáo có duyên.

Gọi là làm thay đổi hình tượng của Đức Phật A-di-đà ở thế giới Tây phương. Không thể làm rộng, mà chỉ làm một hình tượng Phật và hai hình tượng Bồ-tát cũng được. Giáo ấy là kinh A-di-đà v.v... Dùng những cái túi ngũ sắc để đựng, tự mình đọc và dạy cho người khác. Các kinh và hình tượng này đều an trí ở trong nhà, sáu thời đều lễ bái và sám hối. Dùng hương hoa để cúng dường, và chỉ sinh lòng tôn trọng.

c. Cung kính bậc Thiện tri thức có duyên.

Gọi là những người tuyên dương giáo pháp Tịnh độ. Hoặc từ một nghìn do-tuần đến mười do-tuần trở lại đều phải kính trọng và thân cận để cúng dường. Những người tu học riêng đều khởi tâm cung kính. Cùng với mình bất đồng nhưng chỉ biết cung kính sâu xa vậy. Nếu sinh lòng khinh mạng là mắc tội vô cùng, vì thế cần phải cung kính chung, tức là để trừ bỏ sự chướng ngại chỗ tu hành.

d. Cung kính với bạn cùng duyên.

Gọi là những người cùng tu nghiệp. Tự mình tuy chướng nặng nghiệp riêng mà không thành, nên cần phải nhờ vào bạn lành mới có thể tu hành. Giúp ách cứu nguy, trợ lực nương nhờ nhau, cùng bạn thiện duyên, bảo trọng nhau sâu xa.

e. Cung kính Tam bảo.

Đồng thể Tam bảo và biệt tướng Tam bảo đều phù hợp với lòng cung kính sâu xa. Nhưng không thể ghi chép đầy đủ, vì chỗ nông cạn đối với hành giả, không phải quả quyết y theo để tu hành.

Trụ trì Tam bảo ấy là cùng với những người hiểu biết nông cạn ngày nay, dùng làm nhân duyên lớn. Nay thô thiển phân biệt và chọn lựa:

Nói Phật bảo ấy là những dung mạo được chạm trổ bằng gỗ cây Chiên-đàn, thêu lụa thành năm màu, những chất tơ trắng, sắc vàng,

ngọc chạm khắc, tranh vẽ, đá mài, đất gọt. Những hình tượng này chỉ có thể tôn phụng. Tạm thời quán những hình tượng ấy thì tội tiêu và tăng phước. Nếu sinh ra chút ít sự khinh thường thì tăng thêm ác và thiện mất. Nhưng chỉ quán tưởng tôn dung thì sẽ thấy Phật thật.

Nói pháp bảo ấy là ý chỉ giáo pháp Tam thừa, lưu hành trong pháp giới, danh cú nói ra, có thể sinh ra nhân duyên hiểu biết. Vì thế cần phải trân trọng và kính mến để phát triển nền tảng trí tuệ. Sao chép và tôn trọng kinh, thường an trí ở trong tịnh thất; đựng chứa vào trong những cái hộp đều phù hợp với lòng cung kính trang nghiêm. Khi đọc tụng, thân và tay đều sạch sẽ.

Nói Tăng bảo ấy là các vị Thánh tăng và Bồ-tát những hạng phá giới đều khởi tâm cung kính, mà chớ sinh tâm nghĩ tới khinh thường.

3. Vô gián tu: Gọi là thường niệm Phật, tu tâm vãng sinh. Đối với tất cả thời gian, tâm thường kéo quán tưởng. Thí như có người bị người khác trộm cướp, thân trở thành kẻ hà tiện, chịu đủ sự khó nhọc, bỗng nhiên nghĩ đến cha mẹ và muốn đi về nước. Nhưng hành trang chưa đủ, còn ở tha phương, ngày đêm suy nghĩ, khổ không thể chịu đựng được, không có thời gian nào tạm bỏ. Sau đó, không nghĩ nhớ cha mẹ, vì sinh kế đã thành, nên liền về đến được, thân cân cha mẹ mà tha hồ vui vẻ. Hành giả cũng vậy. Thường bị phiền não phá hoại làm rối loạn thiện tâm, của báu phước và trí đều tan tác mất đi. Lưu chuyển mãi trong sinh tử, hạn chế không được tự do, thường làm người đầy tớ bị ma vương sai khiến, theo đuổi trong sáu đường, khổ thiết thân tâm. Nay gặp được thiện duyên, bỗng nhiên nghe đức từ phụ A-di-đà, không trái vơi thệ nguyện rộng lớn để cứu bạt quần sinh, nên ngày đêm sợ hãi và bận rộn, phát tâm mong muốn vãng sinh. Vì vậy mà siêng năng không mỏi mệt, nên nghĩ nhớ ân Đức Phật. Vì quả báo hết là đến hẹn nên tâm thường mưu kế và nghĩ nhớ.

4. Vô chư tu: Gọi là chuyên cầu thế giới Cực lạc, lễ niệm Đức Phật A-di-đà. Nhưng các nghiệp tu hành khác thì khởi tâm xen tạp. Chỗ tạo tác nghiệp, thường ngày phân biệt và cần phải tu niệm Phật và đọc kinh, mà không lưu tâm đến những khóa học khác vậy.

Vì sinh ở cuối thời tượng pháp, cách Thánh thì xa, đạo dựa vào Tam thừa. Nhưng không có phương pháp nhất định để tỏ ngộ khế hợp. Hai địa vị nhân và thiên, xao động bất an. Nhưng trí lớn tình rộng thì có thể chịu đựng được để ở lâu. Nếu cũng biết ngu si và tu hành cạn, thì sợ rằng chìm đắm trong đường tối.

Cần phải xa dấu vết đối với cõi Sa-bà, và lưu lại tinh thần nơi

Tịnh độ.

Ngưỡng nguyện cùng duyên với chính sự, cung kính để phát thân tâm. Y theo một Tông này thì nhất định từ chối và cắt đứt.

Mong chớ vấn vương tâm theo cái lợi của thế gian sợ hãi vô cùng. Tiếng khen đuổi theo phong tiết của Đại sư Đạo An và Pháp sư Tuệ Viễn, thì sao khác với điện ảnh? Đạo đức vượt qua phong tiết của Pháp sư Tăng Triệu và Đại sư Đạo Sinh, thì há từ chối thành Càn-thát-bà.

Văn của tam không, cửu đoạn, lý sâu xa lời rộng. Giáo của thập địa, ngũ tu, nghĩa uyên áo lời văn nhiều. Công chẳng phải chỉ một sọt đựng đất mà có thể, nghiệp thành tựu phải trải qua vài ba năm tĩnh lự, thì sao chia làm sát na? Nghĩ nhớ chứa góp trần sa mới nói ra chỗ kỳ diệu của cửu hữu. Tâm thường tạo cảnh, cảnh thuật ra chỗ màu nhiệm của nhị vô. Thức tham luyến tà ma, là do tôn sùng hư vọng. Đời sống ngắn ngủi, đợi chồng trí hiểu chân, thì con đường tử chẳng phải là vận số.

Nếu chưa trừ đi những tư lự để trì trai và chấm dứt nghiệp rộng đa văn, thì an thần nơi bờ tuệ để hưng thịnh chỉ tu mà ít học.

Vận số hết ở uế phương thì bước đến vườn thượng uyển của cõi nước Lạc bang. Linh hồn ở Tịnh độ, thác vào diệu chất ở kim đài, cùng hơi đạo với đức Từ nhan để hủy đi sự nghi ngờ không dừng nghỉ? Cảm được âm thanh đại bi ở Thánh đức để hiểu chứng Vô sinh, lợi ích rộng lớn. Có thể nói sơ lược như vậy. Trình bày thô thiển, dùng bầu lọ suy xét để phân biệt nước lành.

Phát khởi tu hành công phu đầy đủ, chẳng có ai có thể tích chứa mà thành.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 171

DU TÂM AN LẠC ĐẠO

SỐ 1965

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1965

DU TÂM AN LẠC ĐẠO

Thích Nguyên Hiểu soạn

Du Tâm An Lạc sơ lược gồm bảy môn:

1. Trình bày nguồn gốc nguyên nhân khởi giáo.
2. Định vị tứ cõi Tịnh độ.
3. Nói về hoạn nạn của nghi hoặc.
4. Hiển bày nhân duyên vãng sinh.
5. Nêu số phẩm vãng sinh.
6. Luận về sự khó dễ của việc vãng sinh.
7. Giải trừ những điều nghi.

I. Trình bày nguồn gốc nguyên nhân khởi giáo:

Tâm tánh chúng sinh dung thông vô ngại, rộng như hư không, sâu tựa biển lớn. Như hư không nên thể của nó bình đẳng không có biệt tướng chổ tịnh uế, tại sao có sạch dơ? Tựa biển lớn nên tánh của nó nhu nhuyến có thể tùy duyên mà không trái nghịch, lẽ nào không có lúc động tĩnh! Đó là do sóng khổ, gió trần xô đẩy mà muôn kiếp trôi lăn trong đời ngũ trược, hoặc nương vào thiện căn cắt đứt tứ lưu không còn sinh tử đến bờ giải thoát. Song vắng lặng hoặc động tĩnh đều như mộng, vì khi ngộ rồi không còn có bỉ thử. Tịnh độ, Uế độ do tâm mà có. Niết-bàn, sinh tử chỉ một mà thôi. Bậc Đại giác tích chứa công đức, cho đến hàng phàm phu mê mờ không thể nhanh chóng ngộ được, vì thế Thánh nhân để lại dấu tích gần xa, thiết lập giáo pháp lúc thịnh lúc suy. Như Đức Phật Thích-ca xuất hiện ở cõi Ta-bà, chỉ dạy chúng sinh dứt ác làm thiện. Đức Phật A-di-đà ở nước An dưỡng tiếp dẫn chín loài chúng sinh về cõi ấy v.v... Còn những dấu tích quyền biến khác không

thể trình bày hết được.

Nay nói về cõi Cực lạc: Bởi vì cõi Cực lạc cảm ứng hạnh nguyện sâu dày và hiển bày quả đức lâu dài của chúng sinh. Khi mười tám pháp giới (sáu căn, sáu trần, sáu thức) tròn đầy thanh tịnh thì thoát khỏi tam giới, vượt hẳn ngũ căn, tướng hảo ngang bằng với thiên nhân cõi trời thứ sáu, nhưng không hưởng pháp vị hương thơm để nuôi dưỡng thân tâm. Người nào bị khổ sở đói khát bức bách thì gió thơm mát mẻ thường thổi đến. Ở đây vốn không có phiền toái về đông lạnh, hè nóng, lúc các tiên nhân hội họp thường tắm nước tám công đức ở ao sen. Vì thế họ mãi mãi xa lìa những điều không vừa ý, cùng với bạn bè đi khắp mười phương cõi Phật. Ở đây không còn lo buồn khổ não, lại được nghe pháp, nhập vào vô tướng, thấy hào quang sáng chói của chư Phật, ngộ được vô sinh. Vì ngộ được vô sinh nên sinh bất cứ nơi nào, nhập vào vô hình nên hình biến khắp nơi. Cực lạc, cực tịnh chẳng phải điều mong muốn, độ vô lượng chúng sinh há nói độ hết được sao? Cõi Tịnh độ như vậy được chư Phật mười phương tán thán, khuyến khích Thánh chúng Tam thừa muốn sinh về. Nhưng quan sát kỹ ý Như Lai tán thán khuyến khích là muốn nhiếp hộ hàng trung căn và hạ căn. Thế giới Ta-bà lắm điều xấu xa, vì vậy phần nhiều bị thối lui, không sinh về cõi báu an dưỡng, thuần thiện chỉ tiến không lùi. Luận Khởi Tín ghi rằng: "... lại nữa chúng sinh lúc đầu học pháp này, muốn cầu chánh tín nhưng tâm lại sợ sệt vì đang ở thế giới Ta-bà." Họ sợ không thể gặp chư Phật để gần gũi cúng dường, lại sợ tín tâm khó thành tựu. Người có ý muốn thối lui nên biết, Như Lai có nhiều phương tiện thù thắng để nhiếp hộ tín tâm. Nghĩa là nhờ nhân duyên chuyên niệm Phật, tùy theo nguyện lực vãng sinh về cõi Phật ở mười phương, thường gặp chư Phật, mãi mãi xa lìa ác đạo. Như trong kinh nói: "Người chuyên niệm Phật A-di-đà ở thế giới Tây phương Cực lạc, tu tập thiện căn, hồi hướng công đức, nguyện cầu vãng sinh về thế giới ấy, thường gặp chư Phật, cho nên trọn không thoái chuyển. Nếu quán pháp thân chân thật của Phật, thường chuyên cần tu tập, rốt ráo được sinh chánh định tụ." Tất cả chúng sinh tuy niệm Phật nhưng chưa đạt đến thập giải, nên thể của nó là thoái vị (địa vị thoái chuyển). Nếu ở Uế độ gặp bốn thoái duyên sẽ thoái chuyển, nếu sinh ở Tây phương có đủ bốn duyên thì không còn thoái chuyển.

Bốn duyên là:

1. Tịnh độ do mạng sống dài lâu và không bệnh nên không thoái chuyển, uế độ mạng sống ngắn ngủi, nhiều bệnh nên thoái chuyển.

2. Tịnh độ do chư Phật, Bồ-tát làm Thiện tri thức nên không thoái

chuyển. Như kinh nói: “Được cùng với chư thượng thiện nhân hội họp.” Uế độ do nhiều ác tri thức nên thoái chuyển.

3. Tịnh độ không có người nữ, cảnh giới lục trần đều là duyên tiến đạo nên không thoái chuyển. Như kinh nói: “Mắt thấy sắc liền phát tâm Bồ-đề v.v...”. Uế độ vì có người nữ nên thoái chuyển.

4. Tịnh độ chỉ có thiện tâm nên không thoái chuyển. Như kinh nói: “Không có một mảy may nào làm ác.” Uế độ do ác tâm, vô ký tâm nên thoái chuyển.

Lại trong các kinh đều nói: “Người vãng sinh Cực lạc đều được bất thoái chuyển, chứ không nói người bất thoái chuyển mới được vãng sinh.” Cũng giống như ở thế gian có ba thọ, người sinh về Cực lạc thì không có khổ thọ, xả thọ, chỉ có lạc thọ.

Nói tóm lại: Từ Sơ địa trở lên bi nguyện tự tại, sinh bất cứ nơi nào, cần gì khuyên tu. Thập giải trở lui chủng tánh quyết định, không có bi nguyện, thoái chuyển, cũng chẳng phải là việc chính. Từ Thập giải trở về trước và phàm phu phát tâm chưa vững chắc, nên lên xuống tùy duyên, ghét uế thích tịnh. Cho nên Phật khuyên thu nhiếp sự trường thọ của cõi Tây phương, suốt đời tu hành, chứng được Thập địa. Cõi Ta-bà mạng sống ngắn ngủi, nhiều kiếp cần khổ khó nhọc vẫn còn thoái chuyển. Như kinh Hoa Nghiêm nói: “Một kiếp ở thế giới Ta-bà bằng một ngày một đêm ở thế giới Cực lạc. Như thế cho đến trăm vạn A-tăng-kỳ thế giới, một kiếp của thế giới sau cùng bằng một ngày một đêm ở cõi Như Lai hiền thủ thế giới Liên hoa thù thắng. Nguồn gốc nguyên nhân khởi giáo tán lược trình bày như vậy.”

II. Xác định vị trí cõi Tịnh độ:

Cõi Phật viên dung vốn không có Đông, Tây nhưng tùy theo căn cơ chúng sinh mới hiện ra đây, kia. Vì thế chúng ta thử bàn luận vị trí của Tịnh độ. Nhất thừa và Tam thừa có sự phân chia khác nhau. Theo Nhất thừa Tịnh độ Cực lạc thuộc về Hoa tạng thế giới hải. Vì sao? Vì quốc độ chư Phật mười phương viên dung bất khả thuyết, nên ngài Phổ Hiền thấy không có sự phân chia. Theo Tam thừa Tịnh độ Cực lạc thông thương chia thành bốn độ:

- Pháp tánh độ.
- Thật báo độ.
- Thọ dụng độ.
- Biến hóa độ.

Trong Pháp tánh độ và Thật báo độ chỉ thuần một vị lạc bình

đẳng, biến khắp pháp giới, chẳng thể đo lường được. Thọ dụng độ và Biến hóa độ đáp ứng lại hạnh nguyện chúng sinh, cứu vớt chúng sinh, tùy theo căn cơ và nguyện vọng của họ, chỉ cho họ nơi có thể được như ý nguyện. Kinh Tiểu Vô Lượng Thọ nói: “Từ đây đi về phương Tây qua mười vạn ức cõi Phật, có một thế giới gọi là Cực lạc”. Nay đem “Tịnh” và “Bất tịnh” của thế giới đó và thế giới này, lược thành bốn đối, để hiển bày thứ tự của nó. Bốn đối là:

- Nhân và quả đối nhau.
- Một hướng và bất một hướng đối nhau.
- Thuần và tạp đối nhau.
- Chánh định và phi chánh định đối nhau.

1. Nhân và quả đối nhau.

Chỗ ở của Bồ-tát chứng Kim cang Tam-muội trở xuống gọi là quả báo độ không gọi là Tịnh độ. Vì chưa lìa quả hoạn của khổ đế. Cho nên chỉ có thể chỗ của Phật mới gọi là Tịnh độ, vì tất cả những tạp nhiễm hoạn nạn vô dư đều tiêu diệt, theo nghĩa này, kinh Nhân Vương nói: “Tam thừa Thập Thánh ở quả báo độ chỉ có Phật ở Tịnh độ. Tất cả chúng sinh đều ở quả báo độ, đến chứng Kim cang Tam-muội rồi mới đến Tịnh độ.”

2. Một hướng và bất một hướng đối nhau.

Trụ xứ của Bồ-tát từ Bát địa trở lên gọi là Tịnh độ. Vì một hướng xa khỏi việc của Tam giới, nếu đầy đủ bốn câu nghĩa một hướng. Từ Thất địa trở xuống, tất cả trụ xứ chưa được gọi là Tịnh độ, vì chẳng phải một hướng ra khỏi Tam giới hoặc nương nguyện lực mà ra khỏi tam giới... và bốn câu nghĩa một hướng chưa đầy đủ. Bốn câu một hướng là: Một hướng lạc, một hướng tịnh, một hướng không có tai họa, một hướng tự tại.

Thất địa trở xuống khi quán chiếu, có lúc sinh khởi tâm vô ký, có lúc Mạt-na, bốn hoặc hiện hành nên chẳng phải một hướng tịnh, chẳng phải một hướng không có tai họa. Bát địa trở lên thì không như vậy, theo nghĩa này luận Nhiếp Đại thừa ghi: “Xuất xuất thế hiện pháp công năng đã sinh.”

Giải thích: Hàng nhị thừa gọi là xuất thế. Từ bát địa trở lên cho đến cõi Phật gọi là xuất xuất thế. Pháp xuất thế đối trị pháp thế gian, pháp xuất xuất thế đối trị pháp xuất thế. Công năng lấy bốn duyên làm tướng, từ công năng thiện pháp xuất xuất thế sinh khởi Tịnh độ. Cho nên không lấy Tập đế làm nhân.

3. Thuần và tạp đối nhau.

Chỗ tạp cư của phàm phu, nhị thừa, không được gọi là thế giới Thanh tịnh. Chỉ có nhập vào đại địa, nơi trụ xứ của Bồ-tát mới được gọi là Thế giới thanh tịnh. Thế giới Ta-bà chẳng phải thuần tịnh. Thế giới Cực lạc là thuần tịnh. Theo nghĩa này, luận Du-già ghi: "Vô lượng thế giới, chỉ có hai loại thanh tịnh và không thanh tịnh. Trong thế giới thanh tịnh không có Na-lặc-ca (Địa ngục), bàng sinh, ngạ quỷ, cũng chẳng có dục giới, sắc giới, vô sắc giới, chỉ có chúng Bồ-tát gọi là thế giới thanh tịnh. Đã nhập vào địa thứ ba, Bồ-tát do nguyện lực nên thọ sinh ở đó, không có dị sinh và phi dị sinh. Hàng Thanh văn, Độc giác, hoặc Bồ-tát dị sinh được sinh ở thế giới thanh tịnh.

Giải thích: Địa thứ ba ở đây là Hoan hỷ địa, nói theo bảy loại môn địa vì tịnh thắng ý lạc địa thứ ba, nên nó thuộc về trụ mười ba. Lập bảy loại địa đều như đã nói ở luận Du-già.

4. Chánh định và phi chánh định đối nhau.

Nơi Tam tụ chúng sinh khổ cùng sinh sống là uế độ, chỉ có nơi chánh định tụ gọi là Tịnh độ. Ở trong đó cũng có Tứ quả Thanh văn cho đến tứ nghi phàm phu, chỉ không có Tà định tụ và Bất định tụ.

Nói về Chánh định tụ: Nói chung, chúng sinh giới lược có Tam tụ. Kinh Vô Lượng Thọ nói: "Có chúng sinh, sinh ở cõi kia, hết thảy đều trụ ở Chánh định tụ. Vì sao? Vì trong cõi Phật kia không có Tà định tụ và Bất định tụ." Hình tướng ba tụ này thế nào? Nói chung người phạm nhất xiển đề là Tà định tụ. Hàng Nhị thừa Đảnh vị trở lên và Bồ-tát sơ phát tâm trở lên gọi là Chánh định tụ. Nếu đã hướng vào nhưng chưa đến địa vị ấy gọi là Bất định tụ. Quyết định không thoái chuyển, không đoạn thiện căn, như vậy là nghĩa của Chánh định tụ. Theo luận Du-già Chánh định tụ có hai loại: Bổn tánh chánh định và tập thành chánh định.

Trong năm loại tánh, người có chủng tánh Bồ-tát không gây tạo ngũ nghịch và đoạn thiện căn, nên gọi là bổn sinh chính định tụ. Tánh Nhị thừa và tánh bất định tạo tội ngũ nghịch và đoạn thiện căn... lúc đoạn thiện căn gọi là Tà định tụ, người kia hoàn phục thiện căn, sau đó khi chưa hướng đến gọi là Bất định tụ. Khi đã hướng đến thì có ba phẩm. Ban đầu hàng thượng căn hướng vào đại thừa tức là thực hành chánh định. Hàng trung căn đến Noãn hạ căn vào Đảnh vị, mỗi mỗi đều thực hành chánh định. Ngoài ra tất cả đều thuộc bất định.

Nếu là người chủng tánh bất định thì hướng thẳng vào Đại thừa và hướng đến tu hành tín tâm. Trải qua một vạn kiếp tín tâm thành tựu mới được chánh định, như trong luận Khởi Tín đã nói về nghĩa này. Nói theo Tập thành chánh định tụ, nếu ban đầu chủng tánh Bồ-tát thì hướng

thẳng đến Đại thừa mà thú nhập, thì khi vốn là hướng vào đã vĩnh viễn được bất thoái chuyển, không do nghiệp lực, đọa vào ba đường ác. Theo ở đây mà nói thì nhập vào địa vị Thập tín liền được bất thoái chuyển, không giống như người bất định tánh đã nói ở trước. Các cách nói như thế đều căn cứ ở Uế độ. Nếu căn cứ được sinh về Tịnh độ thì hàng định tánh Nhị thừa không được vãng sinh, từ vô dư sau đó có thể vãng sinh. Ba loại người trong bất định chủng tánh đều phát tâm Bồ-đề, đều được sinh về Tịnh độ. Lúc sinh ở cõi kia liền nhập vào chánh định vì nhờ ngoại duyên lực giữ gìn được. Cho nên nghĩa Tam tụ chúng sinh phân biệt sơ lược qua như vậy. Nay kinh này nói: "Nước Vô lượng thọ ở môn thứ tư nói là Tịnh độ". Điều đó dĩ nhiên là muốn dung hòa Đại thừa và Tiểu thừa. Đồng thời dẫn dắt Phàm Thánh sinh về nơi tốt đẹp, cùng đến đại đạo. Cho nên như văn sau nói: "Giả sử tôi được làm Phật, nhân dân trong nước tôi, không trụ định tụ nhất định đến diệt độ, thì tôi không giữ ngôi vị chánh giác. Lại nói: Giả sử tôi được làm Phật, Thanh văn trong cõi đó, có thể đo lường biết số ấy, thì tôi không giữ ngôi vị chánh giác, cho đến nói rộng thuyết." Cho nên nói rằng: "Người nữ, người thiếu căn và chủng tánh nhị thừa không vãng sinh là nói hạng chủng tánh quyết định nhị thừa chưa nhập vô dư, chưa phát tâm rộng lớn, nên không thể gọi Thanh văn bất định căn tánh còn tánh Thú tịch (nhị thừa hướng Niết bàn) và sau khi ra khỏi vô dư Niết bàn, thì giản lược nói chung đều là chủng tánh Nhị thừa. Do đạo lý này không trái với nhau vậy.

Lại nói người nữ và người thiếu căn, khi sinh về Tịnh độ, chẳng phải người nữ, chẳng phải người thiếu căn. Chẳng phải người nữ v.v... không được vãng sinh, như bà Vi-đề-hy được vãng sinh. Vì vậy kinh Cổ Âm Thanh Vương Đà-la-ni nói: "Cha Đức Phật A-di-đà tên là Nguyệt Thượng Chuyển Luân Thánh vương, mẹ là Thù Thắng Diệu Nhan, cho đến nói rộng. Hoặc nói chỗ ở của hóa Phật là hóa độ. Luận nói: là Thọ dụng độ hoặc nói là phụ mẫu pháp môn. Như ngài Duy-ma-cật nói nhờ lý này nên không trái nhau. Bốn môn trước nói Tịnh độ đều là hạnh nguyện đã hoàn thành của Như Lai. Chẳng phải do tự lực của người sinh về cõi đó (Tịnh độ) làm ra và không như uế độ. Mỗi thế giới chỉ do quả khổ của chúng sinh tạo thành, cho nên gọi chung là Thanh Tịnh độ.

III. Nói về hoạn nạn của nghi hoặc:

Trước nói cảnh nghi hoặc, thứ nói nhau trị tưởng nghi hoặc, sau nói sự hơn kém của việc hóa thai sinh về Cực lạc.

- Cảnh nghi hoặc:

Như văn sau nói: Nếu có chúng sinh, tâm nghi hoặc mà tu tập các công đức, nguyện sinh về Cực lạc, không hiểu rõ Phật trí, Bất tư nghì trí, Bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí, đối với các trí này nghi hoặc không tin, nhưng còn tin tội phước, tu tập thiện căn, nguyện sinh về Cực lạc thì các chúng sinh này được sinh về cung điện của nước đó, trong năm trăm năm không nghe tên Tam bảo, nên nói biên địa.

Phật trí là nêu chung bốn trí sau đây:

1. Bất tư nghì trí: Là Thành sở tác trí, trí này có thể làm những việc không thể nghĩ bàn. Giống như thân người cao không quá trượng sáu mà ta không thể thấy đỉnh đầu, tướng không tăng thêm tí nào mà biến khắp mười phương thế giới. Một niệm xưng danh hiệu Phật vĩnh viễn dứt trừ tội nặng trong nhiều kiếp. Mười niệm niệm đức có thể sinh quả báo thù thắng ngoài pháp giới. Những việc như thế không thể nghĩ bàn nên gọi là Bất tư nghì trí.

2. Bất khả xưng trí: Là Diệu quan sát trí, trí này quan sát cảnh giới không thể tính kể. Nghĩa là tất cả pháp như huyễn, như mộng, phi hữu, phi vô, lìa ngôn ngữ, bặt suy nghĩ, không thể dựa vào ngôn ngữ có thể tính kể được, nên gọi là Bất khả xưng trí.

3. Đại thừa quảng trí: Là Bình đẳng tánh trí, trí này độ khắp chúng sinh. Không giống như Tiểu thừa cho là đường lối vô ngã cho nên gọi là vô bất ngã. Vì vô bất ngã nên thuộc về bình đẳng. Thể của trí này giống nhau, độ khắp vô lượng vô biên chúng hữu tình, khiến cho cùng đến vô thượng Bồ-đề. Cho nên gọi là Đại thừa quảng trí.

4. Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí: Là Như Lai đại viên cảnh trí, bắt đầu chuyển bổn thức trở về nguồn tâm. Tất cả các cảnh không gì không chiếu rõ, nên gọi là Đại viên cảnh trí. Trí này có năm việc thù thắng như Giải thoát thân. Nhị thừa cùng đắc cảnh trí này chính là pháp thân, chẳng phải là đại viên cảnh trí nên gọi là vô đẳng. Đây là thù thắng thứ nhất. Như ba trí trước, Bồ-tát dần dần đắc Đại viên cảnh trí. Chỉ có Phật chứng ngộ, không còn luân hồi trong các loài khác nên gọi là Vô luân. Đây là thù thắng thứ hai. Vượt qua Bất khả tư nghì tức là "Tối" (nhất), vượt qua bất khả xưng trí là "Thượng" (cao), vượt qua Đại thừa trí là "Thắng". Đây là Thù thắng thứ ba, thứ tư và thứ năm. Cho nên gọi là Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Đây là để hiển bày cảnh mê của bốn nghi.

- Tướng đối trị nghi hoặc: Như có một tánh không ngay thẳng, ngã mạn làm mòn đạo tâm. Người không hiểu tứ trí, khởi tứ nghi.

1. Nghi các việc làm của Thành sở tác trí: Nghe kinh nói mười câu niệm Phật được sinh về Cực lạc. Người không hiểu sinh nghi ngờ nói: "Như kinh Phật dạy: Nghiệp đạo thiện ác tội phước không mất, quả báo không sai." Vì sao một đời làm ác, chỉ mười tiếng niệm Phật có thể diệt trừ các tội, được sinh Cực lạc, nhập vào chánh định tụ, vĩnh viễn xa lìa ba đường ác, rốt ráo không thoái chuyển? Lại nữa, từ xưa đến nay, chúng ta gây ra biết bao phiền não thuộc tam giới, trói buộc lẫn nhau. Tại sao chưa đoạn nhị luân phiền não, chỉ mười tiếng niệm Phật lại ra khỏi Tam giới? Để đối trị cái nghi suy nghĩ không đúng này, nên gọi là Bất tư nghì trí. Muốn hiển bày trí Phật phải có năng lực lớn, có thể lấy gần làm thành xa, xa làm thành gần, nặng thành nhẹ, nhẹ thành nặng. Thật có nhiều việc như thế mà chẳng phải cảnh giới có thể đo lường được. Vì vậy nên kính tin lời kinh dạy, không được suy nghĩ theo ý thức kém cỏi tự thân. Nếu muốn sinh tín tâm nên dựa vào tình huống này. Ví như ngàn năm chất củi cao trăm dặm, chỉ một đốm lửa nhỏ, đốt một ngày đều tiêu tan, có thể nói tại sao củi chất ngàn năm mà một ngày lại cháy sạch không? Lại như người què chân, đi nhiều ngày mới được một do-tuần. Nếu nhờ thuyền người khác, lại nhờ gió mạnh, trong một ngày có thể đi đến ngàn dặm, có thể nói tại sao người què chân đi một ngày được ngàn dặm không? Sức mạnh của người chèo thuyền ở thế gian còn làm những việc không thể ngờ như vậy, huống gì là sức mạnh của Như Lai pháp vương mà không thể làm được việc không thể đo lường? Đây là đối trị nghi thứ nhất.

2. Nghi cảnh giới của Diệu quan sát trí: Như nghe trong kinh khen ngợi Phật trí rằng: "Phật trí quan sát các pháp phi hữu, phi vô, xa lìa nhị biên, không chấp trước trung đạo." Do người không hiểu rõ sinh nghi nói: "Như hiện tại thấy tính kể như: vật nặng thì chìm, vật nhẹ thì nổi. Nếu nói nhẹ không nổi, nặng không chìm, nói như thế có lời mà không có nghĩa. Nguyên nhân sinh ra các pháp cũng như vậy, nếu chẳng phải không thì rơi vào có, nếu chẳng phải có thì rơi vào không. Nếu nói chẳng phải không mà không rơi vào có, nếu chẳng phải cómà không rơi vào không thì cũng giống như nói nặng không chìm, nhẹ không nổi. Nên biết như vậy là có lời nói mà không có thật." Tính kể như vậy thì rơi vào các biên như: Hoặc chấp y tha thực có, rơi vào Tăng ích biên, hoặc chấp duyên sinh không vô, rơi vào Tổn giám biên, hoặc chấp tục hữu chân không và dựa vào hai biên trên rơi vào Tương vi luận, hoặc chấp phi hữu, phi vô, chấp nhất trung biên rơi vào ngu si luận. Thích Luận nói rằng: "Phi hữu phi vô là ngu si luận." Để đối trị những chấp

trước sai lầm về tính kể này nên an lập Bất khả xưng trí. Muốn hiển bày sự thâm diệu của các pháp phải lìa ngôn ngữ, bặt suy nghĩ, không nghĩ suy tính kể, theo lời chấp nghĩa luận Du Già ghi: "Thế nào là pháp thậm thâm khó gặp?" Nghĩa là tất cả pháp, vì sao gọi là pháp thậm thâm đệ nhất khó gặp? Vì điều gọi là tự tính của các pháp thì không còn hý luận, vượt qua lời nói nhưng cũng nhờ lời nói là y, chánh nên nói có thể giữ gìn, quan sát, giác ngộ. Cho nên các pháp thậm thâm khó gặp là để đối trị nghi thứ hai.

3. Nghi độ khắp chúng sinh của Bình đẳng tánh trí.

Như trong kinh nói: "Tất cả chúng sinh đều có tâm, phàm tất cả người có tâm sẽ đắc Bồ-đề." Do người không hiểu sinh nghi nói: "Nếu chúng sinh đều có Phật tánh thì sẽ độ tất cả hữu tình chứng Vô thượng Bồ-đề. Như vậy chúng sinh tuy nhiều nhưng sẽ có ngày cùng tận, vậy thì Đức Phật sau cùng không có công đức lợi tha vì không có việc hóa độ, rốt ráo không thành Phật." Công đức chưa đủ nên không hóa độ, có công đức nhưng không thích hợp với đạo lý, hoặc thiếu công đức mà thành Phật lý này không đúng. Dùng tà chấp này hủy báng Đại thừa, không tin có thể độ khắp chúng sinh. Để đối trị cái nghi hẹp hòi này nên an lập Đại thừa quảng trí. Muốn trình bày Phật trí khó mà chuyên chở được, chuyên chở tất cả chúng sinh đều nhập vào vô dư (Niết-bàn) nên gọi là Đại thừa. Đại thừa chuyên chở vô lượng vô biên nên gọi là quảng trí. Sở dĩ hư không vô biên nên chúng sinh vô lượng, ba đời không tận nên sinh tử vô thủy vô chung. Nếu nói chư Phật bắt đầu thành tựu thì trước khi chưa có Phật tức không có Thánh giáo. Không có Thánh giáo không huân tập được những điều nghe biết, không huân tập điều nghe biết mà thành Phật thì không có nhân lại có quả, chỉ có lời nói mà không có thật. Vì lý này nên nói chư Phật vô thủy. Tuy thật là vô thủy nhưng không có Phật nào vốn không phải là chúng sinh, tuy là gốc chúng sinh nhưng dần dà thay đổi từ vô thỉ. Do đây biết rằng chúng sinh vô chung. Tuy thật vô chung nhưng không một người nào sau này không thành Phật. Tuy tất cả sau này đều thành Phật nhưng triển chuyển vô chung. Cho nên tin Bình đẳng tánh trí độ khắp chúng sinh, không giới hạn. Ở đây an lập Đại thừa quảng trí là để đối trị nghi thứ ba.

4. Nghi Đại viên cảnh trí chiếu khắp tất cả cảnh giới.

Vì sao sinh nghi? Vì cho rằng: Hư không vô biên nên thế giới cũng vô biên, thế giới vô biên nên chúng sinh cũng vô biên. Chúng sinh vô biên nên tâm hành sai biệt. Căn dục, tánh v.v... đều vô biên nên tâm hành, căn sai biệt dục tánh... đều vô biên, tại sao ở đây có thể biết?

Hoặc là tu tập dần dần có thể biết, hoặc là không tu bỗng nhiên đốn chiếu. Nếu không tu tập mà đốn chiếu thì tất cả phàm phu sẽ đốn chiếu như nhau. Chúng sinh không tu nên không có nhân khác nhau. Nếu chúng ta tu tập dần dần sẽ được biết hết, vì tất cả cảnh giới không phải là không có giới hạn. Không có giới hạn mà có cùng tận, lý này không đúng. Cho nên tiến lùi như thế đều không thể thành lập. Vì sao chiếu khắp tất cả gọi là Nhất-thiết-chủng-trí? Để đối trị nạn nghi lưỡng quan (hai bên) này nên lập Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Muốn hiểu rõ Đại viên cảnh trí này, phải vượt qua ba trí trước và không cùng loại. Ngoài nhị đế chỉ còn vô nhị, biểu hiện của lưỡng quan vượt qua tất cả không còn liên quan đến một cái gì cả, chỉ nên kính tin. Ni không thể so lường nên gọi là tối thượng thắng trí. Tại sao ở đây phải khởi tâm kính tin? Thí như thế giới vô biên nhưng không ra khỏi ngoài hư không, vạn cảnh vô hạn như vậy nhưng đều nhập vào một tâm. Trí Phật lìa tướng quay về tâm. Trí và tâm giống nhau vì thỉ giác tức là bổn giác nên không có vạn cảnh ở ngoài trí. Do lý này, không có cảnh nào không tận mà chẳng phải có giới hạn, vì trí vô biên nên chiếu cảnh vô biên. Luận Khởi Tín ghi: "Tất cả cảnh giới vốn từ một tâm lìa nhớ nghĩ. Vì chúng sinh nhìn cảnh giới không thật nên tâm có sự phân chia. Vọng khởi nhớ nghĩ không gọi là pháp tánh nên không thể phán xét được. Chư Phật Như Lai lìa tướng thấy nên biến khắp tất cả. Tâm chân thật là tự tánh của các pháp, chiếu rõ tất cả các vọng pháp. Người có đại trí dùng vô lượng phương tiện, tùy chỗ mong muốn của chúng sinh sẽ được giải bày, có thể khai thị tất cả nghĩa của pháp, cho nên gọi là Nhất-thiết-chủng-trí hay là Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Không có chỗ thấy nên không có chỗ không thấy như vậy là đối trị nghi thứ tư. Đã không hiểu ý, theo lời chấp nghĩa, hữu biên, vô biên đều không xa lìa mà còn nương vào môn phi hữu biên, giả thuyết nghĩa vô biên, nếu người nào không phán quyết tứ nghi này, tuy sinh ở Cực lạc nhưng ở biên địa. Nếu có người tuy chưa hiểu rõ như trước đã nói, đối với cảnh giới của Tứ trí mà có tâm cung kính, tuy chưa khai mở tâm nhãn mà tôn sùng Như Lai, một lòng tin phục. Những người như thế, tùy theo phẩm hạnh của mình vãng sinh về cõi kia không ở biên địa. Sinh ở biên địa là một loại riêng chẳng phải thuộc cửu phẩm (chín loại) vì thế không nên vọng sinh nghi hoặc.

- Trình bày sự hơn kém của việc hóa thai sinh ở cõi Cực lạc. Kinh Vô Lượng Thọ nói: "Lúc bấy giờ Phật bảo ngài A-nan và Bồ-tát Từ Thị, các ông thấy nước kia, từ đất trở lên đến Tịnh cư thiên, trong đó tất cả những vật vi diệu nghiêm trang tự nhiên có thấy hết không?"

Ngài A-nan bạch Phật:

- Vâng, bạch Đức Thế Tôn con đã thấy.

Các ông nghe âm thanh của vô lượng chư Phật tuyên bày sự biến hóa của chúng sinh trong tất cả thế giới không?

- Vâng, bạch Đức Thế Tôn con đã nghe!

Nhân dân nước kia mang trăm ngàn do-tuần thất bảo, cung điện, không bị chướng ngại, đi khắp mười phương cúng dường chư Phật ông có thấy không?

- Vâng, bạch đức Thế Tôn con đã thấy!

Nhân dân nước kia có thai sinh ông thấy không?

- Vâng, bạch Đức Thế Tôn con đã thấy!

Trong đó, người thai sinh ở cung điện một trăm do-tuần hoặc cung điện năm trăm do-tuần. Mỗi mỗi ở trong đó thọ hưởng các khoái lạc như ở trời Đao lợi cũng đều tự nhiên.

Lúc ấy, Bồ-tát Từ Thị bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn vì nhân duyên gì, nhân dân ở nước kia có thai sinh, hóa sinh?"

Phật bảo Bồ-tát Từ Thị rằng: "Nếu có chúng sinh vì tâm nghi hoặc, tu các công đức, nguyện sinh về cõi ấy, không hiểu rõ Phật trí, Bất tư nghì trí, Bất khả xưng trí, Đại thừa quảng trí, Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí, đối với các trí này nghi hoặc không tin, nhưng còn tin tội phước, tu tập thiện căn, nguyện sinh về nước ấy. Những chúng sinh này, sinh vào cung điện nước kia, thọ năm trăm tuổi, thường không thấy Phật, không nghe kinh pháp, không thấy Bồ-tát, Thanh văn, Thánh chúng, cho nên ở nước kia gọi đó là thai sinh. Nếu có chúng sinh tin Phật trí cho đến thắng trí, tu tập công đức, hồi hướng công đức trang nghiêm Tịnh độ. Những chúng sinh này ở trong hoa sen bảy báu, tự nhiên hóa sinh ngồi kiết già. Trong chốc lát thân tướng sáng chói, trí tuệ, công đức bằng các vị Bồ-tát, thành tựu đầy đủ... Lại nữa, Từ Thị chư đại Bồ-tát trong cõi Phật ở phương khác, phát tâm muốn thấy Vô lượng thọ Phật, cung kính cúng dường Phật và chúng Thanh văn Bồ-tát. Những Bồ-tát ấy mạng chung được sinh về nước Vô lượng thọ, ở trong hoa sen bảy báu tự nhiên hóa sinh. Di-lặc nên biết! Những người hóa sinh kia có trí tuệ thù thắng. Những người thai sinh đều không có trí tuệ, trong năm trăm năm thường không thấy Phật, không nghe pháp, không gặp Tăng. Do không cúng dường Phật, không biết phép tắc của Bồ-tát, không tu tập công đức, nên biết người này đời trước không có trí tuệ, lại quá mê hoặc.

Phật bảo ngài Di-lặc: Ví như Chuyển luân Thánh vương có lao

ngục bảy báu, nhiều thứ trang nghiêm, sắp đặt giường màn, treo cờ ngũ sắc. Nếu có các tiểu vương tử phạm tội với Vua, sẽ bị giam vào trong cung ấy, trói bằng xích vàng, có người cung cấp thức ăn, quần áo, giường chiếu, hoa hương, kỹ nhạc giống chuyển luân vương, không có gì thiếu thốn. Ý ông nghĩ sao? Các thiên tử này có thích chỗ ấy không?

Ngài Di-lặc đáp: Thưa không. Chỉ dùng đủ thứ phương tiện cầu có sức mạnh lớn để tự mình thoát khỏi. Đức Phật bảo Di-lặc: "Các chúng sinh này cũng như vậy, vì nghi hoặc Phật trí, nên sinh ở cung điện thai sinh bảy báu kia, không có hình phạt cho đến một niệm ác, nhưng ở đó năm trăm năm không được gặp Tam bảo, không được cúng dường, tu tập các thiện căn. Vì ở đây là khổ, tuy có vui còn không thích ở đó. Nếu chúng sinh này biết tội của mình, tự mình hối trách, mong lìa xa chỗ này, thì họ sẽ được như ý nguyện, vãng sinh về cõi Phật Vô lượng thọ, cung kính cúng dường, cũng được biến khắp vô lượng vô số chỗ Phật khác mà tu tập các công đức. Di-lặc, ông nên biết Bồ-tát sinh nghi hoặc thì mất lợi lớn. Cho nên phải biết tin trí tuệ vô thượng của chư Phật." Lời nói chân thật của Như Lai không giống những nghi ngờ ấy. Nghi ngờ sau có hối cải cũng khó được, có thể không thận trọng ư?

IV. Trình bày nhân duyên vãng sinh:

Những nhân duyên nói về vãng sinh, nếu không cảm ứng được chánh báo trang nghiêm cũng được cảm ứng y báo Tịnh độ, nhưng theo bổn nguyện của Như Lai, tùy theo cảm ứng thọ dụng, chẳng phải từ lực nghiệp nhân tự thân tạo thành, cho nên gọi là nhân vãng sinh. Bàn về tướng của nhân này trong kinh luận không giống nhau. Theo Quán Vô Lượng thọ kinh nói mười sáu phép quán, trong luận Vãng sinh nói năm môn hạnh. Nay theo kinh Vô lượng thọ này nói: "Có nhân của ba hạng (bậc), trong bậc thượng có năm câu:

1. Bỏ nhà cửa, xa lìa ham muốn làm bậc sa môn. Đây là hiển bày phương tiện phát khởi chánh nhân.

2. Phát tâm Bồ-đề là nói về chánh nhân.

3. Chuyên niệm Phật A-di-đà là nói về tu quán.

4. Tạo các công đức là nói phát khởi hành . Quán và hành ở đây tức là nghiệp trợ giúp.

5. Nguyện sinh về Cực lạc, câu này là nguyện, còn bốn câu trước là hành, hòa hợp hai thứ mới được vãng sinh.

- Trong bậc trung có bốn câu:

1. Tuy không thể làm sa môn, nhưng phát tâm Vô thượng Bồ-đề.

Đây là nói về chánh nhân.

2. Chuyên niệm Phật A-di-đà.

3. Ít nhiều tu tập thiện căn. Quán và hạnh này là nghiệp trợ giúp đầy đủ.

4. Nguyện sinh về Cực lạc, hành trước và nguyện này hòa hợp tức là nhân.

- Trong bậc hạ có hai hạng người, trong hai hạng người này mỗi hạng có ba câu. Ba câu của hạng người thứ nhất:

1. Giả sử không thể tạo được các công đức, nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Đây là nói chánh nhân.

2. Cho đến mười niệm, chuyên niệm Phật A-di-đà. Đây là nghiệp trợ giúp.

3. Nguyện sinh về Cực lạc, nguyện này và hành trước hòa hợp là nhân.

Đây là nói về người Bất định chủng tính.

Ba câu của hạng người thứ hai:

1. Nghe pháp thâm sâu, vui mừng kính tin ưa thích. Câu này kiêm hiển bày chánh nhân phát tâm, nhưng khác với người trước vì đã có niềm tin vững chắc.

2. Cho đến một niệm, niệm Phật A-di-đà. Đây là nhân trợ giúp. Người trước không có niềm tin vững chắc nên phải mười niệm, niệm Phật. Người này có niềm tin vững chắc nên không cần đầy đủ mười niệm.

3. Vì có tâm chí thành nguyện sinh về Cực lạc, nguyện này và hạnh trước hòa hợp là nhân.

Đây chính là người Bồ-tát chủng tánh.

Nay, văn này phân biệt qua về tướng của nó. Trước nói về chánh nhân, sau nói về trợ duyên.

- Chánh nhân nghĩa là phát tâm Vô thượng Bồ-đề tức không mong cầu sự giàu có, vui sướng của thế gian và cùng với nhị thừa Bồ-đề, Bồ-tát một hướng chí nguyện ba thân Bồ-đề, gọi là tâm vô thượng Bồ-đề. Nêu chung như thế, tuy nhiên ở trong đó có hai tâm:

- Tùy sự phát tâm.

- Thuận lý phát tâm.

+ Nói tùy sự phát tâm nghĩa là: Tâm phiền não vô số nguyện đoạn trừ sạch, thiện pháp vô lượng nguyện tu tất cả, chúng sinh vô biên nguyện độ hết thảy. Đối với ba việc này, phân thành ba định kỳ:

- Như Lai đoạn đức chánh nhân.

- Như Lai trí tuệ chánh nhân.

- Ân đức chánh nhân.

Ba đức hợp thành Vô thượng Bồ-đề tức là ba tâm, nói chung là nhân Vô thượng Bồ-đề. Nhân quả tuy khác, lượng dài rộng bằng nhau, không có chỗ nào thừa nên tóm thâu hết cả. Trong kinh Phật nói: "Hai việc phát tâm, rốt ráo không khác nhau; tâm trước hai tâm này tuy mình chưa được độ mà độ người khác trước. Cho nên ta đảnh lễ người sơ phát tâm." Quả báo tâm này là Bồ-đề nhưng hoa báo của nó ở Tịnh độ. Sở dĩ như thế, vì tâm Bồ-đề rộng lớn vô biên, lâu dài vô hạn, nên có thể cảm ứng được y báo Tịnh độ rộng lớn vô biên, chánh báo thọ mạng lâu dài vô lượng. Ngoài tâm Bồ-đề ra không thể làm được việc ấy. Nên nói tâm này là chánh nhân.

+ Thuận lý phát tâm: Người tin hiểu các pháp đều như huyễn mộng, phi hữu phi vô, lìa ngôn từ, bặt suy nghĩ. Theo sự tin hiểu này phát tâm rộng lớn, tuy không thấy có phiền não, thiện pháp nhưng không trừ bỏ không thể đoạn (phiền não), có thể tu (pháp thiện), cho nên nguyện đoạn hết, tu hết mà không trái với vô nguyện Tam-muội. Tuy nguyện độ vô lượng hữu tình nhưng không có thể độ hết được, nên có thể tùy thuận ở "Không", "Vô tướng". Kinh nói rằng: "Như vậy, vô lượng chúng sinh được diệt độ mà thực không có chúng sinh nào được diệt độ, cho đến rộng nói. Nên người phát tâm như thế không thể nghĩ bàn. Đây là nói tướng của thuận lý phát tâm.

Tùy sự phát tâm có thể thoái chuyển, người bất định tánh cũng có thể phát tâm. Thuận lý phát tâm không còn thoái chuyển, người Bồ-tát chủng tánh có thể phát tâm. Công đức phát tâm này vô biên, nếu như chư Phật cùng kiếp diễn thuyết công đức ấy cũng không thể cùng tận. Tướng chánh nhân lược thuyết như vậy.

- Trợ nhân: Trợ nhân có nhiều loại, kinh, luận thường không cần bàn đến. Tất cả đều chuẩn theo đó mà biết, nay sẽ nói về mười niệm bậc hạ. Ý nghĩa của một lời nói có hai nghĩa: Nghĩa rõ ràng và nghĩa kín đáo. Nghĩa kín đáo: Đây là hướng đến quả thứ ba đối với thuần Tịnh độ.

Để nói về công đức mười niệm bậc hạ, theo kinh Di-lặc phát vấn nói: "Lúc bấy giờ Bồ-tát Di-lặc bạch Phật rằng: Bạch Đức Thế Tôn, Như lời Phật thuyết công đức lợi ích của Phật A-di-đà, nếu người nào có thể niệm danh hiệu Phật A-di-đà, mười niệm tương tục không gián đoạn, liền được vãng sinh. Vậy nên niệm thế nào?"

Phật dạy: "Chẳng phải niệm phàm phu, chẳng phải niệm bất

thiện, chẳng phải niệm tạp kiết sử, đầy đủ những niệm như thế tức được vãng sinh cõi nước An lạc.”

*** Mười niệm:**

1. Đối với tất cả chúng sinh thường sinh lòng từ, không phá hủy phạm hạnh của họ, nếu hủy hoại hạnh nguyện của họ, rốt cuộc không được vãng sinh.

2. Đối với tất cả chúng sinh thường khởi lòng thương xót, không còn ý tàn hại.

3. Phát tâm hộ pháp không tiếc thân mạng, đối với tất cả pháp không sinh tâm hủy báng.

4. Ở trong nhẫn nhục sinh tâm quyết định.

5. Tâm tư sâu kín thanh tịnh không đắm sâu lợi dưỡng.

6. Phát tâm Nhất-thiết-chủng-trí, ngày ngày thường niệm không có hư vọng.

7. Đối với tất cả chúng sinh khởi tâm tôn trọng trừ bỏ ý ngã mạn.

8. Đối với chuyện thế gian không sinh tâm tham đắm.

9. Thân cận với bậc giác ngộ, thâm khởi chủng chủng thiện căn nhân duyên, xa lìa tâm quấy nhiễu, tán loạn.

10. Chánh niệm quán Phật diệt trừ các vọng tưởng.

Giải thích: Mười niệm này chẳng phải người tầm thường, nên biết rằng, Bồ-tát sơ địa trở lên mới có thể đầy đủ mười niệm này. Ở thuần Tịnh độ nó là nhân bậc hạ, đây là mười niệm của nghĩa sâu kín.

- Nghĩa rõ ràng là hướng đến quả thứ tư chánh định và phi chánh định đối nhau mà nói. Như Kinh Quán nói: “Hạ phẩm hạ sinh, hoặc có chúng sinh tạo nghiệp ác Ngũ nghịch, Thập ác đều là bất thiện, lúc sắp mạng chung gặp được Thiện tri thức, thuyết pháp vi diệu cho họ, bảo họ niệm Phật, nếu người ấy không thể niệm Phật, nên gọi tên Phật Vô Lượng Thọ, trong mỗi niệm diệt trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Sau khi mạng chung được vãng sinh. Cho đến rộng thuyết, lấy những “Tâm” gọi là chí tâm. Thế nào gọi là mười niệm liên tục, Thập công nói rằng: “Thí như có người ở trong đồng vắng gặp ác tặc vung dao, tuốt kiếm xông đến giết. Người này bỏ chạy hết sức, bỗng nhìn thấy một con sông, lúc này chỉ nghĩ đến phương tiện qua sông, khi đã đến bờ sông lại nghĩ mặc áo qua sông hay là cởi áo qua sông. Nếu mặc áo sợ không qua được, nếu cởi áo sợ không kịp.” Người đó chỉ có nghĩ như vậy chớ không nghĩ gì khác. Nên nghĩ vượt sông tức là một niệm. Mười niệm này không lẫn lộn niệm khác. Hành giả cũng như vậy, nếu niệm danh hiệu Phật, nhớ nghĩ tướng Phật v.v... không gián đoạn niệm

Phật cho đến mười niệm chí tâm như thế gọi là Thập niệm. Đây là mười niệm của nghĩa rõ ràng.

Nay hai quyển này, tuy nói về Thập niệm đều có hai nghĩa rõ ràng và sâu kín, nhưng ở trong đó hiển bày rõ Thập niệm và ý của Kinh Quán có một phần nhỏ không giống nhau. Trong Kinh Quán không trừ tội ngũ nghịch, chỉ trừ tội hủy báng kinh Phương Đẳng. Hai cuốn kinh này trừ tội ngũ nghịch và tội hủy báng chánh pháp. Trái nhau như vậy, làm sao thông suốt được? Kinh kia nói: "Họ tuy tạo tội ngũ nghịch nhưng theo giáo lý Đại thừa được sám hối. Trong kinh này nói không được sám hối. Do nghĩa này nên trái nhau. Hoặc có thuyết nói rằng: "Trong kinh Di-lặc Sở vấn mười niệm chẳng phải nói thuần Tịnh độ cũng giống như Kinh Quán nói hướng đến Bốn đối Tịnh độ. Sở dĩ như vậy là mười niệm đã trình bày tuy nói chẳng phải niệm phàm phu mà là chỗ tu tập của Bồ-tát Tam hiền, Thập tín, Tâm từ bi v.v... xem là thập niệm. Trong kinh Bảo Tích phẩm "Hội phát thắng chí nhạo" nói: "Lúc bấy giờ Bồ-tát Di-lặc bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, như lời Phật dạy công đức, lợi ích ở thế giới Cực lạc của Phật A-di-đà, nếu có chúng sinh phát khởi mười loại tâm, tùy theo mỗi tâm, chuyên niệm hướng về Phật A-di-đà. Người này mạng chung được vãng sinh về thế giới Phật A-di-đà. Bạch Đức Thế Tôn, những gì gọi là phát khởi mười loại tâm, nhờ tâm này nên được vãng sinh về thế giới của Phật A-di-đà?"

Phật bảo ngài Di-lặc rằng: "Này Di-lặc, mười tâm này chẳng phải là điều mà các phàm ngu, bất thiện, trượng phu đều còn phiền não, có thể phát khởi được."

**** Mười tâm:***

1. Đối với chúng sinh khởi tâm đại từ, không có tâm tổn hại.

2. Đối với chúng sinh khởi tâm đại bi, không có tâm bức não.

3. Đối với chánh pháp của Phật không tiếc thân mạng, có tâm thích giữ gìn.

4. Đối với tất cả pháp phát sinh tâm thắng nhẫn, không có tâm chấp trước.

5. Không tham lợi dưỡng, có tâm cung kính tôn trọng, tâm ý thanh tịnh, ưa thích.

6. Cầu chủng trí Phật, đối với mọi lúc không quên mất tâm Bồ-đề.

7. Đối với các chúng sinh cung kính tôn trọng, không có tâm khinh chê.

8. Không say đắm bàn luận chuyện thế gian, đối với phần Bồ-đề

sinh khởi tâm quyết định.

9. Gieo trồng các thiện căn không có tạp nhiễm, tâm thanh tịnh.

10. Đối với chư Phật xả bỏ các vọng tưởng, khởi tâm tùy niệm.

Này Di-lặc! Đây gọi là Bồ-tát phát khởi mười loại tâm, nhờ tâm này nên được vãng sinh về thế giới Cực lạc của Phật A-di-đà. Di-lặc! Nếu có người trong mười tâm này, tùy theo sự thành tựu được một tâm, muốn vãng sinh về thế giới Phật A-di-đà, nếu không được vãng sinh thì không đúng.

Giải thích: Kinh này và kinh Di-lặc Sở Vấn cùng bản gốc nhưng dịch khác. Điều nói chẳng phải chỗ các phàm ngu, bất thiện, trượng phu còn có các thứ phiền não mà có thể phát nguyện. Phàm là vô tánh, người phạm nhất Xiển-đề "Ngu", là hướng đến tịch tĩnh nhị thừa chủng tánh. Hủy báng chánh pháp, tạo ngũ nghịch v.v... gọi là người bất thiện. Họ đều là những người còn phiền não. Ngoài những người này ra, người nào tùy theo thành tựu được một tâm được vãng sinh về thế giới Cực lạc, chắc chắn có như vậy.

Vì thế nên biết mười niệm ngài Di-lặc đã nói chẳng phải niệm của phàm phu, những niệm này không chỉ là mười niệm đã tu ở Địa thượng. Nếu không như vậy, Bồ-tát ở Địa tiền sao lại không có từ bi, há không được vãng sinh sao? Nếu trong Kinh Quán, người tu mười sáu quán sẽ sinh về Cực lạc.

Trình bày thứ tự các môn nói về hạnh quả của chín phẩm:

Vãng Sinh luận nói về năm nhân hạnh. Như luận ấy nói: "Nếu có thiện nam, thiện nữ tu năm niệm môn thành tựu, rốt ráo được vãng sinh về nước An Lạc, thấy Phật A-di-đà.

Ngũ niệm môn là:

- Lễ bái môn (môn lễ bái).
- Tán thán môn.
- Tác nguyện môn.
- Quán sát môn.
- Hồi hướng môn.

+ Lễ bái môn là đem thân nghiệp lễ bái bậc Ứng cúng Chánh biến tri A-di-đà Như Lai để được sinh về nước ấy.

+ Tán thán môn là dùng khẩu nghiệp xưng danh hiệu Phật A-di-đà. Theo trí tướng quang minh của Phật ấy, danh nghĩa Phật ấy, muốn tu hành thực sự tương ưng.

+ Tác nguyện môn: Tâm thường nguyện một lòng chuyên niệm Phật, rốt ráo vãng sinh về nước An Lạc, muốn như thật tu hành Xa ma

tha (thiền định).

+ Quán sát môn là đem trí tuệ quán sát chánh niệm, quan sát cõi Phật kia, muốn như thực hành Tỳ-bà-xá-na (huệ). Quan sát môn có ba:

1. Quán sát công đức của cõi Phật.

2. Quán sát công đức của Phật.

3. Quán sát công đức trang nghiêm của Bồ-tát.

+ Hồi hướng môn: Không bỏ tất cả chúng sinh khổ não, tâm nguyện luôn hồi hướng cho chúng sinh, thành tựu đại bi tâm. Nhân duyên vãng sinh lược thuyết như vậy.

V. Nêu số phẩm vãng sinh:

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: "Vãng sinh về Cực lạc không quá chín phẩm, cho nên kinh kia nói: Duy nguyện Thế Tôn rộng nói chỗ không còn lo buồn cho chúng con. Con nguyện được vãng sinh không thích sống cõi Diêm-phù dơ bẩn xấu xa này. Chỗ dơ bẩn xấu xa ở đây là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, những điều bất thiện nhiều vô số. Con nguyện vị lai không nghe lời ác, không thấy người ác. Nay con hướng về Thế Tôn, năm vóc sát đất cầu xin sám hối, mong Phật dạy chúng con quán sát nơi nghiệp thanh tịnh?"

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn vì cớ ấy ánh sáng giữa chân mày phóng ra, ánh sáng sắc vàng đó biến khắp mười phương vô lượng thế giới rồi trở lại ở trên đỉnh đầu Phật, hóa làm kim đài bằng núi Tu-di. Cõi nước thanh tịnh của mười phương chư Phật đều hiện ở trong đó, hoặc có cõi nước do bảy báu hợp thành. Lại có cõi nước thuần là hoa sen. Lại có cõi nước như cung Tự tại thiên, lại có cõi nước như kính pha lê. Cõi nước trong mười phương đều hiện trong đó, có vô lượng cõi nước của chư Phật như thế trang hoàng lộng lẫy khiến cho bà Vi-đề-hy thấy. Lúc ấy bà Vi-đề-hy bạch Phật: "Bạch Đức Thế Tôn! Các cõi Phật này thanh tịnh có ánh sáng, nay con thích sinh về thế giới Cực lạc, chỗ của Phật A-di-đà chỉ mong Thế Tôn dạy con tư duy, dạy con chánh thọ."

Phật dạy bà Vi-đề-hy rằng: "Ngươi nay biết không? Phật A-di-đà ở cách đây không xa, ngươi nên giữ niệm quán sát kỹ sự thành tựu, thanh tịnh của nước kia. Ta sẽ vì ngươi rộng thuyết nhiều thí dụ, cũng khiến cho tất cả phàm phu ở đời vị lai muốn tu Tịnh độ được sinh về nước Cực lạc ở Tây phương. Người muốn sinh về nước ấy nên tu tam phước.

1. Không sát sinh tu thập thiện nghiệp.

2. Thọ trì tam quy đầy đủ các giới, không phạm uy nghi.

3. Phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, tụng đọc kinh điển Đại thừa, khuyên người khác tu hành.

Ba việc này gọi là tịnh nghiệp.

Phật bảo bà Vi-đề-hy: "Ngươi nay biết không? Ba loại nghiệp này là chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật trong ba đời quá khứ, vị lai, hiện tại."

Phật bảo ngài A-nan và bà Vi-đề-hy:

- *Thượng phẩm thượng sinh là thế nào*? Nếu có chúng sinh nguyện sinh về cõi kia nên phát ba thứ tâm, tức được vãng sinh. Ba thứ tâm: Tâm chí thành, Tâm sâu xa, Tâm hồi hướng phát nguyện. Đầy đủ ba tâm này sẽ sinh về nước kia. Lại có ba hạng chúng sinh được vãng sinh: Một là hạng có lòng thương xót không giết hại, giữ gìn đầy đủ giới hạnh. Hai là hạng đọc tụng kinh Phương Đẳng Đại thừa. Ba là hạng tu hành lục niệm, hồi hướng phát nguyện, nguyện sinh về Cực lạc. Nếu đầy đủ các công đức này, từ một ngày cho đến bảy ngày liền được vãng sinh. Lúc sinh về nước ấy, do người này tinh tấn dõng mãnh nên được Phật A-di-đà cùng hai Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô số hóa Phật, trăm ngàn Thanh văn, Tỳ-kheo, đại chúng, vô lượng chư thiên và cung điện bảy báu đều hiện đến. Khi ấy Bồ-tát Quán Thế Âm cầm đài kim cang cùng với Bồ-tát Đại Thế Chí đến trước hành giả. Phật A-di-đà phóng đại quang minh chiếu đến thân hành giả, rồi cùng chư Bồ-tát đưa tay đón tiếp. Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí cùng vô số Bồ-tát khen ngợi hành giả, khuyến tấn tâm hành giả. Hành giả thấy cảnh ấy rồi vui mừng khôn xiết, tự thấy thân mình, ngồi trên đài kim cang, theo sau Phật, trong khoảng khảy ngón tay sinh về Cực lạc. Khi đã sinh về cõi kia, thấy sắc thân của Phật đầy đủ các tướng, chư Bồ-tát sắc tướng đầy đủ. Ánh sáng, rừng báu đều diễn thuyết diệu pháp. Hành giả nghe xong, liền ngộ vô sinh pháp nhẫn, trong giây lát phụng thờ chư Phật, biến khắp mười phương thế giới, được thọ ký trước chư Phật, rồi trở về bổn quốc, chứng vô lượng trăm ngàn môn Đà-la-ni. Đây gọi là thượng phẩm thượng sinh."

- *Thượng phẩm trung sinh:* Có chúng sinh không cần phải thọ trì đọc tụng kinh Phương Đẳng, nhưng khéo hiểu nghĩa thú, đối với Đệ nhất nghĩa tâm không sợ hãi, tin sâu lý nhân quả, không phỉ báng Đại thừa. Hành giả đem công đức này hồi hướng, nguyện sinh về nước Cực lạc thì lúc sắp mạng chung Phật A-di-đà cùng với hai Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô lượng đại chúng, quyến thuộc vây quanh cầm đài Tử kim đến trước hành giả khen rằng: "Pháp tử, ngươi tu Đại thừa, hiểu

Đệ nhất nghĩa, nên nay ta đến nghênh tiếp ông.” Lúc đó Phật A-di-đà cùng với ngàn hóa Phật đưa tay tiếp dẫn. Hành giả tự thấy mình ngồi trên đài Tử kim, chắp tay tán thán chư Phật, trong khoảng một niệm người ấy sinh về ao thất bảo ở cõi Cực lạc.

Đài Tử kim này như hoa báu lớn, trải qua một đêm thì nở. Hành giả thân sắc Tử ma kim, dưới chân lại có hoa sen bảy báu. Phật và Bồ-tát đồng thời phóng quang minh chiếu đến thân hành giả, mắt liền mở sáng nhờ sức tu tập đời trước, nghe được các âm thanh khắp nơi đều nói thuần pháp Đệ nhất nghĩa rất thâm sâu. Nghe xong, liền bước xuống kim đài, lễ Phật chắp tay khen ngợi Đức Thế Tôn. Trải qua bảy ngày liền được không thoái chuyển nơi quả vô thượng Bồ-đề, có thể tự tại bay đi khắp mười phương thừa sự chư Phật, tu các môn tâm muội. Trải qua một tiểu kiếp, đắc vô sinh pháp nhẫn, hiện tiền được Phật thọ ký. Đây là “Thượng phẩm trung sinh”.

- *Thượng phẩm hạ sinh:* Có chúng sinh tuy cũng tin nhân quả, không hủy báng Đại thừa, nhưng chỉ phát tâm vô thượng đạo (Bồ-đề), đem công đức này hồi hướng nguyện về nước Cực lạc. Lúc hành giả mạng chung, Phật A-di-đà và Bồ-tát Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cùng với các quyến thuộc cầm hoa sen vàng, hóa hiện năm trăm vị Phật đến nghênh tiếp người đó. Năm trăm hóa Phật đồng thời đưa tay xuống, khen rằng: “Pháp tử! Ngươi nay thanh tịnh, phát đạo tâm vô thượng, nên ta đến rước ngươi.” Hành giả thấy việc này liền tự thấy mình ngồi trên hoa sen vàng, ngồi xong cánh hoa khép lại, theo sau Đức Thế Tôn, sinh về ao bảy báu. Trải qua một ngày một đêm, hoa sen nở ra, bảy ngày sau mới được thấy Phật. Tuy thấy thân Phật nhưng đối với các tướng hảo chưa rõ ràng, đợi sau hai mươi mốt ngày mới rõ ràng, lại nghe các âm thanh đều diễn thuyết pháp mầu, dạo khắp mười phương chư Phật, cúng dường chư Phật, ở trước chư Phật nghe pháp thâm diệu. Trải qua ba tiểu kiếp, đắc bách pháp minh môn, trụ ở hoan hỷ địa. Đây gọi là thượng phẩm hạ sinh. Nên đây gọi là tướng vãng sinh của bậc Thượng, gọi là pháp quán thứ mười bốn.

- *Trung phẩm thượng sinh:* Nếu có chúng sinh thọ trì ngũ giới, giữ bát quan trai, tu hành các giới, không tạo tội ngũ nghịch, không phạm lỗi lầm, đem thiện căn hồi hướng cầu sinh về thế giới Cực lạc ở Tây phương. Khi mạng chung chúng sinh đó được Phật A-di-đà cùng với các Tỳ-kheo, quyến thuộc vây quanh, phóng kim quang đến chỗ mình, diễn thuyết các pháp khổ, không, vô thường, vô ngã, khen ngợi hạnh xuất gia xa lìa các khổ. Hành giả thấy rồi, tâm rất vui mừng, tự thấy thân mình

ngồi trên đài sen, quỳ gối chấp tay đảnh lễ Phật. Lúc chưa ngẩng đầu lên liền được vãng sinh về thế giới Cực lạc. Sau khi vãng sinh, vừa lúc hoa sen nở ra, hành giả nghe các âm thanh khen ngợi pháp Tứ đế, liền chứng quả A-la-hán, đầy đủ Tam minh, Lục thông và Bát giải thoát. Đây gọi là "Trung phẩm thượng sinh".

- *Trung phẩm trung sinh:* Nếu có chúng sinh, trong một ngày một đêm trì giới đầy đủ về giới Bát quan trai, Sa-di và các oai nghi, đem công đức này hồi hướng cầu sinh về nước Cực lạc. Hành giả huân tu giới hương như thế, khi mạng chung thấy Phật A-di-đà cùng với các quyến thuộc phóng Kim quang, cầm hoa sen bảy báu đến trước hành giả. Hành giả tự nghe giữa không trung có tiếng khen ngợi: "Thiện nam, thiện nữ, ngươi là thiện nhân biết tùy thuận giáo pháp chư Phật ba đời, nay ta đến rước ngươi. Hành giả tự thấy ngồi trên hoa sen, hoa sen liền khép lại, sinh về thế giới Cực lạc ở Tây phương. Ở trong đất báu (bảo địa) trải qua bảy ngày hoa sen nở ra, hành giả mở mắt, chấp tay khen ngợi Đức Thế Tôn, được nghe diệu pháp sinh tâm hoan hỷ, chứng quả Tu-đà-hoàn. Trải qua nữa kiếp sau mới chứng quả A-la-hán. Đây gọi là "Trung phẩm trung sinh".

- *Trung phẩm hạ sinh*: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân hiếu dưỡng cha mẹ, tu hạnh nhân từ. Người này khi mạng chung gặp Thiện tri thức giảng cho họ nghe về sự an ủi của cõi Phật A-di-đà và bốn mươi tám đại nguyện của Tỳ-kheo Pháp Tạng. Người ấy nghe việc ấy rồi liền mạng chung. Ví như khoảng tráng sĩ co duỗi cánh tay, sinh về thế giới Cực lạc ở Tây phương. Trải qua bảy ngày gặp Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, nghe pháp nhiệm mầu sinh tâm vui mừng, qua một tiểu kiếp mới chứng quả A-la-hán. Đây gọi là "Trung phẩm hạ sinh".

- *Hạ phẩm thượng sinh:* Hoặc có chúng sinh, tuy không hủy báng kinh Phương Đẳng nhưng lại tạo nhiều ác nghiệp. Người ngu si này tạo nhiều ác nghiệp lại không biết hỗ thẹn. Khi mạng chung gặp Thiện tri thức nói cho nghe tên đề mục của mười hai bộ kinh Đại thừa. Vì nghe danh tự các kinh như thế nên trừ được nghiệp ác nặng nề trong ngàn kiếp. Thiện tri thức lại bảo chấp tay niệm "Nam-mô A-di-đà Phật." Nhờ xưng danh hiệu Phật nên diệt trừ tội trong năm mươi ức kiếp sinh tử. Lúc ấy Phật A-di-đà liền sai hóa Phật, hóa Bồ-tát Quán Thế Âm và hóa Bồ-tát Đại Thế Chí đến trước hành giả khen rằng: "Thiện nam tử! Ngươi đã xưng danh hiệu Phật, nên các tội tiêu trừ, Ta đến đây rước ngươi. Nói như vậy xong, hành giả thấy quang minh của hóa Phật đầy khắp nhà mình, thấy rồi vui mừng liền mạng chung, ngồi trên hoa sen

báu, theo sau hóa Phật sinh về ao thất bảo. Trải qua bốn mươi chín ngày hoa sen mới nở. Vừa lúc hoa nở, Đại bi Quán Thế Âm Bồ-tát và phóng đại quang minh đứng trước người ấy, giảng thuyết cho nghe nghĩa lý thâm diệu của mười hai bộ kinh. Người ấy nghe rồi tin hiểu, phát tâm vô thượng Bồ-đề, trải qua mười tiểu kiếp, đầy đủ bách pháp minh môn, nhập vào sơ địa. Đây gọi là "Hạ phẩm thượng sinh". Được nghe tên Tam bảo, liền được vãng sinh.

- *Hạ phẩm trung sinh*: Hoặc có chúng sinh hủy phạm ngũ giới, bát giới, cụ túc giới. Người ngu này trộm vật của tăng kỳ và vật của hiện tiền Tăng, thuyết pháp bất tịnh lòng không hỗ thẹn, dùng các ác nghiệp để tự trang nghiêm. Người này vì tạo nhiều ác nghiệp lẽ ra bị đọa vào địa ngục. Lúc lâm chung, các tướng lửa ở địa ngục cùng lúc hiện ra. Nếu gặp bậc Thiện tri thức thương xót giảng cho họ nghe về oai đức thập lực, sức thần thông quang minh của Phật A-di-đà, đồng thời tán thán giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Người này nghe rồi diệt trừ tội trong tám mươi kiếp sinh tử. Lửa dữ địa ngục hóa thành gió mát thổi các hoa trời, trên hoa có hóa Phật, hóa Bồ-tát nghênh tiếp người này trong khoảng một niệm liền được vãng sinh về trong hoa sen ở ao Thất bảo. Trải qua sáu kiếp hoa sen mới nở, Bồ-tát Quán Âm, Bồ-tát Thế Chí hiện đến, dùng tiếng Phạm âm, an ủi, giảng giải pháp thâm diệu của Đại thừa. Người ấy nghe pháp này rồi liền phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Đây là "Hạ phẩm trung sinh".

- *Hạ phẩm hạ sinh:* Hoặc có chúng sinh, tạo các nghiệp bất thiện như ngũ nghịch, thập ác, làm đủ các việc chẳng lành. Người ngu này vì tạo ác nghiệp nên sẽ đị đọa vào địa ngục, trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng. Khi lâm chung người này gặp Thiện tri thức dùng nhiều cách an ủi, giảng nói pháp mầu cho người ấy, lại dạy họ niệm Phật nhưng người kia khổ sở bức bách không thể tưởng niệm Phật. Thiện tri thức lại bảo: "Nếu ông không thể tưởng niệm Phật thì nên niệm Phật Vô Lượng Thọ, chí thành như thế không thôi, cho đến đủ mười niệm "Nam-mô A-di-đà Phật". Nhờ niệm Phật nên mỗi mỗi niệm trừ được tội trong tám mươi kiếp sinh tử. Sau khi mạng chung, người ấy thấy hoa sen vàng rực rỡ như mặt trời hiện ra trước người đó, trong khoảng một niệm liền được vãng sinh về trong hoa sen ở thế giới Cực lạc. Mãn mười hai đại kiếp, hoa sen mới nở, khi ấy Bồ-tát Quán Âm và Bồ-tát Thế Chí hiện đến, dùng tiếng đại bi rộng thuyết thực tướng của các pháp, cách trừ diệt tội chướng cho người ấy nghe. Người này nghe xong rất vui mừng, liền phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Đây là "hạ phẩm hạ sinh".

Giải thích: Nói chung, chia chín phẩm lược có hai giải thích. 1. Giải thích: Chín phẩm này cũng là Bồ-tát Thập tín khi tiến, khi lùi, tạo ác, hành thiện, lên cao, xuống thấp không giống nhau nên chia thành chín phẩm. Người ở ba phẩm đầu là người ở địa vị Thập tín, từ lâu không thoái chuyển thẳng đến Bồ-đề, tùy theo sự thực hành nhiều ít nên thành ba phẩm thượng. Người ở ba phẩm trung, thối thất tâm Đại thừa phát khởi ý Tiểu thừa, thối thất hạnh Đại thừa tu nghiệp Tiểu thừa, thực hành có cạn, sâu, nên thành ba phẩm trung. Người ở ba phẩm hạ thối thất tâm Đại thừa, hướng đến dòng sinh tử, thối thất hạnh Đại thừa, tạo tội sinh tử, tạo tội có nhẹ có nặng nên thành ba phẩm hạ.

2. Giải thích: Người phát tâm Đại Bồ-đề, tu hành hạnh Bồ-tát, thực hành có cạn, sâu, nên thành ba phẩm thượng. Người phát tâm Tiểu Bồ-đề, tu hành hạnh Thanh văn, thực hành có cạn sâu, nên thành ba phẩm trung. Người không phát tâm Đại thừa, Tiểu thừa, không tu hạnh Đại thừa, Tiểu thừa, chỉ khởi tâm sinh tử, tạo tội sinh tử, tạo tội có nhẹ, nặng thành ba phẩm hạ. Đây là sự phân chia chín phẩm theo phần "Thô". Nếu theo phần "Tế" sẽ luận riêng:

- Thượng phẩm thượng sinh: Là những người phát khởi ba loại tâm. Luận Khởi Tín ghi: "Người ở địa vị khi tín thành tựu, phát tâm Bồ-đề là ở tâm cuối cùng của Thập tín, sinh về Cực lạc, liền chứng Vô sinh pháp nhẫn." Đây gọi là Duyên quán Vô sinh nhẫn. Kinh Bổn nghiệp nói: "Vô sinh pháp nhẫn ở địa vị giải thoát."

- Thượng phẩm trung sinh: Người ở địa vị đầu tiên của Thập tín, một số kiếp ở đây bằng một ngày ở Cực lạc, nên trải qua một tiểu kiếp mới chứng vô sinh pháp nhẫn. Nghĩa là chứng lý vô sinh nhẫn thì ở sơ địa.

- Thượng phẩm hạ sinh: Là người chưa đến địa vị Thập tín, nhưng tin và quy y Tam bảo, thọ giới Bồ-tát, cũng tin nhân quả, không hủy báng Đại thừa, chỉ phát tâm Vô thượng Bồ-đề nên trong bảy ngày, chỉ thấy thân Phật mà tâm không rõ, sau hai mươi mốt ngày mới thấy được rõ ràng, người này chưa thể nhờ nghiệp thức để thấy Như Lai, nên sau hai mươi mốt ngày mới nhập vào Thập giải, thấy Phật chỉ từ tâm khởi. Nên người này trải qua ba tiểu kiếp sẽ trụ ở Hoan hỷ địa. Tiểu kiếp ở kia bằng Tăng-kỳ ở đây. Cho nên trung phẩm trải qua một tiểu kiếp, hạ phẩm trải qua ba tiểu kiếp, cùng nhập vào sơ địa. Ở thắng giải hạnh địa căn tánh các Bồ-tát có "lợi độn" (nhanh nhẹn, chậm lụt), hạnh cũng có siêng năng giãi đãi, nên chỉ có sự dài ngắn khác nhau mà công hạnh như nhau. Các phẩm hạ theo đây có thể biết. Trong ba phẩm trung, bậc

thượng là noãn đảnh nhẫn quyết trạch phần vị, bậc trung là Tiền tam phương tiện giải thoát phần, bậc hạ là phàm phu chưa đạt Ngũ đình tâm quán, hướng đến thiện. Người trong ba phẩm này thể hiện vãng sinh như nhau, chỉ vì sinh vào bán kiếp nên phân làm ba vậy.

- Ba phẩm hạ: Nói chung là tất cả phàm phu tạo nhiều ác nghịch, nhẹ nặng khác nhau, nhưng gặp duyên được nghe pháp diệt trừ tội lỗi, nên có ba phẩm, không còn địa vị khác. Nếu theo kinh Vô Lượng Thọ nói chung có ba phẩm như kinh kia nói: "Phật bảo ngài A-nan: "Nếu có chúng sinh sinh về Cực lạc đều ở chánh định tụ. Vì sao? Vì trong cõi Phật ấy không có Tà định tụ và Bất định tụ. Hằng sa chư Phật Như Lai trong mười phương tán thán uy thần, công đức không thể nghĩ bàn của Phật Vô Lượng Thọ. Có chúng sinh nghe danh hiệu Ngài sinh tín tâm, vui mừng cho đến trong một niệm một lòng, hồi hướng nguyện vãng sinh về nước Cực lạc liền được vãng sinh trụ bất thoái chuyển, chỉ trừ những người phạm tội ngũ nghịch, hủy báng chánh pháp."

Phật bảo A-nan: "Nếu có dân chúng cõi trời, người khắp mười phương thế giới thành tâm muốn sinh về cõi Cực lạc. Tất cả có ba hạng. Trong đó bậc thượng là xả bỏ tài sản, lìa gia đình làm bậc Sa-môn, phát tâm Bồ-đề, một lòng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ, tu các công đức, nguyện sinh về nước Cực lạc. Những chúng sinh này lúc lâm chung có Phật Vô Lượng Thọ cùng với các đại chúng hiện đến trước người ấy. Người này theo Phật kia vãng sinh, ở trong hoa sen bảy báu của nước đó, tự nhiên hóa sinh trụ bất thoái chuyển. Trí tuệ dõng mãnh, thần thông tự tại cho nên đắc A-la-hán. Vì vậy, nếu có chúng sinh ở đời nay muốn thấy Phật Vô Lượng Thọ nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tu hành công đức, nguyện sinh về Cực lạc."

Phật bảo ngài A-nan: "Bậc trung là: Nếu có dân chúng cõi trời, người có chí tâm nguyện sinh về Cực lạc, tuy không thể làm Sa-môn, tu tập các công đức, nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề, một lòng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ, tu thiện phụng trì trai giới, xây dựng tháp tượng, cúng dường sa môn, treo tràng phan, thắp đèn, rải hoa, đốt hương cúng dường chư Phật, đem công đức này hồi hướng nguyện sinh về nước Cực lạc. Người ấy khi lâm chung được hóa Phật Vô Lượng Thọ hiện thân mình tướng hảo quang minh như Phật chân thật cùng với các đại chúng hiện đến trước người đó. Người đó theo Hóa Phật vãng sinh về Cực lạc, trụ bất thoái chuyển, công đức trí tuệ thứ tự như ở bậc thượng".

Phật bảo ngài A-nan: "Bậc hạ là dân chúng cõi trời, người trong mười phương thế giới có chí tâm muốn sinh về Cực lạc. Giả sử họ không

thể làm các công đức, phát tâm Vô thượng Bồ-đề nhưng một lòng chuyên chú cho đến mười niệm, niệm Phật Vô Lượng Thọ, nguyện sinh về nước kia, nếu nghe pháp thậm thâm, vi diệu sinh tâm vui mừng tin thích, không sinh nghi hoặc cho đến một niệm, niệm Phật kia, đem tâm chí thành nguyện sinh về nước ấy. Người này lúc lâm chung mộng thấy Phật kia cũng được vãng sinh. Công đức trí tuệ thứ tự như bậc trung.

Các ông nên suy nghĩ kỹ, ở trong đó dùng tâm ngay hạnh chánh nêu lên những lời này để Thánh nhân Tam thừa và Tam hiền Địa tiền cùng với Thất phương tiện Nhị thừa, phát tâm vô thượng Bồ-đề giả danh Bồ-tát cho đến phương tiện đạo, Tứ chúng, nam, nữ, không căn, nhị căn đến Thiên long, quỷ thần, bát bộ có thể phát tâm Bồ-đề, chuyên niệm Phật A-di-đà, chán ghét uế độ, ưa thích Tịnh độ. Khi lâm chung, chánh niệm hiện tiền đều được vãng sinh. Nếu dõng mãnh tinh tấn quán hạnh rõ ràng thì giai đoạn sau cùng lúc lâm chung tâm không tán loạn và được thượng sinh, cho đến mười niệm tương tục sau cùng lúc lâm chung vẫn còn, được “Hạ phẩm hạ sinh”. Trong đây Bồ-tát vãng sinh tự có ba loại chín phẩm. Nhị thừa vãng sinh tự có Thượng, Trung, Hạ, phàm phu vãng sinh tự có Thượng, Trung, Hạ mỗi cái đều có chín phẩm. Nhưng trong kinh không thể phân biệt tường tận nên Đại thừa, Tiểu thừa, phàm phu hợp lại trình bày chín phẩm, nhưng thực ra có rất nhiều sai biệt vậy. Hiểu rõ bốn mươi tám lời nguyện và chỉ thú của Kinh Quán, phàm phu là chánh sinh, Thánh nhân là kiêm sinh. Kinh kia chỉ nói: “Vì tất cả phàm phu ở đời vị lai chịu tai hại của giặc phiền não mà nói chỗ thanh tịnh để khuyên người đời cầu vãng sinh.” Bồ-tát, trong hàng phàm phu, người bài báng Đại thừa không được vãng sinh vì đoạn thiện căn. Học nhân ngu pháp trong hàng Nhị thừa không được vãng sinh vì không tin Tịnh độ ở mười phương. Bồ-tát không nguyện sinh về Cực lạc, lại cũng không sinh vì nguyện tự tại. Nếu Nhị thừa vô học bất luận ngu hay không ngu đều được vãng sinh vì trong Tam giới uế độ không có chỗ thọ sinh của họ. Nghĩa về phẩm loại vãng sinh trình bày sơ lược như vậy.

VI. Luận về sự khó dễ của việc vãng sinh:

Trong đây có hai phần, trước nói về hai chỗ hơn kém, sau trình bày sự khó dễ của việc vãng sinh.

- Hai chỗ hơn kém: Tán thán chung thật đức có cái hơn cái kém cho nên tất cả bậc Pháp vương đều gọi là Thiện Thệ thân đầy đủ vạn năng, cõi nước tràn đầy những thứ tốt đẹp. Nhưng vì hóa độ chúng sinh

hoặc ở Uế độ đất đai gập ghềnh, hoặc ở Tịnh độ tràn đầy báu lạ. Nếu luận về chỗ này không thể không có hơn kém, Thiên cung Đâu-suất do hư không kết thành, thế giới Cực lạc do đất lập nên, vì thế người, trời khác nhau. Nếu căn cứ pháp độ này mà luận về thế giới kia thì trời hơn, người kém. Nếu nói về Uế độ thì Đâu-suất là Uế giới, Cực lạc là Tịnh giới, sơ lược chia làm đây kia có mười bốn điều khác nhau. Đất đai ở trời Đâu-suất chật hẹp, nam nữ ở chung, cũng có hiện hành dục nhiễm, có thoái chuyển, thọ bốn ngàn tuổi ở Trung Thiên thân lượng cũng như vậy. Lại nữa, tâm tam tánh sinh khởi vì ác tâm bị đọa địa ngục, tam thọ, lục trần sinh khởi khiến cho con người phóng dật, con trai sinh trên đầu gối cha, con gái sinh tại đầu gối mẹ. Bồ-tát vì chúng sinh thuyết pháp có người đắc Thánh quả, có người không. Cõi Tây phương ngược lại ở đây, vì vậy theo nghĩa này thì Tây phương là ưu việt nhất.

- Trình bày sự khó dễ của việc vãng sinh:

Có người nói dễ sinh Tây phương, khó sinh Đâu-suất, tạm có bảy loại khác nhau:

1. Cực lạc là nơi dễ sinh của người, Đâu-suất là nơi khó sinh của trời.

2. Cực lạc chỉ giữ ngũ giới được vãng sinh, Đâu-suất tu đầy đủ Thập thiện mới được vãng sinh.

3. Cực lạc chỉ cần mười niệm được vãng sinh, Đâu-suất đầy đủ giới bố thí mới được vãng sinh.

4. Tây phương nương nhờ bốn mươi tám đại nguyện của Phật A-di-đà được vãng sinh, Đâu-suất không có nguyện nào để nương nhờ chỉ do tự sức mình vãng sinh.

5. Tây phương có Bồ-tát Quán Thế Âm v.v... thường đến cõi này khuyên hướng đến vãng sinh, Đâu-suất không có những việc này.

6. Tây phương kinh luận đều có tán thán khuyến khích người sinh về đó, Đâu-suất chỉ có một kinh tán thán.

7. Từ xưa đến nay các bậc Đại đức đều hướng về Tây phương, ít người hướng về Đâu-suất.

Do nghĩa này nên nói dễ vãng sinh về Tây phương, khó sinh lên trời Đâu-suất.

Hoặc có người nói dễ sinh Đâu-suất, khó sinh Cực lạc. Người trí biết đủ thì ở tại cảnh giới này cũng giống như Thiên cung. Trong, ngoài, lớn, nhỏ họ đều chấp nhận, đã là hóa thân nhất định được vãng sinh. Theo kinh Thượng Sinh: "Nếu bốn chúng hành lục độ, Bát bộ nghe danh hiệu Phật vui mừng sám hối ác nghiệp, tu hành thập thiện nguyện sinh

về cõi ấy thì tất cả đều được vãng sinh về Thế giới Cực lạc. Theo luận Đối Pháp Biệt thời ý thú, như nói: “Nếu có chúng sinh nguyện sinh về thế giới Cực lạc thì được ý vãng sinh tại thời khác, giống như đổi lấy một tiền mà được một ngàn tiền”. Cho nên kinh kia nói: “Chẳng phải nhân duyên tiểu thiện căn mà được vãng sinh về cõi kia.” Luận Thiên Thân ghi: “Hàng nữ nhân, thiếu căn, Nhị thừa không được vãng sinh, tướng Phật như năm núi Tu-di há phàm phu có thể thấy tướng này. Những nghĩa này thành thật chứng minh chẳng phải là một. Cho nên nguyện vãng sinh Tây phương, rất ít người được vãng sinh. Hoặc nói như hai thuyết trước cũng không cạn lý. Nói chung sự khó dễ của việc vãng sinh tùy theo nhân duyên. Duyên là chư Phật Bồ-tát đồng thể đại Bi, nhân là: Bốn chúng, chín loài khởi nguyện hạnh đồng thể đại bi. Tuy nghiệp của chúng sinh không giới hạn người nào nhưng vẫn không giống nhau. Nếu là người nghiệp nhân thành thục, tùy theo hạnh nguyện liền được vãng sinh, chẳng phải vì trời, người, nếu như khó vãng sinh thì vì Uế độ. Nếu có chướng ngại, hoặc hạnh nguyện chưa tròn đầy thì không có cảm ứng ngay đời này há do đồng cảnh giới mà dễ sinh ư? Hay là vì hóa thân mà liền được yết kiến chư Phật. Vì thế hơn ba ức nhà ở trong thành Vương xá mà không nghe danh hiệu Như Lai, chín mươi ức người trong Na-lạc-già (địa ngục) sống riêng trong nhà hoạn nạn mà còn thấy tướng sắc vàng của Phật, thì mới biết chúng sinh khởi hạnh nguyện nhờ thuộc tướng của thắng duyên, có sai lầm hay không sai lầm hoặc có thuộc tự tánh Di-đà, hoặc vốn là thân thuộc của ngài Di-lặc, tùy theo quan hệ mỗi mỗi đều đắc đạo nhanh hơn những người không có quan hệ, vì họ nhiều công lao nhưng ít lợi ích. Cho nên Tỳ mẫu của trưởng giả được ngài La-hầu-la giáo hóa. Thiên tử ở cõi trời phi tưởng nhờ thân đã qua mà được ngộ đạo. Vì thế, tùy theo tâm cung kính, chuyên cần tu hành thì dễ vãng sinh nhanh như khảy móng tay. Vì sao là bàn luận giữa khó và dễ? Nếu người phát tâm Bồ-đề, quyết định không nghi ngờ lục độ dễ làm, cửu phẩm chẳng phải khó tu, tội nghiệp tuy nhiều phải trải qua nhiều kiếp. Địa ngục tuy tối tăm cản trở nhưng sẽ vượt qua cửa vương ấn. Chỉ vì hàng hậu học, hành giả ngu si, nghi ngờ lời thành thật phát ra từ tướng lưỡi che khắp đại thiên thế giới, lại tin lời lẽ của ếch ngồi đáy giếng làm ngu tâm. Há chẳng phải cất đá nước Yên nghi là châu nhà Tùy. Thật đáng thương thay!

VII. Giải trừ những điều nghi:

Hỏi: Như Nhiếp Đại thừa luận giải thích về biệt thời ý, há không

phải là phá trừ sao?

Đáp: Luận kia nói có biệt thời và không biệt thời, nếu chỉ phát nguyện suông tức là biệt thời, vừa phát hạnh nguyện vừa tu hành là không biệt thời. Như Bồ-tát Thiên Thân chia mười niệm hạnh làm biệt thời ý, vì sao tạo luận vãng sinh mà khuyên người vãng sinh? Lại phát khởi kinh Quán Vô Lượng Thọ do vì bà Vi-đề-hy sinh con ngũ nghịch là thái tử A-xà-thế. Vì vậy bà chán ghét đời ngũ trược nguyện sinh Cực lạc. Phật thuyết tam phước nghiệp, thập lục quán môn (ba phước, mười phép quán) cho bà nghe và để khuyên chúng sinh tu hành cầu vãng sinh về Cực lạc. Cho đến những người phạm thập ác, ngũ nghịch đều khuyên họ nguyện vãng sinh. Khi đã thấy cảnh Tịnh độ bà Vi-đề-hy bạch Phật: "Kiếp trước con tạo nghiệp gì; thân thì đã ở đời ngũ trược lại sinh nghịch tử?" Phật thuyết pháp đều được vãng sinh tức biết phàm phu hiện ở đời ngũ trược, hết thảy đều được vãng sinh.

Hỏi: Bà Vi-đề-hy là Đại Bồ-tát vì hóa độ chúng sinh, hiện thân người nữ lại sinh nghịch tử há thật là (hạng) phàm phu sao?

Đáp: Cho dù bà Vi-đề-hy thật là Bồ-tát, hiện thân người nữ để hóa độ chúng sinh, cần phải che dấu đi khả năng thật đức của mình thị hiện giống phàm phu, giáo hóa đồng loại. Tức hiện giống phàm phu, thân ở đời ngũ trược, thường biết dắt dẫn phàm phu trong đời ngũ trược vãng sinh về Cực lạc. Nhiếp Đại thừa luận ghi: "Do chỉ phát nguyện là biệt thời ý, nên biết tam phước, thập lục quán, bảy ngày niệm Phật v.v... là biệt thời vậy."

Hỏi: Như Vãng sinh luận ghi: "Người nữ, kẻ thiếu căn và Nhị thừa chủng không sinh không được vãng sinh, vì sao kinh này nói người nữ v.v... cũng được vãng sinh?

Đáp: Thật đúng như vậy, nếu không phải ba hạng này nhất định được vãng sinh. Ba hạng là:

1. Ở trong nước này hoặc có nam tử, hoặc có nữ nhân, nhân vì người nữ này quyết định làm thân người nữ. Người này dù tu hạnh Tịnh độ cũng không được vãng sinh vì ở Tịnh độ không có người nữ. Cho nên đây là định nghiệp không thể biến đổi, tức là nghiệp chướng. Người thiếu căn như đui mù, câm điếc có thể biết cũng như vậy. Nếu họ có hối cãi, trừ bỏ thì không phải hạng này. Nhị thừa gieo nhân Nhị thừa, không tin Đại thừa và mười phương Tịnh độ cũng không được vãng sinh. Luận kia nói chủng tức là chủng định nghiệp.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao Kinh Quán nói: Người thọ trì ngũ giới tức sinh về Cực lạc, nghe thuyết Tứ đế chứng quả A-la-hán v.v...?

Đáp: Người không ngu pháp này tin có mười phương chư Phật và Tịnh độ, phát nguyện vãng sinh, nếu chứng được A-la-hán, Phật thuyết kinh Pháp Hoa, lúc ấy họ hồi tâm hướng đến Đại thừa. Đây là chỗ phán quyết của Trí Độ luận.

Hỏi: Chúng sinh ác nghiệp nặng nề sẽ chướng ngại sinh về Cực lạc, chẳng phải làm chút ít việc thiện mà có thể tiêu trừ. Vì sao Kinh Quán nói: "Mười niệm lúc lâm chung được vãng sinh?"

Đáp: Tâm là chủ của nghiệp, là cội gốc của thọ sinh, tâm lúc lâm chung giống như con mắt (chỗ chủ yếu) có thể hướng dẫn tất cả nghiệp. Nếu tâm lâm chung ác có thể dẫn theo tất cả ác nghiệp, nếu tâm lâm chung thiện có thể dẫn theo tất cả thiện nghiệp. Như rồng bay thì mây bay theo. Tâm nếu hướng thẳng đến phương Tây thì nghiệp cũng đi theo vậy.

Hỏi: Như kinh Di-lặc Sở Vấn nói: "Trong mười niệm chẳng phải niệm phàm phu, không xen tạp niệm kiết sử. Nay thân thể của chúng sinh này là phàm phu, kiết sử chưa đoạn. Vì sao niệm Phật được vãng sinh?

Đáp: Hoặc nói: Nếu như kinh kia chỉ có một mình Phật được vãng sinh, ngoài ra tất cả phàm phu không được vãng sinh vì sau địa vị Thập địa, tâm Bồ-tát còn có hai loại vô minh. Nên nay giải thích kinh kia rằng: "Niệm phàm phu nếu không phát tâm Bồ-đề, cầu ra khỏi Tam giới, được làm Phật mà chỉ một bề niệm Phật cầu vãng sinh. Đó chính là niệm phàm phu không được vãng sinh. Cho nên tất cả phải phát tâm Bồ-đề, không xen tạp niệm kiết sử, chỉ cần một tâm tương tục quán tưởng tướng hảo của Phật. Nhưng miệng niệm Phật tâm lại chạy theo ngũ dục đó là xen tạp niệm kiết sử. Niệm Phật với tâm thuần tịnh và kiết sử trái nhau hoặc có nghĩa khác nhau, như thấy giống ở trước.

Hỏi: Tội nghiệp chúng sinh chất chứa nhiều như núi. Vì sao niệm mười niệm sẽ diệt trừ được ác nghiệp như thế, dù niệm trăm ngàn biến cũng là qua ít, nếu không diệt được ác nghiệp... lại vì sao được vãng sinh Tịnh độ?

Đáp: Ở đây có ba nghĩa:

1. Nếu lúc lâm chung, nếu người có chánh niệm hiện tiền thì tâm này có thể dẫn dắt theo nghiệp thiện từ xưa đến nay và suốt cuộc đời này cùng giúp đỡ lẫn nhau liền được vãng sinh.

2. Danh hiệu chư Phật do tóm thâu vạn đức tạo thành, nếu chỉ một niệm niệm danh hiệu Phật, tức trong một niệm ấy bao gồm vạn đức liền diệt được tội nghiệp, ác nghiệp, chướng ngại, trừ sạch tất cả tội. Nên

trong hạ phẩm trung sinh nói rằng: “Nhờ xưng danh hiệu Phật, ở trong mỗi niệm trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử.”

3. Ác nghiệp từ vô thỉ từ vọng tâm mà có. Công đức niệm Phật từ chân tâm khởi. Chân tâm sáng như ban ngày, vọng tâm tối như ban đêm. Khi chân tâm khởi lên vọng niệm liền bị tiêu diệt như mặt trời xuất hiện thì bóng tối không còn. Vì ba nghĩa này, cho đến lúc lâm chung, mười niệm thành tựu nhất định được vãng sinh.

Hỏi: Tịnh độ thắng diệu là Liên hoa tạng chỗ ở của chư Phật, chẳng phải là nơi của phàm phu. Theo lẽ thường phải là: phàm phu đi trên đất phàm phu, Thánh nhân dạo chơi ở cõi Thánh. Sao lại nói phàm phu được sinh về nơi tối kia?

Đáp: Nếu là phàm phu không được đi đến Tịnh độ. Thì đã là Pháp vương (Phật) vì sao được dạo đi trong đời ngũ trược. Tuy là đấng pháp vương, vì giáo hóa chúng sinh mà dạo đi nơi cõi ngũ trược. Cũng vậy, tuy là phàm phu, nhờ cúng dường Phật nên sinh Tịnh độ. Lại nữa, bốn mươi tám đại nguyện đầu tiên là vì tất cả phàm phu ngu tối, sau đó kiêm luôn Thánh nhân trong Tam thừa. Nên biết bốn ý của tông Tịnh độ là để độ chúng phàm phu và Thánh nhân. Lại có những bậc Thập giải trở đi, không sợ sinh ác đạo, nên không nguyện sinh về Tịnh độ. Nên biết bổn ý hưng khởi của Tịnh độ là vì hàng phàm phu chẳng phải vì Bồ-tát.

Hỏi: Người được gặp thiện duyên, dự vào chín phẩm vãng sinh, nhiều lần thấy ý nghĩa của văn tự (kinh điển) tâm sân hận không còn nếu có nhiều nghiệp ác không biết tu thiện, đọa vào ba đường ác hay là có phương tiện cứu vớt vong linh kia, trừ nghiệp chướng sinh về thế giới Cực lạc không?

Đáp: Chúng hữu tình ngu si khó thông được Thánh giáo đã được trình bày. Nên trong phẩm Quán đảnh chân ngôn thành tựu, quyển 28 (của) kinh Bất không la sách thần biến chân ngôn nói rằng: “Lúc bấy giờ tất cả quốc độ trong mười phương, tất cả Như Lai, Tỳ-lô-giá-na Như Lai v.v... trong ba đời cùng lúc đến duỗi tay phải vô úy xoa lên đỉnh Minh vương Thanh tịnh liên hoa đồng nói: “Bất không đại quán đảnh quang chân ngôn rằng: Án hà mộ già phế, lỗ giả nã. Ma ha điền nại, la ma ni. Bát đầu ma Nhập phược la bá la miệt đả dã. Nếu có chúng sinh tùy theo chỗ được nghe Đại quán đảnh quang chân ngôn này mười bốn biến hay hai mươi mốt biến qua lỗ tai, liền trừ được tất cả tội chướng. Nếu các chúng sinh phạm thập ác, ngũ nghịch, tứ trọng giống như vi trần đầy khắp thế giới này, thân hoại mạng chung đọa vào các đường ác. Thì ta lấy chân ngôn này gia trì vào cát đất một trăm lẻ tám biến,

vào trong Thi đà lâm rải lên thi hài người chết, hoặc rải trên mộ v.v... Người chết ấy nếu ở trong địa ngục, ngạ quỷ, Tu-la, bàng sinh nhờ tất cả sức gia trì vào trong đất cát của Bất không Như Lai chân ngôn, Bất không Tỳ-lư-già-na chân ngôn, Bổn nguyện Đại quán đảnh chân ngôn, đúng thời liền được thấy ánh sáng, thân trừ được các tội báo, xả thân chịu khổ, vãng sinh về nước Cực lạc ở phương Tây, từ hoa sen hóa sinh cho đến chứng Bồ-đề không còn đọa lạc. Những kinh văn này vẫn thường còn. Hối hận thay! Lỗi của mình tự tạo, quả khổ như hình theo bóng, thống khổ vô vàn, một mình chịu khốn khổ, chịu ách nạn không ai cứu vớt. Như thể chẳng phải đồng thể đại Bi, bí thuật cứu khắp chúng sinh. Ai có thể xa mở khóa địa ngục bay lên đài hoa, tuy không có lý "Tha tác tự thọ" (người làm mình nhận) nhưng có sức duyên khởi khó nghĩ lường, chỉ biết nhờ gặp cát có chú nguyện tức có duyên, nếu không được rải cát có chú nguyện thì bàn gì đến kỳ thoát khổ. Ôi! Dù có lòng đại Bi bày tướng lưỡi rộng dài không khó nhưng nếu không làm, không tin, sau hối hận không kịp. Vì thế, người không tin thọ luống phụ ân sâu, khi quả báo đến, người có tạo hạnh thuận thì tiếp hồn về hoa sen. Người hiếu thuận chịu khổ sở, gặp chân ngôn kia khiến lìa khỏi không khó. Phàm một trăm quân tử ai không phụng hành? Rải cát trên mộ còn siêu việt Tam giới, huống hồ chú nguyện vào áo quần mặc vào thân, lắng nghe âm thanh và tụng bài chú.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 171

NIỆM PHẬT CẢNH

SỐ 1966
(QUYỂN THƯỢNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1966

NIỆM PHẬT CẢNH

Vô Vi Tử Dương Kiệt thuật

LỜI TỰA

Ái không nặng chẳng sinh Sa-bà
Niệm chẳng nhất chẳng sinh Cực lạc.

Cõi Sa-bà nhơ uế, nơi Cực lạc thanh tịnh. Tuổi thọ của con người ở cõi Sa-bà có giới hạn, nhưng ở Cực lạc thì không giới hạn. Chúng sinh ở cõi Sa-bà bị nhiều đau khổ, nhưng ở Cực lạc thì hoàn toàn an vui. Chúng sinh ở cõi Sa-bà theo nghiệp xoay chuyển trong sinh tử luân hồi, nhưng một khi đã đến nước Cực lạc thì liền lên bậc Vô sinh pháp nhẫn; nếu muốn phát nguyện độ sinh thì tùy ý tự tại, không bị các nghiệp xoay chuyển. Như vậy thì tịnh uế, khổ vui, tuổi thọ dài hay ngắn, sinh tử hay không sinh tử đều do quả báo khác nhau, nhưng chúng sinh mờ mịt không biết. Thật đáng buồn thay!

Đức Phật A-di-đà là người đứng đầu nhiếp thọ chúng sinh ở Tịnh độ.

Đức Phật Thích-ca Như Lai là vị thầy chỉ đường chúng sinh về Tịnh độ, Bồ-tát Quán Thế Âm, và Bồ-tát Đại Thế Chí giúp Phật giáo hóa. Cho nên giáo điển một đời của Như Lai chỗ nào cũng căn dặn, khuyên nên vãng sinh.

Người xiển dương Phật pháp, giáo hóa chúng sinh cũng chính là Đức Phật A-di-đà và Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí nương thuyền đại nguyện: Đi trên dòng sông sinh tử nhưng không vướng mắc vào hai bên bờ, không lênh đênh giữa dòng, lấy cứu giúp làm Phật sự. Cho nên trong kinh A-di-đà có nói: “Nếu có thiện nam tín nữ nào nghe nói

về Đức Phật A-di-đà mà chấp trì danh hiệu từ một ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn thì người đó lúc sắp qua đời được Phật A-di-đà và các Thánh chúng hiện ra trước người đó. Người đó lúc qua đời tâm không điên đảo liền được vãng sinh về cõi Cực lạc." Lại nữa, kinh nói: "Chúng sinh trong mười phương nghe danh hiệu ta, nhớ nghĩ cõi nước ta, gieo trồng cội đức, chí tâm hồi hướng muốn được sinh về nước ta; nếu người ấy không được như nguyện, thì ta không trụ thành Chánh giác." Cho nên viện Vô thường ở tinh xá Kỳ-hoàn khiến cho người bệnh mặt xoay về hướng Tây khởi tưởng ánh sáng Di-đà chiếu khắp pháp giới nhiếp giữ chúng sinh niệm Phật không bỏ, Phàm Thánh đồng một thể, căn cơ cảm nhận tương ưng nhau. Trong tâm chư Phật, cõi trần chúng sinh cũng là cõi cực lạc. Trong tâm chúng sinh niệm Tịnh độ cũng là niệm đức Phật. Quán sát điều đó tôi cho rằng trí tuệ dễ sinh ra vì dứt trừ được nghi ngờ; thiền định dễ sinh vì tâm thường an tịnh; trì giới dễ sinh vì xa lìa các nhiễm trước; bố thí dễ sinh vì dẹp bỏ xan tham; nhẫn nhục dễ sinh vì thường nhu hòa; tinh tấn dễ sinh vì không lui sụt; không làm điều lành, không tạo việc ác dễ sinh vì niệm thuần nhất, những việc ác đã gây, nghiệp báo đã hiện thì dễ sinh vì sợ hãi xấu hổ thật sự. Tuy có tu điều lành nhưng không có tâm kính tin, không tin sâu, không có tâm hồi hướng, không phát nguyện thì không được sinh lên bậc thượng phẩm thượng sinh. Ôi! Danh hiệu Di-đà vô cùng dễ trì, cõi Tịnh độ cũng dễ đến. Chúng sinh không thể trì, không thể đến thì Phật bằng với chúng sinh sao? Tạo ác nghiệp thì vào đường khổ, niệm Di-đà thì sinh Cực lạc, đây là điều Phật nói. Người đời sợ đọa địa ngục lại nghi ngờ việc vãng sinh thì có đúng chăng?

Pháp sư Tuệ Viễn cùng các cao sĩ Lưu Di Dân v.v... đời Tấn kết Bạch Liên xã ở Lô sơn rồi dốc sức tinh thành niệm Phật. Sau đó bảy trăm năm tu trì nối nhau, tăng tục đều được cảm ứng, chẳng ai không thấy cõi Tịnh độ và họ đã ghi lại. Há là bịa đặt ư? Những sách tán thán giáo quán Di-đà gom lại cao như núi.

Niệm Phật Kính của Đại sư Thiện Đạo có mười một môn, là đứng đầu trích dẫn lời Thánh để khai thị các hoặc, căn nhà tối muôn năm nay được tia sáng dọi đến; dạo trên sông dài ngàn dặm mà không cần nhọc sức. Nếu chẳng phải là thân sau của ngài Pháp Tạng thì không thể đến nơi này. Tôi từng có bản văn này nơi thành đô. Nếu ai có sự hiểu biết, đọc đến những lời văn trong quyển sách này thì đều sinh tín tâm. Từ khi gặp phải hình phạt nặng tôi cảm ngộ được lợi ích sâu xa ấy, nên muốn truyền rộng bổn này. Nhân đây tôi viết lời tựa dẫn.

Giữa thu, năm Bính thìn, niên hiệu Hy Ninh thứ chín.

Trúc Song Nhị Bút của Đại sư Liên Trì ở chùa Vân Thê đời Minh chép: Hai thầy Đạo Cảnh và Thiện Đạo đã viết Niệm Phật Kính, dùng niệm Phật và các pháp môn khác để đối chiếu nhau. Hai ngài nói: “Công đức niệm Phật vượt hơn công đức các pháp môn khác cả trăm ngàn muôn ức lần.” Có thể gọi là niềm tin vững chắc và lời lẽ sáng tỏ, có công đức rất lớn đối với pháp môn Tịnh độ. Trong chương nói về Thiền tông đã nói rằng Công đức niệm Phật hơn công đức tu thiền, quán tâm, quán Vô sinh cả trăm ngàn muôn ức lần. Nếu người học nghi ngờ pháp môn này thì tôi xin làm chứng. Còn như nói có Thiền không có Tịnh độ là còn chấp quán tâm mà không tin có cõi Tịnh độ. Quán Vô sinh mà không tin có cõi Tịnh độ vãng sinh thì chưa đạt được: Ngay nơi tâm là cõi, không biết “Sinh tức là vô sinh”, nghiêng về “Chấp không” chẳng phải thiền viên đốn. Trái lại không bằng lý tánh tuy chưa được sáng tỏ nhưng niệm Phật đã thành Tam-muội, đâu có gì làm lạ? Nếu quán tâm mà khéo hiểu được tâm mình, quán vô sinh mà đắc được Vô sinh nhẫn, đây chính là cùng người niệm Phật sinh lên thượng phẩm thượng sinh. Đã cùng ở một nơi thì có ai cao, ai thấp?

- Bản cổ ghi:

Mộ Sinh Nhất diệp ký ghi vào đầu mùa thu năm Kỷ Hợi, niên hiệu Ninh Ngũ Nhẫm thứ hai đời Thanh.

Sa-môn Pháp Quảng, Đại đức Hoằng Luật, ở phía Đông chùa Chương Nghĩa, châu Phụng Thánh kiểm duyệt.

Đại phu Sùng Nhiếp kiểm giảo, Đại sư Thái Bảo Viên Giáo được vua ban tặng ca-sa tía.

Sa-môn Tri Chiêu xem xét kỹ càng.

Ôi! Niệm Phật Tam-muội giống như chiếc gương lớn chiếu soi muôn vật. Tám vạn bốn ngàn pháp môn như bóng trong gương, hàng ba thừa năm thừa từ đây mà được ngộ nhập. Thiết nghĩ đây là then chốt của Hải tạng, là diệu môn đi vào đạo. Giống như giữ mẹ để biết con, có gốc biết được ngọn. Nâng tấm lưới thì lỗ lưới đều động, nắm áo thì các sợi chỉ đều theo. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm có ví dụ: Ví như dùng gân sư tử làm dây đàn, khi khảy lên thì các âm thanh khác đều bặt. Ở đời có những vị sư xem thường niệm Di-đà, nghiêng về tu hạnh Bồ-tát, trì Đà-la-ni, tu thiền định. Đây là việc rất sai lầm. Ngoài Tây phương không có riêng cõi của Quán Âm , chín phẩm đến ứng đều nâng đài sen. Hình tượng Diệu Quán nói: “Tâm này là Phật”, cho nên các ngài Bách Trượng, Trí Giác... đều khai triển pháp môn Tịnh độ, khuyên mọi người

niệm Phật. Lời nói gom lại cả muôn quyển, sách đầy cả lòng biển, đặc biệt có thể đầy đủ kim bài cho người khinh thường ư? Riêng quyển Niệm Phật Kính của hai thầy chia ra mười một môn để hướng dẫn mọi tầng lớp tu tập. Người nghi ngờ thì có thể lấy quyển sách báu này tưới tẩm vào tâm hồn họ cho tươi mát. Đại sư Vân Thê rất thán phục sách này. Nếu ai dốc lòng tin, hiểu rõ, có công phu tu Tịnh độ thì được công đức rất lớn nơi cõi Tịnh độ.

Những bản khắc gỗ phần nhiều sai, nay được bản ở chùa Quốc hoan, nên chuyên theo bản này. Nếu còn nghi ngờ bài tựa của Dương Kiệt thì dựa vào sự chuyển dụng và lời giảng giải của bạn đồng tu rồi đối chiếu với bản gốc, truyền bá chân lý cao tột, mục đích để nhập vào biển trí mà thôi.

Thượng tuần tháng chạp năm Quý Sửu, Diên Bảo Nguyên Long biên tập.

Học trò Lữ Đại Cốc ở Giang Đông kính ghi.

SỐ 1966

NIỆM PHẬT CẢNH

Khắc bản: Vị Tăng tên Như Hiền chùa Quốc Hoan
Ghi chép: Đệ tử phụng giới là Lâm Sĩ Du
Cùng biên tập: Sa-môn Đạo Cảnh và Thiện Đạo

QUYỂN THƯỢNG

Từ viên thành đến giác ngộ biển trí (Phật) vì không cách nào thích ứng khắp mọi căn cơ chúng sinh, nên phá núi mê, mở đường giải thoát, từ âm diễn khắp; người đích thân nghe chứng đắc ba không; hiểu được nghĩa mầu, tin chắc thì tâm rõ tám đế, mở bày năm thừa đốn tiệm, tiếp độ hai loại phàm Thánh. Người nhận biết đạo lý này liền về quê hương thường lạc, còn mê hoặc thì mãi mãi đắm chìm nơi trong luân hồi. Thế nên Đức Như Lai chỉ thẳng cảnh Tây phương, mở cánh cửa Cực lạc, nói rõ danh hiệu Đấng Từ Tôn. Do vậy trời người đều kính ngưỡng, Phàm Thánh đồng quay về. Đây là bến bờ then chốt của Hoa tạng, là con đường tất chứng Niết-bàn. Thực hành tuy đơn giản mà công đức rất sâu xa. Từ xưa các bậc danh hiền đều y cứ vào pháp môn niệm Phật như: Ngài Tuệ Trì, Tuệ Viễn lúc qua đời có cờ phướn, lọng báu đón rước; ngài Đạo Xước, Đạo Trân được các vị trời nam, nữ xinh đẹp khôi ngô đến dẫn đi. Tăng tục cảm được ánh sáng vô tận này rất nhiều, mỗi trường hợp đều rõ ràng, truyện có ghi rõ, không nhọc chép nhiều. Nay, Niệm Phật Kính noi theo gương người niệm Phật để dứt trừ mê hoặc. Căn cứ vào đây để riêng làm thì chắc chắn thoát khổ luân hồi, còn người nghi ngờ thì xem rõ văn dưới.

- Tất cả chia làm mười một môn:

1. Môn khuyên tấn niệm Phật.
2. Môn tự lực, tha lực.
3. Môn niệm Phật đắc ích.
4. Môn Dĩ đắc vãng sinh.
5. Môn Giảo lượng công đức.

6. Môn Giảo lượng trai phước.
7. Môn Nghi báng đắc tội.
8. Môn Thệ nguyện chứng giáo.
9. Môn Quảng nhiếp chư giáo.
10. Môn Thích chúng nghi hoặc.
11. Môn Nhất niệm Phật xuất tam giới.

I. MÔN KHUYẾN TẤN NIỆM Phật:

Ôi! Phật là thầy của ba cõi, là cha lành của bốn loài. Người quy y, tôn kính Phật, được diệt Hằng sa tội chướng. Người xưng niệm danh hiệu được vô lượng phước đức, người muốn niệm Phật phải khởi tín tâm.

Nếu có lòng tin thì chắc chắn đạt kết quả. Cho nên kinh nói: "Lòng tin là sơ tông vào đạo, trí là huyền thuật của rốt ráo. Đầu tiên gọi tin như thế, sau phụng hành là trí. Cho nên kinh A-di-đà nói: Nếu có người tin tưởng thì nên phát nguyện sinh về nước kia. Đây là nơi Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni khuyến khích chúng ta kính tin. Kinh ấy lại nói: Các ngươi nên tin tưởng, đọc tụng ngợi khen thì được công đức không thể suy nghĩ bàn luận. Đây là nơi các Phật sáu phương khuyến khích chúng ta kính tin. Phần khuyến tin của kinh Pháp Hoa nói: Tùy thuận kinh này do lòng tin mà được vào.

Lại nữa, nếu có người gieo trồng gốc lành mà nghi ngờ thì hoa sen không nở; người tín tâm thanh tịnh thì hoa sen nở, liền thấy Phật. Đây là chỗ luận Thập Trụ khuyến khích chúng sinh kính tin. Còn người không tin cũng như đứng trên xe không bánh, không dè, không nhíp thì không thể chạy được. Đây là chỗ mà sách ngoài khuyên tin. Tin là thuận với lý đã nói, thuận thì đạo thầy trò thành tựu, kinh không phong ước, người không tin không thể truyền đạo. Đây là điều pháp sư Tăng Triệu khuyến tin. Hòa thượng Đại Hành nói: "Pháp môn niệm Phật, bất luận là đạo tục, nam nữ, giàu nghèo, sang hèn, đều phải tin chắc." Đây là điều Hòa thượng Đại Hành khuyên tin.

Hỏi: Đã nói là tin nhưng chẳng hay tin vào pháp nào?

Đáp: Ý của tin là tin những lời trong kinh nói:

1. Tin Niệm Phật chắc chắn sinh về Tịnh độ.
2. Tin niệm Phật chắc chắn diệt các tội.
3. Tin niệm Phật chắc chắn được Phật chứng.
4. Tin niệm Phật chắc chắn được Phật che chở.
5. Tin niệm Phật khi sắp qua đời được Phật đến đón rước.

6. Tin niệm Phật bất luận là chúng sinh nào đều được vãng sinh.

7. Tin niệm Phật sinh về Tịnh độ chắc chắn được ba mươi hai tướng tốt.

8. Tin niệm Phật sinh về Tịnh độ chắc chắn ở địa vị không lui sụt.

9. Tin niệm Phật sinh về Tịnh độ, chắc chắn được tự tại, vui sướng, trang nghiêm.

10. Tin niệm Phật sinh về Tịnh độ chắc chắn ở địa vị bất tử.

11. Tin niệm Phật sinh về Tịnh độ làm bạn với các vị Bồ-tát.

12. Tin niệm Phật sinh về cõi Tịnh độ không lìa Phật.

13. Tin sinh về Tịnh độ, từ hoa sen hóa sinh.

14. Tin Phật A-di-đà hiện đang nói pháp.

15. Tin sinh về Tịnh độ không đọa ba đường ác cho nên khuyên niệm Phật.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: "Niệm Phật một câu chắc chắn diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử; được hưởng công đức nhiệm mầu trong tám mươi ức kiếp." Cho nên Hòa thượng Đại Hành dạy:

Người niệm Phật chỉ tin Phật, thì:

- Phật liền biết, Phật có tha tâm thông,

- Miệng chỉ xưng danh hiệu Phật, thì Phật liền nghe, vì Phật có thiên nhĩ thông.

- Thân chỉ kính Phật, thì Phật liền thấy, vì Phật có thiên nhãn thông.

Cho nên đây là chỗ khuyên tin niệm Phật của Hòa thượng Đại Hạnh.

Lại dụ tín tâm ví như trồng cây ăn trái: Rễ cây cắm sâu vào lòng đất thì gió thổi không lung lay, sau ra hoa trái mới cứu người đói khát được. Người niệm Phật cũng như vậy, cần phải tin sâu mới được đến Tây phương thành bậc Chánh giác, cứu độ mọi khổ nạn nguy ách. Còn nếu không tin thì không đạt được gì. Cho nên kinh nói: "Hàng Bồ-tát Thập trụ một khi đã khởi tín tâm niệm Phật, thì cho dù gặp chướng duyên đến tan thân mất mạng cũng không lui sụt."

Kinh Duy-ma nói: "Tin sâu vững chắc giống như báu pháp kim cương chiếu khắp như mưa cam lộ", người niệm Phật phải tin sâu. Kinh Vô Lượng Thọ nói: Niệm Phật có năm môn:

1. Môn lễ bái: Thân chỉ đảnh lễ Đức Phật A-di-đà.

2. Môn tán thán: Miệng chỉ xưng danh hiệu Phật A-di-đà.

3. Môn tác nguyện: Tất cả công đức lễ bái, niệm Phật chỉ nguyện sinh về thế giới Cực lạc.

4. Môn quán sát: Đi, đứng, nằm, ngồi đều quán sát Đức Phật A-di-đà để mau sinh về cõi Tịnh độ.

5. Môn hồi hướng: Công đức niệm Phật, lễ Phật chỉ nguyện sinh về cõi Tịnh độ, mau đắc vô thượng Bồ-đề.

Tu hành có bốn loại:

1. Trường thời tu: Tự mình phát tâm niệm Phật, về sau được sinh về Tịnh độ, thành Phật không bao giờ lui sụt.

2. Kính xứ tu: Chỉ hướng về Tây phương, chuyên tưởng không dời đổi.

3. Vô gián tu: Chỉ chuyên niệm Phật, không có niệm tạp thiện, nào khác chen vào, cũng không có phiền não tham sân tạp ác xen vào.

4. Vô dư tu: Không có một niệm tạp thiện khác chen vào làm gián đoạn việc tu. Vì sao? Tu các điều lành khác, vì tự lực nên phải trải qua nhiều kiếp mới thành tựu; còn nương vào nguyện lực của Phật A-di-đà, chuyên tinh niệm Phật, từ một đến bảy ngày liền được vãng sinh về Tịnh độ, ở địa vị không lui sụt, mau được vô thượng Bồ-đề. Cho nên không tu những điều lành khác. Thượng phẩm thượng sinh trong kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: Nếu có chúng sinh nào muốn sinh về nước kia thì nên phát ba thứ tâm:

1. Tâm chí thành: Người nào chí thành, thân chuyên lễ Đức Phật A-di-đà, miệng thường niệm danh hiệu Phật A-di-đà, ý kính tin pháp môn niệm Phật thì chắc chắn được sinh về Tịnh độ.

2. Thâm tâm: Khởi lòng tin chân thật, chuyên niệm danh hiệu Phật, nguyện sinh về Tịnh độ. Từ lúc phát tâm đến khi thành Phật đều không nghi ngờ gì nên gọi là Thâm tâm.

3. Tâm hồi hướng phát nguyện: Tất cả các công đức lễ bái, niệm Phật chỉ nguyện vãng sinh về Tịnh độ, mau được Vô thượng Bồ-đề.

Có đủ ba thứ tâm này chắc chắn được sinh về cõi Cực lạc. Lại nữa, kinh Văn-thù Bát-nhã không quán tướng mạo, chỉ chuyên xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, thực hành "Nhất hạnh Tam-muội"; muốn mau thành Phật cũng tu "Nhất hạnh Tam-muội"; muốn đầy đủ tất cả trí tuệ cũng tu "Nhất hạnh Tam-muội"; muốn thấy Phật cũng tu "Nhất hạnh Tam-muội"; muốn mau sinh về Tịnh độ cũng tu "Nhất hạnh Tam-muội". Đây là pháp niệm Phật vãng sinh trong Kinh Văn-thù Bát-nhã.

Kinh A-di-đà nói: "Xá-lợi-phất, nếu có thiện nam, tín nữ nào nghe danh hiệu Phật A-di-đà rồi chuyên tâm niệm Phật, từ một ngày

cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn thì người đó lúc sắp qua đời, Đức Phật A-di-đà và các Thánh chúng hiện ra trước mặt người đó. Người đó lúc qua đời tâm không tán loạn liền được vãng sinh về thế giới Cực lạc của Đức Phật A-di-đà."

Hỏi: Nếu niệm Phật một ngày được vãng sinh, cần gì phải niệm đến bảy ngày?

Đáp: Niệm từ một ngày đến bảy ngày đều là lúc sắp qua đời vãng sinh về Tịnh độ. Mau thì một ngày, chậm thì bảy ngày. Đây là pháp thượng phẩm vãng sinh trong kinh A-di-đà.

Lại theo kinh Quán, về hạ phẩm hạ sinh nếu có chúng sinh nào gây ra đủ các nghiệp bất thiện, mười điều ác, năm tội nghịch. Người ngu vì nghiệp ác mà phải đọa vào đường ác, trải qua nhiều kiếp chịu khổ vô cùng; người này lúc sắp qua đời nếu gặp Thiện tri thức dạy niệm Phật A-di-đà dù chỉ mười câu cũng trừ diệt tội nghiệp, được vãng sinh. Lại nữa, kinh Vô Lượng Thọ nói: "Dù chỉ một niệm cũng vãng sinh Tịnh độ." Đây là pháp hạ phẩm hạ sinh.

Hỏi: Niệm Phật từ một niệm đến mười niệm thì được hạ phẩm hạ sinh, thì cớ gì từ một ngày đến bảy ngày được thượng phẩm thượng sinh?

Đáp: Từ một niệm đến mười niệm là số ít, công đức cũng ít, cho nên sinh về hạ phẩm hạ sinh còn từ một ngày đến bảy ngày thì số lần niệm nhiều, công đức cũng nhiều, cho nên sinh về thượng phẩm thượng sinh. Lại từ một niệm cho đến mười niệm là dụ cho người phát tâm muộn; còn từ một ngày cho đến bảy ngày là dụ cho người phát tâm sớm. Cho nên niệm từ một niệm cho đến mười niệm, hay từ một ngày cho đến bảy ngày đều được vãng sinh Tịnh độ ở địa vị không lui sụt, thẳng đến Vô thượng Bồ-đề.

Niệm Phật dụ như trẻ con khóc, cha mẹ nghe được lập tức đến vỗ về: Nếu đói thì cho ăn, lạnh thì cho mặc, nóng thì cho mát. Đây là năng lực của cha mẹ chẳng phải là năng lực của con. Người niệm Phật cũng giống như vậy, chỉ biết niệm Phật, lòng đại từ bi của Phật sẽ tìm âm thanh mà cứu ngay. Tất cả tội nghiệp Phật khiến tiêu diệt; tất cả bệnh hoạn Phật khiến tiêu diệt; tất cả tội chướng Phật khiến phủi sạch, giống như cha mẹ nuôi con.

Kinh Pháp Hoa nói: "Tất cả chúng sinh đều là con ta, ta tức là cha. Các con nhiều kiếp bị các khổ thiêu đốt, ta đều cứu vớt khiến cho ra khỏi ba cõi." Người tu đạo phải siêng năng niệm Phật. Kinh Duy-ma nói: "Muốn dứt phiền não thì phải chánh niệm."

II. MÔN TỰ LỰC THA LỰC:

Hỏi: Nói về các pháp môn, số nhiều vô lượng. Pháp môn nào là tự lực? Pháp môn nào là tha lực?

Đáp: Tuy Đức Như Lai nói tám vạn bốn ngàn pháp môn nhưng chỉ có một pháp môn niệm Phật là tha lực, còn các pháp môn tu khác đều là tự lực.

Hỏi: Tự lực tu đạo, theo kinh giáo của Phật thì khi nào mới được thành tựu? Tha lực tu đạo khi nào mới được thành thục?

Đáp: Về tự lực, theo kinh giáo của Phật: Từ lúc mới phát tâm trải qua một đại A-tăng-kỳ kiếp tu đạo mới đến Sơ địa. Từ Sơ địa lại trải qua một đại A-tăng-kỳ kiếp tu đạo mới đến Bồ-tát Bát địa. Theo pháp môn niệm Phật trong kinh A-di-đà, nhanh thì một ngày, chậm thì bảy ngày. Niệm Phật A-di-đà được vãng sinh Tịnh độ tức là Bồ-tát Bát địa, vì sao phải nương vào bổn nguyện Phật A-di-đà? Vì trong Kinh A-di-đà chúng sinh sinh về đó đều là A-Bệ-Bạt-trí, A-Bệ-Bạt trí tức là Bồ-tát Bát địa.

Hỏi: Tự lực tha lực là gì?

Đáp: Tự lực: giống như đứa trẻ lên ba, tự bỏ nhà đi, một mình băng qua cả ngàn dặm để đến kinh thành cầu quan chức thì không biết từ đâu để tìm được? Vì chỉ là một đứa trẻ. Các pháp môn tu hành khác cũng như vậy, phải nhiều kiếp tu đạo mới thành, giống như đứa trẻ bỏ nhà kia.

- Tha lực: Giống như đứa trẻ tuy nhỏ nhưng dựa vào cha mẹ và xe ngựa, xe cộ, không bao lâu đến kinh thành, có được quan chức. Vì sao? Vì nhờ tha lực. Niệm Phật tu đạo cũng như vậy, lúc sắp qua đời nương vào nguyện lực của Phật A-di-đà, chỉ trong khoảng một niệm được vãng sinh về Tây phương, được địa vị không lui sụt; giống như cha mẹ đem voi ngựa, xe cộ đến chở đứa trẻ, không bao lâu sẽ đến kinh thành, tìm được chức quan. Tự lực giống như người nghèo, lại đến nhà người nghèo làm công, tuy tốn hao sức lực nhiều mà được rất ít tiền. Các pháp môn tu khác cũng giống như vậy, dụng công phu rất nhiều mà công đức rất ít. Còn tha lực thì giống như đến nhà vua làm công, tuy ít tốn hao sức lực mà được rất nhiều tiền. Vì sao? Vì nương vào sức lực của vua. Niệm Phật cũng giống như vậy, nương vào nguyện lực của Phật, dụng công rất ít mà công đức vô biên. Từ một ngày đến bảy ngày chuyên tâm niệm Phật, chóng được sinh về cõi Cực lạc, sớm chứng Vô thượng Bồ-đề. Giống như làm công cho nhà vua.

Tự lực, tha lực giống như con kiến đậu vào cánh chim. Chim sẽ

mang kiến bay lên cao đến núi Tu-di, hưởng thọ các vui sướng. Phàm phu niệm Phật cũng giống như vậy, nương vào nguyện lực của Phật mau đến Tây phương, hưởng vui an lành. Các pháp môn khác giống như kiến tự bò lên núi, không biết bao giờ mới đến đỉnh. Đây là tự lực. Tự lực giống như tôm cua, tha lực giống như rồng lớn. Có những loài bám vào vãy rồng, rồng mang nó mau ra biển lớn. Niệm Phật cũng giống như vậy, Phật dẫn chúng sinh mau về Tây phương.

Tự lực cũng giống như chân phàm phu bị đau, không thể đi nhanh được.

Tha lực giống như vua Chuyển luân bay trên hư không đi khắp mọi nơi, vì nương vào năng lực của bánh xe báu. Cho nên nương vào nguyện lực của Phật cũng giống như thế, chỉ trong một niệm liền vãng sinh về Tây phương, trụ ở địa vị không lui sụt. Các pháp môn khác giống như đi bộ trên đất liền, niệm Phật giống như đi thuyền trên sông, đi đến rất nhiều nơi mà không tốn công nhiều. Niệm Phật vãng sinh cũng giống như thế, dụng công rất ít mà mau đến Bồ-đề. Pháp môn niệm Phật nhờ nương vào nguyện lực của Phật A-di-đà cho nên mau thành quả Phật, nhanh hơn các pháp môn khác cả trăm ngàn lần.

III. MÔN NIỆM PHẬT ĐẮC ÍCH:

Hỏi: Niệm Phật A-di-đà vãng sinh về cõi Tịnh độ cao quý, được bao nhiêu lợi ích?

Đáp: Theo sách của A-xà-lê Thiện Đạo, pháp môn niệm Phật có hai mươi ba lợi ích:

1. Diệt tội chướng nặng.
2. Ánh sáng nhiếp thọ.
3. Đại sư che chở.
4. Bồ-tát thầm che chở.
5. Chư Phật che chở.
6. Tám bộ che chở.
7. Chứa nhóm công đức báu.
8. Nghe nhiều được trí tuệ.
9. Không lui sụt tâm Bồ-đề.
10. Phụng thờ, gần gũi Đức Phật.
11. Được cảm ứng, các bậc Thánh đến đón rước.
12. Ánh sáng từ bi soi chiếu vào thân.
13. Các bạn Thánh đồng khen ngợi.
14. Các bạn Thánh đón rước.

15. Thần thông đi trong hư không.
16. Thân tướng xinh đẹp cao quý.
17. Tuổi thọ kéo dài.
18. Được sinh về chỗ tốt đẹp.
19. Được thấy Thánh chúng.
20. Thường nghe pháp mầu.
21. Chứng Vô sinh pháp nhẫn.
22. Đi đến các nơi khác được thọ ký.
23. Trở về bổn quốc được Đà-la-ni.

Đây là những lợi ích trong Niệm Phật Tập của A-xà-lê Thiện Đạo ở Tây kinh.

- Theo Hòa thượng Đại Hành, niệm Phật có mười lợi ích:

1. Nương nhờ Phật lực.
2. Dễ thực hành.
3. Công đức rất nhiều.
4. Tự tha cực hỷ.
5. Mau được gặp Phật.
6. Chắc chắn được không lui sụt.
7. Chắc chắn sinh về cõi Cực lạc.
8. Không xa Phật.
9. Tuổi thọ kéo dài.
10. Không khác bậc Thánh.

- Theo các kinh thì niệm Phật vãng sinh Tịnh độ có ba mươi lợi ích:

1. Diệt trừ các tội.
2. Công đức vô biên.
3. Đối với Phật pháp được thù thắng.
4. Chư Phật đồng chứng minh.
5. Chư Phật cùng che chở.
6. Chư Phật mười phương đồng khuyên tin niệm.
7. Tất cả tật bệnh nhờ niệm Phật mà được tiêu trừ.
8. Lúc sắp qua đời tâm không điên đảo.
9. Một pháp môn niệm Phật thâu nhiếp nhiều pháp môn.
10. Lúc qua đời được Phật đến đón rước.
11. Công đức diệu dụng mau đến Tịnh độ.
12. Từ đài hoa sen hóa sinh.
13. Thân có mầu vàng ròng.
14. Tuổi thọ kéo dài.

15. Sống lâu không chết.
16. Thân có ánh sáng.
17. Có ba mươi hai tướng tốt.
18. Được sáu thông.
19. Đắc Vô sinh pháp nhẫn.
20. Thường gặp chư Phật.
21. Làm bạn với các bậc Thánh.
22. Hương hoa âm nhạc sáu thời cúng dường.
23. Thức ăn, đồ mặc tự nhiên đầy đủ.
24. Tùy ý vận dụng tiến đạo thẳng đến Bồ-đề.
25. Thường được trẻ mãi không có tướng già.
26. Lúc nào cũng khỏe mạnh.
27. Không đọa vào ba đường ác.
28. Sống tự tại.
29. Đêm ngày thường nghe pháp mầu.
30. Trụ ở địa vị Bất thoái.

Kinh Niết-bàn: có năm trăm tên giặc trộm cướp ở chỗ vắng, bị vua Ba-tư-nặc bắt được, sau đó ông cho móc mắt, chặt tay chân rồi bỏ xuống hố.

Lúc đó, trong bọn giặc đó có một người lúc trước đã từng nghe danh hiệu Phật; niệm Phật cứu người khổ nạn. Bèn xoay người bảo các bạn phải đồng tâm niệm Phật. Khi đó, bọn giặc cùng phát nguyện niệm Phật, nhờ đó hai mắt được bình phục, tay chân dầy đủ trở lại như cũ. Cho nên biết lợi ích của niệm Phật không thể suy nghĩ bàn luận.

Trong kinh ấy lại nói: Có một Ưu-bà-di ở nước Thiên trúc kính tin Tam bảo, thường cung kính cúng dường tất cả chúng tăng. Một hôm, trong chúng tăng có một Tỳ-kheo bị bệnh rất nặng, thầy thuốc xem bệnh rồi nói: Phải dùng thịt người làm thuốc để trị thì bệnh mới lành.

Lúc đó, Ưu-bà-di vì cung kính Tam bảo cho nên liền cắt thịt trên người mình để cúng dường, Tỳ-kheo uống thuốc ấy rồi bệnh liền lành. Lúc đó, Ưu-bà-di kia thân thể bị thương đau đớn thống thiết liền niệm Phật, tự nhiên sự đau đớn vơi dần, thân thể bình phục trở lại như cũ. Cho nên biết rằng công đức niệm Phật không thể suy nghĩ bàn luận.

Kinh Nguyệt Đăng Tam-muội chép: Chuyên ròng niệm Phật chẳng những thân thể bình phục mà tất cả các bệnh hoạn cũng được hết hẳn.

Kinh ấy lại chép: Nếu bị bệnh nặng khó chết, đau khổ ép ngặt không thể chữa trị được mà chuyên niệm Phật Tam-muội thì tất cả bệnh

tật đều trừ diệt. Cho nên, Xà-lê Thiện Đạo và Hòa thượng Đại Hạnh đã nói ở trên này: "Những người niệm Phật thì tất cả bệnh tật đều tiêu trừ", số đó rất nhiều không thể nói hết. Chẳng những niệm Phật tật bệnh được tiêu trừ mà thời gian gần đây, có người niệm Phật trước sau cảm được xá-lợi, rồi đem xá-lợi cúng dường Tam bảo. Cho nên biết lợi ích của niệm Phật không thể suy nghĩ bàn luận được.

IV. MÔN DĨ ĐẮC VÃNG SANH:

Hỏi: Kinh A-di-đà nói: Hoặc đã (vãng sinh), đang vãng sinh, và sẽ vãng sinh, tuy khuyên niệm Phật A-di-đà nhưng chẳng biết hiện nay vãng sinh được bao nhiêu và tự họ đã được vãng sinh chưa?

Đáp: Theo kinh Tịnh độ thì thế giới Sa-bà đã có sáu mươi bảy ức Bồ-tát không thối lui việc niệm Phật A-di-đà, vãng sinh về cõi Cực lạc. Cũng giống như vậy, người vãng sinh thì vô lượng vô số.

Kinh Hoa Nghiêm chép: Tỳ-kheo Đức Vân niệm Phật A-di-đà được vãng sinh về Tịnh độ.

- Kinh A-di-đà nói: A-nan, Xá-lợi-phất nghe lời Phật dạy vui mừng, tin nhận liền được vãng sinh.

- Lại theo kinh Quán bà Vi-đề-hy cùng năm trăm thể nữ niệm Phật A-di-đà được vãng sinh về Tịnh độ. Đâu chỉ có các Bồ-tát và Thanh văn được vãng sinh!

Gần đây, ở phía Bắc đô thành (Trung Quốc) Thiền sư Đạo Xước, Tây kinh có luật sư Tây Kinh, Xà-lê Thiện Đạo, Hoài Cảm, Hòa thượng Đại Hạnh cùng pháp hội tăng hơn mấy trăm tăng chúng chuyên niệm Phật A-di-đà được vãng sinh về Tịnh độ. Chẳng những các vị tăng được vãng sinh mà ở Tây kinh, Đông kinh và những nơi khác có một số ni sư cũng được vãng sinh về Tịnh độ. Chẳng những ni được vãng sinh Tịnh độ mà ở Đông kinh, Tây kinh và một số nơi khác cũng có một số người tại gia, hiền giả và Ưu-bà-di v.v... niệm Phật A-di-đà đến lúc qua đời được (thấy) cảnh giới tốt đẹp, vãng sinh về Tịnh độ. Như vậy phẩm loại không thể nói hết, như Vãng Sinh Truyện. Đây tức là các phàm phu, nhị thừa và các Bồ-tát đồng hạnh có tu pháp môn niệm Phật đã vãng sinh.

V. MÔN GIẢO LƯỢNG CÔNG ĐỨC:

Hỏi: Trong kinh A-di-đà có nói: Không thể với chút ít gốc lành phước đức nhân duyên mà được vãng sinh về nước kia, chẳng hay thế nào là chút ít gốc lành, thế nào là nhiều gốc lành?

Đáp: Tám vạn bốn ngàn pháp môn của Như Lai chỉ có pháp môn

niệm Phật là nhiều gốc lành, nhiều phước đức. Vì sao biết được? Vì theo kinh Quán Vô Lượng Thọ người được sinh về hạ phẩm hạ sinh chỉ cần niệm thành tựu thì liền sinh về. Một câu niệm Phật Di-đà chắc chắn trừ được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Một niệm đã có công năng diệt trừ được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, được công đức nhiệm mầu trong tám mươi ức kiếp. Nên biết pháp môn niệm Phật được rất nhiều gốc lành. Ngoài ra, các pháp môn tu thiện khác là tự lực, tu hành phải trải qua nhiều kiếp mới thành. Còn niệm Phật là nương vào bổn nguyện của Phật A-di-đà: Mau thì một ngày, chậm thì bảy ngày liền được sinh về Tịnh độ, trụ ở địa vị không lui sụt. Cho nên trong kinh A-di-đà có nói: "Nếu có thiện nam, tín nữ nào nghe danh hiệu Đức Phật A-di-đà mà chấp trì danh hiệu, từ một ngày hai ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn thì người đó lúc sắp qua đời được Đức Phật A-di-đà cùng các Thánh chúng hiện ra trước mặt người đó. Người đó lúc qua đời tâm không điên đảo được vãng sinh về cõi nước Cực lạc của Phật A-di-đà." Nên biết, pháp môn niệm Phật là nhiều gốc lành, nhiều phước đức.

Hỏi: Niệm Phật một câu có công năng tiêu diệt tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử, chẳng hay bao nhiêu lâu là một kiếp?

Đáp: Một kiếp là thời gian không thể tính đếm được.

Theo giáo thì có tảng đá rộng mỗi bề bốn mươi dặm. Trên cõi trời Đao lợi có các vị trời, y của họ mỗi phân nặng ba thù, cứ ba năm phất một lần, phất đến khi tảng đá mòn hết thành bụi là một đại kiếp. Có người gây ra nhiều tội nghiệp như: sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói ác khẩu, tham, sân, tà kiến, năm tội nghịch, bất hiếu, phỉ báng Đại thừa, tất cả các nghiệp ác như thế đều bị đọa vào địa ngục trải qua tám mươi ức kiếp. Nếu niệm Phật thì tất cả các tội sinh tử đều tiêu diệt, còn được hưởng công đức nhiệm mầu trong tám mươi ức kiếp. Nên biết pháp môn niệm Phật được rất nhiều công đức, rất nhiều gốc lành. Còn tính số kiếp, thì mười ngàn kiếp mới thành một muôn kiếp, mười muôn kiếp mới thành một ức kiếp. Nếu có người mỗi ngày niệm mười muôn lượt danh hiệu Phật A-di-đà, hoặc có người mỗi ngày niệm hai mươi muôn danh hiệu Phật A-di-đà thì được công đức từ mười ức kiếp đến tám mươi ức kiếp.

Kinh A-di-đà nói: "Niệm Phật từ một ngày đến bảy ngày được công đức vô lượng vô biên." Do nhiều công đức được vãng sinh về cõi Tịnh độ, tức là đã lên bậc Bồ-tát Bát địa. Cho nên trong Kinh A-di-đà nói: "Chư Phật Mười phương đều khen ngợi là không thể suy nghĩ bàn

luận.” Còn tự tu các công đức lành khác cũng được đến bờ mé, nhưng công đức có thể tính đếm được, nên gọi là ít gốc lành.

Công đức niệm Phật rộng lớn vô cùng không thể dùng tâm suy nghĩ, không thể dùng miệng bàn luận, cho nên kinh nói: “Không thể nghĩ bàn.” Nên biết pháp môn niệm Phật nếu ai tu theo thì được rất nhiều gốc lành, vượt hơn các pháp tu thiện khác rất nhiều. Còn so sánh công đức niệm Phật thì chia thành ba trường hợp:

1. Niệm một niệm.
2. Niệm mười niệm.
3. Niệm từ một ngày đến bảy ngày.

Trong kinh Quán nói: “Niệm Phật một câu diệt được tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử, được hưởng công đức vi diệu trong tám mươi ức kiếp.” Chỉ công đức trong một kiếp còn không thể suy nghĩ bàn luận huống chi là trăm kiếp? Công đức trong trăm kiếp còn không thể suy nghĩ bàn luận huống chi là ngàn kiếp? Công đức trong ngàn kiếp còn không thể suy nghĩ bàn luận huống chi là muôn kiếp? Công đức trong muôn kiếp còn không thể suy nghĩ bàn luận huống chi là ức kiếp? Cho đến công đức trong tám mươi ức kiếp thì không thể tính được, cho nên nói: “Công đức không thể suy nghĩ bàn luận.”

Trong kinh Vô Lượng Thọ nói rộng về tội năm tội nghịch, phỉ báng. Kinh điển Phương Đẳng khi sắp qua đời niệm danh hiệu Phật A-di-đà mười niệm thì liền được sinh về Tịnh độ. Đây là pháp Hạ phẩm hạ sinh. Một niệm công đức còn vô lượng huống chi hai niệm, cho đến mười niệm. Theo kinh Quán thì người ấy hủy báng, kinh Phương Đẳng, dùng vật của thường trụ tăng, phá nhiều giới, tạo nhiều nghiệp ác thế gian, lúc sắp qua đời niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Do công đức niệm Phật này mà tất cả các tội nghiệp đều tiêu diệt, được vãng sinh về Tịnh độ. Cho nên kinh nói trong một niệm diệt được tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử, đây là pháp hạ phẩm hạ sinh.

Hỏi: Tội chướng đã gây ra nhiều vì sao chỉ niệm Phật mười câu mà trừ diệt được tội nghiệp trong nhiều kiếp?

Đáp: Niệm mười câu danh hiệu Phật chắc chắn diệt trừ tội nghiệp trong nhiều kiếp. Vì sao biết được? Vì dùng một ví dụ để giải thích: Ví như có người chất củi một ngàn ngày mà không đốt, chỉ cần châm lửa đốt thì củi cháy sạch trong nửa ngày. Tội nghiệp phiền não cũng giống như đống củi này. Công đức niệm Phật cũng y như lửa mạnh đốt cháy tội chướng đã chứa chất trong nhiều kiếp. Do đó niệm mười câu danh hiệu Phật A-di-đà thì diệt trừ hết tất cả tội chướng. Lại nữa, tội

chướng giống như căn nhà tối, niệm Phật giống như ngọn đèn sáng. Ngôi nhà u ám ngàn năm, nay ánh sáng vừa dọi đến, bóng tối liền tiêu tan. Công đức niệm Phật cũng giống như thế, vô lượng tội chướng chất chứa trong nhiều kiếp đến nay nhờ công đức niệm Phật A-di-đà mà tất cả tội nghiệp ấy đều tiêu sạch. Nên biết, niệm Phật chắc chắn dứt trừ được tất cả tội nghiệp trong nhiều kiếp.

Kinh Quán nói: vì ngươi xưng niệm danh hiệu Phật, tội được tiêu diệt, nên ta đến đón rước người. Niệm mười câu danh hiệu Phật công đức còn vô biên, huống chi có người một ngày niệm được mười muôn câu Phật A-di-đà một ngày niệm được hai mươi muôn câu danh hiệu Phật A-di-đà. Một ngày niệm Phật công đức còn vô biên, huống chi hai ngày, cho đến bảy ngày. Về công đức niệm Phật, theo kinh A-di-đà thì lúc sắp qua đời, nhanh thì một ngày, chậm thì bảy ngày, liền được vãng sinh về Tịnh độ. Lại nói, chúng sinh sinh ra đều là A-bệ-Bạt-trí tức Bồ-tát Bát địa. Đây là pháp thượng phẩm thượng sinh? Vì sao biết được? Vì như cánh cửa thứ hai ở thế gian, tài sản nhiều thì làm cửa cao lên, tài sản ít thì làm cửa thấp xuống. Người niệm Phật nhiều thì sinh về Tịnh độ, được lên thượng phẩm thượng sinh. Người niệm Phật quá ít thì sinh hạ phẩm hạ hạ. Đức Như Lai tuy nói công đức của các điều lành và tám vạn bốn ngàn pháp môn tu nhưng chỉ có niệm Phật là pháp môn trên hết. Đức Như Lai tuy nói công đức của các điều lành nhưng chỉ có niệm Phật là được gốc lành phước đức nhiều nhất. Niệm Phật là pháp môn thật mầu nhiệm, nên biết pháp môn niệm Phật được gốc lành phước đức rất nhiều. Kinh A-di-đà nói, pháp môn niệm Phật rất khó gặp. Vì sao biết? Vì kinh Đại A-di-đà nói: Thời quá khứ có một vị quốc vương thường khởi tín tâm, nhớ nghĩ pháp yếu niệm Phật, bèn đến chỗ bậc Thiện tri thức, dốc lòng cầu pháp. Lúc đó thiện hữu mới tâu đại vương rằng: Pháp yếu niệm Phật này rất khó được nghe. Đại vương là bậc Thánh cao quý, đâu thể học được? Vua nói:

- Thưa Đại sư, con thiết tha mong ngài nói cho con nghe pháp yếu niệm Phật, con sẽ suốt đời cung cấp hầu hạ ngài.

Đại vương định tu pháp yếu niệm Phật thì hãy xả bỏ ngôi vị quốc vương, đến đây cung cấp hầu hạ ta trong một thời gian rồi ta mới nói pháp yếu niệm Phật.

Lúc đó vua liền bỏ hết tất cả, đến hầu hạ thiện hữu để được tu học! Bấy giờ người dân nước ấy sống lâu vô lượng, trải qua tám ngàn năm, không hề mệt nhọc, không sinh lui sụt, trong thời gian đó hai lần nghe nói niệm Phật Tam-muội, đời sau được gặp hai vạn tám ngàn vị

Phật đồng nói pháp niệm Phật Tam-muội cho vua nghe. Vua nghe pháp niệm Phật liền đắc thành quả Phật. Còn ngày nay, nghe rồi chí thành tin niệm, há không được vãng sinh về thế giới Cực lạc ư? Ức ức chúng sinh bị đắm chìm trong đường ác không được thành Phật. Chỉ vì không gặp pháp môn niệm Phật, nên biết pháp môn niệm Phật rất khó gặp.

VI. MÔN GIẢO LƯỢNG TRAI PHƯỚC:

(Môn So lường phước báo trì trai).

Hỏi: Pháp môn niệm Phật có phải trì trai hay không?

Pháp niệm Phật cũng phải trì trai.

Đáp: Hòa thượng Đại Hạnh trì trai, ngày ăn một bữa trong thời gian dài không bỏ dở.

Hỏi: Trì trai được bao nhiêu công đức?

Trong kinh Đại Vân Mật Tạng, kinh Trai Pháp Thanh Tịnh, kinh Giảo Lượng Trai Phước Lợi... đều nói có năm thời:

1. Người trì trai vào giờ Dần, được thức ăn dư dã hơn tám vạn bốn ngàn ức năm.

2. Người trì trai vào giờ Mẹo, được thức ăn dư dã trong tám vạn ức năm.

3. Người trì trai vào giờ Thìn, được thức ăn dư dã trong sáu vạn ức năm.

4. Người trì trai vào giờ Tỵ, được thức ăn dư dã trong bốn vạn ức năm.

5. Người trì trai vào giờ Ngọ, được thức ăn dư dã trong năm trăm ngày.

Ăn sau giờ ngọ không thành trì trai. Nếu ai ăn sau giờ ngọ thì bị tội, không có một mảy may công đức nào. Nói thức ăn dư dã là: Dư tức là không hết. Nghĩa là ngày nay được nhiều y phục, thức ăn, đều do nhân quá khứ trì trai mà có được. Cho nên Hòa thượng Đại Hành nói: Người niệm Phật phải trì trai. Giả như một ngày được thức ăn còn không thể suy nghĩ bàn luận huống chi được thức ăn trong mười năm. Mười năm được thức ăn còn không thể suy nghĩ bàn luận huống chi một trăm năm được thức ăn, cho đến trăm ức, ngàn ức, tám muôn ức năm, đã theo kinh nói, cho nên biết công đức trì trai không thể suy nghĩ bàn luận, người niệm Phật cần phải trì trai.

VII. MÔN NGHI BÁNG ĐẮC TỘI: (Nghi ngờ hủy báng bị mắc tội).

Hỏi: Khen ngợi niệm Phật được bao nhiêu công đức? Hủy báng niệm Phật thì mắc tội gì?

Đáp: Kinh Tạp Tập nói: Người một lần hủy báng niệm Phật thì bị đọa vào địa ngục Nê-lê một ngàn kiếp. Người một lần khen ngợi niệm Phật diệt được tội nặng trong một trăm kiếp. Hòa thượng Đại Hạnh nói: Người không chí thành niệm Phật nên cũng lại hủy báng Phật, bèn Hủy báng pháp bị đọa thẳng vào địa ngục A-tỳ, chịu các khổ đau không có lúc nào ra khỏi.

Hỏi: Địa ngục A-tỳ kết cấu như thế nào?

Trong kinh Quán Phật Tam-muội nói: Địa ngục A-tỳ rộng mỗi bề tám ngàn do-tuần, xung quanh có bảy lớp thành sắt, bảy lợp lưới sắt, có bảy cột sắt, tám vạn bốn ngàn rừng đao, tám vạn bốn ngàn ngàn vạc đồng sôi; chó đồng, rắn sắt, chim sắt đầy đủ trong địa ngục này. Một người bị đọa vào địa ngục thì cũng cùng khắp, nhiều người bị đọa vào địa ngục thì cũng đầy khắp. Một khi bị đọa vào địa ngục này thì chịu khổ trong thời gian dài không có ngày ra, không có xen hở, trải qua tám muôn đại kiếp, sau đó mới được ra. Sau khi ra khỏi địa ngục A-tỳ thì bị đọa vào loài súc sinh. Vì hủy báng pháp môn niệm Phật nên đọa vào địa ngục chịu khổ vô cùng không lúc nào ngừng nghỉ. Nếu không hồi tâm niệm Phật thì tội ở địa ngục Vô gián không biết từ đâu thoát khỏi. Nếu chí thành niệm Phật không gián đoạn thì sẽ dứt trừ tất cả tội nghiệp.

Trong kinh Pháp Hoa nói: Nếu người nào thấy người tán tụng, trì kinh, viết kinh mà xem thường, ghanh ghét, giận hờn thì người đó sẽ đọa vào địa ngục Vô gián, huống chi phỉ báng người niệm Phật. Tội người đó nặng gấp trăm ngàn muôn lần người phỉ báng tán, tụng trì kinh, chép kinh. Cho nên Hòa thượng Đại Hành có nói: Nếu ai làm trái ý mình thì nên nhẫn nhịn; bị người ta đánh đập, chửi mắng, chớ có báo thù vì e rằng chuốc tội vào thân. Kinh Di Giáo nói: Sân hận mạnh hơn lửa dữ, nó thiêu đốt tất cả công đức, sân hận mạnh hơn giặc cướp vì nó cướp mất các công đức lành. Vì thế chúng ta nên ngăn ngừa đừng để nó xâm nhập.

Ở thế gian thường quý châu báu. Sân tâm là ngọn lửa dữ thường thiêu đốt bảy Thánh tài. Cho nên người niệm Phật phải nhẫn nhục.

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Một niệm tâm sân khởi, trăm ngàn cửa chướng sinh."

Kinh Quán chép: Khen ngợi điều tốt của người khác thì tự được công đức, còn dùng lời thô ác chửi mắng người thì chịu tội báo. Vì sao biết được? Vì kinh Báo Ân nói: "Sa-di Quân Đề vì chê một Thượng tọa tụng kinh tiếng như chó sủa. Do đó mà sa-di ấy phải bị đọa làm chó trong năm trăm kiếp." Lại nữa, trong kinh Tạp A-hàm nói: "Có một người khen ngợi người tu đạo, khen ngợi việc làm tốt đẹp của người, người đó trong năm trăm đời thường được thân hình xinh đẹp, miệng xinh xắn, hơi miệng thơm như hương của hoa Ưu-bát-la, ngược gió bay khắp bốn phương." Nên biết khen ngợi người thì được quả báo tốt.

Kinh Pháp Hoa chép: "Không khen ngợi người làm việc tốt, không chê người làm việc xấu; không chê người thấp xấu, không chê người cao đẹp, chỉ chuyên niệm Phật thì mau được vãng sinh về Tịnh độ."

VIII. MÔN THỆ NGUYỆN CHỨNG GIÁO:

(Tướng lưỡi dài của chư Phật chứng minh lời nguyện).

Hỏi: Chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà thì chắc chắn được sinh về Tịnh độ, chắc chắn được vô lượng công đức, nhưng chẳng biết có bảo chứng gì để hành giả khỏi mất tín tâm không?

Đáp: Tướng lưỡi rộng dài (một trong ba mươi hai tướng tốt của Phật) của chư Phật và Bồ-tát không hề nói dối chúng sinh. Lời thành thật ấy bao trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật không bao giờ dối gạt chúng sinh. Nên tin tưởng vào lời nói của Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni: "Niệm Phật chắc chắn được vô lượng công đức. Từ một ngày đến bảy ngày chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà thì chắc chắn được vãng sinh về Tịnh độ." Nương vào lời dạy này tu tập mà không được vãng sinh về Tịnh độ thì tướng lưỡi rộng dài kia đã bị hoại rã, không còn. Đây là tướng tốt để chứng minh bổn nguyện của chư Phật sáu phương.

Kinh Đại Bảo Tích nói đức. Phật A-di-đà, lúc làm Tỳ-kheo Pháp Tạng có phát bốn mươi tám lời nguyện rộng lớn:

- Nếu khi ta thành Phật, chúng sinh trong mười phương nghe danh hiệu ta, chuyên niệm thọ trì mà không được Vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát và tổng trì các pháp thì ta không thành Chánh giác.
- Nếu ai sinh về nước ta mà, không được ba mươi hai tướng tốt thì ta không thành Chánh giác.
- Mười niệm thành tựu mà không sinh về nước ta thì ta không thành Chánh giác.
- Nếu sinh về nước ta mà còn đọa vào địa ngục và ba đường ác thì

ta không thành Chánh giác.

- Nếu sinh về nước ta mà tướng mạo không bình đẳng còn có đẹp xấu thì ta không thành Chánh giác.

- Nếu sinh về nước ta mà không được sáu thông như: thiên nhãn, thiên nhĩ... tự tại thì ta không thành Chánh giác.

- Chúng sinh trong mười phương xưng danh hiệu ta mà không được chư Phật mười phương khen ngợi danh hiệu ta, thì ta không thành Chánh giác.

- Nếu người nữ chán ghét thân nữ, cầu sinh về nước ta, nếu lúc sắp qua đời không chuyển thân nữ thành thân nam thì ta không thành Chánh giác. Nói Chánh giác cũng là nói Bồ-đề.

- Nếu tất cả chúng sinh nương vào nguyện lực ta mà, không được quả báo như trên thì ta không chứng quả Vô thượng Bồ-đề, tức là dối gạt tất cả chúng sinh, ta nguyện ở trong đường ác không được Vô thượng Bồ-đề.

Kinh A-di-đà nói: Từ khi Đức Phật A-di-đà thành Phật đến nay đã mười kiếp. Phật A-di-đà đã được thành Phật thì niệm Phật quyết chắc sẽ được vãng sinh.

Lại nữa, Đức Bổn sư Thích-ca Mâu-ni nói: "Chuyên niệm Phật cũng là việc khó." Ta tu hành pháp môn niệm Phật này được vô thượng Bồ-đề. Nói kinh A-di-đà cũng là nói đến lời phát nguyện của Phật Bổn sư Thích-ca. Cho nên trong kinh Pháp Hoa nói: Ta vốn lập thệ nguyện, vì muốn cho tất cả chúng sinh đều giống như ta, không khác như ta xưa đã nguyện, nay đã mãn nguyện rồi, giáo hóa tất cả chúng, khiến đều vào Phật đạo.

Kinh Quán Âm nói:

Nguyện rộng sâu như biển
Nhiều kiếp không nghĩ bàn,
Hầu nhiều ngàn ức Phật
Phát nguyện lớn thanh tịnh.

Đây là lời phát nguyện của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Xà-lê Thiện Đạo và Pháp sư Kim Cương so sánh sự hơn kém của niệm Phật ở tại chùa Tây kinh rồi lên tòa cao phát nguyện. Theo các kinh thì Đức Thế Tôn nói: Tu pháp môn niệm Phật được vãng sinh về Tịnh độ. Niệm từ một niệm đến mười niệm, niệm từ một ngày đến bảy ngày chắc chắn được sinh về Tịnh độ. Nếu đây là lời chân thật không dối gạt chúng sinh thì khiến cho hai pho tượng trong giảng đường này đều phát ra ánh sáng. Còn nếu phép niệm Phật là luống dối không

được sinh về Tịnh độ, chỉ dối gạt chúng sinh thì khiến cho Thiện Đạo ở trên tòa cao này liền đọa vào đại địa ngục chịu khổ trong thời gian dài, không bao giờ có lúc được thoát. Nói xong, Ngài cầm gậy như ý chỉ vào pho tượng trong giảng đường, hai pho tượng đều phát ra ánh sáng. Đây là lời phát nguyện của Xà-lê Thiện Đạo. Hòa thượng Đại Hạnh nguyện: Nếu có người thường y theo kinh A-di-đà niệm Phật không chấp tướng mạo, tâm chỉ tin Phật, miệng chỉ niệm Phật, thân chỉ cung kính Phật; gặp tình cảnh trái ngang thường nhẫn chịu, áo xấu thì mình mặc trước, thức ăn dở mình cũng ăn trước; hiếu nghĩa và nhân từ, chuyên tâm niệm Phật; gặp duyên không thối chí, đến chết vẫn không dời; các việc lành, việc ác cũng đều không làm, chỉ chuyên tâm niệm Phật. Nếu người làm được như thế thì Đại Hành sẽ lột da mình ra cho họ làm y phục, xẻo thịt mình cho họ làm thức ăn. Nếu y kinh niệm Phật mà không sinh về Tịnh độ, niệm một câu Phật mà không diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử; không được hưởng công đức nhiệm mầu trong tám mươi ức kiếp thì Hòa thượng không lột da cho họ làm áo; không cắt thịt cho họ làm thức ăn. Nếu dối gạt, mê hoặc chúng sinh thì Đại Hành xin chịu giao báo: Sáu căn hư hoại, khắp thân sinh ghẻ lở, khiến cho đau đớn thống thiết, tương lai đọa thẳng vào địa ngục không thể thoát ra được. Lại dụ thệ nguyện giống như xe báu; có nhiều xe báu chở nhiều châu báu định đến chỗ vua để cầu tìm quan chức, xe chở vật báu buộc dây kỹ càng, mắc trâu vào ách cho vững chắc thì xe đi đến kinh thành mới không bị chao đảo, châu báu không mất. Vua nhận châu báu mới cho làm quan chức. Niệm Phật cũng giống như vậy, nhưng phải phát nguyện, thực hành thì mới được thành tựu. Không mất công đức châu báu niệm Phật thì mới được đến cảnh Tịnh độ, mau chứng Bồ-đề. Nếu tu hành mà không phát nguyện thì không biết do đâu mà đạt được. Cho nên kinh A-di-đà nói: "Nếu có người nào tin thì nên phát nguyện sinh về cõi nước kia."

IX. MÔN QUÃNG NHIẾP CHƯ GIÁO:

Niệm Phật tổng trì, biện tài vô ngại, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, và phương tiện, nguyện lực trí không có pháp nào không đầy đủ. Niệm Phật cũng giống như hạt châu như ý, hễ cầu gì thì được nấy. Nếu tự mình niệm Phật, bố thí cho người, dạy người niệm Phật thì đó chính là bố thí. Vì niệm Phật diệt trừ được các tội nghiệp nên đó là trì giới. Vì niệm Phật nên các pháp ác không sinh là nhẫn nhục. Đi đứng nằm ngồi niệm danh hiệu Phật, tâm miệng không xen tạp, đó là

tinh tấn. Tin sâu, không nghi chí thành niệm Phật sẽ được sinh về Tịnh độ, không sinh lui sụt đó là thiền định. Nhờ dụng công niệm danh hiệu Phật lâu ngày thì tất cả kinh giáo, hễ xem thì hiểu ngay, đó là trí tuệ. Cho nên niệm Phật tổng trì biện tài vô ngại. Lại nữa, niệm Phật bao gồm cả sáu độ. Vì sao? Vì niệm Phật được vãng sinh về Tịnh độ: Thức ăn đồ mặc tự nhiên; tài bảo đầy đủ tức là thuộc về bố thí.

- Nhờ niệm Phật nên được vãng sinh Tịnh độ, được thân người nam, đầy đủ sáu thông tức thuộc về trì giới.

- Nhờ niệm Phật được vãng sinh Tịnh độ, được thân hình xinh đẹp vui vẻ, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tức thuộc về nhẫn nhục.

- Nhờ niệm Phật nên được sinh về Tịnh độ. Ở đó dòng sông, rừng cây, chim chóc, chư Phật và Bồ-tát thảy đều nói pháp. Người nghe âm thanh này rồi tự nhiên sinh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, đó là tinh tấn.

- Nhờ niệm Phật nên được sinh về Cực lạc. Ở đó không có các duyên khác, thường trụ trong Tam-muội, nên tức là thiền định.

- Nhờ niệm Phật, nên được vãng sinh Tịnh độ. Ở đó tự nhiên hiểu rõ tất cả muôn pháp, tức là trí tuệ, cho nên pháp môn niệm Phật thâu nhiếp cả quả báo trong sáu độ; công đức gấp trăm ngàn muôn lần bố thí tài bảo.

Kinh Niết-bàn nói: "Niệm Phật một câu chia làm mười sáu phần công đức", nếu có một người bố thí cho chúng sinh trong một thế giới, suốt trong ba tháng nhưng cũng không bằng một phần trong mười sáu phần công đức của niệm Phật. Nên biết công đức niệm Phật gấp trăm ngàn muôn lần công đức tài thí.

■

NIỆM PHẬT CẢNH

QUYỂN HẠ

X. MÔN THÍCH CHÚNG NGHI HOẶC:

(Giải thích các nghi ngờ).

Hỏi: Nếu có nghi ngờ thì xin dứt trừ, cho nên kinh Bát-nhã nói:

Nếu dùng sắc thấy ta,
Dùng âm thanh cầu ta,
Người này hành tà đạo
Không thể thấy Như Lai.

Vì sao niệm Phật A-di-đà, vãng sinh về Tịnh độ lại được thấy Như Lai?

Đáp: Bát-nhã ngăn không cho thấy Như Lai vì: Dùng tướng mạo và âm thanh để tìm, đều là cầu "nhân, ngã" chứ không "cầu vãng sinh", không cầu quả "Vô thượng Bồ-đề". Nên nói:

"Người đó hành tà đạo
Không thể thấy Như Lai".

Kinh Quán, kinh A-di-đà... nói nên khởi tưởng niệm và chuyên xưng danh hiệu, không cầu nhân, ngã, chỉ cầu sinh về Tịnh độ, mau chứng quả vô thượng Bồ-đề, được thấy Như Lai. Gọi đó là chánh đạo. Nếu coi pháp thân vô tướng là chính, sắc tướng, âm thanh để đắc là tà, rồi lấy đó để cầu được thấy Như Lai là tà, đây là đối với hàng Bồ-tát từ Thập địa trở lên. Kinh Quán và kinh A-di-đà nói: Quán một tướng hảo và nhờ nghe danh mà thấy Báo thân Như Lai, đây là đối với hàng phàm phu. Còn đối với hàng phàm phu, nhị thừa và tiểu Bồ-tát thì chỉ quán chiếu một tướng tốt và vì nghe danh hiệu Phật nên thấy được báo thân Như Lai.

- Nếu cho rằng báo thân, quán Phật, xưng danh là chánh, vô tướng là tà.

- Nếu đối với pháp thân tất cả đều nói là vô tướng, thì tại sao kinh Bát-nhã nói:

Xưa kia, Đức Thế Tôn lên cõi trời Đao lợi nói pháp để độ cho

Thánh mẫu Ma-da rồi trở về cõi Diêm-phù-đề? Tu-bồ-đề nhớ Đức Thế Tôn nhập định quán xét rồi, bèn đến cung trời ấy. Lúc đó, một thiên nữ không biết do đâu đến gặp Phật trước, hỏi:

- Con được thấy Phật đầu tiên phải không?

Phật bảo: Ngươi thấy sau.

Tiên nữ thưa:

- Khi con mới đến thì chưa có ai đến gặp Phật, vì sao nói sau?

Thế Tôn nói:

- Có Tu-bồ-đề trước đã nhập định, dứt bỏ nhân ngã, quán thấy Pháp thân trước thiên nữ nên nói là thấy trước. Vì ngươi khởi tâm nhân ngã, quán sắc thân ta, nên thấy Thế Tôn sau và nói kệ cho thiên nữ rằng:

Nếu dùng sắc thấy ta
Dùng âm thanh cầu ta
Người đó hành tà đạo
Không thể thấy Như Lai.

Bài kệ này có lợi ích cho ngoại đạo ở hiện tại và không trái với thế sự ở tương lai, nhưng không giống quan điểm của kinh Quán. Hơn nữa Bát-nhã vì ngăn chấp bốn đại năm uẩn là thường của ngoại đạo. Chấp sắc là ngã, chấp âm thanh là ngã.

Kinh Bát-nhã ngăn chấp ấy nên nói: "Không thấy Như Lai?".

Nay theo kinh Quán v.v... thì nhàm chán cửa họa hoạn, nguyện lìa sinh tử, mau sinh về Tịnh độ, sớm chứng quả Bồ-đề, không quán ngã tướng, liền thấy Như Lai, không giống như Bát-nhã.

Hỏi: Luận Vãng Sinh nói: Người nữ và kẻ thiếu căn, Nhị thừa không được sinh về Tịnh độ. Vì sao kinh Quán nói: Vi-đề-hy và năm trăm thể nữ đồng được vãng sinh, trung phẩm ba người nhị thừa vãng sinh ?

Đáp: Theo luận Vãng Sinh nói: Người nữ, Nhị thừa không được vãng sinh là nói không có tánh chắc chắn vãng sinh. Tính người nữ là thường yêu thân nữ, không cầu sinh Tịnh độ, không chịu niệm Phật. Cho nên luận mới ngăn, nói người nữ không được vãng sinh; hàng nhị thừa và người thiếu căn cũng không được vãng sinh, chỉ trụ ở tiểu quả. Nói không được sinh về Tịnh độ vì không biết niệm Phật nên không sinh.

Kinh Quán, kinh A-di-đà... nói: Người vãng sinh bất luận là nhị thừa, căn thiếu, hay người nữ, chỉ cần hồi tâm niệm Phật, chán ghét thân nữ, ở đây pháp lại chia làm sáu môn như sau:

- Môn niệm Phật đối với ba bậc.

- Môn Niệm Phật đối với Di-lặc.
- Môn Niệm Phật đối với tọa thiền.
- Môn Niệm Phật đối với giảng thuyết.
- Môn Niệm Phật đối với giới luật.
- Môn Niệm Phật đối với sáu độ.

1. Môn Niệm Phật đối với ba bậc.

(So sánh pháp niệm Phật và ba bậc).

Hỏi: Trong pháp ba bậc: Không được ngồi giường tăng, không được ăn thức ăn của tăng. Còn trong pháp niệm Phật chẳng biết có được ăn thức ăn của Tăng không? Có được ngồi giường tăng không? Và có được ăn quá ngọ không?

Đáp: Trong pháp niệm Phật, được ăn thức ăn của tăng, cho ngồi giường tăng và quá giờ thọ trai. Vì sao? Vì niệm Phật giống như quốc vương. Cũng như Vương tử được nhận bổng lộc của quốc vương, được Như Lai che chở. Lại nữa, Phật giống như cha mẹ. Người niệm Phật giống như con cái đều được cha mẹ cho đầy đủ các thứ: thức ăn, quần áo, giường gối, mền chiếu... cho nên được phép ngồi giường của tăng, ăn thức ăn của Tăng và quá giờ thọ trai. Lẽ nào không ngồi giường Tăng, không ăn thức ăn của Tăng là người tu đạo? Vậy Biên địa, hạ tiện chính là người tu đạo. Vì sao? Vì biên địa, hạ tiện không ngồi giường tăng, không ăn thức ăn của tăng. Vì biên địa, hạ tiện kia chẳng phải đạo, cho nên "ba bậc" này cũng không phải tu đạo.

Hỏi: "Ba bậc" gọi là chúng sinh ác, niệm Phật là chúng sinh thiện, làm đúng cũng là chúng sinh ác ư?

Đáp: Không phải chúng sinh ác. Vì sao biết được? Vì theo một bộ kinh nói: Người niệm Phật là người giống như hoa Phân-đà-lợi. Trong các loài hoa, hoa này đẹp nhất. Trong tất cả hạng người, người niệm Phật là đẹp nhất. Vì diệt trừ tất cả các tội chướng cho nên nói chúng sinh thiện. Ba bậc vì tội chưa tiêu trừ cho nên nói là chúng sinh ác. Chẳng lẽ chúng sinh tội ác là người tu đạo; người bệnh hoạn là tu đạo. Vì sao? Vì chúng sinh ác này, và những người bệnh hoạn kia chẳng phải tu đạo. Thế nên, "ba bậc" này cũng chẳng phải tu đạo.

Hỏi: Pháp "ba bậc" không cho vào chùa, còn pháp niệm Phật có cho vào chùa hay không?

Đáp: Trong pháp niệm Phật cho trụ trì chùa. Vì sao? Vì hiện tại trụ ở xứ tốt, tương lai chắc chắn sinh về chốn lành, sẽ chứng Bồ-đề. Cho nên bảo: Trụ trì chùa cũng vào già lam tự là chỗ ở tốt đẹp. Chẳng lẽ già lam, tinh xá là chỗ ở tốt đẹp, hạng chúng sinh thấp kém không được ở,

quả vô thượng cao quý, cho đến chúng sinh không đắc được ư?

Hỏi: Trong pháp ba bậc, gặp hình tượng và các kinh không cần phải cung kính, vì là khám đất. Còn chúng sinh bốn sinh là Phật chân thật, cho nên cung kính. Chẳng biết trong pháp môn niệm Phật có cung kính tượng Phật và các kinh điển hay không?

Đáp: Trong pháp niệm Phật thì gặp hình tượng Phật và các kinh đều phải cung kính. Vì sao? Vì theo kinh Báo Ân: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lên cung trời Đao lợi vì mẹ là phu nhân Ma-da mà nói pháp trong chín mươi ngày. Vua Ưu-điền nhớ Đức Thế Tôn, không biết làm sao gặp được, bèn sai thợ khắc chạm hình tượng Thế Tôn. Đức Thế Tôn từ cõi trời xuống nhân gian, Vua Ưu-điền cùng các quần thần mang theo tượng Phật cùng đến đón rước Đức Thế Tôn. Tượng Phật và Thế Tôn cùng đứng một nơi tương tự nhau. Đức Thế Tôn dùng tay xoa đầu tượng Phật nói: "Không bao lâu nữa ta sẽ nhập Niết-bàn, người trụ mãi ở thế gian, giáo hóa chúng sinh."

Đức Thế Tôn còn cung kính tượng Phật, huống là chúng sinh tội ác mà không cung kính ư?

Theo kinh Thập Luân nói: Người thợ săn mặc ca-sa, voi thấy khởi tâm cung kính. Do công đức cung kính ca-sa này, mà qua đời được sinh lên cõi trời Đao lợi, hưởng thọ sự vui sướng trong chín mươi mốt kiếp. Vì sao? Vì hình tượng Phật cũng giống như tướng tốt của chư Phật, cung kính hình tượng Phật là cung kính chư Phật. Người tôn kính cảm được sự tôn quý vinh hoa nên được sinh lên cõi trời hay sinh về Tịnh độ. Vì thế trong kinh Phật Danh nói: "Phật Lô-xá-na còn tự mình cung kính tượng Phật Lô-xá-na." Huống chi là phàm phu, lẽ nào không cung kính?

Kinh Hoa Nghiêm nói: "Niệm Phật Tam-muội thì sẽ được thấy Phật. Sau khi qua đời được sinh ở trước Phật. Vì người kia lúc sắp qua đời có người đem hình tượng Phật đến và dạy nhìn lên tượng, niệm danh hiệu Phật, sinh tâm cung kính." Vì sao ba bậc nói tất cả hình tượng đều là bùn đất? Vì khi đem cơm đến tượng chẳng ăn được. Tất cả chúng sinh (trâu, bò...) là Phật chân thật, vì khi đem thức ăn đến chúng ăn được. Tất cả hình tượng đều là bùn đất. Vì cúng dường y phục, tượng không mặc được. Nếu tất cả chúng sinh đều là Phật chân thật thì sao côn trùng không mặc y phục được. Vậy nói tất cả chúng sinh đều là chân Phật là sai vì trong một năm số mất mạng nhiều vô số? Tội giết Phật, làm sao trừ được? Tất cả chúng sinh là thân Phật thật, sao không được đặt ở chỗ thắng diệu?

Bản thân mình ở nhà đẹp, còn đặt Phật ở nơi xấu xí, há là bình

đẳng ư?

Hỏi: Ba bậc nói niệm danh hiệu Bồ-tát Địa Tạng thì bao nhiêu công đức có được? Bằng với công đức niệm Phật A-di-đà?

Đáp: Công đức niệm Phật A-di-đà nhiều gấp trăm ngàn muôn lần công đức niệm Bồ-tát Địa Tạng. Vì sao biết được? Vì theo kinh Quán Âm: "Một người cúng dường sáu mươi hai ức hằng hà sa Bồ-tát, công đức không bằng người lễ bái cúng dường Bồ-tát Quán Thế Âm trong thời gian ngắn."

Kinh Thập Luân nói: "Nếu có người trong một trăm kiếp niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, thì công đức ấy không bằng người niệm danh hiệu Bồ-tát Địa Tạng trong khoảng một bữa ăn."

Luận Quần Nghi nói: "Có người niệm danh hiệu Bồ-tát Địa Tạng trong một đại kiếp, công đức ấy vẫn không bằng nghe danh hiệu Phật A-di-đà." Vì sao? Vì Phật là Pháp Vương, Bồ-tát là Pháp thần. Giống như lúc vua đi thì thần phải theo vua. Phật có năng lực rộng lớn, thâu nhiếp các tiểu Bồ-tát; quả Giác tròn đầy này vượt hơn các địa vị. Cho nên người niệm Phật công đức rất nhiều, nhiều gấp trăm ngàn muôn lần niệm danh hiệu Bồ-tát Địa Tạng. Bởi lẽ Bồ-tát Địa Tạng chưa đắc quả vị Phật; quả vị chưa viên mãn cho nên công đức ít hơn.

Hỏi: Niệm Phật là Nhất thừa, ba bậc chẳng phải Nhất thừa. Vì sao? Vì nếu là một bậc thì cũng có thể là Nhất thừa. Còn đã nói là ba bậc thì chẳng lẽ thành tựu được nghĩa Nhất thừa ư?

Lại theo kinh Pháp Hoa nói: "Trong các cõi Phật ở mười phương chỉ có pháp Nhất thừa, không hai cũng không ba, trừ Phật phương tiện nói."

Nói không có hai là: Nếu hướng về Bồ-tát thì không có Duyên giác.

Nói không có ba là: Nếu hướng về Duyên giác thì không có Thanh văn.

Lại nói không hai: Nếu hướng về lời Phật dạy tức là Nhất thừa, không có Thanh văn, Duyên giác. Vì sao? Vì Nhị thừa là quả rất lớn; còn Đại thừa thì Sơ địa, cho nên không nói hai, cũng không nói ba, tức là không có Bồ-tát thừa mà là Thập địa nhân quả chưa cùng cực. Cho nên không nói ba. Theo kinh Pháp Hoa nói: "Chỉ có một Phật thừa, vì để ngơi nghỉ nên nói hai. Nay vì ngươi nói thật, chỗ ngươi được cũng chẳng phải "Diệt". Vì Nhất thiết trí của Phật nên phát tâm tinh tấn mạnh mẽ". Nên biết Phật là bậc Giác mãn quả viên vượt qua các địa vị; là bậc Tối thượng thừa, là Địa vị cao tột rốt ráo. Cho nên gọi là

Nhất thừa, chẳng có thừa nào khác có thể bằng được. Cho nên lúc Hòa thượng Đại Hạnh còn sống có vài người trong ba bậc bỏ pháp ba bậc, quy y Hòa thượng tu pháp môn niệm Phật.

2. Môn Niệm Phật đối với Di-lặc.

(So sánh công đức niệm Phật A-di-đà với công đức niệm Phật Di-lặc).

Hỏi: Công đức niệm Phật A-di-đà như thế nào so với công đức niệm Phật Di-lặc?

Đáp: Công đức niệm Phật A-di-đà nhiều hơn trăm ngàn muôn ức lần công đức niệm Phật Di-lặc. Vì sao biết được? Vì theo trong kinh nói Phật A-di-đà hiện đã "Giác viên quả mãn", vượt qua các địa vị cho nên người xưng niệm danh hiệu Phật được rất nhiều công đức. Còn Di-lặc hiện đang ở địa vị Bồ-tát, chưa vượt qua các quả vị, quả chưa viên mãn, vì thế niệm danh hiệu Ngài công đức ít hơn.

Hỏi: Vì sao không niệm Phật Di-lặc để sinh lên cõi trời Đâu-suất mà phải niệm Phật Di-đà để được vãng sinh Tịnh độ?

Đáp: Vì cõi trời Đâu-suất còn nằm trong ba cõi. Khi thọ hết phước báo sẽ trở lại cõi Diêm-phù-đề. Cho nên không nguyện sinh về cõi trời. Còn khi đã vãng sinh Tịnh độ thì đã vượt ra ba cõi, năm đường, một khi đã sinh về cõi nước kia thì liền thẳng đến Bồ-đề, không còn đọa lạc. Vì thế nên nguyện sinh về Tịnh độ. Hơn nữa, ở cõi trời Đâu-suất chỉ thọ vui trong thời gian ngắn, còn sự thọ vui ở cõi Phật A-di-đà rất tối thắng. Do vậy cõi Phật A-di-đà gọi là Cực lạc, nghĩa là hưởng vui mãi mãi, không có kỳ hạn. Cho nên do nhân duyên này cao quý hơn gấp trăm ngàn muôn ức lần cõi trời Đâu-suất. Vì sao biết được? Vì trong kinh nói:

1. Thân tướng thắng: Chúng sinh đã sinh về cõi Phật A-di-đà được đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, trời người ở cõi trời Đâu-suất không có tướng này.

2. Đồ chúng thắng: Chúng sinh đã sinh về Tịnh độ thì cũng làm bạn với các Bồ-tát, được làm thân nam, không có tướng nữ. Còn ở cõi trời Đâu-suất thì nam nữ ở chung lẫn lộn, không giống như Bồ-tát.

3. Thọ mạng thắng: Tuổi thọ ở cõi trời Đâu-suất là bốn ngàn tuổi. Khi mãn kiếp thì sinh về cõi Diêm-phù-đề. Còn một khi đã sinh về cõi Cực lạc thì thẳng đến quả Phật, không còn sinh làm người trở lại.

4. Thần thông thắng: Bồ-tát ở cõi Phật A-di-đà có sáu thần thông, còn người ở cõi trời Đâu-suất thì không.

5. Quả báo thắng: tất cả những vật dùng như: thức ăn, áo quần,

hương hoa, anh lạc... hễ cần là có; dân chúng ở đó không cần phải làm vẫn luôn đầy đủ, không bao giờ thiếu. Còn ở cõi trời Đâu-suất thì không được như vậy trên cõi trời Đâu-suất phải làm mới có. Dù có y phục tự nhiên cũng không được lâu. Chỉ thọ bốn ngàn tuổi, khi tuổi trời sắp hết thì hiện ra năm tướng suy:

1. Hoa trên đầu héo.
2. Nách ra mồ hôi.
3. Ngồi đứng không nhất định.
4. Khí lực suy vi, quyến thuộc chư thiên lánh xa.
5. Thường điệu cử (đứng ngồi không yên).

Không bằng thế giới Cực lạc trăm ngàn muôn lần hơn.

Hỏi: Sau này Đức Di-lặc sẽ hạ sinh thành Phật, mở ba hội nói pháp, độ các chúng sinh đắc quả A-la-hán. Vì sao không nguyện sinh về chỗ Phật Di-lặc mà lại nguyện sinh về cõi Phật A-di-đà?

Đáp: Ngài Di-lặc chưa hạ sinh, về tương lai thì không thể đợi được. Vì sao biết? Vì theo lời kinh: Sau khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhập Niết-bàn trải qua năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm, lúc đó con người thọ tám vạn bốn ngàn tuổi thì Đức Di-lặc mới hạ sinh. Còn theo Pháp Vương Bổn Ký thì từ khi Đức Phật Thích-ca nhập Niết-bàn đến nay mới hơn một ngàn bảy trăm năm nên hoàn toàn không dám nghĩ đến vị lai, cũng không thể đợi được. Bởi vì mạng người ngắn ngủi, chỉ sợ chìm trong biển khổ, nhiều kiếp chịu tai ương, không gặp Phật Di-lặc. Hiện tại chỉ có Phật A-di-đà đang nói pháp ở thế giới Cực lạc, độ khắp chúng sinh. Nếu quay về nương tựa cõi Cực lạc Tây phương thì sớm chứng được đạo quả. Như vậy sẽ nhanh hơn trăm ngàn muôn ức lần đợi Phật Di-lặc. Hơn nữa, Phật Di-lặc mở ra ba hội nói pháp rộng độ mọi người đắc quả A-la-hán. Đây là một quả rất lớn của Tiểu thừa, nếu hướng về Đại thừa thì mới đến được Sơ địa. Còn ức ức chúng sinh không gặp Phật Di-lặc chỉ niệm Phật A-di-đà cầu sinh về Tịnh độ, tức là Bồ-tát Bát địa trở lên, mau thì một niệm đến mười niệm, chậm thì một ngày đến bảy ngày niệm danh hiệu Phật A-di-đà liền được vãng sinh về Tịnh độ. Như vậy sẽ nhanh hơn đợi Phật Di-lặc cả trăm ngàn muôn lần. Còn nữa, ngày Đức Phật Bổn sư nói kinh A-di-đà thì Bồ-tát Di-lặc cũng ở trong hội, Bồ-tát A-dật-đa chính là Bồ-tát Di-lặc. Bồ-tát Di-lặc còn niệm danh hiệu Phật A-di-đà, huống chi là chúng sinh đời vị lai há chẳng niệm Phật ư? Xưa kia, Hòa thượng Đại Hành mỗi ngày thường niệm danh hiệu Phật Di-lặc, sau chuyển sang niệm Phật A-di-đà và niệm pháp Phật. Hơn nữa, theo kinh dạy: “Sau này đến đời Mạt pháp,

các pháp môn khác thảy đều tiêu diệt, chỉ còn chánh pháp niệm Phật, chỉ ở đời một trăm năm để giáo hóa chúng sinh." Nên biết pháp môn niệm Phật không thể suy nghĩ bàn luận.

3. Môn niệm Phật đối với tọa thiền.

(So sánh công đức niệm Phật và ngồi thiền).

Hỏi: Pháp môn niệm Phật A-di-đà so với pháp quán Vô sinh của thiền tông thì thế nào?

Đáp: Niệm Phật A-di-đà vãng sinh Tịnh độ mau đắc quả Phật đương nhiên là hơn pháp quán Vô sinh cả trăm ngàn muôn lần. Vì sao biết được? Vì theo kinh Duy-ma nói: "Thí như xây nhà cửa, cung điện ở trên hư không thì chắc chắn không thể thành tựu, còn trên đất liền thì tùy ý mình, muốn xây cất gì cũng không ngăn ngại. Vô sinh khán tâm cũng giống như vậy. Vì sao? Vì vô sinh tức là vô tướng, vô tướng tức là hư không. Cho nên khó thành. Pháp môn niệm Phật thì sự lý song tu, giống như trên đất liền xây nhà cửa cung điện, nên dễ thành tựu. Giống như người nghèo cùng mà học đòi như quốc vương xây nhà cao lớn. Tuy làm được một ít trụ gỗ rồi để đó, mãi đến hết đời xây cũng không xong. Sau đó, cây gỗ hư mục phí uổng công sức, tài của mà công trình vẫn không thành. Pháp quán vô sinh cũng giống như vậy. Công đức pháp tài không thành, chỉ luống uổng công phu, không lợi ích gì.

Pháp môn niệm Phật thì không phải như vậy. Bởi vì niệm một câu Phật A-di-đà sẽ tiêu trừ tội sinh tử trong tám mươi ức kiếp, còn được công đức nhiệm mầu trong tám mươi ức kiếp. Cũng giống như đứa trẻ giàu có xây nhà liền thành. Cho nên kinh Quán nói: Đúng như bổn nguyện lực của Đức Như Lai kia: Có nghĩ tưởng sẽ được thành tựu. Không giống với quán vô sinh. Vì sao? Vì kinh Pháp Hoa nói: "Đức Phật Đại Thông Trí Thắng trong mười kiếp ngồi tại đạo tràng mà Phật pháp chẳng hiện ra trước, cho nên không được thành Phật đạo." Không hiện ra trước mắt tức là Vô sinh. Đã như vậy thì mười kiếp cũng không được thành tựu. Nên biết: Muốn thành Phật thì phải niệm Phật. Nhanh thì một ngày, chậm thì bảy ngày liền sinh về Tịnh độ, tức là đã lên bậc Bồ-tát Bát địa. Vì sao? Vì nương vào nguyện lực Phật.

Hỏi: Khán tâm (quán tâm) so với niệm Phật thì được bao nhiêu công đức?

Đáp: Công đức niệm Phật nhiều gấp trăm ngàn muôn lần công đức quán tâm. Vì sao biết?

Theo kinh Quán nói: Một câu niệm Phật thì diệt được tội sinh tử trong tám mươi ức kiếp, được công đức vi diệu trong tám mươi ức kiếp;

còn một lần khán tâm không biết diệt được bao nhiêu tội, sinh được bao nhiêu công đức? Đó là chưa hỏi đến diệt được tội trong bao nhiêu ức kiếp sinh tử, địa ngục đều diệt, mà vãng sinh Tịnh độ. Cho nên biết công đức niệm Phật nhiều gấp trăm ngàn muôn lần khán tâm.

Hỏi: Niệm Phật vãng sinh được quả báo gì? Quán Vô sinh thành tựu được quả báo gì? Hai quả báo này, quả nào cao quý hơn?

Đáp: Niệm Phật vãng sinh được ba mươi hai tướng tốt, đầy đủ sáu thông, sống lâu không chết, vượt qua ba cõi thẳng đến quả vị Phật, không còn đọa lạc, làm bạn với Bồ-tát và Thánh chúng, được nghe Đức Phật A-di-đà nói pháp. Còn quán Vô sinh thành tựu thì được sinh lên cõi trời Trường thọ, trải qua tám muôn đại kiếp rồi trở lại đọa vào đường ác. Trong một muôn người quán vô sinh không một người nào được thành tựu vì không hợp thời. Nếu có người được thành tựu, sinh lên cõi trời Trường thọ cũng không thoát khỏi ba cõi. So ra thì kém Tịnh độ cả trăm ngàn muôn lần.

Hỏi: Chính xác mà nói, quán vô sinh chỉ là khán tâm. Tâm ấy là đỏ, là trắng, là xanh, hay vàng? Người quán sẽ thành tựu hay không thành tựu?

Đáp: Quán vô sinh là khán tâm chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải trắng, chẳng phải đỏ; cũng không nói thành hay không thành. Tâm không tướng mạo cũng không thành tựu. Có như vậy mới chẳng uổng phí công phu, nhọc công mà không có lợi ích gì. Không lẽ: lúc khán tâm tức là được thành Phật; nhìn áo thì liền được ấm; nhìn cơm thì sẽ được no; nhìn vàng sẽ được dùng thật thì đó là khi khán tâm cũng đắc đạo. Nếu nhìn áo mà không mặc thì không hết lạnh, nên lúc khán tâm cũng không đắc quả. Lại, trong kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Ngồi thiền chẳng phải là thời mạt pháp. Vì sao? Vì kinh ấy nói: Sau khi Phật diệt độ năm trăm năm là thời Chánh pháp, là thời kỳ Chánh pháp kiên cố. Kế đến là thời kỳ Tượng pháp, kéo dài một ngàn năm. Đây là thời kỳ thiền định kiên cố. Và cuối cùng là thời kỳ mạt pháp kéo dài một vạn năm, đây là thời kỳ niệm Phật kiên cố. Theo Pháp Vương Bổn Ký: Vào thời mạt pháp khoảng hơn hai trăm năm là thời kỳ niệm Phật chứ không phải thời Tọa thiền. Cho nên có nhiều môn đồ của các Thiền sư theo hòa thượng Đại Hành tu niệm Phật.

4. Niệm Phật đối giảng thuyết môn.

(So sánh công đức niệm Phật với giảng kinh).

Hỏi: Niệm Phật và nghe kinh, công đức nào nhiều hơn?

Đáp: Công đức niệm Phật nhiều hơn gấp trăm ngàn muôn lần

nghe kinh. vì sao biết được? Vì trong kinh Quán nói: "Người ở hạ phẩm thượng sinh không có việc ác nào không làm. Do tạo quá nhiều nghiệp ác cho nên lúc sắp qua đời cảnh địa ngục lửa đốt gớm ghê đồng thời hiện ra. May thay lúc đó gặp được Thiện tri thức giảng về mười bộ kinh, người kia nghe rồi tội nghiệp trong hơn ngàn kiếp được tiêu trừ. Nhưng do năng lực nghe kinh tội nhỏ nên địa ngục vẫn chưa dứt trừ. Khi đó lại được người trí dạy cho niệm danh hiệu Phật A-di-đà, dù chỉ mười niệm nhưng tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử được tiêu trừ."

Hỏi: Khen ngợi kinh và niệm Phật, công đức nào nhiều hơn?

Đáp: Công đức niệm Phật nhiều hơn.

Hòa thượng Đại Hành bảo: không niệm Phật tu trì, chỉ khen ngợi kinh thì cũng giống như khen đơn thuốc, còn niệm Phật cũng như uống thuốc. Chỉ khen đơn thuốc mà không uống thuốc thì làm sao lành bệnh được. Vì vậy công đức khen ngợi kinh ít hơn công đức niệm Phật. Người tu đạo phải niệm Phật, vì công đức niệm Phật rất nhiều.

Hỏi: Giảng kinh và niệm Phật công đức nào nhiều hơn?

Đáp: Công đức niệm Phật vẫn gấp trăm ngàn muôn lần công đức giảng kinh. Vì sao? Vì giảng kinh giống như đếm vật báu, còn niệm Phật như dùng vật báu. Đếm vật báu tuy nhiều nhưng không hết nghèo khổ, đó là không nói đến diệt tội và được công đức. Còn dùng vật báu tuy ít nhưng có thể cứu được thân mạng, được công đức vô lượng. Nên biết rằng: Niệm Phật tuy ít nhưng công đức nhiều gấp trăm ngàn muôn lần công đức giảng kinh, giảng kinh cũng giống như mài đá tuy bỏ ra rất nhiều công phu mà được lợi ích không bao nhiêu. Vả lại nhận người lễ bái, cúng dường thì tổn thất rất nhiều công đức. Cho nên luận nói: Ví như người nghèo ngày đêm đếm tiền cho người khác mà mình không được nửa đồng. Nghe nhiều cũng giống như vậy. Vì thế nên nói giảng kinh được công đức rất ít. Vì sao biết? Vì như người giảng về phá chấp ngã trong luận Duy Thức: Miệng tuy nói pháp nhưng tâm thường chấp ngã kẻ không khởi chấp ngã, trong muôn người không có một. Cho nên kinh Pháp Hoa nói: "Ngã mạn, tự cao, dua nịnh, tâm không chân thật thì trong trăm ngàn muôn kiếp không nghe danh hiệu Phật, cũng không nghe chánh pháp. Người như thế khó độ." Do việc này nên nói công đức giảng kinh ít hơn công đức niệm Phật cả trăm ngàn muôn lần. Thế nên các pháp sư: Hoài Cảm, Trí Nhân, pháp sư Uẩn đều đã bỏ giảng luận quay về niệm Phật.

5. Niệm Phật đối với giới luật.

(So sánh công đức niệm Phật với giữ giới).

Hỏi: Niệm Phật và giữ hai trăm năm mươi giới, ba trăm bốn mươi tám giới công đức nào nhiều hơn?

Đáp: Công đức niệm Phật gấp trăm ngàn muôn lần công đức giữ hai trăm năm mươi giới. Vì sao biết? Vì theo kinh nói: Trì giới chứng tiểu quả, mới đến Sơ địa. Còn theo kinh Di-đà: Nếu niệm Phật A-di-đà từ một ngày đến bảy ngày thì được vãng sinh Cực lạc, tức là đã lên Bồ-tát Bát địa. Cho nên, kinh nói: Chúng sinh sinh về đó đều là A-bệ-bạt-trí. Nên biết công đức niệm Phật nhiều gấp trăm ngàn muôn lần trì giới.

Theo trong kinh nói: Thời mạt pháp chẳng phải là thời trì giới mà là thời niệm Phật. Làm sao biết được? Vì theo kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: Sau khi Đức Phật Bổn sư diệt độ, thì thời chánh pháp năm trăm năm, giữ giới được kiên cố. Đến thời Tượng pháp một ngàn năm. Đây là thời tọa thiền được kiên cố. Thời mạt pháp mười ngàn năm là thời niệm Phật kiên cố. Từ khi Phật nhập Niết-bàn đến nay đã hơn một ngàn bảy trăm năm thì thời mạt pháp đã hơn hai trăm năm rồi. Cho nên biết rằng đây là thời kỳ niệm Phật chứ không phải thời kỳ trì giới.

Nếu như có người giữ giới thì được danh dự và sự cúng dường, đến khi người đó chết được sinh lên cõi trời chứ không chứng quả A-la-hán. Lại nữa, người trì giới thành tựu được sinh về cõi trời nhưng vẫn còn nằm trong ba cõi. Hơn nữa, trong muôn người không có được một người giữ giới trọn vẹn. Vì sao? Vì giới luật rất tinh vi, con người lại thô lậu nên đa số khó giữ trọn. Còn niệm Phật thì số chữ ít, dễ hành trì lại được nhiều công đức.

Hỏi: Niệm Phật và giữ giới, pháp môn nào được lợi ích nhiều hơn?

Đáp: Niệm Phật ít tốn hao công sức mà lợi ích nhiều, còn giữ giới tốn nhiều công phu nhưng lợi ích không bằng. Vì sao biết? Vì theo Kinh Mục-liên Vấn: Phá giới thiên đầu đọa địa ngục số năm bằng vị trời Trường thọ, bằng ở cõi nhân gian chín trăm mươi lăm câu-ni, sáu trăm vạn năm bị đọa trong địa ngục. Trong Văn giới có năm thiên bảy tụ. Căn cứ theo đây để so lường thì thiên thứ nhất nặng gấp hai thiên thứ hai; thiên thứ hai nặng gấp hai thiên thứ ba; thiên thứ ba nặng gấp hai thiên thứ tư; thiên thứ tư nặng gấp hai thiên thứ nặm. Thiên thứ năm, nếu phạm nhẹ nhất là phạm đột-cát-la, đọa vào địa ngục chín trăm muôn năm; một đêm không sám hối là bỏ cái lợi ích vốn có. Và chắc chắn rằng: Phá giới mắc tội vô lượng vô biên. Trong một ngàn người không có một người giữ giới trọn vẹn. Nên biết: Giữ giới tốn công phu

mà ít lợi lạc. Còn một câu niệm Phật diệt trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Nên biết mắc tội phá giới mà niệm Phật A-di-đà, tội ấy cũng tiêu. Vì sao biết được? Vì theo kinh Quán chép: “Hoặc có chúng sinh nào hủy phạm năm giới, mười giới và giới cụ túc thì cũng như người ngu kia phải đọa vào địa ngục trải qua nhiều kiếp, chịu khổ vô cùng. Nhưng lúc sắp qua đời người ấy gặp được bậc Thiện tri thức dạy về uy đức mười lực của Phật A-di-đà và khen ngợi ánh sáng thần lực của Đức Phật kia. Rồi dạy bảo người ấy niệm Phật. Người ấy nghe rồi được diệt trừ tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử được vãng sinh về hạ phẩm hạ sinh ở cõi Tịnh độ.” Cho nên biết tội phá giới cũng được tiêu diệt.

Theo luận Quần Nghi: Niệm Phật là sự bảo hộ người phá giới, là kẻ dẫn đường của người lạc đường, là cặp mắt cho người mù. Nên biết niệm Phật thuần lợi ích, không có tổn hại. Cho nên các bậc luật sư ở phương bắc xưa kia đều xả giới luật quay về niệm Phật, được vãng sinh về thế giới Cực lạc Tây phương. Nên biết niệm Phật được lợi ích rất nhiều, trì giới khổ hạnh mà không bằng.

6. Niệm Phật đối sáu độ.

(So sánh công đức niệm Phật với tu sáu độ).

Hỏi: Niệm Phật và tu sáu độ Ba-la-mật công đức nào nhiều hơn?

Đáp: Công đức niệm Phật nhiều hơn gấp trăm ngàn muôn lần. Vì sao biết? Vì theo kinh Duy-ma: Người niệm định tổng trì, tự cầu sinh Tịnh độ thì đều được vãng sinh.

Hỏi: Có người còn nghi pháp môn niệm Phật như đánh trống miệng. Giải thích thế nào?

Đáp: Đánh trống miệng là nhân: Miệng tụng tâm nhớ. Nếu không có tâm miệng thì không biết do đâu mà thành tựu. Niệm Phật cũng giống như vậy. Tâm tin, miệng xưng tụng thì vãng sinh Tịnh độ, mau chứng vô thượng Bồ-đề. Nếu không có tâm, miệng thì không do đâu mà được vãng sinh. Cho nên giống như đánh trống miệng.

Hỏi: Vì sao không niệm Bổn sư Thích-ca mà chỉ niệm Phật A-di-đà?

Đáp: Niệm Phật A-di-đà vốn là lời dạy của Đức Bổn sư: Niệm Phật rồi mới bắt đầu quán tu. Giống như cha mẹ sinh con, sau đó giao cho thầy dạy. Nhờ thầy dạy dỗ mới thành đạt được. Phật A-di-đà cũng giống như vậy. Đức Phật Bổn sư nói kinh, khuyên bảo chúng ta niệm Phật A-di-đà để sinh về Tịnh độ, sớm chứng quả Bồ-đề. Đời tương lai niệm danh hiệu Phật là việc khó. Chính Đức Bổn sư cũng khuyên tất cả chúng sinh đồng niệm Phật. Nếu thường xưng niệm danh hiệu Phật

A-di-đà thì chắc chắn được sinh về Tịnh độ, sớm chứng quả Bồ-đề. Đây là một việc ít có.

Niệm Phật A-di-đà giống như cha mẹ có nhiều con. Sắp đặt cho ở một nơi đẹp đẽ, rồi nuôi dưỡng không để bị đói chết. Đức Bổn sư cũng giống như vậy. Cõi Sa-bà dơ bẩn xấu xa nếu để chúng sinh ở lâu nơi này thì sợ chúng bị đắm chìm, đọa vào địa ngục. Thế nên Ngài muốn chúng sinh đồng về cõi Cực lạc, thọ hưởng sự an vui, không bị trôi lăn nữa. Cho nên Ngài dạy họ niệm Phật Di-đà chứ không bảo niệm Bổn sư. Chẳng những Đức Thích-ca nhờ niệm Phật được thành mà chư Phật ba đời mười phương cũng nhờ niệm Phật Tam-muội mà được thành Phật. Cho nên trong Kinh Nguyệt Đăng Tam-muội nói: "Chư Phật mười phương ba đời đều tu niệm Phật, mau chứng Vô thượng Bồ-đề." Nên biết chư Phật ba đời đều nhờ niệm Phật mà được quả Phật.

Hỏi: Vì sao không niệm chư Phật mười phương mà thiên về niệm Phật A-di-đà?

Đáp: Trong chư Phật mười phương, thì Phật A-di-đà là tối thắng, tối tôn, tối từ bi, là vị Phật kết duyên rất sâu với chúng sinh; nguyện lực của Phật A-di-đà là thâu nhiếp rất nhiều chúng sinh. Hơn nữa, trong các Tịnh độ của chư Phật mười phương thì cõi Tịnh độ của Phật A-di-đà là đẹp nhất. Thế nên bà Vi-đề-hy đã chọn cõi này rồi niệm Phật, được vãng sinh về đây. Trong các Tịnh độ của chư Phật mười phương thì Tịnh độ của Phật A-di-đà là gần nhất và trong các danh hiệu Phật mười phương thì niệm danh hiệu Phật A-di-đà được nhiều công đức nhất. Cho nên, chỉ chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà.

Hỏi: Vì sao niệm Phật là một pháp mà có thể thâu nhiếp tất cả các pháp môn?

Đáp: Niệm Phật tuy là một pháp môn nhưng chắc chắn thâu nhiếp các pháp môn. Vì sao biết? Vì lấy một ví dụ để giải thích: Niệm Phật giống như hạt ngọc báu như ý. Tuy một hạt ngọc báu nhưng có thể thâu nhiếp tất cả các vật báu. Cho nên trong Kinh Pháp Hoa nói: "Long nữ vì dâng hiến hạt châu mà mau được thành Phật." Tuy niệm Phật là một pháp môn nhưng nó làm phát triển tất cả các công đức khác, được sinh về Tịnh độ, mau chứng Vô thượng Bồ-đề. Một pháp môn bao gồm tất cả pháp môn, cho nên Kinh Duy-ma nói: "Niệm Phật sinh định tức là Tổng trì bao gồm tất cả các pháp môn". Trong một pháp bao gồm các pháp.

11. NIỆM Phật XUẤT TAM GIỚI

(Niệm Phật được ra khỏi ba cõi).

Hỏi: Tịnh độ Cực lạc đã ra khỏi ba cõi hay còn ở trong ba cõi?

Đáp: Tịnh độ Cực lạc chắc chắn đã ra khỏi ba cõi.

Ba cõi là:

- Cõi Dục: Từ cõi Diêm-phù-đề lên đến sáu tầng trời đều gọi là cõi Dục.
- Cõi Sắc: Gồm mười tám tầng trời từ tầng trời Phạm Chúng trở lên gọi là cõi Sắc.
- Cõi Vô sắc: Có bốn cõi trời: Từ Không vô biên xứ cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên. Tất cả đều gọi là cõi Vô sắc.

Lại nữa, ba cõi là: Từ cõi Diêm-phù-đề trở lên hai mươi tám tầng trời là Phi phi tưởng xứ thiên và trở xuống hai mươi tám tầng là địa ngục Vô gián. Người ở trong ba cõi giống như ở trong lao ngục. Kinh Pháp Hoa nói: "Ba cõi không yên, giống như nhà lửa, thường có sinh, già, bệnh, chết; lo sợ như lửa cháy mạnh không tắt." Cho nên bà Vi-đề-hy chán ghét thế giới Sa-bà, nơi có năm thứ ác trược.

Năm trược là:

1. Kiếp trược: Là kiếp bệnh dịch, đói rét, đao binh...
2. Phiền não trược: Tất cả chúng sinh chịu nhiều phiền não.
3. Mạng trược: Tuổi thọ ngắn ngủi.
4. Kiến trược: Phỉ báng, không tin Tam bảo.
5. Chúng sinh trược: Không có người tu hành.

Lại có các cõi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, con người thì đầy dẫy những điều bất thiện. Vì thế nên bà chán ghét cõi Sa-bà, ưa thích sinh về thế giới Cực lạc Tây phương. Cho nên kinh nói: Có khả năng ở trong ngục ba cõi cố sức thoát ra khỏi, các chúng sinh trí tuệ rộng khắp, được trời người tôn kính; thương xót các loài chúng sinh đui mù; có khả năng khai mở pháp môn Cam lộ, độ khắp tất cả chúng sinh.

Luận nói: Người vượt qua ngục ba cõi, mắt như cánh hoa sen xanh, tai nghe được âm thanh của vô số chúng sinh, cho nên được các loài cúi đầu đảnh lễ.

Luận Vãng Sinh nói: "Xem tướng thế giới kia, vượt qua cả ba cõi, rốt ráo như hư không, rộng lớn không bờ mé."

Theo Luận Quần Nghi: "Nói về Tịnh độ, dọc vượt ba cõi, ngay thoát năm đường, hễ được vãng sinh thì không còn đọa trở lại ba cõi lao ngục mà thẳng đến quả Vô thượng Bồ-đề." Nên biết cõi Tịnh độ của Phật A-di-đà chắc chắn lìa khỏi ba cõi. Cho nên tu pháp môn niệm Phật mau ra khỏi ba cõi.

Nếu muốn niệm Phật A-di-đà mau được vãng sinh về Tịnh độ thì

phải “Ba nghiệp thành tựu”.

1. Tâm chỉ có niềm tin.

2. Miệng chỉ niệm Phật.

3. Thân chỉ cung kính Phật.

Bất luận là người già, trẻ, thấp hèn hay cao quý chỉ cần ngày đêm siêng năng chuyên niệm danh hiệu Phật, cung kính Phật thì được thành tựu. Không bàn luận điều hay dở của người, nói món ăn mà bụng vẫn đói, đếm châu báu cho người mà mình không có đồng nào, chỉ cần niệm Phật, tiếng tiếng không dứt, gọi là niệm thành tựu. Nếu như còn các thứ: phiền não tham, sân... não loạn, đánh đập, chửi mắng, hiềm hận, ganh ghét, sát sinh, trộm cắp, tà dâm, nói dối thì đọa vào ba đường ác. Do đó dạy cho pháp niệm Phật bất tương ưng: chỉ cần tin niệm Phật, không phân biệt đạo tục, nam nữ, giàu nghèo, tội nặng hay nhẹ, chỉ lấy tin làm gốc. Nếu người “thành tựu ba nghiệp” thì muôn bệnh đều tiêu trừ, không phải nhờ đến thuốc thế gian; muôn điều lành tự thành tựu, không phải nhờ lời dạy trong kinh sách thế gian. Muôn điều lành ấy được thành tựu chẳng phải là do khả năng của mình, cũng chẳng phải tự lực tu hành mà nương vào nguyện lực Phật A-di-đà.

Nếu theo văn kinh thì từ phàm phu đến quả vị Sơ địa phải trải qua một đại A-tăng-kỳ kiếp. Nếu nương vào năng lực Tam bảo thì không phải qua nhiều kiếp.

Theo văn kinh, nghe tụng danh hiệu Phật A-di-đà cho đến nhất tâm nhất niệm, hoan hỷ vui mừng, dốc lòng hồi hướng liền được vãng sinh về Tịnh độ, ở địa vị không lui sụt.

Kinh Pháp Hoa nói: Người trí nghe thí dụ liền hiểu. Ở thế gian chỉ có năng lực của mẹ mới làm cho con được an ổn. Còn xuất thế gian chỉ có chư Phật mới cứu chúng sinh thoát khỏi khổ trong ba cõi, được sinh về Tịnh độ, gặp Phật, nghe Pháp. Phật có lòng từ bi, hỷ xả: Lòng từ thường ban cho chúng sinh sự an vui, lòng bi thường xua tan nỗi đau khổ của chúng sinh, bất luận là trong đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh cho đến loài người. Nếu nương oai lực Phật, niệm Phật mà không thoát khổ thì không gọi là Từ bi. Giống như đứa con bị muôn ngàn đau khổ, mẹ không nề lao nhọc, vì sự an vui của con là chính. Há chẳng phải là tấm lòng bao dung của chư Phật đại Thánh đại từ đó ư? Bất luận là oán thân, đạo tục, nam nữ, Phật đều cứu độ bình đẳng, để tất cả đều thoát khổ. Nỗi thống khổ đau đớn ở địa ngục gấp trăm ngàn muôn lần thế gian chư Phật còn cứu, huống gì những nỗi khổ trong loài người mà ngài không cứu sao?

Đức Phật đã dạy: Phạm phải những điều sai trái ở nhân gian thì phải chịu quả khổ. Do vậy phải phát tâm sám hối, giữ các giới hạnh, làm các công đức để mau dứt trừ tội khổ, “tín” bắt đầu thành tựu, sinh tử lùi dần, không còn trở lại không còn bị các khổ trong loài người nữa.

Những nỗi khổ trong loài người: Tật bệnh kéo dài khó chữa lành, không có tín tâm v.v... Nếu có người phát khởi tín tâm không đầy một tuần trăng rồi lui sụt. Không thấy văn kinh. Vì không biết nỗi khổ của tương lai; tâm mình không định vì nỗi khổ ở hiện tại lại không diệt trừ được, tâm hủy báng khởi lên. Nếu y theo văn kinh để tu tập thì cái khổ hiện tại chắc chắn tiêu trừ, khổ vị lai cũng không phát sinh. Ở thế gian, có người tụng được kinh và làm những việc tương ưng với quốc vương, nhưng tóc thì cạo, thân mặc cà-sa, cũng không phải giới hạnh mà trên từ quốc vương dưới đến cha mẹ đều, cung kính họ. Đây là năng lực của ai? Há chẳng phải là năng lực của Tam bảo ư? Ở thế gian bất luận nam nữ, giàu nghèo, nếu siêng niệm Phật thì được tự tại, y thực tự nhiên, mọi người thấy đều cung kính không nề mệt nhọc. Vì nghĩa này nên biết tất cả đều do oai lực Tam bảo. Chỉ có lòng tin mới biết được. Người không tin thì không khác kẻ mù, điếc. Nên biết: Người niệm Phật, âm thanh không dứt thì không tật bệnh, không bị tội chướng, được phước và trí, chắc chắn không sợ hãi, cũng không lui sụt. Một ngày nào đó mắt tuệ tự khai, chuyển thêm tác ý, tương ưng với kinh giáo. Tất cả các hành động đi, đứng, ngồi, nằm đều không tán loạn, cũng không mất oai nghi. Nếu nghe qua các kinh luận liền tương ưng, tâm thực hành thêm hoan hỷ. Rồi sẽ dắt dẫn người có tín tâm, giống như mẹ cứu con không nề lao nhọc. Còn người không tin thì thà ngậm miệng mà chết chứ không nói. Vì sợ họ khởi tâm phỉ báng, chẳng phải phỉ báng người mà phỉ báng ngay cả Đức Phật. Lúc nói kinh A-di-đà, Đức Phật Thích-ca nói: “Đây là pháp khó hiểu, ta vì tất cả chúng sinh mà nói.” Nếu có người tin thì chư Phật sáu phương biết và đến che chở. Là “Pháp rất khó tin”, sợ rằng sau này chúng sinh hủy báng không tin nên ta đưa tướng lưỡi dài rộng ra làm chứng, nói lên văn kinh này. Chắc chắn không luống dối.

Gần đây có nhiều hành giả nghi ngờ pháp môn này, thậm chí có người hủy báng. Cho nên, chư Phật lặp đi lặp lại lời huyền ký, Ngài biết chúng sinh ở đời mạt pháp không tin; nếu có người tin thì tất cả chư Phật đều che chở. Còn người tâm không tin Phật, không nói lời lành thì làm sao có thể vãng sinh đến địa vị không lui sụt được? Nếu không tạo nghiệp lành thì tự ngăn Thánh đạo. Đây là những điều trong kinh A-di-đà dạy. Kinh giáo nào cũng do Phật nói. Nếu tự nương theo giáo pháp

tu hành thì được thiện thần che chở; Nếu tin sâu, cung kính, tu hành thì được chư Phật ủng hộ. Đây là bổn nguyện lực của chư Phật. Nếu hiện tại được nghe giáo pháp mà không tin thì đọa ngay địa ngục, không có ngày ra. Há không sai lầm ư? Còn gặp được kinh này, suy đi ngẫm lại rồi tương ưng niệm Phật, giới hạnh thanh tịnh, quyết định tin sâu, chí thành không lui sụt, nghe danh hiệu Phật, bất luận đạo, tục, sang hèn, giàu nghèo, nam nữ, đẹp xấu, chỉ cần giữ tín tâm thành tựu thì chư Phật thường trụ không diệt độ, cũng không lui sụt. Còn như không tin vào lòng từ bi của chư Phật như mẹ cha thương con thì không thể vãng sinh được. Chỉ có lòng tin thành tựu, chư Phật thường trụ bất diệt, cũng không lui sụt, tin Phật Đại Thánh, tất cả hiền Thánh là bậc tối thượng, tối thắng, tối đại nên gọi là Thế Tôn. Bất luận là chúng sinh ở quá khứ, hiện tại, vị lai, bất luận là Đại thừa, Tiểu thừa, tâm thiện hay tâm ác, bất luận là hạng nào, hễ tin vào lòng đại từ, đại bi của chư Phật thì cứu được các tội chướng, ác nghiệp của chúng sinh ở quá khứ, hiện tại, vị lai mà phát tâm hối quá, liền được vãng sinh. "Cứu" cũng gọi là "Độ", nên gọi là "Đại Từ" "Đại Bi". Như người mẹ thấy con ở trong phẩn dơ uế, đói khát, lạnh lẽo thì không thể nào xa lìa, nên gọi là Từ bi mẫu.

Người thế gian không thể báo hết ân đức của mẹ. Tiểu từ mẫu này đối với con còn không nề lao nhọc; tấm lòng đại Từ, đại Bi của chư Phật thì hơn gấp bội, cứu cả trăm ngàn muôn ức chúng sinh; Chẳng những cứu khổ thế gian mà còn cứu khổ sinh tử. Nếu ở thế gian có người tin thì Phật liền cứu, bất luận là tội nặng hay tội nhẹ.

Trong kinh Pháp Hoa, Phật nói: "Tất cả chúng sinh là con ta, ta thật là cha. Các con nhiều kiếp bị khổ thiêu đốt ta đều cứu khiến cho ra khỏi ba cõi. Bất luận là đạo tục, nam nữ, giàu nghèo, sang hèn, đẹp xấu, già trẻ, tội nhẹ hay nặng ta đều cứu giúp." Vì nghĩa này cho nên luận Duy Thức nói: Người tin thường hay hối lỗi, tin sâu thành tựu; âm thanh niệm Phật không dứt đều được tất cả chư Phật che chở, đều đến địa vị không lui sụt, nên nói "Pháp khó tin, ít có". Chỉ cần giữ tín tâm, chứ không nói là người tội, cũng không nói là người nữ, không được vãng sinh mà chỉ nói là "Người tin". Nếu người giới hạnh thành tựu được vãng sinh thì chẳng phải khó tin và chẳng phải ít có. Nếu thiện nam, tín nữ, bất luận là tội nặng hay tội nhẹ, thường tin không mê muội thì bệnh tật đều tiêu trừ, tội chướng đều tiêu diệt; bất luận là xa gần, chỉ cần giữ vững tín tâm thì mau dứt nghi hoặc, mau được giác ngộ. Niệm Phật giống như mẹ cứu con, cho nên gọi là "Pháp khó tin, ít có".

Lúc Phật nói kinh này, hằng hà sa chư Phật ở sáu phương mỗi vị

đều hiện tướng lưỡi rộng dài để chứng minh. Vì biết chúng sinh ở quá khứ, hiện tại, vị lai nghe pháp này đều sinh nghi ngờ, hủy báng, không tin Phật có oai lực như thế. Cho nên nói: "Pháp khó tin, ít có".

Hằng hà sa chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới để chứng minh. Kinh nói: niệm một câu Phật A-di-đà diệt được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử; được tất cả chư Phật che chở.

Bất luận là đạo, tục, hễ ai sám hối lỗi lầm, phát tâm hồi hướng, phát nguyện, bất kể là lúc nào, Phật cũng đều cứu độ. Cho nên gọi là "Chư Phật đại Từ bi, bình đẳng cứu độ chúng sinh". Nếu niệm Phật được thành tựu thì không có tội gì mà không tiêu trừ; không có bệnh nào không hết không có khổ nào mà không hết; không có gì phải lo buồn. Người sợ hãi thì ngày đêm được an định. Tinh tấn, nhẫn nhục thành tựu tức là không phá giới, ngủ ngon giấc đúng giờ không mệt mỏi, mỗi lời nói đều y cứ vào chánh giáo khiến cho người vui, nghe rồi thực hành theo. Nên người hiếu thảo nuôi nấng mẹ cha đều phải học tập theo. Như vậy, tâm chí thành, trinh tiết, tự tại vô ngại chẳng phải nhờ năng lực tu tập của mình mà nhờ vào năng lực từ bi của Đức Thế Tôn. Nếu có người nghe liền hối lỗi chính là học, là hành, là niệm Phật. Đây chính là năng lực của chư Phật, chỉ người có đức tin mới hiểu được.

1. Thân nghiệp: Không được sát, đạo, dâm, cũng không được đánh, đập giết hại tất cả chúng sinh khác. Không được xoa các thứ dầu thơm, đeo tràng hoa đẹp, mặc gấm, tơ đủ các mầu sắc; lụa đào, lụa tím của thế gian. Nếu lúc quá lạnh thì dù đến chết cũng không mặc. Bởi vì những vật này làm chướng ngại đạo nghiệp ở tương lai, thường nhận chìm chúng sinh trong biển khổ; khiến cho người nghi ngờ hủy báng. Những vật ấy khiến cho người oán hận mà cũng khiến người khởi tâm yêu thích. Người nữ mặc áo đẹp, đánh phấn son đi ra đi vào khiến cho người khác phái sinh tâm buông lung; những người nam thường quyến luyến không bỏ, cha mẹ bị nhiều lo buồn nên sinh tâm tức giận; anh em không thuận hòa dẫn đến tức giận. Người thế gian mới nhìn qua gấm vóc lụa là liền sinh tâm nghi ngờ hủy báng; Nếu sư tăng thì phá tịnh giới, còn nếu kẻ trộm thấy thì liền khởi tâm trộm v.v... Những thứ chướng như thế đều do y phục đẹp không thể nói hết.

Nếu là người hiếu hạnh thì đến chết cũng không mặc y phục tốt. Hiếu hạnh thành tựu đầy đủ.

- Thân hành chánh hạnh: luôn lễ bái, khen ngợi khi đi tay không được đánh đằng xa; không được đi nhanh; không được ngoái đầu nhìn

lại; không được liếc ngó hai bên. Nếu ngồi thì không được duỗi chân, cũng không được vẽ dưới đất; không được dựa vào đồ vật mà ngủ. Nếu già bệnh thì ngoại lệ. Khi ngủ không được cởi áo, cũng không được nằm ngửa, không được duỗi chân và nói chuyện. Vì đó là tướng buông lung biếng nhác. Trừ già bệnh và lúc thiếu thốn thì tạm được. Ngủ trễ, dậy sớm, mỗi ngày đều như vậy thì tinh thần khoan khoái, thân thể mạnh mẽ, trí tuệ ngày một thêm lớn. Nếu không thực hành như vậy là buông lung.

Người không tin thì tội không tiêu diệt, làm việc gì cũng không thành công, tật bệnh làm sao tiêu diệt được? Và cũng không được vãng sinh.

2. Khẩu nghiệp: Không được uống rượu, ăn thịt, năm thứ rau cay nồng và các thứ hương vị thế gian như: giấm, men rượu, sữa lạc, tô mật, rượu nếp. Nếu gặp lúc quá đói thì thà chết chứ không ăn những thứ trên.

Sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, ganh ghét, sân giận, ngã mạn, khinh chê, oán hận, nghi ngờ, hủy báng, lời nói cầu tài, nói hai lưỡi, nói điều hay dở của người, nói lời náo loạn, nói lời hủy báng, ngu si, chú thuật xấu ác. Những lời như vậy nhiều không thể kể hết. Nếu nghe người nói những lời thiện, ác thì không được nói: Đây là lời nói vô ích, vô tận, lời tranh đấu nhiều vướng mắc, khiến người thêm bực tức. Phải nói những lời tương ưng Phật dạy, không nhọc phải khen ngợi kinh sách. Trong mọi hành động, cử chỉ: đi, đứng, nằm, ngồi đều chuyên niệm Phật, từng niệm nối nhau, từng tiếng không dừng, cũng không dời đổi. Nhưng có việc khẩn cấp thì phải niệm lớn, âm thanh cần phải rõ ràng; giống như đứa bé gọi mẹ, mẹ vội vàng chạy đến. Bỏ các việc ác, ấy là định tâm. Ngồi thiền, niệm Phật mỗi thứ có nhiều môn. Đạo tục tu theo, chỉ cần được tâm thanh tịnh. Bất luận là nam nữ, sang hèn, hễ ai giữ tâm kính tin, hiếu thảo nuôi nấng, thường tu tập pháp môn niệm Phật thì tất cả các thứ khổ bệnh đều được tiêu trừ, đạo nghiệp thành tựu. Vì nghĩa này cho nên chư Phật sáu phương hiện ra tướng lưỡi rộng dài để chứng minh là không luống dối.

Lại nói: Người có lòng tin, chuyên niệm không bỏ thì được tất cả chư Phật che chở. Ấy là văn kinh A-di-đà hiện lưu hành, khắp nơi không dứt.

3. Ý nghiệp: Không được tham lam, si mê, phi đạo lý, không được sinh tâm nghi ngờ hủy báng, không được sinh tâm ganh ghét, oán hận, không được sinh tâm sát sinh, trộm cắp, tà dâm và nhớ tưởng các duyên

ác; không được sinh tâm ngã mạn, cống cao, khinh thường người khác; không được tự thị, đam tài ái sắc. Nếu khởi những tâm như thế tức là buông lung, là tâm dối trá luống dối; chư Phật đều biết nhưng không đến cứu. Nếu có những tâm đó thì phát lồ, sám hối trọn đời, vì kỳ hạn tử sinh mà tâm không đổi dời. Những người như thế, niệm trước hồi hướng, niệm sau liền giác ngộ. Như con nhớ mẹ, mẹ nuôi nấng con không nề lao nhọc, không ngại gian khổ đắng cay. Hễ con cần thì mẹ liền đến. Người thường thực hành như thế mới gọi là đại từ bi, ý nghiệp thanh tịnh bình đẳng như hư không.

Những người ba nghiệp sáu căn như thế, thực hành y theo giới luật, đúng như pháp tu hành không trái phạm. Nhưng không thể mỗi mỗi đều đầy đủ rõ ràng, chỉ mong chánh niệm, chánh hồi hướng, từ bi, tin chắc, chí thành niệm Phật thì được Phật cứu, thoát khỏi luân hồi. Còn nếu cho lời Phật là không tương ưng thì cho dù có bảo niệm Phật thì Phật cũng không thể cứu, tội không thể tiêu trừ; khổ bệnh khó lành, hao tài mất đức. Đấy là điều cơ bản dẫn đến tai họa; giữ những điều phi đạo lý là cội gốc của điều ác. Người có lòng tin sâu, tin chắc thì nên phát nguyện:

Tất cả điều ác thệ nguyện dứt.
Tất cả điều lành thệ nguyện tu.
Tất cả công đức thệ nguyện đầy đủ.
Phật đạo Vô thượng thệ nguyện thành.

Đệ tử tên là... cúi đầu đảnh lễ: Nam-mô tận hư không biến pháp giới nhất thiết chư Phật, Thập nhị bộ kinh, chư Đại Bồ-tát, Thanh văn, Duyên giác, nhất thiết Hiền Thánh cho đệ tử thỉnh các vị vào đạo tràng để chứng minh. Đệ tử hôm nay, bây giờ nhờ lời dạy của Thiện tri thức, phát nguyện sám hối từ lúc chưa giác ngộ đến lúc giác ngộ, trong thời gian này ba nghiệp đã tạo ra vô số tội: Thân đã gây nghiệp bất thiện như: giết hại chúng sinh không thể tính kể được, trộm cắp tài vật nhiều như hằng sa, dâm dục lẫy lừng làm nhiễm ô tịnh hạnh.

- Miệng nói lời không hay: Nói dối, thêu dệt, hai lưỡi, phỉ báng Tam bảo làm náo loạn không cùng.

- Ý suy nghĩ những điều không tốt: Tham danh cầu lợi như biển thâu nạp các dòng chảy; sân nhuế mạnh hơn lửa, thiêu đốt các công đức lành, vì vô minh nên đã gây ra mười điều ác, tự mình tạo tội, xúi giục người tạo tội; thấy, nghe tạo tội đều vui theo. Bất luận là tội lớn, lỗi nhỏ gì con cũng không dám che giấu. Hôm nay con sám hối tất cả những lỗi lầm, nguyện Phật từ bi chứng minh nhiếp thọ, không trái với

bổn nguyện của con.

Giờ này sám hối các tội nghiệp, nguyện tội chướng được tiêu trừ. Đệ tử nguyện đem công đức niệm Phật này báo đáp ân gia đình, ân thí chủ. Xin mọi người nhận lấy công đức này, một ngày gần đây sẽ lìa bỏ các uế, đồng sinh về Tịnh độ.

Dốc lòng quy mạng đảnh lễ Đức Phật A-di-đà.

Xưa nay cõi sinh tử
Chưa biết Phật, Pháp, Tăng,
Đã gây bao nghiệp ác
Sám hối nguyện tiêu diệt
Trong hằng sa cõi Phật
Phật quá khứ, hiện tại
Con dùng ba nghiệp tịnh
Ở lâu trong các cõi
Phàm Thánh cùng chí thành
Đều biết cõi thanh tịnh
Tâm vui đồng đảnh lễ
Đảnh lễ người niệm Phật,
Viết Niệm Phật Kính này
Góp nhặt nhân vô thượng
Hồi hướng khắp chúng sinh
Đồng sinh nước An lạc
Từ nay đến viên mãn
Ở các chỗ thọ sinh
Thường nhớ được túc mạng
Niệm Phật không đổi dời.
Niệm Phật vãng sinh không dễ nghe
Vượt qua nhiều kiếp chứng huyền môn
Con gọi cha lành phải tới rước
Chỉ lo vừa lòng e bất chân.

MƯỜI HAI THỜI TU VỀ TÂY PHƯƠNG

Giờ Dần:

Mặc áo ra cửa giữ tâm thần
Đốt hương chắp tay hướng Cực lạc
Chí thành hướng lễ thân vàng ròng.

Giờ Mẹo:

Niệm Phật không nên tính nhiều ít
Chuyên tâm buộc niệm ở một duyên
Chớ để vọng cảnh làm xao động.

Giờ Thìn:

Niệm Phật trước phải dẹp ngã, nhân
Nếu dùng niệm Phật giúp nhân ngã,
Thì nhân Tịnh độ bao giờ thành?

Giờ Tỵ:

Tiến tu Tịnh độ phải quyết tâm
Như ngậm cam lồ tự biết ngọt
Chớ nên chê người nói không đúng.

Giờ Ngọ:

Tưởng niệm thầy mình như mắt thấy
Nghiệp chướng vô biên tự nhiên tiêu
Đâu cần gì phải luống cực khổ.

Giờ Mùi:

Sinh tử mênh mông đáng sợ thay
Không giữ Tây phương cửa diệu này
Biển trần sa kiếp phải đắm chìm.

Giờ Thân:

Mau mong tu trì nhân Tịnh độ
Ỷ khỏe không lo siêng niệm Phật
Một sớm uổng làm việc thế gian.

Giờ Dậu:

Tưởng biết bóng sáng chẳng còn lâu
Xem thấy vô thường liền đến ngay
Chớ dạy chữ Phật lìa miệng tâm.

Giờ Tuất:

Chớ để thân tâm nhiều lỗi lầm
Mười ác tuy vậy cũng vãng sinh
Đâu bằng sen thượng phẩm nở mau.

Giờ Hợi:

Thâm tâm niệm Phật chân Tam-muội
Hàng Thập địa còn tu pháp này
Nên biết không tin chính là tội.

Giờ Tý giữa đêm:

Sớm sớm niệm Phật thường như vậy
Đều nương hoa sen mà vãng sinh
Sinh rồi từ đây dứt sinh tử.

Giờ Sửu:

Đang trai tráng đó bỗng già suy
Mênh mang sát hải không người thân
Chỉ có Di-đà riêng vẫy gọi…

MƯỜI ĐIỀU KHUYÊN TU VỀ TÂY PHƯƠNG

1. Thời lâu niệm Phật phải chân thật
Quy lời Phật chớ sinh nghi
Điều phục tâm mình chớ buông lung.

2. Một lòng niệm Phật chẳng niệm khác
Lắng tâm định nguyện đi Tây phương
Lâm chung tự thấy Như Lai rước.

3. Niệm Phật trước phải dứt ái tham
Lâm chung tâm tịnh thấy Như Lai
Giống như trăng sáng soi hồ lặng.

4. Đừng để tâm niệm Phật dời, quên…
Lâm chung hoa báu Cực lạc nghinh
Quán Âm, Thế Chí đón rước về.

5. Chớ ngại niệm Phật nhiều khổ sở
Suy nghĩ vòng sinh tử nhiều kiếp
Biết đối người nào cầu đường ra?

6. Niệm Phật, thời thời thường nối nhau

Nếu không niệm tức thuận phàm tình
Ngày nào thoát khỏi ngục tử sinh

7. Niệm Phật chớ để ba nghiệp lỗi
Chuyên tâm kính lễ, nguyện về Tây
Thẳng gặp Di-đà - bậc vô thượng.

8. Thích-ca dạy pháp tu niệm Phật
Nên phải tuân theo lời Bổn sư
Lâm chung được sinh cõi Di đà.

9. Niệm Phật, chân tâm là trên hết
Lâm chung hóa Phật cùng đến rước
Hoa sen bảy báu đẹp như nguyện.

10. Niệm Phật thường phải mau tâm, miệng
Suy lường biển nghiệp khổ chìm sâu
Sinh tử mịch mờ hối chẳng kịp.

NIỆM PHẬT CẦU VÃNG SINH VỀ TÂY PHƯƠNG

CHUNG

Năm uẩn bọt bóng, thân giả, mộng
Mượn duyên dối hợp thân rỗng không
Ma chết đã đến sao chẳng nổi
Mau niệm Di-đà không nhọc lòng.

VĂN LÂM CHUNG CHÁNH NIỆM ĐƯỢC VÃNG SINH

Tri Quy Tử hỏi Hòa thượng Thiện Đạo: Việc lớn ở thế gian không gì hơn sinh tử; một hơi thở ra không thở vào thì thân này không còn nữa, một niệm sai lầm liền rơi vào vòng luân hồi đau khổ. Đệ tử nhờ thầy dạy pháp niệm Phật vãng sinh rất rõ ràng, nhưng sợ rằng trong thời gian từ khi bệnh đến lúc chết tâm tán loạn lo nghĩ người khác khác, quên mất nhân Tịnh độ. Nay mong thầy chỉ dạy phương cách ngắn nhất để thoát khổ đắm chìm.

Sư bảo: Hay thay! Câu hỏi ấy.

Tất cả mọi người lúc qua đời muốn sinh về Tịnh độ thì phải "Không sợ chết"; thường nghĩ: Thân này thường bệnh khổ, bất tịnh, đủ loại nghiệp ác vãy buộc... Nếu được bỏ nó đi thì mau tới cõi Cực lạc, được vô lượng an vui, giải thoát sinh tử. Nhưng phải buông bỏ thân tâm, chớ nên luyến tiếc. Giống như cởi bỏ áo rách, mặc vào chiếc áo quý giá. Còn trong thời gian từ bệnh đến chết nên nghĩ đến vô thường, nhất tâm đợi chết, dặn bảo gia quyến và người nuôi bệnh, thăm bệnh đến bên cạnh tôi thì luôn niệm Phật, chớ nói những việc lặt vặt việc hay dở trước mắt, cũng không cần phải an ủi, chúc nguyện an vui. Vì đây là những lời sáo rỗng, không có ích lợi.

Bệnh quá nặng, sắp chết thì gia quyến không được khóc lóc, than thở, kể lể... vì sẽ làm cho người sắp chết loạn tâm, mất chánh niệm. Nên đồng thanh niệm Phật giúp họ vãng sinh. Khi tắt thở nên chờ một thời gian, khi nào toàn thân lạnh hết thì mới được tiến hành nghi lễ tẩn liệm. Bởi vì, cho dù còn vướng một ít quyến luyến thế gian, cũng làm trở ngại cho việc giải thoát. Nếu ta hiểu rõ điều này thì phải thường khuyến khích, trợ giúp cho người bệnh thì thật là may mắn. Vì họ sẽ được siêu sinh Tịnh độ.

Hỏi: Tìm thầy uống thuốc có được không?

Đáp: Tìm thầy uống thuốc lúc đầu không ngại gì, nhưng thuốc chỉ chữa được bệnh, không thể cứu mạng, nếu mạng đã hết thì thuốc nào trị được? Nếu giết chúng sinh để làm thuốc thì thật không nên.

Hỏi: Cầu thần ban phước thì thế nào?

Đáp: Mạng người dài hay ngắn đã định rồi, đâu thể nhờ vào quỷ thần để kéo dài mạng sống? Nếu mê hoặc tin theo tà thuyết, giết hại chúng sinh để cúng tế quỷ thần thì tội càng thêm, tuổi thọ càng bớt. Vả lại đại mạng đã hết, tiểu quỷ đâu thể kéo lại được, thế sao còn bàng hoàng sợ hãi tìm mọi phương cách kéo nó lại? Tôi viết bài văn này để thức tỉnh người đời tu tập, đến khi sắp qua đời khỏi sợ thất niệm.

Hỏi: Lúc bình thường không hề niệm Phật, người đó khi qua đời niệm Phật có được vãng sinh không?

Đáp: Bất luận là ai, cho dù lúc bình thường không hề niệm Phật nhưng lúc sắp qua đời nhớ tưởng đến Phật, niệm Phật vẫn được vãng sinh. Tôi thấy nhiều người bình thường hay niệm Phật, lễ Phật, khen ngợi phát nguyện, cầu sinh về Tây phương, nhưng đến khi bệnh lại sợ chết, không dám nói đến chuyện vãng sinh; cho nên khi qua đời sinh vào cảnh giới u tối.

Chết là việc lớn, cần phải cố gắng tu tập mới được. Nếu sai một

niệm thì phải chịu khổ nhiều kiếp. Khổ đó ai thay được mình? Nếu lúc rảnh rỗi, nên cố gắng niệm Phật, đến lúc sắp qua đời con đường đến Tây phương hiện ra rõ ràng, cứ việc thẳng bước tiến về.

Đệ tử là Lâm Vân vất bỏ một lượng bạc để cầu được như ý.

Tín sĩ: Đường Tuấn.

Tín đồng: Đường Quỳnh Ca, Đường Bội ca.

Tín nữ: Trần Diệu Tịnh

Lâm Dẫn Sứ: đồng bỏ hai lượng năm tiền.

Chỉ cầu phước thọ đều thêm nhiều

Nguyện chúng sinh trong pháp giới

Đồng thành Chánh giác.

Nguyên bản ở chỗ Đại sư Liên Trì, Vân Thê, ở Hàng châu. Nay khắc lại tại Tàng kinh đường chùa Quốc hoan, ở Mãn điền. (Xuất Tạng kinh, hòm chữ Doanh, quyển thứ ba).

BÀI TỰA KHẮC LẠI NIỆM PHẬT CẢNH

Tượng Vĩ Lệ, Thiên Hoãng Diệu không vượt hơn Quế Phách; sóng vỗ nước dồi đều bắt đầu từ vực nước sâu. Ấy là “Vạn pháp duy tâm”, công thật sự chỉ còn giữ một niệm, một ngàn bánh xe hợp về một vết bánh lăn không ngoài môn Tổng trì. Đầy đủ diệu môn tối thắng, là con đường tất vượt thoát luân hồi, chỉ là pháp môn niệm Phật.

Bởi, chính Đức Phật A-di-đà hiện thuyền từ cứu độ chúng sinh thoát khỏi kiếp luân hồi. Cánh cửa Tịnh độ mở ra, pháp giới kết hội không phân biệt ai. Đức Thế Chí nghĩ đến mà chứng viên thông, Đức Năng Nhân xưng tám mà xót thương nơi kham nhân. Chúng hội đông như biển đồng quy tụ. Trong rừng cây báu vẳng nghe các nhạc cụ, mười tám Hiền sĩ cùng kết xã Bạch Liêu Hương, tỏ rõ Chân tông, Bi trí song hành. Thánh phàm đều thâu giữ.

Do vậy, bậc y vương che chở thế gian thiết tha dạy bảo, khuyên chúng sinh niệm Phật Di-đà. Các ngài xem pháp môn niệm Phật như mặt trời treo trên hư không, xua tan bóng tối u ám, biến thế giới thành vàng ròng, đưa mọi người lên địa vị Bất thối, ngồi tòa hoa sen, gặp Phật chứng Vô sinh.

Thí như chín hạt ngọc sáng, dù một tấc tơ cũng xâu thành tràng; Như vị của trăm sông đều giống nhau. Muốn khô biển nghiệp phải niệm

Di-đà. Những lời dạy khác bàng bạc bao la, e rằng khó khế hợp Thiền na tịch chiếu. E sợ đi qua đường rẽ, đâu bằng niệm Phật A-di-đà chẳng có chi lao nhọc, chỉ trong khoảng búng ngón tay đã đến cõi Tây phương. Muốn mở rộng pháp thí thì nên khắc in sách này phổ biến khắp nơi để mọi người tu tập, hiểu rõ lời văn trong quyển sách này.

Ngày đẹp trời, hoa nở rợp, mùa xuân Quý Sửu.

Thích tử, như Hiền ở đỉnh lễ chí thành ghi chép thiền môn Quốc Hoan Sùng Phước, Liên Sơn.

Duy tâm Tịnh độ nên ghi lòng
Tự tánh Di-đà vốn sáng trong
Không khổ không lo chân Cực lạc
Không thương không ghét chính Tây phương
Hằng sa công đức xưa nay đủ
Diệu bảo trang nghiêm khó tính lường
Người chủ nhân tốt vô lượng thọ
Thấy nghe thanh sắc rõ đường đường.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 171

NIỆM PHẬT TAM MUỘI BẢO VƯƠNG LUẬN

SỐ 1967
(QUYỂN THƯỢNG - TRUNG & HẠ)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1967

NIỆM Phật TAM-MUỘI BẢO VƯƠNG LUẬN

LỜI TỰA

Có vị khách đến viếng thiền cốc của tôi, trước lễ phép chào, sau dùng lời rất thanh nhã hỏi tôi rằng: “Đối với người tu muốn đường tắt để thành Phật, thì hạnh Thường Bất Khinh của Pháp Hoa Tam-muội và pháp môn Ban châu của niệm Phật Tam-muội đều là vô thượng thâm diệu thiền, nay tôi rất muốn nghe ngài giảng rõ các việc này.”

Đáp: Tôi từ lâu nay đã mặc tu ở núi Cửu Phong, đối với mọi việc thế sự bên ngoài đều không lưu tâm, sách vở cũng không đọc đến. Từ khi ở các chùa núi Tử các, Linh điền, Thiên phước, Pháp hoa, Thắng tràng đến nay đã ba mươi năm, nhiều lần may mắn có các vị hữu danh đến thăm, nhưng xưa nay không nghe ai hỏi như ông. Nay ông muốn bước đến bến rồng vô sinh, muốn tung cánh chim bằng vượt bể Nam, thật chí khí cao lớn. Tôi tự thẹn mình chưa được sáng suốt, nhưng cũng xin thử luận bàn, nay lược chia hai mươi điều để giải thích cho rõ điều này.

SỐ 1967

NIỆM PHẬT TAM-MUỘI BẢO VƯƠNG LUẬN

Đời Đường, chùa Thảo đường, núi Tử các.

Sa-môn Phi Tích soạn.

QUYỂN THƯỢNG

1. NIỆM PHẬT VỊ LAI MAU THÀNH TAM-MUỘI

Xét tâm nhị nguyên, nó hay sinh ra cái mê vọng. Các mê vọng mặc dầu là hư huyễn nhưng lại hay ngăn che. Một khi chỗ ngăn che này chưa dứt, thì các Hiền Thánh lại sinh buồn phiền.

Vốn đầy đủ các âm vận nhưng không thể nói, pháp thân tuy rỗng rang mà đủ các tướng, chỉ vì các tướng không hiển bày nên tạm gọi là không có tướng vậy.

Chỗ yếu chỉ của Nhất thừa là dứt bặc con đường của sự nói năng. Như thế thì làm sao biết được chỗ về của nó. Cái tông thú của Tam-muội là quét sạch mọi tri kiến qua việc nói năng, đâu có phải chỉ là Duy-ma im lặng, Văn-thù khen ngợi mà thôi.

Vì sao? Lưới Đế Thích một khi chưa giăng, làm sao có thể thấy được ngàn châu anh lạc. Một khi lưới đã giăng rồi, vạn mắt lưới đều mở trang. Tắm được biển lớn tức là tắm được nước trăm sông, niệm danh hiệu Phật nhất định thành Phật Tam-muội. Chỉ cần một lời nói thời có thể ngăn dứt tất cả, ý tại chỗ này. Ví như gieo ngọc Ma ni vào trong nước đục, nước đục nhất định thành trong. Niệm Phật gieo vào loạn tâm, loạn tâm quyết định thành tâm Phật.

Khi tâm và Phật đã khế hợp với nhau rồi, thì tâm và Phật đều biến mất. Cả hai tâm và Phật đều mất rồi đó là Định vậy. Cả hai cùng chiếu đó là Tuệ vậy. Cảnh giới này tức là Định và Tuệ đồng nhau thì tâm nào mà chẳng là Phật, Phật nào mà chẳng là tâm. Tâm và Phật mỗi khi mà như vậy rồi, thì vạn cảnh vạn duyên, không chỗ nào là không phải Tam-muội.

Con người ở đời, phần nhiều chỉ ưa niệm tướng mặt như trăng tròn

của đức Thích ca quá khứ, tướng mắt biếc như nước biển của Đức Di-đà hiện tại, tưởng như nhổ hẳn mũi tên độc ra khỏi thân, như được vào cung điện thọ hưởng khoái lạc. Ta cũng xem đó là chỗ rốt ráo của giáo lý. Nhưng chưa nghe ai nói niệm tướng sáng rỡ như các mặt trời tụ lại của chư Phật vị lai như thế nào? Bởi vì không thấu rõ đức Như Lai đối với tâm thô của chúng sinh đã nói ra những điều vi diệu của chư Phật, liền ngăn cách chúng sinh ra ngoài chư Phật. Cho nên, xưa nay chưa từng nghe ai nói về tướng Phật vị lai và không có một ai niệm tưởng.

Trong kinh Tịnh Danh nói: “Có người ngửi hương chiêm bặc, không ngửi hương nào khác, và có người hoa có dính vào thân, có người hoa không dính vào thân.” Đây là đề cao lý Đại thừa. Hạ Tiểu thừa xuống thì bày chỗ ôm bát mà chẳng biết gì. Đưa Đại thừa lên là đồng đến lý bất nhị. Kinh Pháp hoa là kinh quyết định rõ pháp Thanh văn. Là vua trong tất cả các kinh. Ý chỉ của tất cả mùi hương chiêm bặc và hoa không dính trên thân rõ ràng là vậy.

Do vì chưa phải là bậc chứng đạo, nên xưng chư Phật là bậc chí tôn, chúng sinh là kẻ chí tiện, mà khi còn ý cao thấp sinh ra, thì các mê vọng có duyên sinh khởi. Tâm niệm cung kính hay kiêu ngạo mỗi khi khởi lên, thì tánh chân như nhất vị sẽ ẩn mất. Xét như thế thì coi vạn vật tầm thường như cỏ rác, xem thiên hạ nhỏ nhoi không ra gì, khinh mạn lễ nghi, nghênh ngang với người trưởng thượng, tâm và mắt mặt tình thả theo cảnh vật, chẳng chịu khuất mình. Đó là điều trái ngược với kinh Duy-ma: “Tất cả cái thấy, tất cả cái cung kính đều là món cúng dường tối thắng trong các món cúng dường.” Lại không tin kinh Lăng Già nói: “Như Lai tạng tự tánh thanh tịnh, chuyển ba mươi hai hảo tướng vào trong tâm của tất cả chúng sinh, ví như châu bảo vô giá buộc vào áo bẩn.” Há đâu thấy được người ăn xin hèn hạ nhất trong thành bình đẳng, không khác nhau với đức Nan Thắng Như Lai.

Nếu niệm đủ tam thế chư Phật, quán khắp các đức Thế Tôn mười phương,thì phù hợp với lý thú của Bát-nhã. Hết thảy hữu tình đều là Như Lai tạng, tự thể của Bồ-tát Phổ Hiền biến khắp. Trong tất cả các tướng, kẻ bần nữ mà mang thai giống chúa, hạt gạo có ngay trong vỏ trấu, như gương trong có thể nhìn thấy, thì há còn phải lo gì vướng tám điều kiêu mạn đáng trách đó ư?

Người đời phần nhiều khinh thường Phật vị lai, mà không dám khinh thường thân sắc vàng của chư Phật quá khứ và hiện tại. Thật ra, đó là không biết nguồn gốc phát khởi ra các tội lỗi, đều từ Phật vị lai mà không từ Phật hiện tại. Nếu không có chúng sinh thì làm sao có Phật vị

lai. Chúng ta cần biết, sở dĩ mẹ được quý trọng là nhờ con, gạo đắt là do vỏ. Nếu ai mà tâm mình hợp với tâm của Bồ-tát Thường Bất Khinh trong kinh Pháp Hoa, thì niệm Phật Tam-muội, quyết định sớm muộn gì cũng chắc chắn thành tựu.

Hỏi: Pháp hoa là Pháp, niệm Phật là Phật. Tại sao nay lại lấy Pháp làm Phật, lấy Phật làm Pháp, đây không phải là chỗ lẫn lộn lớn đó sao?

Đáp: Lý này không có sự lẫn lộn, bởi cội nguồn của Phật và Pháp chỉ là một thì làm sao có sự lẫn lộn được. Ví như loại thuốc chi mộc, nó là loại thuốc của tiên. Trước đây lúc còn ở trên trời, thì nó không gọi là thuốc "Tiên" Nhưng vì con người khi uống thuốc này, thì mọc cánh mà bay trên mây, cho nên thuốc này mới được gọi là thuốc tiên và người bay được gọi là tiên. Người và thuốc vốn hoàn toàn khác nhau, nhưng đồng được gọi tên "Tiên". Giả sử không có Thánh nhân, thì ai là người có` thể vui với đạo. Pháp nếu không do chư Phật ngộ, há đâu nó thể tự ngộ, niệm Phật Tam-muội làm sao có thể sánh được. Phật nếu không có Pháp thì không thể tự hiển bày, Pháp hoa Tam-muội làm sao phát khởi được? Chỉ một loại tiên mà hai thứ người và thuốc đều được tên tiên. Niệm Phật và Pháp hoa đồng là trí tuệ của Phật. Phật Tuệ mỗi khi đã đồng, thì pháp môn thiền vô thượng thâm diệu, nghĩa là Thường Bất Khinh và Ban châu Tam-muội ngay đây được chứng ngộ, chưa từng có dị biệt, điều đó có gì đâu mà nói là lẫn lộn được.

2. NGƯỜI NỮ KẺ TRỘM ĐỀU KHÔNG NÊN KHINH THƯỜNG:

Tất cả chúng sinh đều là chư Phật vị lai. Người nữ và kẻ trộm đều là những người ác, làm sao họ có thể niệm Phật cung kính được?

Đáp: Như Đức Phật đã từng dạy, con người ở thế gian có hai là Đối đãi môn và Trạch liễu môn. Nói Đối đãi môn thì nữ nhân là kẻ hư ngụy còn Như Lai là bậc chí chân. Nghĩa là Phật là đấng đáng tôn sùng còn nữ nhân thì nên xa lánh. Để xa lánh nữ nhân, trong đạo Phật có hai cách, đó là quở trách sự ham muốn và khởi tâm quan sát.

Thế nào là quở trách sự ham muốn? Như trong kinh Bồ-tát ha sắc dục có nói: "Nữ sắc là gông cùm của thế gian, kẻ phàm phu đắm trước, không thoát ra được. Nữ sắc là bệnh nặng của thế gian, kẻ phàm phu bị hành hạ đến chết mới thôi. Nữ sắc là tai họa của thế gian, kẻ phàm phu gặp phải, không tai họa nào mà không có. Người tu nào đã trừ bỏ được nữ sắc, lại còn nghĩ tưởng đây là từ trong ngục tù đã thoát ra, lại muốn trở vào, hết cuồng mê, lại muốn điên nữa, đã hết bệnh rồi, lại cầu bệnh

nữa. Kẻ trí sinh tâm xót thương, thấy họ do cuồng si điên đảo nên chết mà không được sáng suốt.”

Phàm phu say đắm nữ sắc, cam làm nô bộc, suốt đời hầu hạ, vì họ mà chịu lắm nỗi khổ cực. Tuy ở trong vòng sắt ngàn dao, gần gũi mũi dùi tên nhọn, vẫn không cho đó là khổ. Kẻ đã cuồng say thì ưa thích các việc điên đảo, không bao giờ cho đó là lỗi lầm.

Hành giả nếu có thể xa lìa nữ sắc, không còn lưu tâm nữa, đó là phá được gông xiềng, thoát cuồng si, chán bệnh tật, lìa khỏi tai họa, tức được an ổn khoái lạc, thoát khỏi ngục tù, vĩnh viễn không bao giờ còn chịu hoạn nạn.

Luận về người nữ, lời nói của họ ngọt như mật, nhưng tâm của họ lại như thuốc độc. Ví như dòng suối tuy lặng trong nhưng có giao long ẩn trú, hang báu có núi vàng nhưng có sư tử nấp ở. Người tu phải rõ cái họa nữ sắc, không nên thân cận. Trên thế gian này, sở dĩ gia đình bất hòa, là do người nữ, hủy hoại tôn tộc cũng chính người nữ. Người nữ đúng là giặc ngầm, hoại diệt trí tuệ sáng suốt của con người, cũng như thợ săn giăng lưới, không thú nào có thể thoát được, cũng như lưới bủa trên cao, tất cả bầy chim đều lọt vào, không thể bay ra. Lại như lưới thả xuống sông, cá đã rơi vào tất sẽ nằm trên thớt, cũng như hầm lửa, kẻ mù lọt vào tất rước họa thiêu thân.

Cho nên kẻ trí biết được tai họa như thế, thì nên lánh xa nữ sắc, không để bị hại, cần sinh tâm chán lìa và nhờn gớm, không để nữ sắc làm mê hoặc. Trong kinh Đại Bảo Tích, Đức Phật vì vua Ưu-bà-diên mà nói bài kệ sau:

Là núi đao gai nhọn
Tên độc và các khổ
Nữ nhân là chỗ tụ
Của nhiều thứ khổ đau
Nhờ có các hương hoa
Mà trang điểm đẹp đẽ
Người ngu do nơi đây
Mà vọng khởi tham cầu
Như chìm giữa biển cả
Mê theo bờ bên kia
Chết rồi tất đọa lạc
Vào địa ngục A-tỳ
Hiện đời thấy các khổ
Đều theo thân đến mãi

Bị bạn lành xa lánh
Mất hẳn nẻo về trời
Thà vào trong ngục sắt
Chạy nhảy trên núi đao
Nằm trên giường lửa ngủ
Chớ có gần nữ sắc.
Như chim tìm thức ăn
Không biết tránh xa lưới
Tham đắm nơi nữ sắc
Cũng bị hại như vậy.
Ví như cá trong nước,
Rơi vào vòng lưới giăng
Liền bị người khác bắt
Há không bị tổn thương.
Nữ nhân là kẻ chài
Lừa dối giống như lưới.
Người nam giống như cá
Bị lưới cũng như vậy.

Thế nào là khởi tâm quan sát? Như kinh Đại Bảo Tích nói: "Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi bảo Thiên tử Thiện Trụ rằng: Nếu người nào nhất tâm, tinh chuyên tu tập, thì khi tham dục phát sinh, cần nên rõ biết, rồi sử dụng phương pháp phá trừ, để tâm trở lại thanh tịnh. Phá trừ như thế nào?

Bằng cách suy nghĩ như thế này: "Tham dục này là không, là bất tịnh, tâm tham dục này sinh ra và diệt đi, nó không từ đâu đến và không đi về đâu. Trong tâm đó thử hỏi có ai nhiễm, ai được nhiễm và ai là pháp nhiễm. Khi quan sát như thế, tức không thấy pháp nhiễm, không thấy sở nhiễm và không thấy sự nhiễm. Do bởi không thấy nên không có nắm bắt, không có xả trừ. Do bởi không có xả trừ nên không có ái nhiễm. Không có xả trừ, không có ái nhiễm, đó gọi là ly dục tịch tĩnh Niết-bàn. Người đã quan sát được như thế, nếu như có phóng tâm vào trần lao sinh tử, cũng không bị các phiền não nguy hiểm tham, sân, si quấy phá. Đây gọi là khởi tâm quan sát." Trên đây là giải thích về Đối đãi môn.

Còn Quyết (Trạch) liễu môn, là xét cứu cánh xa lìa các vọng tưởng, không còn ô nhiễm như hư không. Đó chính là chư Phật quá khứ, chư Phật hiện tại, chứ chẳng phải là chư Phật vị lai. Ông há chẳng nghe: "Muốn được ngọc vô giá phải lặn xuống biển sâu, muốn tìm được trí tuệ

báu phải tìm trong phiền não. Tướng ngũ nghịch là tướng giải thoát, cõi ma như tức là cõi Phật như.” Nếu nghe tiếng nói của Phật mà vui, nghe âm thanh Ma mà nổi giận, thì không thể nhập vào pháp môn âm thanh, chẳng trụ nơi ranh giới thật của âm thanh chẳng thấu triệt được lý tánh các pháp. Đó là kẻ “quay ngược xe mà muốn tiến lên”. Người đã như thế thì làm sao cùng họ luận đạo được.

Để nói cho ông rõ, như kinh có đoạn: “Xưa có vị tiên nhân tên Lộc Đề, nhân vì trời mưa đường xá trơn trợt, ông đi hay bị vấp ngã, tức giận ông dùng thần chú của chư Tiên làm trời hạn hán. Mọi người trong nước ai cũng lo lắng. Nhà vua bèn sai một cô gái đẹp đến dụ dỗ ông. Khi dụ được, cô gái cưỡi cổ ông mà đi vào thành. Lúc đó mây ùn bốn phương kéo đến, mưa tuôn xối xả ngập tràn. Vị tiên này tuy có thần thông chế ngự được gió mạnh, nhưng không chế ngự được sắc dục. Tiên nhân đó chính là tiền thân của Đức Phật Thích-ca, nữ nhân kia là tiền thân của Gia-du-đà-la.”

Trên pháp hội Pháp hoa, Đức Phật đã thọ ký cho Gia-du-đà-la: “Tương lai sẽ thành Phật hiệu là Cụ Túc Thiên Vạn Quang Tướng Như Lai.” Người niệm Phật mà chỉ thấy dung nhan cô gái, không thấy sắc vàng báu của Phật Quang tướng, đó là đánh mất tông chỉ Thường Bất Khinh. Người niệm Phật với tâm ô nhiễm như thế làm sao thành tựu niệm Phật Tam-muội.

Lại như tôn giả A-na-luật, tiền thân làm kẻ trộm. Một hôm vào chùa trộm châu báu nơi chánh điện, thấy đèn lụn gần tắt, Ngài bèn dùng que tre khêu tim cho ánh sáng đừng tắt. A-na-luật phiên âm là Không tắt. Do duyên lành này mà tương lai ngài sẽ thành Phật, hiệu là Phổ Minh Như Lai.

Người niệm Phật còn không khinh kẻ ăn trộm, huống gì là khinh kẻ không ăn trộm (người nữ). Luôn thấy họ đều là hai vị Phật tương lai. Ví như mặt trời hừng sáng, thì lo gì Tam-muội chẳng thành.

3. THẤY NGƯỜI TRÌ GIỚI HAY PHÁ GIỚI NÊN SINH Ý TƯỞNG ĐÓ LÀ Phật

Hỏi: Với trường hợp hai loại người: Phá giới và trì giới thật khó hiểu. Kinh Phạm Võng nói: “Người nào thọ Phật giới, tức vào địa vị chư Phật.” Những vị xuất gia giữ trọn giới cấm như trăng rằm, như đeo ngọc anh lạc, được dự vào một trong ba ngôi báu, thật là đáng quý. Còn đối với kẻ chẳng trì giới trang nghiêm, hành động điên đảo sa đọa, chúng ta coi thường lỗi lầm của họ sao? Bỏ qua tội nghiệp của họ ư? Mong được phân giải điều này?

Đáp: Đức Thế Tôn, ở trong kinh Tam-muội Hải, đã từng dạy đức vua Tịnh Phạn: “Xưa có bốn vị Tỳ-kheo phạm trọng giới, sinh tâm hổ thẹn, có ý buông xuôi, không chịu tu tập. Bỗng nghe giữa hư không có tiếng nói: “Các ông đã vi phạm trọng giới, nhưng cho rằng không thể sám hối là không đúng. Đức Không Vương Như Lai, mặc dầu đã nhập Niết-bàn, nhưng Thánh tượng của Ngài vẫn còn. Các ông nên vào tháp thờ Ngài. Một lòng quán tưởng tướng lông trắng giữa chặng mày của Ngài, thời tội lỗi sẽ tiêu diệt.” Bốn vị Tỳ-kheo nghe được, đối trước Thánh tượng Như Lai, rơi lệ mà tác bạch: “Tượng Phật Ngài có năng lực như thế, huống là chân dung của Ngài”, rồi gieo xuống đảnh lễ như núi lớn sụp đổ. Bốn vị Tỳ-kheo phạm trọng giới đó ngày nay đều thành Phật ở bốn phương. Vị thứ nhất thành Phật A-súc-bệ ở phương Đông, vị thứ hai thành Phật Bảo Tướng ở phương Nam, vị thứ ba thành Phật Vô Lượng thọ ở phương Tây, vị thứ tư thành Phật Vi Diệu Thanh ở phương Bắc. Do vậy, Phật gọi pháp Quán Phật Tam-muội này là Đại Bảo Vương Giới Phẩm Hải. Pháp quán này có thể tẩy trừ tội phá giới, đạt được sự thanh tịnh trong cõi trần lụy. Bốn vị Tỳ-kheo phá giới đó, chỉ có nhất tâm quán tưởng Phật tượng mà thành đấng Thế Hùng (Phật). Như thế, người niệm Phật há có thể sinh tâm coi thường các vị Tỳ-kheo phá giới hay sao?

Vì thế nên trong kinh Đại Tập có đoạn nói: “Nếu các vua quan đánh dập, chửi mắng các vị Tỳ-kheo trì giới hoặc phá giới, thì mắc tội đồng như làm cho trăm ức Đức Phật ra máu. Nếu thấy các vị Tỳ-kheo không luận là người trì giới hay phá giới, đều nên sinh ý tưởng các vị đó đều là chư Phật, tức đang tu pháp Niệm Phật Tam-muội.” Đây là lời nói xuất từ kim khẩu của Phật, thuyết minh về pháp môn Bất Khinh rất sâu sắc. Chúng ta đâu có thể đánh đập, chửi mắng các vị Tỳ-kheo phá giới mà không kết thành quả báo hay sao?

Kinh nói: “Thà để tâm theo ta, chớ đừng chạy theo tâm.” Người niệm Phật thấy tâm xan tham thì khởi tư tưởng bố thí, thấy người phá giới thì khởi tư tưởng trì giới. Người tu như thế thì không bị lục tệ trói buộc, bởi vì cảnh giới lục tệ đã trở thành pháp môn Lục Ba-la-mật. Nếu ai còn trụ vào tâm phân biệt, tức đang tự lãnh lấy hình phạt nơi chốn âm ty. Như vậy chẳng đáng buồn hay sao? Nếu có thể chuyển đổi tâm thấy biết (khinh người phá gióі) này thì Niệm Phật Tam-muội như dòng sông chảy vậy.

4. HIỆN DANG ĐỌA ĐỊA NGỤC VẪN ĐƯỢC THỌ KÝ

Hỏi: Nếu người phá giới quán tưởng Thánh tượng Phật mà thành

chánh giác, chúng ta không được sinh tâm khinh thường, điều này tôi có thể tin được. Nhưng hiện nay có các chúng sinh đang đọa địa ngục, ngạ quỷ. Đối với hạng người này tâm Bồ-đề rất khó phát, chưa có ngày đầu thai vào cõi thiện, mà lại bảo cung kính họ như người niệm Phật thanh tịnh, lý này làm sao thông được?

Đáp: Ông không nghe nói: "Muốn có thuốc quý phải vào núi sâu, chẳng thể tìm nơi vườn hoa mà có được. Muốn có được pháp an lạc phải tìm nơi hiểm nạn, chẳng thể tìm nơi pháp vô vi mà có" sao.

- Trong kinh Thủ-lăng-nghiêm, đức Phật có thuyết bốn loại thọ ký:

1. Chưa phát tâm thọ ký.
2. Sơ phát tâm thọ ký.
3. Ngầm thọ ký.
4. Hiện tiền thọ ký.

Nay những chúng sinh đang đọa trong địa ngục, ngạ quỷ là những người thuộc diện chưa phát tâm thọ ký. Những người này Đức Phật thọ ký cho họ tương lai sẽ phát tâm, gặp được Thiện tri thức, thực hành Bồ-tát đạo, cuối cùng sẽ thành Phật. Vì vậy, chúng ta không nên khinh thường họ.

Sau khi Đức Phật thuyết minh xong bốn loại thọ ký này, ngài Ca-diếp liền bạch Phật: "Bạch đức Thế Tôn! chúng con kể từ nay trở đi, đối với tất cả chúng sinh đều sinh tâm nghĩ tưởng như là Phật. Nếu sinh tâm khinh thường họ, tức là làm tổn hại bản thân mình." Phật bảo: "Lành thay! Ông nói rất đúng, con người không ai đủ khả năng lượng xét chúng sinh, chỉ có đức Như Lai mới có thể lượng xét được chúng sinh. Do nguyên nhân như thế, ta căn dặn các vị Thanh văn, cùng với Bồ-tát, đối với tất cả chúng sinh đều khởi ý tưởng họ là Phật." Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện, phần phá trừ trăm vạn cửa chướng cũng sử dụng tư tưởng này.

Lý như thế, thì những chúng sinh đang đọa trong Địa ngục, Ngạ quỷ được Phật thọ ký, cũng như kẻ nghèo hèn đang ở trong nhà đầy của báu chưa mở cửa, không ngăn ngại gì vật báu ở trong nhà, cũng như người trên trán có hạt châu vô giá, dù có đánh nhau làm nó lún vào trong da, nhưng hạt châu vô giá vẫn không mất.

Nếu ai không khởi ý nghĩ chúng sinh là vị Phật tương lai, thì hạng người đó xem lục trần như giặc cướp, giống như cảnh muốn ngăn quân ma mà tự đi phá thành lũy, như để quân thù địch sống chung một nhà, sẽ thường khởi sự oán thù. Giáp sắt chưa cởi thì trống trận còn vang, đâu

có thể an tâm nghỉ ngơi. Nếu làm cho kẻ chưa đầu hàng đến đầu hàng, người chưa khâm phục đến khâm phục, tất sẽ thống nhất được thiên hạ. Cờ một khi đã trương lên phất phới, tức mọi người ồ ạt noi theo, lúc đó ta mới có thể từ giã yên ngựa mà về quê vui thú ruộng vườn. Mặt trời mọc ra đồng làm, mặt trời lặn thì nghỉ ngơi. Như thế, dù các bậc Thánh như Nghiêu Thuấn cũng không an ổn bằng ta được. Thấy trăm họ hằng ngày mà không biết một người. Lúc đó mới hiểu được chỗ giáo hóa của Phật quả là rộng lớn. Nếu ai có thể tỏ ngộ được âm thanh, sắc tướng là Phật, đối với chúng sinh khởi tướng như là các vị Phật tương lai, thì người đó làm sao còn cảnh tượng phàm tục nào có thể ở trước mặt nữa. Hoặc ai nghĩ được tự thân là đấng Bổn tôn (Phật) thì pháp môn Du-già chân ngôn diệu quán tự nhiên không cầu mà được.

Bởi do nghĩ tưởng lý bình đẳng mà có, chẳng phải là rỗng rang gì, thì sẽ thấy đại bàng và chim sẻ đồng đẳng như nhau, núi Thái Sơn và lông hồng không khác. Nghĩ được như thế, tức không còn tâm hạn hẹp về nòi giống, hết mọi lo toan về sắc trần huyễn cảnh.

Hỏi: Kẻ đang đọa trong địa ngục, chưa có thể phát tâm Bồ-đề, đức Pháp vương Như Lai, thương xót họ mà thọ ký với ngàn hào quang chiếu thân, mười hiệu tròn đầy, đã là lời Phật, thì ai dám không tin. Song hiện nay họ chưa tỏ ngộ, thì do đâu mà họ có thể tỏ ngộ?

Đáp: Nói những người trong địa ngục chưa ngộ, cũng đồng như nói: "Nước sông Trường Giang, chỉ đầy một chén." Kẻ mê mờ vẫn còn đủ hai kiến (đoạn kiến và thường kiến). Nếu cho rằng: ngoài niệm lập vô niệm, ngoài sinh lập vô sinh, tức sinh tử khác với Niết-bàn, thì tất cả lời Phật không thể dạy dỗ được ai. Nếu người nào liễu tri được niệm chính là vô niệm, quán sinh chính là vô sinh, phiền não chẳng khác Bồ-đề, thì chính ngay đây ngộ được "Nhất tướng trang nghiêm" giống như bầy ong ở trên núi, trong tổ toàn là mật, như dưới giếng sâu lại có đầy châu báu. Đó đều là vốn có, chẳng phải xưa chưa có mà nay mới có.

Khởi tưởng ý niệm chúng sinh là chư Phật vị lai, thì mọi tội lỗi biết nương vào đâu mà phát sinh. Chúng ta trải tâm ra khắp mọi duyên, đều thấy toàn là Như Lai, thì mọi thứ tham, sân, si... từng sinh, ngay đó làm sao có được. Trong Kinh Như Lai Tạng, Đức Phật từng bảo Bồ-tát Kim Cang Tuệ: "Thiện nam tử! Ta dùng Phật nhãn quan sát tất cả chúng sinh, trong các phiền não tham lam, sân hận, si mê, ái dục, đều có Như Lai trí, Như Lai nhãn, Như Lai thân, vững ngồi kiết già, nghiễm nhiên không động, đầy đủ đức tướng như ta không khác. Kế đó, Đức Phật bèn nói rộng ý nghĩa tất cả chúng sinh đều có Như Lai tạng, dùng chín thí

dụ để hiển bày. Trong luận Bảo Tánh có giải thích điều này và kết luận bằng bài kệ sau:

Trong hoa héo ẩn tàng chư Phật
Giữa phân nhơ cũng có vàng thật
Như trong đất hàm tàng trân bảo
Như trong quả vốn có mầm non
Ngay cây mục vẫn đủ ca-sa
Trong ràng buộc vốn đầy Phật tượng
Ở cô gái nghèo hèn xấu xí
Sẵn có hình Chuyển luân Thánh vương
Ngay trong chỗ than bùn đen cháy
Đều đủ đầy tượng báu Như Lai
Trong chúng sinh còn tham sân si
Dấy vọng tưởng đảo điên phiền não
Cùng mọi cảnh trần lao ô nhiễm
Đều vốn có đủ Như Lai tạng
Dưới nhẫn đến A-tỳ địa ngục
Cũng đều có cả Như Lai thân
Các pháp chân như thuần thanh tịnh
Được gọi tên là thể Như Lai.

Kệ tụng này đã chứng minh việc Phật thọ ký cho các chúng sinh đang đọa trong địa ngục, sẽ bừng lên trí tuệ giác ngộ, các môn Tam-muội sẽ tự nhiên thành tựu.

Hỏi: Người dụng công tu hành, luôn phải giữ tâm thanh tịnh, mọi sự phan duyên đều nên chấm dứt. Tại sao ở đây lại nói người tu cần khởi tâm quán sát khắp tất cả các duyên, chỗ của các duyên đều thấy là Như Lai. Lý này dạy như thế nào?

Đáp: Trong kinh điển Đại thừa có dạy, người tu khởi tâm quan sát khắp các duyên lục trần, tam nghiệp, nhưng vẫn phát đại nguyện vãng sinh về thế giới chư Phật, mỗi mỗi chỗ khởi duyên đều thấy Như Lai. Đây là cái thấy của bậc Thánh, chẳng phải là cái thấy của kẻ phàm phu. Vì vậy, kinh Niết-bàn nói: "Hàng Thanh văn tuy có thiên nhãn, nhưng vẫn gọi là nhục nhãn. Người tu Đại thừa, tuy là nhục nhãn song vẫn gọi là Phật nhãn. Vì sao? Vì họ thấu rõ được trong thân phàm phu này có chứa Phật tánh." Lại như trong kinh Thắng Thiên Vương nói: "Đức Phật bảo Thiên Vương Bồ-tát Ma-ha-tát, dùng sức phương tiện, thục hành sáu pháp Ba-la-mật, đối với tất cả các pháp, tâm khởi duyên tự tại. Tâm duyên với sắc thì mong được thấy sắc thân vô sở đắc của chư Phật.

Tâm duyên với âm thanh, thì mong ngửi được giới hương thanh tịnh của chư Phật. Tâm duyên với vị thì mong được thành tựu tướng đệ nhất đại tượng phu của chư Phật. Tâm duyên với xúc thì mong được bàn tay nhu nhuyến của chư Phật. Tâm duyên với Pháp thì mong thành tựu được tâm tịch tịnh của chư Phật. tâm duyên đến thân mình thì mong được thân kim cang bất hoại của chư Phật. Tâm duyên đến khẩu mình, thì mong được thành tựu kim khẩu của chư Phật. Tâm duyên đến ý mình, thì mong được thành tựu ý bình đẳng của chư Phật.

Này Thiên vương, vị Bồ-tát Ma-ha-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thì không có một tâm, một hạnh nào trải qua một cách trống rỗng mà không hướng về trí tuệ Bát-nhã. Tâm luôn duyên khắp các pháp nhưng không đắm trước các pháp. Quán khắp các pháp, nhưng không lúc nào mà chẳng hướng về đạo Bồ-đề. Bồ-tát tu hành các hạnh, đều nhờ ngoại duyên mà được thành tựu.

Lại như đất khô nằm trên mặt nước, nếu đào giếng thì sẽ có được nước để sử dụng. Nếu không chịu đào giếng thì không do đâu mà có nước. Như vậy, cảnh giới của các bậc Thánh ẩn khắp tất cả các pháp. Nếu siêng năng tu tập phương tiện Bát-nhã thì liền chứng được. Còn nếu không tu tập, làm sao chứng được cảnh giới bậc Thánh. Do đó, lý tâm duyên các pháp, há không quan trọng lắm hay sao?

5. QUÁN KHÔNG, VÔ NGÃ CHỌN THIỆN MÀ THEO:

Hỏi: Như đã nói, động tức là tĩnh, tĩnh là chủ của động, phàm tức là Thánh, Thánh ẩn trong phàm. Nay tôi đã nghe được cái lý sâu xa này. Nhưng còn lý vô ngã của tam giáo (Nho, Đạo, Phật) lý này thì không khác gì với việc tu hành là chọn điều thiện mà theo. Nghĩa này như thế nào?

Đáp: Lý vô ngã của tam giáo, cũng không nói là khác, nhưng không thể cho là giống nhau. Bởi lý vô ngã trong Tứ thư của Khổng Tử, thì lấy nghĩa khiêm hạ làm vô ngã, còn theo Đạo giáo, cho sự phát triển không có chủ tể làm vô ngã, còn lý vô ngã của Phật giáo thì lấy tư tưởng "Ngũ uẩn giai không" làm vô ngã.

Hai nghĩa vô ngã của Nho và Đạo chủ trương thì không thấu tỏ tư tưởng Ngũ uẩn, chẳng rõ ràng như lý Tứ đế, Lục độ vạn hạnh như Phật giáo. Còn về cấp bậc Hiền Thánh, hai giáo (Nho, Đạo) đều không bàn đến, chỉ trong Phật giáo mới có nói. Bậc Hiền Thánh trong Phật giáo là bậc hòa quang đồng trần, luôn giữ lấy vẻ nhu hòa lại kiệm ước, không đua tranh trong vòng danh lợi của thiên hạ. Ở trong cấp độ mỗi bậc Thánh của Phật giáo, xét theo phương diện động dụng đều có cạn sâu

khác nhau. Trên đây là giải thích sơ lược lý vô ngã của tam giáo.

Còn nói đến việc chọn thiện mà theo, là bàn đến lý của ba tánh (thiện, ác và vô ký). Lý này không phải tự bày ra mà sẵn có. Người tu hành cần phải chọn điều thiện mà theo. Do vì điều ác không hoàn toàn có lợi cho pháp chí chân, còn vô ký thì làm mất cả hai tánh thiện và ác. Nguyên nhân làm chướng loạn lý Phật, thì không ngoài hai tánh ác và vô ký này. Cho nên bậc Thánh nhân phải trừ bỏ hai điều ác và vô ký mà chẳng giữ. Vì vậy, kinh Niết-bàn nói: "Hạng Nhất xiển đề là hạng mà tâm không phan duyên với tất cả pháp thiện, cho đến không sinh một niệm thiện." Thế nên biết, đối với pháp Niệm Phật Tam-muội, thì điều thiện là tối thượng, là hạnh đứng đầu trong muôn hạnh. Nên nói thiện là vua của Tam-muội vậy.

6. KHÔNG CÓ ĐIỀU THIỆN NÀO ĐỂ CHỌN, KHÔNG CÓ ĐIỀU ÁC NÀO ĐỂ BỎ:

Hỏi: Nếu tu hành là chọn điều thiện để theo, như thế đâu khác gì việc chọn điều thiện của chư Phật, xả bỏ các điều ác của chúng sinh, thì làm sao gọi là niệm các chư Phật vị lai đồng như niệm chư Phật quá khứ và hiện tại được?

Đáp: Ngay câu hỏi của ông nêu ra đã trở thành câu trả lời của ông rồi. Tại sao? Bởi vì câu nói chọn thiện mà theo chỉ là câu nói bất đắc dĩ mà thôi. Vì đối với kẻ trí lực còn kém, nghiệp chướng sâu dày, chưa có thể dứt điều ác làm điều thiện, chưa có thể dứt vọng niệm chứng chân như được. Cho nên, đối với hạng này phải chọn lựa điều thiện, xa lánh điều ác rõ ràng. Còn nói: " Người nào có thể niệm được chư Phật vị lai và thực hành hạnh Bất khinh, đã thấy được trời đất như ngón tay không phân cách, thấy được vạn vật như ngựa độc nhất không sai biệt. Thấy được chúng sinh đều là Phật, quốc độ Sa-bà này thường thanh tịnh, hoàn toàn khác cách nhìn quốc độ này là cõi uế độ của Xá-lợi-phất, đồng với cái nhìn quốc độ này đầy trân bảo trang nghiêm của Phạm thiên, như thế là đạt đến chỗ rốt ráo không có điều thiện nào để chọn, không có điều ác nào để bỏ. Đây đồng với chỗ giải thích trong kinh Pháp Hoa của đại sư Trí Giả khi nói về diệu chỉ của tuyệt đãi, đã dẫn chứng rất rõ ràng:

Chúng sinh thấy kiếp tận, khi lửa lớn thiêu đốt; Chỗ ta đây yên vui, chư Thiên nhân đông nhiều, Vườn rừng các lâu đài, Mỗi mỗi báu trang nghiêm.

Lại trong kinh Thắng Thiên vương cũng có nói: "Cảnh giới của Phật ở, thật ra không phải là cảnh giới uế. Nhân vì chúng sinh nghiệp

nặng, phước kém mà thấy cảnh này là bất tịnh." Đoạn trên cũng là chỉ ý này.

Tiếng Phạm "Nam-mô", nhà Đường dịch là Quy Mạng. Tiếng Phạm là A-di-đà, nhà Đường dịch là Vô Lượng Thọ. Tất cả chư Phật trong ba đời, vì sao lại riêng kính một Đức Phật là Vô Lượng Thọ? Nay cùng niệm tam thế Di-đà, đồng sinh cõi Cực lạc ở mười phương như thế có điều gì là không được, mà lại bỏ lối nhanh, đi theo đường chậm. Tuy nhiên, chỉ như thế (niệm Di-đà) mới có thể thổi bùng được ngọn lửa Tam-muội đốt cháy, không một mảy may ong muỗi tri kiến còn sót lại, mới có thể gióng được tiếng chuông thập niệm ngân vang. Không lơi lỏng gián đoạn, không tán loạn mà niệm Phật, niệm Di-đà thông tam thế đã được như thế, thì niệm chư Phật, Bồ-tát há không được như thế hay sao?

Hỏi: Niệm chư Phật vị lai bình đẳng như niệm chư Phật quá khứ và hiện tại, tôi muốn nghe giảng rõ lý này?

Đáp: Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Tất cả các đức Như Lai đều đồng một pháp thân, một thân, một trí tuệ, lực vô úy cũng như vậy." Bài kệ trong kinh Lăng-già nói: "Này Ca-diếp, Câu-lưu-tôn và Câu-na-hàm là ta. Có bốn thứ bình đẳng mà ta là Đức Phật, ta sẽ vì ông mà nói rõ bốn thứ bình đẳng đó.

1. Tên bình đẳng, cả bốn vị đó đều có tên chung là Phật.
2. Âm thanh bình đẳng, bốn vị đó đều có chung tướng âm thanh Ca Lăng-tần-già.
3. Chứng pháp bình đẳng, bốn vị đó đều chứng pháp Bồ-đề phần vì trí vô chướng ngại.
4. Thân bình đẳng, bốn vị đó đều có chung pháp thân tướng âm thanh tốt đẹp không sai biệt."

Luận Khởi Tín nói: "Do đường đi mà phương hướng chuyển, chứ thật ra phương hướng không chuyển." Nói như thế, thì kẻ ngộ (hiểu được) chỉ cần nhận ra được một phương hướng, thì tất cả các hướng còn lại đều nhận biết, niệm một Đức Phật thì tất cả các Đức Phật đều hiện tiền.

Kinh nói: Nước không bay lên cao, trăng không hạ xuống thấp, do nguyên nhân trăng rực sáng trên bầu trời, chiếu xuống nước trong mà hiện hình. Đức Phật Di-đà vốn không đến, thân chúng sinh vốn không đi, do nhân duyên niệm Phật mà trăng báu Như Lai hiện rõ trong nước tâm thanh tịnh của chúng sinh, như bài kệ có nói:

Bồ-tát như trăng lành trong mát,

Vận hành nơi cứu cánh hư không.
Nước tâm chúng sinh khi tịch tịnh,
Bóng Bồ-đề sẽ hiện vào trong.

7. THỊT TẤT CẢ CHÚNG SANH ĐỀU KHÔNG ĐƯỢC ĂN:

Hỏi: Thịt chúng sinh là thức ăn của mọi người, tại sao người niệm Phật lại không được ăn?

Đáp: Ngày xưa vua Thi-tỳ vì cứu chim bồ câu mà tự leo lên cân để cân thịt mình. Bởi vì nhà vua nghĩ mình và chim tuy hình thù khác nhau, nhưng đều có chung một nỗi ham sống sợ chết, tại sao ta ăn thịt chúng sinh để nuôi dưỡng tấm thân hư hoại, rồi cứ vô tư không nghĩ đến nỗi đau đớn của con vật khi bị giết. Nếu hiểu được lý chúng sinh là chư Phật vị lai, thì còn ai dám làm cái việc săn mồi bẫy thú, để rồi tự lãnh lấy cái chết đau khổ như con chim phi ly bay vào lửa nóng. Cho nên, trong kinh Lăng-già, Bảo Tích phẩm Phật Ngữ Tâm, Phật có nói bài kệ:

Vì lợi mà giết chúng sinh
Ham tài cố bắt muôn vật
Cả hai đều là nghiệp ác
Chết rồi sẽ đọa hoán ngục khiếu.

Lời của Đức Phật đã nói về quả báo sát hại chúng sinh rõ ràng. Nếu ai không ham tiền bạc, thì cái việc bắt và giết chúng sinh chấm dứt.

Lại như Bồ-tát Long Thọ, ngài không bao giờ có tâm khinh thường con cá, con chim. Các bậc cao tăng chẳng bao giờ dám đạp trùng kiến. Nếu có ai hỏi lý do tại sao, các ngài đều trả lời: “Con vật cùng với chúng ta, hiện đồng ở trong sinh tử, nhưng trong tương lai, nó có thể thành Phật trước ta, làm sao ta có thể khinh thường nó được.” Đối với các con vật, đã chẳng dám khinh thường, thì làm sao chúng ta đang tâm lấy máu thịt của nó để mà ăn uống được.

Luận Bảo tánh nói: Trong kinh Như Lai tạng, Đức Phật từng bảo ngài Xá-lợi-phất rằng: “Chúng sinh là đệ nhất nghĩa đế, là Như Lai tạng, Pháp thân, là Bồ-đề...”

Chúng ta như là con chó, chỉ chạy theo hình bóng trước mắt, mà không biết nhắm thẳng vào con người, nên hình bóng đó không bao giờ đứng lại. Do vì chỉ niệm chư Phật quá khứ và hiện tại, mà không chịu niệm chư Phật vị lai nên tâm phiền não, tâm khinh mạn không bao giờ chấm dứt. Nếu được như con sư tử nhắm ngay vào con người, chứ không đuổi theo hình bóng thì ảo ảnh đó sẽ chấm dứt.

Song, nếu đổi kính cẩn trở thành khinh mạn, xem cha mẹ bằng kẻ

bình thường thì thành kẻ đại nghịch. Nếu cải đổi khinh mạn thành kính cẩn, xem kẻ bình thường bằng cha mẹ, thì thành kẻ đại hiếu. Cho nên, trong kinh Phạm Võng Bồ-tát giới có nói: "Tất cả chúng sinh trong lục đạo đều là cha mẹ của ta, hiếu gọi là giới." Đoạn kinh trên nhằm chỉ đến việc này.

Người tu hành phải khởi tâm quan sát, tất cả chúng sinh trong lục đạo là chư Phật vị lai. Còn kinh (Phạm Võng) nói xem chúng sinh như cha mẹ là cách tạm nói gần mà thôi. Nếu ai cũng làm được hạnh phóng sinh, như Sa-di vớt loài kiến, thì mạng sống sẽ được kéo dài ra, có thể làm được như trưởng giả Lưu Thủy cứu loài cá, tất sẽ cảm được hoa trời rơi xuống như mưa. Bỏ được cái chấp "Chúng sinh từ vô thỉ kiếp" mà chỉ niệm thân Thiện Thệ (Phật) tương lai, biết trong phân nhơ có chứa vàng ròng, tin trong đám mây mà có vầng trăng sáng, thì cái sương mù ăn thịt, cái khói bụi sinh tử sẽ bị ngọn gió trí tuệ trong bầu trời Tam-muội quét sạch. Kinh Phạm Võng nói: "Ta là Phật đã thành, các ngươi là Phật sẽ thành." Nếu ai có lòng tin như thế, giới phẩm sẽ đầy đủ. Sao chẳng khởi tư tưởng như thế.

Hỏi: Thịt chúng sinh, người niệm Phật không nên ăn, điều này có thể chấp nhận được. Nhưng ngũ tân tại sao không ăn được?

Đáp: Trong kinh Đại Phật Đảnh, Đức Phật có dạy điều này. Ngài bảo A-nan: "Năm thứ cay nồng, nếu ăn chín sẽ sinh lòng dâm dục, ăn sống sẽ sinh tâm sân hận. Con người thế gian nếu ăn ngũ tân, giả sử có tụng mười hai bộ kinh, cũng không có tác dụng. Các vị trời thần sinh tâm giận ghét, xa lánh người đó vì hôi uế. Các loài ngạ quỷ thấy người đó sẽ đến liếm môi mép, khiến người đó thường chung đụng với ngạ quỷ, phước đức ngày một giảm và sẽ chuốc lấy tai họa lớn. Người ăn ngũ tân, tu các Tam-muội thì chư vị Bồ-tát, chư thiên tiên, các vị thiện thần ở mười phương sẽ không đến bảo hộ. Bọn ma vương có nhiều thế lực, sẽ dùng mọi phương tiện để quấy phá người đó.

Phật lại bảo A-nan: "Người tu Bồ-đề cần phải vĩnh viễn đoạn trừ ngũ tân. Người tu hành như thế mới được gọi là người có tiến trình tự tăng tiến nhanh nhất." Trên đây là lời nói xuất phát từ kim khẩu của Phật, chúng ta không thể không tin. Còn với rượu cũng như thế, cố nhiên không cần nói, chúng ta cũng phải biết.

Kinh Bách Dụ nói: "Thuở xưa có người nghèo khổ, trên đường đi gặp được túi vàng, tâm ông ta vô cùng mừng, đếm lui đếm tới. Khi ông đang đếm, bất ngờ, người chủ túi vàng đến, lấy lại túi vàng. Bấy giờ người nghèo khổ sinh tâm hối tiếc, nghĩ sao tại sao mình không đi sớm,

rồi sinh tâm sầu khổ. Người đời gặp Phật pháp cũng thế, mặc dầu có được ruộng phước Tam bảo, nhưng không chịu tinh tấn tu hành, chỉ ham thích nghe nhiều, bất ngờ cái chết đến, để rồi đọa lạc vào ba đường ác. Như người nghèo ngu dốt kia, chưa sử dụng túi vàng đã bị chủ cũ đến lấy. Kệ nói:

Hôm nay nghĩ việc này
Ngày mai lo việc kia
Tham lạc không quán khổ
Bất ngờ thần chết đến
Vội vàng lo các việc
Người ngu đều như thế
Như người đếm tiền kia
Chúng sinh đều như vậy.

Trên đây đã nói bảy điều về niệm chư Phật vị lai để (chúng ta) thông suốt ý nghĩa chư Phật ba đời. Nếu nhớ niệm Phật Di-lặc, quyết sẽ được vãng sinh về Thiên cung Đâu-suất, thấy được đức Thế Tôn Từ thị. Đây là chỗ mà ngài Di thiên Thích Đạo An cực lực đề xướng vậy.

■

NIỆM Phật TAM-MUỘI BẢO VƯƠNG LUẬN

QUYỂN TRUNG

8. CHUYÊN CHÚ NIỆM MỘT CẢNH Phật HIỆN TẠI:

Hỏi: Về việc niệm chúng sinh là chư Phật vị lai, tôi đã biết huyền nghĩa và sự lý sâu rộng rồi. Tuy nhiên, tu như thế e tâm tán loạn khó kiểm soát. Nay tôi muốn hợp nhất, muốn chuyển hướng về Tây phương Cực lạc, niệm một Đức Phật (A-di-đà), ngõ hầu đạt được địa vị Bất thoái chuyển, dứt trừ tâm hữu lậu, chèo thuyền trong ao huỳnh kim (Liên trì), lễ Đức A-di-đà trên điện ngọc, thấu suốt ba đời, thấm nhuần ngôi cửu phẩm, như thế có được hay không?

Đáp: Trong luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa của Bồ-tát Long Thọ tạo, giải thích kinh Hoa Nghiêm, phẩm Dị Hành Đạo có nói: "Đạo Bồ-tát có hạnh khó làm, như kẻ chèo thuyền trên đường lộ; có hạnh dễ làm như chèo thuyền trên mặt nước." Lực bản nguyện của Đức Phật A-di-đà làvô cùng tận. Nếu có chúng sinh nào nghe danh hiệu Ngài, sinh lòng tin tưởng, muốn sinh về thế giới Cực lạc, thì kẻ đó như thuyền gặp nước, lại có gió lớn, chỉ một lát chèo đã đi nghìn dặm, đến bờ không có gì là khó. Nhờ lực bản nguyện đó mà phụ thân của Đức Phật và sáu vạn quyến thuộc giòng họ Thích-ca đều được vãng sinh Cực lạc. Do vì, Đức Phật A-di-đà và chúng sinh ở thế giới Sa-bà có duyên sâu nặng với nhau. Nay ông chuyên chú vào một cảnh để tu hành, đó là phương pháp rất hay để thấu suốt trọn vẹn chư Phật ba đời.

Hỏi: Người tu hành nếu chuyên chú vào một cảnh, thì dễ thấu suốt chư Phật ba đời, điều này là chắc thật. Nhưng xưng danh hiệu Đức Phật A-di-đà, cầu nguyện vãng sinh thế giới Cực lạc cũng là pháp hữu vi hư ngụy, e gió nhiều thời sóng to, tâm khó chánh định. Sao không từ bỏ mọi ý tưởng rong ruổi bên ngoài, chỉ cần nhiếp tâm vào trong cho phù hợp với ý chỉ vô vi?

Đáp: Pháp hữu vi tuy ngụy, nhưng bỏ nó thì đạo nghiệp không thành. Pháp vô vi tuy chân nhưng chấp trước vào nó thì tuệ tâm không trong sáng. Kinh nói: "Chán lìa công đức hữu vi, đó là nghiệp ma, đắm

trước vào công đức vô vi, đó cũng là nghiệp ma.” Nay trong ông còn tràn đầy tâm chán lìa và ưa thích giao tranh thì làm sao giải thoát ra khỏi lưới ma được.

Lại nếu Thánh hiền nhiếp tâm rồi cho đó là trong, phàm phu ý tưởng rong ruổi rồi cho đó là ngoài, rong ruổi bên ngoài là loạn, nhiếp tâm bên trong là định; lại sự rong ruổi trong ngoài, không phải là sự nhiếp tâm của niệm Phật Tam-muội. Khi chú giải kinh Duy-ma, Pháp sư La-thập có kể câu chuyện: “Ở nước nọ có một cô gái thân thể sắc vàng ròng. Có người con trưởng giả tên Đạt-mộ-đà-la đem ngàn lượng vàng mời vào rừng trúc. Lúc đó, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi biến thành một vị cư sĩ đứng giữa đường, thân mặc áo bằng ngọc báu rất đẹp. Cô gái thấy cư sĩ trong lòng ưa muốn chiếc áo. Bồ-tát Văn-thù nói: “Cô muốn được chiếc áo ngọc báu này thì nên phát tâm Bồ-đề.” Cô gái hỏi: “Thế nào là phát tâm Bồ-đề?” Bồ-tát Văn-thù đáp: “Chính là thân cô.” Cô gái hỏi: “Sao là thân tôi?” Bồ-tát Văn-thù đáp: “Bồ-đề tánh rỗng rang, thân cô cũng rỗng rang, cho nên chính là thân cô vậy.”

Cô gái này xưa cũng từng ở pháp hội ngài Ca-diếp gieo trồng các căn lành, rộng tu trí tuệ. Do vậy, nghe lời Bồ-tát nói, liền chứng Vô sinh pháp nhẫn. Sau khi chứng Vô sinh pháp nhẫn, cô bèn đối trước Bồ-tát bày tỏ sám hối lỗi lầm ham muốn ái dục của mình, sau đó quay ra đi với người con trưởng giả vào rừng. Khi vào trong rừng, cô gái hóa hiện thân mình chết, sình thúi hôi dơ. Người con trưởng giả thấy vậy, sinh tâm lo sợ, đi đến hỏi Phật. Phật vì người đó mà thuyết pháp, người đó nghe pháp cũng chứng được Vô sinh pháp nhẫn.

Lúc chưa chứng quả đại giác, tức chưa rảnh việc làm, cho nên gọi là nhẫn. Như quán tướng thân mình và quán thật tướng của thân Phật, thì thân người nữ rỗng rang, thân Phật cũng rỗng rang, chưa từng có sự sai khác. Thế thì nghĩa Bồ-đề lại có sự sai khác hay sao?

Do như thế, nên tất cả pháp hữu vi đều là pháp vô vi, tất cả trong ngoài đều chẳng phải trong ngoài. Song, tại hữu mà chưa từng có hữu, hữu mà thường có vô; tại vô mà chưa từng có vô, vô mà thường có hữu. Đã như thế thì ông còn lo gì nơi Phật có tướng, nơi tâm có niệm sao.

9. ĐỜI NÀY ĐỜI SAU TÙY THUỘC VÀO MỘT NIỆM VÀ MƯỜI NIỆM:

Hỏi: Nói về đạo dễ làm và khó làm, quán thân tức là Bồ-đề, yếu chỉ đó đã rõ ràng không còn thắc mắc. Song, con người ở đời thật mau chóng, chẳng khác gì chớp lóe lửa xẹt, một niệm si lạc thì hối hận không kịp. Người tu hành đối với thân còn không tham tiếc, thì đối với

thân tham tiếc làm gì. Nhưng tôi chỉ sợ một hơi thở ra không hơi thở vào là đã qua đời sau, như cỏ bông gió cuốn không biết đi về đâu? Mong ngài chỉ dạy pháp một niệm và mười niệm, để cho tôi có thể dự bị đời sau?

Đáp: Chúng ta gặp được pháp môn Tịnh độ là có phước nghiệp và công đức lớn. Hàng Nhị thừa ngưng trong cảnh hư vô, đắm trước ngoan không, sợ hãi các tướng, không nhớ nghĩ chúng sinh, vì thế không có Tịnh độ, chỉ duy Đại thừa mới có Tịnh độ.

Trong kinh Bi Hoa nói: "Đức Phật A-di-đà , tiền thân là vị Chuyển Luân vương, tên là Vô Tránh Niệm. Vị Luân vương có bảy báu, ngàn con, hết thảy đều đầy đủ. Nhờ có sự dẫn dắt của Thiện tri thức là đại thần Bảo Hải, nhà vua đối trước Bảo Tạng Như Lai phát tâm Bồ-đề, nguyện giữ lấy thế giới Cực lạc. Như vậy, trong tất cả các kinh, biết tên các vị Phật, Bồ-tát Thanh văn đều là ngàn người con của Ngài thuở xưa. Vị thái tử đầu tên Bất Thuấn là Quán Thế Âm Bồ-tát, vị thứ hai là Ma ni, là Ngài Đại Thế Chí Bồ-tát, vị thứ ba tên Vương Chúng là ngài Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, vị thứ tư tên Năng-già-nô là ngài Kim Cương Trí Huệ Quang Minh Bồ-tát,vị thứ năm tên Vô Úy là ngài Liên Hoa Tôn Như Lai, vị thứ sáu tên Yểm-bà-la là ngài Hư Không Quang Minh Bồ-tát, vị thứ bảy tên Thiện Tý là ngài Sư Tử Hương Bồ-tát, vị thứ tám tên Miên Đồ là ngài Phổ Hiền Bồ-tát, vị thứ chín tên Mật Tô, tức là ngài A-súc-bệ Phật.

Thái tử Mật Tô, từ lúc phát Bồ-đề tâm cho đến khi thành Phật, mỗi khi đi đứng, ở từng mỗi bước chân, tâm niệm Ngài luôn nghĩ đến chư Phật. Do nhân duyên như thế, ngày nay Ngài thành Chánh giác làm giáo chủ ở cõi Diệu Lạc. Chúng ta khi đi kinh hành trên đường rộng, hoặc bước vào rừng sâu, không khác gì cái thấy của thái tử Mật Tô. Như thế, khi chúng ta vào nơi náo nhiệt, hay ở chốn bình an với đủ vẻ trang nghiêm, hoặc đang cưỡi ngựa xe vội vã, há chẳng thể dụng tâm niệm Phật trong từng bước, từng bước một được hay sao? Chúng ta nếu làm được như thế thì so với tiết tháo người xưathì không có gì là sai khác vậy.

Con người ở đời, lúc ăn uống, vui chơi, giao tế... trong vòng sinh tử, chưa có khi nào mà có thể vượt ra ngoài hơi thở. Nhưng một hơi thở ra mà không trở lại, là đã thuộc về đời sau, đúng như lời ông nói: Con người niệm Phật ở đời phần nhiều lấy báu ngọc, thủy tinh, kim cương, hạt Bồ-đề, các thứ gỗ... làm chuỗi niệm Phật. Còn ta thì lấy hơi thở ra vào làm chuỗi báu, mỗi khi xưng danh hiệu Phật, tùy theo hơi thở ra vào

mà có được sự nương tựa lớn, như thế thì còn lo sợ gì hơi thở ra không trở lại là thuộc về đời sau ư?

Tôi thường đi đứng nằm ngồi đều dùng xâu chuỗi hơi thở này mà niệm Phật. Giả sử có hôn mê, thì cũng ngậm Phật mà ngủ, tỉnh giấc lại tiếp tục niệm. Như vậy, trong cơn mộng, dù chưa tự chủ cũng thấy Phật. Như cọ cây lấy lửa, khói là tướng báo hiệu của lửa, thấy có khói nhất định lửa sắp có, cũng như người tu trong mộng thấy Phật thường xuyên, còn lo gì Tam-muội không thành. Người tu như thế, tương lai sẽ được thấy Phật, thân cận với Phật và được Phật thọ ký. Được như thế rồi thì muôn vật không mất một điều gì. Ông hãy nên cố gắng!

Hỏi: Một niệm là vãng sinh hay mười niệm là vãng sinh. Hai điều này điều nào là đúng, xin ngài giải thích?

Đáp: Chỉ cần một niệm, quyết định được vãng sinh Tịnh độ, chứng ngôi Bất thoái chuyển. Đây là điều đúng vậy. Như lời Phật đã dạy, người nào phạm tội làm thân Phật ra máu, phá hủy kinh điển, đánh mắng các vị Tỳ-kheo, tạo đủ ngũ nghịch trọng tội. Khi một niệm cực ác thành thì đọa vào địa ngục Vô gián nhanh như tên bắn. Nay người niệm Phật, vãng sinh Tịnh độ là do một niệm cực thiện thành. Sự vãng sinh về Tịnh độ nhanh như co duỗi cánh tay. Một niệm trước là ngũ ấm diệt, một niệm sau ngũ ấm sinh. Giống như ấn sáp in vào vật, giở ấn lên thì thành văn. Như thế người được vãng sinh không cần đợi đến niệm thứ hai, huống gì là mười niệm.

Đánh tăng mắng Phật, tuy không phải là tội nghịch, nhưng cũng đồng loại với tội ngũ nghịch. Lại một niệm đọa lạc tam đồ, như trong kinh nói: "Xưa có vị Sa-di rất thích ăn tô lạc, đến khi lâm chung chỉ vì ham thích mà đời sau đọa làm côn trùng trong tô lạc. Lại như vợ của trưởng giả Đại Tát-bà, một hôm ngồi soi mình trước kính, khởi tâm đắm trước thân thể, về sau bà đi thuyền gặp nạn gió thổi chìm, do niệm ái trước thân thể mà chết làm con giòi ở trong tử thi, không chịu lìa ra. các việc đọa lạc khổ đau như thế, vốn do chỉ một niệm, chẳng đợi đến mười niệm. Lại như trong kinh Vô Lượng Thọ có nói, chỉ cần một niệm niệm Phật lúc lâm chung, quyết định được vãng sinh về thế giới Cực lạc. Sở dĩ trong kinh Quán Vô Lượng Thọ nói mười niệm vãng sinh là có lý do. Bởi vì người đang mắc bệnh gầy yếu, khí lực hao tổn, vô cùng yếu đuối, cho nên phải xưng danh hiệu A-di-đà mười niệm để phụ trợ cho tâm niệm bên trong. Nếu tâm niệm mạnh mẽ không hôn mê, thì chỉ cần một niệm niệm Phật quyết được vãng sinh.

10. TÂM NÀY LÀ PHẬT, TÂM NÀY LÀM PHẬT:

Hỏi: Như kinh Quán Vô Lượng Thọ đã nói: “Tâm này là Phật, tâm này làm Phật.” Thế tại sao chúng ta lại phải động tâm niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà và thường quán tưởng thế giới Cực lạc ở phương xa. Vả lại, nếu niệm chư Phật ở gần và cung kính chư Phật vị lai, thì đó đều là cầu ở ngoài tâm, sao gọi tâm này là Phật được?

Đáp: Câu ông nêu ra là không đúng. Ông chỉ biết dẫn kinh nhưng hoàn toàn không biết nghĩa lý của kinh. Kinh Quán Vô Lượng Thọ là bộ kinh thuyết minh về việc trì danh hiệu Phật A-di-đà. Nhờ sự niệm Phật mà Phật từ tâm tưởng sinh, nói tâm này là Phật. Sao ông lấy trộm pháp quán Di-đà mà trở lại chê bai tâm Di-đà. Nếu như thế, không niệm Phật mà nói tâm này là Phật, không tưởng ác mà nói tâm này là ác được sao? Cả hai điều đó là không đúng. Huống gì vị giáo chủ thế giới Cực lạc là Đức A-di-đà chí tôn, thì mười vạn ức núi Tu-di cũng không thể làm chướng ngại nhãn căn Ngài được. Hằng hà sa ánh sáng tướng hảo đều là do tự lực bản nguyện của Ngài tạo thành, và đối với chúng sinh vãng sinh cõi Cực lạc, thì trong khoảng co duỗi cánh tay liền được vãng sinh, sao còn lo ngại đường đi gần xa?

Hỏi: “Tâm này là Phật, tâm này làm Phật.” Tôi xin cung kính tin lý này. Nhưng kinh Quán Vô Lượng Thọ này có thuyết minh về mười sáu phép quán và hoàng hậu Vi-đề-hy đã chứng đắc. Trong mười sáu phép quán, thì có thể quán tưởng băng, mặt trời, núi vàng sáng chói... Còn các pháp như ánh sáng của ma, ánh sáng của Phật, quán thân mình, quán thân người đều có tướng chánh tà lẫn lộn, làm sao chúng ta có thể phân biệt được. Với khúc mắc đó, xin Ngài chỉ bày, để người niệm Phật, dù tu tập một mình không gần thầy hướng dẫn, vẫn có thể an tâm tu tập?

Đáp: Việc quán tưởng băng là gốc mở rộng để quán tưởng đất lưu ly, quán tưởng mặt trời, là để dần dần hướng đến ánh sáng bạch hào. Nếu tướng từ tưởng mà hiện thì gọi là mình, là chánh. Không theo tưởng hiện thì gọi là người, là tà. Nếu quán tưởng tướng bạch hào, bạch hào chưa hiện, chưa tưởng mắt xanh, tướng mắt xanh lại hiện, chỗ này là trái với tâm quán tưởng, như thế là sai lạc? Quán tưởng về các pháp khác cũng như vậy.

Lại tướng ánh sáng của ma thì có hình bóng chóa mắt, tướng ánh sáng của Phật thì không có bóng chóa mắt. Do đó bài kệ trong kinh Lăng-già có nói:

Cõi Phật hơn tất cả,

Thanh tịnh diệu trang nghiêm:
Rực rỡ như lửa lớn,
Ánh sáng soi cùng khắp
Sáng bừng không hại mắt,
Bao trùm hết ba cõi.

Hỏi: Như thế thì ánh sáng hiện ra, bừng sáng và hại mắt là ánh sáng của ma. Còn ánh sáng hiện ra, bừng sáng và không hại mắt là ánh sáng của Phật sao?

Đáp: Nếu là ánh sáng chân thật, thì làm cho người niệm Phật thân tâm được lặng yên thanh tịnh. Còn ánh sáng ngụy tạo thì khiến cho người niệm Phật thân tâm xao động hoảng hốt. Vì vậy, trong kinh Niết-bàn có nói: "Lặng trong thanh tịnh, là chân giải thoát. Chân giải thoát chính là ánh sáng của Như Lai."

Hỏi: Đấng chí nhân xưa nay vốn không động tưởng, mà nay ta lại dùng tư tưởng há chẳng phải là sai lầm ư?

Đáp: Hoàn toàn không sai lầm, như kinh Đại Oai Đức Đà-la-ni nói: "Người nào muốn vượt thoát sự trói buộc ba cõi, cần phải phát tâm ham muốn, thích tưởng nghĩ điều vô dục." Nay cũng như thế, chúng ta muốn tu pháp niệm Phật, cần phải có tâm tưởng, tưởng các pháp vô tưởng. Vì thế, kinh Phương Đẳng Hiền Hộ có nói: "Trong lòng ham muốn ác tưởng người nữ, trong mộng sẽ thấy người nữ. Lòng ham muốn lành tưởng Phật, trong giấc mộng sẽ thấy Phật."

Chúng ta cần phải biết, hai tư tưởng đây là đồng là tưởng, nhưng tánh thiện ác cách biệt như trời vực. Đang nghe nói đó là tưởng mà chán bỏ nó. Tuy không chửi mắng Phật, phá hủy kinh điển, cũng vẫn chỉ được sinh về nơi thiên cung Vô tưởng. Nếu ai cố chấp vô tưởng rồi dèm pha việc tưởng Phật, hạng người đó gọi là hủy báng Pháp. Vì tội hủy báng Pháp, quyết sẽ đọa địa ngục mười phương, khó có ngày thoát khỏi, làm sao có được sự sinh về cõi cung trời. Giả sử có được sinh lên thiên cung Vô tưởng, thì đó cũng là trời ngoại đạo, hoàn toàn không phải là con đường giải thoát. Kinh Niết-bàn nói: "Hễ ai nghe tiếng trống độc, dù ở xa hay gần đều phải chết." Sự sai lầm này cũng như vậy, người nào nghe theo việc phế bỏ tư tưởng, tất dù xa gần đều đọa địa ngục. Kinh nói: "Có khi cách mặt đất một thước hai thước, du hành qua lại" là ý ở chỗ này. Người phế bỏ tư tưởng như thế thì làm sao vượt ra ngoài sự lưu chuyển của tam giới, làm sao được vãng sinh nơi chín phẩm liên hoa. Huống nữa. việc làm chìm ghe hay nổi ghe, đều là do nước nổi hay nước cuốn. Cũng vậy, tư tưởng vọng tức là chúng sinh, tư tưởng chân tức là

chư Phật. Lìa ra ngoài tư tưởng thì gọi là cái gì.

Hỏi: Sự đã giải thích, còn lý thì như thế nào?

Kinh Ban-chu Tam-muội có nói: "Tâm khởi tưởng tức là si mê, vô tưởng tức là Niết-bàn." Nay Ngài nói phải dùng tư tưởng, e như thế không trái với lý kinh hay sao?

Đáp: Điều này chẳng trái với lý kinh. Nếu trong tâm còn giữ tưởng Phật, thì trong tâm thường tưởng đến Phật. Còn bằng bỏ tư tưởng Phật, chấp lấy ác thủ không đó không phải là vô tưởng mà chính là đại si mê. Chúng ta ngày nay sở dĩ hiểu được Phật, đều do tư tưởng mà sinh, không có Phật thì không có tưởng, như thế làm sao có si mê. Đó chính là pháp quán Không Tam-muội, chẳng phải là tà kiến.

Nay ông lại hỏi về lý đó như thế nào. Xét người nào đã thể hiện được bản tánh chân thật lặng lẽ, thì tâm người đó thường rỗng rang như hư không, không thể hoại diệt. Tuy vạn pháp rọi chiếu nhưng tâm chưa từng có niệm. Đó là chân trí vô duyên, bởi do không có niệm mà gọi tên, còn tục trí hữu duyên bởi do tưởng niệm mà sinh. Lại nữa, tưởng chẳng khác không, không chẳng khác tưởng. Đây gọi là lý đệ nhất nghĩa trung đạo, là hiển bày pháp thân.

Không tức là tưởng, gọi là lý tục đế, hằng sa vạn đức đều nương vào tục đế, đây là hiển bày Báo thân. Tưởng tức là Không, gọi là lý chân đế, phá trừ hai mươi lăm hữu, chứng đắc hai mươi lăm Tam-muội, thường Không tịch tĩnh hóa hiện, hòa quang lợi vật, đây gọi là Hóa thân. Như thế là lấy tam quán quán tam đế, chứng đắc tam đức, thành tựu tam thân, cho đến thập chủng tam pháp, có gì mà chẳng chứng được. Thế mà muốn loại bỏ tưởng thanh tịnh, giữ lấy tưởng vô tưởng hay sao, đã bế tắc nơi cửa thiền định, mà còn có thể rộng rãi với việc thành Phật ư?

Kinh Lăng-già Mật Nghiêm nói: "Thà chấp có như núi Tu-di," nghĩa là còn tin có nhân quả, còn giữ tư tưởng niệm Phật, lâm chung được vãng sinh về thế giới Cực lạc. Lại nói: "Không nên chấp không như hạt cải" nghĩa là không tin có nhân quả, hủy báng pháp niệm Phật, quyết định khi lâm chung sẽ đọa địa ngục A-tỳ. Đây quả thật là điều đáng sợ.

11. MẶT DAY VỀ HƯỚNG TÂY NIỆM LỚN TIẾNG:

Hỏi: Tưởng tức là vô tưởng, tôi nghe theo lý này. Còn như trong kinh Phương Đẳng nói: "Người nào tu pháp môn vô thượng thậm thâm diệu thiền định, nên tưởng liên tục tướng bạch hào của Phật kèm theo xưng danh hiệu Phật để được thắng định. Sau khi tâm đã khế hợp với

định rồi, thì tâm và Phật cả hai đều mất.” Điều này có thể tin. Nhưng xét việc mặc niệm lặng lẽ (niệm thầm) thì Tam-muội tự đến, cần gì phải to tiếng niệm Phật mới thành tựu chánh đạo?

Đáp: Đúng như ông hỏi, to tiếng niệm Phật cũng không có gì sai, mà trái lại ông hỏi như thế là làm rõ công năng của nó. Tại sao? Bởi việc thiết yếu để trừ tâm tán loạn là giữ tiếng niệm Phật làm cho có tiếng. Tiếng niệm Phật nếu không rõ ràng, thì tâm niệm rời rạc, hoang mang khó định, còn tiếng niệm Phật rõ ràng, thì tâm được chuyên nhất, không còn lo nghĩ, đây là nghĩa thứ nhất. To tiếng niệm Phật, tiếng vang ra thì mọi tai họa xung quanh đều tiêu, công đức tòng lâm ngày càng sung mãn, đây là nghĩa thứ hai. To tiếng niệm Phật thì dễ cảm đến thần lực của chư Phật, Bồ-tát khiến sinh ra các tướng lành, như Phật phóng hào quang, hoa báu rơi xuống lác đác như mưa, đây là nghĩa thứ ba. To tiếng niệm Phật là một phương tiện trợ niệm thần diệu, giống như khiêng khúc cây nặng không khiêng đi nổi, nhưng chỉ một tiếng hô mà dắt đi nổi, đây là nghĩa thứ tư. To tiếng niệm Phật thì có năng lực hàng phục các ma não, giống như trong trận chiến, biết sử dụng tiếng trống để đàn áp tinh thần đối phương thì chắc được thắng địch, đây là nghĩa thứ năm.

To tiếng niệm Phật có công đức như thế sao lại bỏ đi. Nếu người nào chưa đạt được hai pháp quán tưởng và tịnh niệm, định và tuệ tương ứng thì làm sao thấu rõ được ý Phật. Không nên cho rằng mỗi khi định và tuệ quân bình, thì tâm và Phật đều mất, như lời ông nói. Vì vậy trong bài tựa của Niệm Phật Tam-muội, ngài Tuệ Viễn ở Lô sơn có nói: “Xét về công đức cao siêu và tu trì dễ tiến, thì niệm Phật là pháp đứng đầu.”

Còn nói về niệm thầm, nếu tâm chuyên chú lắng nghe danh hiệu Phật, thì các trần lụy thảy đều tiêu tan, các tình niệm trệ ngăn thảy đều sáng thông, đó chẳng phải là chỗ chí diệu của thiên hạ để mọi người noi theo pháp chấp trì Phật hiệu hay sao. Lại để tán thán công Đức Phật hiệu, kinh Hoa Nghiêm có nói: “Thà chịu vô lượng khổ, được nghe danh hiệu Phật; không thọ mọi điều vui; chẳng nghe tiếng Phật hiệu.”

Lại nữa, âm thanh Phật hiệu càng vang xa, đó là mầm mống phát sinh các điều thiện. Giống như tiếng sấm mùa xuân, làm khởi động sự phát triển các loại thảo mộc, sao lại xem thường tiếng niệm Phật lớn tiếng được.

Hỏi: To tiếng và nhỏ tiếng niệm Phật, công đức sai khác, tôi xin ghi nhận điều này. Nay xin hỏi, mười phương đều có chư Phật, sao chỉ

quay về hướng Tây, như thế có gì chướng ngại hay không?

Đáp: Câu hỏi ông vừa nêu ra là chẳng đúng. Điều này chính trong các kinh Phương Đẳng Đức Phật đã có nói rõ ràng, chẳng phải là do người sau này tự tiện bày ra. Ông sao lại đi hủy báng kinh Phương Đẳng ư?

Hỏi: Xin ngài giải thích giáo nghĩa ngồi day mặt về hướng Tây. Lý ở nơi nào?

Đáp: Cũng có cái lý của nó. Như có người si mê, thấy Bồ-tát Quán Thế Âm có mười một mặt, bàn vấn nạn như thế này: "Sao Bồ-tát lại không là mười hai mặt." Nếu chúng ta tùy theo đó mà trả lời, họ lại vấn nạn ngược lại "Sao không lại là mười một mặt." Nay ông muốn lấy đông để nói tây, việc ấy cũng như người si mê vậy.

Giống như người mê ngủ chưa tỉnh, nếu giữ được thân này khiến được tỉnh táo, để tâm duyên theo một hướng không rời, quyết có thể tỉnh ngộ, còn hạng như thế mà không tỉnh ngộ, thì không làm sao có thể giáo hóa được, họ chỉ là những người đáng thương mà thôi.

Lại trong kinh Thắng Thiên Vương, phẩm Nhị Hạnh có nói: "Như Lai có tám mươi tướng hảo. Trong đó có tướng hảo quang minh công đức có tên là Hướng về khắp tất cả chúng sinh không từ bỏ một ai." Như Đức Phật, ngài không bao giờ xoay lưng mà thường hướng mặt về chúng sinh, chứ chẳng phải như người bệnh nặng, không muốn thấy và nghe tiếng ai. Quả thật ngài là bậc rất đại Từ đại Bi.

Đại sư Trí Giả lúc còn thơ ấu, ngài thường có thói quen khi nằm thì chấp tay, khi ngồi thì day mặt về hướng Tây. Lần hồi về sau, lúc ngài đọc qua bốn mươi tám đại nguyện Phật A-di-đà và chín phẩm vãng sinh, liền cảm được ánh sáng chiếu khắp núi, nhạc trời rền vang. Sau khi viên tịch, ngài liền được vãng sinh thế giới Cực lạc. Như thế, pháp niệm Phật day về hướng Tây, không phải là việc đáng tuyên dương sao.

Hỏi: Pháp niệm Phật day về hướng Tây, tôi kính ghi nhận. Còn ý nghĩa Ban châu như thế nào, xin ngài giải thích?

Đáp: Ban Châu là tiếng Phạm, xứ này dịch là Hiện tiền, có nghĩa là tư duy về Phật liên tục, thì Phật sẽ hiển hiện trong định. Còn pháp chín mươi ngày hành đạo, chỉ là việc trợ duyên cho pháp tu Ban Châu, chứ không phải là nghĩa chính.

Hỏi: Ý nghĩa Ban Châu là chỗ diệu nghĩa của pháp môn Tịnh độ, tôi đã nghe đầy đủ. Nhưng vào thời cận đại ngày nay, đã có được mấy người sau khi vãng sinh Tịnh độ, trở lại báo tin. Như thế thì chúng ta làm

sao biết là đã đến chỗ ấy?

Đáp: Pháp sư Tuệ Viễn vào đời Tấn ở Lô sơn là vị khởi xướng pháp môn Tịnh độ. Tuệ Viễn được Tam tạng Phật-đà Bạt-đà-la truyền dạy pháp Niệm Phật Tam-muội. Ngài cùng với đệ tử Tuệ Trì, cao tăng Tuệ Vĩnh nhóm họp các sĩ phu, quan lại về hưu, người ẩn dật như Tông Nạp, Trương Dã, Lưu Di Dân, Lôi Thứ Tông, Châu Tục Chi, Tạ Linh Vận, Khuyết Công Tấc... cả thảy gồm một trăm hai mươi ba vị cùng nhau tu Tịnh độ, đục núi làm bài minh phát nguyện cầu vãng sinh. Bài minh do Lưu Di Dân trước tác, đại lược như sau:

"Buông xả vòng thế gian chìm đắm, tỉnh ngộ kiếp vô thường chóng vánh, rõ ba báo thường xuyên thôi thúc, biết hiểm nguy thoát khỏi đường ra. Do đó tập hợp các hiền sĩ cùng chí hướng, ngày đêm kính cẩn chuyên cần, mong cầu Đức A-di-đà từ bi tế độ. Dùng diệu quán đại nghi để khai mở tâm hồn, luyện trí quán chiếu luôn rõ ràng chính trực. Để tâm thức nhờ đó mà tỉnh ngộ, thể xác nhờ đó mà đổi thay, mượn thân giả tạm để vào Thánh chúng, nép bóng huỳnh kha chư Phật để trưởng dưỡng tâm linh, mặc áo giải thoát bay nơi cõi Cực lạc có ao sen bát đức, thổi ngọn gió thơm thanh tịnh trở về độ kẻ cùng đường lầm lạc. Thân hết mọi an nguy mà luôn luôn hòa mục, tâm vượt cả khổ vui vẫn tự tại tươi vui. Trông xuống tam đồ thì hun hút, nhìn lại thiên cung thì đã bỏ xa. Theo con đường Thánh chúng, mong được về nơi cõi tịch tịnh Niết-bàn." Ông nên xét kỹ, đạo vi diệu như thế, tại sao chẳng hoằng dương.

Pháp sư Tuệ Viễn có viết lời tựa trong cuốn Niệm Phật Tam-muội rằng: "Sao gọi là Niệm Phật Tam-muội? Nghĩa là nhớ chuyên, tưởng lặng vậy. Nhớ chuyên thì chí không dời đổi, tưởng lặng thì khí thanh thần sáng. Trí thanh thì trí giác soi khắp, thần sáng thì rọi khắp các chỗ tối tăm. Hai món này tự nhiên thầm hợp nhau, chung hội lại mà thành ra chỗ dụng chí cực. Lại các môn Tam-muội, tên của nó rất sâu xa, nhưng trong xét công đức rất cao vời và tu rất dễ tiến, thì pháp Niệm Phật Tam-muội là đứng đầu. Nếu lấy chỗ chuyên của mỗi định, thì không thể lấy định nào là hay và định nào là dở."

Lại Tạ Linh Vận có làm bài vịnh cảnh Tịnh độ như sau:

"Pháp Tạng tôi vốn ở cung vua; lòng say mến đạo bỏ quốc thành; thành tâm phát khởi bốn tám nguyện; mong cứu khắp cùng các chúng sinh; lập một tịnh bang đầy thắng diệu; ai nấy đều đủ vẻ tinh anh; không già nua không điều đau khổ; nương đài sen hóa hiện du thành."

Nay ông hỏi rằng chưa thấy người nào vãng sinh trở lại báo tin.

Tôi xin trả lời. Ở triều Tấn, có ông Khuyết Công Tắc, nguyện sau khi vãng sinh trở lại báo tin cho bạn bè. Về sau ông mất, một đêm nọ các người bạn ở trong chùa Bạch mã tại Đông kinh đang làm lễ giỗ ông. Lúc đó, bỗng nhiên chánh điện, vườn rừng trở nên sáng lòa màu vàng kim, trong hư không vang ra tiếng nói: "Tôi là Khuyết Công Tắc, trước đây có nguyện cầu vãng sinh về nước Cực lạc, nay đã đạt thành sở nguyện, nên tôi trở lại báo tin cho các vị hay." Nói xong, các tướng lạ đều ẩn mất. Nhân sự kiện này, Chi Đạo Lâm có làm bài kệ tán thán sau:

Lành thay! Khuyết Công Tắc
Rung động cả đại thiên
Thân sinh nơi Tây vực
Để dấu lại kinh đông
Giữa trời bỗng qua lại
Vang tiếng hiện dung hình
Nay ta kính ca ngợi
Thiệt là chuyện linh thông.

Lại, Ngu Hiếu Kính cũng có làm kệ tán thán:

Lành thay! Khuyết Công Tắc
Trước nếm pháp vị ngọt
Biết tôi muốn mong cầu
Đạo ấy thật là quý
Nên hiện ánh sắc quang
Diệu tướng thật rõ ràng
Không quên nguyện xưa cũ
Về lại vãng Tây phương.

12. MỘNG TỈNH ĐỀU CHỈ LÀ MỘT TÂM BỞI RÕ TAM MUỘI:

Khuyết Công Tắc sau khi vãng sinh hiện tướng ánh sáng kim sắc trở lại báo tin, tôi đã từng nghe chuyện này. Có điều, đức Phật vốn dạy tất cả các pháp đều là huyễn mộng. Như thế không biết Đức Phật ta niệm và cảnh Tịnh độ ta sinh có phải là huyễn mộng hay không? Nếu cảnh đó chẳng phải là huyễn mộng, thì Phật là ở ngoài tâm, còn nếu là huyễn mộng, thì Phật ở trong mộng. Ví như cảnh trong mộng được vàng, nhưng tỉnh mộng rồi thì không được gì cả. Tôi e sợ chí thành khẩn thiết tưởng niệm ba thân, rốt cùng thành ra hư vọng. Xin ngài Từ bi vì tôi mà giảng điều này.

Đáp: Đức Phật được niệm và cảnh Tịnh độ được sinh đều chẳng phải là cảnh huyễn mộng. Tại sao biết được điều này. Nếu người tu

niệm Phật Tam-muội, như cảnh trong mộng được vàng, tỉnh rồi không còn, thì đồng với hư vọng, cứu cánh vãng sinh Tịnh độ, rõ ràng như thế, cớ sao cho là vọng? Như người tập luyện pháp thiên nhãn, đầu tiên tưởng tượng ánh sáng của viên ngọc lửa, tưởng mãi không ngừng, thì sau thật sự phát được thiên nhãn, điều này cũng bảo là vọng được sao? Sao đồng với cảnh khác, là cảnh được vàng rốt cuộc không có được? Thế nên, đừng xem vật ở xa bằng con mắt cận thị, rồi cho là huyễn mộng, đừng bao giờ cho rằng pháp niệm Phật vãng sinh toàn là cảnh huyễn mộng.

Lại kinh Hoa Nghiêm nói: "Tâm, Phật và chúng sinh cả ba đều không sai khác. Tâm mê giống như người mộng, thì chính pháp giới chúng sinh cũng là cảnh mộng. Tâm ngộ giống như người tỉnh, thì một pháp giới chư Phật là cảnh thật. Mê và ngộ xưa nay cũng chỉ ở một tâm. Mộng và tỉnh chưa từng riêng hai chỗ."

Kinh đã nói: "Rõ vọng vốn là chân, thì thấy được Đức Phật Lô-xá-na cũng như mộng" cũng nào sai. Đây là điều do tâm suy xét mà thấy vậy.

13. NIỆM BA THÂN PHẬT ĐỂ PHÁ TRỪ BA CHƯỚNG:

Hỏi: Chư Phật có ba thân. Nhớ niệm ba thân này là thế nào, mong ngài chỉ bày để khỏi có chỗ hiểu sai lạc?

Đáp: Tam thân của Phật là Pháp thân, Báo thân và Hóa thân. Pháp thân như thể tánh mặt trăng; Báo thân như ánh sáng mặt trăng và hóa thân như là hình bóng của mặt trăng in trên nước. Trong muôn ngàn mặt nước đều có ánh trăng. Như vậy, trăng này nhiều hay chỉ có một. Không thể nói là một vì mặt trăng hiện trên mặt nước thường sai khác. Cũng không thể nói là nhiều, vì hư không chỉ có một mặt trăng. Như chữ Phạm thư y, thấy điều sai khác và có rất nhiều nghĩa.

Kinh nói: "Hoặc hiện thân cao trượng sáu, ngang tám thước, đều là Phật ở trong nước tâm của chúng sinh." Như thế, Phật xưa nay vốn không có hình dáng, làm sao lại có hai hình? Do đó, cõi tịnh hay cõi uế đều ở trong tâm mình vậy.

Nếu muốn dùng pháp ba thân để phá trừ ba chướng, thì ngay đây nên xét rõ: Thân Phật đó là do từ tu Chỉ Quán mà sinh. Nếu Chỉ và Quán không quân bình thì ba chướng sẽ phát khởi. Người niệm Phật tu Chỉ tâm trầm, thì chướng hôn ám hiện khởi, làm chướng ngại cho hóa thân Phật. Lúc đó nên dùng pháp Quán để phấn chấn tâm bằng cách niệm tưởng ánh sáng bạch hào của Phật, mà phá trừ hôn ám. Nếu tu Quán tâm phù động, tất không có điều ác nào mà không tạo, làm

chướng ngại Báo thân, thì nên trở lại tu Chỉ để ngăn ngừa các điều ác bằng cách niệm tưởng về các nhân lành xưa của Phật. Ngài có hằng sa công đức, trí tuệ viên mãn, do đó mà chứng được Báo thân, phá trừ chướng ác niệm. Còn nếu chướng nhị biên (đoạn và thường) phát động, sinh ra nhiều hiện tượng lạ lùng, vạn tướng lạ lùng, vạn tướng lầm lạc, mềm cứng phá rối làm chướng ngại Pháp thân Phật, thì dùng pháp trung đạo Đệ nhất nghĩa Không để phá trừ nó, như bài kệ sau nói:

Không sắc không hình tướng
Không căn không trụ xứ
Vì không sinh không diệt
Kính lễ Vô sở quán (Phật).

Lý vô sở quán này như luồng gió cực mạnh, thổi tan đám mây mù dày đặc, làm hiện bày rõ ràng mặt trăng báu pháp thân thanh tịnh, phá trừ các chướng phiền não ngăn ngại bức bách. Tùy theo bệnh mà cho thuốc, không ngoài các điều này. Ta đã đồng hóa với người, người cũng đồng hóa với ta, vật và ta như nhau thì Tam-muội tròn đầy mạnh mẽ. Chúng sinh vô tận thì Tam-muội cũng vô cùng.

Sáu điều tôi trình bày trên đây đều là nói về pháp niệm Phật A-di-đà hiện tại để thông suốt ý nghĩa niệm chư Phật ba đời. Nói rộng ra thời như các tập: An lạc tập; Thiện Thai Thập Nghi luận; Thích quần nghi luận của Pháp sư Hoài Cảm; Vãng sinh truyện; Pháp bảo nghĩa luận của thiền sư Trù ... đã giảng giải đầy đủ. Cũng như trong Vô thượng thậm thâm diệu thiền môn truyện tập pháp bảo của thiền sư Phi Tích đã nói rõ ràng.

■

NIỆM Phật BẢO VƯƠNG TAM-MUỘI LUẬN

QUYỂN HẠ

14. TƯỚNG NHÂN QUẢ CỦA PHÁP NIỆM Phật QUÁ KHỨ LÀ ĐỒNG NHAU:

Hỏi: Về ý nghĩa niệm chư Phật hiện tại với tâm chuyên chú vào một cảnh, tôi đã nghe ý nghĩa uyên áo đó rồi. Còn Đức Phật mà chúng ta niệm (Phật quá khứ) là bậc chí Thánh tột cùng huyền diệu, được tôn xưng là Như Lai. Nhưng ngặt nỗi người niệm Phật, kẻ mới nhìn trộm vào, cửa chân như mới là hạng phàm phu, làm sao lại nói là đồng với bậc đã thành chánh giác được.

Đáp: Trong kinh Tam-muội hải có nói: "Phật chúng ta niệm, như sư tử chúa đã ra thai" đây là dụ cho Phật quả, "Người niệm Phật như sư tử chúa còn ở trong thai." đây là dụ cho con Phật. Nhân quả mặc dầu sai khác, nhưng oai thần thì tiếp nối nhau. Như thế luận nói người niệm Phật là Phật đâu có gì sai lầm. Muốn cho sư tử trong thai gầm rống, làm cho chim đang bay phải rớt xuống, làm cho thú đang chạy phải ẩn mình, thì tương lai có thể làm được. Cũng như sư tử đã ra ngoài thai, vẫn ở đó để đợi thì có lỗi gì. Đây là ý nghĩa nhân quả như nhau.

Lại kinh Pháp Cổ có nói: "Như vua Ba-tư-nặc cùng quân địch đánh nhau. Nhà vua bị trúng tên độc, nỗi khổ không cách nào chịu xiết. Nhà vua nghe nói có vị thuốc hay tên là Tiêu độc, vua lấy thuốc này thoa trên mặt trống, rồi lấy dùi đánh. Khi tiếng trống vang lên, có thể làm cho tên độc bay ra. Nhà vua làm theo và được bình phục như xưa. Cũng thế, nếu có người nào nghe được danh hiệu Thích-ca Mâu-ni và nghe tin được danh hiệu Tỳ-kheo phương quảng, thì có thể làm cho mũi tên ba độc tham, sân, si trong thân, tiếng kêu danh hiệu Phật vang ra thì mũi tên độc liền rơi xuống. Cho nên, kinh này có tên là kinh Đại Pháp Cổ. Thích-ca Mâu-ni Phật là Phật quá khứ là quả, Tỳ-kheo tức người phương quảng là nhân, diệt tội đều tương đồng. Đây là ý nghĩa nhân quả như nhau.

Hai kinh này đã nói rõ, tuy chưa phải là hàng cực Thánh, chỉ là

người nghe danh hiệu Phật mà được sự lợi ích như Phật không khác. Cho nên, trong Pháp Hoa Tam-muội sư tự truyện (5q) có nói: "Đời Tùy, Thiền sư Nam Nhạc Tư có người đệ tử là thiền sư Đại Thiện, vị này đã chứng được Từ tâm Tam-muội. Lúc này trong xứ Hoành Dương có quan thứ sử Trịnh Tăng Quả. Ông này thường hay cùng lính vào rừng săn thú. Một hôm, ông ta bủa lưới bắt được mười con nai, bèn nói với quan huyện Trần Chánh Diệp: "Nghe ông thường nói Thiền sư Đại Thiện có lực từ bị. Vậy hãy đem thần lực đó cứu những con nai này xem." Trần Chánh Diệp liền bảo các người hầu đồng thanh niệm: "Nam-mô Đại Thiện thiền sư." Ngay lúc đó bầy nai liền được thoát ra khỏi lưới mà bay lên hư không. Thần lực từ tâm của Thiền sư Đại Thiện so với Bồ-tát Quán Thế Âm, hai thần lực đó có gì khác nhau đâu? Thiền sư Đại Thiện cùng thời với ngài Trí Giả, đều là những bậc nổi danh đương thời.

Nếu ai chẳng xem thường lời dạy của Thánh nhân, thì pháp Niệm Phật Tam-muội có thể triệt dứt nạn, như vàng ở trong lò luyện, khi trở màu sáng đẹp rồi, thì bợn nhơ cũng chẳng còn.

15. VÔ TÂM NIỆM PHẬT LÀ LÝ SỰ TU SONG:

Hỏi: Pháp niệm chư Phật ba đời hoặc day mặt về hướng Tây, tôi đã nghe được ý nghĩa u huyền này. Nhưng nếu các pháp đều có niệm, có tư tưởng, có sinh có diệt, thì làm sao hợp với tông chỉ đem tâm vô sở niệm mà tu niệm Phật của kinh Thắng Thiên Vương Sở Vấn?

Đáp: Với thuyết vô niệm, con người phần nhiều đều có sự hiểu lầm. Nếu chẳng có sự nghiên cứu tinh tường, sợ e rằng sẽ mờ mịt đường tu thẳng tắt ấy. Nay tôi dùng lý và sự để biện giải điều này.

Nói về phương diện lý là chân thật vô niệm. Giải thích rằng: nói hữu và vô tức niệm này vốn vô niệm. Vì sao? Vì Phật cũng từ niệm mà sinh, tâm tức là Phật. Giống như dao không tự nó cắt, tay không tự xúc chạm, Phật cũng chẳng tại ý. Thành Phật, tâm cũng chẳng phải là tự tâm, Phật cũng chẳng tự ý thành Phật, thì làm sao có thể ngoài Phật mà lập tâm, ngoài tâm mà lập Phật. Phật đã vốn không, thì tâm lại có sao? Nghĩa lý vô tâm vô niệm đó nay tôi đã giải thích rõ ràng.

Do đó người thế gian cho rằng niệm Phật là hữu niệm, còn tôi nói niệm Phật là vô niệm, cũng không sai vậy. Lại niệm vốn là không, thì làm sao có niệm, chẳng phải niệm sau khi diệt mới thành không? vậy làm sao có vô niệm. Tánh của niệm vốn là không, thì làm sao có sinh diệt.

Lại tâm vô sở niệm, nên vô sở trụ. Người tu niệm Phật là khởi tâm này. Tâm vô sở niệm từ gốc vô sở trụ và tu niệm Phật thành lập tất

cả pháp. Tâm vô sở niệm, niệm tức là không mà tu niệm Phật, chính là niệm, tông chỉ này không có gì sai khác. Đây là nói về lý trung đạo.

Tâm niệm và Phật được niệm, cả hai đều bặt dứt là chỉ, cả hai đều sáng tỏ là quán. Nếu định và tuệ không quân bình thì không phải là chánh thọ. Như thế thì chẳng được gọi là Tam-muội hay sao? Nay chỗ sáng tỏ mà thường lặng, đó chính là tâm vô sở niệm, lặng mà sáng tỏ là tu niệm Phật vậy. Như Lai là bậc đã chứng Tịch chiếu Tam-muội, tức là chứng ở địa vị cứu cánh niệm Phật Tam-muội. Cho nên, Tam-muội này, có thể sinh ra Thủ-lăng-nghiêm sư tử hống định. Như bài kệ trong kinh Bồ-tát niệm Phật Tam-muội có nói.

Niệm Phật sắc vàng ròng
An trụ tâm vô trước
Quán pháp sao gọi Phật
Nhiếp tâm không gián đoạn
Sắc vàng chẳng phải Phật
Bốn ấm cũng như thế
Lìa sắc chẳng phải Phật
Tưởng sắc nên rõ biết.
Đây là Phật Thế Tôn
Chỗ tối thắng tịch tịnh
Hay khéo diệt tất cả
Ngoại đạo các tà kiến
Như rồng chúa tung mưa
Thấm mát tất cả vật.

Kinh này giải thích rõ, tất cả các pháp lục độ vạn hạnh, không có một pháp nào là không phải Niệm Phật Tam-muội.

Hỏi: Về phương diện lý giải đã rõ, nay xin Ngài giải thích về phương diện sự, khiến người tu đạt đến chỗ chân vô niệm, hợp với Bát-nhã ba-la-mật, rõ thông với vô tướng Đại thừa thậm thâm thiền định?

Đáp: Xét lý và sự, hai môn này thường đi đôi với nhau. Trước tôi đã giải thích lý của sự. Nay tiếp sẽ giải thích sự của lý. Kinh Đại Phẩm Bát-nhã nói: “Phật vì hạng căn độn mà nói các pháp đều không tịch, vì họ hay sinh chấp kiến. Lại vì hạng lợi căn mà nói tướng hảo của chư Phật giống như hoa sen không dính bùn. Cho nên, Tu-bồ-đề là bậc Giải không đệ nhất của Tiểu thừa, là vị thấu đạt được vô danh vô tướng nên được thọ ký tương lai sẽ thành Phật hiệu là Danh tướng Như Lai. Nếu chẳng phải là hàng căn khí Đại thừa, tất còn sợ các pháp như thanh, hương, vị, xúc lôi cuốn, đã còn lo trốn tránh không phút nào thong thả,

đâu dám quanh quẩn trong vườn hoa sắc tướng. Nay Tu-bồ-đề là vị đã đạt được danh tướng, cho nên mới được Phật thọ ký cho làm Phật.

Nói về phương diện sự, là xét Phật đã sinh nơi tâm, thì Ban Châu Tam-muội không cần niệm vẫn được. Cảnh đã ra khỏi ngã, thì Pháp hoa Tam-muội không sớm cũng tự thành. Tâm vô sở niệm là dứt tuyệt mọi vọng tưởng, và người tu niệm Phật là khéo tưởng một cảnh Phật.

Kinh Văn-thù Sở Thuyết Ma-ha Bát-nhã nói: "Như người học bắn, tập lâu ngày thì trở thành tinh xảo, sau này bắn, tuy không để tâm nhưng mũi tên vẫn trúng đích. Nếu người nào muốn thể nhập vào Nhất hành Tam-muội, tùy theo phương sở chư Phật, chuyên tâm xưng danh hiệu, niệm niệm không gián đoạn, thì ở trong mỗi niệm sẽ thấy được Phật ba đời. Cũng như người tập bắn kia, sau khi tập thuần thục, tuy vô tâm mà vẫn bắn trúng." như thế thì vô tâm hoàn toàn chẳng phải là không khởi niệm. Cho nên, kinh Phương Đẳng nói: "Mỗi niệm, mỗi niệm nếu luôn luôn dừng nghỉ, thì chư Phật sẽ hiện tiền." Kinh Anh Lạc nói: "Đạo gọi là nhất tâm, nhiều vọng tưởng chẳng gọi là đạo." Kinh Tọa thiền Tam-muội nói: "Bồ-tát tọa thiền, thì không nhớ nghĩ tất cả, chỉ duy niệm một vị Phật, như núi chúa Tu-di vàng chói giữa bể cả trong xanh, cho đến công đức Pháp thân cũng niệm như thế."

Hỏi: Nếu nói vô niệm là Tam-muội, thì cứ để tâm đi thẳng vào chỗ vô niệm, sao lại đi xa nẻo ấy, mà sử dụng ý niệm?

Đáp: Kinh Lăng-già nói: "Dùng cây gài cửa để mở chốt gài cửa." Lời tục có câu: "Khiến giặc đuổi giặc." Nay lấy niệm để dừng bặc niệm, có gì là không được. Huống gì niệm mà thuần thục, có gì mà chẳng tự thành. Như kiếm khách múa gươm, múa cho đến khi rung động cả mây xanh, rồi bỏ kiếm vào bao đeo ở bên lưng mà chẳng mất nội lực. Lại như đầu bếp chặt thịt, nếu bỏ dao thì chẳng có thể làm được. Đó là niệm thuần thục cũng chẳng rõ ràng sao?

Cho nên, luận Khởi Tín nói: "Nếu rõ tuy nói, nhưng không có người để nói, tuy niệm nhưng không có tâm để niệm, thì gọi đó là Tùy thuận Tam-muội. Nếu lìa nơi niệm mà gọi là thể nhập, chỗ thể nhập đó gọi là Chân như Tam-muội. Huống nữa, địa vị vô niệm là ở ngôi Diệu Giác. Bởi vì chỉ có đấng Như Lai mới bỏ được tướng ban đầu mà nói sơ tướng. Vì thế, vô niệm chẳng phải là chỗ hàng Bồ-tát Thập địa có thể chứng biết."

Ông nay còn chưa chứng được ngôi vị Thập tín, thế mà chẳng nương theo ngài Mã Minh Đại sĩ, từ chỗ thuyết thể nhập vào vô thuyết, từ chỗ niệm thể nhập vào vô niệm, thì e sẽ vướng vào việc thích lầu cao

mà khinh đất thấp, bỏ quần mặc áo, như thế làm sao ổn được?

Kinh Đại Phật Đảnh chư Bồ-tát vạn hạnh Thủ-lăng-nghiêm nói: “Ngài Pháp vương tử Đại Thế Chí cùng với năm mươi hai vị Bồ-tát đồng bậc, từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, mà bạch rằng: Con nhớ xưa kia hằng hà sa số kiếp, có Đức Phật xuất thế hiệu là Vô Lượng Quang và liên tiếp mỗi kiếp có mười hai vị Phật ra đời. Đức Phật sau cùng tên là Siêu Nhật Nguyệt Quang Như Lai. Đức Phật đó dạy cho chúng con pháp Niệm Phật Tam-muội: Ví như có người, một người chuyên nhớ và một người chuyên quên, hai người như vậy, dù có gặp nhau cũng như không gặp, dù có thấy cũng như không thấy. Dù hai người nhớ nhau và tưởng niệm sâu sắc, thì dù có trải qua đời này hay đời khác cũng ở bên nhau như bóng theo hình, chẳng lúc nào chống trái nhau. Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sinh như mẹ thương con. Nếu con cứ trốn tránh thì dù mẹ có nhớ con cũng không làm sao gặp con được... Nếu con nhớ mẹ cũng như mẹ nhớ con, thì mẹ con đời này đời khác cũng không xa cách. Nếu tâm chúng sinh luôn nhớ Phật, niệm Phật, quyết hiện tiền hay tương lai, nhất định thấy Phật, cách Phật không xa. Như thế không cần phương tiện nào, tự chứng được tâm khai mở, như nhiễm hương thơm vào người, nơi thân có mùi hương, đây gọi là Hương Quang Trang Nghiêm. Con vốn ở chỗ nhân địa này, do niệm Phật mà chứng được Vô sinh pháp nhẫn. Nay ở cõi Sa-bà này, nhiếp người niệm Phật trở về cảnh giới Tịnh độ. Phật nay hỏi viên thông, con nghĩ không cần lựa chọn, cứ thu nhiếp sáu căn, tịnh niệm nối nhau, thì chứng đắc Tam-ma-địa, đây là pháp Đệ nhất.”

16. LIỄU ĐẠT ĐƯỢC TÂM VÀ CẢNH GIỚI THÌ VỌNG TƯỞNG CHẲNG SINH:

Hỏi: Không liễu đạt được tâm và cảnh thì khởi hai món vọng tưởng. Nay còn Phật để niệm, còn tâm khởi niệm, đó chẳng phải là hai món vọng tưởng hay sao?

Đáp: Kinh Lăng Già nói: “Liễu đạt được tâm và cảnh giới thì vọng tưởng chẳng sinh.” Tâm nếu không sinh thì sẽ lìa được các món năng tướng và sở tướng.

Chúng ta nay niệm các tướng như chữ Vạn, mắt xanh bạch hào đều là nơi tự tâm, không Phật nào có thể được. Duyên đã không có làm sao tâm có được? Thế thì niệm của năng tướng và Phật của sở tướng đều tự xa lìa, làm sao nói trụ nơi hai món vọng tưởng được. Chỗ các bậc Thánh xưa truyền thọ cho nhau, chính là cái ngõ vọng tưởng vô tánh này vậy.

Lại như quán thật tướng của Phật và quán thân ta cũng đều như nhau, thì đối cảnh đều là chân, không tâm nào chẳng là Phật, lý của trung đạo biến khắp tất cả, như thế còn tụ nơi Phật của sở duyên hay sao?

Lại giải rằng: Như trên mũi có đốm mực, khi soi vào gương, người không thích đốm mực, nhưng lại đi lau mặt gương, thì có thể tẩy được đốm mực sao? Người còn mang tâm niệm ưa, ghét, đúng, sai khi tiếp xúc với trần cảnh, không rõ tự tâm của mình, lại cứ đi oán trách trần cảnh, như thế có được hay không? Đâu bằng ta cứ cố tẩy sạch đốm mực phân biệt, thì tấm gương sẽ tròn sạch, vạn cảnh đều toàn chân, thấy đá đồng ngọc báu, chúng sinh đồng là Phật.

Cho nên trong Tục Cao Tăng truyện nói: "Triều đại nhà Tề có cư sĩ họ Hướng gởi thư đến hỏi thiền sư Huệ Khả rằng: Bóng là do từ hình mà khởi, tiếng là do từ âm thanh mà có. Đùa với bóng làm mệt hình, không biết hình là gốc của bóng. Phát ra tiếng để ngăn âm vang, không biết âm vang là cội rễ của tiếng. Diệt trừ phiền não mà cầu Niết-bàn giống như trốn hình mà đi tìm bóng. Lìa chúng sinh mà đi tìm cầu Phật tánh thì chẳng khác nào im tiếng mà tìm âm vang. Nên biết mê và ngộ là chỉ một đường, ngu và trí không sai khác. Vốn không có tên mà lại đặt tên, thì nhân tên đó mà thị phi sinh khởi. Vốn không có lý mà lại lập lý, thì lý do đó mà sự tranh luận nổ ra. Vốn huyễn hóa chẳng phải là chân, thử hỏi ai đúng ai sai. Đã hư vọng không thật thì đâu là không, đâu là có. Huống nữa, đã từng biết được vốn không có chỗ được, mất không có chỗ mất. Vì xưa nay không có dịp cùng Ngài luận bàn, nay muốn bày tỏ vài ý, mong ngài lượng tình mà hồi âm."

Thiền sư Huệ Khả bèn viết thư trả lời: "Những lời nói của cư sĩ về chân pháp ấy đều là đúng, khế hợp với chỗ sâu xa, lý rốt ráo. Chẳng khác gì người xưa kia vì mê mờ đem ma ni cho là ngói gạch, nay nhận ra đó là trân châu. Cũng thế, vô minh và trí tuệ vốn không sai khác. Nên biết vạn pháp vốn là như như. Nay cư sĩ phá hai kiến, bỏ văn mượn ý, viết thơ gởi đến. Cư sĩ đã quán rõ thân mình và Phật đều không sai khác, thì cần gì đi tìm cái vô dư nào khác."

Hai vị Đại sĩ này, nương nơi hai pháp của Đạt-ma đại sư, theo lý quán mà dụng tâm, đều là niệm Trung đạo đệ nhất nghĩa đế pháp thân Phật. Chẳng cần lìa niệm mà giữ nơi vô niệm, lìa sinh mà lập nơi vô sinh. Nếu cho lìa ra ngoài để riêng lập, tức chẳng rõ được lý phiền não tức Bồ-đề, chúng sinh tức là Phật, làm sao ngộ được gạch ngói là trân châu. Đã không thể lìa thì niệm Phật là chân vô niệm, vãng sinh là thật

vô sinh. Xét như thế thì nghĩa lý này đã sáng tỏ, như trời thu mây tạnh, như trăng sáng thoát mây, há lại đồng với kẻ ngu chỉ nhìn ngón tay mà chẳng nhìn mặt trăng.

17. CẦU GIẢI THOÁT VÀ CHƯ PHẬT Ở TRONG TÂM HÀNH:

Hỏi: Lý niệm Phật vốn là vô niệm, vãng sinh thật là vô sinh, điều này tôi đã tin. Còn kinh Duy-ma dạy: "Đối với chư Phật và pháp giải thoát, nên cầu ở chỗ nào? Nên ở trong tâm hành của tất cả chúng sinh mà cầu. Sao ở đây không cầu Phật nơi tự tâm mà cầu ở Phật bên ngoài?"

Đáp: Ông cho rằng pháp niệm Phật vô thượng diệu thiền, chẳng phải là cầu ở trong tâm, điều này không đúng. Nay tôi sẽ vì ông mà giải thích điều này.

Xét tâm khởi ra hành, hành động nơi ba cảnh sau:

1. Hành thiện cảnh, là pháp Niệm Phật Tam-muội, là cảnh thiện trong các cảnh thiện, là cảnh trời trong các trời.

2. Hành bất thiện cảnh, nghĩa là các phiền não tham, sân, si, các cảnh giới ác.

3. Hành vô ký, nghĩa là tâm không an trụ, thiện hay ác đều không duyên.

Nếu luận về lý tánh, thì biến khắp ba cảnh đó. Còn chỉ nói thuận với lý, thì chỉ giữ cảnh thiện. Kinh nói: "Đắm trước vào ngã là uế, không đắm trước ngã là tịnh" nghĩa là không rõ được bản thể của pháp tánh vốn là không xan tham, trái với pháp tánh mà không hành bố thí, ở nơi bố thí trụ ở bố thí, thì không thể xả bỏ bố thí, đó chẳng phải uế là gì. Nếu có thể rõ được pháp tánh, tùy thuận thực hành sáu pháp Ba-la-mật, không có tướng xan tham và bố thí, khéo tùy thuận nơi lý, thì chẳng phải thanh tịnh là gì?

Về bất thiện và vô ký, do chúng trái với pháp tánh nên không cùng thiện chung hợp. Do đó Thắng Thiên Vương hỏi Phật: "Làm sao Bồ-tát thông đạt Thiền Ba-la-mật?" Phật bảo Thiên Vương: "Vị Bồ-tát Ma ha tát học Bát-nhã ba-la-mật hành Thiền Ba-la-mật nên quán tâm này nơi cảnh nào, cảnh giới thiện, bất thiện hay vô ký. Nếu vị Bồ-tát đó hành thiền nơi cõi thiện, thì siêng năng tu tập, ví như hoa sen không dính một giọt nước nào. Do vậy, dù chỉ một pháp bất thiện, Bồ-tát cũng không được tạm thời trụ nơi đó."

Căn cứ theo lời Phật dạy thì chẳng có pháp bất thiện và vô ký nào mà chẳng từ bỏ. Thế là tâm thuận lý thiện hành nơi cảnh thiện, tức khắc

niệm Phật và cảnh giải thoát đều ở trong tâm hành cả. Nếu cho rằng tâm hành niệm Phật chẳng phải là giải thoát, thì hai thứ tâm hành bất thiện và vô ký là giải thoát sao? Nên biết chỗ giải thoát này mê muội thì vướng mắc nơi đại họa, còn đại ngộ thì chứng đắc như trở bàn tay.

Tu tập thiền định thì nên rõ cảnh ấy, rõ đây tại đây. Đức Như Lai Thế hùng xét các môn định, đã dạy rằng: Pháp Niệm Phật Tam-muội là vua trong các môn định. Bởi vì các Tam-muội khác còn có đối đãi, nên chỉ là định của kẻ bình thường mà thôi.

Những Pháp bảo vương Tam-muội này chẳng trụ ở tướng tôn quý, chẳng trụ ở tướng thấp hèn, tướng tà, tướng chánh, tướng Niết-bàn, tướng sinh tử, tướng phiền não, tướng Bồ-đề, tướng tịnh, tướng loạn, tướng thành chánh giác, tướng độ chúng sinh, tướng ngồi đạo tràng, tướng vô sở đắc, với các tướng như thế, hết thảy đều không an trụ. Giống như người tỉnh mộng, rỗng rang không có đến và đi. Cho nên trong Đại Phẩm nói: "Không đến không đi là Phật, do như vậy mà pháp trung đạo còn buông, huống gì lại còn trụ chấp nơi nhị biên hay sao?" Lại như bài kệ trong kinh Chư Pháp Vô Hành nói:

Ví như người đang ở trong mộng
Thấy chứng Phật đạo độ chúng sinh
Đạo vốn không thật, không chúng sinh
Thể tánh Phật pháp cũng như vậy
Ngồi đạo tràng chứng Vô sở đắc
Nếu không có đắc thì chẳng có gì
Minh và vô minh đồng một tướng
Biết rõ như thế là Thế Tôn
Tánh chúng sinh chính là Bồ-đề
Tánh Bồ-đề cũng chính là chúng sinh
Chúng sinh Bồ-đề vốn không hai
Biết rõ như vậy là Thế Tôn.

18. ĐEM BA NGHIỆP CÚNG DƯỜNG MỚI THẬT LÀ BIỂU LỘ CUNG KÍNH:

Hỏi: Về pháp quán Tam-muội, tôi đã nghe rõ. Còn việc đem ba nghiệp cúng dường sau khi Phật diệt độ, làm sao được nhiều phước đức?

Đáp: Luận về biển pháp cúng dường, trong vạn kinh làm cho ba nghiệp thanh tịnh gọi là cúng dường, há duyên nghĩ chân cảnh mà chẳng cúng dường sao?

Sách Lý thú nói: "Quán tất cả các pháp hoặc thường hoặc vô thường đều là bất khả đắc, rồi ở nơi các Như Lai rộng thiết lễ cúng

dường.” Như thế chẳng rõ ràng sao?

Lại, Đức Như Lai khi còn tại thế, để tỏ lòng thành kính cúng dường, đều đem hương hoa nhiều như biển cả, đầy khắp các cõi vi trần dâng cúng dường chư Phật vẫn còn thấy ít. Vì Bồ-tát cho dù nhập vào pháp quán, dùng sức tư tưởng xem núi Tu-di như là cột đèn, xem biển lớn như là bình dầu, để cúng dường cũng chưa cho là thật cung kính. Cho nên các Ngài thường đốt tay kim sắc, dâng tháp minh tinh, đốt thân vàng cháy rực khắp cả mười phương, như sự đốt thân cúng đường cũa Bồ-tát Đại Kiến là một minh chứng.

Con người ngày nay chỉ đem tự tâm cúng dường, hoặc cúng dường như đứng ở xa chỉ hoa trên cây, là trái với lễ nghi phụng hiến, thật là thất lễ. Nay ông hỏi sau khi Phật diệt độ, cúng dường như thế nào để đạt được nhiều phước đức. Tôi sẽ vì ông biện giải điều này.

Vả lại như Đinh lan chạm gỗ trong nhà, ngày đêm dâng cúng xem như cha mẹ đang sống, danh thơm lưu sử. Con người như thế được gọi là người chí hiếu. Nếu Đức Như Lai lúc còn tại thế, thân đẹp như núi vàng rực rỡ, nghiêm tướng oai nghi, ai thấy Ngài mà không phát đạo tâm, muốn dâng hoa đảnh lễ, lúc đó muốn cúng dường thì khó khăn gì. Gặp lúc Phật diệt độ như trăng khuất trong núi, không thể phụng đối chân nghi của Ngài, chỉ biết qua kinh điển. Đối với hình tượng của Ngài, chúng ta phát tâm vô thượng bằng cách đem hoa dâng cúng. Với cách cúng dường như thế, thật đáng tán thán. Làm được như thế, thật không khó lắm.

Kinh Niết-bàn nói: “Cho đến dâng cúng Phật một đóa hoa, quyết được sinh nước Bất động.” Thế với việc một cây hương một đóa hoa, một ngọn đèn, một lời nhạc cho đến đồ ăn thức uống, đều chí thành dâng lên cúng dường ba đời chư Phật, đó là diệu nhân để sinh về cảnh giới Tịnh độ, là cội nguồn để chứng đắc Thánh quả. Sao lại dám khinh thường các hạnh cúng dường đó, mà chẳng đáng tôn kính hay sao?

Nếu người nào lìa hạnh cúng dường này, nghe theo những lời dạy không cung kính cúng dường hoa tâm, đốt đèn tâm, xông hương tâm, lễ Phật tâm mà muốn cầu quả vị chánh giác, thì khác nào chạy theo các loài khỉ vượn, giữ lấy cái ngóng trông đến rừng mai giả tưởng.

Nếu bảo họ mặc áo tâm, ăn cơm tâm thì họ chẳng nghe. Cho đến lục độ vạn hạnh lại bày đặt cái tâm thấy biết rỗng tuếch. Nhờ chỉ vẻ tâm mà lại bảo ngó hư không, không thể nào chấp nhận được.

Trong pháp môn Chân ngôn Du-già quán hạnh cũng y theo sự môn, biểu lộ bằng hình tướng mà không chỉ một mặt xét về tâm, sáu

thời thường dâng hương hoa cúng dườngTam bảo mà không thiếu sót.

19. VÔ TƯỚNG CÚNG DƯỜNG, TIN HAY HỦY BÁNG ĐỀU CHIÊU CẢM QUẢ BÁO:

Hỏi: Dâng hoa là sự, còn lý ở đâu? Tin tưởng hay hủy báng thì chiêu cảm quả báo như thế nào?

Đáp: Hoa cũng tức là lý, sắc tức là không. Về quả báo của lòng tin, trong kinh Bi Hoa có nói: "Xưa có Vương tử tên Vô Sở Úy, tay cầm bông sen thành kính dâng lên cúng dường Phật Bảo Tạng, Phật dạy: "Ông lấy hoa sen hợp với hư không dâng lên cúng dường ta, nay ta đặt tên cho ông là Hư Không Ấn. Nhờ công đức cúng dường này, tương lai ông sẽ thành Phật, thế giới tên Liên Hoa, Phật hiệu là Liên Hoa Tôn, đó chính là ông vậy." Thế giới và Phật đều y theo công đức ngày xưa công tử dâng hoa cúng Phật mà được hiệu đó. Điều này cho chúng ta thấy rõ được ý nghĩa gây nhân tất được quả báo. Vậy tại sao lại ngăn cản việc dùng hoa để thực hiện hạnh Bố thí ba-la-mật, mà muốn riêng theo tướng vô tướng.

Kinh Đại Phương Quảng Tổng Trì nói: "Xưa có vị Tỳ-kheo tên Tịnh Mạng, an trú nơi chánh kiến, đem hoa dâng cúng Phật. Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo tên Pháp Hành, vị này an trú nơi tà kiến, đã chứng đắc Tứ thiền, thường giảng thuyết pháp Bát-nhã Không tông tối thắng." Tỳ-kheo Pháp Hành chê bai pháp sư của Tịnh Mạng rằng: "Ông Tịnh Mạng nhận hoa của người khác chẳng phải để cúng dường, mà để tự thọ dụng." Tỳ-kheo Pháp Hành chỉ một lời nói bài bác đó, mà bị quả báo sáu muôn kiếp liên tiếp, không có thiệt căn, cho đến khi thành Phật, phải trụ nơi cõi ngũ trược, người đó nay là ai? Chính là Phật Thích-ca Ta vậy. Phật lại dạy: Người ít học, trong giáo pháp của ta lại khởi sinh hai thuyết, sau khi mạng chung, người đó sẽ đọa địa ngục, nhiều đến trăm ngàn kiếp. Nếu lấy mắt ác khinh người phát tâm Bồ-đề, sẽ bị quả báo đui mù, miệng ác chửi mắng người phát tâm Bồ-đề, sẽ bị quả báo câm ngọng. nếu cho rằng chỉ cần tu một môn Bát-nhã ba-la-mật là đắc đạo Bồ-tát, thì xưa kia vua Ca-thi-va khi làm Bồ-tát tu hạnh xả thân, đầu mặt tủy não cũng không có trí tuệ hay sao?

Do đó nên biết, sáu pháp Ba-la-mật cần tu đầy đủ. Nếu chỉ chấp vào một pháp rồi bỏ các pháp khác, đó là nghiệp ma. Làm sao bỏ pháp Ba-la-mật dâng hoa cúng dường mà chấp ác thủ Không, riêng giữ pháp Bát-nhã chân vô tướng dối trá hay sao. Quả báo không lưỡi không thể không do lỗi này. Như Lai do vậy mà Ngài tự dẫn việc lỗi lầm của Ngài ngày xưa, muốn cho chúng sinh đừng đi theo vết đổ cũ của Ngài. Một

bông hoa còn như thế thì tất cả đất đá, cỏ cây, hình tướng, kinh điển, Tăng ni trụ trì, Tam bảo, giới, định, tuệ... không luận phước điền hay phi phước điền đều đáng cung kính.

Tất cả đều thể nhập vào trong pháp giới ba nghiệp chân thật cúng dường, có gì mà không được, thế mà lại muốn lược bỏ bớt. Bài kệ trong kinh Pháp Hoa nói:

Nếu người vào tháp miếu
Tượng báu hay tượng vẻ
Lấy hoa hương phan lọng
Thành kính mà cúng dường
Cho đến một lời khen
Đã đều thành Phật đạo.

20. VẠN THIỆN CHUNG QUY ĐỀU THÀNH TAM MUỘI:

Hỏi: Luận về công việc cúng đèn, đèn sáng mãi mà được sinh về cõi Nhật Nguyệt. Như thế, hoa, hương, phan lọng so với đèn không khác, thảy đều được phước báo sinh về cõi trời, mà đây lại nói đều thành Phật đạo. Sao ngài lại đi nói quá lời như thế?

Đáp: Ví như nhà vua khi đi chơi có muôn ngàn binh lính, quân lính đi theo đều mang phù hiệu lính ngự. Ai xúc phạm đến lính này thì bị xử chết ngay tại chỗ. Khi xe đã về cung, quân lính giải tán về quê làm ruộng. Nếu họ còn xưng là lính ngự thì cũng chết ngay tại đó. Binh lính đi theo trước sau thì đồng, nhưng sống chết thì có sai khác. Bởi vì chỗ duyên khởi có khác, mà quân lính có lúc vẻ vang có lúc nhục nhã.

Cũng thế với hoa, lọng, hương, đèn đem dâng cúng Phật, nếu chẳng gặp Pháp Hoa Kinh vương cho làm kẻ dưới trướng, thì được quả báo sinh thiên cung. Nếu gặp được Tam-muội bảo vương thì cũng được theo hầu, dầu chỉ đem theo một bông hoa dâng cúng cũng thành tựu Phật đạo. Đây là hạt giống Phật nương theo duyên mà khởi, lý dạy rõ ràng. Cũng giống như chim đậu núi Tu-di, lông nó đều có cùng một màu với núi. Sông đổ ra biển cả, không cùng biển cả khác tên.

Cho nên trong kinh Đại Bảo Tích, trong pháp hội Phổ môn, Văn-thù đã hiểu thiên long, bát bộ, địa ngục, súc sinh, sắc, thanh, hương, vị... tất cả vạn pháp đều là Tam-muội, cũng giống như chiếc lông chứa trọn biển lớn, hạt cải thâu cả núi Tu-di. Chẳng phải sợi lông hạt cải có thần biến, mà bởi vì cải hóa hiện tượng mà thôi.

Nên rõ hiểu biết là nhờ nơi mắt, đi đứng là nhờ nơi chân, hiểu đúng là làm đúng, hiểu sai là làm sai, ma Phật sâu cạn, đều căn cứ vào sự hiểu biết. Vậy kinh Niết-bàn nói: "Bỏ sự chậm lụt, không gọi là

chậm lụt. Xe đi chậm thì gọi là chậm." Xe là dụ cho tuệ giải thoát. Một hạnh đã như vậy thì muôn hạnh cũng như thế.

Pháp hoa Tam-muội tức là niệm Phật Tam-muội. Vì thế, đức Như Lai gọi thắng định đó là Tam-muội bảo vương, là Quang minh tạng, là ngọc chiếu trừ tội, là đèn phá tà kiến, là người hướng lộ trong nẻo mê, là kim ấn của vương tử, là kho báu của kẻ nghèo, là không Tam-muội, là Thánh Tam-muội, là Đà-la-ni, là chân tư duy, là tối thắng quán, là như ý châu, là Phật tánh, là Pháp tánh, là Tăng tánh, là Vô tận tạng, là Thắng phương tiện, là ánh sáng đại trí, là quán tiêu ác Tam-muội... Cho nên, biết tất cả các pháp như giáo, lý, hạnh, quả, tám vạn bốn ngàn pháp Ba-la-mật đều là tên gọi khác của pháp Niệm Phật Tam-muội. Xét như thế, cúng một bông hoa là là phụng hiến khắp cùng ba đời vi trần cõi Phật. Niệm một vị Phật là thông đạt thể tánh với chư Phật vị lai. Như đất bằng là đích thì bất cứ mũi tên nào bắn mà không trúng. Bằng chẳng phải như thế, thì trái với tông chỉ của kinh Tư Ích, chê trách rằng sợ là không, buông là khôngđi là không, tìm cầu là không.

Khách hỏi: Thầy thuốc đã đi còn để lại thuốc, kẻ đi buôn gởi lại vàng, chỗ ẩn tàng của các bậc tiền hiền, chẳng đúng người thì cũng không thể rõ. Đệ tử do tối đạo dốt học, xưa nay luôn trộm nhìn vào cửa Tam-muội, vì mong có ngày chứng được quả vị vô sinh, nên thường cầu được một lời dạy bảo chân thật, như ấn báu của pháp, ngõ hầu đạt đến chỗ động tịch song chiếu, lý sự viên dung, khởi tâm mà vẫn trường tồn bất hoại, xưng Nam-mô ngay đó đều thành Phật đạo, tán hoa trong tích tắc, liền thẳng tiến thành đạo Bồ-đề, như kính vua thì mình còn tôn quý, mắt kéo mây mờ mà bỏ được đèn che... Hai mươi nghĩa này, tôi xưa nay chưa từng được nghe. nay nương nhờ đây bỏ được lỗi khinh thường chúng sinh, đến được cõi Ưu du bảo trang nghiêm, thật là may mắn. Nguyện không đổi thân này, được thọ ký thành Phật, ngộ chư Phật đương lai là chúng sinh, rồi cúi đầu cung kính lễ tháp Đa bảo, cung đối liên hoa tăng, cùng tôi quán khắp mười phương chư Phật,tròn niệm đủ ba đời chư Phật, lại xin quỳ gối chấp tay mà nói bài kệ rằng:

Một lòng nhớ nghĩ Phật quá khứ
Cũng nhớ các Thế Tôn vị lai
Và Phật hiện tại giữa mọi người
Không có một Phật trong quá khứ
Cũng không hiện tại và vị lai
Đây là thanh tịnh vi diệu thiền
Không thể nói được, chứng thì rõ.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 171

VÃNG SANH TỊNH ĐỘ QUYẾT NGHI HÀNH NGUYỆN NHỊ MÔN

SỐ 1968

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1968

VÃNG SINH TỊNH ĐỘ QUYẾT NGHI HẠNH NGUYỆN NHỊ MÔN

Đời Tống, Sa-môn Tuân Thức ở Kỳ sơn soạn.

Chỉ có An dưỡng Bảo sát (Cực lạc) là nơi mà Thế Tôn ngợi khen, ba căn cùng lên đến. Chiều thác thai trong hoa sen, chư tổ vẫn thẹn vì mình quá nhỏ bé; sáng dạo chơi bên hồ Ngọc, mới hay cõi Phật rộng vô cùng, vì thế mà mười phương cùng về, bốn loài cùng đến. Dù có cưỡi trên ánh hào quang mà bày khắp, thì cuối cùng phải cúi đầu mà riêng cầu. Thế nên từ xưa đến nay, Tây thiên có những bậc cao Hiền chí Thánh chẳng tiếc văn từ lập bao lời thệ (Những vị Thánh hiền như Văn-thù, Phổ Hiền, Thiên Thân, Long Thọ, có người vì chuyên dịch nguyện văn, có người chuyên tạo kinh Luận, thế chưa đủ sao!); Đông Độ có bao kẻ tài đức danh nho không tiếc văn chương lập bao lời nguyện (Trước thì từ đời Tấn có Lưu Lôi v.v... cả thảy mười tám người trong Đông Lâm Liên xã, gần đân một trăm hai mươi ba người cùng thệ nguyện, như Di Dân, di chúc rằng sau này có bao kẻ sĩ trong cả nước, những bậc danh Tăng khắp Thiền lâm, những kẻ tục tịnh tâm khiết chí). Từ đây cứ liên tục có biết bao kẻ hồi hướng, kẻ xướng người họa nối nhau không dứt. Thật là con đường chung của đạo đức, là phương pháp cứu tế thẳng tắt thường lạc.

Chỉ tiếc rằng phần đông Tăng tục trong đời do chưa thấu hiểu tường tận đầu đuôi, chợt gặp người thưa hỏi căn nguyên mà chẳng biết hổ thẹn, chẳng biết mình là kẻ gá nương, lạm dụng. Hoặc có người vung tay chê là kẻ Tiểu giáo, hoặc có kẻ mỉa mai cho đó là Quyền thừa. Những thứ kiến giải ấy đã trái ngược kinh điển mà còn làm cho người

ta nghi ngờ kinh điển. Ở trong nhà mình mà phát ngôn những lời chẳng thiện, vốn đã trái ngược với muôn sự ngoài ngàn dặm, huống gì là xa hơn thế nữa.

Vì lý do đó, tôi bèn trước thuật Vãng sinh Tịnh độ quyết nghi hạnh nguyện nhị môn. Tuy ngôn từ không được hoa mỹ nhưng nghĩa lý rất thích đáng, khiến cho người đọc nhìn vào liền phân biệt được đâu là đậu, đâu là lúa, nhận biết được đâu là nước sông Kình đâu là nước sông Vị, cắt bỏ rừng Y lan hôi thối, vun trồng nhánh Chiên-đàn thơm đẹp. Tín Hạnh-Nguyện vốn vô thỉ vô chung, thì mấy ngàn lời đâu thể diễn tả hết được.

***Môn thứ nhất:* QUYẾT NGHI**

Nghi ngờ làm chướng ngại lòng tin. Một khi có tâm nghi ngờ thì việc thiện nhỏ của thế gian đã không thể thành tựu, huống gì là nói đến Đại đạo Bồ-đề.

Có người hỏi rằng: Thiên Thai Trí Giả đã giải thích Thập Nghi Luận rồi, thì cần gì đến phần quyết nghi này nữa?

Thế nhưng phần này tóm lược có ba ý:

1. Để cho vua quan đại thần có tâm tin ưa tu tập, nhưng do vì công việc bề bộn, ít có thời gian rảnh rỗi, khó đọc hết những áng văn quá dài, do đó nay tôi chỉ nêu ra những phần chính yếu và lược nếu hành tướng, để những người ấy dễ dàng đọc và nắm bắt.

2. Trong Thập Nghi luận phần nhiều chỉ hỏi đáp về phần sự. Chỉ trong câu hỏi thứ hai, thứ ba mới phụ sơ vào phần lý. Hơn nữa sự vốn đã vô tận thì nghi cũng vô cùng. Còn nay chỉ riêng nêu bày nhất lý là cội nguồn của vạn pháp. Chỉ được cội nguồn thì tất biết được dòng chảy.

3. Chính là để cho những kẻ trái với kinh, nghịch chánh lý, tự làm hại mình, tổn hại người khác nhận chân được chánh lý. Vì vậy trong phần quyết nghi Pháp thứ hai đã bỏ Tiểu thừa lấy Đại thừa, phân biệt rõ Quyền giáo Thật giáo để khiến cho hậu lai chẳng còn nghi hoặc.

Đến những bộ luận như: Vãng Sinh luận của Hòa thượng Đạo An, Quần Nghi luận của Pháp sư Hoài Cảm, An Lạc tập của Thiền sư Đạo Xước, Tịnh độ Từ Bi tập của Tam tạng Từ Bi Mẫn, Tịnh độ tập của Thiền sư Nguyên Tín... đủ thấy rằng chư tổ từ xưa đến nay đều quy tâm về Tịnh độ. Trong đó có vị tạo sớ, chú giải kinh, có vị y kinh mà tạo luận, có vị giải thích những nghi vấn cho người, có vị ngợi khen pháp môn này như lương dược Già-đà. Trên phương tiện dù chẳng ai giống ai, nhưng họ cùng về Cực lạc, cùng nêu bày thấy biết của mình. Các vị ấy cùng nỗ lực viết nghiên lách, nguyên cứu tìm tòi đưa ra những nghi ngờ

hay nhất. Nay tôi gom hết những mối nghi ngờ ấy liệt vào ba mối nghi ngờ dưới đây. Văn nghĩa cũng xuất phát từ Chỉ Quán của Thiên Thai, chứ tôi nào dám tự nói theo thấy biết của mình.

1. Nghi thầy của mình: Có hai loại thầy, đó là những vị thầy theo tà ma ngoại đạo, mê hoặc người ta, không phải là những vị mà ta tôn thờ. Hai là những vị thầy sống đúng Chánh pháp, lại có nhân quả của Phàm Thánh. Phàm phu và những kẻ còn trong nhân vị đâu thể thấu suốt hết. Như ngài Thanh Biện nói: Nay Đức Di-lặc chưa phải là bậc Chánh Biến Tri, nên đợi đến Hội Long Hoa mới hỏi việc này được, chính là thế. Nay nêu bày cảnh giới Tây phương để mọi người cùng hồi hướng. Chỉ có quả Phật là Thầy của muôn Thánh, thế nên Đức Thích-ca Như Lai cùng chư Phật khắp mười phương bày tướng lưỡi rộng dài nói những lời chân thật, ngợi khen cõi ấy, khuyên chúng sinh phát nguyện cầu sinh. Như vậy ta còn nghi ngờ gì nữa.

2. Nghi pháp: Pháp Phật có hai, đó là pháp Bất liễu nghĩa của Tiểu thừa và pháp Liễu nghĩa của Đại thừa. Trong pháp Đại thừa lại có Liễu nghĩa và Bất liễu nghĩa. Tịnh độ mà nay bàn đến chính là pháp liễu nghĩa trong những pháp liễu nghĩa của Đại thừa. Hơn nữa toàn bộ kinh luận của Tiểu thừa chưa từng có một chữ nào tán thán và khuyên chúng sinh cầu sinh về tha phương Tịnh độ. Thế nên ngài Thiên Thân nói: “Người nữ, kẻ thiếu căn, Nhị thừa chẳng được sinh.” Đó đủ chứng minh nhận định trên.

Hỏi: Các kinh như Di-đà v.v... đều nói: Cõi ấy có hàng đệ tử là Thanh văn; lại như kinh Cổ Âm Vương cũng nói: Mẹ của Phật tên là Thù Thắng Diệu Nhan. Như vậy Nhị thừa, người nữ đâu phải không có?

Đáp: Mẹ của Phật ở đây e rằng chỉ do lúc Phật mới giáng sinh. Đến lúc Ngài thành Đẳng Chánh Giác rồi, thì cõi nước cũng theo đó mà thanh tịnh, nên tất không có người nữ. Và người mẹ ấy đã chuyển thân nam, giống như Long nữ chẳng hạn. Hoặc lại mạng chung, giống như mẹ của Tất-đạt chẳng hạn. Có người khi tạo Luận, dẫn dắt phần kinh văn này và cho rằng cõi Cực lạc có người nữ là hoàn toàn không đúng. Còn Thanh văn thì Quán kinh sớ và Thập Nghi luận đều có đề cập đến.

Đại thừa cũng có ba loại:

1. Thông giáo của Tam thừa: Tuy nó thuộc Đại thừa, nhưng ở đây lại có cả Nhị thừa. Hàng Bồ-tát này tuy cũng có giáo hoá chúng sinh, làm thanh tịnh cõi nước chư Phật, nhưng giáo hoá xong lại trở về với sự tịch diệt như Nhị thừa. Diệu lý sâu xa của Tịnh độ, họ chẳng hề biết,

nên đây không phải là pháp liễu nghĩa.

2. Biệt giáo của Đại thừa: Đây là pháp chỉ dành riêng cho Bồ-tát của Đại thừa. Tuy họ cũng nói về Lý của thật tướng, sau khi hành đạo cũng có chứng đắc nhưng nhân quả thì chẳng dung hợp. Đối với Tịnh độ thì ngoài lý mà tu tập thành tựu, vạn pháp chẳng phải do tâm có đủ. Dù cũng trải qua nhiều kiếp tu tập, dạo chơi khắp cõi nước chư Phật, nhưng khi nói về nhân quả của Tịnh độ ấy thì đó chỉ là phương tiện nằm ngoài thể. Đây cũng chưa là pháp liễu nghĩa.

3.Viên giáo của Phật thừa: Diệu lý mà Giáo này tuyên thuyết đều viên dung, nhân quả liền có đủ. Diệu nghĩa của Phật pháp đều do Giáo này chuyển tải mà chẳng hề dứt đoạn.

Kinh chép: Xét kỹ khắp mười phương, không có thừa nào khác, duy chỉ một Phật thừa. Chính là đây vậy, như pháp này là pháp Đại thừa trong Đại thừa, Liễu nghĩa của liễu nghĩa. Tịnh uế của mười phương đều nằm gọn trong sát-na, một niệm sắc tâm bao trùm khắp pháp giới, đều có sẵn trong tánh Thiên chân chứ không phải do duyên khởi mới bắt đầu hình thành. Một niệm đã như vậy thì một trần cũng như thế. Thế nên:

Tất cả cõi trong mỗi mỗi trần
Tất cả tâm trong mỗi mỗi tâm
Hết thảy tâm trần cùng dung hợp
Trùng trùng vô tận không chướng ngại
Đồng thời đốn hiện chẳng ẩn hiển
Hết thảy viên thành không hơn thua
Như minh châu thâu tóm muôn châu
Như Đế võng ngời ngời thâu chiếu.

Tâm của ta đã vậy, thì thể của Phật và chúng sinh cũng đều bình đẳng. Như vậy thì mới hay chu du trong ức cõi, nhưng kỳ thật lại vãng sinh trong tự tâm của chính mình. Thác thai trong chín phẩm, lẽ đâu lại còn khoảng cách trong một sát na. Nếu sự lý chưa dung hợp, tịnh uế còn cách ngại, thì làm sao khiến cho phàm phu, ngũ nghịch, thập ác chỉ thành tựu mười niệm mà liền lên thẳng Lạc bang, Hiền Thánh của Nhị thừa chỉ cần hồi tâm liền đến ngay ao báu! Tin viên lý Phật thừa này thì muôn sự thảy vô ngại, mê diệu lý này thì muôn sự thảy đều mê. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói:

Tâm như người thợ vẽ
Tạo vô số ngũ ấm
Muôn vật trong thế gian

Đều do tâm tạo tác.

Tạo tác này có hai loại:

1. Lý vốn có đủ, nên gọi là tạo tác. Y báo-Chánh báo của mười pháp giới đều hiện đủ cả ngay trong một niệm.

2. Chuyển biến phát khởi, nên gọi là tạo tác. Vạn vật đều từ lý mà duyên khởi ra, không có việc gì mà chẳng từ lý.

Giữa tâm, Phật cũng vậy
Phật, chúng sinh cũng thế
Tâm, Phật và chúng sinh
Ba nhưng không sai biệt.

Từ thật lý "ba nhưng không sai biệt" này mà con đường cảm ứng mới gặp nhau, mới thành tựu Từ bi và thệ nguyện nhiếp thủ với nhau, vạn vật biến chuyển riêng biệt, cùng nhau biến chuyển thì nhân quả mới hình thành. Nếu chỉ mới biết nhất lý vốn không sai biệt, mà không hiểu các pháp cùng có đủ, thì chưa thấu triệt được diệu chỉ của viên giáo.

Lại nữa, Khởi Tín luận nói rằng: pháp mà nay nói đến chính là tâm của chúng sinh. Tâm này thâu tóm tất cả pháp của thế gian và xuất thế gian. Nương nơi tâm này mà hiển bày nghĩa của Đại thừa. (Tâm phàm phu này thâu tóm sáu cõi Phàm và bốn cõi Thánh. Thâu tóm cũng có hai loại. Lý cụ và sự tạo. Thân, độ, tịnh, uế trong mười pháp giới, có pháp nào mà chẳng ở trong tâm này. Ma-ha-diễn tức là Đại thừa. Nếu chẳng phải tâm này thì làm sao chuyên chở hết).

Kinh Thập lục Quán cũng nói: Chư Phật Như Lai là pháp giới thân. Thân ấy lưu nhập trong tâm tưởng của tất cả chúng sinh. nhẫn đến tâm này làm Phật, tâm này là Phật.

Lại nữa kinh Ban-chu Tam-muội nói: Phật là tâm của ta, Tâm của ta thấy Phật thì tâm của ta làm Phật v.v...

Nói đến diệu chỉ này, thì kinh điển Đại thừa có kinh nào mà chẳng diễn thuyết đến. Như kinh Pháp Hoa, Như Lai đích thân thọ ký cho đệ tử vãng sinh. Như Hoa Nghiêm là kinh thuộc Đốn giáo, mà Phổ Hiền còn kính cẩn phát tâm hồi hướng. Thế đủ biết rằng, trong nhân địa tu hành, Đức Phật Di-đà do quán lý này mà phát đại thệ nguyện nhiếp thủ tất cả chúng sinh. Đức Thích-ca thành đạo, dùng tướng lưỡi rộng dài hết lời ngợi khen lý này. Tất cả chư Phật khắp mười phương ba đời cũng thảy đều như vậy.

Hỏi: Như trên đã nói, diệu lý này vô cùng viên đốn, mọi người cần phải quán sát thực hành thì mới được vãng sinh phải không?

Đáp: Nói như vậy là không đúng. Nay chỉ giải đáp thẳng nghi tình để mọi người biết rằng, trăm thứ báu trang nghiêm, nhân quả của chín phẩm trong Tịnh độ đều ở trong tâm vi tế của chúng sinh. lý tánh vốn sẵn đủ, thì mới có sự dụng vãng sinh của ngày hôm nay, tùy theo sở nguyện mà nó tự nhiên như vậy. Thế nên chu du khắp mười phương mà chẳng lìa niệm này, tới lui khắp pháp giới nhưng khế hợp với duy tâm. Những kẻ thường tình chưa tin thì chấp cõi này phủ nhận cõi kia. Do đó tướng hạnh nguyện của họ thuộc về môn sau mà không phải nằm trong câu hỏi này. Huống gì sinh tướng của chín phẩm đều có hành tướng riêng biệt. Ba phẩm thuộc bậc Thượng cần phải hiểu phải hành trì. Thế nên kinh văn mới nói: "Ông tu tập Đại thừa, thấu hiểu Đệ nhất nghĩa." Chính là người này.

Nếu người học ngày nay thấy người khác tài giỏi, mình cũng mong muốn làm sao cho ngang bằng như họ, mong muốn được lên thẳng đài vàng, chỉ còn cách chuyên tâm vào Diệu quán. Còn như những người thuộc trung căn hạ căn, thì tác nhân để được vãng sinh trong sáu phẩm ấy, chỉ là chuyên giữ giới cấm, làm những việc nhân nghĩa cho đời. Đến như hạ phẩm hạ sinh, thì những người này vốn tạo tội nghịch ác, do thành tựu được mười niệm mà liền được sinh về cõi nước ấy. Họ chỉ cần biết có Tịnh độ, rồi làm sao dốc chí mà hồi tâm. Nếu không có hành tướng sai biệt như vậy, thì chín phẩm Tịnh độ làm sao dung chứa hết chúng sinh có muôn ngàn biệt nghiệp như thế. (Giả sử thế gian chỉ cho rằng Tịnh độ diễn thuyết giáo nghĩa Đại thừa, mà họ không có khả năng phân biệt rõ ràng như trên, chỉ thấy biết một cách hồ đồ, hỗn tạp, thì không đủ để quyết nghi).

3. Nghi chính mình.

Hỏi: Tôi là hàng Bát địa phàm phu bị nhiễm duyên thế gian trói buộc, thế sao bảo rằng thân này được vãng sinh về các cõi Tịnh độ, vào biển Hiền Thánh, cùng vào Chánh định tụ được?

Đáp: Nếu ông thấu hiểu được pháp tánh rỗng rang vừa nói ở trên, cùng bản nguyện nhiếp thọ chúng sinh của Phật Di-đà, chỉ cần ông chuyên tâm làm phước thiện, thì cần gì phải hỏi được vãng sinh hay không. Huống gì người nào thành tựu được mười niệm thì liền được vãng sinh, chỉ trừ những kẻ tạo ngũ nghịch thập ác và kẻ hủy báng Chánh pháp mà thôi. Lại nữa nếu ông định tâm trong mười niệm, thì dù phạm tội nghịch ác hay hủy báng chánh pháp cũng đều được vãng sinh. Nay ông lại có may mắn không tạo những tội ác ấy mà lại phát nguyện chân chánh, chí cầu vãng sinh thì còn nghi ngờ gì nữa.

***Môn thứ hai:* CHÁNH TU HẠNH NGUYỆN**

- Khai triển sơ lược thành bốn môn sau:

1. Lễ bái sám hối.
2. Thành tựu mười niệm.
3. Buộc duyên vào Phật và Tịnh độ.
4. Làm những phước thiện khác.

Sở dĩ khai triển thành bốn môn là vì người tu hành nghiêm túc phải đầy đủ bốn môn như vậy. Vì sao? Bởi vì trước tiên lạy Phật sám hối để tẩy trừ nghiệp chướng khiến cho thân tâm sáng sạch. Cho nên môn thứ nhất này giống như làm cho đám ruộng tốt sạch cỏ.

Kế đến tu tập mười niệm, hành giả phải định tâm thì mới thành tựu, cần phải lập nguyện và kỳ hạn cho mình, gieo trồng chánh nhân vãng sinh. cho nên môn thứ hai này giống như gieo giống vào ruộng.

Tiếp đến cần phải buộc tâm mình lại không cho bám víu theo nhiễm duyên, trưởng dưỡng thủ hộ tâm mình khiến nó nảy mầm sinh cây. Cho nên môn thức ba này giống như tưới nước vào làm đất ẩm ướt.

Cuối cùng làm những việc phước thiện khác nhằm trợ giúp cho nó ngày thêm sum suê, mau đơm hoa kết trái. Thế nên môn thứ tư này giống như tưới thêm nước vào để đất càng thêm màu mỡ.

Thế đủ biết hành giả tu đầy đủ bốn phương pháp trên thì đây là cách tu tập thù thắng nhất, vượt trội nhất. Hành tướng tu tập tuy nói như vậy, nhưng nếu người nào không đủ thời gian thì có thể tu theo một trong ba cách đầu, cũng đều được vãng sinh về Cực lạc. Bởi vì trong bốn môn ấy, mỗi môn đều có hạnh nguyện, đều có chánh nhân để vãng sinh.

Hành giả cũng có thể tu pháp lễ sám này trong sáu ngày trai giới. Trong mỗi ngày lại tu pháp thập niệm, vì pháp thập niệm này là cái nhân Tịnh độ rất cần thiết, quyết không thể bỏ được. Còn hai môn sau tùy khả năng của mình mà tu tập. Nếu không làm được như vậy, thì trọn ngày chỉ chạy theo ham muốn, phóng túng ba nghiệp mà thôi.

1. Lễ Phật sám hối.

Vào lúc sáng sớm mỗi ngày, ở trong đạo tràng thường cúng dường, chỉnh đốn y phục, nghiêm trang kính cẩn, đối trước chư Phật, tự tay đốt hương, định tâm chấp tay mà xướng thế này:

Nguyện khói hương thơm này
Xông đầy mười phương cõi
Trong vô biên cõi Phật

Vô lượng hương trang nghiêm
Đầy đủ đạo Bồ-tát
Thành tựu hương Như Lai.

Xướng xong định tâm trong giây lát, quán tưởng dùng hương thơm này cúng dường Tam bảo, xông khắp chúng sinh, làm cho tất cả chúng sinh cùng sinh về Cực lạc. Quán tưởng xong, đặt lò hương xuống, lạy một lạy, lạy xong đứng dậy, chắp tay cúi mình khẩn thiết, quán tưởng mình đang đối trước Phật Di-đà cùng tất cả chư Phật mà ngợi khen thế này:

Sắc thân Như Lai đẹp
Thế gian chẳng ai bằng
Không sánh không nghĩ bàn
Nên nay con đảnh lễ
Sắc Như Lai vô tận
Trí tuệ cũng như thế
Tất cả pháp thường trụ
Nên nay con đảnh lễ.
Trí lớn sức nguyện lớn
Độ khắp cả quần sinh
Khiến bỏ thân nóng bức
Về cõi Phật an lành.
Ba nghiệp con nay tịnh
Quy y, lạy, ngợi khen
Nguyện cùng khắp chúng sinh
Đồng sinh về Cực lạc.

Ngợi khen và phát nguyện xong, thì liền lễ Phật. Trong mỗi một lạy phải chú tâm đối trước Phật và tưởng như vậy. Xướng tiếp:

Nhất tâm đảnh lễ Thường Tịch Quang Tịnh độ, A-di-đà Như Lai, Thanh tịnh diệu Pháp thân, biến pháp giới chư Phật.

Nhất tâm đảnh lễ Thật Báo Trang Nghiêm độ, A-di-đà Như Lai, vi trần tướng hải thân, biến pháp giới chư Phật.

Nhất tâm đảnh lễ Phương tiện Thánh cư độ A-di-đà Như Lai, giải thoát tướng nghiêm thân, biến pháp giới chư Phật.

Nhất tâm đảnh lễ Tây phương An lạc độ, A-di-đà Như Lai, Đại thừa căn giới thân, biến pháp giới chư Phật.

Nhất tâm đảnh lễ Tây phương An lạc độ, A-di-đà Như Lai, thập phương hóa vãng thân, biến pháp giới chư Phật.

Nhất tâm đảnh lễ Tây phương An lạc độ, Giáo hạnh lý tam kinh,

Cực y Chánh tuyên dương, biến pháp giới Tôn pháp.

Đại sư Linh Phong chú rằng: Cách lạy này trong bản cũ không có. Nay theo Đại sư U Khê mà thêm vào, để cho đầy đủ Tam bảo.

Nhất tâm đảnh lễ Tây phương An lạc độ, Quán Thế Âm Bồ-tát, vạn ức Tử Kim thân, biến pháp giới Bồ-tát ma ha tát.

Nhất tâm đảnh lễ Tây phương An lạc độ, Đại Thế Chí Bồ-tát, vô biên quang trí thân, biến pháp giới Bồ-tát ma-ha-tát.

Nhất tâm đảnh lễ Tây phương An lạc độ, thanh tịnh đại hải chúng, mãn phần nhị nghiêm thân, biến pháp giới Thánh chúng.

(Lạy xong, quỳ xuống, tay cầm lò hương, đốt hương, chí thành mà xướng như vầy:)

Con nay khắp vì bốn ân ba cõi, pháp giới chúng sinh, nguyện đoạn trừ hết thảy ba chướng, quy mạng sám hối. (Lại một lạy, quỳ xuống, tay cầm lò hương mà xướng thế này):

Chí tâm sám hối: Đệ tử chúng con cùng pháp giới chúng sinh, từ vô thỉ đến nay bị vô minh che lấp nên điên đảo mê lầm. Lại do sáu căn ba nghiệp tác tạo những pháp bất thiện. Tạo đủ mười ác nghiệp, cùng năm tội vô gián, tất cả tội nghiệp vô lượng vô biên, không thể kể hết. Chư Phật mười phương thường ở trong đời, nói pháp không dứt, hương mầu xông khắp diệu pháp tràn đầy cả hư không, phóng quang sáng sạch chiếu khắp chúng sinh, diệu lý thường trụ, phủ đầy hư không. Con từ vô thỉ cho đến ngày nay, sáu căn che mù, ba nghiệp tối tăm, chẳng thấy chẳng nghe, chẳng hay chẳng biết. Do nhân duyên đó, cho nên trôi mãi trong vòng sinh tử, trải qua ác đạo trăm ngàn vạn kiếp, chưa biết ngày nào, mới mong thoát khỏi. Trong kinh chép rằng: Tỳ-lô-giá-na ở khắp mọi nơi, chỗ của Phật ở là Thường Tịch Quang. Nên phải biết rằng, tất cả các pháp đều là Phật Pháp, con lại chẳng biết, theo vô minh. Vì thế cho nên, trong tánh Bồ-đề, thấy không thanh tịnh, ở trong giải thoát lại khởi trói buộc.

Ngày nay tỏ ngộ, chừa bỏ ăn năn, con xin đối trước chư Phật Như Lai, Di-đà Thế Tôn phát lồ sám hối. Ngưỡng mong chư Phật, khiến cho con cùng khắp pháp giới chúng sinh, tất cả tội nặng do ba nghiệp sáu căn vốn đã tạo tác từ vô thỉ kiếp, hoặc đang tạo tác, hoặc sẽ tạo tác, tự mình tạo tác, dạy người tạo tác, thấy họ tạo tác sinh tâm tùy hỷ, dù nhớ hay quên, dù biết không biết, dù nghi chẳng nghi, dù tội che giấu hay đã phát lồ, những tội nặng ấy thảy đều thanh tịnh.

Con sám hối rồi sáu căn ba nghiệp thảy đều thanh tịnh chẳng còn lỗi lầm, căn lành đã tu cũng đều thanh tịnh. Nguyện đem tất cả công

đức hồi hướng, trang nghiêm Tịnh độ, cùng khắp chúng sinh đồng sinh An dưỡng. (xá).

Nguyện Phật Di-đà thường đến hộ trì, khiến cho căn lành của chúng con đây, hiện tiền tăng trưởng, chẳng bao giờ mất nhân duyên Tịnh độ. Đến lúc lâm chung, thân tâm thảy đều ở trong Chánh niệm, thấy nghe rõ ràng, gặp được Di-đà, cùng chư Thánh chúng, tay cầm đài hoa, tiếp dẫn chúng con. Chỉ trong sát na, sinh ở trước Phật, đủ đạo Bồ-đề, độ khắp chúng sinh, đồng thành Phật đạo.

(Ba lần, nếu không có thời gian hoặc công việc bức bách, thì đọc một lần cũng được. Đọc xong đứng dạy xướng):

Sám hối và phát nguyện rồi, chúng con xin quy mạng, lễ A-di-đà cùng tất cả Tam bảo. (Lạy một lạy. Kế đến là đi nhiễu Phật. Có thể đi ba vòng, bảy vòng hoặc nhiều vòng hơn nữa. Khi đi phải xưng niệm như vầy):

Nam-mô A-di-đà Phật.

Nam-mô Quán Thế Âm Bồ-tát.

Nam-mô Đại Thế Chí Bồ-tát.

Nam-mô Thanh tịnh đại hải chúng Bồ-tát ma-ha-tát.

Nhiễu quanh ba vòng, bảy vòng hay nhiều hơn nữa, tùy ý mình muốn nhiễu bao nhiêu vòng cũng được. Khi đi cần phải xưng niệm đúng như vậy. Đi nhiễu xong, đến trước Phật xướng lạy tam tự quy:

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sinh.

Thể giải đại đạo, phát vô lượng tâm

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sinh.

Thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như hải.

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sinh.

Thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.

Hòa Nam Thánh Chúng.

Kế đến ngồi riêng một nơi nào đó trong Đạo tràng mà tụng kinh (có thể tụng kinh Di-đà, hoặc kinh Thập lục quán thì nên nhất tâm niệm Phật Di-đà. Cứ lường thời gian dài hay ngắn mà dừng. Hoặc có thể hồi hướng rồi kết thúc khóa lễ cũng được).

2. Thực hành mười niệm.

Mỗi ngày, vào lúc sáng sớm, sau khi chỉnh đốn y phục xong, hành giả ngồi ngay thẳng xoay mặt về hướng Tây, chấp tay, liên tục niệm Phật Di-đà. Cứ hết một hơi thở là một niệm. Như vậy đủ mười hơi thở là mười niệm. Tùy theo hơi thở dài ngắn chứ không hạn định danh hiệu Phật là bao nhiêu lần. Cứ lấy một hơi thở dài nhất lâu nhất là một lần.

Khi niệm Phật không được niệm quá lớn hoặc quá nhỏ, cũng không được quá chậm hay quá mau, do đó hành giả cần điều chỉnh sao cho hợp lý.

Cứ niệm liên tục trong mười hơi thở như vậy, đừng để gián đoạn. Điều quan trọng là đừng để tâm tán loạn, phải chuyên chú chí tâm mà hành trì. Sở dĩ gọi là mười niệm, bởi vì dùng hơi thở để buộc tâm. Niệm đủ mười niệm xong, phát nguyện hồi hướng như vầy:

Đệ tử con nay tên... nhất tâm quy mạng Đức Phật Di-đà ở cõi Cực lạc, nguyện Phật thường dùng quang minh thanh tịnh chiếu đến thân con. Thệ nguyện Từ bi, nhiếp thọ thân con. Nay con Chánh niệm xưng danh hiệu Phật. Trong mười niệm ấy, vì đạo Bồ-đề cầu về Tịnh độ. Xưa Phật thệ rằng, nếu chúng sinh nào muốn sinh nước ta, chí tâm tin ưa, niệm đủ mười niệm, nếu chẳng được sinh thì ta nguyện rằng, chẳng thành Chánh giác, chỉ trừ những kẻ tạo tội ngũ nghịch, phỉ báng chánh pháp. Nay con tự nghĩ, con từ xưa nay, chẳng tạo tội nghịch, chẳng chê Đại thừa, nguyện mười niệm này, được vào trong biển đại thệ Như Lai. Nhờ oai lực Phật, mọi tội tiêu diệt, nhân duyên Tịnh độ, ngày càng tăng trưởng. Đến lúc mạng chung, tự biết giờ chết, thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, cũng chẳng tán loạn, như vào Thiền định. Phật cùng Thánh chúng tay cầm đài vàng, đến nghinh tiếp con. Chỉ trong một niệm liền được sinh về thế giới Cực lạc. Hoa nở thấy Phật, liền nghe Phật thừa, mở toang tuệ Phật, độ khắp chúng sinh, thành tựu viên mãn hạnh nguyện Bồ-đề.

(Phát nguyện như vậy xong thì nghỉ, khỏi phải lạy Phật. Điều quan trọng là thực hành cả một đời, đừng ngày nào bỏ sót. Nếu cứ tu tập như vậy thì chắc chắn được vãng sinh Tịnh độ).

3. Buộc duyên vào Phật và Tịnh độ.

Phàm khi làm việc công hay những việc lo toan cho cuộc sống, dù phải lăng xăng làm bao nhiêu công việc nhưng hành giả cần phải chú tâm không quên Phật, thường nhớ nghĩ đến Tịnh độ. Thí như người đời để tâm vào việc thật cần thiết, trọng đại, thì dù họ cũng nói năng, đi đứng, nằm ngồi, cùng làm bao công việc khác, nhưng chẳng hề ngăn ngại đến điều mà họ cưu mang trong lòng, việc quan trọng đó vẫn y nguyên như vậy. Tâm niệm Phật cũng phải như vậy. Nếu lỡ quên thì phải thường thường nhiếp phục mà nhớ trở lại. Cứ thế lâu ngày sẽ quen dần, đến một lúc nào đó thì tự nhiên ta chẳng còn quên nữa.

Kinh Lăng Nghiêm nói: "Ví như có hai người, một người chuyên nhớ (dụ cho Phật thường nhớ nghĩ chúng sinh), một người chuyên quên

(dụ cho chúng sinh chẳng nhớ Phật), thì hai người ấy dù có gặp nhau cũng như không gặp, dù có thấy nhau cũng như chẳng thấy. Hai người cùng nhớ, thì nỗi nhớ in sâu. Cứ thế từ đời này, cho đến đời sau, như bóng theo hình chẳng hề xa cách. Mười phương Như Lai thương nhớ chúng sinh như mẹ nhớ con. Nếu con trốn chạy, thì dù nhớ nghĩ chẳng có ích gì. Nếu con nhớ mẹ, như mẹ nhớ con, thì dù mẹ con trải qua nhiều đời vẫn không xa cách.Nếu tâm chúng sinh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai nhất định thấy Phật, cách Phật chẳng xa. Chẳng nhờ phương tiện, mà tự khai mở bản tâm của mình. Như người xông hương thân có mùi thơm."

Cứ thế mà buộc tâm, thường mặc tình ngăn chặn tất cả niệm ác. Giả sử ta muốn làm ác, nhưng do nhân duyên nghĩ nhớ đến Phật nên việc ác ấy không thể nào thành tựu được. Giả sử ngay trong lúc chạy theo kẻ ác làm các việc ác, nhưng tâm vẫn thường nhu nhuyến hơn. Như thân có mùi thơm, thì tự nhiên lìa được hôi thối.

Lại nữa khi biết tâm phát khởi chút niệm ác, thì phải nghĩ nhớ đến Phật ngay, do nhờ oai lực của Phật, nên niệm ác ấy liền tự dứt. Như người gặp nạn giữa dòng, nếu được người bên kia bờ kéo lên, thì ắt thoát nạn.

Lại nữa, nếu trong lúc thấy người khác bị khổ, dùng tâm niệm Phật này mà thương xót họ, mong họ lìa khổ. Nếu trong lúc thi hành mệnh lệnh để hành hình kẻ khác, nên dùng tâm niệm Phật này mà thương xót tội nhân. Dù thi hành phép vua, nhưng phải thầm nguyện rằng, tôi nay thi hành theo phép vua, nhưng đó chẳng phải là tôi mong muốn, nguyện cho tội nhân được sinh về Tịnh độ, thề cứu giúp họ.

Khi gặp phải hoàn cảnh dù thiện hay ác, nhưng do tâm của ta nhớ nghĩ đến Phật, tùy theo tâm niệm mà phát nguyện. Thế nên Phổ Hiền Nguyện Vương nói: "Làm tất cả việc ác, thảy đều chẳng thành tựu. Nếu làm việc thiện thì đều thành ngay" là thế.

Cứ thế trong tâm liên tục niệm Phật, thì có thể thành tựu được tất cả công đức của nhân duyên Tịnh độ. Chỉ sợ dài dòng, nên tôi tạm bàn đến đây. Hay thay! Môn này lợi ích lớn lao nhất.

4. Làm những phước thiện khác.

Trong kinh Phổ Hiền Quán nói: Nếu quốc vương đại thần muốn sám hối những tội nặng, thì phải thực hành năm việc sau đây:

a. Cần phải chánh tâm không hủy báng Tam bảo, không ngăn cản người xuất gia, không làm hạnh xấu đối với người tu phạm hạnh (không được làm hạnh ô nhiễm đối với bốn chúng giữ gìn giới cấm).

b. Hiếu thuận phụng dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng.

c. Dùng chánh pháp mà cai trị muôn dân, không được dùng tà giáo lường gạt muôn dân.

d. Trong sáu ngày trai giới phải ra sắc lệnh cho quan quân trong đất nước không được sát sinh. (Nghiêm cấm mọi người bắt cá, cùng răn dạy những kẻ háo thắng đánh nhau. Sáu ngày trai lần lượt như sau:

- Ngày mồng 8 sứ giả của Tứ Thiên vương đi tuần ở nhân gian.
- Ngày 14 thái tử của Tứ Thiên vương đi tuần.
- Ngày 15 đích thân Tứ Thiên vương đi tuần.
- Ngày 23, 29 và 30 Thiên vương lại đi tuần.

Cứ lần lượt sáu ngày như vậy, hết tháng thì trở lại tháng khác. Nếu Tứ Thiên vương đích thân đi tuần, thì chư Thiên, Tinh tú, quỷ thần đồng thời tùy tùng theo. Nếu gặp những người tu phước trai giới, chư Thiên rất vui mừng, họ thường ban lộc tăng thọ cho người đó, thường giữ gìn phước nghiệp, khiến người đó thành tựu thiện nghiệp).

e. Phải tin sâu nhân quả, tin đạo Nhất Thật này, phải biết rằng Phật chẳng hề diệt độ.

Năm điều này đồng với ba phước lớn trong kinh Thập lục Quán chỉ khác nhau là kinh Phổ Hiền Quán nói cho vua quan, nên trích dẫn riêng ra đây. Đó cũng là chánh nhân Tịnh độ của ba đời chư Phật. Nếu bốn chúng xuất gia muốn thực hành đủ ba phước thiện trong kinh Quán, thì phải đọc kỹ phần kinh văn. Chỉ cần làm một phước thiện, nhưng ngay đó phải dùng tâm niệm hoặc phát thành lời, hay tác ý hồi hướng, thì mới thành tựu chánh nhân của Tịnh độ.

Với bốn pháp trên, hành giả cần phải chuyên trì tu tập mỗi ngày, thì mới có thể tự hẹn cho chính mình, quyết định sinh về Tịnh độ. Bốn hạnh ấy chính là Chánh nhân để vãng sinh, là phương pháp để thực hành niệm Phật Tam-muội. Kinh nói: Người thực hành Tam-muội này, ngay trong hiện đời được thấy Phật Di-đà và hai vị Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí. Nếu người nào chỉ nghe được danh hiệu Phật và danh hiệu của hai vị Bồ-tát đó, thì đã diệt trừ được tội trong vô lượng kiếp sinh tử, huống gì là người nghĩ nhớ xưng niệm. Còn nếulà người niệm Phật, thì chúng ta phải biết, người này chính là hoa Phân-đà-lợi trong cõi người. Quán Âm, Thế Chí là bạn hữu thù thắng của người đó. Người ấy ngồi trong Đạo tràng, sinh vào nhà Phật, ngay trong hiện đời được Phật Di-đà sai vô số hóa Phật, vô số hóa thân của Quán Thế Âm, của Đại Thế Chí và hai mươi lăm vị Bồ-tát thường trụ ở thế giới Ta-bà ủng hộ người đó cả ngày lẫn đêm. Dù đi, đứng, nằm, ngồi, dù bất cứ lúc nào, ở bất cứ

nơi đâu ác quỷ không thể nào làm hại người này được, không bao giờ phải chịu tất cả các thứ khổ nạn. Người này thường được quốc vương, đại thần, tất cả nhân dân cung kính. Bao nhiêu công đức dù chỉ trong một niệm, cũng đã không thể nào tính đếm hết được, không thể nào ngợi khen cùng tận, như Phật đã nói đến. Trừ khi người kia là kẻ bất tiếu (ngu si, tà kiến), chứ ngoài ra ai nghe mà chẳng tin ưa.

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 171

LẠC BANG VĂN LOẠI & LẠC BANG DI CẢO

SỐ 1969
(QUYỂN 1 → 5)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 1969

LẠC BANG VĂN LOẠI

LỜI TỰA 1

Thuở xưa, Đấng Thiện Thệ thương xót chúng sinh phải ở trong các cõi khổ, nên chỉ bày Lạc bang để trở về. Các bậc Thánh ngầm khen, các bậc kỳ túc được vãng sinh nhiều không phải một, đều chép trong các sách vở, sáng rỡ như sao. Về sau càng xa tông, dần dần bèn tìm ở thanh sắc, chẳng biết tìm ở tâm. Cho nên ngài Đại Giám chỉ bày Duy tâm, khiến cho biết rằng muốn được cõi Tịnh thì phải tịnh tâm mình. Cho nên đấng Thiện Thệ, nói quán Phật để chỉ ra ý chỉ tâm ấy là Phật. Ấy là có đủ ba tâm, mười tâm để làm pháp vãng sinh. Ấy là nhân hạnh, ngài Pháp Tạng phát nguyện cao siêu tâm ngài vắng lặng, chí không đắm trước. Về sau càng xa Tông bèn coi thường chín phẩm nên phàm phu bị trói buộc thì vẫn là trói buộc, cho nên các Đức Phật đâu cần phải ra đời độ sinh, chúng sinh phải bị trôi giạt không ngừng, chẳng cầu ở nơi tâm thì càng cầu càng xa. Quán ba vị Thánh đều là theo đuổi tướng bên ngoài. Bậc Thánh tùy bệnh cho thuốc, còn chúng sinh do thuốc mà bị bệnh, đáng thương thay! Thế nên Lạc bang do đó mà làm cho lý rõ ràng, nếu tu chứng thì cứu giúp kẻ trôi giạt biển khổ. Nói duy tâm do đó làm cho quán hạnh là vốn là Pháp thân mà được giải thoát, thấy ba Thánh là chân thường. Đấng Thiện Thệ chỉ cho người kho báu, còn ngài Đại Giám chỉ cho người khóa vàng. Ngài Đại Giám chỉ người bằng nhân hoa, Đấng Thiện Thệ tiếp người bằng quả địa. Vạch hoa mà sót quả thì giống như không có hoa, có kho mà không mở cũng như không kho. Lạc bang ở ngoài duy tâm chăng? Xưa nay tâm ra vẫn thế, suốt đến ba đời không có bờ mé, cõi trong tâm ta là vô biên không cùng. Tịnh thì thành bốn Thánh, nhiễm thì hóa sáu phàm. bốn Thánh sáu phàm chỉ là tâm ta. Nên không nói đem tâm ta mà cầu Lạc bang. Thật biết duy

tâm chẳng thể không thờ Lạc bang. Các loài chúng sinh từ vô thỉ đối với vô sinh mà vọng sinh, đối với vô ngã mà chấp ngã, ba phược mười sử tập nhiễm đã lâu. Nếu không nhờ thuyền nguyện cứu độ lên ở cõi Linh Thánh thì Bồ-tát vẫn còn mê cách ấm, Thanh văn còn muội khi ra thai, còn những kẻ thấp kém chúng ta sao tránh khỏi không lui sụt? Ngài Văn-thù là thầy dẫn đường của bảy Đức Phật, Vô sinh nhẫn không phải không chứng mà thọ ký vãng sinh, ngài Thiện Tài một đời được quả của nhiều kiếp. Nghĩa bậc nhất đều nghe mà phát nguyện trở về, không theo Lạc bang thì lấy gì mà tu để biết hết cái diệu của duy tâm. Trong tâm ta là nhân địa trang nghiêm của Phật A-di-đà, trong tâm ta có cõi cao quý Lạc bang mà vốn xưa mình cùng Di-đà không hai không khác. Vì ta mê nên phải trôi giạt, làm chúng sinh ở trong tâm Phật. Còn Phật nhờ giác nên tu chứng mà làm Phật ở trong tâm chúng sinh. Tâm ta tức tâm Phật, ta chẳng thật có, tâm Phật tức là tâm ta, Phật cũng không thật có. Vì không thật có nên Phật niệm niệm độ sinh không đứt quãng đối với ta, còn chúng sinh chấp cái ngã huyễn không thật có. Ta thì bỏ giác hợp trần, nên luôn điên đảo trong ba cõi, thật đáng thương. Cho nên phải gắng tu Lạc bang, do đó mà gắng tu tâm ta. Tu tâm ta nên lìa được các điên đảo và chứng, ta đồng với Phật A-di-đà. Các Đức Phật không có chỗ chứng nào khác là Bản Tánh của chúng sinh. Hễ những gì Phật A-di-đà có đủ thì ta cũng có đủ, không lìa tâm ta, cho nên Lạc bang phi tướng, tức là tâm ta cho nên chẳng phải không. Vô tướng tức Tướng mà chẳng phải tướng cho nên tức tướng chẳng phải tướng, thì y chánh đều chân, chúng sinh và Phật đồng thể. Y chánh đều chân chúng sinh và Phật đồng thể thì Tôn Âm Vương Như Lai lạc bang ở quá khứ chưa từng nhập diệt, Công Đức Sơn Vương Như Lai ở vị lai thành Phật đã lâu, A-di-đà Như Lai hiện tại ở ngoài mười muôn ức cõi Phật mà chẳng cách xa. Tám mươi bốn ngàn tướng đẹp hễ niệm liền thấy. Tâm ta không cần đến đó, Phật ấy không cần lại đây, như đèn trong gương, như trăng trong nước. Gương không nắm đèn mà đèn tự hiện, trăng không vào nước mà nước chứa trăng. Nơi nơi là vậy, pháp pháp là vậy nên sợi lông trắng thường quán mà chẳng phải quán. Đài báu không sinh mà vãng sinh. Nếu như thế thì gọi là Duy tâm hay gọi là Lạc bang, ta cũng không biết được. Lộc Đình Thượng nhân và Tử Tống Hiểu Sư tập họp các văn viết về Lạc bang xin tôi vài lời nói về quyển ấy. Tôi bèn cúi đầu lễ Phật lễ Tổ, mà nêu sự thấy biết nhỏ hẹp của mình ra.

Tứ Tiến Sĩ, xuất thân là Lại bộ Thượng thơ, Võ Anh điện Đại Học Sĩ Hải Ngu Nghiêm kính soạn.

LỜI TỰA 2

Từ nhà Chu xưa có cả trăm nhà đều dùng thuyết mình tranh nhau với đời. Lâu ngày dần dần mất hết chỉ còn ba giáo Nho, Thích, Lão cùng truyền bá. Đại để ba giáo đều chủ trương việc khuyến Thiện, cấm Ác, dù lời chẳng đồng mà cùng về một chỗ. Song, đạo Phật so với đạo Lão thì thạnh hơn nhiều. Tôi không hề đọc sách Phật. Lúc đầu tôi không biết gì về Phật giáo nhưng vẫn dứt các điều ác không làm, các điều lành đều làm, luôn giữ trong lòng phút giây không bỏ. Bổn ý tôi chưa biết có Phật ra đời. Có người tu tập các giáo Tây phương Tịnh độ bảo rằng: Chúng sinh ở trong cõi đời có năm thứ vẫn đục lưới nghiệp giăng đầy, sinh tử không thể ra khỏi, biển khổ không dừng. Đấng Đại Hùng bất đắc dĩ chỉ riêng một phương cách khiến người buộc tâm chuyên chú, nhờ đó mà được chỗ không bờ bến. Tuy nhiên nếu không được cửa ấy mà vào thì rất uổng phí. Từng không biết pháp này là Nhất tâm. Nhất tâm chú ý vào sẽ thấy điều tốt. Phật dạy tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Biến chánh biến tri của các Đức Phật từ tâm tưởng sinh ra. Thế nên phải nhất tâm giữ niệm. Nhân đó mà luận thì quả giác Di-đà tức là tánh ta, Cực lạc phương xa tức là tâm ta. Một niệm đến nơi, dụng công không thiếu sót thì đâu có cao thấp xa gần. Tỳ-kheo Tông Hiểu lưu tâm góp nhặt các giáo điển làm thành sách này gồm cả Đại tạng kinh luận, các sách của Nho, Thích xưa nay đều nói về giáo môn Tịnh độ, hoặc giảng rộng nghĩa sâu để nhắc nhở người chưa hiểu, hoặc làm sáng tỏ để dạy người mới đến. Toàn văn xuôi kệ ngắn, một chữ một câu đều giúp ích thân tâm đầy đủ. Một hôm, ngài mang sách đến tôi bảo rằng: “Tôi lưu tâm sách này, vài năm nữa sẽ khắc in, hóa một thành nhiều, rộng chỉ bày cho người mới học hiểu được một lời trong sách này mà khởi lòng tin tưởng và tu hành thì công khổ nhọc biên soạn của tôi không uổng phí.” Tôi đọc qua sách này thấy các bài của nhiều vị rất sâu sắc chỉ rõ ý lớn vãng sinh, mở rộng tâm lành cho mọi người, từ từ lại nghiên cứu lý ấy, bởi bản tánh của mỗi người vốn tự sáng suốt từ vô thỉ do bệnh mê vọng tham dục mà sinh ra các khổ. Vì khiến lìa khổ não được an ổn nên do đó mà phải đối trị. Ví như Thần y dùng thuốc thì gốc bệnh liền hết, bổn thể như xưa. Lại như gương sáng bị đóng bụi, nếu cố gắng chùi sạch thì gương sáng như cũ. Như thế thì sách này thật là phục tánh hoàn nguyên (khiến tánh trở về nguồn xưa) há bỏ đi ư? Than ôi, đạo ở rất gần đây chẳng cần tìm kiếm ở đâu cho xa xôi, rất dễ dàng không cần tìm cầu khó khăn. Xưa, ngài Vô Trước lễ núi Ngũ đài thấy ngài Văn-thù nói kệ

có câu rằng: Tháp báu rốt ráo hóa thành bụi, một niệm tịnh tâm thành Chánh giác. Phật Pháp vô lượng, lời này bao trùm các cõi Phật. Đã lấy tâm làm gốc để cốt về Tây phương thì cần phải khéo tịnh tâm mình mà thôi, không còn cách nào khác.

Ngày rằm tháng 7, năm Canh Thân, niên hiệu Khánh Nguyên, phu văn các học sĩ, Tuyên Phụng đại phu trí sĩ Uông Đại Du kính lời tựa.

SỐ 1969

LẠC BANG VĂN LOẠI

Sa-môn Thạch Chi Tông Hiểu, ở đất Tứ minh biên soạn.

QUYỂN 1

LỜI TỰA

Trong niên hiệu Càn Đạo, Đức Thọ Cung Thân Lệ Thần Hào viết lớn hai chữ Liên Xã ban cho phòng Ngự Sử Triết Tây Lộ tổng quản Trương Luân như rồng bay phụng múa tám Pháp đều bày, là điềm lành ít có trên đời ở Hà lạc. Trộm nghĩ Hoàng Đế Cao Tông dùng Pháp đường, ngu mà trị yên thiên hạ, khi công thành chẳng ở, cởi giày về ở ẩn, chuyên xem nội điển lại muốn theo núi Lô (Tuệ Viễn) mà niệm Phật nên nêu việc này. Lược khảo từ xưa các vua hưng thạnh thì đều phát triển Thích giáo hoặc xây dựng Tháp miếu hoặc kinh luận, hoặc rộng độ Tăng, Ni mà không hề nghe bày việc phát huy Tịnh Bang, giúp mọi người ra khỏi cõi đời có năm thứ vẫn đục như Vua ta. Đến nay, ở trong và ngoài nước các Tông xưa đều lập xã niệm Phật, tiếng vang rền cả tai. Mới biết bậc chí đức như gió, dân đen như cỏ, không mong mà được như thế. Xin thử luận về Phật ta, đấng Năng nhân sinh ra ở thành Ca-duy, chẳng mến tiếc ngôi báu vào thẳng núi Tuyết mà ngồi yên, lúc thành đạo rồi vì tùy cơ giáo hóa, nên khiến có giáo pháp Đại Tiểu, Thiên Viên khác nhau, cuối cùng là một hội Pháp Hoa cao tột, một đạo không thiên lệch mở quyền Thừa đều quy về chân thật. Thế nên bản hoài ra đời của Phật đến đây mới xong. Lại nghĩ người đời sau căn cơ ám độn, khó có thể tự tìm cách ra khỏi, nên Phật A-di-đà có bản nguyện lấy cõi Cực lạc làm nơi đường tắt ra khỏi sông ái, sinh lên đất Phật. Cho nên các kinh Đại thừa ân cần khuyên cầu sinh rất nhiều. Bởi Như Lai dùng phương tiện khéo léo khác lạ chẩn bệnh "Trầm luân", "Cha bỏ đi mà để thuốc lại" là ý này. Song khi đại giáo truyền đến Đông độ thì mọi người chưa biết mà Pháp sư Tuệ Viễn đời Đông Tấn đã thần cơ tú

phát, mở lối đầu tiên dẫn nước trồng sen kết duyên Tịnh xã. Lúc đó có một trăm hai mươi ba vị, mười tám vị Đại hiền như Lưu Di Dân, ngài Tuệ Viễn là thượng thủ. Từ đó, đạo Tam-muội niệm Phật truyền bá đến nay đã hơn tám trăm năm mà vết xưa vẫn còn sáng chói. Cho nên Trương Luân tu hành nối gót Tuệ Viễn. Song người học thì phải cầu thầy, muốn tiến nghiệp thì phải nhờ Pháp, cho nên lập xã đều lấy Di-đà làm tông chủ, các kinh làm chỉ nam. Từ đời Tấn, Đường đến nay, các vị cao tăng, cự Nho đều có soạn các tác phẩm khen ngợi việc này. Tuy thuyết nghĩa có cạn sâu, lời văn có khéo vụng, nhưng ví như muôn dòng chảy về Đông cùng ra biển cả, khiến người uống nước biết được nhất vị. Tông Hiểu tôi nay vì tuổi đã già, biết đời chẳng bền chắc, xét kỹ Hoàng Đế Cao Tông đạo thông trời đất, đức sánh Hy Hiên còn tuyên dương chí giáo, mở bày khắp chúng sinh, huống là kẻ tăng hèn mọn nào dám biếng lười việc tư tu. Do đó mà góp nhặt các kinh tìm khắp các bài văn, đọc lại ý chỉ dẫn dạy, dẫu lời kín, nghĩa sâu, chưa dễ thấy biết nhưng nhiều năm nghiên cứu cũng hiểu qua đại ý tóm tắt. Lại nghĩ Tùy châu Hòa bích là vật báu trong thiên hạ lại dấu vào rương cất đi thì có ai được cùng hưởng? Nhân rỗi rảnh mà biên tập trước từ, kinh chú, sau đến thi từ, gồm mười bốn môn, có hai trăm hai mươi bài, chia làm năm quyển, đề tên là “Lạc bang văn loại”. Bắt chước theo quyển Tây hán văn loại của nhà Nho Liễu Tông Trực mà soạn, nếu bài nào chưa chép hết thì có các đồng chí của tôi sẽ tiếp nối ghi thêm vào.

Kính ghi lời tựa.

MỤC LỤC

I. Mục lục kinh luận chuyên nói về Tịnh độ trong Đại Tạng

19. Kinh Bình Đẳng Giác: Thanh văn ở Tịnh độ tu hành chứng quả.

20. Kinh Vô Lượng Thọ: Gây năm tội nghịch, chê bai Chánh pháp không được vãng sinh.

21. Kinh Vô Lượng Thọ: Tướng tu nhân vãng sinh của ba bậc.

22. Kinh Vô Lượng Thọ: So sánh sự tu thiện khác nhau giữa hai cõi.

23. Kinh Vô Lượng Thọ: Nhiều chúng Bồ-tát vãng sinh Tịnh độ.

24. Kinh Vô Lượng Thọ: Khi Pháp diệt, lưu lại kinh này một trăm năm để độ người.

25. Kinh Vô Lượng Thọ: Khuyên mọi người tinh tấn gắng sức cầu sinh.

26. Kinh Vô Lượng Thọ: Phật Vô Lượng Thọ ánh sáng chiếu khắp.

27. Kinh Vô Lượng Thọ: Bát báu ăn uống tự nhiên đầy đủ.

28. Kinh Hoa Nghiêm: So sánh hai cõi ngày đêm dài ngắn.

29. Kinh Văn-thù Thuyết Bát-nhã: Tu Nhất hạnh Tam-muội, chuyên xưng danh hiệu Phật.

30. Kinh Ban-chu: Tu Tam-muội Phật lập, chuyên niệm Di-đà.

31. Kinh Phương Đẳng Đại Tập: Tu Tam-muội Phật lập, pháp quán Trung đạo.

32. Kinh Hoa Nghiêm: Trưởng giả giải thoát được pháp môn Duy tâm niệm Phật.

33. Kinh Hoa Nghiêm: Nương vào nguyện Phổ Hiền được sinh Cực lạc.

34. Kinh Pháp Hoa: Nghe kinh tu hành liền được vãng sinh.

35. Kinh Đại Bảo Tích: Phát mười thứ tâm được sinh Cực lạc.

36. Kinh Tùy Nguyện Vãng Sinh: Ta-bà vẩn đục, riêng khen Tây phương.

37. Kinh Đại Tập Nhật Tạng: Niệm Phật tùy tâm thấy lớn thấy nhỏ.

38. Kinh Mục-liên Sở Vấn: Cõi nước Vô Lượng Thọ dễ đến, dễ nhiếp lấy.

39. Kinh Thập Vãng Sinh: Người niệm Phật được Bồ-tát che chở, giữ gìn.

40. Kinh Quán Phật Tam-muội: Phật thọ ký ngài Văn-thù vãng sinh Cực lạc.

41. Kinh Văn-thù Phát Nguyện: Ngài Văn-thù phát nguyện cầu

sinh Cực lạc.

42. Kinh Nhập Lăng-già: Phật thọ ký cho ngài Long Thọ vãng sinh Cực lạc.

43. Kinh Thiện Tín Ma Thân: Thiện tín nhàm chán thân nữ, cầu sinh Tây phương.

44. Kinh Thủ-lăng-nghiêm: Xét tình tưởng nhiều ít mà luận về quả báo cao thấp.

45. Kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ: Thiện ác chiêu cảm quả báo hơn kém khi qua đời.

II. Mười Đạo Thần Chú

Vô Lượng Thọ tu quán hạnh cúng dường nghi quỹ (Trong nghi quỹ này trích ra ba bài chú sau):

1. Vô Lượng Thọ Như Lai Quyền Ấn Chân Ngôn.
2. Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản Ấn Chân Ngôn.
3. Vô Lượng Thọ Như Lai Tâm Chân Ngôn.

Kinh Ô-sắt-nị-sa Tối Thắng Tổng Trì (trong kinh này trích ra một chú sau:)

4. Vô Lượng Thọ Như Lai Tổng Trì Pháp Môn.
5. Kinh Bất Không Quyển Sách Thần Biến Chân ngôn (trong kinh này trích ra ba chú sau)
6. Nhất Tự Chân Ngôn.
7. Bạt Biến Giải Thoát Tâm Chân Ngôn.
8. Bất Không Đại Quán Đảnh Quang Chân Ngôn.
9. Di-đà Bất Tư Nghị Thần Lực Truyện.
10. Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn bản đắc sinh.

III. Sáu mục về luận

1. Luận Vô Lượng Thọ: Kệ vãng sinh và pháp tu năm môn.
2. Luận Tỳ-bà-sa: Niệm Phật là đạo dễ làm.
3. Luận Đại Trí Độ: Chứa nhóm nhiều công đức cầu sinh cõi Tịnh.
4. Luận Đại Trí Độ: Thích-ca, Di-đà mỗi vị đều có cõi nước tịnh và uế.
5. Luận Đại thừa Khởi Tín: Ta-bà chẳng gặp Phật, khuyên chuyên niệm Phật.
6. Tư Duy Yếu Lược Pháp: Hai căn Lợi Độn quán tướng tốt của Phật.

7. Tôn hiệu Phật A-di-đà.

Mục lục các kinh luận trong Đại Tạng chuyên nói về Tịnh độ.

Tôi biên tập các văn này là trước nêu các kinh luận để người muốn tu Tịnh nghiệp lấy đó làm gốc. Vì các kinh luận này đều ở rải rác trong Đại Tạng, nay ghi tên kinh và tên hòm để dễ xem xét.

1. Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác: Một bộ hai quyển. Hòm chữ Nãi. Ngài Tam tạng nước Nguyệt Chi, tên là Chi-lâu-ca-sấm, đời Hậu Hán dịch. Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng giác là tên khác của Phật Vô Lượng Thọ. Bốn chữ Thanh Tịnh Bình Đẳng là ý chữ Thọ, còn Giác là tiếng Hán dịch chữ Phật.

2. Kinh Phật Thuyết A-di-đà: Một bộ hai quyển, hòm chữ Nãi. Ngài Tam tạng nước Nguyệt Chi, tên Chi Khiêm, đời Ngô dịch. Kinh này cũng gọi là kinh A-di-đà Tam-da-tam-Phật-tát-lâu-Phật Đàn Quá Độ Nhân Đạo.

3. Kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ: Một bộ hai quyển, hòm chữ Nãi. Ngài Tam tạng Khương Tăng Khải, đời Tào Ngụy dịch.

Kinh này còn có bản do ngài Trúc Pháp Hộ, đời Tấn dịch vào niên hiệu Vĩnh Gia ở trong Bản tạng, nay đã mất. Trong Quán kinh sớ ngài Thiên Thai gọi là Đại Bản tức là bản ngài Pháp Hộ dịch.

4. Kinh Đại Bảo Tích, Vô Lượng Thọ Như Lai Hội.

Quyển thứ mười bảy, mười tám hòm chữ Sư. Do ngài Bồ-đề-lưu-chi, đời Đại Đường dịch. Kinh Bảo Tích gồm các kinh Đại thừa Phương Đẳng. Gồm bốn mươi chín hội, hội thứ bảy tức Hội Vô Lượng Thọ.

5. Kinh Phật Thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm: Một bộ ba quyển, hòm chữ Binh, do Tam tạng Pháp Hiền, người Tây thiên, đời vua Đại Tông thuộc Đại Tống vâng chiếu dịch.

Năm quyển kinh trên, Bình Đẳng giác và A-di-đà đều dịch Tỳ-kheo Pháp Tạng có hai mươi bốn nguyện, còn Vô Lượng Thọ và Đại Bảo Tích Hội thì dịch có bốn mươi tám nguyện. Ở đời có một bản riêng gọi là kinh Bốn Mươi Tám nguyện, một quyển. Nhưng chính là từ kinh Vô Lượng Thọ chép ra chứ không phải là bản kinh riêng. Lại kinh Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm dịch có ba mươi mốt nguyện. Phụ Hành nói: Số nguyện khác nhau vì bộ khác thì thấy khác, không cần hòa hội. Nhưng đọc kỹ năm kinh thì đại khái hầu hết đều giống. Hình như cùng bản chữ Phạm mà người dịch thấy khác nên tùy nghi rộng, tóm. Ngài Kinh Khê gọi là khác bộ thấy khác là giảng lời Phật nói thì đồng mà tùy cơ thấy có khác. Còn việc kiết tập mà phiên dịch đều không giống nhau. Vậy thì nói giống hay khác chưa dám quyết định, xem rồi sẽ thấy

rõ. Trong năm bản, dịch lời văn trong sáng là bản Tào Ngụy, nên văn các tổ sư phần nhiều đều trích dẫn từ bản này.

6. Kinh Phật Thuyết A-di-đà: Một quyển, hòm chữ Dưỡng, ngài Tam tạng Pháp Sư Cưu-ma-la-thập, đời Diêu Tần dịch. Trong Thiên Thai Quán kinh sớ gọi kinh này là Tiểu bản, trước đó kinh Vô Lượng Thọ gọi là Đại bản. Còn bộ Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh, vì ở giữa hai quyển kia nên gọi là Trung Bản.

7. Kinh Xưng Tán Tịnh độ Phật Nhiếp Thọ: Một quyển, hòm chữ Dưỡng. Ngài Tam tạng Pháp Sư Huyền Trang, đời Đại Đường dịch.

Hai kinh trên (6-7) cùng bản Phạm mà khác tên người dịch. Bản đời Tần nêu các Đức Phật sáu phương khen gợi, còn bản đời Đường thì nói đủ các Đức Phật mười phương khen ngợi. Đây cũng là do người dịch tùy thời mà rộng, hẹp khác nhau. Văn Long Thư Tịnh độ nói: Bản dịch đời Tần lược bỏ bốn phương chẳng hiểu bộ phiên dịch có khác chăng?

8. Kinh Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật, một quyển, hòm chữ Dưỡng, do ngài Cương-lương-da-xá dịch vào niên hiệu Nguyên Gia đời Tống. Kinh này là một bản riêng trong Tạng không có dịch trùng, cũng gọi là kinh Tịnh Trừ Nghiệp Chướng Sinh Chư Phật Tiền.

9. Kinh Hậu xuất A-di-đà Phật Kệ, một quyển, hòm chữ Dưỡng, dịch vào đời Hậu Hán, mất tên người dịch. Kinh này chỉ có năm mươi sáu câu kệ tụng, văn thể đơn giản. Xưa nay không có ai bình.

10. Kinh A-di-đà Cổ Âm Thinh Vương Đà-la-ni, một quyển, hòm chữ cao, mất tên người dịch. Hai kinh, có người không hiểu cho là "Thất dịch" là không dịch sách Phạm.

11. Kinh Ban-chu Tam-muội, một bộ ba quyển, hòm chữ Tội. Tam tạng nước Nguyệt Chi là Chi-lâu-ca-sấm, đời Hậu Hán dịch. Trong tạng có kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ, kinh Bạt Pha và kinh Ban-chu là cùng bản Phạm mà khác tên người dịch. Là kinh chuyên nói về hiện tại Phật đang lập Tam-muội, trong chín mươi ngày quán tưởng xưng tụng Di-đà, Ma-ha chỉ quán, thường hành Tam-muội.

12. Kinh Phật Thuyết Như Lai Ô-sắc-ni-sa Tối Thắng Tổng Trì. Một quyển, hòm chữ cao. Tam tạng Pháp Thiên, người Tây thiên thời vua Thái tông đời Đại Tống vâng chiếu dịch. Kinh này Phật Vô Lượng Thọ nói thần chú giúp chúng sinh sống lâu, khi qua đời liền được vãng sinh Cực lạc.

13. Vô Lượng Thọ Như Lai Tu Quán Hạnh Cúng Dường Nghi Quỹ, một quyển, hòm chữ Hành. Ngài Tam tạng Bất Không, chùa Đại

Hưng Thiện vâng chiếu dịch. Nghi quỹ này kết đàn tụng chú, chuyên cầu vãng sinh.

14. Vô Lượng Thọ Luận Ưu-ba-đề-xá, một quyển, hòm chữ Đường. Bồ-tát Bà-tẩu-lũ-đậu (Thiên Thân) soạn ra, vào đời đầu nhà Ngụy, Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi, người Thiên trúc dịch. Bà-tẩu-lũ-đậu, Hán dịch là Thiên Thân, trong Luận Thập Nghi của ngài Thiên Thai gọi đó là luận Vãng sinh. Luận này nói chung về các kinh Tịnh độ, nói về pháp quán tưởng giúp người tu Tịnh Nghiệp.

15. A-di-đà kinh Bất Tư Nghị Thần Lực Truyện, hòm chữ Dưỡng. Truyện này mất tên người soạn. Truyện này và Tiểu Bản kinh Di-đà đều có thần chú vãng sinh.

16. Tập Chư kinh Lễ Sám Nghi hai quyển, hòm chữ Quần.

Ở quyển thượng thì Sa-môn Trí Thăng đời Đường tập hợp nửa quyển trước về Lễ chung các Đức Phật, nửa quyển sau thì nêu riêng các kệ tụng lễ tán Tây phương và các văn sám hối, phát nguyện... Ở quyển Hạ thì Tỳ-kheo Thiện Đạo chọn ghi các yếu nghĩa tu Tây phương và ghi chép sáu thời lễ tán kệ tụng Tịnh độ... của các Tổ.

Các kinh, luận, truyện trên gồm mười sáu thứ, đều chuyên nói về Tịnh độ. Cho nên Luận Thập Nghi nói. Trong tạng có hơn mười bộ Kinh Luận ân cần dạy khuyên vãng sinh Tây phương. Các bậc Tiên Hiền nói Tịnh độ chỉ có bảy kinh là chưa xét kỹ.

1. Kinh Pháp Hoa: Khởi đầu của việc hóa duyên trong sự tích Phật A-di-đà.

Trong Phẩm Hóa Thành Dụ nói: Thuở quá khứ có Đức Phật hiệu là Đại Thông Trí Thắng. Phật này khi chưa xuất gia có mười sáu con đều là trẻ con xuất gia làm Sa-di. Khi Phật nói kinh xong liền vào tịnh thất suốt tám mươi bốn ngàn kiếp. Lúc ấy mười sáu Bồ-tát biết Phật vào tịnh thất bèn lên tòa vì nói rộng giải thích kinh Diệu Pháp Liên Hoa cho bốn chúng nghe, mỗi Bồ-tát đều độ sáu trăm tám mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa chúng sinh, các chúng sinh do mười sáu vị này hóa độ đều đời đời cùng sinh với Bồ-tát. Mười sáu vị Sa-di ấy hiện đang nói Pháp ở khắp mười phương. Cho đến nói rằng ở Tây phương có hai vị Phật cùng một tên A-di-đà, vị thứ mười sáu là Phật Thích-ca Mâu-ni ta. Các chúng sinh được hóa độ lúc ấy là Tỳ-kheo các thầy, sau khi ta diệt độ ở trong đời vị lai chính là các đệ tử Thanh văn. Khi Như Lai tự biết mình sắp Niết-bàn bèn nhóm họp các chúng Bồ-tát và Thanh văn mà nói kinh ấy.

Tông Thiên Thai nói rõ về Bổn Tích của Pháp Hoa. Trong Tích thì

tôn Đức Phật Đại Thông Trí Thắng làm đầu. Văn này có ba ý:

1. Từ thuở xưa đã kết duyên với nhau (lúc đó mười sáu Bồ-tát...)

2. Ở khoảng giữa gặp nhau (mười sáu Bồ-tát ấy...)

3. Ngày nay lại nói kinh Pháp Hoa (Các Đức Như Lai...)

Ba việc này bao gồm trong Tích, hẹn độ hết chúng sinh. Đức Thích-ca như thế, Đức Di-đà cũng thế. Bởi mười sáu vị Vương tử thời Phật Đại thông Trí Thắng đã được kết duyên. Các Vương tử mỗi vị đều được thành Phật, vị thành Phật ở Tây phương hiệu là A-di-đà. Lấy quả nghiệm nhân thì Di-đà lúc ấy là Vương tử thứ chín, giảng nói cho chúng sanh nghe nên biết Phật Di-đà kết duyên với mọi người rất sớm. Cho nên Diệu Huyền thứ sáu có nói: Phật Đại Thông là người đầu tiên kết duyên Đại thừa, Phật ấy nói kinh trong tám ngàn kiếp, mười sáu vị Vương tử giảng lại trong tám mươi tư ngàn kiếp. Bấy giờ, thính chúng hoặc ngay chỗ ngồi liền ngộ hoặc trong khi nghe được vào, hoặc gần gũi hóa độ đây mới được, tức là ý ấy. Như thế mà cân nhắc, không phải chỉ hiển bày việc các Phật hóa độ đều đồng một Đạo mà cũng biết xưa nay các người vãng sinh Tịnh độ chính là số chúng sinh đã kết duyên từ xưa với Vương tử thứ chín rồi vậy.

2. Kinh Bi Hoa: Nhân nguyện, thọ ký, danh hiệu của ba vị Thánh.

Thuở xưa, cách nay hằng hà sa A-tăng-kỳ kiếp, có thế giới tên là San-đề-lam, kiếp tên Thiện trì, có vị vua Chuyển luân tên là Vô Tránh Niệm, làm chủ bốn thiên hạ. Có một vị Đại Thần tên là Bảo Hải, thuộc giòng Phạm chí. Lúc đó sinh người con có ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp, thường có ánh sáng chiếu xa một tầm. Khi sinh có trăm ngàn các vị trời đến cúng dường. Nhân đó đặt tên là Bảo tạng. Sau cạo bỏ râu tóc xuất gia thành Đạo Bồ-đề hiệu là Bảo Tạng Như Lai, vì Thánh vương nói rộng Chánh pháp. Vua thỉnh Như Lai và Thánh chúng cúng dường ba tháng. Vua có một ngàn người con. Vua và các con cúng dường Như Lai suốt hai trăm năm mươi năm. Ai nấy đều hướng về Phật và các Tỳ-kheo tăng mà sám hối các tội. Khi ấy, Như Lai bèn vào Tam-muội (Định), phát ra ánh sáng rực rỡ, hiện ra các thế giới ở mười phương. Hoặc có thế giới đầy năm thứ vẩn đục, hoặc có thế giới thanh tịnh nhiệm mầu... Vua bạch Phật rằng: “Các Bồ-tát nhờ nghiệp gì mà được thế giới thanh Tịnh, do nghiệp gì mà chịu thế giới bất tịnh?” Phật nói: “Bồ-tát do có nguyện lực nên được cõi thanh tịnh lìa bỏ năm thứ vẩn đục, lại có Bồ-tát do có nguyện lực mà cầu cõi có năm thứ vẩn đục.” Vua thưa: Nay con thành thật muốn được quả Bồ-

đề, nhưng không nhận lấy cõi Phật bất tịnh. Con trong mười năm trước đây luôn ngồi thẳng suy tư, trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh, nay con phát nguyện khi thành Đạo rồi thì trong thế giới của con không có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Chúng sinh trong nước con đều có màu vàng ròng; trời, người không khác nhau, không có người nữ, cùng một loại hóa sinh, tuổi thọ vô lượng. Thế giới thanh tịnh, không có nhơ bẩn hôi hám, có các thứ cung điện trang nghiêm như ở tầng trời thứ sáu. Các thế giới Phật khác nếu có chúng sinh nghe danh hiệu tôi mà tu các gốc lành, muốn sinh về cõi tôi thì khi chết liền được sinh về. Chỉ trừ người gây ra năm tội nghịch, chê bai bậc Thánh, phá hoại chánh pháp (An dưỡng ký nói: Kinh Bi Hoa có hai mươi tư nguyện, nhưng văn lược bỏ), khi Luân vương phát nguyện lớn xong, Đức Phật liền bảo rằng: Đại vương! Ông hãy nhìn về phương Tây cách trăm ngàn muôn ức cõi Phật có Tôn Âm Vương Như Lai, có thế giới Thanh tịnh trang nghiêm, đều như lời nguyện của Đại vương. Như thế có bốn Đức Phật ra đời rồi nhập diệt, qua một hằng hà sa A-tăng-kỳ kiếp. Vào hằng hà sa A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, lúc đó thế giới ấy đổi tên là An lạc, lúc đó ông sẽ được thành Phật hiệu là Vô Lượng Thọ Như Lai. Khi ấy, Bảo Tạng Như Lai thọ ký cho Thái tử thứ nhất là Bất Thuấn rằng: Ông xem thấy trời người trong ba đường ác, tất cả chúng sinh mà sinh tâm đại Bi, muốn dứt hết các khổ não cho chúng sinh, muốn giúp cho chúng sinh trụ vào An lạc, nên nay ông sẽ làm Quán Thế Âm. Khi Phật Vô Lượng Thọ nhập Niết-bàn rồi thì cõi nước ấy đổi tên là Nhất thiết trân bảo sở thành tựu thế giới, có các thứ trang nghiêm, mà thế giới An lạc không bằng được. Ông thành Đạo Bồ-đề hiệu là Biến Nhất Thiết Quang Minh Công Đức Sơn Vương Như Lai, Phật lại bảo thái tử thứ hai là Ni-ma rằng: Nay ông nguyện nhận lấy đại thế giới đúng như nguyện, ông sẽ thành Đạo Bồ-đề hiệu là Thiện Trụ Trân Bảo Sơn Vương Như Lai. Do ông lấy Đại thế giới như điều nguyện, do đó mà ông được làm đại Thế chí. (Các thứ nhân nguyện, thọ ký, tên kiếp, tên nước... của ba vị Thánh đến lần hai lần ba chỉ ghi lược).

3. Kinh Nhất Hướng Xuất Sinh Bồ-tát: Nhân hạnh của Phật Di-đà, thành tựu chúng sinh:

Phật nói ta nhớ thuở quá khứ cách vô lượng, vô biên A-tăng-kỳ kiếp, có Đức Phật hiệu là Bảo Công Đức Oai Túc Kiếp Vương. Khi Phật ấy sắp vào Niết-bàn, đã vì chúng sinh nói rộng Pháp bổn Đà-la-ni. Lúc đó, có Luân vương tên là Trì Hỏa. Vua có Thái tử tên là Bất Tư Nghị Thắng Công Đức, mới mười sáu tuổi đã nghe Pháp bổn với Như Lai đến

bảy muôn năm, rất siêng năng tu tập, không hề ngủ nghỉ, cũng chẳng nghiêng ngã, ngồi thẳng một chỗ. Chẳng tham của báu và ngôi vua, không ưa thích thân mình. Đã từng gặp chín mươi ức trăm ngàn na-do-tha vị Phật và Pháp giải thoát của các Đức Phật đã được nghe hết và đặc biệt tu tập, nhàm chán gia đình, xuất gia làm Sa-môn. Lại ở trong chín muôn năm tu tập Đà-la-ni này. Lại giảng nói phân biệt cho chúng sinh nghe, trong một đời gắng sức chuyên tinh giáo hóa, khiến tám mươi ức trăm ngàn na-do-tha chúng sinh được phát Đạo tâm, chứa nhóm công đức trụ vào địa vị không lui sụt. Tỳ-kheo Bất Tư Nghì Thắng Công Đức lúc ấy không phải ai khác, chính là A-di-đà Như Lai đây vậy. (Kinh Đại Tạng hòm chữ Tri).

4. Kinh Vô Lượng Thọ: Tỳ-kheo Pháp Tạng phát nguyện trang nghiêm cõi mầu.

Trong thời quá khứ lâu xa, Đức Phật Đỉnh Quang ra đời, như thế thứ lớp đến Phật thứ năm mươi ba tên là Thế Tự Tại Vương. Trong đời Phật ấy có một vua nghe Phật nói pháp tâm rất vui mừng, bỏ nước bỏ ngôi làm Sa-môn, hiệu là Pháp Tạng, là người tài giỏi sáng suốt hơn đời. Đức Phật ấy nói pháp như biển lớn, người suy lường nhiều kiếp không thể đến đáy mà lấy được của báu. Có người dốc lòng tinh tấn cầu đạo không ngừng thì nguyện nào mà chẳng được. Phật nhân đó nói rộng hai trăm mười ức cõi Phật, trời, người thiện ác, cõi nước thô diệu, Tỳ-kheo Pháp Tạng nghe Phật nói đều thấy rõ. Bèn phát thắng nguyện, tâm rất yên vắng, chí không mê đắm. Lại bạch Phật rằng: Cúi mong Phật nghe xét, như điều con nguyện sẽ nói đầy đủ: Nếu con thành Phật mà trong nước con có địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh thì con không thành Chánh giác... Tỳ-kheo Pháp Tạng nói bốn mươi tám lời nguyện xong thì mặt đất rung chuyển, trời rãi hoa đẹp như mưa. Tỳ-kheo Pháp Tạng chắc thật không luống dối, vượt ngoài thế gian, chuyên chí một mực trang nghiêm cõi mầu, giáo hóa an lập vô số chúng sinh, đều khiến an trụ trong Vô thượng chánh chân. Nay đã thành Phật hiện đang ở thế giới An lạc Tây phương. Cõi nước ấy ấy bảy báu kỳ lạ, đẹp đẽ vượt hơn các cõi nước trong mười phương. Cõi nước ấy không có núi Tu-di, mặt trời, mặt trăng, biển rộng khe lớn, hang giếng... không có bốn đường ác, không có Xuân, Hạ, Thu, Đông, không nóng không lạnh, luôn điều hòa thích ứng với các chúng sinh. Đó là do công đức, Thiện lực đức và sức hạnh nghiệp lành mà được như thế.

5. Kinh Di-đà theo lối kệ: Tướng nhiếp lấy cõi nước của bản nguyện Di-đà.

Nhớ Tỳ-kheo, Pháp Tạng nhiều đời đều làm vua, phát nguyện cùng các Phật, phát hai mươi bốn lời nguyện. Đời đời gặp các Phật, trải qua vô số kiếp. Chẳng bỏ hạnh Túc mạng. Công đức đủ bèn thành, thế giới tên Thanh tịnh. Phật có tên Vô Lượng, cõi nước đẹp bằng yên, có nhiều bậc Thượng thiện. Phật tuổi thọ vô lượng, ánh sáng cũng vô biên. Bồ-tát và đệ tử đông không thể tính đếm. Nếu muốn thấy Phật ấy, chớ nghi cũng chớ lo, ai nghi ở trong thai, năm trăm năm chẳng thấy, không nghi thì liền sinh. Khoanh tay hầu trước Phật. Xin nguyện khắp mười phương. Phút chốc liền cùng về.

6. Kinh Thủ-lăng-nghiêm: Bồ-tát Đại Thế Chí được niệm Phật Viên Thông

Pháp Vương tử Đại Thế Chí và năm mươi hai vị Bồ-tát cùng tu một pháp môn đồng đứng dậy đảnh lễ Phật và bạch rằng: Con nhớ hằng hà sa kiếp xưa có Phật ra đời tên là Vô Lượng Quang. Mười hai Đức Như Lai kế tiếp nhau ra đời trong một kiếp. Vị Phật sau cùng tên là Siêu Nhật Nguyệt Quang. Phật ấy dạy con niệm Phật Tam-muội. Ví như có một người lúc nào cũng nhớ, một người lúc nào cũng quên. Như thế hai người gặp nhau cũng như không gặp, thấy nhau cũng như không thấy. Nếu có hai người cùng nghĩ nhớ nhau, nhớ nghĩ sâu sắc cho đến đời này đến đời khác cũng như hình với bóng không trái nhau. Các Đức Như Lai trong mười phương thương nhớ chúng sinh như mẹ nhớ con. Nếu con trốn chạy dầu mẹ nhớ có làm gì được. Nếu con nhớ mẹ như mẹ nhớ con thì dầu trải qua nhiều đời cũng không xa cách. Không nhờ phương tiện mà tự được tâm khai. Như người dính dầu thơm thì thân có mùi thơm. Đây gọi là hương Quang trang nghiêm. Nhân địa gốc của con là dùng tâm niệm Phật mà vào Vô sinh nhẫn, nay ở cõi này dẫn dắt người niệm Phật về Tịnh độ. Phật hỏi Viên Thông con không chọn lựa, nhiếp cả sáu căn, Tịnh niệm nối nhau, được Tam-ma-đề đây là bậc nhất.

Trường Thủy sớ chép: Vô Lượng Thọ cũng gọi là Vô Lượng Quang. Một người lúc nào cũng nhớ là Phật, một người lúc nào cũng quên là người không niệm Phật. Chúng sinh như thế chắc chắn không thấy Phật. Cho nên nói: Nếu gặp cũng như không gặp. Phật và chúng sinh nhớ nghĩ khớp nhau cho đến như hình với bóng. Tâm niệm Phật lúc đầu tức dùng tâm sinh diệt mà duyên với tướng tốt của Phật chuyên chú một cảnh, tâm không gián đoạn, thấy tướng tốt của Phật như ảnh trong gương. Lại quán việc niệm Phật đều là luống dối, vốn không tự tánh. Từ niệm tưởng hiện cho nên tâm năng niệm đã khởi hay chưa khởi từ đâu mà chẳng thấy có một pháp, rốt ráo vắng lặng, xưa nay lìa niệm.

Lìa tướng niệm giống như hư không, không có riêng một tướng pháp giới nào, tức là Pháp thân Như Lai bình đẳng nên nói là vào Vô sinh nhẫn. Ta đã được độ, chúng sinh không khác với ta. Tánh không khác quan hệ với nhau. Cho nên người niệm Phật ta đều dẫn dắt. Niệm thuộc về ý căn. Ý là chỗ nương của các căn, cho nên nói nhiếp cả, Niệm tức vô niệm, cho nên nói Tịnh niệm, không có khoảng cách giữa các niệm nên nói nối nhau. Tập giải nói do chứng nghiệm mà tu, tâm niệm Phật không thể chỉ nói về sự mà hiểu, niệm giữ ba thứ quán, Phật đủ ba thứ thân, tâm phá được ba hoặc, địa vị Vô sinh nhẫn mới được vào.

7. Kinh Cổ Âm Vương: Cõi nước, Cha mẹ và thân thuộc của Phật Di-đà.

Khi Phật ở tại Pháp Hội trong Đại thành Chiêm-ba thuyết giảng về thế giới Cực lạc ở Tây phương của Phật A-di-đà có nói rằng người nào trì niệm danh hiệu Phật ấy thì khi sắp qua đời, Phật và đại chúng sẽ đến chỗ người ấy khiến cho thấy, thấy rồi thì vui vẻ được sinh, lìa hẳn bào thai, thân hình uế dục, tự nhiên hóa sinh trong hoa sen báu. Cõi nước ấy tên là Thanh Thái Thánh vương, thành rộng mỗi bề mười ngàn do-tuần. Trong đó tràn đầy người thuộc dòng Sát-lợi. Cha của Phật A-di-đà là Chuyển luân Thánh vương Nguyệt Thượng, mẹ ngài tên là Thù Thắng Diệu Nhan, con tên là Nguyệt Minh. Đệ tử ngài là Vô Cấu Xứng, đệ tử trí tuệ tên là Lãm Quang, thần túc, tinh tấn, tên là Đại Hóa, Ma vương tên là Vô Thắng, có Đề-bà-đạt-đa tên là Tịch Tĩnh. Nếu ai tụng Cổ Âm Thanh Vương Đại Đà-la-ni trong mười ngày mười đêm, suốt sáu thời chuyên niệm, kính lễ Phật ấy, chánh niệm bền chắc, thảy đều trừ bỏ tâm loạn. Niệm niệm không ngớt, thì trong mười ngày sẽ thấy Đức Phật ấy và thấy các Đức Như Lai mười phương cùng chỗ ở của các ngài. Chỉ trừ người có chướng nặng và độn căn thì không thấy được (Thần chú dài nên ở đây không chép vào).

Ngoài ra Lô Sơn Di-đà sớ có nói kinh Cổ Âm Vương nói: Có người nữ và kẻ ác nghịch há chẳng phải Di-đà hiện ra cõi uế ư? Thiên Trúc quyết nghi nói: Luận Thiên Thân nói người nữ và người căn thiếu không được sinh. Còn kinh Cổ Âm Vương thì cho rằng Phật mẫu khi Phật mới giáng sinh đã thành chánh giác, thì cõi nước ấy thanh tịnh theo, hẳn không có người nữ, hoặc Phật mẫu đã đổi thành người nam giống như Long Nữ ở cõi này. Hoặc lại chết như mẹ của Tất-đạt-đa. Thuyết của hai nhà nói thì lấy Thiên trúc làm chánh, vì kinh đã nói xa lìa bào thai uế dục. Vì Phật khuyên người cầu vãng sinh nên chỉ đối cơ khác nhau, có sai khác chút ít với các kinh.

8. Kinh A-di-đà: Cực lạc ở cách cõi này mười muôn ức cõi Phật:

Từ đây về phương Tây cách mười muôn ức cõi Phật có thế giới tên là Cực lạc. Cõi ấy có Đức Phật hiệu là A-di-đà hiện đang nói pháp. Tháp Xuyên Tân sớ nói: Cõi Cực lạc có bốn cõi khác nhau, đó là Đồng cư, Phương tiện, Thật báo và Tịch quang. Ba cõi trước có khổ có vui. Chỉ riêng cõi Tịch quang là vui rốt ráo. Trong Đồng cư có hai: Đồng cư uế và Đồng cư tịnh. Nay kinh này nói là Đồng cư tịnh, vì ý Phật khiến người tu đến thẳng cái vui của Tịch quang, nhưng vì người ấy chưa thể nên khiến lấy Đồng cư tịnh. Đã đến được cái Tịnh ấy thì có thể đến được cái vui rốt ráo của Tịch quang. Lớn lao thay việc khéo quyền biến của bậc Thánh nhân.

Trong luận Thập Nghi có hỏi:

- Tây phương cách đây mười muôn ức cõi Phật, kẻ phàm phu yếu kém làm sao đến được?

Đáp rằng:

- Vì đối với phàm phu mắt thịt có tâm lượng sinh tử nên nói thế. Chứ Tây phương cách đây mười muôn ức cõi, chỉ cần chúng sinh khi nghiệp Tịnh độ thành thì lúc sắp qua đời, tâm ở trong định tức là tâm thọ sinh Tịnh độ khi động niệm liền sinh Tịnh độ, Thế nên kinh Quán nói: Nước Phật cách đây không xa. Lại nghiệp lực không thể suy nghĩ bàn luận chỉ một niệm liền sinh không phải lo xa. Lại như người nằm mộng thân tuy ở trên giường mà tâm ý thức đến khắp phương khác. Sinh Tịnh độ cũng thế, chẳng nên nghi ngờ.

Tự Tín Lục nói: Cực lạc cách đây mười muôn ức cõi. Kẻ phàm phu chết rồi thì khoảnh khắc liền đến là do tâm mình vốn nhiệm mầu mà thôi. Như kinh Lăng Nghiêm nói: Ông cũng chưa biết rõ tất cả phù trần các tướng huyễn hóa, ngay chỗ sinh ra thì ngay đó diệt mất, do nhân duyên luống dối hòa hợp gọi là có sinh, do nhân duyên luống dối chia lìa gọi là có diệt. Thật chẳng biết sinh diệt xưa nay vốn là Như Lai tạng thường trú diệu minh. Trong tánh Chân thường mà tìm kiếm cái tới lui mê-ngộ sinh-tử thì không thật có. Lấy đây mà suy thì khi sắp qua đời do duyên lìa các nhiễm vẫn đục mà Ta-bà huyễn mất và duyên họp các thanh tịnh mà Cực lạc huyễn sinh, đây diệt kia sinh không cách nhau một sợi tóc thì sao có khoảnh khắc mà luận. Hoặc thấy cả ngày lấy bỏ mà không hề lấy bỏ vậy.

9. Kinh A-di-đà: Bảy ngày không loạn thì cảm ứng được Phật mà vãng sinh.

Không thể với nhân duyên phước đức gốc lành ít ỏi mà được sinh

về cõi nước ấy. Nếu ai nghe nói Phật A-di-đà mà chấp trì danh hiệu Phật ấy từ một ngày cho đến bảy ngày mà nhất tâm bất loạn thì khi người ấy qua đời, Phật A-di-đà cùng các Thánh chúng sẽ hiện ra trước mắt, khi chết người ấy tâm không điên đảo liền được vãng sinh.

Trong Lô Sơn sớ nói: Không thể với chút ít gốc lành mà được sinh, tức nói phải có nhiều gốc lành mới được sinh. Chút ít gốc lành nghĩa là phát nguyện cho có, xưng danh tán loạn. Còn nhiều tức là chấp trì danh hiệu định kỳ nhất định. Chấp nghĩa là vâng lãnh, trì nghĩa là làm theo. Do tín nên vãng sinh trong lòng, vì niệm lực nên giữ mãi không quên.

Trong Tráp Xuyên Sớ chép: Phước đức dù nhiều nhưng đại khái như trong kinh Quán nói ba thứ Tịnh nghiệp. Ngài Thiên Thai nói ba thứ Tịnh nghiệp làm tán tâm, chỉ mười sáu Diệu Quán mới gọi là chánh thọ, lấy đây mà nêu kia. Phước đức nhân duyên tức là tán tâm, nhất tâm bất loạn là chánh thọ. Ngài Lô Sơn nói kinh này là tán thiện, còn kinh Quán thuộc định thiện. Tôi không theo thuyết ấy. Vả lại Phổ môn phẩm Sớ giải thích nhất tâm xưng danh có sự có lý. Nếu chú tâm luôn niệm không gián đoạn là sự nhất tâm, nếu hiểu rõ tâm này bốn tánh không sinh, cùng không tuệ tương ứng nhau thì gọi là lý nhất tâm. Dùng kia nghiệm đây thì Nhất tâm cũng thế. Song trong Phẩm Phổ Môn không có hai chữ bất loạn. Ngài Trí Giả còn đem không tuệ để giải thích, ở đây nói nhất tâm bất loạn sao lại chê là tán thiện.

10. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Thực hành ba thứ nghiệp được vãng sinh Tây phương.

Người muốn sinh về cõi nước ấy phải tu ba thứ phước:

1. Hiếu dưỡng cha mẹ, thờ kính thầy tổ, từ tâm không giết hại, tu mười nghiệp lành.

2. Thọ trì tam quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi.

3. Phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, đọc tung kinh điển Đại thừa, khuyến khích, sách tấn hành giả.

Ba thứ nghiệp này là chánh nhân tịnh nghiệp của các Đức Phật ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai.

Thiên Thai Quán kinh sớ nói rằng: Nghiệp thứ nhất của phàm phu, nghiệp thứ hai của hàng Nhị thừa, nghiệp thứ ba là của Đại thừa, có pháp chẳng chung (Bất cộng):

1. Kính trên nhường dưới, từ tâm tu mười điều lành đó, là chỉ hạnh thân trừ ba tà, miệng lìa bốn lỗi, ý dứt ba ác.

2. Giới tại gia cũng tức mười giới, các giới đầy đủ tức người xuất gia, tại gia thọ đủ các giới vi tế, không phạm oai nghi có ba ngàn oai

nghi đều chẳng thiếu phạm.

3. Phát tâm Bồ-đề. Phát khởi ý thú gọi là phát tâm, Phật quả viên thông gọi là Bồ-đề. Đọc tụng kinh điển Đại thừa là nói về tu giải, còn Hạnh vận thông gọi đó là Thừa. Ngài Diệu Tông nói ba thứ nghiệp này, nếu ai được nghiệp trước thì chưa được nghiệp sau, còn ai được nghiệp sau thì sẽ gồm được nghiệp trước.

11. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Trước tu quán mặt Trời tưởng về Tây phương.

Phật dạy bà Vi-đề-hy rằng: Bà và chúng sinh nên khởi niệm quán tưởng ngồi xây mặt về hướng Tây mà quán nhất định mặt trời lặn, khiến tâm bền chắc, chuyên tưởng không dời đổi, thấy mặt trời sắp lặn như chiếc trống treo.

Quán kinh Sớ nói: Mặt trời sắp lặn như chiếc trống treo là cách đưa tư tưởng về Tây phương. Ngài Diệu Tông nói phép cột tâm là quán mặt trời lặn, tức muốn cho tư tưởng luôn nhất định hướng về Tây phương, là nơi ở của Phật A-di-đà thì lấy mặt trời lặn làm cảnh mà tưởng. Nay khởi quán thấy mặt trời tròn thì biết tâm năng tưởng vốn sẵn có tất cả y chánh. Ở đây lấy tâm vốn có mặt trời mà duyên với mặt trời tức tâm, khiến mặt trời tánh hiện ở trước, ở đây là lấy tâm pháp giới duyên với cảnh Pháp giới mà khởi lên mặt trời Pháp giới thì đều là Pháp giới, há chẳng phải tức không, giả, trung trụ chắc vào tâm này ư? Khi đã rõ ràng rồi thì việc quán mặt trời đã thành tựu.

12.Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Y cứ vào tâm mà quán Phật thuộc pháp quán tượng thứ tám.

Kế đến tưởng Phật, vì sao? Vì các Đức Phật Như Lai là thân pháp giới mà nhập vào tâm tưởng của tất cả chúng sinh. Thế nên khi tâm các ông tưởng Phật thì tâm ấy tức là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Biển Chánh biến tri của các Đức Phật từ tâm tưởng sinh ra. Thế nên phải nhất tâm giữ niệm quán kiên trì Đức Phật ấy.

Quán kinh sớ nói: "Từ các Đức Phật Như Lai" trở đi là nói chung về các Phật. Thế nên từ "phải nên" trở đi là quán riêng Di-đà. Thân Pháp giới tức là thân Pháp tánh của Báo Phật. Chúng sinh tâm Tịnh là Pháp Thân tự tại, nên nói là vào. Như mặt trời sáng giữa trời. Ảnh hiện trăm sông là nói thân Phật tự tại tùy vật mà hiện ra. Lại thân Pháp giới là thân Phật, không đâu chẳng khắp, lấy Pháp giới làm thể. Được Tam-muội Quán Phật này mà giải nhập tương ưng, cho nên nói là nhập vào tâm tưởng. Tâm ấy làm Phật, Phật vốn là không, vì tâm tịnh cho

nên có. Tâm ấy là Phật, vừa rồi hỏi Phật vốn là không vì tâm tịnh cho nên có, bèn cho rằng như thế cho nên nói "tức là", mới học thì gọi là làm, cuối cùng thành tựu thì gọi "Là". Ngài Diệu Tông giải thích rằng: Muốn tưởng thân Phật thì phải biết quán thể. Thể là bổn giác khởi thành, năng quán, bổn giác chính là thân pháp giới của các Đức Phật. Vì các Đức Phật không có chỗ chứng nào riêng khác mà hoàn toàn là chứng bản tánh của chúng sinh. Nếu thỉ giác có công phu thì bổn giác liền hiển bày, nên nói là Pháp thân từ tâm tưởng sinh ra. Hơn nữa, Đức Phật Di-đà cùng tất cả các Đức Phật là một thân một trí, ứng dụng cũng thế. Tướng Di-đà hiển hiện tức là thân của các Đức Phật. Thân các Đức Phật sáng rõ tức là thể của Di-đà. Thế nên nói chung các Đức Phật để làm quán thể Di-đà. Từ "Thân Pháp giới" trở đi là nói về đạo cảm ứng giao nhau mà giải thích. Từ "Lại thân Pháp giới" trở đi là giải nhập tương ứng mà giải thích. Dung Tâm giải thích rằng: Nếu không có giải thích đầu thì quán không phải là quán Phật. Nếu không có giải thích sau thì chúng sinh và Phật thể khác nhau. Hai giải thích thành tựu cho nhau. Pháp quán này tâm ấy làm Phật, là nói tức tâm biến toàn tánh thành tu. Tâm ấy là Phật là ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm. Tâm đã hoàn toàn là tâm ấy. Tâm há thấy tâm. Như ngón tay không chạm dao thì không bị thương. Ban-chu gọi là Ngã Sở niệm tức thấy tâm làm Phật. Chẳng biết chỉ quán của tâm y cứ theo đây mà lập trung quán. Ban-chu và văn này đồng nhau. Như Lai sợ người chấp tướng quán Phật cho nên ở trước chân tượng bày việc quán thể. Khiến y theo Pháp này mà quán thân Phật. Diệu Tông lại nói: Nay quán tâm, không phải ở ngay nơi ấm mà quán Bổn tánh Phật, phải nhờ Phật khác mà hiển bày Bổn tánh, cho nên trước nói ứng Phật nhập vào tâm tưởng ta, kế nói thân Phật hoàn toàn là Bổn giác, cho nên ứng Phật hiển rõ thì biết Bản tánh sáng, nghĩa nhờ bên ngoài mà thành thì quán Duy tâm được lập. Nếu luận "Làm" và "Là" tức là ba quán không thể nghĩ bàn. Nếu hoặc phá hoặc lập gọi là "Làm" thì tức là hai quán không và giả. Còn chẳng phá, chẳng lập gọi là "Là", đó là quán Trung đạo. Toàn "là" mà "làm" thì ba đế đều phá, đều lập. Toàn "làm" mà "là" thì cả ba đế đều không phải phá, lập, tức là không giả của Trung. Gọi làm thì phá được ba hoặc thành được ba pháp, cho nên cảm ba thân viên ứng của Phật khác mà có thể thành tâm ta. Ba thân của hiện quả tức là Trung của không, giả. Gọi "là" thì toàn hoặc tức là trí, toàn chướng tức là đức, cho nên tâm là Ứng Phật, tâm là quả Phật, cho nên biết "làm" là một tâm. Tu ba quán này thì đó là tổng thể của mười sáu pháp quán. Diệu tông của một kinh thì

văn trích từ đây, nghĩa trùm khắp trước sau. Thế nên người tu phải thực hành ý này. Người tu nhân Tịnh độ chẳng thể không biết.

13. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Đủ ba thứ tâm liền được vãng sinh.

Nếu có chúng sinh nguyện sinh về nước ấy, thì phát ba tâm liền được vãng sinh. Ba tâm ấy là gì?

1. Tâm chí thành.

2. Tâm sâu xa.

3. Tâm phát nguyện hồi hướng.

Người có ba tâm này quyết định vãng sinh nước ấy.

Quán kinh sớ nói: Tâm chí thành, tức là nói chúng sinh thật hành. “Chí” là chuyên, “Thành” là thật. “Sâu xa” là quả Phật cao sâu, lấy tâm mà cầu, nên nói là tâm sâu xa. Cũng từ lý sâu mà sinh, cũng từ gốc lành vui sâu dày mà sinh. Nên kinh Thập địa có nói vào tâm sâu rộng. Kinh Niết-bàn nói: Gốc sâu khó nhổ, nên nói là tâm sâu xa. Ngài Thiện Đạo giải thích rằng: Thân lễ bái Đức Phật ấy, miệng khen ngợi Đức Phật ấy, ý quán sát Đức Phật ấy. Vì ba nghiệp chân thật nên gọi là tâm chí thành. Vì tín tâm chân thật tin biết tự thân mình đầy dẫy phiền não, phải trôi giạt trong ba cõi. Tin biết bổn nguyện Di-đà, xưng danh dù chỉ mười câu cho đến một niệm không có tâm nghi ngờ, nên gọi là tâm sâu xa. Phàm tu được tất cả gốc lành thảy đều hồi hướng nguyện cầu vãng sinh, nên gọi là tâm phát nguyện hồi hướng. Đủ ba tâm này chắc chắn được vãng sinh. Nếu thiếu một tâm thì chẳng được sinh.

14. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Công phu mười niệm thành tựu thì hạ phẩm hạ sinh

Về Hạ phẩm hạ sinh, gây ra nghiệp ác, như năm tội nghịch, mười điều ác, vì nghiệp ác thì phải đọa vào đường ác. Người ngu này khi sắp qua đời gặp được Thiện tri thức nói cho nghe pháp mầu, dạy niệm Phật. Người này bị khổ bức bách nên chẳng tỉnh táo mà niệm Phật. Có bạn lành bảo rằng: Nếu ông chẳng niệm được thì nên xưng danh Phật Vô Lượng Thọ. Như thế mà dốc lòng khiến cho từng tiếng không dứt, đầy đủ mười niệm, xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật. Vì xưng niệm danh hiệu Phật nên trong mỗi niệm trừ được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Khi qua đời thấy hoa sen vàng liền được vãng sinh.

Quán Kinh Sớ nói: Tâm lành nối nhau đến mười niệm hoặc một niệm thành tựu liền được vãng sinh. Vì niệm Phật diệt trừ tội chướng, nên lấy niệm Phật làm duyên tốt.

Hỏi: Vì sao chỉ với tâm lực trong một thời gian ngắn mà có thể

thắng được việc tạo ác của cả cuộc đời ư?

Đáp: Đại luận có nói tâm này tuy thời gian ít mà tâm lực rất mạnh mẽ nhanh chóng, tâm chắc chắn quyết đoán hơn cả nguyện lực trăm năm. Tâm ấy gọi là Đại tâm, vì bỏ thân là việc gấp, như người vào trận chẳng tiếc thân mạng gọi là người mạnh mẽ. Diệu Tông nói: Người này tuy gây ra nghiệp ác nhưng đã có tu quán, nên khiến cho khi sắp qua đời khuyên niệm với định tâm thì sẽ thành, cũng là người thừa gấp giới chậm. Dẫu hiện đời không tu Tam-muội thì cũng là hạt giống đời trước nay đã chín. Cho nên trong luận Thập Nghi nói rằng: Khi sắp qua đời gặp được Thiện tri thức mà niệm được mười niệm thì đều do nghiệp lành đời trước rất mạnh mẽ nên mới gặp được tri thức. Giải thích như thế này thì mới hợp với nghĩa định thiện. Nếu người trước kia vốn chẳng tu Tam-muội thì thuộc tiền hối, có nghĩa khinh trọng.

15. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: Bà Vi-đề-hy và thị nữ đều được vãng sinh

Phật nói xong lời ấy, bà Vi-đề-hy và năm trăm cô gái hầu nghe lời Phật nói liền thấy Cực lạc thế giới, tâm rất vui mừng, được Vô sinh nhẫn. Đức Thế Tôn thọ ký cho đều được vãng sinh.

Quán kinh sớ hỏi: Luận nói người nữ và căn thiếu không sinh còn kinh này nói bà Vi-đề-hy và năm trăm cô gái hầu đều được vãng sinh là sao? Đáp rằng: Luận nói người nữ và căn thiếu không sinh, là nói người sinh về nước ấy thì Tịnh căn lìa dục không có thân nữ, các căn đều tinh vi, nên không có căn thiếu. Kinh nói mới sinh cho nên có tâm lành tất cả đều được vãng sinh. Luận Thập Nghi nói: Ở đó không có người nữ và không có người mù, điếc, câm, ngọng. Nhưng ở cõi này thì tất cả người nữ và những kẻ điếc, đui, câm, ngọng mà tâm niệm Di-đà thì đều được sinh về nước ấy.

16. Kinh A-di-đà: Do tâm nghi ngờ sẽ sinh ở biên giới của Tây phương.

Đức Phật nói người bậc trung tuy không bỏ nhà lìa tục nhưng thọ trì kinh giới, lập đàn bố thí, thường tin lời Phật, muốn sinh về nước Phật ấy, người này khi chết sẽ thấy Phật A-di-đà, sẽ được sinh về cõi nước Phật ấy mà có được trí tuệ mạnh mẽ. Nếu người giữa chừng có tâm ăn năn hoặc nghi ngờ không tin, chỉ lập đàn bố thí, làm các điều lành được phước mà không tin vãng sinh về nước Phật Di-đà. Người này niệm nối nhau không dứt nhưng lúc tin lúc không, chẳng chuyên chú nhất định. Nhưng căn cứ vào các nguyện lành làm gốc cho nên cũng được vãng sinh. Nhưng người này chết rồi không được đến chỗ Phật A-di-đà. Tiện

đường thấy biên giới nước Phật A-di-đà trong thành toàn bảy báu nên tâm rất vui mừng bèn ngừng ở đây. Hóa sinh nơi hoa sen trong ao hoa bảy báu. Thành rộng mỗi bề hai ngàn dặm, vui sướng như cung trời Đao lợi nhưng không thấy Phật, chỉ thấy ánh sáng, tâm rất ăn năn, người này ở trong thành ấy năm trăm năm rồi mới được sinh đến chỗ Phật A-di-đà mà nghe pháp được ngộ.

17. Kinh Vô Lượng Thọ: Không hiểu trí Phật sẽ thọ sinh trong Thai cung.

Phật bảo ngài Từ Thị rằng: Người dân nước ấy (Cực lạc) có thai sinh, ông có thấy chăng?

Thưa: Con đã thấy ở trong thai sinh ấy như ở trong cung điện rộng một trăm do-tuần hoặc năm trăm do-tuần, đều ở trong ấy mà thọ hưởng sự vui sướng như cung trời Đao lợi. Ngài Từ Thị bạch Phật rằng: Do đâu mà người cõi nước ấy hóa sinh thai sinh?

Phật bảo: Nếu có chúng sinh tâm nghi ngờ, tu các công đức nguyện sinh về nước ấy mà không hiểu trí Phật, trí Bất tư nghì, trí Bất khả xưng, trí Đại thừa rộng lớn, Thắng trí Vô đẳng vô luân tối thượng... Đối với các trí ấy mà mê hoặc không tin. Song còn tin tội phước mà tu tập gốc lành, cầu sinh về nước ấy. Các chúng sinh này sinh vào cung điện ấy sống năm trăm năm, thường không thấy Phật, không nghe Pháp, không thấy Tăng. Thế nên gọi là thai sinh. Nếu có chúng sinh tin rõ trí Phật cho đến trí thù thắng, làm các công đức, tín tâm hồi hướng thì các chúng sinh này sẽ hóa sinh trong hoa sen bảy báu, ngồi kiết già, phút chốc thân tướng sáng suốt, trí tuệ công đức thành tựu đầy đủ như các Bồ-tát. Này Di-lặc, phải biết người hóa sinh ấy vì trí tuệ cao quý nên Phật nói người ấy, sau khi làm việc đó nếu trong tâm có ăn năn nghi ngờ, không tin làm lành đời sau được phước, không tin việc vãng sinh nước Phật, người này dù thế vẫn được vãng sinh. Người này khi qua đời, Phật A-di-đà liền khiến người ấy nằm mộng thấy nước Phật A-di-đà, tâm rất vui mừng tự nghĩ rằng ta ăn năn, không biết lợi ích làm các điều lành nay được vãng sinh. Người này chỉ nghĩ, miệng không nói được, liền tự hối lỗi, nghi ngờ giảm ít, ăn năn vô cùng. Người này khi chết liền sinh về nước Phật A-di-đà nhưng không đến trước, tiện đường thấy thành bảy báu rộng hai ngàn dặm, tâm rất vui mừng bèn nghỉ lại ở đấy. Ở trong ao bảy báu mà hóa sinh vào hoa sen, như cung trời Đao lợi thứ hai, sống trong thành ấy năm trăm năm, về sau được ra mới đến chỗ Phật A-di-đà. Người này nghe kinh nhưng tâm không hiểu, trí tuệ không sáng. Nhà cửa trên đất, không thể tùy ý khiến nhà cửa cao rộng ở trên

hư không. Lại cách Phật A-di-đà rất xa không thể gần được, cũng như hạng người nghi ngờ thứ hai. Người này lâu sau trí tuệ cũng được khai giải, hiểu kinh mạnh mẽ như hạng người thứ nhất. Vì sao? Vì đời trước khi cầu Đạo giữa chừng thì ăn năn, hồ nghi, chợt tin chợt không, không tin làm lành được phước đức, đều tự nhiên được như thế. Phải biết người sinh nghi ngờ bị mất lợi lớn. Thế nên phải sáng suốt tin tưởng vào trí tuệ vô thượng của các Đức Phật.

Quán kinh sớ có giải thích rằng: Trong pháp quán mặt trời dạy khiến chánh quán để trừ tâm nghi. Đại Bản nói với tâm nghi ngờ mà tu các công đức thì sẽ lạc vào biên địa (biên giới) lại chịu thai sinh, cho nên thực hành quán này để khiến dứt bỏ nghi ngờ. Diệu Tông nói: Kinh nói không hiểu trí Phật liền sinh nghi ngờ. Sớ nói: Cho nên thực hành pháp quán này khiến dứt bỏ nghi ngờ, nếu pháp quán này hiển sáng thì liền hiểu trí Phật. Nếu không dùng ba quán mà quán mặt trời lặn thì mê trí Phật. Quán mặt trời như thế mà các phép quán khác cũng như vậy. Cho nên biết Đại sư y vào trí Phật mà lập ra pháp quán này. Nếu phàm làm ít điều lành đến khi sắp qua đời mà hồi hướng trí Phật lại làm các điều ác, thì phải nương trí Phật mà cầu diệt hết các tội chướng. Đã có thừa chủng thì khi sinh về nước ấy sẽ nhanh mau được thấy Tam bảo, không sinh vào biên địa và thai cung.

18. Kinh Bồ-tát Xử Thai: Có tâm đắm nhiễm thì sinh vào nước Giải mạn.

Phật nói ở phương Tây cách cõi này mười hai ức na-do-tha, có cõi nước Giải mạn, vui sướng an ổn. Người muốn vãng sinh về nước Phật A-di-đà, thì phải qua nước này. Người nhiều đắm nhiễm liền nguyện sinh về nước ấy thì không được đến cõi Phật Di-đà. Nếu người thấy đây mà không tham, không đắm thì được vượt qua mà đến nước An lạc.

Di-đà kinh sao nói: Nước Giải mạn này tức kinh Vô Lượng Thọ gọi là Nghi thành. Phật sợ chúng sinh niệm Phật sinh nghi ngờ nên hiện ra nước này.

Hỏi: Đã nói là giải mạn sao lại vui sướng được?

Đáp: Đối với Cực lạc tức là giải mạn, còn đối với Ta-bà thì là vui sướng.

19. Kinh Bình Đẳng Giác: Thanh văn ở Tịnh độ tu hành chứng quả.

Cõi Phật vô lượng thanh tịnh. Các Bồ-tát, A-la-hán đều ở trong ấy mà hành đạo. Có người ở trên đất giảng kinh, tụng kinh, ngồi thiền, có người ở trên hư không mà giảng kinh, đi kinh hành. Trong đó ai chưa

chứng quả Tu-đã-hoàn thì chứng quả Tu-đà-hoàn, ai chưa chứng quả Tư-đà-hàm thì chứng quả Tư-đà-hàm, ai chưa chứng quả A-na-hàm thì chứng quả A-na-hàm, ai chưa chứng quả A-la-hán thì chứng quả A-la-hán, ai chưa được A-duy-việt trí thì được A-duy-việt trí không lui sụt. Ai nấy tự hành đạo đều rất vui mừng. Lại kinh A-di-đà nói đệ tử Đức Phật ấy đều là A-la-hán đông không xiết kể. Lại trong kinh Quán nói: Người trong ba bậc vãng sinh về nước ấy nghe pháp đều chứng quả A-la-hán.

Trong luận Thập Nghi chép: Cõi nước ấy không có người có tâm nhị thừa, thuần nhất là bạn lành Đại thừa thanh tịnh.

Quán kinh sớ hỏi: Theo luận Vãng Sinh thì hàng Nhị thừa không sinh, còn trong kinh Quán thì nói hàng Tiểu thừa được sinh là sao?

Đáp: Đúng ra thì hạnh Tiểu thừa không sinh, bởi do muốn phát triển hạt giống Đại thừa nên mới được sinh! Vì trước kia thường học Tiểu thừa đến đó nghe Khổ, Không, Vô thường mà phát sinh sự hiểu trước đây đã chứng Tiểu quả. Chứng Tiểu quả rồi thì không trụ ở Tiểu bèn vào Đại thừa. Diệu Tông chép: Do hồi tâm mà được sinh, do thói quen mà chứng Tiểu. Biết Đại thì chứng Tiểu sẽ cũng không chấp thiên chân, nên sau đó không lâu sẽ chứng Đại thừa.

20. Kinh Vô Lượng Thọ: Gây năm tội nghịch và chê bai chánh pháp thì không được vãng sinh.

Trong bốn mươi tám nguyện thì nguyện thứ mười tám nói: Nếu tôi thành Phật, chúng sinh trong mười phương dốc lòng tin ưa muốn sinh về nước tôi, dù cho chỉ niệm mười niệm, nếu không sinh thì tôi không thành Chánh giác, chỉ trừ người gây ra năm tội nghịch và chê bai Chánh pháp. Lại quyển sau có nói: Những ai nghe danh hiệu Phật tin chắc vui mừng dù chỉ một niệm hồi hướng nguyện sinh thì liền được vãng sinh, chỉ trừ người gây ra năm tội nghịch và hủy báng Chánh pháp.

Quán kinh sớ nói: Đại Bản nói: Năm tội nghịch và chê bai chánh pháp không được sinh. Còn kinh Quán này thì nói năm tội nghịch được sinh. Giải thích có hai nghĩa, nói về người tạo tội có thượng căn, hạ căn: Như thượng căn, ở đời theo phép Vua, phạm năm tội nghịch thì bị tội nặng, nếu có hối lỗi thì tội tiêu mỏng nên cho được sinh. Còn Hạ căn tạo tội phần nhiều không hối lỗi, nên không được sinh; hai là nói về hạnh, thì hạnh có định và tán. Quán Phật Tam-muội gọi là định. Tu các nghiệp lành khác gọi là tán. Sức tán thiện yếu không trừ được năm tội nghịch nên không được sinh. Đại Bản theo đây nên nói không sinh. Còn kinh này nói về quán nên được sinh.

21. Kinh Vô Lượng Thọ: Tướng tu nhân Vãng Sinh của ba bậc.

Phật nói chúng sinh trong mười phương nguyện sinh về nước ấy gồm có ba bậc: Bậc Thượng, là bỏ nhà, lìa dục làm Sa-môn, phát tâm Bồ-đề, một bề chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ, tu các công đức và nguyện sinh về nước ấy. Người ấy khi chết thì Phật Vô Lượng Thọ cùng các đại chúng hiện ra trước mặt, người ấy liền theo Đức Phật kia mà sinh vào trong hoa bảy báu, an trụ không lui sụt, trí tuệ mạnh mẽ, thần thông tự tại. Bậc Trung: Dốc lòng nguyện sinh về nước ấy, tuy chẳng làm Sa-môn nhưng tu công đức lớn, phát tâm Bồ-đề Vô thượng, lúc nào cũng chuyên niệm Phật Vô Lượng Thọ, tu điều lành nhiều ít, vâng giữ trai giới, xây tạo tháp tượng, cúng dường Sa-môn... Các thứ ấy đều hồi hướng nguyện sinh nước ấy. Người này khi sắp qua đời, Phật Vô Lượng Thọ sẽ hóa hiện thân cùng các đại chúng hiện ra trước mặt. Người ấy liền theo Hóa Phật vãng sinh về nước ấy, an trụ vị không lui sụt, công đức trí tuệ đứng sau bậc Thượng. Bậc Hạ: Dốc lòng muốn sinh về nước ấy. Giả sử không làm các công đức nhưng phải phát tâm Bồ-đề Vô thượng, chuyên ý một mực cho đến chỉ mười niệm. Nếu nghe pháp sâu vui mừng tin ưa, không sinh nghi ngờ cho đến một niệm luôn nghĩ về Đức Phật ấy, người này khi sắp qua đời mộng thấy Đức Phật ấy, cũng được vãng sinh. Công đức trí tuệ kế sau bậc Trung.

Quán kinh sớ nói rằng: Chín phẩm của kinh Quán là khiến cho biết giai vị thượng, trung, hạ, tức là ba bậc của Đại Bản, Lô Sơn San Chánh Ký chép: Ba bậc của Đại Bản chỉ bằng sáu phẩm của kinh Quán. Vì ba bậc ấy thuần nói về hạnh lành không có người ác. Ngài Linh Chi bảo ba phẩm của Đại Bản đều có phát tâm có thể so với bậc Thượng của kinh Quán, còn hai bậc Trung và Hạ thì không so sánh được. Huống là việc tạo nhân sau đây hoàn toàn khác. Phụ Chánh giải rằng: Ngài Thiên Thai dùng chín Phẩm của kinh này xem đồng với ba bậc của Đại Bản. Bèn y cứ vào đại vị cao, thấp, kia, đây, đồng nhau mà hiểu, chứ không y cứ theo tướng của hạnh nhân phát tâm để hiểu ba phẩm.

22. Kinh Vô Lượng Thọ: So sánh sự tu thiện khác nhau giữa hai cõi.

Phật nói: Người đời sau gặp được lời Phật, kinh Phật nói nên suy nghĩ chín chắn. Ở trong đó mà giữ tâm hạnh ngay thẳng, chủ trương làm lành và hóa độ kẻ thấp kém khiến ai nấy tự giữ gìn, gieo trồng gốc đức, thi ân bố đức, nhẫn nhục, tinh tấn, nhất tâm, trí tuệ, chánh tâm chánh ý, trai giới thanh tịnh, một ngày một đêm hơn ở cõi Phật Vô Lượng Thọ làm lành trăm năm. Vì sao? Vì cõi Phật ấy vô vi tự nhiên, đều làm các điều lành, không có mảy may điều ác. Ở cõi này mà tu điều lành mười

ngày mười đêm thì hơn ở cõi nước khác của các Đức Phật làm lành một ngàn năm. Vì cõi nước của các Đức Phật ở phương khác người làm lành thì nhiều, kẻ làm ác thì ít. Cho nên chỉ ở cõi này nhiều người ác mà không có tự nhiên, thân tâm khốn nhọc, ăn khổ uống độc. Ta thương xót các ông nên hết lòng khuyên dạy, các ông nên gắng sức tu điều lành.

23. Kinh Vô Lượng Thọ: Nhiều chúng Bồ-tát Vãng sinh Tịnh độ

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật rằng: Ở thế giới này có bao nhiêu Bồ-tát không lui sụt vãng sinh Cực lạc? Phật bảo ngài Di-lặc rằng: Ở thế giới này có sáu mươi bảy ức Bồ-tát không lui sụt vãng sinh cõi nước ấy. Mỗi Bồ-tát đã từng cúng dường vô số các Đức Phật thứ tự như Di-lặc. Các Bồ-tát tiểu hạnh và những người tu tập ít công đức sinh về đó thì đông không kể hết. Lại chẳng phải chỉ các Bồ-tát ở cõi ta vãng sinh mà ở các cõi Phật phương khác như cõi Phật Viễn Chiếu có một trăm tám mươi ức Bồ-tát đã vãng sinh cho đến không chỉ mười bốn cõi Phật có các Bồ-tát vãng sinh, mà ở thế giới mười phương có vô lượng cõi Phật, người vãng sinh đông vô số. Nếu kể đủ một kiếp cũng không hết được. Nay chỉ nói sơ lược.

24. Kinh Vô Lượng Thọ: Khi Pháp diệt, lưu lại kinh này một trăm năm để độ người.

Nếu có người nghe kinh này thì đối với Đạo Vô thượng sẽ không lui sụt. Thế nên phải chuyên tâm nói và làm. Ta nói kinh pháp này khiến thấy Phật Vô Lượng Thọ và cõi nước của ngài. Nếu ai có thắc mắc gì nên thưa hỏi, không được, sau khi ta diệt độ rồi lại sinh nghi ngờ. Ở đời vị lai khi các kinh sách đã diệt hết rồi thì ta thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này trong một trăm năm, để có chúng sinh nào gặp kinh này thì tùy ý cầu nguyện sẽ đều được độ. Trong đó nếu có người không tin việc đọc tụng, xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà lại chê bai, hủy báng thì trong năm kiếp bị đọa địa ngục chịu đủ các khổ.

25. Kinh Vô Lượng Thọ: Khuyên mọi người tinh tấn gắng sức cầu sinh.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc rằng: Các trời, người ở cõi nước Phật Vô Lượng Thọ rất vi diệu, an vui thanh tịnh. Người ở cõi này sao không cố gắng làm lành, niệm đạo tự nhiên, không đắm trước trên dưới, thông đạt không bờ mé. Ai nấy đều nên tinh tấn gắng sức tự cầu thì sẽ được vượt lên mà vãng sinh nước An lạc, dứt hết năm đường ác, nẻo ác tự nhiên đóng bít. Đạo rất dễ đến mà không có người. Nước ấy chẳng có trái nghịch, đến được tự nhiên. Sao không bỏ việc đời mà siêng năng cầu Đạo đức; có thể được thì sống rất lâu, vui vẻ vô cùng cực.

26. Kinh Vô Lượng Thọ: Phật Vô lượng Thọ ánh sáng chiếu khắp

Phật bảo A-nan: Phật Vô Lượng Thọ có ánh sáng oai thần cao quý bậc nhất. Ánh sáng của các Đức Phật khác đều không sánh bằng. Có Phật ánh sáng chiếu trăm cõi Phật, hoặc chiếu ngàn thế giới Phật. Nói tóm lại là chiếu về phương Đông hằng hà sa cõi Phật. Các phương Nam, Tây, Bắc và bốn góc, trên, dưới, cũng giống như thế. Hoặc có ánh sáng Phật chiếu xa bảy thước, hoặc chiếu xa một do-tuần, hoặc gấp bội như thế cho đến chiếu xa cả một cõi Phật. Thế nên, Phật Vô Lượng Thọ còn gọi là Phật Vô Lượng Quang, Phật Vô Biên Quang, Phật Vô Ngại Quang... Nếu chúng sinh nào gặp được ánh sáng này thì ba cấu tiêu trừ, thân ý nhu hòa vui vẻ, thiện tâm sinh lớn. Nếu ở trong ba đường dữ mà thấy ánh sáng này thì không bị các khổ não, chết rồi đều được giải thoát.

27. Kinh Vô Lượng Thọ: Bát báu ăn uống tự nhiên đầy đủ.

Ở cõi nước Phật ấy, những người vãng sinh nơi ở, cung điện, y phục, đồ dùng quý báu đều tự nhiên hiện ra, như các bát vàng, bạc, lưu ly... tùy ý hiện ra, đủ cả trăm vị ăn uống tự nhiên đầy đủ. Tuy có ăn mà như không ăn, chỉ thấy sắc nghe hương, ý cho là ăn, tự nhiên no đủ. Thân tâm nhu hòa không hề mê đắm. Việc ăn uống xong liền biến mất đến giờ khắc thì hiện ra. Kinh Bình Đẳng Giác và kinh Đại A-di-đà đều nói Phật A-di-đà, Bồ-tát, A-la-hán đều tự nhiên có bát bảy báu, trong bát đủ cả trăm vị, thức ăn ở thế gian hoặc trên trời và cả tám phương trên, dưới, thức ăn tinh vi, hương vị không gì sánh được, tự nhiên hóa sinh. Muốn ăn liền có không nhiều không ít, cũng chẳng nói ngon dở, ăn xong liền biến mất, sạch sẽ thanh tịnh, không đắm nhiễm việc ăn uống, vì chỉ dùng làm khí lực mà thôi. Luận Vãng Sinh nói: Ưa thích vị Phật pháp, Thiền Tam-muội làm thức ăn.

An dưỡng Ký chép: Trước nói thật không có ăn uống. kế hai kinh cho là dùng làm khí lực nên ăn. Y cứ theo cõi Dục thì chưa bỏ cách ăn từng phần (đoàn thực), nên cần phải ăn. Theo ngài Mãn Nguyện tử thành Phật có thức ăn bằng Pháp hỷ, Thiền duyệt thì không tưởng thức ăn khác, vậy ở Tịnh độ cũng không thật có ăn. Nên biết ở cõi ấy trăm vị và bốn thứ vi diệu đều tùy ý mà có đủ, ăn và không ăn cũng là một, cách nói của hai kinh tùy lúc mà hiểu.

28. Kinh Hoa Nghiêm: So sánh sự dài ngắn của ngày đêm ở hai cõi

Trong phẩm Thọ Lượng, Bồ-tát Tâm Vương nói: Một kiếp ở cõi

Phật Thích-ca thuộc thế giới Ta-bà này bằng một ngày một đêm ở Cực lạc Thế giới cõi Phật A-di-đà. Một kiếp ở thế giới Cực lạc bằng một ngày một đêm ở cõi Phật Kim Cang Kiên thuộc thế giới Ca-sa Tràng. Lần lượt như thế qua trăm muôn A-tăng-kỳ thế giới thì một kiếp ở thế giới sau cũng bằng một ngày một đêm ở thế giới Thắng liên hoa thuộc cõi Phật Hiền Thắng. Lại kinh A-di-đà nói cõi Phật ấy sáu thời trong một ngày đêm.

Trong Di-đà Thông Tán, ngài Từ Ân nói: Tịnh độ ngày đêm đều có sáu thời.

Hỏi: Người ở Tịnh độ dứt bặt vô minh, cõi nước ấy không có sáng tối, sao lại nói có ngày đêm?

Đáp: Hoa nở ao vàng hóa sinh là trời sáng. Chim ngủ rừng ngọc, Bồ-tát khởi tưởng là đêm. Tráp Xuyên tân sớ chép: Phải biết sáu thời là ngày ba, đêm ba. Chúng sinh nước ấy thân có ánh sáng, không có núi Tu-di nên không có mặt trời mọc lặn mà chia ngày đêm. Như Thích Thiêm nói các vị trời lấy hoa nở hoa khép mà biểu thị ngày đêm, thì thuyết của Từ Ân có lẽ đúng. Kinh này mượn giờ khắc ở cõi này mà chia thời gian. Như việc kinh Hoa Nghiêm nói Tây phương có sáu thời thì không thể dùng thời gian giờ Dần, giờ Mẹo mà tính thời gian dài ngắn. Có chỗ chẳng theo thuyết của ngài Từ Ân vì không có chứng cứ. Nên tôi xem kinh Bi Hoa nói về thế giới của Tôn Phật Liên Hoa rằng: Phật ấy thường có ánh sáng, lấy hoa khép chim đậu Bồ-tát vào định thì biết là đêm. Nếu gió thổi, hoa bay, chim hót Bồ-tát xuất định thì biết là ngày.

29. Kinh Văn-thù Thuyết Bát-nhã: Tu Nhất hạnh Tam-muội chuyên xưng danh hiệu Phật.

Ngài Văn-thù nói: Vì sao gọi là Nhất hạnh Tam-muội? Phật nói Pháp giới nhất tướng hệ duyên với Pháp giới đó gọi là Nhất hạnh Tam-muội. Muốn vào Nhất hạnh Tam-muội phải ở chỗ vắng vẻ bỏ các loạn ý, chẳng chấp hình tướng nào, giữ tâm vào một Đức Phật, chuyên xưng niệm danh hiệu. Tùy theo chỗ Phật mà ngồi thẳng hướng về, niệm niệm nối nhau. Tức là trong một niệm thấy đủ các Đức Phật quá khứ, hiện tại.

Vì sao? Vì công đức niệm một Đức Phật cũng bằng công đức niệm các Đức Phật, không khác nhau, đều thành Nhứt như, thành tối Chánh giác.

Thiên Thai Chỉ Quán nói: Thường tọa Tam-muội xuất xứ từ kinh Văn-thù Thuyết Văn-thù Vấn, gọi là Nhất hạnh Tam-muội lấy chín

mươi ngày làm một hạn kỳ, ngồi kiết già hướng về một Phật trong thời gian nối nhau. Nếu ngồi lâu mỏi mệt hoặc bị bệnh tật gây khốn, hoặc buồn ngủ, nội ngoại chướng xâm phạm... thì phải chuyên niệm một danh hiệu Phật mà hổ thẹn, sám hối, thân mạng tự quy với công đức chánh đẳng của danh hiệu các Đức Phật mười phương. Phụ hành thích rằng: Tùy theo chỗ một Đức Phật là theo phương hướng của Phật ấy là hướng Tây. Nếu chỉ rõ Phương hướng của Đức Phật ấy, thì tùy kinh không hạn cục, nhưng khiến hướng Tây mà chuyên xưng niệm một danh hiệu Phật vì các phần Giáo nhiều đều khen Phật A-di-đà, nên lấy phương Tây làm chuẩn, cùng các Đức Phật mười phương mà giải nghi, e có người nghi vì sao chỉ khen niệm Phật Di-đà, cho nên giải thích là vì công đức đồng nhau.

30. Kinh Ban-chu: Tu Tam-muội Phật lập chuyên niệm Di-đà

Phật nói: Vì sao các Đức Phật hiện tại đều trước hết lập ra Tam-muội? Vì có bốn chúng giữ giới cùng ở riêng một chỗ chú tâm niệm Phật A-di-đà Tây phương. Hiện cách đây ngàn ức muôn cõi Phật, nước ấy tên là Tu-ma-đề, ở giữa chúng Bồ-tát mà nói kinh tất cả thường niệm Đức Phật ấy. Ví như trong mộng thấy thân thuộc Kim Bảo cùng vui đùa, thức dậy liền nói: Nếu ai niệm Phật ấy một ngày đêm hoặc qua bảy ngày đêm thì Phật A-di-đà khi thức không thấy chỉ thấy trong mộng. Khi tâm niệm Phật thì cõi nước của các Đức Phật, chỗ núi Tu-di to lớn sâu kín tối tăm đều mở toang ra. Không cần thần túc mà vẫn đến được cõi Phật ở nay, ngồi thấy Phật ấy, nghe kinh Đức Phật ấy nói. Ví như nước Xá-vệ có ba dâm nữ. Lúc ấy, ở nước La-duyệt có ba người nam, vốn không hề nghe thấy việc dâm, ý liền vọng động mộng thấy cùng ba nàng đến lầu ngủ đêm mà giao tình. Rõ ràng là do niệm, nên thấy Phật, sinh thường niệm thân Phật có ba mươi hai tướng tốt, đoan chánh không ai sánh được. Nhờ niệm Phật mà được Không Tam-muội: Lại như trong mộng thấy ăn thức ăn ngon, thức dậy thì bụng đói. Tự nghĩ tất cả đều là mộng. Phật ở trong Tam-muội có lập ba việc là giữ gìn năng lực oai thần của Phật, giữ gìn năng lực Tam-muội của Phật, giữ gìn năng lực của bổn công đức. Vì giữ gìn ba thứ này nên được thấy Phật, nghĩ rằng Phật từ đâu đến rồi đi về đâu? Tự nghĩ Phật không đến đây ta cũng không đến đó. Ta niệm Phật tức là thấy tâm làm Phật, Tâm tự thấy tâm là tâm Phật, là Hằng-tát-a-kiệt, tâm là thân ta, tâm thấy tâm Phật chẳng biết tâm, tâm không tự thấy tâm. Tâm có tưởng là si, tâm vô tưởng là Nê-hoàn, là pháp không đáng ưa thích, đều nhớ việc đã làm, dù cho niệm là trống không. Lại có bốn việc mau được Tam-muội. Một

là không được có tư tưởng thế gian, như cái búng móng tay trong ba tháng, hai là không được nằm ngoài ba tháng, như cái búng ngón tay, ba là đi kinh hành không được ngưng nghỉ, không được ngồi ba tháng, trừ khi ăn uống trước sau, bốn là nói kinh cho người nghe không được trông mong y phục ăn uống. Năng lực oai thần của Phật trong Tam-muội mà lập ra, nhìn về hướng Đông có trăm ngàn Phật, trăm muôn Phật, trăm ức Phật. Như thế mười phương đều thấy các Đức Phật.

Chỉ Quán nói: Tam-muội thường hành xuất xứ từ kinh Ban-chu. Ban-chu dịch là Phật lập. Phật lập có ba nghĩa (như kinh). Nếu Tam-muội này thành thì có thể ở trong Định mà thấy các Đức Phật hiện ra trước mắt. Tam-muội này có ba: Một là thân khai già. Thân khai thì thường hành tránh ác tri thức, thường ở riêng một chỗ, thường đi khất thực, không nhận lời thỉnh riêng, luôn trang hoàng đạo tràng. Tắm rửa thân thể, thay đổi y phục. Chỉ trong vòng chín mươi ngày làm hạn định. Cần thệ nguyện dẫu gân xương khô mục thì việc học Tam-muội này vẫn không ngưng nghỉ, hai là miệng nói nín: Trong chín mươi ngày miệng thường xướng danh hiệu Phật A-di-đà không ngưng nghỉ. Chín mươi ngày tâm thường niệm Phật A-di-đà không ngưng nghỉ, hoặc trước xướng sau niệm nối nhau mãi không ngưng nghỉ. Lúc đó, nếu xướng danh hiệu Phật A-di-đà tức là xướng danh hiệu Các Đức Phật mười phương, công đức đều bằng nhau. Nếu chỉ chuyên niệm Di-đà làm Pháp môn thì nói vắn tắt là từng bước, từng tiếng, từng niệm chỉ là Phật A-di-đà. Ba là Ý chỉ quán. Trong ba tháng thường niệm Phật A-di-đà, tưởng ba mươi hai tướng tốt, từ tướng bánh xe ngàn căm dưới lòng bàn chân tưởng ngược lên cho đến tướng Vô kiến đảnh, rồi từ đảnh quán tưởng ngược xuống lòng bàn chân khiến cho tưởng rành các tướng ấy. Lại nghĩ ta từ tâm mà được Phật, từ thân mà được Phật. Phật chẳng dùng tâm mà được, cũng chẳng dùng thân mà được. Chẳng dùng tâm mà được sắc Phật, chẳng dùng sắc mà được tâm Phật. Bậc trí giả hiểu rõ vốn không bị hư hoại, vốn tuyệt bặt ngọn ngành (không). Như trong mộng thấy bảy báu, thức rồi thì không biết nó ở đâu. Cũng như dâm nữ đêm nằm mộng thấy hành dâm thức rồi thì nhớ lại không đến không đi, việc vui rõ ràng. Lại như nằm mộng thấy ăn thức ngon, thức rồi thì bụng đói. Tự nghĩ tất cả các pháp đều như mộng, gọi đó là như tướng niệm (giả). Tự nghĩ Phật không từ đâu đến, ta cũng không đến đâu. Ta niệm tức thấy tâm làm Phật. Tâm tự thấy Tâm, tâm thấy Phật tâm là tâm Phật, tâm ta thấy Phật, tâm chẳng tự biết tâm, tâm chẳng tự thấy tâm. Tâm có tưởng là si tâm, không tưởng là Nê-hoàn, là pháp không thể chỉ bày, đều do niệm

làm ra. Nếu có niệm cũng rõ ràng không thật có (Trung). Nếu người muốn được trí tuệ, như biển lớn, ngồi ở đó mà không vận thần thông đều thấy các Đức Phật đang tu Tam-muội ấy. Tam-muội ấy là bậc nhất trong các công đức. Tam-muội này là cha mẹ của Đức Phật. Tất cả Như Lai đều từ pháp ấy sinh ra. Phụ Hành giải thích rằng: Ý trong Chỉ Quán, trước tưởng ba mươi hai tướng tốt làm cảnh để quán. Lại nghĩ nay ta trong cảnh sáng rõ mà tu ba quán. Trong các câu ta niệm, chữ Phật thì một là tụ tâm Tam-muội được thấy Phật, hai là Tây phương từ nhân cảm quả. Phật nay có hai nghĩa, cùng thuộc một cảnh là thuận lý. Từ nghĩa đầu mà giải thích, Tam-muội đã thành thì hễ niệm liền thấy. Thấy tâm tánh ấy gọi là tâm làm Phật. Phật đã do tâm làm, cho nên khi thấy Phật thì gọi là thấy tự tâm. Nếu thấy tự tâm tức liền thấy tâm Phật. Vì tâm Phật ấy là tâm ta. Cho nên ý trong đây chỉ quán tự tâm và việc thấy Phật không ngoài pháp tánh. Cho nên thấy tâm Phật tức là thấy tâm mình. Tâm mình, tâm Phật tức là Trung đạo. Tứ Minh Dung Tâm giải thích rằng: Chỉ Quán phán văn Ban-chu rằng tâm và Phật không thể đều là Không. Việc mộng rõ ràng là giả, tâm chẳng thấy Tâm là Trung. Nói thì ba trướng rõ ràng, tu thì một niệm đầy đủ.

31. Kinh Phương Đẳng Đại Tập: Tu Tam-muội Phật Lập,

- Pháp quán Trung Đạo.

Phật bảo ngài Hiền Hộ: Nếu muốn thành tựu Tam-muội của các Đức Phật hiện tiền thì hễ lúc nào niệm liền thấy Như Lai. Như lấy dầu trong, nước sạch, thủy tinh, gương sáng, dùng bốn vật này mà quán hình tượng, thiện, ác, tốt, xấu ảnh hiện rõ ràng, mà các hình tượng ấy không từ bốn vật ra, cũng không phải chỗ khác đến, chẳng phải tự nhiên có, chẳng phải do người làm. Nên biết hình tượng ấy không từ đâu đến, không đi về đâu, không sinh không diệt, không có chỗ ở. Bồ-tát cũng giống như thế. Liền lại suy nghĩ nay Phật này từ đâu đến còn thân ta thì từ đâu ra. Xem Như Lai kia rốt không có chỗ đến, không có chỗ đi. Thân ta cũng giống như thế, vốn không có chỗ đi há có chỗ về. Lại suy nghĩ như thế, nay đây ba cõi chỉ do tâm mà có, vì sao? Vì tùy theo tâm niệm lại tự thấy tâm. Nay ta từ tâm thấy Phật, tâm ta là Phật, tâm ta làm Phật, tâm ta là Như Lai, Tâm ta là thân ta, tâm ta thấy Phật, tâm không biết tâm, tâm không thấy tâm. Tâm có tưởng niệm thì thành tâm sinh tử, tâm vô tưởng niệm liền là Niết-bàn. Chỗ suy nghĩ đã mất, năng tưởng cũng không. Nên biết Bồ-tát nhờ Tam-muội này mà chứng Đại Bồ-đề.

Kinh này và kinh Ban-chu ở trước cùng bản Phạm nhưng khác tên người dịch. Trong đây nói về pháp quán trung đạo văn rất sáng rõ nên

ở đây chép lại.

32. Kinh Hoa Nghiêm: Trưởng giả Giải Thoát được pháp môn Duy tâm niệm Phật.

Ông Trưởng giả nói: Này người thiện nam! Nếu ta muốn thấy thế giới An lạc của Như Lai Vô Lượng Thọ thì tùy ý liền thấy. Cũng như thế ở mười phương tất cả các thế giới nào có Như Lai, nếu ta muốn thấy thì tùy ý liền thấy. Ta có thể thấy rõ tất cả cõi nước của các Như Lai trang nghiêm thần thông... Các việc không từ đâu lại cũng không đi về đâu, không đi không ở. Vậy các Như Lai ấy không lại đây mà ta cũng không đến đó. Nên biết tất cả Phật và tâm ta đều như mộng. Cho nên biết việc thấy trong mộng từ phân biệt mà sinh ra thấy, tất cả Phật đều từ tâm khởi lên. Lại biết tâm mình như nước ở trong bình, ngộ giải các pháp như bóng in đáy nước. Lại biết tâm mình cũng như ảo thuật. Biết tất cả Phật như ảo thuật tạo ra. Lại biết tâm mình cùng các Đức Phật, Bồ-tát đều như âm thanh vang. Ví như hang trống tùy tiếng mà có tiếng vang, mà hiểu rõ tâm mình tùy niệm thấy Phật. Ta như thế mà biết, mà nghĩ nhớ, thấy các Đức Phật đều do tâm mình.

Trong Trinh Nguyên sớ, ngài Thanh Lương nói: Không từ đâu đến... là luận về Duy tâm, tức tâm, vô tâm liền vào Chân như, hiểu rõ tướng luống dối chỉ do tâm hiện. Vì ta tức là duy tâm vắng lặng, mà đã rõ nó tức là diệu dụng của thể, năng niệm, sở niệm đâu có tương can với động tịnh, đã rõ duy tâm, rõ tâm là Phật nên hễ niệm đều là Phật. Huống là chí chẳng bị quấy nhiễu, chuyên tinh tu tập, Phật sẽ ắt thành. Sao không thấy sau đây nêu bốn dụ, hiển bày chung về duy tâm. Dụ cho không tới lui dụ riêng gồm nói chẳng ra vào, bốn dụ đều có bốn quán:

1. Chính là duy tâm.
2. Vì duy tâm nên không.
3. Vì duy tâm nên giả.
4. Vì duy tâm nên trung.

Dung nhau mà không ngại tức là ý của kinh Hoa Nghiêm: Mộng dụ cho chẳng tới chẳng lui, ảnh (hình bóng) dụ cho chẳng ra chẳng vào, Huyễn dụ cho chẳng phải có chẳng phải không. Tiếng vang dụ cho chẳng phải hợp chẳng phải tan, ba quán cùng xua đuổi, lấy tánh dung tướng thì nhập vào lớp lớp, cảnh giới niệm Phật đễ thấy được Đức Vân.

33. Kinh Hoa Nghiêm: Nương vào Nguyện Phổ Hiền được sinh Cực lạc

Trong phẩm Hạnh Nguyện, Bồ-tát Phổ Hiền ở cuối hội tại rừng

Thệ-đa phát mười đại nguyện vương. Trong mỗi nguyện đều nói: Cõi hư không hết, cõi chúng sinh hết, mà đại nguyện này của tôi không cùng tận. Người ấy khi sắp qua đời, ở sát-na sau cùng, tất cả các căn đều không còn tác dụng, tất cả oai thế đều tan mất, các quan lớn, đại thần, cung điện trong ngoài, voi ngựa xe cộ, kho tàng châu báu không đem theo được. Chỉ có nguyện vương này thì không lìa xa, trong mọi lúc đều dẫn trước, trong một sát-na liền được vãng sinh về thế giới Cực lạc. Đến rồi liền thấy Phật A-di-đà. Người này tự thấy sinh trong hoa sen được Phật thọ ký. Được thọ ký rồi, trải qua vô số kiếp ở số thế giới khắp mười phương nhiều không thể nói, dùng năng lực trí tuệ tùy tâm chúng sinh mà làm lợi ích. Cho đến ở trong biển lớn phiền não mà cứu giúp chúng sinh, đưa họ ra khỏi đó mà đều được vãng sinh thế giới Cực lạc. Lại kệ dưới có nói: Nguyện con khi sắp qua đời diệt trừ hết cả các chướng ngại, được thấy Phật A-di-đà liền được vãng sinh cõi An lạc. Khi con đã sinh nước ấy rồi, hiện tiền thành tựu nguyện lớn này, tất cả dứt hết không còn sót, lợi lạc tất cả các chúng sinh.

Trinh Nguyên sớ hỏi: Chẳng cầu sinh Hoa Tạng lại cầu sinh Cực lạc là sao?

Đáp: Có bốn ý:

1. Người có duyên.
2. Muốn khiến chúng sinh cùng về một chỗ.
3. Vì chẳng lìa Hoa Tạng.
4. Vì Bổn sư.

Hạnh Nguyện Sao nói:

1. Về người có duyên, vì Phật Di-đà có nguyện riêng dắt người ở cõi Ta-bà.

2. Cùng về một chỗ, vì nếu nghe mười phương đều nhiệm mầu, kia đây cùng dung thông thì người mới phát tâm thấy mênh mông, không biết nương vào đâu, nên phương tiện nêu ra.

3. Không lìa Hoa Tạng, vì Cực lạc cách đây chỉ mười muôn ức cõi Phật. Trong Hoa Tạng có bao nhiêu cõi Phật đều là số bụi nhỏ nên không lìa Hoa Tạng.

4. Tức là Bổn sư. Như kinh thứ ba mươi chín nói: Hoặc thấy Phật Vô Lượng Thọ, Quán Tự Tại... cùng vây quanh. Sớ phán rằng: Khen đức của Bổn tôn Giá-na. Sớ lại nói cõi nước Hoa Tạng nhiều như số giọt nước biển đều là cảnh Giá-na. Vô Lượng Thọ Phật, cách đây mười muôn ức cõi cũng chưa ra khỏi sát chủng, há chẳng phải là Bổn sư tùy tên mà giáo hóa khác.

Pháp sư Đạo Thuần nói: Hỏi Phổ Hiền Hạnh Nguyện là phần lưu thông Hoa Nghiêm vì sao ở trong biển thế giới lại riêng chỉ thế giới Cực lạc. Đã tin hiểu Viên tông thì các cõi Phật mười phương đều có thể vãng sinh, kết hẹn về Tây phương ắt có ý sâu?

Đáp: Ngài Phổ Hiền vì Thiện Tài hải chúng mà nói nguyện vương xong đã kết quy Tây phương. Bởi người tin hiểu Viên tông, vào trí Văn-thù mà tu hạnh Phổ Hiền, thì phước, tuệ, sự, lý đều xứng với pháp giới. Người có đại tâm này tuy diệu ngộ Bổn minh, đốn đồng với các Thánh, nhưng còn lực dụng chưa đầy đủ, chưa bằng Như Lai khi xuất hiện khắp lợi ích chúng sinh. Do đó mà phải tạm nương Tịnh độ, gần gũi Di-đà hải chúng, thẳng đến thành Phật. Nên kinh nói: Đích thân thấy Như Lai Vô Lượng Quang, hiện tiền thọ ký con quả Bồ-đề. Được Như Lai thọ ký rồi liền hóa ra vô số thân hằng trăm câu-chi, trí lực rộng lớn khắp mười phương, lội lạc khắp tất cả cõi chúng sinh. Tức là ý này vậy.

34. Kinh Pháp Hoa: Nghe kinh tu hành liền vãng sinh thế giới An lạc.

Phật nói nếu có người nữ nghe kinh điển này đúng như lời nói mà tu hành, thì khi qua đời liền sinh về thế giới An lạc. Phật A-di-đà và các Đại Bồ-tát vây quanh, người ấy được sinh trong hoa sen ngồi trên tòa báu, không còn bị tham dục quấy nhiễu, cũng không bị tức giận ngu si, kiêu mạn, ganh ghét và các cấu làm phiền não nữa. Được thần thông Vô sinh pháp nhẫn của Bồ-tát.

Trong Pháp Hoa ký, ngài Kinh Khê nói: Nếu có người nữ... Trong đây chỉ nói: nghe kinh điển ấy, đúng lời nói tu hành tức là nhân Tịnh độ, không cần nêu kinh Quán... nữa.

Hỏi: Tu hành như thế nào?

Đáp: Đã nói đúng theo lời nói mà tu hành tức là y kinh mà lập hạnh, đầy đủ như trong phẩm Phân Biệt Công Đức mà quán thẳng bốn cõi này đầy đủ. Cho nên thân Phật đây tức là cả ba thân, đại chúng này là tất cả đại chúng. Vì hoặc chưa dứt hết cho nên An lạc hạnh là khí phần của hạnh Đồng cư Tịnh độ, không lìa Đồng cư uế mà vẫn thấy Đồng cư tịnh.

Hỏi: Đồng cư có nhiều loại sao chỉ nói Cực lạc?

Đáp: Do giáo thuyết nhiều, do trình độ của người, vì nhiếp sinh, vì khiến chuyên chú, vì duyên trước sâu dày... nên có nhiều phần.

35. Kinh Đại Bảo Tích: Phát mười thứ tâm được sinh Cực lạc

Ngài Di-lặc bạch Phật rằng: Như Phật đã nói về Phật A-di-đà ở Thế giới Cực lạc có công đức lợi ích... Nếu có chúng sinh nào phát mười

thứ tâm, tùy theo từng tâm một mà chuyên hướng về Phật thì người ấy khi qua đời sẽ được vãng sinh. Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là mười thứ tâm. Phật bảo ngài Di-lặc rằng: Mười tâm ấy, hàng phàm ngu bất thiện, hạng trượng phu còn nhiều phiền não không thể phát được.

Mười tâm ấy là:

1. Đối với các chúng sinh khởi tâm đại Từ, không làm tổn hại.

2. Đối với chúng sinh khởi tâm đại Bi, không có khổ não.

3. Tâm đối với Chánh pháp của Phật không tiếc thân mạng, có tâm ưa thích giữ gìn.

4. Đối với tất cả các pháp khởi tâm thắng nhẫn không chấp đắm.

5. Tâm không ham lợi dưỡng luôn cung kính tôn trọng và ưa thích sự thanh tịnh.

6. Cầu hạt giống trí của Phật trong mọi lúc không quên mất.

7. Đối với các chúng sinh luôn khởi tâm cung kính tôn trọng không coi thường.

8. Không ham luận đời, đối với Bồ-đề sinh tâm quyết định.

9. Khởi tâm thanh tịnh trồng các gốc lành không có tạp nhiễm.

10. Khởi tâm tùy niệm, đối với các Như Lai lìa bỏ các tướng, khởi niệm tùy thuận.

Đó gọi là Bồ-tát phát mười thứ tâm. Nhờ các tâm ấy mà được vãng sinh. Nếu người nào đối với các tâm này mà có bất cứ một tâm nào, ưa thích vãng sinh về thế giới Phật ấy nếu chẳng được sinh thì không có lý ấy.

36. Kinh Tùy Nguyện Vãng Sinh: Ta-bà vẩn đục, riêng khen Tây phương.

Bồ-tát Phổ Quảng bạch Phật rằng: Vì sao trong kinh chỉ khen ngợi cõi Phật A-di-đà lầu các, cung điện, cây rừng đều toàn bảy báu. Các người nguyện sinh đều tùy ý muốn theo niệm mà sinh về. Phật bảo Phổ Quảng rằng: Ông không hiểu ý ta. Người ở cõi Ta-bà có nhiều tham đắm. Kẻ tin tưởng hướng về thì ít mà kẻ quen muốn thói tà thì nhiều, không tin Chánh pháp, chẳng thể chuyên nhất. Khiến các chúng sinh chuyên tâm vào đó, nên chỉ khen ngợi cõi nước Phật ấy. Các người vãng sinh đều tùy nguyện của họ mà đều chứng quả.

37. Kinh Đại Tập Nhật Tạng: Niệm Phật tùy tâm thấy có lớn nhỏ

Phật nói: Muốn sinh cõi Phật thanh tịnh không có chướng ngại thì chúng sinh này phải tắm gội sạch sẽ, áo quần sạch sẽ, ăn chay trường không ăn đồ tanh nồng, ở chỗ yên tịnh vắng lặng ngồi kiết già, hoặc đi kinh hành nghĩ nhớ thân tướng Phật, không có các duyên khác. Hoặc

một ngày đêm, hoặc bảy ngày đêm, dốc lòng niệm Phật, cho đến thấy Phật. Niệm nhỏ thấy nhỏ, niệm lớn thấy lớn, cho đến vô lượng niệm thì thấy Sắc thân Phật vô lượng, vô biên. Thân Phật có ba mươi hai tướng, mỗi tướng vừa niệm vừa quán đều cho rõ ràng. Tùy theo tướng trông thấy mà thấy ánh sáng xanh. Ở trong tướng sáng ấy chuyên tinh buộc ý, tâm không loạn động. Ánh sáng ấy phát ra, vào đảnh của người tu. Lúc ấy, an tâm chớ sợ sệt. Nghĩ ánh sáng xanh này ở trong thân ta đi khắp các nơi, thấy thân cháy sáng rực lên cho đến thành tro, gió thổi biến mất. Khi niệm như thế không có một tướng nào, mười phương đều trống không. Như thế người tu có thể trong một khoảnh khắc liền đến cõi Phật và vô số cõi khác.

Kinh này nói niệm Phật tuy không nhất định chỉ cho Tây phương, nhưng trộm thấy trong phương pháp niệm Phật, ngài Từ Vân sám chủ có dẫn chứng về ý nghĩa niệm Phật lớn nhỏ, nên chép vào đây để nhiều người cùng xem mà biết đầu cuối của kinh.

38. Kinh Mục-liên Sở Vấn: Cõi nước Vô lượng thọ dễ đến, dễ nhiếp lấy.

Phật bảo ngài Mục-liên: Ví như trên sông dài muôn dặm có đám cỏ khô trôi nổi, trước chẳng thấy sau, sau chẳng thấy trước, đều chảy ra biển cả. Thế gian cũng thế. Tuy có kẻ giàu sang vui sướng tự tại nhưng đều không tránh khỏi sinh, già, bệnh, chết. chỉ do không tin kinh Phật đời sau làm người rất khốn khổ, chẳng thể được sinh về cõi nước của ngàn Phật. Thế nên ta nói nước cõi Vô lượng thọ dễ sinh, dễ nhiếp lấy, mà người chẳng thể tu hành vãng sinh, lại thờ chín mươi sáu phái tà đạo. Ta bảo người ấy là người không mắt không tai.

39. Kinh Thập Vãng Sinh: Người niệm Phật được Bồ-tát che chở, giữ gìn.

Phật nói: Nếu có chúng sinh niệm Phật A-di-đà nguyện vãng sinh thì Đức Phật ấy liền sai hai mươi lăm vị Bồ-tát che chở giữ gìn người tu, hoặc đi đứng nằm ngồi, hoặc ngày hay đêm, bất cứ lúc nào và bất cứ nơi nào đều chẳng để ác quỷ ác thần có dịp làm hại.

40. Kinh Quán Phật Tam-muội: Phật thọ ký ngài Văn-thù sẽ vãng sinh Cực lạc

Ngài Văn-thù bạch Phật rằng: con nhớ thuở quá khứ thời Phật Bảo Oai Đức Thượng Vương, có vị Trưởng giả tên là Nhất thiết trí. Trưởng giả có người con tên là Giới Hộ. Khi ở trong thai mẹ vì kính tín nên dự bị vì con mà thọ ba quy y. Khi đứa bé sinh ra mới tám tuổi đã được gặp Phật và đảnh lễ. Vì một lần thấy Phật trừ được tội trong trăm

ngàn muôn ức kiếp sinh tử. Từ đó về sau thường sinh Tịnh độ được trăm ngàn ức pháp môn Tam-muội niệm Phật. Cho nên, nay Đức Thế Tôn lại thọ ký rằng: Văn-thù-sư-lợi! Ông sẽ vãng sinh về thế giới Cực lạc, chứng nhập vào Sơ địa.

41. Kinh Văn-thù Phát Nguyện: Văn-thù phát nguyện cầu sinh Cực lạc.

Nguyện khi tôi qua đời
Diệt hết các chướng ngại
Được thấy A-di-đà
Vãng sinh nước An lạc
Sinh nước Phật ấy rồi
Tròn đủ các nguyện lớn
A-di-đà Như Lai
Hiện tiền thọ ký con
Nghiêm Tịnh Hạnh Phổ Hiền
Đầy đủ nguyện Văn-thù
Đến hết kiếp vị lai
Rốt ráo hạnh Bồ-tát.

42. Kinh Nhập Lăng-già: Phật thọ ký cho ngài Long Thọ vãng sinh Cực lạc.

Đại Tuệ ông nên biết!
Khi Phật Niết-bàn rồi
Đời vị lai sẽ có
Người trì pháp của ta.
Ở nước Nam Thiên trúc
Tỳ-kheo Đại Danh Đức
Có hiệu là Long Thọ
Phá được tông Hữu, Vô
Ở thế gian hiển bày
Pháp Đại thừa Vô thượng
Được Sơ Địa hoan hỷ
Vãng sinh nước An lạc.

Kinh Lăng-già có ba bản, bài kệ này xuất xứ từ quyển bảy, do ngài Thật-xoa-nan-đà dịch, ở hòm chữ Tứ.

43. Kinh Thiện Tín Ma Thân: Thiện Tín nhàm chán thân nữ cầu sinh Tịnh độ.

Khi Phật ở nước Xá-vệ có cô con gái trưởng giả tên là Thiện Tín, trí tuệ rộng sáng, thường có nguyện lớn, không thích đời tục. Tự nghĩ

muôn vật vô thường rồi đều sẽ chết, trời đất cũng hư hoại, huống là thân người. Nghĩ cha mẹ anh em ta không biết tội phước, không thỏa mãn tham dục. Tuổi ta mười lăm đã hứa gả cho người khác anh em nhà ta đã nhận quà biếu vải lụa. Thân ta rồi sẽ gặp các khổ nạn, chẳng bằng ngày nay thanh tịnh, nên phát nguyện cao thượng tìm thấy nơi an ổn vui vẻ mãi để tự vui thú. Bèn nhất tâm đem thân mạng ra thề. Lúc đó, Thiên Đế hiện ra trên hư không bảo Thiện Tín rằng: Nếu muốn sinh về cõi thanh tịnh Tây phương an ổn, thì trước phải hướng về mười phương lễ bái, từ tâm kính ý thì sẽ đạt được như ý. Cô gái rất vui mừng bèn tắm rửa đốt hương hướng về mười phương lễ bái. Trời lại bảo rằng: Ngươi nên đọc bài kệ khen ngợi Phật A-di-đà. Thiện Tín liền y theo lời dạy. Thiên Đế bèn hóa thành một người nam tay cầm vàng ròng nói kệ trêu ghẹo, Thiện Tín đáp bằng bài kệ quở trách lỗi nam nữ. Thiên Đế bèn vòng tay hỏi muốn cầu việc gì mà trong đời không ai bằng, có công đức mênh mông không thể đếm kể như thế? Thiện Tín vui mừng, mặt đất rung chuyển, liền nói kệ quy Phật. Phật liền cùng Đại chúng bay đến nhà ấy. Thiện Tín lễ Phật. Phật liền phát ra ánh sáng mỉm cười trao cho hai mươi bốn giới. Thiện Tín nghe xong liền được Thất Trụ. Rồi ở trước Phật mà hóa thành người nam. Cha mẹ anh em nàng sau đó đều thọ năm giới.

44. Kinh Thủ-lăng-nghiêm: Xem tình tưởng nhiều ít, mà luận về quả báo cao thấp.

Phật bảo A-nan rằng: Tất cả thế gian sinh tử nối nhau. Sinh từ thuận tập, tử từ biến lưu. Khi qua đời chưa bỏ hơi ấm thì cả thiện, ác trong một đời đều hiện ra. Nếu lúc đó thuần tưởng thì liền sinh lên cõi trời. Nếu tâm lúc ấy có phước gồm cả tuệ và tịnh nguyện thì tự nhiên tâm mở sáng sẽ thấy các Đức Phật mười phương, tất cả Tịnh độ đều tùy nguyện vãng sinh. Nếu tình ít tưởng nhiều thì nhẹ nhàng bay đi xa, tức là loài tiên biết bay; tình tưởng bằng nhau thì không bay không rơi, bèn sinh làm người, Tưởng sáng thì thông minh. Tình tối thì đần độn. Nếu tình nhiều tưởng ít thì vào chỗ bàng sinh, nặng thì làm thú, nhẹ thì làm chim. Nếu bảy phần tình ba phần tưởng thì chìm xuống đáy nước, sinh vào vòng lửa chịu thân nóng dữ, làm ngạ quỷ luôn bị thiêu đốt, mà nước luôn hại mình, không ăn không uống, trải suốt trăm nghìn kiếp. Nếu chín tình một tưởng thì rơi vào vòng lửa, nhẹ thì đọa ngục Hữu gián, nặng thì đọa ngục Vô gián. Nếu thuần là tình thì đọa vào ngục A-tỳ. Nếu trong tâm hủy báng Đại thừa, trái phạm giới Phật, lừa dối nói pháp, ham hố lạm dụng của tín thí, khinh khi mọi người, gây ra năm tội

nghịch, mười điều ác thì liền đọa vào ngục A-tỳ ở khắp mười phương.

45. Kinh Thủ Hộ Quốc Giới Chủ: Thiện, ác chiêu cảm quả báo hơn kém khi qua đời.

Phật nói nếu người lúc qua đời dự biết trước mà chánh niệm rõ ràng, tắm gội, thay áo mới nằm kiết tường mà chết. Ánh sáng chiếu thân, thấy tướng tốt của Phật, các điều lành đều hiện thì chắc chắn biết người này vãng sinh Tịnh độ. Nếu người niệm Phật giữ giới không tinh tấn, khi qua đời không có tướng lành, tướng dữ hiện ra, địa phủ không thâu, An dưỡng không nhiếp, như đang ngủ mê. Vì người này tâm Nghi chưa dứt, nên sinh vào Nghi thành suốt năm trăm năm hưởng vui, lại tu Tín Nguyện thì mới về Tịnh độ. Nếu người khởi tâm thương xót Chánh niệm hiện tiền, tâm đối với tiền của, vợ con không mến tiếc, mắt nhìn sắc thanh tịnh, ngước mặt mỉm cười, nghĩ cung trời sẽ đón ta, tai nghe nhạc trời, mắt thấy Thiên đồng, bỏ báo thân này chắc chắn sinh lên cõi trời. Nếu người sống ở đời hòa ái, khởi tâm phước đức, thân không bệnh khổ, nhớ nghĩ cha mẹ vợ con nhưng tâm đối với Thiện, ác không lầm lẫn. Tâm luôn ngay thẳng di chúc gia tài từ biệt ra đi thì chắc chắn sinh vào cõi người. Nếu người đối với vợ chồng con cái mà nhìn bằng ánh mắt dữ dằn, tay quờ quạng, tiểu tiện không biết, thân luôn hôi hám, hai mắt đỏ chạch, ngồi ngây mặt hoặc nằm co quắp bên trái khắp người đau nhức. Hoặc thấy tướng dữ, miệng không nói được chỉ ú ớ, nợ oan hiện ra, tâm thức tán loạn, mê cuồng điên đảo. Khắp mình lạnh giá, tay nắm chặt cứng, thân cứng như đá. Người này qua đời chắc chắn đọa vào địa ngục, Nếu người ưa liếm mép, thân nóng như lửa luôn lo sợ đói khát, thích nói chuyện ăn uống, miệng không khép kín, ham tiếc tiền của, mạng chết khó khăn, nhìn trừng trừng mà mất. Người này chắc chắn đọa vào ngạ quỷ. Nếu bị bệnh nặng như ở giữa mù sương, tâm thần hôn tán, sợ nghe danh hiệu Phật, thích ăn uống cá thịt, không nghe lời khuyên bảo, mến tiếc vợ con, tay chân co quắp, khắp mình mồ hôi rít rắm, tiếng nói phều phào. Tướng ấy hiện ra thì người này chắc chắn đọa vào súc sinh.

IV. Nói Về Các Thần Chú

1. Vô Lượng Thọ tu Quán hạnh cúng dường nghi quỹ.

(Xuất xứ từ Đại tạng, hòm chữ Hành).

Bấy giờ Bồ-tát Kim Cang Thủ ở trong Đại Tập Hội Tỳ-lô-giá-na bạch Phật rằng: Con sẽ vì chúng sinh đời sau ở trong thế giới tạp nhiễm, ác thú mà nói Vô Lượng Thọ Đà-la-ni, tu pháp môn Tam Mật, chứng

Tam-muội niệm Phật mà được sinh Tịnh độ, vào giai vị Bồ-tát. Không thể lấy phương tiện chút ít phước đức, vô tuệ mà được sinh về nước ấy. Y theo giáo pháp này thì chắc chắn được sinh Thượng phẩm Sơ địa.

Trước hết phải vào Mạn-trà-la được Quán đảnh, rồi sau đó mới theo thầy mà thọ nghi quỹ này. Phải ở chỗ đất cao tốt, quét dọn sạch sẽ tịnh thất, lập đàn vuông, phía trên treo lọng báu chung quanh treo phướn. Trên đàn phân bố tám Mạn-trà-la, mài hương bạch đàn thoa lên chỗ Phật. Ở phía Tây đàn bày tượng Phật Vô Lượng Thọ. Người trì tụng đứng ở phương Đông, quay mặt về hướng Tây, ngồi trước tượng. Người tu mỗi ngày tắm gội sạch sẽ lên đàn ba lần rải các thứ hoa, đặt hai chén báu đựng đầy nước thơm ở trên đàn. Bốn góc đàn chưng bốn bình hoa, hương hoa và thức ăn uống tùy sức, mỗi thứ gia trì đều ân cần cúng dường. Người tu quan sát tất cả hữu tình có bổn tánh thanh tịnh nhưng bị các khách trần che lấp nên chẳng ngộ chân lý. Thế nên nói Tam Mật gia trì này có công năng giúp mình người đều thanh tịnh.

Quyển Nghi Phạm trên do Tam tạng Bất Không dịch. Từ văn này lại nêu Tịnh ba nghiệp và lễ khắp pháp giới, lập tòa quán tưởng và kiết ấn tụng chú, gồm hai mươi bốn chương, đều rất khẩn thiết nguyện y pháp vân làm. Nay trong đây ghi chép những điều đơn giản có thể thực hành được, gồm ba chương giúp nhiều về Tịnh nghiệp.

2. Vô Lượng Thọ Như Lai quyền ấn chân ngôn.

Kế là kiết ấn Như Lai Quyền, bốn ngón tay trái nắm lại thành quyền duỗi ngón cái ra. Lấy tay phải làm nắm Kim cương nắm ngón tay trái lại, liền thành ấn này. Dùng quyền ấn này đọc chân ngôn gia trì bảy biến, biến ra thế giới ấy Như Lai quyền chân ngôn như sau: Án Bộ Khiêm. Do kiết ấn này mà oai lực của chân ngôn biến đại thiên thế giới này thành cõi Cực lạc, bảy báu làm đất, nước, chim, cây rừng đều giảng nói Pháp âm, vô lượng trang nghiêm như kinh đã nói. Người tu do tập nhiều định này nên mỗi khi ở trong định đều thấy thế giới Cực lạc của Phật Vô Lượng Thọ, ở trong chúng hội nghe nói Khế kinh. Khi qua đời tâm không tán loạn, Tam-muội hiện tiền, trong chốc lát liền hóa sinh vào hoa sen báu, chứng giai vị Bồ-tát.

3. Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản Ấn Chân Ngôn

Kế là kiết ấn Vô Lượng Thọ Như Lai Căn Bản, hai tay nắm lại chìa bốn ngón giữa như cánh hoa sen - Kết ấn này tụng Vô Lượng Thọ chân ngôn bảy biến. Đặt ấn này trên đỉnh đầu tụng Đà-la-ni rằng: Nẳng-mô la đát nẳng dạ da na mô a rị dã nhị tri bà da đạt tha nghiệt tri dạ ra hát đế tam miệu tam một đà da đát nể dã tha án a mật lật đế a mật

lật đố nạp bà phệ a mật lật đa tam bà phệ a mật lật nghiệt bệ a mật lật đa tất để a mật lật đa đế tế a mật lật đa vĩ ngật lân đế a mật lật đa nga nga nẳng kiết để ca a mật lật đa nộn nổ tỳ ba phược tát phược ra tha bà đà ninh tát phược ma ngật lễ xá khất lệ dựng ca ta-phược-hạ.

Chân ngôn này vừa tụng một biến thì mười điều ác, bốn tội trọng, năm tội Vô gián, tất cả nghiệp chướng nơi thân đều tiêu tan. Nếu các Bí-sô, Bí-sô-ni phạm tội căn bản tụng bảy biến thì tức thời được thanh tịnh. Tụng đủ một muôn biến thì được không quên mất tâm Bồ-đề Tam-muội, tâm Bồ-tát hiển bày, trong thân sạch sẽ sáng suốt như vầng trăng sáng. Khi qua đời sẽ thấy Phật Vô Lượng Thọ cùng đại chúng đến đón rước khuyến tấn, liền sinh về Cực lạc Thượng phẩm thượng sinh.

4. Vô Lượng Thọ Như Lai Tâm Chân Ngôn.

Chú ấy như sau: Án a mật lật đa đế tế hạ ra hồng, chân ngôn này nếu tụng đủ mười muôn biến thì được thấy A-di-đà Như Lai. Khi qua đời chắc chắn quyết định được vãng sinh Cực lạc.

5. Kinh Ô-sắt-nị-sa Tối Thắng Tổng Trì.

(Xuất xứ từ ở Đại tạng, hòm chữ Cao).

Tôi nghe như vầy: Một thuở nọ Phật ngự trong Đại Thiện Pháp đường ở cõi nước Cực lạc. Lúc bấy giờ Đức Như Lai Vô Lượng Thọ bảo ngài Quán Tự Tại rằng: tất cả chúng sinh đều bệnh tật đời sống ngắn ngủi. Có “Nhất thiết Như Lai Ô-sắt-nị-sa tối thắng tổng trì pháp môn”, nếu người nào thọ trì đọc tụng thì mau được không bệnh tật, sống lâu, an vui. Khi ấy Quán Tự Tại thỉnh Phật tuyên nói (chú dài ở đây không chép). Nếu ai viết chép chú này để trong tháp, rộng lớn cúng dường, đi nhiễu quanh ngàn vòng, cung kính lễ bái thì được trí tuệ, nếu tuổi thọ bảy ngày thì kéo dài đến bảy năm, nếu tuổi thọ bảy năm thì kéo dài đến bảy mươi năm, được sống lâu an vui, không có các bệnh tật, được Túc mạng thông.

6. Vô Lượng Thọ Như Lai Tổng Trì Pháp Môn.

Lúc bấy giờ Vô Lượng Thọ Như Lai nhập vào Tam-ma-địa phổ chiếu kiết tường. Khi xuất định, ngài liền nói nhất thiết Như Lai Vô Lượng Thọ tổng trì pháp môn rằng: Án a mật rị đế a mật rị đế a mật rị đổ nại bà phệ a mật rị đa vĩ ngật lan đế a mật rị đa nga di nể a mật rị đa rị na nhĩ nga nga nẳng kế rị đế yết rị tát rị phược kiết lê xá xoa diễn yết rị duệ Ta-phược-ha.

Nếu người dùng pháp môn này mà gia trì, xây tháp Tịnh độ, lại viết tổng trì này mà đặt vào tháp và hương hoa cúng dường thì tuổi thọ kéo dài và tăng trí tuệ. Nếu người ở trước tháp này mà cúng dường lớn

hơn, ngày ngày tụng trì đủ tám trăm biến, phát tâm bình đẳng tự lợi lợi tha. Y pháp thực hành như thế thì tiêu trừ tám nạn. Người này khi qua đời sẽ không đọa vào địa ngục, súc sinh, cõi Diệm-ma-la, như rắn lột da liền sinh Cực lạc, được quả báo lớn, hưởng vui thắng diệu.

7. Bất Không Quyên sách Thần Biến Chân Ngôn kinh Nhất Tự Chân Ngôn

Bồ-tát Quán Thế Âm nói chân ngôn Nhất Tự rằng: Án, chân ngôn như thế là đại Bi Tâm Quán Quán Thế Âm đúng pháp thọ trì. Người khéo tu hành thì có công năng dứt trừ các tội nặng ở quá khứ và hiện tại, tất cả cấu chướng đều tiêu mất. Sẽ được tất cả các Đức Phật, Bồ-tát, trời, tiên, rồng thần đều vui mừng. Khi qua đời sẽ sinh về cõi nước Cực lạc ở Tây phương, trụ ở Cực hỷ Địa, hóa sinh vào hoa sen.

8. Bạc Biến Giải Thoát Tâm chân ngôn.

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Quán Thế Âm ở trước Phật xem kỹ tất cả, nói Bạc Biến Giải Thoát Tâm chân ngôn rằng... bài chú này gồm hai trăm mười hai câu, vì nhiều nên không chép (Ba chú sau đây ở trong kinh có đủ các việc Kết đàn, bắt ấn, lập tượng... gồm một quyển).

Lại, Bạc Biến Giải Thoát Tâm chân ngôn rằng:

Úm một ra kha ma phế lệ đà ra đà ra đà ra địa rị địa rị độ lỗ độ lỗ sai mạn đan nhập phược ra mẫu khư sa phược ha.

Lại, Bạc Biến Giải Thoát Tâm Nhất Tự chân ngôn rằng: Án ác sa phược hạ.

Nếu ai sáu thời càng thêm tinh tấn, đúng pháp trang nghiêm thân mình, y theo pháp trì tụng đủ một Lạc-xoa thì nghiệp ấy thuần thục. Bồ-tát Quán Thế Âm sẽ hiện thân mầu vàng ròng mà diệt tất cả tội căn bản từ vô thỉ. Nếu Bồ-tát không hiện ra thì cần phải càng cố gắng tinh tấn tụng hết hai hoặc ba lạc xoa thì nghiệp ấy thuần thục, Bồ-tát Quán Thế Âm chắc chắn sẽ hiện thân, cầm tay chỉ bày Tây phương Tịnh độ, Phật A-di-đà ngồi trên tòa sư tử trong hoa sen báu, lại được Phật A-di-đà xoa đầu bảo rằng: đồng phước mạng công đức với tất cả Bồ-tát ở cõi ấy. Sau khi bỏ thân mạng này thì sinh về cõi nước An lạc ở Tây phương, hoa sen thượng phẩm, đủ các tướng tốt, có trí Túc mạng, được không lui sụt.

9. Bất không Đại Quán Đảnh Quang chân ngôn.

(Xuất xứ từ kinh ở Bất Không Quyên Sách Thần Biến thứ hai mươi tám, ở hòm chữ Khiết).

Khi ấy, Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai duỗi tay xoa đầu Minh Vương Thanh Tịnh Liên Hoa. Lúc đó, cả đại thiên thế giới rung chuyển sáu cách, ở các phương cõi nước quá khứ, hiện tại, vị lai, tất cả Như

Lai, Tỳ-lô-giá-na Như Lai cùng một lúc đều hiện ra và đồng trao cho Minh Vương Thanh Tịnh Liên Hoa Tam-muội-da quán đảnh. Bấy giờ, tất cả Như Lai, Tỳ-lô-giá-na Như Lai trong ba đời ở khắp mười phương đều duỗi tay xoa đầu Minh Vương Thanh Tịnh Liên Hoa, đồng nói Bất Không Đại Quán Đảnh Quang chân ngôn rằng: Úm chiên mô già phế lổ giả na ma ha mẫu nại ra ma ni bát đầu ma nhập phược ra ba ra mậu đan dã cáp.

Nếu có người ở quá khứ gây ra các tội như mười điều ác, bốn tội nghịch, bốn tội trọng mà được nghe Đại Quán Đảnh Quang Chân Ngôn này hai mươi mốt biến thì được trừ hết tất cả tội chướng. Nếu các chúng sinh gây ra đủ các tội như mười điều ác, năm tội nghịch, bốn tội trọng... nhiều như bụi nhỏ đầy khắp thế giới này khi chết rồi phải đọa vào các đường dữ. Nếu lấy cát mà gia trì chân ngôn này một trăm lẻ tám biến rồi đem cát này vào rừng rải trên thây chết, hoặc hài cốt, hoặc trên mộ, trên tháp thì người chết này nếu đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, Tu-la, súc sinh thì nhờ năng lực gia trì của chân ngôn Nhất Thiết Bất Không Như Lai Tỳ-lô-giá-na Như Lai mà tức thời liền được ánh sáng chiếu đến thân, trừ hết các tội báo, lìa hết các khổ, sẽ sinh về thế giới Cực lạc Tây phương, hóa sinh trong hoa sen, cho đến chứng quả Bồ-đề không còn đọa lạc.

Ông Thích Trí Viên, trụ Viện Phổ Chiếu ở Hải giám, thuộc Tú Châu mẹ bị chết, lấy di cốt để trong cái quách nhỏ, hằng ngày tụng chú Tỳ-lô Quán Đảnh, gia trì rải cát lấp hài cốt khoảng một thước. Một hôm, xương đảnh đầu bỗng nhô lên khỏi mặt đất, lúc đầu cho là chẳng có gì bèn lấp lại như cũ. Sáng hôm sau lại như thế, mọi người đều kinh hãi. Lúc đó Võ Di Công Quyền làm ký nói rõ việc ấy. Luật Sư Đại Trí soạn làm bài tán khen ngợi, vẫn còn ghi trong Chi Viên tập.

10. Chú bạt nhất thiết nghiệp chướng căn bản đắc sinh Tịnh độ.

(Trích trong Di-đà Bất Tư Nghị Thần Lực truyện, hòm chữ Dưỡng).

Thần chú Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sinh Tịnh độ, vào niên hiệu Nguyên Gia, đời Tống, ngài Cầu-na-bạt-đà vâng lệnh vua dịch ra, gồm có năm mươi chín chữ mười lăm câu. Nếu người nào, tụng chú này thì Phật A-di-đà thường ở trên đỉnh đầu ngày đêm che chở người ấy, không bị kẻ thù trả thù, hiện đời luôn được an ổn, khi chết liền được vãng sinh. Bồ-tát Long Thọ nguyện sinh An dưỡng, khi nằm mộng cảm được chú này. Tam tạng Na-xá tụng chú này ở chùa Thiên bình, Pháp sư Tú được Na-xá truyền miệng cho chú này bảo rằng: Kinh

Bản ở nước ngoài (Ấn-độ) không truyền đến, nếu muốn thọ trì phải tước cành dương xỉa răng cho sạch, lấy nước đậu súc miệng, đốt hương trước tượng Phật, quỳ gối chấp tay thọ trì sáu thời, mỗi lần tụng hai mươi mốt biến. Nếu có các tội như bốn tội trọng, năm tội nghịch, mười điều ác, chê bai kinh Đại thừa... thì đều diệt hết. Hiện đời có mong cầu gì đều được, chẳng bị các thần quỷ dữ quấy phá. Nếu tụng đủ hai mươi muôn biến thì liền cảm được mầm Bồ-đề phát sinh. Tụng đến ba mươi muôn biến liền được thấy Phật A-di-đà.

Nam-mô a di đa bà dạ đa tha dà đa dạ đa địa dạ tha a di rị đô bà tì a di rị đa tất đam ba tỳ a di rị đa tỳ ca lan đế a di rị đa tỳ ca lan đa dà di nị dà dà na chỉ đa ca lệ ta bà ha.

Chú này có sáu chữ "Đa", trong tạng kinh vốn chú âm "Đa hát thiết (Đát)" đây là chánh gọi. Văn Long Thư sợ người đọc không đúng âm này bèn đổi chữ "Thiện" thành "Xuyết", đổi văn chú này, người đời chẳng chịu. Có hai chữ "Tha" đều là "Thấu qua thiết", chữ "Đa" đều "Đô Ngạ Thiết", chữ "Địa" là "Trừng mãi thiết", chữ "Rị" là thượng thanh, cùng "Lý" đồng âm, "Chỉ" đọc là "Chỉ".

Người tu tụng trì chú này nếu không khớp với mười lăm câu trên thì không đúng bản chánh. Muốn hiệu nghiệm nên đọc theo câu trên.

V. Nói về các luận

1. Luận Vô Lượng Thọ:

Kệ vãng sinh và Pháp tu năm môn.

Thế Tôn, con nhất tâm
Quy mạng khắp mười phương
Vô Lượng Quang Như Lai
Nguyện sinh nước An dưỡng
Thấy tướng thế giới ấy
Vượt hơn cả ba cõi
Rốt ráo, như hư không
Rộng lớn không bờ mé
Đức Chánh Giác Di-đà
Pháp vương khéo trụ trì
Các tịnh hoa Như Lai
Hóa sinh hoa Chánh giác
Ưa thích vị Phật pháp
Tam-muội là thức ăn
Lìa hẳn não thân tâm

Được vui thường vô gián
Gốc lành cõi Đại thừa
Bình đẳng không ghét ganh
Người nữ và căn thiếu
Giống Nhị thừa chẳng sinh
Điều chúng sinh ưa thích
Thảy đều được thỏa mãn
Nên con nguyện vãng sinh
Cõi nước Phật Di-đà
Ta soạn luận nói kệ
Nguyện thấy Phật Di-đà
Khắp cùng các chúng sinh
Đều sinh nước An lạc.

Nếu người tu hành năm niệm môn này thành tựu thì cuối cùng sẽ được sinh về nước An lạc được thấy Phật A-di-đà.

1. Lễ bái môn: Thân nghiệp lễ bái Phật A-di-đà là chủ ý muốn sinh nước ấy.

2. Tán thán môn: khẩu nghiệp khen ngợi ánh sáng trí tướng Phật ấy, là muốn như thật tu hành tương ưng.

3. Tác nguyện môn: Tâm thường phát nguyện nhất tâm chuyên niệm rốt ráo vãng sinh, muốn như thật tu hành Xa-ma-tha.

4. Quan sát môn: Là dùng trí tuệ mà quán sát, muốn như thật tu hành Tỳ-bà-xá-na.

a. Quán sát cõi nước ấy trang nghiêm.

b. Quán sát Đức Phật ấy trang nghiêm.

c. Quán sát các Bồ-tát ấy trang nghiêm.

5. Hồi hướng môn, có bao nhiêu công đức gốc lành, dùng phương tiện mà hồi hướng che chở chúng sinh, không bỏ tất cả thế gian.

Lại, quán sát môn ba thứ trang nghiêm lược nói vào một câu Pháp gọi là câu thanh tịnh, chân thật trí tuệ vô vi pháp thân. Cho nên Bồ-tát như thế mà tu năm môn, tự lợi lợi tha mau được thành tựu Bồ-đề.

2. Luận Tỳ-bà-sa.

Niệm Phật là phương pháp dễ thực hành (của Bồ-tát Long Thọ).

Phần thứ tư nói: Phật Pháp có vô lượng pháp môn. Như đường đi ở thế gian có dễ có khó. Đường đất đi bộ thì khổ, đường thủy ngồi thuyền thì khỏe. Đạo Bồ-tát cũng thế. Khó đi thì lâu mới đến, hoặc có người siêng năng tinh tấn lấy tín làm phương tiện. Dễ đi thì mau đến, nên phải niệm Phật, xưng danh hiệu, Phật A-di-đà có bổn nguyện như thế. Nếu

người nào xưng niệm danh hiệu ta mong trở về với ta thì chắc chắn được A-nậu Bồ-đề. Thế nên thường phải nhớ niệm, kệ rằng:

Nếu người nguyện thành Phật
Tâm luôn niệm Di-đà
Tức thời liền hiện thân
Thế nên con quy mạng
Nếu người muốn mau đến
Địa vị không lui sụt
Nên dùng tâm cung kính
Chấp trì, xưng danh hiệu
Phật ấy có bản nguyện
Các Bồ-tát mười phương
Đến cúng dường nghe pháp
Thế nên con đảnh lễ.
Các Bồ-tát cõi ấy
Đầy đủ các tướng tốt
Cùng tự trang nghiêm thân
Nay con quy mạng lễ
Các Đại Bồ-tát ấy
Hằng ngày đều ba thời
Cúng dường Phật mười phương
Thế nên con kính lễ
Nếu người gieo thiện căn
Nghi thì hoa không nở
Người Tín tâm thanh tịnh
Hoa nở liền thấy Phật
Phật hiện tại mười phương
Dùng các thứ nhân duyên
Khen công đức Phật ấy
Nay con quy mạng lễ
Nước ấy đủ trang nghiêm
Khác xa các cung trời
Công đức rất sâu dày
Thế nên con lễ Phật.
Nếu người sinh nước ấy
Không hề đọa ba đường
Cùng với A-tu-la
Con nay quy mạng lễ.

Luận Thập Nghi chép: Đạo khó hành là ở giữa cõi đời có năm thứ vẫn đục mà cầu A-bệ-bạt trí (Không lui sụt) thì rất khó được. Nói lược có năm:

1. Các ngoại đạo khéo phá rối pháp lành của Bồ-tát.

2. Những người vô lại xấu ác phá đức tốt của người khác.

3. Quả lành điên đảo làm phá hoại phạm hạnh.

4. Thanh văn tự lợi làm chướng ngại đại từ.

5. Chỉ có tự lực (sức một mình) ví như người có tật ở chân đi bộ một ngày chẳng được mấy dặm. Còn đạo dễ thực hành thì tin lời Phật dạy Tam-muội niệm Phật, nương vào năng lực thệ nguyện của Phật Di-đà thì chắc chắn vãng sinh. Như người đi đường sông ngồi thuyền chỉ chốc lát mà vượt ngàn dặm. Cũng như kẻ yếu kém nương năng lực vua Chuyển Luân mà một ngày một đêm đi khắp bốn thiên hạ, không phải năng lực của mình mà do năng lực của Luân vương vậy.

3. Luận Đại Trí Độ.

Người ưa chứa nhóm công đức cầu sinh Tịnh độ.

Luận quyển bốn mươi ba hỏi: Pháp Bồ-tát là phải độ sinh, vì sao lại đến cõi Phật Thanh Tịnh Vô Lượng Thọ? Đáp: Bồ-tát có hai loại, 1. Người có tâm từ bi, thường vì chúng sinh. 2. là Bồ-tát ưa chứa nhóm nhiều công đức của các Đức Phật. Người ưa chứa nhóm nhiều công đức thì thích đến cõi nước Nhất thừa thanh tịnh Vô lượng thọ. Người thích thường vì chúng sinh, luôn đến các chỗ không có Phật pháp mà khen ngợi Tam bảo. Lại Luận bốn mươi lăm nói: Bồ-tát có hai loại, một loại trước tự thành tựu công đức mình rồi sau mới độ chúng sinh, loại thứ hai trước thành tựu chúng sinh rồi sau mới thành tựu công đức mình.

Diệu Tông Sao hỏi: Thượng phẩm của kinh Quán là ra khỏi vị, giả hợp với cõi uế mà lợi ích hữu tình, vì sao lại cầu sinh Tịnh độ?

Đáp: Nay Bồ-tát Thập Hướng cầu sinh Tịnh độ chính là loại Bồ-tát trước tự thành tựu công đức cho người mà Đại Luận đã nói. Cho nên Luận Thập Nghi nói người chưa được Vô sinh nhẫn thì cần phải thường không lìa Phật mà cầu sinh về nước ấy.

4. Luận Đại Trí Độ.

Phật Thích-ca, Phật Di-đà mỗi vị đều có cõi nước uế và tịnh.

Luận ba mươi sáu nói: Nên biết Phật Thích-ca Văn cũng có cõi thanh tịnh như nước Phật A-di-đà, còn Phật A-di-đà cũng có cõi nước không trang nghiêm thanh tịnh như cõi nước của Phật Thích-ca Văn.

Lại quyển ba mươi tám nói: Cõi Diêm-phù vẫn đục nên Phật Thích-ca tuổi thọ ngắn, còn cõi nước kia tốt đẹp nên Phật Di-đà sống

lâu.

Lại kinh Niết-bàn quyển hai mươi hai nói: Tây phương cách đây ba mươi hai hằng hà sa cho đến có cõi Vô thắng tất cả trang nghiêm như thế giới An lạc, ta ở nước ấy xuất hiện ra đời.

Quán kinh sớ nói: Ứng Phật đều có hai thứ tùy duyên theo vật, dài ngắn khác nhau. Diệu Tông giải thích: Các Phật đều có ba thân viên chứng, Ứng thân độ sinh, tuổi thọ chúng sinh dài ngắn, vì thuận theo mà bày hai thứ. Cho nên Phật Di-đà hiện tuổi thọ dài thì cũng hiện tuổi thọ ngắn, còn Phật Thích-ca hiện thứ xấu thì cũng hiện tuổi thọ dài.

5. Luận Khởi Tín.

Ta-bà chẳng gặp Phật nên chuyên khuyên niệm Phật (của Bồ-tát Mã Minh)

Lại nữa, chúng sinh mới học pháp ấy muốn cầu Chánh tín, nhưng tâm tánh yếu đuối vì ở cõi Ta-bà này sợ chẳng thể thường gặp Phật mà hầu hạ cúng dường, sợ tín tâm khó thành tựu, ý muốn lui sụt. Nên biết Như Lai có phương tiện hay khéo giữ gìn tín tâm. Dạy rằng do nhân duyên chuyên niệm Phật mà tùy nguyện được vãng sinh về các cõi nước Phật phương khác, được thường thấy Phật mà cầu lìa đường ác. Như kinh nói: Nếu người chuyên niệm Phật A-di-đà ở thế giới Cực lạc, Tây phương, tu các gốc lành đều hồi hướng phát nguyện cầu sinh về thế giới ấy thì liền được vãng sinh, thường được thấy Phật, nên không bao giờ lui sụt. Nếu quán chân như pháp thân của Phật ấy, thường siêng năng tu tập thì rốt ráo được sinh, trụ vào Chánh định.

Hiền Thủ Khởi Tín Sớ chép: Vãng sinh có ba bậc.

1. Như hoa sen chưa nở, tín hạnh chưa đủ, chưa gọi là không lui sụt. Chỉ ở chỗ duyên không lui sụt nên gọi là không lui sụt.

2. Tín vị đầy đủ rồi, hoa nở thấy Phật, bước lên giai vị Thập trụ, được phần ít pháp thân, trụ bậc Chánh định.

3. Địa vị Tam hiền đã mãn, lên bậc Sơ địa, chứng biến mãn Pháp thân, sinh vô biên cõi Phật, như Phật đã thọ ký cho ngài Long Thọ... sinh Tịnh độ, trụ bậc Sơ địa... Trong đây rốt ráo đều là hai bậc sau. Tứ Minh Dung Tâm giải thích rằng: Cõi này vẫn đục nặng nề, bậc Thập tín mới thoát vòng khổ, còn cõi kia là thắng cảnh nên cả chín phẩm đều không lui sụt. Nay nương cảnh thù thắng kia mà tu quán, dẫu lý chưa hiện, kiến ái vẫn còn đủ, nhưng bỏ báo thân này thì liền sinh về nơi không lui sụt. Luận Khởi Tín dạy quán Chân như pháp thân của Đức Phật ấy, vậy nếu không phải dùng một tâm ba quán thì lấy gì mà quán. Nay tôi dùng ba quán giải thích kinh và ý của ngài Mã Minh là không

có chút gì khác nhau. Cho nên Thập Nghi Luận dạy quán tưởng Phật Di-đà có Pháp thân, Báo thân sáng suốt tướng tốt. Cho nên biết hạnh của vãng sinh chính là ba quán, tưởng ba thân ấy, bỏ cõi này cầu cõi kia, sơ tâm không lui sụt, nghĩa ấy đều thành.

6. Pháp Tư Duy Yếu Lược:

Hai căn lợi, độn, quán tướng tốt của Phật.

Quán Phật Vô Lượng Thọ có hai; về người độn căn thì trước tự quán sát cách trán một tấc, trừ bỏ da thịt chỉ thấy xương đỏ. Buộc niệm ở duyên chẳng nghĩ các niệm khác, nếu tâm duyên theo vật khác thì nhiếp khiến trở về. Kế quán kỹ một tấc xương đỏ khiến trắng như ngọc kha. Lại tưởng cả thân hình thành bộ xương trắng không có da thịt. Lại tưởng bộ xương ấy trong suốt như lưu ly có ánh sáng trong suốt thanh tịnh. Lại tưởng từ bộ xương lưu ly ấy phát ra ánh sáng trắng, phát xa thu gần rồi khắp cõi Diêm-phù-đề chỉ thấy ánh sáng không thấy các vật. Lại tưởng ánh sáng ấy chui vào thân. Khi vào rồi thì từ ánh sáng mà quán thấy Phật Vô Lượng Thọ ngồi kiết già, dung nhan vòi vọi như núi vàng ròng chói lọi. Rồi giữ tâm ở Phật, không nghĩ các duyên khác, luôn như ngồi đối diện trước Phật. Còn người lợi căn, thì trước nên quán tưởng ánh sáng trong suốt sáng sạch. Rồi trong ánh sáng tưởng thấy Phật thì sẽ thấy. Người tu nếu muốn sinh về nước ấy nên thực hành pháp quán này. Kế quán các pháp đều là vắng lặng. Đối với chúng sinh luôn sinh khởi tâm đại bi. Có bao nhiêu gốc lành đều hồi hướng hết cả, nguyện sinh nước ấy thì liền được vãng sinh.

Pháp trên thấy trong Đại tạng hòm chữ Đồ. Xét rõ văn ấy không phải Phật nói, lại chẳng ghi chép Bồ-tát nào viết ra, đây là bài dịch của ngài Cưu-ma-la-thập, chắc cũng là loại giáo điển ở Tây Trúc. Nay chép lại để giúp việc tư tu.

7. Tôn hiệu của Phật A-di-đà

Nam-mô Tây phương Cực lạc thế giới tam thập lục vạn ức nhất thập nhất vạn cửu thiên ngũ bá đồng danh đồng hiệu A-di-đà Phật.

Thuở xưa Phật Thích-ca Mâu-ni ở đời đi hành hóa đến một ngôi nhà nọ, thấy hai ông bà đem một đấu gạo để ghi số niệm Phật A-di-đà mà nguyện sinh Tịnh độ. Phật bảo: Ta có cách khác khiến các ngươi trong một tiếng mà niệm được nhiều gạo. Bèn dạy niệm danh hiệu Phật.

Nói về danh hiệu Phật trên, các kinh Tịnh độ chẳng thấy nói. Đầu tiên nhân Thiền sư Phi Tích, đời Đường trong Luận Bảo Vương, lấy hiệu Phật này làm pháp môn Nhất niệm đa Phật. Kế đó, quan thị lang

họ Vương xưa trong Trực Chỉ Tịnh độ Quyết Nghi Tập cũng dùng theo. Sau cùng trong Văn Long Thơ Tịnh độ rộng khuyên người thọ trì danh hiệu ấy, bảo rằng: Có lần đem các thứ lúa so sánh thì một hợp có một ngàn tám trăm hạt. Nếu một lần xưng niệm danh hiệu ấy thì có gấp hai ngàn lần số hạt thóc. Từ đó dạy người niệm danh hiệu ấy thì công đức không thể suy nghĩ bàn luận. Xét luận Bảo Vương không ghi trích ở kinh luận nào. Nay nghĩ rằng người tụng niệm muốn biết nên chép ra đây.

■

LẠC BANG VĂN LOẠI

QUYỂN 2

VI. Tự và Bạt (gồm ba mươi hai bài).

1. Bài tựa bằng thơ về Tam-muội niệm Phật của Pháp sư Viên Ngộ Tuệ Viễn.

2. Bài tựa Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh Sớ của Thiền sư Trí Giả.

3. Bài tựa A-di-đà kinh Thông Tán Sớ của Từ Pháp sư Ân Khuy Cơ.

4. Bài tựa A-di-đà kinh Sớ của Pháp sư Lô Sơn Trí Viên

5. Bài tựa A-di-đà kinh Tân Sớ của Pháp sư Tịnh Giác Nhân Nhạc.

6. Bài tựa Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh của Thiền sư Từ Giác Tông Tránh.

7. Bài tựa A-di-đà kinh Khuyến Trì của Từ Vân Sám Chủ Tuân Thức.

8. Bài tựa vãng sinh Tây phương lược truyện của Từ Vân Sám Chủ Tuân Thức.

9. Bài tựa vãng sinh Tịnh độ Sám Nguyện Nghi của Từ Vân Sám Chủ Tuân Thức.

10. Bài tựa vãng sinh Quyết Nghi Hạnh Nguyện Nhị Môn của Từ Vân Sám Chủ Tuân Thức.

11. Lời tựa Tịnh độ Vãng Sinh Truyện của Thiền sư Phi Sơn Giới Châu.

12. Lời tựa niệm Phật Tám Muội Bảo Vương Luận của Pháp sư Thảo Đường Phi Tích.

13. Lời tựa Hoa Nghiêm Tam-muội niệm Phật Vô Tận Đăng của Pháp sư Viên Trường Nghĩa Hòa.

14. Lời bạt Vô Tận Đặng của Tham Chánh Phạm Thành Đại.

15. Lời tựa tịnh Chúng Lễ Sám Nghi của Luật Sư Đạo Trí Nguyên Chiếu.

16. Lời bạt kinh Quán Cửu Phẩm Đồ Hậu của Luật Sư Đạo Trí Nguyên Chiếu.

17. Lời tựa Tịnh độ Nghi Luận Thập của Đề Hình Dương Kiệt.

18. Lời bạt Tịnh độ Nghi Luận Thập của Thị Chế Trần Quán.

19. Lời tựa trực Chỉ Tịnh độ Quyết Nghi Tập của Đề Hình Dương Kiệt.

20. Lời tựa Long Thơ Tịnh độ Văn của Trạng Nguyên Trương Hiếu Tường.

21. Lời bạt Long Thơ Tịnh độ Văn Bạt của Thiền sư Đại Tuệ Tông Cảo.

22. Lời tựa Tịnh độ Bảo Châu Tập của Thị Lang Vương Cổ.

23. Lời bạt Tứ Thập Bát Nguyện Hậu của Pháp sư Tuệ Giác Tề Ngọc.

24. Lời tựa Tịnh độ Cảnh Sách của Pháp sư Ngô Hưng Nguyên Dĩnh.

25. Lời tựa Tịnh độ Tín Lục của Vô Công Tẩu Vương Điền.

26. Lời bạt tu Hành Tịnh độ Pháp Môn của Thị Lang Mạc Trọng Khuê.

27. Lời bạt Minh Sư Thắng Địa Luận Bạt của Cư sĩ Độc Tinh Lâm Cao.

28. Lời tựa Bảo Thành Dị Ký Lục của Thị Chế Trần Quán.

29. Lời tựa Viễn Pháp Sư Trai Kỵ Lễ Văn của Chánh Ngôn Trầm Duệ.

30. Lời tựa Xưng Tán Tịnh độ Hải chúng Thi của Phủ Phán Phương.

31. Lời tựa Tây Quy Liên xã của Pháp Sư Nguyệt Đường Tuệ Tuân.

32. Lời tựa in Vãng Sinh Hạnh Nguyện Lược Truyện của Cư Sĩ Khải Am Ngô Khắc Kỷ.

VII. Về văn có mười ba bài

1. Lô sơn Bạch Liên xã Thệ Văn của Dật Sĩ Lưu Di Dân đời Tấn.

2. Đông Hải Nhã của Liễu Tử Hậu thuộc bộ Lễ đời Đường.

3. Lời bạt Đông Hải Nhã của Văn Trung Công Tô Thức.

4. Lời bạt Đông Hải Nhã của Thiền sư Quất Châu Bảo Đàm.

5. Điếu Võ Thị Ngự Họa Phật Văn của Văn công Hàn Dũ đời Đường.

6. Kết Xã Pháp tập của Tăng Lục Thông Tuệ Tán Ninh.

7. Liên Hoa Thắng Hội Lục Văn của Thiền sư Tuệ Giác Tông Trách.

8. Niệm Phật Phòng Thoái Phương Tiện của Thiền sư Tuệ Giác Tông Trách.

9. Văn Niệm Phật Hồi Hướng Phát Nguyện của Thiền sư Tuệ Giác Tông Trách.

10. Văn Niệm Phật Sám Hối Phát Nguyện của Từ Vân Sám Chủ Tuân Thức.

11. Văn Kết Liên xã Phổ Khuyến của Tổng Quản Trương Luân.

12. Văn Tây Tư Xã Đồng Thệ của Chứng Thông Pháp sư Sư Hữu.

13. Văn Vãng sinh Tịnh độ Thập Nguyện của Pháp sư Đồng Giang Trạch Anh.

VIII. Về Tán (gồm 17 bài).

1. Kim Ngân Nhi Họa Tịnh độ Biến Tướng Tán của Hàn Lâm Lý Bạch, đời Đường.

2. Tú Tây phương Tịnh độ Tranh tán của Thị Lang Bạch Cư Dị đời Đường.

3. Tú A-di-đà Phật Tán của Thị Lang Bạch Cư Dị đời Đường.

4. Tây phương Tịnh độ Tán của Pháp sư Lô Sơn Trí Viên.

5. Vô lượng Thọ Phật Tán của Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu.

6. Họa A-di-đà Tượng Tán của Văn Trung Công Tô Thức.

7. Lý Bá Thời Họa Di-đà Tán của Thiền sư Tịch Âm Tuệ Hồng.

8. An lạc quốc tám tam thập chương của Đề Hình Dương Kiệt.

9. Thiện Đạo Di-đà Đạo Tràng Tán của Đề Hình Dương Kiệt.

10. Bạch Liên Hàm Giáo Chủ Chân Tán của Đề Hình Dương Kiệt.

11. Hiệu Thiền Nguyệt Tác Viễn Công Vịnh của Thái Sử Huỳnh Đình Kiên.

12. Viễn Pháp Sư Tán của Cấp Sự Trình Câu.

13. Lưu Di Dân Tán của Cấp Sự Trình Câu.

14. Đào Tinh Tiết Tán của Cấp Sự Trình Câu.

15. Tạ Khang Lạc Tán của Cấp Sự Trình Câu.

16. Lục Đạo Sĩ Tán của Cấp Sự Trình Câu.

17. Lâm Hạnh Tự Tiễn của Pháp Sư Tra Am Tuệ Viễn.

IX. Tựa và Bạt (gồm ba mươi hai bài).

1. Bài tựa tam muội niệm Phật thi:

Pháp sư Lô sơn Tuệ Viễn.

Bài tựa nói: Tam-muội niệm Phật là gì? Nghĩa là tư tưởng hoàn toàn vắng lặng. Tư chuyên nhất thì chí không tạp nhiễm. Tưởng vắng lặng thì khí hư mà thần sáng, khí hư thì trí tuệ chiếu soi, Thần sáng thì không pháp nào mà không thấu triệt sâu xa. Hai nghĩa này là sự phù hợp huyền diệu một cách tự nhiên, hội lại thành một dụng. Cho nên sự tinh chuyên ngày đêm nhàn du khắp trong thiên hạ mà cảm vật thông linh, chế ngự được tâm chánh đạo, nhất cử nhất động thể nhập vào lý nhiệm mầu. Ở đây nếu tu đến chỗ ngưng thần, chứa nhóm để đổi tánh thì cũng giống như thế. Huống chi quên hết sự vật, đạt sâu đến chỗ chí cực, trí rơi vào trong vũ trụ mà thầm qua lại các phương?

Xin nói lại từ đầu, Bồ-tát mới chứng đạo vị, thấu triệt lý huyền môn, thể tịch vô vi mà không chỗ nào không đến. Và đạt đến chỗ thần biến thì khiến cho điều chỉnh lại các pháp thường độ. Lớn nhỏ đều trái nhau, tam quang xoay lại cảnh để cùng tỏ chiếu, trời đất lo gì không thể hội.

Lại các Tam-muội, tên gọi thì rất nhiều; nhưng công cao dễ tiến thì chỉ có niệm Phật là trên hết. Đạt đến chỗ huyền diệu cực vắng lặng, thần thể đều hợp biến, ứng với mọi phương hướng. Cho nên nay nhập vào định này, phải quên hết trí, tức là dùng sở duyên mà thành sự soi sáng. Đã được soi sáng thì bên trong chiếu soi xuyên suốt sắc của chúng sinh, tai mắt chẳng thể thấy nghe hành trì. chỗ thấy ấy sâu xa, thể cảnh vắng tịch, thì tướng giác ngộ sâu xa rõ ràng tự nhiên. Quán sát chỗ nghi vấn huyền âm, tâm nghe thì trần lụy đều tiêu hết, nghi tình đều dung hóa tỏ sáng. Nếu chẳng phải là bậc chí diệu ở trong trời đất, thì ai có thể đạt đến chỗ này?

Xét theo đây, một khi cảm nhận được, bèn phát ra lý sâu tu tập lâu dài, ra khỏi sự hôn mê trần tục. Nếu làm mất đi sở duyên của các định, thì không thể gọi là hơn kém, điều này có sự nhận biết.

Cho nên phụng trì thành ý của các bậc hiền, đều là đạo lý khế hợp, cảm được sự thay đổi suy tàn của ngày tháng, sợ không báo đáp được. Cho nên trước pháp đường sám hối tự tâm, y áo ngay ngắn thanh tịnh hướng về, đêm quên cả ngủ nghỉ, trọn ngày cần mẫn siêng năng, dụng công chú mục, chí thông ba thừa, cứu giúp chúng sinh đến bờ giác, đồng trụ trong chín cõi. Mong đưa người vượt ra bể khổ, cứu vớt sinh linh. Phụ dẫn ra đây để cảnh tỉnh người sau, viết ra mấy lời này, đâu phải chỉ là văn thơ suông mà thôi?

2. Bài tựa quán Vô Lượng Thọ Phật kinh sớ:

Thiền sư Trí Giả.

Nước vui và cõi khổ, vàng báu và đất bùn, địa ngục và ao hoa, quỳnh thọ và gai góc, đều do tâm phân ra có cấu tịnh, nên thấy sự lên xuống ở hai cõi. Mở ra sự thiện ác, nên thấy có sự thô diệu ở hai nơi. Cũng như hình ngay thì bóng thẳng, nguồn đục thì dòng đen tối. Cho nên biết muốn sinh về cõi Cực lạc, thì phải tu mười sáu pháp quán. Nguyện thấy Đức Thế Tôn Di-đà, phải hành trì ba nghiệp thanh tịnh. Nhưng việc hóa nhân phải dần dần, giáo hóa phải nhờ duyên mới có, như A-xà-thế giết vua soán nghịch, hoàng hậu Vi-đề ai bi cầu thỉnh, Đại Thánh rủ lòng Từ, tùy cơ nói pháp. Tuy rộng khai thị nhiễu cõi báu, mà tông quy về An dưỡng, khiến cho chúng sinh có duyên trong thời mạt pháp vâng theo diệu quán này. Mặt trời sắp lặn như chiếc trống treo, dùng đó mà suy tưởng. Nước lớn kết thành băng, thật là biểu hiện cho mặt đất lưu ly. Gió thổi cây báu, cùng nhạc trời đồng trổi lên. Sóng động ao báu, đem khế kinh mà hợp âm hưởng, quán nhục kế mà chiêm ngưỡng, nhớ nghĩ lông trắng để thấy Đức Như Lai. Đến ngày qua đời, bước lên đài ngọc được vãng sinh. Văn thành thì ấn hoại, ngồi sen vàng mà hóa sinh, nương ba bậc mà được thoát ra ba cõi chiều ngang, vượt khỏi năm khổ, đúng gọi là vi hành diệu quán, thật là yếu thuật của chí đạo.

Kinh này lấy tâm quán làm tông, lấy thật tướng làm thể, nói Phật thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật, Phật là thắng cảnh sở quán, nêu chánh báo để gồm thâu y quả, nói hóa chủ để gồm thâu đồ chúng.

Quán tuy có mười sáu pháp, mà lời của Phật đều trùm khắp, Cho nên nói Phật thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh.

Kinh là huấn pháp huấn thường, do miệng vàng của bậc Thánh nói ra.

3. Bài tựa A Di Đà kinh thông tán sớ:

Từ Ân Pháp Sư - Khuy Cơ.

Lý bặt hết các giải thích, há ba thừa có thể nhiếp. Trí đầy đủ cả muôn đức chẳng phải Thập địa dùng năng quán. Rải mây từ che chở cả bốn loài. Mưa pháp tưới nhuần để cứu vớt chúng sinh trong chín cõi. Do đó Bồ-tát giáng thần từ cung trời Đâu-suất, đản sinh vào nước Xá-vệ. Chán cảnh dục lạc ở cung vua, đạt được chân thường dưới cội Giác.

Bởi chúng sinh nghiệp hoặc, bè đảng Ma tăng mạnh; vượt biển khổ, tránh ba đường, chìm mất thuyền từ mà nuốt cả muôn điều lành.

Cho nên, Phật giăng cao lưới pháp, chỉ thẳng về cõi tịnh, đó là huyền môn nhập Thánh, siêu xuất huyền diệu. mười lớp Tịnh độ, y cứ theo địa vị thì có khác nhau, chín phẩm đài sen, do căn khí khế hợp mà lần lượt bước lên. Thật vĩ đại thay!

Phật là bậc đã giác ngộ viên mãn.
Nói là tâm từ nói pháp.
A-di-đà nghĩa là Vô Lượng Thọ.
Kinh là thường pháp nhiếp quán.

Thường thì trăm vua không dễ làm, pháp thì ngàn đời đồng noi theo nhiếp thì bao gồm cả ngôn từ, quán thì thông suốt lý mầu.

Cho nên nói: "Phật thuyết A-di-đà kinh".

4. Bài tựa A Di Đà kinh sớ:

Pháp sư Lô Sơn Trí Viên

Tâm tánh là thể, sáng suốt ư? Vắng lặng ư? Chỉ có một mà thôi. Không có phàm Thánh, không có y chánh, không có dài ngắn, không có tịnh uế.

Còn như sự cảm vật là do duyên mà biến hiện, là sáu phàm, là ba Thánh, là y chánh. Y chánh đã tạo thì tuổi thọ có dài ngắn, cõi nước có tịnh uế.

Đức Phật là bực Đại Thánh trong loài người, đã đạt đến chỗ minh tĩnh như một, là mượn đạo ở tâm từ, gá nương ở tâm bi, là muốn cứu vớt quần mê giúp cho trở lại với chân tướng của mình. Thế là ở trong chỗ vô thân mà thị hiện thân, không cõi nước mà thị hiện cõi nước. Tuổi thọ vô lượng, cõi nước thanh tịnh an vui, thật đáng cầu sinh. Trái lại, cõi này thì tuổi thọ ngắn ngủi, cõi nước đáng chán, không nên ở mãi. Đã có sự ưa chán, thì dần dần khuyến hóa sách tấn hành trì.

Cho nên, Đức Thích-ca Mâu-ni thị hiện tuổi thọ có hạn lượng mà giữ lấy cõi uế. Chẳng phải muốn cho chúng sinh nhàm chán hay sao? Di-đà thị hiện ra tuổi thọ vô lượng, giữ lấy cõi Tịnh, chẳng phải muốn cho chúng sinh cầu vui hay sao? Do đây là chiết phục, từ kia mà nhiếp nhập, khiến cho quay về bổn tâm mà tỏ được tánh. Cho nên kinh Tịnh Danh nói: "Tùy theo chúng sinh được điều phục, mà giữ lấy cõi Phật." Dù lầu báu đất vàng làm cho vui mắt, nhưng không bị sắc làm cho mê hoặc, thì có thể đạt đến chỗ duy tâm vô cảnh. Tuy tiếng chim, gió cây có làm cho êm tai nhưng không bị âm thanh chế ngự, nhờ đó mới có thể nhớ nghĩ về Tam bảo. Được như thế thì thể minh tịnh rõ ràng như chỉ tay trong lòng bàn tay.

Trong kinh nói: “Chúng sinh sinh về đó, đều là bậc A-bệ-bạt trí.”

Cao cả thay! Sự khéo léo của bậc Thánh là như thế, cho nên trong các kinh luận đều tán dương về cõi Tịnh độ, đều là có yếu chỉ. Vậy kinh Phật Thuyết A-di-đà nghĩa là thiên tán ư?

Tôi thì thích từ đơn giản mà lý rõ ràng, văn dón gọn mà sự đầy đủ. Đủ lấy đó để dẫn dụ cho kẻ ngu mông trí cạn. Y cứ theo Tông môn ngài của Long Thọ, chuẩn theo thuyết của ngài Trí Giả, y theo kinh mà biện lý, lấy đó làm nghĩa sớ. Nếu nghiên cứu một cách sâu xa thì chúng ta hầu như dám hỗ trợ cho chân phong? Vì muốn lợi ích cho người sau.

5. Bài tựa A Di Đà kinh tân sớ:

Tịnh Giác Pháp Sư-Nhân Nhạc.

Hoặc cho là hư không, không có bờ bến, thế giới là vô lượng, trong đó có phàm có Thánh, có tịnh có uế, vì sao lại như thế?

Đáp: Do vọng niệm mà như thế. Chân thì không như thế. Chư Phật chứng chân, thế giới hư không tan hết. Còn nói về việc ứng hóa thân và cõi nước, cũng tùy vọng niệm chúng sinh mà cảm ra, vì muốn cho chúng sinh bỏ phàm thành Thánh, xả uế về tịnh, sau đó dần dần được chứng quả giống như các Đức Phật vậy.

Ôi! Vọng tưởng của chúng sinh sâu dày, cho nên Đức Phật Thích-ca khởi lên tâm từ bi vô duyên, xuất hiện ở thế giới Kham nhẫn này, dùng biết bao nhiêu phương tiện, khai thị các pháp môn như năm thời thiết giáo, ba thừa thọ đạo. Tuy là đốn tiệm khác nhau nhưng đều quy về lý, lại có những vị Phật chưa độ mình mà đã độ tha ở cõi Phật khác thì gọi là Bổ xứ như Từ Thị Di-lặc, có Phật Di-đà ở Cực lạc, cho đến các cõi Phật thanh tịnh ở mười phương bày ra như ảnh tượng, trong gương, dẫn dắt như cầu bến, tùy theo sở ứng mà làm lợi ích chúng sinh. Nhưng bổ xứ tuy gần, mười phương thì xa, các kinh Đại thừa đều xưng tán cõi Cực lạc là trên hết, Di-đà là cao quý. Y-chánh đã khác mà tuổi thọ cũng dài lâu, chúng sinh tín niệm và nguyện sinh về cũng nhiều, lưu lại dấu tích thần hóa, sáng lập từ nơi chúng sinh.

Phật dạy: “Đời vị lai khi chánh pháp diệt, chỉ còn lại kinh Vô Lượng Thọ ở đời thêm một trăm năm.”

Ngài Thiên Thai nói: “Nên biết là Đức Phật Di-đà, đối với cõi đời có năm thứ trược ác rất có nhân duyên.”

Bộ kinh này, đầu tiên do Pháp sư Từ Ân có giải thích, lại bản có sớ, cũng ghi tên ngài Khuy Cơ. Tương truyền rằng: đây là do một vị

tăng Vô Danh mượn để thực hành, so với ý chỉ của văn thì đại thể là đồng mà chi tiết thì khác. Đến Lô Sơn Trung Dung tử chương cú về sau lại hiển xuất ra lưu truyền hưng thạnh ở đời. Do đó nên từ ngữ thì giản dị mà nghĩa tóm lược, dùng lời phu huấn giống như chưa nói hết nghĩa ở nơi phương đẳng! Do phương hướng chưa rõ ràng nên tôi tham giáo các vị trí giả. Lại vì tuổi cao nên muốn lấy pháp yếu một nhà cùng các thuyết Tịnh độ để nói lại văn này. Vì sợ nhiều người ganh ghét, nên chưa được như ý muốn. Khi tuổi cao sức yếu bèn lui về quê cũ, lại nhớ đến sự báo ân ngọc tuyền, lưu ở khuê phong nghĩ việc báo hiếu, tháng bảy hiến cúng Vu lan bồn chỉ giữ sự thanh nhàn mà dứt hết cấu nhiễm. Khi sách đã viết xong, chia làm thượng hạ, viết lời tân sớ mục, để phân biệt với cựu chương. Lời nói không văn, tôi đâu dám sánh với người trước, hoặc nói lý càng thêm thô thiển, cũng có chỗ không bằng.

6. Bài tựa quán Vô Lượng Thọ Phật kinh:

Thiền sư Từ Giác, Tông Gi.

Biển Chánh biến tri từ tâm tưởng sinh ra, thế giới các Đức Phật tùy tâm Tịnh độ. Thế nhưng Phật Di-đà là bậc chí Thánh, không cách xa hạ phàm, Cực lạc tuy xa, cũng đâu lìa cõi này! Cho nên, niệm Phật thì được thấy Phật. Cầu sinh thì liền được vãng sinh.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ là dùng tâm pháp giới mà chiếu cảnh thật tướng, dùng ba thứ tịnh nghiệp mà nói rõ pháp hạnh chánh nhân, dùng mười sáu diệu quán làm phương tiện tịch chiếu. Pháp thân và hóa thân đều tùy lượng; y báo, chánh báo cùng quán. Cho nên hoàng hậu Vi-đề-hy thoát nhiên đại ngộ, thọ ký được vãng sinh. Đức Thế Tôn đích thân khuyên thọ trì, nói rộng lời này.

Kinh truyền ở cõi này, ít có người lưu thông, không có đầy đủ căn cơ, thì ai nêu bày pháp thí? Các vị Tỳ-kheo như Quỳnh An ở Thường sơn... vì thương xót chúng sinh trong cuộc sống hằng ngày không ra khỏi trần lao, khen ngợi sự vô biên của diệu cảnh, nguyện làm vị hướng đạo, đồng tâm in ấn chạm khắc, rộng khắp thọ trì. Nếu chẳng phải là những vị đồng tu một pháp môn với ngài Thế chí cũng là cựu xả của ngài Tuệ Viễn. Nay tạm ghi ra lời tựa dẫn, phổ cáo những điều chưa nghe.

7. Bài tựa A Di Đà kinh khuyến trì:

Từ Vân Sám Chủ Tuân Thức.

Kinh này văn cú tuy đơn giản, nhưng ý không khác với đại bổn, các bậc thượng Thánh vì phó duyên nên rộng lược có ít nhiều sai khác.

Y chánh, chủ bạn ở cõi này đều có đủ, phương quy nguyện hành thì có nói thêm. Từ giản đơn mà nghĩa thì rộng, phúng tụng dễ mà công lực thì nhiều, thật là một điều tốt đẹp ở cõi này. Đầu tiên thì rộng khen ngợi các pháp y báo chánh báo, dẫn đến sự ưa thích mong cầu. Kế đến thì sáu phương đều dẫn lời chư Phật, khuyên sinh lòng tín. Sau cùng thì nêu ra việc khó dễ, khiến cho người nghe biết quy hướng.

1. Rộng khen ngợi y chánh, có hai phần:

a. Khen ngợi.

b. Khuyến tu nguyện hành:

Từ "Phật bảo Trưởng lão Xá-lợi-phất..." trở xuống... là lập đối tượng được khen.

Từ "Nước kia vì sao tên là Cực lạc..." trở xuống... trước khen ngợi quả y, tức là lưới châu che khắp trời, quỳnh lâm đầy mặt đất. Nước trong ao có tám công đức, sen phát ra ánh sáng bốn mầu nhạc trời tấu đủ sáu thời, hoa rải khắp hằng hà sa ức cõi nước. Các loài chim giảng nói đạo phẩm, gió thổi vào cây truyền thụ pháp âm.

Từ "Xá-lợi-phất! Ý ông thế nào..." trở xuống... là khen ngợi về chánh báo, trước khen ngợi hóa chủ, có tám vạn tướng tốt, ánh sáng trùm khắp. Công đức dụ cho cát, nói tuổi thọ là tổng quát, thành Phật đã mười kiếp, giản lược qua chưa giải thích hết nghi. Lại từ Xá-lợi-phất trở xuống, là lời khen ngợi quyến thuộc. Chúng Thanh văn tuy đông, nhưng đều đã phát tâm rộng lớn. Bồ-tát thì nhiều cũng đều đã Nhất sinh bổ xứ. Khi vãng sinh về đó đều quy về Định tụ, quy hướng về tức đã dự vào hàng bất thoái.

Kế đến từ "Chúng sinh nghe..." trở xuống... là khuyến tu nguyện hành, trước tiên phải lập nguyện.

Không thể với chút ít gốc lành trở xuống... là nói sự tu hành, "một ngày"... chính là chỗ dụng tâm dày mỏng, không dựa vào thời gian lâu mau, nên vâng theo nhất tâm bất loạn.

Từ "Khi người ấy sắp qua đời..." trở xuống... là nói về đắc quả.

Từ "Ta thấy có lợi ích ấy" là tổng kết khuyến khích.

Kế đến là từ "Như ta ngày nay..." trở xuống sáu phương đều dẫn đồng, khuyến hóa chúng sinh tín niệm, trước là dẫn đồng. Kế đến là "ý ông" trở xuống, là lời khuyến tín, cũng là khuyến trì.

Từ "Như ta ngày nay..." trở xuống lần thứ ba là nêu khó để so sánh với dễ ở cõi. Đời có năm thứ ác trược đắc đạo thật khó, ở Tịnh độ tu hành thì dễ. Đều như văn mà khuyến thỉnh, trước chia ra từng chương đoạn, sau mới là văn tụng. Đây là khởi tận chúng hữu luân, công đức

không luống uổng.

Hoặc như sáng yên tối lặng, người xem nghe đều thấy rõ đầu mối, miệng tụng tâm an, tinh thần sáng tỏ ở nơi u cực, tịnh cảnh chẳng mê. Lưỡi rộng dài khuyên người tu trì, há không như thế sao?

8. Bài tựa vãng sanh tây phương lược truyện:

Chỉ ở cõi Tây phương Tịnh độ, lưới báo quỳnh lâm, vượt xa ngọc hào ở các phương khác, tốt đẹp hơn ngàn lần ở nơi trần sa thế giới. Các Đức Phật đồng khen ngợi, các bậc hiền đều tôn trọng, ngài Mạn Thù nguyện sinh về nước kia, ngài Thiên Thân, Di-lặc, đều thệ vãng sinh. Các vị Thánh hiền còn như thế, huống chi hàng phàm tình?

Còn như người định nghiệp tán nhân, ít thiện nhiều phước, cắt đức năm đường mà cầu vãng sinh, chín phẩm cao thăng, thẳng đến quả Phật, không còn lui sụt.

Cho nên Phật kia có bổn nguyện rằng: “Nếu ta thành Phật, chúng sinh mười phương đều dốc lòng tin ưa, muốn sinh về nước ta, dù chỉ mười niệm, nếu không được sinh về thì ta không thành Chánh giác, chỉ trừ kẻ phạm năm tội nghịch và hủy báng chánh pháp.”

Nay ta đã may mắn không phạm năm tội nghịch, không hủy báng Đại thừa, chẳng lẽ nguyện cầu mà không được toại chí hay sao?

Huống chi trong mười sáu pháp quán, nói trong hạ phẩm hạ sinh, có đủ bốn tội trọng, năm tội nghịch, hủy báng Phương Đẳng, khi sắp qua đời lửa địa ngục hiện ra, xưng mười câu hiệu Phật thì lửa dữ địa ngục hóa thành luồng gió mát, liền được sinh về nước kia. Đây là nói cho hạng người phạm tội nghịch chỉ nhờ mười niệm mà được vãng sinh, huống chi đây là đối với người không có tội?

Nói theo đây, thì mỗi người nên tự có niềm tin, hễ có nguyện sinh về, thì không ai không được toại ý. Cho nên ngài Thiên Thai Trí Giả khi sắp qua đời có nói bài tán rằng:

“Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm cõi Tịnh, ao sen cây báu không người sinh về, xe lửa cùng hiện ra, một niệm sửa đổi liền được vãng sinh, huống chi người có giới định huân tu, đạo lực tịnh hạnh thật không luống uổng.”

Lại trong bổn nguyện có nói: “Chúng sinh trong mười phương nghe danh hiệu ta, hướng niệm về nước ta, hồi hướng vãng sinh, nếu không được như ý thì ta nguyện không thành Phật.”

Lại nên so sánh nghiệp hạnh lâu dài: Mười niệm tín ưa còn sinh về nước kia, huống gì một ngày tín ưa, cho đến một tháng, một năm,

một đời đều tín ưa?

Lại nên so sánh về diệt tội nặng nhẹ: Một niệm diệt trừ được tội nặng trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Một niệm xưng hiệu Phật diệt tội còn như thế, huống chi mười niệm, cho đến một ngày, một tháng, một năm, một đời niệm Phật lại được diệt tội là bao nhiêu? Tội trọng còn diệt, huống gì là tội khinh?

Lại nên so sánh công đức niệm Phật và tướng hơn kém của các gốc lành khác!

Kinh nói: Nếu ngươi đem bốn việc và các vật thực thật tốt cúng dường khắp các vị A-la-hán, Bích-chi... đầy khắp trong tam thiên đại thiên thế giới, thì được phước đức không bằng có người chắp tay xưng một câu Nam-mô Phật-đà. Người như thế được phước đức vô lượng, dù Thánh phước khắp đại thiên cho trăm phần, ngàn phần cũng không thí dụ hết được. Một niệm xưng danh hiệu Phật công đức còn như thế, huống chi niệm mười câu, cho đến một ngày, một tháng, một năm, một đời niệm Phật A-di-đà thì được biết bao nhiêu công đức.

Lại nữa! Nên biết, người niệm Phật, hiện đời được an ổn, các vị Thánh đều che chở, lìa hết mọi tai ách.

Lại so sánh các phong tục trong thời nay, các việc cúng tế quỷ thần, cầu được phước lộc, cầu được an ổn. Rồi tin tà sát mạng, tạo tội kết oán, đều chẳng có lợi cho người, nên không được phước đức, chiêu vời tội báo địa ngục đời sau. Trong kinh Dịch có nói: "Nhà làm các điều bất thiện, chắc chắn sẽ có tai ương."

Sát sinh hại mạng, để cúng tế quỷ thần, không phải một ngày, một buổi, đó chẳng phải là chứa nhóm những điều bất thiện hay sao? Tội lỗi tai ương như thế vì sao còn nghi ngờ?

Nếu nói sát sinh chẳng phải là bất thiện thì xưa nay các bậc Đế vương, vì sao có lòng nhân từ hóa thế, thắng hung tàn, dứt bỏ nghiệp sát. Loài cầm ngư theo tánh, khiến cho lên cõi thọ, đều xứng với thiện?

Nhưng pháp cúng tế, ở bên Thiên trúc có hộ pháp Vi-đà ở Trung quốc tế điển chưa thoát được thế luận, thật là quyền phương theo thế tục. Chu Công tuy xưng là thờ thần, mà không hiểu đạo gần xa Trọng Ni thờ quỷ thần? Bởi mê theo cội nguồn sáu đường, họ Lão bị đắm chìm trong chín cõi, Trang Tử chưa dời được trăm họ, chỉ có đạo Thích tôn là thấu suốt chân lý. Trời ngụ ở cõi trên, kế đến là người, Tu-la ở giữa, quỷ súc ở dưới. Nay đem người thờ quỷ, cũng giống như cúi đầu xuống chân, bắt vua phụng sự dân rất trái nghịch thay! Lại quỷ có năng lực tà vạy, việc đó đã lâu, các phương loại vật đãng, chết đọa vào trong đó.

Vậy mà đời còn mê sao?

Vả lại, đấng Đại sư trong ba cõi, đấng Từ phụ muôn đức, trở về với người, thì được diệt tội, còn được phước sinh. Điều này trong kinh có nói đủ. Nếu quy y Tam bảo thọ trì một danh hiệu Phật, hiện đời này sẽ được mười điều tốt đẹp.

1. Ngày đêm thường được các vị trời, các vị thần tướng có sức mạnh, dẫn hằng hà sa các quyến thuộc ẩn hình đến giữ gìn che chở.

2. Thường được hai mươi lăm vị đại Bồ-tát, như Quán Âm, Thế Chí... thường theo hộ niệm.

3. Thường được các Đức Phật ngày đêm hộ niệm, Phật A-di-đà thường phát ra ánh sáng nhiếp thọ người này.

4. Tất cả các ác quỷ như Dạ-xoa, La-sát đều không thể làm hại. Tất cả loài rắn độc xà, rồng dữ, thuốc độc, đều không bị trúng.

5. Tất cả nạn lửa cháy, nước lụt, kẻ thù oán tặc, đao tên, lao ngục, chết ngang trái, chết uổng đều không vướng phải.

6. Những tội đã gây ra đều tiêu trừ. Nếu có giết oan mạng đều được giải thoát, không còn chấp đối.

7. Ngày đêm chánh trực, hoặc trong mộng thấy Phật A-di-đà sắc tượng đẹp đẽ.

8. Tâm thường vui vẽ, vẻ mặt sáng sủa, khí lực sung mãn, mọi việc làm đều được lợi ích.

9. Thường được nhân dân trong các cõi thế gian cung kính cúng dường, vui mừng lễ bái, cũng như kính Phật.

10. Khi qua đời, tâm không lo sợ, chánh niệm an nhiên, hiện tiền được thấy Phật Di-đà và các Thánh chúng tay cầm đài hoa sen, tiếp dẫn được vãng sinh về Tịnh độ, cho đến tận đời vị lai đều được thọ hưởng niềm vui nhiệm mầu.

Những người có trí mời quán niệm Phật, được công đức phước lợi trong hiện đời, há đồng với các pháp cúng tế của người đời, hiện tại không có lợi ích, đời vị lai phải chịu quả khổ?

Lại nên tin tất cả kinh điển Đại thừa, đều khen ngợi cõi Tịnh độ trang nghiêm ở Tây phương, khuyên nên cầu vãng sinh, như các bộ kinh Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Bát-nhã, Pháp Hoa, Niết-bàn đều khai thị hành tướng và khen ngợi công đức. Lại các Bồ-tát, Thiên Thân, Long Thọ, đều có soạn luận để khen ngợi cõi Tịnh độ. Các vị Pháp sư, Thiền sư Trung Quốc, đều soạn luận, soạn sớ, khen ngợi Tây phương, Pháp sư Đạo An soạn Luận vãng sinh, sáu quyển.

Pháp sư Tuệ Viễn soạn Quán kinh sớ, một quyển, ngài Thiên Thai

Trí giả soạn "Luận Thập Nghi", "Quán kinh sớ", "Di-đà kinh sớ" mỗi bộ một quyển. Thiền sư Đạo Xước soạn "An lạc Tập" ba quyển. Hòa thượng Thiện Đạo lập ra ngũ hội giáo, khuyên người niệm Phật, soạn "Quán kinh sớ" một quyển, "Nhị thập tứ tán", "Lục thời lễ văn" mỗi bộ một quyển.

Pháp sư Hoài Cảm đắc Tam-muội niệm Phật soạn "Luận quyết nghi" bảy quyển. Tam tạng Từ Mẫn soạn "Tịnh độ từ bi tập", ba quyển. Pháp sư Từ Ân soạn "Di-đà kinh sớ" hai quyển. Sa-môn Trừng Quán soạn "Quán kinh sớ", một quyển. Nếu có người nghe các Thánh chúng xưng tán khuyến hóa vãng sinh ai mà không tín ưa, trừ những người bất tiếu, si ám vô trí mà thôi.

Ở đây lại dẫn ra ba mươi ba việc chứng nghiệm rõ ràng về sự vãng sinh của các vị Đạo, tục ở các cõi Tây thiên, Đông hạ, khai thị đầy đủ các vị hiền đạt ở vị lai, nguyện cùng vãng sinh.

9. Vãng sanh tịnh độ sám nguyện nghi tự của Từ Vân Sám Chủ -Tuân Thức:

Các Đức Phật thương xót chúng sinh bị mê mờ lầm lạc, mới lập ra các phương tiện để dẫn dắt hóa độ. Nhưng chỉ có cõi An dưỡng tịnh nghiệp là con đường nhanh chóng nên tu trì.

Các bộ kinh Đại thừa đều khai sáng yếu nghĩa này, các Đức Phật mười phương đều khen ngợi. Nếu có các Tỳ-kheo bốn chúng và thiện nam, tín nữ, các căn thiếu đủ, muốn vĩnh viễn mau phá trừ hết vô minh hắc ám, những kẻ mắc năm tội nghịch, mười điều ác và các lỗi nhẹ khác nếu muốn vĩnh viễn tiêu trừ, thì nên tu pháp này. Muốn được thọ trì các giới luật lớn nhỏ thanh tịnh trở lại, hiện tiền được Tam-muội niệm Phật và có đầy đủ các Bồ-tát tu pháp môn Ba-la-mật đều nên học pháp này. Muốn khi qua đời lìa hết sự sợ hãi, thân tâm đều được an ổn như được trở về, ánh sáng tỏa rực khắp nhà, các thứ âm nhạc, mùi thơm lạ, Phật Di-đà, Quán Âm, Thế Chí hiện ra trước mặt, đưa tay tiếp dẫn lên đài vàng tía. Từ đây xa lìa chín cõi, cắt đứt năm đường, trừ hết nóng bức, được an ổn mát mẻ. Bắt đầu là lìa hết trần lao, cho đến chứng quả không lui sụt, không cần phải trải qua nhiều kiếp đã chứng quả vô sinh, nên học pháp này. Nếu người muốn tu ít pháp mà cảm được quả báo, mầu nhiệm, các Đức Phật trong mười phương đồng thời khen ngợi, hiện tiền được thọ ký, trong một niệm đi cúng dường vô số các Đức Phật, trong khoảnh khắc liền được trở về bổn quốc, cùng tọa thực bên Đức Phật Di-đà, nghị luận với Quán Âm, hành bộ với Thế Chí. Tai mắt đều

nghe thấy thấu triệt, thân lượng đến vô cùng, bay lên hư không tự tại, túc mạng rõ ràng, thấy khắp năm đường như soi mặt vào gương. Niệm niệm chứng nhập vào vô tận Tam-muội, xưng tán không thể cùng tận, nên biết là nhờ tu tập thắng pháp này. Như sở thuyết này, đều thật không luống dối các Đức Phật mười phương đều xuất ra tướng lưỡi rộng dài; khen ngợi việc tốt đẹp này, để nói lên không phải luống dối. Vậy tại sao chúng ta lại không tin Phật? Nay lấy các kinh Tịnh độ lập ra hành pháp này. Nếu muốn biết rõ, tìm xem rộng các kinh.

10. Vãng sanh quyết nghi hạnh nguyện nhị môn tự của Từ Vân Sám Chủ - Tuân Thức:

Từ Vân Sám Chủ Tuân Thức.

Cõi báu An dưỡng các bậc Đại giác đều khen ngợi, ba bậc cao thăng. Chiều gá vào hoa vàng, mà túc mạng còn tạm ở nơi biển trích, sớm dạo ao ngọc, ngọn đèn chiếu thế còn dụ ở cát sông sáng. Bởi do mười phương chưa đến, tứ sinh đã qua. Tuy chiếu ánh hào quang để khai thị, cuối cùng cúi đầu mà riêng cầu. Cho nên các xứ Hoàng châu, Trúc quốc, từ nay quán xét lại xưa. Cõi kia thì chư Hiền chí Thánh đều dùng văn chương để làm minh cõi này thì các bậc giác đức, hồng nho đều đưa ngọn bút mà viết lời thệ. Từ đây hồi hướng lâu dài, cùng hòa xướng sưu tầm thành ra thông suốt đạo dức, thẳng đến con đường an vui mãi mãi. Chỉ bởi người đời phần nhiều gây ra hoặc nghiệp, chưa nhận thức được phương hướng, hoặc chỉ lạm suy, cho pháp này là Tiểu giáo, hoặc cười chê là quyền thừa. Nói những lời này là đã trái với kinh, người mê hoặc thường điển. Kinh Dịch chẳng nói là: "Ở trong nhà, ra ngoài nói những điều bất thiện thì trái ngoài ngàn dặm, huống chi là cách xa."

Do đó liền soạn Vãng sinh Tịnh độ quyết nghi hạnh nguyện nhị môn, thẹn không văn từ, lý vẫn còn mê hoặc, chặt hết cây xú uế trong rừng y lan, trồng thêm hương chiên đàn. Tín giải, hạnh nguyện, từ trước đến sau, dù nói muôn lời cũng không thể đủ. Đây thật là nhị môn.

11. Tịnh độ Vãng Sinh Truyện Tự của Phi Sơn Thiền sư - Giới Châu.

BÀI TỰA TỊNH ĐỘ VÃNG SINH TRUYỆN

Thiền sư Phi Sơn Giới Châu.

Trong vườn Cấp cô độc, các Thánh hiền nhóm họp đầy đủ, lúc ấy thính chúng không một lời kính thỉnh, Đức Như Lai chợt bảo rằng: "Từ cõi này đi về phương Tây mười muôn ức cõi Phật có Tịnh độ, cõi nước

đó rộng lớn, do một trăm báu hợp thành.” Lại nói: “Chúng sinh tư duy nhớ niệm, cầu vãng sinh, đều được như nguyện.”

Thuyết là nói mười hai phần giáo, đây là một phần trong Vô vấn tự thuyết. Còn nghĩa thì thế nào? Ví như mẹ bồng bế con thơ không đợi nhắc, chỉ muốn trông nom tay chân, khi cho bú no khi ẫm bồng gìn giữ.

Nhưng Đức Như Lai từ cung trời Đâu-suất giáng sinh vào nước Ca-tỳ-la. Phật thuyết giáo trong năm mươi năm, để lại bao lời từ bi thương xót, tùy cơ truyền trao. Trong vô lượng kiếp, ngài giáng sinh làm Trời, Rồng, Thích, Phạm, Thanh văn, Duyên giác, Đại Bồ-tát, xả bỏ hết đầu mắt, tay chân, tủy não. Ngoài thì bỏ cả quốc thành, châu báu, ân cần cầu thỉnh ba lần, Như Lai hoặc từ chối, hoặc im lặng. Nhưng rồi ngài lại tự nói ra kinh này, là vì thương xót chúng sinh luân hồi trong nhiều kiếp, hễ nhàm chán cõi đời ác trược, cầu sinh về Tịnh độ, thì phải ở nơi sự chuyên niệm. Niệm có chí thiết, thì mới buộc tư tưởng vào trong mười sáu pháp quán.

Trong kinh khen ngợi biển chánh biến tri của chư Phật từ nơi biển tâm tưởng sinh ra. Vì sao? Nói về sự khởi đầu thì nêu ra dần dần. Hành bắt đầu ở nơi có tu, trí bắt đầu nơi có tập, Vô thượng cực quả bắt đầu từ thâm tâm. Thâm tâm đó rất vững chắc không thể đánh bạt. Cho nên một niệm có thể chuyển được khổ ba đường, mười niệm thì bước lên chín phẩm hoa sen. Điều này trong các kinh Đại thừa phương đẳng đều cùng trình bày, cùng phát huy, chẳng phải chỉ một bộ kinh nói ra.

Từ thời Hán Ngụy đến nay, chí thành hướng về Tây có người thật dùng đại pháp, ban đầu chưa lưu hành văn kinh chưa đầy đủ. Thời Tây Tấn, Khấu Đãng, Lưu Diệu ở kinh lạc, vị Tăng tên Hiển Tịch ở đất Giang đông, bắt đầu do ba điều nhân nguyện, cảm được nhiều điềm lạ, từ đó khư khư giữ lấy chí nguyện, gặp thời loạn lạc nên dời đổi thắng nghiệp, nhiều người hầu như không nghe biết.

Cuối thời Đông Tấn, có ngài Tuệ Viễn ở tại Lô sơn, có pháp sư Thích Đạo Bính đồng lòng mở hội và các vị như Trúc Đạo Sinh, Phật-đà-da-xá, cùng các vị tài giỏi ở tại gia như Lưu Di Dân, Lôi Thứ Tông, Chu Tục... gồm một trăm hai mươi ba vị đồng kết du ở bên ngoài cùng nhóm hợp lại. Ngài Tuệ Viễn cho rằng thân này ở trong huyễn mộng không thể lâu dài, do đó hướng về cõi nước Vô lượng thọ, làm chốn nhàn du tu tập. Lại nói rằng ở cõi thanh tịnh đó không có ba đường, không có sáu thú, chúng sinh nương về đó chẳng phải là ít. Khi được vãng sinh về đó, có cờ báu dẫn đường đi trước, thác sinh vào hoa sen

vàng. Thế là cùng nhau mở hội Liên xã. Từ đó các hội Liên xã bắt đầu ra đời. Hoặc có khi gọi là Tịnh xã, ý nghĩa cũng giống như vậy.

Từ thời ngài Tuệ Viễn về sau, pháp môn tu Tịnh độ càng được chấn hưng phát triển. Cho đến đời Tống thì có Đàm Hoằng; đời Tề có Tuệ Tiến; đời Lương có Đạo trân. Khoảng cuối đời Đường, xuất hiện các vị dĩnh ngộ thông thức như Đạo Xước, Thiện Đạo. Chúng ta sinh vào đời Tượng pháp, gặp được di pháp của Phật, hướng về Tịnh nghiệp, cũng đã được một năm. Mỗi khi đọc qua sự tích của các vị tiền hiền, tản mát trong các truyện ký, trải qua nhiều thời đại không thể nêu ra hết, điều này có thể khảo sát. Lại khảo xét từ đời Lương, đời Tùy về sau có Tuệ Kiểu, Đạo Tuyên soạn ra các truyện ký, gồm có mười hai nhà. Lại đến đời Tống có Tân truyện của Đại sư Thông Tuệ, được hiển đạt có bảy mươi lăm vị. Những tập truyện sáng tác đó về lý thì có chỗ còn mờ mịt, từ ngữ còn nhiều lủng củng, về nhân thì do sự tu chân chánh mà phát minh ra. Bên ngoài thì có Hồng Nghiệp, Tuệ Minh, gồm có sáu mươi hai vị, lúc còn sống thì ghi nhớ, đến khi qua đời không hề được chiêm ngưỡng thắng tướng, không đáng để khởi lòng tin sâu.

Các vị minh triết về sau hoặc do những chỗ không đủ thêm vào cho đủ, tôi cũng có bổ khuyết thêm vào.

12. Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương Luận tự của Thảo Đường Pháp Sư - Phi Tích.

BÀI TỰA TAM-MUỘI NIỆM PHẬT BẢO VƯƠNG LUẬN

Pháp sư Thảo Đường Phi Tích.

Khách có vị cao tín, đến nơi thiền tọa của tôi, làm lễ xong rồi thưa hỏi, lời lẽ thật thanh tao.

Hỏi: Người tu tâm, con đường thành đạo ngắn nhất: Như Tam-muội Pháp Hoa, hành trì không dễ, Tam-muội niệm Phật, Tông môn Ban-chu, tất cả đều là thiền môn vô thượng thâm diệu, xin nghe vài lời chí thành.

Đáp: Tôi ẩn mình trong chín ngọn núi cách xa cuộc đời, sách vở không đọc đến. Từ chùa Thảo đường núi Tử các, khiến cho kinh điển ngàn phước, Pháp Hoa thắng tràng, mới đây mà đã ba mươi năm rồi. Ở nơi yên tịnh chẳng có gì để ông hỏi. Nay ông muốn bước đến bến rồng vô sinh, nâng cánh chim bằng về Nam, tôi không được linh mẫn cũng thử luận bàn.

Ở đây chỉ xin lược khai ra hai mươi môn để nói rõ yếu chỉ này.

13. Hoa Nghiêm Niệm Phật Tam-muội Vô Tận Đăng của Pháp sư Viên Trừng, Nghĩa Hòa.

BÀI TỰA HOA NGHIÊM TAM-MUỘI NIỆM PHẬT VÔ TẬN ĐĂNG.

Pháp sư Nghĩa Hòa Viên Trừng.

Sáu đường phàm phu, ba Thừa Hiền Thánh, căn bản đều là linh minh thanh tịnh, cùng một tâm pháp giới, tánh giác bảo quang soi sáng, mỗi mỗi đều viên mãn, vốn không có tên gọi chư Phật, cũng không có tên gọi chúng sinh. Nhưng tâm này linh diệu tự tại, không giữ tự tánh, tùy duyên mê ngộ, tác nghiệp chịu khổ, gọi là chúng sinh.

Nếu tu đạo chứng chân, thì gọi là chư Phật. Phật thương xót chúng sinh bị điên đảo vọng tưởng chấp trước nên không chứng được. Cho nên Phật xứng tánh pháp giới mà nói kinh Hoa Nghiêm, muốn giúp cho chúng sinh biết rõ tất cả pháp tức là tự tánh của tâm, thành tựu được Tuệ thân, không do người khác mà ngộ. Còn như đồng tử Thiện tài chứng nhập pháp giới, tham học với Thiện tri thức các nơi. Đầu tiên thọ học với Tỳ-kheo Kiết Tường Vân môn Vô ngại trí tuệ niệm Phật. Lại đến trưởng giả Giải Thoát học “Duy tâm niệm Phật môn”, lại đến Phổ Biến Kiết Tịnh Quang Dạ thần dạy cho quán đức tướng niệm Phật môn.

Sau hội Hoa Nghiêm, các Tổ chuyên về niệm Phật, đều không được yếu chỉ. Các Thiện tri thức ở trong cửa giải thoát lại lập bày ra các pháp môn, ý muốn chúng sinh cùng thấu triệt như chư Phật. Cõi Tịnh và cõi uế dung thông, pháp pháp kia đây đều gồm thâu, trần trần đều bao quát, trùm khắp pháp giới. Tương tức tương nhập, vô ngại viên dung. Nếu đắc được pháp môn ấy thì khế hợp với chư Phật. Không được yếu chỉ thì tu nhân trong muôn kiếp cũng không bằng, như cùng một loại thuốc trị nứt nẻ mà có kẻ suốt đời bị vằn vện, có kẻ da thịt nhẵn thin... Bởi dụng có khéo vụng, mà lợi thì có lớn nhỏ, đó là pháp môn niệm Phật.

Nếu có sự trải qua lâu dài, gắng sức cũng nhiều, mà mất đi yếu chỉ quy hướng lúc bình thường, nên bị cảnh khác khởi dậy mạnh mẽ, tước đoạt thân tâm, dù có siêu ngộ chút ít thì trong đời này cũng không thể vượt qua được.

Trong kinh Hoa Nghiêm, quán hạnh viên mãn cho đến đạt được công lực chỉ trong khoảnh khắc, thấy cảnh Phật chỉ trong mảy bụi. Chúng sinh ở trong tâm chư Phật, mỗi chúng sinh đều có khả năng thành Phật, chư Phật ở trong tâm chúng sinh, niệm niệm đều chứng chân, thật là đơn giản dễ hiểu.

Tuy nhiên, tâm chư Phật nhổ gốc khổ và ban vui chỉ có một, năng lực không thể nghĩ bàn cũng là một. Chỉ có Đức Phật Di-đà, thì nguyện lực thiên trọng tiếp dẫn chúng sinh ở cõi Ta-bà. Cho nên Đức Bổn Sư trong phần lưu thông của bộ kinh, hạnh nguyện của Phổ Hiền là chỉ riêng Đức Phật A-di-đà, thật là chí thiết.

Nghĩa Hòa này về già thoái tịch về Bình Giang Năng nhân, chuyên sưu tầm ghi chép về sách Tịnh độ và các bộ luận tán, nhưng không hề có bộ pháp môn niệm Phật Hoa Nghiêm viên dung, nên không đáng nói.

Than ôi! Pháp môn bất tư nghì đã bị thất lạc, trong phần Đại kinh và Sớ ký đã không còn nghe ở đời, lìa đây mà tìm cầu, chẳng khác nào muốn đi về hướng Nam mà dong xe lên hướng Bắc. Cho nên tôi sao lục lại các sách đầy đủ, soạn thành một tập, đủ cho người thấy nghe hiểu rõ mà quy hướng Tịnh độ, đâu cần đợi đến thứ bậc tu hành? Chẳng phải tư lương mà chứng được Di-đà, há còn có ngôn niệm? chư Phật bỏ trần theo giác cho nên tỏ sáng. Chúng sinh thì bỏ giác theo trần cho nên mê mờ. Muốn cho người mê được tỏ ngộ, sự tỏ sáng đó cuối cùng vô tận. Nhờ mắt mà thấy khắp, cho nên nói là vô tận đăng.

14. Vô Tận Đăng Hậu Bạt của Tham Chánh Phạm - Thành Đại

LỜI BẠT VÔ TẬN ĐĂNG

Thạm Chánh - Phạm Thành Đại.

Tam-muội niệm Phật rất sâu xa nhiệm mầu, ở thế gian chỉ dùng âm thanh làm Phật sự. Sách này đã xuất bản nên người biết được bến bờ.

Mùng bảy, cuối Hạ, năm Đinh hợi, niên hiệu Càn Đạo.

Phạm Thành Đại ở quận Ngô kính ghi.

15. Tịnh Nghiệp Lễ Sám Nghi Tự của Đạo Trí Luật Sư - Nguyên Chiếu.

BÀI TỰA TỊNH NGHIỆP LỄ SÁM NGHI

Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu.

Nguyên Chiếu từ khi hạ đàn đến nay mới biết học luật. Nhưng bản tánh vốn vụng về nên hành trì không ra gì. Sau đó, nhờ gặp được Pháp sư Thiên Thai Thần Ngộ hết lời dạy bảo, nên biết sửa đổi. Từ đó mới hết lòng tham cầu lời dạy của Tổ, nghiên cứu rộng Phật thừa; đối với lời vi ngôn của Phật tổ, có lãnh hội đôi chút, liền trộm nghĩ: “Sơ tâm học muộn, là do không có gốc lành đời trước chăng? Cũng bởi không

gặp được bậc thầy giỏi, cho nên làm ác không biết xấu hổ, luống uổng một đời, chịu khổ nhiều kiếp.”

Thế rồi bèn phát thệ nguyện rộng lớn, thường sinh vào cõi Ta-bà có năm thứ ác trược, thông đạt được Phật lý, làm đại đạo sư, để khuyến hóa chúng sinh, khiến cho tất cả đều thể nhập vào Phật đạo. Lại thấy trong Cao Tăng truyện, Pháp sư Tuệ Bố có nói: “Cõi này tuy tịnh, nhưng chẳng phải sở nguyện của ta. Nếu như mười hai kiếp ở trong hoa sen thọ hưởng sự vui sướng, đâu bằng ở trong ba đường cực khổ này cứu độ chúng sinh.”

Do đó mà giữ vững thấy biết của mình, trải qua nhiều năm, đối với pháp môn Tịnh độ không hề quy hướng. Thấy người tu tịnh nghiệp lại còn phỉ báng, xem thường. Sau gặp cơn bệnh nặng, sắc lực hao mòn yếu ớt, thần trí mê mờ, không biết quy hướng về đâu? Khi bệnh đã bớt, chợt nhớ lại tội lỗi trước kia, lòng cảm thương rơi lệ, thầm tự trách mình. Chí tuy to lớn, mà năng lực chưa thể kham nổi, nhờ xem luận Thập Nghi của ngài Thiên Thai, nói Bồ-tát sơ tâm chưa chứng Vô sinh nhẫn, thì không được xa lìa Phật. Lại trong luận Trí Độ có nói: “Hàng phàm phu còn bị trói buộc có tâm đại Bi, nguyện sinh vào cõi đời có năm thứ ác trược, cứu khổ chúng sinh, thật không phải chỗ. Ví như đứa bé không được rời cha mẹ, cũng như loài chim non bé nhỏ phải tập chuyền cành.”

Thế là tội bỏ hết những sở học từ trước tới giờ, chuyên tâm tu pháp môn Tịnh độ, trong hơn hai mươi năm không hề tạm bỏ. Nghiên cứu tỏ tường lý giáo, bao gồm cả xưa nay, chợt tan biến các thắc mắc, càng thêm tin sâu.

Lại thấy Hòa thượng Thiện Đạo nói về hai pháp tạp và chuyên. Nếu chuyên tu thì trăm người tu, trăm người được vãng sinh. Nếu tạp tu thì muôn người tu chỉ đắc đạo một hai người. Tâm thức bị tán loạn, quán hạnh lại khó thành, cần phải nhất chí chuyên trì danh hiệu bốn chữ. Cả đời lầm lạc, nay mới biết chỗ quay về, do đó lấy chỗ sở tu, lần hồi hóa đạo cho đến tận đời vị lai. Phương tiện có nhiều cửa, để cho người tin được nhập vào. Như Bồ-tát Đại Thế Chí, dùng tâm niệm Phật, ngộ được viên thông, nhập Tam-ma-địa.

Lại tự suy nghĩ đến vô lượng tội nghiệp đã gây ra từ trước, không tin Tịnh độ, hủy pháp báng người. Nay nghiệp nhân đã thành, quả khổ chắc chắn khó tránh khỏi. Dù cho trăm ngàn kiếp, việc đã làm không mất, nghiệp tánh tuy là không, nhưng quả báo không mất. Trong lòng cảm thấy hổ thẹn, sớm tối bàng hoàng lo sợ. Thế rồi, thân liền đối trước Thánh tượng thố lộ tâm can, năm thể gieo sát đất, hết lòng sám hối.

Bèn phát đại nguyện, độ khắp chúng sinh, đồng tu niệm Phật, đều sinh về Tịnh độ. Muốn thường tu tập, phải lập ra nghi quỹ, cho nên gom tập các sách soạn thành tập sách này, từ đầu đến cuối có chia ra mười môn, đều y cứ theo lời Thánh, vâng theo nghi thức của người xưa, sự cũng lược đơn giản, pháp ở chỗ tinh chuyên, chỉ quý ở chỗ đầy đủ cho sự tu trì, đâu dám vượt qua các bậc tiên đạt? Các vị hậu bối có xem qua, xin hiểu cho ý chí của tôi.

16. Kinh Quán Cửu Phẩm Đồ Hậu Tự của Đạo Trí Luật Sư - Nguyên Chiếu.

LỜI BẠT KINH QUÁN CỬU PHẨM ĐỒ

Người học Phật ở đời, mới đầu ai cũng cho là vì việc lớn sinh tử. Lại bảo rằng bị tiếng tăm danh lợi làm động, bị duyên đời cuốn theo, thì việc lớn sinh tử chẳng cần nói đến. Hoặc bị người níu kéo thì sự từ chối không thể tự quyết định, hoặc nói đây không cần hỏi, hoặc nói không cần phải biết, hoặc nếu phù hợp thì vâng làm theo, chẳng cần suy lường tính toán. Hoặc nói tùy chỗ thọ sinh, ra vào tự tại. Hoặc nói sinh vào nhà không cao không thấp, lại là thân người nam. Hoặc nói tinh thần yên định, hiện các tướng thiện ác, không được tùy tiện bỏ, hoặc khiến cho biết trước thời gian, hoặc dạy khi sắp qua đời thì đoạt ấm, hoặc nói trăm xương cốt phân tán, một vật linh thiêng mãi. Hoặc nói hình tán khí tiêu, trở về chỗ vắng lặng. Các loại thức ức lường rối loạn như thế, đều không ra khỏi phàm phu, giống như hai kiến chấp thường, đoạn của ngoại đạo. Đến khi bốn đại phân giải, bệnh khổ ép ngặt, thần thức vô chủ, theo nghiệp luân hồi, điều này không còn nghi ngờ gì nữa. Dù cho định được thời khắc ngồi yên thoát hóa, thì thuật thế gian có thể làm được, chẳng đáng là kỳ diệu. Ở đây nếu không thấy "kinh Thập Lục Quán", không biết được tướng sinh chín phẩm, không tin nguyện lực Di-đà, mà cố chấp giữ sự thấy biết, tự cam chịu khổ sở, há không đáng thương xót sao!

Cô Tô Dật Thượng nhân, trải qua chốn tòng lâm đã lâu, không dính mắc thiên kiến, chú ý vào "kinh Quán" cũng cả năm rồi. Vì sợ hàng Đạo tục chưa xem qua kinh bổn, bèn mời thợ vẽ lại tướng chín phẩm, dẫn đầy đủ như trong văn kinh, khai thị mấy lời, xếp vào phía sau bộ kinh, dùng làm kệ tụng để khuyến đạo, lại cũng giúp cho người biết được việc lớn sinh tử. Thấy rõ con đường chân chánh mà không bị đắm mê trong dị kiến, uổng chịu luân hồi. Như nhân tướng đã nêu, do theo văn mà cảm hoài, thì sẽ có niềm tin. Hiểu thì là tu hành, còn nghi ngờ là

hủy báng. Không chỗ nào mà không là gieo giống vãng sinh. Văn này ở đời há lại không có chút bổ ích hay sao?

17. Tịnh độ Nghi Luận Thập Tự của Đề Hình Dương Kiệt:

BÀI TỰA THIÊN THAI TỊNH ĐỘ NGHI LUẬN TẬP

Đề Hình Dương Kiệt.

"Ái không nặng, không sinh vào cõi Ta-bà, niệm không chuyên nhất thì không sinh về Cực lạc."

Ta-bà là cõi uế, Cực lạc là cõi Tịnh. Tuổi thọ ở Ta-bà có hạn lượng, tuổi thọ ở Cực lạc thì không có hạn lượng. Ta-bà có đủ sự khổ, cõi kia thì An dưỡng không còn khổ não. Ta-bà theo nghiệp luân hồi trong sinh tử. Cực lạc hễ đã vãng sinh thì mãi mãi chứng Vô sinh pháp nhẫn. Nếu nguyện độ sinh thì nhậm ý tự tại, không bị nghiệp xoay chuyển. Như vậy thì tịnh uế, thọ lượng, khổ vui, sinh tử, đều có khác nhau, mà chúng sinh vì mê mờ nên không tỏ biết, thật đáng thương biết bao! Đức Phật A-di-đà là chủ nhiếp thọ cõi Tịnh độ. Đức Thích-ca Như Lai là thầy chỉ đường về cõi Tịnh độ. Quán Âm, Thế Chí, giúp Phật giáo hóa quần mê. Cho nên giáo điển một đời của Đức Như Lai, chỗ nào cũng đều khuyến người cầu vãng sinh Tịnh độ. Phật Di-đà cùng Quán Âm, Thế Chí, nương thuyền đại nguyện vào biển sinh tử, mà không đắm trước bờ này, không lưu bờ bên kia, không dừng lại ở giữa dòng, chỉ lấy việc cứu giúp chúng sinh làm Phật sự.

Cho nên trong ***kinh A-di-đà*** nói: "Nếu có người thiện nam, thiện nữ nào nghe nói về Đức Phật A-di-đà, chấp trì danh hiệu, từ một ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn, thì người đó khi sắp qua đời, tâm không điên đảo, liền được vãng sinh về nước Cực lạc."

Lại trong ***kinh Vô Lượng Thọ*** nói: "Chúng sinh trong mười phương nghe danh hiệu ta, nhớ nghĩ đến nước ta, trồng cội công đức, dốc lòng hồi hướng, muốn sinh về nước ta, nếu không toại ý thì ta không thành Chánh giác."

Cho nên tại viện Vô thường trong tịnh xá Kỳ-hoàn, Phật bảo người bệnh xoay mặt về hướng Tây, tưởng quán vãng sinh Tịnh độ. Bởi Đức Di-đà phát ra ánh sáng chiếu khắp pháp giới, nhiếp thủ các chúng sinh niệm Phật không lìa bỏ. Thánh phàm một thể, cơ cảm tương ưng. Chúng sinh trong tâm chư Phật, mỗi hạt bụi đều là Cực lạc, Tịnh độ trong tâm chúng sinh, niệm niệm đều là Di-đà. Tôi cho rằng pháp quán đó, người có trí tuệ rất dễ sinh, vì dứt được nghi ngờ. Người tu thiền định dễ sinh, vì không bị tán loạn. Người giữ giới dễ sinh vì không nhiễm trần lụy.

Người Bố thí dễ sinh vì không còn ngã hữu. Người nhẫn nhục dễ sinh vì không còn sân nhuế. Người tinh tấn dễ sinh vì không còn lui sụt. Người không làm điều lành, không gây điều ác dễ sinh vì niệm thuần nhất. Các việc ác đã gây, nghiệp báo đã hiện dễ sinh vì thật sự biết sợ hãi sám hối. Tuy có làm nhiều việc lành nhưng nếu không có tâm thành tín, không có tâm sâu xa, không có tâm hồi hướng phát nguyện, thì không thể vãng sinh bậc thượng thượng.

Ôi! Niệm Di-đà thật dễ trì, Tịnh độ thật dễ vãng sinh, mà chúng sinh lại không thể trì, không thể vãng sinh, là vì sao? Chúng sinh gây ra nghiệp ác, sa vào đường khổ, niệm Di-đà sinh về Cực lạc, cả hai điều này đều do Phật nói ra. Người đời sợ đoạ địa ngục, mà nghi ngờ việc vãng sinh, cũng không phải là mê lầm hay sao?

Pháp sư Tuệ Viễn đời Tấn, là người hiểu thông giáo thừa, là bậc xuất thần túc đức, thường cùng Tôn-giả Da-xá và Lưu Di Dân cùng các bậc tài giỏi, lập ra Bạch Liên xã ở Lô sơn, cũng bởi lòng tinh thành ở đây. Sau đó bảy trăm năm, các triều đại Lương, Chu, Tùy, Đường các hàng tăng tục tu tịnh nghiệp được sự cảm ứng chẳng phải một, các việc này có chép trong "Tịnh độ Truyện Ký", chẳng lẽ giả dối hay sao? Nhưng lời tán phụ Di-đà giáo quán, đều rút các tích từ trong sách ra. Nhưng "Luận Tịnh độ Thập Nghi" của Đại sư Trí Giả là quan trọng nhất. Trích dẫn lời Thánh, để mở bày khai sáng nghi ngờ của mọi người. Muôn năm ở trong nhà tối, khi ánh mặt trời sáng tỏ thì tăm tối không còn. Ngàn dặm bơi trong nước, gặp thuyền thì không còn nhọc tự lực. Sau các tạng giáo phi pháp thì thân không thể đến được.

Tôi ở kinh đô, từng đọc qua văn này. Đọc qua rồi hiểu biết, không ai không sinh lòng tin. Từ lúc bị hình phạt tàn khốc, sự cảm ngộ càng sâu, nguyện đem truyền bá rộng. Nhân lấy đây dẫn làm bài tựa. Giữa mùa thu niên hiệu Hy Ninh thứ 9, kính ghi.

18. Tịnh độ Thập Nghi Luận Tự Của Thị Chế Trần Quán

BÀI TỰA SAU CỦA TỊNH ĐỘ THẬP NGHI LUẬN

Tâm người vô thường, pháp cũng vô định. Tâm pháp đều khác nhau, nhưng căn bản vẫn tại đây. Tín đây thì tin khắp, đó là Thập tín trong kinh Hoa Nghiêm. Nghi đây là nghi khắp, ngài Trí Giả gọi đó là Thập nghi.

Bỏ nghi nhập vào tín, một nhập thì tất cả đều nhập, không lìa ở đây, mà được chỗ rốt ráo.

Tịnh độ là nơi rốt ráo. Ở cõi này có vị đứng đầu nói pháp tên hiệu

là Vô Lượng Thọ. Đức Phật nói pháp ở đây không hề đứt quãng. Nghi chướng ở tai thì tai điếc không nghe, Nghi chướng ở nơi tâm thì mê muội không hiểu. Không nghe không biết, an trụ vào ác tập, khen ngợi bất niệm, tùy hỷ thô tâm, vọng nói gá sinh hoa sen là điều luống dối. Cuối cùng không tự niệm thì thân bị phần đoạn, từ đâu mà đắc được, từ đâu mà đến? Thai ngục uế vẫn đục, chân thân an trụ ở đâu? Tín dựa vào nghiệp thức, tự làm ngăn chướng chân tâm. Đối với nhất huyễn cảnh chẳng chấp kia đây, sinh sinh bất linh, mãi mãi xa lìa đường Thánh.

Vì vậy mà Đức Thích-ca khởi tâm từ bi thương xót, ở trong cõi uế trược này, ngài phát ra âm thanh lớn, hết lời ca ngợi sự vui sướng thượng diệu ở Tịnh độ. Ở trong sinh tử, Phật là Đại thuyền sư, đem thuyền pháp chở chúng sinh qua đến bờ bên kia, ngày đêm Phật lo độ sinh không hề ngừng nghỉ. Nhưng bến bờ của Phật Di-đà, vốn không có kia đây. Thuyền của Phật Thích-ca thật chẳng phải đến đi. Ví như một ngọn đèn, phân chiếu trong tám gương. Gương có đông tây, bóng sáng không hai. Di-đà nói pháp, chiếu khắp trong cảnh giới, mà phương tiện của Phật Thích-ca, riêng chỉ gương ở Tây. Cho nên người đã đến bờ bên kia, thì có thể quên kia đây. Người chưa nhập vào pháp giới làm sao thấu triệt hết đông tây? Đối với pháp này nếu chưa đạt rốt ráo, thì chớ dính mắc vào phương hướng, chớ phân ra kia đây, chỉ nên chánh niệm tín tâm mà thôi. Ý của hai vị Thánh này, mà ngài Trí Giả gọi đó là tín.

Tín: là mẹ sinh ra muôn pháp lành, nghi là cội gốc của muôn điều ác. Nếu thuận theo mẹ, thì nhổ hết cội rễ, cái gọi là chúng sinh chướng duyên, kẻ bị điếc sẽ được nghe, mê muội lại được biểu biết, chưa ra khỏi sinh tử sẽ được ra khỏi, chưa sinh về Tịnh độ sẽ được sinh về Tịnh độ. Chúng sinh thuận theo lời dạy của Đức Phật Thích-ca thì vãng sinh tận mặt thấy Phật Di-đà, theo nguyện của Phật Di-đà đến giúp Đức Thích-ca. Ở cõi này mà trùm khắp mười phương, tức là từ hướng Tây đi khắp các cảnh giới. Từ khi nhị Thánh (Thích-ca, Di-đà) kiến lập đến nay, người được sinh về đó nhiều như số các sông Hằng.

Thế nào là bất tín? Thế nào là nghi? Nếu tự tin mình, lại bày ra các phương tiện, giúp cho người chưa tin thì sinh khởi lòng tin. Đây chính là lòng Từ bi của người trí.

Đại sư Minh Trí (Trung Lập), học đạo của ngài Trí giả, không thuận theo văn, mà thuận theo lòng từ bi, do đó lại ấn hành luận này, nhờ tôi viết cho lời tựa này, thêm cho phần truyện ký.

Ngày 11 tháng 07 niên hiệu Nguyên Hựu thứ 8.

19. Trực Chỉ Tịnh độ Quyết Nghi Tập Tự của Đề Hình Dương Kiệt

BÀI TỰA TRỰC CHỈ TỊNH ĐỘ QUYẾT NGHI TẬP

Đề Hình Dương Kiệt.

Bậc Thánh vì đại nguyện nên từ Tịnh độ đến đây. Đến mà thật ra là không đến. Hàng phàm phu thâm tâm đi về cõi Tịnh độ, đi mà thật không đi. Kia không có đến đi. Đây không qua lại, mà Thánh phàm lại gặp nhau, cả hai cùng dung hợp. Vì sao? Vì Đức Di-đà phát ra ánh sáng như vầng trăng tròn chiếu khắp mười phương. Nước trong mà yên tĩnh, thì mặt trăng hiện ra toàn thể. Mặt trăng không phải theo nước mà đến. Nước đục mà lại xao động, thì mặt trăng không thể chiếu sáng. Mặt trăng chẳng phải bỏ nước mà đi. Tại nước thì có trong đục, động tịnh. Ở mặt trăng thì không có lấy bỏ, đến đi. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm, Trưởng giả Giải Thoát có nói: "Biết tất cả chư Phật giống như ảnh tượng, tự tâm như nước, chư Phật Như Lai không đến đây, ta cũng không đến kia. Ta muốn thấy cõi Phật A-di-đà, thì tùy ý liền thấy." Cho đến biết chúng sinh chú niệm, chắc chắn thấy Phật Di-đà. Phật Di-đà đến đón rước, cõi Cực lạc không xa. Là lời thật xứng tánh, chẳng phải quyền giáo. Cõi Tịnh độ không có dục, nên chẳng phải cõi Dục, là cõi địa cư chẳng phải là cõi Sắc, chúng sinh nơi ấy có hình tướng nên chẳng phải cõi Vô sắc. Tất cả chúng sinh, chưa ngộ được chánh giác, ở trong cơn đại mộng, lên xuống trong sáu đường, không hề dừng nghỉ. Cảnh giới các vị trời tuy là vui sướng, nhưng quả phước báo hết thì hiện ra tướng suy. Cõi Tu-la đầy sân hận, cùng các trời tranh đấu thắng bại, loài bàng sinh bay chạy, ăn thịt tàn sát lẫn nhau. Quỷ thần ở chốn u minh, bị đói khát ép ngặt. Đêm dài ở cảnh địa ngục, đâu khổ kêu gào. Được sinh vào cõi người thật là may mắn! Nhưng rồi khó tránh được sự ràng buộc của sinh già bệnh chết. Chỉ có cõi Tịnh độ, hoàn toàn không còn các điều khổ, gá sinh vào đài sen, không còn khổ sinh, nóng lạnh không thay đổi, không có khổ già, thân chẳng còn phần đoạn, không còn khổ bệnh. Tuổi thọ vô lượng, không còn khổ chết. Không có cha mẹ vợ con, nên không có khổ ái biệt ly. Các bậc thượng thiện cùng nhóm họp, không còn khổ oán tắng hội. Ăn bằng hương hoa, thọ dụng châu báu, không còn khổ mong cầu không được, không có nỗi cùng khốn. Quán chiếu vắng lặng, không có khổ uẩn .

Dùng lòng Từ bi thương xót chúng hữu tình, muốn sinh thì sinh, không trụ vào vắng lặng, không có Nhị thừa. Trí chiếu sinh tử, được không lui sụt, chẳng phải là phàm phu.

Ba cõi mênh mông, ví như bốn bể, gò cao hầm hố, các thứ uế trược mục nát chứa nhóm lại. Sông ngòi ngăn cách, lấy ai làm cầu đò. Do đó mới có kẻ cuồng nhân mê vọng nơi này, loài ác thú dữ ly mị não hại trong cảnh tạp cư. Nạn chiến tranh, nước lụt lửa cháy có lúc nổi lên làm thương hại sinh linh. Gió sương, mưa gió bất thường, lại thêm sấm chớp ghê trời đáng sợ, không biết thành trì nhà cửa có đủ để che chở hay không. Ăn uống, y phục không đầy đủ, cam chịu ở trong cảnh đau khổ, mà không chịu cầu sinh Tịnh độ an vui.

Có Đức Phật Thích-ca, là đấng Đại đạo sư, chỉ cho chúng sinh biết cõi Tịnh độ thanh tịnh, là nước an vui Phật Vô Lượng Thọ là thầy cõi Tịnh độ. Như vậy chúng sinh chỉ cần phát thành tâm, niệm danh hiệu Di-đà, liền được vãng sinh. Nếu sinh về cõi nước kia thì không còn khổ não. Người không nghe biết thật đáng thương xót. Cũng có bậc thiện sĩ phát nguyện ba thứ tâm bất tín, không cầu vãng sinh cũng đáng thương xót. Ba thứ tâm bất tín đó là:

1. Ta nên vượt hơn cả Phật Tổ, Tịnh độ không đáng để sinh về.

2. Nơi nào cũng đều là Tịnh độ, Tây phương không cần phải sinh về.

3. Cõi Thánh Cực lạc, hàng phàm phu chúng ta không thể sinh về.

Biển nguyện thật vô tận, Bồ-tát Phổ Hiền còn nguyện thấy Di-đà, cõi Phật tuy là không, ngài Duy-ma thường tu cầu Tịnh độ.

Các Đức Như Lai mười phương có xưng tán tướng lưỡi rộng dài. Bồ-tát mười phương có tâm đồng vãng. Thử ngẫm nghĩ suy lường, ai có thể bằng với các bậc Thánh?

Nói không đáng sinh, vì sao lại tự xem thường như vậy! Ví như Tổ sư Long Mãnh, trong kinh Lăng-già có bài văn dự ký. Ngài Thiên Thân là bực giáo tôn, trong "Vô lượng luận" có bài kệ cầu sinh. Ngài thông tán của ngài Từ Ân, đầu tiên xưng tụng mười điều thù thắng. Ngài Trí Giả có bài "Triết lý", nói về mười điều nghi. Những vị ấy đều là bậc thượng triết, đều tinh tấn tu cầu vãng sinh.

Nói không cần phải sinh thật là quá khinh mạn, xe lửa có thể diệt, thuyền đá không thể chìm.

Hiện ra hoa báo, chẳng có khả năng đối với mười niệm mà vượt lên.

Đọa vào địa ngục, không ai mau hơn Hùng Tuấn sống lại mà chứng diệu nhân. Người đời tội lỗi, chưa hẳn như thế.

Cho là không thể sinh, vì sao lại tự bỏ?

Trong kinh Ban-chu Tam-muội nói: "Bồ-tát Bạt-đà-hòa, hỏi Phật Thích-ca: Chúng sinh ở đời vị lai làm sao thấy được chư Phật mười phương? Phật dạy niệm A-di-đà Phật thì thấy tất cả chư Phật mười phương."

Lại trong kinh Đại Bảo Tích nói: "Nếu chúng sinh ở phương khác nghe danh hiệu Phật Vô Lượng Thọ, cho đến phát một niệm tịnh tín, vui mừng ưa thích, đem hết gốc lành hồi hướng nguyện sinh về nước Vô Lượng Thọ, tùy nguyện đều được vãng sinh, không lui suit."

Đây đều là lời Phật nói, không tin lời Phật, sao lại nói đáng tin?

Không sinh Tịnh độ, thì cõi nước nào đáng có thể sinh? Tự khinh tự mạn là tự bỏ tánh linh của mình, trôi vào luân hồi, thì lấy gì để cứu?

Bốn mươi tám lời nguyện của Phật, đều vì độ sinh, mười sáu pháp quán, đồng quy về buộc niệm. Một niệm đã tin, là đã trồng nhân nơi ao báu. Các pháp lành cùng giúp sức, chắc chắn sẽ được hóa sinh nơi đất báu, chúng sinh không hối đọa ngay, ngộ nhận nghi thành. Tức thời hoa sen nở, được đạo giải thoát. Duy tâm Tịnh độ, tự tánh Di-đà, ở trong ánh sáng rực rỡ không còn việc ma.

Tập văn "Trực chỉ Tịnh độ quyết nghi" này do một người bạn tên Vương Cổ Mẫn Trung biên tập. Ông là người thông hiểu giáo điển, bao gồm cả xưa nay, cởi bỏ mọi nghi tình, vượt tất lên tín, địa chép lại yếu chỉ của Thánh hiền, trong các sách ở cõi Diêm-phù này thật rõ ràng thiết yếu, bởi đây là bực hướng đạo ở cõi An dưỡng. Nếu đến bời bên kia, thuyền còn phải quên, sao còn hỏi bến, lời này không nên xem thường.

Ngày mười tháng chín niên hiệu Nguyên Phong thứ bảy, kính ghi lời tựa.

Phụ chú: Bài tựa của Thứ Công đây ý nghĩa thật rõ ràng. Ở đây nói luận về ba thứ không cầu sinh. Thật là một lời răn nhắc tốt lành. Nhưng cho Tịnh độ chẳng phải là ba cõi và nói thân chẳng phải phần đoạn, thì trái với kinh luận. Đây chỉ dẫn có hai văn, để sửa chữa lại sự sai lầm, "Thích Thiêm" có nói: "Như trong Đại luận, nói Cõi An dưỡng chẳng phải là ba cõi, chỉ là không phải ba cõi Ta-bà này thôi, nếu vậy thì cõi kia có đủ ba cõi."

Kinh Vô Lượng Thọ chép: "A-nan bạch Phật: Cõi An dưỡng kia không có núi Tu-di, chư Thiên Đao lợi y vào đâu mà trụ? Phật lại hỏi: Cõi trời Dạ-ma cho đến Sắc giới y vào đâu mà trụ? A-nan mặc nhiên lãnh hội."

Ý hỏi lại đó là nói về cõi Dạ-ma và các tầng trời đã nương vào hư

không, thì đâu làm phương hại đến cõi kia? Đã rõ được tướng của cõi đó, lại có nhiều thứ chung riêng khác nhau, như thế giới Vô động. Tuy là Tịnh độ, vẫn còn có nam nữ và núi Tu-di... Đồng cư Tịnh độ này đã là khác nhau. Đồng cư uế độ cũng khác nhau.

Thích luận nói: “Ngoài ba cõi còn có Tịnh độ, Thanh văn, Bích-chi-Phật... thọ thân pháp tánh, chẳng phải phần đoạn sinh.”

20. Long Thơ Tịnh độ Văn Tự của Trạng Nguyên Trương Hiếu Tường.

BÀI TỰA LONG THƠ TỊNH ĐỘ VĂN

Trạng nguyên Trương Hiếu Tường.

Đức A-di-đà Như Lai dùng nguyện lực để nhiếp thọ chúng sinh. Sự buộc niệm tu tập thật đơn giản, việc chứng quả thật nhanh chóng. Nếu có người nghi ngờ, tôi cũng thường nói cho họ nghe:

Phật Di-đà tức là tánh của ông, nước Cực lạc là tâm của ông. Chúng sinh do bỏ giác theo trần cho nên luân hồi trong bảy đường, lập ra ngã, cách xa Phật một trời một vực. Vì vậy mà Phật khởi tâm từ bi, lập ra phương tiện khai thị cho chúng sinh được ngộ nhập, hiện ra vô lượng như huyễn Tam-muội trang nghiêm cõi nước, đầy đủ hoa báu cực đẹp. Lại dùng biện trí để giảng nói, khiến cho chúng sinh khởi tâm vui mừng tin ưa, ở trong cuộc sống hằng ngày có thể phát sinh nhất niệm, nghĩ nhớ Đức Phật Di-đà và muốn cầu sinh về đó. Tức là niệm này thanh tịnh bền chắc, trở lại bản tánh thanh tịnh ban đầu, không khác với Phật. Đương lúc niệm đó không khởi thì ở trên tòa, cõi nước Cực lạc của Đức Phật Di-đà liền hiện tiền. Tu tập như thế cho đến thuần thục, đến khi huyễn thân này hoại diệt thì tánh này sẽ trở nên bất hoại. Đài hoa sen vàng do tánh chủng sinh, vãng sinh trong đó. Như trở về nhà mình chư Phật, Bồ-tát đều là quyến thuộc của ta, tánh không hề thay đổi, tự thân ái với nhau.

Bạn hữu là Long Thư Vương Hư Trung, bẩm tánh thanh tịnh đơn giản, thông suốt các kinh sách, truyền tụng sáu kinh của các nhà Hiền triết số đến mấy mươi muôn lời. Một hôm ông đem vứt bỏ hết và nói: “Đó đều là nghiệp tập, chẳng phải là pháp rốt ráo, nay ta trở về quy hướng niệm Phật, cầu sinh Tây phương.”

Từ đó ông càng tinh tấn tu niệm Phật. Đến năm sáu mươi tuổi chuyên ăn rau, mặc vải bố. Đi bộ cả một ngàn dặm để giáo hóa người, dù mưa gió nóng lạnh cũng không quản ngại khi rảnh thì hằng ngày lễ Phật cả ngàn lạy, đến nửa đêm mới ngủ. Da mặt ông rất hồng hào, đôi

mắt sáng, người ngoài nhìn vào đều tin đây là một kẻ sĩ có đạo.

Mùa Thu, năm Tân Tỵ, niên hiệu Thiệu Hưng. Tôi có ghé nhà ông ở Tuyên thành, ở lại hai tháng, mới thấy được tập văn Tịnh độ của ông. Trong đó viết đầy đủ từ đầu đến cuối các pháp môn tu tập cùng sự cảm nghiệm từng chương từng câu. Mong cầu các tín hữu khắc bản lưu hành và ông có nhờ tôi viết lời tựa, nên viết đầu đề rằng: Hư Trung tên Nhật Hựu.

Tháng 10, dương lịch Trương Hiếu Tường kính ghi lời tựa.

21. Long Thơ Tịnh độ Văn Bạt của Đại Tuệ Thiền sư - Tông Cảo

LỜI BẠT LONG THƯ TỊNH ĐỘ VĂN

Thiền sư Đại Tuệ Tông Cảo.

Long Thư Vương Hư Trung Nhật Hựu là người thông cả ngoại điển, lại lưu tâm theo Phật thừa, lấy việc lợi người làm tâm nguyện của mình, thật là ngọn hoa sen trong lửa. Phật dạy: “Tự mình chưa được độ, trước đã độ người, đó là Bồ-tát phát tâm. Tự mình đã giác ngộ viên mãn, có thể giác ngộ cho người, đó là Như Lai ứng thế.”

Tôi cảm phục chí khí của ông, nên ghi vài lời bạt đặt ở sau sách. Nếu thấy được tự tánh Di-đà, thì rõ được Duy tâm Tịnh độ. Nếu chưa được như thế thì công lao của tập văn này của Hư Trung thành ra luống uổng.

Ngày 20 tháng 08 năm Canh Thìn.

22. Tịnh độ Bảo Châu Tập Tự của Thị Lang Vương Cổ

BÀI TỰA TỊNH ĐỘ BẢO CHÂU TẬP

Thị Lang Vương Cổ.

Tâm chúng sinh thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh. Pháp tánh vô sinh, mà không có chỗ nào không sinh. Có Đức Phật hiện nay đang nói pháp tại nước Cực lạc, hiệu là A-di-đà. Cõi Phật này có nhân duyên cao quý, tuổi thọ lâu dài, lòng Từ bi sâu xa, nguyện lực lại rộng lớn. Phật phát ra ánh sáng đến tận vô biên cõi nước, nhiếp thọ các chúng sinh. Cõi nước ấy bất tư nghì, vắng lặng trang nghiêm, lưới châu giăng khắp hư không, rừng vàng đất báu, ao sen đầy đủ nước tám công đức. Hoa phát ra bốn ánh sáng bốn mầu, trổi âm nhạc cả sáu thời, tán hoa cả ngàn ức cõi. Chư Phật cùng khen ngợi, mười phương đều quy hướng về. chúng sinh ở trong tâm Phật Di-đà, thời thời đều nhiếp hóa. Cõi Tịnh độ ở trong tâm chúng sinh, niệm niệm đều vãng sinh. Thần thức gá sinh

vào sen báu, không lìa đương xứ, thần thức vượt qua các cõi nước, đâu ra ngoài tự tâm? Như gương bao trùm cả muôn vật tượng mà không có đến đi, tựa như mặt trăng soi bóng cả ngàn sông mà vẫn không lên xuống.

Căn cơ viên đốn ở cõi nước ấy đều là những vị Nhất sinh bổ xứ. Bày rõ môn phương tiện, thì có chín phẩm khác nhau. Niệm Vô lượng quang của bổn tánh, xưa nay vốn không niệm. Sinh về nước An dưỡng là duy tâm, là chân thật vô sinh. Giải thoát ra khỏi khổ nạn luân hồi, mười niệm cũng sinh về đất báu. Hội quy về thật tế, Nhị thừa cuối cùng cũng chứng được Bồ-đề. Như thuyền lớn chở đá mà khỏi bị đấm chìm. Nếu giương buồm thuận gió, thì không bao giờ gặp nạn. Nếu ngộ được thì thật gần gũi không xa, còn mê lầm thì càng xa muôn dặm.

Than ôi! Người học ít mà chướng đạo thì nhiều, nghi sâu mà quán niệm lại cạn, chê bai cho là quyền tiểu. Cho ngài Mã Minh, Long Thọ, là chưa được thế; ngài Thiên Thai, Trí Giả là chưa đạt, không tin sẽ được thọ ký đạo Bồ-đề, không chịu sinh về nhà Như Lai thì lồng chim ao cá khó mà tránh khỏi, luống thọ một báo thân, uổng sinh vào đường khổ. Đâu biết đấng Đại hùng khen ngợi khuyến hóa, miệng vàng căn dặn hay sao? Được làm bạn với Thánh hiền trong khoảnh khắc, đầy đủ tướng tốt, thọ vui trong giây lát thì bỏ hẳn cõi đời năm trược. Lòng từ bi tăng trưởng thì hồi hướng cứu vớt ba đường. Chúng sinh ở đay lại không biết, thật đáng thương xót.

Từ thời Ngụy Tấn, Đại kinh bắt đầu xuất hiện. Khi ấy có ngài Tuệ Viễn và các bậc hiền nối nhau truyền lưu đạo hóa, mọi việc đều có nêu trong sách, sự chứng nghiệm đều rõ ràng đầy đủ. Phước Đường Thích Giới Châu truyện ký ghi rõ mười hai nhà, được bảy mươi lăm người, sưu tập bổ sung vào, làm cho ngày càng dồi dào. Tính thêm các vị sưu tập bổ sung thì được một trăm lẽ chín vị, ẩn hiện đầy đủ, tăng tục đều nêu ra, hội cả trăm sông về biển cả. Nêu ra đây để chứng nghiệm đạo cả bao la, mãi mãi làm ngọn đền soi sáng cho hậu lai.

Ghi vào ngày mười lăm tháng tám niên hiệu Nguyên Phong thứ bảy.

23. Tứ Thập Bát Nguyện Hậu Tự của Tuệ Giác Pháp Sư - Tề Ngọc.

LỜI BẠT TỰA BỐN MƯƠI TÁM NGUYỆN

Pháp sư Tuệ Giác Tề Ngọc.

Có người cho rằng: Tịnh độ là quyền biến phương tiện của bậc

Thánh, cho nên chỉ tiếp dẫn người độn căn, hóa giáo hàng phàm khí. Nếu một lần vượt lên thì vào thẳng cảnh địa Như Lai, thì cần gì phải nhờ vào tha lực?

Đáp: Khi Phật còn tại thế thì có, Bồ-tát Văn-thù Phổ Hiền. Sau khi Phật diệt độ thì có Mã Minh, Long Thọ, ở Trung Quốc thì có ngài Trí Giả, Trí Giác đều nguyện sinh về Tịnh độ. Các vị này nào phải là hạng độn căn?

Phật Thích-ca khuyến hóa vua cha Tịnh Phạn cùng sáu muôn người dòng họ Thích, đều nguyện sinh về Tịnh độ, đâu phải chỉ là hàng phàm khí? Các vị Thánh hiền này không bằng với hàng lợi căn thắng khí bây giờ hay sao? Nếu cho đây là quyền giáo thì lấy gì làm thật? Phê phán quyền, chẳng phải chỉ một đường. Nếu không nhìn xa thì lấy gì để soi sáng?

Nếu có sự hiểu biết thì nên tin lời Phật nói, chiêu vời quả báo chẳng phải nhẹ, vậy xin chớ xem thường. Xưa có lão học sĩ Tôn Tân, ban đầu cũng có mối nghi này, nhờ gặp được Dương Thứ Công, cùng có vị khách là Vương Mẫn Trung Thị Lang luận đạo rất khế hợp, bèn cởi mở được sự nghi lầm này. Do đó mà Tân lão nói: Ở bốn phương nói về thiền chỉ có ngài Hoàng Bá, Tuệ Lâm là hưng thịnh nhất. Sau Lâm tế thì có Từ Minh. Từ Minh truyền đạo cho Hoàng Bá ở Giang Tây. Sau Vân môn chỉ có Tuyết Đậu, Tuyết Đậu truyền cho Nghĩa Hoài, Nghĩa Hoài truyền cho Bổn. Bổn Công ở vào thời Tuệ Lâm. Mẫn Trung sớm đắc được pháp yếu. Thứ Công, Mẫn Trung đều là nhà Nho học thiền, được sự khuyến hóa nên quy hướng về Tịnh độ. Vậy đủ biết Tịnh độ chẳng phải là quyền thiết của Thánh nhân, mà thật là nơi an trụ của các vị tu thiền. Nếu có thể tức tâm là Tịnh độ, bổn tánh là Di-đà. Sinh thì niệm vãng sinh, đến thì thật không chỗ đến. Tuy cũng có kia đây khác nhau,không có tướng ngang dọc, đúng sai trong đó.

Xét lời của Tân lão, tin thật bậc Thiện tri thức không trái với lời dạy của Phật, không tự khinh thường bản tâm, sự lý đều viên dung, thật đáng tôn ngưỡng. Nguyện các nhân giả nên lấy việc lớn sinh tử làm tâm, không để cho nhân tình lấy bỏ làm ngăn ngại. Nguyện lực được như thế, lại niệm Phật Di-đà, phát khởi niềm tin quyết định, muốn thoát ra khỏi lộ trình hiểm ác ở cõi Ta-bà, làm khách vân thủy nơi Tịnh độ, bước vào ao sen có nước tám công đức, cầm tích trượng đi bảy bước dưới gốc cây chốn tòng lâm, nhập vào trong hải chúng thanh tịnh, tham học Thiện tri thức Di-đà, quán thắng cảnh mà được không lui sụt, nghe pháp mầu mà dễ ngộ vô sinh, bên lầu bảy báu, bên bờ ao hoa bốn mầu

ưu phiền tan hết, vui vẻ tột cùng. Nếu có được nguyện này làm bằng cứ, lộ trình phía trước chắc chắn sẽ không bị ngăn trở. Nếu có người nói không phải như thế, thì tôi cũng không biết phải làm thế nào!

24. Tịnh độ Cảnh Sách Tự của Ngô Hưng Pháp Sư - Nguyên Dĩnh

TỰA TỊNH ĐỘ CẢNH SÁCH

Pháp sư Ngô Hưng Nguyên Dĩnh.

Tất cả chư Phật đều trải qua muôn kiếp tu hành mới thành tựu được cõi nước, an lập cho chúng sinh. Bởi chúng sinh cứ mãi trôi lăn trong cõi sinh tử, chưa gặp được bậc Thiện tri thức, chưa được nghe pháp yếu, nên không thể thoát khổ. Chúng sinh vì mãi gặp những khổ nạn ép ngặt, cho nên bậc Thánh khởi tâm đại bi cứu vớt tất cả. Chúng sinh nào nên dùng những điều vui dẫn dụ, thì bậc Thánh khởi tâm đại bi nhiếp thọ. Nhiếp thọ thì tạo ra các cảnh giới trang nghiêm tốt đẹp, lầu các quý báu. Được tướng đại trượng phu, muôn sự đều an ổn. Triết phục thì có bốn sinh chín hữu, trăm ưu nghìn não, tướng năm khổ tám khổ. Nhưng với tâm bậc Thánh, thì đâu có sai khác? Vả lại Đức Thích-ca Mâu-ni người cũng có cõi nước thanh tịnh như Cực lạc Tây phương. Phật A-di-đà cũng có thế giới năm thứ trược ác kham nhẫn như Ta-bà. Cho nên nhất kỳ hóa vật mà có kia có đây, có tịnh có uế. Do sự kết duyên của chư Phật có khác, do chúng sinh thệ nguyện có khác. Nếu đạt đến bờ bên kia, bước lên quả vị, thì vững chắc. Bậc Thế trí hạ phàm không gọi là phân biệt, mà có thể giác biết sao? Không gọi là thủ xả, mà có thể tạo mượn sao? Trong các kinh điển có những lời răn nhắc, đều là khen ngợi cõi Tịnh độ Tây phương của Phật Di-đà. Nay sưu tập lại, bổ sung vào để giáo hóa khuyến đạo cho hàng đạo tục ở cõi này.

Than ôi! Việc sinh tử thật lớn lao, há không đau xót sao? Mà người đời hoặc bị chìm trong biển khổ, cam chịu cả đời; hoặc đắm mê nơi giàu sang, tự cho là sở đắc, mà không biết sinh tử, tử sinh, biến đổi nhanh chóng.

Cho đến có gọi là tâm tịnh thì cõi nước tịnh, không thân tức là pháp thân, chợt tới lúc qua đời không có chỗ an lập. Ngay lúc ấy cùng với người giữ chí thuần nhất, chấp tướng tu hành, thì ức kiếp vẫn không bằng. Cho nên xem qua kinh này, quý vị có phát tâm hay chưa!

25. Tịnh độ Tự Tín Lục Tự của Vô Công Tẩu Vương Điền:

TỰA TỊNH ĐỘ TỰ TÍN LỤC

Vô Tông Tẩu Vương Điền.

Bậc Đại Thánh thuở xưa, lập ngôn khuyến giáo. Trùm khắp trăm đời, mà chí còn chưa đề xướng hết, vẫn còn mờ mịt chưa rõ ràng. Vì vậy nên Đức Phật mới nói về cõi Tịnh độ ở Tây phương.

Tôi xem khắp các kinh, thâm cầu được yếu chỉ, hiểu rõ công đức vãng sinh, một lời giúp cho phàm phu được không lui sụt. Sự tu hành ở cõi này, đều là sơ tín của Viên giáo, là sơ quả của Tiểu thừa, tà kiến và tà ba độc mãi mãi không còn sinh khởi. Đây là do dứt hoặc mà phát ngộ, nhập vào dòng Thánh, vượt qua sinh, không mê muội sở chứng. Vượt lên bốn đường, mà không mất cõi trời, người.

Còn như trong phàm phu, tuy nhờ hàng phục các hoặc mà phát ngộ. Bồ-tát một lần trải qua bị sinh tử vô thường biến đổi, thì quên mất sở chứng, sở tu của mình. Do đó mà gặp duyên liền lui sụt, dễ bị sa vào đường khổ. Nhưng nếu phàm Thánh đồng cư Tịnh độ, như nước Cực lạc, tuy cũng có đủ ba cõi, nhưng chỉ là trời người, cho nên tất cả loài hàm thức đều được sinh về, xa lìa bốn đường, lại được trợ duyên lớn, tuổi thọ vô lượng dù cho là kẻ độn căn, một đời huân tu, thì không ai mà không chứng quả Thánh, vì sao lại có sự lui sụt? Bổn ý xưng tán Đức Như Lai, chẳng qua là như thế. Vả lại thể đạo viên cơ là tịnh nghiệp trên hết. Nếu có thêm nguyện đạo thì được dự vào phẩm ưu.

Nếu là hàng phàm ngu, chỉ có thể phát nguyện xưng danh hiệu Phật, cũng được vãng sinh.

Than ôi! Quán pháp môn Tịnh độ, thì biết là bậc Thánh cũng không thể bỏ chúng sinh. Chúng sinh do si ám, nên vô ngại vô tu, khởi tâm chướng đạo, bặt hết con đường học Phật, lại lớn tiếng nói: “Tịnh độ là việc ngọn nghành, đâu đáng nói.” Thật đáng thương thay!

26. Tu Hành Tịnh độ Pháp Môn Hậu Tự của Thị Lang Mạc Trọng Khuê.

LỜI BẠT TU HÀNH TỊNH ĐỘ PHÁP MÔN

Thị Lang Mạc Trọng Khuê.

Ta-bà là cảnh khổ, muốn thoát hết các khổ thì phải cầu sinh về Tây phương. Tây phương là nước An lạc. Muốn sinh về Cực lạc, thì phải tin lời Phật nói. Nếu có người đi vào chốn hoang vắng, đêm hôm tăm tối, có bọn giặc cướp đuổi cầm vũ khí bén theo sau lưng rất gấp. Người kia nhìn bốn phía bàng hoàng, không còn nơi để trốn chạy, kêu

trời khóc đất biết ai đến cứu? Chợt gặp một ông lão bảo rằng: "Cách đây không xa có nhà một vị trưởng giả, có uy lực phước đức, giặc cướp không thể xâm phạm. Nơi ấy lầu gác chân thật, tự tại vui sướng, không còn gì chướng ngại, ngươi nên quyết định, ta không lừa dối."

Người kia nghe nói, lòng rất vui mừng, nhanh chân chạy về phía nhà Trưởng giả không hề quay lại, lại nhất tâm chú mục, không nghĩ tưởng điều khác. Chỉ trong khoảnh khắc đã đến nhà vị trưởng giả, đám giặc khổ não, tìm mãi không thấy.

Đức Di-đà nhiếp thọ chúng sinh chính là nơi ở của trưởng giả, an ổn mà sao không ở? Đức Thích-ca là bực thầy dẫn đường cho chúng sinh mê mờ là lời ông lão nói, vì sao không tin? Đối với Người thế gian khi nói về Tây phương, họ thật không thể biết, so ra cũng giống như thế.

Biết mà không tin, tin mà không tu, tu mà không có năng lực thì mười người cũng hết tám, chín người. Nay tôi nói lại những lời ví dụ này để cho những người không biết có thể lãnh hội và những người không tin, không tu, không cố gắng thì hãy cố gắng lên.

27. Minh Sư Thắng Địa Luận Bạt của Độc Tinh Cư Sĩ Lâm Cảo

LỜI BẠT MINH SƯ THẮNG ĐỊA LUẬN

Cư sĩ Độc Tinh Lâm Cảo.

Tôi có đọc qua "Chí đức kinh" của Trung Hư, mà hiểu được ngôn từ của lâm loại. Cho rằng chết ở đây sao biết không sinh về kia? Tuy biết là tử và sinh là một lần đến một lần đi, nhưng chỉ cầu lý thuyết mà chưa được ngộ. Ý cho rằng việc chết đó, chẳng qua là xả bỏ báo thân mà thôi.

Sinh ở nơi kia, thì rốt cuộc sẽ rơi vào nơi nào? Ở đây, sở dĩ cầu ở nơi lời nói nên chưa thể được.

Nay xem qua "Luận Minh Sư Thắng Địa" của Thiền sư Phước Thanh, mới biết ở ngoài thế gian còn có nội viện Đâu-suất, Tây phương Tịnh độ là nơi nương gá của mọi người. Nếu không nhớ nghĩ chứa nhóm thì không thể đạt đến. Tôi nhân đó nói lại ba lần, cuối cùng ở trong chỗ bản tánh vắng lặng, chẳng có tướng đoạn diệt. Ở đây khi sinh báo hết, lại sinh về cõi khác. Nếu còn có nguyện lực vững chắc, thành tựu được gốc lành, thì không còn lo bị đắm chìm trong đường ác, chắc chắn sẽ được siêu thăng lên cõi thắng báo.

Từ nay về sau, mới biết ở cung trời Đâu-suất và Tây phương không hề ngăn cách. Cõi này thường hiện ra trước mặt, chỉ cần tâm bền chắc thì sẽ thấy được Phật.

Như Diệu Hỷ nói: "Thấy tự tánh Di-đà, rõ được tâm Tịnh độ." Đây thật là một lời nói bao trùm cả luận này.

Sư là con cháu của Diệu Hỷ, đối với minh sư được nơi nương gá. Cho nên có thể dùng ba chỗ chánh luận để làm lợi ích chúng hữu tình. Tham chánh đại tư Chu Công Quỳ được lời tựa cho là lời của thầy, tin là có chứng cớ. Lại yêu thích tông thông thuyết thông, đối với thật tướng giáo tướng không trái. Tâm từ bi tha thiết mới dặn dò kỹ lưỡng như thế. Các nhân giả hãy nhân nơi bài tựa của Chu Công mà cầu tâm của lão sư, thì Đâu-suất, Tây phương không phải lao nhọc hiểu tìm, mà cứ thẳng đường bước tới.

Cư sĩ Độc Tĩnh Lâm Cảo kính ghi lời tựa. Trong Càn Đạo, ở Lan khê đất Vụ, Thích Quang Đạo hiệu là Vân Thủy, thuở nhỏ học theo giáo pháp Thiên Thai, sau đến phương Nam tham phỏng, đắc pháp nơi Tuệ Cảo, cuối đời sống ở Phước thanh, Bồ điền, trước tác ba quyển Y thác Minh sư Thắng địa luận, được lưu hành ở đời. Trong đó đại khái nói đến sự cao xa vi diệu của Phật pháp, như thắng duyên tăng thượng thì chỉ có Minh sư Thắng Địa mới xứng đáng làm chỗ nương tựa. Bởi vì phàm kẻ học đạo quý nhất là ở kiến tánh. Kẻ kiến tánh quý ở tu tập. Kiến tánh chưa tỏ thì cần phải cầu thầy. Tu tập chưa thành tựu thì phải nhờ vào cơ địa. Được thầy dạy thì học được điều chính đáng. Được cơ địa thì dấu vết của tâm được an.

1. Nơi trung tâm đất nước, nơi các Thánh hiền cư trú.
2. Trời Đâu-suất-đà nơi Di-lặc thuyết pháp.
3. Tịnh độ Tây phương nơi Di-đà hoằng dương giáo hóa.

Ba nơi này đều là nơi chốn thù thắng (Thắng địa). Nếu được nương tựa tu hành, đến hai quyển giữa và sau, thì chuyên nói rõ pháp môn Tây phương, khuyên người tu tập. Lời văn dài dòng không thể viết hết, chỉ viết lời bait cho họ Lâm, thuật lại ý chí lớn của luận.

28. Bảo Thành Dị Ký Lục Tự Của Thị Chế Trần Quán:

BÀI TỰA BẢO THÀNH DỊ KÝ LỤC

Đãi Chế Trần Quán.

An dưỡng không ở tại kia, phù vân cũng chẳng phải ở ta. Nay Tốc Vĩnh Công gọi đó là An dưỡng độ.

Tự đã đắc tội ở Thai châu, từ tháng tám năm Nhâm Thìn, có gom góp các kinh sách, không còn vì văn, tận tâm sửa đổi, chuyên chú ở cõi này. Con đường còn dài, thân lại già yếu, chỉ tiếc là phát tâm quá muộn. Ở đây xem lại "Đạo viện tập luận" của Nguyên Công luận về

không, bất không Tam-muội, do buộc ở nơi từ ngữ nên nói: Cái gọi là "Từ" đó, là do quán tâm để dễ ghi chép, "từ" ấy có bốn câu kệ. Văn của Nguyên Công thâm nhập biển Phật, ngôn từ không rườm rà. Cho đến dùng từ quán tâm thì cũng chưa quên, mà lại muốn dễ ghi. Công cho là dễ ghi đâu phải chỉ chú ý vào từ ngữ ghi chép mà thôi? Tôi nghĩ hễ là từ quán tâm là muốn vì mình mà chưa thể vì mình, hạ bút xuống đây tạm đặt tên là "Bảo thành dị ký lục". Liễu Trai nương nơi pháp sư Minh Trí Diên Khánh mà được sự uyên nguyên của giáo pháp Thiên Thai. Cuối đời một lòng hướng về Tây phương, thành tâm lấy đó làm chỗ đến. Đầu mối của pháp thực hành theo là dựa theo Quán tâm dị lý của Triều công. Ngài nói: Tôi từ ngày nay quyết định hàng ngày theo pháp này, trước tiên vào Không Tam-muội, diệt tất cả vọng niệm, như hoa đốm, như tiếng vang trong hang, vẫn tháy nghe mà không bị chướng ngại. Lại vào Bất không Tam-muội, an trụ trong Nhất chân pháp giới như châu trên trán, như báu trong búi tóc, thường ưa mang theo mà không rơi mất. Pháp này giúp nhau mà không có thời khác, chặt chẽ dài lâu, không pháp nào bằng. Quán tâm dị ký, buộc niệm vào đây thì tâm rỗng rang như hư không, mênh mông không thể chạm. Trong Nhất chân pháp giới linh chiếu thường an trú.

29. Viễn Pháp Sư Trai Kỵ Lễ Văn Tự của Chánh Ngôn Trầm Duệ:

LỜI TỰA VIỄN PHÁP SƯ TRAI KỴ LỄ VĂN

Đức Phật Thích-ca xuất hiện ở đời, nói pháp độ sinh. Trong các pháp môn, pháp môn thẳng tắt nhất không gì dễ bằng niệm Phật cầu sinh nước An dưỡng ở Tây phương.

Than ôi! Nếu không có bốn mươi tám lời nguyện của Phật Di-đà thì cảnh Tây phương không dễ gì khai phát. Không có sự nói pháp của Đức Phật Thích-ca, thì nguyện lực của Phật Di-đà sẽ không được lưu truyền nơi dương thế. Phật trước phát nguyện trước, Phật sau nói kinh ở sau. Đạo lý này có nói rõ ràng, rất đáng tin chớ có nghi ngờ. Nhưng pháp môn có rất nhiều, hoặc chọn ra mà không tinh, người tinh tường, hoặc truyền bá mà chưa tu tập.

Ghi chép những văn từ đơn giản, có lựa chọn mà tinh truyền, truyền lưu mà tu tập, vì để khai ngộ đời sau, ân này bố thí này, cùng với chế ra thì mới ở nơi tâm, chép ra thì mới thành sách, như vậy thì sách dày mỏng phải như thế nào? Chỉ có sự tu hành này mới là An dưỡng, là do Phật Di-đà chế định, Đức Thích-ca thật sự ghi chép, chọn lựa, truyền

bá tu tập, di giáo lại cho người sau Tuệ Viễn đời Đông Tấn.

Lý Tế Tú sĩ ở Tây hồ, là bạn hữu đồng niên của tôi. Lạc Thanh lệnh doãn là Lý Công Tố, con của Tố gặp lúc gia đình bị nạn, tuổi nhỏ không nơi nương dựa, cha mẹ mất sớm. Trong cảnh cô khổ, bèn tiến tu đạo pháp. Xưa từ chứng thông chủ nhân thầy bạn, lập ra Tây tư xả, bởi có ý di pháp của Tuệ Viễn. Ba năm trở lại đây, người nhóm về tu tập ngày một đông. Nếu tham dự hội này tinh tấn không biếng nhác, thì sẽ gặp nhiều điềm tốt đẹp, đắc được quả mầu cao quý, như kinh có nói. Ngày nay Lý Quân chỉ niệm như thế, tuy trước Phật sau Phật có khai mở pháp môn, rộng lớn mà đức của Tuệ Viễn, làm sao có thể quên được? Trở lại khảo cứu các sách truyện ký, viết lễ văn để khai thị cho các vị đồng tu, tôi cho là cần hiểu biết trước sau. Do đó mà nói: các đạo của đời Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang, Văn, Chu, đều do Trọng Ni mà sau được rõ ràng hơn, được lưu truyền rộng ra và thâm nhập đạo từ một số bậc Thánh, mà Người đời sau kế tục thì có Mạnh Kha. Xem qua giáo pháp Tây phương, thì Tuệ Viễn cũng giống như Mạnh Tử. Vì sao ông lại tị hiềm? Tuy nhiên, văn của Lý Quân, tôn lên nói là của Tuệ Viễn để mọi người theo học, như nhà Nho đối với Mạnh Tử. Nếu bái tụng mà không quán xét, thì chẳng phải là điều mong mỏi của Lý Công đối với đồng xã vậy.

30. Xưng Tán Tịnh độ Hải Chúng Thi Tự Của Phủ Phán Phương Thứ

LỜI TỰA XƯNG TÁN TỊNH ĐỘ HẢI CHÚNG THI

Phủ Phán Phương Thứ.

Tịnh độ và Ta-bà là pháp đối trị giữa phàm và Thánh. Nói theo sự khổ vui thì Tịnh độ là vui mà Ta-bà là khổ. Nói theo trong đục thì Tịnh độ là trong mà Ta-bà là đục. Nói về sự sinh tử thọ yểu thì Tịnh độ là thọ nên thường sinh; Ta-bà yểu nên chắc chắn sẽ chết. Nhưng chúng sinh phần nhiều đắm mê đối với cảnh Ta-bà, nên ít có biết con đường vãng sinh Tịnh độ là được an vui, cũng do nghiệp báo che lấp.

Đấng Pháp vương Thích-ca, là Đấng Đạo Sư giáo hóa ở cõi này. Đức Di-đà Thế Tôn là từ phụ tiếp dẫn ở Tây phương. Mà các vị Thánh, các bậc Hiền lại phát minh ra đại nguyện của Đức Thích-ca; và cả Đức Di-đà, chỉ bày cho chúng sinh, khiến họ tu tịnh nghiệp mà ra khỏi luân hồi. Như thế thì Ta-bà là nơi ràng buộc phiền não, Tịnh độ là cảnh giới trang nghiêm, Như Lai khai dụ chỉ bày ra rất rõ ràng, các bậc thượng thiện mở mang càng đầy đủ. Nay Lý Tử Tế y theo đó mà làm thơ xưng

tán và vịnh sử, gồm một số thiên, mỗi lần giở tập thơ ra thì Di-đà hải chúng, thắng cảnh Tịnh độ như hiện ra trước mặt, giúp cho người tâm khai ý ngộ, liền nguyện vãng sinh. Như vậy thì công của Tử Tế há là nhỏ sao?

Tử Tế là hàng Nho gia, bốn đời đều đăng khoa, có tiếng tăm trong quan trường, nhưng đời sống thanh bạch, thông hiểu Phật lý. Ông để tâm vào giáo điển Tây phương, như đói thì ăn, khát thì uống, mùa hạ thì áo đơn, mùa đông thì áo kép, có hay không là do tự mình. Bởi đất có thể động, vàng có thể biến đổi, nhưng tín tâm của Tử Tế rất kiên cố rõ ràng không lay động. Như vậy thì sự hóa sinh ở đời khác, chắc chắn sẽ làm người trong chín phẩm. Tôi kính xem qua bèn tùy hỷ viết lời tựa

31. Tây Quy Liên xã Tự Của Nguyệt Đường Pháp Sư - Huệ Tuân

BÀI TỰA TÂY QUY LIÊN XÃ

Pháp sư Nguyệt Đường Huệ Tuân.

Xưa, Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô sơn, cùng ngài Tuệ Trì, Đàm Thuận liên kết với Lưu Di Dân, Lôi Thứ Tông, Chu Tục... gồm mười tám vị và các vị cùng chí hướng một trăm hai mươi ba người tu tịnh nghiệp, lấy Tây quy làm minh thệ, lập ra Bạch Liên xã. Từ đây cùng chán cảnh Ta-bà, ưa thích tịnh lạc, nối nhau tu tập. Cho nên từ đời Tấn, Tống đến Tùy, Đường, các bậc cao tăng hiền sĩ, đời đời đều hành trì theo. Do đó mà đến lúc qua đời thấy đài vàng tía hiện ra, có cả đài bạc sen vàng, có ánh sáng dịu mát điềm lành. Có âm thanh khen ngợi ở trên hư không, có nghe mùi thơm lạ đầy thất, cho đến mắt thấy Di-đà qua lại đón rước, sự cảm ứng chẳng phải ít, rõ như trong bổn truyện. Cho nên các vị cao nhân thời hoàng triều của ta đều là bực hiền triết, ưa thích tịnh tu ngày càng hưng thạnh. Huống chi tiểu am này, suối reo bên nhà cỏ, thông xanh đầy cửa môn, ao tịnh sen hồng, nước soi bóng trăng, cảnh yên lắng u huyền, là chốn ngựa xe không qua lại. Như vậy mới sách tấn việc tu hành, là nơi để thân này gá sinh vào hoa sen chín phẩm, chỉ vâng theo quy tắc xưa, mộ được một trăm mười tám vị cùng tu Tam-muội niệm Phật quy hướng về Liên xã, giữ tâm bền chắc trọn đời không thay đổi.

Trụ trì chùa Diên Khánh - Nguyệt Đường Huệ Tuân khuyến lục thư.

32. Khan Vãng Sinh Hạnh Nguyện Lược Truyện Tự của Khải Am Cư Sĩ Ngô Khắc Kỷ.

BÀI TỰA KHẮC IN VÃNG SINH HẠNH NGUYỆN LƯỢC TRUYỆN

Cư sĩ Khải Am Ngô Khắc Kỷ.

Tôi có khảo sát các vị đại sĩ phu đời trước học pháp xuất thế, mới biết Đức Như Lai bổn ý thuyết giáo, không bị vướng mắc vào Không và Có. Vào đời Tấn thì có Lưu Trung Tư, đời nhà Đường có Liễu Tử Hậu, vào triều đại ta thì có Dương Thứ công. Trung Tư gia nhập vào Liên xã của Tuệ Viễn, khi sắp qua đời duy chỉ thỉnh chư tăng tụng kinh Vô Lượng Thọ và kinh Pháp Hoa. Tử Hậu soạn "Vô tánh Hòa thượng bia", khen ông chỉ tụng "kinh Pháp Hoa". Đồng thời chỉ ra cõi nước Cực lạc là con đường để chúng sinh quy về. Thứ Công soạn "Thiên thai Vô tướng viện bia" cũng khen ngợi Trí Giả là bực Đại sĩ xây dựng, giáo hóa Thiên thai, lấy Tam-muội Pháp Hoa làm cực trí, lấy cõi An dưỡng làm nơi trở về. Bởi không tụng Pháp Hoa thì không thể rõ được tâm ta vốn đầy đủ diệu pháp. Không sinh An dưỡng thì không chứng được tâm ta vốn sẵn có diệu pháp . Đức Như Lai ân cần chỉ dạy, ngài Trí Giả tha thiết trì kinh, mới biết Phật tổ rủ lòng Từ bi như lúc đầu không khác.

Nay hàng sĩ phu lưu tâm đến Phật thừa, cố gắng cầu xuất ly, chắc chắn không phải là ít. Nhưng người bị dị kiến xâm đoạt còn chưa tránh khỏi. Pháp sư Ấn Quang, khuyên hàng tín sĩ phát tâm quyên tiền vàng để truyền bá "Từ vân Sám chủ Tịnh độ Hạnh Nguyện pháp môn và Lược truyện", đâu phải chỉ cầu những điều này hay sao? Tôi nghe lòng vui mừng đến không ngủ được, bèn nêu ra ba thứ ngôn hành của quân tử để chứng minh, ngõ hầu các vị thật tâm hiền đạt biết có Phật pháp chánh tông mà cùng nhau tu tập, để sớm ra khỏi luân hồi. Còn muốn làm loài trùng trong thân sư tử, tự ăn thịt sư tử, thì dù Nam Dương quốc sư có tái sinh, cũng không thể làm gì được, huống chi mấy lời tôi nói ra đây.

X. Về văn có mười ba bài.

1. Lô sơn Bạch Liên xã Thệ Văn Của Dật Sĩ Lưu Di Dân Thời Đông Tấn:

BÀI VĂN THỆ NGUYỆN CỦA BẠCH LIÊN XÃ Ở LÔ SƠN

(Dật sĩ đời Đông Tấn là Lưu Di Dân.)

Kẻ sĩ đương triều là Tạ Linh Vận, cao nhân Lưu Di Dân cùng một trăm hai mươi ba vị lập ra Liên xã, đề cử Di Dân viết bài phát nguyện.

Bài phát nguyện nói rằng: Từ tháng bảy năm Bính thìn cho đến ngày hai mươi tám tháng giêng năm Ất mùi ở tại Nhiếp đề cách, Pháp sư Thích Tuệ Viễn, chân cảm được đạo lý sâu mầu, lòng ôm ấp phát nguyện, cùng với các vị sĩ phu đồng tu có tâm tịnh tín gồm một trăm hai mươi ba vị nhóm hợp tại vùng Lô sơn. Nơi tịnh xá đài Bát-nhã, phía trước tượng Di-đà. Đều dùng hương hoa kính hiến mà lập thệ nguyện, chỉ có chúng trong hội này lý duyên hóa đã rõ ràng, thì truyền tụng cả ba đời. Sự cảm ứng đã phù hợp thì quả báo thiện ác phải có. Sự đắm chìm trong biển khổ, ngộ Vô thường trong khoảnh khắc, xét ba thứ báo luôn thúc dục, biết hiểm nguy khó tránh khỏi. Vậy khuyên các vị hiền sĩ đồng chí hướng ngày đêm nên siêng năng tu tập, mong cầu tế độ bởi vì có thể cảm đến thần nhưng không thể mong cầu, ắt cảm đến vật thì đường tối cận kề. Nếu không cầu vãng sinh thì mênh mang nơi bến bờ nào?

Nay chúng ta may mắn mà không chịu phát tâm cầu về Tây phương, lễ bái khai tín tâm, lương tình đều phát khởi, thì cơ tượng sẽ thông ở trong mộng, vui mừng hơn trăm lần khi ta đến.

Khi ấy, linh đồ biểu huy, cảnh tượng do thần tạo, công do lý hài hòa, sự chẳng phải là người chuyển vận. Đây thật là do trời sáng khởi mà thành, minh vận cuối cùng sẽ đến! Lẽ nào không khắc tâm khắc niệm, lại tinh tường suy nghĩ, để dừng hết lo âu? Nhưng cảnh tục có nhiều sai khác, công đức phước báo chẳng phải một. Tuy sớm cầu thì nói là đồng, mà tối quy thì lại có ngăn trở. Tức quyến thuộc của thầy bạn ta, thật đáng thương xót. Vì thương xót nên ta chỉnh y áo ngay ngắn lên pháp đường, đẳng thí nhất tâm, mong cầu chốn u cực, thệ nguyện với đồng nhân ở đây, đều đi về nơi tuyệt cực. Trước tiến và sau thắng, cố gắng tinh chuyên đạo vị. Sau thì đại nghĩa của diệu quán khải tâm trong sạch tỏ chiếu, thần thức giác ngộ, hình do đây mà thay đổi. Nương phù dung ở nơi trung lưu, ẩn quỳnh kha để làm ngôn vịnh, nổi có mây ở nơi bát cực, thổi gió hương đến cùng năm, thể vọng an càng hòa mục, tâm siêu lạc để tự vui, đến ba đường mà từ tạ, dạo cõi trời mà từ giả hẳn. Nối tiếp các linh, noi theo thái tức, để làm khóa kỳ nghiên cứu đạo này há không lớn sao? Bỏ hết trần lao, nếu lời di huấn cầu sinh Tây phương, cuối cùng cảm Phật đến tiếp dẫn.

2. Đông Hải Nhược của Đường Lễ bộ Liễu Tử Hậu

ĐÔNG HẢI NHƯỢC

(Lễ bộ Liễu Tử Hậu).

Đông Hải Nhược đi chơi trên đất liền, bước đến một gò lớn, được hai cái bầu cắt riêng ra để vui chơi, một cái dùng để đựng nước biển và các thứ bùn đất tạp uế và các phẩm vật, mùi hôi thối bay ra không thể tả. Dùng đá lấp kín, lại bèn giở ra ném hết xuống biển. Tôi có lúc qua đó chơi nói: "Ta là biển lớn", Đông Hải Nhược cười nói: Lạ thật! Nay nói biển lớn đó, kỳ thực đông không ra đông, tây không ra tây, bắc không ra bắc, nam không ra nam. Sáng thì tắm mặt trời mà xuất hiện ra, tối thì tràn ngập các vì sao, trùm chứa cả thái âm, lửa dương âm đem ánh sáng báu mà tỏ soi, làm cho bầu trời đầy tạp nhiễm u ám, hẳn ghé lại nơi bến sông phía Tây. Vì thế cho là lớn lao, là sâu xa, là trong sáng, là tỏ soi, đó chính là vô ngã nhược này. Nay ông đem bỏ những giọt nước biển đồng thể với phẩn hoại, ô nhiễm cùng gặp, giun dế cùng ở, thật hẹp hòi chật chội. Lại u ám như thế mà biển vẫn đồng, cũng không hề biết xấu hổ, thật đáng thương xót! Nếu ông muốn, tôi sẽ đem đá phá tan cái bầu của ông, bày các thứ nhơ uế nơi đảo hoang lớn, rồi cùng ông trình bày những điều vừa rồi được chăng?

Phân nước lạnh lùng không vui nói: "Tôi cố nhiên là đồng ý, ông vì sao lại mong cầu như thế đối với Nhược? Tánh của ông cũng giống như Nhược mà thôi. Nhơ uế thì tự nó đã nhơ uế, không đủ sức để làm hại sự trong sạch của ông. Hẹp thì tự nó cũng hẹp, cũng không thể hại được chỗ rộng của ông. U huyền thì có u huyền, không đủ để hại tánh sáng của ta. Ô uế cũng là biển, tăm tối chật hẹp cũng là biển. Bỗng nhiên đến, rồi cũng tự nhiên đi, lại chấp không phải là biển sao? Ông đi đi, chớ làm loạn ta!"

Kia nghe Nhược nói, liền kêu lên: Ông phẫn nộ là quá đáng! Tôi cho đó là điều cố nhiên, không thể khác được. Nay ông bảo ta biển là rộng lớn, lại cho rằng ta nhìn biển chỉ là đồ phẩn uế, ta càng thêm nóng ruột. Bọt nước của ông có dậy sóng cũng không đủ lấp kín được. Đem hết cả bọt sóng của ông, cũng không đủ để đổ đầy cái bầu của ta, có khả năng làm như thế quanh năm suốt tháng, mong ông mà thương xót tôi!

Đông Hải Nhược bèn dùng đá đập vỡ bầu, ném xuống đất, rửa hết chỗ nhơ uế ngoài đảo hoang, mà nước lại trở vào biển, trình bày hết những việc vừa rồi, mà một khi đã hướng về, cuối cùng chỗ xú uế nào mà không biến mất.

Nay có hai người học Phật, đều xuất xứ ở nơi biển Tỳ-lô-giá-na, mà đắm chìm nơi năm trược nhơ uế, rơi vào bầu ba cõi tăm tối, mà lấp đá vô minh, ở trong mười hai chỗ giun dế bẩn thỉu, có người hỏi thì một

ngườu nói:

"Đức Phật là Đấng Tỳ-lô-giá-na, năm trược ba hữu, vô minh mười hai loại đều là không. Tất cả đều là vô thiện vô ác, vô nhân vô quả, vô tu vô chứng, không Phật, không chúng sinh, tất cả đều là vô, ta làm sao mà cầu."

Người hỏi nói rằng: "Chỗ ông nói đó là tánh, là hữu sự. Tánh và sự, một mà hai, hai mà một. Ông giữ một mà định, thì tai họa lớn sẽ đến."

Kia nói: "Ông đi đi, chớ làm loạn ta."

Người khác nói: Than ôi! Ông chứa độc đã lâu, ta gắng sức mà không thể phá trừ được vô minh của ông. Phơi bày trí tuệ của ông không đủ để vượt lên ba hữu, lìa năm trược, vượt qua mười hai chủng loại. Nếu vậy thì nhiều đại kiếp tiểu kiếp, cũng không thể biết được.

Người hỏi bèn trình bày những việc ở Tây phương, khiến tu Tam-muội niệm Phật mà nói pháp Không-Có. Thế là bậc Thánh thương xót tiếp dẫn về cõi Cực lạc Tây phương, xa lìa các việc ác, tu tập muôn hạnh, ở nơi đất Thánh, đồng với tri kiến Phật. Một người khi hướng về đó, cuối cùng cùng với mười hai loại, không biến đổi. Hai người trái nghịch, thì không như nước trong hai cái bầu sao? Nay không biết bỏ một mà lấy một, là rất dở.

3. Đông Hải Nhược Hậu Bạt Của Văn Trung Công Tô Thức Và Quất Châu Thiền sư Bảo Đàm.

LỜI BẠT Ở SAU ĐÔNG HẢI NHƯỢC

Hai người Đông Pha, Quất Châu.

Thức này (Đông Pha) từ lâu muốn có tập thư về "Đông Hải Nhược" do Liễu Tử Hậu sáng tác, đem in ấn để đặt vào trong nhà thờ Phật Vô Lượng Thọ ở viện Tịnh trụ. Ngày chín tháng hai niên hiệu Nguyên Hựu thứ 6, cùng Tào Phụ ở Hải lục, Khai Phong Lưu Quý Tôn, Vĩnh Gia Hầu Lâm nhóm họp ở Phật đường, rồi đem sách do vị tăng gởi cho đem in ấn:

Mi Sơn Tô thức kính ghi.

Yếu chỉ của Tịnh độ, không thiện ác, không lấy bỏ, không tĩnh loạn, không nam nữ. Một niệm chân chánh, thì chắc chắn được vãng sinh. Hoặc giả nghi ngờ vào lúc đó, Phật trước há không thể sao?

Tập "Đông Hải Nhược" của Liễu Tử Hậu, cũng dùng từ tương tự như trong bài của Trang Tử nói về chuyện mất dê, ông nên kính tin chớ có nghi ngờ, lo gì không sinh về Tịnh độ? Đem sách này phổ biến khắp

để khuyến khích người hậu lai.

Ngày rằm tháng 3 niên hiệu Thiệu Hy thứ 5.

Quất Châu lão nạp Bảo Đàm kính ghi.

5. Điếu Võ Thị Ngự Họa Phật Văn Của Đường Văn Công Hàn Dũ.

BÀI ĐIẾU VÕ THỊ NGỰ HỌA PHẬT

Văn công Hàn Dũ.

Võ Thị Ngự Vũ, năm trước vợ mất, an táng xong thì gom hết tư trang, y phục, lược, trâm cho vào rương, cứ đến ngày rằm thì lấy ra xem một lần rồi ôm con thơ mà khóc, có thầy pháp đến làm lễ cầu phúc cho họ Vũ mới khuyên rằng: Khóc như vậy đâu có ích gì? Thầy ta dạy là: "Người chết thì thành quỷ, quỷ trở lại làm người, tùy việc thiện ác đã làm mà chịu báo, xoay chuyển không ngừng. Ở bên Tây phương có Phật Di-đà, cõi nước ấy rất an vui, hàng thân thích nên họa tượng lễ Phật, cầu nguyện cho người mất được vãng sinh, chắc chắn sẽ được như ý." Họ Vũ khước từ nói: "Tôi là nhà Nho, đâu thể làm như vậy."

Thế là cứ đến ngày rằm, lại đem di vật của vợ trong rương bày ra rồi ôm con khóc, cuối cùng thì hối hận nói: "Thật chẳng có ích gì. Ta không thể không tin Phật, thì làm sao biết là không có như vậy?"

Thế rồi đem bỏ tất cả y phục, lược trâm cùng các thứ đồ vật, thỉnh Pháp sư tụng kinh Phật cầu nguyện.

Hàn Dũ nghe chuyện này liền làm bài điếu nói:

Rõ ràng hề mắt thấy
Dặn dò hề tai nghe
Chợt không thấy, hề không nghe
Ai biết rõ hề cội nguồn
Họa cảnh Tây phương hề đạo ta
Do vọng ngăn trở lòng bi hề an ủi hồn người mới mất
Than ôi! Vì sao hề làm lời điếu này.

6. Kết Xã Pháp Tập Của Thông Tuệ Tăng Lục Tán Ninh:

VĂN KẾT XÃ PHÁP TẬP

Thông Tuệ tăng lục Tán Ninh.

Vào đời Tống, đời Tấn có Pháp sư Tuệ Viễn, hành hóa ở đất Tầm Dương. Các vị cao sĩ ẩn dật đều nhóm hợp ở Đông lâm, cùng kết nguyện hương hỏa.

Bấy giờ, có Lôi Thứ Tông, Tông Bính, Trương Thuyên, Lưu Di

Dân, Chu Tục... cùng kết Bạch liên hoa xã, lập tượng Di-đà, cầu nguyện vãng sinh về nước An dưỡng, gọi là Liên xã. Từ đó bắt đầu có tên Liên xã. Tề Cảnh Lục, Văn Tuyên Vương khuyến mộ tăng tục thực hành pháp Tịnh trụ, cũng gọi là tịnh trụ xã.

Ngài Tăng Hựu đời Lương có lập pháp xã, soạn văn công đức ấp hội. Trải qua nhiều thời đại cho đến nay, ở các chùa tăng đều có làm pháp hội xã.

Pháp của xã, cho rằng các điều khinh thành một điều trọng, giúp việc được thành công, chớ gần ở Liên xã. Nay đem việc cung ứng cúng dường cho Liên xã, cùng làm ruộng phước, tu hành nghiêm minh, còn hơn công pháp. Hành nhân sách tấn nhau, khuyên nhau tu tập, thì Liên xã có công sinh dưỡng rất lớn. Gần đây nghe ở đất Chu Trịnh, kết rất nhiều ấp xã. Hội xã vào năm Canh Thân có tập minh não bạt, ca tán xướng Phật. Mọi người niệm Phật hành đạo, suốt đêm không ngủ, để tránh Tam Bành tấu với Thượng đế khỏi bị trị tội. Nhưng đây thật ra là pháp của đạo Lão, vẫn thường có những người Phật tử không hiểu nên gia nhập vào, mưu cầu lợi nhỏ, nên không rõ được căn bản, lầm thực hành theo pháp tà, thật đáng thương!

7. Văn Liên Hoa Thắng Hội Lục của Thiền Sư Từ Giác Tông Trách:

Cho niệm là niệm, cho sinh là sinh là lỗi chấp thường, lại cho vô niệm là vô niệm, vô sinh là vô sinh là bị tà kiến mê hoặc. còn niệm mà vô niệm, sinh mà vô sinh là đế nghĩa bậc nhất. Ấy là vì về lý thật tế thì không chấp mảy bụi, trên không có Phật để niệm, dưới không có cõi để sinh. Trong cửa Phật sự không bỏ một Pháp thì nhiếp hết các căn. Bởi có Tam-muội niệm Phật là yếu thuật về nguồn mở ra pháp môn Vãng sinh. Do đó cả ngày niệm Phật mà không trái với vô niệm, rõ ràng vãng sinh mà chẳng trái với vô sinh... Cho nên phàm Thánh đều ở vị trí mình mà đường cảm ứng giao nhau, Đông Tây không cần qua lại mà thần chuyển về cõi tịnh. Đều này chẳng thể gạn hỏi được. Cho nên kinh nói: Nếu ai nghe nói Phật A-di-đà mà chấp trì danh hiệu cho đến người ấy khi qua đời mà tâm không điên đảo thì liền được vãng sinh về cõi nước Cực lạc của Phật A-di-đà. Xét Như Lai Thế Tôn tuy lập ra Chiết môn và Nhiếp môn, hiện ở hai cõi Uế, Tịnh. Song ý của Bổn Thánh há vì cõi nước Ta-bà đồi núi hầm hố, năm nẻo ở chung các núi đất đá uế ác dẫy đầy mà chán bỏ. Còn thế giới Cực lạc đất bằng vàng ròng, cây vượt trời xanh lầu đài bảy báu, hoa khoe bốn mầu mà ham thích ư? Bởi vì kẻ sơ tâm vào Đạo, sức nhẫn chưa thuần phải nhờ tịnh

duyên để làm tăng thượng. Vì sao? Vì cõi nước Ta-bà Phật Thích-ca đã diệt độ, Phật Di-lặc chưa sinh, còn Phật A-di-đà ở thế giới Cực lạc đang nói pháp. Ở cõi nước Ta-bà thì chỉ xướng nghe danh hai vị Quán Âm, Thế Chí, nhưng ở thế giới Cực lạc thì hai vị ấy lại là bạn thân. Ở cõi nước Ta-bà các ma tranh nhau phá rối người tu, còn ở thế giới Cực lạc trong ánh sáng rực rỡ quyết không có việc ma. Ở cõi nước Ta-bà tiếng tà hỗn tạp, sắc gái đẹp dâm, còn Thế giới Cực lạc thì nước chim, cây rừng đều nói Pháp mầu, Chánh báo thanh tịnh, không có người nữ, cho nên sự tu hành duyên đủ, không như người cạn tin Tây phương sinh nghi báng một cách ngang trái. Người ở phương này đều nhàm chán cảnh ồn ào của thế tục ham thích cảnh Lan Nhã yên tịnh. Cho nên có kẻ bỏ nhà xuất gia thì ân cần khen ngợi. Nhưng các khổ ở Ta-bà đâu chỉ là nhà tục ồn ào, còn Cực lạc ưu du đâu chỉ có sự yên tịnh của Lan nhã. Biết xuất gia là tốt mà chẳng nguyện vãng sinh là việc sai lầm thứ nhất. Người muôn dặm khổ nhọc xa tìm tri thức, bởi muốn phát sáng việc lớn dứt bỏ sinh tử, mà Di-đà Thế Tôn nghiệp Sắc Tâm thù thắng, nguyện lực rộng sâu, giảng nói bằng một âm thanh nhưng tất cả đều hiểu rõ, Nguyện tham vấn tri thức mà chẳng muốn thấy Di-đà là sự sai lầm thứ hai. Tòng lâm chúng đông đều thích đến ở, Đạo tràng ít chúng chẳng thích nương nhờ, mà Thế giới Cực lạc Nhất sinh bổ xứ số ấy rất đông, các bậc Thượng Thiện đều cùng ở một chỗ, đã muốn gần gũi Tòng lâm, mà chẳng mến thích thanh tịnh hải chúng là sự sai lầm thứ ba - Người ở cõi nước này sống lâu lắm chẳng hơn trăm tuổi, mà trẻ dại già lẫn, bệnh tật liên miên, tối tâm ngủ nghỉ.. thường chiếm hơn một nữa. Bồ-tát còn bị hôn mê khi cách ấm, Thanh văn còn bị ám muội lúc ra thai thì vách thước bóng tấc mười phần mất hết chín mà chưa lên bậc Bất thoái, thật là đáng sợ. Còn người ở Tây phương thọ mạng vô lượng gá sinh trong hoa sen mà không có khổ về chết. Nối nhau không đứt quãng, thẳng đến Bồ-đề, do đó mà được A-duy-việt trí (Bất thoái địa) thì thềm Phật quyết định có lúc bước lên. Còn trôi lăn trong cõi Ta-bà cảnh ngắn ngủi mà quên đi cảnh dài lâu ở Tịnh độ là sự sai lầm thứ tư. Nếu ở địa vị không lui sụt, quả chứng Vô sinh, ở cảnh dục trần mà không đắm nhiễm, khởi lòng Từ vô duyên, vận đồng thể bi mà trở vào lại cõi trần, hòa ánh sáng với cõi đời có năm vẩn đục. Còn như học ít tuệ cạn hoặc chỉ có chút ít điều lành rồi cho rằng mình đã thoát hẳn bốn dòng, vượt lên bậc Thập địa, chê bai Tịnh độ, mê thích Ta-bà nhắm mắt quay về không thì rõ ràng trôi giạt, sánh vai cùng trâu ngựa, giao tiếp với Nê-lê (Địa ngục). Chẳng biết mình là ai mà dám sánh với Bồ-tát đại quyền,

là sự sai lầm thứ năm. Cho nên kinh nói: Phải phát nguyện nguyện sinh về nước ấy, vậy chẳng tin lời Phật nói thật mà không cầu sinh Tịnh độ há là chẳng mê lầm lắm ư? Nếu tin lời Phật nói mà cầu sinh Tịnh độ thì nghiệp nhiều đời không thểtrói buộc. Sóng kiếp chẳng thể hại. lìa tám khổ của nhân gian, không có năm suy của trời, còn không có danh từ đường ác huống là có thật. Chỉ hiển bày pháp Nhất thừa, quyết định không có ba thừa. Quy y nhất thể Tam bảo, kính thờ các Đức Như Lai trong mười phương. Ánh sáng Phật chiếu thân, muôn hoặc tiêu trừ, pháp vị thấm thần, sáu thông đầy đủ. Ba mươi bảy phẩm Trợ đạo tùy niệm viên thành, ba mươi hai tướng đẹp theo thân biến khắp các cõi nhiều như bụi nhỏ, quanh quẩn trong năm đường, trùm khắp các căn, nhất tâm bất động, hành khắp Tam-muội. Rải nước định ở tam thiên, dẫn chúng sinh rồi nhà lửa. Tự lợi lợi tha thảy đều đầy đủ. Song, duy tâm Tịnh độ tự tánh Di-đà. Bởi yếu môn giải thoát, là đường tắt tu hành. Ấy vì liễu nghĩa Đại thừa đều chỉ quy về Tịnh độ. Các bậc Tiền hiền, Hậu Thánh mình, người đều nguyện vãng sinh. Hễ muốn độ người trước phải tự độ. Than ôi, người không lo xa ắt có buồn gần, một khi mất thân người thì muôn kiếp khó tìm lại. Mong hải chúng đều niệm Phật A-di-đà trăm câu ngàn câu cho đến muôn câu, mà hồi hướng kẻ đồng duyên nguyện sinh về nước ấy, cùng lên thắng hội Liên trì, đất vàng pháp sáng, cùng nhờ giúp nhau, chắc chắn hài hòa nguyện ấy. Như thuyền xuôi nước lại thêm chèo chống, thì mười muôn đường xa không nhọc mà đến.

Mùa Đông niên hiệu Nguyên Hựu thứ 4, Tông Trách mộng thấy có một người nam đầu chích khăn đen, mặc áo trắng, khoảng ba mươi tuổi, phong mạo thanh tú, cử chỉ nhàn nhã, vái chào hỏi Tông Trách rằng muốn xin vào hội Di-đà của ngài xin ghi cho một tên. Tông Trách bèn giở sổ Thắng Hội Liên Hoa cầm bút hỏi tên gì. Người ấy thưa tên Phổ Tuệ. Viết xong người ấy hỏi có lệnh huynh cũng muốn ghi tên vào hội. Trách hỏi tên gì, người ấy thưa là Phổ Hiền, rồi biến mất. Khi thức dậy, Tông Trách thưa hỏi các bậc kỳ lão thì đều bảo trong phẩm ly Thế Gian kinh Hoa Nghiêm có tên hai Đại sĩ Bồ-tát này. Tông Trách cho rằng hễ Phật tử làm Phật sự giúp Phật mở mang thì sẽ được Hiền Thánh ngầm yểm trợ. Song người tham dự hội này há vì duyên nhỏ mà ngài Phổ Hiền thay tên đổi hiệu chẳng biết là ai. Nay đặt tên hai vị Đại Bồ-tát ở đầu hội.

8. Niệm Phật phòng thối phương tiện của Từ Giác Thiền sư - Tông Trách:

Niệm Phật là phương tiện đề phòng lui sụt của Tông Trách.

Khuyên khắp các bạn Đạo rằng: Niệm Phật A-di-đà hoặc trăm câu ngàn câu, cho đến muôn câu mà nguyện sinh Tịnh độ Tây phương. Ai nấy hằng ngày cứ mười chữ ghi nhớ. Khi niệm Phật thì nhất tâm chuyên chú, chẳng được theo duyên khác. Luôn nghĩ cõi Ta-bà nhiều khổ, năm thứ vẫn đục nấu đốt. Huống là một khi mất thân người thì biết khi nào được lại. May mắn gặp các bạn đạo trước sau chuyên cần thì trong hoa sen báu chắc chắn thấy Phật.

9. Niệm Phật Hồi Hướng Phát Nguyện Văn của Từ Giác Thiền sư Tông Trách:

Văn Niệm Phật Hồi Hướng Phát Nguyện của Tông Trách.

Nguyện đệ tử tên là... khắp vì bốn ân ba cõi chúng sinh pháp giới từ nay trở đi mà an trú vào Đệ nhất nghĩa đế, tu hành Tịnh nghiệp, hiếu thảo nuôi dưỡng cha mẹ, kính thờ thầy tổ, từ tâm không giết hại, tu mười nghiệp lành, thọ trì ba quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi. phát tâm Bồ-đề, tin sâu nhân quả, tụng đọc kinh điển Đại thừa, khuyên người tu cố gắng. Niệm Phật, Pháp, Tăng hiểu rõ Đệ nhất nghĩa đế cho đến thành tâm xưng niệm danh hiệu Phật, quán y báo chánh báo của Phật, mười sáu diệu cảnh. Niệm Phật vốn khởi bốn mươi tám nguyện bao gồm ba bậc, vào sâu năm niệm môn, thuận theo ba pháp môn Bồ-đề, tin nhận lời dạy của các Đức Phật mười phương. Dùng tán tâm, định tâm mà tu định thiện, tán thiện. Y kinh mà khởi hạnh lấy chết làm kỳ hẹn. Cúi mong Phật A-di-đà pháp lực ngầm che chở, thần thông hiển bày lợi ích, khiến chúng con ngưng thần nẻo giác, ngầm dẫn đạp đất đại phương, tới lui oai nghi không lìa thấy Phật, như cầm gương sáng tự thấy mặt mình, ở trong mộng được thấy cõi ấy, các việc vui mầu nhiệm an ủi tâm con, khiến càng tinh tấn. Nhờ oai thần Phật xa lìa việc ma. Từ bao nhiêu kiếp nay nghiệp hoặc trần lao đều là phạm hạnh. Gốc lành công đức đồng vào biển tánh, chứa nhóm các duyên đều hồi hướng. Khi qua đời không có các chướng nạn, trước đó bảy ngày đã tự biết trước ngày chết. Thân không đau đớn, tâm chẳng điên đảo, thân tâm an vui như vào Thiền định. Gặp Thiện tri thức dạy xưng niệm mười câu A-di-đà Phật, cùng các Thánh chúng hiện ra trước mặt, phát ra ánh sáng rực rỡ trao tay dắt dẫn. Tự thấy thân mình ngồi đài Kim cương theo sau Phật, chỉ trong phút chốc liền sinh về nước ấy. Sinh về nước ấy rồi thì thấy sắc thân Phật, các tướng đầy đủ. Rừng báu ánh sáng giảng nói Pháp mầu, nghe rồi liền ngộ Vô sinh pháp nhẫn. Trụ vào nhóm chánh định không bao giờ còn lui sụt, rốt ráo đến Nhất sinh bổ xứ, hóa thân tự tại cùng

khắp mười phương, trong Vô lượng cõi nước, thành Đẳng chánh giác. Trong chỗ rất khổ sở nặng nề luôn biến hóa dạo chơi. Trong các niệm khiến chúng sinh phát tâm Bồ-đề không thể nói không thể nói , trong mỗi niệm khiến vô số chúng sinh trụ vào hạnh Phổ Hiền, Phước tuệ tư lương đều được viên mãn, đồng thành vô thượng Bồ-đề, mỗi mỗi đều trang nghiêm Tịnh độ, các thứ đều nhiếp hóa chúng sinh, như Đức Thế Tôn ta không khác. Tất cả thế giới trong hư khôngcó cùng tận, chúng sinh và nghiệp phiền nãocó cùng tận, tất cả như thế không có cùng tận, nguyện tôi rốt ráo thường không cùng tận.

10. Niệm Phật Sám Hối Phát Nguyện Văn của Từ Vân Sám Chủ Tuân Thức.

Văn: Niệm Phật sám hối, phát nguyện của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.

Nay con xưng niệm Phật A-di-đà công đức chân thật danh hiệu Phật, cúi mong Từ bi thương nhiếp thọ, chứng biết con sám hối phát nguyện, xưa con đã gây các nghiệp ác, đều do tham sân si vô thi, từ thân miệng ý mà sinh ra, tất cả nay con xin sám hối, nguyện con sắp đến lúc qua đời, diệt trừ hết cả các chướng ngại, tận mặt thấy Phật A-di-đà, liền được vãng sinh nước An lạc, Phật ấy, chúng hội đều thanh tịnh, khi con sinh trong hoa sen báu, liền thấy Như Lai Vô Lượng Quang, hiện tiền thọ ký con Bồ-đề được đức Như Lai thọ ký xong, hoá thân vô số trăm câu chi, Trí lực rộng lớn khắp mười phương, lợi ích khắp cõi trước chúng sinh.

(Từ “Con xưa đã gây...” trở đi là trích trong phẩm Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm).

11. Kết Liên xã Phổ Khuyến Văn của Tổng Quản Trương Luân:

Văn: Kết Liên xã khuyên khắp của Tổng Quản Trương Luân.

Tôi nghe như vầy ở Tây phương có Phật hiệu A-di-đà, tên khác là Vô Lượng Quang, tên khác là Vô Lượng Thọ. Lại có hai vị Bồ-tát Quán Âm, Thế Chí giúp Phật giáo hóa, đều dùng năng lực nguyện lớn cứu độ các chúng sinh. Nước ấy dùng bảy báu trang nghiêm thanh tịnh tự nhiên không có các tạp uế, nên gọi là Tịnh độ. Người ở cõi ấy đều hóa sinh trong hoa sen, tuổi thọ vô lượng, y phục thức ăn thọ dùng tùy ý hiện ra. Lại không có các khổ, cũng không bị luân hồi, nên gọi là thế giới Cực lạc. Lấy đây mà quán xét lại mình, chúng ta thấy thân đang mang này và thế giới chúng ta đang ở so với cõi nước ấy thì tịnh uế,

tuổi thọ, khổ vui, sinh tử đâu chỉ cách nhau như trời với đất. Nhưng mê muội không biết, hoặc biết mà chẳng tin, tự làm các chướng ngại điên đảo chấp mê, chẳng suy nghĩ đến giải thoát, bỏ đây sinh kia, há chẳng đáng buồn thương ư? Cho nên hôm nay tôi xin khuyên các vị có duyên nên kết Liên xã này. Như việc khó biết khó làm, còn phải hết sức cố gắng siêng làm, huống là danh hiệu Phật rất dễ trì, Tịnh độ rất dễ sinh về, trong tám muôn bốn ngàn pháp môn, không có con đường nào thẳng tắt bằng. Chỉ cần chút rảnh rang sớm chiều kính niệm mà làm tư lương cho nhiều kiếp chẳng hư hoại. Ấy thì dụng công rất nhỏ mà kết quả vô cùng. Chúng sinh có khổ gì sao mình lại bỏ mà chẳng làm? Ôi, mộng huyễn chẳng thật, thọ yểu khó giữ, chỉ trong hơi thở đã qua đời sau. Một khi mất thân người thì muôn kiếp khó được lại. Lúc này không ngộ thì Phật như chúng sinh, sao không nghĩ sâu về vô thường, chớ sống luống uổng mà sau sẽ ăn năn.

Cư sĩ Tịnh Lạc Trương Luân kính khuyên.

12. Tây Tư Xã Đồng Thệ Văn của Chứng Thông Pháp Sư Sư Hữu:

Văn: Tây Tư Xã cùng thề nguyện.

Ngày tám tháng tư Năm Quý Mùi thuộc niên liệu Long Hưng thứ nhất Thích Sư Hữu tôi hội họp đại chúng quy mạng thế giới Cực lạc A-di-đà Phật, Bồ-tát, hải chúng xin rũ lòngTừ khắp xét chí nguyện. Chúng con trộm nghĩ do phước đời trước sâu dày mà được sinh ở nơi đô hội, được thấy Đại Tạng bảy kinh, thuần bàn y, chánh trang nghiêm Tịnh độ, công đức cao quý. Xem lại cõi này thì ba ác tám nạn, ít có nhóm thiện, sinh, già, bệnh, chết, tuổi thọ ngắn ngủi, mau chóng. Sức mình tu hành khó tiến dễ lùi. Bậc Tiên Thánh thương xót chúng con nên lập ra Pháp môn niệm Phật này dễ tu, dễ đến, khuyến khích cầu sinh. Thánh hiền xưa nay mở rộng pháp môn này, các sách viết ra lấp được biển sâu, chất cao như núi đều sùng kính pháp môn này, đời không thiếu người, chúng sinh mười phương vãng sinh về nước ấy nhiều như mưa rào. Do đó chúng con với lòng trong sáng, không ước hẹn mà đồng chí hướng phát nguyện sinh về Tây cảnh. Niệm niệm không quên, khi hết báo thân này quyết được vãng sinh, chúng con còn lo thói quen khác nhau, việc đời còn chộn rộn. Miệng nói Cực lạc mà ý mến Ta-bà, lý sự không sáng, hạnh nguyện còn thiếu, sáng nguyện đồng nhau mà chiều cách biệt. Do dó chọn ngày lành tháng tốt, hội họp đầu thành kính lễ Phạm dung mà lập lời thề lớn cúi mong Đấng Từ Tôn rũ tay vàng xoa đầu chúng con

mở lưỡi sen hồng ngầm thọ ký cho chúng con. Từ nay trở đi chúng con nguyện. Các điều ác chấm dứt, các điều lành vâng làm, không theo tà sư, không mất chánh niệm. Khi qua đời không bệnh không khổ, thân tâm an vui, theo sau Như Lai cùng về An dưỡng hoa sen sớm nở, ngộ Vô sinh nhẫn. Đến khắp các cõi mười phương, kính thờ các Đức Phật, cứu khổ chúng sinh đồng thành đạo Vô thượng. Hư không có cùng tận nguyện con vô cùng. Nếu ai thấy nghe cũng được lợi lạc.

(Trầm Đại Khanh ở Hồ Châu hội họp hơn một trăm vị lập ra Pháp hội này từ năm Canh thân thuộc niên hiệu Khánh Nguyên đến nay suốt ba mươi năm không hề bỏ phế...)

13. Vãng sinh Tịnh độ Thập Nguyện Văn của Đồng Giang Pháp sư Trạch Anh.

Văn: Mười Nguyện Vãng Sinh Tịnh độ của Pháp Sư Đồng Giang Trạch Anh.

Nguyện con lìa hẳn, ba đường ác.
Nguyện con mau dứt tham, sân, si.
Nguyện con thường nghe Phật Pháp Tăng.
Nguyện con siêng tu giới định tuệ.
Nguyện con luôn học theo các Phật.
Nguyện con không thoát tâm Bồ-đề.
Nguyện con mau thấy Phật Di-đà.
Nguyện con chắc chắn sinh An dưỡng.
Nguyện con phân thân khắp bụi cõi.
Nguyện con rộng độ các chúng sinh.

XI. Về Tán (gồm mười bảy bài):

1. Khen về: Mài vàng bạc vẽ biến tướng Tịnh độ của Hàn Lâm Lý Bạch.

Tôi nghe về phương Tây nơi mặt trời lặn cách Trung Hoa mười muôn ức cõi Phật có thế giới Cực lạc. Phật ở cõi ấy cao sáu mươi muôn ức hằng sa do-tuần. Giữa hai đầu chân mày có sợi lông trắng xoay về bên phải như năm núi Tu-di, mắt trong sáng như nước bốn biển lớn, ngồi thẳng nói Pháp, vắng lặng thường còn. Ao sáng cát vàng, bờ bày cây báu. Lan can bao quanh, lưới giăng khắp chốn. Xa cừ lưu ly trang hoàng cung điện, pha lê mã não lát sáng thềm đường. Lời Phật chân thực không hề nói dối. Dùng vàng, bạc, vẽ Tịnh độ biến tướng, Phùng

Dực quận Thái phu nhân vì người chồng đã chết làm quan Thứ sử Hồ châu là Vi công mà làm ra. Phu nhân trong ngần như băng tuyết, theo lời Thánh dạy, vì nghĩa lớn vợ chồng mong cứu độ nơi U đồ, vì ân sâu cha con nên sửa sang lại cảnh phước, thề bỏ của báu tìm người thợ giỏi, tô vàng thếp bạc mà vẽ tranh họa tượng, nước tám công đức sóng động ao hoa sen hương hoa bảy báu chiếu sáng đất vàng ròng. Gió mát phất phơ như sinh năm âm thanh, trăm ngàn nhạc hay cùng ngưng động tác. Những ai đã phát nguyện và chưa phát nguyện, đã vãng sinh và chưa vãng sinh. Chuyên niệm bảy ngày sẽ sinh về nước ấy, công đức rất lớn không gì sánh được. Khen rằng:

Chỗ trời lặn hướng Tây
Xa trông dáng đại bi
Mắt trong như nước biển
Thân sáng như núi vàng
Siêng niệm sẽ vãng sinh
Thế nên gọi Cực lạc
Lưới châu, cây chân báo
Hoa trời rơi thơm ngát
Vẽ tranh mắt thấy rõ
Nguyện nhờ đạo tràng ấy
Mà đem công đức này
Làm cầu bến cứu độ
Tội tám mươi ức kiếp
Như gió thổi sương tan
Luôn quán Vô Lượng Thọ
Phát ánh sáng lông trắng.

2. Tú Tây phương Tịnh độ tán của Đường Thị Lang Bạch Cư Dị.

Khen bức thêu mẫu Tịnh độ Tây phương của Thị lang Bạch Cư Dị.

Phật Di-đà ở Tây phương cùng cõi Diêm-phù-đề có Nguyện, chúng sinh ở cõi này có duyên với Đức Phật kia. Nên ai bị các khổ trước hãy niệm danh hiệu ta, ai cầu tất cả phước nên vẽ nhiều tượng ta. Còn như do chí thành mà có cảm ứng, tùy nguyện mà vãng sinh, nhanh chóng biến thông, không trái với các Đức Phật ba đời ở khắp mười phương. Phật đâu chỉ nguyện chừng ấy mà thôi. Có người nữ đệ tử ở quận Hoằng nông họ Dương, hiệu là Liên Hoa Tánh, phát nguyện lớn bỏ tịnh tài thêu tranh Phật A-di-đà năm mẫu cùng cõi nước Tây phương

và các quyến thuộc, để cầu nguyện cho chị cả Lý Thị là Dương phu nhân diệt hết tội nghiệp đời trước. Tranh thiếp bằng vàng, bạc không công phu tinh xảo bằng thêu chỉ năm mầu. Tưởng hình, niệm danh hiệu không gần gũi bằng thấy tướng tốt. Người tạo ra chí thành thì không thể không cảm ứng, cảm ứng thì không thể không thông. Nên tội phải chịu kia không thể không hết, phước không thể không sinh, Khi ấy Liên Hoa Tánh Khấp hương, chấp tay quỳ xuống đọc lời tán rằng:

Cõi Tây phương
Thân màu vàng
Nhờ sức Thánh
Phước u hồn
Người tạo tranh
Hoằng nông quận
Người nhận phước
Dương phu nhân.

3. Tú A-di-đà Phật Tán của Đường Thị lang Bạch Cư Dị.

Khen: Tranh thêu Phật A-di-đà của Thị lang Bạch Cư Dị

Bức tranh thêu Phật A-di-đà Tây phương. Có Nữ đệ tử là Đỗ Thị ở kinh Triệu vì mẹ đã chết ở Dương huyện là Thái quân Lô phu nhân, làm nhân ngày giỗ 11 tháng 8. Con kính dâng bức tranh thêu năm mầu này để trang nghiêm, một lòng cung kính nguyện cầu vong linh mẹ hết tội được phước, để báo đền bốn ân. Khen rằng:

Khéo niệm một niệm
Ngàn niệm nối nhau
Mới thêu một sợi
Muôn sợi nối nhau
Công đức thành tựu
Tưởng tốt đầy đủ
Thân vàng búi tóc
Lông trắng mắt xanh
Báo ân sâu nặng
Được phước vô lượng.

4. Tây phương Tịnh độ Tán của Lô Sơn Pháp sư Trí Viên.

Khen: Tây phương Tịnh độ của Pháp sư Lô Sơn Trí Viên

Nói rằng lý trời vắng lặng, sao có tịnh có uế, có dài có ngắn, có kia có đây mà suy lường bàn luận ư? Nhưng ngộ thì là Thánh, là chân là tu

đức, là hợp giác, là về nguồn, là Niết-bàn. Còn mê thì là Phàm, là vọng, là tánh đức, là hợp trần là theo dòng là sinh tử việc lớn. bậc Thánh là người giác trước, thương kẻ chưa giác, do đó mà hiện cõi thanh tịnh tuổi thọ vô lượng. Quay về Đông với mắt từ nhìn khắp khiến cho chúng sinh chín uế ưa tịnh, nhàm bỏ cõi Ta-bà này mà thích nước An dưỡng kia. Rồi lên cõi báu nhìn thấy Pháp vương, mắt thần biến, tai nghe giỏi, thì tánh vắng lặng không bao lâu sẽ được thấu suốt mười phương hư không đều là tâm ta hiện ra, huống chi nương cõi lực không đâu có gì khó. Ôi như người chứng ngộ , nếu không do tâm chán uế ưa tịnh, ghét ngắn ưa dài, bỏ đây lấy kia thì là gì ư? Huống lại thấu suốt chán ham mà không chán ham hiểu rõ ghét ưa mà không ghét ưa, biết lấy bỏ mà không lấy bỏ ư? Thế nên, Đức Thích-ca hiện cõi uế để cho chán, Đức Di-đà hiệu cõi tịnh để cho ưa, ắt là ý ấy.

Mẹ Từ bi họ Mã của ta sống thì chán cảnh uế, chết thì ham cảnh tịnh, thọ bảy mươi mốt tuổi mà cuối cùng bị bệnh nằm hoài. Bèn tạo tượng Tịnh độ Vô Lượng Thọ dặn dò chúng tôi cúng dường suốt mười năm như thế. Than ôi đức của mẹ chỉ tránh cho con rơi vào vòng nước lửa mà thôi, mẹ ta mới có thể bỏ ta, làm đệ tử Phật, kế giúp ta học pháp, sau cùng lại hẹn ta việc vãng sinh khuyên dạy ta về đạo, lời than Lục Nga, tâm bi Phong Thọ, năm tháng đã xa, tâm ta không bỏ phế việc thiết trai, đốt hương, đánh khánh mà làm bài Tịnh độ Tán (Khen Tịnh độ) mong mẹ ta chứng quả Thánh.

a. Biển giác lắng trong, rộng lớn vô biên, không thêm không bớt.
b. Chúng sinh mất Đạo, tự cướp gia bảo, sinh tử mênh mông.
c. Đại Giác Từ bi, ở cõi nước tịnh, khiến ta nghĩ nhớ.
d. Bước lên đài vàng, thấy hình tượng Phật, ngộ tánh màu ta.
e. Tượng do thấy tướng, khen để được Đạo mẹ ta được Phước.

5. Vô lượng Thọ Phật Tán của Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu:

Khen Phật Vô Lượng Thọ của Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu.

Tám mươi bốn ngàn Diệu tướng chẳng phải Di-đà Bản Tánh mười muôn ức cõi phương xa, đích thị là Duy tâm Tịnh độ. Tịnh uế tuy khác nhau nhưng đâu vượt khỏi tâm mình! Chúng sinh và Phật dẫu cách biệt há trái với tánh mình. Tâm thể vắng lặng chẳng ngại tới lui. Tánh vốn bao dung đâu lo lấy bỏ. Cho nên khởi niệm liền lên cõi báu trở về đất tổ quê xưa, chỉ khoảnh khắc liền đối trước Từ dung, thật gặp cha con Thiên chân, cơ sinh trái đức, luống chịu đắm chìm. Ngày nay chí thành sẽ được cứu độ, ba tâm phát đủ một chí quyết về Tây. Hết cả đời vị lai

luôn vâng làm, khắp cõi trần mà khen ngợi.

6. Họa A-di-đà Tượng Tán của Văn Trung Công Tô Thức:

Bài khen ngợi vẽ tượng A-di-đà của Văn Trung Công Tô Thức.

Vợ của Tô Thức là Vương Thị tên Nhuận Chi, tự là Quý Chương, bốn mươi sáu tuổi. ngày mồng một tháng tám niên hiệu Nguyên Hựu thứ tám mất tại kinh đô. Vào đêm qua đời bà dặn dò bỏ tiền của bảo con vẽ hình Phật A-di-đà. Ngày chín tháng sáu niên hiệu Chiêu Thánh thứ nhất thì tượng vẽ xong, được thờ tại chùa Thanh Lương ở Kim Lăng. Khen rằng:

Phật tử còn sống trăm phiền não
Ra đi một niệm biết về đâu
Miệng niệm Nam-mô A-di-đà
Mặt trời lên, muôn nơi sáng tỏ
Huống gì tự bỏ phần xài dùng
Vẽ hình Thiên nhật tròn đầy này.
Thấy nghe vui theo đều thành Phật
Bất luận trời người hay chim, thú
Chỉ nên thường quán tưởng bình đẳng
Vốn không buồn vui và thọ yểu
Toàn thân trượng sáu đâu phải lớn
Ngàn Phật tấc vuông đâu là nhỏ
Tâm này bình đẳng là Tây phương
Nhắm mắt liền đến không ma nhiễu.

7. Lý Bá Thời Họa Di-đà Tán của Tịch Âm Thiền sư Huệ Hồng:

Khen Lý Bá Thời vẽ tượng Di-đà của Thiền sư Tịch Âm Huệ Hồng.

Ngày rằm tháng 5, niên hiệu Chánh Hòa thứ 8, Nghi Xuân Huỳnh Tiên Chi mang tượng Phật A-di-đà do Lý Bá Thời vẽ đến Đông Sơn mà bày ra. Tôi xem Bá Thời vẽ rất nhiều lần. Đại khái vẽ ý mà không phải vẽ hình thái, nên không bày năm màu, chỉ Bá Thời biết mà thôi. Hỏi được từ ai thì đáp được từ Lý Trọng Nguyên. Trọng Nguyên được Viên pháp quan dạy nghề ấy rất giỏi do trước đó đã do khổ công mà được. Tôi nhìn kỹ nét nét vẽ của Bá Thời thì người đời nay khó vẽ được. Bèn cúi đầu khen rằng:

Lấy Từ làm nhà
Lấy Nhẫn làm áo

Pháp Không làm tòa
Bày đồng thể bi,
Bốn mươi tám nguyện
Để đời theo về
Như mặt trời lặn
Chim xếp cánh bay
Lớn thay cam lộ
Diệu Pháp Tổng trì
Khiến quán môn ta
Mở rộng bằng phẳng
Quán kỹ tâm mình
Dứt bặt nghĩ suy
Là chỗ nương về
Thật không nghĩ bàn,
Giữ ngựa ý lại
Không để ruổi rong
Ánh sáng hiện ra
Thấy ao sen trắng
Không nhờ trung ấm
Co duỗi tức thì.
Vui vẻ hóa sinh
Như trẻ tám tuổi
Sao đến được đây
Xin nghĩ kỹ xét
Do ta tinh tấn
Gắng sức chuyên trì
Kính lễ Diệu trạm
Bất động vòi vọi
Khiến tất cả chúng,
Dứt nghi si ám
Có người cùng nguyện
Chỉ thấy Đạo sư
Thoát nhiên lột xác
Ra khỏi năm trược.

8. An lạc Quốc Tám tán tam thập thất chương của Đề Hình Dương Kiệt:

Khen An dưỡng quốc ba mươi chương. mỗi chương bốn câu của

Đề Hình Dương Kiệt

1. Tịnh độ Châu Sa giới
Như phải riêng chỉ Tây
Chỉ từ một mà vào
Nơi nơi là Bồ-đề.

2. Có niệm đồng vô niệm.
Vô sinh tức là sinh.
Chẳng nhọc dời một bước
Thấy suốt thành Giác vương.

3. Chán phiền cầu Tịnh độ
Chẳng phải không Từ bi
Muốn trị bệnh người khác
Trước phải trị bệnh mình.

4. Di-đà nguyện lực nặng
Ánh sáng chiếu cõi trần
Nếu một niệm tương ưng
Liền sinh nhà Như Lai.

5. Cõi trời nhiều năm dục
Cực lạc dứt ba đường
Sinh liền không lui sụt
Như Lai đâu dối ta.

6. Người kém theo Thánh vương
Ngày đi bốn thế giới
Sức Thánh không nghĩ bàn
Ví dụ sẽ được hiểu.

7. Chớ nghi nghiệp trước nặng
Công đức mười niệm nhẹ
Nhà tối suốt muôn năm
Mặt trời soi liền sáng.
8. Tuy biết các cõi Phật
Và chúng sinh đều không
Dạy người tụ Tịnh độ

Ma-kiệt có phi dong.

9. Ái luyến phải quyết dứt
Như trời lên băng tan
Người chưa chứng Tam-muội
Phải nên quán như thế.

10. Nước bùn nhơ năm đục
Chẳng dính hoa sen trắng
Vì sao kẻ lang thang
Tuổi già chưa về nhà.

11. Giáo quán A-di-đà
Đời trược có duyên sâu
Đời mạt tiêu trừ hết
Kinh này lưu trăm năm.

12. Chớ bảo mười muôn ức
Đường xa mà chán mỏi
Như cảnh ở ngàn dặm
Mộng chốc lát đi khắp.

13. Chớ cho tội nhiều kiếp
Một niệm không tiêu được
Ví như củi cả rừng
Đóm lửa nhỏ đốt tan.

14. Chim non không lìa cành
Trẻ con không xa mẹ
Niệm niệm A-di-đà
Quyết định sinh Tịnh độ

15. Các Như Lai mười phương
Một âm, lưỡi rộng dài
Phát nguyện liền được sinh
Nói lời thành thật khen

16. Nước chim và tiếng gió

Pháp âm không đứt quãng
Bồ-tát là bạn thân
Chắc chắn không lui suit.
17. Tội ác sẽ phải đọa
Như bỏ đá xuống nước
Nguyện lực như thuyền to
Chở người được an ổn.

18. Có niệm chẳng Vô lậu
Vô tâm chưa là tinh
Cất nhà trên hư không
Biết ngày nào thành công.

19. An dưỡng hưởng các vui
Sa-bà đủ các khổ
Phải phát tâm Vô thượng
Nguyện được sinh Tịnh độ.

20. Lan can và lưới giăng
Cây báu đều bảy lớp
Trang nghiêm không gì sánh
Nhạc trời hương gió thơm

21. Ao nước tám công đức
Đáy toàn bằng cát vàng
Trên có lầu các báu
Hoa to như bánh xe

22. Trời rãi hoa Mạn-đà
Đựng đầy trong giỏ hoa
Cúng dường Phật mười phương
Đúng giờ ăn về nước

23. Tâm tịnh thì cõi tịnh
Lời Đại sĩ đâu sai
Cõi cõi thấy Như Lai,
Na-già luôn trong định

24. Đã chứng Vô sinh nhẫn
Lại ngồi thuyền Bát-nhã
Dạo chơi biển sinh tử
Cứu vô biên kẻ chìm

25. Lý sinh không thật có
Tức là chân Vô sinh
Mình, người, Phàm và Thánh
Đều gắng gượng gọi tên

26. Tức cõi Ta-bà này
Phàm Thánh ở xen nhau
Bụi bụi toàn thể hiện
Vọng động liền sai khác

27. Phật nói nước Di-đà
Cách đây thật chẳng xa
Bảo khắp người tu hành
Chớ sinh kiến chấp khác

28. Khi Bồ-tát Pháp Tạng
Phát bốn tám lời nguyện
Nguyện nguyện độ chúng sinh
Dắt dẫn không hạn lượng

29. Nếu có các chúng sinh
Niệm một câu hiệu ta
Nếu không sinh cõi Tịnh
Ta quyết không thành Phật.

30. Cha thường nghĩ nhớ con
Con luôn nghĩ nhớ cha
Nếu niệm niệm tương ưng
Liền về nhà mà ở.

9. Thiện Đạo Hòa thượng Di-đà Đạo Tràng Tán của Đề Hình Dương Kiệt:

Khen: Đạo tràng A-di-đà của Hòa thượng Thiện Đạo của Đề Hình

Dương Kiệt.

Đàn tràng cao vút ngọn núi Đông
Mười câu Phật kia tin chẳng ngoa.
Thiện Đạo sau y thiện trước
Phật Di-đà nay là Phật xưa
Nhất tâm chánh niệm vượt ba cõi
Một ánh trăng côi chiếu muôn sóng
Cõi thuyền Bát-nhã về Tịnh độ
Muốn độ sinh trở lại Ta-bà.

10. Bạch Liên Hàm Giáo Chủ Chân Tán của Đề Hình Dương Kiệt:

Khen hình tượng Bạch Liên Hàm giáo chủ của Đề hình Dương Kiệt

Ở Núi Đông Dịch thuộc Thai Châu, có Pháp sư Hàm thuộc giáo phái Thiên Thai ở tại Đạo tràng Bạch Liên, vào ngày 11 tháng 7 niên hiệu Nguyên Hựu thứ bảy đã họp đại Chúng mà chia y bát, bảo rằng ngày hai mươi ba sẽ về Tịnh độ. Đến ngày hẹn, Sư ngồi thiền ngoài cửa phương trượng mà viên tịch. Trước đó sáu ngày sư có để thư lại cho Tịnh nhân Nghiêm Diệu Quán, rồi về kinh đô từ giã tôi và để lại bài chân tán gởi cho các đồ chúng trong núi rằng: Ba quán thông suốt, niệm niệm tròn, Tổ sư thắp hương chỉ tâm truyền, thư gởi dán rồi ngồi kiết già. Chẳng ở Bạch Liên sinh bạch liên.

11. Hiệu Thiền Nguyệt Tác Viễn công vịnh của Thái sử Huỳnh Đình Kiên:

Bắt chước Thiền Nguyệt làm bài vịnh Viễn công (và lời tựa) của quan Thái sử Huỳnh Đình Kiên.

Pháp Sư Tuệ Viễn ở Lô sơn giữ luật rất tinh khổ, quá ngọ không uống nước đường mà làm thơ đổi rượu uống với Đào Bành Trạch. Đưa khách không phân biệt sang hèn đều không qua khỏi Hổ Khê. Vậy mà cùng Lục Đạo sĩ đi qua Hổ Khê một trăm bước cười lớn mà giã biệt. Nên Thiền Nguyệt làm thơ rằng: Thương Đào Trưởng Quan say ngất ngất. Đưa Lục Đạo sĩ đi thong thả, mua rượu qua khe đều phá giới, người ấy là ai Sư là ai? Nên bắt chước đề thơ rằng:

Đón Đào Uyên Minh cầm chén rượu
Đưa Lục Tu Tĩnh quá Hổ Khê
Mấy lượt Cửu Lưu trong như kiếng

Nhân gian muôn việc say như bùn.

12. Viễn Pháp Sư Tán của Cấp Sự Trình Câu:

1. Khen Pháp Sư Tuệ Viễn của Cấp Sự Trình Câu (có bốn bài):

Pháp sư Hoằng Đạo
Nói toàn Thật Tướng
Tượng nổi bến sông
Thần vận già lam
Giới châu nghĩa biển
Tột thế kính nhìn
Mở lớn Tịnh Nghiệp
Liên xã các Hiền.

13. Lưu Di Dân Tán của Cấp Sự Trình Câu:

2. Khen Lưu Di Dân:

Trọng Tư hiểu rộng
Lãnh tụ hai nơi
Đại Hóa hiện tiền
Không quên chánh thọ.

14. Đào Tinh Tiết Tán của Cấp Sự Trình Câu:

3. Khen Đào Tĩnh Tiết:

Uyên Minh cao bước
Tánh hợp với đạo
Bậc thế, xuất thế
Chớ nên thân sơ.

15. Tạ Khang Lạc Tán của Cấp Sự Trình Câu.

4. Khen Tạ Khang Lạc:

Khang Lạc cao quý
Hào khí không bỏ
Tuệ nghiệp thì có
Chẳng phải tịch diệt.

16. Lục Đạo Sĩ Tán của Cấp Sự Trình Câu:

5. Khen lục Đạo Sĩ:

Ông Lục Huyền Hư
Thấu triệt tịch diệt

Quên tướng giang hồ
Cười lớn chẳng trái.

17. Lâm Hạnh Tự Tiễn của Tra Am Pháp Sư - Hữu Nghiêm:

Lâm hạnh tự tiễn của Pháp sư Tra Am Hữu Nghiêm: Ta nghe Tây phương có bậc Vô thượng Chánh biến tri, tuổi thọ vô lượng A-tăng-kỳ kiếp. Ánh sáng chiếu khắp vô biên cõi. Từ bi che khắp chúng sinh không hạn kỳ. Ai nghe danh xưng niệm đều không lui sụt ai quy mạng phát nguyện các khổ đều lìa. Đất vàng hoặc lưu ly làm đất. Ngày đêm sáu thời trời rải hoa bay bay như mưa. Lầu gác cờ phướn ngàn muôn khắp hư không. Rừng báu lưới châu âm nhạc gió nhẹ thổi, trang nghiêm tuyệt diệu không thể suy nghĩ bàn luận. Cả nước không mặt trăng, mặt trời mà luôn sáng rực, thế nên người giữ niệm thì thần hồn về Tây. Nước mẹ cha thường nghĩ về. Tánh không cõi khổ, này thuận tánh mà bỏ Tánh ấy. Có Lạc bang nay thuận tánh mà nhiếp lấy. Cách hơn mười muôn ức cõi Phật không phải là xa. Trong nhờ nguyện lực, ngoài nhờ oai Phật, chỉ một sát na liền đến ao hoa sen bảy báu.

Cụ Tra Am lúc bình sinh học Phật giữ giới luật sạch như băng tuyết, thích văn chương luận bàn như ngọc bích. Diễn giảng nhiều mà giữ niệm cũng không gián đoạn, tịnh nghiệp đã thành. Một hôm, thấy trên ao vàng có mấy người như muốn trổi nhạc để đón rước, mấy hôm sau thì mất. Trước đó có làm một bài tự tiễn mình, cho nên biết quyết định về Tây. Người nghe đều khen ngợi, cho là mình không bằng. Than ôi, Duy Tâm bổn tánh người người đều đủ. Sao cá tươi nhiều mà chẳng kết lưới bắt được ư? Tử Vân bảo: Con tò vò khấn rằng: Loại chúng ta lâu ngày thì giống, đâu có người chẳng tu mà chứng được ư? Đây là ý tự tiễn chắc chắn đủ để người ra đi khuyên bảo người đến học. Năm Nguyên Hựu đem văn cho tôi xem, nhân đó tôi làm lời Bạt ở sau. Tra Am kính đề.

■

LẠC BANG VĂN LOẠI

QUYỂN 3

- LOẠI BI KÝ (có mười chín bài)

1. Bài Ký về Viện Tu Tịnh độ chùa Hưng long của Lễ Bộ Liễu Tử Hậu.
2. Bài Bia về Hòa thượng Vô Tánh ở Nhạc châu của Lễ Bộ Liễu Tử Hậu.
3. Bài Ký về vẽ tranh Tịnh độ Tây phương của Hàn Lâm Bạch Cư Dị.
4. Bài Bia về người đứng đầu Bạch Liên xã ở Tiên đường của Pháp sư Lô Sơn Trí Viên.
5. Bài Ký về tượng Di-đà bảy ở Tịnh từ của Đề Hình Dương Kiệt.
6. Bài Ký về xây giác báu Di-đà của Đề Hình Dương Kiệt.
7. Bài Ký về Viện Tịnh độ chùa Diên khánh của Đãi Chế Trần Quán.
8. Bài Ký về sửa sang lại viện tu Tịnh độ ở chùa Diên khánh của Thủ Tọa Phác Am Thanh Triết.
9. Bài Ký về xây dựng tượng ba vị Thánh ở chùa Khai nguyên của Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu.
10. Bài Ký về tạo tượng Di-đà ở viện Vô Lượng của Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu.
11. Bài Ký về am An dưỡng ở Linh sơn của Cấp Sự Trình Câu.
12. Bài Ký Hoàng Đế Cao Tông viết tặng Liên xã của Tổng Quản Trương Luân.
13. Bài Ký về tháp Di-đà ở núi Nam nhạc của Thiền sư Mục Am Pháp Trung.
14. Bài Ký về đạo tràng Tịnh độ ở Trừng giang của Thiền sư Pháp Chân Thủ Nhất.
15. Bài Ký về tranh vẽ ở trên vách của Liên xã ở Viện Bảo Tích của Ty Phong Chung Ly Tòng.

16. Bài Ký về Kinh Vương Việt Quốc phu nhân vãng sinh của Thân Các Huỳnh Sách.

17. Bài Ký về Mã Thị Lang vãng sinh của Thân Các Huỳnh Sách

18. Bài Ký về Quảng Bình phu nhân vãng sinh của Đãi Chế Vương Dĩ Ninh.

19. Bài Ký về tháp xá-lợi của chim Anh Võ ở Hà đông của Duẫn Vi Cao ở Thành đô.

- ***Loại Truyện*** (Mười bốn bài).

1. Truyện về Bồ-tát Ngũ Thông ở Thiên trúc thỉnh Phật.
2. Truyện về Pháp sư Tuệ Viễn là Thỉ Tổ Liên xã đời Đông Tấn.
3. Truyện về năm vị Tổ Pháp sư nối nhau nhiều đời của Liên xã.
4. Truyện về ngài Pháp Duyệt Tăng Chủ ở kinh đô thời Lương.
5. Truyện về Pháp sư Bích Cốc Thần Loan Hậu Ngụy.
6. Truyện về Thiền sư Lô sơn Đạo Trân đời Lương.
7. Truyện về Pháp sư Thiên Thai Pháp Trí đời Tùy.
8. Truyện về Thiền sư Vĩnh Minh Trí Giác đời Đại Tống.
9. Truyện về Trinh Tiết Xử Sĩ Dũ Tiên đời Lương.
10. Truyện về Vô Vi Tử Dương Đề Hình đời Đại Tống.
11. Truyện về Vương Ty Sĩ ở Quang châu đời Đại Tống.
12. Truyện về Hồ Tuyên Nghĩa ở Tiền đường đời Đại Tống.
13. Truyện về cư sĩ Long Thơ Vương Hư Trung đời Đại Tống.
14. Truyện về Chu Thị Như Nhất đời Đại Tống ở Minh Châu của Thiền sư Quất Châu bảo Đàm.

1. Bài Ký ở Viện Tu Tịnh độ chùa Long hưng của Lễ Bộ Liễu Tử Hậu:

Về phía Tây Trung Châu mấy muôn dặm có nước tên Thân Độc, là nơi thị hiện của Đức Thích-ca Mâu-ni Như Lai. Đức Phật ấy nói về phương Tây cách mười muôn ức cõi Phật có Thế giới tên là Cực lạc, Phật hiệu là Vô Lượng Thọ Như Lai. Nước ấy không có ba độc tám nạn, có các báu để trang sức. Người ở nước ấy không có mười triền, chín não. Các Thánh đều là bạn lành. Là cõi nước nên thành tâm Đại Nguyện quy tâm. Nếu niệm lực đầy đủ thì liền vãng sinh về nước ấy, sau sẽ ra khỏi ba cõi, đối với Phật đạo không còn lui sụt. Lời ấy không luống dối. Pháp sư Lô sơn Tuệ Viễn đời Tấn có làm thơ vịnh niệm Phật Tam-muội khuyên khắp thời ấy. Về sau có Đại sư Thiên Thai Trí Khải soạn luận thích, Tịnh độ thập nghi, mở rộng giáo pháp, rất sâu kín nhiệm mầu,

người mê đều nhờ cậy. Bởi kẻ lưu lại dấu lạ mà đi thì rất đông. Chùa Long Hưng ở Vĩnh châu trước do Thứ sử Lý Thừa Xi và Tăng Pháp Lâm lập Tịnh độ Đường ở phía Đông chùa, kính thờ đến nay đã hơn hai mươi năm, góc rèm hư nát, cốt tượng ngã nghiêng. Bèn chọn thượng nhân đến ở để sửa sang coi sóc. Thượng nhân tu tối Thượng thừa, hiểu rõ nghĩa bậc nhất. Vô thể tích không, dấu sắc mà tạo, chân nguyên thông giả có mượn tên không mà vào. Đối với thật tướng thì cảnh hợp với trí, sự khớp với lý. Cho nên tuy là nhân Vãng sinh mà tướng dụng không bỏ. Nên sửa sang lại ngôi nhà này để dắt dẫn kẻ hậu học. Có tín sĩ vẽ hình tượng Phật, pháp tướng rất đầy đủ. Nay Thứ sử Phùng Công lập cửa lớn để biểu thị địa vị! Tôi đưa bốn a hoàn để mở rộng hai nhà thờ tượng hai Đại sĩ, vẽ cờ phướn lọng báu để thành tựu. Than ôi, nếu có người hay cầu cái sinh của vô sinh, biết sự có mặt của thuyền bè, bèn soạn luận Thập Nghi của Thiên Thai lên vách khiến người xem mà khởi lòng tin.

2. Bài Bia về Hòa thượng Vô Tánh ở Nhạc Châu của Lễ Bộ Liễu Tử Hậu:

Ngày ấy tháng ấy tại Nhạc Châu có Đại Hòa thượng ở chùa Thánh An làm Tăng bao nhiêu năm có tên mà không họ. Đời không biết quê quán họ hàng và đời sống của ngài. Có người hỏi thì bảo tánh ta là họ, gốc không đầu mà trụ không cuối. Nương họ Đạo sư Thích mà hệ Đạo ta vốn không họ. Pháp Kiếm là tên ta. Thật lại không có tên mà ghét ta có tên. Tánh hải là quê ta, pháp giới là nhà ta, giới làm tường rào, tuệ làm cửa ngõ để bảo hộ thì chắc chắn là chỗ ở yên. Cửa làng chẳng đủ, độ môn, đạo phẩm số ấy vô cực, Bồ-tát Đại sĩ nhiều vô số, ta thân thích với họ không khác gì ta. Dòng họ ta chẳng lớn ư? Đạo ấy đáng nghe. Như thế mà chỉ đọc tụng kinh Pháp Hoa, Kim Cang, Bát-nhã số hơn ngàn muôn. Có kẻ chê là hữu vi bảo rằng: Ta không hề làm. Than ôi, Phật đạo càng xa, các mối lạ tranh nhau nổi dậy. Chỉ có Đại sư Thiên Thai là được thuyết ấy. Hòa thượng là người được thừa kế gốc ấy, vì thuận theo trung đạo. Phàm người thọ giáo không muốn mất gốc, sinh vật lưu động, thú hướng lẫn lộn thì chỉ có đường chánh Cực lạc là được chỗ về ấy. Hòa thượng bèn cần cầu quyết thành chí nguyện. Phàm người tin nghe chẳng lầm đạo ấy. Nếu có kẻ chê là có dấu vết thì bảo là ta không hề làm. Lúc đầu, Hòa thượng ở chùa Long hưng ở Phòng châu rồi dời về châu này lập đạo tràng ở ngọn Bắc Lăng-già, năm mươi năm không ra khỏi cổng... Hòa thượng kính thờ các bậc cao đức ở đời.

Người đầu tiên ngài nương tựa xuất gia là sư Trác Nhiên ở Nam dương an táng bên núi Nhạc châu. Người đến thọ giới là sư Đạo Dĩnh ở Kinh châu. Đệ tử đứng đầu là sư Hoài Viễn trụ chùa An quốc ở Trường sa. Khi đến Nam Nhạc truyền giới thì sư mất bèn chọn ngày an táng ở phía Đông tháp ngài Trác Nhiên cách đó mấy bước. Có lời minh rằng:

Đạo vốn ở một
Lìa là môn khác
Lấy tánh làm họ.
Bèn trở về gốc
Không tên làm tên
Sư giáo làm tôn.
Giả chỉ chỉ người
Chẳng phải ta còn
Quê lớn chẳng ở
Họ lớn chẳng gần
Ý sâu trong sáng
Trong rỗng ngoài nhân
Thánh có Di ngôn
Là rốt là siêng
Chỉ siêng chỉ im
Chết như mây nổi
Giáo lâu lợi nhiều
Đời ít người dạy
Bèn có trí lớn
Xuất từ chân môn
Gần để hiển bày
Giúp dân đổi mới
Tình động sinh biến
Vật bị đắm chìm
Bèn trao Lạc quốc
Mến nơi nguồn hóa
Sư bèn dạy dắt
Khiến dân chẳng mê
Dụng đạo bất tác
Lời thần không dấu
Sáng tối đều như
Sinh tử đều vắng
Pháp trao hậu học

Bày ra không dấu
An táng ở bên thầy
Không quên nhà thật
Viết bài minh này
Khắc ở đá đeo.

3. Bài ký về vẽ tranh Tây phương Tịnh độ của Hàn Lâm Bạch Cư Dị:

Thầy ta là Thích-ca Như Lai nói từ đây đi về phương Tây qua mười muôn ức cõi Phật có thế giới tên là Cực lạc. Vì không có tám khổ bốn đường ác cho nên nước ấy gọi là Tịnh độ. Vì không có ba độc năm nghiệp vẩn dục. Phật ở cõi ấy hiệu là A-di-đà vì sống lâu vô lượng, vì nguyện vô lượng, vì công đức, tướng tốt, ánh sáng vô lượng. Xét kỹ cõi Ta-bà này có nhiều chúng sinh như bụi nhỏ không kể hiền ngu, sang hèn, già trẻ, nếu ai khởi ý quy y Phật, trước hết đều chấp tay hướng về phương Tây. Nếu ai bị tai ách khổ não thì trước hết đều niệm A-di-đà Phật. Lại đúc khuôn nặn đất khắc đá dệt thêu cho đến vạch nước, nhóm cát, trẻ thơ chơi đùa... đều coi Phật A-di-đà là Thượng thủ. Không biết vì sao như thế. Như thế mà xét thì Đức Như Lai ấy có nguyện lớn với chúng sinh cõi này, chúng sinh cõi này có nhân duyên lớn với cõi nước ấy. Nếu không phải thế thì các Phương đông, Nam, Bắc, chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai rất nhiều sao chỉ riêng phương Tây như thế ư? Sao chỉ riêng phương Tây như thế?

Đời Đường, Đại Phu Thái Tử Thiếu Truyện thượng trụ quốc huyện Phùng dực, Khai quốc hầu được vua ban đãy cá vàng tía (Bạch Cư Dị) rất đau buồn vì bị bệnh phong tê. Bèn bỏ bổng lộc ba ngàn lượng nhờ nhà thơ giỏi là Đỗ Tông Kỉnh xét hai kinh A-di-đà và Vô Lượng Thọ mà vẽ một bộ hình thế giới Tây phương cao chín thước rộng một trượng ba. Phật A-di-đà ngồi giữa, hai Đại sĩ Quán Âm và Thế Chí đứng hầu hai bên, Trời người chiêm ngưỡng, quyến thuộc vây quanh. Lầu đài kỹ nhạc, cây, nước, hoa chim, bảy báu trang sức, năm màu phô bày lộng lẩy rực rỡ, công đức thành tựu. Con là đệ tử Cư Dị đốt hương cúi đầu quỳ trước Phật, khởi tâm từ bi phát thệ nguyện lớn. Nguyện đem công đức này hồi hướng bố thí cho tất cả chúng sinh. Tất cả chúng sinh những ai già như con, bệnh như con, nguyện đều lìa khổ được vui, bỏ việc ác tu việc lành, chẳng vượt khởi Nam Thiệm bộ mà thấy được Tây phương, sợi lông trắng sáng rực, tùy niệm liền cảm ứng. Sen xanh thượng phẩm theo nguyện vãng sinh. Từ thân hiện tại đến cùng tận đời vị lai thường

gần gũi Phật để cúng dường. Muốn nhắc lại nguyện trên bèn có kệ khen rằng:

Thế giới Cực lạc là cõi thanh tịnh.
Không có đường ác và các khổ,
Nguyện ai thân già bệnh như tôi.
Đồng sinh nước Phật Vô Lượng Thọ.

4. Bài Bia về người đứng đầu Bạch Liên xã ở Tiền đường của Pháp sư Lô Sơn Trí Viên:

Ngày 12 tháng giêng mùa Xuân niên hiệu Thiên Hi đời Tống, người đứng đầu Bạch Liên xã là Đại sư Viên Tịnh Thường Công, viên tịch tại thượng phương thảo đường chùa Chiêu Khánh ở Tây hồ thuộc Tiền đường, thọ sáu mươi hai tuổi, bốn mươi bốn hạ lạp. Đến ngày 3 tháng 2, nhóm đệ tử Hiệu Yết đem toàn thân an táng ở núi Linh Ẩn bên mộ của Thiền sư Ô Sào, bên trên xây tháp để ghi chép. Mùa Đông năm ấy môn nhân thượng thủ là Hư Bạch nối tiếp đạo của sư, muốn biết hành tung của thầy bèn đến am tôi xin vài lời khắc bia đá lại nói đó là di chỉ của người xưa. Tôi từ chối chẳng được, bèn viết lời tựa, cho giáo pháp Phật thanh tịnh vô vi, nhân từ không giết hại, lại lời kín, ý rộng bèn chỉ rõ đầy đủ, khiến những người được hóa độ, kẻ được nhỏ, gần thì làm lành lánh dữ, kẻ được lớn xa thì trở về nguồn phục hồi chân tánh. Ôi, Tuệ Viễn ở Lô sơn là người được lớn xa vậy. Khảo sát kỷ, lời lẽ hay hiểu biết thật đủ để biểu trưng hạnh, đủ để làm khuôn phép. Cho nên kẻ hiền thời ấy ngưỡng mộ sự cao minh của người mà từ đó có việc kết xã. Đến nay người khen ngợi mà không thể nối pháp được. Duy công lý hạnh nghiêm cẩn tu tâm trong trắng, nghe phong độ của Lô sơn mà mừng vui. Lại bảo mong làm ngựa ký hoặc cỡi ngựa ký. Ta tuy chẳng giống như thế nhưng chẳng dám quên việc làm sao cho được bằng người. Do đó mà trang sức thân, mổ xẻ tâm mà thề kết xã. Phàm noi theo đạo thì phải nương vào đất, tôn trọng thần thì phải nhờ tượng, muốn hành hóa thì phải bằng lời. Nói xem chốn Tây hồ là cảnh đẹp dạo chơi của thiên hạ, thích u nhàn mà bày ra tốt xấu. Phật Vô Lượng Thọ là đấng kính ngưỡng của chúng sinh, bèn khắc gỗ chiên đàn làm tượng. Phẩm Tịnh Hạnh trong kinh Hoa Nghiêm nói "Vì cơ yếu của việc thành Phật nên mới chích máu để viết các chương cú kia", sao đất đã được, tượng đã thành, lời đã hành, triều hiền cao. Lại nghe phong độ của ông mà vui mừng. Hoặc tìm chỗ vắng mà hỏi đạo, hoặc thấy tướng mà biết chân, hoặc khảo xét kinh mà được ý, hơn ba mươi năm, không trái

nghịch. Người dự vào Bạch Liên xã gồm một trăm hai mươi ba vị được độ thành. Như thế có thấy Xã Tây Hồ mới biết việc nối nghiệp Lô sơn không tủi thẹn. Có lần, thử luận với ngài Tuệ Viễn là Thánh bậc thượng địa, còn ông là Hiền sơ tâm, địa vị khác nhau, tên hiệu có khác. Song Tuệ Viễn thì sinh ra từ thời Tấn suy, còn ông sinh ra ở Thánh triều này (Đường?). Nên Tuệ Viễn chiêu dụ các bậc Hiền ở ẩn còn người đến với ông là những bậc hiển đạt, toàn những vị giỏi xưa nay đều ngang nhau. Không thể bảo thạnh và tốt cùng theo nhau. Ông thường bảo các học trò rằng: Từ lúc bắt đầu lập nước đến nay. Tiến thân tiên sinh nói theo xưa làm văn đại khái bắt chước Thối Chi mà bài bác Phật giáo. Cho nên tôi mượn dấu Tuệ Viễn mà kết xã vãng sinh. Kẻ theo sự dạy dỗ của ta sẽ soạn nhiều bia lắm tụng mà khen ngợi Đạo pháp, kết lời quy hướng, đạp đổ đường gai góc khác để bước đi trên giáo pháp ta, Đời chẳng biết ta hoặc lấy ta làm điều khen lạ, ta không phải hạng người ấy. Quân Tử nói: Xưa Dược Sơn Duy Nghiễm rút lại tâm bay cao, giúp biết Phật mà Tăng truyện khéo viết. Nay các Hiền nhờ thật tướng kính phục Đại giác. Hồi tông nơi biển tánh, không có sức của ông thì cùng ai có công hộ pháp thay kẻ không ngang bằng? Ông húy là Tỉnh Thường, tự là Tạo Vi, họ Nhan là người ở Tiền Đường. Bảy tuổi chán tục xuất gia, mười bảy tuổi thọ giới cụ túc. Khi sinh ông có điềm lành. Học với sư Bảo Truyền, tu thiền rất giỏi, dồi mài danh tiết thì có xã khách và các bậc Hiền. Bia Tự thì có học trò ghi rõ hành trạng của ông, ở đây không nhắc lại. Nay nói về đạo của xã ấy, văn rằng:

Sự lớn lao của Phật ở Tây phương chỉ có Tuệ Viễn là biết được, chổ cao của Lô sơn chỉ có ông là vui thích. Tây hồ xã đều các bậc Hiền kính mến, có đầu, có cuối, chẳng mài chẳng sâu. Duyên ta đã trọn, ta mất ở đây. Thần ta dạo nơi không dấu vết, tên nên khi tán dương bậc Thánh, muốn biết đạo ta thì xem phong bia này.

5. Bài Ký về tượng Di-đà bảy báu ở Đạo Tràng Tịnh Tư của Đề Hình Dương Kiệt:

Đạo Tràng Tịnh Từ ở Nam Sơn thuộc Hàng Châu có Tỳ-kheo Pháp Chân, Đại sư Thủ Nhất kết đồng chí, cùng Đàn-việt dùng vàng bạc, trân châu, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não... tạo tượng Phật A-di-đà. Thánh tướng đẹp lạ, cảm ứng rất nhiều. Vô Vi tử nay chiêm ngưỡng ngợi khen, nghiền bảy báu thành bụi, nhóm bụi báu làm thân Phật. Thấy bụi báu tức là thấy Phật. Phật không gì chẳng phải báu. Thấy thân Phật tức là thấy báu, báu không gì chẳng phải Phật. Bảy báu là báu thế gian, chúng

sinh tham lấy chẳng thỏa mãn, chẳng được liền sân si, chẳng biết đây là nhân của đường dữ. Bảy báu đã làm thành tôn tượng thì không phải vật dụng của thế gian mà là báu xuất thế. Người gặp tượng báu nên sinh tâm cung kính, giữ nghiêm giới cấm, thuần chắc định lực, thấu suốt trí tuệ, đây là nhân Tịnh độ. Thân Phật lớn bằng cả hư không, nên không lập năm tạng, không lấy tâm chúng sinh làm tâm. Cho nên, người trong hội mỗi người viết một nguyện Di-đà, bốn mươi tám người thì nguyện Di-đà trọn đủ. Tất cả đều đem chứa trong thân tượng để nói lên nguyện nguyện không quên chúng sinh. Búi tóc có một ngàn hai trăm sợi, mỗi sợi thật là nguyện lực vững chắc của xá-lợi. Ngày tượng hoàn thành thì dùng tám thứ nước thơm mà tắm rửa Như Lai biểu thị cho nước tám công đức. Mọi người tùy ý lấy uống đều là vị cam lồ. Một thân thanh tịnh thì tất cả thân thanh tịnh, một niệm thanh tịnh thì tất cả niệm thanh tịnh. Nhưng chẳng lìa Ta-bà mà liền vượt lên Cực lạc. Một khi thấy tượng báu thì thành tựu duyên há có thể suy nghĩ bàn luận được ư? Bèn làm kệ rằng:

Hòa nhóm bảy báu
Thành thân Như Lai
Báu tức là Phật
Ngoài Phật không báu
Phật tức là báu
Ngoài báu không Phật
Không phải hai cảnh
Hiện các Tịnh độ
Đi quanh khen ngợi
Niệm niệm Di-đà
Cùng với hữu tình
Đồng sinh Cực lạc.

6. Bài Ký về xây gác báu Di-đà của Đề Hình Dương Kiệt:

Ai không nguyện sinh Tịnh độ thì thôi, đã nguyện sinh Tịnh độ thì ai cũng được sinh, một khi đã sinh thì không bao giờ lui sụt. Đức Thế Tôn gọi là A-bệ-bạt trí, hay A-duy-việt trí, phàm phu hữu lậu còn bị trói buộc dựa vào tín niệm mà được sinh về nước ấy. Nhưng ba độc tà kiến không thể mất liền, làm sao biết không lui sụt? Bởi vì nguyện lực của Phật Di-đà luôn nhiếp giữ, ánh sáng rực rỡ luôn chiếu soi, các bậc Thượng thiện thường nhóm họp, tuổi thọ dài lâu suốt kiếp. Cây, rừng, chim, nước, tiếng gió reo nhạc luôn giảng nói diệu pháp. Người

nghe tâm liền niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, nghe mãi không dứt. Chúng sinh bệnh, Phật là vua thầy thuốc, Pháp là thuốc hay, Tăng là người nuôi bệnh, ba thứ có đủ bệnh liền tiêu tan. Thế nên nói một khi sinh về Tịnh độ do đâu mà có lui sụt. Tăng giám Pháp bảo Tiền Đường là Đại sư Tùng Nhã, lúc bình sinh tu giáo quán Di-đà, tham cứu tông phong, vui với kệ tụng và được chỉ thú. Lại giỏi y thuật thường cho thuốc cứu người. Có ai đem của tiền đáp tạ thì bảo không phải do tôi mà do công đức Tam bảo. Bèn chuyển của thí sang Tam bảo mà xây gác báu và tạo tượng lớn Di-đà. Lại lập chín phẩm Bồ-tát, Hải Tạng kinh điển chứa ở sau, có ao sen thanh tịnh ở trước, có thất định, quán ở hai bên. Nguyện đón rước người đi đường, cấp dưỡng người sám hối để kết duyên Tịnh độ. Đâu phải chỉ có một mình Tỳ-kheo mến việc trị bệnh cho thuốc như Phật mà còn vận dụng lòng Từ bố thí trị liệu. Chỉ nghĩ tâm niệm Tam bảo mà gọi là chẳng dám để gián đoạn. Người vào đạo tràng ấy phải quán tất cả tướng là chẳng phải tướng thì mới thấy được toàn thể Di-đà. Quán tất cả pháp là pháp như huyễn thì mới vào được chân cảnh Tịnh độ. Quán thân mình là vô ngã thì mới có chánh kiến của Tỳ-kheo. Cho nên từ một Như Lai mà thấy vô lượng Như Lai, một Tịnh độ mà thấu khắp cùng vô lượng Tịnh độ, ngộ một Pháp thân mà dung được cả vô lượng Pháp thân. Không niệm mà niệm, không chứng mà chứng, không tu mà tu, biển quả Tịnh độ há dễ suy lường ư? Tăng giám Pháp Bảo xây dựng gác báu Đạo tràng Tịnh độ, dẫn dắt các bạn đồng tu tịnh nghiệp, hẹn khi báo duyên đã hết thì sinh An dưỡng được tròn sở nguyện.

Ngày rằm thượng nguyên niên hiệu Nguyện Hựu thứ nhứt, Tả triều Tán lang Thượng thư chủ, khách là Viên ngoại lang khinh xa Đô úy được vua ban cho đãy cá vàng tía là Vô Vi Dương Kiệt - kính thuật.

7. Bài Ký về viện Tịnh độ chùa Diên khánh của Đãi Chế Trần Quán:

Tại chùa Diên khánh ở Minh châu, Tỳ-kheo trụ trì Thế Hữu diễn giảng dùng Thiên Thai quán hạnh làm Tông. Từ Đại sư Pháp Trí tri lễ, hạnh học đều cao, người nghe pháp đều hướng tâm, được người nối nghiệp khá đông, đến nay hơn trăm năm. Trong thời gian ấy có người khổ hạnh tinh tu, đến nương Đạo tràng. Trong niên hiệu Nguyên Phong, Tỳ-kheo Giới Nhiên tu pháp Tây phương Tịnh độ, chỉ ngồi không nằm, kỳ hạn ba năm. Hết kỳ hạn bảo các Tỳ-kheo cùng tu là Huệ Quán, Trọng Chương, Tông Duyệt rằng chúng ta ở chung một thất

để tu duyên tốt này. Người đến sau càng đông nhưng nhà cửa không thêm. Nay ở góc Tây Diên Khánh còn đất trống nếu được tiền hơn hai ngàn muôn mà xây sáu mươi gian nhà, trong đó lập (gác báu) thờ Phật Di-đà trượng sáu và Quán Âm, Thế Chí. Có mười sáu thất, mỗi thất có hai gian, ngoài bày tượng ba vị Thánh, trong là nơi thiền quán. Điện ở bên ao, trong ao có sen đẹp. Trong không lìa trần nhiễm, ngoài mở rộng cảnh đời, chỗ niệm đều vắng, không có duyên khác. Dùng định tâm kiên quyết để hiển bày cõi An lạc. Nhân đó thuận lòng Từ của Phật lại báo ân đất nước, đâu phải chỉ riêng tôi mà cả bốn chúng ta đều như thế, với lòng mong mỏi như thế chắc chắn sẽ thành tựu. Các vị Huệ Quán... cùng đáp rằng: lấy tâm nhậm vận vô tác mà làm việc lợi ích hữu vi. Ở Tứ Minh có nhiều tín thí lo gì chẳng thành. Từ đó, tháng ngày chứa nhóm được bảy năm thì việc liệu toan của Giới Nhiên đều như ý. Lúc đầu Giới Nhiên đốt hai lóng tay để cầu việc thành. Đến tháng ba niên hiệu Nguyên Phù thứ hai thì làm lễ lạc thành. Bày ngàn Phật mà cúng dường. Lại đốt thêm ba lóng tay nữa để cầu thành việc khó thành, lại bỏ việc khó bỏ mà vốn chỗ dụng tâm không vị kỷ. Do đó người nghe kẻ thấy đều vui theo, các vị tu Tịnh độ đều vui mừng. Cả mười sáu thất đều đông chật người tu. Kẻ xong hẹn ra đi thì người phát tâm liền đến. Người nương cảnh tốt mà được lợi lành thì đông vô số kể. Giáo pháp Tịnh độ, Phật xưa đã nói, chỉ người thành tâm tin chắc không nghi. Như Lai xếp chín phẩm thì lấy tâm chí thành là trên hết. Ngài Trí Giả soạn Thập luận phá tâm nghi bị trói buộc. Mở trói thì quên tình, thức tan tthì trí hiện, Di-đà tịnh cảnh đâu cần tìm ở nơi khác. Như soi gương thì thấy mặt mũi, hình ảnh, người được không do thức nhận, kẻ mê chẳng phải do tình hiểu. Vượt thức tâm mà chẳng lầm, suy tình trần mà tạo riêng, ấy chỉ là thành, nên gọi là thành. Vừa tự thành tựu, vừa thành tựu cho người thì chỉ có đây mà thôi. Cũng như vầng trăng tròn sáng, hiện bóng khắp trên các mặt nước, bóng trăng vô số nhưng trăng chỉ là một. Nhiếp phân bố các nơi cùng về, gặp ở mười phương mà chỉ có một. Cũng như có mười chiếc gương vây quanh một ngọn đèn thì ánh sáng giao chiếu nhau, đông tây khó biết. Nhưng phương có vị trí nhất định thì chẳng phải không có gương tây, tên tùy tướng mà lập, Tây chẳng phải tự nó là Tây. Trí và lý dung nhau thì cảnh lấy gì mà chấp. Sao có thể lấy cái phương chấp chặt mà suy lường cái cảnh vô ngại của Như Lai. Ngài Từ Ân nói: Kẻ phàm phu nghiệp nặng chỗ nào cũng sinh tham đắm, nếu không chỉ một phương nhất định thì lấy gì để cột tâm chuyên chú. Đây là Thiện tri thức tùy phương trợ giáo, chuyên giữ gìn tướng tông. Nhưng

luận về An dưỡng thì biết đủ hơn kém chỉ khuyên vãng sinh là hơn hết. Từ đó ta biết người thông suốt thì không mến tiếc. Mến tiếc thì nhiều riêng tư. Cảnh mạnh mà thói quen nặng là do quán tưởng cạn, tâm thô phù; dễ đến mà không người là bởi nghi sâu, chướng nặng. Nếu muốn trừ hết cấu chướng thì phải dùng tâm quyết định. Đống củi như núi chỉ đốm lửa có thể đốt tan, nhà tối ngàn năm mặt trời soi thì liền sáng. Đức Thích-ca Văn phương tiện rất sâu, Phật Vô Lượng Thọ nói Pháp không gián đoạn. Quán Thế Âm như mẹ nhớ con, Đại Thế Chí như con nhớ mẹ. Dấu xe Thánh xưa sao lại chẳng tuân theo, huyễn cảnh trống không vì sao chẳng bỏ. Trưởng giả Giải Thoát nói chẳng đến cõi An lạc, Phổ Hiền đích thân thấy Vô Lượng Quang. Đích thân thấy là vốn không dời động, "Chẳng đến" là như thế mà đến. Khắp dung vô ngại, sau đó mới không, giả đều trung. Phân biệt chưa quên há tránh khỏi quyền, thật. Tranh nhau như thế thì làm sao có ngày tâm an, được nhẫn, ngày nào mới biết niệm niệm hiện tiền, sau đó quyết chẳng lui sụt. Nên nói nếu không chắc chắn thành Đẳng Chánh giác, ta thề chẳng chứng Bồ-đề. Đối với tâm Bồ-đề có lui sụt, ta thề không thành Chánh giác. Đây chính là bổn nguyện của Tỳ-kheo Pháp Tạng mà các bậc Thượng thiện đều theo học. Phát tâm như thế, thực hành hạnh như thế, khởi nguyện như thế, chứng quả như thế mà chẳng trái thệ lớn của Pháp Tạng thì ai nương thân ở cõi này, gởi tâm ở nhà này đều là bậc A-bệ-bạt trí. Lợi ích cao quý đó đâu thể cùng tận. Tỳ-kheo Giới Nhiên khởi lên một niệm lành, tất cả tín sĩ ở Tứ Minh đều hưởng ứng, do đó mà lợi ích một phương rộng khắp. Như thế mà không ghi việc ấy ư? Nay thầy trụ trì chùa Diên khánh là Đại sư Minh Trí (Trung Lập) là cháu chắt của Pháp Trí, hạnh nghiệp hoàn toàn chắc thật được người tin phục, dùng tâm thành mà tu quán Tịnh độ, đối với Giới Nhiên có giúp đỡ rất nhiều, nên nay cũng ghi vào đây, ngày mồng một tháng tám niên hiệu Đại Quán thứ nhất. Diên Bình Trần Quán ghi.

Thảo Am Lục chép: Trần Oánh Trung soạn Tịnh độ viện ký là một bài sâu sắc về Phật tổ. Nay nói Tịnh độ nếu được Phật thì mất Tổ, hoặc được lý thì mất sự, được đây thì mất kia, mà Liễu ông chứa chẳng mấy trăm chữ lại nói được toàn thể Tịnh độ, há chẳng phải là có Thiên tư cao ư? Song bài ký này cao là do người khen. Còn như Triều Công (Thuyết Chi) soạn bài bia thờ Pháp sư Minh Trí thì đầy dãy văn chương của Thai tông, cứng cõi thịnh hành ở đời, suy ra ký của ngài và Liễu Ông ngang nhau. Ký ấy có nói: Sư thường dùng Pháp môn Tịnh độ khuyên dạy người học, muốn mọi người biết Thích-ca có Tịnh độ,

Di-đà có uế độ. Lúc khác chí ở nơi tâm, một ngày nào đó ắt quán kỹ, bèn y theo kinh Thập Lục Quán mà hiện ra tượng lớn Di-đà ở bên ao. Dùng mười sáu quán mà thấy chim le bơi trong ao sen, phụng trời bay múa. Người quán tưởng ngồi trên cao, dứt hết tiếng đời, người hợp với cảnh ấy thì đạo tâm thêm nhiều, sao luận tin hay không tin? Cho nên nghi thân ấy chẳng phải Thánh chẳng phải phàm. Phí tổn vạn vạn dựng xây nhà cửa càng thêm. Đến ở bên sông nhiều năm rồi lạc thành chẳng đầy một năm, có vị tăng cùng làm việc bảo rằng Giới Nhiên chẳng nhọc chẳng lo, như không hề có việc ấy. Bởi cảnh ấy xưa chưa có mà nay chẳng biết vì sao mà có. Cả hai vùng Triết giang không có thì thiên hạ cũng không có. Pháp Hoa đạo tràng ở núi Chi Hình do Tuân Công tạo ra thì có thể hơn đây.

8. Bài Ký ghi việc sửa sang lại viện Tịnh độ chùa Diên Khánh của thủ tọa Phác Am Thanh Triết:

Tịch Quang chân thường, xưa nay sáng soi mầu nhiệm, bỗng niệm khởi lên, phải chịu trôi giạt, Đấng Đại Giác Thánh nhân muốn cho bỏ vọng về gốc nên khéo léo khuyên dạy. Thế nên Phật Thích-ca hiện cõi uế khiến nhàm chán, Phật Di-đà hiện Tịnh độ khiến ưa thích. Nếu ưa thích mà tu tịnh hạnh thì sẽ sinh nước ấy. Cảnh giới tốt đẹp đều giúp phát triển chân thường. Thế nên, nghe gió thổi cành cây mà chánh niệm thành, lên lầu báu mà Tam-muội bày. Chẳng nhờ phương tiện tự nhiên được Đạo. Vì vậy, pháp môn Tịnh độ cũng là đường tắt trở về nguồn. Song người phát triển rộng pháp môn Tịnh độ chỉ có Tuệ Viễn ở Lô sơn cùng các bậc Hiền kết Liên xã ở dưới núi Lô, tu Tam-muội niệm Phật hẹn vãng sinh về cõi Tịnh, do đó mà đời sau đều quý chuộng. Thiền sư Nam Nhạc lúc đầu ở núi Đại Tô truyền tông Nhất Tánh của ngài Long Thọ, lập riêng thiền thất dạy người tu chứng. Cho nên ngài Thiên Thai Trí Giả lúc đầu đến núi này trao cho Đạo Tràng Phổ Hiền, tu Tam-muội Pháp Hoa, nhân đó mà phát đại Tổng trì, vào cảnh giới Phật. Từ đó bốn phương đều lấy đây làm nguyên tắc, có như vậy là do thấy người xưa dạy tuy khác nhau mà đồng quy về một. Giữa năm Nguyên Phù đời Tống, có Tỳ-kheo Giới Nhiên nối phép xưa lập việc Phật hóa ở góc phía Tây chùa Diên Khánh nơi vắng vẻ u nhàn, lập nên gác bái lớn gồm mười sáu thất, gọi tên theo Thập Lục Quán. Hoa cỏ che mát, ao ngọc lắng trong giống cảnh Lạc bang thanh tịnh, khắc tượng chiên-đàn, trong ao trồng sen theo cách của Lô sơn Liên xã. Sám thất tinh nghiêm, thiền đường thâm tịch theo phép của đạo tràng Đại Tô. Chỉ chứa người giữ chí

thờ đạo, sớm tối hương nên, Phật sự vô sinh lắng thần xét chiếu, bỗng nhiên rất nhiều người ngộ được tâm mình ở cảnh Tịch Quang cho nên là đất cao quý ở Tứ Minh. Nhưng năm tháng dần xa nhà cửa nghiêng xiêu, người tu Tam-muội không thể yên tâm. Năm Đinh Sửu thuộc niên hiệu Thiệu Hưng có Tỳ-kheo Thanh Nhuận buồn thấy thắng cảnh điêu tàn bèn nghĩ việc sửa sang, phục hưng. Nhưng thấy sức yếu khó vận động người, nên bạch việc thầy trụ trì Pháp sư Giác Vân. Sư nói: Việc quý ở chỗ chân thành. Chân thành một khi phát ra còn có thể cảm được các Đức Phật thì đàn tín sao không động được. Huống ông đã sáng lập thất Diệu Xúc Tuyên Minh, giúp cho người đều ngộ nhận được bổn nhân thành Phật, ông trụ ở đây chẳng chí thành được ư? Thanh Nhuận khi nghe lời ấy thì chăm chăm để bụng, khi nêu ra với đàn tín thì tất cả đều theo, mà đưa các gỗ quý đến làm kèo cột. Nếu nghiêng đổ thì chống đỡ, mối mọt thì làm mới, sửa sang xây tường lợp ngói, dột trên ngập dưới, bốn bề sửa chữa, cửa lớn cửa nhỏ, tường rào thềm bậc đều đủ. Gác báu sừng sững bên hồ, tường cao khiến người trong thất quản lý không biết có sự ồn ào của chợ búa, hồng trần. Tất cả đều mới mẻ rực rỡ giống ngày lạc thành thuở xưa, đủ để vén rèm trăng, đốt hương bách. Kẻ ở thì tu tập không ngừng, người cúng thì gieo trồng ruộng phước vô tận. Ngõ hầu phong cách Đông Lâm, đạo Nam Nhạc chẳng xa mà lại thịnh là công do đây vậy. Xây cất suốt bốn năm thì việc xong. Bèn dùng ba ngàn quan tiền khắc hai ngàn tên, giúp cho người phương này liền thấy mười muôn ức cõi ngoài. Gió ngâm lá báu, sóng động bờ vàng, trong suốt như giếng ngọc mùa thu: Mới biết đã về nước cũ, nhanh chóng quên hết khách trần, sao những trốn chạy hư không, kịp nghe tiếng chân há chẳng vui sướng sao? Khiến tất cả mọi người nhận đây mà quán An dưỡng, Y, Chánh đều do cảnh này dẫn phát, hăng hái mạnh mẽ, so với công đức tăng tu thì chẳng lớn bằng. Bây giờ là niên hiệu Càn Đạo thứ năm, ngày Nam Chí.

Tỳ-kheo Thanh Triết kính ghi.

9. Bài Ký về xây dựng tượng ba vị Thánh đứng ở chùa Khai nguyên của Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu:

Tượng ba vị Thánh đứng, thấy trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Đức Thế Tôn Thích-ca vô duyên đại từ thương xót người chưa được độ ở cõi Ta-bà, bèn mở rộng pháp môn Tịnh độ, chỉ bày Tam-muội niệm Phật, khiến gởi thần thức về cõi Tịnh. Cho nên dạy quán tưởng duyên Thánh, mười sáu diệu quán do đó mà lập ra. Việc mặt trời

lặn như chiếc trống treo để chỉ phương hướng, tưởng nước ngưng thành băng để giống đất báu. Kế quán rừng, suối, lầu gác đều dùng trăm báu trang nghiêm trên đời khó gì sánh bằng. Ánh sáng rực rỡ chẳng thể tả xiết. Rồi nói quán thân Phật ấy tướng tốt chói sáng, chúng hội đầy đủ. Bỗng ba vị Thánh hiện trên hư không, khiến Vi-đề-hy nhìn làm nguyên do phát thỉnh. Kinh rằng: Phật bảo Vi-đề-hy rằng ta sẽ phân biệt giải nói pháp trừ hết khổ não cho bà nghe. Khi nói lời ấy thì Phật Vô Lượng Thọ hiện ra trên hư không, có Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đứng hầu hai bên. Bà Vi-đề-hy bạch Phật rằng: Con nhờ năng lực Phật nên thấy được Đức Phật ấy và hai vị Bồ-tát. Chúng sinh đời vị lai sẽ quán thế nào mà thấy được? Phật dạy: Trước quán đài hoa, kế quán hình tượng, sau quán thân Phật, người hầu hai bên, chín phẩm đồ chúng, Tam-muội niệm Phật do đây mà đầy đủ. Từ Lô sơn, Tuệ Viễn đến nay thì các tăng phường trong nước kết hệ niệm Tịnh Xã, lập tượng Di-đà tam Thánh đều xuất phát từ văn kinh này. Lan nhã Phước Nguyện ở nơi núi Linh quy, Từ Khê thuộc Tứ Minh có Thích tử Giới Thâm, từ khi vào đạo luôn trì kinh ấy, dốc chí Tinh nghiệp được mấy năm bảo rằng: Tu một mình không bằng khuyên bảo người khác cùng tu, thực hành một lúc không bằng lâu dài. Do đó mà kêu gọi mọi người tin tưởng cùng đến Tiền Đường, sai thợ giỏi điêu khắc tượng ba vị Thánh đứng. Núi sông ngàn dặm luôn tới lui xây cất, ròng rã suốt mấy năm mới được thành tựu, tốn phí mấy ngàn. Lập Sám đường thuộc Viện kinh Tạng chùa Khai nguyên tại phía Nam thành, bốn chúng đều chiêm bái khen ngợi chưa từng có. Một hôm ông ngồi thuyền vượt sông đến Lan nhã Chi Viên, cởi đãy kiết hạ niệm hương, cúi đầu mời tôi viết cho bài văn ghi việc ấy. Tôi hiểu ý lời nói này nên vui lòng viết ngay. Có kẻ hỏi: Kinh nói các Đức Phật Như Lai là thân pháp giới, nhập vào tâm tưởng tất cả chúng sinh. Nay khắc gỗ làm tượng là vật thế gian mà đem làm Phật chẳng biết có được chăng? Đáp rằng: Thân Phật không tướng cũng không lìa tướng vì là vô tướng nên thế gian, xuất thế gian không có một pháp nào là Phật, tám vạn bốn ngàn ba mươi hai tướng tốt cũng tức là không tướng, huống là vật khác ư? Cho nên lìa tất cả tướng tức gọi là chư Phật. Vì lìa tướng cho nên thế, xuất thế gian không có một pháp nào chẳng phải là Phật, huống lại là tướng hảo ư? Thế nên nói: Phải biết tất cả các pháp đều là Phật Pháp. Nếu hiểu tướng này là chẳng phải tướng, chẳng phải tướng tức là tướng thì tất cả núi sông, cõi nước, cây cỏ, bụi nhỏ bốn loài, sáu đường bò bay máy cựa đều là thể Pháp thân của các Đức Phật cả, huống lại đúc vàng nặn đất, khắc gỗ, vẽ thêu... trang nghiêm tướng tốt

mà không phải Phật ư? Những người trí quán tượng này do gỗ đá, tro đất, sơn keo, kim loại, mầu vẽ... nhờ các duyên hòa hợp mà thành tìm thấy các duyên thì đều là vật thế gian, đều có tên và thể chất, vậy cái gì là Phật ư? Song, duyên không có tướng nhất định, vật không có tên nhất định, mà đã gọi là Phật thì tất cả chúng duyên không gì chẳng phải là thể Phật, đâu thể bỏ đây mà riêng tìm Phật ư? Kinh Hoa Nghiêm nói sắc tướng không phải là Phật, âm thanh giống như thế. Nhưng cũng chẳng lìa sắc thinh mà nhìn thấy năng lực thần thông của Phật. Nếu quán đây mà không chấp ở tướng, cũng chẳng lìa tướng, lý sự như một, Chân tục không hai thì đối tượng mới là thật thấy Phật. Kinh nói: Nếu Phật diệt độ rồi mà ai tạo hình tượng để cúng dường thì đời sau sẽ được Tam-muội niệm Phật thanh Tịnh. Thế nên biết đời mạt pháp mà giữ gìn hình tượng là hơn hết, các căn thượng, trung, hạ đều được lợi ích. Do vậy, Tử Đàn khắc tượng vua Ưu-điền là người mở đầu ở Tây càn, lông trắng dệt vẽ Ca Trúc là kẻ bày đầu ở Đông Hạ. Phép truyền đã rộng, điềm lành càng nhiều. Sinh linh thấy tướng mới biết quy về, Phật hóa nương vào phong tục mà tồn tại lâu dài, có người thành tâm thấu gốc mà gieo tạo hạt giống Thượng Thừa. Cho đến ai giở tay, cúi đầu thì đều trọn thành tựu hạt giống nhân duyên, hay như luận về sự cứu giúp đâu thể nào nói hết. Nên phàm khi đến Đạo tràng phải rất cẩn trọng.

10. Bài Ký về tạo tượng Di-đà ở viện Vô Lượng của Luật Sư Đại Trí Nguyên Chiếu:

Giáo Quán Di-đà chép trong Đại Tạng rất nhiều. Song Phật hóa truyền sang Đông Độ mấy trăm năm nay người thế gian hầu như không ai biết. Pháp sư Tuệ Viễn đời Tấn trụ ở chùa Đông Lâm ở Lô sơn, thần cơ vì thiên hạ chủ trương việc đào ao trồng sen, xây chùa lập thệ, tôn sùng tịnh nghiệp, gọi là Bạch Liên xã. Các bậc danh Tăng cự Nho đương thời không hẹn mà tự đến. Tuệ Trì, Đạo Sinh là người tài của Thích môn, Lưu Di Dân, Lôi Thứ Tông là bậc tài giỏi của làng văn sĩ đều phục giáo mà dự vào Liên xã. Thế nên, đời sau nói Tịnh Xã thì đều lấy Đông Lâm làm trước. Sau đó Thiện Đạo, Hoài Cảm mở rộng ở Trường An, Trí Giác, Từ Vân phát thạnh ở Triết Hữu. Đời sau vì cuồng vọng nên chánh đạo bị mất. Hoặc bị trói cột ở danh tướng, hoặc chìm sâu ở chấp không. Cho nên có người chê niệm Phật là thô hạnh. Bỗng Tịnh nghiệp trở thành con đường nhỏ, tự chấp chặt mà mắt lấp tai ngơ. Nếu nghe cũng không tin, có tin cũng chẳng tu, có tu cũng chẳng siêng. Do đó mà giáo môn Tịnh độ hầu như dứt mất. Than ôi, biết rõ giáo quán

ai bằng Trí Giả khi qua đời thì đọc kinh Quán, khen Tịnh độ mà hóa. Thấu suốt pháp giới ai bằng Đỗ Thuận, khuyên bốn chúng niệm Phật, cảm tướng đẹp mà về Tây. Tham Thiền thấy tánh ai bằng Cao Ngọc Trí Giác, đều kết xã niệm Phật mà cùng chứng Thượng phẩm. Nghiệp nho có tài ai bằng Lưu, Lôi, Liễu Tử Hậu, Bạch Lạc Thiên, song đều cầm bút viết lời thành thật mà nguyện sinh về cõi ấy. Xem đó thì biết nếu chẳng phải là hạng cao kiến cứng rắn, hiểu thấu số biến hóa của sinh tử thì ai tin được điều này. Đời gần đây tông sư công tâm không bè đảng, đem pháp này dạy dỗ học trò. Do đó mà ở đây xây điện đúc tượng, kết xã lập hội không phân biệt sang hèn, già trẻ đều chí thành quy về Tịnh độ, hoặc quán tưởng, hoặc trì danh, hoặc lễ tụng, hoặc trai giới. Cho đến có người thấy hoa sáng, thấy tướng tốt, thân sống lưu xá-lợi, người khi qua đời cảm tướng lành thì rất đông không thể đếm biết. Tịnh nghiệp thạnh hành từ xưa không gì hơn, người thời nay chẳng biết được. May sao đến huyện Lâm An là ấp lớn của đất Hàng. Núi Cữu Tiên là cảnh đẹp của ấp. Viện Vô Lượng lại là cảnh tinh xá đẹp nhất. Ở phía Đông nam viện có xây Quán Âm đường. Ở sau đường có lập điện Di-đà. Học trò là Dụng Uyên quyên mộ được ba trăm lượng của một ngàn nữ sĩ để khắc tướng Phật Di-đà cao tám tấc. Ngày Thượng ngươn niên hiệu Nguyên Hựu thứ tám họp chúng chiêm lễ, Uyên chí thành làm kệ phát thệ nguyện rộng lớn đặt trong bụng tượng. Ngày đó cúng dường năm trăm La-hán, cúng trai chư tăng làm lễ lạc thành. Ngày tám tháng bốn sang năm sau thì trang nghiêm đầy đủ, nghi tướng rất đẹp, lộng lẫy rực rỡ. Do đây người một cõi cùng quy hướng, trong trăm đời được truyền bá. Có ai lễ bái, chiêm ngưỡng, xưng danh quán tưởng thì dứt hết nghiệp căn nơi biển khổ mà sinh về hoa sen ao báu. Bởi hễ vạch đất nhóm cát thì đều thành Phật Đạo, do cúi đầu, giở tay thì đều cùng về Nhất thừa. Huống gì hết sức xây dựng, chí thành giữ Niệm thì lợi ích nào có thể lường được. Nghe xong Uyên mời tôi theo ý đạo ghi văn. Tôi bèn vâng mạng viết ngay.

11. Bài Ký về am An Dưỡng ở Linh Sơn của Cấp Sự Trình Câu:

Trong hà sa cõi có một thế giới gọi là nước An Dưỡng có Phật hiệu Vô Lượng Thọ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Cảnh giới nước ấy đều dùng bảy báu trang sức, thành tựu rộng khắp trang nghiêm. Chúng sinh nước ấy do đời trước đầy đủ phước đức trí tuệ nên hóa sinh vào hoa sen mà trụ ở

địa vị không lui sụt. Nước ấy tuổi thọ không hạn lượng, một ngày một đêm cõi ấy bằng một kiếp ở cõi này. Nước ấy sáu thời trong một ngày đêm đều có nhạc trời, tiếng nghe tuyệt diệu và có tán rãi hoa đẹp như mưa để cùng đùa vui. Nước ấy hoa cỏ đều là hoa sen to như bánh xe, có hàng cây báu lồng chiếu ánh sáng cùng khắp. Nước ấy các chim đều do Như Lai hóa ra, mọi lúc đều giảng nói vô lượng nghĩa giáo. Vì các thứ ít có như thế nên gọi là An Dưỡng. Ở phía Đông cõi An dưỡng cách mười muôn ức cõi nước có thế giới tên là Ta-bà. Trong vô số già-lam trong nước có một già lam tên là Linh Sơn, lại có tinh xá tên là am An dưỡng. Trong đó có người mặc áo hoại sắc, có chúng khất sĩ cạo bỏ râu tóc, gọi là Tu Ý. Am ấy không có hóa sinh trong hoa sen, chỉ có thai, noãn, thấp, hóa, các loài hữu tình là chúng sinh. Am ấy không có tuổi thọ vô biên, chỉ có tuổi thọ năm mươi bảy mươi cho đến một trăm tuổi, am ấy trong sáu thời không trọn, rải hoa đẹp như mưa và các nhạc trời, chỉ có ngày đêm ăn cơm ăn cháo khua chuông gõ trống. Am ấy chung quanh không có cây báu và hoa sen to, chỉ thấy trong núi có cỏ cây hoa lá xinh tươi. Am ấy không có biến hóa các chim giảng nói nghĩa vô lượng, chỉ nghe tiếng chim và côn trùng tự kêu hót. Vì có các thứ hiện tiền ấy cũng gọi là An Dưỡng. Khất sĩ ấy đến các cõi nước, gần gũi các Thiện tri thức, được pháp tạng rồi thọ dùng tự tại, trở về núi này kết am ở yên. Lúc đó ở Bắc sơn, có một cư sĩ thăm viếng già lam vừa đến am An dưỡng gọi đại chúng bảo rằng: Các thứ hiện tiền như trên vừa nói cùng thế giới An dưỡng ở tất cả mọi nơi không phải là nước An dưỡng. Nếu theo đoạn kiến thì Phật Thích-ca việt nam kia há nói lời luống dối. Nếu lấy pháp tướng thì các ông cô phụ Phật Vô Lượng Thọ. Ôi này các thiện sinh, nên y chỗ mà ngồi trong đại đạo tràng. Nếu không tin xin mời đến thành Tỳ-gia-ly mà đợi Loa kế Phạm vương giảng nói cho các ông. Ngày Giáp tý tháng tám, niên hiệu Ninh thứ năm Bắc Sơn Trình Câu kính ghi.

Kinh Duy-ma cật chép: Muốn được Tịnh độ thì phải tịnh tâm mình, hễ tâm mình tịnh thì cõi Phật tịnh. Ngài Xá-lợi-phất nghĩ rằng: Thế Tôn ta há ý chẳng tịnh mà Phật độ ấy chẳng tịnh ư? Lúc đó Loa Kế Phạm Vương nói. Tôi thấy cõi nước Phật Thích-ca thanh tịnh như cung trời Tự Tại. Ngài Xá-lợi-phất nói: Tôi thấy cõi này uế ác đầy dẫy . Phạm Vương nói: tâm Nhân giả có cao thấp không nương Phật tuệ nên thấy chẳng sạch. Phật liền ấn ngón chân xuống đất thì lúc đó cả cõi Đại thiên châu báo trang nghiêm. Phật nói: Cõi nước ta luôn thanh tịnh như đây, vì độ các căn cơ yếu kém nên hiện bày các điều ác. Ví như các vị trời cùng dùng chén báu ăn cơm, tùy phước đức mỗi vị mà mầu cơm có

khác. Nếu người tâm thanh tịnh liền thấy cõi này trang nghiêm. Ngài Thiên Thai trong Duy-ma sớ có giải thích rằng: Phạm Vương thấy nó giống cõi trời Tự Tại là thuộc tầng Trời cõi Dục, là cõi Đồng Cư Tịnh trang nghiêm đẹp lạ, còn Tịnh độ Tây phương cũng là Đồng Cư Tịnh, mà kinh ấy cũng nêu giống như tầng Trời thứ sáu. Phạm vương thấy cõi uế là tịnh. Còn Xá-lợi-phất ở trong sinh tử Niết-bàn có cấu tịnh cách nhau vì không nương Phật tuệ nên chỉ thấy cấu. Chén báu là ví dụ cho Tịch Quang, còn cơm khác mầu là dụ cho ba cõi kia, đối với Tịch Quang mà thấy khác nhau.

12. Bài Ký về Hoàng đế Cao Tông viết tặng Liên xã của Tổng quản Trương Luân:

Thần có đọc sách Thiên trúc biết xuất thế gian có cõi nước Cực lạc. Cõi nước ấy có Đức Phật hiệu A-di-đà là tiếng Phạm, Hán dịch là Vô lượng. Vì tuổi thọ và ánh sáng các Đức Phật ấy vô lượng, nên còn gọi là Vô Lượng Thọ hoặc Vô Lượng Quang. Khi xưa, Phật bỏ ngôi vua, siêu vượt Độc Giác, ngộ tâm chứng Thánh, dùng năng lực đại nguyện mà độ khắp tất cả. Cõi nước ấy dùng các báu vật quý nhất mà trang sức vô cùng đẹp đẽ. Đất đều bằng vàng ròng, không có núi sông, gò hầm, các thứ hiểm trở. Thời tiết luôn là mùa Xuân, không có mặt trăng, mặt trời, nóng lạnh biến đổi. Không có các khổ đói lạnh sinh, già, bệnh, chết, không có sự vẩn đục của năm đường cùng ở chung. Các thứ thần thông phương tiện, hiện ra các việc ít có để dẫn dắt chúng sinh ưa thích tin tưởng. Hằng ngày ai phát một niệm niệm danh hiệu Đức Phật ấy, thì từ một niệm ấy liền thanh tịnh thuần thục viên mãn, hiểu rõ chân như đồng một pháp tánh. Khi huyễn thân này hết nhưng tánh này không mất. Trong một sát-na cõi Phật hiện tiền, như cầu vật mà chỉ cho người. Thần kính nghe thuyết ấy mà cố gắng siêng năng không gián đoạn chỉ luôn niệm Phật được hơn một năm. Cả nhà lớn nhỏ đều theo. Bèn cất lều tranh, phía Đông lều thì đào ao trồng sen, là bắt chước di ý kết xã của ngài Tuệ Viễn. Hằng ngày bảo vợ con lễ Phật muôn câu. Tuổi đã già nên chọn ngày lành tháng tốt cùng những người tin đạo ở Tinh xá Phổ Tĩnh thấy nghe cùng đến niệm Phật, tiếng như sóng nhảy bờ. Phàm ngài Tuệ Viễn lập Xã này cách nay đã mấy trăm năm, trong thời gian ấy các đạo tục mến mộ phong cách của ngài, nối chí cao của ngài rất đông, về sau họ dần dần mất đi không ai biết, rã mục cùng cỏ cây. Riêng thần nay may được thái thượng Quang Nghiêu Thọ Thánh hoàng đế rửa bút viết hai chữ Liên xã thật lớn để ban thưởng. Sao Khuê từ

trời cao chiếu xuống ánh sáng rực rỡ, muôn người vui mừng việc chưa từng có. Thần kính lạy tạ ân bệ hạ được thêm ba kỷ, thương cõi Nam Bắc, Nhân khắp cỏ cây, Đức thấm côn trùng, như Phật mà độ khắp tất cả. Rực sáng như ánh mặt trời chiếu khắp giống như ánh sáng của Phật, vô lượng công thành, dạy khuyên tự yên. Đức Thánh quân Đại Bảo, giống như Phật siêu nhiên Độc giác ngộ tâm chứng Thánh. Còn như Xuân Đài cõi Thọ, tám dây mà không có thần cổ vũ, dân chúng do đó không biết. Bởi cùng cõi nước Cực lạc không hề gián cách. Do đó nhìn rõ tâm Thánh tâm Phật chỉ một không hai, há Phật Di-đà có tâm khác. Đạo nhãn rỗng suốt vô ngại, biết trong Viêm Tộ chẳng có lỗi thương chúng sinh sao lại hiện thân Đế vương để ứng vận cứu đời. Không phải thế sao khế hợp được với Phật như thế. Thế nên, Phật thọ vô lượng thì Thánh thọ cũng vô lượng, như thế mà biết. Thần rất quý kính vật vua ban, là vật phi thường chẳng truyền riêng cho ai. Rừng mây có dời ngàn muôn thuở một gặp. Giúp cho thiên hạ đời sau hễ có chiêm ngưỡng liền được Tam-muội niệm Phật, rốt ráo thành tựu Vô Thượng Bồ-đề thì lợi ích lớn đâu thể nào lường được. Cung kính khắc đá vàng, khắp bày rộng truyền đến trọn đời.

Ngày lành tháng tốt niên hiệu Càn Đạo thứ hai. Quân châu, Phòng ngự sử Lưỡng Triết, Tây lộ phó đô tổng quản. Tú Châu Chú đáp, thần là Trương Luân kính ghi.

13. Bài Ký về Tháp Di-đà ở Núi Nam Nhạc của Thiền sư Mục Am Pháp Trung.

Các khổ của sinh linh không gì khổ hơn giết hại. Từ vài năm trở lại đây trộm cướp bốn bề nổi lên, binh lửa giao tranh, chết chóc phi lý, đầu rơi máu đổ nhiều vô kể ở khắp nơi. Lại thêm dịch bệnh hành hạ khiến dân càng khổ. Có Tín sĩ Trịnh Tử Long đã đeo mang hạt giống lành, lòng Từ bi đặc biệt phát sinh thấy cảnh khổ ly loạn mà biết oán nghiệp này, chỉ lấy oán báo oán mà thôi. Muốn dứt bỏ nó thì phải có năng lực Phật cứu giúp. Bèn tinh thành vận động người đồng tu hơn muôn vị cùng niệm danh hiệu Phật A-di-đà ở thế giới Cực lạc Tây phương được tám muôn bốn ngàn tạng đã tròn đủ. Lại khuyên đàn việt xuất tiền của nhờ thợ giỏi chẻ đá, xây tháp bảy tầng cao ba trượng hai ở phía Nam động La hán, bên phải đài Diệu Cao, chứa tên người niệm Phật trong tháp, đem lợi ích cao quý này cầu quốc thái dân an, phẩm vật cúng dường. Phàm kẻ chết trận và dịch bệnh đều thoát khỏi đường khổ tối tăm cùng sinh về cõi Tịnh. Lớn lao thay! Đạo của đấng Giác

Hoàng, có hai môn: Chiết môn và Nhiếp môn, tùy cơ cứu vật. Cho nên Đức Thích-ca hiện cõi uế, dùng Chiết môn khiến cho khởi niệm Chán khổ. Đức Di-đà hiện Tịnh độ dùng Nhiếp môn khiến khởi chí "ưa vui". Cõi uế thì gò nổng, hầm hố cao thấp, đao binh đói bệnh khổ não. Cõi tịnh thì ao báu đất vàng trang nghiêm, pháp hỷ, thiền duyệt an vui. Nên ngài Thiên Thai nói: Lạc bang và cõi khổ, vàng báu với sình bùn, Thai ngục so với ao hoa như rừng gai sánh với cây ngọc. Thật do tâm chia ra cấu tịnh mà thấy có hai cõi xuống lên, mà thấy có hai phương thiện ác thô diệu. Nhân đây mà luận thì biết tịnh uế ở đây mà không ở kia. Thể nhập chánh quán mà thấy thì các khổ: Đao binh, dịch bệnh v.v... kia là mỗi mỗi nghịch hóa. Song ở cõi khổ này mà kẻ phàm tình mê mộng còn cho khổ là vui, lắm điên đảo, thật rất đáng thương. Có người nói: Ưa tịnh chán uế, lấy bỏ chưa quên, há bậc Thánh dùng Đạo thấy có hai mà dạy người ư? Đáp rằng: Kinh chẳng nói. tuy biết cõi nước của các Đức Phật và chúng sinh đều rỗng không mà luôn tu Tịnh độ để giáo hóa chúng sinh hay sao? Bởi rõ ràng ưa chán mà không thấy có tư tưởng ưa chán. Đây là chỗ được vậy. Tháp xây xong vào năm Quý Sửu, ngày Trọng Hạ thuộc niên hiệu Thiệu Hưng. Bí-sô Mục Am Pháp Trung ghi việc. Bèn cúi đầu khen rằng:

Kiếp thạch tiêu hết
Chỉ có Tháp này
Không xiêu không đổ.
Cùng núi Nhạc này
Trời đất dài lâu
Chẳng mòn chẳng hoại
Kẻ chết binh, dịch
Đều thoát vòng khổ
Siêu thăng Tịnh độ
Chỉ người Xã này
Các loài sinh linh
Cùng với Vựng chinh
Lành thay Phật tử
Làm việc tốt này
Khen làm sao cùng.

14. Bài Ký về đạo tràng Tịnh độ ở Trừng Giang của Thiền sư Pháp chân Thủ Nhất.

Ngài Thiên Thai Phụng Sư học giáo truyền với ngài Trí Giả,

truyền ở Trừng Giang, người đã thuận hóa, bèn nghĩ các độ môn ở đời này môn khéo léo, ngắn gọn, cốt yếu nhất thì chỉ có pháp môn Tịnh độ là được mà thôi. Do đó giúp họ ưa thích bố thí, tạo lập tôn tượng, xây dựng đạo tràng, dạy người tu hành Tam-muội niệm Phật, cùng chúng cầu nguyện cúng tế. Giao cho tôi viết lời Ký. Tôi nói thuyết Tịnh độ trong kinh luận đều còn, các Sư luận nói cũng đã rất rõ. Các chứng nghiệm hiện ra không hề dối gạt ta. Vậy mà đời còn nhiều người nghi ngờ. Ấy là vì vô minh che lấp, lý sự không hiểu. Xét trong kinh Pháp Hoa có nói: "Dầu người tâm tán loạn mà vào tháp miếu, xưng niệm một câu Nam-mô Phật thì đều đã thành Phật đạo", huống là nhất tâm bất loạn mà cầu sinh, sao riêng mình chẳng như thế. Vả lại thấy điều lành không rõ, dụng tâm bất nhất, thì ở thế gian có muôn pháp, nào có đến được mà chẳng nghi, nào có tu hành mà đến được. Lời Phật nói rất thiết yếu chỉ nên tin chắc mà thôi không nên nghi ngờ có hay không. Song Tịnh độ bảo quả là có ư? Không phải bảo là không ư? Cũng không phải. Bảo là chẳng phải có chẳng phải không ư? Cũng không phải. Thế thì Tịnh độ quả vẫn tồn tại, lìa các thấy trên thì gọi là Tịnh độ, liền thấy Như Lai. Nếu ai nghe lời ấy mà không kinh ngạc sợ hãi thì phải biết người ấy chắc chắn được vãng sinh, không sinh mà sinh vì lấy không trang nghiêm mà trang nghiêm. Tín tâm thanh tịnh một niệm hoa nở. Toàn thể hiện tiền, các tướng đầy đủ. Tâm ấy là Phật tức Bổ xứ nào nghi. Đã vượt khỏi sinh diệt được sống lâu vô lượng. Nếu đối việc này chưa thể tin hiểu thì các phương tiện khác trong chín phẩm có đủ, ngang sức mà tu thì cũng không uổng phí.

15. Bài Ký về tranh vẽ trên vách của Liên xã ở viện Bảo Tích của Ty Phong Chung Ly Tòng.

Đầu niên hiệu Tuyên Hòa, Thiền sư Từ Thọ ở chùa Tuệ Lâm luôn hết lời dạy người rằng: đường tắt tu hành không gì hơn Tịnh độ. Lúc đó, có Ngụy cư sĩ xoay vần hóa đạo quên lo, Giang Dân Bi Củ làm chức Tả ty công muốn làm thơ Tam-muội niệm Phật rộng khuyên dạy đời. Khi tôi chưa đầy hai mươi đã thọ nghiệp ở trường trên, sớm tham dự vào Liên xã. Lại do Tăng huynh là thủ tòa Mộc Nột khẩn thiết khuyên răn sách tấn, biết có tự tánh là Di-đà, chính tâm này là An dưỡng, đến năm nay đã bảy mươi, tuy chiến tranh phiêu linh mà sớm chiều chẳng lười nhác, vì chỗ đắc lực không ít, huống chi tôi lại từng có các kinh nghiệm khác, châu báu tràn đầy, nhưng Thượng thư Vương Mẫn Trung (cổ), đại phu Cát Trung Thẩm (Phồn), đề hình Mã Trung Ngọc (can) đều là

những người thân cận tốt đẹp, sự tích sáng rỡ mọi người đều nghe, thì có lẽ nhà tôi còn có Tịnh duyên này. Mùa hè năm Canh Dần niên hiệu Càn Đạo, tôi thọ ơn phụng thờ, ngụ tại Tô Đài, không hẹn mà gặp giảng sư thật ở Bảo Tích, mãi nghĩ đến ngọn gió mát Liên xã, đuổi theo dấu chân cao của cả Đông Lâm, gặp các bậc danh đức Lý Hầu... ở Đông Bình, mọi người đều quyết tâm tu tập, trải qua nhiều năm chẳng nghịch với lòng, cùng lập xã, đồng thanh niệm Phật, cùng lập thệ nguyện, trải qua nhiều năm viết thành một tập, đủ biết đời này không trái với tự tánh vốn có, báo thân đã tận quyết có chỗ về chân chính, vậy chẳng tốt đẹp ư! Một hôm bạn trong xã họ Ngô than rằng: Muốn phát tâm Bồ-đề thì phải đủ hai hạnh bi, trí. Muốn cầu sinh đất Thánh thì cần phải khai dẫn quần mê. Phải viết về mười cõi chín phẩm để muôn người chiêm ngưỡng, kính trọng và biết tỉnh giác để làm lợi ích rộng lớn vô cùng. Nói chưa hết câu, mọi người đều cùng khen hay, do đó mọi người trong xã đều quyên tiền để làm, người nghe thấy đều tùy hỷ trợ giúp, tuyển thợ làm, huyễn tạo hai bức tranh nơi hai dãy nhà hai bên, lại nhặt nhạnh giáo tạng, phát minh chỉ thú, một là để chỉ bày muôn pháp duy tâm, một là để chỉ đường tắt Tây phương, so với các công đức khác thì trong trăm ngàn muôn ức phần không bằng một phần. Ơi! Tấc bóng như điện chớp, nhân quả như bóng theo hình, chớ ỷ khỏe mạnh mà luống qua ngày, chớ buông lung mà tạo tội. Nhìn pháp môn giản dị này mà có thể tức thời soi xét lại lòng mình thì không lìa nơi đây mà vượt khỏi vòng khổ, cảnh giới chư Phật đều hiện ra trước. Họ Ngô tên là Khắc Kỷ, tự là Phục Chi, một kẻ sĩ tốt của Đông dương. Thuở nhỏ thông minh kiệt xuất, thông suốt cổ kim, đặc biệt hiểu biết sâu xa kinh Dịch, nội điển tường tận, từng luận bàn về nhân duyên lớn ra đời của Đức Phật, đã hưng khởi việc đó lại xem xét kỹ càng. Việc vẽ hình đã xong, qua lại sửa đổi xem xét, lại ghi tên các bạn lữ đàn-việt để không quên mất. Tôi nhân viết lời Tựa tóm tắt rằng: Ngày mồng 1 tháng 9 năm Quý Tỵ thứ 4, tả mười đại phu chủ quản Thai châu trước đây là Chung Ly (Tòng) vốn tôn sùng đạo quán viết Tiên quân ti phong trong khoảnh khắc thờ phụng người họ Ngô, niệm Liên xã có thể quy tâm nên đã tập họp làm lại. Hội có mấy trăm người, có nhiều phong cách của Lô ấp, vẽ hai bức tranh trên vách và chép lại việc này, lập ra Tinh xá Bảo Tích bằng đá, trải qua mười một năm, tiên quân không bệnh mà mất, hưởng thọ tám mươi sáu tuổi, cách nay đã mười lăm năm rồi. Hiểu kỹ các bài văn về Lạc bang rồi thì tạo Tông môn để học theo. Tôi mừng cho chí hướng của ông, vì muốn bản văn nam này không bị hư mất bèn đem ra mà truyền

bá. Chung Ly kính can ghi.

Ký về việc vãng sinh của phu nhân Kinh vương nước Việt - Trực Các Hoàng Sách.

Tôi thấy chúng sinh đều vọng tưởng điên đảo, đam mê năm dục không cầu ra khỏi, chưa có ai có thể phát tâm quyết định nguyện sinh về thế giới Cực lạc Tây phương. Đến khi gặp sự oán ghét phải gặp nhau, ái ân chia lìa, tướng già, bệnh, chết bức bách một cách nguy hiểm, đảo điên ngập chìm trong các độc đau đớn không thể chịu đựng nổi, rồi sau khóc lóc thở than, quy y Phật bảo để hy vọng thoát chết. Do đó phàm là tâm niệm miệng nói thì quy mạng Từ tôn, nguyện tiếp dẫn sinh về Tịnh quốc. Chỉ có phu nhân họ Vương nước Việt thì không thế. Phu nhân là vợ của Kinh Vương lẽ ra phải đắm mê năm dục không cầu ra khỏi, trái lại dốc lòng hẹn quy y Phật Vô Lượng Thọ, nguyện cùng chồng được sinh Tây phương. Những kẻ thấy các khổ hiện tiền không thể chịu nổi mới cầu xuất ly, đâu thể cùng ngày mà nói. Người đời cho rằng phu nhân đời trước gieo trồng phước đức được Phật thọ ký, trở lại nhân gian mà thay Phật giảng đạo, thuyết giáo dẫn dắt kẻ giàu sang cùng tu Tịnh quán, đồng về cõi Phật, lý ấy có thể đúng như thế. Phu nhân thờ Tây phương tinh thành nghiêm khiết, ngày đêm không bỏ mọi người trong nhà đều một lòng, chỉ có một nàng hầu luôn rong ruổi, chỉ lười biếng không siêng, phu nhân khuyên rằng cả nhà ta đều siêng chỉ có người biếng nhác không theo. Người cho là huyễn hoặc ở trong hội e làm mất đạo tâm, người không phải là người hầu của ta nữa. Người thiếp nghe quở, sợ hãi hối lỗi, và tinh tấn tư duy tịnh niệm nối nhau. Lâu sau người thiếp nói với bạn bảo: “Ta sắp đi.” Một tối mùi hương lạ đầy nhà không bệnh mà mất. Sáng hôm sau, người bạn thưa cùng phu nhân rằng hôm qua mình mộng thấy người thiếp đã hóa sinh về cõi tịnh, nhờ phu nhân quở trách mà người ấy siêng tu Tây phương nay được vãng sinh, cảm đức vô lượng. Phu nhân bảo báo mộng cho ta thấy ta mới tin. Đêm ấy phu nhân nằm mộng thấy người thiếp đến tạ ân như trước. Phu nhân hỏi “Tây phương có đến được chăng? Người thiếp bảo xin hãy theo tôi. Phu nhân đi theo thì thấy ao bên đường có hoa sen trắng lớn nhỏ xen nhau, hoặc héo hoặc tươi, các thứ khác nhau. Phu nhân hỏi vì sao như thế? Người thiếp nói đây đều là cảnh của người thế gian tu niệm Tây phương. Vừa phát một niệm thiện căn thì liền mọc ra một hoa, do siêng năng, lười biếng không đồng nên héo tươi khác nhau. Bởi siêng năng thì tươi, biếng lười gián đoạn thì khô héo. Nếu cố gắng niệm mãi, định quán hoàn thành thì khi qua đời đều hóa sinh vào hoa sen ấy. Trong đó

có một đóa hoa, cánh hoa bỗng rụng, lại có một người mặc triều phục ngồi, áo phất phơ theo gió, đội mũ quan đeo chuỗi anh lạc để trang nghiêm thân. Phu nhân hỏi đây là ai? Người thiếp nói đấy là Dương Kiệt. Lại có một hoa nở có người mặc triều phục ngồi, nhưng hoa ấy héo chỉ còn lá. Phu nhân lại hỏi, người thiếp đáp: đây là Mã Can. Phu nhân hỏi còn ta sinh ở đâu. Người thiếp dắt phu nhân đi khoảng mấy dặm, Thiếp chỉ phu nhân nhìn xa thì thấy một cái đàn, vàng ngọc sáng chói rực rỡ. Thiếp nói phu nhân hóa sinh ở đấy, đàn vàng là Thượng phẩm thượng sinh. Khi thức dậy, phu nhân buồn vui vời vời. Bèn hỏi thăm thì Dương Kiệt đã mất Mã Can vẫn còn. Nhân ngày mừng thọ, phu nhân cầm lò hương đứng bên Quan Âm. Các lúc đó con cháu đông vầy vây quanh, chúc Thọ xong thì đứng mà hóa. Than ôi kỳ lạ thay! Kẻ giàu sang đối với Phật sự có rảnh rang mà không rảnh, đối việc không đáng tin mà lại tin. Lại sợ không thể dứt nghi ngờ. Còn như kẻ khốn khổ phát tâm phần nhiều đều có lỗi chậm trễ. Cho nên biết nghe chánh tín, phát chánh niệm, tu duyên lành há là việc dễ ư? Dương Kiệt Thứ công thấu suốt tông thuyết mà người không biết, ông ngầm tu Tịnh Quán, khi qua đời có bài kệ đâm lao theo lao. Tôi nghe câu chuyện của phu nhân nay xin nhắc lại để giúp người tin nhận vãng sinh, kẻ chưa tin sẽ chiêu cảm, phát ra văn này mà cùng quy hướng về Tịnh quán cõi Phật.

Tiết quý Đông (tháng 12) Niên hiệu Truyền Hòa thứ năm - Tùy Duyên Cư Sĩ Huỳnh Sách Tử Hư soạn lời Ký. (Kinh Vương (chồng của phu nhân) tức là chú của Hoàng đế Triết Tông).

16. Bài Ký về Mã Thị lang vãng sinh của Ty Phong Chung Ly Tòng:

Mùa Đông niên hiệu Tuyên Hòa thứ năm tôi biết được việc Việt Quốc phu nhân vãng sinh Tịnh độ bèn soạn lời ký này. Niên hiệu thứ sáu, Ngô Tư Đạo hỏi Mã Can ở phía Nam sông Hoài đã khảo thật biết nhiều lời Ký trước. Bởi họ Mã, từ khi Thiếu Sư Trung Túc Công trấn thủ Hàng Châu, một hôm, ngài Từ Vân Tuân Thức Sám chủ trao cho Phật sự ở An dưỡng. Từ đó cả họ đều phụng hành tiếp nối không trái. Đại Phu Công húy là Can, tự Đông Ngọc, là cháu ông. Ông từ nhỏ đã dốc chí tu Phật. Vào niên hiệu Nguyên Phong, có vị tăng tên Quảng Sơ đem luận Thập Nghi của Thiên Thai Trí Giả trao cho. Ông rất vui mừng bảo tôi đã có chỗ nương cậy, lại được Pháp Thập Niệm Hồi Hướng của ngài Từ Vân mà làm theo, suốt hai mươi lăm năm không chút mỏi mệt. Thượng Thư Công Vương Cổ chỉ ông Liên xã Đồ, Quyết nghi tập, Vãng

sinh truyện. Do đó ông tụng niệm càng tinh tiến, lại phóng sinh làm Phật sự, khuyên dẫn mọi người tin tưởng rất đông. Khi ông làm Phó Đương Đồ ở Truy châu thì dân chúng ở Tân Định đều được ông dạy dỗ. Bình thường ông không hề tức giận mà đánh đập một người nào. Luật sư Chiếu ở Tiền Đường khuyên ông giữ niệm, làm quan thì vẫn xem Giáo tạng, tụng kinh chú, đều có phép tắc. Niên hiệu Sùng Ninh năm đầu ông bị bệnh, trải suốt mùa hạ ông rửa tay chải đầu niệm Phật, rồi thay áo chít khăn ngồi thẳng mà hóa. Có hơi nước hình dạng như cái lọng xanh ở trước ngõ rồi bay lên không. Người nhà lớn nhỏ, sang hèn đều mộng thấy ông vãng sinh Thượng phẩm, mười mấy ngày sau đều đúng y, lúc đó, ánh sáng hiện ở chiếu ngồi. Vào tháng tám có người hầu gái bệnh cũng niệm Phật mà mất, ông Giáo thọ húy là Vĩnh Dật, tự là Cương Dữu, là con của ông hành trì theo Thiên Trúc Thập Niệm, tu tập mười sáu pháp Quán hơn ba mươi năm. Tụng Quán Âm thường thấy tướng ngài. Tháng tư năm nay bị bệnh, sai người lo việc chôn cất, bèn thấy Phật Di-đà Quán Âm Thế Chí hiện ra tiếp dẫn, bèn kết ấn mà mất. Đầu nóng, có mùi hương lạ, có xá lợi như ngọc châu. Người em mộng thấy ông nói mình đã sinh Tịnh độ, mười ngày hoa sẽ nở. Trên áo quan ông có hoa sắc vàng năm mầu. Từ đó các điềm lành càng nhiều. Phu nhân họ Vương cũng hành trì pháp mười niệm và tụng kệ phá địa ngục, niệm Phật A-di-đà, có lần mộng thấy chủ địa ngục cảm ơn đã vì chúng ở địa ngục đọc kệ. Sau bà bị bệnh, tu trì không ngớt, niệm Phật mà hóa. Tất cả thân thích, kẻ hầu cũng mộng thấy Vương thị sinh về Cực lạc. Phu nhân cùng chị dâu là Phương Thị có tên trong Báo Ứng Vãng sinh truyện. Tôi nhân việc Việt Quốc phu nhân mà biết Mã Công sinh Tịnh độ. Do Mã Công mà biết vợ con ông cũng sinh Cực lạc. Cho nên lại kể cho mọi người tin tưởng, cũng là kết nhân vị lai.

Tùy Duyên Cư Sĩ Huỳnh Sách Tử Hư kính ghi.

17. Bài ký về Quảng Bình phu nhân vãng sinh của Đãi Chế Vương Dĩ Ninh:

Tôi có nghe đạo với Thiền sư Chánh Giác. Sư mời tôi đọc Luận Khởi Tín. Lúc đó khắp nơi lộn xộn, trong khi bôn tẩu trận mạc chưa rãnh để tỉnh xét. Đến khi bị đày làm quan ở Thiên Thai mới được Bộ luận Khởi Tín của vị tăng gần bên dịch ra, xem qua ba lượt bỗng có nghi. Ngờ rằng đây là sách dạy người Đại thừa thực hành pháp phá Đãn Không, một pháp chẳng lưu giữ mà ở chương cuối lại giữ niệm Di-đà cầu sinh Tịnh độ vậy ý chỉ ấy là sao? Khi về già tôi qua Tuyết Phong

hỏi Thiền sư Thanh Liễu. Sư nói: Về mặt Thật tế chẳng chấp một mảy may, nhưng trong cửa muôn hạnh chẳng bỏ một pháp. Ông muốn phá tướng thế gian mà bỏ Có đắm Không, sau mới chứng Bồ-đề ư? Tôi nói: "Thà là có". Liễu nói: "Như thế thì tu Tịnh độ đối với đạo nào có hại gì"? Tôi mới được yên tâm. Từ đó, làm phước tu hành. Nghe các tri thức gần xa nói việc của Phùng phu nhân rất phù hợp với lời của Thiền sư Liễu, có thể tin là không luống dối.

Phu nhân tên Pháp Tín, là con gái của Chánh Hòa môn Ty Tặng Thiếu Sư húy Tuân. Được mười sáu tuổi thì gã cho Trấn Đào Quân Thừa Tuyên Sứ, nay là vợ của Cư sĩ Diệu Minh Trần Tư Cung. Phu nhân vốn thể chất gầy ốm bệnh hoạn. Khi về với họ Trần thì bệnh càng trở nặng, gọi thầy hốt thuốc, nhưng có ý đợi vô sinh. Thầy thuốc từ tạ rằng thuốc tôi không thể trị bệnh phu nhân được. Lúc đó, Thiền sư Từ Thọ Thâm là Pháp thí chủ ở vương thành. Phu nhân đến thất ngài cầu hết bệnh. Ngài Từ Thọ thương xót dạy cho trì trai niệm Phật nguyện cầu. Phu nhân liền tin tưởng không nghi ngờ. Trai giới chưa được một tháng bỗng bảo người thân rằng: Sáng ăn chay, chiều ăn mặn sẽ tạp loạn ý người. Từ đó bỏ ăn mặn, bỏ cả phấn sáp. Mặc áo quét tháp, chuyên lấy Tịnh quán Tây phương làm Phật sự. Đi cũng Tây phương, ngồi cũng Tây phương, nghỉ ngơi ăn uống cũng Tây phương, nói im động tịnh cũng Tây phương, rót nước dâng hoa cũng Tây phương, xem kinh hành đạo cũng Tây phương. Một niệm sát-na, làm được mảy may điều lành cũng đều hồi hướng Tây phương. Từ năm Nhâm Dần đến Nhâm Tý suốt mười năm quên cả bệnh tật, quên cả buồn lo mà tâm an thân mạnh, thần khí hớn hở, người trong vương thành đều kính trọng. Một hôm, bỗng lấy bút đề mấy chữ rất lạ như nhàm chán cuộc đời, muốn lên tiên, rằng (thơ, dịch đại ý):

"Tùy duyên học nghiệp trải nhiều năm
Uổng làm trâu già mà cày ruộng.
Thu xếp thân tâm sớm giải thoát
Để lỗ mũi khỏi bị người lôi."

Mọi người đều quái lạ. Phu nhân nói: Trong cõi Thanh tịnh vì mất chánh niệm mà đến đây, cõi Chi-na duyên hết hạnh dứt thì về Tây hợp với nguyện của tôi nào có lạ gì. Tháng chín năm Nhâm Tý, phu nhân bị bệnh, lâu sau mới dứt hơi. Một chiều tháng mười hai năm Nhâm Dần thì tỉnh dậy bảo người hầu rằng: Thần thức ta đã về Tịnh độ, lạy Đức Từ Tôn, Quán Âm bên trái, Thế Chí bên phải, có cả trăm ngàn muôn ức Phật tử thanh tịnh cúi đầu mừng tôi vãng sinh về nước ấy. Tất cả cung điện, ao rừng, ánh sáng, thần thông Phật nói pháp v.v...

y như trong kinh Thập Lục Quán đã mô tả không khác, chỉ chứng mới biết. Người hầu gấp báo, Diệu Minh bèn cùng chắp tay khuyến khích giữ niệm chớ quên. Sáng hôm sau, là ngày Giáp Thìn, phu nhân bèn ngồi yên và nằm theo thế cát tường mà mất. Ba ngày sau khi liệm, người nhà luôn nghe có mùi hương lạ thơm nức. Khi trà-tỳ thì thân thể như còn sống, tươi tấn không biến đổi. Phu nhân thọ được ba mươi sáu tuổi, được phong làm Quảng Bình quận phu nhân. Diệu Minh nói với tôi rằng Tư Cung lúc đầu chưa biết đạo, phu nhân đã thật sự khuyến phát. Lại nhờ bị bệnh lâu gần một kỷ (mười hai năm) nên gần gũi người thân dạy dỗ con cháu mỗi mỗi đều có ẩn ý. Đến ngày chết người khóc thất thinh và đốt liều trên đầu, đốt cánh tay... để cầu phước âm phủ, nếu phu nhân không được lòng người thì đâu được như thế. Tư cung rất nghèo, ông từng đẩy xe măng một mình đi xa hai ngàn dặm để xin lúa của anh mình là Chiêu Tuyên Quân Đức Dụ. Lúc đó ở đất Mân trộm cướp tung hoành, phu nhân sai mọi người qua lại ứng biến phương kế như kẻ nam nhi mạnh khỏe ở đời. Phu nhân ý chí cứng rắn khó thể lay chuyển, liệu toan về đạo rất mạnh mẽ quyết được thành tựu cũng thế, đó là việc tốt. Tôi đã già lại bệnh, đối với cõi nước Vô Lượng Thọ mà hỏi đường. Nghe việc của phu nhân rất vui mà viết ký này, không uổng tin lời của hai Thiền sư Giác, Liễu. Cũng xem là lời khuyên huân tu ở tương lai. Niên hiệu Thiệu Hưng thứ ba, ngày hai mươi mốt tháng hai, A-di-đà, đệ tử Phật ở am Chánh Tín là Vương Dĩ Ninh Đãi Chế kính ghi.

18. Bài Ký về tháp Xá-lợi của Anh Vũ ở Hà Đông của Duẫn Vi Cao ở thành đô:

Nguyên Tinh trao năm khí cho muôn loài cá tôm, chim thú ắt có cảm. Kẻ Thanh anh thuần túy hoặc sáng chói nhờ lửa, hoặc vốn nhờ Thương Tinh đều ứng hợp với nhân văn để tùy thời sửa trị mà có thay đổi. Loài cầm thú kia tập quen thì biết nói, hiểu rõ tướng không ở một niệm mà để lại chân cốt khi đã chết, sợ không phải Nguyên Thánh thị hiện, cảm tâm người đồng là duyên khác phải dùng nhất chân mà hóa độ.

Năm trước có người đem cho con chim anh vũ bảo rằng: chim này dáng vẻ đẹp, biết nói. Tại Hoa Hạ, Hà Đông có Bùi Thị ưa thích Đạo Kim Tiên (Phật) nghe Tây phương có các loài chim quý giảng nói tiếng pháp. Tên loài chim này có ghi trong kinh Phạm, khôn hơn các loài chim khác. Do Phật hóa ra thường gần gũi mà đáng kính. Lúc đầu đem

khuyên cấm Lục Trai, kế nói không ăn phi thời, không nhìn kẻ chọc ghẹo, dạy chưởi rủa. Có vị Tăng trang nghiêm dạy kết niệm danh hiệu Phật, bảo rằng từ có niệm cho đến không niệm thì nghểnh đầu đập cánh như lắng nghe. Sau có người bảo niệm thì làm thinh không đáp. Có kẻ bảo không biết niệm Phật thì liền nói A-di-đà thử mãi vẫn thế không đổi khác. Tôi hỏi: lấy "có" niệm làm duyên sinh hay lấy "không" niệm làm chân tế duyên sinh thì không đáp, có lẽ do duyên khởi. Chân tế tuy nói năng mà nói năng vốn không. Khi nhà vắng hoặc sáng sớm thì thường phát tiếng hót dịu dàng như tiếng sáo hòa cùng tiếng trống trời cao thấp, niệm niệm nối nhau. Người nghe đều vui vẻ làm lành. Tháng bảy năm nay chim yếu mệt không vui, người nuôi biết là chim sắp chết bèn đánh khánh bảo rằng người sắp về Tây phương chăng? Ta vì ngươi đánh khánh, mỗi tiếng khánh niệm một câu A-di-đà Phật, mười tiếng khánh thì mười câu. Chim xếp cánh co chân, không run không ngã, rồi sau đó im lặng mà chết. Xét trong kinh, mười niệm thành thì vãng sinh Tây phương. Lại nói được Phật tuệ thì khi chết sẽ có xá-lợi. Biết thuyết ấy chẳng phân biệt là khác loại bèn đem hỏa thiêu, sau đó nhặt được mười hạt xá-lợi óng ánh như ngọc. Kẻ thấy người nghe đều kinh dị, đều bảo gương này dạy người mê lợi ích cho đời, chẳng phải là Bồ-tát hóa thân ư? Lúc đó, có vị Cao Tăng là tuệ Quán đến núi Ngũ đài lễ Thánh tích. Nghe nói chim này bèn khóc lóc thỉnh xá-lợi về Linh sơn, dùng bình sành xây tháp mà thờ để nêu việc lạ. Tôi nói chim này sống thì làm đạo, chết thì có linh nghiệm. Do đó, mà xưa chung cho cả Thánh Hiền, đều làm việc chí hóa, như Nữ Oa thân rắn nối dòng vua, Trung Diễn thân chim nối họ Hầu, đâu có sách vở nào nói là quái lạ. Huống chim này có hoằng đạo và chứng quả rõ ràng, há im lặng hổ thẹn mà chẳng viết kể ra ư?

Ngày mười bốn tháng tám niên hiệu Trinh Nguyên thứ 19, kính ghi.

Bài ký trên đây xuất xứ từ Đường Văn Túy. Tôi xem các sách lại thấy ở trong Dị Loại, Tiến Tu Tây phương Hoạch Cảm Nghiệm. Gồm có ba chuyện như văn Long Thơ nói:

Ở Đàm châu có người nuôi một con két, gọi là Bát Bát Nhi, thấy chư Tăng niệm Phật A-di-đà bèn bắt chước niệm theo không dứt, người ta bèn đem cho vị Tăng. Sau chim chết bèn làm quan mà chôn, thì trong miệng chim mọc ra một cành hoa sen. Có bài tụng rằng:

Có một con chim tên Bát nhi
Bắt chước theo Tăng niệm A-di,

Chết chôn dưới đất hoa sen mọc
Chúng ta loài người chẳng biết ư?

Giới Sát Tụng có nói: hai người đánh cá là Lưu Thành và Lý Huy, mùa Xuân niên hiệu Thiên Bảo chở cá đến Đơn Dương ghé thuyền vào bến, Lý đi công việc, Lưu một mình ở lại thì thấy trong thuyền có con cá lớn vẩy râu nghếch đầu niệm A-di-đà Phật. Lưu kinh hãi chạy lên bờ thì nghe có ngàn vạn cá khác đều quẩy đuôi niệm Phật tiếng vang trời đất. Lưu sợ quá đùa hết cá xuống sông. Lý trở về không tin. Lưu đem của riêng ra đền. Hôm sau, Lưu thấy trong đám lau sậy có số tiền một muôn năm ngàn đồng, đề là "Trả ông tiền cá".

Tự Tín Lục nói: Chùa Chánh Đẳng ở Huỳnh Nham có Quán Sư nuôi một con Cù dục (con Yểng) biết nói. Vừa nghe niệm Phật liền bắt chước theo, sau chỉ nghe niệm A-di-đà Phật. Một hôm nó đứng mà chết. Người ta bèn đào đất chôn. Không bao lâu ở lưỡi nó mọc lên cành hoa sen tía. Sư Linh Chi có làm bài tán có câu rằng: "Đứng chết trong lồng quên mọi việc, hóa hoa sen tía thật lạ thay." Lớn lao thay! Ôi loài vật còn lạ lùng như thế. Tôi nghe kinh Đại Di-đà nói: Phật A-di-đà hiện ở các thế giới mười phương giáo hóa vô số trời người, dưới đến loài bò bay máy cựa đều được độ. Thế mới biết Phật hóa độ không phân biệt phẩm loại. Hễ ai có tâm lành thì đều được độ. Còn con người là linh vật của muôn loài làm sao kẻ nghe thấy mà chẳng cảnh tỉnh. Bởi kẻ kính mến cũng nhiều. Nay loài cầm thú bắt chước mà còn hiệu nghiệm há loài người mà không bằng ư?

- VỀ LOẠI TRUYỆN:

Sự tích các bậc Tiên hiền vãng sinh Tịnh độ được soạn truyện gồm có mấy nhà. Số người được ghi chép cũng khoảng năm trăm vị. Thường thường xưa nay là người xuất gia hoặc tại gia, thấp nhất là kẻ tôi tớ, nếu ai biết bổn nguyên nhiếp sinh của Phật ta mà ngầm tu thì khi qua đời kẻ được chiêu cảm rất đông không biết bao nhiêu mà kể. Hơn nữa, làm sao có thể ghi chép hết được kẻ vào môn ta ư? Nay chỉ nêu khoảng mười truyện về số người đã được nói đến hoặc chưa được nói đến. Bởi muốn người sau biết ngọn ngành phép tắc không phải là phát khởi tín tâm mà thôi.

1. Truyện về Bồ-tát Ngũ Thông ở Thiên Trúc thỉnh Phật:

Trong Lịch Đại Tam bảo Cảnh Thông Lục của luật sư Nam Sơn Đời Đường có nói: Xưa, chùa Kê đầu ma ở Thiên Trúc có Bồ-tát Ngũ

Thông đến thế giới An lạc thỉnh Phật A-di -đà rằng: Chúng sinh cõi Ta-bà nguyện sinh Tịnh độ, nhưng không có hình tượng Phật xin Phật thùy từ giáng hứa. Phật bảo: Ông nên về trước ta và các Bồ-tát sẽ hiện ra. Khi hiện ra thì có một Phật và năm mươi Bồ-tát đều ngồi tòa sen dưới cội cây. Bồ-tát Ngũ Thông bèn lấy lá cây vẽ ra mà truyền bá khắp nơi. Từ khi Hán Minh Đế mộng thấy Người vàng liền sai người cầu pháp thì được Ca-Diếp, Ma-đằng... đến Lạc Dương. Sau con của chị Ma-đằng làm Sa-môn, đem pho tượng này truyền bá đến cõi này, không bao lâu thì mang tượng về Tây trúc, cõi này tượng vẽ không truyền khắp Nam, Bắc cho nên nhiều kinh tượng bị mất sợ không còn thấy được nữa. Khi Tùy Văn Đế khai giáo thì có Sa-môn Minh Hiến từ Pháp sư Đạo Trưởng đời Cao Tề được một bản, nói về nhân ý phù hợp với ở trên do đó mà lại truyền bá ở đời. Lúc đó, gặp người thợ vẽ đời Bắc Tề là Tào Trọng Đạt vẽ rất khéo, nhiều tượng Phật truyền khắp kinh ấp hay các chùa am ở Chánh dương còn lưu lại di bút của ông. Trong Pháp Uyển Châu Lâm cũng ghi như thế. Lại Đường Tục Cao Tăng truyện có ghi rằng: Tại chùa An lạc ở Giang độ có vị tăng Tuệ Hải chỉ chuyên tu nghiệp Tịnh độ. Bỗng cảm được Tăng Đạo Thuyên ở Tề châu mang tượng Phật Vô Lượng Thọ để tặng lại. Đây cũng là tượng do Bồ-tát ngũ thông ở Thiên Trúc bay lên không trung thỉnh tôn dung Phật đã ngầm giúp. Ông ở trước tượng luôn ân cần lễ sám, tượng ấy bỗng phát ra ánh sáng rực rỡ, nên đã khẩn thiết nguyện sinh, lấy cái chết làm kỳ hẹn. Một đêm, bỗng trổi dậy xoay mặt về hướng Tây đảnh lễ rồi ngồi kiết già mà tịch vào năm Đại Nghiệp thứ năm đời Tùy. Gần đây, vào khoảng niên hiệu Càn Đạo, Tây hồ cư sĩ Lý Tử Tế xin vị tăng Chí Hiệp vẽ lại tượng này trên lá bối truyền bá ở đất Ngô, ngài Tông Hiểu có nhân duyên được tặng, tưởng tượng như Phật sống. Khi nhàn nhã kể rõ đầu đuôi mà mãi phát tín tâm.

2. Truyện về Pháp sư Lô Sơn Tuệ Viễn:

Thời giáo là do Phật nói nhưng người truyền rộng Thời giáo thì Thiên Thai là Thỉ tổ. Luật tạng tuy do Phật dạy nhưng người mở rộng Luật tạng thì Nam Sơn là thỉ tổ. Thiền Tông vốn là tâm Phật nhưng người truyền tâm Phật thì Đạt-ma là thủy tổ. Khuyên sinh Tịnh độ tuy do đấng Đại giác Từ tôn chỉ dạy nhưng khiến người cõi này biết có Tam-muôi niệm Phật thì Pháp sư Tuệ Viễn là thỉ tổ. Pháp sư húy là Tuệ Viễn, họ Cổ, người ở Nhạn môn. Từ nhỏ đã đi học các nơi thông thạo kinh sử Lão Trang. Hơn hai mươi tuổi hỏi đạo nơi Pháp sư Đạo An, nhờ

nghe giảng kinh Bát-nhã mà hoát nhiên khai ngộ, bèn bảo rằng cả nghị luận của Cửu lưu đều là trấu cám. Nhân đó bèn cạo tóc xuất gia. Đến năm hai mươi bốn tuổi thì hiểu rõ kinh luận, các nghi ngờ đều tan biến. Trong niên hiệu Kiến Nguyên đời Ngụy Tần, ở Tương dương có giặc loạn, nhân chịu khuất ở Tầm dương, thấy núi Lô cao đẹp rất vừa ý. Thứ sử Hằng Y liền lập chùa Đông Lâm để sư ở. Từ đó suốt ba mươi năm không hề xuống núi bước vào nhà tục. Mỗi khi tiễn khách chỉ đến Hổ Khê mà thôi. Hoàn Huyền Chấn Chủ rất oai vệ gặp sư liền chí kính. Vua An Đế đời Tấn từ Giang lăng trở về kinh đô có người khuyên sư ra chào nhưng ngài cáo bệnh không đến, vua phải sai sứ đến viếng. Lúc đó, có Lưu Di Dân, Lôi Thứ Tông, Tông Bính... một trăm mười tám vị cao tăng đều bỏ tục nương theo Sư. Sư lập một trăm hai mươi ba vị vào Liên xã, bảo Di Dân soạn lời thệ ở trước tượng Di-đà, chí thành lập thệ nguyện sinh An dưỡng. Tạ Linh Vận một kẻ ỷ tài kiêu ngạo khi gặp Sư liền tâm phục. Ông đào hai ao dẫn nước trồng sen trắng xin vào Liên xã, nhưng vì tâm tạp nên ngài ngăn không cho. Đào Uyên Minh, Phạm Ninh nhiều lần vời vào Xã nhưng không được. Nên Tề Kỷ có thơ rằng: “Nguyên Lương say nhiều khó vào Xã, Tạ Công tâm loạn vào ngại gì?” Tuệ Viễn đối với Tịnh độ rất chuyên cần. Trong mười một năm đầu lắng tâm hệ tưởng ba lần thấy Phật mà Sư vẫn im lặng không nói với ai. Mười chín năm sau đến ngày tối trời tháng bảy, ngài ở bên Đài Bát-nhã xuất Định thì thấy thân Phật đầy khắp hư không, trong ánh sáng có các Hóa Phật, Quán Âm, Thế Chí đứng hầu hai bên. Lại thấy dòng nước chảy có ánh sáng chia làm mười bốn nhánh từ trên chảy xuống, từ dưới chảy lên giảng nói khổ, không. Phật bảo Tuệ Viễn rằng: ta dùng năng lực Bổn nguyện đến khuyên khích ông, bảy ngày nữa ông sẽ sinh về nước ta. Lại thấy Phật-đà-da-Xá, Tuệ Trì, Đàm Thuận đứng bên Phật, đến trước chào Viễn thưa rằng: Chí sự trước chúng tôi sao lại đến trễ thế rồi biến mất. Sư bảo đồ chúng rằng: Ta từ trước nay ở Tịnh độ ba lần thấy Phật, nay lại thấy nữa, vậy chắc chắn ta vãng sinh. Ngày hôm sau sư bị bệnh, hẹn bảy ngày thì hóa, khuyên các đồ chúng nên cố gắng không để buồn thương vướng lụy. Đến ngày hẹn thì quả sư hóa, thọ tám mươi ba tuổi, vào ngày mồng 6 tháng 8 niên hiệu Nghĩa Hy thứ 12. Sư di chúc nên để lộ thi hài sư dưới rừng thông. Nhưng các đệ tử an táng sư ở ngọn núi phía Tây. Tạ Linh Vận làm lời minh, Trương Dã làm lời tựa, năm Đại Trung thứ hai đời Đường, có hiệu là Biện Giác Đại sư. Năm Thăng Nguyên thứ ba, đổi hiệu là Chánh Giác. Đại Tống năm Hưng Quốc thứ ba, tuy hiệu là Viên Ngộ đại sư, xây tháp Ngưng Tịch.

Sư có tạp văn hai mươi quyển, tên là Lô sơn tập. Luật sư Nguyên Chiếu Linh Chi viết tựa, khắc bản in để trong phủ Thiếu Hưng. Kẻ thức giả rất kính.

3. Truyện về năm vị Tổ pháp sư nối nhau nhiều đời của Liên xã:

Lập Liên xã Tuệ Viễn Công là thỉ tổ. Từ khi sư quy tịch đến nay là năm kỷ niên hiệu Khánh Nguyên thứ năm đời Đại Tống đã được tám trăm lẻ chín năm. Trong khoảng đó người nối đạo có năm là ngài Thiện Đạo, ngài Pháp Chiếu, ngài Thiếu Khang, ngài Tỉnh Thường và ngài Tông Sân, đều kính lễ Phật từ, mở rộng Độ môn. Khác đời đồng dấu đều là bậc dẫn dắt giỏi, truyện ký có ghi chép đủ không thể giấu cho nên ghi lại.

1. Sư Thiện Đạo:

Chẳng biết sư là người ở đâu. Vào niên hiệu Trinh Quán đời Đường gặp Thiền sư Đạo Xước tại Cửu Phẩm Đạo Tràng ở Tây Hà giảng tụng kinh Quán. Sư rất mừng bảo rằng: Đây mới thật là nẻo tu thuyết yếu tu vào Phật, các môn khác đi vòng khó thành, chỉ có quán môn này mau thoát khỏi sinh tử. Do đó mà dốc chí, tinh chuyên cần khổ như cứu lửa cháy đầu. Sau Sư đến kinh đô kích phát bốn chúng vào Phật thất quỳ thẳng niệm Phật, nếu chưa kiệt sức thì chưa thôi. Dầu trời rất lạnh cũng phải đợi ra mồ hôi. Nói pháp Tịnh độ cho người nghe suốt ba mươi năm thề không ngủ nghỉ. Hành Đạo Ban-chu, lễ Phật Phương Đẳng. Có người cúng thí bao nhiêu đều dành dụm viết kinh Di-đà hơn một trăm ngàn quyển, vẽ biến tướng Tịnh độ hơn ba trăm bức. Đạo, Tục ở Kinh Hoa chịu sự giáo hóa của sư đông không kể hết. Có người hỏi sư rằng: Niệm Phật có sinh Tịnh độ chăng? Sư đáp: Ông hãy niệm thì sẽ toại nguyện. Rồi sư tự niệm một tiếng Phật thì có một luồng ánh sáng từ miệng phát ra. Niệm mười câu trăm câu ngàn câu thì cũng có trăm ngàn tia sáng như thế. Sau sư bảo người: Thân này đáng chán, các khổ biến đổi. Rồi sư leo lên câu liễu xoay về hướng Tây nguyện rằng: Nguyện Phật dắt dẫn con, Bồ-tát giúp con không mất chánh niệm, không bị lui sụt. Nói xong thì gieo mình xuống đất mà hóa. Vua Cao Tông biết miệng sư phát ra ánh sáng tinh anh như thế, bèn tặng tấm biển ngạch đề là Quang Minh. Thiên trúc vãng sinh lược truyện chép Phật A-di-đà hóa thân tự đến Trường An, nghe có tiếng nước róc rách Hòa thượng bèn bảo: “Có thể dạy niệm Phật”. Bèn đi khuyến hóa rộng khắp. Ba năm sau thì khắp thành Trường An đầy tiếng niệm Phật. Sau có Đại sư Pháp Chiếu tức là hậu thân của ngài Thiện Đạo.

2. Sư Pháp Chiếu:

Niên hiệu Đại Lịch thứ tư thời vua Đại Tông đời Đường, tại chùa Hồ Đông ở Hành châu, sư mở Đạo tràng ngũ hội niệm Phật, cảm được mây lành năm sắc che trên mái chùa. Trong mây có lầu các, thấy Phật A-di-đà và hai Bồ-tát thân cao lớn đầy khắp hư không. Lại ở ngoài đạo tràng gặp một ông lão chỉ cho thấy Đức Văn-thù. Sư bèn đến núi Ngũ đài, Đại Thánh hiện ra chùa Trúc lâm. Sư vào giảng đường thì thấy Đức Văn-thù ở phía Tây, Phổ Hiền ở phía Đông, nói pháp cho chúng nghe, bèn đảnh lễ hỏi rằng: Chúng sinh phàm phu đời mạt sự hiểu biết yếu kém, Phật tánh tâm địa không do đâu mà hiển bày, chẳng biết tu pháp môn nào là cần thiết nhất. Văn-thù nói: Lời ông hỏi rất là đúng lúc, các môn tu khác không bằng niệm Phật. Ta ở quá khứ nhân niệm Phật mà được Nhất-thiết-chủng-trí . Sư lại hỏi: Niệm như thế nào. Đức Văn-thù đáp: Về phương Tây thế giới này có Phật A-di-đà, nguyện lực khó suy nghĩ bàn luận, ông nên giữ niệm không để gián đoạn thì khi qua đời chắc chắn vãng sinh. Nói xong liền xoa đầu Sư rồi biến mất. Sư tiếp đến Tinh Châu lập hội dạy người niệm Phật. Vua Đức Tông ở trong cung Trường An thường nghe hướng Đông Bắc có tiếng niệm Phật. Liền sai sứ đi tìm. Khi đến Thái Khang thì quả thấy sư Pháp Chiếu đang khuyến hóa rất thạnh hành. Vua bèn ban sắc đón vào cung dạy cho người trong cung niệm Phật, cũng đủ năm hội, xét bia của Nam Nhạc Di-đà Hòa thượng có nói: Đời vua Đường Đại Tông có sư Pháp Chiếu là Quốc sư. Trước ở Lô sơn, trong chánh định đến nước An lạc thấy người áo xấu hầu Phật, Phật bảo đây là người thừa kế Tuệ Viễn ở Hành sơn. Xuất định sư liền tìm đến gặp người giống y, bèn theo học mà truyền giáo trong thiên hạ. Sư theo pháp của Tuệ Viễn.

3. Sư Thiếu Khang:

Sư là người ở Tiên đô thuộc Tấn Vân. Đầu niên hiệu Trinh Nguyên, sư đến chùa Bạch Mã ở Lạc dương thấy kinh sách trong điện phát ra ánh sáng. Bèn đưa tay lấy bất cứ một quyển nào thì gặp văn Tây phương hóa đạo của ngài Thiện Đạo. Sư nói: nếu tôi có duyên với Tịnh độ thì xin cho bài văn này lại phát sáng nói chưa dứt lời thì quyển sách lại phát sáng. Sư nói kiếp đá có thể mòn chứ nguyện tôi không đổi. Sư bèn đến Ảnh đường thờ ngài Thiện Đạo ở Trường an trình bày hết nguyện vọng thì ảnh tượng ngài Thiện Đạo bay lên hư không bảo rằng: Ngươi nên theo việc ta mà lợi lạc hữu tình, thì công đức của ngươi sẽ được sinh An dưỡng. Lại giữa đường, Sư gặp một vị Tăng bảo nếu muốn độ người thì hãy đến Tân Định, nói xong thì biến mất. Tân Định nay là Nghiêm

châu. Khi Sư đến thì người ở đấy chưa biết gì cả... Sư bèn xin tiền dụ trẻ con bảo: Phật A-di-đà là Bổn sư các con, nếu ai niệm một câu Phật thì ta cho một tiền. Trẻ con ham tiền bèn theo Sư niệm Phật. Sau một tháng rất nhiều trẻ đợi được tiền. Sư bèn bảo niệm mười câu thì cho một tiền. Được một năm thì già trẻ, sang hèn đều niệm Phật đầy đường. Sư bèn đến núi Ô Long lập đạo tràng Tịnh nghiệp. Xây đàn có ba bậc, nhóm hợp mọi người sau giờ Ngọ hành đạo. Sư niệm lớn một tiếng A-di-đà Phật thì cả chúng cùng hòa theo. Sư niệm một câu, Phật thì mọi người thấy từ miệng sư bay ra một vị Phật. Niệm mười câu thì có mười vị Phật bay ra nối nhau như xâu chuỗi. Sư bảo ai thấy Phật thì chắc chắn được vãng sinh, chúng đông cả mấy ngàn, cũng có người không thấy. Sau sư di chúc cho đạo tục đối với An dưỡng nên phát tâm tăng tấn, đối với Diêm-phù-đề nên sinh tâm chán lìa. Nói xong thì phát ra mấy luồng ánh sáng rồi an nhiên mà hóa. Tháp thờ sư ở đài Tử Nham. Ngài Thiên Thai có sửa sang lại tháp sư. Đời cho sư là hậu thân ngài Thiện Đạo.

4. Sư Tỉnh Thường:

Vào niên hiệu Thuần Hóa đời Đại Tống, sư trụ ở Tiền đường phía Nam viện Chiêu Khánh, chuyên tu Tịnh nghiệp, kết xã Tịnh Hạnh. Vương Văn Chánh Công Đán là Xã thủ (người đứng đầu Liên xã), Hàn Lâm Thừa Chỉ Tông Bạch soạn văn bia, Hàn Lâm Học Sĩ Tô Dị Giản soạn bài tựa Tịnh độ Phẩm, Trạng nguyên Tôn Hà đề Xã Khách, ở mặt sau bia cũng có soạn lời ký. Sĩ phu dự hội đều gọi là Tịnh Hạnh xã Đệ tử. Xã hữu có tám mươi vị Tỳ-kheo, một ngàn đại chúng. Lô Sơn Trí Viên làm ký về hạnh nghiệp của sư và bia của Liên xã, trong đó Bi ký dẫn lời tựa của họ Tô rằng: Tôi từng trải tóc để lót chân ngài, cắt thịt để thưa hỏi Pháp, ngài cũng không tức giận huống là lời lẽ quê mùa học cạn mà tiếc ư? Trong Tống Bia có nói: Sư mến việc Tuệ Viễn mở Liên xã ở Lô sơn bèn đổi chữ Liên hoa thành Tịnh Hạnh. Tuệ Viễn ở thời suy yếu cuối đời nên kết nạp các sĩ phu phân nửa là ẩn cư, còn sư đây thuộc thời thanh bình nên phần nhiều người theo đều có địa vị cao hiền. Phương trước thì danh sĩ lại đông, dạy nhiều thì bến cầu nào dứt. Nhận lời của hai ông nghĩ sự hưng thạnh đương thời cũng có thể thấy rõ khái quát.

5. Sư Tông Trách:

Sư được vua ban hiệu là Từ Giác. Vào niên hiệu Nguyên Hựu, sư trụ chùa Trường Lô tại Chân châu. Sư thuyết đều thông dốc lòng khuyến hóa mọi người. Có Vi Giang Tập lưu hành ở đời, trong đó nêu các thứ Phật Sự, đều vận dụng từ niệm. Bởi Sư đều làm lợi ích, cho mình

và người sức nguyện rộng sâu, cho nên xa nối tiếp Phật hóa. Người như thế kẻ không biết trở lại ganh tị. Buồn thay, khi sư ở Trường Lô, hải chúng nhóm hợp như mây. Bèn nghĩ vô thường như lửa cháy bốn phía, đâu thể ngồi yên mà đợi chết. Bèn theo phép Lô sơn lập ra thắng hội Liên hoa khuyên khắp tu hành Tam-muội niệm Phật pháp. Đó là ngày niệm Phật trăm câu ngàn câu cho đến muôn câu mà hồi hướng nguyện cầu vãng sinh Tịnh độ Tây phương. Mỗi ngày ít nhất cũng mười hơi ghi nhớ, liền cảm được hai vị Đại Bồ-tát Phổ Hiền, Phổ Tuệ dự hội chứng minh việc cao quý. Nếu không phải chỗ vì tu khế hợp thì sao bậc Thánh hiện đến. Ngài Linh Chi khen sư là Đại thừa sư trong các Đại thừa sư ở đời cận đại.

Như trên là năm vị nối thạnh hạnh nghiệp Đại Pháp như thế mà nối nghiệp tổ Tuệ Viễn, ai bảo là không phải?

4. Truyện về ngài Pháp Duyệt Tăng Chủ ở kinh đô đời Lương:

Ngài Pháp Duyệt ở kinh đô đời Lương, trụ chùa Chánh giác làm Tăng chủ cuối đời Tề. Rất tinh tu phước nghiệp, bốn bộ chúng đều kính nương. Sư có nghe Tống Minh Đế tạo tượng vàng cao trượng tám, bốn lần đúc không thành. Do đó sửa thành một trượng tư. Sư bèn cùng sư Trí Thanh ở chùa Bạch mã cùng sửa lại làm tượng Phật Vô Lượng Thọ cao trượng tám để nói lên chí mình. Bèn tập hợp vàng, đồng từ cuối đời Tề loạn ly đến đầu đời Lương mới đem việc tâu lên vua. Vua bèn ban sắc cho làm và thợ khéo tùy ý mà dùng. Vào ngày ba tháng năm niên hiệu Thiên Giám thứ tám tại chùa Tiểu Trang Nghiêm đúc thân Phật bốn mươi ngàn cân đồng chảy, nhưng chỉ mới đến ngực.

Bá tánh bèn ném vàng vào lò nhưng đổ vẫn không đầy. Vua lại nghe tâu, bèn sai đem ba ngàn cân đồng đến, khi đến thì lò đúc đã nghỉ vì thấy truyền chiếu chở đồng đến bèn nấu thêm một canh nữa. Mọi người ở trong Đài khi đồng đến mới biết. Trước đó đã có linh cảm mà ra. Đến khi khai mạc đo tính lại tượng cao một trượng chín mà quang tướng không sai khác. Có hai đồng tiền lớn ở trên áo thật thần dị khó lường. Lúc đầu, khi tượng mới đúc thành có sư Đạo Chiêu giữa đêm lễ sám bỗng thấy có ánh sáng rực rỡ. Sau khi đúc ba ngày có vị Tăng tên Đạo Độ giúp tiền để khai mạc, xa trông thấy có hai vị tăng mở búi tóc của tượng rồi biến mất. Khi dời tượng thì ánh sáng đầy nhà. Đã lâu không mưa lại đầy bụi bặm, bỗng đêm có mưa nhẹ thấm ướt sư Tăng Hựu đi kinh hành chỗ tượng, bỗng thấy bên tượng có ánh sáng trên dưới như đèn đuốc. Đêm ấy ở Hoài Trung những người đi buôn đều nghe trên cầu

có tiếng hò reo như tiếng của mấy trăm người. Từ khi Phật pháp truyền về phía Đông thì tượng vàng linh cảm không đâu hơn tượng này.

5. Truyện về Pháp sư Bích Cốc Thần Loan đời Hậu Ngụy:

Thích Đàm Loan, người ở Nhạn môn. Thuở nhỏ dạo chơi núi Ngũ đài nhân cảm điều linh dị bèn xuất gia, ba thừa đốn tiệm, Lý Văn đều thông suốt. Tánh sư thích Phương thuật. Nghe ở Giang nam có Đào Ẩn Cư có pháp sống lâu bèn muôn dặm tìm cầu. Đào bèn trao cho mười quyển kinh Tiên đã học. Sư vui mừng tự đắc cho rằng thần tiên sẽ có thể đến được. Sau sư trở về Lạc hạ gặp Tam tạng Bồ-đề-lưu-chi, bèn hỏi Chi rằng: Đạo Phật có pháp sống lâu có thể xua đuổi được già chết chăng? Chi cười đáp: Sống lâu không chết là đạo của Phật ta, đạo gia làm gì có. Bèn lấy kinh Thập Lục Quán trao cho, bảo rằng: Ông tụng kinh này thì không còn sinh ba cõi, sáu đường không còn đến, phiền não vắng lặng. Họa phúc thành bại không còn đến. Về sống lâu thì có kiếp thạch, có hà sa. Nhưng số hà sa còn có hạn lượng chớ sự sống lâu kia thì vô cùng. Vì đây là sự sống lâu của Phật ta. Loan nghe nói bỗng khởi tâm tin sâu bèn đốt hết sách tiên đã học mà chuyên tu nghiệp ba thứ phước, quán tưởng chín phẩm sen. Dẫu nóng lạnh cũng không dời đổi, bệnh tật cũng không lười mỏi. Ngụy chúa mến chí sư bèn ban hiệu là Thần Loan. Một đêm, đang lúc trì tụng bỗng thấy một Phạm Tăng (Tăng Ấn độ) chợt vào thất bảo rằng: Ta là Long Thọ ở Tịnh độ. Vị ông có tâm Tịnh độ nên đến thăm ông. Loan thưa: Có điều gì khuyên dạy? Thọ nói: “Đã qua không thể kịp. Chưa đến không thể theo. Hiện tại nay ở đâu. Ngựa câu khó cùng về.” Nói xong thì biến mất. Loan cho việc thấy là rất lạ, biết là chết đã đến kỳ hẹn. Bèn nhóm chúng trình bày mọi việc và khuyên dạy rốt ráo. Rồi bảo lớn tiếng niệm A-di-đà Phật, bèn xoay mặt về Tây, nhắm mắt mà hóa. Cả chúng cùng nghe có tiếng đờn sáo ở trên hư không từ phía Tây vọng đến, rất lâu mới im bặt. Ngụy chúa cảm kích, sắc an táng ở Phần Tây và theo hạnh nghiệp của sư mà lập bia.

Văn Long Thơ Tịnh độ nói: Xét kinh Lăng Nghiêm nói có mười thứ tiên đều sống ngàn tuổi. Số hết thì trở lại luân hồi, không hề rõ được chân tánh, cho nên cùng chúng sinh sáu đường đồng gọi là bảy đường, đều là loài còn trong luân hồi. Người đời học tu tiên muôn người không được một. Dẫu được thì cũng chẳng khỏi luân hồi vì đắm nhiễm ở hình thần chẳng thể bỏ được. Vả lại hình thần là do vọng trưởng trong chân tánh hiện ra không phải thật. Nên thơ Hàn Sơn nói: Dẫu ngươi được

thành tiên, giống như quỷ giữ thây, không phải như nhà Phật, sinh tử tự như như, không có gì ràng buộc. Từ xưa người được Tiên chỉ có Chung Ly, Lữ Công, mà kẻ học hai ông đâu phải chỉ ngàn muôn. Chính tôi thấy nghe số cũng chẳng ít, nhưng cuối cùng thì đều chết chôn dưới đất. Bởi bình sinh uổng phí tâm lực không hề được ích lợi gì. Muốn cầu trường thọ không gì bằng Tịnh độ. Người sinh về Tịnh độ thì sống lâu vô lượng, đó là sống lâu vậy. Chẳng tu pháp này mà học phép tiên là bỏ ngọc thật trước mắt mà tìm kiếm thứ ngọc giả (đá giả ngọc) chẳng thể được, há chẳng lầm ư?

6. Truyện Thiền sư Lô sơn Đạo Trân đời Lương:

Thích Đạo Trân, đời Lương, vào niên hiệu Thiên Giám, sư đến ở Lô sơn. Nghe thuở xưa ngài Tuệ Viễn kết Xã Tịnh Phương thì tâm rất kính mến, nhưng sự thực hành tâm còn dụ dự. Lúc khác, bỗng mộng thấy mấy mươi người ngồi thuyền trên biển đi về phía trước. Trân hỏi thì bảo về nước Di-đà. Trân hỏi: Cho theo được chăng? Thì đáp: Không dám từ chối ý ông, chỉ vì ở cõi này công tu trong một ngày thì vượt vĩnh kiếp mà ông chưa tụng một kinh Di-đà, lại chưa từng làm nhà tắm cho chúng Tăng thì làm sao đi được. Trân thức giấc hổ thẹn buồn lo. Bèn chuyên trì kinh và lập nhà tắm lớn. Hai năm sau, một hôm bỗng nhà vắng cửa mở toang, có người bưng đài bạc đến nói: Pháp Hoa báo hết nên bước lên đài này. Lại bảo: Công hạnh của Sư đáng ngồi Đài Vàng nhưng vì tâm ban đầu còn do dự nên ngồi đài bạc này. Trân tạ ân bảo: Chỉ cần vượt năm khổ, ra khỏi ba cõi thì Trân được thấy Phật, cần gì đài vàng. Trân ít nói năng, dẫu thấy việc này vẫn không bảo ai, chỉ viết ra giấy dấu trong rương kinh. Đêm sư tịch thì ở bên sườn núi có cả trăm ngàn ngọn đuốc chiếu sáng rực một vùng. Dân làng trông thấy rất kinh dị. Sáng hôm sau hỏi ra mới biết Trân mất, đó là điềm vãng sinh. Một hôm mở rương ra thì được lời ghi ấy bèn viết thành truyện.

7. Truyện Pháp sư Thiên Thai Pháp Trí đời Tùy:

Sư Pháp Trí đến học ở Đông Việt, kẻ thông suốt kinh nghĩa Đại, Tiểu thừa thì Trí đáng bậc thầy. Vì học rộng nghe nhiều nên ít người làm bạn. Tuổi về già Sư thấy pháp môn nhanh chóng thẳng tắt không gì bằng niệm Phật. Sáng làm chiều nghỉ giữ niệm không dứt suốt bảy năm rồi luận rằng: Phạm một tội kiết-la là chịu tội suốt một trung kiếp, đây thật đáng tin, lấy cớ đó mà làm. Niệm một câu A-di-đà Phật mà diệt hết trong tội trọng ức kiếp thì tôi thiệt có nghi. Có người bảo Trí

đừng nghi, bèn dạy Trí niệm Phật: "Lâu thì có công, có công thì có hóa, hóa thì Tam-muội hiện tiền. Nay ông nghi là nghi Phật vậy. Phàm lời Phật nói đâu thể nghi ngờ. Đức Thích Tôn phát ra tướng lưỡi rộng dài, các Đức Phật mười phương cùng khen ngợi Tịnh độ, chính là vì chúng sinh Tín căn khó lập cho nên khuyên phát ra. Pháp Trí dứt nghi, bèn ở chùa Quốc thanh mà dứt hết các duyên, một lòng niệm Phật, Tưởng niệm đã rốt bèn cảm được Quán Âm, Thế Chí hiện thân. Ngày nọ lại cảm được Bình báu trên thiên quan ánh sáng chiếu thân. Pháp Trí bảo đạo, tục rằng: Tôi sẽ sinh Tịnh độ, ai có thể nấu thức ăn ngon tiễn tôi? Chúng nghe đều cười bảo rằng: Chỉ sợ Đạo nhân không thể làm được việc ấy mà thôi, chúng tôi không từ nan. Rồi hẹn ba ngày sau họp lại làm yến tiệc. Tiệc xong thấy Trí không có gì khác, chúng đều nghi ngờ bèn bảo nhau đêm đến cùng rình xem. Chưa đến nửa đêm thì Trí ngồi trên giường dây niệm Phật mà hóa. Đêm ấy có ánh sáng vàng từ hướng Tây chiếu đến khắp mấy trăm dặm. Ngư dân trên sông tưởng trời sáng gọi nhau cùng dậy, trông thấy đều kinh sợ.

8. Truyện về Thiền sư Vĩnh Minh Trí Giác đời Đại Tống:

Sư húy là Diên Thọ, vốn người ở Đơn dương. Sau dời về Dư Hàng. Tuổi còn để chỏm tụng kinh Pháp Hoa chỉ sáu tuần là sư thuộc làu. Sư có làm thuế vụ Bắc Quách Chuyên Tri quan, gặp cá tôm liền bỏ tiền ra mua phóng sinh. Sau thâm lạm của công vì mua vật phóng sinh mà bị tội chết giữa chợ. Tiền chủ (Tùy Dạng Đế) sai người rình xem nếu sư có vẻ buồn sợ thì chém, còn không thì thả. Thấy sư tự nhiên không đổi sắc mặt nên ra lệnh thả. Nhân đó vào chùa Thúy nham ở Minh châu xuất gia. Kế đó tham vấn Thiều Quốc sư mà phát sáng tâm chính yếu. Lúc đầu, đến chỗ ngài Thiên Thai Trí Giả tập định chín tuần, có chim yến làm tổ trên vạt áo của sư. Ở chùa Quốc thanh khi hành trì Pháp Hoa sám, thì đêm thấy vị thần cầm kích đi vào, sư quở sao dám tự tiện vào ngang, thì đáp: Tích lũy Tịnh nghiệp đã lâu nên đến đây. Nửa đêm sư đi nhiễu đến trước tượng Phổ Hiền cúng dường thì bỗng thấy trên tay mình có hoa sen. Vì nghĩ trước có hai nguyện: Nguyện trọn đời thường tụng Pháp Hoa và nguyện trọn đời rộng độ chúng sinh. Nhớ hai nguyện này lại ưa thích Thiền định vắng lặng, rồi tấn thối lưỡng nan không thể tự quyết. Bèn lên Thiền Viện Trí Giả làm hai lá thăm. Một là nhất tâm thiền định, hai là tụng kinh, làm muôn điều lành Trang nghiêm Tịnh độ. Rồi tự hẹn hai đường chọn một, công hạnh sẽ thành. Quyết bắt thăm bảy lần để làm chứng. Bèn tinh thành cầu Phật Tổ mà đưa tay lấy, thì

cả bảy lần đều được lá thăm Tụng kinh, làm muôn điều lành vãng sinh Tịnh độ. Do đó một lòng chuyên tu Tịnh nghiệp. Bèn chống gậy Kim Hoa lên ngọn Thiên Trụ tụng kinh suốt ba năm. Trong khi thiền quán thì thấy Quán Âm rót cam lộ vào miệng. Từ đó phát Quán Âm biện tài. Trước sư ở núi Tuyết bảo. Về già, vua ban chiếu về trụ chùa Vĩnh minh đồ chúng đến hai ngàn người, nhật khóa hằng ngày làm một trăm lẽ tám việc. Người học đến thưa hỏi thì sư chỉ: Tâm làm tông, lấy ngộ làm quyết. Sư sáng tối đến ngọn núi riêng hành đạo niệm Phật. Người chung quanh nghe trong núi có tiếng nhạc trời bằng loa ốc. Trung Ý Vương khen rằng từ xưa nay người cầu Tây phương chưa ai chí thiết bằng sư. Bèn xây dựng cho sư điện Tây phương Hương Nghiêm để sư trọn thành chí nguyện. Ngày hai mươi sáu tháng hai niên hiệu Khai Bảo đời Đại Tống, buổi sáng dậy sư đốt hương, cáo biệt chúng rồi ngồi kiết già mà hóa.

9. Truyện về Trinh Tiết Xử Sĩ Dữu Tiên đời Lương:

Dữu Tiên tự là Ngạn Bảo, người ở Tân Dã. Thuở nhỏ thông suốt kinh sử, hiểu rõ triết lý của trăm nhà hiền triết. Còn như bói toán cơ xảo đều nổi tiếng một thời. Mà tánh sư thì giản dị, thích cảnh suối rừng. Vườn nhà mười mẫu ở bên ao, ăn rau dưa mặc áo xấu chẳng chú trọng sản nghiệp. Có lúc ngồi thuyền theo sông Thư về có chở một trăm năm mươi thạch gạo, có người gởi thêm ba mươi thạch. Về đến nhà, người gởi nói của ông ba mươi thạch, của tôi một trăm năm mươi thạch. Tiên vẫn làm thinh không nói, để anh ta lấy đủ số. Phàm xử sự đều như thế cả. Thuở nhỏ, Võ Đế chơi rất thân với Tiên. Đến khi khởi binh thì phong cho Tiên làm Bình Tây Phủ Ký Thất. Đến niên hiệu Phổ Thông thì vua ban chiếu cho tiên làm Huỳnh Môn Thị Lang. Ông đều thoái thác vì bệnh từ chối không nhận. Về già rất trọng Thích giáo, trong nhà có lập đạo tràng sáu thời lễ sám. Tụng kinh Pháp Hoa một ngày trọn một bộ. Bỗng đêm sau, thấy một Đạo Nhân xưng là Nguyện Công, dung nghi kỳ lạ gọi Tiên là Thượng Hạnh tiên sinh, trao hương rồi bỏ đi. Đến niên hiệu Đại Thông thứ tư trong lúc ngủ bỗng mộng thấy Nguyện Công lại đến bảo chẳng thể sống lâu, nói xong thì ông mất. Ông thọ bảy mươi tám tuổi. Cả nhà đều nghe trên hư không có tiếng gọi lớn: Tiên sinh Thượng hạnh đã sinh cõi Tịnh Di-đà. Võ Đế nghe tin rất kính phục bèn ban Thụy hiệu là Trinh Tiết Xử Sĩ nói lên sự mạnh mẻ cao vời (xuất xứ từ Nam Sử).

10. Truyện về Vô Vi Tử Dương Đề Hình đời Đại Tống:

Ông húy là Kiệt, tự Thứ Công, người ở quận Vô vi, đạo hiệu là Vô Vi Tử. Văn tài cao nhã, tuổi trẻ thi đậu làm quan đến chức Thượng Thư Chủ Khách Lang, coi về hình ngục ở Lưỡng Triết. Nhưng ông rất tôn kính Phật Pháp, thấu ngộ Thiền tông những vị gánh được sự đánh, hét của Lâm Tế ở Giang tây ông còn gọi họ là hạng tầm thường. Ông lại mở rộng giáo quán Di-đà, dắt dẫn kẻ mới đến, bao gồm chỗ luận bàn, ông Bảo rằng căn cơ chúng sinh có lợi độn, gần mà dễ biết dễ làm thì chỉ có Tây phương Tịnh độ vậy. Chỉ cần nhất tâm quán niệm, gồm nhiếp tán tâm thì nhờ nguyện lực Di-đà mà sinh thẳng về An dưỡng, không có cõi nào khác, quyết chắc thành công. Ngài Long Thọ gọi đó là Đạo dễ làm vì nương vào năng lực người khác. Ông soạn lời tựa luận Thập Nghi của Thiên Thai, tựa Trực chỉ Tịnh độ Quyết Nghi Tập của Vương Cổ. Ông soạn Pháp Bảo Tăng Giám, Di-đà Bảo Các Ký, An lạc Quốc Tam Thập Tán, Bị Trần Tây phương Yếu Tân, Thành Vi Vạn Thế Vãng Sinh Quy Giám. Ông có soạn Phụ Đạo tập, Chuyên Kỷ Phật Thừa, Tô Đông Pha soạn lời tựa lược nói rằng: Vô Vi Tử vốn xưa là Linh Cơ tham học khắp các tri thức, phàm kẻ gọi là có mắt Thước-Ca-la thì Thứ Công mục kích mà Đạo còn. Tuổi về già ông làm Giám Ti quận thú, bèn vẽ Tượng Di-đà trượng sáu để khi đi đường quán niệm, đến lúc qua đời cảm được Phật đến rước ngồi thẳng mà hóa. Có bài tụng rằng: Sinh cũng không đáng ham, Tử cũng không đáng bỏ, trong khoảng hư không rộng lớn, đâm lao theo lao Cực lạc Tây phương. Niên hiệu Tuyên Hòa, thần Kinh Vương phu nhân thức đến Tịnh độ thấy ông ngồi trên hoa sen thì chắc chắn được vãng sinh vậy. Song ở Triều Tống ta kẻ sĩ đại-phu rộng khen Tịnh Phương vào nhóm chánh định thì chỉ có hai người là ông và Vương Mẫn Trọng Thị Lang mà thôi. Há không phải là trời muốn đạo tồn tại lâu dài trên thế gian mà sinh ra người ấy ư?

11. Truyện về ở Vương Ty Sĩ Quang Châu đời Đại Tống:

Đời Đại Tống, Ty Sĩ Tham Quân Vương Trọng Hồi là người ở quận Vô vi. Vì ở quận Trần bổn đắp đê ngăn nước làm thủy lợi, Đại Ty Nông khảo biết được sự thật bèn mời về triều đình. Sau gia ân cho làm việc ấy. Tánh ông rất trung tín, không hề xét việc hay dở của người. Ông lại thông suốt toán số (bói toán) đến già tay vẫn không rời sách. Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài lúc đó ở Đạo Thiết Phật tràng cũng thường thưa hỏi ông mà xem ông là người tốt trong làng đáng nương cậy. Vào

những năm cuối niên hiệu Hy Ninh, tôi đem thi hài mẹ là Trường Thọ Thái Quân về an táng ở quê nhà, nhân rãnh rỗi mà xem Đại Tạng giáo điển. Bèn lấy duyên Tịnh độ vi diệu chỉ bày cho các cụ già. Lúc đó Ty Sĩ rất thành tín kính mến, nhưng chưa sâu chắc lắm. Đến đầu niên hiệu Nguyên Hựu, tôi tự là Tỉnh Vi xin làm thú ở Đơn Dương, đợi trên khe Cẩm Tú. Ty Sĩ lúc đó thấy người học hỏi không hề chống cự. Hỏi rằng kinh điển phần nhiều dạy niệm Phật sinh Tịnh độ, còn Tổ sư thì nói Tâm tức là Tịnh độ, không cần phải cầu sinh Tây phương, hai lời dạy không giống nhau là sao? Đáp: Thật tế lý địa không có Phật, không có chúng sinh, không vui không khổ, không thọ không yểu thì sao lại có tịnh, uế, há lại lấy sinh và chẳng sinh làm tâm ư? Đây là dùng Lý đoạt Sự. Nhưng ở cõi này thì là chúng sinh hay là Phật. Nếu là cảnh Phật thì chẳng phải chúng sinh Lại đâu có khổ vui, sống lâu, chết yểu, tịnh, uế, thử tự suy nghĩ, hoặc là hoàn cảnh chúng sinh chưa ra khỏi sinh tử thì đâu thể chẳng tin giáo điển dốc lòng niệm Phật mà cầu sinh Tịnh độ ư? Tịnh thì không uế, vui thì không khổ, thọ thì không yểu. Ở trong vô niệm mà khởi niệm, ở trong vô sinh mà cầu sinh. Đây là dùng sự mà đoạt lý. Cho nên kinh Duy-ma nói tuy biết các cõi Phật và chúng sinh là không mà thường tu Tịnh độ, giáo hóa chúng sinh, là nói điều này vậy. Hỏi: Làm sao biết được niệm không gián đoạn? Đáp: một khi tin rồi sau đó không còn nghi ngờ nữa, tức là chẳng gián đoạn. Ty Sĩ vui vẻ ra đi. Đến đêm tháng 12 năm thứ 2 thì tôi làm Thú ở Đơn Dương bỗng mộng thấy Ty Sĩ nói: Được ông chỉ cho Tịnh độ nay đã được sinh nên xin đến tạ từ. Bèn lạy rồi lui ra. Sáng hôm sau, mời Đơn Đồ Lệnh Trần An Chỉ đến kể lại giấc mộng. Bởi Trần Lệnh rất tin sâu Tịnh độ. Sau đó được con của Ty Sĩ đưa cáo phó đến mới biết Ty Sĩ đã mất trước đó bảy ngày, biết trước ngày mất nên từ biệt các người quen cũ. Em tôi là Tác cũng ở đó nghe lời từ biệt, cho nên biết ông chắc chắn sinh Tịnh độ.

Ngày 8 tháng 4 niên hiệu Nguyên Hựu thứ 4. Vô Vi Tử kính ghi.

Truyện này của Thứ Công thật chẳng thể bỏ. Chỉ việc luận sự lý đoạt nhau thì chẳng như Thai Tông gọi là "Viên quán sự lý một niệm đầy đủ câu nói một khi tin rồi sau đó không còn nghi ngờ nữa tức là không gián đoạn, là Ty Sĩ chuyển thân chỉ nói một lời này. Xưa, ngài Thiện Đạo hóa độ người có nói: Nếu người muốn mau được vãng sinh nên Khởi tu không gián đoạn, đó là cung kính, lễ bái, xưng danh khen ngợi, nhớ kỹ, quán sát, hồi hướng, phát nguyện, tâm tâm nối nhau không để các nghiệp khác làm đứt quãng. Cho nên nói là tu không gián đoạn. Lại nếu tham, sân, si đến cách ngăn thì hễ lúc nào phạm thì liền

sám hối. Không khiến cách niệm, cách ngày, cách giờ. Luôn khiến thanh tịnh cũng gọi là tu không gián đoạn. Nếu đến chết thề không bỏ nửa chừng thì chắc chắn vãng sinh. Bài văn này xuất xứ trong Đại tạng, Tập Chư kinh Lễ Sám Nghi ở hòm chữ Quần, Thứ Công xem tạng, lấy duyên Tịnh độ mà chỉ bày cho Ty Sĩ không phải thế sao?

12. Truyện về Hồ Tuyên Nghĩa Tiền Đường ở đời Đại Tống:

Tuyên Nghĩa húy là Nhân, tự là Đạt Phu, con của Hồ Thị Lang. Tánh rất thông minh, tâm địa sáng suốt. Chuyên sử sách, thích ngâm vịnh. Về già cai quản Tây hồ, ngày ngày thường dạo vui chơi thú. Tánh bình dị đơn giản. Phật thừa tuy đã tin nhưng không hề chuyên tu. Một hôm, con ông đến mời Luật sư Thanh Chiếu rằng: Cha con bệnh nặng xin thỉnh sư khuyên dạy. Sư đến gặp bảo: Tuệ Hanh tôi quen với Đạt Phu rất thân nhưng không hề nói, Nay việc lớn ở cuối đời há chẳng biết chỗ an thân lập mạng ư? Đạt Phu nói: Tâm tịnh thì cõi tịnh. Sư nói: Tuyên Nghĩa trong lúc này có tạp niệm nhiễm ô chăng? Đáp đã ở thế gian sao khỏi tạp niệm. Sư nói: nếu như thế thì đâu thể tâm tịnh cõi tịnh được. Đạt Phu liền hỏi: một câu xưng niệm A-di-đà Phật có công năng diệt hết trọng tội tám mươi ức kiếp sinh tử là sao? Sư nói: Phật A-di-đà kinh Pháp Hoa nói thì ngài đã trải qua trần kiếp tu hành, kinh Lăng nghiêm nói: Ta nhớ thuở xưa hằng sa kiếp số có Phật ra đời hiệu là Vô Lượng Quang. Phật A-di-đà đã trải qua thời gian như thế sẽ thành tựu thân, thành tựu nước, y, chánh trang nghiêm có đại oai đức, có thệ nguyện lớn, ánh sáng thần lực chẳng thể suy nghĩ, bàn luận. Do đó một câu xưng niệm hồng danh muôn đức thì chúng sinh từ vô thỉ có trọng tội tám mươi ức kiếp sinh tử cũng tiêu trừ như mặt trời sáng rực rỡ làm tiêu tan sương mù. Đạt Phu bèn tỉnh ngộ, mới biết nguyện lực Di-đà công đức lớn như thế... Bèn nhất tâm niệm Phật. Lại nhiều ngày thỉnh tăng trợ niệm. Luật sư Tuyên Bạch gọi Hồ Công Tuyên Nghĩa, Đạt Phu liền nói: Phải xưng danh Hồ Nhân. Ngày hôm sau lại thỉnh các học trò đến trước, Luật sư đến sau. Đạt Phu hỏi: Sao đến muộn, đã làm phiền Quán Âm, Thế Chí giáng lâm từ lâu. Sư cùng đại chúng liền rất trịnh trọng niệm Phật. Hồ Công an nhiên mà hóa, thọ tám mươi bốn tuổi. Ngày thường không hề tu tập, một hôm bệnh khổ ép ngặt thì không chỗ nương nhờ. Vừa nghe Di-đà Pháp lợi liền dứt nhanh nghi tình mà siêu sinh Lạc quốc. Đó gọi là một niệm hồi quang lập tức đổi tà thành chánh, tức là người này vậy. Mới biết đạo này nối vết xe trước, ngõ hầu không cô phụ đời này.

13. Truyện về cư sĩ Long Thư Vương Hư Trung đời Đại Tống:

Quốc học tiến sĩ Vương Nhật Hưu tự là Hư Trung. Có trí tự hành, có bi dạy người, đã thấy trong bài tựa của Trương Vu Hồ, ở đây không kể lại. Ông là người ở Long Thư (Thơ) có soạn văn Tịnh độ, nhân đó lấy làm hiệu, văn của ông thịnh hành trên đời, thiên hạ tu Tịnh nghiệp đều đọc sách này. Vào niên hiệu Càn Đạo, Lý Ngạn Bật ở Lô Lăng bị bệnh thời khí đã liệm vào quan tài. Bỗng mộng thấy một người dáng vẻ thanh tao dùng, tay xoa khắp thân thể. Bật kinh hãi hỏi thì đáp là cư sĩ Long Thơ. Bật hỏi về bệnh của mình thì ông bảo ăn cháo trắng sẽ hết. Lại nói: Ông có nhớ Trọng Nhã đã dạy ông đường tắt chăng? Bật nói mỗi ngày tôi niệm Phật không ngớt. Bật tỉnh dậy bèn đòi cháo trắng, ăn xong thì bệnh lành. Sau đó thấy tượng vẽ ông giống y trong mộng. Bật kính trọng ông gọi là sinh tử cốt nhục. Bèn sai con cháu từ xa đến học với ông. Một hôm, con cháu Bật trở về bảo rằng đêm ấy cư sĩ giảng sách xong, như thường lệ lễ niệm, đến canh ba bỗng lớn tiếng niệm A-di-đà Phật mấy câu, rồi bảo Phật đến rước ta, và đứng sững mà hóa. Người trong nước đêm ấy có người nằm mộng thấy có hai người áo xanh dẫn ông đi về hướng Tây. Lại trước đó ba ngày ông từ biệt khắp các đạo hữu, khuyên cố gắng tu Tịnh nghiệp, có lời giã biệt sẽ không còn thấy nhau nữa. Ôi nếu chẳng phải hiểu đạo bổn tánh duy tâm, thấu suốt sự biến hóa của sinh tử thì không thể được như thế. Có kẻ nghi Bật nằm mộng là do tưởng mà thành. Bật nói: Việc chỉ ăn cháo trắng mà lành bệnh thì sao dối được. Lúc đó, Thừa tướng Ích Quốc Châu công là Tất Đại thấy việc lạ của ông bèn làm bài tán rằng: “Rực rỡ nhưng không cầu, kinh dị cũng không lo. Thương suy đồi sắp đến, nắm các thiện cùng hòa. Dắt dẫn nguồn nhân nghĩa, Dạy dỗ lấy vắng lặng làm vui. Đời biết ông có làm nhưng không biết vô vi ấy, trung đạo an nhiên, chỉ bày cho người chân giác.” Ông Bật rất kính trọng không gì để báo ân bèn vẽ hình ông (Cư sĩ Long Thơ) mà thờ cúng và truyền khắp. Từ đó, xứ Lô Lăng nhà nhà đều thờ cúng ông. Chín năm sau, Hu Di Quân có Tín sĩ Nhiếp Duẫn Địch Khâm Công, cảnh hạnh siêu trác vượt hơn mọi người, muốn mãi mãi không hư hoại bèn khắc đá ở điện Di-đà để báo ân. Đến niên hiệu Khánh Nguyên thứ tư ở đất Việt có Chí Chánh Liễm Phán Tăng Công Tấn biết đời là hư huyễn, bèn ở nơi thanh tịnh kính mến chí của Long Thơ, Nguyện sinh về Tây. Có người anh ra làm quan nhặt được miếng đá này. Lại muốn mọi người tiến bộ, nhân đó lại khắc gỗ mà truyền khắp Giang Triết. Lòng dạy dỗ hướng thiện thật hợp cả trong

ngoài với Vương quân. một hôm Tông Hiểu gõ cửa nhà ông mong được chỉ bày. Nhân đó góp nhặt đầu đuôi để truyền bá không để mất.

14. Truyện về Chu Như Nhất đời Đại Tống ở Minh châu của Thiền sư Quất Châu Bảo Đàm.

Trước đây tôi có qua nơi gọi là Đạo tràng La-hầu-la, đến Khởi Tín Đường thì có vị Tỳ-kheo bảo tôi rằng: Chùa có việc vui ông biết chăng? Tôi ngoái nhìn bốn gốc cây dưới nhà đáp: được năm không lạnh mặt mũi mình chẳng hề gì phải không? Tỳ-kheo nói không phải. Rồi dẫn tôi lên nhà sám hối đưa hộp kinh Diệu Liên Hoa bảy quyển thêu bằng chỉ màu. Tôi chắp tay khen ngợi chưa từng có. Vị Tỳ-kheo nói: Do vợ của Tiết Quân là đạo nhân Chu Thị pháp danh Như Nhất làm ra. Chu thị tức là cháu hai đời của hoàng hậu Khâm Thành trong cung Uyên Thánh. Từ khi về ở với họ Tiết thì bà xem đời như bùn sình. Nên hơn hai mươi tuổi liền bảo với chồng là thích chốn thanh tịnh, ăn chay mặc áo đạo. Có lần bà dùng lụa vàng sai kinh Sinh viết kinh ấy rồi thêu chỉ xanh, đường chỉ khít mượt bóng như nét vẽ mới khô mực trải qua mười năm mới xong, sau lại có bức thêu Di-đà, Quán Âm không khác tranh vẽ. Từ tên kinh kính lạy đến tám mươi bốn ngàn lạy, một câu một chữ phàm xướng lễ đều lễ ba lạy. Văn kinh Pháp Hoa có mấy muôn chữ, chỉ trong ba tháng là lạy xong. Xem kinh Hoa Nghiêm, Bát-nhã, Lăng Nghiêm, Viên Giác cũng có hơn mấy ngàn bài kệ. Từng khắc gỗ thành tranh khuyên người tụng kinh A-di-đà đục lỗ làm dấu hơn mười muôn câu mới hết số. Hơn hai mươi muôn người được giáo hóa. Đạo nhân mỗi sáng tụng kinh, đêm đêm lạy Phật không chút mỏi mệt, ý rất vui mừng. Cất nhà bên mộ, một gian thờ Phật, một gian để ngồi thiền, một gian để viết kinh. Có một tỳ nữ dâng cơm chay cùng chịu khổ nhọc mà sức đàn ông có người không làm nổi. Mùa xuân năm nay đổi hết hộp cũ (bán nữ trang) đủ cho ba ngày hội hội kẻ đạo người tục mấy muôn người, cúng dường cả ngàn bí-sô, làm cờ báu, chứa kinh Pháp Hoa và tên tuổi người đồng niệm Phật đưa về chùa. Trong ngoài thành đều rúng động, các vợ đại sĩ phu đều kinh sợ. Tháng 12 bị bệnh, thầy thuốc đem đơn sa dâng, đạo nhân không dậy. Trong lúc nằm nhắm mắt bỗng trổi dậy ngồi kiết già. Tiết Quân bảo: Nhà ta không có cách ấy bèn mời nằm xuống. Việc chôn cất theo nghi thức, đạo nhân nằm nghiêng hông phải mà mất, thọ ba mươi bảy tuổi vào ngày 11 tháng 12 niên hiệu Chiêu Hy thứ 4. Tôi nghe vị Tỳ-kheo nói mà bùi ngùi. Tôi biết việc này vì đời sau khuyến kính nên viết lời tán rằng.

Đạo nhân mặt như trăng rằm, ý chỉ sau cùng của Linh sơn, tâm hồi hướng Tịnh độ tha thiết tôi biết sẽ không trở lại thế gian. Lão Bàng Uẩn nói chẳng phải Thánh hiền rõ việc phàm phu. Lời nói này có ý tứ thay!

■

LẠC BANG VĂN LOẠI

QUYỂN 4

Loại Tạp Văn (Ba mươi ba bài).

1. Duy-ma sớ: Chỉ rõ bốn thứ cõi Phật do Thiên Thai Trí Giả Đại sư giảng.

2. Quán kinh sớ: Nói Tông chỉ của bốn cõi Tịnh Độ.

3. Vạn Thiện Đồng Quy Tập: Chọn bày Tây phương của Thiền sư Trí Giác Diên Thọ.

4. Di-đà Thông Tán: Riêng khen Tây phương của Pháp sư Từ Ân Khuy Cơ.

5. Tịch Chiếu Tập: Chọn ra yếu nghĩa Tây phương, xuất xứ từ Trực Chỉ Tịnh độ Quyết Nghi tập.

6. Tây Tư Sa. Chọn bày riêng khen ngợi Tây phương của Pháp sư Lô Sơn Trí Viên.

7. Thư thỉnh Pháp sư Tứ Minh trụ lại thế gian của Văn Công Dương Ức.

8. Trả lời thư thỉnh trụ lại thế gian của Dương Văn Công của Pháp sư Tứ Minh Trí Lễ.

9. Đáp lời hỏi của Dương Văn Công của Pháp sư Tứ Minh Trí Lễ.

10. Sớ Diên Khánh khuyên mọi người niệm Phật của Pháp sư Tứ Minh Trí Lễ.

11. Vãng sinh Tịnh độ Quyết Nghi môn của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.

12. Nghĩa Học Biên Luận Tịch Giải Phấn của Pháp sư Tịnh Giác Nhân Nhạc.

13. Giải đáp về tu nhân Tịnh độ của Pháp sư Tra Am Hữu Nghiêm.

14. Giải đáp về ma và Phật của Tịnh độ của Pháp sư Tra Am Hữu Nghiêm.

15. Nói về duy tâm Tịnh độ của Pháp sư Viên Biện Đạo Sâm.

16. Bài duy tâm Tịnh độ của Thiền sư Cô Tô Thủ Nột.

17. Nói về khuyên tu Tây phương của Pháp sư Giải Không Khả Quán.

18. Tịnh độ Lược Nhân của Đãi Chế Triều Thuyết Chi.

19. Các thuyết khác về Tịnh độ của Pháp sư Thảo Am Đạo Nhân.

20. Tịnh độ Tự Tín Lục Ký của Vô Công Tẩu Vương Điền.

21. Nói về chuyên tu và tạp tu Tịnh nghiệp của Tỳ-kheo Thiện Đạo ở kinh đô.

22. Luận rõ về Hoành xuất và Thụ xuất của Pháp sư Đồng Giang Trạch Anh.

23. Phép mười niệm buổi sáng của Thiên Trúc Sám Chủ Tuân Thức.

24. Phương pháp niệm Phật của Thiên Trúc Sám Chủ Tuân Thức

25. So sánh công đức niệm Phật của Thiên Trúc Sám Chủ Tuân Thức.

26. Pháp quán Thiền vãng sinh của Thiên Trúc Sám Chủ Tuân Thức.

27. Thuật niệm Phật tu tâm của Pháp sư Sơn Đường Ngạn Luân.

28. Luận Bảo Vương: Chọn bày nghĩa vãng sinh của Thiền sư Thảo Đường Phi Tích.

29. Niệm Phật phương tiện văn của Tư Gián Giang Công Vọng.

30. An tượng Phật A-di-đà ở viện Vô Thường, xuất xứ Vô Tân Đăng.

31. Lâm Chung Chánh Niệm Quyết của Tỳ-kheo Thiện Đạo ở kinh đô.

32. Khi sắp qua đời thỉnh tăng niệm Phật được cảm ứng xuất xứ trong Bảo Châu Tập.

33. Nhập Quán khi ngủ, phát nguyện thấy Phật, xuất xứ trong Đại Tạng Tập Chư Kinh Lễ Sám Nghi.

34. Khánh sáu lễ Phật hội sớ của Pháp sư Thảo Am Đạo Nhân.

1. Duy-ma kinh Sớ chỉ rõ bốn thứ cõi Phật do đại sư Thiên Thai Trí Giả Giảng:

Tướng các cõi Phật khác nhau vô lượng vô biên, ở đây nói sơ lược có bốn:

a. Cõi nhiễm tịnh, Phàm Thánh ở chung.

b. Cõi khác, người phương tiện ở.

c. Cõi quả báo, thuần là pháp thân ở.

d. Thường tịch quang, nơi bậc Diệu giác ở.

Hai thứ cõi trước thuộc về ứng là nơi ứng Phật ở, cõi thứ ba thuộc về ứng, vừa thuộc về báo, là nơi báo thân Phật ở. Cõi thứ tư chỉ thuộc về chân tịnh, chẳng thuộc ứng thân, chẳng thuộc báo thân, là nơi Pháp thân Phật ở.

- Cõi nhiễm tịnh: Có hai: Đồng cư uế và Phàm Thánh đồng cư. Phàm Thánh đồng cư lại có hai loại:

- Phàm cư: Bốn đường, tức chúng sinh ác ở và cõi trời người tức chúng sinh thiện ở.

- Thánh cư: Bậc Thánh thật sự tức bốn quả Thanh văn, Bích-chi-Phật, Thông giáo cho là lục địa, Biệt giáo cho là Thập trụ, Viên giáo cho là sau Thập tín. Thông giáo cho là ở đây kiết hoặc đã hết nhưng báo thân vẫn còn. Quyền Thánh: Nơi Pháp thân Bồ-tát và Diệu giác Phật vì lợi ích kẻ có duyên mà ứng sinh Đồng cư, đều là quyền.

Đây là các Phương tiện độ, Thật báo độ và Tịch quang độ. Vì cùng kẻ phàm ở chung nên gọi là Phàm Thánh đồng cư. Cùng ở với bốn đường chúng sinh nên gọi là cõi uế. Cõi Đồng cư Tịnh độ là nước Vô Lượng Thọ, tuy có quả báo thù thắng khó thể ví dụ nhưng vẫn là cõi Phàm, Thánh, nhiễm tịnh đồng ở. Vì sao? Tuy có bốn đường chúng sinh nhưng có trời ngươi, vì kẻ sinh về đó chưa hẳn hoàn toàn là kẻ đắc đạo, kinh nói: Kẻ phạm trọng tội, khi lâm chung biết sám hối, niệm Phật thì nghiệp chướng chuyển đổi liền được vãng sinh. Nếu chỉ là nơi bậc Thánh sống thì kẻ phàm phu nguyện sinh về được. Nên biết, tuy đủ các thứ mê hoặc, nhiễm trước nhưng cũng được ở chung. Cõi các bậc Thánh quyền thật cũng vậy. Chỉ cần không có bốn đường ác thì gọi là tịnh. Hỏi cõi uế chiêu cảm mười điều ác, bốn đường y, chánh lại chợt khác biệt. Đáp: Hai nơi tu nhân thiện tên gọi tuy đồng nhưng vì Tịnh độ tu nhân thiện tinh vi hơn nên y, chánh của Phàm Thánh khác hơn cõi uế.

- Cõi khác: Là nơi hàng Nhị thừa và ba loại Bồ-tát chứng đạo phương tiện ở. Vì sao? Nếu tu hai quán dứt hết các hoặc chung, hằng sa hoặc riêng vô minh chưa dứt hết, bỏ thân phần đoạn mà sinh cõi ngoài (ngoài ba cõi) nhận thân pháp tánh liền có chỗ ở của biến dịch thì gọi là cõi Hữu dư, cũng gọi là cõi Phương tiện, vì người hành phương tiện ở đấy. Cho nên luận Nhiếp Đại thừa nói bảy thứ sinh tử. Đây là phương tiện sinh tử thứ tư.

- Cõi Quả báo, tức là Hoa Tạng thuần Pháp thân các Bồ-tát ở đấy. Phá vô minh, hiển pháp tánh, được quả báo chân thật, mà vô minh

chưa dứt, thấm nghiệp vô lậu nhận pháp tánh, Báo thân nên gọi là cõi Quả báo. Vì quán thật tướng phát chân vô lậu mà được quả báo nên gọi là thật, tu nhân vô định, sắc tâm vô ngại, cũng gọi là cõi Thật báo vô chướng ngại. Kinh Hoa Nghiêm nói thế giới Nhân-đà-la Võng là đó.

- Cõi Thường tịnh quang là bậc Diệu Giác trí tột cùng chiếu ra lý Như như Pháp giới gọi là cõi nước, cũng gọi là cõi Pháp tánh, đều là Chân như Phật tánh. Không phải thân không phải cõi mà nói thân, cõi, lìa thân không có cõi, lìa cõi không có thân. Gọi cõi ấy là một pháp mà hai nghĩa. Ngài Phổ Hiền quán Tỳ-lô-giá-na trụ xứ gọi là Thường Tịch Quang.

Hỏi: Kinh Hoa Nghiêm nói mười thứ cõi Phật thì bốn thứ này có bao gồm hết chăng?

Đáp: Đâu chỉ nhiếp đủ mười, cho đến có người nói kinh viết hai mươi bảy thứ cõi Phật. Cõi Vô Lượng Thọ (Cực lạc) chỉ là cõi thứ sáu. Hiện bốn thứ nói trong văn này đều nhiếp hết tất cả.

Hỏi: Sao không y theo mười cõi và hai mươi bảy cõi?

Đáp: Có một văn xưa muốn mượn ý để đối với bốn giáo nên ý khó thấy.

2. Quán kinh sớ: Nói về tông chỉ của bốn cõi.

Kinh này lấy tâm quán tịnh thì cõi Phật tịnh làm tông chỉ. Bốn thứ cõi Phật là Phàm Thánh đồng cư độ, Phương tiện hữu dư độ, Thật báo vô chướng ngại độ và Thường tịch quang độ. Mỗi thứ đều có tịnh uế, năm trược khinh, trọng. Đồng cư uế, tịnh phân tích về thể có khéo, vụng: Hữu Dư tịnh, uế thứ lớp đốn nhập. Thật Báo tịnh, uế có phần chứng rốt ráo. Tịch Quang tịnh, uế cõi Ta-bà, tạp ác gai gốc, ngói đá, bất tịnh dẫy đầy là đồng cư uế; cõi An dưỡng thanh tịnh, ao nước tám đức, cây bày bảy báu, kế sau Nê-hoàn đều là nhóm chánh định, là cõi Phàm Thánh đồng cư thượng phẩm Tịnh độ vậy. Cõi Phương tiện hữu dư là nơi ở của người tu đạo Phương tiện, vì dứt bỏ bốn trụ hoặc nên gọi là Phương tiện. Vì vô minh chưa hết nên gọi là Hữu dư. Thích Luận có nói: Ra ngoài ba cõi thì có Tịnh độ. Thanh văn, Bích-chi-Phật sinh về đó, được thân pháp tánh, không phải phần đoạn sinh. Trong đó lại có lợi, độn, cõi trên là tịnh, cõi dưới là uế. Cõi Thật báo vô chướng ngại là thực hành pháp chân thật mà cảm được quả báo tốt, sắc tâm không ngại nhau, nên nói là vô chướng ngại, toàn là các Bồ-tát ở đấy, không có Nhị thừa. Kinh Nhân Vương nói: Tam Hiền mười Thánh ở quả Báo tức là nghĩa này. Kinh Hoa Nghiêm nói "Vô lượng hương vân đài" tức là năm

trần diệu tịnh ở cõi ấy. Lại luận thứ lớp có đốn ngộ, thượng hạ uế tịnh... Cõi Thường tịch quang: Thường tức là pháp thân, Tịch tức là giải thoát, Quang tức Bát-nhã, ba điểm này ngang dọc không khác nhau, đều gọi là Bí mật tạng, là chỗ ở của Đức Phật Như Lai là cõi tịnh, chân thường rốt ráo cực vị. Phần đắc, rốt ráo, trên dưới, uế tịnh... Cho nên tu tâm diệu quán thì cảm được Tịnh độ là tông chỉ của kinh.

Tứ Minh Diệu Tông giải thích rằng: Pháp Đại thừa là cốt yếu ở tâm. Tâm đầy đủ thì dễ biết, sắc đầy đủ thì khó hiểu, cho nên quán mình quán người đều tu tâm quán. Nay quán Tịnh độ phải cầu ở tâm. Vì tâm hay đầy đủ nên tâm có khả năng tạo tác, cho nên tâm cấu thì độ cấu, tâm tịnh thì độ tịnh. Đây cũng chỉ chung, chưa phải là đích luận ở một tâm đốn tu ba quán. Quán này là quán y chánh ở An dưỡng, rốt ráo thanh tịnh gọi là Tâm quán tịnh. Quán này có công năng khiến bốn cõi Phật thanh tịnh như thế mới là tông chí của kinh này. Năm thứ trược đầu nhẹ thuộc về đồng cư tịnh. Tịnh này rất chung cần biết ý riêng, như giới giữ tốt thì bốn giáo phàm vị đều có thể khiến năm trược nhẹ mỏng, cảm Đồng cư tịnh, Viên quán trược nhẹ cảm Đồng cư tịnh, y chánh rất thanh tịnh như kinh này nói: Quán đất trở đi, mỗi mỗi tướng trạng so với các kinh khác tu các hạnh lành cảm được cõi An dưỡng, tướng nó rất khác. Kinh này vốn do Vi-đề-hy chán cõi Đồng cư uế mà cầu Đồng cư tịnh. Cho nên nói là diệu quán quán y chánh kia, nếu ba quán thành thì thô cấu hết trược, không phải hữu dư tịnh thì còn sinh nơi nào? Nên biết chính là sinh Đồng cư tịnh. Cho nên nói ba quán bởi do quán diệu dứt bỏ được ba hoặc, chẳng phải chỉ cảm được cõi Đồng cư tịnh. Mà tùy theo sự dứt hoặc sâu cạn tự nhiên cảm được ba thứ hữu dư v.v.. Như bệnh cần uống thuốc vốn để thân yên, nay cầu được thuốc tiên cần phải uống vào, không chỉ thân an mà được cả khinh cốt. Thân an thì dụ cho sinh Đồng cư tịnh, còn khinh cốt thì dụ cho cảm được ba cõi trên. Chỉ là thuốc hay công hiệu như thế, thì một diệu quán thanh tịnh được cả bốn cõi.

3. Vạn Thiện Đồng Quy Tập: Chọn bày Tây phương (Sáu lớp vấn đáp) của Thiền sư Trí Giác Diên Thọ.

Hỏi: Duy tâm Tịnh độ trùn khắp cả mười phương sao lại gá chất đài sen, gởi thân An dưỡng mà khởi niệm lấy, bỏ. Há thấu suốt pháp môn Vô sinh, tâm còn sinh ham, chán thì làm sao thành bình đẳng?

Đáp: Duy tâm Phật độ là hiểu rõ tâm mới sinh. Kinh cảnh giới không thể suy nghĩ bàn luận của Như Lai nói tất cả Đức Phật ba đời đều không thật có, chỉ y vào tâm mình, nếu Bồ-tát hiểu rõ được các Đức

Phật và tất cả pháp đều do tâm lượng, được tùy thuận nhẫn, hoặc vào Sơ địa, bỏ thân liền sinh về cõi Phật Cực lạc. Cho nên biết rõ tâm mới sinh duy tâm Tịnh độ. Còn đắm cảnh chỉ rơi vào cảnh sở duyên. Đã biết rõ nhân quả không sai, thì biết ngoài tâm không pháp. Lại pháp môn bình đẳng, ý chỉ vô sinh, tuy liền ngưỡng giáo sinh tín, năng lực chưa đủ mà quán cạn, tâm phù động, cảnh mạnh, thói quen nặng thì phải sinh về cõi Phật để nhờ duyên tốt, nhẫn lực dễ thành, mau hành đạo Bồ-tát. Luận Khởi Tín nói: Chúng sinh mới học Pháp ấy muốn cầu chánh tín mà tâm khiếp nhược, vì ở cõi Ta-bà không thường gặp Phật, nên tín tâm khó thành, ý muốn lui sụt. Phải biết Như Lai có phương tiện hay, giữ gìn được tín tâm, đó là chuyên ý niệm Phật nhân duyên, tùy nguyện được sinh cõi Phật, thường được thấy Phật, xa lìa hẳn đường ác. Nếu người chuyên niệm Phật A-di-đà Tây phương thì liền được vãng sinh, thường được thấy Phật, cho nên không bao giờ lui sụt. Luận Vãng sinh nói người dạo chơi cửa địa ngục sinh lên cõi nước ấy được Vô sinh nhẫn, rồi trở lại cõi sinh tử mà giáo hóa cứu khổ chúng sinh trong địa ngục, do duyên cớ này mà cầu sinh Tịnh độ. Luận Thập Nghi nói: người trí hăng hái cầu sinh Tịnh độ, thấu rõ thể của sinh không thật có thì liền là chân vô sinh. Đây gọi là tâm tịnh nên cõi Phật tịnh. Còn người ngu bị sinh ràng buộc nên khi nghe sinh liền cho là có sinh, nghe không sinh liền cho là không sinh, mà chẳng biết sinh tức là không sinh, không sinh tức là sinh. Chẳng hiểu rõ lý này nên bị vướng phải thị phi, phải quấy. Đây là người tà kiến chê bai pháp vậy.

Hỏi: Cả một đời thói quen tội ác chất đầy, làm sao khi sắp qua đời mười niệm liền sinh ngay được?

Đáp: Kinh Na-tiên nói: Quốc vương hỏi Sa-môn Na-tiên rằng: Người ở thế gian làm ác đến trăm tuổi, khi qua đời niệm Phật thì được sinh về cõi nước Phật, ta không tin điều ấy. Na-tiên thưa: như đem tảng đá nặng để trên sông, nhờ có thuyền nên không chìm. Còn người tuy có gốc ác nhưng lúc niệm Phật thì chẳng vào địa ngục. Viên đá nhỏ mà chìm thì cũng như người làm ác mà không biết niệm Phật thì liền phải vào địa ngục. Lại, Trí Luận có hỏi rằng: Khi sắp chết, tâm trong một thời gian quá ngắn làm sao thắng được việc làm ác trọn đời? Đáp: Tâm này tuy trong một thời gian ngắn nhưng rất mạnh mẽ quyết liệt như lửa, thuốc độc tuy ít nhỏ mà làm ra việc lớn. Tâm khi sắp chết quyết là dũng mãnh cho nên hơn cả gắng sức làm suốt trăm năm. Hậu tâm ấy gọi là đại tâm và các căn trong lúc gấp, như người vào trận chẳng tiếc thân mạng nên gọi là mạnh mẽ. Cho nên biết thiện ác không định, thể của

nhân duyên là không, dấu vết có lên xuống, việc phân ra hơn kém. Như vàng ròng một lượng thì hơn cả trăm lượng bông khô, một đốm lửa nhỏ đốt cháy tan cả đám cỏ muôn nhận.

Hỏi: Ngoài tâm không có pháp, Phật chẳng tới lui sao có việc thấy Phật đến rước?

Đáp: Duy tâm niệm Phật. Dùng duy tâm mà quán khắp cả muôn pháp. Đã hiểu rõ cảnh chỉ là tâm, hiểu rõ tâm tức là Phật, cho nên hễ tâm niệm chỗ nào thì đều là Phật cả. Kinh Ban-chu nói: Như người nằm mộng thấy bảy báu, bà con vui vẻ. Khi thức dậy rồi thì tìm nhớ chẳng biết là ở đâu. Niệm Phật cũng thế, đây là dụ chỉ do tâm làm tức có mà không, cho nên không có tới lui. Lại như huyễn không thật thì tâm và Phật cả hai đều mất. Đều là huyễn tướng thì không hư hoại tâm và Phật, và hữu không vô ngại, thì không tới lui, chẳng ngại thấy khắp. Thấy tức không thấy, thường hợp với trung đạo. Do đó Phật thật chẳng đến, tâm cũng chẳng đi, đường cảm ứng giao nhau chỉ tâm tự thấy. Như chúng sinh gây ra tội thì chiêu cảm ra tướng địa ngục. Luận Duy Thức nói: Tất cả như ở địa ngục cùng thấy có ngục tốt... các việc hành hạ khổ đau, đều là tâm nghiệp ác của người tội hiện ra. Không phải ngoài tâm mà thật có chó đồng, rắn sắt v.v... Ở thế gian tất cả các việc cũng giống như thế. Tất cả đều có đủ cõi Phật Giá-na, không hạn cục ở Đông, Tây. Nếu hiểu đúng đắn rõ ràng như thế thì các thói quen nhiều đời đều hết, lý lượng cùng thân.

Hỏi: Bàng Cư sĩ nói: Về mặt sự thì nói cõi nước Phật cách đây mười muôn dặm, biển lớn mênh mông vô biên hễ động thì nổi gió, người đi tuy ngàn muôn nhưng kẻ đến chẳng được một, hai. Bỗng gặp người xưa nay chẳng ở nhân duyên làm sao thông hiểu mà chứng vãng sinh?

Đáp: Nếu nêu tông khảo thì còn không nói có Phật có cõi, há nói là đến hay không đến. Cho nên thiên chân sẵn có, không nhờ nhân duyên, chẳng động mảy lông, thường ngầm thấy được chân thể. Nếu nói về sự thì chẳng phải có một thứ chín phẩm vãng sinh, trên dưới đều đến (đạt). hoặc du hóa ở các cõi nước mà thấy Ứng thân Phật, hoặc sinh Báo độ mà thấy chân thể Phật, hoặc chỉ một tối mà lên Thượng địa, hoặc trải qua nhiều kiếp mới chứng Tiểu thừa, hoặc độn căn, lợi căn, hoặc định ý, tán ý, hoặc ngộ mau chậm, căn cơ khác nhau hoặc hoa nở sớm muộn, thời hạn có khác, xưa nay có ghi chép đủ. Phàm Thánh đều sinh, hạnh tướng rõ ràng, chứng nghiệm thấy Phật, tiếng Phạm âm chẳng dối gạt người, kinh khen ngợi Tịnh độ nói: “Hằng hà sa số các

Đức Phật ở mười phương phát ra tướng lưỡi rộng dài che khắp cả đại thiên" chứng nghiệm có vãng sinh đâu phải là nói dối.

Hỏi: Kinh Duy-ma-cật nói: Đầy đủ tám pháp, ở thế giới này hành không sai sót sẽ sinh Tịnh độ, những gì là tám? Một là làm lợi ích chúng sinh mà không mong báo đền, thay thế tất cả chúng sinh chịu các khổ não. Làm các công đức đều đem cho hết. Bình đẳng tâm đối với chúng sinh, khiêm tốn vô ngại. Đối với các Bồ-tát đều xem như Phật, các kinh chưa nghe đều nghe không nghi ngờ, không trái với Thanh văn, cũng không ganh ghét về lợi dưỡng. Ở trong đó điều phục tâm mình, luôn xét lỗi mình, không nói lỗi người khác. Luôn một lòng cầu các công đức.

Hỏi: Vì sao người hành kém, thiện ít mà được vãng sinh?

Đáp: Theo lý thì cần phải đầy đủ. Đây thuộc hàng đại căn, tám pháp không sai sót, thành tựu bậc Thượng phẩm, còn bậc Trung hạ chỉ có đầy đủ một pháp, quyết chí không dời đổi cũng được Hạ phẩm.

Hỏi: Kinh Quán nói mười sáu pháp quán đều là nhiếp tâm tu định, quán tướng tốt của Phật, hiểu chắc đế lý mới sinh cõi Tịnh, thì làm sao tán tâm mà được vãng sinh?

Đáp: Văn kinh nói chín phẩm có lên xuống, trên dưới thâu gồm không ngoài hai tâm:

1. Định tâm như tu định, tu quán thì vãng sinh Thượng phẩm.

2. Chuyên tâm chỉ niệm danh hiệu, huân tập các điều lành đều hồi hướng phát nguyện thì được thành phẩm cuối. Nếu cả một đời đến chết quy mạng tinh tu, trong lúc ngồi nằm đều xây mặt về hướng Tây, hành đạo kính lễ. Khi niệm Phật phát nguyện thì chí thành khẩn thiết không có các niệm khác. Như đang lúc bị hành hình, bị giam trong tù ngục, bị giặc cướp đuổi gấp, bị nước lửa ép ngặt... mà một lòng cầu cứu nguyện thoát vòng khổ, được mau chứng Vô sinh, rộng độ chúng sinh, nối thạnh Tam bảo, thề báo đáp bốn ân. Như thế mà chí thành thì sẽ không luống uổng. Nếu như lời nói việc làm không ăn khớp, tín lực yếu kém không niệm niệm nối nhau, luôn có ý bỏ, đặc biệt biếng lười. thì khi qua đời mong sinh, ắt bị nghiệp chướng ngăn cản, sợ khó gặp được bạn lành, bị gió lửa bức bách, chánh niệm không thành. Vì sao thế, vì như nay là nhân, khi lâm chung là quả. Nếu tu nhân thật thì quả mới không dối. Tiếng hòa thì vang thuận, hình ngay thì bóng thẳng. Chủ yếu khi qua đời đầy đủ mười niệm, phải lo trước bến cầu, chứa góp công đức. Bây giờ niệm niệm không thiếu thì chẳng còn lo lắng gì. Phàm thiện, ác hai dòng, khổ, vui hai báo đều do ba nghiệp làm ra, bốn duyên tạo thành, sáu nhân gây nên, năm quả nhiếp nhau. Nếu một niệm tâm tức giận, tà

dâm thì tức là nghiệp địa ngục; nếu san tham không thật tức là nghiệp ngạ quỷ, nếu ngu si tối tăm tức là nghiệp súc sinh. Ngã mạn cống cao tức là nghiệp Tu-la. Giữ vững năm giới tức là nghiệp người. Tinh tu mười điều lành tức là nghiệp trời. Chứng ngộ nhân không tức là nghiệp Thanh văn. Biết duyên tánh lìa tức là nghiệp Duyên giác. Sáu độ đều tu tức là nghiệp Bồ-tát. Chân từ bình đẳng tức là nghiệp Phật. Nếu tâm tịnh thì đài hương, cây báu cõi Tịnh hóa sinh. Nếu tâm cấu thì gò, đồi, ham, hố uế độ thác chất. Đều là quả Đẳng luân, chiêu cảm được duyên tăng thượng. Ấy là lìa nguồn tự tâm thì chẳng có tự thể riêng. Kinh Duy-ma nói: Muốn được cõi Tịnh độ thì phải tịnh tâm mình, hễ tâm mình tịnh thì cõi Phật liền tịnh. Lại kinh nói: Tâm cấu nên chúng sinh cấu, tâm tịnh nên chúng sinh tịnh. Kinh Hoa Nghiêm nói: Ví như báu tâm vương, tùy tâm mà thấy chúng sinh, vì tâm chúng sinh tịnh nên được thấy cõi thanh tịnh. Kinh Đại Tập chép muốn tịnh cõi ông chỉ nên tịnh tâm ông. Cho nên biết tất cả trở về tâm, muôn pháp do ngã, muốn được quả tịnh chỉ nên gây nhân tịnh. Như tánh nước chảy xuống, tánh lửa bốc lên. Thế số như thế còn có nghi gì.

4. Di-đà Thông Tán: Chỉ bày yếu nghĩa Tây phương của Pháp sư Từ Ân Khuy Cơ.

Hỏi: Cõi Phật khắp mười phương vui sướng đều đồng nhau, sao chỉ riêng Tây phương khuyên người sinh lên đó?

Đáp: Bởi vì phàm phu nghiệp nặng nơi nơi sinh tham đắm. Nếu không chỉ riêng một phương thì sẽ không buộc tâm chuyên chú. Do đó, kinh Pháp Hoa nói: Chúng sinh nơi nơi đều mê đắm nên dẫn dắt khiến thoát ra. Lại giáo chủ Tịnh độ Tây phương thù thắng, có nguyện rộng lớn mạnh mẽ, khuyên khắp vãng sinh, mau thành quả Thánh nên phải chỉ riêng một phương.

Hỏi: Tầng trời của Từ Thị vui sướng không ít, bạn lành lại đông thì cần gì khuyên cầu sinh Tây phương?

Đáp: Nếu luận về Đâu-suất thì hơn cõi nhân gian nhưng so với Tây phương thì rất thua kém. Nên khuyên sinh Tây phương là bỏ kém tìm hơn. Về hơn kém thì Tịnh độ có mười hơn, cõi trời có mười kém. Mười hơn của Tịnh độ là:

1. Nơi Hóa chủ ở.
2. Người được hóa sinh sống lâu hơn.
3. Cõi nước không bị ba cõi ràng buộc.
4. Cõi tịnh không có dục.

5. Không có người nữ.
6. Tu hành không lui sụt.
7. Cõi tịnh không uế.
8. Cõi nước trang nghiêm.
9. Niệm Phật nhiếp căn.
10. Mười niệm vãng sinh.

Mười kém của cõi trời là:

1. Cõi nước chỗ ở kém.
2. Người được hóa sinh mạng sống ngắn.
3. Cõi nước phải lệ thuộc ba cõi.
4. Cõi ấy có dục.
5. Nam nữ ở chung.
6. Tu hành có lui sụt.
7. Cõi uế không tịnh.
8. Cõi nước không trang nghiêm.
9. Niệm thiện nhiếp tình.
10, Tu hành cực khổ.

Vì có mười hơn, mười kém nên khuyên sinh Lạc quốc.

Hỏi: Chúng sinh cõi nước ấy không có các điều khổ, chỉ hưởng các điều vui. Vì sao không có các khổ?

Đáp: Chúng sinh cõi nước ấy hóa sinh trong hoa sen nên không có khổ sinh. Bốn mùa không đổi nên không có khổ chết. Không còn bị thân phần đoạn nên không có khổ bệnh. Tuổi thọ không hết nên không có khổ chết. Không có cha, mẹ, thân, sơ nên không có khổ ghét mà gặp nhau. Muốn gì đều được như ý nên không có khổ cầu không được. Dung mạo xinh đẹp nên không có khổ các căn bị thiếu. Bốn mùa như một nên không có khổ lạnh, nóng. Thế giới Ta-bà có hình xác hữu lậu, bốn rắn đuổi thân, ba rồng hại mạng, gây bao khổ não. Báo hết thì chết đến, có thương ắt lìa, không oán thì chẳng gặp. Nếu mê lý này thì phải chịu các ấm trói buộc. Nay thương cứu mọi người khỏi hẳn không bị các thứ này cho nên nói không có các khổ, đâu phải chỉ gần chết mới lìa các khổ, trong khi quả mầu lại chẳng còn xa.

Hỏi: Khi sắp chết làm điều lành liền được vãng sinh, đâu cần tu trước các nghiệp lành?

Đáp: Người đời thọ yểu khó lường, hoặc bị bệnh liền hôn mê, hoặc chết tốt không đúng lúc. Đã thiếu các điều lành thuở sinh tiền thì khó tránh các nạn đời sau, làm trước các duyên lành để đề phòng lỗi này.

Hỏi: Mười niệm Di-đà liền sinh Tịnh độ, căn cứ vào lời nói này thì quả nhiều, nhân ít. Sao kinh Di-đà lại nói không thể với chút ít nhân duyên phước đức gốc lành mà được sinh về cõi ấy?

Đáp: Mười niệm được sinh là để dắt dẫn chúng sinh biếng lười từ kiếp trước có nhiều nhân duyên lành và đã tinh cần, có khi nói rộng, có khi nói tóm lược, lý chẳng trái nhau.

Hỏi: Người vãng sinh có thân trung hữu không?

Đáp: Trong luận Quần Nghi có hai thuyết:

a. Cực thiện cực ác thì không có thân trung hữu.

b. Không cần thiện hay ác chỉ bỏ báo thân mà thọ sinh thì đều có thân trung hữu. Vì truyền thức cho nên chỉ trừ biến thân hiện đời không có trung hữu, ở đây nói có là đúng.

5. Tịch Chiếu Tập: Chọn ra yếu nghĩa Tây phương.

(Văn này không biết của sư nào soạn, chỉ thấy xuất xứ từ Trực Chỉ Tịnh độ Quyết Nghi Tập).

Hỏi: Ngài Từ Ân soạn Di-lặc Thượng Sinh kinh sớ rất khen nội viện Đâu-suất, bảo rằng: cõi trời có mười điều dễ sinh, Tịnh độ có bảy điều khó sinh. Thánh sư nói ra ắt không hề gạt người, chẳng hay phải hiểu thế nào?

Đáp: Ông chỉ biết Từ Ân soạn Thượng Sinh sớ khuyên nên sinh cõi trời mà không biết Di-đà Thông Tán nói Tịnh độ có mười việc hơn, việc Thánh sư soạn ra có trái nhau chăng? Bởi diễn giáo tùy cơ mà bày phương tiện. Ở đây cùng với Như Lai nói trong kinh Di-đà và Vô Lượng Thọ v.v... đều khuyên sinh Tây phương. Lại nói kinh Di-lặc Thượng Sinh khuyên sinh nội viện thì ý thú phải đồng nhất, còn cơ duyên chúng sinh mỗi người đều khác nhau nên cõi Phật nhiếp thọ cũng thế. Ví như có người sinh ở phía Nam nơi có nhiều thuyền bè, muốn đi Ngô Việt bèn chuẩn bị đồ đạc hỏi đường... Người biết đường thì đáp lời hỏi, há lại khen việc đi đường bộ tiện lợi, khen ngợi sự hưng thạnh hành ở Tần, Thục ư? Như thế thì chỉ thêm rối loạn, lợi ích không thành. Kẻ thông suốt thì tùy nguyện mà biết về, người thấy cạn sẽ nghi ngờ mà cưỡng sinh Hồ, Việt.

Hỏi: Ở cõi trời sống lâu đủ để tu hành, trong cõi người chứa góp nhiều điều lành thì cũng tự siêu việt, còn như ba đường ác A-tu-la, rồng, quỷ chính nên cứu khổ lợi sinh, sao lại chỉ biết có Cực lạc?

Đáp: Các tầng trời cõi Dục đam mê diệu lạc, say đắm tửu dục, phước hết liền đọa như tên bắn. Các tầng trời cõi Sắc tuy đi một mình

không giao tiếp nhưng chưa hết các khổ của thân. Trời Vô Sắc cũng không ra khỏi luân hồi, trong kinh xếp vào loại nạn. Truyền Đại sĩ cho rằng sống đến tám mươi kiếp cuối cùng rồi cũng rơi vào không. Lại có một loại thần tiên sống đến ngàn muôn tuổi. Kinh Lăng-nghiêm gọi là tinh nghiên bảy thú, đều là hôn trầm các tướng hữu vi, vọng tưởng thọ sinh, trải qua vô lượng kiếp chẳng được chân tịnh. Tu-la giận dữ, cõi rồng sợ sệt, loài quỷ tối tăm, ba đường khổ não khó thể nói hết. Nghĩ xa trên cõi trời có năm suy, gần thấy nhân gian có bốn tướng, ai có trí mà thích vào biển khổ? Nếu cầu mau thoát khỏi luân hồi, thì không gì hơn cầu sinh Tịnh độ. Người sinh Tịnh độ tự nhiên thân quang sáng rực, đủ sáu thần thông, làm bạn với Thánh chúng. Trong một sát-na vượt khỏi ba cõi mà thường vui. Nên Phật nói cõi nước Vô Lượng Thọ vui sướng vô cực, hòa hợp lâu dài cùng đạo đức, dứt bặt cội gốc sinh tử.

Hỏi: Thấy tánh ngộ đạo liền thoát khỏi sinh tử, đâu cần phải niệm Phật cầu sinh?

Đáp: Thông suốt và mê muội tâm người Thánh, phàm sao lường được, trừ phi biết khắp, được thọ ký rất khó. Người chân tu hành nên tự xét. Này nhân giả, ông nên tự xét mình có thấy tánh ngộ đạo được vào địa vị bậc thầy bằng Mã Minh, Long Thọ chăng? Được đại Tam-muội có bằng Nam Nhạc Trí Giả chăng? Tông Thuyết đều thông có bằng Thọ Thiền sư, Trung Quốc sư chăng? Các sư trên đều là các bậc sáng suốt, ngôn giáo sâu xa nhưng đều khuyên cầu sinh về Tây phương, há lại lừa dối người ư? Huống chi từ kim khẩu của Phật khen ngợi rành rành. Các bậc Hiền xưa đều kính trọng vâng theo lời Phật dạy chắc chắn không sai lầm. Lại tự so sức mình khi qua đời có tự tại chăng, các nghiệp ác từ vô thỉ chẳng hiện ra chăng? Khi bỏ báo thân này có chắc chắn thoát luân hồi chăng? Ba đường hiểm nạn có được ra vào tự do chăng? Trên trời, nhân gian, thế giới mười phương có thác sinh vô ngại chăng? Nếu được như thế thì may mắn thay. Nếu chưa được như thế chớ nên cống cao mà chẳng tu Tịnh độ.

Hỏi: Lục Tổ Đàn kinh chép: Phàm ngu chẳng hiểu tự tánh chẳng biết Tây phương ở trong thân lại cầu đây, kia. Người giác ngộ cùng ở một chỗ. Ngài Chí Công nói: Người trí biết tâm là Phật, kẻ ngu thích đến Tây phương, nếu đạo này quả là chân chánh thì cớ gì hai vị Đại sĩ lại bài bác, khiển trách?

Đáp: Phật nói pháp có ẩn, hiển, giáo có quyền, thật, căn cơ người có lợi, độn, Tông sư có hạ thấp, đề cao. Ví như bệnh khác nhau thì thuốc thang phải khác. Nay có người bệnh khác phát da vàng sinh điên loạn.

Có người giỏi thuốc sẽ lấy thuốc hàn mà trị, đâu thể không khen nhũ thạch, quế phụ có công năng trừ hàn mà phế bỏ công năng của nó? Có kẻ thiên kiến nghe thuốc hàn có công trị nhiệt, bèn nói nhũ thạch, quế phụ vĩnh viễn không thể dùng, há chẳng lầm ư? Đức Đạt-ma riêng truyền tâm ấn, ngài Chí Công ngầm giúp Đại thừa. Người đương thời còn chưa tin, đâu thể lại bỏ dạy người niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, kẻ viên cơ đạt sĩ cố nhiên tự không nghi. Kẻ cầu pháp sơ tâm chắc chắn sinh do dự. Chỉ nên được ý mà quên lời, dung thông hiểu rõ thì không còn mâu thuẫn nữa.

6. Tây Tư Sao: Chọn bày riêng khen ngợi Tây phương của Pháp sư Lô Sơn Trí Viên.

Cầu sinh Tịnh độ là nhờ tha lực. Đức Di-đà nguyện nhiếp, Đức Thích-ca khuyên khen, các Đức Phật che chở, ba thứ ấy đầy đủ, nếu người có tín tâm thì vãng sinh rất dễ, cũng như qua biển lớn mà có thuyền to, có người dẫn đường giỏi, lại thêm thuận gió thì sẽ nhanh chóng đến bờ kia. Nếu chẳng chịu lên thuyền mà ở mãi nơi nước dữ thì lỗi về ai? Trong mười phương đều có Tịnh độ, Đức Thích-ca trong các kinh cũng ngợi khen mà người tu hành đời mạt pháp cũng ưa thích cầu sinh nước Cực lạc, nguyện về cung trời Tri Túc. Há không phải Di-đà và Thích-ca hóa đạo có liên quan nhau, Di-lặc là Bổ xứ của Thích-ca. Do đó, chúng sinh nguyện thích rất đông, người ít hoặc lậu khá nhiều. Người đời sau biết cạn, không thể gia thêm công hạnh, chỉ luống cùng nhau bài bác người ưa thích Tịnh độ. Hoặc người khinh tri túc, tôn sùng nội viện thì chê bai Tây phương kia, đâu biết Hấp môn và Dẫn môn cùng về một nẻo. Xin khuyên kẻ hậu học phải tự suy nghĩ.

Có kẻ hỏi: Trí giả và Từ Ân đều là Thánh sư mà đều chỉ khen một phương, sa ông không chịu?

Đáp: Thánh sư chỉ khen một phương, ý dẫn khắp thích khiến cho tâm quyết định mà thôi. Cho nên người được lợi ích rất đông. Nhưng đời biến, người bạc đến nỗi riêng khen thành tệ. Cho nên tôi lại dung hòa để dứt tranh cãi mà được lợi ích, sở thích của mình mà cầu sinh thì hoặc ở đời sau lại cho dung hòa là một điều tệ hại. Lại mong các bậc Hiền điều khiển thế gian chỉ khen mà cứu cho. Tùy bệnh cho thuốc, cốt làm lợi ích chúng sinh mà thôi. Từ lúc bé tôi đã tụng kinh này tuy tưởng khắp mười phương mà cuối cùng hẹn tâm ở Tịnh độ. Bèn biết Di-đà rất có duyên với người đời. Có người nói pháp giới trọn đồng nhau, ai chia kia đây, Duy tâm nhất quán đâu cần lui tới. Nay bảo người đời có

người hiểu như thế thì phải chọn chúng tốt mà nương, danh sư mà thân, mặc áo đẹp, ăn cơm ngon. Nếu bốn thứ ấy không ngại thì pháp giới vốn đồng, duy tâm nhất quán thì ngại gì dắt dẫn tịnh chúng ở Cực lạc, gần gũi danh sư Di-đà, mặc thiên y diệu thượng, ăn thức ngon Thuần-đà, há chẳng hơn ở cõi này ư? Lại có người nghe nói cách mười muôn ức cõi Phật thì nhìn đường mà sợ xa người vãng sinh phần nhiều là Bổ sứ thì sợ mình không kịp. Đâu biết hư không giới mười phương đều là tâm mình. Tâm tịnh thì mười muôn ức chẳng xa, tâm cấu thì chớp mắt cũng xa. Chỉ cần tâm tịnh lo gì đường xa. Sao chẳng nghĩ trong mộng chỉ thời gian ngắn là đi xa ngàn dặm, đâu thể đem thời gian thường ngày mà so sánh! Lại há chẳng nghe kinh Thủ-lăng-nghiêm nói: hư không mười phương sinh trong tâm ông cũng như áng mây trên bầu trời cao, huống là các thế giới ở trong hư không ư? Nay nếu sợ đường xa là sợ tâm mình chứ chẳng sợ đường. Lại nếu bảo ta là kẻ hạ phàm mà ở đó có nhiều Bổ xứ, chỉ tự tâm mình tức Phật, nhân quả lý đồng, nhưng ở đây là cõi uế ác, có mạng sống ngắn ngủi mà chỉ một đời thì vượt lên mười Địa, còn ở cõi ấy thì thanh tịnh lại sống lâu vô lượng. Đã cảnh đẹp, thời gian lâu dài thì lo gì chẳng đến Bổ xứ. Rất mong người trí lắng lòng suy nghĩ để khỏi phụ ân Phật Tổ, không coi thường mình. Hãy cố gắng, cố gắng!

7. Thơ Thỉnh Pháp Sư Tứ Minh trụ lại thế gian của Văn Công Dương Ức.

Tôi xin thưa, gần đây nghe Đại sư có hẹn kết xã với mười vị Tăng vào sám lễ trong ba năm, sau đó sẽ quyết nhận lấy Tịnh độ mà vãng sinh. Thân thấy đốn không, nguyện lực thật rộng lớn mạnh mẽ. Lên tuyệt chín phẩm hoa, sau nghe pháp âm cây báu. Việc này không phải luống không, Phật trước đã chứng biết. Nhưng con niệm liên tục tha thiết có nguyện tâm thành kính thưa: Đại sư vốn thông suốt chỉ quy ba quán, được bốn chúng kính ngưỡng. Hãy là người nối tiếp tuệ mạng của Thiên Thai mở rộng độ môn nhiệm mầu. Dùng mười điều lành dạy người, cuối cùng chỉ còn bạch nghiệp, một âm thanh giúp giáo, giảng rộng lời vàng (lời Phật) bóng Từ che khắp, đạo phong thấm hòa. Nhưng cõi Cực lạc là do đấng Giác Hoàng phương tiện quyền bày, mà thân đại hoạn thì người trí không ưa thích. Nhưng nếu còn ham chán thì sẽ khởi yêu ghét, đã có tâm lấy bỏ thì liền sinh cái chấp có sở năng. Rất mong Sư thông ngộ đã rốt ráo chân thường hãy thương kẻ sơ cơ mà khuyên gắng về tịnh hạnh. Lại mong theo ân chiếu mà mở rộng ruộng phước, kéo dài tuổi thọ, khôi phục lại hóa duyên. Vẫn mong sám kỳ đã xong

thì sẽ nương theo dấu pháp, ngỏ hầu bắt chước Thuần-đà kính dâng lần sau cuối, nguyện cùng mừng rỡ tâm cởi bỏ cấu trần. Mong ngài chớ sớm tịch diệt, xin hãy thương xót nhận lời. Kính xin đáp lời, con nguyện lắng lòng nghe kỹ.

8. Trả lời thư của Dương Văn Công thỉnh trụ lại thế gian của Pháp sư Tứ Minh Tri Lễ.

Tôi trân trọng theo Sám Giảng của Bổn Tông giáo quán mà kính đáp Bí-giám Đại Đàn-việt. Tri Lễ tôi đội ân lời thật khuyên tôi sám lễ xong sẽ ở lại diễn giảng, vâng hành theo tôn ý mà sửa lại nguyện xưa. Nhưng vì chuyên thành môn này đã lâu, chí hèn thật khó thể đổi dời. Huống là dịp may khó gặp, việc tốt dễ qua cho nên muốn gác lại tâm xưa thì quả chẳng thể vâng theo nghiêm mạng. Vì như việc truyền Pháp công đức lợi người là việc lợi ích của thân này nên chọn Tịnh độ là nơi giáo hóa. Ngài nói Tri Lễ tôi thông suốt chỉ quy ba quán là lời nói quá. Lại bảo Cực lạc là do bày quyền, người tu đạo phải quên bỏ ưa chán, thành thật thay lời nói ấy. Nay Tri Lễ tôi ưa thích Tịnh độ, chán ghét thân bệnh hoạn cũng có lý do sẽ trình bày sau. Dẫu một tâm ba quán không thấu suốt nào dám chẳng tựa nương? Tri Lễ tôi hơn bốn mươi năm tìm học khi thần căn đã độn thì không do đâu mà chứng nhập, ở chỗ then cửa làm ra thời gian trôi qua cũng khá lâu, cũng nói sơ qua để biết rõ. Nay mong được hồi âm nên khó im tiếng, bày tỏ ngọn ngành mong xét cho. Nói về ba quán là một niệm tức không, tức giả, tức trung. Mở bày sửa mình ở diệu ngộ Như Lai. Gần đây do ngài Trí Giả chỉ ra. Toàn cho tánh phát, thật chẳng phải tu thành. Cho nên ở một tâm rõ ràng có ba dụng. Nói không là tất cả đều không, tức ba quán đều bày cái dụng phá tướng. Nói giả là tất cả đều giả, tức ba quán đều nói cái công lập pháp. Nói trung thì tất cả đều trung, tức ba quán đều là thể dứt bặt đối đãi. Ấy thì cả ngày phá tướng mà các pháp đều thành, cả ngày lập pháp mà mảy may đều dứt, cả ngày dứt bặt mà hai đế rõ ràng. Thế nên, Bát-nhã nói không mà tám mươi pháp môn hiển rõ, Duy-ma lập Pháp mà kiến ái ba cõi đều tiêu. Pháp Hoa nêu tướng Nhất thừa thế gian thường trụ là đều do ba quán tương tức mà khiến các pháp không trái nhau. Cho nên ba tức chẳng phải ba, mà một tức chẳng phải một. Chẳng phải thứ lớp mà vào, chẳng phải cùng khác mà quán, chẳng thể lấy có không mà tìm, chẳng thể lấy giữa bên mà nhận. Cho nên nói chẳng cùng chẳng khác chẳng dọc chẳng ngang. Bởi ba-một đều viên dung, tu và tánh ngầm mất. Há thức tâm có thể tìm, lời nào có thể nói.

Cho nên gượng nói là diệu quán không thể suy nghĩ nói năng. Nói tức chẳng nói, không nói mà nói. Có thể biết đây đối với tất cả cảnh lấy đây mà quán chiếu rõ ràng, lập tất cả hạnh thì lấy quán này để dắt dẫn đạt đến. Làm tất cả việc thì lấy quán này mà thành tựu. Bày tất cả giáo thì lấy quán này mà xiển dương. Người tu quán này thì năng sở đều quên, lấy, bỏ đều mất. Cho nên chân như vô niệm thì tâm dứt, cả ngày nói bày mà chẳng khác không nói. Bỏ đây thì đồng với các ma, lìa đây thì chưa vượt các ngoại đạo. Cho nên Long Thọ nói trừ thật tướng các pháp, các thứ khác đều là việc ma. Ngài Ca-diếp nói: Trước khi nghe Đại Niết-bàn đều là tà kiến. Lớn lao thay diệu tông một tâm ba quán. Cho nên Tri Lễ tôi cầu về An dưỡng mà sinh, chỗ muốn đốt cháy hết mà chết, nương ba quán này để dứt trăm lỗi. Nói cõi Cực lạc là đấng Giác hoàng bày quyền, là kinh luận đã lấy giáo Tịnh độ làm phương tiện tốt, Nghiệm biết là Như Lai khéo dùng quyền. Nhưng danh từ quyền không hạn cục, thật lý cũng thông điều này, cần phân biệt. Mới biết lấy bỏ cái quyền ngoài thể thì phải phá, phương tiện trong thể cần phải tu, lý lìa sự thì thô, thật tức quyền mới diệu. Cho nên Tiểu thừa không nói Phật khác, Đại giáo thì có nói về biển cõi. Bởi tâm tánh cùng khắp mà không ngoài pháp giới. Lý tột cùng nên khiến sự rộng, hoa lớn nên mở rộng ao sâu viếng cõi, như mành lưới trời Đế Thích xuất hiện, lớp lớp vô tận mới hiển bày lý tịch quang, thân loại, tiệc trời chiêu cảm quả báo các thứ khác nhau là biểu thị tánh Giá-na. lẽ nào nên Cực lạc chẳng liên quan. Duy tâm, nên trong Như Lai tạng Niết-bàn đầy đủ, tùy duyên mà phát hiện. Nên lường xét mà biết. Đã bày được địa ngục, cõi trời há chẳng tạo uế bang, tịnh quốc. Bổn tánh tuy đầy đủ do tâm phát sáng. Di-đà dùng Vô duyên từ nhận lấy cõi Cực lạc. Thích-ca bày lạc thuyết mà chỉ môn vãng sinh. Đây đều là quyền phương khéo léo nhiếp độ kẻ đắm chìm. Nay kẻ sợ lui sụt sẽ không lui sụt khiến người không giỏi quán thì quán được. Tịnh độ, quyền tướng khá nhiều nay chỉ lược nói sơ lược, ở đây có hai. Luận Khởi tín nói kẻ mới học Đại thừa chánh tín, ở cõi này chẳng thường gặp, Phật sợ bảo tín tâm thiếu duyên mà lui sụt. Phải biết Như Lai có phương tiện hay khiến không lui sụt, chỉ cần chuyên niệm Phật A-di-đà thế giới Cực lạc chân như Pháp thân thì sẽ sinh về nước ấy mà trụ vào chánh Định. Người chuyên niệm pháp thân chân như đâu khác gì Đại thừa chánh tín, vì nương Phật ấy làm cảnh cho nên khiến sinh về cõi Tịnh. Đây là Như Lai quyền xảo vậy. Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói: Phàm phu tâm tưởng yếu kém, chưa được thiên nhãn chưa thể quán xa. Các Đức Phật Như Lai có

phương tiện lạ giúp họ được thấy. Đây là do thần lực của Đức Thích-ca và nguyện tâm của Phật A-di-đà. Nếu có người quán thì sẽ quán thấy. Đây cũng là phương tiện khéo của đấng Giác hoàng. Phương tiện quyền xảo này là nói theo viên giáo, tức không hai không khác với phương tiện vi diệu của Pháp Hoa. Các Trời, người, cùng Thanh văn, Duyên giác và các Bồ-tát Đại sĩ tiệm tu, đầy khắp thế gian số nhiều như hằng sa, nghĩ suy so lường cũng không biết hết được. Chỉ có Phật và Phật mới có thể tin hiểu đầy đủ, mới có thể tu tạo mà thôi. Tri Lễ tôi dẫu là độn căn nhưng cũng thấm đượm Viên giáo, không lìa đương niệm, nguyện được sinh về cõi nước ấy. Ngõ hầu là phàm phu thấp kém mà lên vị Bất thoái. Lại nghe Phật Đại Thông cùng mọi người kết duyên ở đời trải các trần kiếp đến nay trụ ở bậc Thanh văn đều do lui sụt Đại thừa mà phải trải nhiều thời gian. Ngài Thân tử còn sáu tâm lui sụt xuống năm đường huống là kẻ học Phật sơ sài. Bởi do cõi này gặp nhiều duyên lui sụt. Cho nên nói Bồ-tát Ngư Tử Am-la-hoa khi mới phát tâm ba việc, trong nhân thì nhiều mà kết quả thì ít. Còn nếu cầu sinh An dưỡng thì dầu bát địa cũng gặp duyên tốt vừa được vãng sinh thì liền không bao giờ lui sụt. Nghe lợi ích này thì đâu được chẳng mong cầu. Phải dùng một tâm ba quán làm thuyền bè, lại lấy sáu thời, năm hối làm chèo chống cầu đến Duy tâm Tịnh độ, mong thấy bổn tánh Di-đà, sau rồi sẽ vận dụng đồng thể đại bi mà độ sinh trong pháp giới thuận với quyền xảo của Phật mà cầu sinh Lạc bang, ý tóm tắt như thế. Nay nói tôi còn ưa thích chán bỏ thì liền khởi yêu ghét, sinh tâm lấy bỏ, sinh cái chấp sở năng là tướng gây lỗi. Thật như lời ông nói, cái duyên lập đức ấy nay xin nói sơ lược. Đem ưa chán, lấy bỏ khéo khởi lỗi, thành công, nên ngài Mã Minh lập làm nền thỉ giác, ngài Trí Giả gọi là tiệm Tịnh độ, ngài Duy-ma xem kiến ái là thị giả, ngài Văn-thù lấy tham nhuế làm công năng. Đây đều là cách dùng cho người mà thực hành theo đó có phương pháp. Vả lại, chúng sinh nhiều kiếp ở cõi Ta-bà này tham sắc, thanh thô tệ, đắm nơi y, chánh thấp kém, đã không có niệm chán lìa mà chỉ tăng thêm duyên trói buộc thì dẫu có huân tu cũng ít được toại nguyện. Vì ở cõi này pháp bị nhiều chướng ngại khiến đạo hạnh khó thành. Nên kinh Niết-bàn nói: Được thân người như đất dính ở đầu móng tay, mất thân người như đất đại địa. Cho nên các Đức Phật thương xót các chúng sinh này dùng công đức hạnh nguyện nhiếp lấy cõi thanh tịnh, khiến chúng sinh khởi tâm ưa thích để làm nhân thọ sinh, dùng lời lẽ thiết yếu nói về tướng cấu uế để khiến chán ghét mà muốn ra khỏi. Nếu không có tâm này thì không thành thỉ hạnh. Cho nên nếu chẳng nhàm chán lìa bỏ cõi này thì không

có nguyên do khởi tâm ưa thích mong cầu mà được sinh về cõi ấy. Bởi pháp thọ sinh là lấy ái làm duyên. Trước tiên từ sơ tâm, cuối cùng đến Đẳng giác. Thân biến dịch chưa hết thì ưa chán làm sao quên, huống gì là thỉ hạnh. Nay cầu Tịnh độ không vì thân hưởng các vui, tâm đắm nhiễm các diệu trần, mà muốn nhờ tịnh duyên kia để mau tăng trưởng thắng đạo. Vì tuổi thọ ở cõi ấy vô tận, y báo tự nhiên, không có người nữ và căn thiếu. Tuy Thánh phàm cùng ở nhưng không có danh từ đường ác, tuy Thanh văn nhiều vô biên nhưng lại lìa kiến chấp về chân. Di-đà là thầy dẫn đường giỏi, Quán Âm là bạn tốt. Một khi sinh làm Bổ xứ thì rất nhiều vị Thập địa, bậc Thánh vô số, gió lay cây báu, sóng động hoa vàng đều phát ra tiếng mầu nhiệm, nói toàn diệu lý. Đã không trái thuận, dứt hẳn tham sân. Phàm có thấy nghe thì đều nhờ tịch chiếu, đều đến chánh định, do công phu ở đây khiến nên. Chứng viên còn cầu sinh cõi báo mình há chẳng nguyện sinh? Chỉ biết Tịnh độ dạy tâm, uế bang tức tánh. Ngay nơi chán mà không chán, ưa mà không ưa, cho nên chánh trợ cùng tu, giải hạnh gồm đủ, là thuận theo chánh giáo của Phật, không phải tình vọng của riêng mình. Huống là kinh Quán có nói: nhân sinh Thượng phẩm cần phải hiểu rõ Đại thừa, tu thêm sáu độ gồm khuyên chúng sinh. Nên Tri Lễ tôi nay dùng ba quán để công tâm, năm hối để giúp đạo, vẫn còn sợ tịnh nhân chưa đủ. Nên lấy cái chết để nương duyên mạnh sau cùng mà làm định nghiệp vãng sinh. Lại nếu chẳng thiêu thân, đốt tay thì không phải là Bồ-tát xuất gia mà kinh Phạm Võng đã dạy rõ. Bỏ thân mạng tài sản là chân pháp cúng dường như Pháp Hoa đã nói. Kinh Lăng-nghiêm nói đốt một nén hương, nợ xưa đều trả đủ. Luân Vương khoét thân đốt ngàn ngọn đèn mà quả mầu liền được. Cho nên biết sơ tâm hậu vị trên Thánh dưới phàm đều có thể vâng tu và hiển bày chí giáo. Chỉ cần chánh giải tự tránh tà tu, nên biết tánh lửa chân không thì đâu có tướng năng thiêu, thì sở thiêu sẽ tự mất. Lại biết thể Phật viên diệu đâu còn người sở cúng, năng cúng cũng tự tiêu. Cả hai lớp năng sở đã mất thì tất cả công đức đều thành. Đây gọi là pháp môn khổ hạnh. Bảo rằng ánh sáng chánh thọ, tịnh cảnh bốn cõi liền hiện tâm này. Các đạo tràng Phật đều chỉ bày, tùy theo sở nguyện sẽ được vãng sinh. Nên ngài Trí Giả nói: Khi qua đời tâm ở trong định tức là Tịnh độ, động niệm tức là giờ khắc vãng sinh Tịnh độ. Như đây bỏ thân uế thì các cấu uế đều hết lý nào chẳng bày. Như đây nhận lấy Tịnh độ là chỗ Vi-đề-hy ưa thích, nghiệp báo thanh tịnh, liền chứng vô sinh. Tát-đỏa bỏ thân đầy bệnh hoạn bảo là cầu thường vui. Ở đây lấy bỏ và chẳng lấy bỏ thể không hai thứ, dụng cũng đồng thời được gọi là

ba thứ pháp môn, tức là: Pháp môn lấy, pháp môn bỏ, Pháp môn không lấy không bỏ, cũng gọi là Pháp môn ba Độc, đủ tất cả pháp. Cho nên, kinh Vô Hành nói: Tham dục tức là đạo, sân si cũng giống như thế. Như thế, trong ba pháp ấy đầy đủ tất cả công đức, ngài Văn-thù nói: Ta là tham dục Thi-lợi, ta là sân nhuế Thi-lợi, ta là ngu si Thi-lợi. Hiểu sâu ý này tức là một tâm ba quán, dẫn dắt tất cả hạnh, làm tất cả việc. Vì tất cả pháp là không nên bỏ uế sẽ hết, vì tất cả pháp là giả cho nên nhiếp lấy tịnh không sót. Vì tất cả trung nên không lấy không bỏ, ba pháp này tất cả Như Lai đều chứng, tất cả Bồ-tát đều tu. Cho nên Tri Lễ tôi nay bỏ uế thân, ưa cầu Tịnh độ đâu dám không bắt chước. Song tu tâm muôn hạnh, vào đạo có nhiều cửa. Tùy ưa, tùy nghi, tùy tu, tùy ngộ, nào dám đem cái thấy cục bộ mà nhìn thái hư. Chỉ vì Tri Lễ tôi từ bé đã có chí này. Nay đã già yếu, Trải nhiều sự duyên, tâm này luôn hiện tiền đối cảnh càng thêm tinh tấn. Tin do nguyện xưa đâu dám chẳng đáp trả... Năm rồi tôi xây dựng đạo tràng, chúng tin cùng gầy dựng, cúng dường vật liệu ba năm, các duyên tạm đầy đủ. Số Tăng có hạnh nguyện ngẫu nhiên mà đồng đầy. Nay gặp Bí Giám rõ biết tánh danh, trước sau dám mời, cúi mong vì đàn việt vận chuyển bánh xe sức mạnh khiến các điều lành mau thành, giúp tịnh nguyện sớm toại, sau đó giúp tông giáo tôi truyền bá rộng, giúp người chưa nghe được nghe khiến kẻ chưa ngộ được ngộ. Lại mong giúp cho sau khi công thành, báo thân đã mãn thì tùy nguyện cầu sinh thế giới Cực lạc mong được cùng ở một nơi, cùng họp nhân xưa cùng hóa độ chúng sinh, cùng lên đại giác. Tri Lễ tôi vốn không văn học, nguyên là vị Tăng quê mùa, nói năng ngây ngô trình bày thiếu vụng. Bởi đọc thư trước bảo là tinh tu sám pháp, đạt đến gốc tịnh, kế viết rằng Tịnh độ không phải dối vì các Phật trước đã chứng. Mong Bí-lãm thấu rõ ngọn nguồn khổ hạnh, lại biết Tịnh bang xưa nay tức lý. Bởi muốn Tri Lễ tôi rộng đem thành giáo dạy kẻ chưa nghe. Cho nên dám đem Bổn tông mà trình bày chút ít ngu kiến, gây phiền chán cho người, sợ sệt không xiết kể.

9. Đáp lời hỏi của Dương Văn Công của Pháp sư Tứ Minh Trí Lễ:

Theo sư có nói: Tây phương Tịnh độ gió lay lá báu, sóng động sen vàng, đây là cảnh giới của ai vậy?

Đáp: Thấy nghe ở đâu đều không có lý lẽ. Đã nêu giáo nghĩa đâu dám không trình bày. Phàm y chánh Tịnh độ đều giảng nói Pháp mầu hợp với người nghe căn trần đều bặt dấu, vật ngã như một, huống là

chấp có người đối với cảnh giới khác. Trong đây, người tu hạnh Viên đốn, căn đối với trần mà khởi thức liền hiểu. Còn lấy Pháp giới đối pháp giới mà khởi pháp giới thì thật chẳng phải là cảnh ở ngoài tâm, tâm ở ngoài cảnh thì tâm tự biết tâm, cảnh tự thấy cảnh cảnh đâu thấy cảnh tâm há biết tâm? Sự (thấy biết) đã quên thì nói năng cũng dứt. Cho nên gượng gọi là cảnh quan không thể suy nghĩ ngói năng. Phàm vị tu thì chuộng đây, còn Thánh vị thì chứng kia. Lại nếu gượng luận cảnh phải lìa thì tướng khác nhau, thô trong thô. Là cảnh giới phàm phu,còn Tế trong tế là cảnh giới Phật, đó là do giáo và đạo phân biệt. Như nay Viên luận không lìa mà lìa, kẻ sơ tâm là năng ly, Phật là sở ly. Vì một tâm ba quán tức trí Phật cho nên thư trước nói: đối tất cả cảnh lấy đây quán chiếu mà hiểu rõ là nói việc này vậy.

10. Sớ Diên Khánh khuyên mọi người niệm Phật của Pháp sư Tứ Minh Tri Lễ.

Phàm một niệm vốn dung thông các pháp vô ngại gặp huân đã khác, cảm báo thành sai. Do đó thuận tánh mà tu thì hiển bày Tịnh độ của các Đức Phật. Làm theo tình thì phải đi vào vòng khổ năm đường. Do đó đối với Ta-bà ra khỏi rất khó mà đọa lạc thì rất nhiều. Cho nên kinh nói: Được thân người như đất dính trong móng tay, mất thân người như đất đại địa. Đợi ba Thừa thực hành đủ thì mới tránh được sự thọ sinh bốn đường. Bởi cảnh giới thô xấu, phiền não mạnh mẽ phải tự lực cầu thoát khỏi rất khó. Nếu như sinh An dưỡng thì cõi nước trang nghiêm, thân tâm thanh tịnh thẳng đến thành Phật chẳng đọa ba đường. Kinh nói còn không có danh từ đường ác huống là thật có. Lại nói chúng sinh ở đó đều là bậc A-bệ-bạt trí. Nếu muốn sinh về cõi ấy phải xưng niệm danh hiệu Đức Phật ấy, tu theo tâm Từ bi của Đức Phật ấy thì được bổn nguyện của Đức Phật ấy nhiếp giữ. Bỏ báo thân này chắc chắn sinh về cõi nước ấy, đủ như kinh nói, thật chẳng phải nói càn (đoán mò). Nay kết muôn người làm thành một xã, tâm tâm giữ niệm, ngày ngày ước hẹn. Mỗi năm vào tiết giữa Xuân (tháng hai) đồng nhóm hợp tại một nơi đồng tu cúng dường, đồng nghe pháp âm. Hội lấy muôn lòng là một chí, giúp thành định nghiệp thề được vãng sinh. Huống là báo được ánh sáng, giống như đuốc trước gió một hơi thở chẳng vào thì ba đường hiện tiền, sao được dần dà, chẳng nghĩ quả báo đời sau, phải y theo lời Phật, chẳng thuận tình người, mau dứt các duyên, chỉ siêng niệm Phật.

11. Vãng sinh Tịnh độ Quyết nghi môn của Từ Vân Sám Chủ Tuân Thức.

Phải giải bỏ nghi ngờ. Vì nghi ngờ làm chướng ngại niềm tin. Việc lành nhỏ ở thế gian còn chẳng thành huống gì là đạo lớn Bồ-đề. Xưa nay, các Sư quy tâm cõi Tịnh, hoặc soạn sớ giải kinh, hoặc nương kinh soạn luận, hoặc tùy việc giải thích, hoặc Già-đà khen bày, tuy khác nẻo nhưng cùng quy về một chỗ, mà cùng trình bày chỗ thấy, soạn bài biên sách, sưu tầm nghiên cứu rất khó. Nay gồm nhiếp trăm nhà ấy, dùng ba điều thắc mắc thâu tóm tất cả:

1. Nghi thầy.

2. Nghi pháp.

3. Nghi mình.

1. Nghi Thầy: Có hai loại: 1. Các tà sư ngoại đạo, điên đảo mê lầm dạy người, không nên theo. 2. Thầy chánh pháp, Lại có nhân quả phàm, Thánh và nhân vị chưa hoàn toàn rõ biết giống như Thanh Biện cho rằng Di-lặc chưa phải là biết khắp, đợi đạo Long Hoa sau mới hỏi luật. Tức là việc ấy. Nay hiển bày Tây phương khiến hồi hướng thì chỉ có quả Phật, Thánh sư Thích-ca Như Lai và các Đức Phật mười phương phát ra tướng lưỡi rộng dài nói lời thành thật khuyến khích khen ngợi vãng sinh thì còn mê hoặc gì?

2. Nghi pháp: Phật pháp có hai: 1. Tiểu thừa, pháp Bất liễu nghĩa. 2. Đại thừa, Pháp liễu nghĩa. Trong Đại thừa lại có Liễu và Bất liễu nghĩa. Nay nói Tịnh độ là chỉ cho Đại thừa, là pháp liễu nghĩa trong liễu nghĩa. Vả lại, kinh bộ Tiểu thừa thì gồm hết các sách, không hề có một chữ khuyến khích khen ngợi vãng sinh Tịnh độ phương khác. Nên trong luận Thiên Thân có nói: Người nữ và căn thiếu, Nhị thừa đều không sinh. Đây là chứng cứ rõ ràng.

Hỏi: Kinh Tiểu Di-đà... đều nói: Nước ấy có đệ tử là Thanh văn và kinh Cổ Âm Vương nói: Phật Mẫu tên Thù Thắng Diệu Nhan cũng là người nữ.

Đáp: Phật Mẫu là chỉ lúc xưa khi Thái tử giáng sinh, khi Thái tử thành Chánh giác thì cõi nước cũng tịnh, nên không có người nữ. Mẹ ngài chuyển thành thân nam như Long nữ ở cõi này. Hoặc lại qua đời như mẹ của thái tử Tất-đạt (Ma-da). Có người chú luận dẫn văn kinh này mà bảo rằng: cõi ấy cũng có người nữ là không đúng. Còn Thanh văn như Quán kinh sớ và luận Thập Nghi cùng giống nhau. Nay nói Đại thừa, lại có ba thứ:

1. Ba thừa Thông giáo; pháp môn này tuy chung cho Đại thừa, mà

khá gần Nhị thừa. Lại đương giáo Bồ-tát tuy lại độ người, tịnh cõi nước Phật mà Độ xong thì trở về đồng với Nhị thừa . Lý sâu Tịnh độ họ không biết được, vì không phải liễu nghĩa.

2. Đại thừa Biệt giáo. Ở đây nói Đại thừa riêng cho pháp Bồ-tát tuy nói thật lý sau mới chứng đạo, mà nhân quả không dung nhau, Tịnh độ thì ngoài lý tu thành, muôn pháp vì thế chẳng có đủ mười tâm. Tuy trải qua nhiều kiếp tu đạo, đến nhiều các cõi Phật chỉ cho nhân quả của Tịnh độ ấy chỉ là phương tiện ngoài thể, đây cũng chưa rốt ráo.

3. Phật thừa Viên giáo. Giáo này giải thích ý chỉ viên dung nhân quả đầy đủ, là chỗ nhiệm mầu của Phật pháp. Đây là vì xưa không biết chỗ biểu thị. Kinh nói rằng: Mười phương tìm khắp nhưng không có thừa nào khác, chỉ một Phật thừa là nói đây vậy. Vậy thì Đại thừa của Đại thừa, liễu nghĩa của liễu nghĩa. Mười phương tịnh uế hoại mất đồng một sát-na, một niệm sắc tâm bày khắp trong pháp giới. Đồng thời thiên chân sẵn có không phải duyên khởi mới thành. Một niệm đã thế thì một trần cũng vậy. Cho nên hay ở trong mỗi hạt bụi mà có tất cả cõi, ở trong mỗi tâm mà có tất cả tâm. Mỗi tâm và bụi lại cùng khắp, lớp lớp vô tận không chướng ngại, cùng một lúc hiện ngay không có ẩn hiển, tất cả viên thành không có hơn kém. Như loại Thần châu, bao hàm các báu, cũng như mành lưới của trời Đế Thích giao chiếu ngàn tia sáng. Tâm ta đã thế thì Phật và chúng sinh thể đồng. Như thế thì mới hiểu rõ hồi thần nhớ cõi nước, thật sinh trong tâm mình gá vào chín phẩm sen há tránh khỏi chỉ trong mé sát-na. Còn nếu sự lý cách xa thì, tịnh uế ngại nhau, làm sao khiến cho phàm phu gây tạo năm tội nghịch mà mười niệm liền sinh về cõi báu? Hàng Nhị thừa hồi tâm liền được ở ao vàng? Tin vào Viên đàm đây thì sự nào chẳng đạt, mê lý tột này thì gặp việc đều mê. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói: Tâm như người thợ vẽ, tạo ra các thứ năm ấm, tất cả thế gian đều do tâm tạo. Phật cũng như tâm, chúng sinh cũng như Phật. Tâm, Phật và chúng sinh, ba thứ không khác nhau. Lại luận Khởi Tín chép: Nói về pháp, nghĩa là tâm chúng sinh, tâm này tức nhiếp tất cả pháp thế gian và xuất thế gian, y vào tâm này mà hiển bày nghĩa Ma-ha-diễn. Thập Lục Quán nói các Đức Phật Như Lai là thân Pháp giới nhập vào tâm tưởng tất cả chúng sinh, cho đến tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Lại kinh Ban-chu Tam-muội nói rằng: Phật là tâm ta, tâm ta thấy Phật, tâm ta làm Phật... Nói về ý chỉ này trong kinh Đại thừa có nêu rõ ràng. Còn trong kinh Pháp Hoa nói Như Lai đích thân thọ ký vãng sinh. Kinh Hoa Nghiêm thì nói ngài Phổ Hiền trình bày hồi hướng. Đó cho nên biết nhân địa A-di-đà, quán lý này mà đại thệ

khắp thâu, Đức Thích-ca thành tựu đạo quả khen ngợi lý này, mà việc bày tướng lưỡi rộng dài khen ngợi thì các Đức Phật ba đời ở khắp mười phương đều như thế.

Hỏi: Như trên đã nói lý mầu viên cực, người đều phải quán hạnh đầy đủ thì mới sinh ư?

Đáp: Không phải thế. Nay chỉ cởi mở nghi tình khiến cho biết Tịnh độ trăm báu trang nghiêm, nhân quả chín phẩm đều ở trong tâm hiện hiền của chúng sinh, lý tánh đầy đủ mới có thể được, ngày nay việc tu hành vãng sinh tùy nguyện tự nhiên, cho nên khắp mười phương chẳng lìa đương niệm, tới lui pháp giới chánh hợp với duy tâm, chớ tin theo thói thường chấp đây kia, không phải tướng hạnh nguyện ấy chính ở tại phần sau không phải điều hỏi ở đây. Huống là tướng sinh chín phẩm đều có hạnh loại khác nhau. Ba phẩm bậc thượng phải có giải (hiểu) có hành (làm). Nên văn nói rằng: Ông thực hành Đại thừa hiểu nghĩa bậc nhất, tức là người này vậy. Nay học giả thấy người hiền mà nghĩ cố gắng làm sao mình phải bằng họ, mong được lên cao thì chỉ phải nhờ diệu quán. Nếu sinh nhân ở sáu phẩm dưới là giữ giới cấm, thực hành hạnh nhân từ ở thế gian. Cho đến phẩm sinh thấp nhất là chúng sinh ác nghịch mà khi qua đời chí thành mười niệm thì liền sinh về nước ấy, chỉ cần biết có Tịnh độ rồi hồi tâm nương về. Nếu không phải thế thì đâu thể tự vào chín phẩm khác nhau.

3. Nghi mình, hỏi rằng: Mình là phàm phu bạc địa, duyên đời trói cột, làm sao thân này được sinh về các Tịnh độ của Phật, vào được biển Thánh hiền, đồng ở trong nhóm chánh định ư?

Giải thích rằng nếu hiểu rõ pháp tánh thông suốt như hư không ở trên và tin chắc bổn nguyện Di-đà dắt dẫn thì, chỉ khuyên làm công đức đâu đợi phải hỏi. Huống người mười niệm được sinh chỉ trừ người gây ra năm tội nghịch và hủy báng chánh pháp. Lại người định tâm mười niệm mà gây tội nghịch và hủy báng thì cũng được sinh. Nay may mắn mình không phải kẻ ác lại chánh nguyện mong cầu thì còn nghi ngờ gì nữa?

12. Nghĩa Học Biên Luận Tịch Giải Phấn của Pháp sư Tịnh Giác Nhân Nhạc.

Không Danh Cư sĩ, tức là Pháp sư Vô Kỷ nói: Trong các truyện ký có ghi: Đầu tiên từ đời Tấn có Lô sơn Tuệ Viễn cùng các Tín sĩ kết xã hương lửa nguyện sinh Tây phương. Bèn thỉnh người trong Xã là Lưu Di Dân soạn lời thề. Có kẻ hỏi đây là phương tiện của Giáo môn quyền tiệm. Nếu quán xét rốt ráo căn ấy thì chỉ thấu đạt nguồn gốc của tâm

là chánh tu hành. Đời Đường ở Ung châu có Giám điền Thích Pháp Hỷ chuyên tu thiền nghiệp, biết trước lúc chết. Đại chúng bỗng nghe ở khu rừng phía Bắc có tiếng âm nhạc bèn báo với Hỷ. Hỷ nói: Quả báo ở thế gian lâu ngày cũng hết vì sao phải sinh vào chỗ vui. Bèn im lặng nhập định, phút chốc tiếng nhạc liền ngưng, Hỷ cũng ngồi thẳng mà hóa. Lại đời Đường, ở kinh đô có Thích Đàm Luân khi qua đời có người hỏi vãng sinh về đâu thì đáp: "Vô tận thế giới", rồi im lặng mà hóa. Nay nêu rõ hai Sư chết tốt như trên chính là cảnh cao siêu Nê-hoàn. Sao những người một đời cầu sinh Tịnh độ lấy kia so đây, sao còn thô sơ dùng dằng ở hai điều mà chưa ngộ. Pháp sư nói: Tôi vừa đọc sách của Dương Công nói Cực lạc là quyền bày. Thật là thuyết ưa chán, lấy bỏ. Không đợi hỏi lại muốn trích dẫn mà trình bày. Nay được hỏi như cung gặp tên đâu được chẳng nói: Cực lạc là quyền, quyền thì đối lại với thật, xin thử trình bày thì Tiểu thừa là quyền, Đại thừa là thật. Vì "Pháp có là quyền, pháp không" là thật. Như nói Tiểu thừa là quyền, vì trong kinh Thanh văn không có một chữ nào khuyến khích khen ngợi vãng sinh Tịnh độ mười phương. Nên ngài Ca-diếp nói: Chỉ niệm Không, Vô tướng, Vô tác. Đối với pháp du hý thần thông tịnh cõi nước Phật, thành tựu chúng sinh của Bồ-tát tâm không vui mừng. Nếu bảo có pháp là quyền thì sao chỉ có Cực lạc là quyền, còn như Niết-bàn thì cũng là quyền. Cho nên ngài Tu-bồ-đề nói: Nếu có pháp nào hơn Niết-bàn thì ta cũng nói là như huyễn, như mộng. Do đây mà nói thì ưa thích Niết-bàn mà nhàn chán Cực lạc thì cũng như trốn núi cao mà chạy vào vực sâu thì đâu cũng chết. Lại nói không lấy Cực lạc cũng không lấy Nê-hoàn, trống không chẳng dấu vết chẳng thể nghĩ bàn. Như thế thì chết rồi không sinh, khác gì ngoại đạo có kiến chấp diệt tận. Lại có thuyết ta diệt độ rồi thì các thế giới ở mười phương đều là thân ta thì sao chắc chắn phải sinh Tây phương Cực lạc làm gì? Nếu thế thì lại đồng với bậc Thánh hiện khắp hình sắc. Chưa chứng nói chứng là tội nói dối nghiêm trọng thì ai dám làm. Ngài Thiên Thai Trí Giả nói: người thường nghe sinh liền cho là sinh, nghe không sinh liền cho là không sinh, chẳng biết sinh tức là vô sinh, vô sinh mà sinh. Ngang bướng phải quấy, trọn mất cầu sinh Tịnh độ thật lầm lạc biết bao nhiêu! Nên biết Pháp Hỷ chẳng cầu chỗ vui. Đàm Luân trở về vô tận, đây là những lời khiến tình lìa mê đắm, không phải là chết rồi thì diệt mất như hư không. Phàm phu thì thọ sinh theo nghiệp, bậc Thánh cũng tùy cơ mà làm lợi ích. Huống Pháp Hỷ chết rồi giáng thần vào đệ tử bảo rằng: Ta muốn để lộ thi hài ta ngoài trời để chim thú, côn trùng ăn... Há chẳng phải thân này tuy thức bỏ đi rồi vẫn

còn sống ư? Mà chỉ là cảnh cao siêu Nê-hoàn, lấy gì mà nghiệm. Lại Nê-hoàn, Hán dịch là diệt độ, gồm hết các giáo cũng chỉ hai chữ này. Nếu Nê-hoàn Thanh văn thì dứt được phiền não kiến tư, vượt khỏi phần đoạn sinh tử, chứng lý thiên không. Lý đã thiên (lệch) thì "Không" không thể có. Cho nên thân và cõi đều mất. Đây là nói phương tiện. Nếu các Đức Phật Nê-hoàn thì dứt vô minh phiền não, vượt khỏi biến dịch sinh tử, chứng lý trung đạo. Lý đã trung thì chẳng phải không, chẳng phải có, nên ứng hóa vô cùng. Đây là nói về liễu nghĩa. Nay chưa xét kỹ hai Sư Luân, Hỷ ở Niết-bàn nào. Nếu là thiên không thì chưa khỏi thô sơ, còn trung đạo thì sao gọi là cảnh cao siêu. Nay người học ai chẳng bảo ngay nơi tâm là Phật, chạm mắt đều chân, sao cực nhọc mà chuyển vật đồng như, mình vượt hơn Tỳ, Thích và căn tự sát hạch, trở về trống rỗng, mịt mờ như đi đêm. Thật còn đủ tham, sân thì sao ưa, chán mà chẳng khởi? Xem cõi giàu sang như cốt nhục, nhìn nghèo hèn như ghẻ bướu. Đối với ta thì thiện là muốn lên bậc cao, ác là hận chẳng giết hết người trong chợ. Phàm những loại người này hổ thẹn mà tu Tịnh độ tự bảo là người ưa chán chẳng biết có làm được không. Trong Tăng truyện ở thiên Tập thiền có rất nhiều người khổ hạnh trọn đời, cẩn trọng tu hạnh An dưỡng, hoặc ưa cầu tri túc. Như Tuệ Chân tuyệt thực mà hành sám Tịnh độ, đốt thân làm đèn, Tăng Hiển hiện đời cảm được Di-đà, Trí Hy thấy rõ cõi Đâu-suất. Không ai bảo đây là hạng người tập tục thô sơ. Lô sơn Tuệ Viễn là tăng bảo ở đời ít có. Phạm chúng ở Tây Vực đều khen đất Hán có Đạo sĩ Đại thừa. Mỗi khi thắp hương đều hướng về phía Đông mà cúi đầu lễ bái, há quên giáo viên đốn, chuyên do pháp môn quyền tiệm. Các vị Lưu Di Dân Lôi Thứ Tông đều là bậc tài giỏi đời Tấn sao dám quỷ quyệt dối trá chạy theo mà chẳng biết. Tiệm tu thường mê muội về vãng sinh, kẻ đốn giáo lại luôn khen Tịnh độ. Phật nói: Ai thường đọc tụng kinh điển Đại thừa hiểu rõ nghĩa thú bậc nhất sẽ không kinh động với nghiệp vãng sinh Thượng phẩm này. Lại, ngài Thiên Thân nói: Hàng Nhị thừa không sinh Cực lạc. Kinh Hoa Nghiêm có nói khuyên sinh. Kinh Pháp Hoa có lời thọ ký vãng sinh. các Đức Như Lai mười phương phát ra tướng lưỡi rộng dài, đều khen ngợi vãng sinh về nước ấy. Ngài Di-lặc hỏi Phật rằng: Ở thế giới này có bao nhiêu Bồ-tát sinh nước ấy? Phật bảo: Có sáu mươi bảy ức Bồ-tát không lui sụt, mỗi Bồ-tát đã từng cúng dường vô số các Đức Phật như Di-lặc kế đây vậy. Phật lại nói: Đời mạt pháp diệt rồi, chỉ lưu lại kinh Vô Lượng Thọ trong một trăm năm để dắt dẫn chúng sinh. Lấy đây làm chứng. Vì sao lại xem thường người vãng sinh, vì sao ngăn lấp đường Cực lạc. Gây

thiệt hại rất lớn, há không cẩn thận ư?

Lại bài tựa sau có nói: Lại có người dẫn truyền đăng là Hòa thượng Đại Châu nói: Bỏ cấu lấy tịnh là nghiệp sinh tử. Cư sĩ Bàng Long Uẩn nói: Bỏ phiền não vào Bồ-đề chẳng biết phương nào có Phật địa. Vì câu kệ này mà khinh thường Tịnh độ. Chắc chắn không thể được. Lại nói chẳng cấu chẳng tịnh là nghĩa tức tâm tức Phật. Phàm theo Thích giáo thì ai chẳng biết, sao lấy lời Chân như bình đẳng mà phí bỏ pháp nhân duyên tu chứng. Lục trụ Đại sĩ còn sinh phần đoạn, bốn quả chân nhân cũng còn có tử biến dịch, đâu gọi là chết hẳn tức là Nê-hoàn. Phải biết Bồ-tát chưa chứng Diệu giác trở lại thường lấy tâm không để khắp tu muôn hạnh. Cả ngày quán Phật mà không có Phật để quán, trải nhiều kiếp độ sinh mà không có chúng sinh để độ. Tạm ở vào Tịnh độ, như hóa đốm trong hư không, quyền nương vào huyễn hóa Di-đà. Phá trần trong mộng hôm qua mà vào địa vị thành Càn-thát-bà, cho đến thành Phật. Tuy tự hành vắng lặng mà lợi tha rõ ràng. Cho nên dụ thì lấy thân làm gương sáng, hiện thì lấy ảnh tùy loại. Người đời không hỏi đại nghĩa chỉ ưa thích đốn ngộ, vào thẳng Vô sinh mà chẳng nghĩ ngài Vĩnh Gia Nhất Túc Giác bảo rằng: nếu thật vô sinh, vô bất sinh. Đã thoát ngộ mà chấp không, sợ mênh mông mà vời họa. Loại này ở Việt Trung tập bắn tên mà chẳng vượt qua mấy bước, du mục ở Lũng Tây lại chìm trong sóng nước. Như đây mà tri thức chưa thể tham tìm.

13. Trả lời về tu nhân Tịnh độ của Pháp sư Tra Am Hữu Nghiêm.

Có người hỏi: Sinh lên các tầng trời cõi Dục thì mười điều lành là nhân, sinh lên cõi trời Sắc thì thiền định là nhân, giỏi thiền chẳng tu mà mong sinh lên các tầng trời cõi Sắc cõi Dục thì không hề có. Hễ người sinh Tịnh độ thì phải tu Vô sinh diệu quán mới có thể được. Nếu diệu quán mà không hẹn tương ứng thì lý sinh Tịnh độ phải dứt. Nay người học đều mịt mờ giáo chỉ, cho rằng sinh lên cõi trời là khó mà sinh Tịnh độ là dễ. Cho điều lành có tướng mà ngẩng cổ hướng về Tây, theo gió phát nguyện. lại đợi chân bước lên sen báu, đích thân gặp Thánh chúng là lầm. Nếu cho rằng sinh lên cõi trời là khó thì giống như còn đủ bốn chân để chạy thì càng rất khó. Nếu bảo Tịnh độ là dễ thì cũng giống như không có hai cánh mà liệng trên không, dễ thì ai tin?

Đáp: Tịnh độ không phải khó dễ, khó dễ là do người. Khó là bởi nghi tình, gang tấc trở thành muôn dặm. Dễ là nhờ tín tâm thì muôn dặm cũng thành gang tấc. Nói tu Vô sinh diệu quán được sinh, thành thật thay lời nói ấy. Nhưng chính ý là muốn chỉ bậc thượng căn mới được sinh mà

thôi. Song, không thể mở một pháp môn mà lấp nhiều pháp môn. An lạc tập nói: Người sinh Tịnh độ có hai loại, một là tâm có tướng nghĩa là chấp tướng ưa vui; hai là tâm không tướng, nghĩa là lý quán tương ưng. Như nay trong đời kẻ trung, hạ độn căn, ngu mê chướng nặng, đợi khi lý, quán tương ưng mới được sinh thì chỉ được một số ít ỏi, Phật Từ bi độ vật phương tiện nhiều môn, có định thiện, và tán thiện, có năng lực Phật pháp; có việc phước và nhờ nguyện lực mà hồi hướng; có người lúc qua đời quá sợ nên nhờ vả cầu cứu, các loại như thế có số trăm ngàn muôn, có một trong những điều đó thì sẽ được vãng sinh. Định thiện là tu tâm Diệu quán, định Thủ-lăng-nghiêm... Còn Tán thiện như kinh Bốn Mươi Tám Nguyện nói người tu thập niệm đều nhiếp cả sáu căn, chỉ tiếng tiếng nối nhau mà thôi. Vì chưa gồm lý định nên gọi là tán. Về năng lực Phật, như Luận Thập Nghi nói: Phật A-di-đà có đại Bi nguyện lực che chở chúng sinh niệm Phật liền có thể phát tâm Bồ-đề, thực hành Tam-muội niệm Phật... nhờ nguyện lực liền được vãng sinh. Như kẻ yếu kém nương theo Chuyển luân vương mà một ngày một đêm đi khắp bốn thiên hạ, không phải là năng lực của mình mà do năng lực của Luân Vương. Về năng lực của pháp, như Phật bảo Bồ-tát Liên Hoa Minh Vương tụng Quán đảnh thần chú gia trì vào cát đất để rải vào thây người chết hoặc rải trên mộ. Nếu bị đọa địa ngục, ngạ, quỷ, súc sinh thì nhờ chân ngôn này mà sinh về Cực lạc. Làm phước nhớ hồi hướng, là từ tâm cứu vật, giữ đủ các giới, giỏi thọ trì bí chú, tụng đọc kinh điển Đại thừa, các thứ phước lành mà hồi hướng trang nghiêm thành nhân Tịnh độ, như tiếng thổi vào sừng thì xa lãng nghe được, sinh Cực lạc cũng vậy. Lúc qua đời cầu cứu là khi qua đời, tướng xe lửa hiện ra, nhờ năng lực xưng niệm danh hiệu Phật nên lửa dữ biến thành gió mát. Như Tăng nhân Hùng Tuấn khi vào vạc dầu sôi và người có nghề giết trâu ở Phần châu khi qua đời thấy bầy trâu húc vào thân rất đau đớn, Trương Chung Húc giết gà, khi chết thấy vị thần xua bầy gà mổ hai mắt chảy máu đầy giường, niệm Phật lúc ấy đều sinh Tịnh độ là vậy, kinh Tùy Nguyện Vãng Sinh nói: Nếu đem y phục châu báu của người chết và nhà cửa ruộng vườn mà cúng thí Tam bảo thì phước rất nhiều, có thể cứu được khổ địa ngục mà vãng sinh Tịnh độ. Lại, kinh Vô Lượng Thọ nói: Bồ-tát Tiểu Hạnh và người tu công đức nhỏ đông không kể hết, đều được vãng sinh. Lại kinh Phạm Võng dạy thỉnh Pháp sư giảng giới Bồ-tát, phước giúp người chết thấy được các Đức Phật Ví như đất nước kén chọn người tài, bèn bày hai khoa thi văn, võ mà chọn người, không phải một khoa. Ngoài ra lại có tấu ấm, dùng dụ cho năng lực Phật, học tập là dụ cho

hạnh nguyện. Kia có nhiều quan nhân văn chức thì đây có muôn hạnh thành Thánh. Phật nói dễ đến. Khổng tử nói khó sinh. Có thể nói thuận giáo nói dễ đến mà mở cửa giải thoát cho người, Chẳng cần phải chấp mê nói khó sinh mà lấp đường Bồ-đề. Khổng Tử nói người học rộng có nghi phải cẩn thận lời nói, thì các trường hợp khác ít lỗi.

14. Trả lời về Phật và Ma của Tịnh độ của Pháp sư Tra Am Hữu Nghiêm.

Hỏi: Thấy có nhiều người đời phát nguyện khi qua đời được Phật dắt dẫn sinh về Tịnh độ. Nếu Phật dắt dẫn đâu chẳng phải là ma ư? Tôi cho rằng người đời phát nguyện ngông cuồng.

Đáp: Ma chẳng phải không có. Nếu bảo phát nguyện cầu sinh Tịnh độ được Phật dắt dẫn là Ma thì là Phật gạt người sinh vào cung ma. Ngài Phổ Hiền dạy người phát nguyện rằng: Nguyện con khi qua đời được thấy Phật A-di-đà. Bồ-tát Long Thọ, Thánh hiền nhiều đời đều có soạn các tác phẩm... chẳng lẽ đều khiến người phát nguyện ngông cuồng nguyện sinh vào cung ma ư? Ông nói thế là làm hư mất giống Phật. Ông không phải Ma thì là ai? Nay xin nói sơ lược cho ông nghe về tướng Ma và cách hàng Ma. Ma có bốn thứ; phiền não, ấm, tử và thiên ma. Nếu muốn hàng phục thì như kinh Đại Tập nói: Dứt bỏ Tập đế là hàng phục phiền não Ma, biết Khổ đế là hàng phục Ấm Ma, tu Đạo đế là hàng phục Thiên ma, chứng Diệt đế là hàng phục tử Ma. Lại Trí luận có nói được đạo Bồ-tát nên phá phiền não Ma, được thân pháp tánh nên phá ấm Ma, được pháp tánh lại phá tử Ma. Thường nhất tâm tất cả chỗ (xứ) tâm không mê đắm mà vào Tam-muội bất động, nên phá được thiên Ma, thiên ma rất là khó biết, vì chúng hay biến hiện thành Phật và Bồ-tát. Lại kinh Niết-bàn nói: Sau khi Phật diệt độ năm trăm năm thì ma đạo dần hưng thạnh, Ma làm Tỳ-kheo phá rối Phật pháp. Lại Thiền môn nói: Ma quỷ vào tâm phá chánh giới, phá chánh kiến, phá oai nghi, phá tịnh mạng, chẳng kính cha mẹ, thầy Tổ, Tam bảo hoặc hủy hoại kinh sách, hình tượng, chùa tháp, gây ra các tội nghịch, dứt bỏ gốc lành, hiện tướng bình đẳng, phá hủy người khác tu điều lành, bảo là không phải chánh đạo. Hoặc nói không nhân không quả. Tà thuyết như thế phá hoại chánh pháp, như chín mươi sáu thứ ngoại đạo. Trong kinh có phân biệt từng tướng ác ma, mà có ai biết. Lại ngài Trí Giả trong Thiền môn dạy người phân biệt ma có ba cách: một là, hiểu rõ thấy nghe hay biết đều không thật có, chẳng nhận lấy, chẳng mê đắm, cũng chẳng lo rầu, cũng chẳng phân biệt, nếu là ma thì nó tự mất. Hai là, quán ngược

lại tâm thấy nghe hay biết chẳng thấy chỗ nó sinh , như thế mà quán thì Ma liền diệt mất. Ba là, nếu thực hành quán ấy mà Ma chẳng mất thì chỉ nên chánh niệm, chớ nên sợ sệt. Chánh niệm chẳng động biết cõi ma như cõi Phật, như một, như vô, Đối với ma không xả bỏ, đối với Phật không nhận lấy. Phật pháp hiện tiền, Ma tự tháo lui. Phân biệt rõ sự chân ngụy, giữa Phật và ma. người học giáo có giáo nhãn thì biết rõ. Nếu những người lơ là hoặc khi qua đời, gió đao cắt xẻ thân thể, tinh thần hoảng loạn kinh hãi thì nhờ đâu mà phân biệt rõ Ma và Phật chân hay ngụy ư? Lửa thì nóng khô, nước chảy thì ẩm ướt. Hoặc có người một đời dụng tâm thuần tịnh, bền vững tin chắc, chí thành lễ tụng, sám hối phát nguyện. Tôi biết người này hoặc thân hoặc tâm sẽ giao tiếp với khí loại Di-đà - Trí Luận chép: Như gió thổi cây nghiêng về Tây khi ngã thì sẽ ngả về Tây. Làm lành được sinh cũng thế. Như có người nguyện lực đã mỏng mà tội chướng lại nặng. Khi qua đời tướng ác hiện, niệm Phật được Phật đến cứu là do năng lực Phật, Ma không làm được. Nếu người được sinh An dưỡng Tịnh độ mà bị ma bắt thì là sức Phật không bằng sức ma ư? Cho nên Đại Phẩm Bát-nhã nói: Nếu người chép kinh Bát-nhã ba-la-mật cho đến tu hành là do năng lực Phật, ma không thể làm hại. Lại trong các kinh Đại thừa nói Bồ-tát Thiên Tiên, Kim cương, Lực sĩ đều có thệ nguyện giúp người tu hành, ma không có dịp làm hại. Cho nên ngài Nam Sơn nói: Di-đà tướng quân ủng hộ rất nhiều. Nếu thấy đám Ma phá rối Tỳ-kheo thì liền đến đúng lúc dẹp trừ. Nay người sinh Tịnh độ nếu bị ma phá, các Đức Phật, Bồ-tát, Hộ pháp thần tướng há chẳng cứu ư? Nguyên khi qua đời thấy Phật, Phật từ tâm hiện Tịnh độ rộng lớn cũng hiện từ tâm. Ông mê chỉ quy mà vọng bài bác, ta e ông sẽ bị cắt lưỡi đau đớn không tránh khỏi. Nếu như có người chết sinh cung ma thì do khi tu hành nhiều ma nghiệp. Ma nghiệp là nương nhờ Phật Pháp mà ham hố danh lợi, ngoài hiện tướng trong sạch mà bên trong hôi hám rã mục, dối gạt lừa đảo. Luôn tự cao, cắt cái hay ngàn thước của người còn nửa phân mà khoe cái ít một câu của mình là muôn hộc. Người này khí phần ắt giao tiếp với ma. Nên khi qua đời nếu không đọa ác thì sẽ sinh cung ma. Nếu khỏi đọa ba đường ác mà sinh ma cung thì đây cũng là may lắm. Huống cõi trời Đại Tự Tại vốn là đại quyền, nên kinh Tịnh Danh chép: Kẻ làm ma vương đều là Bồ-tát trụ vào Bất tư nghì giải thoát, dùng phương tiện mà giáo hóa chúng sinh. Cho nên trong kinh nói Ma Vương đem mười hai ngàn thiên nữ đến mê hoặc Bồ-tát trì thế, ngài Duy-ma-cật vì nói pháp cho nghe thì các ma nữ đều chứng Tam-muội Vô tận đăng. Nói may mắn là đây vậy. Rất mong

người tu hành từ nay về sau hãy nên tự xét tâm tu Tịnh độ là tâm thuần tịnh hay là nghiệp ma. Muôn pháp duy tâm, tâm tịnh thì Phật rước, tâm cấu thì ma dẫn. Đối lý rất dễ hiểu có gì phải nghi? Lại một hạng người giáo nhãn bị mù, tham lam, mạn chật bụng, thị phi đầy hông, lúc bình an thì trong bốn ma hết ba thứ chẳng biết. Khi qua đời sợ sinh vào cung ma, miệng nói hàng phục thiên ma mà trong tâm còn pháp ngồi chết nguyện sinh vào nhà giàu sang, thật là một điều đáng cười.

15. Nói về Duy tâm Tịnh độ. Của Pháp sư Viên Biện Đạo Châu.

Có người hỏi: Duy tâm Tịnh độ bổn tánh Di-đà là sẽ vãng sinh hay là tức Tâm? Nếu vãng sinh sao bảo là duy tâm? Nếu Tức tâm vì sao kinh nói cách mười muôn ức cõi Phật?

Đáp: Sự và lý có khác. Nói theo sự thì sẽ vãng sinh còn dựa theo lý thì tức tâm. Nay bàn Viên gia sự lý một thể không khác, đâu thể chống đối, nhân, chia mà thông nghĩa này. Phải biết mười giới bốn cõi, hoặc Tịnh hoặc Cấu chẳng lìa tâm ta. Tâm này hoàn toàn là vọng niệm vì sẵn có. Cho nên đầy đủ trăm giới ngàn như. Các pháp y, chánh ở đây cũng đầy đủ mà thôi. Nếu đạt được toàn đủ là khắp. Khắp chúng sinh, Phật, các chúng sinh và Phật cùng khắp cũng giống như thế. Nêu một pháp thì cả pháp giới rộng lớn đều cùng đủ, riêng đủ, dung nhau, nhiếp nhau. Tham mà chẳng tạp, lìa mà không chia; một, nhiều tự tại, không lưu ngại nhau. Phàm như thế thì sao có Ta-bà của Thích-ca, Lạc bang của Di-đà mà lìa tâm ta ư? Cho nên Phù Hành có nói: lại người học dẫu biết nội tâm có đủ ba ngàn pháp mà không biết tâm ta khắp ba ngàn kia, mỗi mỗi ba ngàn cũng khắp như thế. Nếu thuận theo phàm tình mà sinh ra cái thấy trong ngoài, thì nên chiếu xét lý thể vốn không có bốn tánh, ba thứ tâm Phật và chúng sinh không khác nhau. Người biết rõ đây mà nương tựa thức tâm. Y theo đây thì biết ba ngàn vốn là pháp dung diệu, nhậm vận nhiếp đủ y, chánh sắc tâm, cõi nước tịnh, uế. Đã nói ba pháp không khác nhau thì duy tâm bổn tánh không còn đến nỗi phải nghi. Nay lại thí dụ để làm sáng tỏ. Như trong điện Đế Thích trên có mành lưới báu đính ngàn hạt châu, hình bóng của các hạt châu cùng chiếu vào một hạt châu, một châu có đầy đủ các hạt châu kia, khắp ngàn hạt châu đều cùng chiếu soi nhau. Cũng giống như thế, một tâm tức là một hạt châu trong ngàn hạt châu, cõi Phật Di-đà kia cũng là một hạt châu trong ngàn châu. Có bao nhiêu chúng sinh trong mười cõi đều sinh đến một cõi, thì một cõi đều là một hạt châu trong ngàn hạt châu. Tâm ta đã là một hạt châu có công năng chiếu khắp các hạt châu. Trong tâm

ta không có các hạt châu thì lìa ngoài tâm ta không có riêng Tịnh độ, vì sao? Vì Đức Thích-ca cũng là một hạt châu, Đức Di-đà cũng là một hạt châu. Nêu một mà gồm thâu tất cả, há ngoài tâm lại có Pháp. Cho nên nói duy tâm Tịnh độ, bổn tánh Di-đà. Song nói duy tâm là đủ, sao còn nói cách mười muôn ức cõi Phật ư? Phải biết ý chỉ của kính là dùng lý chọn tình mà nói. Vì sao? vì tình sinh thì mười muôn là xa xôi, còn duy tâm thì chỉ trong một niệm. Lý như thế thì chỉ Duy tâm mà thôi, sao nói Tịnh độ? Nên biết Thể nó không nhân quả, một niệm duy tâm mê ngộ đã khác, nhân quả rõ ràng như thế. Di-đà là quả ngộ, chúng ta là nhân mê. Sinh tâm ưa thích nhàm chán, thuận theo lời Phật khuyên cầu sinh. Nên nói Duy tâm lại nói Tịnh độ vậy. Song đã có lấy bỏ, ưa chán thì không thành giả dối chăng? Thưa rằng: Nên biết người tu Viên giáo hễ bỏ thì bỏ uế, hết cả ba või chín cõi đều bỏ. Hễ lấy thì lấy Tịnh cùng nguồn lấy thẳng Thượng phẩm tịch quang. Cho nên Diệu Tông chép: Nếu lấy bỏ cùng cực thì cùng với chẳng lấy bỏ cũng chẳng phải khác vết xe. Bởi vì tịch quang không lìa ba cõi, mười cõi chỉ là bốn cõi mà thôi. Nếu bốn nhãn hai trí mà quán thì muôn tượng sum la ba độ chín giới đều bỏ, nếu lấy Phật nhãn chủng trí mà quán thì chân không vắng bặt, không phải lìa ba cõi chín cõi mà có tịch quang riêng. Không phải ngoài tịch quang mà có Ta-bà riêng. Như người xưa nói chỉ duyên tức tâm là Phật, nhưng phải cần nhờ tu hành, là ý này vậy. Biết rõ duy tâm thì chẳng ngại mười muôn đường xa. Lấy lý chọn tình ý đó sâu lắm vậy. Lại còn phải biết đây là nói theo thuận thì rõ tánh là hạnh, nếu nói theo nghịch thì bỏ tánh thành mê, cũng có thể bàn về duy tâm địa ngục, địa ngục này cũng là một trong ngàn hạt châu. Cũng là Toàn Đủ biến khắp. Ngoài địa ngục vì không có pháp khác. Tất cả thú hướng địa ngục, thú hướng này không ngoài sáu thứ, tức ba ngàn đều là địa ngục, như thế thì giường sắt chẳng khổ, biến dịch không đổi dời. Tất cả đều là Tánh đức sẵn có tánh ác, pháp môn do đó mà biết. Hoặc thuận hoặc nghịch, nhân quả, mê ngộ, sự lý, tu tánh. Nếu rõ Duy tâm bổn tánh chỉ là một, ba ngàn pháp dung diệu, mười muôn đường xa đều chẳng ngại. Vì sao, vì chân cụ, vì dung nhiếp, cho nên được như thế. Như trên là lược nêu vài nét, nếu muốn chứng sâu lý này thì phải dẹp bỏ tình tưởng.

16. Duy tâm Tịnh độ của Thiền sư Cô Tô - Thủ một.

Thiền sư Cô Tô con của họ Trịnh, dòng họ này hiển quan sớm. Thuở nhỏ nương Thiền sư Viên Chiếu, được đại triệt ngộ, xướng đạo ở Tuyên thành, đạo tục đều khâm kính. Từ khi ở chỗ Thiền sư Thiên Y

Nghĩa Hoài đến nay chuyên dùng pháp Tịnh độ gặp ai truyền trao đều được vãng sinh, đều có những chứng nghiệm rõ ràng, có chép đủ trong Bảo Châu tập. Sư có văn Duy tâm Tịnh độ, nay chép ở đây.

Phật nói Tịnh độ Cực lạc khắp khuyên chúng sinh cõi Ta-bà phải nên phát nguyện sinh về cõi nước ấy. Song người học đốn thì bỏ đi coi là quyền thuyết, người không thông lý tánh thì câu nệ vào sự tướng. Ta có học Duy Thức chỉ ngăn ngoại cảnh, thức biểu thị cho tự tâm. Ngoài tâm không cảnh, cảnh toàn là tâm. Tâm pháp cùng khắp, Tịnh độ đâu lìa đương niệm, chúng sinh và Phật đồng thể. Di-đà toàn là ở tự tâm mà nhiếp hết hữu tình, thật không có Phàm Thánh khác nhau, dung thông pháp giới đâu có phân chia ranh giới xa gần. Kinh Thủ-lăng-nghiêm nói tâm còn ngầm hiện cõi Phật cảnh Thánh, chỉ có Xiển-đề không có tín căn thì mười muôn ức cõi Phật xa cách ngoài phương khác. Thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài một đời hồi hướng Tịnh độ. Hỏi người học rằng: Nếu nói bỏ uế lấy tịnh, chán đây ham kia thì tình lấy bỏ trở thành vọng tưởng của chúng sinh. Nếu nói không có Tịnh độ thì trái lời Phật nói. Vậy người tu Tịnh độ phải tu như thế nào. Lại tự đáp rằng: Sinh thì chắc chắn sinh còn đi thì thật chẳng đi. Nếu hiểu rõ ý này thì Duy tâm Tịnh độ hiển rõ vô ngại. Luận nói: Trí tu Duy Thức thông, như thế mà chọn Tịnh độ, nguyện các đồng tu quyết định cầu sinh. Năm Quý Tỵ, niên hiệu Chánh Hòa thứ ba, Tỳ-kheo Thủ Nạp kính ghi lời tựa.

Trong luận Kim Cang Bát-nhã, ngài Thiên Thân có kệ rằng: Trí tu duy thức thông, như thế chọn Tịnh độ, không phải hình, thể bậc nhất, chẳng trang nghiêm trang nghiêm. Luận tự giải thích rằng: “Trí tu duy thức thông”, đây là nói cõi chân, các Đức Phật không có việc trang nghiêm cõi nước. Các Đức Phật chỉ có trí tuệ chân thật, tu tập thức thông đạt, là tu tập trí không phân biệt, thông suốt tánh Duy thức chân thật. Như thế chọn Tịnh độ, là tu trí này, hàng Bồ-tát tu Duy Thức thông là lấy được quả Tịnh độ, không phải hình, thể là bậc nhất, câu này nói thể Tịnh độ không tư sinh diệt, là hình Tịnh độ do lý chân thật Đệ nhất nghĩa, là thể của Tịnh độ. Chẳng trang nghiêm trang nghiêm:

1. Hình tướng độ: Tức nước chim cây rừng... các việc trang nghiêm.

2. Pháp tánh độ: Tức là chánh trí, chứng khế hợp chân như vô lậu công đức không có hình tướng là trang nghiêm.

17. Thuyết khuyên tu Tây phương của Pháp sư Giải Không Khả Quán.

Đức Phật Thích-ca xuất hiện ở cõi Tà-bà, hóa độ cả cõi Đại thiên, ứng Tích ở Trung Thiên, tám tướng thành Đạo, rủ lòng từ với vật, ở trong các Đại giáo hoặc do nhân mà đến như kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa. Hoặc chuyên vì một duyên như kinh Thập Lục Quán, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Xưng Tán Tịnh độ, do La-thập dịch, tức kinh Tiểu Bổn Di-đà và kinh Cổ Âm Vương, khắp khen Tây phương, khuyên tu niệm Phật. Tất cả Đại giáo chánh tông đều giải thích về các đường lối tu hành. Nếu muốn y lời kinh nói mà thực hành. Nếu không phải bậc Đại căn đại trí, duyên đời trước thuần thục thì khó đến mà được mau phát ngộ ra khỏi sinh tử. Lại sợ sinh tử đâu hẹn, không thể trước an sau thuận. Thế nên Phật A-di-đà dùng năng lực bổn nguyện mà thị hiện thế giới Cực lạc Tây phương y chánh trang nghiêm, hoa sen thanh tịnh, ba bậc chín phẩm. Muốn dẫn dắt người niệm Phật, nhất tâm bất loạn, duyên niệm Đức Phật ấy, thời đến duyên đủ thì an nhiên qua đời, thấy ánh sáng Phật không lạc vào cảnh ma, quyết định vượt cao, không vào vòng khổ, đây là một việc. Nếu không có Đức Thích-ca xuất hiện ra đời thì do đâu mà được. Cho nên chắc chắn không phải duyên nhỏ. Nên biết chỉ khen ngợi Tây phương là pháp cấp cứu, sao để giữa dòng mất thuyền ngàn vàng. Chính như Phật nói kinh A-di-đà không đợi thời cơ phát khởi liền nói kinh, là ý ở đây vậy. Đời Đông Tấn tại Hổ Khê thuộc Lô sơn, Pháp sư Tuệ Viễn kết xã Bạch Liên, Hiền Sĩ Đại phu và các Tôn giả một trăm mười tám vị đồng tu Tây phương, niệm Phật Tam-muội, lúc qua đời thấy Phật, liền được vãng sinh. Tuy Tạ Linh Vận tạp tâm đã ngưng nhưng không cho vào xã. Từ đây truyền mãi đời sau luôn kính ngưỡng dấu vết ngài không thôi. Tất cả đều tin theo rất thịnh ở đời truyền bá Lục Tổ Đàn kinh. Người tu thiền gặp Lục Tổ nhân đó hỏi. Có pháp tu Tây phương, nó như thế nào? Lục Tổ đáp: Vì tự Tâm có Tây phương tức là chân Tây phương. Tâm tự có Tây phương còn tìm Tây phương ở đâu. Người phương Đông tạo tội gây nghiệp cầu sinh phương Tây. Nếu người phương Tây tạo tội gây nghiệp thì cầu sinh ở đâu? Chỉ ngộ được tánh thì việc gì chẳng được. Ôi như thế thì quê kệch đáng cười. Trộm gọi Tổ sư chẳng thể hành dụng. Có người nói đã ngộ tánh đây cũng có lý. Lý ấy thiên lệch đều là bệnh thiền. Tương truyền Cao ly đốt bỏ sách này. Bậc thầy người Liêu đông, hơi có mắt, xưa khen ngợi Minh giáo cao vọt, sao lại không giữ lời, lão này gốc giới bền chắc, khiến nêu lên để viết hành trạng. Lúc bình thường còn nhỏ, tiếng nói như chuông. Thân

sau khi thiêu thì sáu việc không hư, có thể nói là Tăng bảo đời sau khó sánh kịp, không thể cầu đủ, cũng thấy việc này. Phải biết Tây phương niệm Phật Tam-muội rất dễ tu hành, chỉ cần hằng ngày nhất tâm bất loạn giữ niệm Phật ấy. Nguyện lực Phật ấy, tự niệm Phật lực, nhậm vận tương ưng. Dầu có lấy bỏ cũng chẳng lấy bỏ, không hề có dấu vết khác. Vì sao? vì niệm niệm lìa tướng, hoàn toàn không thật có. Như hạt châu để trong mâm lăn tròn tự tại vô ngại. Thân tâm thanh tịnh cũng như hoa sen, đạt duy tâm hiểu bổn tánh ở ta mà thôi, cách đây không xa.

18. Nói sơ lược nhân Tịnh độ của Đãi Chế Triều Thuyết Chi.

Triệu Tử Hòa Nhân Dục ở Lâm Truy, gửi thư cho Vĩ Thượng Lão Pháp Hoa rằng: Tôi vốn người Đông châu do đọc văn của ngài mới biết có Tịnh độ Tây phương có thể tu, nó phát nguồn từ Thiên Thai giáo. Ông nên ở Viên Diệu Đại giáo này chuyên nói một việc chân tu này mà làm lợi ích cho những người vô tình hữu tánh như chúng tôi. Bộc Xạ Chi nói: Những người phàm phu còn bị sự trói buộc cùng tôi đồng ở trong ba tai tám nạn nào dám đảm đương việc này. Tuy nhiên người bệnh chưa hẳn không biết đến thuốc. Trộm nghe có sinh ắt có tử, mà Phàm Thánh thì khác với vừa phàm vừa Thánh, mà thân cõi có khác với có thân thì có cõi, có cõi thì có thân, cái gì uế cái gì tịnh đâu chẳng phân biệt được ư? Phật Thích-ca Mâu-ni và Phật A-di-đà thương xót chúng sinh này nên đồng một nguyện lực ở ngoài vô lượng vô biên pháp môn mà lập ra một pháp môn này. Đức Thích-ca là khách, Đức Di-đà là chủ. Đức Thích-ca là sinh, Di-đà là nhà. Đức Thích-ca theo bệnh mà cho thuốc, Đức Di-đà khiến trọn đời không bệnh. Cõi của Thích-ca là ở tạm, cõi của Di-đà là quê cũ. Từ Tây trúc nhìn sang An lạc cũng như ở Chấn đán ta nhìn về An lạc là một. Thế nên các ngài Văn-thù, Phổ Hiền, Di-lặc, Long Thọ, Hiền Hộ, Vô Trước, Thiên Thân... đều nguyện vãng sinh. Mà Quán Âm, Thế Chí vừa ở chỗ Thích-ca vừa ở bên Di-đà. Cõi nước chúng ta bắt đầu từ Bạch Liên xã do ngài Tuệ Viễn cùng Tạ Linh Vận, Lưu Di Dân... đề xướng. Nối sau có Đàm Loan, Đạo Trân, Hoài Cảm, Hoài Ngọc, Đạo Xước, Thiện Đạo... hạnh nguyện rất nổi tiếng lại có thể khảo cứu. Đại sư Thiên Thai Trí giả của ta đã nối tiếp Thánh hiền, đã mở mang Pháp Hoa, giáo bắt đầu rất đầy đủ mà thực hành càng xa, trước Pháp Hoa có kinh Duy-ma-cật đứng đầu khởi giáo Tịnh độ. Sau Pháp Hoa có luận Khởi Tín đều trọn chứng về Tịnh độ. Xét đề mục có mười thứ Phật độ, có hai mươi bảy phẩm cõi Phật. Nó hợp thành bốn cõi. Sau, từ ngài Trí Giả thì bắt đầu có tên gọi bốn cõi rải rác trong các

kinh Pháp Hoa, Hoa Nghiêm, Duy-ma, Nhân Vương, Phổ Hiền Hạnh Nguyện và luận Đại Trí độ. Chỉ ngài Trí Giả ta hợp lại mà sắp xếp thứ tự. Như trong kinh Duy-ma thì gọi là không thất, trong kinh Pháp Hoa thì gọi là tháp báu ở không trung, đó là cõi Thường Tịch Quang. Chúng sinh ở Duy-ma, chúng Bảo Liên Hoa ở Pháp Hoa đều là Bồ-tát ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Ở Duy-ma, Pháp Hoa thì Thanh văn, Bồ-tát cùng làm Tăng, tức là cõi Phương tiện hữu dư. Thấy nước Diệu Hỷ ở Duy-ma, ba lần biến mặt đất ở Pháp Hoa tức là Tịnh độ Đồng Cư. Duy-ma có Bồ-tát Hương Tích, Pháp Hoa đầu tiên phát ra ánh sáng rực rỡ là uế độ đồng cư. Phật bảo Trưởng giả Bảo Tích rằng: Bồ-tát tùy chúng sinh được hóa độ mà chọn lấy cõi Phật, tức là cõi Đồng cư. Tùy sự điều phục chúng sinh mà chọn lấy cõi Phật, là cõi Phương tiện hữu dư. Tùy chúng sinh dùng cõi nước nào để vào trí tuệ Phật mà chọn lấy cõi Phật tức là cõi Thật báo trang nghiêm. Tùy chúng sinh lấy nước nào để khởi căn Bồ-tát mà chọn lấy cõi Phật, tức là cõi Thường tịch quang. Văn ấy tuy ẩn kín mà nghĩa sáng tỏ. Tên tuy nhiều nhưng lý lại hợp. Nếu không phải do ngài Trí Giả nêu ra thì không biết làm sao. Xét ngài Tuệ Viễn, ở vào thời giáo Điển chưa đầy đủ, lúc căn cơ chưa thuần thục. Trí giả dẫn dắt các bậc Hiền mà sáng lập đạo, đạp sóng gió mà lắng sâu, mở ẩn bí mà làm bật sáng, trọn thành giáo này tặng lại người sau. Há chẳng đến từ Tịnh độ mà muốn cõi uế này thanh tịnh ư? Kinh Pháp Hoa trong phẩm Dược Vương chỉ bày thế giới An lạc, sinh trong hoa sen, còn ở phẩm Phổ Hiền thì bày cung trời Đâu-suất sinh về chỗ Di-lặc. Ngài Trí giả bỏ hạnh Phổ Hiền mà chuyên ý với sự chứng đắc quả Dược Vương. Sau đó, có pháp sư Từ Ân lại bỏ Dược Vương mà chuyên ý Phổ Hiền thì lại biết rõ là bốn cõi có phân biệt. Chỉ biết bốn cõi thì mười sáu quán gồm hết, ba thân, bốn giáo, muôn pháp đều không sót. Tuy nhiên có hai bệnh:

1. Nghi chẳng tin. Nếu họ nghi chẳng tự tin thì tin trong ta nào có bổ ích gì. Trí giả bị bệnh nên soạn luận Thập Nghi. Đời Đường, ở Vĩnh châu, Tốn Thượng nhân đặc biệt soạn luận ấy lên vách chùa Long Hưng mà cảm được rất sâu.

2. Tin mà cuồng điên ngu si, chẳng biết ngộ tâm nhập quán, nói nhân để chứng quả. Chỉ nói ta giữ tâm được tịnh còn ai cũng chẳng phải Tịnh độ, giống như hay nói lời Duy-ma thật mình là dân Thiên ma, há chẳng cẩn trọng ư? Đáng tiếc thay. Ở đời nay phát triển mạnh giáo này. Bởi có người, như Pháp sư Từ Vân về giáo hạnh, Pháp sư Tứ Minh về quán trí. Người gần đây như Luật sư Linh Chi về biện luận vì sao được

chuộng, Vĩ Thượng lão Pháp Hoa xưa từ Pháp sư Minh Trí mà sinh tín. Sau rất thong dong ở Linh Chi.

19. Các thuyết về Tịnh độ của Pháp sư Thảo Am Đạo Nhân.

Kinh chép: Di-đà là thân pháp giới. Thân cao sáu mươi muôn ức na-do-tha do-tuần, có thứ trượng sáu, có thứ trượng tám, có thành rộng mười ngàn do-tuần. Có ao tắm rộng tám mươi bốn ngàn dặm. Có nghi thành, có biên địa, có thai cung, có cơm ăn, có hoa lá hai trăm năm mươi do-tuần. Có thứ lớn như bánh xe. Có cha mẹ, có ma vương. Có cõi không trang nghiêm như của Đức Thích-ca, nhưng các kinh luận thường có sự khác nhau, há là một thời quyền biến phó cơ ư? Đáp rằng đâu thể gọi là quyền? Hơn nữa, Đức Thích-ca đứng đầu tam thiên đại thiên thế giới thì một tứ thiên hạ này quả báo còn có sai khác, há các nước đều đồng nhau? Ứng thân Đồng cư còn như thế, huống chi ba thân bốn cõi. Huống gì Di-đà dắt dẫn chúng sinh niệm Phật mười phương cao thấp, cạn sâu cũng chẳng đồng. Sợ chẳng những đại thiên thế giới mà thôi, há chỉ dừng lại ở mười ngàn do-tuần ư? Huống ba thân bốn cõi do đó mà biết thuyết chẳng đồng nên nói như thế. Song các kinh luận chẳng nói rõ. Đã muốn hành giả chuyên chú vào một cảnh, do đó không cần phải nhiều, huống là như vừa kể, là có nhiều tướng như thế. Song ở đây chỉ có ngài Tứ Minh thông đạt sâu xa, giải thích năm trược nặng nhẹ, đồng cư tịnh uế, bảo rằng tịnh này rất chung, phải biết ý riêng. Như ở bốn giáo, sơ tâm và giới thiện đều có thể năm trược mỏng nhẹ thì chiêu cảm đồng cư tịnh. Nay Viên quán khinh trược, y, chánh rất Tịnh so các kinh khác mà tu các hạnh lành thì tướng nó rất khác xa. Người khác nghe lời nói này bảo Tứ Minh là nghĩa gì. Phàm loài chim cánh vàng nuốt rồng ở chín vực, quán suốt bảy lầu vàng, dừng nghỉ trên núi thiết vi. Ếch ở giếng mà tin ư.

20. Ghi chép về tự tin Tịnh độ của Vô Công Tẩu Vương Điền.

Tôi thấy giáo truyền về phía Đông của Như Lai, nếu nói thuyết chỉ thẳng bổn tâm khiến người rốt lý, có người hiểu biết nên đã tin theo, còn những người hiểu biết thấp kém cũng không dám bàn đến. Chỉ bày việc vãng sinh của luận Tịnh độ thì mọi người đều hoài nghi. Lại chúng sinh tâm vốn có bốn thứ Tịnh độ là Phàm Thánh đồng cư, Phương tiện hữu dư, Thật báo vô chướng ngại và Thường tịch quang Phàm Thánh đồng cư thì hàng phàm phu còn bị trói buộc có thể nương ở. Còn ba cõi kia, thì dứt hoặc bậc Thánh mới được chứng nhập. Pháp môn vãng sinh

có hai tịnh nghiệp là: Chánh quán ngầm xét bổn tâm và trợ hạnh tu đủ muôn hạnh lành. Chánh quán và trợ hạnh đều tiến thì đạt đến bốn Tịnh, chỉ có nguyện làm các điều lành, gần thì sinh Phàm Thánh đồng cư, xa thì làm nhân sinh ba cõi trên. Theo luận này thì Tịnh độ chính là cảnh giới mà Bồ-tát rốt lý chứng được, bao gồm tất cả chúng sinh mênh mông hồi hướng tiệm tu. Họ tin lời Như Lai chỉ thẳng bổn tâm khiến người rốt lý mà nghi việc bày Tịnh độ vãng sinh là sao? Đại để là bổn tâm chúng sinh, thể không có một pháp có hình dụng, không một tướng nào chẳng đủ mà họ không biết, cho rằng thẳng như hư không vắng lặng, không còn y, chánh trang nghiêm. Lại trợ hạnh lấy chánh quán làm chính, chánh quán lấy trợ hạnh làm phụ. Hai là đối nhau mà lập, dường như trái nhau mà lại phù hợp, mà họ không biết, gọi là rốt lý quên duyên thì đâu cần phải thêm nguyện, thêm nguyện vãng sinh thì có ngại cho rốt lý, huống là Tịnh độ có đủ cả bốn phẩm. Người vãng sinh trên đến rốt lý Bồ-tát, dưới gồm tiệm tu chúng sinh thì loại nào chẳng thu, cơ nào chẳng nhiếp mà họ không biết. Nghe Thánh sư cao tăng vãng sinh thì tự cam mình không có phần. Thấy đàn bà trẻ con niệm Phật thì thẹn thùng mà làm theo. Ôi, Như Lai khen ngợi Tịnh độ có ý bảo rằng Tịnh độ mình người, Phàm Thánh, nhân quả tức tự tâm chúng sinh mà thôi. Vãng sinh Tịnh độ là dễ, tự tin tâm mình là khó. Đương thời các Đức Phật mười phương biết là nói Pháp tất cả thế gian khó tin, do đó mà bày tướng lưỡi khuyên tin. Rồi Như Lai lại dụ khiến nên tin nhận. Ý chỉ Từ bi của Đấng Đại Giác có thể thấy ở đây mà chúng sinh chẳng hề tin, thật đáng trách. Một hôm, có người hỏi, tôi dùng giáo Tịnh độ, tùy chỗ vặn hỏi mà luận bày, khi rảnh tôi bèn biên lại thành sách được mười câu vấn đáp đặt tên là Tịnh độ Tự Tín Lục những ai hoặc thấy hoặc nghe hoặc y hoặc trái, chẳng rời Ta-bà đã về Cực lạc. Đây là chí của tôi.

Tứ Minh Vô Công Tẩu Vương Điền kính ghi.

21. Tịnh độ chuyên tu và tạp tu của Tỳ-kheo Thiện Đạo ở kinh đô.

Hỏi: Vì sao chẳng dạy quán tưởng mà dạy xưng niệm danh hiệu là có ý gì?

Đáp: Chúng sinh chướng nặng, cảnh tế, tâm thô, thức tán, thần động thì quán khó thành tựu. Ấy vì đại Thánh Từ bi thương xót khuyên thẳng chuyên xưng danh hiệu chính là do xưng danh thì dễ, nối nhau mãi liền sinh, nếu như trên mà niệm niệm nối nhau lấy cái chết làm kỳ hẹn, thì mười người tu mười người sinh, trăm người tu trăm người sinh.

Vì sao? vì không ngoài tạp duyên mà được chánh niệm, vì tương ưng với bổn nguyện của Phật, vì không trái với giáo, vì thuận theo lời Phật nói. Nếu bỏ chuyên niệm mà tu tạp nghiệp, thì trong một trăm người chỉ hy vọng được một, hai, trong ngàn người chỉ mong ba, bốn. Vì sao? vì do tạp duyên loạn động, vì mất chánh niệm, nên không tương ưng với bổn nguyện Phật, trái với giáo, không thuận theo lời Phật, vì giữ niệm không nối nhau nên tâm không liên tục nghĩ báo ân Phật, vì thế tuy thực hành hạnh nghiệp mà thường tương ưng với danh lợi nên thích gần tạp duyên, chướng mình chướng người. Vì chánh hạnh vãng sinh, so với đạo tục các phương khác thấy giải hạnh khác nhau, chuyên tạp có khác. Nếu chuyên ý thực hành thì mười người tu mười người sinh. Còn tu tạp chẳng dốc lòng thì ngàn người không được một. Ngưỡng mong tất cả người vãng sinh nên khéo tự suy lường mình nay thân này nguyện sinh về nước ấy, đi đứng nằm ngồi thân tâm hết sức cố gắng, ngày đêm không phế bỏ, đến chết mới thôi. Chỉ ở thân hình, dường như có chút khổ, niệm trước dứt rồi, niệm sau liền vãng sinh. Trong nhiều kiếp lâu dài luôn được pháp Vô vi cho đến thành Phật, không trở lui vào sinh tử, há chẳng vui sao?

22. Luận về hoành xuất và thụ xuất của Pháp sư Đồng Giang Trạch Anh.

Thụ Xuất là Thanh văn tu Bốn đế, Duyên giác tu mười hai nhân duyên, Bồ-tát tu sáu độ muôn hạnh. Các hạnh tu này bước lên giai vị như lên bậc thang, tự phải có tài học. Lại như ra làm quan cần phải có công lao. Hoành xuất là niệm Phật cầu sinh Tịnh độ, ví như được phúc ấm, công do sức của ông cha và người khác, bất luận có tài học hay không. Lại như do vua ban ân chuyển khắp, công do quốc vương, bất luận trải qua các việc cạn sâu. Ở Hoành xuất có Định thiện và Tán thiện, nên Hòa thượng Thiện Đạo lập chuyên tu và tạp tu. Tạp tu nghĩa là tản mạn tu các nghiệp lành mà hồi hướng trang nghiêm. Còn chuyên tu là chuyên lễ Phật A-di-đà mà không xen các lễ các Đức Phật khác, miệng chuyên niệm danh hiệu Phật A-di-đà mà không niệm các danh hiệu khác, chẳng tụng các kinh chú khác, ý chỉ chuyên tưởng Phật A-di-đà không tu các quán khác. Nếu chuyên tu thì mười người tu mười người sinh, trăm người tu trăm người sinh. Còn tạp tu thì trăm người chỉ được một, hai người sinh, ngàn người chỉ được năm, ba người sinh. Nay thấy người đời có khi một ngày lễ Phật A-di-đà ba ngàn lạy, ngày niệm Phật A-di-đà mười muôn câu. Có người ngày đêm tập ngồi chuyên tưởng Phật A-di-đà và các cảm ứng, rất có linh nghiệm.

23. Pháp mười niệm buổi sáng của Thiên Trúc Sám chủ Tuân Thức.

Người tu Tịnh nghiệp mỗi ngày vào lúc sáng sớm phải rửa mặt chải tóc, mặc áo sạch, xoay mặt về hướng Tây đứng chấp tay xưng niệm nối nhau danh hiệu A-di-đà Phật hết một hơi là một niệm. Như thế mười hơi gọi là mười niệm, chỉ tùy theo hơi dài ngắn không hạn chế câu Phật nhiều ít. Chỉ cần dài lâu hơi rốt làm mức. Niệm câu Phật không cao không thấp, không chậm không mau, điều hòa vừa chừng. Mười hơi như thế liền nhau không dứt ở ý, luôn khiến tâm không tán loạn, chuyên tinh thành công phu gọi là mười niệm, là chỉ rõ việc nhờ hơi cột tâm. Hết một đời này chẳng được một ngày bỏ phế, chỉ lấy không bỏ phế tự cần yếu ở tâm thì chắc chắn được sinh nước ấy. Niệm như thế xong, kế phát nguyện rằng:

Con đệ tử là... một lòng quy mạng Đức Phật A-di-đà ở thế giới Cực lạc. Xin chiếu ánh sáng thanh tịnh vào thân con, dùng thệ nguyện từ bi che chở con. Nay con chánh niệm xưng danh Như Lai, trong khoảng mười niệm, vì đạo Bồ-đề cầu sinh Tịnh độ. Phật xưa vốn thệ nếu có chúng sinh nào muốn sinh về nước ta, dốc lòng tin ưa, dù chỉ mười niệm mà chẳng sinh, thì ta không thành Chánh giác, chỉ trừ người gây năm tội nghịch và hủy báng chánh pháp. Nay con tự nhớ đời này, đời sau chẳng tạo tội nghịch, chẳng chê Đại thừa. Nguyện mười niệm này được vào biển thệ lớn của Như Lai, nhờ Từ lực Phật, các tội tiêu diệt, nhân lành thêm lớn. Nếu khi sắp qua đời thì được biết trước. Thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, ý chẳng điên đảo, như vào thiền định. Phật và Thánh chúng, tay bưng đài vàng, đến đón rước con. Trong khoảng một niệm, liền sinh Cực lạc. Hoa nở thấy Phật, liền nghe Phật thừa, mở nhanh Phật tuệ, rộng độ chúng sinh, tròn nguyện Bồ-đề.

24. Phương pháp niệm Phật của Thiên Trúc sám chủ Tuân Thức.

- Phàm đấng Đại giác Thế Tôn dùng bốn pháp độ các chúng sinh:

1. Thị hiện tướng đẹp đẽ, khiến người quán sát phát tâm Bồ-đề.
2. Thị hiện nói pháp khiến người được nghe khai ngộ vào đạo.
3. Thị hiện hóa độ khiến người thấy nghe được các pháp lợi.
4. Danh hiệu truyền khắp mười phương khiến người nghe chấp trì giữ niệm thì tội diệt, thiện sinh, mà được độ thoát.

Ở đây nói niệm Phật thì hoặc chỉ duyên với ba mươi hai tướng

tốt mà giữ tâm được định, mở mắt, nhắm mắt đều thường thấy Phật, hoặc chỉ xưng niệm danh hiệu chấp trì không tán loạn, cũng ở hiện đời này được thấy Phật. Ở cõi này hiện thấy phần nhiều xưng niệm danh hiệu Phật là trên hết. Như Pháp sư Hoài Cảm chỉ một mạch xưng niệm danh hiệu A-di-đà Phật mà được Tam-muội, hiện tiền thấy Phật. Cho nên nay khắp bày pháp xưng niệm danh hiệu Phật, cần phải định tâm khiến không tán loạn, niệm niệm nối nhau, duyên với danh hiệu. Trong miệng từng tiếng thường đọc A-di-đà Phật, lấy tâm duyên theo từng chữ rõ ràng, khiến tâm và miệng cột nhau. Hoặc trăm câu, ngàn câu, muôn câu, hoặc một ngày, hai ngày hoặc bảy ngày. Chỉ khi niệm danh hiệu thì không quản nhiều ít, chỉ cần một lòng một ý, miệng và tâm nối nhau. Như ở cõi này một niệm diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sinh tử. Nếu không được thế thì diệt tội rất khó. Nếu sợ tâm tán loạn thì đọc lớn nhanh thì tâm dễ định, Tam-muội dễ thành. Cho nên Pháp sư Hoài Cảm trong luận Quyết Nghi có dẫn kinh Đại Tập Nhật Tạng kinh nói niệm nhỏ thấy Phật nhỏ, niệm lớn thấy Phật lớn. Luận giải thích rằng: Niệm lớn là lớn tiếng niệm Phật. Niệm nhỏ là nhỏ tiếng niệm Phật. Đây là lời Thánh dạy đâu có lầm lẫn, khuyên các người học chỉ cần cố gắng lên tiếng niệm Phật , Tam-muội dễ thành. Nếu nhỏ tiếng niệm Phật thì bị nhiều tán loạn. Đây chỉ người thực hành mới biết, người ngoài không hiểu được việc này, Đại sư Thiên Thai Trí giả trong khi giải thích kinh Quán có nói rằng: Khi người tội sắp qua đời xưng Phật hiệu mười niệm thì dập tắt được lửa địa ngục mà được sinh Tịnh độ, ý ấy rõ ràng. Như nói tâm ấy tuy thời gian ít ỏi nhưng năng lực rất mạnh, tâm quyết đoán chắc chắn thì năng lực hơn cả nguyện lực trăm năm. Tâm ấy gọi là đại tâm, chẳng tiếc thân mạng, gọi là người có sức mạnh. Đó nói niệm lớn thì đây gọi Tâm lớn. Đó nói gắng niệm hết sức thì đây nói mạnh mẽ không tiếc thân mạng. Đó nói niệm nhỏ thường bị tán loạn thì đây nói hơn cả nguyện lực trăm năm. Há không phải là đều khiến mạnh mẽ lớn tiếng niệm Phật, tuy ít mà công hiệu nhiều? Nếu nhỏ tiếng niệm Phật tuy nhiều mà công hiệu ít. Cho nên nói mười niệm hơn cả trăm năm. Thời nay phần nhiều thấy người đời niệm Phật đều không tinh chuyên, tán tâm, niệm chậm khiến cho hiện đời thành công rất ít, khi qua đời việc cảm ứng rất ít. Cho nên nay đặc biệt chỉ bày pháp này khẩn thiết khuyên khi niệm Phật thì phải nhất tâm bất loạn, lớn tiếng niệm Phật, từng tiếng nối nhau, không bao lâu sẽ được thành công.

25. So sánh công đức niệm Phật của Thiên Trúc Sám chủ Tuân Thức.

Kinh Đại Niết-bàn nói: “Giả sử trong suốt một tháng thường cúng dường y phục, thức ăn cho tất cả chúng sinh thì không bằng một phần mười sáu công đức của người niệm một câu Phật. Giả sử rèn vàng làm người dùng xe ngựa chở chuyên cho đến dùng trăm thứ báu mà bố thí mọi người thì không bằng công đức hướng trước Phật bước đến một bước. Giả sử có người đem voi xe lớn chở hết các báu vật chuỗi ngọc trong nước Đại Tần, số nhiều trăm muôn dùng để bố thí thì cũng không bằng phát tâm hướng trước Phật bước đến một bước. Nếu cúng dường bốn thứ cho tất cả chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới thì cũng không bằng phát tâm hướng trước Phật bước đến một bước, vì công đức này vô lượng vô biên.” Vậy khuyên khắp các nam nữ tín tâm tại gia mỗi buổi sáng nên mặc áo sạch, tịnh tâm đảnh lễ tượng Phật xem như Phật thật không khác. Đừng để một ngày bỏ phế. Nếu công việc bận rộn gấp gáp thì cũng phải chú tâm vào Phật đường, đốt hương trước Phật lạy một lạy. Nếu được rảnh rang thì sớm chiều chớ bỏ. Chẳng nệ sớm tối, xin đem một niệm niệm Phật và bước đến chỗ Phật một bước công đức rất cao quý. Huống là từng bước, từng niệm, đi nhiễu niệm Phật thì diệt tội chướng và được công đức chẳng thể suy nghĩ nói năng được.

26. Pháp ngồi thiền quán tưởng vãng sinh của Thiên Trúc Sám chủ Tuân Thức.

Muốn tu quán vãng sinh thì phải ở một nơi, ngồi trên giường dây, xoay mặt về hướng Tây thì dễ quán tưởng, vì biểu thị đúng hướng. Cho nên ngồi kiết già thẳng cổ và xương sống thẳng hàng chẳng ưỡn chẳng khom, hơi thở điều hòa, tâm yên định. Nhưng môn tu quán trong kinh luận có nói rất nhiều. Kẻ sơ tâm phàm phu đâu thể tu tập khắp hết. Nay vì để dễ tưởng nên nêu hai thứ mà tùy nghi, không cần cả hai thứ. Nếu có quán tưởng khác đã thuần thục thì mặc tình thuận tiện, chỉ không lìa pháp môn Tịnh độ thì đều nên tu tập. Nói hai thứ:

1. Giúp ý quán khắp, ngồi xong thì tự tưởng, tức thời công phu đã tu hợp với vãng sinh thế giới Cực lạc. Khi đó khởi tưởng sinh về cõi nước ấy ngồi kiết già trong hoa sen, hoa sen khép lại, tưởng hoa sen nở ra. Khi hoa nở ra thì tưởng có ánh sáng năm trăm sắc (mầu) chiếu đến thân mình. Tưởng mắt mở ra, tưởng thấy Phật, Bồ-tát và cõi nước, tưởng ở trước Phật ngồi nghe Pháp mầu. Tất cả tiếng đều nói những pháp mà mình thích nghe, đều rất hợp với mười hai bộ kinh. Lúc đó phải giữ cho

tâm bền chắc không loạn, tâm tưởng rõ ràng như thấy trước mắt, rất lâu mới đứng dậy.

2. Tưởng thẳng Phật A-di-đà thân vàng trượng sáu ngồi trên hoa, rồi chú tưởng vào giữa hai đầu chân mày có sợi lông trắng dài một trượng rưỡi, chu vi năm tấc, ngoài có tám cạnh (góc), bên trong rỗng, xoắn về bên phải ở giữa hai đầu chân mày rất trong suốt sáng sạch, không diễn tả hết được, ánh sáng của nó soi rõ mặt Phật rõ ràng. Khi thực hành tưởng này thì dừng tâm chú tưởng bền chắc không dời, sau khi thực hành quán tưởng này thì nghĩ việc thấy Phật hoặc chưa thấy đều là nhân duyên không thực, các tướng hiện ra đều là không, như mặt mày trong gương, như trăng trong nước, như mộng như huyễn, tuy không nhưng cũng thấy được, đều do tâm tánh hiện ra. Tất cả đều do tự tâm mà tâm không tự biết tâm, tâm không tự thấy tâm. Tâm có tưởng là si, không tưởng là Niết-bàn. Tâm có Tâm không đều gọi là có tưởng, đều gọi là si, không thấy pháp tánh. Pháp do nhân duyên sinh tức không, giả, trung, chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải ngang, chẳng phải dọc, chẳng thể suy nghĩ bàn luận. Tâm tưởng vắng lặng thì sẽ thành tựu niệm Phật Tam-muội , lâu rồi mới đứng dậy.

27. Thuật niệm Phật tu tâm của Pháp sư Sơn Đường Ngạn Luân.

Các kinh Đại thừa khuyên sinh Tịnh độ nhân chung cho hai thứ định và tán. Định là tức Tâm quán Phật, tưởng y chánh, chủ bạn của cõi Tây phương kia, chỉ tâm vốn đủ, vì tâm ta không nên Như Lai vốn không, vì tâm ta là giả nên Như Lai rõ ràng cũng thế, vì tâm ta trung nên Như Lai dứt đối đãi. Hoặc tưởng hoa sen nở ra khép vào ta ở trong ấy. Khép là biểu thị cho không, nở là biểu thị cho giả, bốn vi đồng thể biểu thị cho trung đạo. Nên kinh nói các Đức Phật Như Lai là thân pháp giới nhập vào tâm tưởng của tất cả chúng sinh. Nên khi tâm ta tưởng Phật thì tâm ấy tức là ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tâm ấy làm Phật, Tâm ấy là Phật. Đây chính là Như Lai đích thân chỉ bày duy tâm Tam-muội viên thường quán thể, hiểu rõ y chánh sắc tâm của Tịnh độ ấy đều từ tâm ta, tánh sẵn có công đức, tức cảnh là quán. Ngoài tâm không Phật, ngoài tánh không có cõi, quán mãi không thôi, chứng vô sinh nhẫn, hai là tán thiện, dùng tâm thuần thành chân thật tin có Tây phương, nhất tâm bất loạn, niệm Phật Di-đà một ngày đến bảy ngày từng tiếng không dứt, từng niệm không xen. Kinh nói chấp trì danh hiệu một ngày đến bảy ngày nhất tâm bất loạn. Khi người này qua đời thì Phật A-di-đà cùng các Thánh chúng hiện ra trước mắt. Song việc tưởng

nước ấy không có ba pháp quán nên gọi là tán thiện mà thôi. Cho nên ba thứ tịnh nghiệp (thân, khẩu, ý) hồi hướng nguyện sinh đều chứng Cực lạc. Ngài Trí giả nói: Căn có lợi độn, hạnh có định, tán. Tam-muội quán Phật gọi là định tu các nghiệp lành khác gọi là tán. Năng lực của tán thiện yếu kém không thể diệt trừ được năm tội nghịch. Kinh này nói quán được vãng sinh là biết hoặc định hoặc tán, hoặc độn hoặc lợi đều là nhân Tịnh độ, đều đến vô sinh, không bao giờ lui sụt.

28. Luận Bảo Vương chọn bày nghĩa vãng sinh của Thiền sư Thảo Đường Phi Tích.

Hỏi: Người học đạo Phật mà tâm tán loạn khó kềm thúc, nay muốn được xuyên suốt, chuyên niệm Đức Phật Tây phương, bước lên giai vị không lui sụt, bỏ tâm hữu lậu, nương thuyền nhỏ mà về ao vàng, lễ Phật A-di-đà ở điện Bạch ngọc để thông ba cõi, suốt chín phẩm có được chăng?

Đáp: Luận Thập Trụ Bà-sa ngài Long Thọ nói: Đạo Bồ-tát có hạnh khó làm như đất bằng mà đi thuyền. Có hạnh dễ làm như đường nước mà đi thuyền. Năng lực bổn nguyện của Phật A-di-đà nếu có người nghe danh hiệu xưng niệm mà cầu sinh về nước ấy thì như thuyền gặp nước, lại gặp gió thuận, một khi ra đi thì ngàn dặm cũng dễ thì vua cha và sáu vạn người họ Thích quyến thuộc của Như Lai đều sinh cõi Cực lạc. Bởi Phật và chúng sinh ở thế giới này có duyên sâu, cho nên chuyên chú một cảnh cũng chẳng tốt sao?

Hỏi: Người đời phần nhiều lấy ngọc báu, thủy tinh, kim cang Bồ-đề gỗ đá làm chuỗi, tôi thì lấy hơi thở làm chuỗi. Xưng niệm danh hiệu Phật mà theo hơi thở là có chỗ nương cậy vững chắc, đâu sợ một hơi không trở lại thì thuộc đời sau. Tôi đi đứng nằm ngồi đều dùng chuỗi này, khiến khi ngủ ngậm Phật mà ngủ, khi thức dậy liền tiếp tục, thì ở trong mộng được thấy Phật. Phật như cái dùi lửa, khói bay lên trước lửa, mộng thấy không thôi thì Tam-muội sẽ thành, thấy được sợi lông trắng, được Phật thọ ký thì muôn người không sót một.

Hỏi: Một niệm, mười niệm vãng sinh Tịnh độ thì pháp nào là chánh?

Đáp: Chỉ cần một niệm vãng sinh trụ giai vị không lui sụt là chánh. Như Phật đã nói kẻ chê bai Phật, hủy kinh, đánh Tăng, chửi bậc Tôn trưởng, năm tội nghịch, bốn tội trọng đều một niệm nghiệp ác mà thành thì đọa địa ngục Vô gián cũng như tên bắn. Nay niệm Phật mà sinh Tịnh độ cũng một niệm nghiệp lành mà thành liền sinh về Cực lạc, cũng như

thời gian co duỗi cánh tay một niệm trước năm ấm diệt, một niệm sau năm ấm sinh. Như ấn bằng sáp in vào bùn, giơ ấn lên thì chữ thành, còn chẳng cần hai niệm, há đến mười niệm. Lại một niệm thì như kinh nói: Sa-di thích tô lạc sinh một niệm yêu thích thì sau liền thành sâu trong tô lạc. Đây chỉ một niệm không phải mười niệm. Lại kinh Đại Vô Lượng Thọ nói một niệm niệm Phật đều được vãng sinh. Mười niệm của kinh Quán cũng do đây. Bởi bị bệnh gầy ốm sức yếu tâm kém cho nên phải mười niệm xưng danh Di-đà để giúp sức niệm ấy. Nếu tâm mạnh mẽ không mê thì một niệm liền sinh. Cũng như vừa gieo trồng chút ít hạt giống mà phát triển thành vườn tược gấp trăm lần.

Hỏi: Trong kinh Phương Đẳng nói tu thiền định vô thượng sâu mầu để dứt bỏ vọng tưởng, quán tưởng sợi lông trắng gồm xưng niệm danh hiệu Phật để cầu thắng định. Từ sau khi khế hợp thì hai thứ tâm, Phật đều quên, tin điều đó là có. Chỉ thầm niệm suối trong tức Tam-muội tự đến. Cần gì phải tiếng tăm ồn ào làng xóm, chấn động núi rừng, sau đó mới là đạo?

Đáp: Thật như lời hỏi, tiếng cũng không cần câu nệ lắm. Vì sao? vì cốt yếu của tán là còn ở tiếng, tiếng không cố gắng hết sức thì tâm hời hợt lông bông không định. Tiếng mà cố gắng hết sức thì nhổ cả gốc rễ cỏ tranh, thúc dục ở sau, khi qua đời thì bỏ hết trăm lo là nghĩa thứ nhất. Gần thì lấy chỗ âm thanh và ánh sáng đến được mà muôn họa tiêu tan, công đức nhóm hợp như ngàn núi xinh tươi là nghĩa thứ hai. Xa mà nói thì kim dung rực rỡ, tung rải hoa báu mưa tí tách trên không như chỉ tay trong lòng bàn tay đều là tiếng gây nên cả, là nghĩa thứ ba. Như kéo gỗ đá nặng mà không tiến lên, khi hồng âm lên tiếng thì nâng nhẹ như bông là nghĩa thứ tư. Đánh nhau với ma quân, cờ, trống inh ỏi, dùng tiếng làm khí giới để định yên phá cường địch là nghĩa thứ năm. Đủ các nghĩa này còn sợ sệt gì. Nếu chưa yên tĩnh cả hai toàn chỉ quán cùng hợp mà chẳng được ý Phật đó sao? Định tuệ nếu bằng nhau thì quên cả tâm và Phật, thật như điều hỏi. Cho nên ngài Lô sơn Tuệ Viễn trong bài tựa niệm Phật Tam-muội có nói: Công cao dễ tiến thì Niệm Phật đứng đầu. Xét tiếng huyền đánh lên, tâm nghe thì trần lụy liền tiêu, trệ tình được sáng suốt, nếu không phải chỗ chí diệu trong thiên hạ thì ai có thể sánh với đây ư? Nói kẻ minh chứng chưa bằng như kệ Hoa Nghiêm nói thà chịu vô lượng khổ mà được nghe thanh âm của Phật, chứ không chịu hưởng tất cả điều vui mà không nghe danh hiệu Phật, song tiếng Phật chấn động xa khai mở mầm mống lành, cũng như tiếng sấm mùa xuân chấn động cả muôn loài thảo mộc. Đâu được khinh thường?

29. Niệm Phật phương tiện của quan Ty Gián Giang Công Vọng.

Ông là người ở Nghiêm Châu, trí thức cao sáng, tuổi nhỏ thi đậu, vào niên hiệu Sùng Ninh nổi tiếng là dùng lời thẳng can gián. Đương thời rực rỡ tông môn, tham học Thiện tri thức, ăn rau dưa mặc áo vải, dồi mài tiết hạnh. Tuổi già chuyên tu Tịnh nghiệp ngộ nhập Tam-muội niệm Phật, có văn niệm Phật phương tiện khắc đá, lưu truyền chỉ dẫn chúng sinh. Cuối niên hiệu Tuyên Hòa ông coi Quảng Tế quân. Một hôm, chẳng bệnh ngồi kiết già mà hóa. Biết là ông đã về Tịnh độ vậy. Văn ông viết:

Pháp thế gian xuất thế gian muốn được thành tựu, ít tốn sức thì không gì bằng giữ tâm vào một duyên, chỉ xưng niệm danh hiệu A-di-đà Phật. Nếu niệm ra tiếng lâu ngày không chỉ hao tổn tạng khí, răng lưỡi gõ khua, tâm niệm náo động, tai bèn phân biệt thức sinh, tánh nghe bị dao động, hễ ra rồi thì không trở lại, ba thứ ấy chứa nhóm lâu ngày thành nhọc; hoặc biếng lười, chỉ tâm niệm, không niệm ra tiếng, tâm có lóng lặng nhưng chưa được tuệ chiếu, đâu được phản văn. Ngoài căn chẳng kéo trong đối chẳng sinh, chìm trong mê tối, dễ thành quên mất. Có phương tiện khéo không cần động môi miệng, chẳng phát âm thanh. Lấy lưỡi gõ vào răng cửa, tâm niệm tùy ứng, tùy tâm định lượng, theo nghiệp phát hiện, lưỡi và ý căn, trong niệm niệm đều có bốn chữ A-di-đà Phật, âm thanh rõ ràng, có thể bày tiếng mà chẳng vượt tai nghe. Trong tánh chứa tâm, ứng với cơ lưỡi, cơ kéo niệm căn, tâm khiếu ở lưỡi, gõ động lỗ tai, cơ cơ lại niệm, gởi ở trong tai. Từ nghe vào dòng là nghe trở lại tịnh nguyên, vắng lặng mà nghe tánh không, ba thứ ấy dung hội nhau thì niệm niệm viên thông. Trái tim hiện bổn tánh Di-đà, thân năm trược dạo chơi cõi tịnh duy tâm. Lâu ngày bèn thành tựu duy tâm thức quán, hạng người lợi căn như thế thì niệm niệm không sinh, tâm tâm không có chỗ, sáu căn yên vắng, các thức tiêu tan. Pháp pháp toàn chân, môn môn bặt đối đãi. Nháy mắt liền thành chân như thật quán. Kẻ sơ cơ hậu học chỉ trừ khi có khách hỏi chuyện hàn ôn và lúc đại tiểu tiện thì có thể tạm dừng niệm. Nếu chưa khỏi việc ăn uống ngủ nghỉ, chưa đến khi ngủ mê cho đến làm các công việc nhà thì không phải bỏ việc, cũng chẳng ngại gì tâm miệng từng niệm từng tiếng xưng tụng Thánh hiệu. Lại nếu có những ý nghĩ xấu ác phát ra ở tâm thì tự nhiên thuần nhất không xen tạp. Nếu nhiếp cả sáu căn, Tịnh niệm nối nhau thì không quá một tuần trăng liền thành Tam-muội. Đó gọi là tâm ấy làm Phật, tâm ấy thấy Phật, tâm ấy là Phật. Bậc thượng căn dại khí một niệm liền siêu, kẻ bình thường thì phải khéo quán phương tiện.

Điếu Đài Giang Công Vọng trình bày.

Phương pháp niệm Phật như Từ Vân Sám chủ và luận Bảo Vương chỉ bày, còn trước thuật của Giang Công Vọng cũng có thể nhiếp một cơ riêng. Bởi tất đàn độ khắp đều được.

30. An tượng Phật A-di-đà trong nhà Vô Thường, xuất xứ trong Vô Tận Đăng.

Phẩm Hiền Thủ trong kinh Hoa Nghiêm chép: Lại phát ánh sáng gọi là thấy Phật. Ánh sáng này giác ngộ kẻ sắp chết khiến nhớ nghĩ thấy Như Lai, khi qua đời được sinh cõi tịnh. Thấy khi có người sắp qua đời thì khuyên niệm Phật. Lại bày tôn tượng khiến kính lễ, dạy quy kính Phật, thế nên thành tựu được ánh sáng này. Khiến thấy Phật thì một là không sợ chết, hai là không sợ đường ác. Lại khi qua đời khuyên niệm Phật thì như luận Trí Độ 28 chép: Thời gian ít ỏi khi sắp qua đời mà hơn cả năng lực tu hành trọn đời vì nó rất mạnh mẽ nhanh chóng, ví như lửa, như chất độc. Y theo pháp ở Tây vực thì ở góc Tây bắc của Kỳ viên hướng mặt trời lặn là nhà Vô Thường. Nếu có người bệnh thì đặt trong viện ấy. Hễ người tham nhiễm nếu an trí họ trong phòng, nhìn thấy y bát và các đồ dùng liền sinh đắm trước mà không chán bỏ. Cho nên dạy để chỗ riêng gọi là nhà Vô thường. Người đi rất đông trở về chỉ một, hai, ngay nơi sự mà cầu pháp chuyên tâm niệm. Theo trong viện ấy đặt một tượng Phật đứng sơn thếp vàng ròng mặt hướng về Tây, tay phải tượng buông xuôi, trong tay cầm một cái phướng năm mầu, rủ xuống đến đất. Để người bệnh ở sau tượng, tay trái cầm lá phướng, với ý nghĩa là vãng sinh theo Phật. Người nuôi bệnh đốt hương, rải hoa, đánh khánh, niệm Phật để giúp trang nghiêm người bệnh. Nếu người bệnh có tiêu, tiểu, ói mửa thì liền dẹp đi, người ấy cũng không có tội. Huống Phật không hề yêu, ghét, hễ có người nào nương về thì đều cứu độ. Lại vì người bệnh tùy cơ nói pháp, khi chết để yên bên Phật không được dời đi. Đợi thần thức dạo cảnh tịnh thì để hay dời không ngại. Cố gắng làm theo như đây.

31. Lâm chung chánh niệm quyết của Tỳ-kheo Thiện Đạo ở kinh đô.

Tri Quy Tử đến hỏi Hòa thượng Tịnh Nghiệp rằng: Việc lớn ở đời không gì bằng sinh tử, một hơi thở không trở lại thì thuộc đời sau, nếu một niệm sai lầm thì đọa vào luân hồi. Tiểu Tử tôi rất mong ngài chỉ dạy cho pháp niệm Phật vãng sinh. Lý ấy tuy rất rõ ràng nhưng sợ người

bệnh khi chết đến thì tâm thức tán loạn, lại lo người nhà làm mê loạn chánh niệm mà quên mất Tịnh nhân. Lại mong ngài chỉ cho đường tắt giúp mau thoát khổ đắm chìm.

Sư nói: Lạ thay lời hỏi. Hễ người sắp chết muốn được vãng sinh Tịnh độ thì trước phải chuẩn bị không được sợ chết ham sống. Luôn nghĩ rằng thân ta hiện tại bị rất nhiều các khổ, nghiệp ác, bất tịnh... các thứ cùng trói cột. Nếu bỏ được uế thân này mà vãng sinh Tịnh độ thì được vô lượng điều vui sướng, thấy Phật nghe pháp, lìa khổ giải thoát là việc rất vừa ý, như bỏ áo cũ rách, hôi hám mà đươc mặc áo quý đẹp. Bỏ hết thân tâm không còn tham đắm. Khi mới bị bệnh bất luận nặng nhẹ liền nghĩ vô thường, một lòng đợi chết. Cần dặn dò người nhà, người nuôi bệnh và người đến thăm viếng rằng: Hễ đến trước tôi chỉ nên niệm Phật giúp tôi, không được nói nhiều chuyện lặt vặt trong nhà, hay dở tốt xấu. Cũng không nên nhỏ nhẹ an ủi ta, chúc ta an vui. Những lời này đều là lời luống dối không thực, sẽ gây tai họa. Khi bệnh nặng sắp chết thì người nhà thân thuộc không được đến trước ta mà khóc lóc, lên tiếng than thở buồn thương, làm rối loạn tâm thần mà mất chánh niệm. Chỉ cần ghi nhớ lấy câu A-di-đà Phật cùng lúc lớn tiếng niệm Phật giúp tôi cho đến lúc tôi dứt hơi. Đợi dứt rất lâu rồi mới được khóc lóc. Nếu có người hiểu rõ Tịnh độ đến khuyên gắng là tốt nhất. Nếu làm được như thế thì ngàn muôn vãng sinh ắt chẳng nghi ngờ lo lắng gì. Điều này rất thiết yếu phải tin tưởng làm theo.

Hỏi: Cầu thầy trị bệnh cho thuốc chẳng cần ư?

Đáp: Đây là luận về dụng tâm. Còn việc thầy thuốc trị liệu không ngại gì cả. Nhưng thuốc chỉ cứu được bệnh mà không cứu được mạng. Nếu mạng hết thì thuốc có làm gì được.

Hỏi: Cầu nguyện thần linh, họa, phước thì như thế nào?

Đáp: Mạng người thọ yểu sinh ra đã định, sao lại nhờ quỷ thần kéo dài thêm được? Người đời mê lầm trở lại cầu tà giết hại chúng sinh cúng tế quỷ thần, chỉ thêm tội nghiệp, lại kết thêm oán thù mà còn tổn thọ. Nếu mạng số hết thì quỷ nhỏ cũng chẳng làm gì được. Càng luống sợ sệt mà chẳng cứu giúp được. Hãy rất cẩn thận. Đem bài văn này dán trong nhà ở chỗ ăn uống hoặc nơi nhiều người thường qua lại khiến luôn đọc thấy mà ghi nhớ vào lòng, để phòng khi gặp nguy mà quên mất.

Hỏi: Lúc bình thường chưa hề niệm Phật khi sắp chết niệm Phật có hiệu nghiệm chăng?

Đáp: Pháp lành này người xuất gia, người tại gia và người chẳng niệm Phật thực hành đều được vãng sinh, quyết không nghi ngại. Tôi

thấy phần nhiều người đời lúc bình thường thì niệm Phật lễ bái, phát nguyện vãng sinh. Đến lúc bệnh hoạn sắp chết thì lại sợ chết, không thấy nói đến việc vãng sinh nữa. Đợi đến lúc hơi thở đã dứt, thần thức xuống âm phủ rồi mới niệm mười niệm, cũng như giặc cướp đã tràn qua cửa ải thì có làm gì được nữa. Huống chi chết là việc lớn, cần phải chuẩn bị trước. Một niệm dần dà thì muôn kiếp chịu khổ, có ai chịu thay ta. Hãy suy nghĩ kỹ, suy nghĩ kỹ.

***32. Khi sắp qua đời thỉnh tăng niệm Phật có cảm ứng, xuất xứ từ Bảo Châu Tập*.**

Thời gần đây, Trưởng lão Ngộ Công ở Cô Tô lui về ở Dương châu mà dứt duyên đời, thường ngày niệm Phật rất siêng năng. Có người hỏi vì sao tin tưởng quá thế. Ngộ công vui vẻ bảo rằng: Khi tôi trụ chùa Vạn thọ gặp Tập Duy-na bị bệnh không lành, bèn hai lần thỉnh tăng chúng niệm Phật. Sau khi chết thì chúng trong liêu có người chê ông là ngạo mạn, vào nhà trên sắp ngủ, bỗng nghe trên rường nhà có tiếng bảo: "Tập đã sinh Tịnh độ". Bèn nghi ngờ rằng ông không tu tịnh nghiệp thì làm sao được vãng sinh. Thì lại có tiếng bảo: Khi ông ấy sắp chết đã hai lần thỉnh chúng niệm Phật, khen ngợi hồi lâu, tự đó đầu thành. Tôi nghe Ngộ nói xong, nhân nhớ lại Pháp sư Đạo Nhân bảo Đường Minh Hoàng rằng: "Sức Phật, sức pháp, ba hiền mười Thánh cũng không thể lường biết được", thì biết người trần thế khó lấy tình thức mà đoán biết. Nên chỉ tin chắc mà thực hành theo.

Một hạt hoàn đơn mà chỉ sắt thành vàng, một lời chân lý đổi phàm thành Thánh. Di-đà giáo quán thật là thuốc hay, điểm sắt thành vàng ròng. Phật ấy từ vô số kiếp đến nay tu hành thành tựu thân, thành tựu nước, phát bốn mươi tám lời nguyện, cuối cùng chứng quả oai đức, ánh sáng chẳng thể suy nghĩ bàn luận. Kinh Quán nói nghe một câu danh hiệu Phật thì diệt trừ được tội nặng tám mươi ức kiếp sinh tử. Còn như người gây năm tội nghịch, mười điều ác, lúc sắp chết gặp Thiện tri thức dạy xưng niệm mười câu Phật liền được vãng sinh. Thế mới biết thỉnh chúng niệm Phật liền có cảm ứng. Vì sao người đời chẳng biết niệm Phật là thuốc điểm sắt thành vàng mà cầu vãng sinh. Tuy có người biết mà không khởi lòng tin sâu chắc, nhân do dự biếng lười cam tâm chịu năm trược, trôi giạt trong sinh tử chịu các khổ, thật đáng thương xót! Nhân lúc người còn khỏe mạnh mà thỉnh chúng tăng niệm Phật, sám tội giải oan thực hành pháp quyết định vãng sinh. Huống gì khi bệnh nặng, lúc sợ sệt sinh tử mà có thể mạnh mẽ phát tâm, thỉnh người tu

Tịnh nghiệp đã lâu làm Phật sự lớn để giúp vãng sinh Tây phương, đây là việc quan trọng. Xem việc tập Duy-na lúc qua đời niệm Phật thật là gương sáng cho người đời noi theo.

33. Lúc ngủ nhập quán, phát nguyện thấy Phật, xuất xứ từ Đại tạng tập Chư Kinh Lễ Sám Nghi.

Người tu Tịnh nghiệp hễ lúc ngủ và nhập quán thì trước phải đứng chấp tay một lòng hướng về phía Tây niệm mười câu A-Di-đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải chúng, sau đó đối trước Phật mà phát nguyện rằng: "Đệ tử... hiện là phàm phu sinh tử, tội chướng sâu nặng, luân hồi sáu đường khổ chẳng thể nói hết. Nay gặp Thiện tri thức, được nghe danh hiệu, bổn nguyện Di-đà, một lòng xưng niệm cầu nguyện vãng sinh. Nguyện Phật thương xót, đưa tay dắt dẫn. Đệ tử chẳng biết Di-đà Thế Tôn thân tướng sáng rỡ, nguyện Phật, Bồ-tát thị hiện thân tướng, và thế giới kia trang nghiêm...". Nói xong, nhất tâm chánh niệm rồi nhập quán và ngủ. Hoặc có người ngay khi phát nguyện thì thấy các tướng đẹp. Hoặc ở trong quán được thấy, hoăc lúc ngủ mộng thấy. Nguyện này đến nay rất có hiệu nghiệm không thể kể xiết. Rất mong gắng chí cố làm mới tin là không luống dối.

34. Sớ hội mừng sám lễ Phật của Pháp sư Thảo Am Đạo Nhân.

Kính vì: Di-đà nương tâm chúng sinh mà phát hiện, chúng sinh nương nguyện trí của Di-đà mà thoát khỏi buộc ràng. Ngoài ứng vô cơ, tức chư Phật ở trong tâm chúng sinh. Ngoài cơ vô ứng tức chúng sinh ở trong tâm các Đức Phật. Chúng sinh và Phật như một, cảm ứng đồng giao. Trăm lỗi đều dứt, bốn vận cùng đẩy. Như thế thì từng niệm chẳng sinh nghi, từng tiếng đều giải thoát. May gặp được việc tốt, nguyện kết nhân lành, chứa nhóm tư lương, rộng hẹn đạo tâm của đại chúng xuất gia, tại gia cùng phát, thắng tập mười năm chợt viên, trong ngoài vui mừng rạp mình sám hối. Cúi mong Di-đà cha lành, Thích-ca thầy tốt. một Chiết một Nhiếp mà cùng thành thục cơ duyên. Không bè phái không thiên lệch mà đồng thành nghiệp tốt. Mong xa gần tình hết, tịnh uế đều quên. Chẳng đợi Di-lặc hạ sinh, mau chứng thượng phẩm ở Tịch Quang. Móc sắt móc voi dạo chơi khắp Liên xã. Ấn sáp ấn bùn liền dự vào ao hoa báu, gieo mình đến chết, khắc cốt ghi tâm. Trên mong hồng ân từ bi chứng giám. Cung kính dâng sớ.

LẠC BANG VĂN LOẠI

QUYỂN 5

Loại Phú và Minh:

1. Bài phú: Thần Thê An dưỡng của Thiền sư Trí Giác Diên Thọ.

2. Tấn An dưỡng Phú, phụng chế văn của Ngô Việt Tiền Vương Thục.

3. Bài Minh: Nhật Quán (Quán mặt Trời) của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.

Loại kệ (6 bài).

1. Kệ vẽ tượng Phật A-di-đà của Cư sĩ Đông Pha Tô Thức.

2. Kệ khen ngợi của ngài Hiền Thủ trong kinh Hoa Nghiêm khen Phật của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.

3. Kệ vãng sinh y kinh mà lập của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.

4. Kệ phát nguyện viết kinh Di-Đà Ấn Thí của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.

5. Kệ Diêu Hạnh Bà quán mặt trời thấy Phật.

6. Kệ Tán Dụ Di Tôn của Triêu Nghị Đại Phu Đinh Tánh.

Loại Tụng (20 bài):

1. Thập Lục Quán Tụng, hai mươi ba bài, của Từ Vân Sám Chủ Tuân Thức.

2. Thập Lục Quán Tụng, mười sáu bài, của Pháp sư Tra Am Hữu Nghiêm.

3. Thập Lục Quán Tụng, hai mươi bốn bài, của Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu.

4. Tụng khuyến hóa đường tắt tu hành của Tỳ-kheo Thiện Đạo ở Kinh đô.

5. Tụng khuyên niệm Phật của Thiền sư Từ Giác Tông Trách.

6. Tụng Tây phương Tịnh độ, mười ba bài, của Thiền sư Từ Giác Tông Trách.

7. Tụng Quán Phật Tam-muội của Pháp sư Tra Am Hữu Nghiêm.

8. Tụng khuyên niệm Phật của Thiền sư Từ Thọ Hoài Thâm.

9. Tụng chỉ bày Hạnh Bà, hai bài, của Từ Biện Pháp sư Tùng Giám.

10. Tụng khuyên tu Tịnh Nghiệp, hai bài, của Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu.

11. Tụng Hóa Đạo Niệm Phật, ba bài, của Luật sư Thanh Chiếu Tuệ Hanh.

12. Tụng Niệm Phật Tâm Yếu của Pháp sư Thảo Am Đạo Nhân.

13. Tụng khắc tượng thơm Di-đà của Pháp sư Giải Không Khả Quán.

14. Tụng Tịnh độ và Từ biệt đời của Pháp sư Pháp Cảnh Nhược Ngu.

15. Tụng khen ngợi Tây phương của Cư sĩ Huyễn Trụ Nhâm Bưu.

16. Tụng khuyên tu Tịnh độ của Pháp sư Đồng Giang Trạch Anh.

17. Tụng Bạch Liên Tịnh Xã của quan Hữu Nhai Giám Nghĩa Tùng Chánh.

18. Tụng Tịnh Nghiệp Phật Ma của Pháp sư Thọ An Lương Bật.

19. Tụng khuyên tu Tịnh Nghiệp của Xương Quốc Tể Vương Tồn Chi.

20. Tụng khuyên đời niệm Phật (mất tên người soạn).

Loại Thơ (22 bài):

1. Vịnh Tịnh độ của Tấn Khang Lạc Tạ Linh Vận.

2. Thơ Niệm Phật Tam-muội bốn bài của Tấn Lang Da Vương Kiều Chi.

3. Thơ Niệm Phật Tam-muội bốn bài của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.

4. Thư giả biệt Lý Bí ở chùa Thỉ hưng của Cư sĩ Thảo Đường Đỗ Tử Mỹ.

5. Ngồi bên bờ nước chùa Đông lâm của Cư sĩ Hương Sơn Bạch Cư Dị.

6. Đại Sư Điếu Thiên Trúc Bảo Nguyệt của Cư sĩ Đông Pha Tô Thức.

7. Trừ Dạ và ba, bốn câu của Cư sĩ Hậu Sơn Trần Vô Dĩ.

8. Tiền Đường Thắng Sự Ký mã Thị Lang của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.

9. Thụy Trúc Ngộ Lão trồng sen của Thứ Công Dương Kiệt.

10. Lô sơn Bạch Liên xã của Ngự Khê Thích Hoài Ngộ.

11. Tặng Di-đà Đạo giả của Trực Tác Hoàng Cáo.

12. Thơ Cận Thể về mười sáu pháp quán (mười sáu bài) của Sa-môn Xung Mặc.

13. Lô sơn Liên xã (hai bài) của Giám Bạc Du Lương Năng.

14. Thứ Vận Liên xã của Thích Hạt Thuần Tẩu.

15. Mười tám vị hiền ở Lô sơn của Đông Khê Thích Tổ Khả.

16. Thơ nhớ quê cũ An dưỡng (bốn bài) của Pháp sư Tra Am Hữu Nghiêm.

17. Thơ nhớ Tây phương, hai bài ngũ ngôn, của vị Tăng giảng kinh tên Khả Mân ở Bắc sơn.

18. Gác Giác Hải Di-đà ở Hồ châu của Từ Bộ Trương Cảnh Tu.

19. Thơ Tây Quy Hiên (mười bài) của Thiền sư La Nguyệt Đàm Oánh.

20. Thơ bên hiên Nhớ Phật (mười bài) của Thủ tọa Tuyết Khê Hy Nhan.

21. Đọc Vãng Sinh Truyện có xúc cảm của Pháp sư Vân Am Liễu Hồng.

22. Tịnh độ Vịnh Sử (hai mươi lăm bài) của Cư sĩ Tây Hồ Lý Tế.

Loại từ (7 bài)

1. Họa Uyên minh Quy khứ lai hề của quan Cấp sự phùng tập.

2. Nghĩ Uyên minh Quy khứ lai hề của Huyễn Trụ Nhâm Bưu.

3. Truy Họa Uyên Minh Quy khứ lai của Luật sư Thuyết Am Giới Độ.

4. Tán Tây phương Ngư Gia Ngạo (hai mươi bài) của vị Tăng giảng kinh tên Khả Mân ở Bắc sơn.

5. Tám Tây phương Ngư Gia Ngạo của Thiền sư Tây Dư Pháp Đoan.

6. Ta-bà khổ vọng Giang Nam (sáu bài) của Pháp sư Bạch Vân Tịnh Viên.

7. Tây Quy Hảo Vọng Giang Nam (sáu bài) của Pháp sư Bạch Vân Tịnh Viên.

----

1. Bài Phú: Thần nương An dưỡng của Thiền sư Trí Giác Diên Thọ.

Di-đà cõi báu, An dưỡng tên hay. Ở báo độ mà rất vui, ở mười phương mà rất tịnh. mười sáu pháp quán tu định ý mà ngầm đến, bốn mươi đại nguyện, vận tán tâm mà hóa sinh. Đây bèn trọn đời thọ trì, suốt kiếp quy mạng tiên nhân. Cõi mây mà nghe pháp, cõi không tán tụng mà khen ngợi, thân bước lên đài vàng tím nên bổn nguyện không dối. Thần hóa trong sợi lông ngọc trắng mà nhất tâm tự mừng. Lành thay tướng lưỡi rộng dài mười cõi đồng khen nói. Chỉ nêu tâm khế hợp cả, không phải ý dối truyền luống. Cái trục trên mặt đất quay, hoa trời tung rải ở trước, một niệm hoa nở, thấy Phật mà đều lên quả mầu. Ngàn trùng chiếu sáng, chứng pháp mà hết cấu bẩn. Các bậc tiên hiền khảo xưa suy nay vãng sinh chẳng phải một. Vận đến mà thiên nhạc đầy trời, thời đến mà hương lạ đầy thất. Trong một chân cảnh hiện tướng mà nhờ uy Phật, trong ao bảy báu thấy cảnh đều từ tâm sinh ra. Cho nên biết Thánh chỉ khó lường, cảm ứng vẫn thường biến phàm thành Thánh. Mà khoảnh khắc tức mê là ngộ mà chiếu bày. Xuất phát từ sách tiên mà thật là thuật sống lâu chỉ quy về cõi Tịnh, ở mãi quê hương bất tử, lại có bậc cao nhân ra đời, đại sĩ ở giữa trần thế, đốt thân và tay để phát hạnh, treo ruột mổ tim mà lập phép. Nhạc tiên đến rước mà từ chối, thiên đồng đến thỉnh mà chẳng vui. Hoặc lửa bày đỉnh núi, trong cảnh sáng suốt mất hẳn tên đường ác. Bỏ luôn sự dơ bầu của thai ngục, mắt mỡ lưỡi chắc mà lập nghiệm. Trâu húc gà mổ mà bỗng ngưng ở thành sắt, chống lại lệnh vua. Phải chết theo lòng son ngồi đài sen mà nhờ ân Phật, khó bỏ chỗ chí lý. Hoặc kẻ chê bai Tam bảo, phá hoại luật nghi. Trong lúc gió cắt xẻ thân bén như dao, gương nghiệp soi sáng thi thể mà gặp Thiện tri thức hiện ra thật chẳng thể suy nghĩ bàn luận, rừng dao biến thành bảy lớp cây báu, xe lửa hóa ra ao sen nước tám đức. Địa ngục biến mất mà tâm sợ hãi tiêu tan, hoa trời bay phấp phới. Bỗng nhiên Hóa Phật đến đón mời. Tuệ nhãn sáng lòng, lò hương tay cầm. Ứng lời sấm mà hoa sen chẳng héo. Được thọ ký mà rừng báu chẳng lâu. Lạ thay năng lực Phật khó nay nghĩ bàn luận, xưa nay chưa từng có. Thiền sư một chí Tây phương hết lời ngợi khen. Như đây đến cả muôn đều lành cùng trở về, cũng cố sức khuyên tu trì. Mới biết kẻ thông suốt, chẳng tiếc tuệ lợi, nhiều cách khảo xét, mà lìa xa sự đắm chìm vắng lặng. Phú này sư có chú thích nhiều đây không chép ra. Nhìn chung đều là văn kinh lời mầu. Và các linh tích trong truyện vãng sinh. Kẻ học rộng chuộng đạo xem đây sẽ nắm được chỗ cốt yếu.

2. Lời vua gởi về người viết An dưỡng Phú của vua nước Ngô Việt là Tiên Thục.

Có nghe ở nước An dưỡng Phật Di-đà đem Tịnh độ hóa độ muôn loài, một niệm chẳng mê liền gá vào thai Thánh dễ như trở bàn tay. Tin và không tin đều là chân như. Ta luôn bình yên vui vẻ sáng suốt, sư dắt dẫn bốn chúng quyết chí Nhất thừa, khuyên ta bằng nhân trăng sáng, giúp ta bằng quả sen xanh. Bạn lành của trời người chẳng phải sư thì còn ai nữa. Ta luôn nhớ khanh, sớm tối để lòng. Nên ban lời khen thưởng để khiến biết rõ lòng ta. Thư chẳng hết ý.

3. Lời Minh và lời tựa về am Nhật Quán của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.

Ngày 13 tháng 2 mùa Xuân Canh Thân, thuộc niên hiệu Thiên Hy thứ 4, ở phía Nam ngọn kỳ xà Phi Lai chùa cổ Thiên trúc, Sa-môn Tuân Thức ở ngọn phía Đông chùa, bên động Hương Lâm xây cất Am Nhật Quán đã thành, nay khắc đá viết bài minh Nhật Quán: (Xuất xứ từ kinh Thập Lục Quán).

Ta đối Diệu Linh
Tâm luôn quỳ khuynh
Nước về hơn trượng
Sáu rồng ngưng làm
Như chiếc trống treo
Như ngọc tinh anh
Trừng mắt nhìn thẳng
Niệm mãi chú thành
Hình tròn đỏ chói
Hoảng hốt trung sinh
Đạp sương vững đến
Còn phần sáng tỏ
Dắt tưởng phương Tây
Giữ thần đi xa
Ở ngay tại nhà.
Trước mắt còn mãi.

LOẠI KỆ

1. Kệ vẽ tượng Phật A-di-đà (và lời tựa) của Cư sĩ Đông Pha Tô Thức.

Luật sư Nguyên Chiếu ở Tiền Đường khuyên khắp người tại gia, xuất gia chí thành nương về Thế giới Cực lạc Tây phương. Ở Mi Sơn,

Tô Thức vâng lời người mẹ đã mất là Thục quận Thái quân họ Trình ở Thục quận, đem kỷ vật là cây trâm báu đổi tiền nhờ thợ khéo là Hồ Tích vẽ tượng Phật A-di-đà để tiến vong linh cầu phước. Có kệ tụng rằng:

Phật có đại Viên giác
Tràn khắp mười phương cõi
Con vì tưởng điên đảo
Ra vào biển sinh tử
Vì sao chỉ một niệm
Được vãng sinh Tịnh độ
Ta tạo nghiệp vô thỉ
Một niệm lại có dư
Đã từ một niệm sinh
Liền theo một niệm diệt
Chỗ sinh diệt diệt hết
Thì ta với Phật đồng
Như rót nước vào biển
Như trong gió đánh trống
Tuy có trí Đại Thánh
Cũng không thể phân biệt
Nguyện cha mẹ đời trước
Cùng tất cả chúng sinh
Chỗ sinh đều Tây phương
Nơi gặp đều Cực lạc
Người người Vô Lượng Thọ
Không đến cũng không đi.

2. Giải thích bài kệ khen ngợi Phật của ngài Hiền Thủ trong kinh Hoa Nghiêm của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.

Lại ánh sáng gọi là thấy Phật
Sáng này giác ngộ người sắp chết
Khiến tùy ngộ niệm thấy Như Lai
Chết rồi được sinh về Tịnh độ
Thấy người sắp chết khuyên niệm Phật
Và bày tôn tượng khiến kính lạy.
Khiến ở trước Phật rất quy kính
Như thế thì thành ánh sáng này.

Hai bài kệ này bốn câu trước khen Phật phát ra ánh sáng. Ánh sáng ấy tên là thấy Phật, có công năng khiến cho người sắp chết thấy

Phật vãng sinh. Bốn câu sau khen Phật tu nhân ánh sáng này. Nhân ấy chỉ là khuyên người sắp chết niệm Phật và bày tượng Phật, nên khi thành Phật thì có được ánh sáng này. Nay rộng thí kệ này là khuyên người tin sâu chắc. Hễ gặp bà con và tất cả mọi người khi sắp chết thì trước giường bày tượng Phật để cho người ấy thấy Phật và khuyên niệm Phật. Nếu người bị đau đớn ép ngặt hoặc từ trước không có tâm tin tưởng không chịu niệm Phật, thì phải dùng các phương tiện dạy họ xưng niệm ít nhất là mười câu thì diệt hết các tội nặng mà vãng sinh Tịnh độ. Đây là một lợi ích chẳng thể suy nghĩ bàn luận. Nếu khuyên một người được sinh Tịnh độ thì nếu mình không tu hành cũng được cùng sinh về cõi Phật. Huống gì đều đương lai khi thành Phật thì sẽ phát ra ánh sáng này chiếu khắp tất cả chúng sinh khi qua đời sẽ được thấy Phật. Phần nhiều thấy người đời vì ân ái mà dụm đầu khóc lóc, chẳng lo việc cứu độ. Thật khổ thay, khổ thay! Gọi đó là bạn ác. Ân ái trói cột sẽ bị đọa vào đường dữ không có ngày ra. Ở đời có năm hạng người chẳng chịu niệm Phật.

1. Trước không có tín tâm.
2. Luyến tiếc tiền của.
3. Không bỏ vợ con.
4. Tự tiếc thân mạng mình.
5. Tội nghiệp ngăn che.

Chết rồi phải bị đọa địa ngục, xin sớm giác ngộ.

3. Kệ y theo kinh mà lập chánh tín Vãng sinh của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.

Đảnh lễ cõi An lạc Tây phương
Di-đà Thế Chủ đấng Đại Từ Tôn
Nay con y theo Tu-đa-la
Thành tựu lòng tin chắc vãng sinh
Người trụ Đại thừa tâm thanh tịnh
Mười niệm niệm Phật Vô Lượng Thọ
Lâm chung mộng Phật chắc vãng sinh
Kinh Đại Bảo Tích dạy như thế.
Năm nghịch các lửa địa ngục hiện
Gặp Thiện tri thức phát tâm mạnh
Mười niệm niệm Phật liền vãng sinh
Kinh Thập Lục Quán dạy như thế
Nếu người vui vẻ tâm ưa thích
Ít nhất mười niệm liền vãng sinh

Nếu không như thế không thành Phật
Bốn mươi tám nguyện dạy như thế.
Những ai nghe tên mà dốc lòng
Một niệm hồi hướng liền vãng sinh
Chỉ trừ năm nghịch, chê chánh pháp
Kinh Vô Lượng Thọ dạy như thế
Khi chết không thể quán và niệm
Chỉ lo buôn bán biết có Phật
Người này dứt hơi liền vãng sinh
Kinh Đại Pháp Cổ dạy như thế
Một ngày một đêm treo lọng lụa
Chuyên niệm vãng sinh tâm không dứt
Ngủ mộng thấy Phật liền vãng sinh
Kinh Vô Lượng Thọ dạy như thế
Suốt ngày đêm niệm danh hiệu Phật
Siêng năng tinh tấn không đứt quãng
Lần lượt khuyên nhau cùng vãng sinh
Trong kinh Đại Bi dạy như thế.
Một ngày, hai ngày hoặc bảy ngày
Chấp trì danh hiệu tâm không loạn
Phật hiện trước mắt liền vãng sinh
Kinh A-di-đà dạy như thế.
Nếu người nghe A-di-đà kia
Một ngày, hai ngày hoặc hơn nữa
Giữ niệm hiện tiền liền vãng sinh
Trong kinh Ban-chu dạy như thế
Mười ngày mười đêm trong sáu thời
Năm vóc lạy Phật, niệm không dứt
Hiện thấy Phật ấy liền vãng sinh
Kinh Cổ Âm Vương dạy như thế.
Mười ngày mười đêm giữ trai giới
Treo phướn lọng lụa, đốt hương đèn
Giữ niệm không dứt được vãng sinh
Kinh Vô Lượng Thọ dạy như thế
Nếu người chuyên niệm Phật một phương
Hoặc đi hoặc ngồi bốn mươi chín ngày
Hiện thân thấy Phật liền vãng sinh
Trong kinh Đại Tập dạy như thế

Nếu ai tự thệ đi kinh hành
Trong chín mươi ngày chẳng ngồi nằm
Ở trong Tam-muội thấy Di-đà
Trong kinh Phật lập dạy như thế
Nếu người ngồi thẳng xoay hướng Tây
Trong chín mươi ngày luôn niệm Phật
Thành tựu Tam-muội sinh trước Phật
Văn-thù Bát-nhã nói như thế
Tôi đối các kinh trích làm vài tụng
Như thế mà nói mãi vô cùng
Nguyện ai cùng nghe sinh chánh tín
Lời Phật chắc thật không dối gạt.

Có người nghi hỏi:

- Thấy bài kệ này nói có mười niệm, cho đến chỉ một niệm sinh tin ưa, cho đến chỉ lo làm ăn nhưng biết có Phật thì cũng sinh về nước ấy. Lại có người bốn mươi chín ngày hay chín mươi ngày niệm Phật thì mới được vãng sinh. Há chẳng phải Tịnh độ là một sao nhân tu lại có khác?

Giải thích: Tịnh độ tuy một nhưng người sinh tự khác. Kinh Vô Lượng Thọ tự chia có ba bậc. Kinh Thập Lục Quán thì chia làm chín bậc. Nếu chia kỹ thì cũng vô lượng.

Lại có người nghi hỏi: Bậc hạ phẩm (bậc thấp nhất) do nhân tu cạn nên cũng có lui sụt phải không?

Giải thích: Không phải như thế. Chỉ chín phẩm hoa nở là có nhanh chậm, cách Phật có xa gần, được đạo có nhanh chậm mà người sinh nước ấy thì đều là bậc không lui sụt. Kinh nói: người sinh về đó đều trụ vào chánh định. Lại nói: Chúng sinh sinh về đó đều là A-bệ-bạt trí, nghĩa là không lui sụt. Luận Thập Nghi nói có năm nhân duyên không lui sụt.

1. Phật A-di-đà có nguyện lực đại Bi giữ gìn nên không lui sụt.

2. Ánh sáng Phật luôn soi chiếu, nên tâm Bồ-đề luôn tinh tấn không lui sụt.

3. Nước chim, cây rừng, tiếng gió, giọng nhạc nói khổ không, người nghe thường khởi tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng nên không lui sụt.

4. Nước ấy thuần là các Bồ-tát làm bạn lành không có duyên ác, cảnh ngoại không có quỷ thần tà ma, trong không có ba độc, phiền não rốt ráo chẳng khởi cho nên không lui sụt.

5. Người sinh về nước ấy tuổi thọ lâu dài bằng với Phật Bồ-tát cho nên không lui sụt.

Huống ở đời ác này chẳng những không có năm duyên ấy, mà còn bị ác tri thức, thanh sắc làm say loạn, ma quỷ mạnh mẽ, tuổi thọ ngắn gấp. năm thứ đều xấu ác phá hại tu đạo, uổng phí nhiều kiếp. Xin nghĩ kỹ, nghĩ kỹ!

Có người hỏi: Tất cả các Pháp vốn không sinh không diệt, bình đẳng vắng lặng sao phải gắng gượng khuyên bỏ đây cầu kia?

Giải thích: Nếu bảo cầu sinh Tây phương là lấy bỏ, trái với, lý bình đẳng thì anh lại bỏ kia chấp đây, há chẳng trái lý ư? Nếu cho rằng ta chẳng cầu sinh ở đó cũng chẳng cầu sinh đây thì đó là sinh "Kiến chấp đoạn diệt". Kinh Kim cang Bát-nhã nói: Há chẳng bàn về không, Phật răn Tu-bồ-đề rằng: Ông chớ nghĩ rằng người phát tâm Bồ-đề đối với Pháp chẳng nói tướng đoạn diệt. Kẻ thật hiểu không là đối với pháp nhân duyên hiểu rõ tánh sinh mà không sinh, tánh diệt mà không diệt. Không phải gọi là đoạn, vô vi chẳng sinh diệt vậy. Trung luận chép: Pháp do nhân duyên sinh, ta nói tức là Không, Không nói Diệt, Không nói sau Không. Kinh Duy-ma nói: Biết các cõi Phật và chúng sinh không mà luôn tu Tịnh độ giáo hóa các chúng sinh.

Có người hỏi: Tịnh độ ở tâm đâu cần phải tìm ở bên ngoài. Hễ Tâm tịnh thì cõi Phật thanh tịnh. Há lại xa xôi cầu sinh Tịnh độ phương khác ư?

Giải thích: Ông lại chẳng hiểu rõ nghĩa của Tâm cõi. Tâm ông bị hạn cục ở nơi chốn nên mới thấy Tây phương là cõi ngoài cõi này. Sao lại nói tâm tịnh thì cõi Phật tịnh ư? Kinh Hoa Nghiêm nói: ba thứ Tâm, Phật và chúng sinh không khác nhau. Phật pháp đã khắp thì tâm pháp cũng khắp. Nếu đều có phương hướng thì đâu gọi là không khác. Lại nói tâm đi khắp pháp giới như hư không với hư không, đâu thể phân cách. Nếu rõ được một niệm tâm khắp, một trần cũng khắp, mười muôn ức cõi chỉ khoảng một bước, đâu ở ngoài tâm. Người đời nếu nói lý không liền bác bỏ nhân quả, nếu nói tự tâm thì chẳng tin có các pháp bên ngoài. Há chỉ chê pháp mà chê cả tâm mình, tội đáng đọa lạc muôn kiếp, thật đáng thương thay. Vọng nói phải trái mà ngăn người khác tu Tịnh độ, thật là ác tri thức. Kinh Vô Lượng Thọ có nói Phật bảo Bồ-tát Di-lặc rằng công đức trí tuệ của trời, người và các Thanh văn, Bồ-tát ở nước Vô Lượng Thọ không thể nói hết. Lại nước ấy nhiệm mầu an vui thanh tịnh. Như thế vì sao chẳng cố gắng làm lành, niệm đạo tự nhiên, phải đều tinh tấn gắn sức tự cầu sẽ được vượt lên, vãng sinh về nước An

lạc. Dứt ngang năm đường ác, đường tự nhiên đóng, tiến đạo vô cùng. Rất dễ đến mà không có người đi. Nước ấy không có trái nghịch tự nhiên, sao chẳng bỏ việc đời mà siêng năng cầu đạo đức, sẽ được sống lâu, an vui vô cùng cực.

4. Kệ viết kinh Di-đà Chánh Tín Phát Nguyện của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.

Kính lạy Phật mười phương
Di-đà Thánh trong Thánh.
Phương đẳng Tu-đa-la
Tất cả kho pháp báu
Quán Âm và Thế Chí
Vô số Bồ-tát Tăng
Con đem tâm tín thành
Khắc in và ấn tống,
Quyển kinh A-di-đà
Và cả kệ chánh tín
Đều đủ cả một muôn
Thí bốn chúng thọ trì
Kệ để phát tín tâm
Kinh để giúp đọc tụng
Nếu ai trong mỗi ngày
Tụng ít nhất ba quyển
Năm tụng ngàn tám mươi
mười năm muôn tám trăm
Huống lại tụng nhiều hơn
Và trải nhiều năm tháng
Như thế chứa công đức
Tự nhiên sinh trước Phật
Nay tôi muôn quyển kinh
Hễ nơi nào truyền đến
Được ít nhất một người
Tụng trì sinh Tịnh độ
Tôi nguyện nhờ sức này
Chắc chắn sinh nước ấy
Huống lại có nhiều người
Người mất kinh vẫn còn
Xoay vần truyền cho nhau
Gọi là đèn vô tận

Các ngọn chiếu sáng nhau,
Phá đêm dài sinh tử
Hiển sáng Phật Bồ-đề
Rốt ráo đều cùng sinh
Tịnh độ Thường Tịch Quang
Đem phước thanh tịnh này
Hồi hướng vua, cha mẹ
Thánh đế vua nước tôi
Cùng hoàng hậu Thánh vị
Tuổi thọ đều muôn năm
Che chở khắp chúng sinh
Cha mẹ bà con tôi
Oán thân, chẳng oán thân
Đều nhờ gốc lành này
Đồng sinh nước An dưỡng.

5. Kệ Diêu Hạnh Bà trong vầng mặt trời thấy Phật (và lời tựa) của Pháp sư Diệu Hạnh Pháp Di.

Phật A-di-đà ở Tây phương có bốn mươi tám nguyện trong đó có một nguyện nói rằng: Khi tôi thành Phật, chúng sinh mười phương muốn sinh về nước tôi, niệm danh hiệu tôi mười câu mà chẳng sinh thì tôi thề không thành Phật. Nếu ai mỗi ngày buổi sáng chắp tay xoay mặt về hướng Tây niệm danh hiệu Phật mười hơi thì hiện đời tiêu tai được sống lâu, tương lai chắc chắn được vãng sinh. Thấy Dụ Di-đà ở Tiền đường, vẽ tượng Di-đà mà Diêu Hạnh Bà thấy được trong mặt trời có hình Phật A-di-đà. Người nào dụng tâm chuyên chú thì cũng cảm ứng như thế. Tỳ-kheo Diệu Hạnh Pháp Di dùng kệ khen rằng:

Thế giới Cực lạc có nơi chốn
Chỉ ở nơi mặt trời thường lặn
Do đó Phật dạy Vi-đề-hy
Quán kỹ trời lặn như trống treo
Hay thay một bà lão họ Diêu,
Đã dùng tâm ấy cầu Tịnh độ
Sáng quán chiếu tưởng không tháng năm
Ngồi niệm hành trì quên lạnh nóng
Di-đà bỗng từ tâm tưởng sinh
Trong lúc hoảng hốt lại thấy rõ
Lúc ấy, giữa trời không áng mây
Nằm yên hòa trên ngọn tang du

Mặt trời Phật chiếu sáng rực rỡ
Mắt xanh lông trắng tướng đẹp lạ
Mắt tâm kinh hãi mừng lại lo
Chạy bảo Đạo sư Di-đà Dụ
Thuật đủ các việc rất ít có
Nguyện vẽ kim dung gá lông trắng
Tôi nghe việc lạ khen ít có
Bèn viết lời kệ mở chưa ngộ
Nên biết cách Phật không hề xa
Xiển đề đâu được nói như thế.
Tuy qua mười ức cõi Phật
Một niệm vượt qua trong tích tắc
Như có người quên hỏi đường đi
Vì sao hướng đạo không chỉ thẳng.

6. Kệ khen Dụ Di-đà (và lời tựa) của Tả Triều Nghị đại phu Đinh Chú.

Tịnh Sư bỏ vợ con làm đồ đệ Như Lai, nhóm muôn người kết hội Tịnh độ. Người trong làng là Đinh Chú làm kệ khen rằng:

Tâm tịnh, cõi Phật tịnh
Pháp vương chẳng nói dối
Đem thân khỏi trần cấu
Bèn thấy sen trong lò
Một niệm khởi chẳng dứt
Cực lạc liền hiện tiền
Đại thiên đồng cảnh này
Há chỉ duyên muôn người.

7. Bài tụng về kinh Thập lục Quán của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức.

Phần tựa:

Vi-đề thành kính thỉnh Năng nhân
Nguyện nói nhân cõi tịnh Tây phương.
Mười sáu quán gồm ba tịnh nghiệp
Tu lành sẽ được thân vãng sinh.

Quán mặt trời:

Một, ngồi hướng Tây tưởng mặt trời
Thấy mặt trời lặn như trống treo
Thấy xong nhắm mắt và mở mắt
Đều hiện rõ ràng ở trong tâm.

Quán nước:

Hai, quán tưởng nước thấy Tây phương
Tất cả đều là nước Tịnh độ
Đã thấy nước rồi tưởng thành băng
Sáng lòa trong suốt đất lưu ly.

Quán đất:

Ba, chánh quán đất báu lưu ly
Quán kỹ rõ ràng nước Cực lạc
Tám thứ gió mát khua tiếng nhạc
Khúc "Khổ, không, vô ngã, vô thường".

Quán cây:

Bốn quán cây báu bảy hàng lớp
Hoa báu trưng bày cung điện báu
Cờ phướn, lọng báu hình lớp lớp
Cõi Phật mười phương hiện trong đó.

Quán ao:

Năm, tưởng ao bảy báu Tịnh độ
Trong ao có nước tám công đức
Tuôn chảy niệm rõ Phật, Pháp, Tăng
Hoa sen đẹp báu ngàn muôn ức.

Quán chung:

Sáu, quán cõi báu, lầu gác báu
Cây báu lại gồm cả ao báu
Đây là quán chung nếu được thành
Là thấy Cực lạc về phần thô.

Quán tòa hoa:

Bảy tưởng đài tòa hoa sen đẹp
Nguyện lực, Di-đà rộng lớn thành
Khi khởi quán này tâm không loạn
Tưởng chắc Cực lạc sẽ được sinh.

Quán tượng:

Tám, quán giới Phật Như Lai pháp giới thân
Khắp vào tất cả tưởng chúng sinh
Người trí phải quán tâm tưởng này
Tâm ấy tức tượng Phật, Bồ-tát.

Quán Vô Lượng Thọ:

Phật Vô Lượng Thọ thân màu vàng
Sáng suốt chiếu khắp các chúng sinh

Người trí siêng tu giữ tâm quán
Các Phật hiện tiền đồng thọ ký.

Quán Quán Thế Âm:

Bồ-tát Quán Âm thân sắc vàng
Hào tướng giữa mày màu bảy báu
Phát ra ánh sáng khắp mười phương
Trong có vô số ức Hóa Phật.

Quán Đại Thế Chí:

Kế quán thân Bồ-tát Thế Chí
Bằng với Quán Âm không gì khác
Chỉ ở nhục kế trong bình báu
Có đầy ánh sáng hiện Phật sự.

Quán vãng sinh khắp:

Ngồi tưởng thân sinh cõi Cực lạc
Hoa sen khép mở, mình ngồi trong
Hoa nở thấy Phật đầy hư không
Nước chim, cây rừng nói kệ pháp.

Quán Tạp vãng sinh:

Lại tưởng Di-đà hai Bồ-tát
Thần thông biến hiện việc như trước
Quán tạp mà thành vô lượng phước
Chắc sinh An dưỡng hầu Phật-đà.

Quán Thượng phẩm thượng sinh:

Tâm từ không giết, giữ các giới
Đọc tụng kinh Đại thừa Phương đẳng
Tu hành sáu niệm nguyện hồi hướng
Khi chết Hóa Phật đều đến rước.

Thượng phẩm trung sinh:

Người không thọ trì kinh Phương Đẳng
Hiểu Đệ nhất nghĩa, rõ nhân quả
Đài vàng tía hiện lúc qua đời,
Tự thấy thân mình ngồi trên đài.

Thượng phẩm hạ sinh:

Tin sâu nhân quả, tu Đại thừa
Chỉ phát tâm Vô thượng Bồ-đề
Hồi hướng công đức nguyện vãng sinh
Sinh rồi sẽ trụ Hoan hỷ địa.

Trung phẩm thượng sinh:

Thọ trì năm giới, tán giới trai
Tu hành các giới nguyện hồi hướng
Chết rồi vãng sinh nghe pháp âm
Ngay đó liền chứng A-la-hán.

Trung phẩm trung sinh:

Nếu người dốc lòng một ngày đêm
Giữ giới trì trai không thiếu sót
Hồi hướng công đức nguyện vãng sinh
Bảy ngày hoa nở được thọ ký.

Trung phẩm hạ sinh:

Hiếu dưỡng cha mẹ, hành nhân nghĩa
Khi chết lại gặp tri thức tốt
Nói rộng nhân nguyện lớn Di-đà
Trong khoảng duỗi tay sinh nước ấy.

Hạ phẩm thượng sinh:

Nếu người tuy chẳng chê tôn kinh
Gây các nghiệp ác không hổ thẹn
Sắp chết được khuyên niệm Di-đà,
Vãng sinh mười kiếp chứng Sơ địa.

Hạ phẩm trung sinh:

Nếu có chúng sinh phạm các giới
Trộm cắp các vật của Tam bảo
Sắp chết được khuyên niệm Di-đà
Chỉ trong một niệm sinh nước ấy.

Hạ phẩm hạ sinh:

Gây năm tội nghịch, mười điều ác
Đáng đọa địa ngục, chịu các khổ.
Sắp chết được khuyên niệm Di-đà.
Chắc chắn siêu sinh về nước ấy.

8. Bài tụng về mười sáu pháp quán của Pháp Sư Tra Am Hữu Nghiêm

1. Quán mặt trời.

Mặt trời lặn hình chiếc trống treo
Ngồi kiết già xoay mặt hướng Tây
Thân tuy chưa đến trong ao hoa,
Trước đã đưa tâm về Cực lạc.

2. Quán nước.

Tưởng nước thành băng suốt đáy trong

Tiêu biểu lưu ly cột báu nâng
Sáng suốt rực rỡ trăm mặt trời
Đây gọi "nước tâm thiền" quán thành.

3. Quán đất.

Đất báu trong nghiêm khi mưa hoa
Cờ phướn lầu gác thích suy tư
Đất bằng huống là tâm ngàn pháp
Gá cảnh sáng tâm chẳng thể dời

4. Quán cây.

Cây báu lớp lớp tướng dựa cao
Trang nghiêm lưới châu giăng mấy lớp
Nếu hiểu rõ được cảnh do tâm
Tuy ở Tây phương đường chẳng xa.

5. Quán ao.

Tám đức lắng trong gọi ao đức
Đáy bằng cát vàng chiếu sáng trưng
Nước chảy lại nói kệ vô sinh
Nghe rồi đều quán tâm.
Giữ niệm

6. Quán chung.

Cõi nước nghiêm báu bảy báu thành
Ở trong lầu gác nhạc trời trổi
Cây ngọc ao hoa gọi quán chung
Quán rõ diệt tội việc không nhỏ.

7. Quán tòa hoa.

Hoa sen tám mươi bốn ngàn cánh
Các mầu trang nghiêm vô số quang
Lấy hoa sen này làm tòa báu
Mở bày ngồi đợi pháp trung vương.

8. Quán Phật, Bồ-tát.

Quán chân thân Phật, tuệ chưa khai
Trước dạy quán tượng ngồi đài hoa
Phật, Bồ-tát thân đầy nước ấy
Phải rõ tượng kia từ đâu lại.

9. Quán Vô Lượng Thọ.

Phật kia vòi vọi thân cao quý
Sáng suốt chiếu khắp số như bụi
Chúng sinh được chiếu tâm quy Phật

Liền là người Tịnh độ Tây phương.

10. Quán Quán Thế Âm.

Bồ-tát tên là Quán Thế Âm
Tâm đại Bi trùm khắp mười phương
Ánh sáng vàng tím , sức oai thần
Biển thệ sâu, dắt dẫn chúng sinh.

11. Quán Đại Thế Chí.

Sức vô thượng gọi Đại Thế Chí
Sạch đẹp sáng gọi vô biên quang
Nếu người quán niệm Bồ-tát này
Chẳng ở bào thai đầy hôi hám.

12. Quán vãng sinh khắp.

Khi khắp quán thành liền có công
Tưởng thân về Tây rừng hoa đẹp
Hoa sen khép mở thấy rõ ràng
Bồ-tát, Như Lai đầy hư không.

13. Quán tạp tưởng.

Phật hiện oai quang thân lớn nhỏ
Quán Âm, Thế Chí ở hai bên
Nếu tu tạp quán được thành tựu
Đây lại gọi là nhân thanh tịnh.

14. Quán ba bậc thượng.

Bậc thượng có đưa ra ba phẩm,
Khi chết, các Phật phát ánh sáng
Đài hoa đón nước sinh An dưỡng
Biết là Viên tông thập tín tâm.

15. Quán ba bậc trung.

Bậc Trung chia làm năm hạng người
Ngoài tu giới phẩm trong tu chân
Chết rồi năm đường liền ra khỏi
Liền được thân vô lậu Tây phương.

16. Quán ba bậc hạ.

Phàm phu tuy gây rất nhiều nghiệp
Trời lặn bên ao luôn quán tưởng
Được gọi là người sinh Tịnh độ
Phải biết không dễ cũng chẳng khó.

9. Các bài tụng về mười sáu pháp quán của Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu.

Linh Sơn chúng hội
Núi Kỳ-xà mất
Cung vua hiện ra
Việc xong trở về
A-nan kể lại.
Vi-đề hỏi pháp:
Nhốt ở cung sâu,
Phát khởi việc lớn
Chúng sinh ác trược
Đều khiến được ban

1. Quán mặt trời.

Trời lặn trống treo
Thoát đường sinh tử
Trong mười hai thời
Giữ niệm một chỗ.

2. Quán nước.

Nước lớn lắng trong
Đóng lại thành băng
Làm đất lưu ly
Trong ngoài trong suốt.

3. Quán đất.

Trên đất lưu ly
Các tướng trang nghiêm
Thấy rất rõ ràng
Trừ nghi phá chướng.

4. Quán cây.

Bảy lớp hàng cây
Lưới châu cung hoa
Giăng mắc rợp trời
Đẹp đẽ vô cùng.

5. Quán ao.

Nước ao tám đức
Sắc đẹp bảy báu
Sen nở chim hót
Rửa sạch phiền não.

6. Quán chung.

Nhạc trời trong lầu
Khen Phật Pháp Tăng,

Cây, đất, ao báu
Một niệm viên thành.

7. Quán tòa ngồi.

Tòa hoa sen lớn
Trang sức trăm báu
Đẹp đẽ khó lường
Nguyện lực Pháp tạng.

8. Quán tượng.

Mượn tượng ngưng chân
Thấy chân quên tượng
Ba Thánh sáng rõ
Vẫn gọi tưởng thô.

9. Quán Phật.

Quán Phật tướng tốt
Tông yếu một kinh
Tam-muội hiện tiền
Mới biết sâu mầu.

10. Quán Quán Âm.

Sáng đến năm đường
Mão có Phật đứng
Nghe tên được phước
Huống là quán kỹ.

11. Quán Thế Chí.

Sáng chung các Phật
Cứu giúp các khổ
Bình đầu đầy sáng
Hiện khắp cõi Phật.

12. Quán khắp.

Kiết già trong sen
Hoa sen khép mở
Y, chánh trang nghiêm
Tất cả đều nhiếp.

13. Quán tạp.

Chót vót trên ao
Tượng một trượng sáu
Biến hiện lớn nhỏ
Rõ tướng vô định.

14. Thượng phẩm thượng sinh.

Ba tâm phát đủ,
Đế lý sáng sâu
Đài vàng theo về
Liền chứng vô sinh.

Thượng phẩm trung sinh.

Rõ các pháp không
Chẳng hề kinh động
Có nguyện liền sinh
Chẳng cần đọc tụng.

Thượng phẩm hạ sinh.

Chỉ phát tâm đạo
Chưa cùng lý mầu,
Đến đó mở sáng
Được ký Bồ-đề.

15. Trung phẩm thượng sinh.

Giữ lâu các giới
Vãng sinh như nguyện
Nghe nói khổ không
Chứng A-la-hán.

Trung phẩm trung sinh.

Một ngày một đêm
Giữ giới nguyện cầu
Hoa nở thấy Phật
Liền vào dòng Thánh.

Trung phẩm hạ sinh.

Hiếu nghĩa nhân từ
Tri thức khai ngộ
Gặp hai Bồ-tát
Nghe Pháp được độ.

16. Hạ phẩm thượng sinh.

Bình thường làm ác
Chết gặp thầy lành
Xưng một câu Phật
Sinh ao hoa sen.

Hạ phẩm trung sinh.

Phá giới nghiệp sâu
Lửa địa ngục hiện
Nghe pháp hồi tâm

Các Thánh rước đi.

Hạ phẩm hạ sinh.

Mười ác, năm nghịch
Khi chết khổ bức
Dạy xưng mười niệm
Hoa nở màu vàng.

10. Tụng: Khuyến hóa đường tắt tu hành của Tỳ-kheo Thiện Đạo ở kinh đô:

Dần dà da mồi tóc bạc
Lần hồi từng bước run run
Dẫu cho vàng ngọc đầy nhà
Ai khỏi suy tàn già bệnh
Mặc tình muôn ngàn vui sướng
Vô thường rốt sẽ đến nơi
Chỉ có đường tắt tu hành
Chỉ niệm A-di-đà Phật.

11. Bài tụng khuyên niệm Phật của Thiền sư Từ Giác Tông Trách:

1. Ba cõi nóng phừng như đống lửa
Chẳng phải chỗ an thân đạo nhân
Hoa sen bạn lành đợi đã lâu
Hãy thu xếp thân tâm trở về.

2. Mắt tưởng tâm luôn giữ hình Thánh
Cần phải niệm niệm chớ sinh nghi
Năm nào Tịnh độ hoa sen nở
Nhớ mãi lúc niệm Phật Ta-bà.

3. Cực lạc chẳng lìa chân pháp giới
Di-đà tức là vua tâm mình
Lông trắng giữa mày không nơi chốn
Cột lồng đèn cũng phát sáng.

4. Gấp tu trai giới chớ dần dà
Ngàn Thánh đồng mở pháp niệm Phật
Một mai công thành về Tịnh độ
Trong sáng lông trắng hầu Từ Tôn.

12. Bài tụng nói về Tịnh độ Tây phương của Thiền sư Từ Giác Tông Trách:

Tây phương nhiều việc vui
Nhiều kiếp khó nói hết
Tuổi thọ thật vô tận
Ánh sáng không bờ mé
Gió đạo thổi tuệ duyên
Nước định mọc sen hồng.
Hải hội cùng hội họp
Hoa trời rơi chỗ ngồi
Hải chúng đều thanh tịnh
Đạo Bồ-đề dễ thành
Tâm tâm đều chánh niệm
Vật vật hợp Chân thừa
Đất tánh ngọc lưu ly
Viên âm các chim hót
Cần phải lên bờ Giác
Chớ để theo nghi thành
Chân đạp đất Vô ưu
Thân ở không chỗ nơi
Sáu thời chầu Thánh chưa
Buổi sáng đến phương khác
Điện báu tùy thân đi
Hoa trời khắp cõi thơm
Trở về lại nơi ở
Thiền duyệt vị nào hơn
Chớ nói Tây phương xa
Tây phương trước mắt ta
Nhưng cách hơn mười muôn
Không hề lìa ba ngàn
Vừa mở miệng niệm Phật
Ao sen hoa đã mọc
Tín tâm luôn không lùi
Quyết định lễ Phật-đà
Ao lắng nước công đức
Gió động tiếng đờn sáo
Lưới báu khắp khoảng không
Lầu đài sáng rừng báu

Sáu căn thường hợp đạo
Muôn cảnh chỉ do tâm
Không phải người khó đến
Do tín tâm chưa sâu
Hạnh nghiệp chia ba bậc
Hoa sen cùng một ao
Rõ ràng lên Cực lạc
Quyết định được La-hán
Chướng hết, mặt trời sáng
Khi tâm mở thấy Phật
Trong đó vui vô hạn
Chỉ đồng đạo mới biết
Cực lạc lý chân như
Di-đà trí tuệ quang
Khi mê chìm cõi này
Lúc ngộ về Tây phương
Rỗng sáng luân hồi dứt
Mênh mông tuổi thọ dài
Tín căn vừa một niệm
Tâm địa đã mát trong
Tin sâu rồi sẽ đến
Nghi nhiều không thể biết
Tâm tịnh nương một niệm
Công hạnh vượt tăng-kỳ
Liền vào vị A-duy
Lại ngang hàng Bổ xứ
Tiến tu thật mạnh mẽ
Chẳng cần đợi tu lâu
Người hỏi người tu thiền
Tông môn muôn việc quên
Thì siêu sinh Cực lạc,
Cần gì đến Tây phương
Chẳng nghe nhà Thiền nói
Tây phương là quê xưa
Mã Minh đã dạy kỹ
Long Thọ cũng ngợi khen
Chớ nói Ta-bà khổ
Khổ Ta-bà giết người

Tham, sân, si loạn ý
Da thịt máu thành thân
Hang oán tắng la-sát
Làng ấm nhập vô minh
Hãy mau sinh Cực lạc
Nẻo về chớ dần dà
Chớ nói Ta-bà khổ
Ta-bà khổ rất sâu
Tà ma luôn là bạn
Tật bệnh thường xâm hại
Thanh sắc đất yêu dâm
Tâm Thiền-na lạnh nhạt
Hãy mau sinh Cực lạc
Nẽo về chớ trầm ngâm
Chớ nói Ta-bà khổ
Khiến người khóc sụt sùi
Xoay vần trong ba tai
Bị lửa năm thống đốt
Cây hạc sáng bị che
Hội Long Hoa còn xa
Hãy mau sinh Cực lạc
Nẽo về chớ từ nan
Chớ nói Ta-bà khổ
Vi-đề bạch Thế Tôn
Gặp kiếp phiền não trược
Con gọi Vi Sinh Oán
Tâm Điều-đạt nào nghịch
Hận Bình-sa chớ bàn
Hãy mau sinh Cực lạc
Ác này không hề nghe.

13. Bài tụng nói về Tam-muội Quán Phật của Pháp sư Tra Am Hữu Nghiêm:

Nếu người nguyện được sinh An dưỡng
Bậc trí khiến nên tu quán tưởng
Chân thân Di-đà thật khó quán
Người sơ tâm quán tượng vẽ khắc
Tưởng thành tướng khởi mắt tâm mở
Thân mầu vàng ròng như chỉ tay

Một niệm dứt ngang năm đường ác
Ai bảo không người khiến dễ đến?

14. Bài tụng khuyên niệm Phật của Thiền sư Từ Thọ Hoài Thâm.

1. Muôn người cùng chí niệm Di-đà
Các lực thành nhau nguyện lực nhiều
Hoa sen nở đích thân thấy Phật
Mới biết Tịnh độ hơn Ta-bà.

2. Cây rừng chim nước đều nói pháp
Lưới báu đài vàng đều đạo tràng
Hiểu được tiếng chuông và tiếng trống
Chỗ nào Di-đà cũng phóng quang.

3. Râu tóc dần dần điểm tuyết sương
Tâm vượn ý ngựa còn điên cuồng
Một ngày nhắm mắt trở về không
Mới biết Nê-lê tháng năm dài.

4. Nghiệp báo khác nhau việc bất đồng
Mệt nhọc cả đời không thoát lồng
Muốn biết tự tánh Di-đà Phật
Sớm chiều một niệm trong tâm ông.

5. Chúng sinh biển khổ nghiệp chìm sâu
Chẳng tin nhân duyên chìm đắm lâu
Nghe được âm thanh bèn niệm Phật
Mới hay vợ con tâm lão bà.

6. Chẳng phải sơn tăng nói đúng sai
Tu hành việc ma cần biết rõ
Ngay đây vứt hẳn đôi giày cỏ
Vượt thoát ao năm dục Ta-bà.

15. Bài tụng chỉ bày Hạnh Bà (và lời tựa) của Pháp sư Từ Biện Tùng Gián.

Hạnh Bà gặp sư, sư hỏi tu hành được bao lâu? Bà thưa tu hành đã nhiều năm. Sư hỏi từng thấy A-nan chưa? Bà thưa đã gặp nhiều Thiện tri thức. Sư hỏi, họ chỉ bày như thế nào? Bà thưa: Cắt đứt cội gốc, cũng

chẳng xem kinh, cũng chẳng niệm Phật. Sư nói: Lầm rồi! Nhân đó nói Pháp. Bà tin phục, Bèn nói hai bài tụng rằng:

1. Cắt đứt cội gốc chẳng cần tu
Đến nay các lời ít nguyên do,
Phải nên nắm gốc thoát sinh tử
Niệm niệm Di-đà chớ cầu ngoài.

2. Niệm Phật xem kinh là đường đi
Phải tin từ xưa nước là băng
Chỉ hướng cội nguồn nghiên cứu sâu
Từng tiếng đề khởi cho rõ ràng.

16. Bài tụng khuyên tu Tịnh nghiệp của Luật sư Đại Trí Nguyên Chiếu.

1. Nghe nói Tây phương rất dễ cầu
Muôn duyên từ đây buông bỏ hết.
Luân châu lớp lớp đều đầy đủ
Chỉ trước Di-đà xin cúi đầu.

2. Nghe giáo tham thiền tìm bên ngoài
Không hề quay đầu suy nghĩ lại.
Khi sắp qua đời, đường trước tối
Mới hay bình sinh dụng tâm lầm.

17. Bài tụng hóa đạo niệm Phật của Luật sư Thanh Chiếu Huệ Hanh:

1. Thích-ca như thật khen Tây phương
Y, chánh vượt xa ý đã bày
Tín nguyện trì danh không tưởng khác
Từng tiếng tâm trụ ánh sáng lông trắng.

2. Nhiều kiếp huân thành thân công đức
Vô biên quang, thọ lập tên tốt
Do đây các Phật đều khen ngợi
Vì sao chúng con chẳng cất tiếng.

3. Hồng danh bốn chữ miệng vàng nói
Công thành chỉ ở tâm ta bền
Pháp thần giản dị thật ít có,
Thoát rồi vui thay sen báu khắp nơi.

18. Bài tụng niệm Phật tâm yếu (và lời tựa) của Pháp sư Hoa Âm Đạo Nhân:

Đức Thích-ca Như Lai nói Phật A-di-đà là thân pháp giới. Ngài Thiên Thai Trí Giả lại nói: Thật tướng là thể. Dựa vào hai cách nói này xem là tâm yếu, thì mười muôn ức cõi như ở trong gương sáng. Nay làm bài tụng vụng về để ấn tâm. Kẻ tri âm nào đó có vui theo chăng?

Vô biên là biển cùng hư không
Biển, không toàn là cung hoa sen
Cung sen cùng khắp đầy biển, không
Biển, không riêng bày Phật Di-đà.
A-di-đà Phật chẳng sinh diệt
Khó tìm khó vớt trăng trong nước.
Dứt phi lìa cú thân như thế
Cảm thông như thế, nói như thế.
Ta và Di-đà vốn chẳng hai
Vọng giác ngầm sinh chợt thành khác
Từ nay quét sạch không có bụi
Cha con tự nhiên lại gặp nhau
Thệ tu ba phước hành sáu niệm
Nghiệp thân, miệng, ý không tỳ vết
Nay tôi do đó niệm Di-đà
Không thấy Di-đà không thỏa mãn.

19. Bài tụng khắc tượng thơm A-di-đà (và lời tựa) của Pháp sư Giải Không Khả Quan:

Ở Hồ tây thuộc Tứ Minh có Sùng giáo theo học với Phạm Cần Hành nhân. Vì nguyện xưa mà vào quán đường Diên Khánh hành trì sám Phổ Hiền, tụng kinh Pháp Hoa, trong mộng được xoa đầu mà không hay biết. Do đó hồi hướng Tây phương, thêm vững Tam-muội niệm Phật. Khắc gỗ Tử Đàn Hương làm tượng Phật A-di-đà như trăng trong nước, không bao giờ được. Bèn cầu Lão Trúc Am chứng minh cho, không lấy ra được cái gì, chỉ có cái đó.

Lông bạch ngọc trắng do tâm ta
Tướng sáng vàng tím là tánh ta.
Tướng sáng thảy đều không thật có
Ngay đó đều là định diệu thắng.

20. Bài tụng nói về Tịnh độ và bài Tụng nói về tạ thế của Pháp Cảnh giảng chủ Nhược Ngu:

Trong không ngàn hoa giăng lưới

Trong mộng bảy báu ao hoa
Yên ổn đạp lên đất Tây phương
Liền không một chút nghi ngờ.
Vốn không có nhà biết về đâu
Bên mây một nẻo có ai hay
Trăng non Tây sắp lặn nơi khen sáng
Chính là lúc mộng đầu tiên dứt.

21. Khen ngợi Tây phương của Cư sĩ Huyễn Trụ Nhậm Bưu:

1. Ao sen bảy báu nước công đức
Sáu thời chim cùng nói Pháp âm
Ánh Từ xen chiếu không ma não
Tự tại bay đi chẳng tử sinh.

2. Lầu gác trang nghiêm, đường bằng vàng
Hoa sen thơm sạch ánh sáng báu
Tràng hoa chuỗi ngọc cùng gặp gỡ
Đều nói do nhân niệm Phật sinh.

22. Bài tụng khuyên tu Tịnh độ của Pháp sư Đồng Giang Trạch Anh:

Khổ thay, khổ thay, thật khổ thay
Rốt cuộc lồng vòng chẳng chịu về
Nhà trên cha lành luôn buồn nhớ
Muốn giao gia nghiệp đợi con về.

23. Bài tụng nói về Bạch Liên Tịnh Xã của quan Hữu Nhai Giám Nghĩa Tùng Chánh:

Về đi thôi, hãy về đi thôi
Tây phương Tịnh độ sen trắng nở
Từng đợt gió thơm thổi chẳng động
Tiêu dao vui sướng đài vàng tím.

24. Bài kệ nói về Phật và ma khi tu tịnh nghiệp của Pháp sư Thọ An Lương Bật:

Di-đà lễ Di-đà
Bước bước dứt Ta-bà
Phật còn chẳng được Phật
Ma chỗ nào là ma.

25. Kệ khuyên tu Tịnh nghiệp của Xương Quốc Tể Vương Tồn Chi:

Việc đời như giấc mộng

Người đời ai trăm năm
Niệm niệm Di-đà Phật
Sen báu mọc trong ao.

26. Bài tụng khuyên người đời niệm Phật (mất tên tác giả).

1. Kiếp người phù sinh việc ra sao?
Như én mùa xuân làm tổ cao
Lăng xăng sóng động lo sinh sống
Chẳng bằng an phận niệm Di-đà.

2. Văn chương luận giỏi đậu khoa cao
Cửa tía lầu son ý khí cao
Quan cao ai khỏi vô thường đến
Không bằng phương tiện niệm Di-đà.

3. Múa giáo bắn cung khó ai qua
Ngựa giỏi phóng nhanh mau như thoi
Sức địch muôn người cũng già bệnh
Chi bằng luyện giỏi niệm Di-đà.

4. Giàu sang tiền của chẳng thoả mãn
Sáng tối tính đếm sợ lầm lẫn
Ưu phiền bất giác đầu bạc trắng
Chẳng bằng biết đủ niệm Di-đà.

5. Âm thanh trong trẻo tiếng ngâm ca
Một bài ca mới nhạc dịu hòa
Bỗng cất cao giọng Hành Vân trụy
Chi bằng tịnh khẩu niệm Di-đà.

6. Mày liễu mắt sáng tợ hằng nga
Vóc ngọc lại trang điểm lụa là
Đẹp đẽ chỉ khi còn trẻ tuổi
Không bằng mau sớm niệm Di-đà.

7. Lắm khoe địch quốc lắm trí mưu
Nhiều bận tranh hơn lắm cam go
Thì giờ một nửa đành bỏ mất
Chẳng bằng ngồi thẳng niệm Di-đà.

8. Buôn bán bươn chải lắm bôn ba
Đất khách xa xôi đâu chẳng qua
Sông hồ sóng gió đầy nguy hiểm
Chẳng bằng trở về niệm Di-đà.

9. Quen việc công tổn hại người khác
Khéo bày lời lẽ đám lâu la
Gia tài dần phá bị người oán
Không bằng dẹp việc niệm Di-đà.

10. Nghiệp giết thù hận chứa càng nhiều
Ăn nói sao đây gặp Diêm-la
Dạy anh một pháp siêu sinh nhé
Hãy nên sám hối niệm Di-đà.

Loại Thơ

1. Ca vịnh Tịnh độ.

(Trích trong luận Bảo Vương) của Tấn Khang Lạc Tạ Linh Vận:

Pháp Tạng trong cung vua
Mang đạo ra khỏi thành
Phát ra bốn mươi tám nguyện
Thệ lớn cứu chúng sinh
Tịnh độ cõi diệu nào
Đến đó đều anh hào
Lời suy đâu thể gởi
Nương hóa ắt sớm đi.

2. Thơ niệm Phật Tam-muội của Tấn Lang Da Vương Kiều Chi:

Diệu dụng tại đây
Có thấy hay không
Thần do muội suốt
Thức bởi chiếu thô
Chứa vi tự dẫn
Vì công vốn dối
Mất ba quán kia
Quên lông trắng đây
Yên lặng gì đầu
Bước trên huyền vi
Chứa quên thích hợp

Thông suốt linh sáng
Tâm đến cõi xa
Được cơ chẳng hành
Dùng đó làm xung
Biết là rất hiếm
Thần đọng trời ngưng
Viên chiếu mây sáng
Cùng hóa mà gồm
Cùng các vật này
Chẳng nên dùng phương
Người nhận phân biệt
Nháy mắt gương vực
Vàng nước bụi phấn,
Đã từ một sinh
Có tuệ thức xưa
Nương người sâu kín
Nhờ có sức ngầm
Nghĩ chuyển hào công
Sâu xa chẳng lường
Còn khởi niệm này
Chú tâm Tây phương.

(Trích ở Lô sơn Tập).

3. Thơ niệm Phật Tam-muội (và lời tựa) của Từ Vân Sám chủ Tuân Thức:

Tựa rằng: Tam-muội niệm Phật là đạo mầu của bậc Thánh. Phàm khích lê dòng pháp đâu gì hơn đây. Sư tuệ Viễn Đời Tấn, hóa đạo ở Tầm dương, nhóm họp các bậc hiền người thừa hành đúng quy tắc nhất có Lang điện da Vương Kiều Chi, đến khi các bậc Hiền đều làm thơ về niệm Phật Tam-muội thì Tuệ viễn soạn lời tựa. Hoàng Tông Bính Thân, Sa-môn Tuân Thức hội các khách cao thượng ở Tứ minh hơn một trăm vị hai tháng giữa Đông, giữa Xuân thì một ngày một đêm hợp ở giảng đường Bảo Vân quán tưởng Vô lượng giác hạnh. Thời Hán ngụy suốt năm Nhâm Dần đã bị phá bỏ ở. Đông Sơn Bỗng nghĩ thành tựu việc cũ. Sự tích không kể ở đây. Bèn định các bậc Hiền đời Tấn làm thơ gởi đề khắc đá truyền lại đời sau.

Muôn cảm ngoài hình hài
Nghiễm nhiên nhà trống vắng
Lông trắng sáng nhiều mầu

Thần tối nhờ nối sáng.
Tượng đẹp chẳng vốn dự
Xem tục há thấy tốt
Chặt bỏ hội nhập vi
Dạo chơi tâm không vui
Đá vàng muội thấy chân
Chánh nghe ngu tám tiếng
Huyền không chẳng nương giá
Can thiệp đâu có gắng
Sum la hiểu đều vắng
Hư không tiêu khí độc
Lành thay đạt quán này,
Cục sĩ còn nói gì.
Bao dung mà khúc chiếu
Đẹp như bóng trong gương
Xem kỹ không khiển tâm
Luống cầu không trệ tưởng
Theo mộng quên thỉ chung
Thông kín rõ như đến
Nhờ đây gặp dáng Thần
Tiêu dao hẹn đến Tây
Soi hết huyền tưởng cô
Động tịnh như là khu
Đại tượng nào hình nghi
Đại phương gì rèm góc
Chánh thưởng chẳng ngầm gồm
Bước diệu không vòng vo
Tâm lắng biết khắp biển
Gạo tốt thân vàng ròng.

4. Từ biệt Lý bí thư ở chùa Thỉ hưng của Cư sĩ Thảo Đường Đỗ Tử Mỹ:

Chẳng thấy bí thư tâm như mất
Thấy bí thư rồi liền mất tâm
Sao vì động chủ lý tin rõ,
Ta là độc giác thần sung thật
Lại nghe kinh Quán nói Tây phương
Thân già chùa cũ gió vi vu
Vợ con đợi gạo lại ra đi

Ngày nọ gậy lê đến nghe pháp.

5. Ngồi bên bờ nước ở chùa Đông lâm của Cư sĩ Hương Sơn Bạch Cư Dị:

Xưa là khách trong thành Đông dịch
Nay làm người ở xã Tây phương.
Tay nhành dương chi ngồi bên nước
Nhớ nghĩ việc qua như thân trước.

6. Điếu Đại Sư Thiên Trúc Bảo Nguyệt của Cư Sĩ Đông Pha Tô Thức:

Sinh tử cũng như duỗi cánh tay
Tình chung ta nhắp một chua cay
Lạc thiên chẳng phải Bồng Lai khách
Nương nhờ Tây phương làm chủ nhân.

7. Đêm trừ tịch (2) của Cư sĩ Hậu Sơn Trần Vô Dĩ:

Bảy mươi đã hơn nữa
Việc làm được bao nhiêu
Mới hay tối gấp đến
Liền biết nhiều đời sau
Lánh đời nhiều phiền lụy
Nhiều năm phải làm ma
Về Tây nên dấn bước
Chẳng sống mãi Ta-bà.

Cư sĩ Hậu Sơn lại có ba bài thơ cũng có chí Tây phương. Nay tóm tắt một vài câu. Như bài gởi Tham Liêu thì nói: Bình sinh nguyện Tây phương, duyên với việc lấy bỏ, chỉ theo người ngoài đời, từ đâu mà quên năm. Bài gởi Lý học sĩ: "Vừa tìm đến cõi Đông, luận việc này có nhờ, Tây phương làm xe sau": Bài giả biệt Thiền sư Viên Chứng nói: Bình sinh theo Tây phương, đến già còn mê nhân gian là có ý gì? Năm nào Phật gặp Đầu-đà biết đó là Lão cư sĩ năm ấy. Cư sĩ Hậu sơn là người làm thơ cận đại nổi tiếng nhất chuyên chú với Lạc bang. Như thế thì những kẻ phong tao đâu thể chỉ vì một chữ mà kéo hết mấy cộng râu mép ư?

8. Việc tốt ở Tiền Đường, gởi người đứng đầu Giang Ninh Mã Thị Lang của Thiên Trúc Sám chủ Tuân Thức:

Vãng tuế Tiền Đường việc tốt thay
Trong đó An dưỡng rất chí thành
Ao tâm sen nở như còn mãi
Nên hành Tây phương Phật ở trên.

9. Đoan Trúc Ngộ Lão trồng sen của Vô Vi Tử Dương Kiệt:

Nghe nói Đông Lâm rừng suối đẹp
Hội xã xinh tươi nối trăm năm
Lệnh vật gì bằng trúc họ Thôi
Ao vuông trồng mới sen Tuệ Viễn
Hoa nghiêm mau tịnh tam thiên giới,
Non Lô lại cảm mười tám hiền
Đáng cười Đào Tiềm lại trở về
Bạch Vân chim hót bạn về vườn.

18. Lô sơn Bạch Liên xã của Sa-môn Ngự Khê Hoài Ngộ:

Nhà Tấn lăng trì vua chép bày
Người tài dấu cũ bóng khuông sơn
Lâu phiền Đại Sĩ còn sáng mãi
Mười bảy cao hiền chọn ghế ngồi
Tài cao ai bảo rồng trong chữ
Phản sử người kia nghĩ Tạ Công
Khói bay sương giọt ao ngọc vắng
Bóng sen nay tuyết gió thu lay.

19. Tặng Di-đà Đạo giả (tức Dụ Di-đà) của Trực Bí Các Hoàng Cáo:

Tịnh Công ngày nọ gọi lương y
Nhất ngộ chân không liền hết nghi
Hiếu hạnh không nên quên cha mẹ
Tín tâm không còn nhớ vợ con
Lộc môn so Bàng Cư sĩ
Liên xã may gặp Pháp sư Viễn.
Lại thành quán Tây phương thanh tịnh
Bạch hào luôn hiện năm Tu-di.

20. Thơ cận thể về mười sáu pháp quán của Sa-môn Xung Mặc:

1. Quán mặt trời.

Năm nay hương lửa tấc lòng sáng
Định vượt đường xa xôi mười muôn
Thường hướng về nơi mặt trời lặn
Ngưng tâm quán tưởng công phu thành
Linh đơn đâu riêng trị các khổ
Xương huyễn hãy nên hẹn năm thanh
Núi non trước mắt nào nước cũ
Trở về An dưỡng là thần kinh.

2. Quán nước.

Nước lớn ngưng băng không bến bờ
Sáng trưng trong suốt khắp sông hồ
Trên không chẳng biết trời đất lớn
Ngoài tâm vốn không có mây mù
Tự hận đời này vào đạo muộn
Nhân vì các vọng lạc không tà
Giữa rừng chẳng bỏ quán cây chuối
Chỉ đợi thuyền sen mau đến nhà.

3. Quán đất.

Chỗ dung tâm hết chẳng đất đai
Đường nhỏ làm sao có đất to
Nhạc trời đầy không vang kinh Phạm
Phướn vàng rủ đất ánh lưu ly
Không hề mắc mưu thần rỗng sáng
Chẳng sợ trôi nổi gấp bóng dời
Thử xem núi biển luôn còn mãi
Đâu bằng phút chốc về Liên Trì.

4. Quán cây.

Chớ dùng danh ngôn tìm ở ngoài
Biết cảnh giới trời rất cao sâu
Lớp lớp châu báu không vật khác
Mỗi tia sáng châu từ tâm ra
Vượt thoát chưa thành do thiếu tụng
Chứa công chẳng hề chán xỏ kim
Bạn vô sinh xã nên mời gọi
Cùng ta đồng tham ngộ tức thì.

5. Quán ao.

Nước chảy tám đức lạnh ngưng thần
Sen phát các sáng khiến lóa mắt
Trong hoa gương sóng truyền tuyệt âm
Chim bên bờ báu bóng theo hình
Nhiều năm dấu sóng quên việc về
Ngày nay nhớ lại định ở ao
Nghỉ chút giường kia như mộng tưởng
Giác rồi tâm địa riêng hân hoan.

6. Quán chung.

Trời dục giàu vui mấy từng cao

So cát sông Hằng chẳng là nhiều
Các tiên ẩn khuất vui lầu các
Tuyên dương Tam bảo thổi sinh tiêu
Chẳng có cảnh nào chẳng phàm tưởng
Trong ánh giải thoát chưa tự tại
Nhìn chung ân cần sư tử rống
Dã can sợ hãi phá tà yêu.

7. Tòa hoa.

Khắp biết nguyện xưa nhiều gò đồi
Đất bằng mọc sen hợp tự nhiên
Tòa báu vòi vọi khó sánh ví,
Cờ báu vượt cao vừa tròn vuông
Tưởng thành pháp pháp không dấu vết
Tận mắt trần trần vốn hư không
Kỵ nhất mảy may lạc lưới ma
Ngay đây dứt hết việc đời này.

8. Quán tượng.

Chân cảnh rất cao mắt phàm tối
Trước bày tượng quán nêu thường dung
Phải biết tướng tốt từ đâu khởi
Chỉ thẳng nguồn tâm có nẻo đường
Tướng vàng sáng rực như trời lên
Ánh sáng lông trắng mềm như nhung
Lại chúng sinh, Phật trong gang tấc
Bỗng phá bụi tối nghìn muôn lớp.

9. Chân thân.

Tám muôn tôn sùng toàn thể hiện
Ánh sáng luôn chiếu cõi như bụi
Sinh tử nhiều kiếp khó gặp gỡ
Thức ngủ chí thành vẫn không quên
Thề nguyện đục núi làm thắng nghiệp
Làm đồng hồ nước theo ánh dương
Phong lưu Liên xã nay ngàn năm
Cũng còn tiếng tăm thơm rất thơm.

10. Quán Âm.

Ba mươi sáu lớp đầy cảm ứng
Vớt hết chúng sinh thoát nổi trôi
Mũ trời hóa Phật lưu dấu vết

Sa giới tùy cơ nói tiếng mầu
Anh lạc đầy thân trăng lấp lánh
Cành dương trong tay bày vàng ròng
Đời ta nhiều bệnh thường quy ngưỡng
Chuột uống nước biển chẳng biết sâu.

11. Thế Chí.

Mão có bình vàng hoa trăm ức
Ni-mi báu lạ ánh xa cừ
Trong ánh có cõi nghiêm thân tướng
Gió động vạt áo ngọc leng keng
Niệm Phật viên thông công trước có
Nhiếp sinh phương tiện nghiệp trước bỏ
Chân Từ sáng sạch không bờ mé,
Cả ngày thần quang che lều tranh.

12. Quán khắp.

Quán Thánh vừa dung vọng hoặc nhẹ
Trong khoảng chớp mắt đến bờ hoa
Chín đài sen ẩn vượt phàm thế
Trăm tia sáng báu chiếu huyễn thân
Chim hót cây khua vang nhạc trời,
Ao vàng sóng động hợp lời kinh
Biết bao nhiêu kiếp linh đinh khổ
Rửa tai sáng nay thử lắng nghe.

13. Tạp quán.

Sáu mươi muôn ức cao vòi vọi
Dằng dặc phàm phu thấy gì đâu
Ao báu thường tưởng là thô tướng
Trần sát hình kia dáng lạ lùng
Lời Thánh nêu bày khó bàn luận
Thân Phật hơn kém nên biết trước
Tư lương ngày ngày tưởng Tây phương
Dè dặt chớ sinh tâm nghi lớn.

14. Ba phẩm Thượng.

Thoát được rừng gai chứng thượng phẩm ,
Hoa Phân-đà-lợi nở trong lửa
Thiền kia vắng lặng đã không sóng
Gương tâm vốn sáng chẳng bụi trần
Bỏ đây liền thành vô thượng nhẫn

Mới dạo tranh nhau vượt quần tài
Các Thánh đầy không hoa sen nở,
Đặc biệt là đài mầu Kim cương.

15. Ba phẩm Trung.

Tiểu giáo đâu thể tu Tịnh nghiệp
Hồi tâm về đại mới nên biết
Do kính các giới không tỳ vết
Quả chứng tam minh dứt vọng si
Tai nghe Pháp xuất gia lìa khổ
Tâm giữ vô ngã là nền chắc
Co duỗi cánh tay ra ba cõi
Một đóa sen kia mọc ao báu.

16. Ba phẩm Hạ.

Bọn ngu làm ác đã thành quen.
Từ xưa nào biết dấu trắng đen
Đến khi sắp chết nghiệp ác hiện
Mới hay rắn dữ bốn con tranh
Nếu không sức thiện từ xưa có
Đâu có công phu xưng danh mạnh
Bỗng biết gió mát thổi lửa nghiệp
Trong ánh lông trắng có mặt Phật
Lô sơn Liên xã của Giám bạ Dụ Lương Năng
Tuệ Viễn kết xã chuyên thanh tu
Sáng mãi sấm tông cùng tuấn du
Ngàn xưa không khác tên tuổi cũ
Sen trắng rơi rụng chẳng hơn thu
Đời trước ta là thân Tỳ-kheo
Nơi nơi núi mây có nhân xưa
Ngày nào trần duyên đều sạch hẳn
Vì người trong xã lo lửa hương.

21. Thứ vận Liên xã của Thích Hạt Lưu Thuần Tẩu:

Mua rượu để khích Đào Uyên đến
Đóng cửa chẳng thả Tạ công ra
Phong lưu xưa nay không người hiểu
Nhàn ngắm sen kia mấy độ thu.

22. Mười tám bậc Hiền của Lô sơn, của Đông Khê Thích Tổ Khả:

Chẳng thể phò nhà Tấn đảo điện

Bèn làm người Liên xã Tây phương
Há ý một thời việc ít có
Lại khiến Nguyên Lượng giữa hai mày.

23. Thơ nhớ An dưỡng quê xưa của Pháp Sư Tra Am Hữu Nghiêm:

Tôi xem An dưỡng là cố hương bởi ngay nơi tâm này là Tịnh độ, tuy nghĩ về đã lâu nhưng dời bước thật đáng buồn thay.

Nhân làm thơ này, xin người đọc chớ nên chê trách là lấy bỏ.

1. Người rõ thân tâm chẳng gần xa
Tuy rằng bốn biển đều là nhà
Sao bằng quê cũ dạo cây ngọc
Huống được thông thương với xe báu
Tính ra nhiều năm chẳng trở về
Luận việc phàm tình không bến bờ
Không phiền cha mẹ tựa cửa đợi
Đợi gá thai vào chín phẩm sen.
2. Mấy năm vạt áo lấm bụi trần
Chí khí cao xa khó tự bày
Nam nhạn mấy tiếng mộng quê dứt
Chiều đông gió thu lệ đầm đìa
Đây lại nếu chẳng nhớ trở về
Sau này cùng ai kết bạn lành
Xin xem bên đường chôn xương mục
Trong ấy phần nhiều người chưa về.

3. Tây phương chân tịnh vốn nhà ta
Nay nhớ đường về mười muôn xa.
Nẻo khách linh đinh đều đã khốn
Phong trần cô khổ rất thở than
Bảy lớp hàng cây ngàn muôn nhạc
Nước ao tám đức bốn màu hoa
Chớ lạ gần đây mộng quê cũ
Làm sao vinh nhục việc không bờ.

4. Vô ý mà nay tóc như tuyết
Nhớ nhung mang nặng ánh trăng Tây
Trong mơ bỗng nghĩ chim về tổ
Gian ngoài bỗng sợ lá thu bay
Một thỏi hương trầm một tiếng khánh

Trông xa bỗng lệ vội vàng rơi.

Pháp sư Tra Am chuyên tu Tịnh nghiệp, tâm tha thiết kính mến thấy rõ ở thơ, há ý: “Mà nay tóc như tuyết, nhớ nhung mang nặng ánh trăng Tây.” Nếu chẳng phải là người biết sự nhiệm mầu thì đâu thấy được như thế. Song thơ này rất nhiều ở đây không chép hết. Riêng Bảo Phước Tuân Sư có. Đoản Cảnh chỉ than rằng: Cá ít nước mà đường dài, sợ voi không có móc. Lại khiến người nói cho sướng miệng mà Thảo Am Lục đã ghi lầm.

24. Thơ nhớ Tây phương của Pháp sư Bắc Sơn Khả Mân:

1. Góc trời nhà hướng mặt trời lặn
Ở giữa hàng cây cách khói mây
Tuy đến được chỉ trong chốc lát
Nhưng ba tăng-kỳ vẫn chẳng đến
Lưới châu bảy báu sáng mấy lớp
Hoa sen bốn mầu sắc xinh tươi
Lúc về bạn lành đều ra đón
Han hỏi cách xa đã mấy năm.

2. Chỉ luôn ưa chán mãi hành trì
Bổn tánh duy tâm há chẳng hay
Ba cõi rối bời tình nhiễm nặng
Bốn loài trôi dạt sức gầy mòn
Lồng lộng trăng kia vừa mới mọc
Vàng võ mặt trời khi sắp lặn
Mặt vàng lão thân luôn nhờ cậy
Mau sửa soạn xe mà trở về.

3. Đã biết từ xưa có lỗi gì
Đóng chặt cửa sài nhìn trời lặn
Ngọn trúc nhẹ lay trăng mới mọc
Rèm tre cuốn nửa mây xưa về
Núi rừng khí vị đầy hoài bão
Khói hương tòng bách thấm áo gai
Bồ đoàn trên đá luôn tĩnh tọa
Tấc lòng luôn gởi ráng chiều bay.

4. Tây chỉ hướng Tây lại hướng Tây
Hướng Tây về Tây có chiêu đề

Hoa sen tươi nở sáng không đêm
Đất trải lưu ly ngọc sạch bùn
Gió động Pháp âm rao tám vịnh
Ao tuôn nước đức hơn song khê
Qua đời sẽ được siêu sinh nhé
Chín phẩm sen vàng bước thẳng lên.

Lại hai bài thơ năm chữ:

1. Ta-bà cõi kham nhẫn
Trẻ nhỏ thích dạo chơi
Gởi tưởng về trời lặn
Thương tâm đã bạc đầu
Sen xinh tươi ngàn đóa
Vằng vặc một vầng trăng
Chưa biết ngày nào đến
Khoảnh khắc ở lầu quỳnh,
Rễ cành đều dứt đoạn
Ngàn hoa ai sánh bằng
Nở bày dưới chân Phật
Kỳ diệu vào kinh đề
Lá non trên nước vàng
Rễ linh ngọc dưới đáy
Thề hẹn ngày hết duyên,
Bước bước đi về Tây.

25. Gác Giác Hải Di-đà ở Hồ châu của Từ Bộ Trương Cảnh Tu:

Đầm tiên bể giác đường hưng thiện
Tượng bày ngọc quý từ xưa nay
Cột điện nghiêng sách sấm rền lửa
Vượt cầu kia tượng gỗ Quán Âm
Trước song bóng trúc lay chim vàng
Gió thổi hương sen chìm đáy nước
Huống có gác Di-đà mới lập
Động tâm người vãng sinh vô hạn.

26. Tây Quy Hiên của Thiền sư La Nguyệt Đàm Oánh:

Anh nói lạc quốc là nhà ta
Tự cười khách phiêu linh đường xa
Một điểm quy tâm mặt trời treo
Trăm năm việc huyễn gởi hoa đốm
Trống kia chẳng đánh kinh rèm cuốn

Mũi kia luôn thông, triện bị tà
Tướng chánh niệm thành không vật ngoài
Trước song hàng cây càng thêm xanh.

27. Thơ nhớ Phật làm bên mái hiên (và lời tựa) của Thủ tọa Tuyết Khê Hy Nhan:

Từ xưa có câu: đời người trăm năm được bảy mươi tuổi là ít có. Tôi mười sáu tuổi xuất gia làm Tăng đến nay được bảy mươi tuổi ở đời chưa phải lâu. Sớm chiều luôn tụng kinh niệm Phật chỉ hận là chưa thật chuyên chú. Bèn mở kinh Thủ-lăng-nghiêm ở chương Thế Chí có câu: "Nếu người nhớ Phật, niệm Phật, thì hiện tiền tương lai chắc chắn thấy P, sai viết bài "Nhớ Phật" dán ở mái hiên nhỏ, ngõ hầu lâm chung thấy hình dáng của Phật mà thôi. Lại làm bài kệ để một bên. Kệ rằng:

1. Nhiều năm trốn chạy tóc như tơ
Nhớ Phật khó quên mười hai thời
Ủ dột tự than là đãng tử
Mấy phen hoa nở cành bên đường.

2. Tự thương nhớ Phật ngày càng sâu
Trừ Phật không ai hiểu lòng ta
Đường nào muôn kim mà làm khách
Chẳng bằng cơm rau ở nhà ta.

3. Lặn hụp theo sóng nhanh vun vút
Chỉ chốc lát đã bảy mươi năm
Há chẳng hướng về mà nhớ Phật
Sắp già đi rồi thêm gắng công
Quét sạch ý địa cho vắng lặng
Rồi đốt tâm hoa rực sáng người
Quyết định thân này như đã thấy
Sạch bụi, lột xác cười ha ha.

4. Có bạn tuổi già lại đến tìm
Chỉ là chăm chăm nhớ tâm Phật
Mấy nén hương xuân giờ đã lạnh
Một khám đèn đêm chiếu qua song
Khoảnh ruộng mưa thưa hương thấm đượm
Gió luồn khe sâu phát tiếng mầu
Tự hận không về đành tự bỏ

Đã về đâu cần hơn người ngâm.

5. Kèo cột đã cũ chịu an bần
Chỗ tốt không bằng nhớ Phật chân
Muôn việc rõ biết còn rơi nồi
Trăm năm chỉ đây mà nghỉ ngơi
Sườn núi đêm lặng trải bồ-đoàn
Dưới thông một mình bưng chén xuân
Đóng cửa chẳng quên thường nhớ Phật
Nguyện thường như thế bóng theo hình.

6. Ngày thường rừng thông thấy Tổ sư
Lại như nhớ Phật vào lúc này
Chỉ hay ở yên trong hang sâu
Bụng chẳng đeo theo mãy may nào
Đường tắt hoa rơi nổi khe nước
Song cửa nắng xế dưới cành thông
Vắng yên chân cảnh nào ai biết
Chỉ Phật thường hay vào mộng tưởng.

7. Sớm tìm Hán sử học làm văn
Tự nhủ còn sóng luôn học rộng
Bỏ mất thời gian theo nước chảy
Suy tư rốt lại chỉ mây trôi
Trong nhàn tự biết sống ẩn thân
Chỗ tốt ai hay siêng nhớ Phật
Ngầm bỏ uống ăn nay ở đây
Cỏ xanh ba thước chỉ mồ hoang.

8. Tôi muốn đời này thấy Phật đến
Phật nay đối tôi đâu luống dối
Chỉ giữ nhất niệm tâm không mỏi
Chẳng chờ tam kỳ mà mắt mở
Yến tía oanh vàng hót ý mầu
Khe xanh đá trắng bày đài báu
Nên biết hiện ra đường về nhà
Đường nào không người vì xoay lại.

9. Danh lợi dây lông cắt oán cừu
Vườn sơn tự so với loài sên
Phù sinh rốt lại chỗ vô song
Nhớ Phật phải biết liêu lạc nhất
Mẹ con có thể ở cùng nhà
Gió bụi đâu cần đến phương xa
Đường trước chớ hỏi, nay bắt đầu
Trang giấy, trải bồ đoàn ngồi yên.

28. Đọc truyện vãng sinh có xúc cảm của Pháp sư Vân Am Liễu Hồng:

Sách ghi Phi Sơn
Phương Kim ở Tây
Hiền xưa trở về
Sao chẳng nghĩ bằng
Tóc bạc dễ già
Lữ khách không nhà
Ý chí trở về
Nương đây chỉ mê.

29. Thơ vịnh sử Tịnh độ của Cư sĩ Tây Hồ Lý Tế:

Cư sĩ đạo hiệu là Tây Quy tử, vốn là người ở Vũ Lâm, cư ngụ ở Đài Khê. Tiên tổ bốn đời thi đỗ, ăn ở thanh bạch. Hiểu rõ giáo pháp Tịnh độ. Thường làm các bài vịnh về sử và thơ khen ngợi các bậc thượng thiện Tịnh độ có hơn năm trăm bài. Bởi người ở Tịnh độ đúng lý mà tu thì đều nối hạnh nghiệp. Nêu sự tích ở bài dù thiện nhỏ cũng không bỏ sót, gọi là người vui đạo. Văn lưu truyền ở đời, này tóm tắt ghi lại, về Thánh sư có hai mươi lăm bài để giúp người thấy nghe.

1. Nối Phật hóa duyên.

Như Lai hiện uế cõi Ta-bà
Chiết nhiếp cang cường, phương tiện nhiều
Cắt ngang sông ái không pháp khác
Chỉ dạy chuyên chí niệm Di-đà
Vô biên cõi nước đều thanh Tịnh
Chỉ Phật Di-đà biển nguyện sâu
Mười niệm công thành được dắt dẫn
Chính như điểm sắt hóa vàng ròng.

2. Thuật nói tác ý.

Xưa qua nay lại đã nhiều kiếp
Hai vầng nhật, nguyệt gấp như thoi

Tuần hoàn sáu đường không ngơi nghỉ
Chẳng biết Tây quy thì thế nào
Xưa nay anh hùng chỉ một huyệt
Hiền xưa còn có tâm phải quấy
Nay ta kính đọc truyện vãng sinh
Bắt chước Chu Đàm làm sử thi.

3. Bồ-tát Văn-thù.

Cúi lạy Mạn-thù Đại Thánh sư
Bàn sâu niệm Phật dắt các cơ
Bèn khiến pháp chiếu truyền giáo này
Năm hội trong cung đạo càng sáng.

4. Bồ-tát Phổ Hiền.

Khắp dạy mọi người mười nguyện vương
Chỉ quy An dưỡng lý sáng trưng
Xưa nay từ giác Liên Hoa xã
Thường dùng hồng danh khuyên mọi người.

5. Bồ-tát Phổ Tuệ.

Trong hội Vi Giang hộp các hiền
Đại sĩ anh em đều tham dự
Cốt để tuyên dương chân Phật hóa,
Chỉ ứng bi nguyện rộng vô biên.

6. Bồ-tát Thiên Thân.

Duy Thức Luận sư có nói kệ
Di-đà lạc quốc nguyện vãng sinh
Chỉ do quả báo không các khổ
Các Thánh về tông hành hóa đạo.

7. Bồ-tát Mã Minh.

Soạn luận thông tông trăm lạc-xoa
Dẹp tà bày chánh nhiếp các ma
Dạy người chẳng lui có thuật lạ
Chỉ dạy chuyên tâm niệm Phật-đà.

8. Bồ-tát Long Thọ.

Khuông phò tượng vận làm huân dung
Nói kệ Bà-sa trong Đại luận
Nguyện cùng chúng sinh sinh nước ấy
Khắp khiến phàm phu thoát buộc ràng.

9. Bồ-tát Ngũ Thông.

Người Ta-bà chưa biết Di-đà

Lên thẳng Tây phương mà thỉnh cầu
Phật và Bồ-tát đồng thời hiện
Bèn đem lá báu khắp vẽ hình.

10. Pháp sư Lô sơn Tuệ Viễn.
Liên xã bày ra dẫn người sau
Hợp với đạo tục cùng quy ngưỡng
Mười năm ba lần thấy Phật hiện
Chắc chắn đài vàng sinh thượng thượng.

11. Đại Thiền sư Nam Nhạc Tuệ Tư
Mộng thấy Di-đà nói pháp nghe,
Không trung tượng báu hiển thần linh
Thiên đồng hầu hạ bình thường đầy
Bỏ thức thân được Thánh chúng rước.

12. Đại sư Thiên Thai Trí Giả.
Xưa cùng Nam Nhạc thấy ánh sáng,
Vừa tụng Pháp Hoa ngộ Dược Vương
Luận giải mười nghi truyền vạn đại
Đọc kinh huống lại bày Tây phương.

13. Pháp sư Bích Cốc Thần Loan
Lưu-chi chỉ thẳng Phật sống lâu
Đốt bỏ đào tiên mười quyển kinh
Long Thọ hiện hình căn dặn kỹ
Khi mất đều nghe tiếng đờn sáo.

14. Hòa thượng Thiện Đạo ở kinh đô.
Vẽ ba trăm bích hoạ Tịnh độ
Viết mười vạn quyển kinh Di-đà
Sang hèn chẳng luận đều khuyên dạy
Lại lên cây liễu mà cầu sinh.

15. Pháp sư Tân Định Thiếu Khang
Sách Lạc Dương nhiều lần phóng quang
Hành hóa Tân Định ở phương xa
Mở miệng niệm Phật, Phật bay ra
Lại được trẻ con ủng hộ theo.

16. Thiền sư Ngũ Đài Pháp Chiếu.
Thường thấy ba Thánh hiện hư không
Tạ ân Văn-thù chỉ bày công
Cảm được thần tăng đến dự báo
Ba năm ông sẽ sinh hoa báu.

17. Thiền sư Vĩnh Minh Trí giác.

Bảy lần rút nhằm thăm Tịnh độ
Suốt đời chẳng bỏ việc tinh tu
Thần nương An dưỡng nhân thành phú
Lại được từ dung treo địa ngục.

8. Pháp sư Lô Sơn Trung Dung

Thông kinh mười sớ luận nghiêng sông
Tuyệt bút Di-đà tịnh nghiệp thành
Hủ gốm trong mộ thân huyễn chất
Chiếu sáng rực rỡ quyết sinh Tây.

19. Pháp sư Tứ Minh Pháp Trí

Mười tăng cùng hẹn sám ba năm
Sám xong thiêu thân nguyện vãng sinh
Tuy rằng, Từ Vân thỉnh trụ thế,
Rốt tu Tam-muội để về Tây.

20. Thiên Trúc Từ Vân sám chủ.

Ban-chu Tam-muội chín tuần tu
Đại, tiểu Di-đà sám để lại
Sao rụng hương tan chợt về Tây
Khoảng không ngàn năm trọng đạo tốt.

21. Thiền sư Trường Lô Từ giác.

Phát minh năm hoặc soạn cao văn
Cần khiến người mê biết tịnh nhân
Cảm được Phổ Hiền và Phổ Tuệ
Hoa sen bạn tốt về Tây nhanh.

22. Luật sư Linh Chi Đại Trí.

Đạo nối Nam Sơn mở Luật tông
Chí lớn lạc độ quyết về Tây
Lâm chung kiết già nói kệ, hóa
Trên hồ đều nghe tiếng nhạc trời.

23. Pháp sư Nam Chiêu Khánh Thường.

Khách Xã Tây Hồ ngàn người họp
Sáng cả Lô sơn ai sánh tày
Phải biết việc đặc biệt năm ấy
Xin xem bia khắc đều bậc Hiền.

Họa bài Quy khứ lai hề của Đào Uyên Minh, của quan Cấp sự Phùng Cơ.

Quan Cấp sự ở đất Thục, người Ninh phủ, đạo hiệu là Bất Động

cư sĩ. Thuở nhỏ đã nổi tiếng, đỗ đầu đại học, soạn các bài văn trường ốc. Phần nhiều dùng lời trong kinh Viên Giác, minh ngộ lý tánh, các sĩ luận khâm phục. Lại tham vấn khắp các thiền lâm, thấu suốt tông phái năm nhà. Về già dốc Tu-di-đà giáo, sớm tối chẳng ngủ, chuyên ý Tịnh nghiệp. Ông có làm lễ Tây phương ba quyển, Di-đà Sám một tập. Ở Hương quận có lập hội Tịnh độ, cảm được Xá-lợi trong lò hương ứng hiện hào quang khắp trời từng lấy bổng lộc giúp tạo Đại Tạng kinh và bốn Đại bộ Tạng mỗi thứ đều có bốn mươi tám phần để cúng thí các chùa biểu thị cho thệ nguyện Phật. Một hôm, cảm hoài bèn họa bài Quy Khứ Lai của Uyên Minh để nói về pháp môn Tịnh độ. Lời từ rằng: Về đi thôi! Liên xã đã mở, sao không về. Nhớ ta năm nào đã già yếu, huống là thế thái rất đáng buồn! Buồn nghĩ di tích Đông Lâm, nhớ các Tiên Hiền. Hướng về đời này mà sám hối. Sáu mươi năm trước chẳng như đàn mới rửa, giặt mũ mặc áo mới, rửa sạch trần cấu để được thanh tịnh, tạo đạo mầu để thoát ly. Ngắm kỹ đường trước mà quy tâm. Hãy mau vào nhà từ bi, lên cửa giải thoát. Muôn cảnh đều vắng, nhất chân riêng còn. Lò hương đầy rót đầy chén nước sạch. Hướng về Tây phương tu quán, cầu mong mau thấy từ nhan, vào Tam-muội niệm Phật, biết thân tâm nhẹ nhàng. Sinh về phẩm thượng của chín sen, mở cửa tối, vượt sáu đường. Hội tinh thần ở chánh thọ, đóng tai mắt không nhìn bất chánh. Đợi báo thân này mất chỉ Cực lạc mà về nhanh, quanh cây báu mà kinh hành, dạo vườn hoa mà trở về. Về đi thôi, chỉ Tịnh độ mới nên đến, nghĩ Diêm-phù vẩn đục. Bỏ cõi này mà cầu chi. Mừng được sống lâu vô lượng, không hề khổ vì bào thai. Cùng các bậc thượng thiện gặp gỡ, cùng Bổ xứ làm bạn thân. Ao kia đủ bảy báu, vàng ròng làm thuyền. Đất lưu ly bằng phẳng, không gò hầm cao thấp. Âm nhạc gió lay cây, tiếng Phật dòng nước chảy. Người nghe vui cảm, niệm Phật Pháp Tăng, trần duyên tự dứt hết.

Ôi đời người như mộng, nào có bao lâu. Sao vì bả danh lợi mà lưu lại báo này. Hãy xem hết phù thế đều là huyễn cảnh. Còn cõi Cực lạc kia mới thật đẹp. Sen trồng trong ao, luôn niệm Phật để nuôi lớn. Mong khi qua đời được Phật rước, giã biệt để lại thơ. Từ đây địa địa tăng tiến, quyết chứng Bồ-đề, còn có nghi gì?

Làm theo bài Quy Khứ Lai của Uyên Minh của Cư sĩ Huyễn Trụ Nhậm Bưu.

Về đi thôi! Tịnh độ Tây phương thệ nương về. Đã thoát khỏi cõi năm trược sinh tử, cũng nương nhờ ba Thánh Từ bi. Than ôi, đời người là huyễn hóa, qua nhanh khó theo. Biết duyên đời như giấc mộng đêm

qua, thương việc đã qua đều luống dối. Đến già mới học đạo, khác nào lúc lạnh lắm mới may áo ấm. Hồi lúc thanh xuân nhiều buông lung, lầm nghiệp trắng mà kém thiếu. Mê mãi dãi dầu trong ba đường khổ thì ức kiếp mê, làm sao được giải thoát. Có đại pháp môn mà nghi thì ắt xa. Người tin đây thì còn tin gì ở ai. Đức Di-đà Thế Tôn bày sợi lông trắng mầu ngọc, hiện dung nhan vàng ròng che khắp đại chúng đến nương, hiển sáng núi vàng ấy là giới thì phải bền giữ ba nhóm, trai thì siêng tu tám quan. Lại thêm niệm Phật để tinh tiến, lạy nhiều mà quán kỹ, may mắn được thân người mà không được thế, cũng giống như đến đảo châu báu mà về tay không. Dẫu Thánh phàm có siêu tuyệt cũng dụ như trăng nước có khó gì.

Về đi thôi. Tịnh độ Tây phương nhiều cảnh đẹp. Hàng cây lưới báu phát tiếng mầu, cơm thuần-đà áo trời chẳng cần cầu, chỉ hưởng các điều vui, dứt hẳn các điều khổ. Di-đà Thế Tôn phát bốn mươi tám nguyện độ chúng sinh, trăm ngàn Tam-muội mau huân tu. Ở biển thệ lớn nương thuyền đại nguyện, không bị ma Ba-tuần oán hại. Chỉ có Thanh văn Tỳ-kheo nghe các chim biến hóa nói tiếng pháp mà truyền bá. Quán Âm, Thế Chí sức bền bỉ dắt dẫn người tu không ngơi nghỉ. Than ôi, chúng sinh mạt pháp nhiều tệ ác, cảnh giới khổ nào kia há ở lâu. Hãy về đi thôi! Đâu-suất còn bị đọa, Long Hoa chưa hẹn ngày. Chỉ có cõi nước Cực lạc công đức trang nghiêm như thế, hoa sen mầu sáng nở chín phẩm, thanh tịnh hải chúng đợi từ lâu. Chỉ cần tín tâm không lui sụt thì chắc chắn vãng sinh, không có gì đáng nghi.

Truy họa theo bài Quy khứ lai từ của Uyên Minh (và lời tựa) của Chuyết Am Tông sư Giới Độ.

Chuyết Am Dã Phu bị bệnh trong rừng. Một hôm, đọc bài từ Quy Khứ Lai Hề của Đào Uyên Minh bỗng ném sách mà than dài. Bởi ta có thể ôm nỗi lòng qua đời khác. Uyên Minh là một kẻ tục bị nghèo hèn ép bức mà còn chê năm đấu gạo chẳng chịu mọp lưng. Nơi quê nhà sống với lũ trẻ con mà từ bỏ chức tước, làm Lạc Phú để quay về. Huống bọn ta là con nhà Phật vì giải thoát mà cầu xuất gia lại rong ruổi trong cõi trần mà chẳng biết ngừng bỏ. Thật hổ thẹn với Uyên Minh. Tôi một lòng lấy An dưỡng làm quê cũ, muốn viết nên hoài bão thấp hèn để tự khuyên gắng. Bèn họa theo, người xem chớ cười là kẻ bắt chước nhăn mày thấy giống, cũng để nói lên chí mình. Ngày rằm, tháng cuối thu, năm Đinh Dậu. Viết lời từ rằng:

Về đi thôi! Quay đầu quê cũ ngày nào về. Biết lạnh đến thì nóng đi, nhọc mộng mơ mà ngầm buồn tiếc, bỗng tình cờ gặp mà từ biệt, nay

hối hận là chẳng nhớ gì. Nhìn bạn lành ở ao sen thật thẹn mà chẳng biết ai. Than ôi, mấy đời phiêu bạc mất hạt châu cài vạt áo. Lại nghĩ sâu mà tỉnh ngộ mạnh mẽ, sao tiết tháo quá yếu hèn, muốn về liền về, một chí về Tây, sống mải không chết là cửa các điều nhiệm mầu. Chỉ tâm vốn đủ, chân tánh thường còn. Bỏ quên Chu Đỉnh, lại nhận chung rượu, không chịu tước ban. Ở nhà đẹp bỗng rơi lệ, đối từ thân cảm thấy các khổ ép ngặt sẽ bỏ chỗ nguy hiểm mà đến chỗ yên vui. Tuy không đến mà chẳng biết làm sao. Khách lỡ đường nương vào mười sáu cảnh mầu, vào Chánh Thọ quán xa, bỗng toàn tâm phát hiện, mừng châu về hiệp phố, trộn uế tịnh ở cõi bụi, tùy bước mà bàng hoàng. Về đi thôi, dứt hết các duyên ngoài, lại nép mình mà hoại phục (mặc áo nhà tu). Chí cầu giải thoát, sao chỉ bo bo theo vật, điềm nhiên mà chẳng lo mất của báu trong nhà. Vất bỏ ruộng vườn của Tổ phụ mà chịu đói khát, muốn cứu vớt kẻ chìm thuyền phải lội vào dòng tục. Nếu như thế thì bảo dẫu Tỳ-kheo nghe nghĩa mà chẳng dời. Bởi tìm nguồn mà chặn dòng. Xét muôn duyên vắng lặng thì sáu dụng nghỉ ngơi. Than ôi, đời người biến hóa theo bốn mùa. Chân trời, nhật nguyệt chẳng dừng lâu, từ đó mà tính việc yên thân. Có sinh phải có tử, trăm năm có ai hẹn. Ruộng đất phải cày bừa, cỏ Ái phải nhổ sạch, kết Tịnh Xã ở Lô sơn, ngâm thơ mới của Tra Am. Hướng tâm tưởng về nơi mặt trời lặn, vỗ cánh hóa thân, không còn nghi ngờ gì.

Khen Tịnh độ Ngư Gia Ngạo (và lời tựa) của Pháp sư Khả Mân ở Bắc Sơn.

Ngư phụ nhà tôi luôn chẳng rời thân một trượng sáu có ba mươi hai trướng đẹp nói là thông minh. Khổng Tử Trọng Ni đâu dám sánh vai luận đạo đức.

Lý Bá Dương phải rúc đầu dứt thiên võ lược mà một mình đánh tan tám vạn bốn ngàn ma là bậc tài ba, luận thắng cả chín mươi sáu thứ ngoại đạo đem thân thề ngồi bên nước, đoạn ái hà, khoác áo nhẫn nhục ngăn mưa khói vô minh, treo buồm Từ bi, thổi gió phương tiện, chống đỡ thuyền Bát-nhã, đạo thuyền trong biển khổ sinh tử, thề núi trăng sáng, biển giác gió thanh mà câu vớt chúng sinh chìm sâu, cho ở trong lồng Niết-bàn. Chỉ thú như thế tức là bình sinh tạm dứt cần câu. Bèn để thơ rằng:

Nhà cửa thường vắng vốn ưu du
Đến đầu biển khổ cầm cần câu
Đợi khi chúng sinh vào tay hết
Bấy giờ mới bỏ hẳn cần câu

Từng giảng Di-đà mười lượt
Lô Sơn sớ sao ra nhiều quyển
Nghĩa lý viên dung văn nghĩa sáng
Phương tiện nhiều
Đáo đầu chỉ khuyên sinh hoa sen
Bổn tánh Di-đà tùy thể hiện
Duy tâm Tịnh độ nào có xa
Mười vạn đường xa từ sự thấy,
Thôi phân biệt
Qua đời chỉ tự chuyển đổi mình.

1. Giữa sen bốn mùa xen màu lục
Mỗi hoa sen một Phật Di-đà
Chớ nghi Tịnh độ đường đi xa
Ngày ngày đời người nhiều mưa rơi
Phật ta hoa sen tùy bước đến
Vàng ròng tướng đẹp búi tóc xanh
Nhân địa có phát thệ nguyện lớn
Bốn mươi tám nguyện
Chúng sinh độ hết thành Bồ-đề
Cung điện hợp bóng cùng hương hoa
Thềm báu ba đường lưu ly rộng
Nước chim cây rừng đều niệm pháp
Tiếng rầm rì
Không trung hoa trời rơi như mưa.

2. Hàng cây rợp bóng bày bảy lớp
Hoa báu lưới châu ngọc leng keng
Trăm ngàn thứ nhạc cùng trổi lên
Trời mưa Mạn-đà khắp hư không
Cõi ấy vì sao tên Cực lạc
Hoa sen chín phẩm không ba ác
Tuy có Tần-già và hạc trắng,
Chẳng sáng bày
Như Lai biến hóa để tuyên lưu
Chín phẩm một đời lìa năm trược
Tự nhiên thân đeo chuỗi ngọc báu
Lông trắng mền mại ở trên trán

Chiếu sáng rực
Trăm ngàn nghiệp chướng đều tiêu tan.

3. Các Phật sáu phương đều khen ngợi
Tướng lưỡi tam thiên rộng khen bày
Trên ao thác sinh sen chín phẩm
Chưa biết sinh về ở cành nào
Phật khen Tây phương kinh hiện tại
Rộng dài tướng lưỡi cõi tam thiên
Cốt yếu chúng sinh sinh tín hiểu
Lâm chung xa
Chẳng tu Tịnh nghiệp còn đợi gì
Ao bằng bảy báu sóng lăn tăn
Hoa sen từng đóa như bánh xe
Trong hoa thác sinh chân tự tại
Chia ba bậc A-bệ-bạt trí không lui sụt.

4. Chỉ được trong hoa mà hóa sinh
Theo giáo trải kiếp hoa chưa nở
Trong hoa vui sướng như Đao lợi
Chẳng so thai mẹ ở nhân gian
Anh võ, Tần-già biết mấy con
Âm thanh hoa nhã hót sớm chiều
Giảng nói năm căn và năm lực
Khiến người nhớ
Tâm bay hận thân không mọc cánh
Từ đó Tây phương mười muôn ức
Nước xa núi cao ai hay biết
Chỉ là quán môn thẳng đường về
Thật dứt hết
Ngồi lắng kiếp nước ngọc lưu ly.

5. Ngồi sửng mới tu quán nước thành
Gió nhẹ chẳng động sóng xanh yên
Cảnh giới kín sâu ai người thấy
Một mảnh lưu ly chiếu sáng mắt
Lạc bang thanh tịnh quê cũ ta
Ta-bà trôi dạt do tham ái

Dần dà nghĩ về sương thấm tóc,
Hận sai lầm, Tắc Hồng không hiểu tin truyền âm
Mặt trời lặn rồi cát ẩn ẩn
Hướng Tây trông vời nên về gần
Lúc đó nhạc trời liền dắt dẫn,
Phải tinh tấn, trên đài vàng tím ai vô phần.

6. Lạc Bang thanh tịnh vốn nhà ta
Đã có hẹn về há lo xa
Định hội tu cần nên cố gắng
An nhiên không nghĩ ngợi mé trời xa
Lý tánh xưa nay luôn tự tại
Linh thông soi chiếu sáng vô ngại
Vì bị gió vô minh não hại
Biển chân như
Hiu hiu thổi động sóng ngàn sâu
Năm uẩn đầu non mây mù mịt
Ngăn trăng trong tâm chẳng chiếu sáng
Sáu giặc hội nhau biết sửa đổi,
Trừ tham ái, Sát-na thoát khỏi cõi Ta-bà.

7. Đông vầy Phàm Thánh đi cùng đường
Một điểm linh minh thể như một
Chỉ vì vọng tình chuyển theo vật
Đến nay điên đảo chưa trở về
Vì chán Ta-bà cầu Tịnh độ
Theo tình đón tưởng suốt sớm chiều
Ai tin chẳng nhọc dời một bước
Về Tây phương
Lâu đài ẩn hiện trong mây xa
Lưới châu mưa rơi các hoa sáng
Cát vàng trải đất không bụi đất
Chợt chẳng dạy người nghĩ đường về
Tâm chuyên chú
Ngồi quán trời lặn như trống treo.

8. Gió mát vì ta khởi vắng lặng
Chẳng chịu mây tàn che góc nhà

Sống thiền sâu che chắn không người
Ngồi xem vầng mặt trời đang lặn
Bốn tướng tranh nhau sinh bệnh chết
Ma chết không hẹn khó giữ được
Tranh nhau sớm tối trì Phật hiệu
Tây phương đẹp
Cây rừng chim nước niệm Tam bảo
Mài mòn các thứ râu tóc bạc
Lạc bang nên về sớm lo toan
Muôn ức cõi nước đường không xa
Dứt phiền não
Chỉ một khoảnh khắc liền đến nơi.

9. Kinh khen Di-đà nguyện lực mạnh
Dụ như người kém theo Chuyển luân
Một ngày đi khắp bốn thiên hạ
Về Tây đường xá chẳng hề xa
Người đời tội oán biết bao nhiêu
Đường trước chẳng phải không minh phủ
Tranh nhau mà đốt một nén hương
Không đi đứng
Từng câu xưng niệm cha Di-đà
Tội nghiệp tiêu hết có chỗ sinh
Di-đà nguyện lực đáng nương nhờ
Mười niệm nhất tâm luôn sáng tối
Đường Tây phương
Công thành chân bước đến sen hồng.

10. Ai biết ngồi thẳng mà lại đi
Khoảnh khắc tâm bay đến lầu ngọc
Bóng trúc ánh trăng dời đến ngõ
Liền ngỡ hàng cây ở đầu rèm
Muôn việc rốt lại đều vô ích
Nghĩ sâu chỉ phải nên tu hành
Nếu đưa tâm này dạo đất báu
Rất dễ dàng
Ngồi quán mặt trời lặn hướng Tây
Muôn tia sáng hồng thu vào mắt

Mở mắt nhắm mắt thấy rõ ràng
Quán này khi thành biết pháp vị
Tâm vui mừng, khi chết chắc chắn sinh trong sen.

11. Chín phẩm hoa sen thứ lớp bày
Sen kia lá xanh cùng chen chúc
Chẳng biết ngày nào sinh cõi sen
Ngại gì ngày đêm luôn đeo mang
Lạc bang trời Tây mây ngăn cách
Một vầng trăng trong chiếu sáng ngời
Ý muốn vãng sinh luôn khuyên gắng
Nhọc hồn phách
Di-đà một niệm tiếng trăm ngàn
Điện vàng lầu ngọc là nhà cửa
Bảy lớp hàng cây hơn tòng bách
Gá sinh trong hoa không mạch máu
Rất cao xa
Nhạc trời chẳng phải khách bồng lai.

12. Khắp xem trục ngọc và hộp ngọc
Nhọc lời khuyên gắng thoát phàm trần
Tịnh độ khéo tu lại chẳng chịu
Trong kinh nói nhiều về cõi Tịnh
Xích châu mã não để trang sức
Chúng sinh cõi ấy đang hiển sắc
Nâng vạt áo
Hoa đẹp cúng dường Phật phương khác
Trẻ con ham dạo chơi ngụp lặn
Ta-bà là khổ sao không răn
Ưa chán từ lâu mới có sức
Theo sớm tối, lặng đốt nén hương khói ngưng đọng.

13. Đã có thân tâm cầu Tịnh độ
Hãy bỏ đường lối đến Ta-bà
Tu hành cũng chỉ không nhiều kẻ
Mười niệm công thành một sát-na
Văn chương thi phú không chỗ dùng
Và xem danh lợi chỉ như mộng

Một xâu chuỗi kia thường trong tay
Dẹp ngàn thứ
Chỉ nghe niệm Phật tâm mạnh mẽ
Dìu dặt trên không nhạc gió đưa
Dịch tiêu sáo trúc gió vẳng đưa
Dắt dẫn phàm phu lên các chúng
Mây hương dâng
Nam nhi ngày này mới kính trọng.

14. Xem khắp kinh văn và luật nghi
Khắp nơi chỉ khuyên niệm Di-đà
Một câu tiêu hết nghiệp ngàn đời
Huống là nối nhau luôn trì tụng
Dứt hẳn tâm vượn và ý ngựa
Nắm chặt đầu dây luôn giữ niệm
Nói phá mười nghi do Trí Giả
Chép mà truyền
Lô sơn lại kết Xã Liên Hoa
Mười tám Đại hiền cùng nhóm họp
Công thành mây năm màu về Tây
Các bậc Thượng thiện đều ở đó
Cùng đón chào
Dụm đầu chỉ nói chuyện vô sinh.

15. Bên ao hàng cây không che khuất
Cong cong cầu vàng lộ nửa bên
Chợt thấy hóa sinh làm con Phật
Ở trong sen hồng ngồi kiết già
Ba mươi sáu thứ gồm một đãy
Túi nhỏ hôi hám đầy tham ái
Khác nào bọ hung đẩy hòn phân
Không dừng đợi
Sớm sớm ở trần luôn cố gắng
Lại phải bền tâm mà sám hối
Sao bắt ác nghịch và đao phủ
Một niệm tiêu trừ tội ngàn kiếp
Sinh trong hoa
Đầy thân chuỗi ngọc kêu leng keng.

16. Lăng xăng tình đời như hoa đốm
Ngoài giảng giải, không còn gì nữa
Một xâu chuỗi kia luôn lần hạt
Phật A-di-đà là kẻ thù
Một điểm thần hồn mới gá phách
Trong hoa sen xanh nhà lưu ly
Hào tướng pháp âm không đứt quãng
Tuy sáng rỡ
Đáo đầu chẳng giống khách đài vàng
Chín phẩm cao thấp tùy báo được
Hoặc trải mấy kiếp hoa mới nở
Nếu ta sinh tâm tánh chật hẹp
Phải gấp bỏ
Hoa sen chưa nở hãy mở ra.

17. Đọt cúc gừng non một bữa cơm
Ngoài ra nào dám phí công phu
Từ nay mười ngón không rảnh rỗi
Hết cả cuộc đời mà lần chuỗi
Tịnh độ quê xưa bỗng từ biệt
Góc trời trôi giạt mãi đến nay
Tuổi già mày râu cũng nhuốm bạc
Nghĩ trở về
Nghe tiếng nguyện gởi trăng trời xa
Luôn luôn nghĩ lo tu tịnh nghiệp
Khi chết chắc chắn Phật đến rước
Có thệ tiêu biểu lời nói thật
Lưỡi rộng dài
Tam thiên che khắp lá sen hồng.

18. Chỉ tụng, đốt hương làm việc thường
Đêm đêm đọc tụng một hai canh
Chiếc bóng tự thương ngoài trần thế
Dưới trăng gió nhẹ đi kinh hành
Thiện Đạo thở than nay đã qua
Dạy cho già trẻ đều về nhà
Niệm Phật một câu cho một tiền
Tiếng mới vang

Một câu một Phật trên hư không
Tám mươi bốn ngàn tướng nhiệm màu
Ánh sáng, tuổi thọ đều vô lượng
Rũ tay màu vàng ngàn muôn trượng
Tay ngỗng chúa
Thệ đến đón trước về An dưỡng.

19. Sáng gà chiều trống luôn thúc giục
Rụt rè dung mạo biến suy đồi
Chớ bảo tóc bạc là rảnh việc
Rốt lại vô thường đưa tin mời
Cõi Tây dệt thành cõi Đông hoại
Sao bay một điểm ngàn cõi đẹp
Chớ ngờ thần hồn sinh quái lạ
Không ngăn ngại
Lạc bang chỉ ở trong Đồng cư
Ao tám đức sâu, hoa lại lớn
Ngồi kiết già thẳng trên hoa sen
Tai nghe tiếng pháp tâm giải ngộ
Cúi đầu lạy
Từ nay thoát hẳn ngoài bào thai.

Khen Tây phương ngư gia ngạo của Thiền sư Tây Dư Pháp Đoan:

Trong ao bảy báu mà thả câu
Nước tám công đức khói sóng xa
Đáy ao cát vàng trải khắp chốn
Đi nhiễu quanh
Vàng ròng lót đất làm đường đi
Hạc trắng, chim công, anh võ hót
Di-đà tiếp dẫn lời khuyên
Chẳng phải tu hành sao đến được
Một loại tốt
Tây phương Tịnh độ không phiền não.

Bài hát theo điệu vọng Giang nam (12 bài) của Pháp sư Bạch Vân Tịnh Viên.

a. Ta-bà khổ:

1. Ta-bà khổ, nhiều kiếp chịu luân hồi

Chẳng dứt nhân khổ lìa nhà lửa
Chỉ theo nghiệp báo vào bào thai
Bội bạc Đài linh này
Sáng lại chiều, lạnh nóng thôi thúc
Một thân huyễn này được mấy ngày
Trăm mối khéo léo áo đầy bụi
Đâu được xuất đầu ra!

2. Ta-bà khổ, thân thế một cánh bèo
Trong mắt muỗi ong tranh lợi nhỏ
Trên sừng ốc sên nghĩ hư danh
Một điểm khí khó bằng
Ngày đầy nhân ngã đêm dài vô minh
Địa ngục tranh nhau nhào đầu vào
Tây phương không ai chịu tu hành
Chết uổng lại sống uổng.

3. Ta-bà khổ, tình niệm chợt như gió
Sáu giặc trong làng chẳng tạm yên
Bốn rắn trong tháp tranh nhau mổ
Ai là người chủ nhà
Không có tuệ lực, lưới ái đổi thành lồng
Một hướng bốn góc thấp dưới đất
Chẳng nghĩ hai chân muốn tiêu không
Đường trước càng phải gấp!

4. Ta-bà khổ, sinh già bệnh vô thường
Chín lỗ tanh hôi chảy nước dơ
Một bao máu mũ là đãy da
Tranh yếu lại tranh mạnh
Theo vọng tưởng, đắm dục lại hoang đường
Niệm Phật xem kinh bảo chấp tướng
Hủy giới phá trai không đề phòng
Chỉ sợ có Diêm vương.

5. Ta-bà khổ, suốt ngày theo trần hoàn
Chẳng biết ngày tháng theo nước trôi
Sao kham tóc bạc đổi má hồng

Sáu đường thường trôi lăn
Xưa và nay ai chịu chết trước nhàn
Lợi danh nguy ách vừa vào tay
Hư hoa tài sắc liền vinh theo
Vinh nhục mảnh thời gian.

6. Ta-bà khổ, thời gian như nước trôi
Vinh nhục buồn sợ ngày nào dứt
Phải quấy nhân ngã lúc nào thôi
Đường sinh tử mênh mông
Mặt nước ba cõi nổi một bọt
Giả sử anh hùng công trùm đời
Chỉ để xương trắng trên gò hoang
Sao bằng sớm quay đầu.

b. Tây phương vui:

1. Tây phương vui, tùy niệm liền vượt lên
Một điểm linh quang theo mặt trời lặn
Muôn mối việc đời giao mây nổi
Người đời tự lăng xăng
Chỗ ngưng trông, quyết định nương thần
Đất vàng kinh hành bước trong sáng
Lầu ngọc ngồi yên thân trong định
Mới ham được thiên chân.

2. Tây phương vui, cây ngọc vượt lên cao
Che khắp bảy lớp lưới châu báu
Trang nghiêm trăm ức cung hoa đẹp
Trong cung các thiên đồng
Đất vàng lan can rào lớp lớp
Hoa mưa phơi phới hương tản mạn
Âm nhạc dìu dặt trống xa đưa
Người nghe vui vô cùng.

3. Tây phương vui, bảy báu chạm trổ ao
Hoa sen bốn màu cùng khoe sắc
Nước tám công đức sóng lăn tăn
Hết khát lại hết đói

Trên bờ ao lầu điện cao chất ngất
Rào khắc bích ngọc trám mã não
Cột cao vàng rồng điểm pha-lê
Chỗ nào cũng sáng rực.

4. Tây phương vui, đàn chim hót tiếng hay
Dưới hoa cùng hót bài lục độ
Trong sáng hòa nhã khen tam thừa
Người nghe ngộ vô sinh
Ba đường ác còn chẳng có tên
Đều là Phật Từ bi hóa hiện
Muốn nói lời pháp nhắc mê tình
Tâm địa mau sáng tỏ.

5. Tây phương vui, buổi sáng cúng rất tốt
Xa tít mây tiên theo gậy báu
Nhẹ nhàng vạc áo đầy hoa trời
Mười muôn đi chẳng xa
Các cõi Phật tùy niệm biến hà sa
Tay sen vỗ đầu thân thọ ký
Tiếng sóng trong veo vang tần-già
Đến giờ liền trở về.

6. Tây phương vui, Phật ta đại Từ bi
Chỉ đủ ba tâm tròn mười niệm
Liền lên chín phẩm vượt ba kỳ
Thần lực chẳng nghĩ bàn
Khi chết tiếp dẫn quyết không nghi
Nguyện khắp chúng sinh cùng giữ niệm
Đài vàng nhạc trời sẽ đón rước
Phút chốc đến ao sen.

BÀI TỰA SAU

Người tu Tịnh độ, phần nhiều được môn ấy mà đi đường tắt thì không có mấy người. Còn luận về Tịnh độ nhiều người được pháp yếu mà chỉ thẳng thì rất ít. Không hề nghe ai đem cái ngăn, cái che của mình mà nói ra. Vì cái tự ngăn không gì bằng ái, cái tự che không gì bằng nghi. Chỉ cần dứt hẳn hai thứ ái và nghi, không còn chướng ngại thì pháp môn Tịnh độ không hề gián cách.

Di-đà nguyện lớn thường tự nhiếp giữ đó là lý tất nhiên như thế. Xưa, Vô Vi tử soạn lời tựa cho Luận Thập Nghi của ngài Thiên Thai có nói: Ái không nặng thì không sinh Ta-bà, niệm bất nhất thì không sinh Cực lạc. Lời nói này có thể gọi là biết từ gốc rễ vậy. Xin thử lấy một việc mà đính ước. Như Pháp sư Tuệ Viễn đời Tấn vang tiếng Tây phương, có kết Liên xã ở Lô sơn mời Uyên Minh xem là quý vì các vị đã dứt bỏ được ái, còn Tạ Linh Vận thì ngăn không cho vào xã vì ông còn tạp tâm mà niệm không chuyên. Há chẳng phải đây là bờ bến Tịnh độ. Tôi do đó được thuyết Tịnh độ, khác với xưa như thế mà thôi. Bởi có nói người mến mộ tu tịnh nghiệp như Đào Uyên Minh thì được, tuy mời nhưng không đến. Nếu nguyện thì sẽ đạt. Cần yếu là ở trong ngực rốt không có một vật. Cầu niệm còn chẳng được, làm sao đoạn được ái. Cho nên không cầu thì thôi, cầu thì lấy chống ngăn nào để đè nén. Tôi có nghĩ khen ngợi Tịnh độ rằng: Chỉ trừ mình tự chướng ngại, nếu cầu sinh thì liền sinh. Lại nói nếu không kéo dây neo chỉ uổng sức đẩy thuyền. Bởi cũng có lời khích rằng: Tông ta, giảng sư Tông Hiểu đã lấy Tịnh nghiệp làm sức mình lại suy ra các vật khác, biên tập văn Lạc bang từ kinh luận trở đi mà cùng với xưa nay nổi tiếng, còn văn của Phật ta hễ những gì có quan hệ đến Tịnh độ thì đều phát huy mà ghi chép vào làm sách, để khuyên rộng người tin rất rõ ràng. Còn việc chỉ rõ tu trì thì không phải một mối mà rốt được dụng tâm. Có thể nói là vừa siêng lại đẹp. Tuy nhiên ta sợ nhiều cách quá sẽ làm mê hoặc ý chí mà không nhất niệm, không dứt ái, để tự ngăn che mình rồi than thở đau buồn. Cho nên đặc biệt nêu ra thuyết ấy để được thông suốt. Nguyện các bạn đồng tu một là chuyên niệm mà dứt ái là gốc, hai là thêm nguyện lành thì pháp môn Tịnh độ đoán chắc sẽ đến. Văn này há luống uổng ư?

Ngày lành tháng tốt năm Canh Thân, niên hiệu Khánh Nguyên Bách Đình ở Nam Hồ, Thiện Nguyệt kính ghi lời tựa.

■

LẠC BANG DI CẢO

Sa-môn Thạch Chi Tông Hiểu, đất Tứ minh soạn.

QUYỂN THƯỢNG

LỜI TỰA

Kẻ ngu này quyết chí với Tịnh nghiệp, thề muốn độ hết tất cả hữu tình cùng về cõi báu, nên biên tập văn Lạc bang để truyền bá trên đời. Ngoại trừ bài văn có nghĩa riêng, còn lại tùy chỗ thấy nghe mà được lợi ích. Giúp người tu Tịnh nghiệp nên nói tiếp và ghi lại thành Lạc bang Di Cảo. Bởi tôi bắt chước nhà Nho góp nhặt ghi chép các bài trong các sách vỡ, hoặc các lời nói có liên hệ thì nêu sơ lược cương yếu. Tuy nói là chưa đủ nhưng cũng giúp được người xem ít nhiều.

Mùa Xuân năm Giáp Tý khởi soạn, kính ghi lời tựa.

Ngài Tông Hiểu biên soạn Lạc Bang Di Cảo trước sau hai quyển, tùy việc mà nêu tựa đề. Lắng lòng mà xét thì sách này chuyên dẫn dắt chúng sinh về Tịnh độ, cũng có thể gọi là Lạc Bang Quy Chí. Nhưng mọi người vốn có duy tâm Lạc quốc thì đâu cần phải chịu khó nhọc tu chứng. Than ôi, luống vào các đường lâu nên quên, người xưa mời xem mộ bên đường chôn xương rã mục trong đó có nhiều người chưa về là ý này. Nay may mắn được Phật Tổ mở mang bến bờ vượt tắt ra khỏi sinh tử, nên góp nhặt lại mà giúp người phát lòng tin, khiến mạnh mẽ trên đường tu, nhờ đó hiểu rõ đường về, chẳng vướng chân vào đường rẽ sinh tử. Thật là yếu đạo. Lại quy chí là do đây vậy. Người xem quả không phụ rảy việc trở về quê xưa, mới tin rằng bạn lành hoa sen chờ đợi đã lâu. Hãy chấp tay mà đem thân tâm cùng trở về. Cố gắng, cố gắng lên.

VUA TỊNH PHẠN VÀ BẢY MUÔN NGƯỜI HỌ THÍCH ĐỀU VÃNG SANH TỊNH ĐỘ:

Kinh Đại Bảo Tích bảy mươi sáu chép: Phật bảo vua cha Tịnh Phạn rằng: Phụ vương nên đối với Phật pháp mà tinh tấn siêng tu, chớ

nên buông lung. Này Đại Vương! Tất cả các Pháp đều là Phật pháp. Vua nói: Nếu tất cả các Pháp đều là Phật pháp thì tất cả chúng sinh cũng phải đều là Phật. Đức Phật nói: Nếu không buông lung và thấy điên đảo thì chúng sinh tức là Phật. Này Đại vương, tất cả các Pháp đều không sinh, không động, không lay chuyển, không lấy, không bỏ, không có tướng mạo, không có tự tánh. Nay Đại vương hãy đối với Pháp này mà an Tâm mình, chớ tin các thứ khác. Khi Phật nói Pháp này thì vua và bảy muôn người họ Thích đều được Vô sinh nhẫn! Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn mỉm cười, Tỳ-kheo Mã Thắng dùng kệ hỏi Phật, Phật đáp rằng:

Ta hiện cười vắng lặng
Mã Thắng hãy lắng nghe
Nay ta nói như thật
Các thứ trí quyết định
Các Pháp không thật có
Họ Thích đều biết được
Cho nên đối Phật pháp
Quyết định tâm an trụ
Làm người khi chết rồi
Được sinh nước An lạc
Gặp Phật Vô Lượng Thọ
Vô úy thành Bồ-đề.

TÔN HIỆU CỦA TẬP NHỊ QUANG NHƯ LAI

Trong kinh Vô Lượng Thọ Đại Bổn chép: Phật bảo ngài A-nan rằng: Đức Phật Vô Lượng Thọ có ánh sáng tôn quý bậc nhất. Tất cả các Đức Phật có ánh sáng không bằng ánh sáng của Đức Phật ấy, chiếu sáng trăm thế giới Phật, chiếu sáng ngàn thế giới Phật, nói tắt là có thể chiếu khắp hàng hà sa số các cõi Phật. Cho nên, Phật Vô Lượng Thọ còn gọi là Phật Vô Lượng Quang, Phật Vô Biên Quang, Phật Vô Ngại Quang, Phật Vô Đối Quang, Phật Diệm Vương Quang, Phật Thanh Tịnh Quang, Phật Hoan Hỷ Quang, Phật Trí Tuệ Quang, Phật Bất Đoạn Quang, Phật Nan Tư Quang, Phật Vô Xưng Quang, Phật Siêu Nhật Nguyệt Quang. Nếu có chúng sinh nào gặp được ánh sáng này, thì ba cấu tiêu trừ, thân tâm nhẹ nhàng.

Nước Phật A Di Đà nói pháp ba thừa

Luận Đại Trí Độ chép: Phật ra đời ở cõi ác năm trược, đối với đạo Nhất thừa mà chia làm Ba thừa. Nếu vậy, Phật A-di-đà không thọ sinh

trong cõi đời ác có năm thứ vẩn đục thì sao lại lập ra Ba thừa?

Đáp: Các Đức Phật khi mới phát tâm, thấy chư Phật dùng Ba thừa độ sinh, nên tự phát nguyện rằng: Nay tôi cũng dùng Pháp Ba thừa mà độ sinh.

Ở TỊNH ĐỘ NƯỚC CHIM CÂY RỪNG ĐỀU NÓI PHÁP

Luận Đại Trí Độ lại nói: Ở Tịnh độ gió thổi cây bảy báu phát ra tiếng, là muốn khiến chúng sinh dễ dàng nghe Pháp. Nên hỏi rằng: Các Đức Phật có vô lượng thần thông sao không biến hóa ra, cần gì phải dùng tiếng cây rừng?

Đáp: Chúng sinh rất nhiều, nếu nơi nơi Phật đều hiện thân thì chúng sinh không tin cho là huyễn hóa (ảo thuật), tâm không kính trọng. Có chúng sinh nghe Pháp với người thì không ngộ, mà nghe Pháp với súc sinh thì tin nhận cho là ít có. Lại tâm súc sinh thì ngay thẳng không dối trá, nên có người bảo súc sinh là vật hữu tình nên có dối lừa, còn cây rừng là vô tâm mà có tiếng thì đều tin nhận (Luận Văn quyển chín mươi ba).

- Tăng hỏi vị Chủ tọa giảng kinh Di-đà.

Trong Truyền Đăng Lục có ghi vị tăng hỏi Chủ tọa giảng kinh Di-đà rằng: Nước, chim, cây, rừng vì sao đều niệm Phật, niệm Pháp niệm Tăng? Chủ tọa đáp: Pháp sư Cơ nói bạn thật chẳng đợi giảng, như mẹ đối với con thơ. Tăng hỏi: Thế nào là bạn thật chẳng đợi giảng. Pháp Nhãn nói thay rằng: Đó là lời của Pháp sư Cơ.

KỆ SÁM HỐI KHEN NGỢI PHẬT TRONG KINH ĐẠI BẢN DI ĐÀ.

Trong luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa do Bồ-tát Long Thọ soạn ở quyển bốn nêu Pháp Hoa sám là lễ danh hiệu mười phương Phật đều có kệ khen. Kệ sám tán Phật trong Đại Bản Di-đà trích ra từ đây. Ngài Từ Vân bèn nhặt lấy đổi lời văn, cho rằng Phật đạo đều giống nhau, nên để khen Phật Di-đà mà thôi. Kệ ấy nói rằng: “Sắc tướng như núi vàng”, đây là khen Phật Thiện Đức ở Phương đông.

Câu: “Mặt như trăng tròn đầy” là khen Phật Chiên Đàn Đức ở Phương Nam.

Câu:

“Thân quang trí tuệ sáng
Chiếu khắp vô biên cõi
Phá dẹp các ma oán

Khéo độ các trời người."

Bốn câu này là khen Phật Vô Lượng Minh ở phương Tây.

Bốn câu:

"Nương thuyền Bát Chánh đạo
Qua được biển khó qua
Nghe tên được không lui
Thế nên cúi đầu lạy."

Bốn câu này là khen Phật Tướng Đức ở phương Bắc, luận này ở hòm chữ Tư.

- Kệ sám hối khen ngợi Phật trong kinh Di-đà Tiểu Bản.

Kinh Thắng-man nói: Vua Ba-tư-nặc ở nước Xá-vệ. Con gái của Phu Nhân Mạt-lợi tên là Thắng-man là vợ của vua A-du-xà. Phu nhân Mạt-lợi nói con gái ta thông minh lanh lợi, nếu gặp Phật sẽ mau hiểu Pháp. Liền sai sứ đem thư, Thắng-man được thư liền nói kệ rằng:

Ngưỡng mong Phật Thế Tôn
Khắp vì thế gian hiện
Cũng nên rủ lòng thương,
Khiến cho con được thấy.

Nói kệ xong thì Đức Phật Thích-ca hiện ra lên hư không. Thắng-man lại nói kệ khen rằng:

Như Lai sắc thân mầu
Thế gian không ai bằng
Không so sánh nghĩ bàn
Thế nên con kính lễ
Sắc Như Lai vô tận
Trí tuệ cũng như thế
Tất cả Pháp thường trụ
Nên con kính quy y.

Thắng-man nói kệ bày tỏ ý nguyện mình, nên Phật liền thọ ký cho hiện là Phổ Quang Như Lai... Ở Thiên trúc, Tiểu Bản Tứ Thánh Sám dùng kệ này để khen Phật. Từ "Đại trí đại nguyện lực" trở đi là phần sám chủ Từ Vân soạn ra.

VUA BA TƯ NẶC QUÁN THẬT TƯỚNG PHẬT.

Trong kinh Nhân Vương, Phật hỏi vua Ba-tư-nặc rằng: Ông dùng tướng nào quán Như Lai?

Vua thưa: Con quán thật tướng của thân, quán Phật cũng thế. Không có khoảng trước, không có khoảng sau cũng không có khoảng

giữa, chẳng có ba khoảng, mà cũng chẳng lìa ba khoảng. Không ở năm uẩn cũng không lìa năm uẩn, không ở bốn đại cũng chẳng lìa bốn đại, chẳng ở sáu xứ cũng chẳng lìa sáu xứ, chẳng ở ba cõi cũng chẳng lìa ba cõi. Cho đến không có thấy nghe hay biết, chỗ tâm hành diệt, đường ngôn ngữ bặt, đồng với mé chân, ngang với Pháp tánh, con dùng tướng đó mà quán thân Như Lai. Phật bảo: Nên quán như thế, nếu quán khác thì gọi là tà quán.

NĂM PHÁP MÔN PHƯƠNG TIỆN NIỆM PHẬT CỦA ĐẠI SƯ TRÍ GIẢ

Đại sư Thiên Thai Trí Giả dạy người niệm Phật có năm pháp môn phương tiện lễ này, hễ người quán tưởng Tây phương mà cầu sinh thì chẳng thể chẳng tu trị. Cho nên văn nói:

1. Phàm trụ tâm một cảnh thì gọi là Ngưng tâm thiền, nghĩa là hành giả khi niệm Phật phải quán kỹ sợi lông trắng tướng mầu của Như Lai ngưng đọng, yên tịnh, trong veo, rỗng suốt.

2. Trước tuy đã ngưng tâm nhưng các thói quen bất giác nổi lên tán loạn. Nay chế phục nó trở lại duyên chắc với tướng sắc vàng của thân Phật, gọi là Chế tâm thiền.

3. Kế chế phục tâm được định, không phải lý quán, đều thuộc về sự tu. Thể này vốn không thì ai ngưng, ai chế phục. Không Phật, không niệm gọi là Thể chân thiền.

4. Trước tuy là thể chân nhưng vẫn còn dính mắc ở sự vắng lặng, có vô lượng danh tướng, mịt mờ không biết. Nay dùng "không thật có" làm phương tiện, từ không mà vào giả thì muôn tướng đều rỗng sáng, chẳng bị không trần làm mê loạn, nên gọi là Phương tiện thiền.

5. Trước tuy thể chân và dùng phương tiện tùy duyên đều căn cứ vào Không và Có chẳng lìa hai bên. Nay quán chắc Tịnh và Loạn vốn không tướng mạo, nên nói đường ngôn ngữ tư tưởng cũng bặt, nên gọi là Tức nhị biên phân biệt thiền. Năm môn này từ cạn đến sâu. Nếu hiểu rõ thể tánh viên giác vốn không cạn sâu mà cạn sâu rõ ràng.

NIỆM PHẬT THIỀN MÔN BỐN GIÁO LÌA NIỆM PHẬT CỦA ĐẠI SƯ TRÍ GIẢ.

Như trên, tuy dùng năm pháp môn Phương tiện mà quán chân thể Phật. Lại cần hiểu rõ lìa niệm của bốn giáo mà chỉ bày ý từ thiên mà lấy Viên. Cho nên văn nói: Tâm sinh không riêng lẻ mà nhờ các duyên khởi. Khi hành giả niệm Phật thì ý căn là nhân, ánh sáng từ sợi lông

trắng của Như Lai là duyên. Niệm khởi lên tức là pháp sinh ra. Quán ba thứ này dời động, niệm niệm không dừng, phân tách thấy không, tức là Tiểu thừa Tạng giáo niệm Phật, tức quán tâm khởi niệm Phật. Năng sinh, sở sinh đều tức không mà vọng gọi là tâm khởi, thể nó tức không, tướng Phật được quán như ảnh trong gương. Không Phật, không niệm, tức là niệm Phật của Thông giáo Đại thừa, tức quán niệm Phật tâm khởi, tức là giả danh. Tâm giả gọi kia rỗng soi vô lượng danh tướng. Hiểu rõ tâm này từ Như Lai tạng, trải qua nhiều kiếp đoạn chứng, lìa biên, hiển trung, vô Phật vô niệm, là niệm Phật của Biệt giáo Đại thừa vậy, tức quán niệm Phật tâm khởi, tức không tức giả, tức trung. Hoặc căn hoặc trần đều là pháp giới trần sát của các Đức Phật một niệm chiếu sáng, chúng sinh sáu nẻo trong một sát-na ứng khắp, sơ tâm tức là đó, nay mới giác biết. Như kẻ có phước lớn cầm đá liền thành báu, tâm không bỏ niệm, riêng cầu lìa niệm, tức biên mà Trung, không Phật không niệm, đây là niệm Phật của Đại thừa Viên giáo. Kinh Anh Lạc nói đốn ngộ Như Lai là đây vậy.

8. QUÁN BA MƯƠI HAI TƯỚNG CỦA DI ĐÀ SÁU TRƯỢNG

. Phần Quán tượng thứ tám trong Quán kinh có chép: Thế nên hành giả khi tâm tưởng Phật thì tâm ấy tức là ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp. Cho đến bảo rằng: Tưởng Phật ấy trước phải tưởng tượng, nhắm mắt mở mắt đều thấy một tượng báu.

- ***Quán tám vạn bốn ngàn tướng tốt của Phật Di-đà.***

Phần quán chân pháp thân thứ chín trong Quán kinh có chép: Thân Phật Vô Lượng Thọ như trăm ngàn muôn ức thân trời Dạ-ma. Thân Phật sắc vàng Diêm-phù-đàn cao sáu mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần. Cho đến nói rằng: Phật Vô Lượng Thọ có tám mươi tư ngàn tướng, mỗi tướng đều có tám mươi tư ngàn vẻ đẹp...

Tứ Minh Diệu Tông Sao giải thích rằng: Phép quán tượng thứ tám ở trước thì giống như thân Phật, nay đối trước tướng ấy thì gọi là chân. Song sắc tướng này là thân thật báo ứng với cõi Đồng cư cũng gọi là Tôn đặc, cũng gọi là Thắng ứng mà nói là Pháp thân, lấy báo tu và ứng hai tu thì toàn là Tánh cụ. Cho nên ở văn sau lại nói: Di-đà tám muôn tướng tốt là Như Lai ấy hiện thân kỳ đặc để thêm lớn vị sâu của Tam-muội niệm Phật, tâm lực phàm phu không thể hiểu được. Lại nói hành giả nên biết từ quán mặt trời ba quán sở tu cùng với sự thiền hàng phục ba cõi, dùng diệu quán mà quán tượng, phá tư thì liền lên giai vị Thất Tín. Được vị này rồi thì mới có thể quán chân pháp thân của Phật được,

tám muôn tướng tốt hiển bày, gọi là Tam-muội niệm Phật. Như đây mà viên quán tướng được quán mới gọi là kỳ đặc. Không phải là tướng thân Phật sống mà phàm phu Tiểu thừa thường thấy.

QUÁN TƯỢNG DI ĐÀ TRƯỢNG SÁU ĐỨNG TRÊN AO

Phần quán Tạp tướng thứ mười ba trong Quán kinh có chép: nếu người muốn dốc lòng sinh Tây phương thì trước phải quán thân trượng sáu ở trên ao, như trước đã nói. Chiều cao thân Phật Vô Lượng Thọ là vô biên, tâm lực của phàm phu chẳng thể biết được (như trước đã nói là quán ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp của Phật A-di-đà...).

Diệu Tông Sao chép: Dùng quán Tạp tưởng mà quán thân Phật lược có hai ý:

1. Trước quán tám muôn tướng đẹp không thành thì nay bỏ thân lớn mà quán thân trượng sáu.

2. Trước quán tám muôn thắng tướng đã thành thì nay lại quán nữa, hóa dụng hơn kém sẽ trùm khắp các cõi mười phương, phẩm vị càng thêm tăng tiến.

Các Đức Phật nhân tu sáu độ muôn hạnh, quả chứng vốn có một thể, ba thân, Di-đà trượng sáu là Ứng thân. Còn sáu mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa do-tuần là Báo thân vậy. Không phải Báo không phải ứng biến khắp mọi nơi là Pháp thân vậy. Song Báo thân của Phật Di-đà đã cao lớn như thế, mà tâm kẻ hạ phàm thấp kém thì không thể theo đây mà quán Phật được. Khi Phật còn tại thế, người lợi căn như bà Vi-đề-hy được Phật chỉ dạy mười sáu cảnh quán thì theo lời nói mà tiến tu. Đến quán tượng thứ tám thì chứng vào thất tín mới được quán khắp. Như nay đời Mạt pháp độn căn theo lý không thể quán được thắng tướng (tướng cao quý) thì trước phải quán thân trượng sáu. Thế nên Kinh nói: Người dốc lòng muốn sinh Tây phương thì trước phải quán tượng trượng sáu ở trên ao. Chiều cao thân Phật Vô Lượng Thọ là vô biên, tâm lực kẻ phàm phu không thể biết được. Đây là Phật Thích-ca có phương tiện hay, dạy chỉ khiến cơ duyên từ nhỏ mà quán lớn. Cho nên có người nói nếu không như thế lại đối với Báo thân Phật mà tu tập thì không tránh khỏi việc hoang đường. Ngày nay, người xuất gia tại gia phần nhiều chẳng hiểu rõ ý này. Hễ lễ tán, xưng tưởng thì lời đầu tiên đều nói tám mươi tư ngàn tướng đẹp. Lời của Phật tổ trên đây mà bàn thì há chẳng vượt bực mà mất ý chỉ ư? Kẻ ngu này chắc chắn chẳng dám ức đoán. May gặp Thánh giáo đầy đủ mà khảo xét từ nay về sau chớ nên bỏ lời Phật dạy, xin hãy theo giáo lý mà mở bày.

- ***Nếu niệm một Đức Phật thì các Đức Phật tự hiện.***

Luận Bảo Vương có dẫn Luận Khởi Tín chép. Theo phương hướng nên mê mà phương hướng thật ra chẳng đổi dời. Như thế thì người ngộ, ngộ ở một phương thì các phương khác tự đúng. Người niệm niệm một Đức Phật thì các Phật khác hiện tiền. Cái gọi là nước chẳng chảy đi lên, trăng không đi xuống mà do nhân duyên hư không quang tạnh nên trăng sáng trên hư không liền hiện ở nước trong. Phật kia chẳng lại, thân ta chẳng đi, do nhân duyên niệm Phật mà trăng sáng Như Lai hiện ở nước tâm trong. Cho nên bài tụng nói:

Bồ-tát như trăng sáng
Dạo trong rốt ráo Không
Nước tâm chúng sinh lắng
Ảnh Bồ-đề hiện vào.

10. NIỆM DANH HIỆU PHẬT SẼ THÀNH TỰU TAM MUỘI

Luận Bảo Vương nói rằng: Tắm ở biển cả là đã dùng nước trăm sông. Niệm danh hiệu Phật sẽ thành tựu Tam-muội. Cũng giống như hạt châu sáng bỏ vào nước đục, nước đục chẳng thể nào chẳng trong. Tưởng Phật gieo vào tâm loạn, loạn tâm chẳng thể nào chẳng thành Phật. Sau khi khế hợp thì tâm và Phật đều mất. Tâm, Phật đã mất thì muôn duyên muôn cảnh đều là Tam-muội.

- ***Bài tựa Tịnh Hạnh Pháp Môn của Pháp sư Văn.***

Đạt được hữu tâm của vô tâm, biết được vô niệm của hữu niệm. Hữu vô đều không trụ, năng sở đâu còn. Cho nên niệm niệm tròn sáng, tâm tâm vắng lặng. Nếu mê muội ý chỉ này thì các pháp đều thành lạ. Khế với Tông thì các môn đều thông diệu, nay có thể không trái thật tế mà chỉ bày viên tu, khiến kẻ được thì dứt trôi giạt, người ở bến mê được lên bờ giác người trước không tu Tây phương Tịnh nghiệp niệm Phật Quán môn. Cho nên kinh Tịnh Danh chép tuy biết các cõi Phật và chúng sinh là không mà thường tu Tịnh độ, giáo hóa các chúng sinh, là nói đây vậy. Tôi vẫn luôn vì các nam nữ tại gia rộng góp nhặt đại cương các kinh luận mà soạn thành Tây phương Tịnh Hạnh Pháp môn, để chỉ bày việc tu hành mà được ý thú. Nếu có người xem văn này mà không thể khởi tín nguyện tu hành thì là loại cuồng nhiệt nhảy xuống hố xí, chỉ chừa một sợi tóc muốn cứu vớt, thì biết làm sao đây!

11. PHÁT TÂM BỒ ĐỀ CẦU SANH TỊNH ĐỘ.

Trong Tịnh hạnh pháp môn chép: Phàm người tu Tịnh độ phải

khéo phát tâm. Như tự mình chán ghét năm thứ vẫn đục, ưa thích chín phẩm là trái với tâm Bồ-đề, là hạnh Thanh văn không nên phát. Nếu vì chúng sinh mà khởi tâm đại bi cầu sinh về nước ấy, mong mau thành tựu đạo lực, thần thông, đến khắp mười phương cứu độ tất cả khiến cùng thành Phật đạo thì thuận theo tâm Bồ-đề. Đó là hạnh Bồ-tát nên phát.

- Người niệm Phật như gặp được Minh quân.

Trong Tịnh hạnh pháp môn chép: Sám hối như siêng mài gương xưa, làm sạch các bụi tối nhiều đời, niệm Phật như gặp được Minh quân, một ngày nọ sẽ được mời làm quan cao. Trong các mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, lúc đi đứng ngồi nằm đều siêng nghĩ việc trang nghiêm Tịnh độ, đều nhớ Phật A-di-đà. Như thế thì Tam-muội niệm Phật sẽ hiện tiền.

12. DƯƠNG VÔ VI ĐỀ LỜI CHO TỊNH ĐỘ SÁM PHÁP

Luật sư Pháp Tuệ Bảo Các Chiếu ở Tiền Đường vì năm chúng xu-ất gia mà tu Tịnh độ sám pháp, ông Vô Vi tử thấy vậy bèn đề lời ở phía sau rằng: Cõi Cực lạc thanh tịnh nếu không nhờ nguyện lực thì chẳng thể sinh. Đời vẩn đục tội nhiều, nếu không có sám hối thì tội chẳng hết như gạch đá ném xuống nước thì chìm, còn nguyện lực làm ghe chở thì cứu được mà vượt bờ kia, niệm niệm Bồ-đề, oai thần Tam bảo thì các điều ác đều tiêu mất. Như thế mà quán là Hạ phẩm sám hối. Tội như băng tuyết chứa nơi rất tối. Mặt trời lên dung hòa, băng tuyết tan chảy. Một khối ngưng đọng thay đổi mà thấm nhuần làm muôn vật nảy mầm. Như thế mà quán là Trung phẩm sám hối. Như Hư không rộng lớn trong suốt trống vắng, bụi không thể bám, nước không thể rửa. Đi, đứng, ngồi, nằm ai không phải Di-đà, sống chết tới lui cái gì chẳng phải Tịnh độ. Như thế mà quán là Thượng phẩm sám hối. Nếu ngộ đây thì tâm diệt tội mất. Nếu chưa viên thành thì trước hết sám pháp chỉ bày cho năm chúng phải vâng lời chỉ dạy này (của sám pháp).

- Trần Liễu Ông nói về Duy tâm Tịnh độ.

Liễu Ông húy là Quán Thư cùng Pháp sư Minh Trí luận về ba ngàn pháp của tông Thiên Thai, chỉ bày nghĩa của Duy tâm Tịnh độ rằng: một niệm tâm khởi ba ngàn tánh tướng cùng lúc đều khởi, một niệm tâm diệt ba ngàn tánh tướng cùng lúc đều diệt. Ngoài niệm không có một chút pháp nào có thể được, ngoài pháp không có mảy may niệm nào thật có. Đây chính là pháp của bổn tánh không dời, là thể của trung lý viên minh. Thể này lấy như lý làm mạng sống, sống lâu vô lượng, không phải báo mà được mạng căn, cũng không duy trì, vốn không có danh tự mà không chống lại các danh tự. Tên cõi ấy là nước Cực lạc,

gọi thân ấy là A-di-đà, thân và cõi giao nhau, dung hợp thành một diệu, cho nên nói được pháp âm mà chẳng lìa cõi ấy. Tướng lưỡi rộng dài đầy đủ trùm khắp. Sự đầy đủ như thế là thể đầy đủ, hay Phật đầy đủ hay chúng sinh đầy đủ. Nếu có người biết được cái vui đầy đủ mà không nguyện vãng sinh thì ở trong thật tế cần ở chỗ không đến mà đến, ở trong phương tiện thì có ngại gì đi về còn khi căn cơ chín muồi cảm sâu thì đủ để thành việc.

13. NĂNG LỰC NIỆM PHẬT DIỆT ĐƯỢC CÁC CHƯỚNG.

Thiền sư Đạo Xước đời Đường có soạn An lạc Tập ba quyển khen ngợi Tây phương. Trong đó có hỏi rằng do nhân duyên gì năng lực niệm Phật có thể dứt hết tất cả các chướng?

Đáp: Như kinh nói ví như có người dùng gân sư tử làm dây đờn, một khi khảy lên thì tất cả các dây đờn khác đều đứt. Như người ở trong tâm Bồ-đề mà thực hành Tam-muội niệm Phật thì tất cả các phiền não chướng đều dứt trừ. Cũng như có người đổ các thứ sữa trâu, dê, lừa, ngựa vào trong một cái bình, nếu nhỏ vào đó một giọt sữa sư tử thì tất cả các sữa kia đều hóa thành nước. Nếu người ở trong tâm Bồ-đề thực hành Tam-muội niệm Phật thì tất cả các ma chướng đều qua đi không khó.

- Người niệm Phật khi qua đời chắc chắn không có việc ma.

Trong Niệm Phật Chánh Tín Quyết của Pháp sư Văn có người hỏi:

Có người bảo khi qua đời thấy Phật, Bồ-tát phát ra ánh sáng, bưng đài vàng đến rước vãng sinh thì đều là việc ma. Lời nói này như thế nào?

Đáp: Có người y theo kinh Thủ-lăng-nghiêm tu tập Tam-muội mà bị phát động Ấm ma, có người nương theo luận Ma-ha Diễn tu tập Tam-muội mà bị phát động Ngoại ma, có người nương chỉ quán tu tập Tam-muội mà bị phát động các quỷ mị, thì những người này đều y cứ vào tự lực của mình mà tu thiền, nên trước đó có các thứ ma phá định phát ra. Nếu sáng suốt hiểu rõ đối trị thì sẽ thành tựu được Thánh pháp. Nếu người không hiểu rõ mà tọa si thiền thì bị chướng ngại. Nay việc tu Tam-muội niệm Phật là nhờ năng lực Phật, như người gần vua thì ai dám xâm phạm? Bởi Phật Di-đà có năng lực Từ bi thệ nguyện, oai thần Tam-muội... có sức mạnh phá tà, có sức mạnh hàng phục các ma. Có thiên nhãn thấy xa, có thiên nhĩ nghe xa, biết được tâm người khác. Sáng suốt rỗng soi chiếu khắp giữ gìn tất cả chúng sinh. Có các năng lực công đức như thế há chẳng có khả năng che chở người niệm Phật

giúp cho khi qua đời không bị chướng ngại ư? Nếu Phật không che chở thì các sức từ bi làm sao có, cho nên kinh nói: Phật A-di-đà có tám mươi bốn ngàn tướng tốt, tia sáng, mỗi tia sáng chiếu khắp thế giới mười phương, nhiếp giữ gìn chẳng lìa bỏ chúng sinh niệm Phật. Nếu người không tin Phật có những năng lực như thế thì người này đối với biển công đức của Phật đều chê bai hủy báng. Hơn nữa, việc bưng đài vàng đến rước đều xuất phát từ kinh Quán chính do miệng vàng Phật nói ra, sao dám cho là cảnh ma được? Nay tôi vì họ quyết phá tà nghi, giúp cho sinh chánh tín.

14. LUẬN VỀ NGƯỜI ĐỜI ĐIỀU LÀNH NHẸ, ĐIỀU ÁC NẶNG

Trong Di-đà Tây Tư Sao của Pháp sư Cô Sơn có chép: Xem người đời làm lành thì tâm hời hợt xem nhẹ, còn làm việc ác thì tâm chú trọng xem nặng, vì thế làm sao được sinh Tịnh độ. Xin lấy việc hiện tại mà nghiệm ra. Như đối với tượng Phật thì không kính trọng bằng tiếp khách quý. Như học kinh pháp thì không siêng năng bằng cầu tiền bạc danh vọng. Chê người khác thì hơi sức mạnh mẽ, nói năng lưu loát, còn khen họ thì chậm rãi tiếc từng lời lẽ. Đối với người ta ghét thì che thiện bày ác, đối với người ta thích thì giấu dở khen giỏi. Hoặc mình làm ác thì giận người chỉ ra, còn làm việc lành nhỏ lại hận người chẳng biết đến. Làm việc ác thì ngầm bỏ ngàn vàng mà vẫn im tiếng, làm việc lành thì dẫu cho người một bữa ăn cũng lớn tiếng khoe công. Hễ dụng tâm như thế thì chắc chắn đọa vào đường ác, với chút ít đều lành mà cầu sinh Tịnh độ thì khó lắm vậy.

15. LỜI ĐỀ TRÊN VÁCH TẠI ẢNH ĐƯỜNG THỜ PHÁP SƯ TUỆ VIỄN CỦA ĐẠI SƯ MINH GIÁO KHẾ TUNG

Sự tích ngài Tuệ Viễn kẻ học tuy thấy nhưng ít người biết tường tận, khiến cho người đời không thấy rõ đức của bậc Tiên hiền và lỗi của kẻ hậu học. Tôi đọc Cao Tăng truyện, Liên Xã ký và Cửu Giang Tân Cựu Lục thì rất mến Tuệ Viễn có sáu việc có thể khuyên đời. Nay dẫn ra trên vách ở ảnh đường để chỉ bảo cho người đến thăm:

1. Lục Tu Tĩnh là học giả của tôn giáo khác mà đưa tiễn vượt quá Hổ Khê, đấy là không vì người mà bỏ lời.

2. Đào Uyên Minh mê uống rượu mà vẫn giao du, đây là bỏ tiểu tiết mà lấy người thấu đạt.

3. Cao tăng Bạt-đà đã nêu điều lạ bị tội tẩn (đuổi) nhưng vẫn đón

về và khen ngợi, bởi trọng người có trí thức mà bị ganh ghét.

4. Tạ Linh Vận vì tâm tạp mà không nhận vào xã bởi biết người tài mà cẩn thận sau này.

5. Lô Tuần muốn làm phản mà vẫn cầm tay bạn cũ, bởi tự tin vào đạo.

6. Hoàn công uy vũ mà vẫn đối kháng không khuất phục, là vì có khí tiết lớn. Nói chung, xưa nay tình người đều sợ uy vũ, hoặc quên nghĩa vì tránh hiềm nghi, háo danh vì mê muội sự thật thật, ham đời mà chịu đựng đơn côi, giữ tiết hạnh mà sợ phiền lụy, tự khoe chê cười. Ai có đạo tôn quý một đời là thầy bậc Hiền, lại chịu dùng một lời nói theo người ấy? Ai có bẩm tánh đức hạnh cao quý sáng sạch mà lại chịu giao du với kẻ say sưa vì trọng cái đạt của người ấy? Ai có sự tôn quý khuất phục thầy người đối với người bị đuổi lại khen là hiền? Ai chống lại với kẻ có danh tiếng mà không cho nhập giáo vì muốn bảo toàn sau này? Ai có nghĩa chẳng tránh họa? Ai dốc một niềm hòa mục, bạn cũ vì tin đạo? Ai gặp oai tướng soái trong cõi sát phạt bạo ngược, giữ đạo chẳng bị quấy nhiễu mà giữ tròn tiết hạnh? Đó là Tuệ Viễn, người có hiểu biết rộng lớn có một xưa nay. Nếu người gánh vác chí giáo, mở rộng Thánh đạo, dạy dỗ, dắt dẫn trời người không phải là người, ấy thì còn Thánh hiền nào cao tột vĩ đại hơn? Ôi, năm khí hợp gió mát là danh tiếng của ngài Tuệ Viễn vậy, Non thần sừng sững trong bốn biển sắc thu là sự thanh cao của Tuệ Viễn. Người rồng Tăng phụng cùng nhóm họp là do phong cách khuôn phép của Tuệ Viễn. Mây trắng, núi đỏ, cây ngọc, rèm châu là nơi ở của Tuệ Viễn. Được sinh sau Tuệ Viễn, tuy kính mến mà rất hận. Trước di tượng ngài con kính cẩn đảnh lễ nguyện đem lời văn thô kệch của mình mà đề lên vách.

16. LỜI ĐỀ CỦA ĐẠI SƯ TỀ DĨ TẠI ẢNH ĐƯỜNG THỜ NGÀI TUỆ VIỄN

Tôi nhớ trong Liên xã thỉ tổ Viễn Pháp sư Truyện có câu "Tề Dĩ, Đào Lệnh vì say nhiều nên không mời được, tiếc thay chẳng được chu toàn". Kẻ học sau là Hiền Lương Trần Thuấn đã vượt núi Lô mà ghi lại rằng.

Bên ao sen trắng, ảnh đường cũ
Lưu, Lôi cốt cách hết Long Chương
Cùng khinh Thiên Tử các chư hầu
Đồng thương thầy ta một pháp trường
Đào lệnh say nhiều mời chẳng được

Tạ công tâm loạn vào chẳng hại
Những ai đến đây nghĩ vết cao
Gió động vết rêu, bụi đầy tường.

17. ĐẠI SƯ VĂN THÔNG ĐỀ BÚT Ở ĐÔNG LÂM .

Trong Lô sơn Chí có ghi "Vị tăng tên Khuông Bạch đề lời Đông Lâm" rất thích câu ấy đẹp mà có chí kính mến Tây phương nên chép ra đây:

Đông Lâm cảnh đẹp thật rộng dài
Lan Tuệ mọc nhiều đất cũng thơm
Khá trách người đời đến chẳng được
Lại theo mây, cây, già ngại gì
Cửa ngỏ nương trời tạnh xanh tốt
Miệng hang nước chảy đêm quanh thềm
Đến đây chỉ mong được kết xã
Ngoài ra bỏ hết đều chẳng màng.

18. PHÁP SƯ TUỆ TRÌ CẮT ÁI:

Trong Lô Sơn Thập Bát Hiền Truyện chép: Sư Tuệ Trì là em ngài Tuệ Viễn, sâu sắc nghĩ xa, thần sáng tài giỏi. Một hôm, từ giã anh đi về đất Thục. Tuệ Viễn giữ lại không được, bèn than rằng: Người đời thích sum họp, chỉ có ông thích chia lìa. Trì đáp: Nếu người vướng tình ái mà nhóm họp thì không nên xuất gia. Nay đã cắt ái cầu đạo chính vì hẹn Tây phương mà thôi. Rồi bùi ngùi từ biệt.

19. NGÀI TĂNG HIỂN RẤT VUI MỪNG ĐƯỢC KINH THẬP LỤC QUÁN

Xưa, có vị tăng tên Tăng Hiển được kinh Thập Lục Quán mới được dịch ra chữ Hán nêu ba nhân Tịnh độ, nguyện vãng sinh chín phẩm rất mừng bảo rằng: Tôi thân ở trong cõi đời có năm thứ vẫn đục, các khổ trói cột. Nay được kinh này như vượt khỏi cảnh lầm than cơ cực, bay liệng giữa hư không. Từ nay trở đi đã có chỗ về. Do đó quyết chí tu tập suốt chín tháng. Một hôm, bỗng thấy Phật A-di-đà phát ra ánh sáng dắt dẫn, thân lên ngồi trên đài Kim cương mà hóa.

20. LƯU DI DÂN NHÀM CHÁN CHỨC QUAN

Vãng sinh Truyện ghi: Lưu Di Dân đời Đông Tấn, lúc mới đến Lô sơn tới chào ngài Tuệ Viễn. Tuệ Viễn nói: quan lộc vòi vọi, muốn điều

gì mà chẳng chịu làm quan? Lưu thưa: Vua tôi nghi nhau, cười nhau vô dụng. Nhà Tấn không phải là tảng đá lớn chắc chắn, vật tình ắt có cái nguy của trứng chất nhiều lớp, tôi biết làm sao? Tuệ Viễn nghe lời cho là người cao quý bèn mời vào Bạch Liên xã.

- Ghi việc các Pháp sư đều sinh Tây phương.

A-di-đà kinh Bất Tư Nghi Thần Lực Truyện chép: Xưa ở Trường An, các vị Pháp sư Tăng Duệ Tuệ, Sùng, Tăng Hiển, Tuệ Thông. Gần đây đời Hậu Chu thì có Thật Thiền sư, Loan Pháp sư ở Tây Hà... hơn trăm vị đều sinh Tây phương. Thiền sư Đạo Xước ở Tây Hà nhân thấy Thần Loan được sinh Tịnh độ đều dẫn dắt người có duyên chuyên tu Tịnh nghiệp. Đạo Xước lại soạn bộ Tây Phương Ký Nghiệm, gọi là An lạc tập mà truyền bá ở đời.

21. DANH NGHĨA TỊNH ĐỘ

Pháp Uyển Châu Lâm chép: Thế giới sáng sạch gọi là Tịnh, nơi tịnh mà ở thì gọi là cõi. Nhiếp luận nói: nơi ở không có năm thứ vẫn đục gọi là cõi Thanh tịnh.

- Danh nghĩa của Liên xã.

Thích Thị Yếu Lãm chép: Pháp sư Tuệ Viễn đời Đông Tấn người Nhạn Môn, ở Hổ Khê thuộc Lô sơn, nhóm hợp mười tám bậc Hiền tu Tây phương Tịnh nghiệp. Đào ao trồng sen trắng. Lại ở cõi nước Phật Di-đà dùng hoa sen chia làm chín phẩm thứ lớp tiếp độ người nên gọi là Liên xã. Có người nói: Các người trong xã này không bị bùn nhơ danh lợi dính vào, dụ như hoa sen cho nên lấy đó đặt tên. Lại có người nói: Ngài Tuệ Viễn có đệ tử tên là Pháp Yếu khắc gỗ làm mười hai hoa sen để ở trong nước, rồi chế tạo máy khiến nở ra một cánh là một giờ. Thời khắc không sai với đồng hồ, khiến lễ niệm không sai giờ giấc nhân đây mà đặt tên xã là Liên xã.

22. TÂY VỰC VÀ TỊNH ĐỘ TÂY PHƯƠNG KHÁC NHAU.

Ở Trung Quốc các sách Nho phần nhiều đều có nói về Tây phương như Chu Thư Dị Ký nói Tô Do tâu với Chu Chiêu Vương rằng: Có bậc đại Thánh sinh ở Tây phương. Lại trong Liệt Tử, Thương Thái Tể hỏi Khổng Tử, Khổng Tử đáp rằng: Tây phương có bậc Thánh. Văn Trung Tử nói: Phật pháp là tôn giáo ở Tây phương, các sách Nho ở đây xem Phật giáo là Tây phương. Đây là cõi Tây năm nước Thiên Trúc không phải để gọi Tịnh độ Tây phương. Lại, một cõi tam thiên đại thiên thế giới tức phạm vi hóa độ của Phật Thích-ca, đối với năm nước Thiên

trúc ở trong cõi Diêm-phù thì Thần châu ở về phía Đông nam, cõi này mà nhìn thì gọi năm nước Thiên Trúc là Tây phương. Còn Tịnh độ Tây phương của Phật A-di-đà ở ngoài đại thiên Thế giới lại cách mười muôn ức cõi Phật (một cõi Phật được định là một Tam Thiên đại thiên Thế giới). Tức biết cùng với năm nước Thiên Trúc ở cõi Diêm-phù-đề thuộc phía Nam này thì khác như trời với đất, không được lẫn lộn.

- Ghi chép về Lô sơn Liên xã

Bạch Liên xã Đồ do Long Miên Lý Lân Bách niên hiệu Hy Ninh làm ra. Dùng mây thông suối đá làm đạo tràng mà không có nhà cửa làm che mắt. Kẻ mang kinh cỡi ngựa đi vào là Tạ Khang Lạc Linh Vận. Người xách giỏ rượu đi ra là Đào Tiềm Uyên Minh. Còn người vòng tay chào hỏi cười nói ấy là Pháp sư Tuệ Viễn cùng với Giản Tịch Tiên Sinh Lục Tu Tĩnh. Ngồi trên đá đối đáp, nhau là người nước Kế Tân Tôn giả Phật Đà-da-xá và Tôn giả Phật-đà-bạt-đà-la, bày tượng vàng sư tử mà khen ngợi Phật sự là Đạo Tổ Chu Tục Chi, ở Nhạn Môn, cùng với Pháp sư Đàm Thường Đạo Ngang, người ngồi vây quanh đài đá mà lật xem kinh là Lưu Di Dân Trọng Tư ở Bành Thành, Nam Dương Trương Thuyên Tú Thạc, Tây Lâm Thích Giác Tịch Đại sư Tuệ Vĩnh cùng Pháp sư Tuệ Trì, Tuệ Duệ. Người nhìn giòng thác mà rửa chân là Nam Dương Trương Dã Lai Dân. Người ngồi dựa ghế là Đông Lâm Phổ Tế Đại sư Trúc Đạo Sinh. Người ngồi trên mảnh da thú mà cầm chiếc lông trắng là Dự Chương Lôi Thứ Tông Trọng Luân. Người trải pháp cụ mà ngồi là Pháp sư Đàm Tiên và Đạo Kỉnh. Người chống gậy đi tắt lên núi là Pháp sư Đàm Thuận, Nam Dương Tông Bính Thiếu Văn. Bởi Lôi Trọng Luân, Lưu Trọng Tư, Chu Đạo Tổ, Tông Thiếu Văn, Trương Lai Dân, Trương Tú Thạc... đều mến mộ danh đức của Viễn Sư mà theo vào xã. Như Thích Tuệ Vĩnh Đạo Sinh, Tôn giả Da-xá, Tôn giả Bạt-đà-la, Tuệ Duệ... đều có đạo đức khế hợp với với Viễn Sư. Tuệ Trì là em ruột ngài Tuệ Viễn. Còn Đàm Thuận, Đàm Thường, Đạo Bính, Đạo Kỉnh, Đàm Tiên... đều là đệ tử của Tuệ Viễn. Đó là mười tám vị Hiền. Còn như Lục Tu Tĩnh thì Tuệ Viễn mỗi khi giao du thường đưa qua khỏi Hổ Khê. Còn Đào Uyên minh thì Tuệ viễn đặt rượu mời mà không chịu vào Xã. Tạ Linh vận thì thường trồng sen nguyện vào xã nhưng Tuệ Viễn ngăn không cho. Ở phía phải có ba người cố gắng cầm kinh cùng kẻ tục và trẻ hầu tất cả mười bảy người cùng phụ vào tranh vẽ. Từ Tuệ Viễn trở đi mười tám vị hiền thì Trần Thuấn Thâu Lệnh có nêu trong Lô sơn Ký, từ khi có Truyện Long Miên Lý Đức Tố soạn sách thì lược bỏ. Ngày 5 tháng 12 năm Tân Hợi, niên hiệu Thiệu Hưng năm đầu kính ghi.

23. LỜI BẠT NIỆM PHẬT TAM MUỘI LUẬN BẢO VƯƠNG

Phu tử nói: Đứng thì thấy nó ở trước, ngồi xe thì thấy nó dựa vào đòn ngang. Về sau, Hán Thư nói ngồi thì thấy Nghiêu ở trên tường, ăn thì thấy Nghiêu ở trong canh, nói không hết được, phút chốc thì lìa như thế, tuy nhiên ở trong cõi đặc biệt này, kinh Lăng Nghiêm chép: Nếu các chúng sinh nhớ Phật, niệm Phật thì hiền tiền, tương lai chắc chắn được thấy Phật, không nhờ phương tiện mà tự được tâm khai. Tôi bảo tu Tam-muội niệm Phật cũng phải tham dự xe trước cùng nghĩa thấy Nghiêu. Đi đứng nằm ngồi đều phải nhớ niệm thì lo gì chẳng thấy Phật. Đây là bến yếu thành đạo chân xuất thế. Đâu chỉ thấy Nghiêu trên tường và ở canh, chỉ là tưởng luống dối. Ngày ba tháng mười một niên hiệu Chánh Hòa thứ bảy tại Cảnh Phù Ly, tôi ở trong thuyền nhân xem luận Niệm Phật Tam-muội Bảo Vương của ngài Phi Tích, bèn nghĩ về Phu tử ta cùng lời trong Hán sử và Phật rất phù hợp. Bèn ghi vào đây mong khi xem sẽ tự sách tấn mình. Hễ ai thấy nghe cũng nên cố gắng.

Huỳnh Bá Tư Trưởng Nho Phụ kính ghi.

- Phát tâm quyết định chắc chắn được sinh.

Thiền sư Trí Giác Thọ trong Thần Thê An dưỡng Phú có chú văn rằng: chỉ người phát tâm chắc chắn thì sẽ được sinh. Chỉ lo lòng tin không bền chắc, trước sau đứt quãng. Lời nói này của Thiền sư rất thành thật mong người đọc hãy khắc sâu vào tâm.

24. TỊNH ĐỘ CÓ BA MƯƠI THỨ LỢI ÍCH

Trong luận Quần Nghi có nói: Tịnh độ Tây phương gồm có ba mươi thứ lợi ích:

1. Thọ dụng cõi Phật thanh tịnh.
2. Được đại pháp lạc.
3. Gần gụi thân Phật.
4. Đến khắp mười phương cúng dường các Đức Phật.
5. Được các Đức Phật thọ ký trước.
6. Phước tuệ đầy đủ.
7. Mau chứng Bồ-đề.
8. Trời, người cùng nhóm họp.
9. Luôn không thoái chuyển.
1. Hạnh nguyện thêm nhiều.
11. Chim linh nói pháp.
12. Gió cây âm nhạc.
13. Nước nói khổ không.

14. Tiếng nhạc hay ho.
15. Dứt hẳn ba đường.
16. Thân màu vàng ròng.
17. Thân không xấu xí.
18. Đầy đủ năm thông.
19. Thường ở trong Chánh định.
20. Không có các điều bất thiện.
21. Tuổi thọ dài lâu.
22. Cơm áo tự nhiên có.
23. Chỉ hưởng các điều vui.
24. Có ba mươi hai tướng tốt.
25. Không có người nữ.
26. Không có Tiểu thừa.
27. Lìa dứt tám nạn.
28. Được ba pháp nhẫn.
29. Thân luôn có ánh sáng.
30. Được thân Na-la-diên.

- Quyết định cầu sinh phải khởi tâm ưa thích, nhàm chán.

Trong Thập Nghi luận của Thiên Thai có nói: Nay muốn quyết định cầu sinh không biết phải thực hành hạnh nghiệp nào. Lại người thế tục đều có vợ con, chẳng dứt dâm dục thì được sinh cõi ấy chăng?

Đáp: Nếu quyết muốn sinh thì phải có hai hạnh:

1. Hạnh nhàm chán xa lìa. Luôn xem thân này máu mủ phẩn tiểu nước dơ hôi hám. Một là quán thân dâm dục do tham ái sinh ra tức là các hạt giống bất tịnh. Hai quán cha mẹ giao hội tinh huyết hòa hợp tức là thọ sinh bất tịnh. Ba là trong thai mẹ tức là chỗ ở bất tịnh. Bốn là ở trong thai mẹ, chỉ ăn nuốt máu mẹ tức là ăn nuốt bất tịnh. Năm là khi đủ tháng thì từ sản môn chui ra tức là nơi sinh bất tịnh. Sáu là trong thân có máu mủ tức là cả thân thể bất tịnh. Bảy là chết rồi sình chương rã nát tức là rốt ráo bất tịnh. Quán mình đã như thế, quán người mình thương yêu cũng như thế. Như thế mà quán thì việc phòng the dù không dứt ngang được cũng dần dần giảm bớt.

2. Hạnh nguyện ưa thích. Sở dĩ cầu sinh là vì muốn cứu khổ cho tất cả chúng sinh sau mới khởi tâm duyên tưởng tướng đẹp mầu vàng của Phật A-di-đà. Lại quán cõi ấy bảy báu trang nghiêm đầy vui sướng. Đây gọi là Hân nguyện môn.

25. BÀI TỰA LUẬN TỊNH ĐỘ THẬP NGHI CỦA PHI SƠN GIỚI CHÂU

Việc khó thấy thì có nghi, nhiều nghi thì thành cảm. Không chỉ ở mọi người mà như ngài Xá-lợi-phất ở Tiểu thừa nhàm chán mà theo Đại thừa rồi cũng lại nghi. Ở cõi tịnh uế thì nổi nghi hỗn tạp cuồn cuộn. Có những điều ẩn kín không thể biện biệt thì nghi và có những việc dường như giống nhau không thể giải quyết được. Bởi Thu Tử là người có trí tuệ cao nhất mà không thể quyết nghi được lý hỗn tạp ấy, há có việc chưa nghĩ xét kỹ ư? Vì Phật pháp rất khó suy xét những chỗ chưa đến được. Cho nên nói: Sự sáng suốt của bốn quả không thể biết được chỗ sâu kín của Như Lai, các Thánh ở Thập địa cũng không thể được cái mầu của quả cùng cực. Huống là kẻ phàm phu không có mắt tuệ lại bị giam nhốt trong ba cõi thì có nhân gì. Vọng chỉ Tịnh độ nhầm lẫn, cái nghi khó chuyển mà nghi. Đối với thân biết năm uẩn chưa diệt mà nghi, đối với tâm biết có muôn hoặc lậu chưa dứt được mà nghi. Đối với hạnh có sáu độ biết chưa làm xong, do hạnh trôi dạt chưa cứu giúp những người mong cứu giúp, chính ở đây còn lầm lẫn huống là người khác. Tình vật này khó tin nên người xuất gia tại gia cùng nghi. Đại sư Trí Giả đời Tùy, tâm thầm mong với chúng sinh, trí cùng hội, với thần nhân, lúc giúp giáo có dấu lạ rất nổi tiếng, nêu nhân chỗ khác lạ, khảo cứu chỗ chứng, không biết, ngài là Tam hiền hay Thập Thánh mà việc làm của ngài ngang bậc Chánh đẳng giác, thần hóa rất khó lường, bởi dẫu nghĩ lường cũng không biết được. Chỉ có Đại sư niệm Định tổng trì sáng tỏ. Hạnh nghiệp cầu sinh Tịnh độ rất kiên định. Tìm thấy Đại sư còn văn luận Thập Nghi. Văn ấy xa thì lấy các kinh, gần thì lấy các luận, về ý thì lấy ở các truyện. Không lìa kinh mà đủ việc, không trau chuốt lời mà văn hay. Thấu lời đạt ý, đến cực chín phẩm mới thấy dụng tâm của ngài. Người thấy dụng tâm ngài đối với Tịnh độ mà còn nghi ư? Đó gọi là giữa khoảng trời cao không mây các sao đều hiện, cách lý mầu khác nhau, mối manh cũng khác, không phải một mà rất ẩn kín. Tôi được văn ấy chép lại, nghĩ Đức Năng Nhân khen Tịnh độ rất nhiều, các Đức Phật chứng mà thành. Hoặc tướng lưỡi rộng dài che khắp đại thiên, hoặc triều âm mà Phạm thuyết, tôi và Đại sư nhiều năm xa cách, không được một lúc cùng soi sáng cho nhau, sao ngày nay còn không nói? Cho nên ở đầu luận xin lược nêu vài việc để mừng hoài bão của Đại sư. Dẫu lời thô ý cạn không đủ nêu hết cái chỗ giáo hóa của ngài, nhưng trước đối nghĩa Phật chứng thành mà có chỗ về.

- Lời bạt về khắc bản Luận Tịnh độ Thập Nghi.

Huỳnh Công Tiên ở Ngô Hưng từng khắc in luận Thập Nghi của Thiên Thai, đề ở phía sau rằng: Người xưa do tâm sợ thúc bách bắn tên vào đá, khí giận dữ dội làm núi non suối rừng thành một. Do đây mà vật vô tình còn cảm được, huống gì trừ lưới nghi, ngưng kết tín căn, Tam-muội niệm Phật tinh tấn không dời đổi thì Tịnh độ dẫu xa vẫn chắc chắn được sinh. Nhưng người đời nghi, phân vân thì phải dùng vấn đáp của ngài Trí Giả có tựa dẫn của Vô Vi mà in ra thí khắp để truyền bá rộng, mong giúp các bạn lành tín tâm bền chặt vậy.

26. KỆ KHUYÊN NIỆM CÁC ĐỨC PHẬT BA ĐỜI CỦA THIÊN TRÚC SÁM CHỦ.

Các Như Lai quá khứ
An trú kho bí mật,
Phật mười phương hiện tại
Thành đạo xoay pháp luân
Các Thế Tôn vị lai
Trong Ba thừa sáu đường
Do chấp đắm vọng tưởng
Triền kết cái phiền não
Mê thành thân sáu nẽo
Luống chịu khổ ba cõi
Chỉ niệm Phật quá khứ
Chẳng kính Phật vị lai
Kết oán thù với Phật
Hoặc giết hại, chưng nấu
Chẳng hiểu tướng chúng sinh
Toàn là thân pháp tánh
Xưa, có Thường Bất Khinh,
Hay lễ bái mọi người
Nói ta chẳng khinh ngài
Các ngài sẽ thành Phật
Nếu nghĩ rằng mình, người
Đều là Phật vị lai
Hiện tại tăng phúc thọ
Đời đời sinh nước Phật.

27. KỆ NÓI TƯ TUỆ PHẠM HẠNH PHÁP MÔN CỦA LUẬT SƯ ĐẠI TRÍ.

Rượu, thịt và dâm dục
Ba thứ không lìa nhau
Người ăn thịt, uống rượu
Sắc lực sẽ sung mãn
Liền nghĩ đến dâm dục
Nếu người luôn dâm dục
Khí huyết sẽ khô khao
Sẽ nghĩ đến rượu thịt
Nếu người bỏ rượu thịt
Tự nhiên lìa dâm dục
Nếu người lìa dâm dục
Tự nhiên quên rượu thịt
Trừ được ba việc ấy
Tất cả giới đầy đủ
Nếu chẳng dứt ba việc
Ở mãi ngục ba cõi
Bàn thiền và nói giáo
Đều là hủy Phật pháp
Thiền sư Trí Giác nói
Nếu chẳng cấm ăn thịt
Dứt hẳn giống Từ bi
Nếu chẳng bỏ uống rượu
Đoạn hẳn giống Trí Tuệ
Nếu chẳng cấm dâm dục
Dứt hẳn giống thanh tịnh
Cấm thịt hiển gốc bi
Cấm rượu phát vốn tuệ
Cấm dâm sinh gốc tịnh
Gốc tịnh tức Pháp thân
Gốc tuệ là Bát-nhã
Gốc từ là giải thoát
Ba thân và ba đức
Đều do ba việc sinh
Thế nên pháp môn này
Tên Từ Tuệ Phạm hạnh
Đều y giáo Đại thừa

Đều là lời các Phật
Nguyện khắp làm đúng lời
Cùng sinh nước Cực lạc.

- Dâm dục, giết hại giúp nhau phát sinh.

Long Thơ Tịnh độ chép: Dục vọng lớn là ăn uống và quan hệ nam nữ phải nên tiết chế. Nếu không có các việc này thì là bậc Thánh, giảm bớt không buông lung các việc này thì là bậc Hiền, còn buông lung không tiết chế là kẻ hạ ngu. Bởi hai việc này giúp nhau tạo nghiệp. Vì uống rượu ăn thịt nhiều thì huyết khí đầy mạnh, khiến dâm dục nhiều. Nếu dâm dục càng nhiều thì hao tổn huyết khí, lại phải nhờ ăn uống mà tẩm bổ. Nếu giảm bớt cả hai việc này thì là đạo an thân và sống lâu. Sư Từ Giác nói: Việc ăn uống đối với người dài theo ngày tháng, tinh thô tùy phần là để ngặn bệnh đói gầy. Vừa nuốt qua khỏi cổ thì là vật gì? Sao tâm không so lường suy xét kỹ mà cốt lấy việc thật. Dã Phu có nói: Da bao xương thịt và phẩn tiểu, gượng làm đẹp đẽ để gạt người. Ngàn xưa anh hùng đều do đây. Trăm năm rốt chỉ một nắm đất.

Nếu ngăn được hai việc này thì ở đời đâu có bệnh tật, chết yểu. Chết rồi đâu có địa ngục, quỷ, súc sinh. Nếu quyết muốn cầu sinh Tịnh độ thì phải cẩn thận gìn giữ việc này.

28. BA VỊ ẨN SĨ Ở CHÙA QUỐC THANH

Vào niên hiệu Trinh Quán đời Đường có Hàn Sơn, Thập Đắc và Phong can là ba vị ẩn sĩ chùa Quốc thanh ở Thiên Thai. Đầu tiên là Chánh Gián đại phu Lư Khưu Dẫn ra làm Thứ sử ở Thai châu. Khi chưa lên đường thì bị bệnh nặng lâu ngày không dậy được. Bỗng thấy một vị tăng bảo: "Tôi là Phong Can ở Thiên Thai thấy ông bệnh bèn đến thăm", phun nước vào mặt dẫn thì liền tỉnh lại, nhân được sống lại ông xin rằng: Thiên Thai thuộc ấp tôi có bậc Hiền nào nên gần gũi chăng? Phong Can nói: Được gần mà chẳng thể thấy là Hàn Sơn, được thấy mà không thể nương bám là Thập Đắc, đó là hai Đại sĩ Văn-thù và Phổ Hiền vậy. Khi dẫn đến quận năm ngày liền hỏi, vị tăng tên Đạo Kiều đáp rằng "Viện Phong Can ở sau kinh tàng (Kho kinh) nay đã không có người. Hàn và Thập thấy ở nhà bếp đang đốt". Lại hỏi "Phong Can làm hạnh nghiệp gì?" Thì đáp: Chỉ thờ cúng, đêm thì ca hát làm vui, có lúc cỡi hổ qua lại dưới rừng thông. Ông đến nhà bếp gặp liền làm lễ thì hai ông mắng chửi rằng: Phong Can lắm lưỡi, người ấy là Di-đà mà không biết, lại lạy ta làm gì? Đồ chúng thấy vậy kinh sợ thì hai vị liền biến mất. Người xưa có nói Thánh hiền hiện thân ở chung mà người đời

không biết, phải là người này chăng? Ba vị ẩn sĩ trên có thơ cảnh tỉnh người đời rất nhiều, thấy đủ ở Bản tập.

- Bình luận các bài tụng của Thiền sư Long Nha.

Truyền Đăng Lục có ghi bài tụng của Độn Thiền sư Long Nha rằng:

Niệm Phật nhiều người thành Phật ít
Niệm hoài ngày tháng sẽ thành ma
Anh nay muốn được tự thành Phật
Tâm kia không niệm không hiệu quả.

Phần nhiều thấy người tu thiền dùng tụng này để ngăn người niệm Phật, bởi họ chuyên lấy vắng lặng làm tông (gốc), bèn cho người niệm Phật là chấp tướng, rất không biết kinh Thắng Thiên Vương Bát-nhã có nói: Dùng vô sở niệm mà tu niệm Phật há bị bệnh chấp tướng ư? Xin họa một bài tụng để phá lầm rằng:

Niệm Phật nhiều người thành Phật nhiều
Ai nói niệm lâu sẽ thành ma
Châu trong nước đục đã dụ rõ
Gọi chẳng quay đầu, tranh nổi gì?

29. PHÁP SƯ VIÊN TRẠCH BÁO DUYÊN SANH TỬ.

Kẻ sĩ Lý Nguyên và vị tăng Viên Trạch về đạo rất khế hợp nhau. Nên một hôm cùng hẹn dạo chơi Tây Thục. Lý thì muốn đi đường từ Kinh châu, còn Trạch thì muốn đi đường từ Trường an. Trạch bất đắc dĩ phải theo ý của Lý. Thuyền đến Nam Phố thuộc Kinh châu, bỗng thấy có người phụ nữ mặc quần gấm gánh nước Trạch thấy bèn khóc rằng: Tôi chẳng muốn đi là vì việc này, đây là Vương thị, tôi phải làm con ở trong thai ba năm, tôi đã đến thì không trốn được. Quá ba ngày tắm con, ông đến thì tôi sẽ cười một cái để làm tin, mười hai năm sau đêm Trung Thu, hãy gặp nhau ở ngoài chùa Thiên trúc tại Hàng châu. Nói xong thì ngồi mà chết. Người phụ nữ sau khi sinh xong ba ngày thì Nguyên đến xin gặp thì quả nhiên đứa bé cười một tiếng. Mười hai năm sau, đến kỳ hẹn Nguyên tới Tây hồ bên bờ sông Cát hồng. Bỗng nghe mục đồng gõ sừng ca rằng:

Ba sinh trên đá tỉnh hồn xưa
Thưởng gió ngâm trăng chẳng luận bàn
Hổ thẹn tình người xa hỏi nhau
Thân này tuy khác tánh mãi còn.

Nhân đó Nguyên hỏi rằng: Ông Trạch có khỏe chăng? Cậu bé

đáp: Ông Lý thật là người đáng tin, nhưng vì tục duyên chưa hết, xin chớ gần nhau. Chỉ xin siêng tu không biếng lười rồi lại gặp nhau. Nói xong lại ca rằng:

Thân trước thân sau việc mênh mông
Muốn nói nhân duyên sợ đứt ruột
Ngô Việt giang sơn nay đã khắp
Đường về khói đóng mái chèo xưa.

Hát xong bỏ đi.

Tôi thấy ông Trạch ra vào sinh tử không mê muội, lại là người thấu đạt. Tuy nhiên cũng vì sinh tử chưa hết, do đó phải bị khổ trong thai ngục, từng nghe bậc Thánh sơ quả của Tiểu giáo còn bị dục mê hoặc lôi kéo bảy lần trở về làm trời người lần lượt bị sinh tử. Cho nên trong Đại luận có nói Sơ quả còn sinh làm con nhà hàng thịt. Đến Nhị quả thì còn một lần sinh về cõi Dục. Nay chẳng biết Trạch sư là người thuộc thượng vị Đại thừa mà quyền hiện sinh tử như thế hay là căn tánh Tiểu thừa thật sự lần lượt chịu sinh tử. Nếu thật là người Sơ quả Tiểu thừa tuy chưa ra khỏi ba cõi thì cũng mặc tình ra khỏi ba cõi, tuy chưa vào Đại thừa thì ở trong cõi phương tiện cũng mặc tình vào Đại thừa, chắc chắn không lo lắng gì. Nếu chẳng thế thì trôi lăn trong năm đường không bờ bến song ở trong sinh tử thì khó ra, được như người này thì giống với việc tu theo đường tắt của Tịnh độ. Hãy cố gắng!

**** Pháp sư Bố nói Tịnh độ không phải là sở nguyện của tôi.***

Theo Tục Cao Tăng Truyện thì Pháp sư Tuệ Bố người ở Quảng Lăng, họ Hác, thuộc giòng tướng soái. Thuở nhỏ, sư đã có chí theo đạo. Bèn theo thầy xuống tóc đối với đạo nghiên cứu sâu xa. Lúc đó có hiệu là Tuệ Bố. Các Vua đời Trần từng có đến thọ giới với sư. Sư có nói: Tịnh độ Tây phương tuy tịnh nhưng không phải là nguyện của tôi. Dầu mười hai đại kiếp ở trong hoa sen không được thấy Phật chỉ hưởng các vui thì không bằng ở trong ba đường mà cứu khổ chúng sinh. Khi sư mất, thì suốt bảy ngày mặt đất rung chuyển, sư ngồi mà hóa, co ba ngón tay, Thái sử tấu vua rằng người đắc đạo thì sao rụng.

Bố công ở đây nói chắc chắn phát từ tâm trí tuệ. Song đây là người đã được vị Vô sinh, và thô cấu trước đã hết thì mới được như thế. Dưới bậc này và bạc địa thì tự cứu còn chẳng được huống gì cứu người khác. Cũng như không có thuyền không biết lội thì cả hai cùng chết chìm. Nay thấy Tuệ Bố qua đời mà co ba ngón tay thì dẫu chưa phải là ứng sinh Bồ-tát thì cũng nguyện sinh ở quả vị vô ngại. Nếu chưa được địa vị này thì phải luôn không được lìa Phật pháp. Đợi khi đạo lực đã

thành rồi trở thì lại cõi năm trược mà cứu độ chúng sinh mới được. Nếu không như thế thì Đại Luận nói hạng phàm phu còn bị trói buộc có tâm đại Bi nguyện sinh trở lại đời ác để cứu khổ, thì không có việc này há chẳng cẩn thận ư?

30. THỪA TƯỚNG TỪ LĂNG PHÁT NĂM THỆ NGUYỆN

Trong Quốc Thanh Bách Lục ghi: Tể tướng nhà Trần phát nguyện rằng: Đệ tử là Lăng Hòa Nam nghĩ muốn thoát khỏi lồng phên không do cánh mà được đã yếu kém thiện căn thì mong nguyện lực được trang nghiêm. Nay nguyện:

1. Khi qua đời được chánh niệm thành tựu.
2. Nguyện không đọa vào địa ngục ba đường.
3. Nguyện thác sinh vào nhân gian chỗ không cao không thấp.
4. Nguyện được đồng tâm xuất gia giữ giới đúng pháp.
5. Nguyện không rơi vào hàng Tăng lưu tục. Tâm nguyện này để sách tấn việc tu Tây phương. Lòng son đã nguyện xin được chứng minh.

- Bàn về người thế tục nguyện đời sau được xuất gia.

Trong Quán kinh nghĩa sớ, Luật sư Linh Chi Đại Trí có nói rằng: Có người phát nguyện, nguyện khi chưa được Đạo, thì sinh ở chỗ nào cũng gặp Phật nghe Pháp, xuất gia từ bé. Nay nói nếu sinh Tịnh độ thì mặc tình gặp Phật xuất gia làm tăng. Đó là do không biết Tịnh độ có nguyện này. Cũng như Từ Lăng nguyện rằng: Nguyện kiếp sau được thác sinh vào nhân gian chỗ không cao không thấp, được xuất gia từ bé. Đây vì họ là nhà Nho nên không đáng trách. Còn các bậc Tông sư giảng Thiền nhiều người lại có cách nghĩ như vậy. Tôi từng nói rằng: Ông nay đã được làm nam tử xuất gia rất hợp với việc cầu thoát ly sao lại còn cầu làm nam tử xuất gia lại, bỏ đi dịp may thẳng tiến.

Ngài Linh Chi bình luận Thừa tướng Từ Lăng không đáng trách mà thật ra lại trách cứ sâu xa. Tuy nhiên Từ là hạng nhà Nho phi thường, bởi từng theo học với tổ Thiên Thai ta, ông rất am tường giáo quán. Với năm lời nguyện trình lên bậc trí, nên thấy ghi trong Bách Lục. Bởi ông có chí vì chúng sinh rất rộng lớn nên như thế. Đợi khi đổi báo thì được quả như nguyện xưa làm tăng học đạo, nối ngài Chương An làm Tổ thứ sáu của Thiên Thai, gọi là Tôn giả Pháp Hoa Trí Oai. Cho nên sư Trí Thuần người Cao ly khen rằng: Thân gặp bậc trí trình nguyện tốt, quả làm Tông sư như nguyện xưa. Linh Chi sớ ký như thế là muốn cứu mối tệ chứ nào phải ngọc, đá chẳng phân.

31. BÌNH VỀ VIỆC TRIỀU THÁI PHÓ CHO TỊNH ĐỘ LÀ TIỂU THỪA.

Trong Mạo Trí Di Thư Triều Thái Phó có nói: Thực hành Pháp quán Tịnh độ là quyền thuật của Tiểu thừa. Có năng có sở, có lấy có bỏ đều là sinh tử luân hồi, người thấy Đại thừa phải tự hiểu biết.

Triều công làm quan ở triều Nhân Miếu, nhiều năm rảnh rang, rộng xem sách vở trong ngoài tìm rõ lý vị, rất mến việc siêu xuất trần thế. Ông có soạn Đạo Viện Tập và Pháp tạng Toái Kim. Độc giả ai chưa từng cảm thấy lý thú, chỉ lấy nhất chân hư tịnh làm chỗ đến. Về già có soạn sách Mạo Trí, trong đó có nói Tịnh độ là Tiểu thừa quyền thuật. Đây là lời nói mất ý chỉ. Triều Công cao minh trác thức mà chẳng hiểu Phật giáo Đại, Tiểu thừa, khi nói lời này thì ngựa hay chẳng đuổi kịp. Tôi vốn không nhanh nhẹn chỉ vì muốn cùng ông kết duyên Tịnh độ nên gắng gượng mà luận bàn thôi: Giáo lý Tiểu thừa là giáo vụng về thiên lệch chỉ nói về nhất chân không. Nếu hoặc kiến, tư phá rồi thì thân nhập vào thái hư, cũng không có cõi nước nào để sinh về, đâu được nói là Tiểu thừa quyền quán Tịnh độ. Phải biết Đại thừa mới nói lý mầu trung đạo, thân và cõi giao nhau cho nên có nói trần trần Phật sát (cõi Phật nhiều như bụi). Nếu luận về thọ sinh thì sinh tức Vô sinh, Vô sinh tức sinh. Cho nên Dương Vô Vi nói: Có niệm đồng không niệm, Vô sinh tức là sinh, chẳng nhọc dời một bước, thấu triệt thành Hoàng giác, là thế. Nói rộng nghĩa này thì như bộ Thiên Trúc Hạnh Nguyện Quyết Nghi và Thư đáp Dương Văn Công của ngài Tứ Minh, các vị quân tử cảm thấy lý thú thì thử xem xét rõ.

32. Ở ĐỜI CÓ SÁU HẠNG NGƯỜI TỰ CHƯỚNG VỚI TỊNH ĐỘ

Quán kinh Nghĩa Sớ chép: Nói sơ lược có sáu loại người tự chướng với Tịnh độ:

1. Bảo rằng Tịnh độ khó sinh, mình không có sức, không dám quá trông mong, chỉ đừng mất thân người là đủ.

2. Bảo rằng tôi phá giới hủy trai, nghiệp ác sâu nặng, Tịnh độ làm sao sinh được.

3. Cho rằng Phật nói Tây phương là để quyền dụ chúng sinh, lại khiến làm lành đều không thật, thấy người tu Tịnh nghiệp lại sinh chê cười.

4. Cho rằng mình là bậc thông minh lợi trí, thẳng ngộ tâm mình, các việc mình làm đều hợp đạo, há lại cùng kẻ dưới mà niệm Phật ư?

5. Nói rằng phàm phu huyết khí nhóm họp, giả gọi là thân, đến khi chết thì trăm xương về không, đâu có Tịnh độ mà về.

6. Bảo rằng khi sắp qua đời quán tưởng cướp lấy thai ấm, chỉ sát-na là đổi báo, chẳng trải qua bào thai.

Than ôi! Phật ta đại Từ bi chỉ dẫn pháp môn Tịnh độ, ân cần khuyên cầu sinh, mà lại tự cam chịu chìm đắm. Như Lai bảo đây là hạng người đáng thương. Pháp sư Từ Ân nói: Chỉ có An dưỡng Tịnh nghiệp là nhanh tất đáng tu. Ai muốn khi qua đời lìa các sợ hãi, Thánh chúng hiện tiền trao tay dắt dẫn... thì phải học pháp này. Lời pháp của các bậc hiền xưa mà không theo ư?

33. BÁC NGƯỜI CHO RẰNG TU TỊNH ĐỘ LÀ CHẤP TƯỚNG

Quán kinh Nghĩa Sớ nói: Có người cho rằng cầu sinh Tịnh độ, niệm Phật, tu quán đều là chấp tướng, rất không phải là pháp siêu việt. Nay cho rằng Phật nói không chấp tướng là đừng chấp trước ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả, chẳng trụ vào pháp tướng sở tu, dứt sạch chấp nhân và chấp pháp. Tức đạt hai thứ Nhân, Pháp đều không, nào từng cho buộc niệm tiến tu mà là chấp tướng ư? Nay cho rằng nếu tu Tam-muội niệm Phật chắc chắn là không phải chấp tướng, vì thân Phật vô tướng thì có gì để chấp. Bát-nhã chân không vốn để người tu sáu độ không trụ tướng, sáu độ chẳng tu thì Bát-nhã sao dùng kẻ chân học đạo, thì đạt được tu mà không tu, hiểu niệm mà không niệm. Cả ngày tu mà không hề tu, cả ngày niệm mà không hề niệm. Nên kinh Kim Cang nói không có ngã, nhân, chúng sinh, thọ giả. Tu tất cả pháp thiện thì được A-nậu Bồ-đề. Cho nên biết người liễu đạt thì đâu từng chẳng tu điều thiện.

34. NÓI VỀ DÙNG SẮC, THANH MÀ CẦU PHẬT THÌ ĐÓ LÀ TÀ ĐẠO

Quán kinh Nghĩa Sớ hỏi rằng kinh nói: “Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh cầu ta, người đó hành tà đạo, chẳng thấy được Như Lai”. Nay quán Phật, niệm Phật há chẳng phải dùng sắc thấy dùng tiếng cầu ư?

Đáp: Ba mươi hai tướng cũng như vầng trăng sáng hiện vào trăm sông, như bốn biện ở tám tiếng, như tiếng vang phát ra ở hang sâu. Nếu có người xuống đầm mò trăng, vào hang tìm tiếng thì chẳng hiểu tánh không nên chẳng được thấy Phật. Người đạt ngộ thì không như thế, hiểu sắc không phải sắc thì có ngại gì. Quán tưởng hình Phật, thấu suốt tiếng chẳng phải tiếng thì ngại gì suy lường mà nghe Pháp mầu. Cho nên kinh

Hoa Nghiêm nói sắc tướng không phải là Phật, âm thành cũng giảng như thế, cũng chẳng lìa sắc thinh mà thấy được năng lực thần thông của Phật, đối với lời nhiệm mầu này. Sao còn sinh nghi chướng ư?

35. Ở ĐỜI CÓ MƯỜI HẠNG NGƯỜI KHI SẮP QUA ĐỜI KHÔNG NIỆM PHẬT ĐƯỢC

Luận Quần Nghi chép: Tôi thấy trong thế gian này có mười hạng người khi sắp qua đời không niệm Phật được.

1. Bạn lành chưa ắt gặp được nên không khuyên niệm Phật được.
2. Nghiệp khổ trói chặt thân không rảnh niệm Phật.
3. Bị trúng phong líu lưỡi không niệm Phật được.
4. Điên cuồng mất tâm, chú ý khó thành.
5. Gặp nạn nước trôi lửa cháy chẳng rảnh chí mà niệm.
6. Gặp sài lang thú dữ không có bạn lành.
7. Khi sắp qua đời bị các bạn ác phá hoại tín tâm.
8. Ăn uống quá độ hôn mê đến chết.
9. Vào trận đánh nhau mà chết.
10. Té từ trên cao xuống mà chết.

Đây là mười chúng sinh khi qua đời không niệm Phật vãng sinh được. Vậy nên dự bị tu Tịnh nghiệp trước, để khi vừa gặp nạn duyên thì sẽ được Di-đà dất dẫn vãng sinh.

36. TRẢ LỜI CÂU HỎI CHO RẰNG TỊNH ĐỘ LÀ PHÁP QUYỀN NÓI CHO HÀNG ĐỘN CĂN

Vào niên hiệu Long Hưng, Tông Thiên Thai có Tư Phạm giảng chủ ở lâu tại núi Lâm Bình Sơn, hạnh giải rất cao sáng, tạo ra một tông giáo quán sâu xa. Thường giao du với các sĩ đại phu, tùy chỗ hỏi đáp mà giải thích rõ ràng (thấy đủ trong hội tông tập). Một hôm, có Thông phán Trịnh Công hỏi: Trong kinh giáo nói niệm Phật Di-đà cầu sinh Tịnh độ phải chăng là vì kẻ độn căn mà phương tiên quyền nói. Thượng căn một khi siêu vượt Phật địa thì há lại nhờ năng lực Phật khác ư?

Sư đáp rằng: Những bậc tiên đạt của tông ta quở trách lời nói ấy rằng khi Phật còn tại thế thì có Văn-thù, Phổ Hiền. Khi Phật mất rồi thì có Mã Minh, Long Thọ, ở Trung Quốc thì có Trí Giả, Trí Giác đều nguyện vãng sinh, đó đều là độn căn ư? Đức Thích-ca khuyên vua cha Tịnh Phạn và sáu muôn người họ Thích vãng sinh, đó đều là người tầm thường cả ư? Nếu cho đây là quyền thì cái gì là thật? Xưa, Tôn Tân Lão cũng nghi ngờ việc này. Khi gặp Dương Thứ Công, Vương Mẫn Trọng

biện luận mới dứt mối nghi này, bèn bảo: Ắt biết Tịnh độ không phải là quyền thiết của bậc Thánh mà là nơi nương tựa của chân Thiền lữ. Phải biết Triều ta kẻ hiểu sâu về Tịnh độ thì chỉ có hai bậc Hiền họ Dương và họ Vương trên. Dương soạn tựa cho Quyết Nghi tập có dẫn kinh Hoa Nghiêm nói rằng: Biết tất cả pháp cũng như ảnh tượng, tâm mình như nước, Phật không đến ta, mà ta cũng không về đó. Nếu ta muốn thấy Phật A-di-đà thì tùy tâm liền thấy. Thế mới biết người chú niệm thì chắc chắn thấy. Đây gọi là nói thật tánh mà không phải quyền giáo.

37. NIỆM PHẬT THÀNH TỰU BA NĂNG LỰC THÌ DỂ VÃNG SANH

Hội Tông chép: Thường thấy người thế gian trước thì niệm Phật nhưng đến khi bệnh khổ sợ sệt nói chết, chỉ niệm Quán Âm mà cầu cứu. Tôi cho rằng người này rất điên đảo. Nay xin nói ba năng lực để dứt nghi tình giúp cho niệm Phật có ý vị.

1. Năng lực chúng sinh vốn sẵn có Phật tánh. Tâm chúng sinh vốn sẵn có Phật tánh, không khác với Phật A-di-đà. Như kinh Như Lai Tạng chép: Phật thấy trong tâm phiền não của tất cả chúng sinh đều có thân Như Lai ngồi kiết già, nghiễm nhiên bất động, đức tướng đầy đủ, tức là nghĩa này vậy.

2. Năng lực Di-đà Từ Quang Nhiếp Thủ. Kinh nói: Tâm của Phật là đại từ bi, tức dùng Vô duyên từ mà nhiếp các chúng sinh. Lại Phật có tám mươi bốn ngàn ánh sáng nhiếp giữ chúng sinh niệm Phật tâm không buông bỏ. Ấy là nghĩa này.

3. Năng lực công huân do tín tâm niệm Phật. Người tín tâm niệm Phật như con gọi mẹ, mẹ sẽ bảo hộ. Kinh nói: Nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền và tương lai chắc chắn thấy Phật

Năng lực này như ba mối dây xe lại thành sợi dây lớn có thể kéo vật nặng đến nơi khác. Lại như gương, nước, lửa. Nếu gương đối trước mặt trời, dùng bùi nhùi mà dẫn thì được lửa, gương đối với mặt trăng thì được nước cũng giống như thế. Nay thể của gương có đủ tánh nước, lửa nên có thể dụ cho năng lực chúng sinh có đủ Phật Tánh, cần nhờ ánh sáng của mặt trời, mặt trăng chiếu đến thì dụ cho sức từ quang của A-di-đà nhiếp giữ chúng sinh. Vì gương và bùi nhùi hay dẫn nước và lửa nên dụ cho năng lực công huân do tín tâm niệm Phật.

Cả ba vật này hòa hợp lại thì nước lửa mới sinh, dụ cho ba năng lực giúp nhau thì dễ sinh Tịnh độ.

38. LUẬN VỀ BAN CHU NÓI NIỆM PHẬT MÀ CÓ TƯỞNG THÌ SI

Hội Tông hỏi rằng:

Trong kinh Ban-chu dạy niệm niệm tưởng Phật A-di-đà. Đó là tâm có tưởng vậy, mà sau đó kinh lại nói: Tâm có tưởng thì si, không tưởng tức Niết-bàn. Trước sau trái nhau là sao?

Đáp: Kinh trước nói quán tưởng Di-đà thì chẳng thể không niệm. Sau nói về Tam-muội công thành thấy các Đức Phật mười phương đứng trên hư không. Lúc này phải hiểu tâm ta và tâm Phật đồng một chân tánh không thể nghĩ bàn. Cho nên nói có tưởng thì si, không tưởng tức Niết-bàn. Không phải nói từ đầu không được quán tưởng. Lại, trí vô niệm Vô sinh thì Phật địa mới thành, người thời nay chưa vào môn quán hạnh đã nói Vô sinh vô niệm, đâu biết Mã Minh đã dạy từ niệm đến vô niệm, từ nói đến không nói. Kinh Văn-thù Bát-nhã chép: Như người học bắn tên tập lâu liền khéo, sau không cần để ý, tên bắn đều trúng. Nếu người muốn vào Tam-muội nhất hạnh chuyên xưng niệm danh hiệu, niệm niệm nối nhau thì sẽ ở trong niệm mà thấy các Đức Phật mười phương. Thế mới biết lấy niệm dừng niệm, lấy lời khiển lời, đều là đường chánh tu hành của Phật Tổ cả.

39. LUẬN VỀ CHÍ CÔNG NÓI NGƯỜI NGU THÍCH VÃNG SANH TÂY PHƯƠNG.

Hội Tông chép rằng: Kinh giáo có nói người trí rõ ràng cầu sinh Tịnh độ. Trong Thiền Tập thì nói Chí Công bảo rằng người trí biết tâm là Phật, người ngu thích vãng sinh Tây phương, thế thì người tu Tịnh độ là ngu chăng?

Đáp: Đây có lẽ là do người sau nói ra. Dẫu là lời Chí Công nói ra thì bởi ý lấy duy tâm tức Phật chứ không lấy việc quán niệm Di-đà. Đây gọi là lấy lý đoạt sự. Như các bậc Tiên đức nói: Nếu dùng lý đoạt sự thì không có tịnh, uế, lấy, bỏ khác nhau. Nếu dùng sự đoạt lý thì có bỏ khổ, được vui khác nhau. Nên lại hỏi rằng nếu sự lý như một thể, không đoạt nhau thì sinh về đâu? Đáp rằng: Cũng biết chỉ sở trên sông thu, trăng sáng hoa lau biết đâu tìm.

- Ba vị Bồ-tát nguyện sinh về tầng trời Đâu-suất.

Luận Thập Nghi chép: Tầng trời Đâu-suất là chỗ ở của ngài Di-lặc, lại có người nữ và các trời ái trước, chẳng bằng cõi Tịnh độ của Di-đà... Xưa, ở cõi Tây có ba vị Bồ-tát Vô Trước, Thế Thân, Sư Tử Giác kết hẹn đồng sinh cõi Đâu-suất. Nếu ai đi trước gặp ngài Di-lặc thì thề

trở về báo cho nhau biết. Sư Tử Giác qua đời trước, mấy năm chẳng thấy trở lại. Sau, Thế Thân mất đã ba năm mới trở lại. Ngài Vô Trước hỏi vì sao lâu thế? Ngài Thế Thân nói: Tôi đến đó ngồi nghe ngài Di-lặc nói Pháp, đi nhiễu quanh một lúc rồi về liền, bởi ngày ở đó rất dài cho nên bằng ở đây ba năm. Còn Sư Tử Giác sinh về đó, ở bên ngoài cung trời, đắm mê năm dục không được thấy Di-lặc, thế nên chẳng trở lại. Các Tiểu Bồ-tát sinh lên đó còn đắm mê năm dục huống là phàm phu. Vì thế khuyên sinh Tây phương chẳng khuyên sinh Đâu-suất.

40. LUẬN VỀ TÂM TỊNH THÌ CÕI NƯỚC TỊNH

Ở đời có Tịch Thất Tịnh độ văn là quyển sách nhỏ, xem lời lẽ biết rõ ràng là văn của Vương Long Thơ. Tôi đọc thì rất thích lời bình của ông về người tu Thiền tông không chịu tu Tịnh nghiệp rằng: người dạo tâm thiền định ngộ tánh tông khi được người chỉ bày Tịnh độ sẽ nói: Tịnh độ duy tâm, tâm ta đã tịnh thì cõi nước tịnh cần gì phải cầu sinh cõi khác. Nay lại hỏi: Như kinh Tịnh Danh nói: Như Lai lấy chân ấn xuống đất thì thấy cõi Ta-bà đều trang nghiêm thanh tịnh, mà chúng hội không thấy, chỉ có Loa Kế Phạm vương thấy được. Nay người tu thiền có bằng Phạm vương mà thấy được cõi thanh tịnh chăng? Huống là chỗ các ông ở là nhà cửa thấp xấu thì mong nhà cao cửa lớn, ăn rau dưa thì mong thức ăn ngon quý, áo quần xấu rách thì mong lụa là xinh đẹp. Nếu nói tâm tịnh cõi tịnh thì không giống như sự phân biệt trên. Huống lại bị khổ già bệnh chết, tình trái thế gian thì lúc đó vẻ mặt sẽ giống với kẻ chưa ngộ, miệng nói Tịnh độ mà thân thì bị khổ não của cõi uế buộc ràng. Ấy là tự dối mình lắm vậy. Nếu thế thì phải tin theo giáo lý Tịnh độ chọn điều lành mà tu.

41. CẦU SANH TỊNH ĐỘ NƯƠNG NGUYỆN LỰC PHẬT THÌ DỄ

Tịch Thất chép: Chúng sinh tu nhiều nghiệp lành chỉ nương tự lực nên khó thành tựu, còn Tịnh độ y theo nguyện lực của Phật thì dễ lập thành, tự lực khó thành là vì tâm chí chúng sinh yếu kém, mà nghiệp ác lại sâu nặng. Vì tâm yếu kém mà nghiệp nặng sâu nên khó thắng. Huống gì bên ngoài lại bị bạn xấu ngoại ma kích bác, hoặc bị tửu sắc, tiền của nhận chìm, việc tu pháp thiện đâu dễ được thành. Còn nương nguyện lực Phật thì dễ lập là bởi nguyện lực của Phật Di-đà độ sinh ít nhất là mười niệm công thành thì liền vãng sinh, nương nhờ Phật lực là nguyện nên tu pháp thiện liền dễ lập nên. Ví như hai người muốn

vượt biển khơi đến núi báu để lấy ngọc, một người trồng cây, đợi lớn, làm thuyền mà đi. Nhưng không lo việc cây kia bị sương tuyết mưa bão, người vật phá hại, cuối cùng không thành gỗ được. Nếu có thành gỗ thì năm tháng rất dài lâu. Làm sao liền có thuyền được. Tự lực tu hành cũng giống như thế rất là khó. Còn người kia không tạo được thuyền đứng đợi trên bờ bỗng gặp người lái buôn ngồi trên thuyền lớn. Người này liền gọi theo mãi. Người chủ thương tình bèn dắt tay mời lên thuyền, kéo buồm hứng gió đi nhanh thoáng chốc đã đến núi báu, nương nguyện lực Phật được vãng sinh Tây phương cũng giống như thế. Người lái buôn là dụ cho Như Lai dắt dẫn chúng sinh. Chiếc thuyền lớn là đại nguyện của Phật độ khắp tất cả. Vượt biển là vượt biển khổ sinh tử. Núi báu là cõi nước Cực lạc Trong luận Thập Trụ Tỳ-bà-sa ngài Long Thọ khen Phật rằng: Ngồi thuyền Bát Chánh đạo, vượt qua biển khó vượt, là ý này vậy. Lớn lao thay, Phật A-di-đà và hai vị Bồ-tát, ngồi thuyền nguyện lớn nổi trên biển sinh tử đến quê hương khổ não Ta-bà này kêu gọi dẫn dắt tất cả chúng sinh lên thuyền đại nguyện vượt biển sinh tử đến bờ Tây phương Niết-bàn. Nên tin chớ thắc mắc.

42. ĐẠO MÔN THÀNH TIÊN KHÔNG RA KHỎI LUÂN HỒI

Thọ Thiền sư An dưỡng Phú Chú Văn chép: nói Cõi Phật ở Tây phương, vua báu mười cõi, lưỡi dài khen ngợi, khác với sách của Đạo môn đều nói chim xanh, núi đá băng lở, đã không có người nói được, cũng không có chỗ nói được. Đủ biết là dối trá gạt gẫm chẳng đáng nương nhờ. Nếu được bay lên làm Tiên thì cũng không ra khỏi ba cõi luân hồi.

■

LẠC BANG DI CẢO

QUYỂN HẠ

1. Giải thích không thể chỉ với chút ít thiện căn mà được sinh về cõi nước ấy.

Trong Di-đà Thông Tán sao ngài Từ Ân có nói: Kinh nói không thể chỉ với chút ít nhân duyên phước đức thiện căn mà được sinh về nước ấy. Là vì sợ chúng sinh nghe Phật nói khi sắp qua đời chỉ niệm mười câu Phật liền được vãng sinh, rồi cho rằng nay ta mạng trời chưa hết rồi buông lung chơi bời. Để ngăn việc này nên nói như thế. Nói mạng trời ta chưa hết là cái thấy của người ngu, bởi mạng số vô thường như đổi đuốc nào có được lâu. Như khi Phật còn tại thế, các Tỳ-kheo quán tưởng vô thường, Phật hỏi thì các Tỳ-kheo đáp như hơi thở ra không bảo đảm sẽ thở vào lại. Phật nói đó đúng là tướng vô thường.

2. Thiền sư Hải Tuệ chỉ bày tâm tịnh thì cõi tịnh.

Truyền Đăng Lục chép: Thiền sư Hải Tuệ một hôm có người học đến hỏi: Việc nguyện sinh Tịnh độ không biết là thật có Tịnh độ chăng? Thiền sư đáp: Muốn được Tịnh độ thì phải tịnh tâm mình, hễ tâm mình tịnh thì cõi Phật liền tịnh. Nếu tâm thanh tịnh thì chỗ nào cũng là Tịnh độ. Ví như sinh vào nhà hoàng tộc thì chắc chắn sẽ nối ngôi vua. Phát tâm hướng về Phật đạo thì sẽ sinh cõi tịnh của Phật. Nếu tâm kia không tịnh thì chỗ sinh nào cũng là cõi uế cả. Tịnh, uế là ở tâm chớ không phải ở cõi.

- Luật sư Đại Trí chỉ dạy sự lý không hai.

Sư có soạn bài tựa Tịnh độ Tập cho Pháp sư Từ Tuệ Văn ở Sơn âm, lược nói rằng: Xưa nay nhiều người học Phật mê lầm sự lý. Cho rằng lý thì mảy may cũng không lập, còn sự thì dẫy đầy muôn việc. Lắng tâm ở chỗ trống lặng là quán lý, động dụng tạo tu là hành sự. Bèn dẫn lời người xưa nói: Về mặt thật tế chẳng chấp mảy may, còn trong cửa Phật sự thì không bỏ một pháp. Đây chính là lý sự đối lập, không hữu cùng theo. Tôi từng đổi lời ấy rằng: Thật tế lý địa chẳng thiếu một trần, trong

Phật sự môn không lập một pháp. Sao do thật tế lý đủ tất cả pháp mà thiếu một mảy ư? Còn do cửa Phật sự lìa tất cả tướng, há còn một pháp ư? Như thế thì mới thấy lý sự như một, không-có, chẳng hai vậy.

3. Cô gái ngồi mất, xương mọc hoa sen.

Trong Tạp Thuyết có nói: Ở Ôn châu, trong dân gian có một cô gái bỗng ngồi chết. Sau trong bình tro xương của cô mọc lên một hoa sen xanh. Người nhà rất lấy làm lạ: Lúc đó Thiền sư Trí Giác Thọ nghe việc ấy có làm kệ khen rằng:

Trong cửa tâm tánh
Ngàn Thánh đồng hàng
Thần về Tịnh độ
Sen mọc bình tro.

- Pháp sư Viên Biện nói về duy tâm Tịnh độ.

Pháp sư Viên Biện ở Diên Khánh có bài nói về duy tâm Tịnh độ được khắc in ở sáu lục trước. Nay trong Bảo Châu Tập lại có chỗ cốt yếu: Duy tâm Tịnh độ chỉ một mà thôi. Bởi do Di-đà biết cõi báu ở trong tâm ta. Tâm ta có đủ Lạc bang của A-di-đà. Tuy xa mà gần, vì không lìa một niệm. Tuy gần mà xa vì cách mười muôn ức cõi. Ví như trăng sáng giữa trời xanh in bóng xuống các mặt nước. Nước chẳng lên mà trăng cũng không xuống. Nước, trăng cùng ở một nơi mà tự nhiên chiếu sáng nhau.

4. Pháp sư Giải Không khen tôn tượng Di-đà.

Tại đạo tràng Bảo Vân ở Tứ Minh có vị tăng Nghĩa Học Tư Giác nhờ thợ vẽ một bức tượng Phật A-di-đà tiếp dẫn hóa độ để mong tăng trưởng Tam-muội niệm Phật. Ông mang đến gặp ngài Diên Khánh Trúc Am Khả Quán, ngài cúi đầu nói kệ khen rằng:

Vàng ròng chiếu sáng
Ánh sáng lông trắng
Duy tâm bổn tánh
Cảnh giới chẳng cao
Ba bậc chín phẩm
Tám đức bốn sáng
Một niệm thanh tịnh
Liền thấy Tây phương.

- Phụ thêm Tịnh độ lễ văn Pháp bảo tán.

Tại núi Bạch Vân ở Thiên Thai có Pháp sư Tịnh Viên truyền

Thiên Thai giáo quán, có làm Tây phương lễ văn, Luật sư Linh Chi Đại Trí soạn lời tựa mà truyền bá, ngài bảo với Tạo Thiên Thành rằng sánh ngang hàng với Sám Bản của Thiên Trúc, song trong đó chỉ nêu bốn Thánh mà thiếu chương khen pháp. Cư sĩ pháp Xuyên Lý Tập chí tu Tịnh nghiệp bèn bổ túc rằng:

Dốc lòng quy mạng lễ, cõi An lạc Tây phương, tất cả pháp môn mầu nhiệm, viên thừa thanh tịnh pháp tạng.

Phật giảng viên thừa nay mười kiếp
Pháp môn vô tận như hư không
Gió reo lá báu hợp chân kinh
Sóng lay khe vàng nói diệu điển
Biến hóa lại nghe tiếng anh vũ
Tuyên bày lại có giọng Tần-già
Bảy kinh chuyên khen nghĩa rộng sâu
Pháp tánh như không, chẳng ngôn thuyết.

5. Thiền sư Hoài Ngọc ngồi đài vàng vãng sinh.

Đại Tống Cao Tăng Truyện chép: Ở Thai châu có Thiền sư Hoài Ngọc giữ nghiêm luật pháp, danh tiết cao tột. Chỉ mặc áo vải, ngày ăn một bữa ngồi hoài chẳng nằm. Mỗi ngày niệm Phật A-di-đà năm muôn câu, tụng kinh Di-đà đến ba mươi muôn quyển. Một hôm, bỗng thấy Thánh chúng Tây phương số đông như cát sông Hằng. Có một người bưng đài bạc từ cửa sở đi vào. Ngọc nói: Tôi muốn được đài vàng mà vãng sinh. Người ấy liền ẩn mất. Ngọc càng cố gắng tinh tấn hơn. Sau đó nghe có tiếng trên hư không bảo rằng: Sư trên đầu đã có ánh sáng, xin ngồi kiết già bắt ấn. Lúc đó, ánh sáng Phật đầy nhà. Sư bảo ta đi. Đệ tử hỏi thầy đi về đâu? Sư nói kệ rằng: Thanh tịnh sáng sạch không trần cấu.

Hóa sinh hoa sen là mẹ cha,
Ta tu đến nay đã mười kiếp
Chỉ thoát Diêm-phù chán các khổ
Một đời khổ hạnh vượt mười kiếp
Lìa hẳn Ta-bà về Tịnh độ.
Nói xong mỉm cười mà hóa.

Thái Thú Đoan Hoài Nhiên thấy lạ bèn làm kệ khen rằng:

Thầy ta một niệm lên Sơ địa
Cõi Phật sênh ca đến hai lần
Chỉ có cây hòe xưa trước cửa

Cành trĩu nặng vì mang đài vàng.

6. Pháp sư Hiến Chương thề lấy đài vàng vãng sinh.

Trong niên hiệu Chánh Hòa có sư Hiến Chương Trọng Mân, người ở Tam Cù, theo học với Quận Chi ở chùa Tường Phù. Thuở nhỏ mang cặp đến thất Pháp sư Vĩnh Gia Trung. Lâu sau băng lạnh làm nghẽn lối. Bèn đến Tiền Đường học đến tốt nghiệp với Nam Bình Văn Công. Chúng rất phục tài nghị luận của sư bèn gọi là Hổ tử. Sau, Sư trở về quê ở Đổng Phù Thạch Sơn, ngoài cửa đầy dấu giày (nhiều người đến học). Sư nói lớn, rằng: Dưới tòa ta nếu không đủ năm trăm chúng thì không giảng bốn bộ. Sau khi nói lời ấy thì một đời Sư chỉ giảng tiểu bộ mà thôi. Khi sư sắp mất bèn gấp trở về chùa Bổn nghiệp, nhóm họp đại chúng lên pháp đường, sư lên tòa sư tử vừa soạt chân ngồi bỗng thấy đài bạc ở Tây phương đến, bèn hét lên một tiếng bảo rằng: Bình sinh ta hiểu nghĩa bậc nhất thề lấy đài vàng vãng sinh vì sao chẳng được thế, rồi nhắm mắt mà hóa. Kẻ nghe thấy đều kinh sợ, cho rằng tòa sư tử chạm trỗ bằng gỗ mà thành cao hơn một trượng, bên trên đặt tòa hoa sen, chùa ấy có nhiều các bậc cao đức đều lên ngồi. Khi sư lên ngồi tòa sư tử ấy rồi thì không ai lên ngồi tiếp. Nay chùa đổi tu Thiền nên tòa ấy bỏ ở một góc điện. Có Sư Chí Chiêu thuộc tông ta đến chùa gặp được một bậc kỳ túc mà biết chuyện này.

***- Sinh tử vốn không, tùy nghiệp mà có*.**

Trong Nhàn Cư Biên ngài Cô Sơn có nói: Cây có rễ, nước có nguồn, sinh thật là cội nguồn của tử. Đã có sống lẽ nào không có chết. Nên Đại kinh nói: “Công đức hắc ám, chị em theo nhau, người trí làm chủ, cả hai không nhận” đây là chẳng nhận cái sinh nên không có cái tử. Nếu xét lý trời vắng lặng không hề có sinh diệt, chỉ do vọng tình khuấy động nên liền thấy có dấu vết tới lui. Ví như mắt sáng (thanh tịnh) nhìn trời sáng trong không dấu vết, còn mắt bệnh trừng mắt nhìn lâu thì đầy hoa lăng xăng. Hoa đã có sinh thì cũng có diệt. Kẻ ngu thì thích hoa nở lại ghét hoa tàn, mà chẳng biết hoa vốn tự không cho nên kinh Lăng Nghiêm chép: Tất cả chúng sinh đều chẳng biết thường trụ vào chân tâm thì tánh tịnh thể sáng. Còn theo các vọng tưởng thì tưởng này không chân nên bị trôi lăn.

7. Vua Đường Túc Tông hỏi đạo Nam Dương Quốc sư.

Trực Chỉ Tịnh độ Quyết Nghi Tập chép: Một hôm, vua Đường Túc Tông mời Nam Dương Trung quốc sư đến hỏi rằng: Bỏ ấm thân này thì sinh về đâu? Sư đáp: Một tánh chân mầu tròn đồng với Thái hư, vốn

không sinh diệt. Nếu tùy vật mà ứng hiện thì cũng tùy chúng sinh khởi niệm tới lui mà thôi. Nếu vậy niệm hợp với chân tánh thái hư, sau khi bỏ thân này thì tùy ý vãng sinh cõi Phật mười phương. Như người xưa nói mỗi người đều tự gắng sức sẽ gặp nhau ở hội Long Hoa. Xưa, có ba vị Bồ-tát như Vô Trước... cùng tùy nguyện mà vãng sinh cung trời của ngài Từ Thị. Nếu người thấy tánh, bỏ uế thân này thì trở về trong hội của các Đức Phật.

Hỏi ý rất thân mà đáp cũng rất thông suốt. Lại câu tùy ý vãng sinh và trở về trong hội của các Đức Phật thì nếu không chuyên tu hạnh cõi Phật thì do đâu mà gá thức ở phương khác. Tôi thích bài tụng của Dương Vô Vi rằng:

Tịnh độ khắp sa giới
Sao chỉ hướng về Tây
Chỉ cần từ một vào
Chỗ nào cũng Bồ-đề.

Đây là chỉ bày chung mà không ngại tu riêng. Người đời chẳng kính mến Tây phương mà nhất chí tu ư?

- Thượng Thư Ôn Tạo đời Đường hỏi đạo Thiền sư Khuê Phong

Truyền Đăng Lục ghi: Thượng thư Ôn Tạo hỏi ngài Khuê Phong Tông Mật rằng: người ngộ lý dứt vọng, chẳng kết nghiệp, khi hết báo thân này thì linh tánh sẽ nương về đâu?

Sư đáp: Tất cả chúng sinh đều có sẵn giác tánh linh minh không khác với Phật. Chỉ vì từ vô thỉ không hề liễu tánh mà vọng chấp ngã tướng. Cho nên sinh ra các phiền não ái ố, rồi theo phiền não mà tạo nghiệp nên bị ở mãi trong luân hồi. Song trong thân giác tánh không hề bị sinh tử. Nếu ngộ sáng tánh này tức là Pháp thân, vốn tự không sinh, đâu có nương gá. Chỉ do sinh nhiều tập tánh mừng giận, buồn vui, nhỏ nhiệm các thứ sinh ra, dứt khó trừ hết. Cần phải luôn xét biết đâu thể chỉ tu một đời mà lực dụng bằng các Đức Phật. Chỉ nên lấy vắng lặng làm thể chớ chấp sắc thân, lấy linh tri làm tâm chớ chấp vọng niệm. Nếu vọng niệm khởi đều chẳng nên theo, thì khi mệnh chung tự nhiên nghiệp không ràng buộc được. Tuy có trung ấm nhưng đi lại tự do, trên trời cõi người tùy ý nương gá. Nếu các niệm ái ố đã mất thì không còn chịu thân phần đoạn. Chỉ là đại trí viên giác sáng suốt tồn tại, gọi đó là Phật.

Nếu nói trên trời cõi người tùy ý nương gá thì chỗ tu chưa vượt ba cõi, đã chưa vượt ba cõi thì còn đọa trong luân hồi. Người xưa nói lửa đồng cháy khó tắt, gió xuân đến lại sinh. Nếu nói chẳng chịu thân phần

đoạn, rốt ráo người này gá sinh vào đâu? Nếu nói đại trí sáng suốt tồn tại gọi đó là Phật. Thì cuối cùng bốn giáo của Phật này sẽ thành thân Phật nào. Cho nên biết nếu bất thiện. Thì Tông Thiên thai ta dùng kinh luận về năm trụ, hai tử, ba thân, bốn độ chưa thể nói đạo tu hành chứng quả. Xưa, ở Diệu Khê Luận tịch có phân giải rõ ràng nghĩa này, lược nói rằng Đại sĩ lục trụ còn sinh thân phần đoạn, chân nhân bốn quả còn cái chết biến dịch. Nếu hiểu rõ lời nói này thì siêu thoát bờ kia, tự sẽ có đường tắt, thật khó lầm lẫn mà tu thứ khác.

8. Thiền sư Chân Hiết dạy chúng.

Thiền sư Chân Hiết Liễu dạy chúng rằng: Ngộ được việc dưới áo giấy thì chỉ đi thế nào. Sáng được một việc ngoài sắc vẫn chưa từng hiểu ý tiên sư. Ngoài ra thì ẩn phong nghiêng ngã, quán khê bước về, không có nghiệp hỏi người theo sau. Đại Điện nói vô thinh Tam-muội. Hoặc nghe chuột rút mà liền thoát, hoặc vì ngu si mà trở lại, hoặc dựng đứng ngón tay mà ngưng, hoặc lật thuyền mà đến. Mỗi mỗi ngồi chết, đứng hóa, người người đều trình hiện thần thông, hiển bày thì thấy rõ chánh dung, hỗn độn thì mất hết dấu vết, dụng được thuần thục, chỉ bày tự do, đầy đường sinh ánh sáng mãi không nương đấm. Đây chính là tăng bình thường chuyển thân cũng chưa đáng lấy làm lạ. Nếu cái thấy chưa sáng thì khi qua đời sẽ như rùa sống lột mai, như khúc gỗ vuông nương tròn bị hình xác ngăn trệ, bị gió lửa bức bách. Bởi một đời niệm niệm tán loạn, tâm thức lăng xăng. Khi chết tạm muốn lắng lòng không lo nghĩ, nhắm mắt khép mi, ý chẳng bị huyễn vọng mài mòn thì há dễ được ư? Cần phải cứng rắn vùng vẫy, đứng trên vách cao ngàn nhẫn, một niệm làm sao triệt để dứt hết, hơi thở đều không, chẳng còn bên nào đi thẳng như đường chim bay, như ngồi trên hư không, không tưởng cũng không. Cái điểm linh minh xa vời siêu tột không hề biến đổi. Chỉ như ngày nay, lại còn có kẻ khi chết không mê muội sinh tử chăng? Hồi lâu nói rằng: Thân năm ấm nguyên vẹn còn không biết, trăm xương sau khi tan rồi thì biết tìm ở đâu?

- Văn Vương Triêu Tán khuyên tu Tây phương.

Bảo Châu Tập chép: Gia Hòa Vương Trung ở Tây hồ thuộc Tiền Đường, vào niên hiệu Chánh Hòa sống đời ẩn dật, được triều đình ban thưởng là xử sĩ. Ông có kết Liên xã, soạn văn khuyên dụ rằng: kẻ ngu có tham học với Thiền sư Tiểu Bản, sư đều nghiêm trang chống cự. Chỉ có trung ba lần cho tiến một bước. Song trong lúc tự tỉnh xét cũng chưa rõ ràng tại chùa Sùng Ninh Ở Tú Châu, buổi sáng bỗng nghe tăng

chúng tụng kinh Di-đà tâm bỗng có chỗ cảm rằng: Ta ở Thiền môn dụng tâm cả năm, tự hận không có chỗ dừng chân. Nay nghe Phật A-di-đà ở Tây phương khiến ta tín nguyện cầu sinh, há chẳng phải là chỗ rốt ráo ư? Do đó phát tâm mà tu đã mười chin năm, không hề một ngày bỏ sót. Bởi ở tâm có được cảnh ngộ như chỗ liễu đạt ở thiền tông. Đã có điều này rồi lại nghĩ việc lợi tha. Xưa, có vị tăng tên Pháp Trì chuyên tu Tịnh nghiệp, khi sắp qua đời nghe có nhạc trời và mùi hương lạ rất lâu, sống lại bảo rằng: Tôi lúc bình thường tu Tịnh nghiệp mà chẳng có lợi tha nên rất ân hận. Tôi chết rồi xin để lộ thấy tôi ở dưới rừng tùng để thí cho chim thú và sâu kiến ăn máu thịt tôi đều sinh Tịnh độ. Nói xong thì nhắm mắt. Tăng trong chùa thấy có mấy bức phướn thần từ mặt trời đi về phương Tây. Phướn chiếu ra ánh sáng lạ mà đốt thất ông. Thế mới biết tự lợi phải lợi người. Nay Trung tôi ở đây kết Xã Bạch Liên mời đón người cùng tu. Ai muốn vào đều được, không hạn chế sang hèn, lớn nhỏ, dân thường, tăng ni, chỉ phát tâm nguyện về Tây thì xin mời vào xã. Tả triều tán Đại phu Xử Sĩ Vương Trung kính khuyên. Xử Sĩ lập chỗ tu này trải một năm, ra công hạnh nguyện. Sau quả nhiên không bệnh xoay mặt về hướng Tây mà hóa. Kinh giáo Tịnh độ thật không phụ người, chỉ sợ người đời chẳng chịu làm theo kinh giáo mà thôi.

9. Luận về duy tâm Tịnh độ có lý có tích.

Cư sĩ Long Thơ nói: Đời có người chuyên tham thiền bảo rằng duy tâm Tịnh độ há lại có Tịnh độ. Tự tánh Di-đà thì không cần phải thấy Di-đà. Lời nói này dường như phải mà không phải, ấy là vì sao? Vì Tịnh độ Tây phương có lý có tích. Luận về lý thì hễ tịnh tâm mình thì tất cả đều tịnh. Thật là duy tâm Tịnh độ vậy. Luận về tích thì thật có thế giới Cực lạc, Phật có nói rõ há là nói dối ư? Mọi người đều có khả năng thành Phật nên gọi là tự tánh Di-đà, chắc chắn không dối. Song cuối cùng chưa thể đến được. Ví như có gỗ tốt rồi có thể chạm trổ thành hình Phật, nhưng phải thêm công sức thì sau mới thành. Chẳng thể chỉ có gỗ tốt mà gọi là vật tượng đẹp đẽ. Nói duy tâm Tịnh độ mà không cần có Tịnh độ, nói tự tánh Di-đà mà chẳng cần thấy Đức Di-đà là sai. Lại hoạc tin có Tịnh độ nhưng câu nệ thuyết duy tâm, bèn nói Tây phương không đáng sinh. Bảo tham thiền ngộ tánh thì vượt Phật vượt tổ, A-di-đà chẳng đáng thấy đều là lầm lỗi. Bởi lời nói này rất cao, nhưng sự chẳng dễ dàng mà đến được. Cho nên tu Tây phương thấy Phật được Đạo thì dễ. Nếu ở tại thế giới này mà muốn tham thiền vượt Phật vượt tổ là rất khó. Huống gì tu Tịnh độ không ngại tham thiền, sao tham thiền lại tệ

bạc với Tịnh độ?

10. Khuyên người tham thiền chẳng ngại tu Tây phương.

Cư sĩ Long Thơ nói: Tham thiền đại ngộ được thoát khỏi luân hồi sinh tử chắc chắn là cao quý. Nhưng người đạt đến trình độ này rất ít, nếu tu Tây phương thì cắt đứt luân hồi, muôn người không sót một. Cho nên nay khuyên người tham thiền mỗi ngày để chút khoảnh khắc rảnh rang mà tu Tây phương. Nếu được đại ngộ, thoát khỏi luân hồi nhưng cách Phật địa còn xa. Nếu vãng sinh thấy Phật A-di-đà mà lễ bái cung kính thì có gì chẳng được. Nếu chưa được đại triệt ngộ mà tuổi thọ bỗng hết thì đi tắt về Tây phương, thấy Phật nghe Pháp, thì lo gì chẳng đại ngộ. Nếu chẳng tu Tây phương thì sẽ theo nghiệp mà chịu quả báo khác.

- Tu Tây phương giống như hiện nhận chức quan.

Cư sĩ Long Thơ nói: Tham thiền để đại ngộ mà chẳng chịu tu Tây phương thì như người có một phẩm quan mà chẳng nhận, ắt là muốn tu học để đỗ đầu, chí ấy rất tốt. Song đỗ đầu chẳng thể dễ được không bằng như nhận một chức quan rồi một mặt cứ tu học, nếu được đỗ đầu thì áo gấm thêu hoa, còn nếu chẳng được thì chẳng mất chức quan. Người tu Tây phương gọi là người đang làm quan vậy; một mặt tu học tức gồm cả tham thiền. Không được đổ đầu là nói tham thiền chưa ngộ. Chẳng mất chức quan là nói thoát hẳn luân hồi, đã sinh Tây phương thì chẳng đại ngộ ư?

- Pháp sư Hoằng Giác là sư Đàm Đế.

Lương Cao Tăng Truyện có ghi: Vị Tăng tên Đàm Đế, người ở Ngô Hưng. Cha là Đồng, làm Biệt giá ở Ký châu, mẹ là Huỳnh Thị, ban ngày nằm mộng thấy có một vị Tăng gọi Huỳnh là mẹ lại gởi một phất trần và hai cái đe sách bằng sắt. Thức dậy thì thấy hai vật vẫn còn, nhân đó mang thai Đế. Đế năm tuổi thì mẹ trao cho hai vật. Đế bảo rằng: Thân đời trước con Tần Vương giảng kinh Pháp Hoa nên ông ấy đã tặng con. Đến mười tuổi thì Đế xuất gia theo cha đến gặp vị Tăng Đạo Khế ở Quang Trung. Bỗng gọi tên Khế. Khế bảo trẻ con sao dám gọi tên người lớn. Đế bảo: "Hòa thượng là Sa-di của Đế, vì hái thuốc cho chúng Tăng mà bị heo rừng cắn bị thương." Rồi bất giác ngẹn ngào. Khế tỉnh ngộ khóc rằng đây là Pháp sư Hoằng Giác thầy trước của tôi. Nhân đó hỏi ra ngày Hoằng Giác tịch cũng chính là ngày gởi hai vật ấy.

11. Thiền sư Thừa làm con của thứ sử Tiết.

Tục Cao Tăng Truyện chép: Vào thời Nguyên Ngụy, Thiền sư

Thừa chuyên trì kinh Pháp Hoa. Khi chết thác sinh vào nhà họ Tiết ở Hà Đông. Sinh ra liền nói được việc đời trước, chẳng thích ở tục, lại mà nguyện làm Tăng. Cha làm quan thú ở Tứ Châu. Ông theo cha đến nhận chức quan, tiện đường đến chùa Thất Đế ở trong núi. Bỗng nhiên nhớ lại chỗ xưa. Nhân đó tìm đệ tử lúc ấy mà bảo rằng ông có nhớ khi theo ta lấy nước ở Lạng sơn chăng? Thiền sư Thừa lúc đó chính là ta vậy. Đệ Tử cho là phải. Cha mẹ sợ ông đi xuất gia bèn cưới vợ cho ông. Từ đó bèn quên việc đời trước.

- Thân đời trước của Tề Quân Tá là vị tăng giảng kinh.

Đại Tống Cao Tăng Truyện ghi: Người học trò tên là Tề Quân Tá ở Ngô Quận rất siêng học, làm thơ, thường nhàn du ở đất Ngô, Sở. Vào niên hiệu Nguyên Hòa ông đến Tiền Đường có ý đến xin ăn ở Thiên Trúc. Khi đến Cô Sơn thì bị đói không đi được nữa. Nhân đó khóc nức nở. Bỗng có vị Phạm tăng đi trước ngoái lại cười hỏi: Pháp sư tú tài dạo chơi mùi vị đã đủ chưa? Tá thưa: Mùi vị đã đủ rồi, Pháp sư gọi có việc chi? Vị Tăng nói ông chẳng nhớ việc giảng kinh Pháp Hoa ở chùa Đồng Đức ư? Tá thưa không nhớ. Vị Tăng bèn lấy trong đãy ra một trái táo đưa cho ăn thì Tá bỗng nhớ lại việc giảng kinh ở đời trước. Tăng nói lúc đó năm người chỉ có mình ta là được độ, còn ông là kẻ đói lạnh. Tá nói: hơn bốn mươi lăm ngày chỉ ăn một bữa, thân mặc một áo, phước đức chẳng có. Tăng nói do ông ở trên tòa Sư tử nói nhiều những việc dị đoan, khiến kẻ hậu học sinh nghi ngờ, giữ giới không bền chắc nên bị báo ứng như thế. Vị Tăng nói xong thì biến mất, Tá liền đến chùa Linh Ẩn xin xuất gia làm Tăng tên là Giám Không. Sau cũng lập hạnh cao khiết mà mất.

12. Thân sau của Thiền sư Vĩnh là Phòng Thái Úy.

Đường Minh Hoàng Tạp Lục chép: Phòng Quán, tự là Thứ Luật, vào niên hiệu Khai Nguyên, làm quan đứng đầu ấp Đồng Lô, cùng Hình chân nhân là Hòa Phác cùng dắt tay nhau nhàn du, đến làng Hạ Khẩu thì vào một ngôi chùa Phật bị hoang phế. Phác ngồi dưới gốc tòng lấy gậy gõ đất, sai người hầu đào sâu xuống mấy thước thì được một bình sành, trong đó đều là sách hình vẽ của Lâu Sư Đức và Thiền sư Vĩnh. Phác hỏi ông có nhớ cái này chăng? Quán bỗng nhớ lại đời trước là Thiền sư Vĩnh. Vị Tăng Trọng Thù làm thơ rằng.

Hèn thay Phòng Thứ Luật
Dần dà rơi vào tục.
Ấy là cười phòng mất chí.

- Thân sau của Trưởng lão Di Tốn là Lý Thị Lang.

Di Kiên Chí nói: Lý Thị Lang tên là Di Tốn, tự là Tự Chi, làm Thái thú ở Lâm xuyên. Một hôm, giỗ cha bèn đến Sơ sơn cúng cơm Tăng, cùng đường đầu là trưởng lão Hạnh Mãn ăn cơm mừng thọ hơn tám mươi tuổi. Bỗng nhìn chăm chăm Lý, hỏi rằng: Ông có phải là Tốn lão chăng? Lý bảo không phải. Mãn lại nói Tốn lão là sư huynh đồng môn của tôi, chữ trên, dưới đều giống như ông, từ khi ông trấn thủ đất này tôi đã nghi rồi. Nay xét thấy ông đi đứng nói cười đều giống y không khác, ắt ông là thân sau của ông ấy. Lý lên lạy vong Tốn thì thấy ngày chết là tháng giêng năm Mậu Thìn, niên hiệu Nguyên Hựu chính là ngày sinh của mình. Lý vốn hiệu Di Viễn, đêm nằm mộng thấy có người bảo đổi là Tốn, về sau đi thi sẽ đỗ, Lý tin bèn trở về nhà, làm bài thơ tên là Tiểu Vân Đường Phú, thấy ý nói:

Ông già vì sao một niệm sai
Mà chịu cạo tóc đổi ca-sa
Đồng tham còn có Mãn huynh đó
Khác đời vẫn khoe tên Tốn lão
Kiết tập chưa quên nên hay múa
Nhân duyên sao được thấy niêm hoa
Liền đem Tịnh nghiệp làm đường về
Đạm bạc sao bằng cư sĩ ta.

13. Vị ni tụng kinh Pháp Hoa bị đọa làm kỹ nữ.

Độn Trai Nhàn Lãm có ghi; Âu Dương Văn Trung Công coi sóc Dĩnh Châu, một hôm có quan nô là một cô gái rất đẹp lại rất ít nói cười, trong miệng thường có mùi hương hoa sen tỏa ra, mọi người ai nấy đều lấy làm lạ không biết vì sao. Bỗng có vị tăng đến từ đất Thục biết việc đời trước của người. Ông bèn hỏi việc ấy. Vị Tăng nói: “Cô gái này thân đời trước là ni cô tụng kinh Pháp Hoa suốt ba mươi năm, vì một niệm lầm lỗi nên bị đọa đến thế. Ông không tin bèn hỏi: Cô có từng đọc kinh Pháp Hoa chăng? Cô đáp: mất thân ở đây không rảnh rang. Ông bèn sai người đưa kinh cho thì chỉ đọc qua một lần liền thuộc làu, nhưng với kinh khác thì không thuộc. Việc vị Tăng nói thật đáng tin.

14. Thân sau của Thanh Thảo Đường là Tăng Lỗ Công.

Long Thơ Tịnh độ chép: Ở triều ta có hai vị Thanh Thảo Đường. Người trước tuổi hơn chín mươi. Có phụ nữ nhà họ Tăng thường trai tăng

và bố thí y vật. Thảo Đường cảm ơn ấy bèn bảo rằng: Lão Tăng chết rồi sẽ làm con của phu nhân. Một hôm, người phụ nữ sinh con liền sai người đến xem thì Thảo Đường đã ngồi mà mất. Đứa trẻ ấy tức là Tăng Lỗ Công. Vì đời trước làm tăng tu phước tuệ nên tuổi trẻ đã đậu cao, sau làm tể tướng. Đây cũng là lầm lỗi, vì không ra khỏi sinh tử mà còn ở trong thế giới luân hồi, vì khư khư ân huệ mà làm con người, chẳng thoát được tham ái rất là sai lầm.

- Thân sau của Thiền sư Triết là người rất giàu sang.

Long Thơ Tịnh độ chép: Có Thiền sư Chân Như Triết, danh hạnh rất cao quý, trụ một ngôi chùa lớn ở kinh đô suốt bốn mươi năm, ngồi thiền không ngủ. Sau khi quy tịch thì cũng sinh xá-lợi nhưng còn mến thích ba mươi ngàn báu. Nếu Thiền sư tu Tây phương thì sẽ là Bồ-tát không lui sụt. Nhưng Thiền sư không tu nên chết rồi thì sinh vào gia đình rất giàu sang một đời sầu khổ, rất đáng thương. Ngài Vĩnh Gia nói: Hiểu rồi nghiệp chướng xưa nay không, chưa hiểu thì phải trả nợ xưa, chẳng hiểu việc lớn sinh tử thì sinh vào nhà rất giàu sang, thỏa mãn được nguyện lúc còn sống, nhưng tâm bị nhiều sầu khổ là phải trả cái nợ ở trăm đời ngàn kiếp.

- Thân sau của Trưởng lão Tuệ Cổ sinh vào nhà tể tướng.

Long Thơ Tịnh độ chép: Có trưởng lão Tuệ Cổ nói rằng trước mình ở Thái bình thuộc Thơ châu, sau dời về một ngôi chùa lớn ở Triết Đông, đạo đức danh tiếng đạo tục đều theo về. Sau khi chết liền thác sinh vào nhà Tể Tướng. Vì đời trước tu nhiều phước tuệ nên đời này đỗ cao, rất vinh dự trên đời. Nếu như Cổ Lão tu Tây phương thì thoát khỏi luân hồi, đâu phải đọa lạc như ngày nay. Kinh Lăng-già nói: Ở đời người tu hành như lắng đục. Nước lắng tuy trong nhưng chưa bỏ cặn đục thì khuấy lên sẽ đục, là nói Cổ Lão vậy. Nếu người sinh Tây phương thấy Phật được đạo lại trở về cõi này thì như đã bỏ cặn đục, khuấy lên không còn đục nữa.

15. Tề Quân Phòng gặp Phạm tăng biết được thân đời trước.

Toản Dị Ký chép: Tề Quân Phòng, người ở Quận Ngô. Từ nhỏ cố sức học nhưng ít tài nên bị nghèo khổ, đến yết kiến công hầu cũng chẳng đoái hoài. Vào niên hiệu Nguyên Hòa đời Đường ông đến Tiền Đường có ý muốn xin ăn ở Thiên Trúc. Khi đến Cô Sơn thì đói quá không đi được nữa, bèn khóc lóc nức nở. Bỗng thấy một vị Phạm tăng gọi bảo Pháp sư Tú Tài: Đi xa mùi vị đã đủ chưa? Tề đáp: Mùi vị đi xa đã đủ rồi. Pháp sư gọi tôi có việc chi? Vị Tăng đáp: Ông chẳng nhớ

việc giảng kinh Pháp Hoa tại chùa Đồng đức ở Lạc Trung ư? Tề nói: Tôi bình thường đến Ngô, Sở chưa từng đến Kinh Giang, sao lại nói Lạc Trung? Tăng nói: "Vì bị lửa đói áp bức nên chẳng nhớ đời trước." Vị Tăng bèn lấy trong túi ra một trái táo, bảo: "Đây là sản vật của nước tôi ăn đi thì biết việc quá khứ vị lai." Tề ăn xong vốc nước suối mà uống, gối đá mà ngủ. Bỗng nhớ thân đời trước như việc mới hôm qua. Nhân lễ vị Tăng hỏi Hòa thượng Chấn có an vui chăng? Thì đáp: Chuyên tịnh chưa đến nên lại làm vị tăng nước Thục, nay chắc đã dứt hết các duyên. Thần thượng nhân ở đâu, thì đáp nguyện trước chưa xong, nghe đã làm Pháp sư. Còn Pháp sư Ngộ ở đâu? Thì đáp: Há chẳng nhớ tại chùa Hương sơn ở trước tượng đá mà phát lời nguyện lớn nếu chẳng chứng Bồ-đề thì nguyện làm bậc sang quý trong triều, mới nghe đã làm Võ Tướng. Lúc đó năm vị Tăng chỉ có mình ta là được giải thoát, còn ông là kẻ đói lạnh. Tề nói: Tôi hơn bốn mươi năm nay chỉ ăn một bữa, thân mặc chiếc áo vải thô vì tôi chẳng tu phước đầy đủ, nên mới thế. Vị Tăng nói: Vì xưa kia ông ở trên tòa Sư tử nói nhiều việc dị đoan khiến cho người học sinh nghi ngờ mà giới hạnh có thiếu sót, không chịu tu thiền, hình vẹo thì ảnh cong nên báo ứng như thế. Tề nói giờ biết làm sao? Tăng bảo việc ngày nay thôi không tính nữa, việc đời khác ông nên cảnh giác. Rồi lấy ra một cái gương hai mặt đều trong suốt bảo ông muốn biết các việc quý tiện hay dở, Phật pháp hưng suy thì xem gương này. Tề cầm gương coi xong rồi bảo các việc đã xem xét xong. Vị Tăng lấy gương lại rồi bỏ đi mất. Tề đến chùa Linh Ẩn cạo tóc làm Tăng, đổi tên là Kính Không. Năm đầu niên hiệu Đại Hòa, Lý Mai tu nghiệp ở Thiên trúc thuộc Long môn. Kính Không chẳng ngại đem việc trên nói lại với Lý Mai bảo rằng tôi năm mươi bảy tuổi, còn chín năm ở đời, sau khi chết rồi thì Phật Pháp suy đồi. Mai nghe xong chẳng đáp. Bèn lấy bút viết ở Tường Bắc của kho chứa kinh rằng: Không phải lấy đi một hạt cát mà cát sông Hằng bị suy kém, dùng bẫy thỏ mà bẫy chó, trâu hổ giao đấu mất sừng nanh, bảo đàn không bao giờ mất hoa. Lời sấm này nghiệm với việc Đường Võ Đế phá bỏ đạo Phật về sau rất đúng.

Cố Huống mất con buồn thương liền sống lại.

Bắc Mộng Tỏa chép: Cố Huống tự là Thối Ông, có một con trai tên là Phi Hùng, về già bỗng người con bị bệnh nặng mà chết. Huống quá buồn thương không ngăn được than rằng:

Lão già mất con yêu
Sáng tối ngàn hàng lệ
Lão già tuổi bảy mươi

Không bao lâu sẽ mất.

Phi Hùng ở âm phủ nghe than bèn bảo minh quan. Minh quan thương xót liền cho sống lại. Sống lại ba năm mới nói được, rằng ở âm phủ nghe cha than khổ. Sau ra thi đậu ngôi cao, là người có tiếng tăm lừng lẫy.

16. Thân đời trước của Vi Cao là Gia Cát Võ Hầu.

Đường Minh Hoàng Tạp Lục chép: Ở Thành đô, Duẫn Vi Cao mới sinh được một tháng thì có vị Phạm tăng đến gặp bảo rằng: Biệt ly nhau đã lâu nay có bình an chăng? Đứa bé như có vẻ mừng rỡ. Mọi người hỏi nguyên do, vị Tăng nói: Đứa bé này là thân sau của Gia Cát Võ Hầu. Ta ngày xưa cùng ông ấy giao du nay lại gặp nhau.

Phạm tăng nguyện làm con của Vương Thị Trung.

Minh Tường Ký chép Đời Nam Tống, Thị Trung Vương Mân Thời cùng một vị Phạm tăng là bạn phương xa. Tăng thấy phong thái của Mân bất thường bèn bảo các bạn đồng tu rằng: Đời sau ta được làm con của người này cũng đủ nguyện rồi. Mân ngầm nghe. Một hôm, ông ấy nói đùa rằng Pháp sư tài cao hạnh tốt, ngày nào đó sẽ làm con của ai? Vị Tăng im lặng không đáp. Hôm sau bỗng bị bệnh mà mất. Hơn năm, vợ Mân sinh một đứa con trai, mới biết nói đã hiểu tiếng nước ngoài, còn như các vật lạ trong nước đều biết. Mân nhớ việc thân đời trước, bèn đặt tiểu tự là A-luyện. Sau trở nên người có danh tiếng.

17. Vị Tăng tên Huyền Cao thác sinh vào nhà họ Triệu.

Pháp Uyển Châu Lâm chép: Vào những năm cuối niên hiệu Trinh Quán đời Đường, ở chùa Trí Lực, huyện Phủ dương, thuộc Tương châu, có vị Tăng tên Huyền Cao, họ Mã. Ngày qua đời bảo mẹ rằng con với nhà họ Triệu có túc duyên, con sẽ đến đó làm con. Mẹ không tin bèn lấy mực điểm vào cánh tay trái, khi chết rồi thì vợ Triệu bỗng mộng thấy vị tăng này đến bảo tôi có nhân duyên với bà. Nhân đó cấn thai, khi sinh ra quả thật cánh tay trái có điểm mực. Đến ba tuổi không có ai dắt mà tự đến nhà họ Mã bảo: Đây là nhà cũ của tôi.

- Thân đời trước của Vương Ngạc là cậu bé chùa Bá Đường.

Thái Bình Quảng Ký chép: Đời Đường, Thượng thư Vương Ngạc là em của Tấn. Tây kinh xảy ra loạn lạc, Tấn dắt gia đình chạy vào đất Thục theo sông Gia Lăng đến trước chùa Bá Đường ở Lợi Châu, Ngạc lúc đó bảy tuổi bảo rằng tôi có một quyển kinh để trong khám đá ở chùa này. Cha mẹ lấy làm lạ, do đó nhờ người theo hỏi tìm quả nhiên có thật,

ngay cả cây cau thường dùng vẫn còn. Các vị Tăng trong chùa bảo đây là cậu bé của tôi. Hỏi năm chết thì đúng là ngày tháng năm sinh của Ngạc. Năm sinh Ngạc, cha mẹ đời trước vẫn còn sống, sau làm quan đến Lệnh lục?

18. Tướng quốc Bùi Hưu là con vua nước Vu-điền.

Bắc Mộng Tỏa chép: Thừa tướng Bùi Hưu ở đời Đường lưu tâm nhiều về Phật pháp, tinh thông Thiền giáo, phàm các tác phẩm của Khuê Phong Tông Mật thì Bùi đều viết lời tựa. Ông thường mặc áo nạp vào nhà chứa cầm bát khất thực. Tự nói không bị tục tình vấy nhiễm, có thể nói Pháp độ người. Thường phát nguyện đời đời làm quốc vương che chở giúp đỡ Phật pháp... Sau, vua nước Vu-điền sinh một thái tử, vân tay có hai chữ Bùi Hưu, tiếng đồn vang đến triều đình, con của Bùi nghe tin liền viết thư muốn mời về, nhưng không chịu, bèn thôi.

- Nạp tăng nguyện làm con của họ Thôi.

Ngọc Đường Nhàn Thoại chép: Xưa, có một vị tăng thường giao du với gia đình Thôi Thận. Thôi đem việc không con ra nói. Tăng bảo xin phu nhân đến các chùa viện lớn ở Trường An xin các lão tăng nếu không được đoái hoài thì đi chỗ khác, nếu được chú ý nhìn thì phải kết duyên thật dày khiến cho động tâm thì thân đời sau sẽ mặc tình làm con của ông. Thôi cùng vợ tin lời đến hai, ba chỗ đều không ngó ngàng. Sau đến một ngôi chùa thấy một vị Tăng-già, tuổi gần sáu mươi tiếp đãi ân cần. Thôi bèn cúng thí trọng hậu. Từ đó cung cấp không ngớt. Lão Tăng cảm ân tự xét không có gì báo đáp bèn phát nguyện đời sau làm con. Không mấy năm thì nghe vị Tăng mất, vợ thôi sinh ra một đứa con trai trên tay có hai chữ Nạp tăng, nhân đó đặt tiểu tự là Nạp Tăng, cũng gọi là Truy Lang.

19. Kỳ Vương được vị Tăng chùa Ái kính làm con.

Quảng Dị Chí chép: Vào niên hiệu Khai Nguyên đời Đường, Kỳ Vương Phạm vì không có con trai nên cầu Đạo sĩ Khí Tịnh Năng tâu lên, Thiên Tào đáp rằng: Phần của Phạm không có con. Tịnh Năng lại soạn điệp gởi Thiên Tào. Thiên Tào không từ chối được bèn khiến hai sứ giả bắt vị Tăng ở chùa Ái kính làm con. Hai sứ giả đến lộn chùa Thánh Thiện bắt một vị đại đức. Vị này nói tôi bình thường tu nghiệp Đâu-suất sẽ không làm con của loài người, hai sứ giả bèn bỏ đi. Khi đến chùa Ái Kính thì ngày đó có vị Tăng vừa mất. Năm sau, Kỳ Vương sinh được một con trai. Lúc sáu, bảy tuổi thường xin đến chùa Ái kính dạo

chơi. Vương đi theo thấy mỗi khi thấy tăng thì cậu bé như thấy người cũ, bất luận lớn nhỏ, lại thích bắn tên. Đây cũng là theo vật thì ý dời.

- Đỗ Hồng Tiệm phát nguyện làm Tăng.

Tương Sơn Dã Lục chép: Tể tướng nhà Đường là Đỗ Hồng Tiệm ban đầu chấn giữ đất Ba Thục, bèn đến Ích Châu thưa hỏi Thiền sư Vô Trụ ở núi Bạch vân được đại ý Phật pháp, từ đó nương tâm thiền duyệt. Có bài thơ rằng:

Mãi nguyện nương thiền lý
Đâu thể tiếp nguồn hóa.
Tuổi già được làm tướng
Vì bệnh mà từ chối.

Lúc qua đời nhìn các con bảo rằng: Hãy tắm rửa rồi cạo bỏ râu tóc, mặc áo ca-sa cho ta, lại hỏa thiêu thân này là hợp nguyện ta, không nên trái.

20. Thạch Diên Niên đọa làm quỷ Tiên.

Tương Sơn Dã Lục chép: Tể tướng Thạch Diên Niên tự là Mạn Khanh, tánh nóng nảy, thích ngâm thơ, uống rượu. Vào niên hiệu Minh Đạo ông bị bệnh mà mất. Lúc còn sống làm bạn với Trương Sinh. Mới mến nhau được mấy ngày thì Trương nằm mộng thấy Mạn Khanh cỡi một con ngựa xanh đến nhà bảo rằng ta đã làm quỷ Tiên đến đây mời ông cùng đi. Trương lấy cớ mẹ già cố từ chối. Mạn Khanh giận bỏ đi, bèn bảo rằng: Sẽ gọi Bổ Chi cùng đi. Không đầy một ngày thì Bổ Chi liền chết. Bổ Chi tức là Phạm Phúng Tự. Việc này thấy khắc trên đá ở Nghi Hưng.

- Đạo sĩ Duẫn làm con của Lý Tông Cố.

Giá bộ viên ngoại lang Lý Tông Cố làm quan thú ở Hán Châu. Lúc đó, có Đạo sĩ Duẫn Khả Nguyên vẽ rất giỏi, vì để lửa cháy nên bị tội chết. Lý hoãn giam ngục, gặp đại xá nên được thả. Khả Nguyên lúc đó tám mươi mốt tuổi tự nguyện đời sau sẽ làm con của Lý Công để báo ân đức. Khi Khả Nguyên chết, trải qua hơn mười hai năm, thì con dâu họ Lý nằm mộng thấy Khả Nguyên vào phòng, quả nhiên sau sinh ra đứa bé đặt tên là Thục Tôn. Nhỏ mà vẽ rất khéo, lại thích đọc Lão Trang, vẫn lại làm Đạo sĩ tên là Diệu Ứng, thờ mẹ rất hiếu. Sự tả chân của ông rất hay. Có lúc Tô Đông Pha đã viết một bài rất dài về việc này, lược nói rằng:

Ngàn năm Tỵ tổ giữ quan môn
Một niệm trở thành cháu họ Lý

Hương lửa duyên xưa ngày nào hết
Tập vẽ đan thanh nay vẫn còn.

- Thái Nguyên Độ biết thân đời trước

Chu Hoặc Khả Đàm chép: Ông Thái Nguyên Độ biết được thân đời trước làm con của Dương Vương Gia ở Đơn Dương thuộc Nhuận Châu, tìm hỏi thì quả nhiên vợ con còn sống. Đến hỏi thăm kể rõ chuyện xưa thì đúng y. Tám, chín năm sau dần dần quen cảnh mới, quên việc cũ.

21. Con gái của Lý Thị biết đời trước mình là người nam.

Khả Đàm chép: Ung Binh Lý Tam Lễ có con gái tên là Tiểu Sư. Mới mấy tuổi bèn bảo thân đời trước tôi là con trai của Huỳnh Pha Điển. Lại Lôi Trạch tên là Đình Phủ, mới mười bảy tuổi do bệnh ghẻ ở chân mà chết. Lúc đó, Ủng Binh làm nghề buôn bán trâu thường ở tại Huỳnh pha tìm hỏi ra thì việc rất phù hợp. Ngày nọ, Lôi Trạch đến thăm Tiểu Sư, mới thấy liền gọi cha. Niên hiệu Chánh Hòa thứ tám, Tiểu Sư đến Huỳnh Pha ôm mẹ cũ mà khóc mãi không thôi. Lại thường kể chuyện xưa cho người trong ấp nghe đều đúng cả.

22. Thân đời trước của Nhạc Dương Vương là Hứa Huyền Độ.

Truyền Đăng Chú Văn nói ở Việt châu có Sa-môn Đàm Ngạn cùng Đàn-việt Hứa Tuân, tự là Huyền Độ cùng xây hai ngôi tháp. Ngạn có thần dị, trời giáng tướng luân, tháp chưa xây xong thi Huyện Độ chết. Ngạn sống hơn một trăm hai mươi tuổi, đợi Huyền Độ sinh lại. Lúc đó Nhạc Dương Vương đến trấn giữ Việt Châu. Ngạn dự báo Hứa Huyền Độ sẽ đến. Đệ tử gọi Lão sư bảo rằng Nhạc Dương Vương từng được Chí Công ngầm bày, vừa đến liền vào chùa tìm hỏi Ngạn. Ngạn ở xa thấy liền gọi Hứa Huyền Độ đến, thì Nhạc Dương Vương nói: đệ tử là Tiêu Đăng sao ông gọi thế? Ngạn nói: Không biết Túc mạng (mạng đời trước) ư? Biết thế, Ngạn liền dùng năng lực Tam-muội gia bị cho Vương, thì Vương chợt nhớ thân đời trước đã cùng Ngạn xây hai ngôi tháp. Do đó việc xây tháp lại được xây dựng.

- Thiền sư Hải Ấn thác sinh vào nhà Chu Phòng Ngự.

Vũ Khố chép: Hòa thượng Hải Ấn Tín nối nghiệp Lang Da, người ở Quế phủ, trụ chùa Định tuệ, ở Tô châu, tuổi hơn tám mươi. Hằng ngày, sư nhận sự cúng dường của nhà Chu Phòng Ngự, nhiều phen đến nhà. Một hôm, Chu hỏi: Hòa thượng đời sau thác sinh vào nhà tôi được chăng? Sư mĩm cười nhận lời. Trở về chùa cách mấy hôm thì mất. Ngày Sư hóa thì vợ Chu sinh một đứa con gái, bà hết sức buồn rầu. Lúc đó,

Thiền sư Viên Chiếu Bổn ở Đoan Quang nghe việc bèn tìm đến hỏi thăm. Khi vừa ẵm ra mới thấy liền cười. Viên Chiếu gọi lớn: Hải Ấn, ông lầm rồi! Bé gái khóc lên mấy tiếng rồi chết.

23. Thiền sư Tuyên viết thư cho Quách Tường Chánh xin làm con.

Vũ Khố chép: Thiền sư Quy Tông Tuyên, người ở Hán châu, nối pháp ngài Lang Da Quảng Chiếu, giao du rất thân với Quách Công Phủ. Bỗng một hôm, quan thú ở Nam Khang có việc đến, Tuyên sai người đưa thư cho Quách Công Phủ, lại đưa chúc thư dặn rằng chớ để cho Huyện quân thấy... Lúc đó, Công Phủ trấn nhậm Nam Xương. Thư nói: Tôi còn sáu năm, duyên đời chưa dứt, ngày nay không chịu được bức ép muốn thác sinh vào nhà ông, xin ông xét cho, nói xong rồi hóa. Công Phủ được thư vừa mừng vừa sợ. Đến nửa đêm thì vợ nằm mộng mơ màng thấy Tuyên vào phòng, liền la lên rằng đây không phải chỗ Hòa thượng đến, Công Phủ liền hỏi cớ sự, vợ liền kể việc thấy trong mộng. Công phủ gọi đốt đèn lên rồi đưa thư Tuyên nói. Quả nhiên bà có thai. Khi sinh ra bèn đặt tên là Tuyên Lão. Vừa đủ một tuổi liền nhớ hỏi thì đúng như xưa. Ba năm sau, Hòa thượng Bạch Vân Đoan đến nhà, Công Phủ gọi cậu bé ra gặp, vừa thấy liền gọi sư điệt. Đoan hỏi: Giã biệt Hòa thượng đã mấy năm? Cậu bé (Tuyên) đưa bốn ngón tay ý nói bốn năm. Đoan hỏi: Biệt nhau ở đâu? Tuyên nói ở làng Bạch Liên. Đoan hỏi: Lấy gì làm bằng? Tuyên nói: Cha mẹ, sáng mai thỉnh Hòa thượng đến thọ trai. Bỗng ngoài cửa có xe đẩy qua. Đoan hỏi: Ngoài cửa có tiếng gì thế? Tuyên giả tướng đẩy xe. Đoan hỏi: Sau này thế nào? Tuyên nói: Hai cái hào trên đất bằng. Tuyên sáu tuổi không bệnh mà mất.

24. Thân đời trước của Trần Khang Bá là am chủ Dương Mao Bút.

Xưa, ở đất Mân có Trương Thánh Giả, lúc nhỏ từng chăn trâu ở trong rừng tre chợt thấy hai Đạo sĩ đánh cờ, Trương đến xem thì tàn cuộc. Đạo nhân thương Trương đói khát đã lâu bèn hái đưa cho một mụt măng đắng. Trương ăn vào, lúc đầu thấy ngọt, sau đắng, bèn vất bỏ và trở về nhà thì đã có con cháu bốn đời. Từ đó Trương không ăn các vật nướng đốt mà hay làm bài tụng những việc sinh tử, họa phúc... của con người. Do đó mọi người gọi là Trương Thánh giả. Sau ông làm Tăng du phương đến quận Hưng hóa. Lúc đó Trần Khang Bá chưa thi đậu đến xin bài tụng thì chỉ viết ba chữ Dương Mao Bút. Khang Bá không hiểu

ý gì. Kế trung thu chọn tướng qua tỉnh, lại đến xin bài tụng thì vẫn viết ba chữ ấy. Từ đó hễ làm việc gì đều thành danh. Lúc đầu, làm quan úy ở một huyện, sau đến Chương Phủ ở Chương Châu. Để nghiệm việc, Bá dẫn theo các quan nhỏ ngày hôm sau, vào lúc ăn cơm buổi sáng đến am Dương Mao Bút, Khang Bá hỏi am chủ Dương Mao Bút ở đâu, viên quan nói: Xưa, có một đạo nhân ở đây rất cao hạnh, giỏi làm bút lông dê (dương mao) mỗi ngày chỉ bán hai mươi cây, được sáu trăm tiền để nuôi đạo chúng, về sau ngồi mà chết, mọi người kính trọng bèn lấy sơn mà sơn thi thể đến nay vẫn còn, do đây mà được gọi là Dương Mao Bút am. Khang Bá đến lạy và hỏi ngày chết của đạo nhân thì đúng là ngày sinh của Khang Bá, nhân đó mới biết thân đời trước của mình là am chủ Dương Mao Bút. Việc Trương Thánh Giả viết ba chữ không sai. Khang Bá bèn khắc đá ghi việc ấy. Rồi cấp ruộng vườn cho am để tiếp đón các khách đến ở, đến nay vẫn còn. Vào niên hiệu Thuần Hy, Khang Bá làm quan đến chức Tả thừa tướng.

25. Vương Chánh Ngôn hỏi Tân Lão việc đoạt thai mà sinh.

Vũ Khố chép: Vương Chánh Ngôn làm Tào ở Giang tây đến gặp trưởng lão Vân Nghiêm Tân hỏi rằng: Hai duyên hòa hợp mà thành thân người, lại nghe tức sinh tức tử vì sao lại có việc đoạt thai. Tân nói: Việc này như Chánh Ngôn làm Tào, hễ đến chỗ nào thì ở vào ngôi vị ấy. Chánh Ngôn ngay nơi lời nói liền hiểu.

- Ngụy Thừa Tướng phát nguyện làm vị Tăng thanh tịnh.

Hiếu Miếu Triều Đại thừa tướng Đoan Minh Ngụy Văn Tiết Công khởi về già rước tổ tiên về ở Tiểu Khê thuộc Tứ Minh. Ông là vị quan một đời lập nhiều kỳ công, ngôn hạnh cao tiết. Khi ở trong Triều hay ngoài dân dã, bình thường dốc tin Phật pháp. Thường phát nguyện đời sau làm một vị tăng thanh tịnh. Một hôm, sai thợ vẽ hình ông làm Tăng mà treo lên, ở nhà trên thường ngồi quán tưởng hình tượng này. Lúc đó, Thiền sư Dục Vương Phật Chiếu Quang đến thăm, nhân đó, khen rằng: Thân từ quả vị đến, địa vị hơn cả trăm quan, chỉ do chỗ cũ khó quên, cho nên hiện tướng Tỳ-kheo, ngàn năm hiếm lạ nêu gương xưa nay. Vụng về đặc biệt chứng minh cho để lại cho nhân gian cúng dường. Khi ông mất dặn con cháu rằng ta mất rồi phải cạo tóc mặc áo Ca-sa cho ta theo tướng tăng mà liệm. Các con vâng lời bèn ba y và một bát để trong quan tài.

26. Mân Sư làm con gái của Đổng Ty Hộ.

Di Kiên Chí chép: Vị tăng tên Thiện Mân người ở Trường Sa, trụ trì viện Quán Âm ở Hồng châu, rồi lui về Tây đường ở Quang hiếu. Mùa thu niên hiệu Thiệu Hưng thứ hai mươi ba sư bị bệnh. Bá Dương Đổng Thuật làm Ty Hộ mới nhận chức Kiến úy ở bên cạnh chùa, thương sư bệnh bèn cơm cháo thuốc men cúng dường. Mân ăn dùng ba lần cảm tạ. Quang Hiếu Chủ Tăng là Tổ Tuyền bảo rằng: Ông là người phương ngoài mà nhận người tục cúng dường sẽ quyến luyến có ý muốn báo đền. Tôi xem ra ngày nọ ông sẽ làm con của họ Đổng. Mân tuy cảm lời nói ấy nhưng cuối cùng không tránh khỏi. Lúc đó, vợ Đổng là Chú Thị mới có thai, Mân bệnh càng nặng vào giờ Tỵ ngày mùng một tháng mười thì mất. Trong chùa đánh chuông niệm Phật. Có người ngoài vào bảo bà vợ của Ty Hộ đã sinh được một cháu gái đúng vào giờ mất của Mân. Mọi người rất tin.

- Ghi chung về thân đời trước và quả báo đời sau của các vị...

Lý Xương Linh có soạn Lạc Thiện Tập rất chuẩn mực. Trong đó có nói Phương Triều thỉnh trong năm đầu niên hiệu Chánh Hòa làm quan Huyện Hấp. Một hôm, ông bệnh nặng, thấy một Đạo sĩ nói: Ông là người thời Võ Hậu. Lúc đó, ở Hà Bắc có nạn dịch bệnh lớn, người chết như rừng, ông đem phương thuốc bí truyền mà đem treo ở ngã tư đường, người uống vào đều khỏi bệnh. Thượng đế mừng ông có công cứu người, nên cho ông làm Thượng Thanh Tiên Bá, sau ông cùng thị nữ của Tống Đạo Hoa khởi niệm vợ chồng ở nhân gian nên bị đày xuống trần. Triều Hướng Thái Truyền đời trước là Tịnh Cư Thiên Chủ, Vương Đãi Chế trước vốn là Ngọc Kinh Huỳnh Khuyết. Tây môn thị Lang Dương Văn Công nhớ thân đời trước là Võ Di Quân. Trần Khang Túc Công Nghiêu Tư đời trước là am chủ là Nam Am. Trương Văn Công Phương Bình thân đời trước là vị tăng tri tạng ở viện Sơn Tạng, Tăng tướng quốc đời trước là Hòa thượng Thanh Thảo Đường. Tô Văn Trung Công Thức tự nói mẹ mình khi mới có thai mộng thấy một vị Tăng đến ngủ nhờ, nhớ rõ là mù một mắt, đó là Thiền sư Thiểm Hữu Giới. Khấu Lai Công Chuẩn tự nói: Lúc mới sinh có hai trái tai dài đến vai, đều có hai vòng thịt, bảy tuổi mới liền lại. Vương Văn Chánh Công lại tự nhớ thân đời trước mình là vị tăng cùng tương tự như chuyện của Phòng Quán. Văn Chánh làm tể tướng Thái Bình trong hai mươi năm, khi chết mới nói nguyện đời đời làm chân tăng thanh tịnh. Tự vui mùi Đạo, không dám vào nhà giàu sang. Lại dặn dò con cháu hãy cạo tóc,

mặc áo ca-sa cho mình khi liệm.

27. Thân đời trước của Trương Văn Định Công là vị tăng viết kinh Lăng-già.

Bài tựa kinh Lăng-già nói: Tưởng Chi Kỳ qua Nam Đô yết kiến Trương Công, nghe Trương công nói nhân duyên kinh Lăng-già. Đầu tiên Trương Công từ chức Tam Ty Sứ Hàn Lâm Học Sĩ ra trấn thủ ở đất Trừ. Một hôm, vào Tăng xá Lang Da thấy một hộp kinh lấy ra xem thì là kinh Lăng-già. Bỗng nhiên nhớ biết đây rõ ràng là nét chữ đời trước của mình, nét bút rất rõ ràng thần kỳ sáng lạ.

Nghe con của Dương Thúc mới năm tuổi bảo nhũ mẫu (người vú nuôi) lấy đồ chơi bằng vòng vàng. Vú nói: Đồ chơi của con không có vật ấy. Hựu bèn tự đến nhà hàng xóm họ Lý bên, từ trong bộng cây dâu ở vách tường phía Đông mà lấy về. Chủ nhà kinh sợ bảo rằng đây là vật mất của con ta đã chết, sao lại lấy đi. Nhũ mẫu kể chuyện mới biết thân đời trước của Hựu là con họ Lý.

Bạch Lạc Thiên hồi mới sinh bảy ngày mẹ chỉ hai chữ "Chi vô" dẫu thử hằng trăm lần vẫn không biết. Năm chín tuổi tự ngầm biết luật làm thi, với tài văn chương này, Lạc Thiên tự cho là đã rèn luyện từ đời trước.

Người đời sống chết tới lui trong khoảng trời đất thì cây cối không tính đếm được. Nhưng do chìm trong sinh tử, thần thức bị mỏi mệt nên không nhớ được. Chỉ có người sáng suốt không mê muội như Trương Công ra vào triều đình hơn bốn mươi năm, sự nghiệp lẫy lừng mọi người đều biết thì thân đời trước từng là Thiện tri thức không đáng nghi ngờ.

28. Vương Văn Chánh Công nguyện đời sau làm Tăng.

Tương Sơn Dã Lục chép: Vương Văn Chánh Công là vị tướng giỏi của Tống Chân Miếu. Bình thường rất cần kiệm, phần nhiều mace quần áo vải thô, áo cổn vá víu. Ông rất thông nội điển. Một hôm, nhân đọc Cao Tăng Truyện nói bỏ đời dứt tục. Ông bèn dâng biểu tâu vua rằng: Xưa, người có đạo dù công nghiệp lớn còn chẳng thể làm lụy chí mình, huống là danh tiếng của thân sau. Như Lượng Sư trốn tránh ở Tây Sơn, Thường Công lập am ở Đại Mai, Quy Tông mất dấu tích, Pháp Chánh không nói tên họ, những cụ già ấy đều làm đúng những điều nghe thấy. Lại tự nghĩ đắm chìm trong quan trường, hận rằng chẳng sớm làm con Phật. Bỗng ông bị bệnh nặng liền mời Nội hàn Dương Đại Niên vào dặn việc hậu sự rằng: Tôi rất chán trần tục, chí mộ sách Phật, nguyện đời vị lai sẽ được làm Tỳ-kheo ngồi yên trong rừng quán tâm làm vui.

Trong lúc sắp chết các ông hãy cạo tóc, mặc áo hoại sắc cho ta, chớ để các vật gấm vóc vàng bạc trong áo quan. Rồi dùng phép trà-tỳ, cất xương ở ngôi tháp tròn xây trước mộ để đáp nguyện xưa, ta đã rất răn cấm cháu con, sợ nó theo tục, nên ủy thác rõ ràng cho ông. Đại Niên nói: Các việc khác không dám trái ý ông, còn việc cạo tóc mặc ba y, thì khó vâng theo. Ông đã làm chức Tam công, nếu chết rồi thì xe loan ắt đầy đủ, liệm thêm áo cổn chứ đâu thể thêm tăng phục. Đến ngày ông chết thì Đại Niên cùng các người con cùng bàn bạc chỉ dùng ba y để vào quan mà không để vật báu.

29. Thân đời trước của Tô Đông Pha là Thiền sư Ngũ Tổ Giới.

Long Thơ Tịnh độ chép: Thiền sư ngũ Tổ Giới Diễn chính là thân đời trước của Tô Đông Pha, ứng nghiệm không phải một. Vì đời trước tu hành nên đời này thông minh hơn người. Nhưng vì thói quen chưa dứt hết nên đời này bị nhiều duyên thơ ngữ ngoài ý mà bị chỉ trích trong cõi đời chịu nhiều khổ sầu như thế. Nghe Tô Đông Pha khi bị đày về Nam có mang theo bên mình một tượng Phật A-di-đà. Người hỏi duyên cớ thì đáp đây là công cứ để sinh Tây phương của tôi. Nếu quả đúng thế thì Tô Đông Pha đời này có chước hay.

***30. Thân đời trước của Huỳnh Sơn Cốc là người phụ nữ tụng kinh Pháp Hoa*.**

Long Thơ Tịnh độ chép: Nghe nói Lỗ Trực đời trước là người phụ nữ tụng kinh Pháp Hoa. Vì công đức tụng kinh nên đời này thông minh có quan chức. Đây là tùy nghiệp tùy duyên mà đến. Nếu sinh Tây phương thì đâu phải chỉ như thế mà thôi ư?

Thân đời trước của Vương Trạng nguyên là Thủ tọa Vạn Niên Nghiêm

Vĩnh Gia Vương Thập Bằng Trạng nguyên có thân đời trước là Thủ Tọa Nghiêm ở núi Muôn niên. Chính tay Nghiêm viết lời bia ở Thạch Kiều hiện vẫn còn. Trạng nguyên một hôm đi dạo núi, kế đến am Thạch Kiều lạy Phương Quảng vị tăng trong am là Ứng Chân, đêm ấy, mộng thấy Thủ tọa Nghiêm đến núi. Khi tỉnh mộng ông nghĩ rằng Nghiêm Công viên tịch đã lâu, duyên gì lại đến đây? Sáng ra thì Trạng Nguyên Vương Công đến. Vị tăng kể giấc mộng, Vương cũng nói bình thường nằm mộng cũng thấy đến đây nhiều lần. Tin biết không lầm, nhân đó làm hai bài thơ phú để tỏ ý rằng:

Tiên phàm cách nẻo nhưng ý thông

Thạch Kiều dung ta chiếc cầu vồng
Thần dạo lâu Phương Quảng bên cầu,
Không cần gậy dép mà leo núi
Thạch Kiều chưa đến trước đã đến
Mới ngủ liền như vào mộng ngay,
Tăng gọi ta là Thủ tọa Nghiêm
Thân đời trước ta từng viết bia này.

31. Duẫn Xá nhân ngồi dựa ghế mà hóa.

Bách Gia Thi Tuyển chép: Duẫn Thù tự là Sư Lỗ, người ở Lạc Dương. Vào niên hiệu Thiên Thánh thi đậu ra làm quan đến chức Khởi cư xá nhân. Trực Long Đồ Các Công một hôm cùng Nhất Phật Giả chuyện trò tự bảo: lấy yên tĩnh lui về làm vui. Người kia nói: Đó cũng còn có quan hệ, không bằng tiến lùi đều quên. Ông bỗng như tỉnh ngộ. Ngày ông lánh đời, Phạm Văn Chánh Công đến thăm thì ông ngồi tựa ghế nói rằng: Tôi từ biệt ông đâu cần phải đến, sinh tử là lẽ thường, mong lời nói chẳng quá cao xa. Rồi vái chào mà hóa. Trong khoảng khắc ông ngẩng đầu nói: Cũng không có quỷ thần, cũng không sợ sệt. Nói xong thì hóa. Hàm dưỡng của ông đến như thế có thể nói là có hiệu quả.

32. Lữ Trung Thư bệnh biết đường phía trước còn ít tư lương.

Bách Gia Thi Tuyển chép: Lữ Bổn Trung tự là Cư Nhân. Vào niên hiệu Tĩnh Khang ông thi đỗ làm quan đến chức Trung thư xá nhân. Từ chức để về nuôi cha. Bình thường ông rất mê thơ lại thích Thiền đến bị bệnh, rất gầy ốm đến không mặc nổi áo nên cả nhà buồn bã. Ông chỉ nghĩ về tư lương cho kiếp sau của mình. Nhân đó làm thi phú gửi Lưu Khí Chi rằng:

“Bệnh biết kiếp sau ít tư lương
Già biết lúc sống sự nghiệp không
Vô số núi xanh ngăn sông biển
Cùng ai cùng đến lại cùng về.”

Đến ngày mùng 6 mùa Hạ năm Bính Dần niên hiệu Thiệu Hưng, ông không bệnh ngồi kiết già mà hóa. Xét về việc tu của ông biết chắc chắn là bị buộc ràng (quyến luyến) mà đi. Riêng tôi cho rằng cuối cùng không biết đi về đâu!

33. Tần Thái sư đề lời cho chùa Linh phong ở Nhạn đãng.

Thái sư Tần Công Triều Cao Miếu, Cối Thái phu nhân ngày chưa sinh ra ông bỗng mộng thấy một vị tăng, dáng vẻ đạo mạo trang nghiêm vào nhà hóa duyên. Phu nhân hỏi ông ở đâu đến? Tăng đáp ta từ núi Nhạn ở Ôn châu đến, biết nhà này có duyên nên xin tá túc một đêm. Phu nhân vui vẻ nhận lời kế mang thai ông. Phu nhân nuôi dưỡng ông đến lớn thi đậu làm một quan nhỏ. Bỗng mộng thấy vào một hang đá ngồi thiền, lòng rất lạ lùng. Sau trên đường làm quan ông đến Thai ôn, ở Linh Phong dạo chơi động năm trăm La-hán. Ngó quanh thì hang núi sâu kín, vách cao chất ngất, bỗng thấy như vật cũ. Nghĩ việc thái phu nhân nằm mộng lúc mới sinh bèn làm thơ tuyệt cú trên vách rằng:

"Hang đá trong mơ vẫn như cũ
Dạo quan nay đã hai mươi năm
Muốn dứt duyên đời ngày nào dứt
Trong lòng chí giáo vẫn chăm chăm."

Đến khi ông qua đời, có một Tài nhân dâng sớ tiếp ông có câu. "Biển Thương ngăn trăm trận khó, khởi định Tam-muội trong hang đá" là việc ấy. Việc này thấy trong Bá Phương Tập.

Ngài Tông Hiểu là người xem nhiều sách, thấy xa hiểu rộng, tinh tu bạch nghiệp, muốn trốn bỏ sinh tử, thật có người ấy. Song sinh tử khó trốn mà cuối cùng số người không thể siêu việt cũng không phải ít. Do đó chép việc từ Đàm Đế trở đi hơn hai mươi vị, chỉ vì đời trước hạnh tu có khác nên khi sinh lại thì có giòng giống khác nhau. Lại ở địa vị cao, hưởng lộc lớn, nói theo pháp thế gian thì rất vinh, nhưng nói theo pháp xuất thế gian thì chưa thoát khổ trôi dạt sinh tử. Nếu đời trước biết có đường tắt Tây phương mà chú ý tiến công thì một niệm thác sinh về nước ấy, liền được không lui sụt. So với loại vào bào thai há chẳng cách nhau xa lắm ư? Chỉ trừ vì bi nguyện độ sinh thì sinh tử không làm lụy được. Nếu người chưa thoát khỏi sinh tử trở lại hưởng giàu sang mà không bị năm dục khuấy động thì có mấy người. Dẫu lại phát nguyện làm vị tăng thanh tịnh thì cũng chưa hẳn là được đúng nguyện. Trong đó dầu có ngồi mà hóa, đứng mà tịch cũng chưa hẳn đã được thác sinh vào nơi cao quý. Đâu không phải muốn thoát sinh tử mà lại trở vào sinh tử ư? Biển sinh tử rất sâu mà sóng to nguy cấp, phàm người tu tạo phải mau chóng tinh tấn. Nếu không thế thì hãy xem các hiền ra vào sinh tử há chẳng xem xét mà bước vào dấu cũ ư?

- Người tu Tịnh nghiệp như có chỗ ở yên.

Long Thơ chép: Ví như có người đi vào thành thì trước phải tìm chỗ ở yên rồi ra làm việc, để đêm hôm tối đen thì có chỗ nghỉ đêm.

Trước tìm chỗ ở yên là nói tu Tịnh độ, đêm tối là nói đại hạn đến. Có nơi nghỉ đêm là nói sinh trong hoa sen không rơi vào đường ác. Lại như tháng xuân đi xa trước phải lo đồ đi mưa, lỡ mưa rào đến thì không bị ướt át. Lo đồ đi mưa là nói việc tu Tịnh độ. Mưa rào đến là nói chết đến, không bị ướt át là nói khỏi bị chìm đắm trong đường ác chịu khổ. Lại trước lo chỗ ở yên là chẳng hại công việc, trước lo đồ đi mưa, thì chẳng hại việc đi xa, tức là tu Tịnh độ thì không hại gì đến tất cả việc đời. Vì sao người đời chẳng chịu tu?

34. Tu tất cả pháp thiện đều hồi hướng Tây phương.

Long Thơ chép: Cúng Phật trai tăng, xây tháp cất chùa, tụng niệm lễ sám, hiếu thảo dưỡng nuôi cha mẹ, thuận thảo anh em, kính nhường giòng họ, hòa mục với bà con hàng xóm, ân lễ giúp nhau. Làm vua thì hết lòng vì nước. Làm quan thì nhân từ làm lợi dân, làm người trên thì dùng điều tốt để giữ yên chúng, làm kẻ dưới thì siêng năng kính thờ bậc trên trước. Hoặc dạy dỗ kẻ ngu mê, hoặc giúp đỡ người cô độc yếu đuối, hoặc cứu người nạn gấp, hoặc bố thí kẻ nghèo nàn, hoặc đào giếng đắp đường. Hoặc cho cơm chia thuốc. Hoặc giảm bớt nuôi mình để lợi người, hoặc cho tiền người để thức tỉnh họ. Hoặc dạy người làm lành, hoặc giúp lành ngăn ác, bất cứ chỗ nào cũng làm tất cả việc lành thế gian và xuất thế gian mà không câu nệ việc lớn nhỏ nhiều ít, như cho người một tiền, giúp người một chén nước, dẫu một mảy may chút ít điều lành cũng đều khởi niệm rằng nguyện hồi hướng duyên lành này về Tây phương, niệm tâm không xen hở sẽ sinh lên Thượng phẩm.

- Nhất niệm với Tịnh độ chắc chắn được vãng sinh.

Long Thơ chép: Vua thầy thuốc trị được tất cả bệnh nhưng không trị được người hết số. Phật có khả năng cứu độ tất cả chúng sinh nhưng không thể độ người chẳng tin. Vì không tin thì như mạng đã hết, số đã cùng cực rồi vậy. Bởi tin tức là nhất niệm vậy. Như lúc sống tâm niệm muốn đi thì thân đi, tâm niệm muốn đứng thì thân đứng. Ấy là vì thân phải theo niệm (ý nghĩ). Cũng có niệm muốn đi mà thân bị cột trói, kéo dắt. Đến khi người chết thì chỉ còn một niệm mà thôi. Ấy vì một niệm ở Tịnh độ thì chắc chắn sẽ thác sinh vào hoa sen, huống gì Phật, Bồ-tát có thệ nguyện lớn dắt dẫn?

35. Người niệm Phật sinh vào hoa sen trong ao bảy báu.

Long Thơ chép: Có người thắc mắc hỏi rằng ở cõi này niệm Phật thì làm sao trong ao bảy báu ở Tây phương lại mọc ra một hoa sen được?

Tôi bảo rằng: Điều ấy chẳng khó biết. Ví như có tấm gương sáng lớn, phàm có vật gì thì ảnh đều hiện rõ trong gương, gương không hề có tâm muốn, chỉ vì nó sáng mà tự nhiên có mà thôi. Cõi Phật Di-đà thanh tịnh sáng sạch, chiếu khắp các thế giới mười phương cũng như gương sáng thì nhìn thấy hình ảnh mặt mày trong đó. Cho nên ở cõi này mà niệm Phật thì tự nhiên trong ao bảy báu mọc một hoa sen mà đợi khi thác sinh lên, không nên nghi ngờ.

37. Khuyên cha mẹ niệm Phật là hiếu xuất thế gian.

Long Thơ chép: Thiền sư Trường Lô Tông Trách làm văn khuyên hiếu một trăm hai mươi bài. Một trăm bài trước nói về phụng dưỡng ngon ngọt là hiếu thế gian, hai mươi bài sau nói khuyên cha mẹ tu Tịnh độ là hiếu xuất thế gian. Bởi hiếu thế gian thì chỉ một đời rồi ngưng, còn hiếu xuất thế gian thì không lúc nào hết, giúp cho cha mẹ sinh về Tịnh độ thì không có hiếu nào lớn hơn. Cha mẹ con sống mà không khuyên cố gắng, ngày nọ thì thương tâm lắm cũng luống làm lễ chôn cất thật trọng hậu cũng hoài công vô ích mà thôi nào có lợi gì? Quán kinh trước sau nói hai lần rằng hiếu dưỡng cha mẹ là Tịnh nghiệp tức ý này vậy.

38. Hiếu thảo dưỡng nuôi cha mẹ chỉ là trợ giúp vãng sinh lúc qua đời.

Khuyến Hiếu Văn chép: Khi cha mẹ tin biết niệm Phật là lúc trồng hoa sen. Khi cha mẹ nhất tâm niệm Phật là khi hoa sen mọc lên khỏi nước. Khi công phu niệm Phật thành tựu là lúc hoa nở thấy Phật. Người con hiếu xét đến lúc vãng sinh mà dự bị trước một sổ ghi chép việc cha mẹ lúc bình thường làm các việc lành lâu lâu đem ra đọc lên khen ngợi khiến cha mẹ vui lòng. Lại xin cha mẹ ngồi nằm luôn hướng mặt về Tây không quên Tịnh độ. Bày một tượng Phật A-di-đà luôn đốt hương đánh khánh niệm Phật không ngớt. Khi cha mẹ bỏ báo thân này phải quyết lòng không than khóc vì e làm cho cha mẹ mất chánh niệm. Cha mẹ được sinh Tịnh độ hưởng các thú vui há chẳng tốt sao? Bình thường hiếu thảo dưỡng nuôi chính là lúc này. Xin nhắn lời đến các con cháu hiếu thuận không nên quên việc này.

39. Người tu Tịnh nghiệp không được mượn cớ bận công việc mà chậm trễ.

Tịch Thất chép: Người tu Tịnh nghiệp không được nói tôi quá bận rộn phải đợi lúc rảnh rang. Nay tôi còn nghèo thiếu hãy đợi lúc

khá giả, nay tôi còn trẻ tuổi hãy đợi lúc già. Nếu đã phân định lúc bận rộn, nghèo khó, chết yểu thì đối với Tịnh độ không có duyên tu tập rèn luyện. Bỗng cái chết đến thì có ăn năn cũng không kịp. Xin khuyên mọi người hiện đang mạnh khỏe hãy gắng sức tu hành.

40. Người đời chỉ lo nuôi thân này mà không lo báo đời sau.

Tịch thất chép: Người đời chỉ biết lúc sống lo nuôi dưỡng thân, cung phụng cho nó mà không lo lúc bỏ thân này, thần thức không chết - nếu không có nhân lành thì bị đọa lạc vào đường khổ thì làm sao? Lúc sống thương tiếc thân này thì khi thân này chết rồi tâm cũng thế, sao các ông không lo cứu độ nó. Lại người đời chuyên vì vợ, con, trai, gái, bà con, tôi tớ mà lo lắng cơm áo không biết mỏi mệt mà không nghĩ khi chết rồi thì con trai con gái dẫu thương tiếc thấu xương cũng không thể nào cứu nhau mà chỉ một mình mình ra đi. Nay khuyên người đời không vì lo sống mà quên việc chết. Không nên vì người khác mà quên việc của mình.

41. Tu tịnh hạnh này công ở thuần thục.

Long Thơ chép: Mạnh tử nói: Phàm lòng nhân cũng ở trong sự thuần thục mà thôi. Cho nên người quân tử ngay cả khi ăn cũng không trái nhân. Lúc gấp rút cũng thế mà lúc hoạn nạn cũng phải thế. Muốn thuần thục thì ở đâu cũng làm nhân. Người tu Tịnh độ cũng thế - Cho nên đi đứng, ăn uống, thấy nghe, động tịnh đều ở Tịnh độ thì thân ở trong cảnh năm trược này mà tâm đã về cõi ấy.

- Thơ và lời tựa về Long Môn Liên xã.

Ở Long Môn thuộc Phú Dương có Cư sĩ Tôn Công Như Khuê, có hai người con tên là Ứng Thần và Ứng Tường đều theo nghiệp Nho, đều quyết được sự nghiệp hiển hách để làm rạng rỡ cha mẹ, lại noi chí cha mà tu cả Tịnh nghiệp, thật được đạo hạnh mà không trái lý. Lại thẹn chỉ riêng mình làm lành, bèn cùng các bạn đồng bối hơn ba mươi vị cùng nhau làm lời khuyến phát. Trong đó có câu “Ba cõi không yên như nhà lửa, chín sen siêu vãng tự có pháp môn”. Lại nói: “Chẳng đợi già đến mới học đạo, ngay khi bận rộn vẫn có nhàn.”

Tôi mới thấy qua rất vui mừng bèn xin nêu bài thơ có phong cách xưa để khen tốt. Vào thời gian thay đổi niên hiệu Khai Hỷ Ngày Trùng Ngọ - Đông Dương Ngô Khắc Kỷ kính ghi.

Tột thay Tây Thánh Thích-ca Văn

Miệng vàng nói Pháp truyền muôn đời
Mở bày nhất hóa không che dấu
Lại bàn Lạc độ vớt kẻ chìm.
Mã Minh, Long Thọ đều khen kể
Trước truyền Chấn Đán được Di Dân
Từ đó Nho quan thường kính mến
Đâu chỉ xuất gia được nhờ ân.
Cư sĩ Hà Đông có đủ chánh kiến
Phát huy đạo này rất rỡ ràng.
Cảnh vu từng thấy cùng soi chiếu
Có văn sáng rỡ gọi lược nhân
Dẫu theo tông khác cũng kéo lại
Dương Công, Trần Công là bạn
Luôn chỉ bày các việc chớ làm
Mênh mông có ai nối bụi thơm
Long môn bỗng gặp người họ Tôn
Chịu hẹn chung nhóm làm bạn nhân
Sớ ngắn đọc qua khởi tưởng xa
Như thấy được người ở Lô sơn
Bèn biết Nho giỏi rất dễ hiểu
Dẹp trừ bèn chuyển vào Đạo gia
Lại đem nhất thừa giúp chí trẻ
Vượt qua chín muôn ai thuần phục.

Trong Phó Pháp Tạng truyện Mã Minh, Long Thọ là tổ thứ mười hai và mười bốn đều có soạn luận khen ngợi Tịnh độ. Trong mười tám vị Hiền Lô Sơn thì Lưu Di Dân là Thượng thủ. Cư sĩ Hà Đông tức là Liễu Tử Hậu có làm lời bia Vô Tánh Hòa thượng, Long Hưng Tịnh độ Viện Ký, Đông Hải Nhược Văn. Cảnh Vu Nãi Triều Đãi Chế từng thấy Pháp sư Diên Khánh Lập, Luật sư Linh Chi Chiếu soạn Tịnh độ Lược Nhân. Dương Vô Vi và Trần Liễu Ông về già đều lưu tâm Tịnh độ. Dương có soạn tựa Luận Thập Nghi, Tựa Trực Chỉ Tịnh độ quyết Nghi Tập, còn Trần thì soạn Diên Khánh Tịnh độ Viện Ký, đều thấy ghi ở trong Lạc bang văn loại.

■